LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 179

TRUYỆN VỀ SOẠN TẬP TAM TẠNG VÀ TẠP TẠNG

SỐ 2026

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2026

TRUYỆN VỀ SOẠN TẬP TAM TẠNG VÀ TẠP TẠNG

Theo bản chép ở đời Đông Tấn.

Sau khi Đức phật nhập Niết-bàn hai ngài Ca-diếp và A-nan ở phía Bắc thành Tăng-già-thi thuộc nước Ma-kiệt-đà cùng soạn tập Tam tạng và Tạp tạng.

Trước lễ Phật ngày
Lễ Pháp chúng Tăng
Cùng nhận tập Pháp
Các Pháp điển này
Trừ hết năm cái
Một lòng nghe nhận
Các pháp đã nói
Như lời A-nan
Đều nên tin nhận
Trí ngài A-nan
Cũng như trí Phật
Nghe nhớ pháp này
Như Phật Niết-bàn
Nghĩ thương chúng sinh
Giao Phó A-nan
Giữ gìn các pháp
Như thấy Thế Tôn
Đạo Sĩ vô thượng
Hãy xem A-nan

Phước điền cao quý
Không nhờ A-nan
Phật diệt độ rồi
Chánh pháp cũng diệt
Và đến ba tạng
Phật nói các Pháp
Thương hàng trời người
Pháp còn đầy đủ
A-nan giữ gìn
Ân cần giao phó
Pháp cho A-nan
Chính vì A-nan
Không hề quên sót
Danh Pháp kết tập
Phân biệt rõ ràng
Như sư tử hống
Pháp A-nan thuật
Nhất nhất như trước
Tỳ-kheo đều thích
Một mình A-nan
Được Phật ngợi khen
Trí sáng hơn đời
Kể cả Tục trí
Đều biết tất cả
Trí huệ như biển
Các ông do đây
Tin ngày A-nan
Nghe pháp thuật lại
Sẽ đoạn các khổ
Thế Tôn Niết-bàn
Đất đai chấn động
Núi biển trào dâng
Trời người than khóc
Phật ra đời muộn
Lại diệt độ sớm
Trời người côi cút
Đạo pháp hoang tàn
Thần thông thấy suốt

La-hán thần túc
Đều đến Câu-di
Cúng dường Thế Tôn
Tám vạn bốn ngàn
Đều chứng vô lậu
Người trời tôn kính
Phước điền vô thượng
Cõi Diêm-phù lợi
La-hán đều đến
Thế Tôn Niết-bàn
Trong chúng tập hợp
Riêng có Bất hoàn
Hoặc quả Tần lai
Và vị Hữu học
Chúng này gấp bội
Tỳ-kheo phàm phu
Số động trăm ngàn
Khoa tay than khóc
Thế Tôn đi đâu ...
Bọn con mù điếc
Ba độc chưa hết
Bị đọa năm đường
Ai cứu chúng con?
Ngàn Tỳ-kheo-ni
Ba mươi lăm vị
chứng phép thần thông
Hữu lậu vô lậu
Đế Thích, Phạm thiên
Và vô số trời
Cầm hoa văn đà
Nhanh chóng đến hầu
Tứ đại Thiên vương
Cùng các tùy tùng
Chiên-đàn, chuỗi ngọc
Đều đem đến đủ
Các trời cõi Dục
Cõi Sắc, Vô sắc
Chín mươi tám ức

Đều đến Câu-di
Vua Vô Úy Thích
Tám vạn voi qúy
Tám vạn ngựa hay
Cùng đến Câu-di
Vua Xá-vệ Nguyệt
Mẽ thông minh
Đem bảy vạn voi quý
Đều đến Câu-di
Vua A-xà-thế
Dõng mãnh tin Phật
Bảy vạn rưỡi voi
Khóc than đi đến
Vua Bàn-xà-lê
Minh quân đoan chánh
Voi ngựa sáu vạn
Cùng đến Câu-di
Nhà vua Ai Mẫn
Ánh sáng rực rỡ
Dẫn theo năm vạn
Cùng đến tập hợp
Các nước Tây Hương
Vua đem binh khí
Bốn loại quân chủng
Số đông trăm ngàn
Nhanh chóng kéo đến
Muốn thấy thân Phật
Long vương khóc ròng
Theo sau các vua
Chúng Duy-da-ly
Cởi voi ngựa xe
Giống như chư thiên
Cùng đến Câu-di
Phan chúng vô số
Cùng các Thanh tín
Thấy Phật đến nay
Chứng đắc Niết-bàn
Chúng sinh thế giới

Ba mươi sáu ức
Đều đến Câu-di
Tang phục lễ vật
Hằng trăm do-tuần
Trong xứ Câu-di
Đông nghịt trời người
Không còn chỗ trống
Chư Thiên tung hoa
Cúng dường thân Phật
Trống nhạc hay trời
Hương hoa như mưa
Vua quan và quyến thuộc
Đến trước thân Phật
Lễ dưới chân ngài
Nhiễu quanh rồi đứng
Vua chúa kêu khóc
Khoa tay buồn bã
Đâu còn thấy Phật
Nói pháp cho nghe
Vua A-xà-thế
Gào bên chân Phật:
“Con tạo ngũ nghịch
Ai cứu giúp con?”
Vua chúa nhiễu quanh
Rãi đầy vật báu
Trổi các thứ nhạc
Thoa hương giường Phật
Đặt thân ngày quan
Tưới đầy dầu mè
Đất trời rung động
Vua chúa gào khóc
Chư Thiên rơi lệ
Lệ rơi ướt đất
Vua trời than khóc
Ai cũng thương tiếc
Củi chiên-đàn trời
Hương thơm Như ý
Chất đầy mặt đất

Các vua bốn chúng
Đại Ca-diếp thảy
Thượng tọa trong Tăng
Bậc Chúng sinh cúng
Đại phước điền nầy
Ca-diếp đứng đầu
Bậc Hiền kheo ni
Vua trời vua người
Cùng đốt nhục thân
Khi thân Phật cháy
Trời người gào khóc
Kêu than thảm thiết
Chúng con làm sao
Cúng dường bảy ngày
Chư Thiên đều đảm nhiệm
Xá-lợi chia tám
Bình lường là chín
Ai về chỗ nấy
Vua và phàm dân
Chư Thiên về trời
Bát bộ cũng về
Ngoài Tám phần ra
Phần Trời, Rồng, Thần
Phần trời Câu-di
Được phần xây tháp
Tám phần tám tháp
Tháp chín bình lường
Tháp mười để tro
Xây ở Diêm-phù
Tăng trưởng Ca-diếp
Từ Câu-di đi
Đến nước Ma-kiệt
Tập họp chúng Tăng
Ca-diếp bảo Tăng
Tỳ-kheo chớ đi
Cùng nhau kết tập
Chớ để pháp diệt
Ở giữa khoảng không

Ca-diếp gõ chùy
Muốn giáo pháp trụ lâu
Để thắng các ma
Ca-diếp bảo chúng
Và hàng trời người
Nay kết tập pháp
Khiến chúng sinh an
Phật tuy Niết-bàn
Tứ Đế mà còn
Tám Thánh đạo còn mãi
Chứng Niết-bàn được
Phật trước trường thọ
Nhân dân phước lớn
Di pháp gần đây
Không lâu sẽ mất
Người nay yểu mạng
Phật bảy ra đời
Sau khi Niết-bàn
Pháp nào trụ lâu
Bất hoàn tần lai
Kiến đạo chưa thành
Nay họp chân Tăng
Họ không ngày được
Bậc Thiên nhãn, thần túc
Lục thông và vô ngã
Tất cả La-hán
Ta nay tập họp
Chúng nghe lời ấy
Liền cùng nhau họp
Chúng tám mươi ngàn
Đều là Vô lậu
Ca-diếp hỏi rằng
Độ A-na-luật
Xem khắp La-hán
Ai không đến họp?
Na-luật liền nhìn
Đại thiên thế giới
Thấy trời Đao-lợi

Hãy còn Kiều Hoàn Bát
Na-luật bèn thưa
Kiều Hoàn Đao-lợi
La-hán vô lậu
Nay chưa đến họp
Ca-diếp sai mời
Nhưng vẫn không đến:
“Thế Tôn Niết-bàn
Đời trống, tìm chi?”
Ca-diếp nghĩ rằng:
Có Tỳ-kheo nào
Soạn tập kinh pháp
Phật đã dạy chăng
Khắp tìm không thấy
Người nào có thể
Kết tập nghĩa pháp
Mười hai bộ loại
Mà phật đã nói
Chỉ có A-nan
Lại quả Tu-đà-hoàn
Cần phải tìm cách
Khiến chứng vô lậu
Ca-diếp phương tiện
Quán tâm A-nan
Thấy có lòng từ
Chứng đạo không lâu
Bèn bảo A-nan
Không được ngày chúng
Thầy không nên ngày
Nay phải bước ra ngay!
A-nan liền thưa
Vì sao, Thượng tọa?
Đối với Tam bảo
Tôi có lỗi gì ?
Ca-diếp đáp rằng:
Đệ muốn biết chăng?
Trong môn đồ Phật
Thầy có lỗi lớn

Thầy đã khiến Phật pháp
Giảm xuống ngàn năm
Do thầy khuyên Phật
Độ cho người nữ
Những giới vi tế
Phật muốn phân biệt
Sao thầy không hỏi
Giới vi tế gì?
Khi ấy nghĩ gì
Mà xem thường giới
Phật diệt độ rồi
Còn biết hỏi ai?
Đạp đại y Phật
Phật khát cần nước
Thầy không cho uống
Không phải tội sao?
Tội thầy quá nhiều
Những việc thầy làm
Lại không phát lồ
Vậy phải đi ra.
A-nan than dài
Ân hận rơi lệ
Phật vừa tịch diệt
Biết nhờ cậy ai!
Ra khỏi nơi ấy
Ngồi dưới gốc cây
Bỗng kiết, lậu dứt
Do Phật pháp hưng!
Vô số ức Thiên
Bao quanh A-nan
Cùng đến đại hội
Sư tử Vô úy
Ca-diếp xa thấy
Liền bảo chúng Tăng
Phải mau đứng dậy
A-nan đã đến
Chúng tám vạn
Đều là Vô cấu

Ca-diếp Thượng thủ
Chắp tay đứng rước
Ca-diếp đưa tay
Đến đây này A-nan!
Bước lên tòa cao
Phân hạng chúng Tăng
A-nan bậc lớn
Làm mắt mọi người
Hầu Phật đến cuối
Thành công phước điền
Thầy xét Tăng đây
Cùng xét Thiên chúng
Bệnh nặng thế gian
Ba có ba nạn khổ
Thế gian không Phật
Vì ngài vừa Niết-bàn
Mau phát Từ tâm
Vì chúng nói Pháp
A-nan im lặng
Ca-diếp lại thỉnh
Thượng tọa hoan hỷ
Rống tiếng Sư tử
Ca-diếp nghĩ thầm
Phải kính trọng mới nói
Hôm nay A-nan
Tế độ trời người
Ca-diếp lên tiếng
Mạng toàn chúng sinh
Mong người cứu độ
Đều đến nơi đây
Như điều Phật đã nói
Đủ các loại pháp
Để diệt khổ chúng sinh
A-nan nên nói
Hết pháp được biết
Như hoa tung rãi
A-nan nên chọn
Pháp Như Lai nói

Phân thành ba tạng
Theo chúng yêu cầu
A-nan trên tòa
Diễn nói đầy đủ
Mười phương chúng nghe
Trời rồng quỷ thần
Bốn chúng đệ tử
Nghe lệnh liền đến
Như người nông khát
Chỉ nghĩ nước uống
Chạy thẳng đến sông
Để lấy nước uống
Thiên long quỷ thần
Bốn chúng đệ tử
Đều đến A-nan
Cốt để nghe pháp
Vô số chúng khác
Siêng học Kiến đạo
Tần lai bất hoàn
Nghe nói đến sau
Quả A-na-hàm
Hai vạn một ngàn
Chúng Tư-đà-hàm
Bốn vạn hai ngàn
Quả Tu-đà-hoàn tăng
Tám vạn bốn ngàn
Họ đều đến sau
Cũng muốn nghe pháp
Các vua tập họp
Quan binh, dân chúng
Dáng hình A-nan
Chúng thấy đều vui
Đại chúng ngồi xuống
Mười hai do-tuần
A-nan ngồi giữa
Như vầng trăng
Đế Thích bên phải
Phạm thiên bên trái

Đứng hầu A-nan
Như Phật tại thế
Đế Thích tán dương
Chư Thiên vui thích
Vì thấy đại hội
A-nan không sợ
Như phật thuyết pháp
Đại chúng vây quanh
Nhìn dáng A-nan
Dung nghi rực rỡ.
Phạm thiên như xưa.
Lễ thỉnh Như Lai.
Thế Tôn nói pháp.
A-nan cũng thế.
Ma nghe tiếng đồn.
Cũng cùng nhau đến.
Dẫn cả vợ con.
Và chúng quan bình
Ba-tuần nhìn thấy.
Chúng nhiều ngần ấy.
A-nan ngồi giữa .
Như mặt trời sáng.
Nhục kế nhô lên.
Giống như đỉnh núi.
Sau ót phóng quang.
Chiếu khắp chúng hội.
Nhục kế nan đà.
Hào quang Ca-diếp.
Na luật thấy khắp.
Suốt cả đại thiên.
Các vua dự hội.
Cùng các quần thần.
Số ngàn ức người.
Đều ở trong đó.
Thấy hội vui vẻ.
A-nan phấn khởi.
Ba-tuần sầu độc bi .
Trong Lòng run sợ.

Ba-tuần thầm nghĩ.
Một Phật diệt độ.
Lại có ba người
Thế lực phật lớn.
Cù-đàm Niết-bàn.
Tưởng là thoát nạn.
Nhưng ba người nầy
Sở chứng rất lớn
Thấy Phật diệt độ.
Lòng rất vui mừng.
Pháp Cù-đàm suy
Hết kẻ đối địch.
Nên tìm đủ cách.
Diệt pháp tàn này.
Bốn chúng đệ tử.
Và vua các nước.
Ma liền ra lệnh.
Sai đem sư tử.
Họp bốn binh chủng.
Diệt hết pháp này.
Liền dẫn hóa binh.
Tướng bốn binh chủng.
Vây chặt đại hôi.
Gầm rống dễ sợ.
Bắt các đạo nhân.
Thiện tín nam nữ.
Giết chết các vua.
Phá tan đạo tràng.
Chúng hội hoảng sợ
Bốn chúng đều nghĩ.
Việc này do đâu.
Chưa hết hoài nghi.
Các vua nghe tiếng
Thảy Đều kinh hoàng.
Thấy các binh ma.
Tay đều cầm khí giới.
A-nan suy nghĩ.
Ai đến quấy phá.

Khi thấy binh ma
Mới biết ma làm
A-nan mỉm cười
Bảo vua về gấp
Bọn quấy rối này.
Ta sẽ dẹp tan.
(A)Nạn dùng huệ lực.
(Ca) diếp dùng tấn lực.
Đứa tay bắt ma.
Cột cổ ba thây.
Thây một là người
Thây hai là chó
Thây ba là rắn
Sinh rã khó gần.
Ma gục đầu xin
Ca-diếp hứa tha
La-hán cần phải.
Làm khốn người nào?.
Trước Ca-diếp ta.
Đã Quấy nhiễu Phật.
Thế Tôn chưa từng.
Bị khốn thế này.
Phật luôn thương xót.
Mặc giáp đại Từ.
Quyết không ai hại được.
Đối với quần sinh.
Chúng ta tập pháp.
Muốn pháp trường tồn.
Sao ngươi đến đây.
Quấy chúng của ta?
Ma liền khoanh tay.
Thưa cùng A-nan rằng.
Xin thả hết bọn tôi.
không pha người nữa.
A-nan bắt thề.
Ca-diếp cũng thế.
Nếu sau quấy chúng.
Thây phải mang gông.

Ba thân biến đi.
Ba-tuần được tha
Ma lại lo sợ.
Đứng né một lên.
Chư Thiên khen hay.
Phật pháp đã thắng.
Di pháp trường tồn.
Luôn sẽ thắng ma.
Ca-diếp bảo chúng.
Đều nên tĩnh
Nay A-nan nói.
Như Phật nói.
Các vua đứng dậy.
Khoanh tay chờ đợi
Chư Thiên rất vui.
Hiền giả hân hoan.
Ca-diếp bảo A-nan.
Đến lúc nói kinh.
Mở kho báu này.
Nói rõ thượng pháp.
Sao gọi Tăng nhất?
Sao gọi Tăng Thập?
Sao gọi bản khởi?
Sao gọi các "cõi".
A-nan cười lớn
Như sư tử hống
Nhìn khắp đại chúng.
Nói "Nghe như vầy".
Lại nói "Một thuở"
Đất liền rúng động.
Một ức trời người.
Đều chứng pháp nhãn.
Xá vệ "Tăng Nhất" .
Gọi là "Tăng Thập".
Dòng Thích "Bản khởi" .
Ma-kiệt "Các giới".
Kinh khác cũng thế.
Khắp nơi diễn nói.

A-nan lấy kinh.
Vì đại chúng nói.
Kết tập hết kinh.
Lập nên tạng nhất.
Luật là tạng hai.
Đại pháp tạng thứ ba.
Kinh chép A-hàm.
Giới luật và đại pháp.
Ba phần bằng nhau.
Lập thành ba tạng.
Đã nói đại bổn.
Chép pháp khác.
Họp các tập xen tạp.
Lập thành một tạng.
Riêng kinh có bốn
Gọi là A-hàm.
Tăng nhất Trung hàm.
Trường tạp là bốn
Tỳ-ni tùy pháp.
Có phạm mới lập
Trung là trẻ lâu.
Khổ hạnh sau cùng.
Các phần đại pháp.
Việc làm thành tên.
Phân biệt thứ nhất.
Sau đó đều khác.
Tăng nhất Trung hàm.
Trường, Tạp là bốn
Ca-diếp hỏi A-nan.
Nghĩa này thế nào?
Nan nhất nhất đáp
Tỳ-kheo niệm Phật.
Do điều phục ý.
Nên gọi Tăng nhất.
Hai pháp sau đó.
Suy tư thiện tâm.
Hai pháp bèn ra
Ngưng ý phân biệt.

Ba xứ ba tri.
Túc mạng lậu tận.
Bốn xứ bốn Đế.
Năm xứ năm Căn.
Sáu xứ sáu Đại.
Bảy xứ bảy Giác.
Tám xứ tám Cứ.
Chín xứ chín Chỉ.
Mười xứ mười Lực.
Mười một xứ kinh.
Gọi là bé chăn trâu.
Kinh Từ sau cùng.
Kinh Tăng Nhất cuối
Từ trong nghĩa này.
Mỗi mỗi cần hiểu
Kinh này ngần ấy
Nên gọi Tăng Nhất.
Cũng như họa sĩ.
Chia bộ, sắc, tượng.
Là một Tăng một
Soạn tập các thứ.
Như thuốc không định
Tùy bệnh hòa hợp.
Tên thuốc gì đó
Nên gọi tên Nhất.
Do vô từng sợi một
Dọc ngang thành vải.
Do nói từng pháp
Hợp thành Tăng Nhất.
Như hợp các vật.
Gọi không tập ấm.
Đủ các loại kinh.
Nên gọi Nhất.
Như dùng cỏ cây.
Bùn đất làm vách.
Bao che khoảng trống.
Giờ mới thành nhà.
Thí giới như thế.

Sinh thiên Niết-bàn.
Do nghĩa bao làm
Nên gọi Tăng Nhất.
Như một loại bùn
Thành vô số vật.
Là một Tăng một
Các nghĩa hợp lại.
Do đó nên biết.
Các nghĩa đã nói
Kinh này nói hết.
Nên giữ Tăng Nhất.
Không phải quá dài.
Cũng không quá ngắn.
Nghĩa kết cân đối.
Gọi Trung A-hàm.
Chữ viết không lớn
Cũng không nhỏ quá.
Lời, nghĩa ngang nhau.
Nên gọi là "Trung" .
Dẹp bỏ trên dưới.
Nói pháp Bậc trung.
Bỏ cả người và ta.
Nên gọi Trung Hàm.
Ác nhỏ ác lớn.
Nghi si diệt hết.
Dùng quán chánh Đế.
Nên gọi là Trung.
So Trung, nói Trường.
Nói việc đời trước.
Kiếp đời lưu chuyển.
Nên gọi là trường.
Kể pháp "ngừng nghỉ".
Được khoái lạc trời.
Người nghe hoan hỷ.
Nên gọi là Trường.
Bảy Phật quá khứ.
Gồm cả Đại thừa.
Niết-bàn của Phật.

Nên gọi là Trường.
Các báu tính ra.
Nhiều vua Chuyển luân.
Các vua ưa nghe
Nên gọi là Trường.
Ý cứ Pháp này
Học hư về Hỷ và quên.
Muốn đoạn các kiết.
Nên gọi là Tạp.
Pháp này bao gồm.
Nghĩa vị đều đủ.
Nghe rồi dứt ghi.
Nên gọi đẳng hàm.
Là Địa tu hành.
Hướng về thiền trí.
Thấy hết các pháp
Nên gọi đẳng Hàm.
Hết trong kinh này.
Tóm tắt hai mối.
Kẻ nghe nhiều nghi.
Nên gọi Đẳng Hàm.
Kinh tạp ngoài bộ
Kệ khen của Thiên.
Đều ghi trong này.
Nên gọi Đẳng Hàm.
Người gần gủi pháp.
Được ý hảo tịnh
Đoạn mọi tranh cãi.
Nên gọi giới luật.
Trong phân biệt giới.
Được tịnh, tinh tấn.
Người nghe điều phục.
Nên gọi giới luật.
Chính hạnh Tỳ-kheo.
Do giới được ích
Nghiền nát các kiết
Nên gọi giới luật.
Nhẫn các kiết cấu.

Tỳ-kheo. Phải học
Trừ các hạnh ác.
Nên gọi giới luật.
Quán xét các pháp.
Từ pháp được ích
Ngày địa Cam lồ.
Nên gọi Tỳ-ni.
Ca-chiên- tạo ngày.
Đem dâng lên Phật
Phật bảo thượng pháp.
Nên gọi thượng pháp.
Trong việc phá si
Ích lợi thế gian.
Chúng hiểu kinh này.
Nên gọi đại pháp.
Gồm thâu ngoại đạo.
Đoạn dứt cống cao.
Cờ hiệu các pháp
Nên gọi đại pháp.
Thí như đèn sáng.
Chiếu soi các vật.
Để thấy hình dáng.
Nên gọi đại pháp.
Nghĩa các kinh này.
Như mầm Cam lồ.
Là vị các pháp.
Nghĩa đại pháp này.
Các kinh giới luật.
Siêng suy tư giữ
Chớ nên buông bỏ
Giữ gìn Tam tạng.
Phân biệt chữ nghĩa.
Tỳ-kheo chư Thiên.
Ngàn vạn khen lành.
Ca-diếp lại hỏi.
Bốn tạng là gì.
Vì ích chúng sinh.
Xin A-nan nói.

A-nan đáp rằng.
Đây nói có khác.
Tùy ý hạnh chúng.
Đó gọi tạp tạng.
Phật nói túc duyên.
La-hán cũng nói
Phạm thiên, ngoại đạo.
Nên gọi Tạp Tạng.
Trong nhiều kệ tụng.
Hỏi mười hai duyên.
Mỗi thứ nhập khác.
Gọi là Tạp tạng.
Ba a-tăng-kỳ.
Bồ-tát sanh trong.
Sinh ra một làm duyên.
Nên gọi ba tạng.
Trong nhiều Túc duyên.
Có nhiều chỗ sinh.
Cùng A-hàm khác.
Nên gọi Tạp tạng.
Pháp của Tạp tạng.
Khen Bồ-tát sinh.
Các nghĩa trong đây.
nhiều ở Tam tạng.
Đều hợp các pháp.
Kết tập một chỗ.
Những gì Tỳ-kheo.
Đều giữ được hết.
Ngày đời tương lai
Tỳ-kheo nhiều ngu.
Họ không khả năng.
Trì hết ba tạng.
Sau sẽ làm thầy.
Từ kinh đặt tụng.
Do đây thêm ích.
Nên không kết hợp.
Pháp nào cũng thích
Kẻ thích A-hàm.

Hoặc thích Tỳ-ni.
Hoặc thích Đại pháp.
Hoặc thích về ngoại tụng.
Hoặc thích Tạp tạng.
Nên không một tên.
Nói hết về các pháp.
Thành bốn A-hàm.
Sao chép pháp số.
Và luật, Đại pháp.
Hợp thành ba tạng.
Nghe pháp ấy ngày
Trời, Thần và Người.
Ba ngàn Tỳ-kheo.
Đều chứng lậu tận.
Tám ngàn bất hoàn.
Mười ngàn tần lai.
Vô số trời, người.
được "Kiến đạo tích".
Pháp này trụ lâu.
Do chúng trời, người.
Các vua luôn thắng.
Sống đủ trăm tuổi.
Tất cả trời, người.
Các vua Tỳ-kheo.
Cùng khen tốt lành.
Như A-nan nói.
Kết tập pháp ngày
Trời, người đều về.
Bốn chúng đệ tử.
Trở về chổ củ.

Sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn ngài Ca-diếp và A-nan phía Bắc thành Tăng-già-thi nước Ma-kiệt kết tập ba tạng chánh kinh và tạp tạng kinh, thường gọi là bốn tạng kinh, vì hợp với Tạp Tạng mà nói thế. Tất cả gồm có hai trăm Thủ Lư bài tụng Trên hết là Tăng Nhất A-hàm. Từ kinh một đến mười là kinh mười một xứ. Kinh này chọn trong kinh mười một sự, thì lấy việc bé thả trâu (phóng ngưu nhi) làm đầu và lấy hạnh từ trong kinh mười một sự làm cuối. Nhân việc trích dẫn các chuyện mà đặt ra kinh ấy. Do các việc có liên hệ nhau nên lập thành một quyển.

Về kinh Phóng Ngưu, Phật nói có mười một việc thả trâu. Vì lấy đó để so sánh với việc Tỳ-kheo phải có đủ mười một đạo hạnh, trồng nên một cây đạo gồm đủ gốc rễ, cành lá sum suê để che mát khắp chốn. Nhân việc em bé thả trâu ngồi nghĩ ngợi Đức Phật biết được ý nghĩ đó, nên nói ra mười một việc phải làm. Người thả trâu hiểu rõ liền chứng quả La-hán.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 179

CA DIẾP KIẾT TẬP

SỐ 2027

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2027

CA-DIẾP KIẾT TẬP

Hán dịch: Tam tạng An Thế Cao,
nước An Tức. đời Hậu Hán.

Tôi nghe như thế này một thuở nọ: Sau khi Đức Thế Tôn diệt độ không bao lâu, thì các vị A-la-hán hội họp cùng nhau bàn luận về việc chứa kiết tập các nghĩa của tạng kinh và pháp luật. Ai nấy đều nghĩ rằng chúng ta việc làm đã ngày, đã vượt khỏi núi trần lao và đã làm khô cạn. Sông ái đức Phật là mặt trời Nhất Thiết Trí là Thiên nhãn của các trời chợt tắt. Bọn ta chán sợ biết bao việc còn mang lấy thân này. nay muốn nhập Niết-bàn liền nói kệ:

Đã thoát vực kẻ ngu
Vượt nạn biển ân ái
Phá tan sự già nua
Cùng vòng tròn sinh tử
Thấy các thứ đắm mê
Thân như rương rắn độc
Bọn ta nên diệt độ
Ý tịnh như đèn tắt.

Bấy giờ có vô số ngàn La-hán, mỗi người theo ý thích riêng đều ngày ở chốn núi cao, sông, sâu nguồn suối hoặc vực thẳm... Ở đó các vị ấy diệt độ, dứt hết ân ái, như đèn chợt tắt. Khi vô số ngàn vị A-la-hán đều nhập Niết-bàn, thì chư Thiên ở giữa hư không liền bạch với ngài Đại Ca-diếp rằng: Nay các bậc Đại chân nhân đã diệt độ an ổn. Bấy giờ hàng trời, người liền nói tụng rằng:

Nói âm giáo thế tôn
Tâm vô ngại đã lâu

Nay thì đã diệt độ
Giác ngộ tiêu an
Thượng thủ hàn la hán
Vì cho định lìa huệ
Chợt ngu si mờ tối
Ánh sáng Pháp đức tiêu.

Tôn giả Ca-diếp nghe lời tụng ấy rồi, liền tự nghĩ đúng thay lời nói của hàng trời, người. Cõi thế gian này không bao lâu nữa sẽ bị mờ tối. Việc này phải làm thế nào? Liền tự nghĩ: Cần phải giải quyết dứt khoát. Nay phải gồm thâu các nghĩa, kết tập các kinh điển, giới luật, cùng các pháp giáo hóa thiết yếu vì thương xót để làm an ổn cõi thế gian. Vì sao? Vì Đức Thế Tôn từ vô số kiếp đã tu các hạnh, tích lũy vô số công đức cần khổ khó lường. Muốn thế gian an ổn cần phải kết tập pháp luật, giới luật để thâu nhiếp cứu hộ, hki ấy mới phung hành gìn giữ các pháp của Phật đã dạy khi ngài chưa diệt độ., ta cần phải cùng họp lại để kết tập giữ gìn pháp Phật dạy. Lúc ấy các Hiền giả như Đại Ca-diếp... hội họp toàn thể các Tỳ-kheo Tăng và bảo rằng: Thầy A-na-luật, Năng Nhân bị vô thường cũng như ngọc Kim cang bị hư hoại. Ánh mặt trời Phật cao quý đã tắt vì bóng tối phi thường đã che lấp ánh sáng Năng Nhân. Mặt trời phi thường đã làm khô cạn biển Phật Lửa phi thường đã đốt cháy Nhất thiết trí. Nay chính là lúc phải che chở thế gian bằng cách nhớ nghĩ công đức của đấng Từ phụ, lập lại sự nghiệp và nêu cao giáo pháp của Ngài. Việc làm đó chắc chắn phải hoàn thành. Bèn nói tụng rằng:

Chưa kết nghĩa Vô thượng
Không thể diệt độ trước
Muốn an ổn con Phật
Phải kết tập các kinh.

Lúc đó các chúng Tỳ-kheo Tăng vừa nói kệ ngày, thì Tôn giả Ca-diếp cùng năm trăm vị La-hán đều cùng muốn hội nhau để kết tập nghĩa của chánh pháp và luật nghi. Bèn cùng đến La-duyệt-kỳ tụ hội để tính tuổi hạ. Bấy giờ Hiền giả A-nan cũng đầy đủ tuổi hạ. Các bậc Trưởng lão nghĩ như vầy: "Thầy a nan đó là em của Đức Thế Tôn, lại thường thân cận hầu hạ và nghe ngài nói pháp có trí huệ lớn hiểu rõ tất cả pháp". Bấy giờ Thánh chúng đều khen rằng:

Bấy giờ chúng hòa thuận
Thân giữ trọn pháp Phật
Bậc Thập lực đã khen

Lời nói đầy tịnh, huệ.

Khi đó là ngày rằm tháng bảy tuổi hạ đã tính ngày, liền các tạng-kinh điển và pháp luật năm trăm vị La-hán cùng tụ họp đầy đủ. Ngài kỳ lão Đại Ca-diếp bảo Hiền giả A-na-luật: Thầy hãy quán xem khắp thế gian ai đã rời bỏ Thập Lực và chúng Tăng đệ tử của Như Lai, vị La-hán nào đã chứng quả đang ở đâu mà không đến hội họp. Ngài A-na-luật liền dùng Thiên nhãn xem xét khắp thế gian rồi thưa rằng: Thưa Nhân giả Đại Ca-diếp! Có một bậc kỳ lão tên là Kiều Hoàn Bát đang cấm túc tại cung Thi-lợi, ngài không đến tụ họp. Xin ngài Đại Ca-diếp sai một vị Tăng mời ngài ấy đến đây hội họp.

Lúc đó ở trong chúng có một tỳ kheo trẻ tuổi mới thọ đại giới được ba năm, tên là Bất-na, đã dứt được ba cấu và chứng được ba Trí hiểu rõ ba Tạng và vừa chứng được ba Minh, không đắm mê ba cõi, luôn được tự tại. Lúc bấy giờ Tôn gả Đại Ca-diếp bảo giữa chúng Tăng rằng:

- Này thầy Tỳ-kheo trẻ! Thầy có thể vì chúng Tăng mà làm sứ giả chăng?

Bấy giờ, Hiền giả Bất-na đứng dậy chắp tay thưa rằng:

- Con xin làm đúng theo lời Tôn giả dạy.

Ngài Đại Ca-diếp bảo:

- Tốt lắm, tốt lắm! Này các Tỳ-kheo! Trong chúng hiền Thánh có vị Tỳ-kheo trẻ tuổi này rất tốt.

Nói ngày, bèn đọc bài tụng:

Thi-lợi bao nhiêu thứ
Các hoa sáng rực rỡ
Nhanh chóng đến nơi ấy
Như ong hút phấn hoa
Kiều Hoàn Bát thần thông
Chỗ dừng nghĩ tốt đẹp
Đúng lý theo lời chúng
Tuyên nói ý như vầy
Các ngài Đại Ca-diếp
Chúng Tăng dạy con nói
Đối việc hưng tăng này
Mong đến nhanh đúng hẹn.

Khi Hiền giả Bất-na nhận lệnh của chúng La-hán rồi liền như Kim sí điểu vượt khỏi Long cung trong nháy mắt đã đến chỗ ngài Kiều Hoàn Bát, cúi đầu lạy dưới chân thăm hỏi sức khỏe, rồi nói tụng rằng:

Lành thay! Tánh tịch nhiên

Điều thuận vui diệt định
Ca-diếp thành khẩn mời
Và các bậc Tự tại
Hội họp có việc Tăng
Để hưng thịnh Phật pháp
Các vị muốn họp đủ
Kính mời ngài có mặt.

Khi ấy Hiền giả Kiều Hoàn Bát nghe Bất-na nói ngày, sau một lúc suy nghĩ ngài bảo Bất-na rằng:

- Này nhân giả Bất-na! có việc Tỳ-kheo Tăng không tranh cãi, giáo pháp của Đức Phật đã giảng dạy không bị bọn tà thuyết dị đạo phá hoại chứ. Còn bọn ngoại đạo thì sợ sệt như đám súc sinh hươu nai nhút nhác, cũng không có kẻ muốn làm pháp Phật hư hoại? Nếu có thì khác nào như đem lửa đóm đóm mà muốn lấn át che lấp ánh sáng rực rỡ của mặt trời, cũng không có kẻ ý chí không tịch tịnh giống hình Sa-môn, không có hạnh Phạm chí mà tự bảo là Thanh tịnh. Lại Bất-na nhân giả! Phải nói là Đức Phật dạy bảo chúng Tỳ-kheo mà thầy lại bảo ngài Ca-diếp và chúng Tỳ-kheo... sẽ không phải là nỗi buồn lo lớn sao?. Đức Thế Tôn nhập Niết-bàn sẽ không còn diễn pháp huệ. Ngọc báu của đời không còn nữa bọn Dị đạo phá khuấy chánh pháp. đấng vua Thập Lực chuyển pháp luân tự tại phi thường, chợt không còn thấy nữa mà không sầu khổ lớn sao? Để làm việc an ổn tất cả, cứu hộ chúng sinh, an nhiên ngồi im, không làm Phật sự thì mặt trời Phật không tắt ngấm đi sao? Đức Phật dụ ánh trăng sáng không bị chướng ngại mà lại bị ngăn che thì sẽ không có cây đạo Giác ý trổ hoa và tươi tốt. Quả Sa-môn đã thật sự trở về với vô thường, mà cây đèn lớn ở thế gian không bị gió vô thường thổi tắt chăng? Không có việc nước phi thường diệt tắt lửa Phật. Nếu như không có kẻ ngu si tranh cãi phá rối lời Phật dạy, thì nghĩa pháp luân sẽ còn mãi mãi. Không có vầng trăng Phật. Thì ánh sáng tắt mất. Phải chăng vì đã bị kẻ A-tu-luân che mất ánh sáng...

Bấy giờ, Hiền giả Bất-na thưa:

- Chỉ có mình ngài Kiều Hoàn Bát thì cho là thuyền Phật đã bể nát, núi huệ đã lở sụp. Các bậc trì pháp cũng muốn diệt độ vượt khỏi thế gian này.

Kiều Hoàn Bát bảo rằng:

- Kẻ ác do không họp nhau mà biến thành tranh cãi. Làm sao ở thế gian này còn được nghe chánh pháp, thế nên phải tịch diệt.

Liền bảo Bất-na rằng:

- Chỉ chọn lấy cái cần yếu, ngoài ra đều bất cần. Khi ánh sáng Như Lai đã tắt rồi thì cõi thế gian này không còn rực rỡ oai thần nữa thì còn biết tìm đâu được.

Liền nói tụng rằng:

Thế gian đã trống vắng
Không Phật, không gì vui
Diêm-phù-lợi cần chi
Cho nên bèn diệt độ.

Khi đó Hiền giả Kiều Hoàn Bát lấy y bát trao cho Bất-na bảo rằng:

- Phải thưa cùng Thánh chúng lời ta nói: "Mong tất cả hiền chúng đều chọn lấy nghĩa cao quý, và tôn trọng chớ nên coi thường".

Hiền giả Kiều Hoàn Bát nói ngày bèn diệt độ. Diệt độ rồi thì lửa từ thân chảy ra tự thiêu đốt lấy như đống củi lớn cháy bùng sáng rỡ. Khi lễ trà-tỳ đã ngày thì từ trên không trung có bốn dòng nước suối phun xuống tưới nhục thân, nước trong và mát xanh biếc như màu ngọc lưu ly. Từ các dòng nước ấy tự nhiên phát ra tiếng nói kệ tụng:

Dòng nước nhất nói tụng rằng:

Trí huệ ở sinh tử
Không nên tin phù vân
Vô thường phá Kim cang
Núi chúa Phật đã lở.

Dòng nước hai nói rằng:

Cái có luôn lay động
Do sợ cần khổ hại
Chẳng tự tại bỏ mình
Phật khen diệt độ an.

Dòng nước ba nói rằng:

Như thế không phóng dật
Cái tạo thành thân này
Vô số não hại phá
Như đèn cháy tắt nhanh.

Dòng nước tư nói rằng:

Trong chúng rất cao quý
Phải nên cúi đầu lạy
Tôn giả Kiều Hoàn Bát
Khi Niết-bàn nói rằng
Vui từ Phật Thập Lực

Nguyện theo nên diệt độ
Ví như voi sáu ngà
Con thơ luôn theo mẹ
Con nay cúi đầu lạy
Tất cả chúng Hiền Thánh
Cúi mong Tăng tôn kính
Tha thứ lỗi cho con.

Khi đó sau khi Hiền giả Kiều Hoàn Bát diệt độ rồi, Hiền giả Bất-na cầm y bát, chỉ trong tích tắc liền trở về ngay, dâng lên chúng Tăng thứ lớp lễ ngày liền nói tụng rằng:

Bậc tôn kính của người
Thương thay, đã tịch diệt!
Kiều Hoàn Bát nghe nói
Đúng lúc bèn diệt độ
Con nay cúi đầu lạy
Tất cả chúng Hiền Thánh
Cúi mong Tăng tôn kính
Tha thứ lỗi cho con.

Sau khi nói thế ngày liền tự diệt độ. Bấy giờ tất cả chúng Tăng đều quán xét sát na phi thường, suy nghĩ hiểu rõ các pháp chánh kinh và giới luật liền cùng nhau phó hội Tỳ-kheo Tăng.

Bấy giờ, Hiền giả Đại Ca-diếp bảo ngài A-na-luật rằng:

- Nhân giả nên xem xét chúng trong hội này, xem ai có dâm, nộ, si, phược, kết, chưa cởi bỏ hết các ái ân, ấm, cái... còn phải học giới, phân biệt kẻ phàm phu có mặt trong hội này? Khi đó ngài A-na-luật xem xét các người ngồi trong hội ngày liền bạch với ngài Đại Ca-diếp rằng:

- Có Tỳ-kheo tên là A-nan, là thị giả của Thế Tôn mới đang học thành, vị ấy đang ở trong hội này.

Khi đó Hiền giả Đại Ca-diếp bảo Hiền giả A-nan rằng:

- Thầy nên đứng dậy đi ra, chúng tôi không thể cùng thầy kết tập kinh yếu.

Hiền giả A-nan đáp:

- Mong Tôn giả Đại Ca-diếp hoan hỷ cho. Tôi không hề thiếu sót giới, không có tà kiến cũng không có hoại nghiệp, hay mất hạnh hoặc phạm chúng.

Hiền giả Ca-diếp bảo:

- Chỉ có thầy là người gần gũi hầu hạ Như Lai tôn kính, không có

thiếu sót giới, đâu có gì lạ. Lại thầy bảo rằng: “Tôi không phạm điều chi”. Thầy hãy đứng dậy lấy chứng Xá-lặc đem lại đây, ta sẽ kể cho thầy biết tội lỗi trước sau.

Khi Hiền giả Đại Ca-diếp vừa có ý đó, thì cả tam thiên thế giới, hiền sáu tượng chấn động. Trăm ngàn hàng trời, người ở giữa hư không cất tiếng lớn:

- Oán thay Đại Ca-diếp này, sao lại nói lời như thế!

Bấy giờ, Hiền giả Ca-diếp bảo hiền giả A-nan rằng:

- Nhân giả vì sao bảo là không hề phạm điều chi? Vậy vì sao lại cầu Phật cho người nữ xuất gia làm Sa-môn?

A-nan đáp:

- Thưa hiền giả Đại Ca-diếp! Khi từ mẫu của Đức Thế Tôn lâm chung thì bà Ma-ha-ma-gia Cù-đàm-di phải hết sức cực khổ nuôi dưỡng cung phụng Đức Thế Tôn, nuôi Bồ-tát lúc còn bú cho đến lớn. Vì muốn đền đáp ân ấy nên cầu xin cho làm Sa-môn. Vì nghĩ thương tình thân tộc nên muốn khiến được độ mà cầu Phật cho làm Sa-môn. Lại nghe chư Phật bình đẳng giác ở quá khứ có bốn bộ chúng. Tôi nghĩ giáo pháp hóa độ của Thế Tôn cũng không thể giảm ít số chúng ấy, nên xin Phật cho họ làm Sa-môn.

Hiền giả Ca-diếp nói:

- Này A-nan! Việc đó không đủ để đền ân báo hiếu. Vì cúng dường Pháp thân của Như Lai thì dùng đức. Nếu khiến người nữ làm Sa-môn thì cũng như gầy nên ruộng lúa, trời mưa đá to thì khiến hư lúa. Chánh pháp của Phật vốn phải tồn tại lâu dài nhưng, nay vì cho người nữ xuất gia làm Sa-môn nên chỉ trụ còn một ngàn năm thôi. Lại nữa, này A-nan! Thầy nói: Tôi vì nghĩ thương tình thân tộc mà cầu xin Phật cho làm Sa-môn, thì điều đó không đúng pháp Sa-môn, vì có sự suy nghĩ đến ân tình thân tộc. Lại, này A-nan thấy bảo rằng chư bình đẳng giác đều ở quá khứ có đủ bốn bộ chúng nên cầu xin cho họ làm Sa-môn. thì lúc đó người đời về tính dâm, nộ, si rất ít, lại không có các kết, phược, ý ưa thích chỗ yên vắng, tâm không lỗi lầm đâu thể so sánh với người thời nay được? Đó là một lỗi, là lỗi thấp nhất. Lại nữa A-nan, thầy còn có lỗi. Như Đức Thế Tôn có nói: “Ai luôn tinh tấn sẽ được bốn thứ Thần túc, liền có thể tự tại mà sống lâu cả một kiếp, hơn một kiếp, lúc đó vì sao thầy không cầu xin Thế Tôn thương xót, mà để cho cả thế gian đều bị thiệt thòi.

Hiền giả A-nan đáp:

- Thưa Tôn giả! Lúc đó ma Ba-tuần quấy rối ý tôi nên tôi không

cầu xin Phật thương xót được.

Hiền giả Ca-diếp bảo:

- Đó là một lỗi lớn. Sao bảo được rằng hầu cận Đấng Vô Dục thì phải hàng phục sức ma, cớ sao lại nghe theo lời ma xúi bảo, đó là hai lỗi. Này A-nan thầy lại không biết lỗi nên thầy lại có lỗi. Lại khi Đức Thế Tôn quở trách thầy, thì lúc hờn giận thầy lại đi nói với người khác, phạm ngày chỗ người khác là lỗi. Lại thầy còn có lỗi, là thầy đã dùng chân dẫm lên do tơ vàng dệt thành của Đức Thế Tôn, đó là bốn lỗi. Này A-nan thầy lại có lỗi là lúc Đức Thế Tôn gần nhập Niết-bàn khi sắp đến rừng Song thọ, ngài cần có nước uống mà thầy không cho, đó là năm lỗi. Lại nữa, khi Đức Thế Tôn nói về các cấm giới nhỏ nhặt tùy thuận thầy cũng không nhớ nghĩ đến người đời sau mà phân biệt hỏi, đó là sáu tội. Thầy lại đem việc âm mã tàng của Thế Tôn mà khoe nói cùng mọi người, đó là bảy. Này A-nan lại có tội. Vì sao thầy lại cho các người nữ biết Tử ma kim sắc của Đức Thế Tôn khiến họ khóc lóc rơi lệ nhơ cả chân Phật, đó là tám lỗi. Này A-nan lại có tội, trong chúng hội này không có ai còn dâm, nộ, mà riêng thầy còn có ba lỗi ấy. Thầy chỉ mới đương là kẻ học thành đạo, các hóa chúng đều đã được chứng quả mà thầy thì chưa chứng, đó là chín lỗi. Vậy thầy nên đứng dậy ra khỏi đại hội, chúng tôi không thể cùng thầy kết tập kinh được!

Hiền giả A-nan nhìn khắp bốn tòa, buồn thương than thở, vì sao đến nỗi này. Đau khổ thế này ta lìa xa Đức Như lai không còn ai cứu giúp. A-nan thấy cả trời đất đều tối đen! Lại Hiền giả Ca-diếp nói Thế Tôn sắp diệt độ có bảo thầy: “Thầy chớ buồn khóc, chớ làm phiền lụy đến ta”. A nan nghĩ Thầy Ca-diếp nay gặp lỗi nhỏ mà không tha thứ cho nhau. “Mong nhân giả Ca-diếp hoan hỷ khoan dung từ nay về sau không dám phạm lỗi nữa”. Khi ấy Tôn giả Ca-diếp bảo A-nan rằng:

- Thầy chớ khóc lóc, công đức của nhân giả đã khắp đủ, chúng tôi phải theo đúng lời nói trong pháp hội, không thể chối bỏ nguyên tắc được. Thầy A-nan hãy đứng dậy, chúng tôi không thể cùng thầy kiết tập kinh được.

Khi đó Hiền giả A-na-luật nói với ngài Đại Ca-diếp rằng:

- Vì sao chúng ta lại nghịch bỏ nhau, A-nan là thị giả của Phật nghe nhiều, là kho tổng trì cất chứa các pháp cần yếu, đó phải là người thứ ba sau Phật kết tập các yếu kinh chứ!

Tôn giả Ca-diếp nói rằng:

- Chúng tôi không thể cùng A-nan là kẻ mới học cùng kết tập các pháp yếu kinh nghĩa, thầy A-nan hãy đứng dậy và đi ra, chúng tôi chỉ

cùng các vị đã chứng quả A-la-hán kết tập kinh mà thôi.

Bấy giờ, A-nan đau khổ đứng dậy, ngoái nhìn khắp các Tỳ-kheo buồn bã` bước ra. ngay đêm ấy, khi đang khoác y Kỳ-chi thì khai ngộ dứt hết tất cả kết chứng quả A-la-hán, đạt tam minh đắc đại thần thông. Các chúng A-la-hán vô số trăm ngàn cùng hội họp ngày khác Như khi A-tu-luân không còn che mặt trăng, ánh trăng chiếu sáng khắp thế gian. Ngài A-nan bấy giờ, tâm rất vui mừng, vì đã thoát hết các lỗi lâm, việc làm đã làm ngày. Tôn giả Ca-diếp bảo rằng:

- Tốt lắm, tốt lắm! Thầy A-nan đã ngang hàng với chúng tôi, chúng tôi rất mừng! Đều mà Đức Thế Tôn bảo là "lụy" thì nay thầy đã vượt thoát rồi vậy. Như thế theo thứ lớp được dứt hết các lậu. Lại này thầy A-nan, Đức Phật Thế Tôn đã nói pháp Nhãn nhờ ân nhân giả đã nghe nhiều và nhớ kỹ các pháp, nay cần lập các pháp này thành vĩnh viễn.

Khi đó nói tụng rằng:

Phật Thế Tôn ở đời
Đã đến chỗ cao nhất
Đều cũng như mọi người
Đạo thuật vẫn không mất
Cho nên vị cam lồ
Đều khắp đến người hiền
Dù Phật nhập diệt định
Vẫn giáo hóa mọi người.

Bấy giờ, các bậc kỳ lão bảo A-nan rằng:

- Thầy nên ở đây kết tập các kinh điển và giới luật mà thầy hiểu biết.

Cả vô số trăm ngàn vị trong chúng hội đồng bảo A-nan như thế, rồi đều cung kính nghĩ nhớ pháp rộng sâu đầy đủ, khắp nhìn các Tỳ-kheo nghĩ nhớ các công đức Phật thật là vô hạn. Do đó nói tụng rằng:

Thắng chúng Tỳ-kheo này
Vì trái lìa Phật đức
Không còn oai sáng rỡ
Như ngày không mặt trời.

Khi đó Hiền giả A-nan liền nhìn tòa Sư tử đang được vô số chúng Tỳ-kheo vây quanh như Sư tử chúa giữa bầy Sư tử, A-nan an tọa ngồi Nhân giả Đại Ca-diếp liền nói tụng rằng:

Mong đại trí giảng nói
Bậc An Trụ hãy nói
Ở đâu những quyển kinh

Thế Tôn nói đầu tiên.

Ngài Ca-diếp vừa nói với A-nan kệ tụng ấy thì tâm ý A-nan liền được Phật giác nhớ hết các kinh đạo, không hề run sợ cũng, không dao động, không chút nghi ngờ liền hướng nhìn về nơi Đức Thế Tôn nhập Niết-bàn, nhất tâm chắp tay cất tiếng đọc tụng rằng:

Nghe như vầy, một thời
Phật đến Ba-la-nại
Vườn nai tiên nhân nói
Kinh pháp luân đầy đủ.

Toàn chúng tôn quý đều khuyến khích tán trợ, trên tòa Sư tử ngài giống y như Đức Thế Tôn lần thứ nhất giảng pháp. "Nghe như vầy, một thuở nọ" là tùy ở chỗ nào, nghe được kinh gì của Đức Thế Tôn nói... đều tụng đọc lại hết. Khi ấy tất cả chúng La-hán nghe lời ấy rồi liền rời tòa ngồi xuống đất, nghĩ rằng: "Chao ôi, sức mạnh của vô thường. Chúng ta mới vừa thấy Đức Thế Tôn nói pháp hôm nào đây mà hôm nay lại nghe bảo "nghe như vầy". Khi đó toàn thể chân nhân nói bài tụng rằng:

Ôi ba cõi thoáng nhanh
Như ánh trăng trong nước
Chỉ như trò ảo thuật
Rỗng xốp như chuối cây
Ba cõi không bạn bè
Công đức rất thanh tịnh
Phật cũng còn mạng chung
Nhanh như gió đổi chiều.

Bấy giờ, Hiền giả Đại Ca-diếp thoáng chốc nghe được ý thiền liền than rằng: "Than ôi, rốt cuộc rồi tất cả đều không thoát khỏi". Bèn nói tụng rằng:

Không tha kẻ vô trí
Hữu trí cũng không từ
Kẻ thoát hay chưa độ
Không ai không mạng tận
Chú thuật không cứu được
Chửi rủa cũng không khỏi
Thế gian ai cũng chết
Như nước biển đều mặn.

Bấy giờ Đại Ca-diếp nghe A-nan nói lời ấy ngày, liền ân cần nhận đó là kinh Chuyển Pháp Luân, liền hỏi năm vị Tỳ-kheo A-nhã-câu-lân:

- Quý thầy có nghe đúng những lời như thế chăng?

Quý thầy liền đáp:

- Thưa vâng, đúng như thế!

Sau đó liền so sánh từng loại mà kết tập chánh kinh tạng, kết tập luật tạng, kết tập chư pháp tạng. Khi kết tập kinh thì chư Thiên cùng tụ hội giữa hư không cất tiếng khen rằng:

Chúng sinh được A-nan
Chỉ rõ các giáo, luật
Kết tập chánh pháp kinh
Do thương xót mọi người
Nên chuyên kết tập hạnh
Khéo dẫn của thích ca
Vị lai và hiện tại
Đều được Đệ nhất định.

Đó khi kết tập ngày các chánh kinh, giới luật và các pháp giải rồi, Tôn giả Đại Ca-diếp liền nói tụng:

Vì thương xót loài người
Lập nên kinh các quyển
Kết tập lời Phật dạy
Nhiều không hạn lượng
Diệt tà kiếnthế gian tà kiến
Và các niệm tâm tối
Đã mất ánh sáng rồi
Đốt đèn trong đêm tối.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 179

CA ĐINH TỲ KHEO THUYẾT ĐƯƠNG LAI BIẾN KINH

SỐ 2028

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2028

CA ĐINH TỲ-KHEO THUYẾT ĐƯƠNG LAI BIẾN KINH

Theo Bản chép ở đời Tống.

Lúc bấy giờ, thầy Tỳ-kheo Ca Đinh bảo chúng hội rằng:

- Quý thầy hãy lắng nghe! Lời nói của tôi hôm nay như lời Đức Phật đã nói không sai trái, nhầm lẩn. Ở đời tương lai sẽ có nhiều tai biến rất đáng sợ. Nếu quý thầy muốn biết tôi xin kể rõ các việc đáng sợ ấy, chỉ cốt để quý thầy càng thêm tinh tấn trong sự nghiệp tu hành. Tôi nhờ ân Phật nay được an ổn. Quý thầy là người xuất gia cần nên tuân lời Phật dạy, tuổi thọ con người chừng một trăm năm. Nhưng ít kẻ sống lâu hơn, phần lớn đều dưới trăm tuổi. Ở đời tương lai các pháp ác sẽ hưng thịnh, Tỳ-kheo xấu ác xuât hiện phá hoại Phật pháp. Vì khi chánh pháp sắp diệt thì tâm ý người thường bạc nhược, không có ý chí. toàn ôm lòng ganh ghét, chê bai chống báng nhau. Đắm mê văn chương chữ nghĩa, chỉ gần gũi với giấy mực để soĩ tự sai sáng cho đó là trên hết. Như có Tỳ-kheo được thầy truyền cho những lời đọc tụng thuộc lòng, do thông minh lanh lợi phân biệt rõ nghĩa lý, câu chữ rồi vì người khác mà chia ra các bộ, để giảng thuyết... Do đó lại càng khinh mạn, cả hai đám học giả này cùng tranh cãi nhau. Đều mà tôi nói cũng là đều mà cùng quý thầy nói không phải vì ham lợi lộc tiền của chi mà trái nhau.

Người ngu si không hiểu ý kinh giải thích nghĩa lý ngược ngạo. Kẻ nói trái nghịch mà người nghe cũng ngược ngạo. Lời nói không đúng kinh kệ sai lầm, sở học ít ỏi cạn cợt chỉ luôn kiêu mạn khinh miệt người khác. Ở đời tương loại người như thế càng ngày càng rất nhiều. Khinh chê sư trưởng, không chịu hầu hạ phụng thờ. Cho rằng lời của Tam sư

là hư đối thì lời nói của mình là chân thật, còn không xuống hàng Đám Tỳ-kheo này ham thích mặc đồ thế tục, bắt chước học theo việc làm của kẻ thế gian, không thích chốn yên vắng, trái lại chốn ồn ào rối rấm nhân gian thì luôn ham hố luyến tiếc không thể rời bỏ. Tuy ở nhân gian có dựng chùa, xây tháp nhưng lại càng sinh ganh ghét nhau. Các Tỳ-kheo bốn phương đi ngang qua xin tạm trú thì phải báo trình chủ chùa mới được nghỉ nhờ. Tuy cho ở nhưng lòng giận ghét không vui, khi họ đi hết rồi thì mới mừng rỡ. Ngay trong một chùa, các Tỳ-kheo còn ganh ghét lẫn nhau, ganh vì tiền tài hoặc nhan sắc, hoặc vì sự cúng dường hoặc vì dòng dõi, hoặc ganh vì kinh pháp bí mật không truyền. đeo đuổi giao tiếp với kẻ giàu sang, có quyền thế. Tâm ý luôn bại hoại làm tan nát Phật pháp. Tích chứa tiền bạc kẻ hầu người hạ và nuôi lục súc. Sửa sang vườn rừng cho là việc trên hết. Trong ngoài đều biến đổi, đó chỉ là kẻ gượng cạo đầu mặc áo ca-sa mà thôi. Ngày đêm chỉ ân cần toan tính việc quyền hành. Với các quan chức, sứ giả và kẻ có quyền thế trong nước thì theo đuổi phụng sự như hàng tôi tớ. Còn bổn đạo thí chủ vì tôn kính Tam bảo mà phải giảm bớt phần sự ăn mặc của vợ con, để xây chùa dựng tháp cất Tăng phòng và cúng đầy đủ các thứ như ngọa cụ và ăn mặc. Lại còn sợ thiếu nên lấy ngọc ngà châu báu của gia đình đặt ngày trong tháp Sa-môn ở đeo đuổi giao du với quan lớn. Vì muốn được họ kính trọng bèn lấy của thí chủ để trong tháp dâng lên quan trên. Quan lớn vì ham tiền không cần biết gốc ngọn, chỉ biết tiền càng nhiều càng tốt. Do tội tham lam và ganh ghét đó nên chết rồi phải bị đọa ngày địa ngục. Còn thầy Tỳ-kheo vì ham mê danh lợi, lấy của Tam bảo dối trá làm việc ân huệ, do tội đó chết cũng đọa ngày địa ngục.

Hoặc có Tỳ-kheo đã phạm nhiều tội ác bèn lấy tiền của Tam bảo đem lo lót đáp tạ người khác để được thả ra. Hoặc có Tỳ-kheo cùng người thế gian tham của Tam bảo cướp lấy, sợ bị tội nặng nên trốn đi. Bọn này tất cả đều bị đọa địa ngục.

Hoặc làm Pháp sư hoặc thầy trì luật hoặc người thông suốt bốn bộ A-hàm, đều cùng với kẻ thế gian có quyền thế kết làm bạn thân. Ngồi giường ghế thế gian thầm lén bàn việc lành dữ tốt xấu của người khác, nương nhờ người thế gian, ỷ cậy quyền thế, ai không vừa ý thì liền mưu hại Nếu vì người nói pháp thì lấy tà làm chánh, lấy chánh làm tà. Kẻ làm hạnh như thế gọi là những phần tử phi pháp trong thiên hạ.

Phật có ba tạng kinh, kẻ làm thầy mà lại tiếc không truyền trao, không dạy cho đệ tử. Vì sao? Vì e đệ tử biết thì sẽ ngang hàng mình rồi khinh mạn với thầy nên giữ bí mật. Còn kẻ làm đệ tử làm sao được

gọi là kẻ xuất gia, không có học thức thì tất là rỗng tuếch trống không, đến nỗi khiến đệ tử ôm lòng giận ghét khinh mạn. Đối với thầy không còn giữ lễ trên dưới nói lời thô bỉ nông nổi. Bọn Tỳ-kheo này càng gây nhiều ác hạnh nên bọn ma và đám quyền thuộc được dịp hoành hành xô đẩy ngày chốn ác, lại tự khoe khoang có ai bằng ta đâu! Tâm ý càng thêm ác, ba độc phát tát mảnh liệt, không thể tự ngăn được. Ham lợi lộc cúng dường, thâu cướp của cúng thí, không kể tội phước, tiền càng nhiều là tốt. Vì lợi dưỡng cúng dường mà cùng tranh giành cãi vã nhau. Mình mặc pháp phục mà lòng không giữ đúng giới hạnh, ra ngày tới lui không thuận giáo pháp, ỏng ẹo soi gương, mê đắm sắc dục còn hơn kẻ phàm tục. Chúa đều xấu bỏ đều tốt, hoặc bỏ ra số tiền lớn để kinh doanh trục lợi. Các pháp hạnh Tỳ-kheo thì bỏ hết không làm. Khi có được chút lợi nhuận thì rất mừng rỡ. Tỳ-kheo tụ họp để tọa thiền học tập thì không chịu đựng nổi mà tìm cớ lánh xa. Ham cầu tiền tài lợi nhuận. Đi khắp bốn phương mà tìm cầu, không biết mệt mỏi. Dối lừa trăm họ không hề biết chán đủ. Nếu chùa tháp nào có Tăng phòng ngọa cụ dồi dào thì tranh nhau bu ngày. Bên ngoài giả dạng trì giới nhưng bên trong thì lòng dạ rất gian phi. Thấy được người cung kính, dần dần tối ngày đeo đuổi theo bọn thế gian, phụng sự cung cấp cho họ và mừng vui kính chuộng. Lại và khen ngợi rằng Tỳ-kheo này giới hạnh thanh tịnh thuần Lược họ, không biết bên trong đó là kẻ chuyên việc dối trá lừa gạt. Nuôi nhiều đệ tử Sa-di nhỏ và tôi tớ. Câu xin khắp nơi cầu xin chứa nhóm không biết đủ. Rồi nói ta là kẻ trì giới, lúc tuổi hảy còn nhỏ nhưng hành động tùy tiện giới pháp ngày càng biếng trễ, lại không tin tội phước. Nói năng hung dữ, thích giao du với các bạn rượu và gái dâm đảng. Hoặc ra ngày nhà quan lớn để cầu no đủ. hoặc gia nhập ngày các phe nhóm, hoặc thích làm việc, trăm thứ sinh hoạt để mưu sinh. Hoặc bàn bạc việc vua quan chính trị tốt xấu, hoặc nói việc quân sự đấu tranh thắng bại, hoặc bàn chuyện trộm cướp, chuyện ăn uống, hoặc chuyện tình dục phụ nữ. ngày đêm nói chuyện thế gian bậy bạ. Minh sư bạn lành không chịu gần gũi, trái lại đi kết thân với bọn chuyên giết mổ đâm chém, cờ bạc rượu chè trộm cướp, buôn bán tà dâm, uống rượu say sưa, tâm dần dần dính nhiễm, làm theo việc làm của họ. Hoặc siêng năng lo việc nhà, hoặc bị kẻ thế gian sai chạy đôn đáo bất kể xa gần. Như bọn người này không biết chánh pháp mà cho làm Sa-môn thì gọi là bọn phá hoại pháp Phật.

Chính mình đã không hiếu kính cha mẹ và các bậc tôn túc Trưởng lão. Nếu thấy Tỳ-kheo trì giới nào thanh cao phạm chí thì mắng chửi

làm nhục không chút từ tâm. Giết hại nhiều sinh mạng cướp giật tiền vật báu của người khác. Tư thông với phụ nữ, luôn miệng nói dối, ở trong chốn khuê môn làm việc dâm loàn bất kể trên dưới. Hoặc đối với Tỳ-kheo-ni tịnh Lược, nổi lên dâm ý đeo đuổi theo mãi để phá hủy giới hạnh của họ. Như bọn này ở thế gian sẽ bị phép vua trói cột, giam nhốt ngày ngục, dùng năm hình phạt độc hại mà trị tội. Nơi nào có vua quan nhân dân phạm tội ác thì thời tiết gió mưa không đúng lúc, lúa thóc mất mùa, nhân dân cùng khốn, trộm cướp nổi lên cùng khắp, binh đao loạn lạc, muôn dân trốn chạy tứ tán, năm họ lìa tan, xóm làng trống vắng. Lúc đó người đời khốn cùng không có cơm ăn áo mặc. Để lánh khổ nạn ở đời nên tranh nhau làm Sa-môn. Làm Sa-môn rồi lại đi phá hoại Phật pháp. Khinh mãn kẻ trên người dưới, nhóm họp nhau bọn hung ác, cùng ý hợp chí đồng mà lập thành bè đảng bạn hữu, rồi ca tụng khen ngợi nhau: Thầy này giới hạnh thanh tịnh, thầy kia tu hạnh thiền định, nhân dân nghe thấy tưởng là đúng thật. Khi có bổn đạo thí chủ mời đến thuyết pháp thì nằm dài mình trần trùng trục không nhận lời. Nếu nghe chia đồ vật cúng thí liền giành giật nhau, đòi hỏi các thứ cúng dường y phục, ăn uống không biết nhàm chán. Nuôi nhiều đệ tử mà không dạy dỗ, không khuyên răn bằng các chánh giới của Phật nên các đệ tử không hề hiểu biết giới hạnh, các pháp tu tật thiền định Còn những kẻ làm thầy thì chuyên tu tập luận bàn các việc thế tục phi pháp coi đó là sự nghiệp chính đáng. Như đám người này nhận của cúng dường của người khác thì người bố thí được ít phước mà người thọ nhận bị nhiều tai ương. Nếu có bốn chúng đệ tử hội họp nói kinh thì không thích nghe. Nếu có kẻ bạch y đến nghe kinh thì tranh nhau nghênh đón, cung phụng đủ mọi sự cần thiết không dám trái ý họ. Nếu khi nghe nói cấm giới thì cùng nhau tranh cãi, cho đến nửa đêm thì nói mọi người mệt mỏi. Chỉ nói bốn việc như luận thì tranh cãi thì không hề biết mệt. Còn khi đọc tịnh giới, giảng kinh nói pháp lại không muốn nghe.

Các Tỳ-kheo ở tương lai, những kẻ muốn phá rối đạo pháp tranh nhau cất chùa xây tháp khắp mọi nơi. Đến ngày rằm nói giới Bố tát thì tuy cùng hội họp nhưng toàn là tranh cãi, không hề nói giới, giảng pháp. Các hàng trời người thấy tăng tụ họp thì muốn đến nghe pháp nhưng chỉ nghe toàn tranh cãi nhau nên cùng bảo rằng: Chúng ta vì muốn nghe pháp mà đến đây, không ngờ lại nghe toàn tranh cãi nhau thì tìm được gì ở đây, nên lòng không vui buồn chán bỏ đi, tự nghĩ không bao lâu nữa Phật pháp sẽ bị diệt mất. Các Trời, Rồng, Thần và các quỷ Dạ-xoa cùng các Thiện thần đều buồn lo, không còn ủng hộ Phật pháp, chúng Tăng

nữa. Khiến các ác quỷ hút máu làm cho mang nhiều bệnh, sắc suy lực yếu, hình thể mặt mày tiều tụy không còn oai đức, đều do việc đó cả.

Nếu có Tỳ-kheo bệnh hoạn thì không trông nom săn sóc, luôn sợ sệt ghét bỏ muốn cho mau chết. Khi ấy Tỳ-kheo bệnh không có người trông nom săn sóc nên phải bỏ mạng. Khi Phật pháp muốn diệt thì cả Tỳ-kheo và Cư sĩ đều tham lam keo kiệt, lo chứa nhóm tiền của không chịu bố thí, chỉ muốn có nhiều. Như bọn ma ma đế không tin tội phước, không kể trên dưới, không phân biệt Tam bảo, tiền của dùng một cách vô đạo. Hoặc cùng phụ nữ hoặc cùng kẻ bạch y ăn ở chung đụng tạp nhạp, uống rượu ca múa, chơi đùa giỡn cợt với nhau; không khác gì kẻ phàm tục, lại càng ganh ghét nhau. Vì dính ngày những chuyện như thế nên tiền của tiêu hao vì sự nghiệp không phát đạt tốt đẹp. Bọn Tỳ-kheo này vì dâm dục nên thích châu nhà mà không cho là khổ. Thích giao kết tình thân cùng các gái trẻ. Vì sao? Vì các gái trẻ tâm ý rất sâu nặng, thuở đầu tiên cùng chàng trai nào yêu mến nhau thì rất khó quên, hoặc cùng sinh hoạt chung với gái dâm đảng hoặc ở chung nhà với Tỳ-kheo-ni. Nếu có Tỳ-kheo nào nuôi chứa người khác thì đi xin ăn để không nuôi sống. Thi các Tỳ-kheo phá giới đều cùng thù ghét, họ không muốn thấy mặt, rồi bảo với các thí chủ rằng: Thầy Tỳ-kheo đó bên trong dua nịnh, bên ngoài làm bộ trì giới không đáng nhận của bố thí. Ở đời này nếu có những Tỳ-kheo phạm giới thì mọi người đều ghét ở đời tương lai thấy những Tỳ-kheo trì giới thanh tịnh thì cũng bị ghét. thì ở đời tương lai nếu có các Tỳ-kheo trì giới và thiền định thì cũng sợ người thấy biết. Sở dĩ như thế là vì ở đời tương lai ghét kẻ trì giới.

Các Tỳ-kheo ở tương lai chỉ biết ham hố lợi lộc mà không biết xấu hổ. Với bọn người này thì kẻ ngu thời đó hết sức cung kính, còn thấy kẻ thật sự trì giới lại khinh chê. Tất cả những vật đều là thật, bền chắc nhưng vì con người không biết dùng nên đều tiêu mất. Phật pháp cũng thế. Do cớ đó nên chánh pháp sẽ mất dần. Và vì không kính thờ nên khiến pháp phải mất hết. Cũng như thuyền lớn mà chở quá nhiều tất phải chìm. Ở đời tương lai có rất nhiều Tỳ-kheo ham mê vật cúng dường nên khiến chánh pháp hoại mất. Nếu có Tỳ-kheo phụng trì giới luật thì chánh pháp sẽ trụ lâu dài. Cũng như Sư tử chúa tuy chết nằm trên đất nhưng loài chim thú không dám đến gần. Trong khoảng tuần nhật sau thì trong thân sinh các loài trùng trở lại ăn thịt hủy hoại thân hình. Đức Phật tuy đã nhập Niết-bàn nhưng chánh pháp vẫn còn tiếp tục tồn tại. Bọn phạm ma Thánh chúng và tất cả tà đạo đều không thể phá hoại Phật pháp được. Nhưng ở đời tương lai sẽ có hạng người Vô

hạnh, len lỏi xâm nhập ngày Phật pháp xin làm Sa-môn mà phá hoại Phật pháp, lại càng khinh chê chống báng nhau. Kẻ học ba tạng đổi sang ganh ghét nhau. Vì ganh ghét nên Phật pháp càng diệt nhanh. Nay muốn hộ trì Phật pháp thì cần phải trừ bỏ kiêu mạn và ganh ghét. Các Tỳ-kheo ở tương lai ganh ghét Phật pháp, khác nào loài heo ở chung chuồng không tự biết hôi thối và xông xáo nhiều chỗ như lừa, ngựa không cương. Không ngó ngàng giới cấm, suốt ngày rượu thịt no say, cùng kết bạn thân bất kể thời tiết hoặc đục tường khoét vách trộm cướp tiền của người khác. Hoặc cho người gởi đồ vật thì nếu làm sáng tỏ tráo đổi, thì bị đánh đòn, sửa đổi giấy tờ giao kèo để được nhiều lợi. Nếu khi chư Tăng có nhân duyên nhóm họp thì bọn hạ tọa trách mắng thượng tọa. Các thượng tọa im lặng buồn bã rút lui. Bấy giờ, đám hạ tọa không dùng lễ giáo để tự kiềm chế. Còn người đáng làm thầy họ thì lại không chấp nhận họ. Khi Tỳ-kheo có các sự đấu tranh như thế thì là pháp sắp diệt mất. Lúc đó thiên hạ náo động không nơi nào được an ổn. Vua chúa tăng nhiều sưu dịch vẫn không thấy đủ. Trộm cướp cùng nổi lên cướp đoạt tiền của của nhân dân chuyển nhập ngày kho vua. Vua được tiền, bèn ban chức giặc cướp; chính trị thối nát, giết nhau một cách vô cớ. Nhân dân cùng khổ, gian xảo càng sanh. Khắp thiên hạ hạn hán, mưa gió bất thường. Lúa thóc ít ỏi đói kém, quý hiếm. Nhà vua gom mua đem xuất khẩu. Kẻ nông dân làm đủ mọi thứ lại thu nhập ít ỏi, suốt ngày đêm cần khổ mà chẳng đủ no. Những thứ không dùng đều phải nộp lên quan cả. Dân chúng không nghĩ đến việc sống còn. Lúc đó các Tỳ-kheo cũng làm ruộng hoặc ra buôn bán ở khắp nơi. Làm đủ mọi công việc công hoặc tư không khác gì kẻ tục. Khổ lắm thay!

Ở đời tương lai có ba vị vua xuất hiện để phá hoại thiên hạ. Một vị tên Gia-lai-na, ở gần phía Nam nước trung ương. Lại có một vị khác xuất hiện ở miền Bắc nước tấn. Và một vị nữa tên là triện Thu. Khi Phật pháp sắp diệt thì cả ba vua này cùng xuất hiện, cùng phá hoại đất nước giết hại nhân dân, phá sập chùa tháp, vườn tược, khinh thường Sa-môn, dùng năm cực hình để khảo tra. Kéo binh lính đến nước Thiên Trúc, phá hoại đất đai, tàn hại tất cả. Bấy giờ vị vua ở nước trung ương lại hưng binh phá hoại nước tấn. Quan quân, dân chúng lại trở về nước cũ. Lúc đó các Sa-môn nước tấn bị quan quân bức hiếp, có vị chết, có vị phải hoàn tục, có nhiều vị phải chạy trốn tứ tán đi về nước Thiên Trúc, có người đến nơi, có kẻ không đến được. Hoặc có vị vì bị mù điếc què quặt già bệnh ốm yếu nên không thể đi được thì đều bị quan quân giết chết.

Khi ấy vị vua ở nước trung ương lại cung kính Phật, Pháp, Tăng và bố thí cho tất cả, thấy những kẻ phạm giới thì quở trách khuyên can. Lúc đó có vị Tỳ-kheo thượng tọa tên là Thy Y Cừu thông suốt ba tạng, nói pháp cho vua nghe, vua rất hoan hỷ liền cho mời chúng Tăng nước Câu-thiểm-di, mở hội ban-xà-vu-sắc cho mời hết tất cả đệ tử của Đức Thích-ca ở cõi Diêm-phù-đề, cùng đến hội họp. Lúc đó có cả trăm ngàn Tỳ-kheo ở trong đại hội sau cùng. Đại hội ngày thì Phật pháp sẽ diệt mất, không còn hội họp nữa, nên gọi là Đại hội sau cùng. Bây giờ, trong đại hội lại chuyển thành cuộc hỏi thăm nhau: Các vị Hòa thượng và A-xà-lê này, ai đã độ cho quý vị? Các vị đều đáp: Các thầy chúng tôi, có kẻ chết ở dọc đường, kẻ thì bị giặc giết chết, kẻ thì vì bệnh hoạn ốm yếu không thể có mặt ở đây được... Những kẻ đến được nghe nói đều cùng đau đớn cất tiếng than thở khóc lóc. Lúc đó đúng đêm rằm, trời lại mưa to gió dữ, nên trong lúc nói hai trăm năm mươi giới thì có người nghe được có người lại không nghe được, nên bấy giờ, các thầy bèn quay sang lớn tiếng tranh cãi nhau. Có vị Tỳ-kheo Thượng tọa khuyên bảo rằng:

- Quý thầy nên nói thật khẽ, quý vị nên theo đúng pháp không nên nói chuyện bậy bạ. Tôi dùng pháp Tỳ-kheo sẽ giải rõ ý của các thầy. Nay tất cả đệ tử của Đức Thích-ca ở cõi Diêm-phù-đề đã tựu họp hết về đây, đây là buổi đại hội cuối cùng. Nay những điều tôi đã học không cần phải học nữa. Mong quý vị yên lặng nghe lời tôi nói.

Lúc đó có vị Tỳ-kheo thông minh trí huệ thâm nhập thiền định bảo mọi người rằng:

- Việc nhập thiền định của tôi đã đầy đủ. Nay cả trăm ngàn Tỳ-kheo trong đại hội này nếu ai muốn nghe giới pháp để thọ trì tu hành thì ta sẽ nói cho quý vị. Mong tất cả Thích tử hãy im lặng lắng nghe.

Bấy giờ có thầy Tỳ-kheo tên là Tu-đà-lưu (nhà Tấn dịch là Thiện), đã chứng được La-hán liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay chí tâm kính lễ dưới chân vị thượng tọa rồi cất tiếng Sư tử hống bảo rằng:

- Tôi muốn nói kinh xin ngồi im chớ nên ồn ào. Những điều trong kinh nói tôi đều đã học không có gì lầm lẫn, nghi ngờ cả, đúng y như lời Phật nói.

Khi đó có vị đệ tử Thượng tọa tên là Thượng Đầu cũng là bậc thượng túc nhưng rất hung ác, liền đứng dậy bảo thầy Tu-đà-lưu rằng:

- Ông mà biết gì không hiểu những kinh pháp giới luật thượng tọa muốn nói mà ông giành cùng nói.

Lúc đó Thượng Đầu lấy cây gậy sắt đập chết thầy Tu-đà-lưu.

Nhưng thầy này đã thoát sinh tử, tâm luôn trì giới Tỳ-kheo, nên yên lặng đứng dậy bỏ đi. Khi ấy có quỷ Dạ-xoa tin Phật lại dùng cây gậy sắt đập chết Tỳ-kheo Thượng Đầu. Ngay lúc đó đất trời chấn động sáu. Ở cách giữa hư không tự nhiên có tiếng kêu oán giận dữ, cả bốn hướng mưa lớn ầm ầm đổ xuống, cả bốn phương khí độc xông lên đầy cả hư không, sấm sét rền vang khắp chốn.

Khi ấy tất cả chúng sinh thấy tai biến quái lạ nhìn nhau khóc than bảo nhau rằng:

- Hôm nay là ngày cuối cùng Phật pháp đã đến lúc tận diệt!

Trên đến chư thiên ở hai mươi tám tầng trời Vô sắc cùng các Rồng, A-tu-luân đầy giữa không trung cất tiếng khóc lớn, nhào lăn xuống đất. Lại có các quỷ La-sát kỉnh pháp, các quỷ Dạ-xoa thờ Phật đều gieo mình xuống đất, cùng bảo rằng:

- Từ nay trở đi thiên hạ không còn nghe được tiếng hai trăm năm mươi giới, Tỳ-kheo không còn giữ giới nữa. Thiên hạ côi cút, chúng sinh nhanh chóng mất đi cặp mắt sáng. Làm thế nào thiên hạ tồn tại lâu dài được, vì nhân dân giết nhau vô cớ, cũng như loài thú hoang. pháp hạnh đã rơi, trống pháp đã lủng, cửa Cam lồ đã đóng. Các Pháp sư giảng kinh đã chết hết. Đuốc pháp đã tắt, pháp luân đã nghiêng đổ, mười hai bộ kinh đã tan tành. Pháp luân đã gãy, nước pháp ngừng chay, biển pháp cạn khô, núi pháp sụp lở. Trong các hang động núi non không còn các Tỳ-kheo tinh tấn tọa thiền nữa. Các trời và các Thiện thần thấy các hang động trống vắng không còn kính thờ. Tất cả sẽ tự đánh nhau, nhân dân mù đui không còn chánh pháp để vâng làm.

Bấy giờ các ma đều rất vui mừng, cùng lấy y phục đẹp quý mặc ngày. Phật pháp đã diệt thì tà pháp chúng ta mới được hưng thịnh, lại cùng nhau nô nức ăn mừng.

Thầy Tỳ-kheo Ca Đinh bảo các đệ tử:

- Các biến động xấu ở đời tương lai là như thế. Hôm nay Phật pháp hãy còn đây, quý thầy cần nên siêng năng tu hành. Chánh pháp của Phật như đầm cỏ sâu rộng, chúng sinh ngưỡng mộ sẽ không bao giờ thiếu thốn. Nếu đầm cỏ khô cạn thì chúng sinh sẽ đói khổ, đọa ngày sinh tử. Cũng như người buôn bán không siêng năng tính toán làm ăn thì tiền bạc của báu càng ngày càng hao hụt làm sao nuôi sống được cha mẹ vợ con. Lúc đó thân tâm như bị thiêu đốt có hối cũng không kịp. Nay chánh pháp đang còn phải hết sức làm theo, chớ nên mặc tình theo đường nào khác. Nếu buông lung không chịu tinh tấn, luống uổng vô ích không được điều gì, lại bị đắm chìm trong ba nẻo ác. có hối cũng

không kịp. Nay quý vị bốn chúng đệ tử luôn nghĩ đến ân nặng của Đức Phật mà đối với trên thì phụng thờ như cha đối với dưới thì thân thiện như con Quý vị có thân tứ đại mạnh mẽ, tâm ý vững chắc, siêng năng tu hạnh tinh tấn thì sẽ thoát khỏi các khổ. Mai kia thân tâm đều yếu kém, lại bị già bệnh đua nhau hành hạ lúc đó ăn năn thì đã muộn. Nay đất nước và nhân dân chưa đến lúc ác quá thịnh, binh đao loạn lạc chưa nổi lên, nhân dân hãy còn yên ổn, lúa thóc vẫn còn rẻ, khất thực dễ được Vậy cần phải siêng năng tinh tấn thì khỏi phải hối hận sau này.

Lúc bấy giờ, các đệ tử nghe nói các việc ấy liền cùng cúi đầu kính lễ dưới chân bậc Đại tiên Ca Đinh, tâm ý sợ sệt, thân thể run rẫy, buồn khóc cùng thưa rằng:

- Ở đời tương lai khi chánh pháp này bị diệt vong, thấy đời như thế, ý ngài nghĩ thế nào, chẳng lẽ ngài đành chịu nhìn thấy thế sao? Hôm nay bọn chúng con nghe nói các việc ấy tâm hồn đều tan nát rụng rời. Người thời ấy gặp phải các việc ác đó, thân tâm đâu không nát thành trăm mãnh Lúc đó các đệ tử cùng bàn luận, đều chí thành mọp lạy và lên tiếng thưa rằng:

- Bạch thầy! Bọn chúng con rất sợ hãi, làm sao chứng đạo để tránh thoát không gặp phải các khổ não ấy?

Đại tiên bảo rằng:

- Đạo không xa gần, siêng năng tìm cầu thì tất được, không có trước sau.

Kinh này gọi là Đại tiên Ca Đinh Sở Ký Đương Lai Bí Sám Yếu Tập. Cần phải siêng năng tinh tấn tu hành thì mới có thể thoát khỏi các khổ ấy. Lúc bấy giờ các đệ tử nghe kinh đều buồn rầu khóc lóc, nuốt lệ cúi đầu lạy tạ vâng làm.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 179

PHẬT DẠY TỲ KHEO CA CHIÊN DIÊN NÓI KỆ PHÁP DIỆU - MỘT TRĂM HAI MƯƠI CHƯƠNG

SỐ 2029

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2029

PHẬT DẠY TỲ KHEO CA CHIÊN DIÊN NÓI KỆ PHÁP DIỆU (MỘT TRĂM HAI MƯƠI CHƯƠNG)

Theo bản chép ở đời Tây Tấn.

Tôn giả Ca-chiên-diên
Thể đạo tu hộ luật
Thấy các kẻ bạo ác
Dùng kệ mở đường pháp
Tâm ý luôn buồn hận
Suy nghĩ việc đau buồn
Luôn chuyên cần tinh tấn
Nhìn về sau rất sợ
Khi chánh pháp sắp diệt
Người chỉ sống trăm tuổi
Ánh sáng của chánh pháp
Không bao lâu sẽ diệt
Chánh pháp đã diệt hết
Chúng Tỳ-kheo mê lầm
Sẽ bỏ các kinh pháp
Lời bậc Thánh đã dạy
Lại thích văn chương tạp
Bỏ quên lời Phật nói
Được dạy các kinh thấp
Tâm ý lại vui thích
Thường ưa tranh cãi nhau

Trái lời kinh điển tiến
Lần lượt càng chê bai
Ai nấy cùng khinh mạn
Kẻ ngu học khó tiến
Vô tri như cây thú
Không còn biết gì khác
Chẳng học chánh pháp Phật
Bỏ qua nghĩa lý kinh
Cùng cầu tìm sở đoản
Chính ta được nghe truyện
Đi riêng không bè bạn
Giữ giữa mắc phần dưới
Gỡ dưới mắc phần giữa
Lại không biết thứ lớp
Chỗ nói quý vô cùng
Lập chứng cứ sai lầm
Lại nói không đầu đuôi
Nghe nhận đều phù phiếm
Giảng luận không rõ ràng
Bọn đồ chúng ác ý
Khinh chê cả Hòa thượng
Thấy tôn trưởng sư phụ
Ngạo mạn không tôn kính
Bọn này cùng tranh cãi
Tâm niệm rất sâu độc
Nhiễm đời trọng giàu sang
Trói buộc không tự giác
Ta biết rõ Chân đế
Ông thật không biết gì
Ông giảng điều sai ngược
Ta nói thuận nghĩa kinh
Ai nấy cùng tranh cãi
Đều sinh tâm độc hại
Tham được lợi cúng dường
Theo tục cùng chìm nổi
Quen thói ưa ở nhà
Không thể tự cứu độ
Cùng kẻ tham trò chuyện

Chỉ bàn chuyện thế gian
Khi Tỳ-kheo rời bỏ
Vườn rừng, nơi yên vắng
Đi ở trong xóm làng
Lập Tinh xá ở đó
Ưa thích chỗ rối rắm
Không ưa nơi yên vắng
Lần lượt lừa chiếm nhau
Để nuôi vợ con mình
Lúc có Tỳ-kheo
Khách từ phương xa đến
Chủ chùa lo phần mình
Rộng mãi mới cho ở
Ghét kẻ đến ở nhờ
Ganh người có danh đức
Cũng ganh tỵ dòng họ
Lại mong cầu kinh pháp
Thấy Tỳ-kheo phương xa
Sắc mặt liền không vui
Người ấy bỏ đi rồi
Thì tâm mới vui thích
Tham đắm của cúng dường
Luôn độc ác ganh tỵ
Thích trang nghiêm cống cao
Do đó thành giận, lỗi
Luôn giận hờn độc ác
Kiêu mạn và tự đại
Mong cầu không biết chán
Buông lòng theo trần uế
Các ác chẳng nên làm
Không thích đọc trì kinh
Suốt ngày cười hát múa
Đêm đến ngủ như chết
Đám người này họp nhau
Nói không đúng lý kinh
Chỉ bàn việc quan giặc
Làm việc theo thế tục
Giả sử người có học

Được mọi người cúng dường
Kẻ ham mộ xuất gia
Phải học pháp Tỳ-kheo
Giả sử người có học
Được bạch y tôn kính
Chỉ lo việc lặt vặt
Nhân đó được danh vọng
Việc làm không đúng pháp
Khởi lên từ lợi dưỡng
Tuổi tác hãy còn nhỏ
Mà nuôi nhiều đệ tử
Lòng chỉ ham tranh cãi
Không thể học rốt ráo
Sa-môn mới vài năm
Đã nuôi nhiều quyến thuộc
Không giữ kỹ giới luật
Đọa lạc ngày tà kiến
Hoặc có nói đoạn diệt
Hoặc có giảng thường còn
Đã được học như thế
Độ kẻ ác xuất gia
Môn đồ nhiều kẻ xấu
Toàn thiếu niên vây quanh
Có lúc trời khô hạn
Hoặc lụt lội dâng tràn
Chim, chuột, sâu hại lúa
Tai họa cùng ập đến
Lúa thóc đều hết sạch
Dân chúng đều đói khổ
Kiếm sống rất khó khăn
Xuất gia cầu an ổn
Nên xin làm Sa-môn
Lại sống vượt quy tắc
Không hiểu về giới luật
Chúng hội không cứu giúp
Cẩu thả không xấu hổ
Không tu hạnh thận trọng
Cũng không ưa pháp hội

Miệt mài mê của cúng
Cho phi pháp là pháp
Nói năng trái đạo nghĩa
Nêu tội phản khinh trọng
Rối loạn cả phép tắc
Họp chúng đến nửa đêm
Tranh cãi càng dữ dội
Sau đó mới nói kinh
Nói lược không đầy đủ
Nói sơ lược cấm giới
Đầy đủ việc tranh cãi
Mọi chỗ lỗi nghĩa lý
Nên chánh pháp diệt mất
Vừa mới cãi cọ ngày
Liền kết thành oán cừu
Các ma cùng thuộc hạ
Được dịp lợi dụng người
Các Trời, Rồng, Quỷ thần
Đến muốn nghe kinh giáo
Chờ mãi chẳng nghe giới
Mà chỉ nghe tranh cãi
Hàng trời, người hận trách
Chẳng đáng hạnh Tỳ-kheo
Xúm nhau cùng bảo rằng
Phật pháp sắp diệt mất
Chúng ta bỏ vui trời
Đến đây để nghe pháp
Lại không được nghe pháp
Chi bằng bỏ đi hồi
Có quỷ thần tôn quý
Tâm ưa thích Phật pháp
Không nghĩ đến Tỳ-kheo
Nên không còn ủng hộ
Lúc đó quỷ thần xấu
Hung bạo gây độc hại
Hút tinh khí Tỳ-kheo
Khiến mạng sống cạn kiệt
Tỳ-kheo nhiều tật bệnh

Gầy yếu không khí lực
Thất thần mặt đổi sắc
Khổ nhọc gặp nhiều nguy
Lần lượt ganh ghét nhau
Tật bệnh không chăm sóc
Có người bệnh gần chết
Không săn sóc chết luôn
Tham đắm lợi tiền của
Ăn mặc không hạn chế
Hiểu theo thói quen đời
Luôn sống theo tà nghiệp
Mua bán mưu kiếm lời
Xuất nhập mong sanh lãi
Chí luôn ở việc chính
Miệt mài mãi chẳng rảnh
Ưa thích việc lặt vặt
Cầu lợi để nuôi sống
Bỏ quên nghiệp thoát tục
Việc nhỏ tự trói cột
Y phục không ngay ngắn
Nghi tiếc không rảnh sửa
Không thuận hợp cùng ai
Như ngựa hoang, khỉ núi
Xa thấy Tỳ-kheo hiền
Đang khất thực biết đủ
Từ xa đã mắng chửi
Nói không thuận giới cấm
Như Tỳ-kheo ngày nay
Đạm bạc, không lỗi lầm
Các Tỳ-kheo lúc đó
Âm thầm phạm các lỗi
Lén lúc không xấu hổ
Biếng lười lòng độc ác
Bọn này đời tương lai
Trở lại được kính trọng
Có Tỳ-kheo Nhân Hiền
Biết đủ và khiêm nhường
Khi chánh pháp mất rồi

Càng không được kính trọng
Ví như Sư tử chúa
Ở trong chốn núi rừng
Sài lang và chồn chó
Không dám đến ăn thịt
Chết rồi thân sinh trùng
Trùng ấy ăn thịt nó
Suốt ngày đêm ăn nuốt
Phá tan thi thể ấy
Bậc Đại Thánh Năng Nhân
Sau khi nhập Niết-bàn
Các đất nước lửa gió
Không thể phá Phật pháp
Vật quý nhất thế gian
Chân thật chợt tự mất
Vàng xanh hiện ra đời
Vàng tía bèn ẩn mất
Chánh pháp ở trên đời
Trọn không tự diệt mất
Nhân vì có tượng pháp
Chánh pháp liền diệt mất
Cũng như thuyền trên biển
Ham chở nặng phải chìm
Phật pháp đây cũng thế
Vì lợi nên diệt mất
Làm Trái kinh Thánh điển
Cho là đúng chánh pháp
Lấy pháp trái với luật
Lấy quấy làm nghĩa pháp
Các tà kiến dị học
Các học sĩ Ngũ thông
Không thể phá nghĩa pháp
Và các việc bố thí
Chính người theo Thích-ca
Dựa Phật làm Sa-môn
Sẽ phá hủy chánh pháp
Khiến pháp đến diệt mất
Các nam tử yếu kém

Cạo tóc mặc ca-sa
Đều làm hư chánh pháp
Khiến kinh điển không hiện
Không chịu thuận giới pháp
Góp sức gìn giữ pháp
Lung lòng theo ý thích
Cũng như bụi che lửa
Lúc ấy các người học
Nhận lấy vọng gánh vác
Cãi định bằng chứng khác
Khiến đành phải tin lầm
Sợ lệnh của quan huyện
Giặc thù và chủ nợ
Run rẫy chịu tai nàn
Kinh sợ rởn gai óc
Gieo trồng và nuôi sinh
Gặp phải các quan quân
Sớm chiều quen thói xấu
Tai nạn luôn quấy phá
Sắp có ba vua ác
Đại Thái ra đời trước
Bát-la ra đời sau
An Tức sinh ở giữa
Do các cớ như thế
Chánh pháp bị bỏ quên
Di Vương rất hung ác
Trị vì ở phía Bắc
Dấy binh phạt nước ác
Giết hại cả muôn dân
Khinh chê các Sa-môn
Phạm nhiều các tội ác
Phá tan chùa tháp Phật
Hủy hoại chốn tu học
Lúc ấy ở đời đó
Nước quận toàn gò nổng
Ai nấy đều sợ sệt
Rầu lo và buồn khổ
Đành bỏ đất phương Bắc

Chạy lánh sang nước giữa
Người gầy bệnh mắt mờ
Yếu đuối không khí lực
Không thể bỏ xứ Bắc
Ở lại bị giặc hại
Lúc đó Tỳ-kheo trẻ
Không lo việc Sa-môn
Bèn cởi bỏ y phục
Vì sợ, muốn sống còn
Khi đó vua nước giữa
Đến đánh vua biên địa
Đã giết chết vua biên địa
Lại về ở giám-ni
Ở đó có Tỳ-kheo
Tên gọi là Thi-sư
Học rộng đều thông suốt
Rất được lòng các vua
Vua nghe Thi-sư nói
Tâm ý rất vui mừng
Xin thỉnh mời chúng Tăng
Lập lễ bố thí lớn
Sai sứ đi mười phương
Tuyên cáo cùng các nước
Mời mọi người đến đây
Nay sẽ bố thí lớn
Chư Tăng đều hội đến
Số đông cả trăm ngàn
Gặp nạn đều tiều tụy
Mừng thấy bố thí lớn
Các Tỳ-kheo hội ngày
Ước đủ cả trăm ngàn
Lần lượt cùng tìm nhau
Hỏi han đủ mọi chuyện
Hòa thượng ngài ở đâu?
Xà-lê từ đâu đến?
Sa-di thường theo hầu
Nay thầy ác
Hoặc bị thương hoặc chết

Hoặc lại bị đuổi đi
Tỳ-kheo thấy nhau rồi
Than khóc không kiềm được
Lúc đó chúng hội họp
Số đông cả trăm ngàn
Buồn khổ, mặt bơ phờ
Mừng thấy bố thí lớn
Bốn hướng cùng vân tập
Đồng họp ngày Rằm
Giảng nói giới điển Phật
Khi gặp lại giận nhau
Đám này đã giận nhau
Lần lượt không hòa hợp
Tỳ-kheo Tôn kính bảo
Các Tỳ-kheo yên lặng
Tôi nói với quý vị
Trình bày pháp Luật Phật
Hãy lắng nghe tôi nói
Đừng nói chuyện lung tung
Ở cõi Diêm Phù này
Sa-môn đệ tử Phật
Hội hợp nên hòa hợp
Không nên ganh ghét mãi
Có chúng đại Tỳ-kheo
Số đông cả trăm ngàn
Muốn được học đạo nghĩa
Đến hội ngày Rằm
Có chúng đại Tỳ-kheo
Tuy số đông trăm ngàn
Tôi học đã thông suốt
Quý vị không thể biết
Nếu có một Tỳ-kheo
Là kẻ học thấu suốt
Có thể nói đầu đuôi
Tôi học biết kinh đó
Lúc đó có Tỳ-kheo
Sở học rất thông suốt
Có Đức tên Tu-lại

Giống như Sư Tử Hống
Tức thời liền đứng dậy
Khoanh tay và đứng nghiêm
Đảnh lễ bậc Trưởng lão
Rồi cất giọng sư tử
Tôi không còn hồ nghi
Tâm không chút do dự
Thân đã học kinh giới
Nay đều được thông suốt
Tôi cũng không các nạn
Tâm cũng không tấn thối
Việc học tôi trước đây
Pháp luật không còn nghi
Thông suốt các kinh điển
Hiểu rõ các đạo nghĩa
Việc học tôi như thế
Chư hiền nên phụng trì
Ông không biết các kinh
Cũng không hiểu các luật
Sao trước các Tôn giả
Tự khoe khoang nhiều thế
Đệ tử ác của thầy
Tánh hung bạo độc ác
Tên gọi là A-tư
Liền hại ngay Tu-lại
Lúc đó có quỷ thần
Tin kính đối Phật pháp
Tay cầm gậy Kim cang
Bèn đánh chết A-tư
Thế gian ngay lúc ấy
Đất đai sau cách động
Bốn phương đều rền vang
Phi nhân đánh trống trời
Bấy giờ từ bốn phương
Có bốn đám khói lớn
Và bốn đám lửa lớn
Từ trên bốn phía rơi
Thế gian ngay lúc ấy

Trời đất bỗng tối đen
Từ đó đi không về
Dân chết hoặc ngu si
Nhân dân nhiều vô số
Đều buồn thương áo não
Hôm nay đời mạt thế
Chánh pháp Phật chưa diệt
Quỷ thần từng thấy Phật
Tin ưa với đạo nghĩa
Tự gieo mình xuống đất
Gào khóc rất thảm thiết
Các Tỳ-kheo gặp nạn
Như kẻ mất mẹ cha
Hôm nay đời mạt thế
Chánh pháp Phật diệt mất
Mặt trời nay đã lặn
Không ai nói kinh điển
Pháp luật và giới cấm
Còn nghe ai nói đây
Các trời, quỷ thần cây
Thần minh ở đồng hoang
Lòng đớn đau sầu thảm
Oằn oại không tự chủ
Đèn pháp đã tắt rồi
Chánh điển đã hư mất
Đời này đã băng hoại
Trống pháp không còn vang
Các ma đều hoan hỷ
Hội nhau cùng ăn mừng
Quơ tay reo mừng lớn
Nay đời Phật tàn rồi
Về sau đời tương lai
Phải bị hoạn nạn ấy
Vậy càng nên tinh tấn
Gắng sức cầu độ thoát
Ví như có khách buôn
Thất thời tâm buồn khổ
Phải càng nhờ bà con

Nếu không sau phải hối
Nghe lúc đạo pháp thịnh
Kinh điển truyền khắp nơi
Người thuyết pháp còn hoài
Tâm siêng tu Phật giáo
Hôm nay cả bốn chúng
Lần lượt cung kính nhau
Nghe Phật pháp vẫn còn
Sớm hôm tinh tấn
Thân thể lúc còn khỏe
Chưa gặp bệnh già chết
Vì thế nên ân cần
Nghĩ sợ nạn lớn sau
Kịp lúc các nước yên
Không có các hoạn nạn
Sung túc khất thực dễ
Kính tu giới luật Phật
Sa-môn hiểu La-sát
Nghe pháp giáo giới ấy
Trước cúi đầu đảnh lễ
Trưởng lão Ca-chiên-diên
Thưa: Thân con run sợ
Rởn gáy, tim lạnh ngắt
Thất chí, không biết pháp
Lại không biết làm gì
Nay con nghe lời ấy
Tâm vô cùng sợ hãi
Tương lai thấy việc này
Tâm đâu khỏi tan nát
Tôn giả Ca-chiên-diên
Nghe ngày lời buồn nầy
Liền vì các đệ tử
Nói chánh pháp chưa mất.
Ba trăm năm nhiều người giải thoát
Ba trăm năm được nghe giới, định
Ba trăm năm sửa sang chùa Phật
Đến ngàn năm thuyết pháp vườn xanh
Những Tỳ-kheo ưa hay không ưa

Tập ở độc thân nơi vắng vẻ ở nơi vắng vẻ
Ở nơi đó tu hạnh Vô phương
Phải hàng phục các ái dục.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 179

LỜI KÝ CỦA ĐẠI A LA HÁN NAN-ĐỀ-MẬT-ĐA-LA NÓI VỀ SỰ TỒN TẠI CỦA PHÁP

SỐ 2030

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2030

LỜI KÝ CỦA ĐẠI A-LA-HÁN NAN-ĐỀ MẬT-ĐA-LA NÓI VỀ SỰ TỒN TẠI CỦA PHÁP

Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang. Đời Đại Đường,

Truyện kể rằng: Trong khoảng tám trăm năm sau khi Đức Phật Bạc-già-phạm nhập Niết-bàn, tại thành đô của vua Thắng Quân, nước Chấp sư tử, có vị A-la-hán tên là Nan-đề Mật-đa-la (đời Đường dịch là Khánh Hữu). Vị này có đủ tám Giải thoát, ba Minh, sáu Thông, trí Vô tránh nguyện, định Biên tế... đầy đủ tất cả vô lượng công đức, có oai thần lớn, tiếng đồn vang xa. Ngài dùng lực của trí nguyện có thể biết rõ các thứ tâm hành của tất cả loài hữu tình ở cõi này. Ngài lại hay tùy thuận tạo nhiều lợi ích. Khi hóa duyên đã ngày, lúc sắp nhập Niết-bàn, ngài cho tập hợp Bí-sô và Bí-sô-ni để nói về các công đức nhiệm mầu mà mình đã chứng được cùng các hạnh nên làm để lợi lạc tất cả hữu tình... Các sự nghiệp cao quý đều đã làm ngày cả rồi. Lúc đó ngài bảo đại chúng rằng:

- Từ nay trở đi ta không còn làm việc gì nữa, chỉ còn việc trở về với Vô dư Niết-bàn mà thôi. Vậy các nhân giả biết có những nghi ngờ gì thì nên hỏi.

Khi ấy đại chúng nghe lời ấy ngày, liền lăn lộn trên đất cất tiếng gào khóc. Có kẻ thưa rằng:

- Đức Phật Bạc-già-phạm nhập Niết-bàn đã lâu, các vị đệ tử Phật cũng nối nhau mà tịch diệt, cõi thế gian này sẽ trống vắng lâu dài, không có bậc Chân điều ngự. Nay chỉ có Tôn giả là con mắt của hàng

trời, người. Vì sao ngài lại muốn rời bỏ chúng con mà đi. Cúi mong ngài rủ lòng thương xót sống thêm một thời gian ngắn nữa.

Tôn giả Khánh Hữu an ủi khuyên bảo chúng rằng:

- Không nên khóc lóc, các nhân giả nên biết rằng pháp thế gian như thế có sinh tất có diệt. Chư Phật, Như Lai đã hàng phục được bốn ma nên rất tự tại về tuổi thọ. Nhưng vì tùy thuận đời nên các ngài cũng phải thị hiện có Niết-bàn, huống là bọn chúng ta đâu thể sống hoài được. Nếu ta tùy thuận theo lời cầu xin của quý vị thì cũng chẳng ích lợi gì. Theo ý đó chớ nên buồn rầu, chỉ có điều gì còn nghi ngờ thì hãy nhanh chóng hỏi đi.

Các Bí-sô tuy nghe lời dạy bảo thế nhưng cũng còn sụt sùi hồi lâu rồi mới thưa hỏi rằng:

- Chúng con chưa biết là chánh pháp Vô thượng của Đức Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni sẽ trụ trong thời gian bao lâu?

Tôn giả bảo rằng:

- Quý vị hãy lắng nghe! Trước kia Đức Như Lai đã nói kinh Pháp Trụ rồi, nay ta sẽ nói sơ lược lại. Đức Phật Bạc-già-phạm khi sắp nhập Niết-bàn đã phó chúc pháp Vô thượng lại cho mười sáu vị Đại A-la-hán cùng các quyến thuộc... khiến phải giữ gìn để chánh pháp không diệt mất. Lại bảo các vị ấy phải đích thân làm Chân Phước Điền cho các thí chủ để giúp các thí chủ được quả báo lớn.

Khi ấy đại chúng nghe Tôn giả bảo thế thì cũng đã khuây khỏa phần nào, liền hỏi lại rằng:

- Bọn chúng con không biết rõ tên của mười sáu vị A-la-hán mà ngài nói đó là những vị nào

Ngài Khánh Hữu đáp:

- Tôn giả thứ nhất tên là Tân Độ La-bạt-la-nọa-xà, Tôn giả thứ hai tên Ca-nặc-ca-phạt-sa, Tôn giả thứ ba tên là Ca-nặc-ca-bạt-ly-đọa-xà, Tôn giả thứ tư tên là Tô-tần-đà, Tôn giả thứ năm tên là Nặc-cự-la, Tôn giả thứ sáu tên là Bạt-đà-la, Tôn giả thứ bảy tên là Ca-lý-ca, Tôn giả thứ tám tên là Phạt-xà-la-phất-đa-la, Tôn giả thứ chín tên là Tuất-bác-ca, Tôn giả thứ mười tên là Bán-thác-ca, Tôn giả thứ mười một tên là La-hộ-la, Tôn giả thứ mười hai tên là Na-già-tê-na, Tôn giả thứ mười ba tên là Nhân-yết-đà, Tôn giả thứ mười bốn tên là Phạt-na-bà-tư, Tôn giả thứ mười lăm tên là A-thị-đa, Tôn giả thứ mười sáu tên là Chú-đồ-bán-thác-ca. Cả mười sáu vị Đại A-la-hán đó, tất cả đều đầy đủ Tam minh, Lục thông, tám Giải thoát và vô lượng công đức, lìa nhiễm cả ba cõi, trì tụng ba tạng thông suốt cả ngoại điển, tuân lời Phật dạy, dùng

sức thần thông kéo dài tuổi thọ... cho đến luôn hộ trì chánh pháp của Đức Thế Tôn khi còn ở trên đời và các ngài còn làm Chân phước điền cho các thí chủ, khiến người bố thí được quả báo lớn.

Khi đó chúng Bí-sô và Bí-sô-ni lại thưa hỏi rằng:

- Bọn chúng con không biết rõ mười sáu vị Tôn giả đó phần nhiều ở chốn nào để hộ trì chánh pháp làm lợi ích các hữu tình?

Ngài Khánh Hữu đáp rằng:

- Vị Tôn giả thứ nhất cùng với quyến thuộc của mình gồm một ngàn vị A-la-hán phần nhiều châu châu Tây Cù-đà-ni Vị Tôn giả thứ hai cùng quyến thuộc của mình gồm năm trăm vị A-la-hán phần nhiều châu phía Bắc nước Ca-thấp-di-la. Vị Tôn giả thứ ba cùng quyến thuộc của mình gồm sáu trăm vị A-la-hán phần nhiều châu Đông Thắng thần châu. Vị Tôn giả thứ tư cùng quyến thuộc của mình gồm bảy trăm vị A-la-hán phần nhiều châu Bắc Câu-lô châu. Vị Tôn giả thứ năm cùng quyến thuộc của mình gồm tám trăm vị A-la-hán phần nhiều châu Nam Thiệm bộ châu. Vị Tôn giả thứ sáu cùng quyến thuộc của mình gồm chín trăm vị A-la-hán phần nhiều châu Đam-một-la châu. Vị Tôn giả thứ bảy cùng quyến thuộc của mình gồm một ngàn vị A-la-hán phần nhiều Tăng-già-đồ. Vị Tôn giả thứ tám cùng quyến thuộc của mình gồm một ngàn một trăm vị A-la-hán phần nhiều châu Bát-thích-noa Vị Tôn giả thứ chín cùng quyến thuộc của mình gồm chín trăm vị A-la-hán phần nhiều vùng núi Hương túy. Vị Tôn giả thứ mười cùng quyến thuộc của mình gồm một ngàn ba trăm vị A-la-hán phần nhiều châu trời Tam thập tam. Vị Tôn giả thứ mười một cùng quyến thuộc của mình gồm một ngàn một trăm vị A-la-hán phần nhiều châu Tất-lợi-dương-cù châu. Vị Tôn giả thứ mười hai cùng quyến thuộc của mình gồm một ngàn hai trăm vị A-la-hán phần nhiều châu vùng núi Bán-độ-ba. Vị Tôn giả thứ mười ba cùng quyến thuộc của mình gồm một ngàn ba trăm vị A-la-hán phần nhiều châu vùng núi Quảng hiếp. Vị Tôn giả thứ mười bốn cùng quyến thuộc của mình gồm một ngàn bốn trăm vị A-la-hán phần nhiều châu vùng núi Khả trụ. Vị Tôn giả thứ mười lăm cùng quyến thuộc của mình gồm một ngàn năm trăm vị A-la-hán phần nhiều châu ngọn núi Linh thứu. Vị Tôn giả thứ mười sáu cùng quyến thuộc của mình gồm một ngàn sáu trăm vị A-la-hán phần nhiều châu vùng núi Trì trục.

- Này các Nhân giả! Nếu thế giới này, tất cả vua chúa, các quan tể tướng, đại thần, cư sĩ, trưởng giả, kẻ nam người nữ đều phát tâm thanh tịnh mạnh mẽ, vì bốn phương Tăng mà thiết lập hội Đại bố thí, hoặc mỗi năm năm lập hội Vô già thí, hoặc thiết lập đại hội ăn mừng chùa

mới, tượng mới, kinh mới phiên dịch. Hoặc thiết lập hội Đại phước thỉnh mời chư Tăng đến trư xứ của mình ở lâu dài, hoặc đến chùa chỗ kinh hành... bày bố đủ các tọa cụ, ngọa cụ đẹp quy y phục thuốc men thức ăn uống, phụng thí cho toàn thể chúng Tăng. Lúc đó mười sáu vị Đại A-la-hán này cùng các quyến thuộc tùy chỗ thích ứng mà chia nhau đến dự hội, hiện đủ mọi hình tướng, dấu đi tướng Thánh hiền, cùng giống chúng phàm phu, kín đáo thọ nhận của cúng thí, khiến các thí chủ được quả báo thù thắng. Mười sáu vị Đại A-la-hán đó hộ trì chánh pháp làm lợi ích các loài hữu tình như thế cho đến khi tuổi thọ của loài người ở châu Nam Thiệm bộ này giảm xuống quá ngắn còn mười tuổi, kiếp đao binh nổi lên, giết chóc lẫn nhau. Lúc đó Phật pháp tạm thời diệt mất. Sau kiếp đao binh thì tuổi thọ loài người tăng dần lên đến mức một trăm tuổi. Khi đó loài người ở châu Thiệm bộ này, chán cảnh giết hại đau khổ của kiếp đao binh trước lại thích tu thiện. Lúc đó, mười sáu vị Đại A-la-hán này cùng các quyến thuộc lại hiện ra chốn nhân gian, khen bày diễn nói chánh pháp vô thượng, độ vô lượng chúng sinh khiến họ xuất gia, làm vô số lợi ích cho tất cả hữu tình. Như thế đế khi tuổi thọ của loài người ở châu này tăng lên sáu vạn tuổi, thì chánh pháp Vô thượng truyền bá khắp thế gian rạng rỡ không dứt. Sau khi loài người có tuổi thọ đến bảy vạn tuổi thì chánh pháp Vô thượng mới diệt mất vĩnh viễn. Lúc bấy giờ, mười sáu vị Đại A-la-hán này cùng các quyến thuộc ở trên châu này cùng tụ họp nhau lại, rồi dùng sức thần thông xây dựng tháp Phật bằng bảy báu rất cao rộng vô cùng trang nghiêm tráng lệ. Trong tháp xá-lợi của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác đều để đủ trong ấy. Khi đó, mười sáu vị Đại A-la-hán và các quyến thuộc cùng đi nhiễu quanh tháp dùng các thứ hương hoa đến cúng dường và cung kính khen ngợi. Khi đi nhiễu quanh cả trăm ngàn vòng và chiêm ngưỡng kính lễ ngày, thì tất cả đều bay lên hư không hướng về tháp Phật đồng thưa rằng: “Kính lễ Đức Thế Tôn Thích-ca Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Chúng con nhận lời Phật dạy đã hộ trì chánh pháp và làm vô số lợi ích cho hàng trời, người, pháp tạng nay đã diệt rồi, hóa duyên đã cùng khắp, giờ đây xin từ biệt để diệt độ”. Khi nói ngày thì tất cả cùng lúc đều nhập Vô dư Niết-bàn. Do định nguyện lực từ trước nên lửa nổi lên thiêu đốt toàn thân, như ngọn đuốc lớn sáng rực, đốt cháy tan hài cốt không còn sót lại chút gì. Lúc đó tháp Phật bỗng sâu xuống đất đến tầng Kim luân mới dừng lại. Lúc bấy giờ, chánh pháp Vô thượng của Đức Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni ở tam thiên đại thiên thế giới này mất hẳn không hiện ra nữa. Từ đó về sau trong cõi nước Phật này

có bảy vạn câu-chi vị Độc giác liên tục xuất hiện, đến khi tuổi thọ loài người đến tám vạn tuổi thì các Thánh chúng Độc giác lại cùng diệt độ. Sau khi Đức Di-lặc Ứng Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở thế gian, bấy giờ Thiệm bộ châu rất rộng lớn trang nghiêm sạch đẹp, không có gai gốc, bụi rậm, hang hố, đồi gò... tất cả đều bằng phẳng, cát bằng vàng phủ mặt đất, mọi nơi đều có ao hồ trong mát, cây lá sum suê, hoa thơm cỏ lạ và của báu chất đầy, lấp lánh phản chiếu ngày nhau trông rất ưa thích. Mọi người đều có Từ tâm, tu hạnh thập thiện. Vì tu thiện nên tuổi thọ dài lâu, giàu có, an ổn. Nam nữ đông đảo hòa thuận, thành ấp san sát liền nhau, gieo một thu bảy, tự nhiên kết trái không cần cày bừa.

- Này các Nhân giả! Lúc đó cõi nước trang nghiêm, quả báo của loài hữu tình kể mãi không hết, đầy đủ như trong kinh Di-lặc thành Phật đã nói. Đức Di-lặc Như Lai thành Chánh giác ngày, liền vì chúng Thanh văn mở ra ba hội thuyết pháp khiến họ ra khỏi sinh tử chứng được Niết-bàn. Hội thứ nhất độ chín mươi sáu câu-chi chúng Thanh văn. Hội thứ hai độ được chín mươi bốn câu-chi chúng Thanh văn. Hội thứ ba độ được chín mươi hai câu-chi chúng Thanh văn.

Nếu các vua chúa, quan đại thần, Trưởng giả, Cư sĩ, nam nữ tất cả các thí chủ hiện nay đối với chánh pháp của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni hiện nay hay làm các Phật sự, tự gieo các thiện căn hoặc bảo người khác gieo trồng, tức là lấy bảy báu vàng bạc, trân châu, ngọc bích, gỗ thơm, thau, đá, đồng, sắt, gỗ bùn đất, hoặc lấy lụa để dệt, vẽ, nắn, đúc, tạo nên các hình tượng Phật hoặc tháp Phật, dù lớn hay nhỏ cho đến chỉ bằng lóng tay, hoặc dùng hương hoa và vật cúng dường đẹp đẽ, hoặc nhiều hay ít mà đem cúng dường. Do sức thiện căn như thế nên khi Đức Di-lặc Như Lai thành Chánh giác thì liền được làm thân người ở trong hội thứ nhất của Đức Phật ấy dùng tâm tịnh tín bỏ tục đi xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục mà dự ngày hàng Thánh chúng. Tùy theo nguyện lực đời trước mà được Niết-bàn. Đó gọi là người bậc nhất vì Phật sự mà gieo trồng thiện căn được quả báo như thế.

Nếu các vua chúa và các quan dân tất cả đều là thí chủ, đối với chánh pháp của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni hiện nay mà hay làm pháp sự gieo trồng thiện căn, hoặc bảo người khác gieo trồng, nghĩa là đối với kinh tạng Đại thừa (Tố Đác Lãm Tạng) có tánh không rất sâu xa, tương ưng với các kinh Đại thừa, đó là kinh Bát-nhã ba-la-mật-đa, kinh Diệu Pháp Phân-đà-lợi-ca, kinh Kim Quang Minh, kinh Kim Cang Thủ Tạng, kinh Thủ-lăng-già-ma Tam-ma-địa, kinh Huyễn Dụ Tam-ma-địa, kinh Đại Thần Biến Tam-ma-địa, kinh Tập Chư Công Đức Tam-ma-địa,

kinh Hoàn Như Lai Trí Ấn Tam-ma-địa, kinh Cụ Chư Oai Quang Tam-ma-địa, kinh Bảo Đài, kinh Tập Chư Bồ-tát Tam-ma-địa, kinh Chư Phật Nhiếp Thọ, kinh Tập Thỉnh Vấn, kinh Phạm Vương Vấn, kinh Thiện Kiết Vấn, kinh Võng Mãnh Vấn, kinh Năng Mãn Vấn, kinh Hải Long Vương Vấn, kinh Vô Nhiệt Não Long Vương Vấn, kinh Thọ Tràng Long Vương Vấn, kinh Bảo Chưởng Vấn, kinh Bảo Kế Vấn, kinh Hư Không Ấm Vấn, kinh Hư Không Hống Vấn, kinh Huyễn Võng Vấn, kinh Bảo Nữ Vấn, kinh Diệu Nữ Vấn, kinh Thiện Tý Vấn, kinh Sư Tử Vấn, kinh Mãnh Thọ Vấn, kinh Kim Quang Nữ Vấn, kinh Thuyết Vô Tận huệ, kinh Thuyết Vô Cấu Xưng, kinh Vị Sinh Oán Vương, kinh Đế Thật, kinh Na-la-diên, kinh Hoa Nghiêm, kinh Liên Hoa Thủ, kinh Thập Phật Danh, kinh Vô Lượng Quang Chúng, kinh Cực Lạc Chúng, kinh Tập Tịnh Hoa, kinh Đại Tập, kinh Nhập Nhất Thiết Đạo, kinh Bảo Tràng, kinh Bảo Tụ, kinh Bảo Khiếp, kinh Thải Hoa, kinh Cao Đảnh Vương... Các kinh Đại thừa như thế có cả trăm câu-chi bộ nhóm sai khác. Còn có các tạng Đại thừa Tỳ-nại-gia, tạng A-tỳ-đạt-ma gồm có nhiều bộ loại, tất cả các tạng này đều thuộc tạng Bồ-tát. Lại có ba tạng Thanh văn, đó là tạng Tố-đát-lãm, tạng Tỳ-nại-gia, tạng A-tỳ-đạt-ma.Về tạng Tố-đát-lãm thì có năm loại A-cấp-ma, đó là trường a cấp ma,trung cấp ma,tăng nhất a cấp ma,tương ưng a cấp ma,và tạp a cấp ma:

Về tạng Tỳ-nại-gia thì trong đó có Bí-sô giới kinh và Bí-sô-ni giới kinh, phân loại về giới bổn thì có các uẩn khác nhau và luật Tăng nhất.Về tạng A-tỳ-đạt-ma thì gồm có Lục Vấn Tương Ưng Phát Thú... gồm rất nhiều bộ loại. Lại có Bổn Sinh Man Tán, Độc Giác Man Tán. Trong chánh pháp tạng như thế thì hoặc do chính Đức Phật nói, hoặc do Bồ-tát, nói hoặc do Thanh văn nói, hoặc do các Tiên nhân nói Hoặc có thứ do chư Thiên nói, hoặc do các bậc Trí nói ra, hay trích dẫn các nghĩa lợi ích cho đến của người có năng lực thật sự. Về bốn câu tụng thì hoặc tự mình tụng hoặc dạy người khác tụng, hoặc tự mình đọc, hoặc hay người khác đọc hoặc dạy người khác giữ gìn tự mình trì giữ, tự mình giải nói hoặc dạy người khác giải nói. Hoặc cung kính cúng dường Pháp sư, hoặc cung kính cúng dường kinh điển. Nghĩa là dùng các thứ hương hoa, tràng phan, bảo cái, âm nhạc, đèn sáng mà cúng dường. Hoặc đối với kinh điển thì do dùng các thứ màu sắc, bao túi, vải lụa... để làm đẹp quyển kinh. Các sức thiện căn như thế nên đến khi Đức Di-lặc thành Chánh giác thì liền được làm thân người ở trong hội thứ hai của Đức Phật ấy, dùng tâm tịnh tín lìa bỏ pháp tại gia, sống đời xuất gia không nhà cửa, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục dự ngày hàng Thánh chúng.

Tùy theo nguyện lực ở đời trước mà chứng được Niết-bàn. Đó gọi là bậc thứ hai vì pháp sự mà gieo trồng các thiện căn nên được quả báo như thế.

Nếu các vua chúa và các quan dân tất cả đều là thí chủ, hiện nay đối với chánh pháp của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni hiện nay hay vì Tăng mà tự gieo trồng thiện căn, hoặc bảo người khác gieo trồng. Nghĩa đối với là các chúng Bí-sô và Bí-sô-ni, hoặc thứ lớp thỉnh mời hoặc tùy duyên mà mời thỉnh mỗi tháng ngày mồng một, mồng tám hoặc ngày Rằm để thiết trai lễ cúng dường, hoặc đến chùa cúng dường Phật. Hoặc cúng dường chúng Tăng, hoặc hầu hạ. Có người cúng dường người tu thiền định, hoặc cúng dường thầy giảng kinh thuyết pháp. Hoặc thấy có người muốn học tập truyền bá chánh pháp theo thầy nghe nhận thọ trì không tạo các sự trở ngại, mà an ủi vỗ về khiến họ an ổn, không sợ sệt thối lui. Hoặc lập hội năm năm Vô già thí, hoặc cúng thí cho chư Tăng các loại bốn phương, hoặc cúng thí chùa nhà phòng ốc, tọa cụ, ngọa cụ. Hoặc cúng thí chuông khánh hay vườn tược... các loại cúng dường chúng Tăng như thế. Do sức thiện căn như thế nên khi Đức Như Lai Di-lặc thành Chánh giác thì được thân người ở trong hội thứ ba của Đức Phật ấy, do tâm tịnh tín mà lìa bỏ pháp tại gia, hướng về cuộc sống xuất gia. Cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục được dự ngày hàng Thánh chúng. Tùy theo nguyện lực đời trước liền chứng được Niết-bàn. Đó gọi là bậc thứ ba vì Tăng sự mà gieo trồng các thiện căn nên được quả báo như thế.

Khi đó Đại A-la-hán Khánh Hữu đã giải bày tỏ tường cho toàn thể đại chúng các việc như trên ngày, bèn dùng sức thần thông ở trước đại chúng, cất mình bay thẳng lên hư không, cao gấp bảy cây Đa-la, thị hiện mọi thứ thần biến không thể nghĩ bàn khiến những ai nhìn thấy đều càng gắng sức tiến tu đạo pháp. Khi Tôn giả thị hiện thần biến ngày liền ngồi kiết già giữa không trung, xả thọ hành và mạng hành, nhập ngày cảnh giới Vô dư Niết-bàn. Do định nguyện lực từ trước nên lửa nổi lên đốt cháy toàn thân. Khi đó ở giữa không trung có mưa ào xuống để giữ lại di cốt. Bấy giờ toàn thể đại chúng vô cùng buồn thương, nói rằng đây là việc hiếm có. Rồi cùng nhau thâu nhặt hài cốt, xây dựng tháp để thờ phượng. Lại dùng các thứ hương hoa,tràng phan, bảo cái, quý đẹp và âm nhạc, đèn sáng để cúng dường thường xuyên.

Pháp trụ ký này được các Sư từ xa xưa lần lượt truyền nhau đọc tụng nhớ mãi không quên. Vì khiến tất cả vua chúa, đại thần, trưởng giả, cư sĩ cùng các thí chủ... hiểu rõ luật nhân quả chán ghét sinh, lão, bệnh, tử, thân này và mọi vật chỉ rỗng giả như thân cây chuối, như trò

huyễn hóa, như ánh chớp, như bọt nước. Cần nên tu Thắng nghiệp, để ở tương sẽ gặp được Đức Phật Di-lặc, thoát được các phiền não và chứng đại Niết-bàn vui thích nhất. Thế nên đối với chánh pháp của Phật giữ gìn phát huy khiến còn lâu dài không bị diệt mất

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 179

LUẬN DỊ BỘ TÔNG LUÂN

SỐ 2031

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2031

LUẬN DỊ BỘ TÔNG LUÂN

Tác giả Bồ-tát thế hữu
Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang đời đường.

Sau khi Phật Niết-bàn
Vừa đầy một trăm năm
Dị bộ Thánh giáo khởi
Dẫn đến không lợi ích
Lần lượt vì chấp khác
Do đó có nhiều bộ
Nương theo A-cập-ma
Bảo chấp kia đáng chán
Đại Bồ-tát Thế hữu
Đủ đại trí huệ giác
Chơn Bí-sô dòng Thích
Lúc nhìn rõ xét chọn
Đều thấy ở thế gian
Nhiều nhận thức nổi trôi
Chia nhau phá lời Phật
Bằng thuyết của nhiều tông
Phải quán xét Phật giáo
Căn cứ lời Thánh đế
Như nhặt vàng trong cát
Chọn lấy thứ chân thật.

Được nghe chuyện kể thế này sau khi Đức Phật Bạc-già-phạm nhập Niết-bàn. hơn trăm năm, thế gian như mặt trời đã từ tất lâu. Châu thành Câu-tô-ma thuộc nước Ma-kiệt-đà, có đức vua tên là Vô Ưu, cai

quản bộ châu Thiệm. Vị vua này có được một cái lọng trắng hóa độ được cả người và thần. Lúc đó Phật pháp của đại chúng vừa mới bị phân chia nhân đó bốn chúng họp bàn về năm việc của đại thiên ý kiến không đồng nhau, nên phân làm hai bộ là Đại chúng bộ và Thượng tọa bộ. Bốn chúng đó là:

1. Chúng rồng voi.
2. Chúng quê dốt ở vùng biên giới.
3. Chúng học rộng.
4. Chúng đại đức.

Về năm việc thì như tụng nói rằng:

Bị kẻ khác dụ có điều không biết
Còn hoài nghi nhờ người khác ấn chứng.
Nhờ ngày âm thanh mới chứng Thánh đạo
Đó chính là lời dạy của đức phật.

Khoảng một trăm năm sau đó (tức hai trăm năm sau khi Phật diệt độ) thì đại chúng bộ lại chia làm ba bộ:

1. Nhất thiết bộ.
2. Thuyết xuất thế bộ.
3. Kê dận bộ.

Sau đó khoảng trăm năm lần thứ hai này thì Đại chúng bộ lại xuất hiện một bộ mới đó là Đa văn bộ. Sau đó cũng trong trăm năm thứ hai này thì Đại chúng bộ lại có thêm một bộ mới nữa là Thuyết giả bộ. Đến cuối khoảng một trăm năm thứ hai này thì có nhà ngoại đạo xuất gia cải tà quy chánh gọi là Đại thiên, xuất gia thọ đại giới ở trong Đại chúng bộ. Học rộng siêng năng ở trên núi Chế đa. Vị này cùng với Tăng của bộ ấy trình bày lại năm việc. Nhân đó có nhiều tranh cãi trái nhau, nên lại chia làm ba bộ:

1. Chế đa sơn bộ.
2. Tây sơn trụ bộ.
3. Bắc sơn trụ bộ.

Như thế Đại chúng bộ đã bốn hoặc năm lần chia bộ khác nhau. Các thuyết khác nhau gốc ngọn hợp thành chín bộ:

1. Đại chúng bộ.
2. Nhất thuyết bộ.
3. Thuyết xuất thế bộ.
4. Kê dận bộ.
5. Đa văn bộ.
6. Thuyết giả bộ.

7. Chế đa sơn bộ.
8. Tây sơn trụ bộ.
9. Bắc sơn trụ bộ.

Riêng Thượng tọa bộ thì trải qua thời gian đó vẫn hòa hợp một vị. Nhưng trong ba trăm năm đầu thì có chút ít tranh cãi nhau nên phân làm hai bộ:

1. Thuyết nhất thiết hữu bộ cũng gọi là Thuyết nhân bộ.
2. Thượng tọa bộ gốc đổi tên là Tuyết sơn bộ.

Sau đó ngay trong khoảng trăm năm thứ ba này thì Thuyết nhất thiết hữu bộ lại sinh ra một bộ mới là Độc tử bộ. Sau đó, cũng trong khoảng trăm năm thứ ba này thì Độc tử bộ lại chia ra bốn bộ là:

1. Pháp thượng bộ.
2. Hiền trụ bộ.
3. Chánh lượng bộ.
4. Mật lâm sơn bộ.

Sau đó cũng trong trăm năm thứ ba nầy thì từ Thuyết nhất thiết hữu bộ lại sinh ra một bộ tên là Hóa địa bộ. Sau đó cũng trong khoảng trăm năm thứ ba này từ Hóa địa bộ lại sinh ra một bộ tên là Pháp tạng bộ tự xưng là ta noi gương theo thầy Thái Thúc Thị. Đến cuối khoảng cuối khoảng ba trăm năm thì từ Thuyết nhất thiết hữu bộ lại sinh ra một bộ tên là Ẩm quang bộ cũng gọi là Thiện tuế bộ. Cho đến đầu một trăm năm thứ tư thì từ Thuyết nhất thiết hữu bộ lại sinh ra một bộ nữa gọi là Kinh lượng bộ, cũng gọi là Thuyết chuyển bộ tự khoe là ta thờ Khánh Hỷ làm thầy. Như thế Thượng tọa bộ thì có bảy hoặc tám lần chia bộ, gốc ngọn kể chung gồm có mười một bộ:

1. Thuyết nhất thiết hữu bộ.
2. Tuyết sơn bộ.
3. Độc tử bộ.
4. Pháp thượng bộ.
5. Hiền trị bộ.
6. Chánh lượng bộ.
7. Mật lâm sơn bộ
8. Hóa địa bộ.
9. Pháp tạng bộ.
10. Ẩm quang bộ.
11. Kinh lượng bộ.

Các tông gốc và tông ngọn, đồng nghĩa khác nghĩa nay tôi sẽ nói rõ:

Đại chúng bộ Nhất thuyết bộ, Thuyết xuất thế bộ. Kê dận bộ là các bộ đồng nghĩa. Với tông gốc Nghĩa là cả bốn bộ đều nói giống nhau về: Chư Phật Thế Tôn đều là xuất thế, tất cả Như Lai đều không có pháp hữu lậu, lời của các Như Lai nói đều là chuyển pháp luân, Đức Phật dùng một thứ tiếng mà nói tất cả pháp. Những điều Đức Thế Tôn nói ra không thứ nào là không đúng nghĩa. Sắc thân của Như Lai thật không bờ bến, oai lực của Như Lai cũng không bờ bến, tuổi thọ của Như Lai cũng không bờ bến. Đức Phật hóa độ các loài hữu tình khiến sinh tâm tịnh tín không biết chán đủ. Đức Phật không hề nằm mơ. Đức Như Lai trong mọi hỏi đáp đều không cần suy nghĩ. Trong tất cả mọi lúc phật không "Nói về danh" vì thường ở trong định. Song các loài hữu tình cho rằng khi Phật nói danh thì đều rất vui mừng hớn hở. Chỉ trong sát na thì tâm hiểu rõ tất cả pháp, chỉ trong sát na thì tâm tương ứng với Bát-nhã, hiểu rõ tất cả pháp. Chư Phật Thế Tôn có Tận trí và Vô sinh trí luôn tùy chuyển cho đến khi nhập Niết-bàn. Tất cả Bồ-tát khi ở trong thai mẹ đều không nhận lấy Yết thích lam, Át bộ đàm, Bế thi kiền nam làm tự thể. Tất cả Bồ-tát khi ngày thai mẹ thì hóa hình bạch tượng và tất cả Bồ-tát khi ra khỏi thai mẹ đều từ hông bên phải. Tất cả Bồ-tát đều không khởi tưởng dục, tưởng giận, tưởng giết hại. Khi Bồ-tát muốn làm lợi ích cho các loài hữu tình đều nguyện sinh ngày ác thú và tùy ý mà đến nơi. Chỉ trong sát na hiện quán biên trí thì khắp biết các tướng sai khác của Tứ đế,... năm thức thân có thứ nhiễm, có thứ lìa nhiễm. Ở cõi Sắc và Vô sắc thì đủ cả sáu thức thân. Năm thứ sắc căn lấy khối thịt làm thể. Mắt không thấy sắc, tai không nghe tiếng, mũi không ngửi mùi, lưỡi không nếm vị, thân không biết chạm xúc. Ở vị đẳng dẫn có phát ra tiếng nói. Cũng có điều phục tâm, cũng có tịnh tác ý. Việc làm đã ngày, không còn nhận chịu các pháp nữa. Hàng Dự lưu thì tâm, tâm sở pháp hay hiểu rõ tự tánh. Có các A-la-hán còn bị cái khác dẫn dụ cũng có điều không biết, cũng còn do dự. Nhờ người khác khiến ngộ nhập. nhân tiếng mới chứng đạo. Khổ có thể dẫn đến đạo, lời nói khổ có thể trợ giúp Do huệ làm gia hạnh nên hay diệt hết các khổ, cũng có thể dẫn đến vui, khổ cũng là ăn. Lại cũng được trụ lâu trong địa thứ tám, cho đến pháp Tánh địa đều có thể nói là có thoái lui. Hàng dự lưu thì có nghĩa lui sụt còn bậc A-la-hán thì không có nghĩa lui sụt nữa. Không có chánh kiến thế gian, không có tín căn thế gian, không có pháp vô ký. Khi nhập ngày chánh tánh ly sinh thì có thể nói là đã đoạn dứt hết tất cả kiết. Các hàng Dự lưu thì còn tạo tất cả tội ác trừ tội Vô gián. Những kinh Phật nói đều là liễu nghĩa.

Pháp Vô vi gồm có chín thứ:

1. Trạch diệt.
2. Phi trạch diệt.
3. Hư không.
4. Không vô biên xứ.
5. Thức vô biên xứ.
6. Vô sở hữu xứ.
7. Phi tưởng phi phi tưởng xứ.
8. Tánh duyên khởi chi.
9. Tánh Thánh đạo chi.

Tâm tánh vốn tịnh nhưng do khách trần tùy, phiền não vấy nhiễm nên gọi là bất tịnh. Tùy miên không phải là tâm không phải là tâm sở, cũng không có sở pháp duyên. Tùy miên khác với triền, triền khác với tùy miên, nên nói tùy miên không tương ưng với tâm, triền tương ưng với tâm. Quá khứ, vị lai không có thật thể. Tất cả pháp xứ đều không thể biết, cũng không nhận biết số lượng, không thể thấu suốt, hoàn toàn không cái có ở torng đó có của không. Các hàng Dự lưu cũng đắc Tịnh lự. Như thế đó là các tông gốc đồng nghĩa.

Còn bốn bộ thuộc tông ngọn này thì khác nghĩa. Như nói các tướng sai khác của Thánh đế như như là như thế như thế. Có sự hiện quán khác. Có một ít pháp tự tạo tác, một ít pháp do cái khác tão tác một ít pháp do hai bên cùng tạo tác, lại có một ít pháp từ các duyên sinh ra. Có khi cùng một lúc mà hai tâm cùng khởi lên tức đạo và phiền não cùng hiện tiền. Nghiệp và dị thục có khi cùng chuyển trong một lúc, gieo trồng iền nảy mầm. Các sắc căn đại chủng thì có nghĩa biến đổi còn tâm, tâm sở pháp không có nghĩa biến đổi. Tâm thì biến khắp thân thể và tâm lại nương theo cảnh và có thể thu lại hay dản trãi ra đều được. Các việc chấp chặt của các tông ngọn như thế lần hồi có vô lượng các thứ khác nhau. Như bộ Đa văn bộ đồng nghĩa với tông gốc là gọi năm tiếng của Phật là xuất thế giáo: Vô thường, khổ, không, vô ngã, Niết-bàn tịch tịnh. Vì năm thứ tiếng này có thể dẫn đến đạo xuất ly. Còn các tiếng khác của như lai là thế gian giáo. Có bậc A-la-hán còn bị cái kẻ dụ, còn có đều không biết, cũng có cái còn hoài nghi nhờ Nhờ người khác khiến ngộ nhập. Đạo nhân tiếng mà chứng đắc. Còn các cái chấp khác thì phần lớn đều đồng với Thuyết nhất thiết hữu bộ.

Còn Thuyết giả bộ đồng nghĩa với tông gốc là cho khổ chẳng phải là uẩn, mười hai xứ không phải chân thật. Các hành đối đãi nhau sẽ lần lượt hòa hợp nhau lại. Giả gọi là Khổ. Không có lực tạo tác ra không có

chết phi thời. Nghiệp đã gây ra trước đây thì nghiệp sẽ tăng trưởng làm nhân có Dị thục. Quả có thay đổi do phước cho nên được Thánh đạo. Đạo không thể tu đạo cũng không thể hoại diệt. Còn các nghĩa khác thì phần lớn đều đồng với sự chấp của Đại chúng bộ.

Về Chế đa sơn bộ, Tây sơn trụ bộ, Bắc sơn trụ bộ, ba bộ này đồng nghĩa với tông gốc. Cho rằng các Bồ-tát không thoát khỏi đường ác Đối với tháp Phật mà tạo nghiệp cúng dường thì không được đại quả. Có bậc A-la-hán còn bị kẻ khác dụ. Với năm việc này và các nghĩa môn khác, chỗ chấp phần lớn đều giống Đại chúng bộ.

Về Thuyết nhất thiết hữu bộ thì đồng nghĩa với tông gốc, gọi Nhất thiết hữu bộ là các thứ "Có" kia đều thuộc về hai thứ: Danh, sắc. Còn thể của quá khứ vị lai là thật có. Tất cả pháp xứ đều có thể biết được, nhận thức được cũng là cái và thấu suốt được. Các tướng sinh, lão, trụ, vô thường thì thuộc tâm bất tương ưng hành uẩn. Có ba thứ việc hữu vi, việc vô vi, cũng có ba thứ, ba thứ hữu vi khác nhau và có thật thể riêng, ba đế là hữu vi, một đế là vô vi, bốn Thánh đế dần dần hiện quán. Nương ngày Không và Vô nguyện là hai thứ Tam-ma-địa đều có thể nhập ngày Chánh tánh ly sinh. Hạnh tư duy ở cõi Dục cũng nhập ngày Chánh tánh ly sinh. Nếu đã nhập được ngày Chánh tánh ly sinh thì khoảng mười lăm tâm gọi là Hạnh hướng, còn tâm thứ mười sáu gọi là Trụ quả. Pháp thế đệ nhất, một tâm ba phẩm. Pháp thế đệ nhất thì quyết định không còn bị lui sụt. Bậc Dự lưu không có nghĩa lui sụt, bậc các A-la-hán lại có nghĩa lui sụt. Không phải A-la-hán đều được trí vô sinh. Hàng phàm phu có thể đoạn dứt được tham dục và sân khuể. Các ngoại đạo cũng có thể chứng được năm thông, cũng có kẻ hàng trời trụ ngày Phạm hạnh, thì có thể đạt giác chi trong được bảy đẳng chí, chứ không phải các đẳng chí khác. Tất cả tĩnh lự đều thuộc niệm trụ. Không nương ngày tĩnh lự mà được Chánh tánh ly sinh thì cũng chứng được quả A-la-hán. Nếu nương ngày thân ở cõi Sắc hay cõi Vô sắc thì dù có chứng được quả A-la-hán nhưng không thể nhập ngày Chánh tánh ly sinh. Còn nương ngày thân ở cõi Dục thì chẳng những có thể nhập ngày Chánh tánh ly sinh mà cũng có thể chứng được quả A-la-hán.

Người ở -lô Bắc Câu châu không lìa nhiễm bậc Thánh không sinh ngày cõi ấy và cõi trời Vô tưởng. Về bốn quả Sa-môn không phải do định dần dần mà được. Nếu trước đã nhập ngày Chánh Tánh Ly Sinh rồi, thì nương ngày đạo Thế tục cũng có người chứng được quả Nhất lai và Bất hoàn. Có thể nói Tứ niệm trụ bao gồm tất cả pháp. Tất cả tùy miên đều là tâm sở, cùng tương ưng với tâm và cảnh sở duyên. Tất

cả tùy miên đều thuộc về triền mà không phải tất cả triền đều thuộc tùy miên. Tánh của chi duyên khởi chi nhất định là hữu vi, cũng có chi duyên khởi chuyển đổi tùy A-la-hán và có A-la-hán tăng trưởng phước nghiệp. Chỉ ở cõi Dục và Sắc nhất định có trung hữu. Nhãn... năm thức thân có thứ nhiễm và lìa nhiễm, nhưng nếu kể về tự tướng thì không có phân biệt. Pháp tâm, tâm sở thì thể của mỗi thứ là thật có. Còn tâm và tâm sở thì nhất định là có sở duyên. Tự tánh không tương ưng với tự tánh. Tâm không tương ưng với tâm. Có chánh kiến thế gian, có tín căn thế gian, có pháp vô ký. Các bậc A-la-hán cũng có pháp phi học và phi vô học. Các A-la-hán thì đều đắc tĩnh lự, nhưng không phải đều có thể khởi tịnh lự hiện tiền. Có bậc A-la-hán cũng bị nghiệp cũ. Có các phàm phu trụ ngày thiện tâm khi chết, nhưng ở vị Đẳng dẫn thì chắc chắn là không có mạng chung. Sự giải thoát của Phật và hàng Nhị thừa không có gì khác, nhưng ba thừa Thánh đạo thì đều có sai khác. Từ bi... của Phật không duyên với loài hữu tình. Vì chấp có loài hữu tình không được giải thoát nên nói là Bồ-tát, cũng như là phàm phu nếu chưa dứt hết các kiết, nếu chưa dứt mà đã nhập ngày Chánh tánh ly sinh thì ở địa vị phàm phu vẫn chưa gọi là siêu thoát. Loài hữu tình chỉ căn cứ ngày cái hiện có mà chấp nhận sự tiếp nối giả lập. Nói tất cả hành đều diệt mất từng sát-na. Nhất định không có mảy may pháp nào có thể từ đời trước chuyển đến đời sau. Chỉ có Bổ-đặc-già-la thế tục nói là có chuyển dời. Vì ngay lúc đang sống các nhóm hành này đều diệt mất không còn mà các uẩn không chuyển biến. Có thứ tĩnh lự xuất thế thì tâm cũng có vô lậu. Có thiện tức là nhân người ở trong vị đẳng dẫn không phát ra lời nói tám chi Thánh đạo là chánh pháp luân, không phải lời nói nào của Như Lai cũng đều là chuyển pháp luân. Không phải Đức Phật dùng một âm mà nói tất cả pháp. Đức Thế Tôn cũng có những lời nói không như nghĩa. Các kinh do Phật nói không phải tất cả đều là liễu nghĩa. Phật tự nói cũng có kinh Bất liễu nghĩa. Các thứ như thế đều gọi là đồng nghĩa, tông ngọn khác nghĩa, chủng loại của chúng rất nhiều.

Về Tuyết sơn bộ với đồng nghĩa tông gốc thì bảo rằng: Các Bồ-tát cũng là phàm phu. Khi Bồ-tát nhập ngày thai mẹ thì không khởi tham ái. Không có ngoại đạo mà nào chứng được năm thông, cũng không có việc hàng trời trụ ngày phạm hạnh. Có bậc A-la-hán còn bị các kẻ khác dẫn dụ, cũng có cái không biết, cũng có chỗ còn do dự. Nhờ người khác khiến ngộ nhập. Đạo nhân có tiếng mà chứng đắc. Còn các chỗ chấp khác thì nói giống với Thuyết nhất thiết hữu bộ.

Về Độc tử bộ với đồng nghĩa tông gốc thì bảo rằng Bổ-đặc-già-

la không phải tức uẩn hay ly uẩn, căn cứ ngày uẩn, xứ, giới mà giả đặt thành tên. Các hành cũng có lúc tạm dừng, cũng có diệt mất trong từng sát-na. Các pháp nếu lìa Bổ-đặc-già-la thì không thể từ đời trước mà chuyển đến đời sau. Nương ngày Bổ-đặc-già-la thì có thể nói là có đổi dời. Cũng có ngoại đạo chứng được năm thông. Về năm thức thì không nhiễm mà cũng không phải lìa nhiễm. Nếu đoạn các phiền não ở cõi Dục mà tu việc đoạn trừ các kết thì gọi là ly dục, không phải do kiến đạo dứt trừ, tức Danh tướng nhẫn pháp thế đệ nhất gọi là hay nhập Chánh tánh ly sinh. Nếu đã nhập Chánh tánh ly sinh rồi thì trong khoảng mười hai tâm phải gọi là hạnh hướng. Còn tâm thứ mười ba thì gọi là trụ quả, có nhiều nghĩa sai khác như thế. Nhân giải thích một bài tụng mà chấp các nghĩa không đồng nhau. Nên từ bộ này chia ra làm bốn bộ mới là Pháp thượng bộ, Hiền bộ, Chánh lượng bộ, Mật lâm sơn bộ. Bài tụng được giải thích rằng:

Đã giải thoát còn đọa
Đọa do tham trở lại
Được niềm vui an ổn
Tùy vui được thực vui.

Về Bộ hóa địa với đồng nghĩa tông gốc bảo rằng: Có quá khứ vị lai mà không có hiện tại. Vô vi là thật có, đối với bốn Thánh Đế cùng hiện quán một lúc, khi thấy được khổ đế thì sẽ thấy được các Đế khác, cần phải thấy rõ rồi thì mới có thể thấy như thế. Tùy miên không phải là tâm cũng không phải là tâm sở, cũng không sở duyên. Tùy miên khác với triền, vì tự tánh của tùy miên không tương ưng với tâm, còn tự tánh của triền thì tương ưng với tâm. Kẻ phàm phu không thể đoạn dứt được dục tham và sân khuể, không có việc ngoại đạo chứng được năm thông, cũng không có việc hàng trời trụ ngày phạm hạnh. Nhất định không có trung hữu. Không có việc A-la-hán tăng trưởng phước nghiệp. Về năm thức thân có nhiễm mà cũng có lìa nhiễm. Còn sáu thức đều tương ưng với tầm từ. Cũng có Tề thủ Bổ-đặc-già-la. Có chánh kiến thế gian mà không có tín căn thế gian. Không có xuất thế tĩnh lự xuất thế cũng không có tầm từ vô lậu. Thiện không phải là nhân của Hữu. Bậc Dự lưu có thoái lui còn bậc A-la-hán nhất định không có thoái lui đạo chi đều thuộc về niệm trụ, về pháp vô vi thì có chín thứ:

1. Trạch diệt.
2. Phi trạch diệt.
3. Hư không.
4. Bất động.

5. Thiện pháp chân như.
6. Bất thiện pháp chân như.
7. Vô ký pháp chân như.
8. Đạo chi chân như.
9. Duyên khởi nhân như.

Ngày thai mẹ là bắt đầu, mạng chung là sau cùng. Các sắc căn đại chủng đều có biến đổi. Pháp tâm. Tâm sở cũng có dời đổi. Trong Tăng có Phật, cho nên cúng thí chư Tăng thì được quả báo lớn, không phải chỉ riêng cúng thí Phật. Phật cùng hàng Nhị thừa đều đồng một đạo, đồng một thuyết giải thoát. Tất cả hành đều diệt mất trong từng sát-na. Nhất định không có mảy may pháp nào từ đời trước chuyển đến đời sau. Tất cả đó là với đồng nghĩa. tông gốc.

Về tông ngọn khác nghĩa thì bảo là thật có quá khứ vị lai, cũng có Trung hữu. Tất cả pháp xứ đều có thể biết được, cũng đều nhận thức được. Nghiệp thật là Tư, không có nghiệp thân ngữ tương ưng với tầm từ. Đại địa kiếp trụ. Tạo nghiệp cúng dường chùa tháp thì được quả báo nhỏ. Tự tánh của Tùy miên luôn ở trong hiện tại các uẩn, xứ, giới cũng luôn ở trong hiện tại. Bộ tông ngọn này nhân giải thích một bài tụng chấp nghĩa có khác, tụng rằng:

Năm pháp quyết hay cột
Các khổ từ đó sinh
Là vô minh tham ái
Năm kiến và các nghiệp.

Về Pháp tạng với đồng nghĩa tông gốc thì bảo rằng: Phật tuy là thuộc ở trong Tăng nhưng chỉ riêng cúng thí Phật thì được quả báo lớn chứ không phải cúng Tăng. Tạo nghiệp cúng dường chùa tháp thì được quả báo rất rộng lớn. Phật cùng hàng Nhị thừa tuy giải thoát là một nhưng Thánh đạo có khác. Không có việc ngoại đạo chứng được năm thông. Thân của bậc A-la-hán đều là vô lậu. Các nghĩa khác phần lớn chấp giống với Đại chúng bộ.

Về Ẩm Quang Bộ với đồng nghĩa tông gốc thì bảo rằng: Nếu pháp nào đã đoạn dứt rồi, đã khắp biết rồi thì không có, còn chưa đoạn dứt, chưa khắp biết thì có. Nếu nghiệp quả đã thuần thục rồi thì không có, nghiệp quả nào chưa thuần thục thì có. Có các hành lấy quá khứ làm nhân mà không có các hành lấy vị lai làm nhân. Tất cả hành đều diệt mất trong từng sát-na. Các pháp Hữu học có quả dị thục. Các nghĩa khác thì phần nhiều chấp giống như Pháp tạng bộ.

Về Kinh lượng bộ với đồng nghĩa tông gốc thì bảo rằng: Có việc

các uẩn chuyển từ đời trước chuyển đến đời sau. Lập thuyết đổi tên chứ không lìa Thánh đạo. Có loại uẩn dứt mất hẳn, có loại uẩn ở bên căn, có loại uẩn chỉ một chất vị. Ở vị trí phàm phu cũng có Thánh pháp, chấp rằng có Thắng nghĩa Bổ-đặc-già-la. Còn các chấp khác thì phần lớn đều đồng với Thuyết nhất thiết hữu bộ.

Ngài Tam tạng Pháp sư phiên dịch luận này ngày, bèn muốn thuật lại ý dịch nên nói bài tụng rằng:

Biết rõ các bản phạm
Dịch ra luận Tông luân
Văn suông nghĩa không lầm
Bậc trí nên chăm học.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 179

LUẬN VỀ MƯỜI TÁM BỘ

SỐ 2032

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2032

LUẬN VỀ MƯỜI TÁM BỘ

Hán dịch: Chân Đế. Đời trần

(Phần này căn cứ ngày quyển kinh Văn-thù-sư-lợi vấn, quyển hạ, bộ Phân biệt, phẩm thứ mười lăm).

Lúc bấy giờ, Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Sau khi Phật nhập Niết-bàn, thì ở đời vị lai các đệ tử Phật sẽ phân biệt các bộ như thế nào và căn bản là thế nào?

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

- Ở đời vị lai các đệ tử của ta có hai mươi bộ, có thể khiến các giáo pháp ta tôn tại trên đời. Người trong các bộ đều chứng được bốn quả Sa-môn, ba tạng đều ngang nhau không có các hạng hạ, trung thượng. Ví như nước biển cùng một vị mặn không khác. Cũng như người có hai mươi đứa con. Đây là lời nói chân thật của Như Lai.

Này Văn-thù-sư-lợi! Hai bộ căn bản cũng từ Đại thừa mà ra, từ Bát-nhã ba-la-mật mà sinh ra một Thanh văn, Duyên giác và chư Phật đều từ Bát-nhã ba-la-mật mà ra. Này Văn-thù-sư-lợi, cũng như đất nước gió lửa và hư không là chỗ ở của tất cả chúng sinh. Cũng thế Bát-nhã ba-la-mật và Đại thừa là chỗ sinh ra một Thanh văn, Duyên giác và chư Phật.

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là bộ?

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

- Hai bộ đầu là: Ma-ha Tăng-kỳ (đây nói là đại chúng gồm cả già trẻ cùng hội họp nhau lại kết tập Luật bộ) và Thế tỳ lý (Hán dịch là Lão túc, tức chỉ gồm các vị lão túc cùng hội họp kết tập Luật bộ). Sau khi

ta nhập Niết-bàn một trăm năm thì hai bộ này sẽ khởi lên. Sau đó bộ Ma-ha Tăng-kỳ sinh ra một bảy bộ. Trong trăm năm này lại sinh ra một bộ là Chấp nhất ngữ ngôn (chỗ chấp của bộ này cùng bộ Tăng Kỳ đồng nhau nên gọi là Nhất). Cũng trong trăm năm này, từ bộ Chấp nhất ngữ ngôn lại sinh ra một mật một bộ tên là Xuất thế gian ngữ ngôn (đó là lời khen ngợi). Cũng trong trăm năm này từ bộ Xuất thế gian ngữ ngôn lại sinh ra một bộ tên là Cao câu lê bộ (nêu ra họ của Luật chủ). Cũng trong trăm năm này từ bộ Cao câu lê sinh ra một bộ tên là Đa văn bộ (là nói về Luật chủ có trí đa văn). Ở trong trăm năm này từ bộ Đa văn lại sinh ra một bộ tên là Chỉ để ha (đây là tên núi nói chỗ ở của Luật chủ). Ở trong trăm năm này thì từ bộ Chỉ để ha sinh ra một bộ Đông sơn (cũng chỉ về chỗ ở của Luật chủ). Cũng trong trăm năm này từ bộ Đông sơn sinh ra một bộ Bắc sơn (cũng là nói chỗ ở của Luật chủ). Đây tức là từ bộ Ma-ha Tăng-kỳ sinh ra một bộ, cùng bộ Tăng-kỳ thành ra tám bộ vậy.

Trong trăm năm này, từ Thể tỳ lý bộ sinh ra một mười một bộ. Trong trăm năm đó sinh ra một bộ tên là tên là Nhất thiết ngữ ngôn (Luật chủ chấp ba đời là có cho nên gọi là Nhất thiết ngữ ngôn). Trong trăm năm này từ bộ Nhất thiết ngữ ngôn sinh ra một bộ Tuyết sơn (cũng là nói về nơi tu hành của Luật chủ). Trong trăm năm này từ Tuyết Sơn sinh ra một bộ tên là tử (là họ của Luật chủ). Ở trăm năm này bộ tên là tử sinh ra một bộ Pháp thắng (tên của Luật chủ). Trong trăm năm này bộ Pháp thắng sinh ra một Hiền bộ (tên của Luật chủ). Cũng trong trăm năm này Hiền bộ sinh ra một bộ tên là Nhất thiết sở quý (nói Luật chủ được mọi người đều kính trọng). Ở trăm năm này bộ Nhất thiết sở quý lại sinh ra một bộ Nhưng Sơn (nói chỗ ở của Luật chủ). Trong trăm năm này bộ Nhưng sơn sinh ra một bộ Đại bất khả khí (nói việc Luật chủ lúc mới sinh ra một bị mẹ đem bỏ xuống giếng, cha tìm cứu được mà không chết, nên gọi là Bất Khí, lại có tên là Năng Xạ). Ở trăm năm này từ bộ Đại bất khả khí lại sinh ra một bộ Pháp hộ (tên Luật chủ). Trong trăm năm này từ bộ Pháp hộ lại sinh ra một bộ Ca-diếp-tỳ (họ Luật chủ). Cũng trong trăm năm này bộ Ca-diếp-tỳ lại sinh ra một bộ Tu thạch lộ cú (chỉ việc Luật chủ chấp nghĩa tu Thạch Lộ). Đây tức là từ bộ Thể tỳ lý sinh ra mười một bộ và bộ Tỳ lý gốc thì thành mười hai bộ.

Đức Phật nói kệ rằng:

Bộ Ma-ha tăng-kỳ
Phân ra thành bảy bộ
Thể Tỳ lý mười một

Thành ra hai mươi bộ
Mười tám ngọn hai gốc
Đều sinh từ Đại thừa
Không phải cũng không trái
Ta nói vị lai khởi
Pháp sư La-thập tập
Sau khi Phật Niết-bàn
Mới hơn một trăm năm
Khi ấy dị luận khởi
Chánh pháp dần suy diệt
Mỗi mỗi sinh dị kiến
Lập ra các chúng riêng
Nguy hiểm rất đáng sợ
Nên sinh tâm chán lìa
Nay đối Tu-đa-la
Quan sát chánh giáo Phật
Nương Chân đế mà nói
Tìm nơi nghĩa vững chắc
Cũng như trong cát sỏi
Tìm cầu được vàng ròng
Từ trước ta nghe
Như Lai thật chính là
Mặt trời trong loài người.

Sau khi Đức Phật diệt độ được một trăm mười sáu năm tại thành ba liên phất, ngày thời vua A Dục trị vì thiên hạ ở cõi Diêm-phù-đề. Tại thành Ba-liên-phất, lúc đó các đại Tăng lập bộ pháp riêng khác. Bấy giờ có vị Tỳ-kheo, một gọi là Năng, hai gọi là Nhân duyên, ba gọi đa vẳng nói có năm điều để dạy dỗ chúng sinh. Đó là được lợi ích từ người khác, có việc không biết còn hoài nghi, nhờ quán sát do ngôn thuyết mà, đắc đạo. Đây là hai bộ đầu tiên mới sinh ra một từ Phật:

1. Ma-ha tăng-kỳ.
2. Tha-tỳ-la (đời Tần gọi là Thượng tọa bộ).

Trong thời gian hơn trăm năm nay thì bộ Ma-ha tăng-kỳ lại sinh ra một bộ khác:

1. Nhất thuyết bộ.
2. Xuất thế gian thuyết bộ.
3. Quật cư bộ.

Lại trong khoảng hơn trăm năm này thì từ bộ Ma-ha tăng-kỳ lại

sinh thêm bộ khác tên là Thi thiết luận. Lại trong khoảng hai trăm năm thì có một ngoại đạo tên là Ma-ha Đề-bà xuất gia châu núi Chi-đề ở trong, bộ Ma-ha tăng-kỳ lập ra ba bộ mới:

1. Chi-đề-gia bộ.
2. Phật-bà-la bộ.
3. Uất-đa-la Thi-la bộ.

Như thế là từ bộ Ma-ha tăng-kỳ đã chia ra làm chín bộ:

1. Ma-ha tăng-kỳ bộ.
2. Nhất thuyết bộ.
3. Xuất thế gian thuyết bộ.
4. Quật cư bộ.
5. Đa văn bộ.
6. Thi thiết bộ.
7. Du-ca bộ.
8. A-la thuyết bộ.
9. Uất-đa-la Thi-la bộ.

Cho đến (ba trăm năm sau) thì trong Thượng tọa bộ nhân có việc tranh luận nên lập ra bộ mới:

1. Tát-bà-đa bộ cũng gọi là Nhân luận tiên thượng tọa bộ.
2. Tuyết sơn bộ.

Cũng trong vòng ba trăm năm này thì từ Tát-bà-đa bộ lại chia ra bộ mới là Độc tử bộ. Cũng trong vòng ba trăm năm này thì Độc tử bộ lại chia thành các bộ mới là:

1. Đạt-ma uất-đa-lê bộ.
2. Bạt-đà-la gia-ni bộ.
3. Di ly bộ cũng gọi là Tam di để.
4. Lục thành bộ.

Tức trong ba trăm năm này thì từ Tát-bà-đa lại lập ra bộ mới là Di-sa bộ và Di-sa bộ lại sinh ra một bộ mới. Nhân vì chủ Sư gọi là Đàm-vô-đức bộ. Trong khoảng ba trăm năm này Tát-bà-đa bộ lập ra bộ mới tên Ưu-lê-sa, cũng gọi là Ca-diếp-duy. Ở trong bốn trăm năm thì Tát-bà-sa bộ lại lập ra bộ mới, do Đại sư Uất-đa-la đặt tên là Tăng-ca-lan-đa, cũng gọi là Tu-đa-la luận. Như thế là từ Thượng tọa bộ chia thành mười hai bộ là:

1. Thượng tọa bộ.
2. Tuyết sơn bộ.
3. Tát-bà-đa bộ.
4. Độc tử bộ.

5. Đạt-ma uất-đa-lê bộ.
6. Bạt-đà-la gia-ni bộ.
7. Di-ly để bộ
8. Lục thành bộ.
9. Di-sa tắc bộ.
10. Đàm-vô-đức bộ
11. Ca-diếp-duy bộ.
12. Tu-đa-la luận bộ.

Nay sẽ nói về các bộ căn bản và. Về các bộ Ma-ha tăng-kỳ, Nhất thuyết, Xuất thế gian thuyết, Quật cư... những bộ này đều căn bản nói: Tất cả Phật Thế Tôn đều xuất thế gian. không Như Lai nào là pháp thế gian. Tất cả điều Như Lai nói ra đều là chuyển pháp luân và nói hết tất cả sự việc, tất cả tướng, tất cả nghĩa. Sắc thân của Như Lai là vô biên, ánh sáng vô lượng và thọ mạng vô cùng. Niệm tín lạc sinh ra một không hề biết chán đủ. Đức Phật không hề ngủ. Không có việc khi hỏi phải suy nghĩ rồi mới trả lời. Khi không có việc nói năng thì luôn giữ một tâm bình thản. Vô số Loài quần sinh không kể chủng loại nào, nghe Như Lai nói mới hiểu. Như Lai chỉ một tâm mà biết tất cả pháp, một niệm tương ưng với huệ thì biết tất cả pháp. Trong mọi lúc Tận trí và Vô sinh trí của Như Lai luôn hiện tiền cho đến khi nhập Niết-bàn. Bồ-tát không do ái mà ngày thai mẹ, dùng hình bạch tượng giáng thần ngày thai mẹ. Tất cả Bồ-tát đều sinh ra một từ hông phải. Bồ-tát không có các tưởng ái, giận hại. Vì chúng sinh nên nguyện sinh đường ngày ác và thành tựu đủ tất cả phiền não của chúng sinh. Tất cả do nghe, biết, quán sát sinh ra một các Thánh đế. Nói có cõi Dục cõi ly dục cõi, Sắc, Vô sắc. Có đủ sáu thân thức, năm căn chỉ là những khối thịt. Mắt không thấy sắc... cho đến thân không biết chạm xúc trong. Thiền định cũng có nói năng, cũng có điều phục, cũng có nhiếp thọ tư duy. Tất cả pháp tạo tác đều không có nơi chốn. Bậc Tu-đà-hoàn biết được có tâm số và tâm của mình. Về A-la-hán thì có việc từ người khác được lợi ích, có điều không biết có nghi ngờ, người khác quán sát nhờ nói năng mà đắc đạo. Nhờ trí huệ phương tiện khiến lìa được sinh tử, cũng được an lạc. Từ Địa thứ tám vẫn còn lui sụt, cho đến pháp chủng tánh cũng nói là có lui sụt. Tu-đà-hoàn có lui sụt, A-la-hán không có lui sụt, không có chánh kiến thế tục nhưng có tín căn thế tục không. Có pháp thọ ký, siêu thăng ly sinh. Không có việc một lần đoạn dứt tất cả các kiết. Bậc Tu-đà-hoàn vẫn có thể còn tạo ra tất cả ác hạnh, chỉ trừ tội Vô gián. Tất cả Tu-đa-la đều nương ngày liễu nghĩa. Có chín thứ pháp vô vi là:

1. Số diệt.
2. Phi số diệt.
3. Hư không.
4. Hư không xứ.
5. Thức xứ.
6. Vô sở hữu xứ.
7. Phi tưởng phi phi tưởng xứ.
8. Mười hai chi duyên khởi.
9. Đạo chi.

Tâm tánh vốn tự thanh tịnh. Phật còn bị phiền não làm nhiễm ô. Các sử không phải tâm và không duyên với tâm pháp. Sử khác triền, triền khác sử, vì không tương ưng với tâm. Không có đời quá khứ, vị lai. Các pháp nhập không phải trí biết nhưng cũng không phải không có đối trị. Bậc Tu-đà-hoàn đắc Thiền định. Những điều như thế là nhận thức của căn bản. Còn nhận thức của trung gian thì tùy chỗ quán sát riêng rẽ, một ít do mình tạo ra, một ít do người khác làm, một ít do nhân duyên khởi lên. Trong một lúc có hai tâm cùng sinh ra. Đạo tức là nghiệp phiền não, chủng tử của tưởng chính là thủ. Các căn bốn đại biến đổi tương tục không phải tâm tâm pháp. Tâm có mặt khắp thân thể. Đều có thể được như thế, đều nhiếp thọ dục... đó là chỗ thấy của trung gian.

Về bộ Đa văn thuộc căn bản, nhận thức rằng: Phật nói năm pháp xuất thế gian là vô thường, khổ, không, vô ngã, tịch diệt Niết-bàn là đạo xuất thế. Còn các thứ khác đều là thế tục. Bậc A-la-hán có được lợi ích từ người khác, có điều không biết có nghi ngờ, do người khác quán sát các thứ khác mà do nói năng đắc đạo. Còn các thứ khác đều nhận thức giống như Tát-bà-đa.

Về bộ Thi thiết về căn bản có nhận thức rằng: Nếu nói các ấm tức là không phải nghiệp. Các thứ không thành các hành thì lần lượt đặt ra. Không có việc kẻ vô trí, sĩ phu không chết vô cớ. Do nghiệp xưa nuôi dưỡng lớn lên. Nghiệp căn sinh ra một tất cả khổ. Từ nghiệp sinh ra một phước đức, phước đức sinh Thánh đạo. Đạo không tu thì cũng không mất... Còn tất cả do người khác đều nhận thức giống như bộ Ma-ha tăng-kỳ.

Các bộ Chi-đề-la A-bà, Uất-đa-la, Thi-la về căn bản mà nhận thức rằng: Bồ-tát thì lìa bỏ ác cúng dường thâu bà thì không có quả báo lớn. Bậc A-la-hán có được lợi ích từ người khác, có vô tri, có nghi ngờ, do quán sát các thứ khác mà nói năng có đắc đạo... Còn tất cả các thứ khác thì nhận thức giống như bộ Ma-ha tăng-kỳ.

Bộ Tát-bà-đa về căn bản có nhận thức rằng: Nói về tất cả tánh thì có hai thứ bao gồm tất cả pháp. Đó là danh và sắc. Có đạo cùng với đời vị lai, có pháp nhập biết pháp thức. Nói rõ rằng pháp sinh trụ diệt là tướng hữu vi, có ba thứ vô vi. Ba Đế là tướng hữu vi, một đế có tướng vô vi. Bốn Thánh đế thứ lớp vô gián... Không, Vô tướng, Vô nguyện là siêu thăng ly sinh. Tư duy thuộc cõi Dục, nếu siêu thăng thì siêu thăng ly sinh. Cả mười lăm tâm là hướng, còn tâm thứ mười sáu thì gọi là Trụ quả. Pháp đệ nhất thế gian là Nhất tâm, ba phương tiện trước thì có lui sụt, còn pháp đệ nhất thế gian thì không lui sụt. Quả Tu-đà-hoàn là pháp không có lui sụt, còn pháp thì có pháp lui sụt. Không phải là tất cả A-la-hán đều được Vô sinh trí. Hàng phàm phu cũng đắc lìa hết dục và sân khuể. Ngoại đạo cũng có được năm thông. Hàng trời cũng được tu phạm hạnh. Ở Địa thất chánh thì có được Giác chi mà không phải thuộc các thiền khác. Niệm xứ không thể nương ngày thiền mà được. Khi đã siêu thăng ly sinh thì chứng được quả A-la-hán. Người ở cõi Sắc thì chứng được A-la-hán mà không được siêu thăng ly sinh. Không có việc người ở Bắc Uất-đơn-việt (Bắc Câu-lô châu) lìa dục, họ cũng không chứng được Thánh đạo. Trời Vô tưởng cũng không cần phải theo thứ lớp mà được bốn quả Sa-môn và siêu thăng ly sinh. Có thể dùng trí thế tục mà chứng được Tư-đà-hàm, A-na-hàm. Bốn Niệm xứ là tất cả pháp. Về các sử thì tâm tương ưng với tất cả sử, ấn là triền mà không phải sử. Duyên khởi chi là hữu vi. Cho rằng A-la-hán có duyên khởi chi, A-la-hán có công đức tăng trưởng. Ở cõi Dục và cõi Sắc thì có năm ấm và năm thức thân, ấy là có năm thức thân ở cõi Dục lại tự tương ưng với nhau. Không phải tư duy, không phải tâm số pháp. Tâm và tâm là duyên tự tánh, nhưng tự tánh không tương ưng với tự tánh, tâm không tương ưng với tâm. Có chánh kiến thế tục, có tín căn thế tục. Có A-la-hán vô nguyện nhưng khống có A-la-hán Hữu học. Tất cả A-la-hán đều được thiền nhưng bất tất phải hiện tiền. A-la-hán vẫn phải chịu báo của nghiệp đời trước. Có tâm bất thiện ngay khi mạng chung. Chánh thọ có mạng chung, Trung ấm không có mạng chung. Bồ-tát là phàm phu còn kiết sử chưa siêu thăng ly sinh, vì còn chịu thân chưa thoát khỏi địa vị phàm phu. Các chúng sinh đặt ra tất cả các hành, không có pháp ma diệt. Nói theo thế tục thì có đời này đến đời khác. Khi mạng sống chưa chết nhưng các hành thủ đã hết thì không có pháp chuyển biến. Có thiền xuất thế, có giác có quán. Có loại thiện vô lậu là nhân của thiền định trong đó không có nói năng, chỉ tám Thánh đạo là pháp luân mà không phải tất cả lời nói của Như Lai là chuyển pháp luân. Phật không

nói tất cả mọi sự việc. Không phải tất cả lời nói đều đúng nghĩa. Không phải tất cả các kinh đều là liễu nghĩa... Như thế có vô số các nhận thức của trung gian.

Bộ Tuyết sơn về căn bản có nhận thức rằng: Bồ-tát là phàm phu đã lìa hết vô minh, Bồ-tát làm tịnh cõi nước Phật và giáng thần ngày thai mẹ. Ngoại đạo không có năm thông. Các trời không tu được phạm hạnh. Có bậc A-la-hán từ người khác mà được lợi ích, có vô tri, có nghi ngờ, có do quán sát các thứ khác mà nói năng, có đắc đạo... Còn tất cả các thứ khác đều nhận thức giống bộ Tát-bà-đa.

Bộ tên là tử về căn bản có nhận thức rằng: Không phải là người ấy cũng không phải lìa bỏ các ấm giới nhập vì hòa hợp nhau nên đặt ra là người. Tất cả các ấm không dừng trong từng sát-na, nếu lìa người thì pháp không có. Từ đời này đến đời khác phải nói đó là người. Ngoại đạo cũng có năm thông, năm thức thân không phải có dục cũng không phải lìa dục. Các kiết sử thuộc cõi dục khi tu đạo đoạn dứt thì được lìa dục, không phải do thấy Đế mà đoạn dứt. Nhẫn gọi là tướng pháp đệ nhất thế gian, có siêu thăng ly sinh. Mười hai tâm khởi lên thì gọi là hướng. Tâm thứ mười ba thì gọi là Trụ quả. Các nhận thức phần lớn đều có giống với các bộ Lê-la-da-ni, Tam-di-để, Lục thành hữu, các thứ khác nói kệ riêng. Phân biệt nói đắc mà lại bị đọa, đọa rồi thì lại càng tham đắm, vì từ nghiệp này mà bị các nghiệp khác.

Bộ Di sa tắc về căn bản có nhận thức rằng: Không có đời quá khứ, vị lai mà chỉ có hiện tại và vô vi. Đối với bốn Chân đế cứ một mực không gián đoạn, thì thấy khổ liền gọi là thấy Đế. Thấy Khổ đế tức gọi là thấy Chân đế. Các sử không phải là tâm và tâm sở, các pháp không phải duyên. Sử khác với triền, triền cũng khác với sử, vì tâm không tương ưng còn triền thì tương ưng với tâm. Hàng phàm phu không có dục, sân nhuế, ngoại đạo không có năm thông. Các trời không tu được phạm hạnh, không có trung ấm. Bậc A-la-hán không có công đức tăng nhiều. Năm thức thân có dục mà cũng lìa dục. Sáu thức thân thì tương ưng với giác quán. Không có chánh kiến thế tục, cũng không có tín căn thế tục, không có thiền xuất thế gian, không biết được pháp xuất thế gian, không có thiện làm nhân. Quả Tu-đà-hoàn thì có pháp lui sụt, bậc A-la-hán cũng xcó pháp lui sụt. Đạo chi thuộc về Niệm xứ. Có chín thứ vô vi, đó là số diệt, phi số diệt, hư không... là thuộc về thiện pháp. Còn thuộc bất thiện pháp thì như pháp vô ký, như đạo duyên khởi, như từ bào thai cho đến chết. Các căn bốn đại luôn chuyển biến rồi tự diệt mất. Tâm và tâm số pháp cũng chuyển biến rồi tự diệt mất. Phật ở trong

Tăng, cho nên có thể cúng thí Tăng thì được quả báo lớn mà không cần phải cúng thí Phật. Đức Phật và Thanh văn đồng một thứ đạo, một thứ giải thoát và tất cả các hạnh trong từng sát-na. Không có pháp từ đời này đến đời khác... như thế là các nhận thức căn bản đồng nhau. Sau đây là những nhận thức trung gian là có đời quá khứ vị lai có Trung ấm. Pháp nhập biết pháp thức, pháp tư là nghiệp, không có thân nghiệp và khẩu nghiệp. Giác quán tương ưng với tâm. Đại địa là kiếp trụ. Cúng dường thâu-bà thì có quả báo ít. Pháp hiện ra trước thì gọi là sử ấm giới nhập hiện ra trước. Pháp chủng tử hay sinh ra một các khổ gọi là Vô minh khát ái kiến nghiệp. Đó gọi là pháp nhận thức của Trung gian.

Bộ Đàm-vô-đức về căn bản có nhận thức rằng: Phật không phải ở trong Tăng cho nên nếu cúng thí Phật thì được quả báo lớn, chứ không phải cúng thí Tăng. Đạo của Phật khác với đạo của Thanh văn. Ngoại đạo không có năm thông. Thân của A-la-hán là vô lậu. Còn tất cả các thứ khác thì nhận thức đồng với bộ Ma-ha tăng-kỳ.

Bộ Ca-diếp về căn bản có nhận thức rằng: Có pháp đoạn dứt và trí đoạn dứt, chứ không có pháp không đoạn dứt mà trí đoạn dứt. Nếu nghiệp đã thục thì thọ báo, nếu không thục thì không thọ báo. Có nhân quả đời quá khứ mà không có nhân quả ở vị lai. Có tất cả các pháp sát-na. Có pháp giác quả báo. Ngoài ra tất cả đều nhận thức giống như bộ Đàm-vô-đức.

Bộ Tương tục về căn bản có nhận thức rằng: Ấm là từ đời này đến đời khác. Không phải là khi lìa Thánh đạo mà ấm diệt mất. Ấm có ước định căn bản. Có người thứ nhất. Còn tất cả nhận thức khác đều giống với bộ Tát-bà-đa.

Đó là lược nói về nhận thức của tất cả bộ.

Xét quyển luận này thì thấy trong tạng đời nhà Tống lầm chép hai lần, đó là bộ Dị Chấp Luận, lại gọi là Thập Bát Bộ Luận. Nay lấy tên bản nước Tần làm chánh.

Khai Nguyên Lục bảo rằng: Thập Bát Bộ Luận nói trên thì các lục đều nói: "Đời nhà Lương ngài Tam Tạng Chân Đế đã dịch". Nay biết rõ ngài Tam tạng Chân Đế đã dịch bộ Thập Bát Bộ Luận, nhưng không chịu hợp chung, lại đi dịch bộ Dị chấp luận một lần nữa. Ở đầu bộ Thập Bát Bộ Luận có trích dẫn bộ phẩm Phân Biệt của kinh Văn-thù Vấn. Kế đó nói ngài La-thập Pháp sư Tập, sau đó mới gọi là luận. Nếu ngài La-thập dịch ra thì đời Tần chưa có kinh Văn-thù Vấn thì lấy gì dẫn ra để ở đầu luận này. Hoặc có thể căn cứ ngày việc chép riêng đoạn kinh Văn

Thù Vấn rồi ghi mất tên người dịch. Ngày đời Tần thì việc dẫn chứng này không có gì phải nghi ngờ. Nếu là ngài Chân Đế dịch lại. Vì trong luận có những chữ nhỏ ghi chú không khớp với các chữ dùng ở đời. Rõ ràng văn lý thuộc đời Tần do ngài La-thập dịch ra. Các bản sao chép ngoài bản chánh rất có thể đáng nghi ngờ vậy. Còn ngài Chân Đế làm lời sớ cho Thập Bát Bộ Luận tức lời sớ cho Dị Bộ chấp luận thì dù thật có lý nhưng chưa dám tin chắc là đúng. Rất mong những bậc học rộng sau này tìm ra sự thật.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 179

LUẬN BỘ CHẤP DỊ

SỐ 2033

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2033

LUẬN BỘ CHẤP DỊ

Tác giả Đại Bồ-tát Thiên Hữu Hán dịch:
Tam tạng Chân Đế. Đời Trần.

Sau Phật diệt trăm năm
Các đệ tử chấp khác
Tổn chánh pháp Như Lai
Và lợi ích chúng sinh
Đối kinh Bất liễu nghĩa
Chấp theo lời nên lỗi
Chúng sinh chán sợ
Nay y lý chánh giáo
Đại Bồ-tát Thiên Hữu
Quán khổ phát thệ lớn
Tâm bi định trí thắng
Xét chọn nghĩa đúng này
Ta thấy các chúng sinh
Theo mọi thứ nhận thức
Nên nói nghĩa chân thật
Trình bày đúng lời Phật
Nếu biết chánh giáo Phật
Thánh đế là căn bản
Nên chọn nghĩa chân thật
Như lấy vàng trong cát.

Được nghe như thế này: Sau khi Đức Phật Thế Tôn diệt độ vừa tròn một trăm năm, khác nào mặt trời sáng rực rỡ bị chìm sâu trong rặng núi cao. Sau khi Phật diệt độ khoảng một trăm mười sáu năm, thì ở nước

lớn tên là Ba-tra-lê Phất-đa-la có, vị vua trị vì cõi Diêm-phù-đề tên là A-du-kha. Nhà vua có cái lọng trắng che khắp cả thiên hạ. Trong lúc đó đại chúng lại phân chia gồm có bốn loại:

1. Chúng đại quốc
2. Chúng ngoại biên
3. Chúng đa văn
4. Chúng đại đức.

Cả bốn chúng này cùng luận về năm nhân duyên của ngoại đạo lập ra. Năm nhân duyên ấy như kệ nói là:

Người khác làm bẩn y
Vô minh nghi ngờ độ
Thánh đạo do lời hiển
Là chánh giáo của Phật.

Nhận xét chọn năm việc đó mà chúng chia thành hai bộ:

1. Đại chúng bộ.
2. Thượng tọa đệ tử bộ.

Đến khoảng trăm năm lần hai thì từ Đại chúng bộ lại chia ra ba bộ:

1. Nhất thuyết bộ
2. Xuất thế thuyết bộ.
3. Khôi sơn trụ bộ.

Trong khoảng trăm năm lần hai này cũng từ Đại chúng bộ lập thêm một bộ, gọi là Đắc đa văn bộ và cũng thời gian trăm năm lần thư hai đó Đại chúng bộ lại sinh thêm một bộ gọi là Phân biệt thuyết bộ. Đến khi vừa tròn hai trăm năm lần thứ hai này có một ngoại đạo xuất gia ở trong Đại chúng bộ, tên là Đại Thiên, thường sống một mình trên núi cao, tuyên nói về Đại chúng bộ có năm thứ chấp khác, rồi tự phân thành hai bộ:

1. Chi đề sơn bộ.
2. Bắc sơn bộ.

Như thế Đại chúng bộ có bốn năm lần phân chia và gồm có bảy bộ:

1. Đại chúng bộ.
2. Nhất thuyết bộ.
3. Xuất thế thuyết bộ.
4. Khôi sơn trụ bộ.
5. Đắc đa văn bộ.
6. Phân biệt thuyết bộ.

7. Chi đề sơn bộ, bắc sơn bộ.

Về Thượng tọa đệ tử bộ thì vẫn giữ y suốt chừng ấy năm như thế. Nhưng đến trăm năm lần thứ ba thì có nguyên nhân nhỏ khiến chia thành hai bộ:

1. Thuyết nhất thiết hữu bộ cũng gọi là Thuyết nhân bộ.
2. Tuyết sơn trụ bộ cũng gọi là Thượng tọa đệ tử bộ.

Ở trong trăm năm lần thứ ba này thì từ Thuyết nhất thiết hữu bộ lại sinh ra một bộ gọi là Khả trụ tử đệ tử bộ. Cũng ở trong trăm năm lần ba này từ Khả trụ tử bộ đệ tử lại lập thêm bốn bộ:

1. Pháp thượng bộ.
2. Hiền thừa bộ.
3. Chánh lượng đệ tử bộ.
4. Mật lâm trụ bộ.

Trong trăm năm lần ba này thì trừ thuyết Nhất thiết hữu bộ lại sinh ra một bộ Chánh địa, cũng trong thời gian này thì bộ Chánh địa lại sinh ra một bộ Pháp hộ. Bộ này tự nói Vật-già-la là Đại sư của ta. Cũng trong trăm năm lần ba này từ Thuyết nhất thiết hữu bộ lại sinh ra một bộ Thiện tuế cũng gọi là bộ Ẩm quang đệ tử bộ. Đến trăm năm lần bốn thì từ Thuyết nhất thiết hữu bộ lại sinh ra một bộ Thuyết độ, cũng gọi là Thuyết kinh bộ. Như thế Thượng tọa đệ tử bộ tất cả gồm có mười một bộ là:

1. Thuyết nhất thiết hữu bộ.
2. Tuyết sơn trụ bộ.
3. Khả trụ đệ tử bộ.
4. Pháp thượng bộ.
5. Hiền thừa bộ.
6. Chánh lượng đệ tử bộ.
7. Mật lâm trụ bộ.
8. Chánh địa bộ.
9. Pháp hộ bộ.
10. Thiện tuế bố.
11. Thuyết độ bộ.

Các bộ này là chấp nghĩa gốc, chấp nghĩa có khác.

Tôi nay sẽ nói về chấp nghĩa gốc: Đại chúng bộ, Nhất thuyết bộ, Xuất thế thuyết bộ, Khôi sơn trụ bộ. Bốn bộ này là chấp nghĩa gốc. Các bộ này nói rằng: Tất cả Phật Thế Tôn đều xuất thế. Như Lai không có một pháp nào là hữu lậu. Những điều Như Lai nói ra đều là chuyển pháp luân. Như Lai dùng một thứ tiếng nói có thể nói tất cả pháp, lời

nói của Như Lai đều đúng nghĩa. Sắc thân của Như Lai đều vô biên, oai đức thế lực của Như Lai không bao giờ giảm sút, thọ mạng của Như Lai là vô biên. Như Lai giáo hóa chúng sinh khiến sinh tâm tin ưa vui thích không biết chán Như Lai thường không ngủ nghỉ. Như Lai đáp câu hỏi không cần suy nghĩ. Những lời Như Lai nói ra đều khiến chúng sinh sinh tâm yêu thích. Tâm Như Lai luôn ở trong quán tịch tịnh bất động. Như Lai một tâm có thể thông suốt tất cả cảnh giới. Như Lai chỉ một sát-na thì tương ưng với trí Bát-nhã có thể hiểu biết tất cả pháp. Tận trí và Vô sinh trí của Như Lai luôn bình đẳng tùy tâm mà hoạt động cho đến khi nhập Vô dư Niết-bàn. Tất cả các Bồ-tát khi nhập ngày thai mẹ đều không có Kha-la-la, Át-phù-đà, Ty-thi, Già-ha-na, Xả-khư, Ba-la-xả-già, Kê-xả-lư ma-na-khư... Khi Bồ-tát muốn ngày thai mẹ đều hiện hình voi trắng. Khi Bồ-tát ra khỏi thai đều từ hông bên phải của mẹ. Tất cả Bồ-tát đều không có tưởng tham dục, không có tưởng sân nhuế, không có tưởng bức não người khác. Nếu Bồ-tát có nguyện sinh ngày ác đạo thì do nguyện lực liền được sinh. Bồ-tát vì giáo hóa thành tựu chúng sinh nên ngày ác đạo, không bị nghiệp phiền não trói buộc, cho nên khi thọ sinh ngày đó thì tâm luôn nghiêm chính quán bốn Thánh đế, một trí thông suốt cả bốn Thánh đế và tướng của bốn Thánh đế. Trong năm thức có sắc nhiễm và tịnh. Ở cõi Vô sắc cũng có sáu thức. Năm căn chỉ là các khối thịt nên mắt không thấy sắc... cho đến thân không biết chạm xúc. Nếu tâm ở trong định thì Phật cũng có nói năng và luôn hàng phục tâm, luốn có nhiều thứ phá hại tâm. Thế nên phàm phu có trên dưới. Pháp đã thành tựu thì không có nơi chốn. Tu-lâu-đa a-ban-na, tâm và tâm pháp biết có tự tánh. Có A-la-hán phần lớn bị người khác lấy đồ bất tịnh làm bẩn y. A-la-hán còn có điều không biết vô tri, có nghi ngờ, có nhờ người khác cứu độ, Thánh đạo cũng do lời nói mà hiển bày. Nói khổ cũng là đạo, nói khổ cũng là nhân. Trí Bát-nhã tương ưng với Diệt khổ. Khổ thọ cũng là ăn, địa thứ tám cũng trụ lâu. Cho đến pháp tánh lui sụt. Tu-lâu-đa a-ban-na có lui sụt, còn bậc A-la-hán không lui sụt. Thế gian không có chánh kiến, thế gian không có tín căn, không có pháp vô ký. Nếu người nào nhập ngày chánh đinh thì tất cả các kết đều diệt mất. Tu-lâu-đa a-ban-na có thể tạo các điều ác chỉ trừ tội ngũ nghịch là không làm. Tất cả các kinh là liễu nghĩa. Pháp Vô vi có chín thứ:

1. Tư trạch diệt.
2. Phi tư trạch diệt.
3. Hư không.
4. Không xứ.

5. Thức xứ.
6. Vô sở hữu xứ.
7. Phi tưởng phi phi tưởng xứ.
8. Mười hai nhân duyên sinh phần.
9. Tám Thánh đạo phần.

Tâm tự tánh nó vốn Thanh tịnh chỉ bị khách trần vấy bẩn: Một là Tùy miên phiền não; hai Đảo khởi phiền não. Tùy miên phiền não không phải tâm, không phải tâm pháp, không có sở duyên. Tùy miên phiền não khác với Đảo khởi phiền não. Vì Tùy miên phiền não xa lìa tâm, còn Đảo khởi phiền não thì tương ưng với tâm. Quá khứ vị lai thì không, hiện tại thì có. Pháp nhập không thể biết, không thể nhận thức. Không có trung ấm. Tu-lâu-đa a-ban-na được định. Cả bốn bộ này là chấp nghĩa gốc.

Còn chấp nghĩa khác, thì Đại chúng bộ chấp nghĩa khác với ba bộ kia. Bốn Thánh đế đều là chân thật, có như như đối. Hạnh đáng khen là có khổ. Tự mình làm là có khổ, người khác làm là có khổ, cả hai cùng làm là có khổ, không phải cả hai cùng làm có khổ thì nương ngày nhân duyên mà sinh ra, có thứ không nương ngày nhân duyên mà sinh. Cùng trong một lúc có nhiều tâm hòa hợp giữa đạo và phiền não cùng khởi lên. Nghiệp và quả cùng khởi, chủng tử là mầm mống. Sáu căn bốn đại luôn đổi khác. Còn tâm và tâm pháp không đổi khác. Tâm tăng trưởng và biến khắp thân thể.

Nên biết là có các nghĩa như thế, các bộ tin ưa không đồng nhau, mỗi bộ đều có các chấp riêng, nên gọi là chấp nghĩa khác.

Đa văn bộ thì chấp nghĩa gốc rằng: Như Lai có năm thứ tiếng để nói, năm tiếng xuất thế là: Vô thường, khổ, không, vô ngã, tịch tĩnh Niết-bàn. Năm tiếng này chính là đạo xuất thế. Còn các tiếng khác của Như Lai là đạo thế gian. Có bậc A-la-hán phần nhiều bị các kẻ khác lấy đồ bất tịnh làm bẩn y, phần nhiều A-la-hán có điều không biết có nghi ngờ, có do người khác độ, Thánh đạo cũng do lời nói hiển bày. Còn các chấp khác cũng giống như các chấp của Thuyết nhất thiết hữu bộ.

Về Phân biệt thuyết bộ thì chấp nghĩa gốc rằng: Khổ không phải là ấm. Tất cả nhập không thể thành tựu, tất cả pháp hữu vi đối đãi nhờ cậy nhau nên lập tên là khổ chứ thực không do sức người. Không có việc chết vô cớ. Các việc có được là từ nghiệp trước tạo nên. Nhân quả tăng trưởng hay sinh ra một nghiệp. Tất cả khổ đều từ nghiệp sinh ra. Thánh đạo do phước đức mà được chứ không phải do tu mà được. Các chấp khác cũng giống với các chấp của Đại chúng bộ.

Về Chi-đề sơn bộ và Bắc sơn bộ thì hai bộ này chấp nghĩa gốc, cho rằng: Bồ-tát không thoát khỏi ác đạo. Với Tẩu đẩu pha (Tốt-tổ-ba: Tháp Phật) mà cung kính cúng dường thì được phước ít. Có nhiều A-la-hán bị người khác lấy đồ bất tịnh làm bẩn y. Bậc A-la-hán có nhiều thứ không biết có nghi ngờ, có người khác độ, Thánh đạo cũng do lời nói hiển bày. Còn các chấp khác thì giống với Đại chúng bộ.

Về Thuyết nhất thiết hữu bộ chấp nghĩa gốc cho rằng, tất cả đều có như nó đã có, hai pháp như thế gồm có tất cả quá khứ, hiện tại, vị lai. Cái hữu ấy một là dựa ngày chánh thuyết; hai là căn cứ ngày hai pháp; ba là căn cứ ngày có cảnh giới; bốn là căn cứ ngày có quả. Pháp nhập có ba thứ là nhận thức được, biết được, thông suốt được. Sinh, lão, trụ, vô thường là hành không tương ưng với tâm. Hành ấm thì bao gồm ba thứ hữu vi, ba thứ vô vi, ba tướng hữu vi, ba tướng vô vi. Trong bốn Đế là ba Đế là hữu vi, một đế là vô vi. Theo thứ lớp mà quán bốn đế. Nếu người muốn nhập chánh định thì tất là duyên với Không giải thoát môn. Vô nguyện giải thoát môn thì được nhập chánh định. Nếu ở Dục giới mà quán tương ưng với các hành thì được nhập ngày chánh định. Nếu người đã nhập ngày chánh định rồi thì trong mười lăm tâm gọi là hướng Tu-lâu-đa a-ban-na. Nếu tâm thứ mười sáu thì gọi là Tu-lâu-đa a-ban-na. Pháp thế đệ nhất là tâm một sát-na, với ba phương tiện thì có nghĩa lui sụt. Pháp thế đệ nhất không có nghĩa lui sụt. Tu-lâu-đa a-ban-na không có nghĩa lui sụt. Phần đông A-la-hán có nghĩa lui sụt. Tất cả A-la-hán phần lớn đều không đắc vô sinh trí rốt ráo. Hàng phàm phu cũng có thể bỏ dục và sân. Ngoại đạo cũng được năm thông, Trời cũng có Phu-lam-ma. Ở Thất định thì có giác phần, còn các định khác không có. Tất cả các định đều thuộc bốn Niệm xứ. Nếu không nương ngày định nhập ngày chánh định thì cũng được quả A-la-hán. Phần lớn nếu nương ngày tâm cõi Sắc và cõi Vô sắc mà được quả A-la-hán thì lại không được nhập ngày chánh định. Ở cõi Dục mà được nhập ngày chánh đinh thì cũng được quả A-la-hán. Phần lớn ở Uất-đa-la Cưu-lâu (Bắc Câu-lô châu) không có người lìa dục. Bậc Thánh nhân không sinh ngày cõi ấy. Thánh nhân cũng không sinh ngày cõi trời Vô tưởng, không cần theo thứ lớp của định vẫn được bốn quả Thánh đạo. Nếu người đã nhập chánh định nương ngày đạo thế tục mà được đến Bà-phàm-lý-đà-như-mị, A-na-già-mị, bốn Niệm xứ. Có thể nói tất cả pháp Tùy miên phiền não là tâm pháp nó không tương ưng với tâm. Tất cả Tùy miên phiền não có thể lập thành tên đảo khởi. Tất cả phiền não đảo khởi có thể lập làm tên đảo khởi mà không thể lập làm tên tùy miên. Mười hai

duyên sinh là hữu vi, mười hai duyên sinh phần cũng có tùy A-la-hán đa hạnh. Nhiều A-la-hán cũng có phước đức tăng trưởng. Trong cõi Dục và cõi Sắc thì có Trung ấm. Khi năm thức hiện khởi thì sinh ra một dục mà không lìa dục. Năm thức chấp riêng, tướng không phân biệt. Có tâm và trợ tâm pháp tâm và trợ tâm pháp nhất định có cảnh giới. Tự tánh tâm không tương ứng với tâm không tương ưng với tự tánh. Thế gian có chánh kiến, thế gian có tín căn, có pháp vô ký. Phần lớn A-la-hán phần nhiều đều không có pháp hữu học. Tất cả A-la-hán đều được định, tất cả A-la-hán phần lớn khống đều chứng định. Phần lớn A-la-hán có nghiệp đời trước đều phải chịu báo. Tất cả phàm phu cũng có ở thiện tâm mà chết. Nếu người đang châu định thì nhất định không chết. Như Lai cùng các đệ tử dứt hết các hoặc không khác nhau. Từ bi của Như Lai không lấy chúng sinh làm cảnh giới. Nếu người có ý giải thoát mà chấp tướng chúng sinh thì không thành tựu được tất cả Định của Bồ-tát, mà là kẻ phàm phu còn đủ cả chín kiết. Nếu Bồ-tát đã nhập chánh định rồi nhưng chưa vượt khỏi địa vị phàm phu là vì chỗ chấp thủ còn tiếp nối, giả gọi là phàm phu. Tất cả hạnh Sát-ni-kha, không có pháp từ đời này đến đời sau, nương ngày đời mà mượn tên gọi là người Phất-già-la độ. Khi chánh pháp hoạt động thì các nhóm diệt hết không sót. Các ấm không đổi khác có định xuất thế. Có các giác là vô lậu. Có thiện là có nhân. Nếu người đang ở trong định thì không nói năng. Tám Thánh đạo phần gọi là pháp luân. Tất cả lời nói của Thế Tôn không phải đều là chuyển pháp luân. Một tiếng nói không nói đủ tất cả pháp. Tất cả lời nói của Như Lai không phải đều đúng nghĩa. Tất cả các kinh không phải đều là liễu nghĩa, có kinh bất liễu nghĩa. Thuyết nhất thiết hữu bộ chấp theo nghĩa gốc này. Lại có những chấp khác thì nhiều vô cùng.

Về Tuyết sơn bộ là chấp nghĩa gốc, cho rằng: Bồ-tát là phàm phu không có tham mà thọ sinh, không bị bào thai chướng ngại. Ngoại đạo không có năm thông. Trời không có Phu-lam-ma (tu phạm hạnh). Có nhiều A-la-hán bị người khác lấy đồ bất tịnh làm bẩn y, phần nhiều A-la-hán có điều không biết, có nghi lầm, có người khác độ, Thánh đạo cũng do lời nói mà hiển bày. Còn các chấp khác đều giống như Thuyết nhất thiết hữu bộ.

Về Khả trụ tử bộ chấp nghĩa gốc, cho rằng: Không phải chính năm ấm là người, không phải người khác năm ấm, vì gồm đủ ấm, giới, nhập nên lập giả danh là người. Có ba thứ giả: Một là gồm tất cả giả; hai là gồm một phần giả; ba là gồm giả diệt độ. Tất cả pháp Hữu vi đều diệt mất trong từng sát-na. Nếu lìa sắc thì không có một pháp nào từ

đời này đến đời sau. Có thể nói là người có dời đổi. Ngoại đạo cũng có năm thông. Nếu người đang sinh năm thức thì không có dục mà cũng không lìa dục. Các kiết tương ưng với Dục giới sẽ do tu đạo mà phá tan. Nếu người hay đoạn dứt thì được lìa dục. Ở cõi Dục do kiến đạo đoạn dứt thì không phải thế. Nhẫn gọi là tướng của pháp Thế đệ nhất. Bốn vị này gọi là chánh định. Nếu người đã nhập chánh định thì ở mười hai tâm gọi là hướng Tu-lâu-đa a-ban-na đến tâm thứ mười ba thì gọi là quả Tu-lâu-đa a-ban-na. Tất cả chúng sinh có hai lỗi: Một là lỗi về ý; hai là lỗi về sự việc. Sinh tử có hai thứ nhân quan trọng nhất đó là phiền não và nghiệp. Có hai pháp là nhân giải thoát quan trọng nhất, đó là Tỳ-bát-xá-na và Xa-ma-tha. Nếu không nương ngày tự thể của tàm quý để làm tăng thượng duyên thì người này không làm đúng chánh pháp. Có hai thứ phiền não căn bản luôn tùy theo các hành của chúng sinh đó là vô minh và ái. Có bảy thứ chỗ thanh tịnh. Trí của Phật không tương ưng với giới... các cảnh vì nương nhờ duyên hiểu biết mà thấu suốt được tất cả pháp hoặc dùng diệt mà gồm nhiếp. Có sáu thứ ở cõi Sắc và Vô sắc không nhập ngày chánh định, Bồ-tát luôn sinh ở trong đó. Nếu đã sinh Tận trí và Vô sinh trí thì gọi là Phật. Kinh do Như Lai nói có ba nghĩa: Một là chỉ rõ lỗi lầm của sinh tử; hai là chỉ rõ công đức của giải thoát; ba là không chỉ rõ điều gì.

Khả trụ đệ tử bộ chấp theo nghĩa gốc này. Vì từ xưa nhân một bài kệ mà chia thành bốn bộ mới:

1. Pháp thượng bộ.
2. Hiền thừa bộ.
3. Chánh lượng đệ tử bộ.
4. Mật lâm trụ bộ.

Bài kệ ấy nói rằng:

Đã được giải thoát lại thối đọa
Đọa do tham trước mà trở lại
Đã được chỗ an đến vừa ý
Theo hạnh vui nên đến chỗ vui.

Về Chánh địa bộ chấp nghĩa gốc cho rằng: Không có quá khứ, vị lai chỉ có hiện tại và vô vi. bốn Thánh đế, khi quán cùng một lúc, nếu thấy được Khổ đế thì thấy được tất cả đế kia, thấy như đã từng thấy các đế. Tùy miên phiền não không phải là tâm, không phải là trợ tâm pháp và không có cảnh giới. Tùy miên phiền não khác với đảo khởi phiền não tùy miên phiền não thì không tương ưng với tâm. Còn đảo khởi phiền não thì tương ứng với tâm phàm phu không bỏ dục và sân giận

ở cõi dục. Ngoại đạo không có năm thông. Trời không có Phu-lam-ma, không có trung ấm. Bậc A-la-hán phần nhiều phước đức không tăng trưởng. Nhóm năm thức có lìa nhiễm. Nhóm sáu thức tương ưng với giác quán. Có loại chúng sinh đầu tiên. Thế gian không có chánh kiến, thế gian không có tín căn, không có Định xuất thế. Giác quán không phải vô lậu. Có nhân không thiện. Tu-lâu-đa a-ban-na có pháp lui sụt. A-la-hán phần lớn không có lui sụt. Đạo phần là thuộc bốn Niệm xứ. Pháp Vô vi có chín thứ:

1. Tư trạch diệt.
2. Phi tư trạch diệt.
3. Hư không.
4. Vô ngã.
5. Thiện như.
6. Ác như.
7. Vô ký như.
8. Đạo như.
9. Duyên sinh như.

Thọ sinh là bắt đầu, chết là cuối cùng. Bốn đại năm căn, tâm và tâm trợ pháp đều có đổi khác. Trong đại chúng có Phật. Nếu cúng thí cho đại chúng thì được báo lớn. Nếu riêng cúng thí cho Phật thì công đức không bằng. Tất cả chư Phật và tất cả Thanh văn đều đồng một đạo, đồng một thứ giải thoát, tất cả hạnh Sát-ni-kha. Không có một pháp nào từ đời này đến đời sau.

Chánh địa bộ chấp nghĩa gốc này. Bộ này lại có chấp các nghĩa khác là: Có quá khứ, vị lai, có trung ấm. Pháp nhập có hai thứ là biết được và nhận thức được. Tác ý là chánh nghiệp, không có hai nghiệp thân và khẩu. Giác quán là pháp tương ưng. Đại Địa là kiếp Trụ. Cung kính cúng dường chùa tháp (Tẩu-đẩu-pha: Tốt-đổ-pha) thì không có báo. Tất cả Tùy miên phiền não luôn thường tại. Ba pháp ấm, giới, nhập đời luôn thường tại lìa pháp hiện đời. Kệ nói rằng:

Năm pháp là quyết định
Các khổ từ đó sinh
Vô minh tâm tham ái
Năm kiến và các nghiệp.

Các bộ có nghĩa gốc đều đồng nhau nhưng, vì chấp có khác nên chia thành nhiều bộ khác nhau.

Về Pháp Hộ bộ thì chấp nghĩa gốc cho rằng: Trong Tăng có Phật Thế Tôn và cung kính cúng dường các tháp chùa (Tẩu-đẩu-pha) thì có

thắng phước, cung kính cúng dường Đại chúng thì không bằng. Đạo của Phật khác với đạo của Thanh văn. Ngoại đạo không được năm thông. Phần nhiều thân A-la-hán là vô lậu còn các chấp khác thì đều giống với Đại chúng bộ.

Về Thiện tuế bộ thì chấp nghĩa gốc rằng: Pháp đã diệt, đã lìa bỏ thì không có, còn chưa diệt chưa lìa thì có. Nếu nghiệp quả đã thục thì không có, chưa thục thì có. Pháp hữu vi không lấy pháp quá khứ làm nhân mà lấy nhập hiện tại và vị lai làm nhân. Tất cả các hạnh là Sát-ni-kha. Pháp Hữu học thì có quả báo. Còn các chấp khác thì giống với các chấp của Pháp hộ bộ.

Về Thuyết độ bộ thì chấp nghĩa gốc rằng: Ấm là từ đời trước đến đời sau. Nếu lìa Thánh đạo thì các ấm không diệt mất. Ấm có gốc ngọn. Ở địa vị phàm phu cũng có Thánh pháp. Có người chân thật. Còn các chấp khác thì giống các chấp của Thuyết nhất thiết hữu bộ.

Từ xưa các điều nêu trong luận cũng có tên mười tám bộ nhưng chỉ do tiếng nói có lầm khác nên không giống như cũ. Nay vẫn cẩn thận riêng giữ tiếng cũ nước Thiên Trúc và vẫn lấy tên bộ luận đầu tiên là Đại chúng bộ... thứ lớp đối nhau mà phiên dịch, nếu dịch khác thì khó đầy đủ, như đã giải thích trong nghĩa sớ.

Trước hết chia làm hai bộ (tiếng Thiên Trúc gọi là bộ Ni-kha-dữ)

1. Ma-ha tăng-kỳ-kha bộ.

2. Tha-tỳ-lê-dữ bộ.

Sau đó từ Ma-ha tăng-kỳ-kha bộ lại chia ra làm ba bộ:

1. Ỷ-kha-tỳ-dữ-bà-ha-lợi-kha bộ.

2. Lư-câu-đa-la-bà-tha bộ.

3. Cao-câu-lê-kha bộ cũng gọi là Cao-câu-chi-kha bộ.

Kế đó từ Ma-ha tăng-kỳ-kha bộ lại sinh ra một bộ tên là Bà-hống-thâu-chi-kha bộ. Kế đến cũng từ Ma-ha tăng-kỳ-kha bộ lại sinh ra một bộ tên là một Ba-la-nhã-xà-để bà-đà bộ.

Sau đó có ngoại đạo tên là Ma-ha-đề-bà xuất gia ở trong bộ Ma-ha tăng-kỳ-kha tự chia thành hai bộ:

1. Chi để dữ thế la bộ.

2. Uất đa la thế la bộ.

- Bộ Tha-tỳ-dữ lại chia thành hai bộ:

1. Tát-bà-a-tư- bà-đà bộ cũng gọi là Hê-đâu-bà-đà bộ.

2. Ê-ma-bạt-đa bộ cũng gọi là Tha-tỳ-lê-dữ bộ.

Kế đó từ bộ Tát-bà-a-tư-bà-đa bộ lại sinh ra một bộ tên là Bạt-

tư-phất-lê-dữ bộ. Sau đó từ Bạt-tư-phật-để-lê-dữ bộ lại sinh ra một bốn bộ là:

1. Đạt-mô-đa-lê-dữ bộ.
2. Bạt-đà-dữ-ni-dữ bộ.
3. Tam-ma-mi- để dữ bộ.
4. Sơn-đà-già-lê-kha bộ.

Kế tiếp từ Tát-bà-a-tư-để-bà-đà bộ lại cho ra một bộ tên là Di-hy-xá-bà-kha bộ. Sau đó từ Di-hy-xá-bà-kha bộ lại sinh ra mộtmột bộ tên là Đạt-ma-cập-đa bộ. Lại từ bộ Tát-bà-a-tư-để-bà-đà lại sinh ra một bộ tên là một Tô-bạt-lê-sa-kha bộ cũng gọi là Kha-thi-bi-dữ bộ. Kế đó lại từ bộ Tát-bà-a-tư-để bà-đà sinh ra một bộ tên là Tăng-thiên-lan-để-bà-đà bộ cũng gọi là Tu-đan-lan-đa-bà-đà bộ.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 179

LỊCH ĐẠI TAM BẢO KÝ

SỐ 2034
(QUYỂN 1 → 15)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2034

LỊCH ĐẠI TAM BẢO KÝ

Soạn giả: Phí Trường Phòng Đời Tùy

QUYỂN 1

(Qua hai thời đại Chu-Tần)

Nói về niên đại các đời vua trước, là thuật lại việc Đức Như Lai thác sinh ngày nước Thân độc. Bấy giờ đang là triều Cơ, ở châu đang này.

Niên đại càng xa đời người càng sai lệch mới cũ so le nhau, chỉ ra mà nói thì trước sau càng mờ mịt. Nay trước hết trên thì lấy năm Giáp Tý làm chuẩn mực xưa nay, dưới thì lấy các niên đại nối tiếp của các vua làm giềng mối. Biết bao việc giao chức nhường ngôi hoặc chiếm đoạt làm bá chủ thì rõ ràng như gương trước mắt, cũng như việc thay chức đổi ngôi, mua bán triều đại, khác nào đường chỉ trên bàn tay. Sau đó mới xét qua các thi ân báo oán vỗ về phủ dụ và vận mệnh của các vua chúa, từng lúc thích hợp với sự truyền bá giáo hóa, tùy cơ độ người của Phật pháp. Kinh Phật cùng sách Khổng nghĩa lý đã cùng ngầm hợp nhau. Có thể gọi là Linh thần giáng khắp năm trời, điềm lành thông suốt cả chín châu vậy!

Bà thứ phi mẹ Cơ Xương nằm mộng thấy bậc Đại nhân, do đó cảm sinh ra một Xương. Thật là mặt rồng mày cọp, thân cao một trượng, ngực có bốn vú. Bờ cõi đến cả Tây nhung, quyền chính trùm khắp Đông tiệm. Chim Tước đỏ đến chầu, cãi xưng là nhà Chu. Tên thụy là Văn Vương. Đóng đô ở đất Phong, thâu lượm chôn cất xương khô, thiên hạ đều quy phục. Cho nên đức Khổng Phu tử nói rằng: “Đức của Văn Vương đẹp thay, không cần động binh mà cảm hóa được tất cả”. Đến

người con của ông là Võ Vương tên Phát, đem quân phạt vua Trụ, rồi dời đô về Cảo kinh, đến giữa đường gặp một người bị trúng nắng liền xuống xe mà quạt, vua tự coi thường địa vị muôn xe mà hết lòng thương yêu cả triệu dân. Cho nên ông Tôn Khanh cho rằng Võ Vương khi sinh ra một thì cả thiên hạ đều mừng vui ca hát, khi Võ Vương chết thì cả bốn biển đều buồn khóc.

Đến đời thứ mười chín, đời chúa Trang Vương tên Tha, ngày năm thứ mười, ngang với thời Xuân Thu, đời Lỗ Trang Công năm thứ bảy, mùa hạ tháng tư năm Tân Mão, đêm ấy không thấy sao Hằng chiếu sáng nữa. Đến giữa khuya thì các sao sa xuống như mưa. Xét ra đó là lúc Đức Như Lai đản sinh ở vương cung.

Các bậc Hiền đức thời xưa suy ra năm sinh của Phật có suýt soát nhau.

- Nếu căn cứ ngày Pháp Hiển truyện mà suy ra năm Phật sinh thì ngang với thời nhà Ân, năm Giáp Ngọ, niên hiệu Võ Ất thứ hai mươi sáu. Đến nay là năm Đinh Tỵ, niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bảy thì đã cách năm sinh là 1681 năm.

- Nếu căn cứ ngày bộ "Sa-môn Pháp Thượng Đáp Cao Cú Ly Quốc Vấn" thì lúc đó là thời Tiền Chu, vua Chiêu, vương tà năm thứ hai mươi bốn giáp dần đến năm Đinh Tỵ thì cách năm Phật sinh là 1486 năm. Trích dẫn Mục Thiên Tử Biệt truyện để làm chứng thi khi, truyền ngôi cho con là Hạ Tử tên Mãn Mục Vương nghe Phật sinh ở thành Ca Duy bèn đi qua Ấn Độ sau đó không thấy trở về.

- Căn cứ ngày Tượng Chánh Ký thì lúc đó ngang thời Tiền Chu thứ mười bảy Bình Vương, Nghi Cữu năm thứ bốn mươi tám mậu ngọ, đến năm Đinh Tỵ này thì cách năm Phật sinh là 1323 năm.

- Căn cứ ngày đời Hậu Chu, ngài Sa-môn Thích Đạo An xét quyển La-thập niên kỷ và bài Thạch Trụ Minh, thì lúc đó là thời Tiền Chu vua thứ mười tám, Hoàn Vương Lâm thứ năm ất sửu, đến năm Đinh Tỵ này thì cách năm Phật sinh là 1225 năm.

- Căn cứ ngày Triệu Bách Lâm Vương, năm đầu niên hiệu Đại Đồng, ở Lô Sơn gặp được Hoằng Độ Luật sư xét theo quyển "Phật Diệt Độ Hậu Chúng Thánh Điểm Ký" thì lúc đó là thời Tiền Chu, vua thứ hai mươi chín Trinh Định vương lượng năm thư hai Giáp Tuất, đến năm Đinh Tỵ này thì cách năm Phật sinh là 1611 năm, chỉ có thời này là gần nhất.

Căn cứ ngày ba Tạng giáo và Thiện Kiến Luật có nói: "Vì sao Đức Phật không độ người nữ? Vì phép Kỉnh pháp vậy. Vì chánh pháp có

một ngàn năm, nếu độ người nữ thì mất bớt năm trăm năm. Nên ngài ra phép tu Bát Kỉnh thì lại còn đủ một ngàn năm. Về sau thời tượng pháp cũng một ngàn năm và thời mạt pháp thì mười ngàn năm. Năm ngàn năm đầu thì có người học tam đạt trí và chứng được bốn quả, ngàn năm thứ sáu trở đi thì dù có học cũng không chứng đạo. Sau mười ngàn năm thì kinh điển văn tự tự nhiên mất hết chỉ còn thấy người cạo đầu và mặc áo ca-sa mà thôi. Đời Chánh pháp thì chất vị đạo pháp thuần là Đại thừa, đến đời Tượng pháp thì chất vị đạm bạc dần. Ngày đời Mạt pháp thì không còn pháp Đại thừa nữa, đám nô tỳ đi xuất gia làm hoen ố tịnh hạnh. Vua dữ trị đời, đóng thuế Tăng Ni. Nay thì chưa như thế. Do vì chánh và tượng pháp chưa cách xa lắm, Tam bảo vẫn còn có Đại thừa hưng thịnh khắp nơi, thì đâu thể nói đã thuộc đời Mạt pháp ư?

- Nay căn cứ ngày các kinh Phổ Diệu Bản Hạnh... và tra xét lại các sử nước Lỗ, chỉ xin nêu ra một góc cạnh nhỏ, kính nhường lại các bậc hiền triết sau này để tuyên bày Thánh tích đã khéo léo quyền biến thác sinh. Ngày mồng tám tháng tư năm Quý Tỵ ngày thời Trang Vương thứ chín, Đức Phật hiện hình voi trắng từ cung trời Đâu-suất giáng thần ngày hông phải của đệ nhất phu nhân hoàng hậu Ma-gia của vua Tịnh Phạn ở thành Ca-tỳ-la, nước Trung Thiên Trúc. Lúc bấy giờ chư Thiên ngầm bảo vệ thai tàng rất kín đáo, người thế gian khó biết. Ngày đêm mồng tám tháng hai nhằm tiết Trọng xuân năm thứ mười, lúc các quỷ thần hội họp, thì ở khu vườn Lâm-tỳ dưới cây Ba-la, Đức Phật sinh ra một từ hông phải, việc sinh ra một đã rõ ràng nên trong kinh Phổ Diệu nói rằng: Phóng ánh sáng lớn chiếu khắp tam thiên thế giới. Tức là trong Tả truyện nói: “ Không còn thấy sao Hằng xuất hiện chiếu sáng giữa đêm khuya”. Trong kinh Thụy Ứng nói rằng: “Sao Phất hiện xuống hầu thái tử sinh ra”, cho nên trong Tả truyện kể việc các sao sa xuống như mưa. Trong kinh Bản Hạnh nói: trên hư không chẳng có mây mà mưa lớn tự nhiên ào xuống. Đỗ thị chú giải rằng lúc đó không có mây, Tả truyện thì bảo cũng đều có mưa. Nhưng theo lịch của Cơ Chu thì tháng mười một làm chính, mà nói tháng tư thì tức là ngày mồng năm tháng hai năm Tân Mão, vậy sử nước Lỗ là sai. Ngài Sa-môn Đạo An soạn ra hai thứ luận và kinh, dùng lịch Cơ Chu suy ra thì hợp ngày mồng tám. Ngày sinh và ngày thành đạo cùng là ngày mồng tám nhưng chỉ cách nhau ba mươi năm. Đến niên hiệu Hy Vương nguyên niên, năm Canh Tý, lúc Phật bảy tuổi, ngài ngồi xe dê đến trường học. Đến năm Quý Mão (Hy Vương năm thứ tư), lúc ngài mười tuổi thì đã cùng các bạn đồng học thuộc dòng họ Thích tranh tài. Lúc ngài mười bốn tuổi,

nhằm năm Đinh Mùi thời huệ Vương năm thứ ba, ngài xin phép vua cha đi dạo chơi bốn cửa thành. Khi đến cửa thành phía đông gặp một người bệnh, ngài bèn trở về. Năm huệ Vương thứ sáu, ngày năm Canh Tuất, lúc mười bảy tuổi, ngài cưới Công chúa tên Cầu Di. Năm huệ Vương thứ tám, năm Nhâm Tý lúc ngài lên mười chín tuổi, ngày nửa đêm ngày mồng tám tháng tư ngài vượt thành xuất gia.

- Kinh Thập Nhị Du nói rằng: Phật xuất gia năm hai mươi tuổi. Kinh Tăng Nhất A-hàm quyển hai mươi bốn thì nói ngài xuất gia năm hai mươi chín tuổi, xuất gia vì muốn hóa độ mọi người. Lại nói: Năm hai mươi tuổi, ngài học với ngoại đạo. Kinh Trường A-hàm cũng nói: Ngài xuất gia năm hai mươi chín tuổi. Nhưng suy ra cả đời Như Lai chỉ sống có bảy mươi chín năm. Nếu năm hai mươi chín tuổi xuất gia, năm ba mươi lăm tuổi thành đạo, thì suốt cuộc đời thuyết pháp độ sinh của ngài chỉ có bốn mươi lăm năm. Nhưng trong kinh Thiền Yếu có nói: Đức Thích-ca trọn đời giáo hóa chúng sinh suốt bốn mươi chín năm. Các kinh phần lớn đều nói là Phật xuất gia lúc mười chín tuổi. Nay lấy đây làm đúng. Nếu lấy hai mươi chín tuổi xuất gia, năm ba mươi lăm tuổi thành đạo thì ít có kinh nói. Và lại nếu lấy hai mươi năm theo học với ngoại đạo thì phải năm mươi tuổi mới thành đạo. Do đó mà biết là sai.

Năm Phật ba mươi tuổi, ngày năm Quý Hợi, thời huệ Vương thứ mười chín, ngày mồng tám tháng hai khi sao mai vừa xuất hiện thì ngài bừng sáng giác ngộ thành đạo Vô thượng.

Trong kinh Bát-nê-hoàn, quyển hạ. Đức Phật bảo A-nan rằng: Từ khi ta thành đạo đến nay cũng được bốn mươi chín năm. Phật rất khó gặp vì phải một ức bốn ngàn vạn năm nữa mới có Đức Phật Di-lặc. Trong Thiền Yếu nói rằng: Như Lai thành đạo suốt bốn mươi chín năm cùng một chất vị. Kinh Trường A-hàm quyển năm nói rằng: Phật bảo Tu-bạt: Ta thành Phật đến nay đã được năm mươi năm rồi.

- Suốt bốn mươi chín năm ngài châu thế gian cùng hàng Trời, Người, Rồng, Thần thuyết pháp giáo hóa khiến ai nấy đều được giải thoát và chứng được bốn quả. Đám người không tin đối nghịch cũng nhiều như cát sông Hằng, mà số kẻ lìa khỏi ba đường dữ sinh làm trời người cũng đông không kể xiết. Khi cảm duyên của chúng sinh đã hết, giữa khuya ngày rằm tháng hai nhằm năm Nhâm Tý, vua Khuông Vương năm thứ tư, Đức Phật nhập Niết-bàn tại thành Câu-thi-na ở Trung Thiên Trúc. Từ đó đến bấy giờ là năm Định Tỵ, niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bảy thì đã cách 1250 năm, khi cặp mắt sáng của thế gian đã tắt.

Kinh Niết-bàn và luật Thiện Kiến đều nói đó là ngày rằm tháng

hai. Nhưng kinh Bồ-tát Xử Thai lại nói: Phật nhập Niết-bàn ngày tám tháng hai. Lại nói rằng: lúc sinh ra, khi chứng đạo và nhập Niết-bàn đều là ngày tám tháng tư. Các bậc Tiên đức và hàng dịch giả từ xưa đều nói đáng lẽ ngày tháng hai. Vì sao? Vì từ thành Vương xá cách kinh thành nước Câu-di khoảng ba ngàn dặm. Sau khi Đức Phật diệt độ bảy ngày thì các đệ tử mới trà-tỳ (thiêu) rồi phân tán. Ngài Ca-diếp mới đi về thành Vương xá trước mùa Hạ để an cư mà kết tập các pháp tạng. Ngài đem cả đại chúng dù ngu hay trí đều cùng đến thành Vương xá, sau đó mới kiểm tra và chọn lựa người giỏi. Không chấp nhận là phải đến ngay trong ngày ấy. Nhưng các kinh khác đều nói là cùng đến ngay trong đêm Phật nhập Niết-bàn. Chỉ có luật Thiện Kiến là riêng nói là lúc trời vừa sáng. Kinh giải thích về lúc nhập Niết-bàn nó biểu thị một ý nghĩa lớn về Phật Nhật (mặt trời Phật) hiện ra với chúng sinh. Nếu nhập Niết-bàn ngày khoảng đầu đêm lúc trời chưa bắt đầu sáng là biểu thị Đức Phật sau còn lâu lắm mới ra đời. Nếu nhập diệt lúc nửa đêm thì việc xuất hiện Phật sau sẽ ở mức trung bình. Còn nhập diệt ngày lúc cuối đêm gần sáng, thì không bao lâu nữa Đức Phật sau sẽ ra đời. Đức Di-lặc sẽ ra đời khoảng một ức năm sau, lại không phải ở kiếp khác. Vậy thời gian nhập diệt ngày giữa đêm là đúng.

- Trong Dục Vương truyện nói rằng: Sau khi Phật nhập Niết-bàn được một trăm mười sáu năm, ở cõi Diêm-phù-đề có đức vua tên là A-du-già, đi sang phía đông nước Thiên Trúc trị vì thành Hoa thị, ra lệnh thâu lấy xá-lợi Phật đem phân bố thờ phượng khắp tám vạn bốn ngàn bảo tháp bao quanh khắp cõi Diêm-phù-đề. Nói tòm tắc là muốn truyền bá khắp cõi Thiên Trúc, và cả nước thành Chân Đan, tả hữu Gian Hán, Đông Tây Quan, Lũng, tất cả mọi nơi đều có. Lúc đó là năm Đinh Mùi ở đời Châu Kỉnh Vương thứ hai mươi sáu. Từ đời Võ Vương cho đến Nãn gồm có ba trăm mười chín đời vua trải suốt tám trăm tám mươi bốn năm, đóng đô ở đất Phong và ấp Cảo lạc. Lập ra lịch nhà Chu cho dân dùng khắp nơi. Cho đến Doanh Chiêu Tương Vương tên Lập ngày năm năm mươi hai thì diệt nhà Chu, xưng là Tần, đổi tên Cảo Kinh thành ra Hàm Dương, nhưng vẫn giữ làm kinh đô. Đến đời vua thứ tư Tần Thủy Hoàng đế tên Chánh, năm thứ hai mươi sáu bèn diệt tan sáu nước, năm thứ hai mươi bảy phế bỏ chín châu, phân thiên hạ ra làm ba mươi sáu quận. Đến năm thứ ba mươi bốn thì tất cả sách vở kinh điển đều bị đốt sạch, chỉ trừ sách thuốc là không đốt, còn thì tất cả đều thành tro. Do đó mà Thánh giáo và các Linh tích ở đời Chu và việc vua A-dục xây dựng tháp Xá-lợi, các truyện ký ghi chép đều bị đốt sạch không

biết dựa ngày đâu.

Lại thời Tần Thủy Hoàng có các Sa-môn Thích Lợi Phòng... cả thảy mười tám Hiền giả, đem kinh đến giáo hóa, nhưng Tần Thủy Hoàng không cho, bèn bắt giam đám Lợi Phòng... Đêm đến, có sáu vị mang gậy Kim Cang đến phá ngục thả ra. Tần Thủy Hoàng sợ hãi cúi đầu tạ lỗi. Đến đời vua thứ tư năm thứ bốn mươi chín Tần bị nhà Hán diệt. Bắt đầu năm đầu tiên của Chu Võ Vương là năm Kỷ não và đời Tần Nhị Thế chấm dứt ngày năm Giáp Ngọ. Trong khoảng thời gian đó chín trăm ba mươi ba năm có bốn mươi hai vua. Đời Chu có mười sáu vua trong bốn trăm năm mươi ba năm. Khi chưa có tiếng gọi Phật thì không ghi chép. Cho đến từ thời Chu Trang Vương thì Như Lai ra đời. Từ đó cho đến đời Hán mới có ghi chép các niên lịch. Gồm cả hai mươi sáu đời vua trong bốn trăm tám mươi mốt năm ghi chép gộp lại gọi là Sử đời Chu Tần, nói về việc giáo pháp của Phật được truyền sang Đông Độ.

A. CÁC ĐỜI VUA TẠI VỊ:

I. CHU TRANG VƯƠNG: Làm vua mười lăm năm (696 - 682). Nay chỉ lấy sáu năm ghi ngày Sử lục: Phật ra đời (năm 687 trước CN)

Chu Hy vương: Làm vua năm năm (681 - 677)

Chu Huệ vương: Làm vua hai mươi lăm năm (676 - 652)

Chu Tương vương: Làm vua ba mươi ba năm (651 - 619)

Chu Khoảnh vương: Làm vua sáu năm (618 - 613)

Chu Khuông làm vua sáu năm (612-607): Phật nhập Niết-bàn ngày 8 tháng 2 năm Khuông Vương thứ tư (609 trước CN)

Chu Định vương: Làm vua hai mươi mốt năm (606 - 586)

Chu Giản vương: Làm vua mười bốn năm (585 - 572)

Chu Linh vương: Làm vua hai mươi bảy năm (571-545)

Chu Cảnh vương: Làm vua hai mươi lăm năm (544-520)

Chu Kỉnh vương: Làm vua bốn mươi ba năm. Năm thứ hai mươi sáu thì vua A-dục khởi xây tám vạn bốn ngàn bảo tháp (494 trước CN)

Chu Nguyên vương: Làm vua tám năm (475-469 = 7 năm)

Chu Trinh Định vương: Làm vua hai mươi tám năm (468 - 441)

Chu Hiếu vương: Làm vua mười lăm năm (440 -426)

Chu Oai Liệt vương: Làm vua hai mươi bốn năm.

Chu Nguyên An vương: Làm vua hai mươi sáu năm.

Chu Di Liệt vương: Làm vua bảy năm.

Chu Hiển Thánh vương: Làm vua bốn mươi tám năm.

Chu Thuận Tịnh vương: Làm vua sáu năm.
Chu Nản vương: Làm vua năm mươi chín năm.

II. TẦN CHIÊU TƯƠNG VƯƠNG: Làm vua năm năm.
Tần Hiếu Văn vương: Làm vua một năm.
Tần Trang Tương vương: Làm vua ba năm.
Tần Thủy Hoàng đế: Làm vua ba mươi bảy năm.
Tần Nhị Thế Hoàng đế: Làm vua ba năm.

B. CÁC SỰ KIỆN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN PHẬT PHÁP:

I. ĐỜI CHU:

Năm Giáp Ngọ, đời Chu Trang vương tên Tha, năm thứ 10 ngày 08 Tháng 2 (687 trước CN), Đức Thích-ca Như Lai giáng thần thác sinh ngày cung vua Tịnh Phạn, thành Ca-tỳ-la, nước Trung Thiên Trúc. Lúc đó phóng quang chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới đều sáng rực rỡ. Tức là Tả truyện Lỗ Xuân Thu bảo là “Đêm ấy sao Hằng không thấy hiện ra chiếu sáng vậy”.

Năm Ất Mùi, năm thứ mười một.

Năm Bính Thân, năm thứ mười hai.

Năm Đinh Dậu, năm thứ mười ba.

Năm mậu Tuất, năm thứ mười bốn.

Năm Kỷ Hợi, năm thứ mười lăm.

Năm Canh Tý, đời Hy Trang vương tên Hô Tề, năm thứ nhất, kinh Phổ Diệu quyển thứ ba nói rằng: Thái tử Tất-đạt-đa bảy tuổi, ngồi xe dê đến trường học với thầy tên là Tuyển Hữu (tức năm 681 trước CN).

Năm Tân Sửu, năm thứ hai.

Năm Nhâm Dần, năm thứ ba.

Năm Quý Mão, năm thứ tư (678). Kinh Hiện Tại Nhân Quả nói rằng: Khi Thái tử Tất-đạt-đa mười tuổi, ngài cùng các bạn đồng học đồng tuổi thuộc dòng họ Thích khoảng năm trăm người cùng thi đấu, tức năm này (678 trước CN).

Năm Giáp Thìn, năm thứ năm.

Năm Ất Tỵ, năm đầu, đời Chu huệ vương, tên Lãng. Phật mười hai tuổi.

Năm Bính Ngọ, năm thứ hai.

Năm Đinh Mùi, năm thứ ba. Kinh Thụy Ứng Bản Khởi, quyển Thượng nói rằng: Thái tử tuổi đã mười bốn, xin phép vua cha ra ngoài thành dạo chơi. Khi đến cửa thành phía Đông thì gặp một người bệnh

liền trở về.

Năm Mậu Thân, năm thứ tư.

Năm Kỷ Dậu, năm thứ năm.

Năm Canh Tuất, năm thứ sáu. Kinh Thụy Ứng Bản Khởi quyển Thượng nói rằng: Thái tử đã mười bảy tuổi, vua cưới vợ cho tên là Cầu-di.

Năm Tân Hợi, năm thứ bảy.

Năm Nhâm Tý, năm thứ tám. Kinh Thụy Ứng Bản Khởi quyển Thượng nói rằng: Thái tử tuổi đã mười chín, ngày tám tháng tư, nửa đêm Chư Thiên ở trong cửa sổ khoanh tay thưa: " đã đến giờ nên đi!" thái tử liền cho ngựa ra đi. Nói giống với kinh Quá Khứ Hiện Tại Nhân Quả.

Năm Quý Sửu, năm thứ chín.

Năm Giáp Dần, năm thứ mười.

Năm Ất Mão, năm thứ mười một.

Năm Bính Thìn, năm thứ mười hai.

Năm Đinh Tỵ, năm thứ mười ba.

Năm Mậu Ngọ, năm thứ mười bốn.

Năm Kỷ Mùi, năm thứ mười lăm.

Năm Canh Thân, năm thứ mười sáu.

Năm Tân Dậu, năm thứ mười bảy.

Năm Nhâm Tuất, năm thứ mười tám. Kinh Phật Bổn Hạnh Tập nói rằng: Bồ-tát sau sáu năm tu khổ hạnh đã ngày, ngày mùa Xuân, ngày mười sáu tháng hai, ngài tự nghĩ: Cần phải ăn uống đầy đủ thì mới chứng quả Bồ-đề. Chư Thiên liền hóa ra hai thiếu nữ nấu mười sáu phần cháu sữa đem đến cúng thí. Đến buổi sáng ngày 23 tháng 2 ngài tự đi khất thực.

Năm Quý Hợi, năm thứ mười chín. Phật mới thành đạo. Kinh Phổ Diệu quyển sáu nói: Khi sao Mai mới mọc Bồ-tát liền hoát nhiên đại ngộ. Kinh lại nói: Mười chín tuổi xuất gia, ba mươi tuổi thành đạo, công thành chí thỏa, tất cả đều thấu suốt, kinh Thập Nhị Du nói rằng: Đức Phật từ mồng tám tháng tư đến rằm tháng bảy ngồi dưới gốc cây xem như một năm.

Năm Giáp Tý, năm thứ hai mươi. Sang năm thứ hai đến vườn Lộc giả nói pháp độ các thầy A-nhã-câu-lân... luật Di-sa-tắc quyển hai mươi mốt nói rằng: Đức Phật nghĩ nhớ muốn nói pháp cho ông Uất-đầu-lam-phất. Nhưng chư Thiên thưa rằng: "Ông vừa mới mạng chung ngày hôm qua".

Năm Ất Sửu, năm thứ hai mươi mốt. Sang năm thứ ba, Đức Phật nói pháp cho ba anh em ông Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp, cùng độ các đệ tử của họ gồm cả ngàn Tỳ-kheo.

Năm Bính Dần, năm thứ hai mươi hai. Sang năm thứ tư, ở trên đỉnh núi Già-da, Đức Phật nói pháp cho các loài rồng, quỷ, tức là núi Tượng đầu.

Năm Đinh Mão, năm thứ hai mươi ba. Đến năm thứ năm, Xá-lợi-phất đang tu theo đạo Bà-la-môn, gặp đệ tử Phật là ngài Tỳ-kheo Mã Thắng liền hỏi: Thầy theo đạo nào? Đáp: Tôi là đệ tử của Đức Phật và nói kệ pháp cho nghe, Xá-lợi-phất liền chứng được Sơ quả”.

Ngài Xá-lợi-phất trở về rủ ngài Mục-liên cùng đến chỗ Phật. Ngài Xá-lợi-phất là bậc Thượng trí nên vừa trải qua bảy ngày học với Phật liền chứng quả A-la-hán, còn ngài Mục-liên thì phải mười lăm ngày mới đắc quả.

Năm Mậu Thìn, năm thứ hai mươi bốn. Sang năm thứ sáu, ông trưởng giả Tu-đạt và thái tử Kỳ-đà, cùng xây dựng tinh xá mười hai ngôi chùa (phù đồ) bảy mươi hai giảng đường, ba ngàn sáu trăm gian phòng và năm trăm lầu gác cho chư Tăng. Đèn do Tu đạt làm, Thái tử Kỳ-đà chỉ xây dựng cổng ngày và lầu, phòng...

Năm Kỷ Tỵ, năm thứ hai mươi lăm. Sang năm thứ bảy, tại vườn Câu-da-ni, Đức Phật nói kinh Bát Chu cho nhóm Bồ-tát Bà-đà-hòa cả thảy tám vị.

Năm Canh Ngọ, năm đầu đời vua Chu Tương Vương, tên Trịnh. Đó là năm thứ tám sau ngày thành đạo, Đức Phật châu núi Liễu sơn, nói pháp cho vương đệ là Thuần Chân-đà-la, vị này chứng đạo. Năm ấy Phật ba mươi bảy tuổi.

Năm Tân Mùi, năm thứ hai. Sang năm thứ chín, tại vùng Uế trạch, Đức Phật nói pháp độ A-quật ma.

Năm Nhâm Thân, năm thứ ba. Sang năm thứ mười, Đức Phật trở về nước Ma-kiệt-đề, nói pháp độ vua Phất-sa.

Năm Quý Dậu, năm thứ tư. Tức năm mười một sau khi thành đạo, Đức Phật ở dưới gốc cây Khủng bố, nói kinh Bổn Khởi cho ngài Di-lặc, tức kinh Tu Hạnh Bổn Khởi...

Năm Giáp Tuất, năm thứ năm. Tức năm thứ mười hai, Đức Phật trở về bổn quốc nói pháp độ cho tám vạn bốn ngàn người họ Thích đều được chứng quả Tu-đà-hoàn, kinh Thập Nhị Du nói như thế. Còn kinh Phổ Diệu quyển tám nói rằng: Vua cha sai Phạm chí tên Ưu-đà đến thỉnh Phật trở về nước. Vì từ lúc Phật thành đạo tự xưng là bậc Giác ngộ

đến nay cách biệt đã mười hai năm, vua rất nhớ thương muốn gặp mặt.

Năm Ất Hợi, năm thứ sáu.

Năm Bính Tý, năm thứ bảy.

Năm Đinh Sửu, năm thứ tám.

Năm Mậu Dần, năm thứ chín. Kinh Đại Tập quyển một nói rằng: Đức Như Lai thành đạo mới mười sáu năm, rõ biết các Bồ-tát có thể gánh vác thọ trì Pháp tạng Đại thừa, liền châu Trung gian Đại bảo phường giữa hai cõi Dục và Sắc mà nói kinh Đại Tập.

Năm Kỷ Mão, năm thứ mười.

Năm Canh Thìn, năm thứ mười một.

Năm Tân Tỵ, năm thứ mười hai.

Năm Nhâm Ngọ, năm thứ mười ba.

Năm Quý Mùi, năm thứ mười bốn.

Năm Giáp Thân, năm thứ mười lăm.

Năm Ất Dậu, năm thứ mười sáu.

Năm Bính Tuất, năm thứ mười bảy.

Năm Đinh Hợi, năm thứ mười tám.

Năm Mậu Tý, năm thứ mười chín.

Năm Kỷ Sửu, năm thứ hai mươi.

Năm Canh Dần, năm thứ hai mươi mốt.

Năm Tân Mão, năm thứ hai mươi hai.

Năm Nhâm Thìn, năm thứ hai mươi ba.

Năm Quý Tỵ, năm thứ hai mươi bốn.

Năm Giáp Ngọ, năm thứ hai mươi lăm.

Năm Ất Mùi, năm thứ hai mươi sáu.

Năm Bính Thân, năm thứ hai mươi bảy.

Năm Đinh Dậu, năm thứ hai mươi tám.

Năm Mậu Tuất, năm thứ hai mươi chín.

Năm Kỷ Hợi, năm thứ ba mươi.

Năm Canh Tý, năm thứ ba mươi mốt.

Năm Tân Sửu, năm thứ ba mươi hai.

Năm Nhâm Dần, năm thứ ba mươi ba.

Năm Quý Mão, năm đầu đời vua Chu Khoảnh Vương tên Thần. Năm ấy Phật đã bảy mươi tuổi (Phật lịch: 70)

Năm Giáp Thìn, năm thứ hai.

Năm Ất Tỵ, năm thứ ba.

Năm Bính Ngọ, năm thứ tư.

Năm Đinh Mùi, năm thứ năm.

Năm Mậu Thân, năm thứ sáu.

Năm Kỷ Dậu, năm đầu đời Chu Khuông Vương, tên Ban. Phật được bảy mươi sáu tuổi.

Năm Canh Tuất, năm thứ hai.

Năm Tân Hợi, năm thứ ba.

Năm Nhâm Tý, năm thứ tư. Đức Phật đã bảy mươi chín tuổi ngày năm thứ tư đời Chu Khuông Vương, ngày lúc cuối đêm ngày rằm tháng hai, tại khu đất Lực sĩ sinh, thành Câu-thi-na nước Trung Thiên Trúc, giữa khoảng rừng cây Ta-la song thọ, Đức Phật đã nhập Niết-bàn.

Năm Quý Sửu, năm thứ năm.

Năm Giáp Dần, năm thứ sáu.

Năm Ất Mão, năm đầu đời Chu Định Vương tên Du, Đức Phật nhập Niết-bàn đã được bốn năm.

Năm Bính Thìn, năm thứ hai.

Năm Đinh Tỵ, năm thứ ba.

Năm Mậu Ngọ, năm thứ tư.

Năm Kỷ Mùi, năm thứ năm.

Năm Canh Thân, năm thứ sáu.

Năm Tân Dậu, năm thứ bảy.

Năm Nhâm Tuất, năm thứ tám.

Năm Quý Hợi, năm thứ chín.

Năm Giáp Tý, năm thứ mười.

Năm Ất Sửu, năm thứ mười một.

Năm Bính Dần, năm thứ mười hai.

Năm Đinh Mão, năm thứ mười ba.

Năm Mậu Thìn, năm thứ mười bốn.

Năm Kỷ Tỵ, năm thứ mười lăm.

Năm Canh Ngọ, năm thứ mười sáu.

Năm Tân Mùi, năm thứ mười bảy.

Năm Nhâm Thân, năm thứ mười tám. Như Lai diệt độ đã hơn hai mươi năm. Ngài Trưởng lão Ca-diếp giữ gìn Dật Tạng (Luật tạng?) Phó chúc lại cho ngài A-nan, sau đó mới nhập diệt. Trích trong Tượng Pháp Chánh Ký.

Năm Quý Dậu, năm thứ mười chín.

Năm Giáp Tuất, năm thứ hai mươi.

Năm Ất Hợi, năm thứ hai mươi mốt.

Năm Bính Tý, năm đầu đời Chu Giản Vương tên Di. Đức Phật nhập Niết-bàn đã được hai mươi lăm năm.

Năm Đinh Sửu, năm thứ hai.
Năm Mậu Dần, năm thứ ba.
Năm Kỷ Mão, năm thứ tư.
Năm Canh Thìn, năm thứ năm.
Năm Tân Tỵ, năm thứ sáu.
Năm Nhâm Ngọ, năm thứ bảy.
Năm Quý Mùi, năm thứ tám.
Năm Giáp Thân, năm thứ chín.
Năm Ất Dậu, năm thứ mười.
Năm Bính Tuất, năm thứ mười một.
Năm Đinh Hợi, năm thứ mười hai.
Năm Mậu Tý, năm thứ mười ba.
Năm Kỷ Sửu, năm thứ mười bốn.

Năm Canh Dần, năm đầu đời Chu Linh Vương tên Tiết Tâm. Đức Phật nhập Niết-bàn đã được ba mươi chín năm.

Năm Tân Mão, năm thứ hai.

Năm Nhâm Thìn, năm thứ ba. Ngài Ca-diếp đã diệt độ được hai mươi năm. Ngài A-nan giữ gìn Pháp tạng. Về sau phó chúc cho ngài Mạt-điền-địa, rồi mới nhập diệt. Cũng trích từ Tượng Pháp Chánh Ký.

Năm Quý Tỵ, năm thứ tư.
Năm Giáp Ngọ, năm thứ năm.
Năm Ất Mùi, năm thứ sáu.
Năm Bính Thân, năm thứ bảy.
Năm Đinh Dậu, năm thứ tám.
Năm Mậu Tuất, năm thứ chín.
Năm Kỷ Hợi, năm thứ mười.
Năm Canh Tý, năm thứ mười một.
Năm Tân Sửu, năm thứ mười hai.
Năm Nhâm Dần, năm thứ mười ba.
Năm Quý Mão, năm thứ mười bốn.
Năm Giáp Thìn, năm thứ mười lăm.
Năm Ất Tỵ, năm thứ mười sáu.
Năm Bính Ngọ, năm thứ mười bảy.
Năm Đinh Mùi, năm thứ mười tám.
Năm Mậu Thân, năm thứ mười chín.
Năm Kỷ Dậu, năm thứ hai mươi.

Năm Canh Tuất, năm thứ hai mươi mốt. Tháng mười một, năm Canh Tý, Khổng Tử sinh ra tại nước Lỗ, là năm Lỗ Tương Công thứ hai

mươi hai (tức 551 trước CN).

Năm Tân Hợi, năm thứ hai mươi hai.

Năm Nhâm Tý, năm thứ hai mươi ba. Sau khi ngài Mạt-điền-địa nhập diệt thì ngài Xá-na-bà tu giữ gìn Pháp tạng cũng hai mươi năm, rồi phó chúc cho ngài Ưu-ba-quật-đa, sau đó mới diệt độ.

Năm Quý Sửu, năm thứ hai mươi bốn.

Năm Giáp Dần, năm thứ hai mươi lăm.

Năm Ất Mão, năm thứ hai mươi sáu.

Năm Bính Thìn, năm thứ hai mươi bảy.

Năm Đinh Tỵ, năm đầu đời Chu Cảnh Vương tên Quý. Ngô vương Tử Lý Trác đến triều kiến xin xem âm nhạc nhà Châu. Năm này Phật nhập Niết-bàn đã được sáu mươi sáu năm.

Năm Mậu Ngọ, năm thứ hai.

Năm Kỷ Mùi, năm thứ ba.

Năm Canh Thân, năm thứ tư.

Năm Tân Dậu, năm thứ năm. Phổ Hàn Tuyên Tử đích thân đến dâng sách cho Thái Sử Thị.

Năm Nhâm Tuất, năm thứ sáu.

Năm Quý Hợi, năm thứ bảy.

Năm Giáp Tý, năm thứ tám.

Năm Ất Sửu, năm thứ chín.

Năm Bính Dần, năm thứ mười. Đức Khổng Tử hỏi về Lễ với Lão Đam (Lão Tử).

Năm Đinh Mão, năm thứ mười một.

Năm Mậu Thìn, năm thứ mười hai.

Năm Kỷ Tỵ, năm thứ mười ba.

Năm Canh Ngọ, năm thứ mười bốn.

Năm Tân Mùi, năm thứ mười lăm.

Năm Nhâm Thân, năm thứ mười sáu. Sau khi ngài Xá-na-bà-tu diệt độ, thì ngài Ưu-bà-quật-đa giữ gìn Pháp tạng cũng được hai mươi năm rồi phó chúc cho ngài Đề-đa-ca, tên là Thi-la-nan-đà rồi mới diệt độ.

Năm Quý Dậu, năm thứ mười bảy.

Năm Giáp Tuất, năm thứ mười tám.

Năm Ất Hợi, năm thứ mười chín.

Năm Bính Tý, năm thứ hai mươi.

Năm Đinh Sửu, năm thứ hai mươi mốt.

Năm Mậu Dần, năm thứ hai mươi hai.

Năm Kỷ Mão, năm thứ hai mươi ba.

Năm Canh Thìn, năm thứ hai mươi bốn.

Năm Tân Tỵ, năm thứ hai mươi lăm.

Năm Nhâm Ngọ, năm đầu đời Chu Kỉnh Vương tên Chính, Phật nhập Niết-bàn đã được chín mươi mốt năm.

Năm Quý Mùi, năm thứ hai.

Năm Giáp Thân, năm thứ ba.

Năm Ất Dậu, năm thứ tư.

Năm Bính Tuất, năm thứ năm.

Năm Đinh Hợi, năm thứ sáu.

Năm Mậu Tý, năm thứ bảy.

Năm Kỷ Sửu, năm thứ tám.

Năm Canh Dần, năm thứ chín.

Năm Tân Mão, năm thứ mười.

Năm Nhâm Thìn, năm thứ mười một. Ngài Ưu-ba-quật-đa mất rồi thì ngài Thi-la-nan-đà giữ gìn Pháp tạng trải qua một trăm năm. Đây tức là một trăm năm đầu thứ hai. Nhưng có ngài Đề-đa-ca rất thông minh trí huệ nên chỉ ba ngày mà chứng được quả A-la-hán. Ngài hóa độ mười hai ức người đều đắc đạo.

Năm Quý Tỵ, năm thứ mười hai.

Năm Giáp Ngọ, năm thứ mười ba.

Năm Ất Mùi, năm thứ mười bốn.

Năm Bính Thân, năm thứ mười lăm.

Năm Đinh Dậu, năm thứ mười sáu.

Năm Mậu Tuất, năm thứ mười bảy.

Năm Kỷ Hợi, năm thứ mười tám.

Năm Canh Tý, năm thứ mười chín.

Năm Tân Sửu, năm thứ hai mươi.

Năm Nhâm Dần, năm thứ hai mươi mốt.

Năm Quý Mão, năm thứ hai mươi hai. Đức Khổng Tử ra khỏi nước Vệ Tử Lộ làm Lý Thị Tể.

Năm Giáp Thìn, năm thứ hai mươi ba.

Năm Ất Tỵ, năm thứ hai mươi bốn. Năm này đức Khổng Tử sang nước Trần.

Năm Bính Ngọ, năm thứ hai mươi lăm.

Năm Đinh Mùi, năm thứ hai mươi sáu. A-dục Vương truyện nói rằng: Sau khi Phật diệt độ một trăm mười sáu năm thì vua A-dục xuất hiện ở nước Đông Thiên Trúc, trị vì thành Hoa thị thống lãnh cõi Diêm-

phù-đề, làm Thiết luân vương làm hưng thịnh Phật pháp, xây dựng cả tám vạn bốn ngàn Bảo tháp, là năm này (494 trước CN).

Năm Mậu Thân, năm thứ hai mươi bảy.

Năm Kỷ Dậu, năm thứ hai mươi tám.

Năm Canh Tuất, năm thứ hai mươi chín.

Năm Tân Hợi, năm thứ ba mươi.

Năm Nhâm Tý, năm thứ ba mươi mốt.

Năm Quý Sửu, năm thứ ba mươi hai.

Năm Giáp Dần, năm thứ ba mươi ba.

Năm Ất Mão, năm thứ ba mươi bốn.

Năm Bính Thìn, năm thứ ba mươi lăm. Khổng Tử từ nước Trần sang nước Vệ.

Năm Đinh Tỵ, năm thứ ba mươi sáu. Ở nước Triệu, Khổng Tử lại san định Lục Kinh, lúc đó ngài sáu mươi tám tuổi. Lúc đó nhầm đời Lỗ Ai Công thứ mười một (484 trước CN).

Năm Mậu Ngọ, năm thứ ba mươi bảy.

Năm Kỷ Mùi, năm thứ ba mươi tám.

Năm Canh Thân, năm thứ ba mươi chín, tức năm thứ mười bốn đời Lỗ Ai Công ngày tháng 2 thì bắt được Kỳ lân. Cũng ngày năm này Khổng Tử dừng bút không viết sách nữa.

Năm Tân Dậu, năm thứ bốn mươi.

Năm Nhâm Tuất, năm thứ bốn mươi mốt. Đức Khổng Tử tạ thế. Ngài thọ được bảy mươi ba tuổi. Kinh Xuân Thu ở phần sử nước Lỗ nói Khổng Tử ngừng bút lúc bắt được Kỳ Lân là năm Canh Thân. Kinh Xuân Thu ghi các việc suốt hai trăm bốn mươi hai năm. Các đệ tử của Khổng Tử kéo dài thêm hai năm đến lúc ngài tạ thế (479 trước CN).

Năm Quý Hợi, năm thứ bốn mươi hai.

Năm Giáp Tý, năm thứ bốn mươi ba.

Năm Ất Sửu, năm đầu đời Chu Nguyên Vương tên Nhân. Phật nhập Niết-bàn đã được một trăm ba mươi bốn năm.

Năm Bính Dần, năm thứ hai.

Năm Đinh Mão, năm thứ ba.

Năm Mậu Thìn, năm thứ tư.

Năm Kỷ Tỵ, năm thứ năm.

Năm Canh Ngọ, năm thứ sáu.

Năm Tân Mùi, năm thứ bảy.

Năm Nhâm Thân, năm thứ tám.

Năm Quý Dậu, năm đầu đời Chu Trinh Định Vương, tên Lượng.

Tả Khâu Minh viết Xuân Thu truyện ký. Năm này Phật nhập Niết-bàn đã được một trăm bốn mươi hai năm.

Năm Giáp Tuất, năm thứ hai.

Năm Ất Hợi, năm thứ ba.

Năm Bính Tý, năm thứ tư.

Năm Đinh Sửu, năm thứ năm.

Năm Mậu Dần, năm thứ sáu.

Năm Kỷ Mão, năm thứ bảy.

Năm Canh Thìn, năm thứ tám.

Năm Tân Tỵ, năm thứ chín.

Năm Nhâm Ngọ, năm thứ mười.

Năm Quý Mùi, năm thứ mười một.

Năm Giáp Thân, năm thứ mười hai.

Năm Ất Dậu, năm thứ mười ba.

Năm Bính Tuất, năm thứ mười bốn.

Năm Đinh Hợi, năm thứ mười lăm.

Năm Mậu Tý, năm thứ mười sáu.

Năm Kỷ Sửu, năm thứ mười bảy.

Năm Canh Dần, năm thứ mười tám.

Năm Tân Mão, năm thứ mười chín.

Năm Nhâm Thìn, năm thứ hai mươi.

Năm Quý Tỵ, năm thứ hai mươi mốt.

Năm Giáp Ngọ, năm thứ hai mươi hai.

Năm Ất Mùi, năm thứ hai mươi ba.

Năm Bính Thân, năm thứ hai mươi bốn.

Năm Đinh Dậu, năm thứ hai mươi lăm.

Năm Mậu Tuất, năm thứ hai mươi sáu.

Năm Kỷ Hợi, năm thứ hai mươi bảy.

Năm Canh Tý, năm thứ hai mươi tám.

Năm Tân Sửu, năm đầu đời Chu Hiếu Vương tên Khôi. Phật nhập Niết-bàn đã được một trăm bảy mươi năm.

Năm Nhâm Dần, năm thứ hai.

Năm Quý Mão, năm thứ ba.

Năm Giáp Thìn, năm thứ tư.

Năm Ất Tỵ, năm thứ năm.

Năm Bính Ngọ, năm thứ sáu.

Năm Đinh Mùi, năm thứ bảy.

Năm Mậu Thân, năm thứ tám.

Năm Kỷ Dậu, năm thứ chín.
Năm Canh Tuất, năm thứ mười.
Năm Tân Hợi, năm thứ mười một.
Năm Nhâm Tý, năm thứ mười hai.
Năm Quý Sửu, năm thứ mười ba.
Năm Giáp Dần, năm thứ mười bốn.
Năm Ất Mão, năm thứ mười lăm.

Năm Bính Thìn, năm đầu đời Chu Oai Liệt Vương tên Ngọ. Phật nhập Niết-bàn đến nay đã một trăm tám mươi năm.

Năm Đinh Tỵ, năm thứ hai.
Năm Mậu Ngọ, năm thứ ba.
Năm Kỷ Mùi, năm thứ tư.
Năm Canh Thân, năm thứ năm.
Năm Tân Dậu, năm thứ sáu.
Năm Nhâm Tuất, năm thứ bảy.
Năm Quý Hợi, năm thứ tám.
Năm Giáp Tý, năm thứ chín.
Năm Ất Sửu, năm thứ mười.
Năm Bính Dần, năm thứ mười một.
Năm Đinh Mão, năm thứ mười hai.
Năm Mậu Thìn, năm thứ mười ba.
Năm Kỷ Tỵ, năm thứ mười bốn.
Năm Canh Ngọ, năm thứ mười lăm.
Năm Tân Mùi, năm thứ mười sáu.
Năm Nhâm Thân, năm thứ mười bảy.
Năm Quý Dậu, năm thứ mười tám.
Năm Giáp Tuất, năm thứ mười chín.
Năm Ất Hợi, năm thứ hai mươi.
Năm Bính Tý, năm thứ hai mươi mốt.

Năm Đinh Sửu, năm thứ hai mươi hai: có việc chín Đỉnh chấn động.

Năm Mậu Dần, năm thứ hai mươi ba.

Năm Kỷ Mão, năm thứ hai mươi bốn: có một Bản Ngọ có ba mươi mốt năm.

Năm Canh Thìn, năm đầu đời Chu An Vương, tên Kiêu. Phật nhập Niết-bàn đến năm này đã được hai trăm mười năm.

Năm Tân Tỵ, năm thứ hai.
Năm Nhâm Ngọ, năm thứ ba.

Năm Quý Mùi, năm thứ tư.
Năm Giáp Thân, năm thứ năm.
Năm Ất Dậu, năm thứ sáu.
Năm Bính Tuất, năm thứ bảy.
Năm Đinh Hợi, năm thứ tám.
Năm Mậu Tý, năm thứ chín.
Năm Kỷ Sửu, năm thứ mười.
Năm Canh Dần, năm thứ mười một.
Năm Tân Mão, năm thứ mười hai.
Năm Nhâm Thìn, năm thứ mười ba.
Năm Quý Tỵ, năm thứ mười bốn.
Năm Giáp Ngọ, năm thứ mười lăm.
Năm Ất Mùi, năm thứ mười sáu.
Năm Bính Thân, năm thứ mười bảy.
Năm Đinh Dậu, năm thứ mười tám.
Năm Mậu Tuất, năm thứ mười chín.
Năm Kỷ Hợi, năm thứ hai mươi.
Năm Canh Tý, năm thứ hai mươi mốt.
Năm Tân Sửu, năm thứ hai mươi hai.
Năm Nhâm Dần, năm thứ hai mươi ba.
Năm Quý Mão, năm thứ hai mươi bốn.
Năm Giáp Thìn, năm thứ hai mươi lăm.
Năm Ất Tỵ, năm thứ hai mươi sáu.

Năm Bính Ngọ, năm đầu đời Chu Di Liệt Vương, tên Hỷ. Đến năm này Phật nhập Niết-bàn được hai trăm ba mươi sáu năm.

Năm Đinh Mùi, năm thứ hai.
Năm Mậu Thân, năm thứ ba.
Năm Kỷ Dậu, năm thứ tư.
Năm Canh Tuất, năm thứ năm.
Năm Tân Hợi, năm thứ sáu.
Năm Nhâm Tý, năm thứ bảy.

Năm Quý Sửu, năm đầu đời Chu Hiển Thánh Vương, tên Biển, Phật nhập Niết-bàn đến nay được hai trăm bốn mươi ba năm.

Năm Giáp Dần, năm thứ hai.
Năm Ất Mão, năm thứ ba.
Năm Bính Thìn, năm thứ tư.
Năm Đinh Tỵ, năm thứ năm.
Năm Mậu Ngọ, năm thứ sáu.

Năm Kỷ Mùi, năm thứ bảy.
Năm Canh Thân, năm thứ tám.
Năm Tân Dậu, năm thứ chín.
Năm Nhâm Tuất, năm thứ mười.
Năm Quý Hợi, năm thứ mười một.
Năm Giáp Tý, năm thứ mười hai.
Năm Ất Sửu, năm thứ mười ba.
Năm Bính Dần, năm thứ mười bốn.
Năm Đinh Mão, năm thứ mười lăm.
Năm Mậu Thìn, năm thứ mười sáu.
Năm Kỷ Tỵ, năm thứ mười bảy.
Năm Canh Ngọ, năm thứ mười tám.
Năm Tân Mùi, năm thứ mười chín.
Năm Nhâm Thân, năm thứ hai mươi.
Năm Quý Dậu, năm thứ hai mươi mốt.
Năm Giáp Tuất, năm thứ hai mươi hai.
Năm Ất Hợi, năm thứ hai mươi ba.
Năm Bính Tý, năm thứ hai mươi bốn.
Năm Đinh Sửu, năm thứ hai mươi lăm.
Năm Mậu Dần, năm thứ hai mươi sáu.
Năm Kỷ Mão, năm thứ hai mươi bảy.
Năm Canh Thìn, năm thứ hai mươi tám.
Năm Tân Tỵ, năm thứ hai mươi chín.
Năm Nhâm Ngọ, năm thứ ba mươi.
Năm Quý Mùi, năm thứ ba mươi mốt.
Năm Giáp Thân, năm thứ ba mươi hai.
Năm Ất Dậu, năm thứ ba mươi ba.
Năm Bính Tuất, năm thứ ba mươi bốn.
Năm Đinh Hợi, năm thứ ba mươi lăm.
Năm Mậu Tý, năm thứ ba mươi sáu.
Năm Kỷ Sửu, năm thứ ba mươi bảy.
Năm Canh Dần, năm thứ ba mươi tám.
Năm Tân Mão, năm thứ ba mươi chín.
Năm Nhâm Thìn, năm thứ bốn mươi.
Năm Quý Tỵ, năm thứ bốn mươi mốt.
Năm Giáp Ngọ, năm thứ bốn mươi hai.
Năm Ất Mùi, năm thứ bốn mươi ba.
Năm Bính Thân, năm thứ bốn mươi bốn.

Năm Đinh Dậu, năm thứ bốn mươi lăm.
Năm Mậu Tuất, năm thứ bốn mươi sáu.
Năm Kỷ Hợi, năm thứ bốn mươi bảy.
Năm Canh Tý, năm thứ bốn mươi tám.
Năm Tân Sửu, năm đầu đời Chu Thuận Tịnh Vương, tên Định, Phật nhập Niết-bàn đến nay đã được hai trăm chín mươi mốt năm.
Năm Nhâm Dần, năm thứ hai.
Năm Quý Mão, năm thứ ba.
Năm Giáp Thìn, năm thứ tư.
Năm Ất Tỵ, năm thứ năm.
Năm Bính Ngọ, năm thứ sáu.
Năm Đinh Mùi, năm đầu đời Chu Nãn Vương, tên Đản. Năm này Phật nhập Niết-bàn đã được hai trăm chín mươi bảy năm.
Năm Mậu Thân, năm thứ hai.
Năm Kỷ Dậu, năm thứ ba.
Năm Canh Tuất, năm thứ tư.
Năm Tân Hợi, năm thứ năm.
Năm Nhâm Tý, năm thứ sáu.
Năm Quý Sửu, năm thứ bảy.
Năm Giáp Dần, năm thứ tám.
Năm Ất Mão, năm thứ chín.
Năm Bính Thìn, năm thứ mười.
Năm Đinh Tỵ, năm thứ mười một.
Năm Mậu Ngọ, năm thứ mười hai.
Năm Kỷ Mùi, năm thứ mười ba.
Năm Canh Thân, năm thứ mười bốn.
Năm Tân Dậu, năm thứ mười lăm.
Năm Nhâm Tuất, năm thứ mười sáu.
Năm Quý Hợi, năm thứ mười bảy.
Năm Giáp Tý, năm thứ mười tám.
Năm Ất Sửu, năm thứ mười chín. Trong Tát-bà-đa ký nói rằng: Sau khi Phật diệt độ hơn ba trăm năm, có Bồ-tát Mã Minh sinh ở nước Đông Thiên Trúc, thuộc dòng dõi Bà-la-môn, ngài xuất gia và chuyên bài bác các ngoại đạo, soạn ra bộ Luận Đại Trang Nghiêm có hơn mấy trăm bài kệ, hoằng hóa Phật giáo rất hưng thịnh, có sách truyện riêng, tính ra là ngày thời gian này (296 trước CN).
Năm Bính Dần, năm thứ hai mươi.
Năm Đinh Mão, năm thứ hai mươi mốt.

Năm Mậu Thìn, năm thứ hai mươi hai.
Năm Kỷ Tỵ, năm thứ hai mươi ba.
Năm Canh Ngọ, năm thứ hai mươi bốn.
Năm Tân Mùi, năm thứ hai mươi lăm.
Năm Nhâm Thân, năm thứ hai mươi sáu.
Năm Quý Dậu, năm thứ hai mươi bảy.
Năm Giáp Tuất, năm thứ hai mươi tám.
Năm Ất Hợi, năm thứ hai mươi chín.
Năm Bính Tý, năm thứ ba mươi.
Năm Đinh Sửu, năm thứ ba mươi mốt.
Năm Mậu Dần, năm thứ ba mươi hai.
Năm Kỷ Mão, năm thứ ba mươi ba.
Năm Canh Thìn, năm thứ ba mươi bốn.
Năm Tân Tỵ, năm thứ ba mươi lăm.
Năm Nhâm Ngọ, năm thứ ba mươi sáu.
Năm Quý Mùi, năm thứ ba mươi bảy.
Năm Giáp Thân, năm thứ ba mươi tám.
Năm Ất Dậu, năm thứ ba mươi chín.
Năm Bính Tuất, năm thứ bốn mươi.
Năm Đinh Hợi, năm thứ bốn mươi mốt.
Năm Mậu Tý, năm thứ bốn mươi hai.
Năm Kỷ Sửu, năm thứ bốn mươi ba.
Năm Canh Dần, năm thứ bốn mươi bốn.
Năm Tân Mão, năm thứ bốn mươi lăm.
Năm Nhâm Thìn, năm thứ bốn mươi sáu.
Năm Quý Tỵ, năm thứ bốn mươi bảy.
Năm Giáp Ngọ, năm thứ bốn mươi tám.
Năm Ất Mùi, năm thứ bốn mươi chín.
Năm Bính Thân, năm thứ năm mươi.
Năm Đinh Dậu, năm thứ năm mươi mốt.
Năm Mậu Tuất, năm thứ năm mươi hai.
Năm Kỷ Hợi, năm thứ năm mươi ba.
Năm Canh Tý, năm thứ năm mươi bốn.
Năm Tân Sửu, năm thứ năm mươi lăm.
Năm Nhâm Dần, năm thứ năm mươi sáu.
Năm Quý Mão, năm thứ năm mươi bảy.
Năm Giáp Thìn, năm thứ năm mươi tám.
Năm Ất Tỵ, năm thứ năm mươi chín.

II. ĐỜI TẦN:

Năm Bính Ngọ, năm đầu đời Tần Chiêu Tương Vương, tên Lặc. Năm này nhà Chu bị nhà Tần truất phế. Nản Vương ra làm kẻ thường dân. Phật nhập Niết-bàn đến nay đã được ba trăm năm mươi sáu năm.

Năm Đinh Mùi, năm thứ hai.

Năm Mậu Thân, năm thứ ba.

Năm Kỷ Dậu, năm thứ tư.

Năm Canh Tuất, năm thứ năm.

Năm Tân Hợi, năm đầu đời Tần Hiếu Văn Vương, tên Trụ. Năm này Phật nhập Niết-bàn đã được ba trăm sáu mươi mốt năm.

Năm Nhâm Tý, năm đầu đời Tần Trang tương Vương, tên Tử Sở, là con của Tần Hiếu Văn Vương, trị vì ba năm. Đến năm này Phật nhập Niết-bàn được ba trăm sáu mươi hai năm.

Năm Quý Sửu, năm thứ hai.

Năm Giáp Dần, năm thứ ba.

Năm Ất Mão, năm đầu của Tần Thủy Hoàng Đế, tên Chánh, là con của Tần Trang Tương Vương. Trị vì ba mươi bảy năm, Lã Bất Vi làm Thừa tướng. Đến năm này Phật nhập Niết-bàn đã được ba trăm sáu mươi lăm năm.

Năm Bính Thìn, năm thứ hai.

Năm Đinh Tỵ, năm thứ ba.

Năm Mậu Ngọ, năm thứ tư.

Năm Kỷ Mùi, năm thứ năm.

Năm Canh Thân, năm thứ sáu.

Năm Tân Dậu, năm thứ bảy.

Năm Nhâm Tuất, năm thứ tám, phong cho Giao Độc làm Trường tín Hầu.

Năm Quý Hợi, năm thứ chín, lột mão giết Giao Độc đày cả gia đình ở nước Thục.

Năm Giáp Tý, năm thứ mười, cất chức Thừa tướng Lã Bất Vi và đày Thái hậu ngày ở Nam cung. Sau đó vua dùng Lý Tư.

Năm Ất Sửu, năm thứ mười một, đày Lã Bất Vi về Hà nam.

Năm Bính Dần, năm thứ mười hai.

Năm Đinh Mão, năm thứ mười ba.

Năm Mậu Thìn, năm thứ mười bốn.

Năm Kỷ Tỵ, năm thứ mười lăm.

Năm Canh Ngọ, năm thứ mười sáu.

Năm Tân Mùi, năm thứ mười bảy, năm này diệt nước Hàn lấy đất

làm quận Dĩnh xuyên

Năm Nhâm Thân, năm thứ mười tám.

Năm Quý Dậu, năm thứ mười chín.

Năm Giáp Tuất, năm thứ hai mươi.

Năm Ất Hợi, năm thứ hai mươi mốt.

Năm Bính Tý, năm thứ hai mươi hai. Năm này diệt ngày nước Ngụy, lấy đất đó làm quận Lương.

Năm Đinh Sửu, năm thứ hai mươi ba.

Năm Mậu Dần, năm thứ hai mươi bốn. Năm này diệt nước Sở. Bình đình đất Giang đông, đặt thành quận Cối khê (Cối kê).

Năm Kỷ Mão, năm thứ hai mươi lăm, năm này diệt nước Yên, lại diệt luôn nước Triệu.

Năm Canh Thìn, năm thứ hai mươi sáu, năm này diệt nước Tề, gồm thâu sáu nước thành một nước Tần. Tự xưng là Hoàng đế, sửa đổi chính trị, lấy ngày Kiến Hợi là ngày Tết đầu năm.

Năm Tân Tỵ, năm thứ hai mươi bảy. Gọi sông là Đức Thủy, gọi dân đen là Kiềm Thủ. Phân cả thiên hạ ra làm ba mươi sáu quận, cùng dùng một loại văn tự, phép tắc.

Năm Nhâm Ngọ, năm thứ hai mươi tám, nhân đi tuần du phía Đông, lên núi Thái sơn ra lệnh khắc đá ghi công về việc phong chức, nhường ngôi. Bỗng gặp phải mưa to gió lớn, liền sai Từ Thị xuống biển cầu ba vị sơn thần. Bắt cả ngàn người lăn xuống nước sông tứ để tìm đỉnh nhà Chu nhưng không được.

Năm Quý Mùi, năm thứ hai mươi chín.

Năm Giáp Thân, năm thứ ba mươi. Đổi tháng chạp thành Gia bình. Ban đêm thường lẻn đi xem mọi nơi. Đến Đơn Trì gặp kẻ trộm là Võ Tử rất nghèo túng, đánh suýt chết, sau được tha.

Năm Ất Dậu, năm thứ ba mươi mốt.

Năm Bính Tuất, năm thứ ba mươi hai. Sai tướng Mông Điềm đem hai mươi vạn người đánh rợ Hồ ở phương Bắc, lấy đất Hà nam bắt xây Vạn lý trường thành.

Năm Đinh Hợi, năm thứ ba mươi ba. Từ dọc suốt theo sông cho đến Âm sơn, chia làm bốn mươi bốn huyện. Lấy sông làm ranh giới. Bắt đầu từ Lâm Thao cho đến sông Liêu.

Năm Mậu Tý, năm thứ ba mươi bốn, bắt lưu đày, trị tội hoặc hạ ngục các quan chức địa phương nào không cố giúp xây Vạn lý trường thành. Thừa tướng Lý Tư tâu xin vua đốt hết sách vở, chôn sống các nho sĩ.

Năm Kỷ Sửu, năm thứ ba mươi lăm.

Năm Canh Dần, năm thứ ba mươi sáu.

Năm Tân Mão, năm thứ ba mươi bảy.

Năm Nhâm Thìn, năm đầu đời Nhị Thế Hoàng Đế, tên Hồ Hợi, là con của Tần Thủy Hoàng Đế. Năm này Phật nhập Niết-bàn được bốn trăm lẻ hai năm (vua làm vua ba năm)

Năm Quý Tỵ, năm thứ hai.

Năm Giáp Ngọ, năm thứ ba. Tần Thủy Hoàng Đế lập cháu là Tử Anh lên làm vua được bốn mươi sáu ngày thì bị nhà Hán (Lưu Bang) tiêu diệt. Năm này Phật nhập Niết-bàn được bốn trăm lẻ bốn năm.

■

LỊCH ĐẠI TAM BẢO KÝ

QUYỂN 2

(Qua các triều đại tân vương)

Niên đại các vua kế tiếp: Lưu Bang, tên tự là Lý, là người ở đất Phong quận Bái. Mẹ là bà Tức ở Đại trạch, nằm mộng thấy giao tình cùng Thần nhân mà sinh ra một Lý. Lý có dáng vẻ phương phi đầu rồng trán vồ, mũi cao, tánh tình khoang nhân đại lượng, tóc râu rậm đẹp, ở khoảng đùi vế trái có bảy mươi hai chấm đen. Nhân lấy việc bạo tàn của vua nhà Tần mà cổ vũ lập nên phe nhóm bí mật. Sau khi diệt ngày Sở Hạng Võ cường bạo, bèn phất lên như mây gặp gió, đánh nhau trước sau gồm cả bảy mươi hai trận ác chiến, mới bình định được thiên hạ. Điềm linh ứng của các chấm đen là đó. Bèn tiếp nối nhà Chu xưa mà tự xưng là Hán đế, đổi tên Hàm dương thành Trường an, cũng đặt kinh đô ở đấy. Kể từ lúc Tam hoàng ngũ đế mới mở mang truyền xuống đến các đời Hạ, Ân, Chu, Tần có lệ đẹp từ trước đến nay là thường lấy Đế hiệu đặt tên cho năm, chứ không riêng lập niên hiệu. Đến đời Hán Võ Đế mới bắt đầu việc lập tên niên hiệu, năm đầu tiên đặt là niên hiệu Ngươn Thú. Sang năm thứ hai, Hoắc Khứ Bệnh đem quân đánh Hung nô, qua ở núi duyên sơn, cầm tù vua Hưu Đồ, bắt gặp tượng người bằng vàng cho là Đại thần đem thờ ở trong cung luôn đốt hương kính lễ. Đây là việc thờ phụng tượng đầu tiên. Trong ba năm đào ao Côn minh thì thấy khắp dưới đáy ao toàn là than mực. Vua Võ Đế đem việc ấy hỏi Đông Phương Sóc. Sóc tâu việc đó thần không biết được, xin bệ hạ hãy hỏi người Hồ ở Tây Vức. Sau đó Trương Khiên đi sứ ở Đại Hạ trở về thì nhà Hán mới biết là có nước Thân Độc. Lại đời vua Bình Đế, Đại Phu Lưu Hướng tự khoe: Tôi thường xem nhiều sách vở thường thường đều thấy nói có kinh Phật và San Liệt Tiên truyện nói rằng: Có được tàng thư do ngài Thái sử Miến Tầm soạn ra đầu tiên nêu rõ đồ hình các Thần tiên từ Lục Đại cho đến nay, có hơn bảy trăm vị. Kiểm tra hư thực thì định ra có một trăm bốn mươi sáu vị, trong số đó có bảy mươi bốn người đã thấy được kinh Phật. Suy đây thì phải chăng là hai quyển sách kinh

Mục và Cổ Cựu ở thời Hán? Ngài Đạo An chép về mười hai Hiền Giả... là căn cứ ngày các kinh ấy, ngoài ra chỉ có bảy mươi hai người là thuộc truyện Thần Tiên. Sự kiện trên có bác học hiểu rộng thấy xa mới biết được rằng từ đời Chu xa xôi đã có lưu truyền kinh sách Phật. Chỉ vì tình cảm và ý thức chưa hợp nên kẻ tin tưởng quay về hãy còn ít ỏi. Sang đời Tần tuy đã đốt đi hầu hết sách vở, nhưng đến đời Hán thì lại hưng thịnh có rất nhiều tác phẩm kinh sách. Cho nên Lưu Hướng mới sưu tầm được tàng thư, lại thấy có nhiều truyện về Thần tiên nói rằng: Lại đời Hán Ai Đế (năm bảy trước CN) trong niên hiệu Ngươn Thọ, Cảnh Hiến đi sứ ở nước Đại Nguyệt Chi nhận được nhiều kinh ở phật. Nghiệm ra thì truyện của Lưu Hướng sưu tầm được là sách thật.

Vương Mãng tự là Cự Quân, người thuộc Ngươn Thành, làm quan Đại Tư Mã phụ dực cho Hán Bình Đế. Đến năm Ất Sửu, niên hiệu Nguyên Thủy thì vua băng hà. Mãng bèn lập cháu của Tuyên Đế tên là anh, xưng là Nhụ Tử và Mãng làm thừa tướng, nhiếp chánh được ba năm. Kể thật thì có mười lăm năm, tính chung là mười tám năm nhưng chỉ thực sự là mười bảy năm. Vương bảy dời của Cảnh Đế là lưu huyền tự Thánh công giết chết, lại xưng hiệu là Thủy Nguyên. Huyền làm vua được hai năm thì bị Xích Mi giết chết. Lưu Tú tự là Văn Thúc, cháu chín đời của Hán Cao Tổ. Sau khi Định Vương ở Trường Sa thì lấy vùng Bạch Thủy ở Nam dương làm quê hương. Cha làm chức Tế dương lệnh. Khi sinh ra một Tú ở trong huyện thì có điềm lành ánh sáng đỏ rực rỡ. Đó là năm tốt lành thịnh vượng, lúa thóc trúng mùa một gốc chín bông, nhân đó mà đặt tên là Tú, sống mũi thẳng cao, mắt xếch miệng rộng, mày dài mặt đẹp, tóc râu rậm đẹp, tính hiền lành nhân ái. Khởi nghĩa ở đất Nam dương phá tan bọn Xích Mi, định yên thiên hạ. Đó chính là Quang Võ Đế đời Hậu Hán vậy. Dời đô về Lạc dương, lập niên hiệu là Kiến Võ. Nghe đời xưa nói Quang Võ khởi nghĩa từ Nam dương thì Nam dương không hề có giặc cướp, thường bảo đó là lời láo khoét. Nay thấy kinh nói Phật Thích-ca sinh ra một ở nước Thiên Trúc, nên Thiên Trúc có nhiều Thánh nhân mới nghiệm việc này là có thật. Đến đời Hán Minh Đế, năm Vĩnh Bình thứ bảy, chợt thấy Thần linh trong mộng, tỉnh dậy rất vui mừng liền sai sứ sang Tây Trúc. Nhân đó mà tâm dù ở nhà nhưng chí vẫn dạo chơi chốn Phước Đức. Thường nhân lúc nhàn rỗi hỏi em là Đông Bình Vương rằng: Ở nhà làm thế nào được vui nhất? Đông Bình Vương có cái đại lưng cẩn ngọc quý rộng mười vi, liền tâu vua rằng: “Làm thiện vui nhất” vua khen rằng: Lời nói này thật quá lớn lao, rất xứng với cái bụng to (lòng dạ) của Bình Vương đấy! Sau khi sứ giả

trở về luôn luôn mời người đến để tuyên nói và dịch lại các kinh sách. Chính từ nguồn gốc này mà kinh điển được truyền bá suốt đến nay. Biển pháp mênh mông, sông u huyền không bao giờ cạn. Cả hai đời Tiền Hán và Hậu Hán thông nhau bởi một Tan Vương (Vương Mãng), gồm cả hai mươi sáu vua kéo dài suốt bốn trăm hai mươi lăm năm, ghi chép các đời vua ở cả hai kinh đô Đông và Tây. Đó là:

A. CÁC ĐỜI VUA TẠI VỊ:

I. Thời Tiền Hán gồm có:

Cao Đế làm vua mười hai năm, kinh đô ở Trường an.
Huệ Đế làm vua bảy năm.
Lữ Hậu nhiếp chính tám năm.
Văn Đế làm vua hai mươi ba năm.
Cảnh Đế làm vua mười sáu năm.
Võ Đế làm vua năm mươi bốn năm.
Chiêu Đế làm vua mười ba năm.
Tuyên Đế làm vua hai mươi lăm năm.
Ngươn Đế làm vua mười sáu năm.
Thành Đế làm vua hai mươi sáu năm.
Ai Đế làm vua sáu năm.
Bình Đế làm vua năm năm.

Tân Vương Mãng bảy năm trị vì ở Trường an. Canh Thủy Đế cũng ở Trường an hai năm.

II. Thời Hậu Hán gồm có:

Quang Võ Đế làm vua hai mươi ba năm, đóng đô lở Lạc dương.
Minh Đế làm vua mười tám năm, mười năm dịch kinh.
Chương Đế làm vua mười ba năm.
Hòa Đế làm vua mười bảy năm.
Thương Đế làm vua một năm.
An Đế làm vua mười chín năm.
Thuận Đế làm vua mười chín năm.
Xung Đế làm vua một năm.
Chất Đế làm vua một năm.
Hoàn Đế làm vua hai mươi mốt năm.
Linh Đế làm vua hai mươi hai năm.
Hiến Đế làm vua ba mươi năm.

B. CÁC SỰ KIỆN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN PHẬT PHÁP :

I. ĐỜI TIỀN HÁN:

Năm Ất Mùi, năm đầu của đời Hán Cao Tổ. Ngài họ Lưu, tên Bang, tự là A Lý. Dòng dõi vua Nghiêu, trị vì mười hai năm, đóng đô ở Trường an. Năm này Phật đã nhập Niết-bàn được bốn trăm lẻ năm năm (năm 206 trước CN).

Năm Bính Thân, năm thứ hai.

Năm Đinh Dậu, năm thứ ba.

Năm Mậu Tuất, năm thứ tư.

Năm Kỷ Hợi, năm thứ năm.

Năm Canh Tý, năm thứ sáu.

Năm Tân Sửu, năm thứ bảy, đổi tên Hàm dương thành Trường an.

Năm Nhâm Dần, năm thứ tám.

Năm Quý Mão, năm thứ chín.

Năm Giáp Thìn, năm thứ mười.

Năm Ất Tỵ, năm thứ mười một.

Năm Bính Ngọ, năm thứ mười hai.

Năm Đinh Mùi, năm đầu đời Hán Huệ Đế, tên Doanh, là con của Cao Đế, trị vì được bảy năm. Năm này Phật đã nhập Niết-bàn được bốn trăm mười lăm năm.

Năm Mậu Thân, năm thứ hai.

Năm Kỷ Dậu, năm thứ ba. Ngày mùa xuân, nhà vua phát động cả trai lẫn gái ở trong sáu trăm dặm được mười bốn vạn sáu ngàn người cùng rầm rộ xây đắp lại thành Trường an, xây đắp phía Tây của thành cũ, chỉ trong vòng ba mươi ngày là ngày. Đến tháng sáu lại phát động các Hầu dốc xuất mười hai vạn người xây mặt Nam.

Năm Canh Tuất, năm thứ tư.

Năm Tân Hợi, năm thứ năm. Ngày tháng giêng lại phát động cả trai gái ở sáu trăm dặm được mười bốn vạn sáu ngàn người xây dựng phía Bắc thành, cũng chỉ ba mươi ngày là ngày. Ngày mùa Hạ, lại phát động mười hai vạn năm trăm ngàn người xây dựng mặt Đông của thành, và cũng ba mươi ngày là ngày. Đến mùa Thu ngày tháng chín thì tất cả bốn cửa thành Trường an đều hoàn tất.

Năm Nhâm Tý, năm thứ sáu.

Năm Quý Sửu, năm thứ bảy.

Năm Giáp Dần, năm đầu của Lữ Hậu, là hoàng hậu của Hán Cao

Đế nhiếp chính được tám năm. Năm này Phật nhập Niết-bàn đã được bốn trăm hai mươi bốn năm.

Năm Ất Mão, năm thứ hai.

Năm Bính Thìn, năm thứ ba.

Năm Đinh Tỵ, năm thứ tư.

Năm Mậu Ngọ, năm thứ năm.

Năm Kỷ Mùi, năm thứ sáu.

Năm Canh Thân, năm thứ bảy.

Năm Tân Dậu, năm thứ tám.

Năm Nhâm Tuất, năm đầu của Hán Văn Đế, tên Hoàn, con trai dòng thứ của Cao Đế, trị vì hai mươi ba năm. Năm này Phật nhập Niết-bàn đã được bốn trăm ba mươi hai năm.

Năm Quý Hợi, năm thứ hai.

Năm Giáp Tý, năm thứ ba.

Năm Ất Sửu, năm thứ tư.

Năm Bính Dần, năm thứ năm.

Năm Đinh Mão, năm thứ sáu.

Năm Mậu Thìn, năm thứ bảy.

Năm Kỷ Tỵ, năm thứ tám.

Năm Canh Ngọ, năm thứ chín.

Năm Tân Mùi, năm thứ mười.

Năm Nhâm Thân, năm thứ mười một.

Năm Quý Dậu, năm thứ mười hai.

Năm Giáp Tuất, năm thứ mười ba.

Năm Ất Hợi, năm thứ mười bốn.

Năm Bính Tý, năm thứ mười lăm.

Năm Đinh Sửu, năm thứ mười sáu.

Năm Mậu Dần, năm đầu niên hiệu Hậu Ngươn.

Năm Kỷ Mão, năm thứ hai.

Năm Canh Thìn, năm thứ ba.

Năm Tân Tỵ, năm thứ tư. Trong kinh Văn-thù-sư-lợi Bát-nê-hoàn có nói rằng: Sau khi Đức Phật diệt độ bốn trăm năm mươi năm thì ngài Văn-thù-sư-lợi sẽ đến Tuyết sơn giảng nói mười hai bộ loại kinh văn cho năm trăm vị Tiên nhân nghe ngày liền trở về nơi sinh mà nhập Niết-bàn. Ngày tháng năm có lễ đại xá: Tha nô tỳ của quan chức cho làm thường dân.

Năm Nhâm Ngọ, năm thứ năm.

Năm Quý Mùi, năm thứ sáu.

Năm Giáp Thân, năm thứ bảy.

Năm Ất Dậu, năm đầu Hán Cảnh đế, tên Khởi, là con vua Văn Đế trị vì được mười sáu năm. Năm này Phật nhập Niết-bàn được bốn trăm năm mươi bốn năm.

Năm Bính Tuất, năm thứ hai.

Năm Đinh Hợi, năm thứ ba.

Năm Mậu Tý, năm thứ tư.

Năm Kỷ Sửu, năm thứ năm.

Năm Canh Dần, năm thứ sáu.

Năm Tân Mão, năm thứ bảy.

Năm Nhâm Thìn, năm đầu niên hiệu Trung Ngươn.

Năm Quý Tỵ, năm thứ hai.

Năm Giáp Ngọ, năm thứ ba.

Năm Ất Mùi, năm thứ tư.

Năm Bính Thân, năm thứ năm.

Năm Đinh Dậu, năm thứ sáu.

Năm Mậu Tuất, năm đầu niên hiệu Hậu Ngươn.

Năm Kỷ Hợi, năm thứ hai.

Năm Canh Tý, năm thứ ba.

Năm Tân Sửu, năm đầu đời Hán Võ Đế, tên Triệt, con của Cảnh Đế, trị vì được năm mươi bốn năm. Từ đây trở đi mới bắt đầu dùng niên hiệu, gọi năm đầu Kiến Ngươn. Quan Thượng Thư Đông Phương Sóc lúc đó lập danh sách tâu xin cho hai mươi hai người dân khi tuổi đã chín mươi trở đi thì phải được con cháu hầu hạ phụng dưỡng. Năm này Phật nhập Niết-bàn đã được bốn trăm bảy mươi năm.

Năm Nhâm Dần, năm thứ hai. Lập ra ấp Mậu lăng dời các hào kiệt ở quận nước đến ở đó. Ban tặng cho mỗi hộ dân dọn đến ở đó được hai mươi vạn quan tiền và hai khoảnh ruộng.

Năm Quý Mão, năm thứ ba.

Năm Giáp Thìn, năm thứ tư.

Năm Ất Tỵ, năm thứ năm.

Năm Bính Ngọ, năm thứ sáu.

Năm Đinh Mùi, năm đầu niên hiệu Ngươn Quang.

Năm Mậu Thân, năm thứ hai.

Năm Kỷ Dậu, năm thứ ba.

Năm Canh Tuất, năm thứ tư.

Năm Tân Hợi, năm thứ năm.

Năm Nhâm Tý, năm thứ sáu. Ngoại Quốc Truyện có nói rằng:

Sau khi Phật diệt độ được bốn trăm tám mươi năm, thì có vị La-hán có thần thông tên là A-lợi-nan-đà, con của vua nước ấy, châu phía Đông bắc nước Ưu Trường tạo ra tượng Phật Di-lặc bằng gỗ ngưu-đầu chiên-đàn cao đến tám trượng. Vị này đưa ba ông thợ khéo lên cung trời Đâu-suất để nhìn thấy hình tượng thật của Phật Di-lặc rồi về thế gian mà tạo thành. Sau khi tạo ngày thì tượng rất linh nghiệm.

Năm Quý Sửu, năm đầu niên hiệu Sóc Ngươn.

Năm Giáp Dần, năm thứ hai.

Năm Ất Mão, năm thứ ba.

Năm Bính Thìn, năm thứ tư.

Năm Đinh Tỵ, năm thứ năm.

Năm Mậu Ngọ, năm thứ sáu.

Năm Kỷ Mùi, năm đầu niên hiệu Ngươn Thú. Ngày tháng mười, vua di hành ở đất Ung săn bắt được một con thú lông trắng tuyết giống như con Chương, có năm móng nên sửa niên hiệu lại thành Ngươn Thú.

Năm Canh Thân, năm thứ hai. Tướng Hoắc Khứ Bệnh đem quân Bắc phạt giặc Hung nô. Qua châu Diên sơn, bắt cầm tù vua Hung nô là Hưu Đồ. Bắt gặp được tượng người bằng vàng cho là Đại thần, liền đem thờ trong cung Cam tuyền, đốt hương kính lễ. Đây là lần đầu tiên tượng Phật có mặt ở đất Hán vậy.

Năm Tân Dậu, năm thứ ba. Đào ao Côn Minh thì thấy toàn thể đáy ao đều là than mực. Vua Hán Võ Đế bảo Đông Phương Sóc nói rõ lý do tại sao? Sóc tâu rằng: việc đó thần không hiểu nỗi, xin bệ hạ hãy hỏi người Phạm nước Tây Vức.

Năm Nhâm Tuất, năm thứ tư.

Năm Quý Hợi, năm thứ năm.

Năm Giáp Tý, năm thứ sáu.

Năm Ất Sửu, năm đầu niên hiệu Đỉnh Ngươn. Ngày tháng sáu, ở phía Nam sông Phần vớt được trong nước một cái đỉnh báu. Đỉnh lớn tám thước một tấc, cao ba thước sáu tấc, cho nên liền đổi niên hiệu là Đỉnh Ngươn. Thuở xưa vua Tần sai người xuống nước mò tìm đảnh nhưng không được, nay ở nhà Hán thì đảnh tự xuất hiện. Nên có thể bảo rằng: Hễ Thần Vật có ứng thì liền hiện bày, còn không cảm thì mãi ẩn kín. Đâu phải người muốn tìm mà được sao?

Năm Bính Dần, năm thứ hai.

Năm Đinh Mão, năm thứ ba.

Năm Mậu Thìn, năm thứ tư.

Năm Kỷ Tỵ, năm thứ năm.

Năm Canh Ngọ, năm thứ sáu.

Năm Tân Mùi, năm đầu niên hiệu Phong Ngươn. Ngày tháng giêng Giáp Tý vua lên núi Tung Sơn, xây cất Cung trai giới cúng tế suốt bảy ngày ngày mới trở về. Ngày một năm tháng tư vua rảnh rang có phương sóc và các quan hậu cận Bỗng thấy một nàng con gái mặc áo xanh đến tâu vua rằng: Từ nay suốt một trăm ngày phải trai giới cho đến ngày mồng bảy tháng bảy thì Tây Vương Mẫu sẽ giáng xuống. Đến ngày hẹn quả nhiên ngày canh hai hiện xuống cung vua.

Năm Nhâm Thân, năm thứ hai.

Năm Quý Dậu, năm thứ ba. Vua làm đúng lời mẩu dặn trước, nên tháng bảy năm ấy giữ trai giới, lấy hình Ngũ Nhạc trao cho Đổng Trọng Quân, ông này nhận lấy lên núi ấy viết vẽ lại.

Năm Giáp Tuất, năm thứ tư. Vua lại theo lời dạy trước của Thượng Ngươn Phu Nhân, ngày năm thứ tư tháng bảy trai giới, lại lấy Ngũ Đế Lục Giáp Linh Phi thập Nhị Sự trao cho Lý Thiếu Quân. Ông này cũng nhận và lên đó viết vẽ lại. Cả hai sách truyện này được đem lưu hành trên đời. Do đó mà các truyện kể từ trước của hai ông này vẫn còn đến nay.

Năm Ất Hợi, năm thứ năm.

Năm Bính Tý, năm thứ sáu.

Năm Đinh Sửu, năm đầu niên hiệu Thái Sơ, tháng mười một Kỷ Dậu, Thiên Phụ đốt cháy Bách Lương Đài. Do đó mà các hình vẽ thật về Lục Giáp Ngũ Đế Linh Phi Thập Nhị Sư, cùng những tập Bí quyết mà vua đã nhận được cùng hộp sách gồm bốn quyển đều bị cháy tiêu mất dấu.

Năm Mậu Dần, năm thứ hai.

Năm Kỷ Mão, năm thứ ba.

Năm Canh Thìn, năm thứ tư.

Năm Tân Tỵ, năm đầu niên hiệu Thiên Hán.

Năm Nhâm Ngọ, năm thứ hai.

Năm Quý Mùi, năm thứ ba.

Năm Giáp Thân, năm thứ tư.

Năm Ất Dậu, năm đầu niên hiệu Thái Thủy

Năm Bính Tuất, năm thứ hai.

Năm Đinh Hợi, năm thứ ba.

Năm Mậu Tý, năm thứ tư. Ngày tháng ba, vua đến núi Thái sơn để tế lễ Tây Vương Mẫu cầu linh ứng nhưng thần không ứng.

Năm Kỷ Sửu, năm đầu niên hiệu Diên Hòa.

Năm Canh Dần, năm thứ hai.

Năm Tân Mão, năm thứ ba.

Năm Nhâm Thìn, năm thứ tư. Ngày tháng giêng, vua đến Đông Lai Đại Hải giữ trai giới cúng tế Tây Vương Mẫu cầu Thượng Ngươn Phu Nhân có ứng nhưng không giáng hạ.

Năm Quý Tỵ, năm đầu niên hiệu Hậu Ngươn.

Năm Giáp Ngọ, năm thứ hai.

Năm Ất Mùi, thuộc đời Hán Chiêu Đế tên Phất Lăng là con của Võ Đế, trị vì mười ba năm. Năm đầu niên hiệu Thủy Ngươn. Năm này Phật đã Niết-bàn được năm trăm hai mươi bốn năm.

Năm Bính Thân, năm thứ hai.

Năm Đinh Dậu, năm thứ ba.

Năm Mậu Tuất, năm thứ tư.

Năm Kỷ Hợi, năm thứ năm.

Năm Canh Tý, năm thứ sáu.

Năm Tân Sửu, năm đầu niên hiệu Ngươn Phụng

Năm Nhâm Dần, năm thứ hai.

Năm Quý Mão, năm thứ ba.

Năm Giáp Thìn, năm thứ tư.

Năm Ất Tỵ, năm thứ năm.

Năm Bính Ngọ, năm thứ sáu.

Năm Đinh Mùi, năm đầu niên hiệu Ngươn Bình.

Năm Mậu Thân, đời vua Hán Tuyên Đế tên Tuân, là cháu cố của Hán Võ Đế, trị vì được hai mươi lăm năm. Đây là năm đầu niên hiệu Thái Thủy. Phật nhập Niết-bàn đến năm này được năm trăm ba mươi năm.

Năm Kỷ Dậu, năm thứ hai.

Năm Canh Tuất, năm thứ ba.

Năm Tân Hợi, năm thứ tư.

Năm Nhâm Tý, năm đầu niên hiệu Địa Tiết.

Năm Quý Sửu, năm thứ hai.

Năm Giáp Dần, năm thứ ba.

Năm Ất Mão, năm thứ tư.

Năm Bính Thìn, năm đầu niên hiệu Ngươn Khang.

Năm Đinh Tỵ, năm thứ hai.

Năm Mậu Ngọ, năm thứ ba.

Năm Kỷ Mùi, năm thứ tư.

Năm Canh Thân, năm đầu niên hiệu Thần Tước.

Năm Tân Dậu, năm thứ hai.

Năm Nhâm Tuất, năm thứ ba.

Năm Quý Hợi, năm thứ tư.

Năm Giáp Tý, năm đầu niên hiệu Ngũ Phụng.

Năm Ất Sửu, năm thứ hai.

Năm Bính Dần, năm thứ ba.

Năm Đinh Mão, năm thứ tư.

Năm Mậu Thìn, năm đầu niên hiệu Cam Lộ. Có nơi gọi là năm đầu Cam Hợp.

Năm Kỷ Tỵ, năm thứ hai.

Năm Canh Ngọ, năm thứ ba.

Năm Tân Mùi, năm thứ tư.

Năm Nhâm Thân, năm đầu niên hiệu Huỳnh Long.

Năm Quý Dậu, đời vua Hán Ngươn Đế, tên Thích. Con của Hán Tuyên Đế, trị vì mười sáu năm đây là năm đầu niên hiệu Sơ Ngươn. Phật nhập Niết-bàn đến năm này đã được năm trăm sáu mươi hai năm.

Năm Giáp Tuất, năm thứ hai.

Năm Ất Hợi, năm thứ ba.

Năm Bính Tý, năm thứ tư.

Năm Đinh Sửu, năm thứ năm.

Năm Mậu Dần, năm đầu niên hiệu Vĩnh Quang.

Năm Kỷ Mão, năm thứ hai.

Năm Canh Thìn, năm thứ ba.

Năm Tân Tỵ, năm thứ tư.

Năm Nhâm Ngọ, năm thứ năm.

Năm Quý Mùi, năm đầu niên hiệu Kiến Minh, có nơi gọi là năm đầu Kiến Chiêu.

Năm Giáp Thân, năm thứ hai.

Năm Ất Dậu, năm thứ ba.

Năm Bính Tuất, năm thứ tư.

Năm Đinh Hợi, năm thứ năm.

Năm Mậu Tý, năm đầu niên hiệu Cánh Ninh.

Năm Kỷ Sửu, đời vua Hán Thành Đế tên Ngạo là con vua Hán Ngươn Đế, trị vì hai mươi sáu năm, là năm đầu niên hiệu Kiến Thủy. Phật nhập Niết-bàn đến năm này được năm trăm bảy mươi tám năm.

Năm Canh Dần, năm thứ hai.

Năm Tân Mão, năm thứ ba.

Năm Nhâm Thìn, năm thứ tư.

Năm Quý Tỵ, năm đầu niên hiệu Hà Bình.

Năm Giáp Ngọ, năm thứ hai.

Năm Ất Mùi, năm thứ ba.

Năm Bính Thân, năm thứ tư.

Năm Đinh Dậu, năm đầu niên hiệu Dương Minh, có nơi gọi là Dương Sóc.

Năm Mậu Tuất, năm thứ hai.

Năm Kỷ Hợi, năm thứ ba.

Năm Canh Tý, năm thứ tư.

Năm Tân Sửu, năm đầu niên hiệu Hồng Gia.

Năm Nhâm Dần, năm thứ hai.

Năm Quý Mão, năm thứ ba. Quan Đại Phu Lưu Hướng san định Liệt Tiên truyện bảo có bảy mươi bốn người đã thấy Phật.

Năm Giáp Thìn, năm thứ tư.

Năm Ất Tỵ, năm đầu niên hiệu Vĩnh Thủy.

Năm Bính Ngọ, năm thứ hai.

Năm Đinh Mùi, năm thứ ba.

Năm Mậu Thân, năm thứ tư.

Năm Kỷ Dậu, năm đầu niên hiệu Ngươn Diên.

Năm Canh Tuất, năm thứ hai.

Năm Tân Hợi, năm thứ ba.

Năm Nhâm Tý, năm thứ tư.

Năm Quý Sửu, năm đầu niên hiệu Tuy Hòa.

Năm Giáp Dần, năm thứ hai.

Năm Ất Mão, đời vua Hán Ai Đế, tên Hân, là cháu của Hán Ngươn Đế, trị vì sáu năm, là năm đầu niên hiệu Kiến Bình. Phật nhập Niết-bàn đến năm này đã được sáu trăm lẻ bốn năm.

Năm Bính Thìn, năm thứ hai.

Năm Đinh Tỵ, năm thứ ba.

Năm Mậu Ngọ, năm thứ tư.

Năm Kỷ Mùi, năm đầu niên hiệu Ngươn Thọ. Cảnh Hiến đi sứ nước Đại Nguyệt Chi, nhận được kinh Phù Đồ. Phù Đồ tức là Phật-đà. Đâu chẳng phải là tiếp nối đến nay đã khá lâu rồi.

Năm Canh Thân, năm thứ hai.

Năm Tân Dậu, đời vua Hán Bình Đế, tên Diễn, là con của Hán Ai Đế, trị vì năm năm, năm đầu là niên hiệu Ngươn Thủy. Phật nhập Niết-bàn đến năm này đã được sáu trăm mười năm.

Năm Nhâm Tuất, năm thứ hai.

Năm Quý Hợi, năm thứ ba.

Năm Giáp Tý, năm thứ tư.

Năm Ất Sửu, năm thứ năm.

Năm Bính Dần, năm đầu niên hiệu Cư Nhiếp. Vương Mãng lập cháu cố của Tuyên Đế tên là Anh, xưng hiệu là Nhụ Tử. Vương Mãng làm Thừa tướng trông coi việc nước. Phật nhập Niết-bàn đến năm này đã được sáu trăm mười lăm năm. Vương Mãng phế bỏ Nhụ Tử chê là vua còn bé.

Năm Đinh Mão, năm thứ hai.

Năm Mậu Thìn, năm đầu niên hiệu Thủy Sơ.

Năm Kỷ Tỵ, đời vua Tân Vương, tên Mãng, tức là Chân, năm đầu là niên hiệu Kiến Quốc.

Năm Canh Ngọ, năm thứ hai.

Năm Tân Mùi, năm thứ ba.

Năm Nhâm Thân, năm thứ tư.

Năm Quý Dậu, năm thứ năm.

Năm Giáp Tuất, năm đầu niên hiệu Thiên Phụng.

Năm Ất Hợi, năm thứ hai.

Năm Bính Tý, năm thứ ba.

Năm Đinh Sửu, năm thứ tư.

Năm Mậu Dần, năm thứ năm.

Năm Kỷ Mão, năm thứ sáu.

Năm Canh Thìn, năm đầu niên hiệu Địa Hoàng.

Năm Tân Tỵ, năm thứ hai.

Năm Nhâm Ngọ, năm thứ ba.

Năm Quý Mùi, năm đầu niên hiệu Canh Thủy. Lưu Huyền, tự là Thánh Công, giết chết Vương Mãng trị vì được hai năm. Sau bị Xích Mi giết. Huyền là cháu sáu đời của Hán Cảnh Đế. Phật nhập Niết-bàn đến năm này đã được sáu trăm ba mươi hai năm.

Năm Giáp Thân, năm thứ hai.

II. ĐỜI HẬU HÁN:

Năm Ất Dậu, thuộc đời Hán Quang Võ Đế, tên Tú, tự là Văn Thúc, cháu chín đời của Hán Cao Tổ (Lưu Bang), trị vì được ba mươi ba năm, dời đô về Lạc dương, năm đầu niên hiệu là Kiến Vũ. Phật nhập Niết-bàn đến năm này được sáu trăm ba mươi bốn năm.

Năm Bính Tuất, năm thứ hai.

Năm Đinh Hợi, năm thứ ba.
Năm Mậu Tý, năm thứ tư.
Năm Kỷ Sửu, năm thứ năm.
Năm Canh Dần, năm thứ sáu.
Năm Tân Mão, năm thứ bảy.
Năm Nhâm Thìn, năm thứ tám.
Năm Quý Tỵ, năm thứ chín.
Năm Giáp Ngọ, năm thứ mười.
Năm Ất Mùi, năm thứ mười một.
Năm Bính Thân, năm thứ mười hai.
Năm Đinh Dậu, năm thứ mười ba.
Năm Mậu Tuất, năm thứ mười bốn.
Năm Kỷ Hợi, năm thứ mười lăm.
Năm Canh Tý, năm thứ mười sáu.
Năm Tân Sửu, năm thứ mười bảy.
Năm Nhâm Dần, năm thứ mười tám.
Năm Quý Mão, năm thứ mười chín.
Năm Giáp Thìn, năm thứ hai mươi.

Năm Ất Tỵ, năm thứ hai mươi mốt. Ở Tây Vức, vua Sa-xa... cả thảy mười sáu nước đều sai Thái tử đến hầu dâng hiến các phẩm vật địa phương.

Năm Bính Ngọ, năm thứ hai mươi hai.
Năm Đinh Mùi, năm thứ hai mươi ba.
Năm Mậu Thân, năm thứ hai mươi bốn.
Năm Kỷ Dậu, năm thứ hai mươi lăm.
Năm Canh Tuất, năm thứ hai mươi sáu.
Năm Tân Hợi, năm thứ hai mươi bảy.
Năm Nhâm Tý, năm thứ hai mươi tám.
Năm Quý Sửu, năm thứ hai mươi chín.
Năm Giáp Dần, năm thứ ba mươi.
Năm Ất Mão, năm thứ ba mươi mốt.

Năm Bính Thìn, năm đầu niên hiệu Trung Ngươn ngày tháng hai, vua đi tuần du phía Đông lên núi Thái sơn. Sài Tế khắc lời minh ngày đá. Có khí mây tạo nên Cung Khuyết, quét đất tế lễ Lương Phủ ngày rồi trở về. Lại đến nước Lỗ cúng tế đức Khổng Tử tại nhà của ngài. Đến tháng chín, có suối nước khoáng phun, kẻ ở Kinh Sư uống ngày bệnh cũ đều lành hẳn.

Năm Đinh Tỵ, năm thứ hai, là năm thống kê khắp thiên hạ thì

thấy về hộ dân gồm có bốn trăm hai mươi bảy vạn chín ngàn sáu trăm Về số người dân (dân khẩu) thì có hai ngàn một trăm vạn bảy ngàn tám trăm hai mươi

Năm Mậu Ngọ, đời Hán Minh Đế, tên Trang, là con thứ tư của Hán Quang Võ, trị vì được mười tám năm, năm đầu đặt niên hiệu là Vĩnh Bình. Năm này Đức Phật nhập Niết-bàn được sáu trăm sáu mươi bảy năm.

Năm Kỷ Mùi, năm thứ hai.

Năm Canh Thân, năm thứ ba.

Năm Tân Dậu, năm thứ tư.

Năm Nhâm Tuất, năm thứ năm.

Năm Quý Hợi, năm thứ sáu.

Năm Giáp Tý, năm thứ bảy. Năm này nhà vua nằm mộng thấy người bằng vàng bay đến trước sân điện. Đây tức là điền ứng cho việc sẽ có tượng Phật và kinh Pháp vậy. Vua bèn sai sứ sang Tây Vức tìm kiếm Kinh Phật.

Năm Ất Sửu, năm thứ tám.

Năm Bính Dần, năm thứ chín.

Năm Đinh Mão, năm thứ mười. Sứ giả trở về, lại có ngài Ca-diếp Ma-đằng đến đế đô Lạc dương, liền phiên dịch kinh Tứ Thập Nhị Chương. Vì dùng bạch mã chở kinh về, nên xây dựng chùa Bạch mã.

Năm Mậu Thìn, năm thứ mười một. Ngài Trúc Pháp Lan dịch bộ Phật Bổn Hạnh Kinh gồm đủ năm quyển. Đào Ẩn Cư niên lịch nói rằng: "Vua nằm mộng thấy người vàng đến, bèn sai người đi sứ". Năm này so với các tác gia khác có chút ít khác nhau, song cuối cùng vẫn tương đương.

Năm Kỷ Tỵ, năm thứ mười hai.

Năm Canh Ngọ, năm thứ mười ba. Ngài Trúc Pháp Lan dịch ngày bộ Thập Địa Đoạn Kết Kinh gồm bốn quyển.

Năm Tân Mùi, năm thứ mười bốn.

Năm Nhâm Thân, năm thứ mười lăm.

Năm Quý Dậu, năm thứ mười sáu.

Năm Giáp Tuất, năm thứ mười bảy.

Năm Ất Hợi, năm thứ mười tám.

Năm Bính Tý, năm đầu vua Hán Chương Đế, tên Thản, con vua Hán Minh Đế, trị vì mười ba năm, niên hiệu đầu là Kiến Sơ. Năm này Phật nhập Niết-bàn đã được sáu trăm tám mươi lăm năm.

Năm Đinh Sửu, năm thứ hai.

Năm Mậu Dần, năm thứ ba.

Năm Kỷ Mão, năm thứ tư, đầu niên hiệu Vĩnh Bình Thông Nghị Lang Ban Cố viết quyển Hán Thư, năm này mới ngày gồm hơn hai mươi năm.

Năm Canh Thìn, năm thứ năm.

Năm Tân Tỵ, năm thứ sáu.

Năm Nhâm Ngọ, năm thứ bảy.

Năm Quý Mùi, năm thứ tám.

Năm Giáp Thân, năm đầu niên hiệu Ngươn Hòa

Năm Ất Dậu, năm thứ hai.

Năm Bính Tuất, năm thứ ba.

Năm Đinh Hợi, năm đầu niên hiệu Chương Hòa, vua ra chiếu Khiến Tào Bao định nghi lễ gồm có một trăm năm mươi thiên.

Năm Mậu Tý, năm thứ hai.

Năm Kỷ Sửu, đời vua Hán Hòa Đế, tên Triệu, là con của Hán Chương Đế, trị vì mười bảy năm, năm đầu niên hiệu là Vĩnh Ngươn. Năm này Phật nhập Niết-bàn đã được sáu trăm chín mươi tám năm.

Năm Canh Dần, năm thứ hai.

Năm Tân Mão, năm thứ ba.

Năm Nhâm Thìn, năm thứ tư.

Năm Quý Tỵ, năm thứ năm.

Năm Giáp Ngọ, năm thứ sáu.

Năm Ất Mùi, năm thứ bảy.

Năm Bính Thân, năm thứ tám.

Năm Đinh Dậu, năm thứ chín.

Năm Mậu Tuất, năm thứ mười.

Năm Kỷ Hợi, năm thứ mười một.

Năm Canh Tý, năm thứ mười hai.

Năm Tân Sửu, năm thứ mười ba, nước An Tức cống hiến Sư tử.

Năm Nhâm Dần, năm thứ mười bốn.

Năm Quý Mão, năm thứ mười lăm.

Năm Giáp Thìn, năm thứ mười sáu.

Năm Ất Tỵ, năm đầu niên hiệu Ngươn Hưng.

Năm Bính Ngọ, đời vua Hán Thương Đế, tên Long, là con của Hán Hòa Đế, trị vì một năm, năm đầu có niên hiệu là Duyên Bình. Năm này Đức Phật nhập Niết-bàn đã được bảy trăm mười lăm năm.

* Năm Đinh Mùi, đời vua Hán An Đế, tên Hữu, là cháu của Hán Chương Đế, trị vì mười chín năm, năm đầu niên hiệu là Vĩnh Sở. Năm

này Phật nhập Niết-bàn đã được bảy trăm mười sáu năm.

Năm Mậu Thân, năm thứ hai.

Năm Kỷ Dậu, năm thứ ba.

Năm Canh Tuất, năm thứ tư.

Năm Tân Hợi, năm thứ năm.

Năm Nhâm Tý, năm thứ sáu.

Năm Quý Sửu, năm thứ bảy.

Năm Giáp Dần, năm đầu niên hiệu Ngươn Sơ, thì các nước Cửu Chân Niết Ngoại Dạ Lang..., có quan ải cách nội phủ cả một ngàn tám trăm dặm.

Năm Ất Mão, năm thứ hai.

Năm Bính Thìn, năm thứ ba.

Năm Đinh Tỵ, năm thứ tư.

Năm Mậu Ngọ, năm thứ năm.

Năm Kỷ Mùi, năm thứ sáu.

Năm Canh Thân, năm đầu niên hiệu Vĩnh Ninh. Ngày tháng tư, vua xuống chiếu quy định Bộc Xạ Lưu Trân phục vụ từ năm Kiến Võ đến nay được gọi là Thần Phó.

Năm Tân Dậu, năm đầu niên hiệu Kiến Quang.

Năm Nhâm Tuất, năm đầu niên hiệu Diên Quang.

Năm Quý Hợi, năm thứ hai.

Năm Giáp Tý, năm thứ ba.

Năm Ất Sửu, năm thứ tư.

* Năm Bính Dần, đời vua Hán Thuận Đế, tên Bảo, là con của Hán An Đế, trị vì mười chín năm, niên hiệu đầu là Vĩnh Kiến. Năm này Phật Niết-bàn đã được bảy trăm ba mươi lăm năm.

Năm Đinh Mão, năm thứ hai, ngày tháng hai, vua xuống chiếu có các quan như Bị Huyền Sào Sính Nam Dương Phàn Anh và Hoàng Quỳnh, Dương Hậu... đến công xa thiết lập Đàn Tịch để hỏi thần linh về việc được mất, rồi trở về lấy lễ mà trị nước.

Năm Mậu Thìn, năm thứ ba.

Năm Kỷ Tỵ, năm thứ tư.

Năm Canh Ngọ, năm thứ năm.

Năm Tân Mùi, năm thứ sáu.

Năm Nhâm Thân, năm đầu niên hiệu Dương Gia.

Năm Quý Dậu, năm thứ hai.

Năm Giáp Tuất, năm thứ ba.

Năm Ất Hợi, năm thứ tư.

Năm Bính Tý, năm đầu niên hiệu Vĩnh Hòa.

Năm Đinh Sửu, năm thứ hai.

Năm Mậu Dần, năm thứ ba.

Năm Kỷ Mão, năm thứ tư.

Năm Canh Thìn, năm thứ năm.

Năm Tân Tỵ, năm thứ sáu. Bấy giờ có Trương Lăng ở nước Thục lấy hiệu là Thiên Sư, viết Bộ Đạo Thư gồm hai mươi bốn quyển, có chương luận về phép cúng tế, chương về Đạo sĩ. Việc cúng tế có từ đấy.

Năm Nhâm Ngọ, năm đầu niên hiệu Hán An.

Năm Quý Mùi, năm thứ hai.

Năm Giáp Thân, năm đầu niên hiệu Kiến Khang.

* Năm Ất Dậu, đời Hán Xung Đế, tên Bỉnh, là cháu vua Hán Thuận Đế, trị vì một năm, niên hiệu đầu là Vĩnh Gia. Con của Trương Lăng là Hành làm Bảo Sư. Năm này Phật nhập Niết-bàn được bảy trăm năm mươi bốn năm.

* Năm Bính Tuất, đời vua Hán Chất Đế, tên Toản là huyền tôn (cháu bốn đời) của Hán Chương Đế, trị vì một năm, năm đầu niên hiệu là Sơ Nguyên. Đến năm này Phật nhập Niết-bàn đã được bảy trăm năm mươi năm năm.

* Năm Đinh Hợi, đời Vua Hán Hoàn Đế, tên Chí. Cháu bốn đời (tằng của Hán Chương Đế, trị vì được hai mươi mốt năm, năm đầu niên hiệu là Kiến Sơ. Năm này Phật nhập Niết-bàn đã được bảy trăm năm mươi sáu năm. Chu Sĩ hành Hán Lục chép rằng: Chi-lâu-ca-sấm năm này đã dịch kinh A-súc. có hai quyển.

Năm Mậu Tý, năm thứ hai. Cao Tăng truyện chép rằng: Ngài An Thế Cao từ năm thứ hai niên hiệu Kiến Sơ cho đến giữa năm Kiến Ninh của vua Linh Đế, hơn hai mươi năm đã gom dịch các kinh Pháp Cú... được một trăm bảy mươi bốn bộ gồm một trăm tám mươi tám quyển.

Năm Kỷ Sửu, năm thứ ba.

Năm Canh Dần, năm đầu niên hiệu Hòa Bình.

Năm Tân Mão, năm đầu niên hiệu Ngươn Gia. Chu Sĩ Hành Hán Lục chép rằng: Ngài Thế Cao trong năm này đã dịch Ngũ Thập Giảo Kế Kinh được hai quyển, Thất Xứ Tam Quán Kinh được hai quyển.

Năm Nhâm Thìn, năm thứ hai, sách Chu Sĩ Hành Hán Lục chép rằng: Ngài Thế Cao trong năm này đã dịch Phổ Pháp Nghĩa Kinh một quyển và Nội Tạng Kinh một quyển.

Năm Quý Tỵ, năm đầu niên hiệu Vĩnh Hưng.

Năm Giáp Ngọ, năm thứ hai.

Năm Ất Mùi, năm đầu niên hiệu Vĩnh Thọ.

Năm Bính Thân, năm thứ hai, sách Chu Sĩ Hành Hán Lục chép: Ngài Thế Cao năm này dịch Nhân Bổn Dục Sinh kinh một quyển.

Năm Đinh Dậu, năm thứ ba.

Năm Mậu Tuất, năm đầu niên hiệu Diên Gia.

Năm Kỷ Hợi, năm thứ hai.

Năm Canh Tý, năm thứ ba.

Năm Tân Sửu, năm thứ tư.

Năm Nhâm Dần, năm thứ năm.

Năm Quý Mão, năm thứ sáu.

Năm Giáp Thìn, năm thứ bảy.

Năm Ất Tỵ, năm thứ tám.

Năm Bính Ngọ, năm thứ chín.

Năm Đinh Mùi, năm đầu niên hiệu Vĩnh Khang. Sách Chi Mẫn Độ Lục chép: Ngài Thế Cao năm này dịch bộ Tu Hành Đạo Địa Kinh được bảy hoặc sáu quyển.

* Năm Mậu Thân, đời vua Hán Linh Đế, tên Hoành, là cháu bốn đời của Hán Chương Đế, trị vì hai mươi hai năm, năm đầu niên hiệu Kiến Ninh. Năm này Phật nhập Niết-bàn đã được bảy trăm bảy mươi bảy năm.

Năm Kỷ Dậu, năm thứ hai.

Năm Canh Tuất, năm thứ ba. Ngài An Thế Cao dịch kinh đến năm này mới ngày, không phải dừng lại một chỗ mà lại ra đi.

Năm Tân Hợi, năm thứ tư.

Năm Nhâm Tý, năm đầu niên hiệu Gia Bình. sách Chu Sĩ Hành Hán Lục chép rằng: Ngài Trúc Phật Sóc năm này châu Lạc dương dịch bộ Đạo Hạnh Kinh được một quyển, ngài Đạo An chú thích lời Tựa.

Năm Quý Sửu, năm thứ hai.

Năm Giáp Dần, năm thứ ba.

Năm Ất Mão, năm thứ tư. Nhà vua rất thích sách nên đã soạn ra Nghĩa Hoàng Thiên gồm năm mươi chương.

Năm Bính Thìn, năm thứ năm.

Năm Đinh Tỵ, năm thứ sáu.

Năm Mậu Ngọ, năm đầu niên hiệu Quang Hòa.

Năm Kỷ Mùi, năm thứ hai. Sách Chi Mẫn Độ Lục chép rằng: Ngài Chi-lâu-ca-sấm ngày tám tháng bảy đã dịch Bát-nhã Đạo Hạnh Phẩm... gồm mười quyển.

Năm Canh Thân, năm thứ ba. Sách Nhiếp Đạo Chân Lục chép rằng: Ngài Chi-lâu-ca-sấm ngày tám tháng mười châu Lạc dương đã dịch Bộ Ban Chu Tam-muội Kinh gồm hai quyển, và một quyển Bảo Tích Kinh.

Năm Tân Dậu, năm thứ tư, quan Đô úy An Huyền dịch bộ Pháp Cảnh Kinh gồm hai quyển, một quyển kinh A-hàm (khẩu giải), được xuất bản ở Lạc dương. Ngài Nghiêm Phật Điều chép lại.

Năm Nhâm Tuất, năm thứ năm.

Năm Quý Hợi, năm thứ sáu. Ngài Trúc Phật Sóc, châu Lạc dương đã dịch Bộ Đạo Hạnh Kinh một quyển. Ngài Chi-lâu-ca-sấm đọc lời, các ngài Mãnh Phước, Trương Liên chép lại.

Năm Giáp Tý, năm đầu niên hiệu Trung Bình.

Năm Ất Sửu, năm thứ hai. Ở Lạc dương, ngài Chi Diệu dịch ngày các kinh Thành Cụ, Quang Minh... mười một bộ gồm mười một quyển.

Năm Bính Dần, năm thứ ba. Sách Chu Sĩ hành Hán Lục chép: Ở Lạc dương, ngày tám tháng hai ngài Chi-lâu-ca-thức đã dịch bộ Thủ-lăng-nghiêm kinh gồm hai quyển.

Năm Đinh Mão, năm thứ tư. Ở Lạc dương, ngài Khang Cự dịch. Vấn Địa Ngục Sự kinh một quyển. Năm này Ngụy văn Đế sinh

Năm Mậu Thìn, năm thứ năm. Cao Tăng truyện chép rằng: sáu bộ kinh như Cổ Duy-ma-cật v....v... mười quyển, đều do ngài Nghiêm Phật Điều người lâm hoài ở Lạc dương dịch

Năm Kỷ Tỵ, năm thứ sáu. Ngày tháng giêng đổi niên hiệu là Quang Gia (năm đầu). Đến tháng mười lại đổi niên hiệu là Chiêu Ninh, rồi tháng mười hai lại đổi là Vĩnh Long.

* Năm Canh Ngọ, đời vua Hán Hiến Đế, tên Hiệp, là con vua Hán Linh Đế, trị vì ba mươi năm, niên hiệu đầu là Sơ Bình. Đến tháng hai thì Đổng Trác cướp ngôi vua, phải chạy về Trường an khiến Viên Thiệu khởi binh ở Bột Hải, Tôn kiên khởi binh ở Giang nam. Năm này Phật nhập Niết-bàn đã được bảy trăm chín mươi chín năm.

Năm Tân Mùi, năm thứ hai.

Năm Nhâm Thân, năm thứ ba.

Năm Quý Dậu, năm thứ tư.

Năm Giáp Tuất, năm đầu niên hiệu Hưng Bình. Sách Hán Lục về Trúc Đạo Tổ tán lục ghi: Năm này ở Lạc Dương, Khang Mạnh Tường dịch kinh Tứ Đế một quyển, bản này có chút ít khác nhau với quyển của An Thế Cao.

Năm Ất Hợi, năm thứ hai.

Năm Bính Tý, năm đầu niên hiệu Kiến An.

Năm Đinh Sửu, năm thứ hai. Ngày tháng ba, Sa-môn Trúc Đại Lực ở Lạc Dương đã dịch Tu Hành Bổn Khởi Kinh gồm hai quyển.

Năm Mậu Dần, năm thứ ba.

Năm Kỷ Mão, năm thứ tư. Cao Tăng truyện chép rằng: Hưng Khởi Bổn Hạnh Kinh... năm bộ gồm tám quyển, cùng ngài Khang Mạnh Tường dịch

Năm Canh Thìn, năm thứ năm.

Năm Tân Tỵ, năm thứ sáu.

Năm Nhâm Ngọ, năm thứ bảy.

Năm Quý Mùi, năm thứ tám.

Năm Giáp Thân, năm thứ chín.

Năm Ất Dậu, năm thứ mười. Vua xuống chiếu cho Đạo Câu Duyệt soạn Hán Ký.

Năm Bính Tuất, năm thứ mười một.

Năm Đinh Hợi, năm thứ mười hai. Cao Tăng truyện chép: Hai quyển Trung Bổn Khởi Kinh do ngài Đàm Quả cùng Khang Mạnh Tường dịch cũng trong năm này.

Năm Mậu Tý, năm thứ mười ba.

Năm Kỷ Sửu, năm thứ mười bốn.

Năm Canh Dần, năm thứ mười lăm.

Năm Tân Mão, năm thứ mười sáu. Cao Tăng truyện chép rằng: Năm này ngài Trúc Đại Lực dịch ra hai quyển bộ Tu Hành Bổn Khởi Kinh.

Năm Nhâm Thìn, năm thứ mười bảy.

Năm Quý Tỵ, năm thứ mười tám.

Năm Giáp Ngọ, năm thứ mười chín. Có cháu của Trương Lăng là Lỗ Canh soạn các Chương Phù tự xưng là Sư Quân, lãnh đạo mọi người tự xưng làm Trấn Di Trung Lang tướng.

Năm Ất Mùi, năm thứ hai mươi.

Năm Bính Thân, năm thứ hai mươi mốt.

Năm Đinh Dậu, năm thứ hai mươi hai.

Năm Mậu Tuất, năm thứ hai mươi ba.

Năm Kỷ Hợi, năm thứ hai mươi bốn.

■

LỊCH ĐẠI TAM BẢO KÝ

QUYỂN 3

(Qua các triều đại: Ngụy, Tấn, Tống, Tề, Lương, Chu và Đại Tùy).

Nói về niên đại các đời vua sau thì từ đời Tam Hoàng Thiên hạ chỉ có một chúa, và suốt cả hai thời Tiền Hán cùng Hậu Hán không thể có hai tôi. Nhưng kể từ đời Ngụy tấn cho đến đời Đại Tùy chúng ta đây trị vì thì số thành ấp kinh đô được dựng lên khác nào lông nhím muôn màu muôn vẽ hai mươi hai nước thì có hai mươi hai kinh đô, trong đó Ngô có một, Tần có ba và Lương, Ngụy, Tề, Trần... cả tám nước này tuy nói là bảo trì nghi chế củ nhưng điều tuyên dịch Kinh Phật cốt giữ gìn Tam bảo được lâu dài để tứ sinh được nhờ cậy. Do đó mà kẻ chuyên làm thiện vốn để đức về sau, cho nên cần ghi chép lại cho mọi đời đều noi gương. Nhưng các danh mục ghi chép không được tiếp nối liên tục. Như ở thời Bá chủ thì trong mười nước đã có bốn nước không xiển dương truyền bá Thánh giáo, nên đối với sự việc không biết noi theo sự tu hành. Đến nay thì mỗi nước đều căn cứ ngày quyển Chí Thư của mình nêu sơ lược các sự việc qua các niên đại. Ngõ hầu hiểu biết về việc mạnh yếu, việc bắt đầu và kết thúc hoặc sự hưng phế của các triều đại.

Như năm tân sữu năm thứ hai niên hiệu Hoàng Sơ của Tào Ngụy Văn Đế thì có Lưu Bị đóng đô ở nước Thục xưng là nhà Hán, gồm hai đời vua trị vì bốn mươi ba năm sau đó lại thuộc về Ngụy Văn Đế.

Ở đời Tây Tấn, năm Nhâm Tuất, năm đầu của niên hiệu An Ngươn của vua huệ Đế, có Trương Quỹ khởi nghiệp ở Lương Châu xưng là nhà Lương. Đó là thời Tiền Lương, gồm bảy vua kéo dài sáu mươi hai năm. Rồi lại thuộc về đời Tiền Tần là Phù Vĩnh Cố.

Đời Tấn huệ Đế, năm Giáp Tý là năm đầu niên hiệu Vĩnh An, thì có Lưu Uyên dựng nghiệp ở Bình Dương. Lúc đầu tiên gọi là nhà Hán, về sau lại xưng là nhà Triệu. Đó là Tiền Triệu, gồm bốn đời vua kéo dài hai mươi sáu năm, về sau lại thuộc về hậu Triệu là Thạch Lặc.

Cũng cùng năm đầu niên hiệu Vĩnh An thì Lý Hùng khởi lên ở

nước Thục, ban đầu gọi là Đại Thành về sau đổi xưng là nhà Hán, gồm bốn vua kéo dài bốn mươi bốn năm, sau đó bị Tấn Mục tiêu diệt.

Về đời Đông Tấn, ngày năm Canh Thìn năm thứ ba niên hiệu Thái Hưng của vua Ngươn Đế, thì Thạch Lặc mới nổi lên ở nước Tương, về sau dời Đô về huyện Nghiệp và xưng là nhà Triệu. Đó là Hậu Triệu, gồm bốn đời vua, đến Nhiễm Mẫn là ba mươi lăm năm, rồi thuộc ngày nhà Tiền Yên là Mộ Dung Tuấn.

Năm Ất Mão năm thứ mười một niên hiệu Vĩnh Hòa của Tấn Mục thì Mộ Dung Tuấn sáng nghiệp ở Huỳnh Long, sau dời đô về Huyện Nghiệp xưng hiệu là nhà Yên. Đó là Tiền Yên, gồm hai vua, trị vì mười chín năm. Về sau mất ngày tay Tiền Tần Phù Vĩnh Cố.

Năm Bính Tuất, tức năm thứ mười một niên hiệu Thái Ngươn của tấn Hiếu Võ, thì Mộ Dung Thùy khởi nghiệp ở Trung Sơn, về sau lại nối nghiệp nhà Yên. Đó là Hậu Yên. Sau dời đô về Huỳnh Long, gồm năm đời vua, trị vì hai mươi sáu năm. Về sau lại thuộc về nhà Bắc yên là Phùng Bạt.

Đến năm Đinh Hợi là năm thứ mười hai, thì Lữ Quang dựng nghiệp ở Lương Châu lại lấy hiệu là nhà Lương. Đây là Hậu Lương, gồm bốn vua trị vì mười sáu năm. Về sau lại thuộc ngày diệu Hưng đời Hậu Tần.

Năm Đinh Dậu, năm đầu niên hiệu Long An của Tấn An Đế, thì Ngốc Phát Ô Hồ khởi nghiệp ở Tây Bình, cũng lấy hiệu là nhà Lương. Đây là Nam Lương, có ba đời vua trị vì mười tám năm. Sau lại thuộc về Khất Phục Sất Bàn nhà Tây Tần.

Đến năm Mậu Tuất năm thứ hai thì Mộ Dung Đức khởi nghiệp ở Quảng Cố, cũng lấy hiệu là nhà Yên. Đây là Nam Yên, có hai đời vua, trị vì mười ba năm. Sau lại bị Tấn An Đế tiêu diệt.

Đến năm Canh Tý năm thứ tư, thì Lý Cao dựng nghiệp ở Đôn Hoàng, cũng lấy hiệu là nhà Lương. Đây là Tây Lương, có hai đời vua trị vì hai mươi hai năm. Sau mất về tay của Trở Cừ Mông Tốn thuộc Bắc Lương.

Năm Đinh Mùi năm thứ ba niên hiệu Nghĩa Hi đời Tấn An Đế thì có Hách Liên Bột Bột dựng nghiệp ở Sóc Mạc, đóng đô thống lãnh cả muôn thành trì, gọi là nhà Đại Hạ, gồm ba vua trị vì hai mươi lăm năm. Về sau lại thuộc Thái Võ nhà Bắc Ngụy.

Đến năm Canh Tuất, năm thứ sáu, Phùng Bạt khởi binh diệt nhà Hậu Yên, đóng đô ở Xương Lê, xưng hiệu là Đại Yên. Đó là Bắc Yên, gồm hai đời vua trị vì hai mươi tám năm. Về sau cũng thuộc ngày tay Thái Võ nhà Bắc Ngụy.

Đến năm Kỷ Mão, niên hiệu Ngươn Gia thứ mười sáu đời Tống

Văn Đế, tức niên hiệu Thái Diên thứ năm của Bắc Ngụy, thì Thái Võ kéo quân Tây chinh đánh diệt nước Bắc Lương. Từ đó việc các nước thôn tính nhau cho đếm hết, chỉ còn lại nước Bắc Ngụy.

Đến năm Giáp Tuất, năm đầu niên hiệu Long Xương đời Tề Minh Đế, tức niên hiệu Thái Hòa thứ mười tám của Bắc Ngụy, thì Hiếu Văn Nam dời đô về Lạc Ấp. Đến năm Giáp Dần niên hiệu Đại Thông năm thứ sáu của Lương Võ Đế, nhằm ngày năm thứ ba niên hiệu Vĩnh Hi của Nam Ngụy. Võ Đế là Ngươn Tuần dời đô về phía Tây là Trường An. Đây là căn cứ theo Vũ Văn Hắc Thái của Chu Thái Tổ.

Tề Thái Tổ là Cao Hoan riêng lập con của Thanh Hà Vương là Nguyên Thiện Kiến lên làm vua, đóng đô ở phía Bắc đất Nghiệp. Do duyên cớ đó mà chia làm Tây và Đông Ngụy.

Năm Ất Hợi, năm thứ tư niên hiệu Thừa Thánh, Lương Hiếu Nguyên Đế tên là Dịch, đóng đô ở Giang Lăng, bị nhà Tây Ngụy diệt. Từ đó thì Nam Triều triều tính theo lịch số của Bắc Triều. Năm đó là năm thứ hai niên hiệu Hậu Ngươn nhà Ngụy. Cháu của Tiêu Diễn là Sát được Ngụy Vương ban cho được nối dõi cơ đồ nhà Lương. Đó gọi là Hậu Lương. Đã phải nương nhờ người khác thì đất nước chỉ là ảo ảnh. Nhà Chu nhận nhà Ngụy nhường ngôi cho, nhân đó mà đứng vững. Nhưng vẫn đóng đô ở Giang Lăng, gồm ba đời vua, trị vì được ba mươi ba năm và dứt mất ngày năm Đinh Mùi thuộc niên hiệu Khai Hoàng thứ bảy.

Năm Canh Tý, năm đầu niên hiệu Hoàng Sơ thì Ngụy Văn Đế đầu tiên được nhà Hậu Hán nhường ngôi cho. Sang năm thứ hai là năm Tân Sửu thì thiên hạ chia làm ba, suốt cả năm mươi chín năm.

Đến năm Kỷ Hợi, thuộc niên hiệu Hàm Ninh năm thứ năm của Tấn Võ Đế thì khắp nước phép tắc văn pháp lại giống nhau suốt hai mươi ba năm.

Đến năm Tân Dậu, năm đầu niên hiệu Vĩnh Ninh đời Tấn huệ Đế thì đất đai bị chia cắt tranh nhau mà kiến lập kinh đô đất nước.

Cho đến nay là năm Kỷ Dậu, niên hiệu Khai Hoàng thứ chín trong khoảng thời gian hai trăm tám mươi tám năm. Cho nên thực nghĩ từ trước nay thời vận đổi thay khác nào bốn mùa hết lạnh rồi nóng.

Từ đời nhà Đại Lương trở về sau thì chánh sách Vương Đạo rộng mở trùm khắp cả chín châu. Xe chở kinh sách về đến nay đã được chín năm, công hóa độ khắp muôn dân, đâu phải chỉ riêng có nhà Ngụy? Đến đời Đại Tùy suốt cả bốn mươi bốn năm. Tính ra từ các vị vua trước đã trị vì trong suốt thời gian có đến ba trăm bảy mươi tám năm, cả thảy có bảy đời vua với năm kinh đô. Sách Thế Lục đã chép như thế.

A. NIÊN ĐẠI TRỊ VÌ CỦA CÁC VUA:

I. Về nhà Ngụy thì gồm có:
- Ngụy Văn Đế trị vì bảy năm, đóng đô ở Lạc dương.
- Ngụy Minh Đế trị vì mười ba năm.
- Ngụy Tề Đế trị vì mười bốn năm.
- Ngụy Cao Quý Hương Công trị vì sáu năm.
- Ngụy Nguyên Đế trị vì năm năm.

II. Về nhà Tây Tấn gồm có:
- Tấn Võ Đế trị vì hai mươi lăm năm, đóng đô ở Lạc dương.
- Tấn huệ Đế trị vì mười sáu năm.
- Tấn Hoài Đế trị vì sáu năm.
- Tấn Mẫn Đế trị vì bốn năm, đóng đô ở Trường an.

III. Về nhà Đông Tấn gồm có:
- Tấn Nguyên Đế trị vì sáu năm, đóng đô ở Kiến Khang.
- Tấn Minh Đế trị vì ba năm.
- Tấn Thành Đế trị vì mười bảy năm.
- Tấn Khang Đế trị vì hai năm.
- Tấn Mục Đế trị vì mười bảy năm.
- Tấn Ai Đế trị vì bốn năm.
- Tấn Hải Tây Công trị vì năm năm.
- Tấn Giản Văn Đế trị vì hai năm.
- Tấn Hiếu Võ Đế trị vì hai mươi bốn năm.
- Tấn An Đế trị vì hai mươi hai năm.
- Tấn Cung Đế trị vì một năm.

IV. Về nhà Tống gồm có:
- Tống Võ Đế trị vì ba năm, đóng đô ở Kiến Khang.
- Tống Tiền Phế Đế trị vì một năm.
- Tống Văn Đế trị vì ba mươi năm.
- Tống Hiếu Võ Đế trị vì chín năm.
- Tống Trung Phế Đế trị vì một năm.
- Tống Minh Đế trị vì tám năm.
- Tống Hậu Phế Đế trị vì năm năm.
- Tống Thuận Đế trị vì hai năm.

V. Về nhà Tề gồm có:
- Tề Cao Đế trị vì năm năm, đóng đô ở Kiến Khang.
- Tề Võ Đế trị vì mười năm.
- Tề Phế Đế trị vì nửa năm.
- Tề Tân An Vương trị vì nửa năm.
- Tề Minh Đế trị vì bốn năm.
- Tề Đông Thị hôn trị vì hai năm.
- Tề Nam Khang Vương trị vì một năm.

VI. Về nhà Lương gồm có:
- Lương Võ Đế trị vì bốn mươi tám năm, đóng đô ở Kiến khang.
- Lương Giản Văn Đế trị vì hai năm.
- Lương Hiếu Nguyên Đế trị vì bốn năm, đóng đô ở Giang lăng.

VII. Về nhà Chu gồm có:
- Chu Mẫn Đế trị vì một năm, đóng đô ở Trường an.
- Chu Minh Đế trị vì ba năm.
- Chu Võ Đế trị vì mười tám năm.
- Chu Tuyên Đế trị vì hai năm.
- Chu Tịnh Đế trị vì một năm.

VIII. Về nhà Đại Tùy, từ niên hiệu Khai Hoàng đến nay, trị vì đã được mười bảy năm, đóng đô ở Đại Hưng.

B. CÁC SỰ KIỆN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN TAM BẢO Ở CÁC NIÊN ĐẠI TRÊN:

Nhà Ngụy	Nhà Ngô
* Năm Canh Tý, vua Ngụy Văn Đế tên Phi, họ Tào, tự Tử Hoàn, đóng đô ở lạc Dương, năm đầu niên hiệu` Hoàng Sơ. Năm này Phật nhập Niết-bàn đã được tám trăm hai mươi chín năm. Năm Tân Sửu, năm Hoàng Sơ thứ hai. Năm Nhâm Dần, năm Hoàng Sơ thứ ba.	* Tôn Quyền, tự là Trọng Mưu, trị vì hai mươi tám năm, đóng đô ở Kiến Nghiệp, xưng là Thái Hoàng Đế, niên hiệu Hoàng Võ năm thứ nhất. Năm Hoàng Võ thứ hai. Năm Hoàng Võ thứ ba, ngài Duy-kỳ-nan, ở quận Võ Xương dịch hai bộ A-sai-mạt Bồ-tát Kinh gồm sáu quyển.

Năm Quý Mão, năm Hoàng Sơ thứ tư. Năm Giáp Thìn, năm Hoàng Sơ thứ năm. Năm Ất Tỵ, năm Hoàng Sơ thứ sáu. Năm Bính Ngọ, năm Hoàng Sơ thứ bảy. * Năm Đinh Mùi, đời Ngụy Minh Đế, tên Hát, con của Văn Đế, niên hiệu Thái Hòa thứ nhất. Năm Mậu Thân, năm Thái Hòa thứ hai. Năm Kỷ Dậu, năm Thái Hòa thứ ba. Năm Canh Tuất, năm Thái Hòa thứ tư. Năm Tân Hợi, năm Thái Hòa thứ năm. Năm Nhâm Tý, năm Thái Hòa thứ sáu Năm Quý Sửu, năm Thanh Long thứ nhất. Năm Giáp Dần, năm Thanh Long thứ hai. Năm Ất Mão, năm Thanh Long thứ ba Năm Bính Thìn, năm Thanh Long thứ tư Năm Đinh Tỵ, năm Cảnh Sơ thứ nhất. Năm Mậu Ngọ, năm Cảnh Sơ thứ hai. Năm Kỷ Mùi, năm Cảnh Sơ thứ ba. Năm Canh Thân, đời Ngụy Thiếu Đế tên Phương, năm chánh thủy thứ nhất	Năm Hoàng Võ thứ tư. Năm Hoàng Võ thứ năm. Năm Hoàng Võ thứ sáu. Năm Hoàng Võ thứ bảy. Năm Huỳnh Long thứ nhất. Năm Huỳnh Long thứ hai, ở Dương Đô ngài Trúc Luật Viêm dịch ngày Tam-ma-kiệt kinh... hai quyển. Năm Huỳnh Long thứ ba Năm Gia Hòa thứ nhất. Năm Gia Hòa thứ hai. Năm Gia Hòa thứ ba. Năm Gia Hòa thứ tư. Năm Gia Hòa thứ năm. Năm Gia Hòa sáu (có thuyết nói Gia Hòa chỉ có năm năm) Năm Xích Ô thứ nhất. Năm Xích Ô thứ hai. Năm Xích Ô thứ ba. Năm Xích Ô thứ tư. Năm Xích Ô thứ năm, lập con là Hòa lên làm Thái tử. Năm Xích Ô thứ sáu. Năm Xích Ô thứ bảy Năm Xích Ô thứ tám Năm Xích Ô thứ chín Năm Xích Ô thứ mười, ngài Khương Tăng Hội cảm được Xá-lợi phóng quang, Tôn Quyền rất tin phục, bèn xây cho chư Tăng chùa Kiến Sơ. Đây là ngôi chùa đầu tiên ở Giang đông. Năm Xích Ô thứ mười một. Năm Xích Ô thứ mười hai. Bỏ thái tử Hòa lập Tử Lượng lên làm Thái tử.

Năm Tân Dậu, năm Chánh Thủy thứ hai. Năm Nhâm Tuất năm Chánh Thủy thứ ba. Năm Quý Hợi, năm Chánh Thủy thứ tư. Năm Giáp Tý, năm Chánh Thủy thứ năm Năm Ất Sửu, năm Chánh Thủy thứ sáu Năm Bính Dần, năm Chánh Thủy thứ bảy. Năm Đinh Mão, năm Chánh Thủy thứ tám. Năm Mậu Thìn, năm Chánh Thủy thứ chín. Năm Kỷ Tỵ, năm Gia Bình thứ nhất. Năm Canh Ngọ, năm Gia Bình hai. Ở Lạc Dương ngài Đàm-a-la dịch Tăng-kỳ Giới Bản một quyển. Năm Thần Phụng thứ nhất, Tôn Quyền tạ thế (trị vì được ba mươi mốt năm). Tháng tư năm này Lượng lên ngôi, đổi niên hiệu Kiến Hưng thứ nhất. Năm Kiến Hưng thứ hai, ngài Chi Khiêm đã đến đây từ năm Hoàng Võ và dịch ra Minh Độ kinh... gồm một trăm hai mươi bộ với một trăm bốn mươi chín quyển như sách Ngô Lục đã ghi. Năm Ngũ Phụng thứ nhất (mới đổi niên hiệu). Năm Ngũ Phụng thứ hai. Năm Thái Bình thứ nhất.	Năm Xích Ô thứ mười ba. Năm Thái Ngươn thứ nhất, ở Kiến sơ, tại Dương đô, Khương tăng Hội dịch bốn bộ Lục Độ Tập kinh gồm mười sáu quyển.

Năm Thái Bình thứ hai. Năm Thái Bình thứ ba, tháng tám Lượng tạ thế. Tháng chín Hưu lên ngôi tức Ngô Cảnh Đế, lấy niên hiệu Vĩnh An thứ nhất. Năm Vĩnh An thứ bảy, tháng sáu Hưu tạ thế. Tháng bảy Hạo lên ngôi đổi niên hiệu là Ngươn Hưng thứ nhất. Năm Vĩnh An thứ sáu. *M* Đổi niên hiệu là Cam Lộ thứ nhất. Đổi niên hiệu là Bảo Đảnh thứ nhất. Năm Bảo Đảnh thứ hai. Năm Bảo Đảnh thứ ba. Đổi niên hiệu là Kiến Hành thứ nhất. Năm Kiến Hành thứ hai. Năm Kiến Hành thứ ba. Đổi niên hiệu là Phụng Hoàng thứ nhất. Năm Phụng Hoàng thứ hai Năm Phụng Hoàng thứ ba. Đổi niên hiệu là Thiên Sách thứ nhất. Đổi niên hiệu là Thiên Tỷ thứ nhất. Đổi niên hiệu là Thiên Kỷ thứ nhất. Năm Thiên Kỷ thứ hai. Năm Thiên Kỷ thứ ba. *M*	

Năm Thiên Kỷ thứ tư, bị tướng nhà Tấn là Vương Tuấn đánh dẹp, sáp nhập ngày Lạc phong. Vua là Hạo được phong làm Quy Mạng Hầu. Nhà Ngô trị vì suốt năm mươi tám năm, gồm bốn châu, bốn mươi ba quận, ba trăm mười ba huyện, năm mươi hai vạn hộ, ba trăm bốn mươi vạn khẩu, gồm hai mươi ba vạn binh sĩ, mười ba vạn quan lại. Còn năm ngàn cung phi thể nữ ở hậu cung đều đem ban cho tướng sĩ (nhà Ngô chấm dứt từ đây).	

Năm Tân Sửu, năm Thái Khang thứ hai, ngài Cương Lương Lâu Chí dịch Thập Nhị Du Kinh, một quyển.

Năm Nhâm Dần, năm Thái Khang thứ ba.

Năm Quý Mão, năm Thái Khang thứ tư.

Năm Giáp Thìn, năm Thái Khang thứ năm, ngày hai mươi ba tháng hai, ngài Pháp Hộ dịch bộ Tu Hành Kinh gồm bảy quyển.

Năm Ất Tỵ, năm Thái Khang thứ sáu, ngày mười tháng bảy Pháp Hộ dịch bộ Hải Long Vương Kinh, bốn quyển.

Năm Bính Ngọ, năm Thái Khang thứ bảy, ngày mười tháng tám Pháp Hộ dịch Chánh Pháp Hoa Kinh, mười quyển, ngày hai mươi bảy tháng mười dịch bộ Phổ Siêu Kinh bốn quyển, ngày hai mươi lăm tháng mười một dịch Quang Tán Bát-nhã kinh, mười quyển.

Năm Đinh Mùi, năm Thái Khang thứ tám, ngày mười một tháng một Pháp Hộ dịch Phổ Môn Phẩm Kinh, một quyển, ngày hai mươi bảy tháng bốn dịch Bảo Nữ Vấn Kinh một quyển.

Năm Mậu Thân, năm Thái Khang thứ chín.

Năm Kỷ Dậu, năm Thái Khang thứ mười, ngày tám tháng bốn Pháp Hộ dịch Văn-thù-sư-lợi Tinh Luật Kinh, một quyển, ngày hai tháng mười hai dịch Ly Cấu Thí Nữ Kinh và Ma Nghịch Kinh... tất cả các kinh trên đều được dịch ở Bạch mã, Lạc dương.

* Năm Canh Tuất, năm Thái Hi thứ nhất, tháng bốn khi Tấn Võ Đế băng, Thái tử Ai lên ngôi, đó là Tấn Huệ Đế, đổi niên hiệu là Vĩnh

Bình thứ nhất.

Năm Tân Hợi, niên hiệu Ngươn Khang thứ nhất.

Năm Nhâm Tý, năm Ngươn Khang thứ hai.

Năm Quý Sửu, năm Ngươn Khang thứ ba.

Năm Giáp Dần, năm Ngươn Khang thứ tư.

Năm Ất Mão, năm Ngươn Khang thứ năm.

Năm Bính Thìn, năm Ngươn Khang thứ sáu.

Năm Đinh Tỵ, năm Ngươn Khang thứ bảy.

Năm Mậu Ngọ, năm Ngươn Khang thứ tám.

Năm Kỷ Mùi, năm Ngươn Khang thứ chín.

Năm Canh Thân, năm Vĩnh Khang thứ nhất

Năm Tân Dậu, năm Thủy Ngươn thứ nhất, tháng giêng, Luân Toản lại đổi niên hiệu là ngươn Ninh thứ nhất, tháng bốn thì đổi là Thủy Ngươn.

Năm Nhâm Tuất, năm Thủy Ngươn thứ hai, tháng mười hai lại đổi niên hiệu là Vĩnh An thứ nhất.

Năm Quý Hợi tháng một, lại đổi niên hiệu là Vĩnh An thứ nhất, tháng bảy lại đổi niên hiệu là Kiến Võ thư nhất.

Năm Giáp Tý, tháng tám lại đổi niên hiệu là Vĩnh Hưng.

Năm Ất Sửu, năm Vĩnh Hưng thứ hai.

Năm Bính Dần lại đổi niên hiệu là Quang Hi thứ nhất.

Năm Đinh Mão, đời vua Tấn Hoài Đế, tên Xí, là em của Tấn Huệ Đế, đổi niên hiệu là Vĩnh Gia thứ nhất.

Năm Mậu Thìn, năm Vĩnh Gia thứ hai, ngài Pháp Hộ dịch Phổ Diệu Kinh gồm tám quyển.

Năm Kỷ Tỵ, năm Vĩnh Gia thứ ba.

Năm Canh Ngọ, năm Vĩnh Gia thứ tư.

Năm Tân Mùi, năm Vĩnh Gia thứ năm, vua bị Lưu Diệu bắt đưa về Bình Dương.

Năm Nhâm Thân, năm Vĩnh Gia thứ sáu.

Năm Quý Dậu, đời tấn Mẫn Đế tên Nghiệp, là cháu của Tấn Võ Đế, lấy niên hiệu là Kiến Hưng thứ nhất, đóng đô ở Trường an. Dân ở Ngô huyện là Chu Ứng cùng Bạch Ni và số đông thiện tín ở Đông vân, tại cửa khẩu Sái Độc của sông Tòng đã tìm thấy được hai tượng đá, sau lưng tượng có khắc bài Minh: Một tượng là Duy-vệ Phật, một tượng là Ca-diếp Phật, được đem thờ ở Thông Huyền.

Năm Giáp Tuất, năm Kiến Hưng thứ hai

Năm Ất Hợi, năm Kiến Hưng thứ ba.

Năm Bính Tý, năm Kiến Hưng thứ tư.

NHÀ ĐÔNG TẤN:

* Năm Đinh Sửu, đời Tấn Nguyên Đế, tên Duệ, là cháu chú bác của Tấn Võ Đế, lấy niên hiệu là Kiến Võ, đóng đô ở Kiến Khang.

* Năm Mậu Dần, đổi niên hiệu là Thái Hưng, trị vì được hai năm ba tháng thì vua băng hà. Tấn Ngươn Đế, tên Phương lên ngôi đổi niên hiệu như trên (Thái Hưng).

Năm Kỷ Mão, năm Thái Hưng thứ hai.

Năm Canh Thìn, năm Thái Hưng thứ ba.

Năm Tân Tỵ, năm Thái Hưng thứ tư.

Năm Nhâm Ngọ, đổi niên hiệu là Vĩnh Xương, tháng mười hai nhuận vua băng hà.

* Năm Quý Mùi, đời vua Tấn Minh Đế, tên Thiệu, là con của Tấn Ngươn Đế, lấy niên hiệu là Thái Ninh thứ nhất.

Năm Giáp Thân, năm Thái Ninh thứ hai.

Năm Ất Dậu, năm Thái Hưng thứ ba thì vua băng hà.

* Năm Bính Tuất, đời Tấn Thành Đế, tên Diễn, con của Tấn Minh Đế, lấy niên hiệu là Hàm Hòa thứ nhất.

Năm Đinh Hợi, năm Hàm Hòa thứ hai.

Năm Mậu Tý, năm Hàm Hòa thứ ba.

Năm Kỷ Sửu, năm Hàm Hòa thứ tư, Đơn Dương, Doãn Cao Lý ngày buổi sáng đi đến cầu Trương Hầu, nhìn ra bến sông thấy có ánh sáng ngũ sắc từ mặt nước phóng lên cao hàng mấy thước. Lý đến xem lấy làm lạ, bèn sai người lặn xuống nước thì tìm thấy một tượng bằng vàng, nhưng không có phần chân ngồi kiết già, khắc chế rất đặc biệt khác thường. Lý bèn xuống xe, chở tượng đem về thờ ở Trường can. Các chi tiết chép rõ ràng đầy đủ trong Cao Tăng Lưu Tác Hà truyện. Trương Hệ Thế, người ở Lâm Hải, thường lặn xuống biển bắt cá. Một hôm thấy trên mặt nước có ánh sáng liền lặn đến xem thì thấy phần chân ngồi kiết già có hoa sen bằng đồng, bèn dâng lên vua. Vua bảo ráp phần chân ngày tượng trên thì thấy ăn khớp nhau. Ở phần bắp vế thấy có khắc chữ Phạm. Có vị Tăng người nước ngoài đọc thì đó là dòng chữ ghi: “Con gái thứ tư của vua A-dục tạo tượng”. Đến năm Khai Hoàng thứ chín, bèn đem trưng bày tượng này tại chùa Đại hưng thiện ở kinh đô.

Năm Canh Dần, năm Hàm Hòa thứ năm.

Năm Tân Mão, năm Hàm Hòa thứ sáu.

Năm Nhâm Thìn, năm Hàm Hòa thứ bảy.
Năm Quý Tỵ, năm Hàm Hòa thứ tám.
Năm Giáp Ngọ, năm Hàm Hòa thứ chín.
Năm Ất Mùi đổi niên hiệu là Hàm Khang thứ nhất.
Năm Bính Thân, năm Hàm Khang thứ hai.
Năm Đinh Dậu, năm Hàm Khang thứ ba.
Năm Mậu Tuất, năm Hàm Khang thứ tư.
Năm Kỷ Hợi, năm Hàm Khang thứ năm.
Năm Canh Tý, năm Hàm Khang thứ sáu.
Năm Tân Sửu, năm Hàm Khang thứ bảy.
Năm Nhâm Dần, năm Hàm Khang thứ tám, tháng sáu vua băng hà.

* Năm Quý Mão, đời vua Tấn Khang Đế, tên Nhạc, là em vua Thành Đế, đổi niên hiệu là Kiến Ngươn thứ nhất.

Năm Giáp Thìn, năm Kiến Ngươn thứ hai, vua băng hà ngày tháng chín.

* Năm Ất Tỵ, đời vua Tấn Mục Đế, tên Đam, là con vua Khang Đế, lấy niên hiệu là Vĩnh Hòa thứ nhất.

Năm Bính Ngọ, năm Vĩnh Hòa thứ hai.
Năm Đinh Mùi, năm Vĩnh Hòa thứ ba.
Năm Mậu Thân, năm Vĩnh Hòa thứ tư.
Năm Kỷ Dậu, năm Vĩnh Hòa thứ năm.
Năm Canh Tuất, năm Vĩnh Hòa thứ sáu.
Năm Tân Hợi, năm Vĩnh Hòa thứ bảy.
Năm Nhâm Tý, năm Vĩnh Hòa thứ tám.
Năm Quý Sửu, năm Vĩnh Hòa thứ chín.

(Đến đây lại chia làm hai cột, một bên nói tiếp về Đông Tấn, một bên nói về Phù Tần).

Đông Tấn (tt)	**Phù Tần**
Năm Giáp Dần, năm Vĩnh Hòa thứ mười. Năm Ất Mão, năm Vĩnh Hòa thứ mười một. Năm Bính Thìn, năm Vĩnh Hòa thứ mười hai.	Đời tần Đế Kiện, lấy niên hiệu Hoàng Thủy, đóng đô ở Trường an. Năm Hoàng Thủy thứ hai. Năm Hoàng Thủy thứ ba.

Năm Đinh Tỵ niên hiệu Thăng Bình thứ nhất.	Năm Hoàng Thủy thứ tư.
Năm Mậu Ngọ, năm Thăng Bình thứ hai.	Năm Hoàng Thủy thứ năm.
Năm Kỷ Mùi, năm Thăng Bình thứ ba.	* Đời vua tần Đế Sinh, lấy niên hiệu là Thọ Quang thứ nhất, con của Kiện lên ngôi .
Năm Canh Thân, năm Thăng Bình thứ tư. Năm thọ quan thứ hai Măn tân dậu năn thăng bình thứ năm tháng năn vua băng	* Năm Vĩnh Hưng thứ hai. năm (Từ đây trở đi cột này không ăn khớp can chi với cột Đông tấn nữa)
Năm Nhâm Tuất, đời Tấn Ai Đế, tên Phi, con vua Thành Đế, niên hiệu Long Hòa thứ nhất.	Năm Cam Lộ thứ hai,.
Năm Quý Hợi, niên hiệu` Hưng Ninh 1. Năm Giáp Tý, năm Hưng Ninh thứ hai.	Năm cam lồ thứ ba, năm cam lồ thư tư năm cam lồ thư năm năm cam lồ thư sáu niên hiệu` Kiến Ngươn thứ nhất.
Năm Ất Sửu, năm Hưng Ninh thứ ba, tháng thư hai băng ha Năm Bính Dần, đời vua Tấn Phế Đế Hải Tây Công, tên Dịch, là em vua Tấn Ai Đế, niên hiệu Thái Hòa thứ nhất	- Kiến Ngươn thứ hai, năm kiến ngươn thứ ba năm kiến ngươn thứ tư .năm kiến ngươn thư năm, năm kiến ngươn thứ sáu.năm kiến ngươn thứ bảy.năm kiến ngươn thứ tám
Năm Đinh Mão, năm Thái Hòa thứ hai. Năm Mậu Thìn, năm Thái Hòa thứ ba. Năm Kỷ Tỵ, năm Thái Hòa thứ tư. Năm Canh Ngọ, năm Thái Hòa thứ năm, tháng mười một vua băng hà.	Năm Kiến Ngươn thứ chín theo Đại Sử nhà Tần thì năm này có Đức Tinh hiện ra ở cánh đồng thuộc nước ngoài, là điềm có thánh Nhân đến phụ giúp. Bèn sai Phù Phi đem mười vạn binh đánh Tấn Tương dương và bắt về Di Thiên Thích Đạo An.
Năm Tân Mùi đời vua Tấn Giản Đế, tên Dục, là con thứ sáu của Tấn Ngươn Đế, lấy niên hiệu là Hàm An năm thư nhất.	Kiến Ngươn thứ mười. , năm Kiến Ngươn thứ mười một.

Có người ở quận Hợp Phố, Giao Châu tên Đổng Tông Chi làm nghề mò ngọc châu. Thường lặn xuống đáy biển thấy có ánh sáng rực rỡ, tìm đến thì nhặt được một tượng Phật chiếu sáng, bèn đem đặt trên một đài cao. Vua bảo đem để sau tượng A Dục Vương thì tất cả đều ăn khớp nhau. hơn bốn mươi năm mới có thêm đầy đủ, vua ra lệnh xây tháp Phật ba tầng bằng gỗ phía trên tháp A-dục Vương ở Trường can. Năm Nhâm Thân, tháng hai vua băng Năm Quý Dậu, Tấn Võ Đế tên Diệu, con của Tấn Giản Văn Đế, niên hiệu là Ninh Khang thứ nhất. Năm Giáp Tuất, năm Ninh Khang thứ hai. Năm Ất Hợi, năm Ninh Khang thứ ba. Năm Bính Tý, năm Thái Ngươn thứ nhất Năm Đinh Sửu, năm Thái Ngươn thứ hai. Năm Mậu Dần, năm Thái Ngươn thứ ba. Năm Kỷ Mão, năm Thái Ngươn thứ tư. Năm Canh Thìn, năm Thái Ngươn thứ năm. Năm Tân Tỵ, năm Thái Ngươn thứ sáu. Năm Nhâm Ngọ, năm Thái Ngươn thứ bảy.	, năm Kiến Ngươn thứ mười hai, ngài Trúc Phật Niệm dịch ngày Bồ-tát Anh Lạc kinh mười hai quyển. năm Kiến Ngươn thứ mười thứ kiến ngươn thứ mười bốn. Năm kiến ngươn thứ mười lăm. Năm kiến ngươn thứ mười sáu .năm kiến ngươn thứ mười bảy năm kiến ngươn thứ mười tám Năm Kiến Ngươn mười chín thì ngài Tăng-già-đề-bạt dịch bộ A-tỳ-đàm Bát Kiền Độ, hai mươi quyển.

Năm Quý Mùi, năm Thái Ngươn thứ tám. Năm Giáp Thân, năm Thái Ngươn thứ chín. Năm Ất Dậu, năm Thái Ngươn thứ mười.	

(Từ đây bắt đầu chia bốn cột: Đông tấn (tt), Diêu Tần, Khất Phục Tần, Phù Tần)

Đông Tấn (tt)	Diêu Tần	Khất Phục Tần	Phù Tần
Năm Bính Tuất, năm Thái Ngươn thứ mười một	–Diêu tần Đế, tên Trành, đổi niên hiệu là Kiến Sơ, đổi Trường An ra Thường An và đóng đô ở đấy.	–Tây Tần	Năm Kiến Ngươn thứ mười chín, ngài Tăng-già-đề-bà dịch ngày bộ A-tỳ-đàm Bát Kiền Độ, hai mươi quyển.
Năm Đinh Hợi, năm Thái Ngươn thứ mười hai.	Ngày tám tháng hai, ngài Đàm-ma-nan-đề dịch bộ Vương Tử Pháp Ích Kinh một quyển	Khất Phục Tần, Quốc Nhân, lấy niên hiệu là Kiến Nghĩa thứ nhất, đóng đô ở Uyển Châu.	Năm Kiến Ngươn thứ hai mươi, ngài Tăng-già-bạt-đăng dịch ngày bộ Bà-tu-mật kinh, mười quyển.
Năm Mậu Tý, năm Thái Ngươn thứ mười ba.	Năm Kiến Sơ thứ ba	Năm Kiến Nghĩa thứ hai.	Năm Kiến Ngươn thứ hai mươi mốt, ngày tám tháng hai,

Năm Kỷ Sửu, năm Thái Ngươn thứ mười bốn.	Năm Kiến Sơ thứ tư.	Năm Kiến Nghĩa thứ ba.	Di thiên Thích Đạo An viên tịch.
Năm Canh Dần, năm Thái Ngươn thứ mười lăm	Năm Kiến Sơ thứ năm.	Càn Quy lên ngôi, đổi niên hiệu là Thái Sơ thứ nhất	Năm Đại An thứ nhất, Tần Phù Phi lên ngôi, đổi niên hiệu là Đại An vừa nói.
Năm Tân Mão, năm Thái Ngươn thứ mười sáu.	Năm Kiến Sơ thứ sáu.	Năm Thái Sơ thứ hai.	Năm này Phù Đăng lên ngôi đổi niên hiệu là Thái Sơ thứ nhất.
Năm Nhâm Thìn năm Thái Ngươn thứ mười bảy.	Năm Kiến Sơ thứ bảy	Năm Thái Sơ thứ ba.	Năm Thái Sơ thứ hai.
Năm Quý Tỵ, năm Thái Ngươn thứ mười tám.	Năm Kiến Sơ thứ tám.	Năm Thái Sơ thứ tư.	Năm Thái Sơ thứ ba.
Năm Giáp Ngọ, năm Thái Ngươn thứ mười chín	Năm Hoàng Sơ thứ nhất, con của Trành là Hưng lên ngôi đổi niên hiệu như trên.	Năm Thái Sơ thứ năm.	Năm Thái Sơ thứ tư.
Năm Ất Mùi, năm Thái Ngươn thứ hai mươi.	Năm Hoàng Sơ thứ hai.	Năm Thái Sơ thứ sáu.	Năm Thái Sơ thứ năm.

Đông Tấn(tt)	**Diêu Tần**	**Ngụy**	**Bắc Lương**	**Khất Phục Tần**	**Phù Tần (tt)**
Năm Bính Thân, năm Thái Ngươn thứ hai mươi mốt.	Năm Hoàng Sơ thứ ba.	Ngụy Đạo Võ Đế là Nguyễn Thị lên ngôi, lấy niên hiệu là Hoàng Thủy thứ nhất đóng đô ở Trung Sơn.	Năm Đinh Dậu, họ Thư Cừ tự là Mông Tốn lên ngôi lấy niên hiệu Thần Linh thứ nhất, đóng đô ở Cô Tang	Năm Thái Sơ thứ bảy.	Năm Thái Sơ thứ sáu. Cũng là Năm Kiến Sơ thứ nhất thì Phù Sùng lên ngôi. Nhưng sau đó lại bị Càn Quy diệt.
Năm Đinh Dậu, đời Tấn An Đế tự là Đức, đổi niên hiệu là Long An thứ nhất.	Năm Hoàng Sơ thứ tư.	Năm Hoàng Thủy thứ hai.		Năm Thái Sơ thứ tám, từ năm này thì Phù Tần thuộc Phục Tần (Tây Tần)	Phù Tần trị vì được bốn mươi bốn năm.

Đông Tấn(tt)	**Diêu Tần (tt)**	**Ngụy (tt)**	**Bắc Lương (tt)**	**Tây Tần**
Năm Mậu Tuất, năm Long An thứ hai.	Năm Hoằng Thủy thứ nhất.	Năm Thiên Hưng thứ nhất.	Năm Thần Linh thứ hai.	Năm Thái Sơ thứ chín.
Năm Kỷ Hợi, năm Long An thứ ba.	Năm Hoằng Thủy thứ hai.	Năm Thiên Hưng thứ hai.	Năm Vĩnh Sơ thứ nhất, dời đô về Trương dịch	Năm Thái Sơ thứ mười
Năm Canh Tý, năm Long An thứ tư.	Năm Hoằng Thủy thứ ba. Mùa Xuân trong sân Triều sinh cây liền cành, mùa Đông ngài La-thập đến Thường An hoằng pháp.	Năm Thiên Hưng thứ ba.	Năm Vĩnh Sơ thứ hai.	Năm Thái Sơ thứ mười một.
Năm Tân Sửu, đổi niên hiệu là Ngươn Hưng thứ nhất.	Năm Hoằng Thủy thứ tư, ngày năm tháng ba ngài La-thập dịch ngày Hiền Kiếp kinh mười quyển, Tư Ích kinh bốn quyển.	Năm Thiên Hưng thứ tư.	Năm Vĩnh Sơ thứ ba.	Năm Thái Sơ thứ mười hai.
Năm Nhâm Dần, năm Đại Hạnh thứ nhất, Hoàn Huyền Toản.	Năm Hoằng Thủy thứ năm, ngày 23 tháng 4, ngài La-thập ở vườn Tiêu dao dịch ngày Đại Phẩm Bát-nhã kinh bốn mươi quyển, vua Hưng đích thân đến nhận.	Năm Thiên Hưng thứ năm.	Năm Vĩnh Sơ thứ tư.	Năm Thái Sơ thứ mười ba, Càn Quy bị Diêu Hưng bắt, phong làm Quy Nghĩa Hầu.

Năm Quý Mão, năm Vĩnh Thủy thứ nhất.	Năm Hoằng Thủy thứ sáu, ngày mười bảy tháng mười, ngài Phất-nhã-đa-la ở Trung tự dịch ngày Thập Tụng Luật, năm mươi tám quyển.	Năm Thiên Hưng thứ sáu.	Năm Vĩnh Sơ thứ năm.	Lưu Diêu lên ngôi, dời đô về Kim Thành lấy niên hiệu là Canh Thủy thứ nhất.
Năm Giáp Thìn, năm Thái Hòa thứ nhất.	Năm Hoằng Thủy thứ bảy, tháng một, La-thập dịch ngày Diệu Pháp Liên Hoa kinh bảy quyển, tháng sáu dịch ngày Phật tạng kinh ba quyển.	Năm Thiên Tứ thứ nhất	Năm Vĩnh Sơ thứ sáu.	Năm Canh Thủy thứ hai.
Năm Ất Tỵ, năm Nghĩa Hi thứ nhất.	Năm Hoằng Thủy thứ tám, La-thập dịch ngày Hoa Thủ kinh mười quyển.	Năm Thiên Tứ thứ hai.	Năm Vĩnh Sơ thứ bảy	Năm Canh Thủy thứ ba.
Năm Bính Ngọ, năm Nghĩa Hi thứ hai, nước Sư Tử sai Sa-môn Đàm-ma hiến tượng Bạch Ngọc cao bốn thước hai tấc nay thờ ở Hưng Thiện.	Năm Hoằng Thủy thứ chín, ngài Đàm-ma-gia-xá dịch ngày Xá-lợi-phất A-tỳ-đàm ba mươi quyển.	Năm Thiên Tứ thứ ba.	Năm Vĩnh Sơ thứ tám.	Năm Canh Thủy thứ tư.

Năm Đinh Mùi, năm Nghĩa Hi thứ ba.	Năm Hoằng Thủy thứ mười, La-thập dịch ngày Tiểu Phẩm kinh mười quyển.	Năm Thiên Tứ thứ tư.	Năm Vĩnh Sơ thứ chín.	Năm Canh Thủy thứ năm.
Năm Mậu Thân, năm Nghĩa Hi thứ tư.	Năm Hoằng Thủy thứ mười một, ngày hai mươi tháng tám ngài La-thập viên tịch tại vườn Tiêu dao, theo phép nước ngoài (Ấn) thì thiêu thân, chỉ cái lưỡi còn nguyên không cháy.	Năm Thiên Tứ thứ năm	Năm Vĩnh Sơ thứ mười.	Năm Canh Thủy thứ sáu.
Năm Kỷ Dậu, năm Nghĩa Hi thứ năm.	Năm Hoằng Thủy thứ mười hai.	Năm Minh Nguyên 1 lại đổi là Vĩnh Hưng thứ nhất.	Năm Vĩnh Sơ thứ mười một.	Năm Canh Thủy thứ bảy.
Năm Canh Tuất, năm Nghĩa Hi thứ sáu.	Năm Hoằng Thủy thứ mười ba.	Năm Vĩnh Hưng thứ hai.	Năm Vĩnh Sơ thứ mười hai.	Năm Canh Thủy thứ tám
Năm Tân Hợi, năm Nghĩa Hi thứ bảy.	Năm Hoằng Thủy thứ mười bốn. .	Năm Vĩnh Hưng thứ ba.	Năm Vĩnh Sơ thứ mười ba.	Năm Canh Thủy thứ chín.

Năm Nhâm Tý, năm Nghĩa Hi thứ tám.	Năm Hoằng Thủy thứ mười lăm	Năm Vĩnh Hưng thứ tư.	Năm Huyền Thủy thứ nhất, trở lại trị vì Cô tang, ngài Chi-sấm đến đất Lương	Sất Bàn lên ngôi, đổi niên hiệu là Vĩnh Khang thứ nhất
Năm Quý Sửu, năm Nghĩa Hi thứ chín.	Năm Hoằng Thủy thứ mười sáu.	Năm Vĩnh Hưng thứ năm.	Năm Huyền Thủy thứ hai.	Năm Vĩnh Khang thứ hai.
Năm Giáp Dần, năm Nghĩa Hi thứ mười.	Năm Hoằng Thủy thứ mười bảy.	Năm Thần Thụy thứ nhất.	Năm Huyền Thủy thứ ba, ngài Đàm-vô-sấm dịch ngày bộ Đại Bát-niết-bàn Kinh bốn mươi quyển.	Năm Vĩnh Khang thứ ba.
Năm Ất Mão, năm Nghĩa Hi thứ mười một.	Năm Hoằng Thủy thứ mười tám.	Năm Thần Thụy thứ hai.	Năm Huyền Thủy thứ tư.	Năm Vĩnh Khang thứ tư.
Năm Bính Thìn, năm Nghĩa Hi thứ mười hai.	Đế Hoằng lên ngôi, là con của Hưng đổi niên hiệu là Vĩnh Hòa thứ nhất.	Năm Thái Thượng thứ nhất.	Năm Huyền Thủy thứ năm.	Năm Vĩnh Khang thứ năm.
Năm Đinh Tỵ, năm Nghĩa Hi thứ mười ba.	Năm Vĩnh Hòa thứ hai, bị tướng Tấn là Lưu Dụ diệt, nhà Diêu Tần trị vì được ba mươi hai năm.	Năm Thái Thượng thứ hai.	Năm Huyền Thủy thứ sáu	Năm Vĩnh Khang thứ sáu.

Năm Mậu Ngọ, năm Nghĩa Hi thứ mười bốn, tháng mười hai vua băng hà.	Năm Vĩnh Hòa thứ ba (?)	Năm Thái Thường thứ ba.	Năm Huyền Thủy thứ bảy, ngài Chi-sấm dịch ngày Hải Long Vương kinh bốn quyển.	Năm Vĩnh Khang thứ bảy.

Đông Tấn(tt)	**Ngụy (tt)**	**Bắc Lương (tt)**	**Tây Tần (tt)**
Năm Kỷ Mùi, đời Tấn Cung Đế Đức Văn, là em của Tấn An Đế, năm Hi Ngươn thứ nhất nhường ngôi cho nhà Tống.	Năm Thái Thường thứ tư.	Năm Huyền Thủy thứ tám.	Năm Vĩnh Khang thứ tám.
Nhà Tống Năm Canh Thân, đời Tống Võ Đế, tên Dụ năm Vĩnh Sơ thứ nhất.	Năm Thái Thường thứ năm.	Năm Huyền Thủy thứ chín.	Năm Vĩnh Khang thứ chín.
Năm Tân Dậu, năm Vĩnh Sơ thứ hai, ngài Giác Hiền ở Đạo tràng dịch kinh Hoa Nghiêm năm mươi hoặc sáu mươi quyển, bắt đầu dịch từ năm Nghĩa Hi mười bốn đến nay mới ngày.	Năm Thái Thường thứ sáu.	Năm Huyền Thủy thứ mười, ngài Đàm-vô-sấm dịch kinh đến năm nay đều hết.	Năm Vĩnh Khang thứ mười.
Năm Nhâm Tuất, năm Vĩnh Sơ thứ ba, tháng năm vua băng hà.	Năm Thái Thường thứ bảy	Năm Huyền Thủy thứ mười một.	Năm Vĩnh Khang thứ mười một.

Năm Quý Hợi, Tống Phế Đế Nghĩa Phù là con của Tống Võ Đế đổi niên hiệu là Cảnh Bình tháng năm bị phế, tháng tám Long lên ngôi.	*Ngụy Thái Võ lên ngôi.*	*Năm Huyền Thủy thứ mười hai.*	*Năm Vĩnh Khang thứ mười hai.*
Năm Giáp Tý, đời Tống Văn Đế Nghĩa Long là con thứ hai của Võ Đế đổi niên hiệu Ngươn Gia.	*Đổi niên hiệu là Thủy Quang thứ nhất, ngài Khấu Thiên Sư Khiêm Chi đến nước Ngụy để lập Đạo đàn.*	*Năm Huyền Thủy thứ mười ba.*	*Năm Vĩnh Khang thứ mười ba.*
Năm Ất Sửu, năm Ngươn Gia thứ hai.	*Năm Thủy Quang thứ hai.*	*Năm Huyền Thủy thứ mười bốn.*	*Năm Vĩnh Khang thứ mười bốn.*
Năm Bính Dần, năm Ngươn Gia thứ ba.	*Năm Thủy Quang thứ ba.*	*Năm Thừa Huyền thứ nhất.*	*Năm Vĩnh Khang thứ mười lăm.*
Năm Đinh Mão, năm Ngươn Gia thứ tư.	*Năm Thủy Quang thứ tư.*	*Năm Thừa Huyền thứ hai.*	*Năm Vĩnh Khang thứ mười sáu.*
Năm Mậu Thìn, năm Ngươn Gia thứ năm.	*Năm Thần Gia thứ nhất, ngày mười ba tháng mười một tất cả Hôn tinh đều hiện lúc chạng vạng tối.*	*Năm Nghĩa Hòa thứ nhất.*	*Năm Vĩnh Khang thứ mười bảy.*
Năm Kỷ Tỵ, năm Ngươn Gia thứ sáu	*Năm Thần Gia thứ hai.*	*Năm Nghĩa Hòa thứ hai.*	*Mộc Mạt lên ngôi, đổi niên hiệu là Vĩnh Hòa.*
Năm Canh Ngọ, năm Ngươn Gia thứ bảy.	*Năm Thần Gia thứ ba.*	*Năm Nghĩa Hòa thứ ba*	
Năm Tân Mùi, năm Ngươn Gia thứ tám			

Năm Nhâm Thân, năm Ngươn Gia thứ chín.	*Năm Thần Gia thứ tư, ở Châu Trấn tất cả đều lập Đạo đàn mỗi lần chứa được hai trăm người.*	*Kiền lên ngôi là con của Tốn, lấy niên hiệu là Vĩnh Hòa thứ nhất.*	*Năm Vĩnh Hòa thứ hai, bị Hách Liên Thị nhà Hạ diệt sáp nhập ngày nhà Ngụy. Nhà Tây Tần trị vì được bốn mươi bốn năm. (Tây Tần đến đây là hết)*
Năm Quý Dậu, năm Ngươn Gia thứ mười.	*Năm Duyên Hòa thứ nhất.*	*Năm Vĩnh Hòa thứ hai.*	
Năm Giáp Tuất, năm Ngươn Gia thứ mười một.	*Năm Duyên Hòa thứ hai.*	*Năm Vĩnh Hòa thứ ba.*	
Năm Ất Hợi, năm Ngươn Gia thứ mười hai.	*Năm Duyên Hòa thứ ba.*	*Năm Vĩnh Hòa thứ tư, Đàm-vô-sấm biết trước số mạng mình, viên tịch ngày năm này.*	
Năm Bính Tý, năm Ngươn Gia thứ mười ba.			
Năm Đinh Sửu, năm Ngươn Gia thứ mười bốn.	*Năm Thái Duyên thứ nhất.*	*Năm Vĩnh Hòa thứ năm. Năm Vĩnh Hòa thứ sáu.*	
Năm Mậu Dần, năm Ngươn Gia thứ mười lăm.	*Năm Thái Duyên thứ hai.*	*Năm Vĩnh Hòa thứ bảy.*	
Năm Kỷ Mão, năm Ngươn Gia thứ mười sáu.	*Năm Thái Duyên thứ ba.*	*Năm Vĩnh Hòa thứ tám.*	
	Năm Thái Duyên thứ tư.	*Năm Vĩnh Hòa thứ chín, năm này bị nhà Ngụy diệt, Lương lên ngôi. Nhà Bắc Lương trị vì được bốn mươi ba năm. (Bắc Lương đến đây là hết)*	
	Năm Thái Duyên, vua Thái Võ đích thân đi Tây chinh.		

NHÀ TỐNG (tt)	NHÀ NGỤY (tt)
Năm Canh Thìn, năm Ngươn Gia thứ mười bảy.	*Năm Thái Bình Chân Quân thứ nhất.*
Năm Tân Tỵ, năm Ngươn Gia thứ mười tám.	*Năm Thái Bình Chân Quân thứ hai.*
Năm Nhâm Ngọ, năm Ngươn Gia thứ mười chín.	*Năm Thái Bình Chân Quân thứ ba.*
Năm Quý Mùi, năm Ngươn Gia thứ hai mươi.	*Năm Thái Bình Chân Quân thứ tư.*
Năm Giáp Thân, năm Ngươn Gia thứ hai mươi mốt.	*Năm Thái Bình Chân Quân thứ năm.*
Năm Ất Dậu, năm Ngươn Gia thứ hai mươi hai.	*Năm Thái Bình Chân Quân thứ sáu.*
Năm Bính Tuất, năm Ngươn Gia thứ hai mươi ba.	*Năm thứ bảy, phá chùa tháp diệt Phật pháp.*
Năm Đinh Hợi, năm Ngươn Gia thứ hai mươi tư.	*Năm Thái Bình Chân Quân thứ tám.*
Năm Mậu Tý, năm Ngươn Gia thứ hai mươi lăm.	*Năm Thái Bình Chân Quân thứ chín.*
Năm Kỷ Sửu, năm Ngươn Gia thứ hai mươi sáu.	*Năm Thái Bình Chân Quân thứ mười.*
Năm Canh Dần, năm Ngươn Gia thứ hai mươi bảy.	*Năm Thái Bình Chân Quân thứ mười một, giết Thôi Hạo.* *Năm Chánh Bình thứ nhất.* ** Ngụy Văn Thành lên ngôi đổi niên hiệu là Hưng An thứ nhất.*
Năm Tân Mão, năm Ngươn Gia thứ hai mươi tám.	*Năm Hưng An thứ hai.* *Năm Hưng Quang thứ nhất.*
Năm Nhâm Thìn, năm Ngươn Gia thứ hai mươi chín.	*Năm Thái An thứ nhất.* *Năm Thái An thứ hai.*
Năm Quý Tỵ, năm Ngươn Gia thứ ba mươi, tháng hai vua băng hà. Thái tử Thiệu lên ngôi. Tháng bốn Thiệu bị giết, em thiệu lên ngôi, lấy niên hiệu là Thái Sơ.	*Năm Thái An thứ ba.* *Năm Thái An thứ tư.* *Năm Thái An thứ năm.* *Năm Hòa Bình thứ nhất*

** Năm Giáp Ngọ, đời Tống Hiếu Võ Đế tên Tuấn, lấy niên hiệu là Hiếu Kiến thứ hai.*	*Năm Hòa Bình thứ hai.*
Năm Ất Mùi, năm Hiếu Kiến thứ hai.	*Năm Hòa Bình thứ ba, Chiêu Huyền Sa-môn Xứ Đàng Diệu mừng Tam bảo lại được hưng thịnh, bèn đến ở Thạch Quật tại Bắc Đài, đích thân dịch kinh Tịnh Độ Tam-muội một quyển, Phó Pháp Tạng truyện bốn quyển để truyền bá ở đời tượng pháp.*
Năm Bính Thân, năm Hiếu Kiến thứ ba.	
Năm Đinh Dậu, năm Đại Minh thứ nhất.	
Năm Mậu Tuất, năm Đại Minh thứ hai.	*Năm Hòa Bình thứ tư.*
Năm Kỷ Hợi, năm Đại Minh thứ ba.	
Năm Canh Tý, năm Đại Minh thứ tư, ở Quảng Châu tặng con trâu ba sừng. Hà Nam tặng con ngựa biết múa. Tiêu tặng mũi tên Hộ.	
Năm Tân Sửu, năm Đại Minh thứ năm.	*Năm Hòa Bình thứ năm.*
Năm Nhâm Dần, năm Đại Minh thứ sáu.	
	Năm Hòa Bình thứ sáu.
Năm Quý Mão, năm Đại Minh thứ bảy, con của Ngụy Võ Đế là Nghiệp lên ngôi, đổi niên hiệu Vĩnh Quang thứ nhất, sau đổi Cảnh Hòa thứ nhất.	*Hiến Văn Đế lên ngôi đổi niên hiệu là Thiên An.*
** Năm Giáp Thìn, năm Đại Minh thứ tám, tháng mười hai, Nghiệp bị phế. Em Nghiệp là Hoặc tự Hưu Bỉnh lên ngôi tức Ngụy Minh Đế, đổi niên hiệu Năm Ất Tỵ, năm Thái Thủy thứ nhất.*	
Năm Bính Ngọ, năm Thái Thủy thứ hai.	

Năm Đinh Mùi, năm Thái Thủy thứ ba.	*Năm Hoàng Hưng thứ nhất.*
Năm Mậu Thân, năm Thái Thủy thứ tư.	*Năm Hoàng Hưng thứ hai.*
Năm Kỷ Dậu, năm Thái Thủy thứ năm.	*Năm Hoàng Hưng thứ ba.*
Năm Canh Tuất, năm Thái Thủy thứ sáu.	*Năm Hoàng Hưng thứ tư.*
Năm Tân Hợi, năm Thái Thủy thứ bảy.	*Hiếu Văn Đế lên ngôi đổi niên hiệu là Diên Hưng.*
Năm Nhâm Tý, năm Thái Dự thứ nhất, con của Minh Đế là Dục lên ngôi đổi niên hiệu.	*Năm Diên Hưng thứ hai, ngài Kiết-ca-dạ là Tăng Chính Xứ Đàm Diệu dịch các kinh Tạp Bảo Tạng... bốn bộ gồm hai mươi quyển ghi đầy đủ trong Ngụy Thế Lục.*
Năm Quý Sửu, năm Ngươn Huy thứ nhất.	*Năm Diên Hưng thứ ba.*
Năm Giáp Dần, năm Ngươn Huy thứ hai.	*Năm Diên Hưng thứ tư.*
Năm Ất Mão, năm Ngươn Huy thứ ba. Có kẻ tên Từ Thản ở Đông Hoàn có vợ mang thai, con ở trong bụng biết kêu khóc.	*Năm Diên Hưng thứ năm.*
Năm Bính Thìn, năm Ngươn Huy thứ tư.	*Năm Thừa Minh thứ nhất. Ở Bắc Đài có hơn một trăm chùa, hơn hai ngàn Tăng ni. Khắp bốn phương có sáu ngàn bốn trăm bảy mươi tám chùa, bảy mươi bảy ngàn hai trăm năm mươi Tăng ni thấy ghi trong sử nước Ngụy.*
Năm Đinh Tỵ, Thuận Đế Hoài lên ngôi là em của Dục, đổi niên hiệu là Thăng Minh thứ nhất.	*Năm Thái Hòa thứ nhất.*
Năm Mậu Ngọ, năm Thăng Minh thứ hai, nhường ngôi cho vua Tề.	*Năm Thái Hòa thứ hai.*

Nhà Tề	
** Năm Kỷ Mùi, đời Tề Cao Đế Thành lấy niên hiệu là Kiến Ngươn thứ nhất.*	*Năm Thái Hòa thứ ba.*
Năm Canh Thân, năm Kiến Ngươn thứ hai.	*Năm Thái Hòa thứ tư.*
Năm Tân Dậu, năm Kiến Ngươn thứ ba.	*Năm Thái Hòa thứ năm.* *Năm Thái Hòa thứ sáu.*
Năm Nhâm Tuất năm Kiến Ngươn thứ tư.	*Năm Thái Hòa thứ bảy.*
Năm Quý Hợi, năm Kiến Ngươn thứ năm.	
** Năm Giáp Tý, Tề Võ Đế tên Tránh lên ngôi là con của Cao Đế đổi niên hiệu Vĩnh Minh thứ nhất.*	*Năm Thái Hòa thứ tám.*
Năm Ất Sửu, năm Vĩnh Minh thứ hai.	*Năm Thái Hòa thứ chín.* *Năm Thái Hòa thứ mười.*
Năm Bính Dần, năm Vĩnh Minh thứ ba.	*Năm Thái Hòa thứ mười một.*
Năm Đinh Mão, năm Vĩnh Minh thứ tư, ngày một tháng ba có một hòn đá nặng hơn mấy mươi hộc nổi trên mặt nước từ biển theo sông trôi ngày, lấy lên tạc thành tòa ngồi tượng Phật, cao hơn ba thước.	*Năm Thái Hòa 12. Ký Châu đem tặng con chồn chín đuôi bèn làm lễ Đại xá cho rất đông tội nhân.*
Năm Mậu Thìn, năm Vĩnh Minh thứ năm, tháng một Giao Châu hiến tặng một hạt châu lớn cao đến hai tấc đủ để khắc một tượng Phật ngồi. Tháng năm, ở Chi lan có thầy Sa-môn chứng được ba quả.	*Năm Thái Hòa thứ mười ba.*

Năm Kỷ Tỵ, năm Vĩnh Minh thứ sáu. Tháng sáu Đông Dương hiến tặng sáu con rùa dưới bụng có nét chữ, Chùa Thiền Linh trên cây phướng phóng ra ánh sáng. *Năm Canh Ngọ, năm Vĩnh Minh thứ bảy.* *Năm Tân Mùi, năm Vĩnh Minh thứ tám.* *Năm Nhâm Thân, năm Vĩnh Minh thứ chín.* *Năm Quý Dậu, năm Vĩnh Minh thứ mười.* *Năm Giáp Tuất, năm Long Xương thứ nhất, tháng bảy vua băng hà, Thái tử Xước lên ngôi. Tháng mười em Xước là tân An Vương Chiêu Văn lên ngôi. Tháng mười hai, chú của Chiêu Văn là Loan lên ngôi.* *Năm Ất Hợi, năm Diên Hi thứ nhất.* *Năm Bính Tý, năm Diên Hi thứ hai.* *Năm Đinh Sửu, năm Diên Hi thứ ba.* *Năm Mậu Dần, năm Diên Hi thứ tư.* ** Năm Kỷ Mão, năm Vĩnh Thái thứ nhất, Đông Hôn Hầu Bảo Quyển lên ngôi.*	*Năm Thái Hòa thứ mười bốn.* *Năm Thái Hòa thứ mười lăm.* *Năm Thái Hòa thứ mười sáu.* *Năm Thái Hòa thứ mười bảy, dời Tổ Miếu về Lạc dương.* *Năm Thái Hòa thứ mười tám.* *Năm Thái Hòa thứ mười chín. Đại xá, chế tạo áo mão, định chương phục (lễ phục), lập môn đệ khắp bốn phương, ban luật nói đúng âm ngữ, sửa đổi việc cất nhắc quan chức; họ Nguyên sửa đổi Lễ nhạc.* *Năm Thái Hòa thứ hai mươi.* *Năm Thái Hòa thứ hai mươi mốt.* *Năm Thái Hòa thứ hai mươi hai.* *Năm Thái Hòa thứ hai mươi ba.*

Năm Canh Thìn, năm Vĩnh Ngươn thứ nhất. *Năm Tân Tỵ, năm Trung Hưng thứ nhất, Nam Khang Vương Bảo Dung lên ngôi đổi niên hiệu trên và nhường ngôi cho nhà Lương.*	*Ngụy Tuyên Võ lên ngôi, là con của Hiếu Văn, đổi niên hiệu là Cảnh Minh.* *Năm Cảnh Minh thứ hai, ngài Đàm-ma-lưu-chi ở Bạch mã tại Lạc dương, dịch cho vua Tuyên Đế Kinh Như Lai Nhập Chư Phật Cảnh Giới, hai quyển.*
Nhà Lương *Năm Nhâm Ngọ, đời Lương Võ Đế, tên Diễn, niên hiệu Thiên Giám thứ nhất, đóng đô ở Kiến Khang.* *Năm Quý Mùi, năm Thiên Giám thứ hai, Sa-môn Mạn-đà-la dịch ngày ba bộ kinh Bảo Vân... gồm mười quyển.*	*Năm Cảnh Minh thứ ba.*
Năm Giáp Thân, năm Thiên Giám thứ ba, Sa-môn Tăng Thạnh dịch ngày Giáo Giới Tỳ-kheo Pháp một quyển. Sa-môn Đạo Hoan dịch Chúng Kinh Yếu Lãm Pháp một quyển.	*Năm Cảnh Minh thứ tư.* *Năm Chánh Thủy một, ngài Đàm-ma-lưu-chi dịch ngày Kinh Tín Lực Nhập Ấn Pháp Môn, năm quyển, đến hai năm mới ngày.*
Năm Ất Dậu, năm Thiên Giám thứ tư. *Năm Bính Tuất, năm Thiên Giám thứ năm.*	*Năm Chánh Thủy thứ hai.*
Năm Đinh Hợi, năm Thiên Giám thứ sáu	*Năm Chánh Thủy thứ ba.* *Năm Chánh Thủy thứ tư*
Năm Mậu Tý, năm Thiên Giám thứ bảy, vua ra lệnh cho Sa-môn Tăng Mân... ở Trang Nghiêm soạn chúng kinh yếu và ghi mục lục thành tám mươi tám quyển.	*Năm Vĩnh Bình thứ nhất, tức năm Chánh Thủy thứ năm, thì Thập Địa Luận mười hai quyển, Bảo Tích kinh bốn hoặc ba quyển, Pháp Hoa Kinh Luật một quyển đều do ngài Lặc-na-ma-đề dịch. Còn ngài Bồ-đề-lưu-chi dịch bộ Tam Cụ Túc Luận, một quyển.*
Năm Kỷ Sửu, năm Thiên Giám thứ tám	

Năm Canh Dần, năm Thiên Giám thứ chín. *Năm Tân Mão, năm Thiên Giám thứ mười.* *Năm Nhâm Thìn năm Thiên Giám thứ mười một, ngài Tăng-già-bà-la dịch kinh A-dục Vương mười quyển.* *Năm Quý Tỵ, năm Thiên Giám thứ mười hai.*	*Năm Vĩnh Bình thứ hai, ngài Bồ-đề-lưu-chi dịch Kim Cang Bát-nhã Kinh một quyển, luận ba quyển. nhà của Hồ Tướng Quốc tại Lạc dương.* *Năm Vĩnh Bình thứ ba* *Năm Vĩnh Bình thứ tư.* *Năm Diên Xương thứ nhất.*
Năm Giáp Ngọ, năm Thiên Giám thứ mười ba.	*Năm Diên Xương thứ hai, sử nhà Ngụy chép rằng: Năm này tính chung cả nước Tàu có đến mười ba ngàn bảy trăm hai mươi bảy ngôi chùa miếu chứa Tăng Ni mà chỉ cách năm Thừa Minh hơn ba mươi năm. Ngài Bồ-đề-lưu-chi ở Lạc dương dịch ngày Nhập-lăng-già kinh mười quyển.*
Năm Ất Mùi, năm Thiên Giám thứ mười bốn, vua ra lệnh cho Sa-môn Tăng Thiện ở An lạc soạn Mục Lục các Kinh gồm bốn quyển, và ngài Tăng Già dịch Giải Thoát Đạo kinh gồm mười ba quyển. *Năm Bính Thân, năm Thiên Giám mười lăm, vua ra lệnh cho Sa-môn Bảo Xương soạn Kinh Luật Dị Tướng gồm năm mươi mốt quyển. Ngài Mộc Đạo Hiền dịch Kinh Ưu Lâu Tần Loa một quyển.* *Năm Đinh Dậu, năm Thiên Giám thứ mười sáu, vua ra lệnh cho Sa-môn Bảo Xương soạn các kinh Phật Danh. Tháng sáu dẹp bỏ Đạo Sĩ Quán ở các Châu.*	*Năm xiên thứ tư* *Năm Diên Xương thứ ba, ngài Bồ-đề-lưu-chi ở Lạc dương dịch ngày Thâm Mật Giải Thoát kinh, năm quyển.* *Ngài Bồ-đề-lưu-chi ở Lạc dương dịch Pháp Tập kinh bốn quyển.* *Ngụy Hiếu Minh lên ngôi, là con của Tuyên Võ, đổi niên hiệu là Hi Bình. Xây chùa Vĩnh ninh. Sai Sa-môn huệ Sinh đi sứ nước Tây Vức thỉnh kinh, bảy năm sau mới trở về, được một trăm bảy mươi bộ kinh luận, lưu hành trên đời.* *Năm Hi Bình hai Thái Hậu là Hồ Thị lên cầm quyền.*

Năm Mậu Tuất, năm Thiên Giám thứ mười bảy, vua ra lệnh Sa-môn Bảo Xương soạn chúng Kinh chúng có bốn quyển, ngài Tăng Già dịch Văn-thù Vấn Kinh mục lục, một quyển.	*Năm Thần Quy thứ nhất, ngài Bồ-đề-lưu-chi ở Lạc dương dịch bộ Thắng Tư Duy kinh, sáu quyển.*
Năm Kỷ Hợi, năm Thiên Giám thứ mười tám, vua ra lệnh Sa-môn Bảo Xương soạn ra Danh Tăng truyện gồm ba mươi mốt quyển.	*Năm Thần Quy thứ hai.*
Năm Canh Tý, năm Tấn Thông thứ nhất. Ngài Tăng-già-bà-la dịch ngày bộ Thập Pháp Kinh, một quyển.	*Năm Chánh Quang thứ nhất, các bộ Đại Tát-già Ni-kiền Tử kinh, mười quyển, Bất Tăng Bất Giảm kinh, hai quyển, Sai ma Kinh hai quyển... đều do Ngài Bồ-đề-lưu-chi dịch theo yêu cầu của Ty Châu Mục Nhữ Nam Vương.*
Năm Tân Sửu, năm Tấn Thông thứ hai, ngày hai mươi ba tháng bốn xây chùa Đồng Thái, là chùa Phật đầu tiên. Vua đích thân đến lễ viếng và cả trăm ty sở đều trợ giúp.	*Năm Chánh Quang thứ hai.*
Năm Nhâm Dần, năm Tấn Thông thứ ba.	*Năm Chánh Quang thứ ba, Sa-môn Huệ Sinh suốt bảy năm ở ngoại quốc trở về thỉnh được một trăm bảy mươi bộ kinh luận chữ Phạm liền đem phiên dịch và lưu hành trên đời (theo sử Ngụy).*
Năm Quý Mão, năm Tấn Thông thứ tư.	*Năm Chánh Quang thứ tư.*
Năm Giáp Thìn, năm Tấn Thông thứ năm.	*Năm Chánh Quang thứ năm.*
Năm Ất Tỵ, năm Tấn Thông thứ sáu.	*Năm Hiếu Xương thứ nhất, tức năm Chánh Quang thứ sáu, thì Vô Uy đức Nữ kinh một quyển kim cang tam muội đà la ni kinh một quyển, Như Lai Sư Tử Hống kinh một quyển đều do ngài Phật-đà-phiến-ma dịch.*
	Năm Hiếu Xương thứ hai.
	Năm Hiếu Xương thứ ba.

Năm Bính Ngọ, năm Tấn Thông thứ bảy. *Năm Đinh Mùi, năm Đại Thông thứ nhất, xây chùa Đồng thái, Võ Đế rất vui thích, đổi niên hiệu và đại xá.*	
Năm Mậu Thân, năm Đại Thông thứ hai	*Năm Hiếu Xương thứ tư, tháng một đổi niên hiệu là Thái Nguyên thứ nhất, tháng ba Hiếu Minh băng hà. Hồ Thái Hậu lập con của Lâm Thao Vương mới ba tuổi lên ngôi. Tháng bốn đổi niên hiệu là Kiến Nghĩa. Nhĩ Châu Vinh giết ấu chúa, giết Thái Hậu bắt dìm xuống sông, lập Trường Lạc Vương làm vua. Tháng chín đổi niên hiệu là Vĩnh An và giết Cát Vinh. Nhĩ Châu tự* *xưng là Thiên Trụ Vương, cầm quyền chính trong nước, thống lãnh cả trăm quan.*
Năm Kỷ Dậu, năm Trung Đại Thông thứ nhất, ngày rằm tháng chín, vua đi thăm chơi chùa Đồng thái, bèn xin từ ngôi vua để làm kẻ tôi đòi. Đất đai rúng động bá quan đều thỉnh cầu ngài ở lại ngôi vua. Mãi đến rằm tháng mười vua mới xa giá về cung.	*Năm Vĩnh An thứ thứ hai. Tháng năm đổi niên hiệu là Hiếu Cơ. Bắc Hải Vương là Hạo lên ngôi. Trường Lạc Vương bỏ cung điện phía Bắc chạy về giữ Kiến Hưng. Tháng sáu đổi niên hiệu là Kiến Võ, Bắc Hải Vương lên điện ban lệnh Đại xá Nhĩ Châu lại nghe lời Trường Lạc đánh ngày phía Nam, Hạo phải bỏ chạy bị dân chém đầu dâng lên. Sau đổi niên hiệu lại là Vĩnh An.*

Năm Canh Tuất, năm Trung Đại Thông thứ hai.	*Năm Vĩnh An thứ baba, tháng chín Trường Lạc giết chết Nhĩ Châu Vinh, tháng mười Nhĩ Châu Thế Long lại lập Trường Quảng làm vua ở Cao Đô, đổi niên hiệu là Kiến Minh, tháng mười hai bắt Trường Lạc đưa sang Tỉnh Châu và giết đi, có tên thụy là Trang Đế. Về sau Thế Long lại phế Quảng Trường và lập Quảng Lăng lên làm vua.*
Năm Tân Hợi, năm Trung Đại Thông thứ ba.	*Năm Tân Hợi, tức năm Vĩnh An thứ tư, Quảng Lăng Vương lên ngôi, đổi niên hiệu là Phổ Thái. Năm này, Nhiếp Đại Thừa Luận Bản tám quyển do ngài Phật-đà-phiến-đa dịch. Còn bộ Thắng Tư Duy Kinh Luận, Vô Lượng Thọ Ưu Bà Đề Xá... thì do ngài Bồ-đề-lưu-chi dịch.*
Năm Nhâm Tý, năm Trung Đại Thông thứ tư.	*(Bình dương vương lên ngôi, niên hiệu vĩnh hy thứ nhất,tức võ đế năm vĩnh hy thứ hai)*
Năm Quý Sửu, năm Trung Đại Thông thứ năm.	

NHÀ LƯƠNG (tt)	NHÀ TÂY NGỤY	NHÀ ĐÔNG NGỤY
Năm Giáp Dần, năm Trung Đại Thông thứ sáu.	*Năm Vĩnh Hi thứ ba, Võ Đế ngày quan ải, dời đô về phía Tây Trường An. Đó là Chu Thái Tổ Vũ Văn Hắc Thái, tức Tây Ngụy.*	*Năm Thiên Bình thứ nhất, Tề Thái Tổ Cao Hoan riêng lập con của Thanh Hà Vương là Thiên Kiến lên làm vua. Dời đô về Vu Quận. Đó là nhà Đông Ngụy.*
Năm Ất Mão, năm Đại Đồng thứ nhất.	*Năm Đại Thống thứ nhất, Bảo Cự lên ngôi, đổi niên hiệu, tức Văn Đế, còn Vũ Văn Hắc Thái thì làm thừa tướng, làm phụ chánh.*	*Năm Thiên Bình thứ hai, ngài Bồ-đề-lưu-chi dịch ngày Văn-thù Vấn Bồ-đề Kinh, hai quyển.*
Năm Bính Thìn, năm Đại Đồng thứ hai.	*Năm Đại Thống thứ hai, tháng bốn Cam Lộ đầu hàng. Mùa Thu lúa không chín, dân chết đói hơn phân nữa.*	*Năm Thiên Bình thứ ba.*
Năm Đinh Ty, năm Đại Đồng thứ ba.	*Năm Đại Thống thứ ba.*	*Năm Thiên Bình thứ tư.*
Năm Mậu Ngọ, năm Đại Đồng thứ tư.	*Năm Đại Thống thứ tư, nạp Nhự Hoàng Hậu.*	*Năm Nguyên Tượng thứ nhất, Ca-diếp Các Kinh... ba bộ gồm bảy quyển do ngài Nguyệt-bà-thủ-na dịch, ngài Bát-nhã-lưu-chi cũng dịch.*

Năm Kỷ Mùi, năm Đại Đồng thứ năm.	*Năm Đại Thống thứ năm.*	*Năm Hưng Hòa thứ nhất, Chánh Pháp Niệm Kinh bảy mươi quyển do ngài Bát-nhã-lưu-chi dịch*
Năm Canh Thân, năm Đại Đồng thứ sáu.	*Năm Đại Thống thứ sáu.*	*Năm Hưng Hòa thứ hai, tính chung cả nước Tàu thì số Tăng Ni đông khoảng hai trăm vạn, có hơn ba vạn chùa. Năm này chỉ cách năm Diên Xương chưa đầy ba mươi năm và cách năm Thừa Minh hơn sáu mươi năm.*
Năm Tân Dậu, năm Đại Đồng thứ bảy.	*Năm Đại Thống thứ bảy.*	*Năm Hưng Hòa thứ ba, Giải Thoát Giới Bổn một quyển, Báng Phật Kinh một quyển, Nghiệp Thành Tựu Luận một quyển... đều do ngài Bát-nhã Lưu Chi dịch.*
Năm Nhâm Tuất, năm Đại Đồng thứ tám.	*Năm Đại Thống thứ tám.*	
Năm Quý Hợi, năm Đại Đồng thứ chín.	*Năm Đại Thống thứ chín.*	
Năm Giáp Tý, năm Đại Đồng thứ mười.	*Năm Đại Thống thứ mười, tháng một vua ra chiếu giảm bớt hình phạt, mở rộng việc học và nghề nghiệp, dạy đôn hậu lễ giáo, dẹp chữ thảo, bỏ văn lấy chất.*	*Năm Hưng Hòa thứ nhất, Chánh Pháp Niệm Kinh bảy mươi quyển do ngài Bát-nhã-lưu-chi dịch Năm Hưng Hòa thứ hai, tính chung cả nước Tàu thì số Tăng Ni đông khoảng hai trăm vạn, có hơn ba vạn chùa.*
Năm Ất Sửu, năm Đại Đồng thứ mười một.		
Năm Bính Dần, năm Trung Đại Đồng thứ nhất.		
Năm Đinh Mão, năm Thái Thanh thứ nhất.		
Năm Mậu Thìn, năm Thái Thanh thứ hai, Hầu Cảnh trở mặt với Ngụy theo Lương, được phong làm Hà Nam Vương	*Năm Đại Thống thứ mười một.* *Năm Đại Thống thứ mười hai.*	*Năm này chỉ cách năm Diên Xương chưa đầy ba mươi năm và cách năm Thừa Minh hơn sáu mươi năm.*

	Năm Đại Thống thứ mười ba.	*Năm Hưng Hòa thứ ba, Giải Thoát Giới Bổn một quyển, Báng Phật Kinh một quyển, Nghiệp Thành Tựu Luận một quyển... đều do ngài Bát-nhã Lưu Chi dịch.*
		Năm Hưng Hòa thứ tư.
		Năm Võ Định thứ nhất.
		Năm Võ Định thứ hai.
	Năm Đại Thống thứ mười bốn.	*Năm Võ Định thứ ba.*
		Năm Võ Định thứ tư.
		Năm Võ Định thứ năm.
		Năm Võ Định thứ sáu.
Năm Kỷ Tỵ, năm Thái Thanh thứ ba, Hầu Cảnh làm nghịch, tháng năm vua băng hà. Giản Văn lên ngôi, Cảnh làm Thừa tướng gồm thâu muôn mối.	*Năm Đại Thống thứ mười lăm, vua ra chiếu dựa theo lễ xưa Nam Nữ phải đi khác đường.*	*Năm Võ Định thứ bảy, Đông Ngụy nhường ngôi cho Cao Tề.*

Năm Canh Ngọ, năm Đại Bảo thứ nhất, Tương Đông Vương châu Giang Lăng được Giản Văn ngầm mời làm Tướng Quốc giúp nước.	*Năm Đại Thống thứ mười sáu.*	*Nhà Tề Năm Thiên Bảo thứ nhất, con thứ hai của Cao Hoan là Dương lên ngôi, tức Tề Văn Tuyên Đế.*
Năm Tân Mùi, năm Chánh Nguyên thứ nhất. Cảnh phế bỏ vua lập Giản làm vua, đổi niên hiệu là Thái Thủy. Cảnh giết Giản rồi lên ngôi, đổi niên hiệu là Thừa Thánh.	*Năm Đại Thống thứ mười bảy.*	*Năm Thiên Bảo thứ hai.*
Năm Nhâm Thân, Tương Đông châu Giang Lăng cũng xưng Đế, đặt niên hiệu là Thiên Chánh. Võ Lăng	*Năm Tiền Ngươn thứ nhất, Phế Đế lên ngôi.*	*Năm Thiên Bảo thứ ba.*
châu Thục cũng lên ngôi, đổi niên hiệu. Năm Quý Dậu, năm Thiên Chánh thứ hai.	*Năm Tiền Ngươn thứ hai, tháng bốn vua sai Đại tướng quân Ngụy An Công Úy Trì đánh Thục, tháng tám bắt cầm tù Tần Vương Túc Vi đưa về Trường An.*	*Năm Thiên Bảo thứ tư.*
Năm Giáp Tuất, năm Thiên Chánh thứ ba, tháng mười một Bình Giang Lăng ngày đất Nhạc Dương, đó là nhà Hậu Lương nước Phù Dung	*Năm Hậu Ngươn thứ nhất, Tề Vương Khuyếch lên ngôi. Tháng mười vua sai Trụ Quốc Yên Quốc Công đánh Giang Lăng giết chết Tương Đông Vương.*	*Năm Thiên Bảo thứ năm*

Năm Ất Hợi, năm Thiên Chánh thứ tư, tháng ba đưa bản đồ, sách vở của nước Lương đến Trường An và bị Tây Ngụy diệt.	*Năm Hậu Ngươn thứ hai.*	*Năm Thiên Bảo thứ sáu.*
Năm Bính Tý, năm Thiên Chánh thứ năm.	**Nhà Trần** *Năm Vĩnh Định thứ nhất, Bá Tiên lên ngôi nối tiếp nhà Lương Mạt, vẫn đóng đô ở Kiến Khang*	*Năm Thiên Bảo thứ bảy, Đông Ngụy nhường ngôi cho Cao Tề.*
Nhà Chu *Năm Đinh Sửu, đời Chu Mẫn Đế, tên Giác, con của Vũ Văn Hắc Thái, lấy niên hiệu là Xưng Chu.*	*Năm Vĩnh Định thứ hai, ngài Chân Đế dịch Vô Thượng Ý Kinh, hai quyển.*	**Nhà Tề** *Năm Thiên Bảo thứ tám, Nguyệt Đăng Tam-muội Kinh mười một quyển do Na-liên-da-xá dịch ngày.*
Năm Mậu Dần, năm Xưng Chu thứ hai, bỏ Giác, lập anh dòng thứ của Giác là Dục, tức Minh Đế, lấy niên hiệu là Võ Thành thứ nhất.	*Năm Vĩnh Định thứ ba, lập thế A-tỳ-đàm mười quyển, ngài Chân Đế dịch.*	*Năm Thiên Bảo thứ chín, Đại Bi Kinh năm quyển, ngài Da Xá dịch ngày.*
Năm Kỷ Mão, năm Võ Thành thứ hai.	*Năm Vĩnh Định thứ tư.*	
Năm Canh Thìn, năm Võ Thành thứ ba, Võ Đế Ung lên ngôi, là em Minh Đế.		

** Năm Tân Tỵ, đời Võ Đế Ung, niên hiệu Bảo Định thứ nhất.*	** Năm Thiên Gia thứ nhất, Thiến lên ngôi.*	** Năm Thiên Bảo thứ mười, tháng một niên hiệu Càn Minh thứ nhất, con của Dương là Ân lên ngôi. Tháng tám, năm Hoàng Kiến thứ nhất, em của Dương là Diễn lên ngôi.*
Năm Nhâm Ngọ, năm Bảo Định thứ hai.	*Năm Thiên Gia thứ hai.*	
Năm Quý Mùi, năm Bảo Định thứ ba.		
Năm Giáp Thân, năm Bảo Định thứ tư, ngài Xà-na-da-xá dịch ngày Phật Đảnh Chú Tinh Công Năng một quyển.	*Năm Thiên Gia thứ ba.*	** Năm Đại Ninh thứ nhất, Diễn tạ thế, em là Trạm lên ngôi.*
Năm Ất Dậu, năm Bảo Định thứ năm.	*Năm Thiên Gia 4, Nhiếp Đại Thừa Luận mười lăm hay mười hai quyển do ngài Chân Đế dịch*	*Năm Hà Thanh thứ nhất.*
	Năm Thiên Gia thứ năm.	*Năm Hà Thanh thứ hai.*
		Năm Hà Thanh 3, Pháp Thắng A-tỳ-đàm bảy quyển do Na-liên-đề-da-xá dịch.
	Năm Thiên Gia thứ sáu, Thắng Thiên Vương Bát-nhã kinh bảy quyển do ngàiNguyệt-bà-thủ-na dịch.	*Năm Thiên Thống thứ nhất, con của Trạm là Vĩ lên ngôi.*
Năm Bính Tuất, năm Thiên Hòa thứ nhất.	*Năm Thiên Khang thứ nhất, Húc lên ngôi.*	*Năm Thiên Thống thứ hai*
Năm Đinh Hợi, năm Thiên Hòa thứ hai.	*Năm Quang Đại thứ nhất*	

Năm Mậu Tý, năm Thiên Hòa thứ ba.	*Năm Quang Đại thứ hai.*	*Năm Thiên Thống thứ ba, Nguyệt Tạng Kinh mười hai quyển, Na-liên-đề-da-xá dịch ngày.*
Năm Kỷ Sửu, năm Thiên Hòa thứ tư, Bà-la-môn Thiên Văn hai mươi quyển do ngài Đạt-ma-lưu-chi dịch ngày.	*Năm Thái Kiến thứ nhất.*	*Năm Thiên Thống thứ tư, Bồ-tát Kiến Bảo Tam-muội Kinh mười một quyển, Na-liên-đề-da-xá dịch.*
Năm Canh Dần, năm Thiên Hòa thứ năm, Đại Thừa Đồng Tánh Kinh bốn quyển do ngài Xà-na-da-xá dịch.	*Năm Thái Kiến thứ hai.*	*Năm Thiên Thống thứ năm.*
_Năm Tân Mão, năm Thiên Hòa thứ sáu, Định Ý Thiên Tử Sở Vấn Kinh năm quyển do ngài Xà-na-da-xá dịch.	*Năm Tân Mão, năm Thái Kiến thứ ba.*	*Năm Võ Bình thứ nhất. Đại vân luân thỉnh vũ kinh quyển do na đề da_xá dịch sa môn viên*
Năm Nhâm Thìn, năm Kiến Đức thứ nhất, Như Lai Trí Bất Tư Nghì Trí kinh ba quyển, Bảo Tích kinh ba quyển do ngài Xà-na-quật-đa dịch.	*Năm Nhâm Thìn, năm Thái Kiến thứ tư.*	*Năm Võ Bình thứ hai.* *Năm Võ Bình thứ ba.* *Năm Võ Bình thứ tư.* *Năm Võ Bình thứ năm.*
Năm Quý Tỵ, năm Kiến Đức thứ hai.	*năm Thái Kiến thứ năm.*	
Năm Giáp Ngọ, năm Kiến Đức thứ ba, bỏ hai Giáo, phá chùa tháp.	*, năm Thái Kiến thứ sáu.*	*Năm Võ Bình thứ sáu, nhóm Sa-môn Trí Châu... gồm mười một vị sang Tây Vức tìm thỉnh kinh Luận Phật.*
Năm Ất Mùi, năm Kiến Đức thứ tư.	*năm Thái Kiến thứ bảy.*	

–Năm Bính Thân, năm Kiến Đức thứ năm. Năm Đinh Dậu, năm Kiến Đức thứ sáu. Năm Mậu Tuất, đời Tuyên Đế, tên Phú, là con của Võ Đế, niên hiệu Tuyên Chánh. Năm Kỷ Hợi, tháng một đổi niên hiệu là Đại Thành, tháng hai lại đổi là Đại Tượng. Năm Canh Tý, năm Đại Tượng thứ hai. Tịnh Đế là Xiễn lên ngôi, là con của Tuyên Đế. Sau đó nhường ngôi cho nhà Đại Tùy. Liền chấn hưng Phật Giáo.tam bảo	*–, năm Thái Kiến thứ tám. , năm Thái Kiến thứ chín. , năm Thái Kiến thứ mười. Năm Kỷ Hợi, năm Thái Kiến thứ mười một. , năm Thái Kiến thứ mười hai.*	*–Năm Long Hóa thứ nhất. Năm Thừa Quang thứ nhất, con của Vĩ là Hoàn lên ngôi và bị nhà Chu diệt, được phong làm Ôn Quốc Công.*

Nhà Đại Tùy:

Năm Tân Sửu, năm Khai Hoàng thứ nhất. Mùa Xuân dâng ấn nhường ngôi cho nhà Tùy. Mùa Đông, nhóm Sa-môn Trí Châu (mười một người)... chở về được hai trăm sáu mươi bộ Kinh Luận Bà-la-môn. Vua ra sắc chỉ các Ty Sở tìm người phiên dịch.

Năm Nhâm Dần, năm Khai Hoàng thứ hai, thì có Nghiệp Báo Sai năm thái kiến thứ mười bốn Biệt Kinh một quyển, do Quận Thú ở Dương Châu là Đàm Pháp Trí dịch. Tượng Đầu Tinh Xá kinh một quyển, Đại Thừa Phương Quảng Tổng Trì kinh một quyển đều do Tỳ-ni-đa-lưu-chi dịch.

Năm Quý Mão, năm Khai Hoàng thứ ba, Lao Cố Nữ Kinh một quyển, Bách Phật Danh Kinh một quyển, Đại Trang Nghiêm Pháp Môn Kinh hai quyển, Đức Hộ Trưởng Giả Kinh hai quyển, bốn bộ ấy gồm sáu quyển đều do Na-liên-đề-da-xá dịch.

Năm Giáp Thìn, năm Khai Hoàng thứ tư, thì Liên Hoa Diệu Kinh

hai quyển, Đại Vân Luân Thỉnh Vũ Kinh hai quyển, Lực Trang Nghiêm Tam-muội Kinh ba quyển, cả ba bộ bảy quyển đều do Na-liên-đề-da-xá dịch.

Năm Ất Tỵ, năm Khai Hoàng thứ năm, Đại Phương Đẳng Nhất Tạng Kinh mười lăm quyển thì khởi dịch từ tháng năm năm thứ tư đến tháng hai năm thứ năm mới ngày do Na-liên-đề-da-xá dịch.

Năm Bính Ngọ, năm Khai Hoàng thứ sáu, Đại Tập Kinh sáu mươi quyển, Sa-môn Tăng Tựu Họp Đại Oai Đăng Kinh, Bát Phật Danh Hiệu Kinh, Hy Hữu Giảo Lượng Kinh, Thiện Cung Kỉnh Sư Kinh, Văn-thù-sư-lợi Hạnh Kinh gồm năm quyển đều do ngài Xà-na-quật-đa dịch.

Năm Đinh Mùi, năm Khai Hoàng thứ bảy, Hư Không Dựng Bồ-tát Kinh hai quyển, Như Lai Phương Tiện Thiện Xảo Chú Kinh một quyển, Bất Không Quyên Sách Quán Thế Âm Tâm Chú Kinh một quyển, Kim Cang Dịch Đà-la-ni một quyển, cả bốn bộ gồm năm quyển đều do ngài Xà-na-quật-đa dịch.

Năm Mậu Thân, năm Khai Hoàng thứ tám, Phật Bổn Hạnh Tập Kinh gồm sáu mươi quyển, khởi dịch từ tháng bảy năm Khai Hoàng thứ bảy, đến đầu năm nay mới được mười quyển. Thiện Cung Kỉnh Thiện Xảo Chú... các kinh đều do Quật-đa dịch.

Năm Kỷ Dậu, năm Khai Hoàng thứ chín, Phật Bổn Hạnh Tập Kinh đã dịch thêm mười lăm quyển.

Năm Canh Tuất, năm Khai Hoàng thứ mười, Phật Bổn Hạnh Tập Kinh đã dịch thêm hai mươi quyển.

Năm Tân Hợi, năm Khai Hoàng thứ mười một, Phật Bổn Hạnh Tập Kinh đã dịch thêm mười lăm quyển.

Tính đầu đuôi suốt năm năm mới dịch ngày sáu mươi quyển, đều do ngài Xà-na-quật-đa dịch. Và lại dịch Nguyệt Thượng Nữ Kinh, Thiện Tư Đồng Tử hai Kinh.

Năm Nhâm Tý, năm Khai Hoàng thứ mười hai, Pháp Cự Đà-la-ni Kinh hai mươi quyển do ngài Xà-na-quật-đa dịch.

Năm Quý Sửu, năm Khai Hoàng thứ mười ba, Ngũ Thiên Ngũ Bách Phật Danh Kinh tám quyển, Tứ Đồng Tử Tam-muội Kinh ba quyển đều do ngài Xà-na-quật-đa dịch.

Năm Giáp Dần, năm Khai Hoàng thứ mười bốn, Chư Phật Hộ Niệm Kinh mười quyển, Hiền Hộ Bồ-tát Kinh sáu quyển, đều do ngài Xà-na-quật-đa dịch. Vua ra lệnh nhóm Sa-môn Pháp Kinh gồm hai mươi Đại Đức soạn ra Chúng Kinh Mục Lục gồm bảy quyển. Lại ra lệnh Quan Hữu Ty cho tuyển soạn Chúng Kinh Pháp Thức gồm mười

quyển để chế ước Tăng Ni.

Năm Ất Mão, năm Khai Hoàng thứ mười lăm, Đại Oai Đức Đà-la-ni Kinh hai mươi quyển, Quan Sát Chư Pháp Hạnh Kinh bốn quyển, Chư Pháp Bổn Vô Kinh ba quyển, Thí Dụ Vương Kinh hai quyển, Phát Giác Tịnh Tâm Kinh hai quyển, đều do ngài Xà-na-quật-đa dịch.

Năm Bính Thìn, năm Khai Hoàng thứ mười sáu, Kim Quang Minh Kinh Chúc Lụy một phẩm, do ngài Xà-na-quật-đa dịch.

Năm Đinh Tỵ, năm Khai Hoàng thứ mười bảy, Kim Quang Minh Kinh trước sau ba bản dịch, nay gộp làm một bộ tám quyển do ngài Sa-môn Bảo Quý họp lại. Ngày hai mươi bốn tháng giêng năm này, đức vua Khai Hoàng đã đến cơ sở dịch kinh mới để nghe tấu trình.

Năm Mậu Ngọ, năm Khai Hoàng thứ mười tám, Siêu Thế Kinh mười quyển, Quật-đa dịch.

Năm Kỷ Mùi, năm Khai Hoàng thứ mười chín, Tam Tụ Kinh hai quyển, Quật Đa dịch.

Năm Canh Thân, năm Khai Hoàng thứ hai mươi, khuya ngày ba tháng mười có động đất lớn.

Năm Tân Dậu, năm Nhân Thọ thứ nhất, đổi niên hiệu này ngày một tháng giêng.

Năm Nhâm Tuất, năm Nhân Thọ thứ hai.

Năm Quý Hợi, năm Nhân Thọ thứ ba.

Năm Giáp Tý, năm Nhân Thọ thứ tư.

Năm Ất Sửu, năm Đại Nghiệp thứ nhất, Dạng Đế tên là Quảng lên ngôi, là con thứ hai của Cao Tổ Văn Đế làm vua được mười ba năm.

Năm Bính Dần, năm Đại Nghiệp thứ hai.

Năm Đinh Mão, năm Đại Nghiệp thứ ba.

Năm Mậu Thìn, năm Đại Nghiệp thứ tư.

Năm Kỷ Tỵ, năm Đại Nghiệp thứ năm.

Năm Canh Ngọ, năm Đại Nghiệp thứ sáu.

Năm Tân Mùi, năm Đại Nghiệp thứ bảy.

Năm Nhâm Thân, năm Đại Nghiệp thứ tám.

Năm Quý Dậu, năm Đại Nghiệp thứ chín. Trong một ngày suốt theo dòng sông Biện vua sai cả trăm vạn người mỗi người phải nộp một đấu gạo và ngàn đồng tiền.

Năm Giáp Tuất, năm Đại Nghiệp thứ mười.

Năm Ất Hợi, năm Đại Nghiệp thứ mười một.

Năm Bính Tý, năm Đại Nghiệp thứ mười hai.

Năm Đinh Sửu, năm Đại Nghiệp thứ mười ba.

Nhà Đại Đường:

Năm Mậu Dần.

Năm Kỷ Mão, năm đầu niên hiệu Võ Đức [1]

Năm Canh Thìn.

Năm Tân Tỵ.

Năm Nhâm Ngọ.

Năm Quý Mùi.

Năm Giáp Thân.

Năm Ất Dậu.

Năm Bính Tuất.

Năm Đinh Hợi.

Năm Mậu Tý.

Năm Kỷ Sửu.

Năm Canh Dần.

Năm Tân Mão.

Năm Nhâm Thìn.

Năm Quý Tỵ.

Năm Giáp Ngọ.

Năm Ất Mùi.

Năm Bính Thân.

Năm Đinh Dậu.

Năm Mậu Tuất.

Năm Kỷ Hợi.

Năm Canh Tý.

Năm Tân Sửu.

Năm Nhâm Dần.

Năm Quý Mão.

Năm Giáp Thìn.

Năm Ất Tỵ.

Năm Bính Ngọ.

Năm Đinh Mùi.

Năm Mậu Thân.

Năm Kỷ Dậu.

Năm Canh Tuất.

Năm Tân Hợi.

Năm Nhâm Tý.

1 Phần nhà Đại Đường chỉ ghi năm mà không ghi việc. Còn năm đầu niên hiệu Võ Đế ở đây ghi thuộc năm Kỷ Mão, nhưng trong bảng các niên đại của Hán Việt Tự Điển Hiện Đại 94 lại ghi thuộc năm Mậu Dần

Năm Quý Sửu.
Năm Giáp Dần.
Năm Ất Mão.
Năm Bính Thìn.
Năm Đinh Tỵ.
Năm Mậu Ngọ.
Năm Kỷ Mùi.
Năm Canh Thân.
Năm Tân Dậu.
Năm Nhâm Tuất.
Năm Quý Hợi.

■

LỊCH ĐẠI TAM BẢO KÝ

QUYỂN 4

CÁC KINH DỊCH Ở ĐỜI HẬU HÁN

Sách Hậu Hán Lục có ghi rằng: Trang là con thứ tư của Quang Võ Hoàng Đế lên kế vị, tên Thụy là Hiếu Minh Đế. Đến năm Vĩnh Bình thứ bảy, một đêm vua nằm mộng thấy có người thân toàn bằng vàng cao một trượng sáu, cổ đeo Nhật Luân (vòng lửa sáng như mặt trời), bay trên không mà đến làm sáng rực cả sân triều. Sáng hôm sau, vua tập hợp quần thần để đoán mộng. Kẻ thông thái là Phó Nghị tâu cùng vua rằng: Thần nghe ở phương Tây có vị thần gọi là Phật, người mà bệ hạ thấy trong mộng chắc là vị đó: "Vua cho là phải mừng vui với điềm linh cảm, bèn ban chiếu sai người đi sứ. Nhóm Vũ Lâm Trung Lang Tần Cảnh Bác Sĩ cùng đệ tử vương tuân gồm mười bốn người sang Thiên Trúc, ở nước Nguyệt Chi gặp ngài Nhiếp-ma-đằng viết được bộ kinh Tứ Thập Nhị Chương cùng thu thập được nhiều tranh và tượng Phật, dùng ngựa trắng chở thẳng về Lạc dương. Nhân đó mà xây dựng ngôi Già-lam gọi là chùa Bạch mã. Các Châu cũng thi nhau xây cất để đền ân bạch mã. Ở thành cũ Trường an thì vùng đất cách hơn hai trăm bước phía trái của Thanh môn đạo và bên phải là chùa Trung hưng, thì đó là nền cũ của chùa Bạch mã. Nơi đó đã phiên dịch kinh Tứ Thập Nhị Chương và để bộ kinh này trong gác Lan đài thạch thất. Từ đó Phật giáo nối tiếp nhau hưng thịnh như mây đùn. Các vị Sa-môn và thiện tín (cư sĩ) nối gót nhau mà dịch thuật.

Đời vua Hiếu Hoàn lại dùng vàng bạc mà đúc hình tượng Phật. Đến đời vua Hiếu Linh, năm Quang Hòa thứ ba, vua sai Trung Đại Phu đãi cơm chay tại các chùa tháp Phật ở Lạc dương, giăng treo các dây lụa màu, xông hương, rãi hoa thắp đèn. Năm Quang Hòa thứ bảy, bọn Trương Giác... tổ chức nghịch đảng liên hệ với phe Hoàng hậu để trong ngoài mưu hại chiếm ngôi. Và các việc về yêu quái, đồng cốt, hốt thuốc, bói toán của Đạo giáo (Lão Tử) đều dẹp bỏ, các người thọ năm

giới thờ Phật không được tham dự.

Từ đời Tần có Sa-môn Thích Lợi Phòng và thời Tiền Hán có Lưu Hướng kiểm soát sách vở ở Thiên Các trở đi, đến nay mới có quy định việc ghi chép: Về kinh thì Tứ Thập Nhị Chương là có trước hết, còn người thì Ca-diếp Ma-đằng là người đầu tiên đến năm Kiến An đời Hiến Đế là sau chót, trong khoảng thời gian suốt một trăm năm mươi hai năm trải qua mười một đời vua, Hoa và Phạm, Đạo và Tục thì mười người đã có đến hai người theo (Hai mươi phần trăm dân theo đạo Phật). Gom lấy những cái xưa cũ còn sót lại để bổ túc các chỗ thiếu sót trước đây, đều do các bản xưa mất tên người dịch. Tính ra có ba trăm năm mươi chín bộ kinh và luật gồm bốn trăm hai mươi bảy quyển. Đó là những kinh sách chính thức được ghi chép ở đời Hậu Hán, để mọi người lật xem soi gương kim cổ. Bởi thời đại có tụ tán, mà kinh điển có hợp ly, nay muốn việc giảng giải rõ ràng, hóa độ rộng rãi thì Pháp bảo (kinh sách) phải đầy đủ vậy.

****

Thời hậu hán:

- Sa-môn Ca-diếp Ma-đằng có một bộ kinh, một quyển.
- Sa-môn Trúc Pháp Lan có năm bộ kinh, mười ba quyển.
- Sa-môn An Thế Cao có một trăm bảy mươi sáu bộ kinh luật, một trăm chín mươi bảy quyển.
- Sa-môn Chi-lâu-ca-sấm có hai mươi mốt bộ kinh, sáu mươi ba quyển.
- Ưu-bà-tắc Đô Úy An Huyền có hai bộ kinh, ba quyển.
- Sa-môn Trúc Phật Sóc có hai bộ kinh, ba quyển.
- Sa-môn Chi Diệu có mười một bộ kinh, mười hai quyển.
- Sa-môn Khang Cự có một bộ kinh, một quyển.
- Thanh Tín Sĩ Nghiêm Phật Điều có bảy bộ kinh, mười quyển.
- Sa-môn Khang Mạnh Tường có sáu bộ kinh, chín quyển.
- Sa-môn Thích Đàm Quả có một bộ kinh, hai quyển.
- Sa-môn Trúc Đại Lực có một bộ kinh, hai quyển.
- Các bộ kinh chú mất tên người dịch có một trăm hai mươi lăm bộ gồm một trăm bốn mươi tám quyển.
- Về đời Hậu Hán thì có Tứ Thập Nhị Chương Kinh, một quyển.
- Nói về một kinh một quyển ở trên, là từ đời Hán Minh Đế, thì ở nước Trung Thiên Trúc có ngài Sa-môn Bà-la-môn tên Ca-diếp Ma-đằng dịch ra. Hoặc gọi ngài là Trúc Nhiếp Ma-đằng hoặc gọi tắt là Nhiếp-ma-đằng. Một số lớn sách còn chưa hiểu rõ đó là ai, đã chưa biết

rõ tên gì họ gì, nên từ trước đến nay bộ kinh ấy thường thiếu tên dịch giả, do đó nay cần nói rõ: Ngài Ma-đằng từ thuở nhỏ rất thông minh dáng vẽ xinh đẹp, học rộng hiểu nhiều, đặc biệt rất thông suốt về kinh luật, sức suy nghĩ chuyên sâu và khám phá ra tất cả mọi chỗ sâu kín nhất, lời văn và cách lý luận đều có ý mới mẽ, lúc bấy giờ kẻ học đồ chưa biết phải nương tựa ngày đâu. Pháp sư đi đến nước Thiên Trúc, đến một nước nhỏ ở phía Tây bắc, nước này rất quý trọng ngài. Bỗng nước bên cạnh dấy binh, nhưng thấy nước bên này vẫn không chiêu tập binh mã chi cả. Cuối cùng khi sắp kéo quân sang dày xéo thì bỗng dừng lại vì nghi là nước ấy có chước lạ. Bèn lén cho người theo dõi. Kẻ ấy trở về thưa rằng: Nước đó cả vua tôi đều nghe diễn giảng và thực hành theo các kinh Đại Thừa Kim Quang Minh. Kinh ấy nói nếu thuyết giảng pháp ấy thì Địa thần theo ủng hộ. Nhân đó nước láng giềng xin cầu hòa rồi lại cầu pháp, truyền bá rộng rãi về Đại thừa. Từ đó giáo pháp dần dần được truyền bá đến phương Nam này.

Năm Vĩnh Bình, ngài Ma-đằng theo Thái Am đến Lạc Ấp, ra ở Bạch mã để phiên dịch kinh này. Căn cứ ngày sách mà sắp thứ tự thì kinh này có đầu tiên ở đất Hán vậy. Sách Cựu Lục chép rằng: Vốn là kinh chép từ ngoại quốc. Đầu tiên rút ra từ Đại bộ rồi tóm tất hướng dẫn kẻ tục giống như bộ Hiếu Kinh ở xứ này kinh có mười tám chương. Đạo An Lục không thấy nói. Còn Cựu Lục và Chu Sĩ Hành xuất tam tang ký tập của ngài Tăng Hựu Lại chép rằng: Khi Đại Pháp mới được truyền ngày thì mọi người chưa tin phục quy ngưỡng. Dù cho ngài Ma-đằng chứa đầy chỗ thấy sâu hiểu rộng thì cũng không thể nào phiên dịch được nhiều sách. Ngài tịch tại Lạc Dương. Mọi chi tiết được ghi rõ trong các sách Chu Sĩ Hành Hán Lục các truyện như, Cao tăng, Danh Tăng các truyện và các sách tạp ký. Ngài Bảo Xướng lại bảo kinh này là do ngài Trúc Pháp Lan dịch. Đây có lẽ là căn cứ ngày thời gian cùng lúc với ngài Nhiếp-ma-đằng mà thôi.

****

- Phật Bổn Hạnh Kinh, năm quyển.
- Thập Địa Đoạn Kiết Kinh bốn quyển (hoặc tám quyển thấy ghi chép trong Chu Sĩ Hành Hán Lục).
- Pháp Hải tạng Kinh, ba quyển (có bản không có chữ Tạng)
- Phật Bổn Sinh Kinh, hai quyển (thấy ghi trong Danh Tăng truyện)
- Nhị Bách Lục Thập Giới Họp Dị, hai quyển (thấy trong Biệt Lục).

Cả năm bộ trên gồm mười sáu quyển, đều do Sa-môn Trúc Pháp Lan, người nước Trung Thiên Trúc dịch. Dù dịch ít nhưng lời văn thanh nhã, sâu sắc, khai ngộ hợp căn cơ, lại ưa chuộng sự rộng rãi. Cả thiền và luật đều rốt ráo. Ngài từng đọc kinh hơn trăm vạn lời, học trò trên ngàn người. không cầu yên thân, luôn lo toan lợi lớn cho mọi người, giới hạnh rất nghiêm túc, không ai có thể chê trách. Khi nghe vua Hán sai sứ là Thái Am đến liền hỏi han việc Phật pháp ở đất Hán, bèn có ý coi thường. Vua Hán không cho đến Pháp Lan bèn cùng Ma-đằng lén đến nơi. Có thuyết cho là Pháp Lan đến sau. Đến đời vua Minh Đế, Pháp Lan đầu tiên cùng với ngài Ma-đằng dịch bộ Tứ Thập Nhị Chương. Sau khi Ma-đằng thị tịch thì Pháp Lan tự dịch lấy. Ngày xưa lúc Hán Võ Đế đào ao Côn Minh, thấy dưới đáy ao toàn tro đen. Bèn hỏi Đông Phương Sóc. Sóc tâu: Nên hỏi người Phạm ở Tây Vức. Lúc đó ngài Pháp Lan đã đến. Liền đem việc ấy lại đến hỏi ngài, ngài bảo: Đây là tro của kiếp thiêu. Sóc bảo chắc đó là bằng cớ, nên người tin rất đông. Lại khi Tần Cảnh sai sứ đến nước Nguyệt Chi khi trở về thì tìm thấy tượng gỗ Chiên-đàn thứ tư của vua Ưu Điền rồi họa lại rất giống đem về Lạc dương. Vua bèn ra lệnh nên vẽ lại để cúng dường. Từ đó được truyền bá rộng khắp đến ngày nay.

****

- Tu Hành Đạo Địa Kinh, bảy quyển (hoặc sáu quyển, dịch ra đầu tiên ở thời Hán, năm Vĩnh Khang thứ nhất, ngài Chi Mẫn Độ viết tựa. Thấy ghi ở Bảo Xướng Lục và Biệt Lục. Hoặc gọi cuốn ấy là Thuận Đạo Hạnh Kinh).

- Pháp Cú Kinh bốn quyển.

- Đại Tăng oai Nghi Kinh, bốn quyển (Hai kinh trên thấy ghi ở Biệt Lục. Bản phụ mới co bản dịch khác so với bản củ có khác chút ít. Ở Tăng hựu Lục ở phần thất định thì phân làm hai bộ hai quyển. Biệt Lục ở đây gộp lại).

- Ngũ Thập Giảo Kế Kinh, hai quyển (hoặc gọi là Minh Độ Giảo Kế, được dịch ở năm Ngươn Gia thứ nhất, thấy ghi trong Chu Sĩ Hành Hán Lục. Ở Tăng Hựu Lục cũng ghi giống thế).

- Tạp Tứ Thập Thiên Kinh, hai quyển (hoặc gọi là Tạp Kinh bốn mươi bốn thiên. Vì không rõ tên nên không biết là kinh gì. Ngài Đạo An bảo: đây là trích ra ở Tăng Nhất A-hàm. Có chép trong Tăng Hựu Lục).

- Thất Xứ Tam Quán Kinh, hai quyển (dịch ở năm Nguyên Gia thứ nhất. Thấy ghi trong Chu Sĩ Hành Hán Lục. Ngài Đạo An bảo là trích

trong Tạp A-hàm. Ở Tăng Hựu Lục cũng giống).

- Thập Báo Kinh, hai quyển (Cựu Lục thì ghi là trích từ Trường A-hàm. Thấy trong Tăng Hựu Lục, cũng gọi là Đa Tăng Đạo Chương Kinh).

- Đại Đạo Địa Kinh, hai quyển (dịch đầu tiên, ngài Đạo An chú giải là bản sao của kinh Tu Hành, nguyên vì ở nước ngoài gọi tắt hoặc không có chữ Đại, rút từ Trường A-hàm. Thấy ghi trong Tăng Hựu Lục.

- Đạo Ý Phát Hạnh Kinh, hai quyển (hoặc một quyển, rút từ Trường A-hàm, thấy ghi trong Đạo An và Tăng Hựu Lục).

- Thiền Kinh, hai quyển (dịch đầu tiên, thấy trong Biệt Lục).

- An Ban Thủ Ý Kinh, hai quyển (hoặc một quyển, ngài Đạo An gọi là Tiểu An Ban. Thấy trong Chu Sĩ Hành Hán Lục và Tăng Hựu, Lý Khuếch Lục đều giống nhau.)

- Vô Lượng Thọ Kinh, hai quyển (dịch đầu tiên, thấy ghi trong Biệt Lục. Đầu đời Ngụy, Sa-môn Đàm Loan chú giải luận kệ).

- Ấm Trì Nhập Kinh, một quyển (trong Biệt Lục ghi Ấm Trì Nhập do ngài Đạo An chú giải. Thấy ghi trong Chu Sĩ Hành Hán Lục và Tăng Hựu Lục)

- Bách Lục Phẩm Kinh, một quyển (Cựu Lục gọi là Tăng Nhất A-hàm Bách Lục Thập Chương Kinh. Cũng thấy ghi trong Tăng Hựu Lục)

- Đại Thập Nhị Môn Kinh, một quyển (Biệt Lục nói là hai quyển, rút từ Trường A-hàm. Ngài Đạo An chú giải, thấy ghi trong Bảo Xướng và Tăng Hựu Lục).

- Tiểu Thập Nhị Môn Kinh, một quyển rút từ Trường A-hàm, thấy trong bảo xướng và Tăng Hựu Lục).

- Nhân Bản Dục Sinh Kinh một quyển (dịch từ năm Ngươn Gia thứ hai, rút từ Trung A-hàm, thấy trong Chu Sĩ hành Hán Lục, Tăng Hựu Lục và ngài Đạo An chú giải).

- A-tỳ-đàm Ngũ Pháp Kinh, một quyển (Cựu Lục gọi là A-tỳ-đàm Ngũ Pháp Hạnh Kinh, rút từ Trường A-hàm thấy ghi trong Tăng Hựu Lục).

- Thất Pháp Kinh, một quyển (Cựu Lục gọi là A-tỳ-đàm Thất Pháp Hạnh Kinh, rút từ Trường A-hàm. Hoặc gọi là Thất Pháp Hạnh, thấy ghi trong Tăng Hựu Lục).

- Phổ Pháp Nghĩa Kinh, một quyển (dịch từ năm Nguyên Gia thứ hai, cũng gọi là Cụ Pháp Hạnh Kinh, rút từ Trường A-hàm thấy ghi

trong Chu Sĩ Hành Hán Lục và Tăng Hựu Lục).

- Lậu Phân Bố Kinh, một quyển (ngài Đạo An nói là rút từ Trường A-hàm. Thấy trong Chu Sĩ Hành Hán Lục và Tăng Hựu Lục, lại nói rút từ Trung A-hàm).

- Tứ Đế Kinh, một quyển (ngài Đạo An nói là rút từ Trường A-hàm hoặc từ Trung A-hàm, dịch đầu tiên, thấy trong Tăng Hựu Lục).

- Cửu Hoạnh Kinh, một quyển (rút từ Tạp A-hàm).

- Bát Chánh Đạo một quyển (cả hai kinh trên đều rút từ Tạp A-hàm. Thấy trong Chu Sĩ Hành Hán Lục và Tăng Hựu Lục, Tam Tạng Ký).

- Đại An Bang Kinh, một quyển (hoặc hai quyển, ngài Đạo An chú giải, thấy trong Tăng Hựu Lục hoặc gọi là Đại An Ban Tập Kinh).

- Tư Duy Yếu Lược Kinh một quyển (hoặc gọi tắt là Tư Duy Kinh, thấy trong Tăng Hựu Lục).

- Thập Nhị Nhân Duyên Kinh, một quyển (cũng gọi là Văn Thành Thập Nhị Nhân Duyên Kinh, dịch đầu tiên, thấy trong Tăng Hựu Lục).

- Ngũ Ấm Dụ Kinh, một quyển (Cựu Lục gọi là Ấm Thí Dụ Kinh, thấy ghi trong Chu Sĩ Hành Hán Lục và Tăng Hựu Lục, rút từ Tạp A-hàm).

- Chuyển Pháp Luân Kinh, một quyển (hoặc gọi Pháp Luân Kinh, thấy ngài Đạo An và Tăng Hựu Lục nói rút từ Tạp A-hàm).

- Lưu Nhiếp Kinh, một quyển (Cựu Lục gọi là Nhất Thiết Lưu Nhiếp kinh, cũng gõi là Nhất Thiết Lưu Nhiếp Thủ. Ngô Lục nói là Lưu Nhiếp Thủ Nhân, cũng gọi là Thọ Nhân. Thấy ghi trong Chu Sĩ Hành Hán Lục và Tăng Hựu Lục, rút từ Trung A-hàm).

- Thị Pháp Phi Pháp Kinh, một quyển (thấy ghi trong Chu Sĩ Hành Hán Lục và Tăng Hựu Lục, rút từ Trung A-hàm).

- Pháp Thọ Trần Kinh, một quyển (thấy trong Tăng Hựu Lục).

- Thập Tứ Ý Kinh, một quyển (Cựu Lục gọi là Bồ-tát Thập Tứ Ý Kinh, thấy ghi trong Tăng Hựu Lục).

- Bổn Tương Ỷ Trí Kinh, một quyển (rút từ Trung A-hàm, Ngô Lục gọi là Đại Tướng Ỷ Trí và Duyên Bổn Trí Kinh đồng nhau. Thấy ghi trong Chu Sĩ Hành Hán Lục và Tăng Hựu Lục, và tam Tạng Tạp Ký).

- A-tỳ-đàm Cửu Thập Bát Kiết Kinh, một quyển (thấy Tăng Hựu có ghi).

- Thiền Hành Pháp Tưởng Kinh, một quyển (thấy ghi trong Tăng Hựu Lục, Bảo Xướng Lục và Tam Tạng Ký).

- Thiền Hành Tam thập Thất Phẩm Kinh, một quyển (thấy trong Bảo Xướng Lục, hoặc không có chữ “Thiền Hành” và trong Tăng Hựu Lục).
- Nan-đề-ca-la Việt kinh, một quyển (thấy trong Tăng Hựu Lục).
- Độc Phú Trưởng Giả Kinh, một quyển (cũng gọi là Độc Phú Trưởng giả Tài Vật Vô̩ Kinh, cũng gọi là Vô Tử Phó Chúc, rút từ Tạp A-hàm quyển bốn mươi sáu).
- Trưởng Giả Áo Não Tam Xứ Kinh, một quyển (cũng gọi là Trưởng Giả Tử Áo Não Tam Xứ Kinh, cũng gọi tắt là Tam Xứ Não Kinh).
- Thân Khởi Trưởng Giả Hối Quá Kinh, một quyển (cũng gọi là Thân Việt Trưởng Giả Hối Quá Cúng Phật Kinh “Thân Việt, Thân Khởi” chưa biết chắc như thế nào
- Phật Vị-na-câu Thuyết Căn Thục Kinh, một quyển (cũng gọi là Vị-na-câu-la Trưởng Giả Thuyết Căn Thục Kinh).
- Trưởng Giả Huynh Đệ Nghệ Phật Kinh một quyển (cũng gọi là Trưởng Giả Lê Sư Đạt Đa Huynh Đệ Nhị Nhân Vãng Phật Sở Kinh, rút từ Trung A-hàm).
- Phật Thần Lực Cứu Trưởng Giả Tử Kinh, một quyển.
- A-na-bân-kỳ Hóa Thất Tử Kinh một quyển (rút từ Tăng Nhất A-hàm).
- Thập Chi Cư Sĩ Bát Thành Nhân Kinh, một quyển (rút từ A-hàm quyển sáu mươi, cũng gọi tắt là Thập Chi Kinh).
- Vô Úy Ly Xa Bạch A-nan Kinh, một quyển (rút trong Tạp A-hàm quyển thứ hai mươi mốt).
- Thọ Chú Nguyện Kinh, một quyển (cũng gọi là Tối Thắng Trưởng Giả thọ Chú Nguyện Kinh).
- Trưởng Giả Tử Chế Kinh, một quyển.
- Úc-già Cư Sĩ Kiến Phật Văn Pháp Tỉnh Ngộ Kinh, một quyển (cũng gọi là Tu-già-đà Cư Sĩ Phật Vị Thuyết Pháp Đắc hoàn Ngộ Kinh, rút từ Tạp A-hàm).
- Đắc Phi Thường Quán Kinh, một quyển (cũng gọi là Trưởng Giả Dạ Du Đắc Phi Thường Quán Kinh).
- Xá-đầu-giản Kinh, một quyển (dịch đầu tiên, thấy Cựu Lục gọi là Xá-đầu-giản Thái Tử Minh Nhị Thập Bát Tú Kinh, cũng gọi Thái Tử Minh Nhị Thập Bát Tú Kinh, cũng gọi là Hổ Nhĩ Kinh).
- Xuất Gia Nhân Duyên Kinh, một quyển (cũng gọi Phật Thuyết Xuất Gia Nhân Duyên Kinh).

- Phật Độ Chiên-đà-la Nhi Xuất Gia Kinh, một quyển.
- Thuần-đà Sa-di Kinh, một quyển (hoặc dùng chữ "Sa-môn", hoặc dùng chữ "Thuần", rút từ Tạp A-hàm quyển hai mươi bốn).
- Ngoại Đạo Xuất Gia Kinh, một quyển.
- Tinh Tấn Tứ Niệm Xứ Kinh, một quyển (rút từ Tạp A-hàm quyển hai mươi chín).
- Phụ Mẫu Ân Cần Báo Kinh, một quyển (có nơi gọi là Nan Báo, rút trong Trung A-hàm).
- Thiền Tư Mãn Túc Kinh, một quyển (rút từ Tạp A-hàm)
- Sổ Tức Sự Kinh một quyển. Thiền Pháp Kinh, một quyển.
- Thiền Bí Yếu Kinh, một quyển (hoặc không có chữ "Bí", hoặc rút từ Thiền Yếu Bí Mật Trị Bệnh Kinh).
- Thế Gian Ngôn Mỹ Sắc Kinh, một quyển (rút từ Tạp A-hàm quyển hai mươi bốn).
- Nhất Thiết Hạnh Bất Hằng An Trụ Kinh, một quyển (rút từ Tạp A-hàm quyển ba mươi bốn).
- Nhân Thọ Thân nhập Ấm Kinh, một quyển (rút từ Tu Hành Đạo Địa Kinh quyển một).
- Đa Đảo Kiến Chúng Sinh Kinh, một quyển (hoặc không có chữ "Đa". Rút trong Xuất Diệu Kinh quyển thứ mười sáu).
- Nhân Thân Tứ Bách Tứ Bệnh Kinh, một quyển (rút từ kinh Tu Hành Đạo Địa quyển một).
- Nhân Bệnh Y Bất Năng Trị Kinh, một quyển (rút từ kinh Tu Hành Đạo Địa).
- Phân Biệt Thiện Ác Sở Khởi Kinh, một quyển.
- Chước Độc Thọ Phục Sinh Kinh một quyển (rút từ Xuất Diệu Kinh).
- Phạm Giới Tội Báo Khinh Trọng Kinh, một quyển.
- Thiền Định Phương Tiện Thứ Đệ Pháp Kinh, một quyển.
- A-luyện-nhã Tập Thiền Pháp Kinh, một quyển (rút từ Bồ-tát Thiền Pháp, quyển thứ nhất).
- Tứ Bách Tam-muội Danh Kinh, một quyển.
- Tự Thệ Tam-muội Kinh một quyển (Nội Đề nói là rút từ phẩm thứ tư phẩm Độc Chứng- Lưu Ly Vương Kinh một quyển (Rút từ Tăng Nhất A-hàm
- Ôn Thất Tẩy Dục Chúng Tăng Kinh một quyển (dịch đầu tiên).
- Ca-diếp Kiết Kinh một quyển.
- Ma Ý Kinh một quyển.

- Xứ Xứ Kinh một quyển.
- Phật Vị Tần Đầu Bà-la-môn Thuyết Tượng Loại Kinh, một quyển (rút từ Tạp A-hàm quyển mười một).
- Bà-la-môn Vấn Phật Bố Thí Đắc Phước Kinh, một quyển.
- Phật Vị Điều Mã Tụ Lạc Chủ Thuyết Pháp Kinh, một quyển, (rút từ Tạp A-hàm quyển ba mươi hai).
- Bà-la-môn Hạnh Kinh, một quyển (rút từ Trung A-hàm quyển ba mươi chín).
- Đậu Giá Bà-la-môn Luận Nghị Xuất Gia Kinh, một quyển (rút từ Tạp A-hàm quyển bốn mươi hai).
- Phật Vị Sự Hỏa Bà-la-môn Thuyết Pháp Ngộ Đạo Kinh, một quyển (rút từ Tạp A-hàm).
- Bà-la-môn Hư Ngụy Kinh một quyển (rút từ Tạp A-hàm quyển ba mươi).
- Phật Hóa Đại Hưng Bà-la-môn Xuất Gia Kinh, một quyển (rút từ Tạp A-hàm hoặc dùng chữ "Đại Dữ" thay vì đại hưng).
- Phật Vị A-chi-la Ca-diếp Thuyết Tự Tha Tác Khổ Kinh, một quyển (rút từ Tăng Nhất A-hàm).
- Bà-la-môn Tử Mạng Chung Ái Niệm Bất Ly Kinh, một quyển (rút từ Tăng Nhất A-hàm).
- Tứ Tra Bà-la-môn Xuất Gia Đắc Đạo Kinh, một quyển (rút từ Tạp A-hàm quyển bốn mươi bốn).
- Phật Vị Kiêu Mạn Bà-la-môn Thuyết Kệ Kinh, một quyển (rút từ Tạp A-hàm).
- Bà-la-môn Phục Bạch kinh, một quyển (rút từ Tạp A-hàm quyển hai mươi tám).
- Bà-la-môn Vấn Thế Tôn Tương Lai Thế Hữu Kỷ Phật Kinh, một quyển (rút từ Tạp A-hàm).
- Bà-la-môn Tỵ Tử Kinh, một quyển (rút từ Tăng Nhất A-hàm).
- Phật Vị Bà-la-môn Thuyết Canh Điền Kinh, một quyển (rút từ Tạp A-hàm hoặc không có chữ "Điền").
- Thất Lão Bà-la-môn Thỉnh Vi Đệ Tử Kinh, một quyển.
- Bà-la-môn Thông Đạt Kinh Luận kinh, một quyển (rút từ Tạp A-hàm quyển hai mươi lăm).
- Phật Phú Lõa Hình Tử Kinh, một quyển (rút từ Sinh Kinh, có nơi nói là Thẩm Lõa Hình Tử Kinh. Chữ Thẩm và Phúc này lầm nhau chưa biết sao?).
- Bà-la-môn Giải Tri Chúng Thuật Kinh, một quyển (rút từ Tạp

A-hàm)

- Phật Vị Bà-la-môn Thuyết Tứ Pháp Kinh, một quyển (rút từ Tạp A-hàm quyển hai)
- Phật Vị Niên Thiếu Bà-la-môn Thuyết Trí Thiện Bất Thiện Kinh, một quyển.
- Như Huyễn Tam-muội Kinh, một quyển (hoặc hai quyển).
- An Ban Kinh, một quyển.
- Nội Tạng Kinh, một quyển (tháng mười năm Nguyên Gia thứ hai là bản dịch thứ nhất, lại có tên là Nội Tạng Bách Phẩm hoặc Bách Bảo. Thấy ghi trong Chu Sĩ Hành Hán Lục).
- Ngũ Môn Thiền Yếu Dụng Pháp Kinh, một quyển (dịch đầu tiên).
- Thủy Dụ Kinh, một quyển (rút từ Tăng Nhất A-hàm).
- Phù Mộc Thí Dụ Kinh, một quyển.
- Miết Dụ Kinh, một quyển (rút từ Lục Độ Tập).
- Đề-bà-đạt Sinh Thân Nhập Địa Ngục Kinh, một quyển (rút từ Kinh Xuất Diệu).
- Ma-na Kỳ Nữ Nhân Phỉ Phật Sinh Thân Nhập Địa Ngục Kinh, một quyển.
- Quỷ Vấn Mục-liên Kinh, một quyển.
- Thập Bát Địa Ngục Kinh, một quyển (hoặc gọi Thấp Bát-nê-lê)
- Địa Ngục Tội Nhân Chúng Khổ Kinh, một quyển.
- Địa Ngục Báo Ứng Kinh, một quyển (hoặc gọi Tội Nghiệp Báo Ứng Giáo Hóa Địa Ngục Kinh).
- Mục-liên Kiến Chúng Sinh Thân Mao Như Tiển Kinh, một quyển (rút từ Tạp A-hàm quyển mười chín).
- Ma-ha Diễn Tinh Tấn Độ Trung Tội Báo Phẩm Kinh, một quyển.
- Tôn Giả Bạt-câu-la Kinh, một quyển (rút từ Trung A-hàm quyển tám).
- A-nan Vấn Sự Phật Cát Hung Kinh, một quyển (cũng gọi là A-nan Vấn Sự Phật Kinh, cũng gọi Sự Phật Cát Hung Kinh).
- Ca-chiên-diên Vô Thường Kinh, một quyển (rút từ Sinh Kinh quyển hai).
- Đương Lai Biến Diệt Kinh, một quyển. Thái Tử Mộ Phách Kinh, một quyển.
- Tứ Bất Khả Đắc Kinh, một quyển (hoặc không có chữ Khả).

- Kiên Tâm Chánh Ý Kinh, một quyển (cũng gọi là Kiên Tâm Kinh hoặc là Kiên Ý Kinh).
- Phân Minh Tội Phước Kinh, một quyển.
- Đa Tăng Đạo Chương Kinh, một quyển (Cựu Lục thì không có chữ Đạo, cũng gọi Dị Xuất Thập Báo Pháp, rút từ Trường A-hàm).
- Nại Nữ Kỳ Vực Kinh, một quyển. Kim Sắc Nữ Kinh, một quyển.
- Ma Đăng Nữ Kinh, một quyển (hoặc gọi Ma Châu Kinh).
- Tiền Thế Tranh Nữ Kinh, một quyển (trích từ Sinh Kinh).
- Thừa Sự Thắng Kỷ Kinh, một quyển. Hối Quá Pháp Kinh, một quyển.
- Xá-lợi-phất Hối Quá Kinh, một quyển.
- Thái Tử Mộng Kinh, một quyển.
- Tiểu Bát-nê-hoàn Kinh, một quyển (thấy trong Biệt Lục).
- Từ Nhân Bất Sát Kinh, một quyển.
- A-nan Đồng Học Kinh, một quyển (rút từ Tăng Nhất A-hàm).
- Thương Nhân Thoát Tặc Nạn Kinh, một quyển.
- Quá Khứ Đờn Cầm Nhân Kinh, một quyển (rút từ Tạp A-hàm quyển bốn mươi tám).
- Thi-ca-la Việt Lục Hướng Bái Kinh, một quyển. (Dịch đầu tiên, rút từ Trường A-hàm).
- Thế Gian Cường Đạo Bố Thí Kinh, một quyển (rút từ Tăng Nhất A-hàm).
- Thương Nhân Tử Tác Phật Sự Kinh, một quyển (Trường A-hàm).
- Chú Tặc Kinh, một quyển.
- Tốt Phùng Tặc Kiết Y Đái Chú Kinh, một quyển.
- Phạm Thiên Nghệ Bà-la-môn Giảng Đường Kinh, một quyển (trích từ Tăng Nhất A-hàm).
- Ngũ Ấm Thành Bại Kinh, một quyển (rút từ kinh Tu Hành Đạo Địa).
- Bát Quang Kinh, một quyển.
- Ngũ Chiến Đấu Nhân Kinh, một quyển (rút từ Tăng Nhất A-hàm).
- Ngũ Pháp Kinh, một quyển (thấy trong Tăng Hựu Lục).
- Ngũ hành Kinh, một quyển. Tam Độc Kinh, một quyển.
- A Hàm Chánh Hạnh Kinh, một quyển. Lương Thời Nan Ngộ Kinh, một quyển.

- Cầu Ly Lao Ngục Kinh, một quyển. Liên Hoa Nữ Kinh, một quyển.
- Cô Mẫu Tang Nhất Tử Kinh, một quyển.
- Tích Hữu Nhị Nhân Tương Ái Kỉnh Kinh, một quyển (từ Xuất Diệu Kinh).
- Trụ Ẩm Trì Nhập Kinh, một quyển (cũng gọi Trừ Trì Nhập, hoặc hai quyển).
- Cảnh Diện Vương Kinh, một quyển (rút từ Lục Độ Tập).
- Tử Mạng Quá Kinh, một quyển (rút từ Sinh Kinh).
- Kiền Đà Quốc Vương Kinh, một quyển (hoặc không có chữ Quốc).
- Thán Bảo Nữ Kinh, một quyển (cũng gọi Xá-lợi-phất Thán Bảo Nữ Thuyết Bất Tư Nghì Kinh).
- Đại Ca-diếp Ngộ Ni Càn Tử Kinh, một quyển (từ Trường A-hàm).
- Chánh Trai Kinh, một quyển.
- A-na-luật Tư Duy Mục-liên Thần Lực Kinh, một quyển.
- Bảo Tích Tam-muội Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát Vấn Pháp Thân Kinh, một quyển (cũng gọi là Khiển Nhật Bảo Tích Tam-muội Văn-thù-sư-lợi Vấn Pháp Thân Kinh).
- Xá-lợi-phất Vấn Bảo Nữ Kinh, một quyển.
- Nguyệt Đăng Tam-muội Kinh, một quyển (rút từ Đại Nguyệt Đăng Tam-muội Kinh).
- A-nan Hoặc Kinh, một quyển (rút từ Nhân Bản Dục Sinh Kinh).
- Phật Ấn Tam-muội Kinh, một quyển.
- Ca-diếp cật A-nan Kinh, một quyển (cũng gọi Ca-diếp Trách A-nan Song Độ La-hán Dụ Kinh, bản dịch đầu tiên).
- Đại Thừa Phương Đẳng Yếu huệ Kinh, một quyển.
- Không Tịnh Thiên Cảm Ứng Tam-muội Kinh, một quyển (Ở Cựu Lục gọi là Không Tịnh Tam-muội Kinh).
- Tình Ly Hữu Tội Kinh, một quyển (Thế Chú còn nghi)
- Dược Vương Dược Thượng Bồ-tát Quán Kinh, một quyển.
- Nghĩa Quyết Luật một quyển (cũng gọi là Tạng Quyết Luật Pháp Hạnh. Ngài Đạo An bảo rút từ Trường A-hàm, hoặc có chữ Kinh. Thấy ghi trong Tăng Hựu Lục. Có ba mươi bốn bộ gồm bốn mươi quyển, đều trích ra từ các Tạp tạng khác mà phụ ngày.

Cả một trăm bảy mươi sáu bộ trên, gồm một trăm chín mươi bảy quyển đều do Thái tử nước An Tức, tên là Thanh, tự Thế Cao. Sau sẽ kế

vị làm vua, nhưng lại nhường ngôi cho chú. Ngài bỏ ngôi cạo đầu xuất gia, chỉ một lòng vì đạo, lấy việc du phương hoằng hóa làm sự nghiệp. Năm Kiến Hòa thứ hai đời vua Hiếu Hoàn Đế, ngài đến tận Lạc Ấp. Lúc thiếu thời, ngài luyện văn tập nói rất thông suốt tiếng Trung Hoa. Vì thương giáo pháp còn quá ít ỏi yếu kém nên ngài mở rộng việc phiên dịch đến đời Linh Đế hai mươi năm. Cả các sách Thích Đạo An Lục, xuất, Tam tạng Tập Ký, của tăng hựu, Cao Tăng Truyện của tuệ kiểu... đều nói Thế Cao dịch được ba mươi chín bộ, nghĩa lý rất sáng tỏ khúc chiết, lời văn đúng đắn đầy đủ; biện luận không văn hoa chỉ cần chất lương nhưng không quê mùa vụng về. Lời dịch dầu khiến người đọc phải cố gắng mà không chán mệt. Phòng Quảng Tuân tìm xét kiểm tra các Lục ghi chép thì chuyện của Thế Cao có chỗ ẩn. Thế mới biết việc Quyền Tích, Ẩn Hiển có nhiều cách, hoặc do người kể sơ ý đến nhầm lẩn trái nhau. Số lượng truyền rằng ngài dịch được ba mươi chín bộ. Hoặc xuất hiện ra từ chốn Đôn Hoàng rồi đến dừng ở lại kinh ấp. Đến cuối dời vua Linh Đế thì chốn quan ải nhiễu nhương nên ngài bèn lánh sang Giang Nam, thấu suốt lòng người thấy rõ cơ duyên ở đó mà dịch thuật, được biết các chỗ ở của ngài chưa được ghi chép hết. Còn như chuyện về cuối đời ngài thì quả đúng như thế. Những chuyện chép trong các sách xa xưa thì ở đây Thế Cao đều lược bỏ, chọn dịch các phần chính ở trước đó thôi chứ không cần dịch hết. Nay gồm hết các thiên ghi chép sưu tập lại đầy đủ những tạp kỷ và có đề mục ghi chú thì phần nhiều đều là những tác phẩm rút từ Đại Bộ và tùy theo nhân duyên mà dịch ra trên suốt quảng đường của ngài từ Hà Tây đến Giang Nam. Dầu mục lục có phân tán nhưng chưa đủ để ngờ vực. Vì nghĩ thế nên những cái còn lại đây đâu chẳng nối ngày, do đó mà mạnh dạn căn cứ ngày các sách vở đã gom góp được để biên chép giữ gìn, mong giáo pháp được lưu truyền rộng rãi đều biết rõ nguồn gốc đã được ghi chú. Nếu muốn biết rõ gốc tích cần nên đọc kỷ các truyện.

****

- Đại Tập Kinh hai mươi bảy quyển (dịch đầu tiên, thấy ghi ở Lý Khuếch Lục).

- Bát-nhã Đạo Hạnh Phẩm Kinh mười quyển (dịch đầu tiên. Còn gọi là Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật Kinh tám quyển. Dịch ngày tám tháng mười năm Quang Hòa thứ hai, thấy ghi trong Chi Mẫn Độ Lục và Tăng Hựu Lục).

- Thủ-lăng-nghiêm Kinh hai quyển (bản dịch ngày tám tháng hai năm Trung Bình thứ ba bản dịch đầu tiên, thấy ghi trong Chu Sĩ

Hành Hán Lục và Tăng Hựu Lục. Tam Tạng Ký. Ngô Lục lại bảo là ba quyển.

- Thuần Chân-đa-la-ni Kinh, hai quyển (dịch đầu tiên, An Lục Nguyên, Cựu Lục gọi là độn Chân-đa-la-ni Vương Kinh. Thấy trong Chu Sĩ Hành Hán Lục và Tăng Hựu Lục).

- A-xà-thế Vương Kinh, hai quyển (dịch đầu tiên, ngài Đạo An bảo là rút từ Trường A-hàm, thấy trong Tăng Hựu Lục).

- A-súc Phật Quốc Kinh, hai quyển (bản dịch thứ nhất năm Kiến Hòa thứ nhất. Thấy trong Chu Sĩ Hành Hán Lục, cũng gọi là A-súc Phật Sát Chư Bồ-tát Học Thành Phẩm Kinh, cũng gọi là A-súc Phật Kinh một quyển, Tăng Hựu Lục cũng chép thế).

- Vô Lượng Thanh Tịnh Kinh hai quyển (cũng gọi là Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh, thấy ghi trong Ngô Lục).

- Bột Bổn Kinh hai quyển (dịch đầu tiên, thấy ghi trong Tăng Hựu Lục).

- Ban Chu Tam-muội Kinh hai quyển (ngày tám tháng mười năm Quang Hòa thứ hai, dịch đầu tiên, thấy ghi trong Nhiếp Đạo Lục, Ngô Lục và Tam Tạng Ký, Cựu Lục gọi là Đại Ban Chu Tam-muội Kinh).

- Cổ Phẩm Di Nhật Thuyết Bát-nhã Kinh, một quyển (rút từ Phương Đẳng Bộ. Có tên là Phật Di Nhật Ma-ni Bảo Kinh, một tên là Ma-ha Diễn Bảo Nghiêm Kinh, một tên là Đại Bảo Tích Kinh, thấy ghi trong Tăng Hựu Lục).

- Bảo Tích Kinh, một quyển (bản dịch thứ nhất ngày năm Quang Hòa thứ hai. Ngài Đạo An gọi là Ma-ni Bảo Kinh, hoặc hai quyển, thấy ghi trong Cựu Lục, Sĩ Hành Lục, Tam Tạng Tập Ký...).

- Vấn Thự Kinh, một quyển (cũng gọi là Văn-thù-sư-lợi Vấn Bồ-tát Thự Kinh. Ngài Đạo An nói rút từ Phương Đẳng Bộ, thấy trong Ngô Lục, Tăng Hựu Lục và Tam Tạng Ký).

- Phạm Bát-nê-hoàn Kinh, một quyển (Cựu Lục gọi là Hồ Bát nay đổi là Phạm, dịch đầu tiên, hoặc hai quyển thấy trong Chu Sĩ Hành Hán Lục và Tam Tạng Tập Ký).

- A-xà-thế Vương Vấn Ngũ Nghịch Kinh, một quyển (cũng gọi tắt là A-xà-thế Vương Kinh).

- Đâu-sa Kinh, một quyển (thấy trong Ngô Lục và Tam Tạng Ký).

- Nội Tạng Bách Phẩm Kinh, một quyển (dịch lần hai, cùng bản của Thế Cao dịch có khác chút ít. Cựu Lục gọi là Nội Tàng Bách Bảo Kinh. Đạo An nói rút từ Phương Đẳng Bộ. Khắp xét các Lục thì đều ghi

là Bách Bảo, không có Bách Phẩm, cho nên biết đó là kinh này.

- Đại Phương Tiện Báo Ân Kinh, một quyển (thấy ở Ngô Lục)

- Quang Minh Tam-muội Kinh, một quyển (chỉ thấy ở An Lục không thấy ở Ngô Lục và Tam Tạng Ký).

- Thiền Kinh, một quyển (thấy ở Biệt Lục).

- Tạp Thí Dụ Kinh, một quyển (gồm mười một việc. Tăng Hựu Lục nói là mất tên người dịch. Nay kiểm thấy ghi ở Biệt Lục nên chép ngày.

- A-dục Vương Thái Tử Hoại Mục Nhân Duyên Kinh, một quyển (vị vua này sinh ra mộtsau khi Phật diệt độ một trăm ba mươi năm sáu tháng, cho nên không phải do Phật nói. Có bổn không có chữ Kinh, Tăng Hựu Lục thì có gồm bốn mươi bốn bộ.

Cả hai mươi mốt bộ kinh trên gồm sáu mươi ba quyển do Sa-môn Chi-lâu-ca-sấm, cũng gọi tắt là Chi-sấm, ở nước Nguyệt Chi dịch ngày đời vua Hoàn Linh Đế từ năm Kiến Hòa đến năm Trung Bình, tại Lạc dương. Ở Hà Nam có Thanh tín sĩ là Mạnh Phúc, Trương Liên... bút thọ. Nhưng bản dịch cũ thì gọi là Hồ Bát-nê-hoàn, vì chưa rõ chữ Hồ. Trộm xem từ đời xa xưa khi có kinh đến nay do các bậc Hiền Đức ghi chép, mỗi khi chuyển lời đều nói là dịch Hồ ra Hán. Hồ là nước ở biên giới phía Tây, Hán là phía Đông. Một khi ở đất chín châu (nước Trung Hoa) thì đối với vùng đất phương Tây gọi chung là Thiên Trúc cho nên Hán Thư nói là nước Thân Độc. Thân Độc tức là Thiên Trúc. Có Trung Thiên Trúc, tức nơi sinh của Phật là đất Thiên Trúc. Và có Đông, Tây, Nam, Bắc Thiên Trúc nên gọi là Ngũ Thiên. Mà các nước ở phía Đông Ngũ Thiên thì gọi chung là Chi Na hoặc Chân Đan hay Chấn Đán, đây là giọng nói của nhà Sở, Hạ vậy. Nếu xưng là nhà Hán thì chỉ có từ thời họ Lưu (Lưu Bang), hai đời Tiền Hán, Hậu Hán đều xưng là Hán. Hậu Hán lại nhường ngôi cho nhà Ngụy. Ngụy yếu nên cả nước Trung Quốc phải phân ba có thêm Ngô và Thục (Tam Quốc). Về sau tuy Ngụy thôn tính Thục nhưng cuối cùng phải nhường ngôi cho nhà Tấn ngự trị cả đất Thập Cát Cửu Châu mỗi nơi đều có chủ. Việc phiên dịch kinh lại căn cứ ngày chỗ và người. Chỗ nơi đã khác thì tiếng phiên âm tất sẽ không đồng. Cho nên cần phải dựa ngày Đế hiệu và Vương hiệu mà phân biệt rõ ràng. Nay vì thế các sách này sẽ dựa ngày đó mà sửa cho đúng. Vả lại Hồ là vùng đất ở phía Tây biên giới, so với các giống dân như Khương, Man, Di, Sào Liêu, đâu có kinh sách, nên dùng tiếng Hồ để chỉ cho họ. Đặt ra tiếng Hồ để làm mẫu mực cho đời thì có lỗi gì đâu? Nước Thiên Trúc mà Phật sinh ra, ở đó các bậc thuộc dòng Bà-la-môn

đều gọi chung là Phạm. Kẻ phạm thanh tịnh thì được nối giỏi là trời Quang âm. Ở trời Quang âm thì Phạm là thấp nhất. Khi kiếp sơ thành tựu, nước cạn đất khô, các vị này bay xuống lấy đất ăn, ăn ngày thân thể năng nề không thể bay về trời được, nhân đó ở lại làm người, là tổ tông đầu tiên nên gọi là Phạm. Do đó mà gọi tiếng Phạm sách Phạm. Khi nhà Hán dịch kinh thì ở Trung Quốc chưa có người tu cạo đầu. Ở đời Ngụy thì Chu Sĩ Hành chính là kẻ đầu tiên xuất gia mặc pháp phục làm Tăng nhưng vẫn còn xưng tên họ tục. Đến đời Ngô, Tấn nối gót theo sau nhưng vẫn không đổi phong tục ấy. Kịp đến đời Phù Tần có ngài Thích Đạo An là bậc an nhiên siêu ngộ nổi tiếng nhất đương thời, kẻ đạo người tục đều khâm ngưỡng đông như lúa mè. Ngài nói rằng: "Đã cạo đầu xuất gia thì phải nối dõi dòng họ Thích, con mà khác cha sao gọi là kế thừa!". Cho nên ngày nay ai xuất gia đều xưng họ Thích. Và sau này khi dịch bốn quyển A-hàm thì trong văn ấy quả nhiên nói rằng bốn dòng xuất gia đều đồng một họ Thích, mọi người đều khen ngợi khâm phục (bốn dòng ấy là:

1. Sát-đế-lỵ, đó là dòng vua chúa.
2. Bà-la-môn là người hạnh đức cao quý.
3. Tỳ-xá như hàng sĩ dân ở đây trung quốc.
4. Thủ-đà, là dòng hạ tiện tức như hạng tôi tớ ở đây).

Ngài Đạo An ngay ngày đời Tấn, Tần đã san định ghi chép các mục lục, chọn lọc, chú thích các Kinh, tự gọi là di thiên mẫu mực cuối cùng cho mọi người, cũng nói là dịch tiếng Hồ thành tiếng Tần, có năm bổn thì mất hết ba bổn không đổi. Đây cũng chỉ là một hòn đá vụn của ngọn Côn Sơn, chưa tiêu biểu hết cái vẻ đẹp của cả ngọn núi. Các sách đời trước chỗ nào có chữ "Hồ ngôn" thì bản lục này đều thay bằng chữ "Phạn tự", ngỏ hầu các bậc Hậu Triết nói được đúng.

- Pháp Cảnh Kinh, hai quyển (hoặc một quyển, Nghiêm Phật Điều chép lại. Ngài Khương Tăng Hội chú giải, thấy ghi trong Tăng Hựu Lục).

- Đoạn Thập Nhị Nhân Duyên Kinh, một quyển (cũng gọi là A-hàm Khẩu Giải Thập Nhị Nhân Duyên Kinh, cũng nói tắt là A-hàm Khẩu Giải Kinh, cũng gọi là An Hầu Khẩu Giải Kinh. Tăng Hựu bảo là ngài Thế Cao dịch, nay kiểm tra các sách thì chính do ngài An Huyền dịch).

Cả hai bộ kinh trên gồm ba quyển. Ưu-bà-tắc Đô Úy An Huyền người nước An Tức dịch. Ngày cuối đời vua Linh Đế, ông đi dạo chơi buôn bán ở Lạc Dương, nhân khi gặp ngài Phật Điều nên cùng dịch. Đời

cũng gọi ông là An Hầu Kỵ Đô Úy. Tăng Hựu Lục lại bảo đó là Thế Cao dịch. Đây là vì đồng họ nên có sự lạm nhận. Thật ra Thế Cao là một vị thái Tử nối ngôi của một nước, vì nhường chức cho hiệu là Hầu. Cứ dựa thẳng ngày tên kinh tự nhiên có thể nghiệm thấy, vì không suy xét tỉ mỉ nên phải nói gộp cả hai người.

- Ban Chu Tam-muội Kinh, hai quyển (Cựu Lục gọi là Đại Ban Chu Tam-muội Kinh hoặc một quyển, là bản dịch lần hai. Thấy ghi trong Cao Tăng Truyện).

- Đạo Hạnh Kinh, một quyển (dịch năm Gia Bình thứ nhất, thấy trong Chu Sĩ Hành Hán Lục và Tam Tạng Ký. Ngài Đạo An nói là Bát-nhã Sao, do các bậc cao minh ở ngoại quốc tuyển soạn. Đạo An viết tựa).

Cả hai bộ trên gồm ba quyển. Sa-môn Phật Sóc người nước Thiên Trúc đã dịch. Ngày đời vua Linh Đế, ngài đem Đạo Hành Kinh đến tận Lạc dương rồi dịch từ tiếng Phạm sang tiếng Hán. Người dịch có lúc bị ngưng trệ, tuy có mất ý chỉ, song tiếng và câu thì chỉ bỏ bớt lời mà giữ lấy chất và rất đúng ý kinh. Sau năm Quang Hòa lại dịch thêm Ban Chu, ngài Đàm-sấm truyền lời, các ông Mạnh Phước, Trương Liên ghi pháp, lời văn không bằng bản dịch trước.

- Tiểu Bản Khởi Kinh, hai quyển (hoặc gọi là Túc Hành Bản Khởi, hoặc chỉ gọi Túc Hành, gần đây lại thêm chữ "Tiểu". Thấy trong Cựu Lục và Cao Tăng Truyện).

- Thành Cụ Quang Minh Kinh một quyển (hoặc gọi Thành Cụ Quang Minh Tam-muội, hoặc gọi Thành Cụ Quang Minh Định Ý. Thấy trong Chu Sĩ Hành, Chi Mẫn Độ, Tăng Hựu và huệ Kiểu... bốn Lục).

- Lại Tra-hòa-la Kinh, một quyển (dịch đầu tiên, ngài Đạo An bảo là rút từ Bộ Phương Đẳng).

- Mã Hữu Bát Thái Kinh, một quyển (một tên là Mã Hữu Bát Thái Thí Nhân Kinh, một tên là Mã Hữu Bát Tệ Ác Thái Kinh, rút từ Tạp A-hàm quyển ba mươi bốn).

- Thủ Chí Vấn Phật Thập Tứ Sự Kinh, một quyển (hoặc không có chữ Phật).

- Văn Thành Thập Nhị Nhân Duyên Kinh, một quyển (dịch lần hai, so với bản dịch Thập Nhị Nhân Duyên Kinh của Thế Cao có khác chút ít).

- Đọa Lạc Ưu-bà-tắc Kinh, một quyển.

- Tiểu Đạo Địa Kinh, một quyển.

- Mã Hữu Tam Tướng Kinh, một quyển (rút từ Tạp A-hàm).

- A-na-luật Bát Niệm Kinh, một quyển (hoặc gọi tắt là Bát Niệm Kinh, thấy trong Cựu Lục).

- Ma-ha Ma-da Kinh, một quyển (hoặc nói tắt Ma-da Kinh, hoặc hai quyển).

Cả mười một bộ kinh trên gồm mười hai quyển. Sa-môn Chi Diệu là người Thiên Trúc đã dịch. Ngày năm Trung Bình đời vua Linh Đế, châu Lạc Dương ngài dịch bảy bộ kinh, Ngô Lục ghi thế.

****

- Vấn Địa Ngục Sự Kinh, một quyển (thấy trong Chu Sĩ Hành Hán Lục).

Bộ Kinh có một quyển trên là người ngoại quốc, Sa-môn Khang Cư dịch năm Trung Bình thứ tư đời vua Linh Đế, châu Lạc dương, chỉ nói ngay lý không hề trau chuốt.

****

- Cổ Duy-ma-cật Kinh hai quyển (dịch đầu tiên, thấy trong Cổ Lục và Chu Sĩ Hành Hán Lục).

- Nhu Thủ Bồ-tát Vô Thượng Thanh Tịnh Phân Vệ Kinh, hai quyển (một tên là Quyết Liễu Chư Pháp Như Huyễn Tam-muội Kinh hoặc một quyển).

- Huệ Thượng Bồ-tát Vấn Đại Thiện Quyền Kinh, hai quyển (hoặc không có chữ "Bồ-tát" hoặc một quyển.

- Tư Ý Kinh, một quyển (cũng gọi là Ích Ý Kinh).

- Nội Lục Ba-la-mật Kinh, một quyển (cũng gọi là Nội Ngoại Giả, ngài Đạo An bảo là rút từ Bộ Phương Đẳng).

- Ca-diếp-cật A-nan Kinh, một quyển (dịch lần hai, thấy ghi trong hai sách (Lục) Sầm Hiệu và Bảo Xướng. So bản dịch Ca-diếp Trách A-nan Song Độ La-hán Dụ Kinh của Thế Cao thì giống nhiều khác ít).

- Thập huệ Kinh, một quyển (ngài Phật Điều tự chọn dịch và chú giải đề tựa, cũng gọi là Sa-di Thập huệ. Thấy trong ba sách (Lục) Tăng Hựu, Bảo Xướng và Cao Tăng Truyện).

Cả bảy bộ kinh trên gồm mười quyển. Thanh Tín Nghiêm Phật Điều người lâm hoài ngày đời vua Linh Đế châu Lạc dương dịch lý đúng lời hay và lột hết ý chỉ của kinh, đó là tác phẩm hay nhất ở đất Dĩnh thấy thuật lại ở đời sau.

****

- Thái Tử Bản Khởi Thụy Ứng Kinh, hai quyển (dịch đầu tiên, cũng gọi là Thụy Ứng Bản Khởi Kinh, cũng gọi là Trung Bản Khởi Kinh. Thấy trong Tam Tạng Ký và Tăng Hựu Lục).

- Hưng Khởi Hạnh Kinh hai quyển (cũng gọi là Thập Duyên Kinh, thấy trong Ngô Lục).

- Phạm Võng Kinh, hai quyển (dịch đầu tiên, thấy trong Ngô Lục).

- Xá-lợi-phất Mục-liên Du Tứ Cù Kinh, một quyển (thấy trong Biệt Lục).

- Báo Phước Kinh, một quyển (hoặc gọi Phúc báo Kinh, thấy ở Ngô Lục).

- Tứ Đế Kinh, quyển (dịch lần hai ngày năm Hưng Bình thứ nhất. So bản dịch của Thế Cao có khác chút ít, thấy ở Trúc Đạo Tổ hán Lục).

Cả sáu bộ kinh trên gồm chín quyển do người ngoại quốc là Sa-môn Khang Mạnh Tường dịch châu Lạc dương ngày đời vua Hiến Đế.

****

- Trung Bản Khởi Kinh hai quyển (cũng gọi là thái Tử Trung Bản Khởi Kinh. Thấy trong Thủy Hưng Lục).

Một bộ kinh một quyển trên thì ngài Đạo An bảo là Sa-môn Đàm Quả ở nước Ca-duy-la-vệ, được bản chữ Phạm bèn đem đến Lạc dương và dịch ra ngày năm Kiến An thứ mười hai, ngài Khang Mạnh Tường chuyển ngữ.

****

- Tu Hành Bản Khởi Kinh, hai quyển. Cũng do Đàm Quả và Khang Mạnh Tường ở nước Ca-duy-la-vệ đem bản tiếng Phạm đến, Sa-môn Trúc Đại Lực châu Lạc dương và được dịch ngày tháng ba năm Kiến An thứ hai. Ngài Mạnh Tường dịch sang chữ Hán. Ngài Thích Đạo An nói chỗ dịch của ngài Mạnh Tường đồ sộ, sáng rõ, lưu loát, đưa người nhanh chóng đến chỗ thâm huyền. Thấy ghi ở Thủy Hưng Lục.

****

- Đại Phương Tiện Báo Ân Kinh bảy quyển.

- Phân Biệt Công Đức Kinh, năm quyển (Ca-diếp A-nan soạn).

- Phạm Bổn Kinh, bốn quyển (Cựu Lục nói là chữ Hồ, hình như được dịch ở Trường an

- Nê-hoàn Hậu Thiên Tế Trung Biến Ký Kinh, bốn quyển (một tên là Thiên Tuế Biến Kinh).

- Hiệp Đạo Thần Túc Kinh, bốn quyển (một tên là Đạo Thần Túc Vô Cực Biến Hóa Kinh).

- Như Lai Tánh Khởi Kinh, hai quyển (một tên là Đại Phương Quảng Như Lai Tánh Khởi Vi Mật Tạng Kinh).

- Chư Kinh Phật Danh, hai quyển.
- Cựu Thí Dụ Kinh, hai quyển.
- Tạp Thí Dụ Kinh, hai quyển.
- Quán Vô Lượng Thọ Kinh, một quyển.
- Long Chủng Tôn Quốc Biến Hóa Kinh, một quyển.
- Quá Khứ Hương Liên Hoa Phật Thế Giới Kinh, một quyển.
- Kiến Mục Ngưu Giả Thị Đạo Kinh, một quyển (hoặc trên có chữ Phật).
- Tác Phật Hình Tượng Kinh, một quyển (một tên là Ưu-điền Vương Tác Phật Hình Tượng Kinh, một tên là Tác Tượng Nhân Duyên Kinh).
- Tam Thiên Phật Danh Kinh, một quyển.
- Thiên Phật Nhân Duyên Kinh, một quyển.
- Ngũ Thập Tam Phật Danh Kinh, một quyển.
- Bát Bộ Phật Danh Kinh, một quyển.
- Thập Phương Phật Danh Kinh, một quyển.
- Hiền Kiếp Thiên Phật Danh Kinh, một quyển (chỉ có Phật Danh và Đàm-vô-lan đã dịch Tứ Đế Kinh, còn Thiên Phật Danh thì khác).
- Xưng Dương Bách Thất Thập Phật Danh Kinh, một quyển (cũng gọi tắt là Bách Thất Thập Phật Danh Kinh).
- Nam Phương Phật Danh Kinh, một quyển (một tên là Trị Thành Tự Kinh).
- Diệt Tội Đắc Phước Phật Danh Kinh, một quyển.
- Quán Thế Âm Sở Thuyết Hành Pháp Kinh, một quyển (là Chú Kinh).
- Di-lặc Vi Nữ Thân Kinh, một quyển.
- Tịch Điều Ý Sở Vấn Kinh, một quyển (một tên là Như Lai Sở Thuyết Thanh Tịnh Điều Phục Kinh).
- Tát-đà-ba-lôn Bồ-tát Cầu Thâm Bát-nhã Viên Tượng Kinh, một quyển.
- Bồ-tát Sinh Địa Kinh, một quyển.
- Bồ-tát Sở Sinh Địa Kinh, một quyển.
- Bồ-tát Thọ Giới Pháp Kinh, một quyển (bản dịch khác).
- Thọ Bồ-tát Giới Thứ Đệ Thập Pháp, một quyển.
- Bồ-tát Sám Hối Pháp, một quyển.
- Sơ Phát Ý Bồ-tát Thường Trú Dạ Lục Thời Hành Ngũ Sự Kinh, một quyển.
- Lục Bồ-tát Danh Kinh, một quyển.

- Ca-diếp Phó Phật Nê-hoàn Kinh, một quyển (một tên là Phật Bát-nê-hoàn Thời Ca-diếp Phó Phật Kinh).
- Thiện Bái Tỳ-kheo Kinh, một quyển.
- Tăng Danh Số Sự Hành Kinh, một quyển.
- Tỳ-kheo Chư Cấm Luật một quyển.
- Ma-ha Tăng-kỳ Luật Tỳ-kheo Yếu Tập một quyển (một tên là Ma-ha Tăng-kỳ Bộ Tỳ-kheo Tùy Dụng Yếu Tập Pháp).
- Ưu-ba-ly Vấn Phật Kinh, một quyển.
- Sa-di Oai Nghi, một quyển.
- Sa-di Thập Giới Kinh, một quyển (Cựu Lục gọi tắt là Sa-di Giới).
- Tỳ-kheo-ni Thập Giới Kinh, một quyển.
- Thọ Thập Thiện Giới Kinh, một quyển.
- Sa-di Ni Giới Kinh, một quyển.
- Hiền Giả Ngũ Giới Kinh, một quyển.
- Ưu-bà-tắc Oai Nghi Kinh, một quyển.
- Tứ Thiên Vương Kinh, một quyển (ở phần sau có chú. Hình như người sau phụ thêm ngày. Rút từ tạp A-hàm).
- Ma Nhiễu Loạn Kinh, một quyển (so với bản Dữ Ma Chánh Thí Mục-liên Kinh thì giống nhiều khác chút ít).
- Đảnh Sinh Vương Nhân Duyên Kinh, một quyển (Cựu Lục gọi là Đàm Đảnh Sinh Vương Kinh).
- Hành Đàn Ba-la-mật Kinh, một quyển (hoặc gọi là Nhất Thiết Thí Chủ Sở Hành Đàn Ba-la-mật Kinh).
- Công Đức Trang Nghiêm Vương Bát Vạn Tứ Thiên Tuế Thỉnh Phật Kinh, một quyển.

Ma điều vương kinh, một quyển bản dịch khác.

- Hối Tử Kinh, một quyển.
- Giáo Tử Kinh, một quyển (một tên là Tu Đạt Giáo Tử Kinh. Cựu Lục gọi là Tu Đạt Huấn Tử Kinh).
- Phúc Tử Kinh, một quyển.
- Tiểu Nhi Văn Pháp Tức Giải Kinh, một quyển.
- Bồ-tát Tu Hành Kinh, một quyển (một tên là Trưởng Giả Oai Thí Sở Vấn Bồ-tát Tu Hành Kinh, hoặc gọi tắt là Trưởng Giả Tu Hành Kinh).
- Trưởng Giả Hiền Thủ Kinh, một quyển.
- Trưởng Giả Mạng Chung Vô Tử Phú Chúc Kinh, một quyển.
- Chất Đa Trưởng Giả Thỉnh Tỳ-kheo Kinh, một quyển.

- Thiện Đức Bà-la-môn Cầu Xá-lợi Kinh, một quyển.
- Ngoại Đạo Dụ-chất-đa Trưởng Giả Kinh, một quyển.
- Vô Hại Phạm Chí Chấp Chí Kinh, một quyển.
- Phạm chí Tỵ Tử Kinh, một quyển.
- Phạm chí Tang Nữ Kinh, một quyển.
- Phạm Chí Quán Vô Thường Đắc Giải Thoát Kinh, một quyển.
- Bần Tử Đắc Tài Phát Cuồng Kinh, một quyển.
- Thước Cẩu Niết Vương Kinh, một quyển (Cựu Lục gọi là Thước Cẩu Kinh).
- Cư Sĩ Vật Cố Vi Phụ Tỷ Trùng Kinh, một quyển.
- Thiết Thành Nê-lê Kinh, một quyển.
- Nê-lê Kinh, một quyển (một tên là Trung A-hàm Nê-lê Kinh).
- Cần Khổ Nê-lê Kinh, một quyển.
- Địa Ngục Kinh, một quyển.
- Diêm Vương Ngũ Sứ Giả Kinh, một quyển (một tên là Ngũ Thiên Sứ Kinh).
- Tích Cốt Kinh, một quyển.
- Khổ Ấm Kinh, một quyển.
- Trì Trai Kinh, một quyển.
- Hải Bát Đức Kinh, một quyển.
- Tịch Chí Quả Kinh, một quyển (rút từ Trường A-hàm, cùng bản dịch trước đồng tên nhưng khác lời).
- Nhân Hoằng Pháp Kinh, một quyển.
- Vị Tằng Hữu Kinh, một quyển (khác bản dịch).
- Hoa Nghiêm Anh Lạc Kinh, một quyển.
- Quán Thế Lâu Thán Kinh, một quyển (có ba phẩm rút từ Đại Lâu Thán Kinh).
- Ba Nhã Đắc Kinh, một quyển (một tên là Bát-nhã Đức).
- Duy Nhật Tạp Nạn Kinh, một quyển.
- Nội Thân Quán Chương Kinh, một quyển.
- Ma-ha Sát Đầu Kinh, một quyển (cùng với Quán Đảnh Kinh giống nhau. Các phần sau có khác chút ít).
- Thanh Tịnh Pháp Hạnh Kinh, một quyển.
- Kim Cang Thanh Tịnh Kinh, một quyển (hoặc gọi là Kim Cang Tam-muội Bản Tánh Thanh Tịnh Bất Hoại Bất Diệt Kinh).
- Tịnh Trừ Nghiệp Chướng Kinh, một quyển.
- Ma Ha Diễn Bảo Nghiêm Kinh, một quyển.
- Thập Trụ Tỳ-bà-sa Kinh, một quyển.

- Phật Di-nhật Ma-ni Bảo Kinh, một quyển.
- Chuyển Nữ Thân Bồ-tát Kinh, một quyển (một tên là Nhạo Anh Lạc Trang Nghiêm Phương Tiện Kinh, một tên là Nhạo Anh Lạc Trang Nghiêm Nữ Kinh).
- Thọ Trì Phật Danh Bất Đọa Ác (Đạo) Kinh, một quyển.
- Thất Bảo Kinh, một quyển.
- Thập Nhất Nhân Duyên Chương Kinh, một quyển (Cựu Lục gọi là Thập Nhất Nhân Duyên Kinh).
- Sa-môn Vi Thập Nhị Đầu-đà Kinh, một quyển.
- Tam Thập Nhị Tướng Nhân Duyên Kinh, một quyển (cùng với bản dịch của An Công Thất Nguyên đã dịch là Tam Thập Nhị Tướng thì giống nhiều khác ít).
- Tam Thập Thất Phẩm Kinh, một quyển (khác bản dịch).
- Ban Chu Tam-muội Niệm Phật Chương Kinh, một quyển (chữ Chương này Cựu Lục viết là Đồng).
- Du-già Tam-ma Tư Kinh, một quyển (bản dịch nói tóm tắt việc tu hành, một tên là Đạt-ma-đa-la Thiền Pháp. Hoặc gọi là Đạt-ma-đa-la Bồ-tát soạn Thiền Pháp Yếu Tập).
- Thiền Yếu Ha Dục Kinh, một quyển.
- Tu Hà Thí Kinh, một quyển (khác bản)
- Pháp Cú Thí Dụ Kinh, một quyển.
- Thí Dụ Kinh, một quyển.
- Phạm Âm Kệ Bổn Kinh, một quyển (Cựu Lục nói là Hồ).
- A-di-đà Phật Kệ Kinh, một quyển (hoặc không có chữ Kinh).
- Hậu Xuất A-di-đà Phật Kệ Kinh, một quyển.
- Tán Thất Phật Kệ, một quyển.
- Đát-hòa-ni Bách Cú, một quyển.
- Ngũ Ngôn Vịnh Tụng Bổn Khởi, một quyển (một trăm bốn mươi hai bài).
- Đạo Hạnh Phẩm Chư Kinh Phạm Âm Giải, một quyển (Cựu Lục nói là Hồ Âm).
- Bát-nhã Ba-la-mật Thần Chú Kinh, một quyển (hoặc không có chữ Kinh).
- Thất Phật Sở Kiết Ma Du Thuật Chú, một quyển.
- Huyễn Sư Pha-đà Thần Chú, một quyển.
- Ngũ Long Chú Độc Kinh, một quyển.
- Thủ Huyết Khí Thần Chú, một quyển (Cựu Lục nói Huyết Chú).

- Chú Khủ Xỉ Chú, một quyển (một tên Chú Trùng Xỉ, một tên là Chú Xỉ).
- Chú Nha Thống Chú, một quyển (khác bản).
- Chú Nhãn Thống Chú, một quyển (khác bản).
- Chú Tặc Chú Pháp, một quyển (khác bản).
- Thất Phật An Trạch Thần Chú, một quyển.
- An Trạch Chú Pháp, một quyển.

Cả một trăm hai mươi lăm bộ trên gồm một trăm bốn mươi tám quyển đều do ngài Luật sư Tăng Hựu rút từ Tam Tạng Ký và soạn trong hai cuốn Cổ Lục, Cựu Lục và các sách không nguồn gốc của Ngài Đạo An cùng các sách mất tên người dịch vừa mới gom góp được, các bộ và quyển của kinh này rất nhiều, nên phải so sánh các mục, sửa chữa những văn từ lộn xộn, chênh lệch xen nhau thật khó xác định. Chưa hề có quyển kinh nào chỉ đọc qua tên đề, tất cả đều có nhập Tạng, có nguồn gốc, không nhập Tạng không dịch. Biết rõ gốc tích từ đầu không thứ nào không có nguyên do, đã trải qua nhiều năm tháng xa xôi, nên viết thêm lời phụ ở phần cuối này. Rất mong những bậc học rộng sau này, xem xét lại nguồn gốc hiếm hoi mà thâu nhặt trả lại cho đúng, để làm căn cứ hầu sóng cả lặng yên lắng trong biển Pháp vậy!

■

LỊCH ĐẠI TAM BẢO KÝ

QUYỂN 5

CÁC KINH DỊCH Ở ĐỜI NGỤY VÀ NGÔ

Sách chép về nhà Ngụy và nhà Ngô thì có Kinh đô là Kiến Nghiệp và Lạc dương. Tào Phi tự là Tử Hoàn, người Tiều ở Quận bái, là thế tử của Tào Tháo Thừa tướng nhà Hán. Ngày Phi mới sinh thì có đám mây xanh hình dạng như cái lộng xe che ở phía trên xanh biếc suốt cả ngày. Người chuyên xem khí tượng khen đấy là dấu hiệu của bậc Thiên Tử không phải của kẻ bề tôi. Năm lên tám tuổi đã giỏi văn chương, nối nghiệp Thừa tướng làm Ngụy Vương. Sau được nhà Hậu Hán nhường ngôi, đổi làm nước Ngụy, nhưng vẫn đóng đô ở Lạc dương. Mấy năm cuối của Viêm Hán, núi Ngũ nhạc làm nơi cúng tế trời đất. Năm Hoàng Sơ Ngụy được nhường ngôi. Cả nước được phân làm ba. Họ Tôn làm chúa nước Ngô, nhờ sông Trường giang mà mưu đồ việc thiên hạ. Dòng họ Lưu làm vua nhà Thục dựa ngày Kiếm các mà muốn an định cả Trung nguyên. Ai cũng có móng vuốt hoành hổ, oai thế Ngọa Long, cát cứ một vùng ý toan thôn tính lẫn nhau, tranh giữ biên cương, khóa chặt quan ải, rộng tìm các bậc anh tuấn để làm tay chân, hậu đãi hiền tài, quý như báu vật của nước, cho nên người giỏi có, sách lược hay đều tìm đến.

Ngài Tăng Hội đến nước Ngô, thì Xá-lợi hiển linh chói sáng miền Giang Tả, còn ngài Ca-la tới Ngụy, thì giới luật truyền bá khắp Lạc dương pháp luật từ đó được coi trọng. Do đó ngày đời tùy, vua đặt ra chức quan trọng coi về dịch kinh, hưng lúc dịch kinh thì ví tiếng địa phương, đề rõ danh mục có trong đó có các dịch phẩm đời Ngô. Ở Thục Phổ Diệu dịch trùng quá nhiều, do đó mà bắt đầu có các chi phái, mất tên người dịch là ở đó. Ngụy, Thục, Ngô bấy giờ như đảnh ba chân. Nhưng chỉ riêng nước Thục không có mặt trời sách ghi chép các niên đại thì đâu phải ở đó không có Phật chiếu soi rực rỡ trên khoảng không mà chỉ vì không có duyên thôi. Việc không thấy được sấm Pháp rền vang cả trời đất là vì kẻ ấy ngồi trong nhà kín nên không nghe thấy

được. Vả lại tuy Cựu Lục có chú các kinh Phổ Diệu, Thủ-lăng-nghiêm ở Thục nhưng lại thiếu tên dịch giả và năm tháng đời vua mà kinh đã được dịch. Nếu muốn ghi thuật lại thì không biết dựa ngày đâu, do đó mà sắp ngày loại thiếu tên người dịch, nên không có chép riêng.

Tôn Quyền tự là Trọng Mưu, người ở Phú Xuân thuộc Ngô, đời đời làm quan ở đất Ngô. Trên các mồ mả ở phía đông nhà thường có vận khí và ánh sáng lạ (thần quang). Vả lại lúc mang thai Quyền thì bà mẹ mộng thấy ruột dài ra quấn quanh cả cửa Ngô Xương. Mọi người đều khen đó là điềm dòng dõi họ Tôn hưng thịnh sau này. Khi Quyền mới sinh ra một thì mắt đã có ánh sáng lạ, má vuông miệng rộng. Cha cho là lạ tất Quyền sẽ làm vua chúa. Vượt qua Mân Việt đóng đô ở vùng phong trao chức tước các chư Hầu, kiến lập niên hiệu. Tế cáo đất trời, sông núi, xây mặt về phương Nam mà tự xưng vua Ngô. Dời đến đất Lăng rồi đổi thành Kiến Nghiệp.

Nhà Ngụy nối nghiệp nhà Hậu Hán được hai năm thì Quyền lên ngôi, có bốn đời vua trị vì suốt năm mươi chín năm. Khi Hạo lên ngôi được hai năm thì nhà Ngụy nhường ngôi cho nhà Tấn. Tấn trị vì đến năm thứ mười lăm thì diệt nước Ngô. Nếu tính số năm thì Hạo trị vì được mười bốn năm rồi sáp nhập ngày nhà Tấn. Nay thâu nhạt các sách vở gom lại lập thành Ngô Lục. Từ năm Canh Tý niên hiệu Hoàng Sơ đời vua Văn Đế cho đến năm Giáp Thân niên hiệu Hàm hi thứ nhất đời vua Nguyên Đế. Trong thời gian đó có năm đời vua trị vì suốt bốn mươi lăm năm. Tất cả kinh luật Yết-ma do mười vị cả kẻ tục người đạo dịch ra và các kinh dịch từ trước mất tên người dịch thì gồm có ba trăm mười hai bộ, bốn trăm tám mươi ba quyển. Số kinh luật đó được coi chung cho cả hai đời Ngụy và Ngô, gồm chín đời vua ở hai kinh đô. Các sách Thế Lục ghi chép như thế.

**** Nhà Ngụy:***
- Sa-môn Đàm-kha-ca-la có một bộ, một quyển giới.
- Sa-môn Khương Tăng Khải có hai bộ, bốn quyển kinh.
- Sa-môn Đàm-đế có một bộ, một quyển Yết-ma.
- Sa-môn Bạch Diên có sáu bộ, tám quyển kinh.
- Sa-môn Chi Cương Lương Tiếp có một bộ, sáu quyển kinh.
- Sa-môn An Pháp Hiền có hai bộ, năm quyển kinh.

* Nhà Ngô:
- Sa-môn Duy-kỳ-nan có hai bộ, sáu quyển kinh.
- Sa-môn Trúc Luật Viêm có ba bộ, ba quyển kinh.

- Ưu-bà-tắc Giới Chi Khiêm có một trăm hai mươi chín bộ, một trăm hai mươi hai quyển kinh.

- Sa-môn Khương Tăng Hội có mười bốn bộ, hai mươi chín quyển kinh và chú giải.

- Các kinh mất tên người dịch gồm một trăm mười bộ, hai trăm chín mươi mốt quyển kinh.

**** Đời Ngụy:***

Có Tăng-kỳ Giới Bổn một quyển, dịch lần đầu thấy ghi ở Trúc Đạo Tổ, Ngụy Thế Lục.

Bản Giới Bổn một quyển trên là do Sa-môn Đàm-kha-ca-la, người nước Trung Thiên Trúc dịch. Ngụy Lục nói rằng: Lúc ngài (Ca-la) nói pháp thì còn trẻ, tài ba thông minh, bẩm chất như ngọc quý. Đọc sách chỉ một lần xem qua thì văn nghĩa đều thông suốt. Giỏi bốn thứ Vi-đà (Phệ-đà), biết xem gió mây, trăng sao, đồ hình, thơ sấm vận mệnh thay đổi... Không thứ nào là không rành rẽ Tự bảo là tất cả thế gian đều ở trong tâm và mắt mình. Năm hai mươi lăm tuổi, khi ngày Tăng phòng, thấy quyển Pháp Thắng Tỳ-đàm Tâm, liền lấy xem, nhưng mịt mờ không hiểu gì cả. Càng cố gắng tỉnh táo thì càng thêm mê muội. Bèn than: Phật Pháp thật quá sâu kín luận đủ cả ba đời. Bèn đi xuất gia, đọc kinh Đại tiểu thừa và các luật tạng, đi du hóa đến tận Lạc dương. Thời ấy ở nước Ngụy tuy có Phật pháp nhưng đạo phong còn lầm lẫn, cũng đã có chúng tăng nhưng chưa có quy giới, chỉ lấy việc cạo đầu là khác tục mà thôi. Nếu có việc trai sám thì cũng giống y như sự cúng tế. Khi ngài Ca-la đã đến truyền bá rộng rãi Phật pháp, chư tăng thỉnh ngài dịch Tỳ-ni. Ngài Ca-la thấy luật tạng có các phép tắc quá khúc mắc tỉ mỉ, lời văn lại rườm rà dong dài, mà Phật pháp ở đây chưa được hưng thịnh lắm, chưa cần phải dùng đến. Cho nên ngày năm Gia Bình, châu chùa Bạch mã ngài dịch ra bộ Giới Bổn một quyển này, từ đây mới đầy đủ giơi pháp sớm chiều ba tháng hạ vậy.

****

- Úc-già Trưởng Giả Sở Vấn Kinh, hai quyển (bản dịch lần hai, một tên là Úc-già-la-việt Vấn Bồ-tát Hạnh Kinh, thấy ghi trong Trúc Đạo Tổ Ngụy Lục).

- Vô Lượng Thọ Kinh, hai quyển (bản dịch lần hai, thấy ghi trong Trúc Đạo Tổ Tân Thế Tạp Lục và trong Bảo Xương Lục. Bản dịch này so với bản dịch của ngài Thế Cao có khác chút ít).

Cả hai bộ trên gồm bốn quyển do Sa-môn Khương Tăng Khải,

người nước Thiên Trúc dịch ra tại chùa Bạch mã ở Lạc dương, ngày năm Gia Bình đời vua Tề. Trong Cao Tăng Truyện gọi tắt là Úc-già Trưởng Giả... bốn quyển. Kiểm tra lại về Đạo tổ Ngụy Tân Lục, Tăng Hựu Lục, Xuất Tam Tạng Ký và Bảo Xướng Lục và Lương Đại Lục thì thấy đều nói như trên. Từ ngoài hai bộ trên thì đều không nêu rõ tên, xét qua các Lục khác cũng không thấy.

****

- Đàm-vô-đức Yết-ma, một quyển (bản dịch đầu tiên, thấy ghi ở Trúc Đạo Tổ Ngụy Lục).

Một quyển Đàm-vô-đức trên thì Ngụy Lục gọi là Pháp Tạng. Tạng Sư Địa-lê-trà-do là đệ tử đời thứ chín của ngài A-du-xà. Tạng là người nối đời sau cùng tức là Tứ Phần Luật Chủ, từ đây mà các bộ khác đều hưng thịnh. Đây là khoảng thời gian sau khi Phật diệt độ hai trăm năm. Sau đó có Sa-môn Đàm-đế, người nước An Tức từ năm Chánh Ngươn thứ nhất, đời Cao Quý Hương Công, đã đến tận vùng Lạc Nhuế (ngài rất giỏi về luật học. Ở Bạch mã, chúng đã mời ngài dịch.

- Thủ-lăng-nghiêm Kinh hai quyển (bản dịch thứ hai. So với bản dịch của ngài Chi-sấm ở đời Hán, lời văn rất giống chỉ khác chút ít, thấy ghi ở phần Trúc Đạo Tổ Tấn Thế Tạp Lục và trong Tam Tạng Ký.

- Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh, hai quyển (bản dịch thứ ba. So với bản dịch của các ngài Thế Cao và Khương Tăng Khải thì cùng tên là Vô Lượng Thọ Kinh, chỉ khác chút ít, thấy ghi ở Trúc Đạo Tổ Tấn Thế Tạp Lục).

- Xoa tu Lại Kinh, một quyển (một bản không có chữ "Xoa", thấy ghi trong các Lục Trúc Đạo Tổ và Tăng Hựu v.v...).

- Trừ Tai Hoạn Kinh, một quyển (thấy trong Tam Tạng Tập Ký).

- Bình Đẳng Giác Kinh, một quyển (thấy trong Trúc Đạo Tổ Ngụy Ngô Lục).

- Bồ-tát Tu Hành Kinh, một quyển (một tên là Trưởng Giả Oai Thí Sở Vấn Bồ-tát Tu Hành Kinh, một bản có tên là Trưởng Giả Tu Hành Kinh, thấy ghi trong hai Lục Thủy Hưng và Bảo Xướng).

Cả sáu bộ gồm tám quyển trên, thuộc đời Cao Quý Hương Công, do Sa-môn Bạch Diên, người Tây Vức, đem Đạo đi du hóa. Đến năm Cam Lộ thì đến ở Bạch mã tại Lạc dương, chúng mời ngài dịch ra.

****

- Pháp Hoa Tam-muội Kinh, một bộ sáu quyển (một bổn có chữ "Chánh". Trong Tăng Hựu Lục bảo là mất tên người dịch).

Một bộ sáu quyển trên, ở đời Cao Quý Hương Công, năm đầu

Cam Lộ, tháng bảy, Sa-môn Chi Cương Lương Tiếp người ngoại quốc (Ấn Độ) dịch Sách Ngụy nói là Chánh vô Úy ở Giao Châu dịch, Sa-môn Đạo Thinh bút thọ. Tăng Hựu Lục thì bảo là mất tên người dịch. Phòng kiểm thấy ghi ở Trúc Đạo Tổ Ngụy Thế Lục và Thủy Hưng Lục. Nếu dựa ngày Giao Châu và thủy Hưng Lục thì phải sáp nhập ngày Ngô Lục. Nay căn cứ ngày Ngụy Lục nên phụ ngày đây.

****

- La-ma-già Kinh, ba quyển (thấy ghi trong bốn Lục là Trúc Đạo Bảo Xướng, Pháp Thượng Linh và Tăng Hựu).
- Đại Bát-niết-bàn Kinh, hai quyển (là tóm lược nhiều phẩm trước của Đại Bổn làm thành hai quyển này. Thấy ghi trong Trúc Đạo Tổ, Ngụy Lục, là bản dịch đầu).

Cả hai bộ gồm năm quyển trên do Sa-môn An Pháp Hiền người ngoại quốc (Ấn) dịch. Các sách đều bảo là đời Ngụy nhưng không rõ đời vua nào. Nay căn cứ ngày bản ghi chép ở phần cuối. Lại trong Biệt Lục cũng có ghi.

****

- Ngô A-sai-mạt Bồ-tát Kinh, bốn quyển (bản dịch đầu, thấy ghi trong Ngô Lục và Biệt Lục).
- Pháp Cú Kinh, hai quyển (bản dịch đầu, Ngô Lục nói là năm quyển, thấy ghi trong Tam Tạng Ký).

Cả hai bộ trên gồm sáu quyển, đời Ngụy Văn Đế, Sa-môn Duy-kỳ-nan ngô dịch là chướng ngại người nước Trung Thiên Trúc dịch. ngài học thông ba Tạng rất giỏi về bốn kinh A-hàm, dạo qua khắp nhiều nước, lấy việc hành hóa làm sự nghiệp. Ngài ra đi từ nước Tây Vức cùng bạn là Ngài Trúc Luật Viêm đến từ Giang Tả, ngày năm Hoàng Võ thứ ba, châu Quân Võ Xương hai ngài cùng dịch kinh ra tiếng Ngô (Hán). Riêng ngài Duy-kỳ-nan chưa rành tiếng Hán nên chỗ dịch chưa được rốt ráo lắm, chỉ dịch được nghĩa gốc, lời lẽ câu văn hãy còn chất phác.

****

- Tam-ma-kiệt Kinh, một quyển (thấy ghi trong Thủy Hưng Lục, so với Phân Hòa Đàn Vương Kinh thì giống nhiều khác ít).
- Phạm Chí Kinh, một quyển (thấy trong Thủy Hưng Lục, giống với bản Ngũ Bách Phạm Chí Kinh chỉ khác người dịch).
- Phật Y Kinh, một quyển (cùng dịch với ngài Chi Việt, không phải toàn bộ Đại Kinh mà chỉ tóm lược, thấy trong Bảo Xướng Lục. Hoặc gọi là Phật Y Vương Kinh).

Cả ba bộ kinh gồm ba quyển trên, ở đời Ngụy Minh Đế, ngài Sa-môn Trúc Luật Viêm người nước Thiên Trúc dịch thêo yêu cầu của Tôn Quyền ở Dương đô, sau khi ngài Duy-kỳ-nan tịch. Các sách chép không giống nhau, hoặc gọi là Tướng Viêm, hoặc Trì Viêm, hoặc Luật Viêm, chưa rõ là đúng nay xin nêu đủ.

****

- Đại Minh Độ Kinh, bốn quyển (cũng gọi là Đại Minh Độ Vô Cực Kinh, hoặc sáu quyển, thấy trong cả hai Lục: Trúc Đạo Tổ, Ngụy, Ngô).
- Thiền Bí Yếu Kinh, bốn quyển (cũng gọi là Thiền Pháp Bí Yếu, thấy trong Ngô Lục và Biệt Lục).
- A-sai-mạt Bồ-tát Kinh, bốn quyển (thấy trong Ngô Lục, bản dịch thứ hai. So với bản dịch trước của ngài Duy-kỳ-nan thì bản văn có sai khác chút ít).
- Bồ-tát Bản Duyên Tập Kinh, bốn quyển (truyền rằng do Sa-môn Tăng-già-tư-na người nước Thiên Trúc soạn, hoặc ba quyển).
- Duy-ma-cật Sở Thuyết Bất Tư Nghì Pháp Môn Kinh, ba quyển (cũng gọi là Phật Thuyết Phổ Nhập Đạo Môn Kinh hoặc hai quyển. Bản dịch thứ hai, so với bản dịch của ngài Nghiêm Phật Điều đời hậu hán có chút ít sai khác. Thấy trong Trúc Đạo Tổ Ngụy Ngô Lục và Tam Tạng Ký).
- Tu Hành Phương Tiện Kinh, hai quyển (hoặc có chữ “Thiền” thấy trong Ngô Lục).
- Đại Bát-nê-hoàn Kinh, hai quyển (đây tóm lược phần tựa của Đại bản và phẩm Ai Thán làm hai quyển, ở quận ba tờ sau thì có chút ít sai khác. Thấy trong Trúc Đạo Tổ Ngô Lục. Ngài Đạo An bảo là rút từ Trường A-hàm. Ngài Tăng Hựu bảo là Trường A-hàm cùng bộ này khác nhau. Bản dịch thứ hai).
- Thụy Ứng Bản Khởi Kinh, hai quyển (bản dịch lần hai, năm Hoàng Võ, một tên là Thái Tử Bản Khởi Thụy Ứng, so với bản dịch của Khang Mạnh Tường thì có sai khác chút ít. Tạ Thương ở Trần Trương Tẩy ở quận Ngô ... bút thọ. Đông A Vương thực đời Ngụy xác định rõ. Thấy trong Thủy Hưng Lục và Tam Tạng Ký).
- Pháp Kính Kinh hai quyển (Đạo An Lục không có. Tăng Hựu Lục thì nói là thấy trong Biệt Lục. Ngài Khương Tăng Hội viết tựa và chú giải).
- Tiểu A-sai-mạt Kinh, hai quyển (thấy ở Biệt Lục và Tam Tạng Ký).

- A-di-đà Kinh, hai quyển (bản dịch thứ tư, so với bản dịch của Thế Cao đời Hán và của Tăng Khải đời Ngụy thì có khác chút ít. Nội Đề gọi là A-di-đà Tam-da Tam-phật Tát-lâu-đàn Quá Độ Nhân Đạo Kinh. Cũng gọi là Vô Lượng Thọ Kinh. Thấy trong Trúc Đạo Tổ Ngô Lục).

- Nghĩa Túc Kinh, hai quyển (Thấy trong Trúc Đạo Tổ Ngô Lục và Bảo Xướng Lục).

- Phương Đẳng Thủ-lăng-nghiêm Kinh, hai quyển (dịch lần hai ngày năm Hoàng Võ, so với bản dịch của ngài Chi-sấm đời Hậu Hán có khác chút ít. Thấy trong Trúc Đạo Tổ Ngô Lục, còn trong Đạo An Lục không có. Tăng Hựu Lục thì bảo là thấy trong Biệt Lục).

- Pháp Cú Kinh, hai quyển (bản dịch thứ hai, thấy trong Biệt Lục và Tam Tạng Ký, ít hay hơn bản dịch trước).

- Huệ Ấn Kinh, một quyển (một tên là huệ Ấn Tam-muội Kinh, một bản lại gọi là Thập Phương Hiện Tại Phật Tất Tại Tiền Lập Đại Định Kinh, bản khác lại gọi Bảo Điền huệ Ấn Tam-muội Kinh. Cùng bản với bộ Như Lai Trí Ấn Kinh nhưng khác người dịch. Thấy trong Trúc Đạo Tổ Ngô Lục và Tam Tạng Ký).

- Bổn Nghiệp Kinh, một quyển (một tên là Bồ-tát Bổn Nghiệp Kinh. Thấy trong Tăng Hựu Lục).

- Tu-lại Kinh, một quyển (bản dịch thứ hai, so với bản dịch của ngài Bạch Diên thì cũng một bản nhưng khác người dịch. Một tên là Tu Lại Bồ-tát Kinh Thấy trong Trúc Đạo Tổ Ngô Lục và Tam Tạng Ký).

- Phạm Ma-du Kinh, một quyển (Thấy trong Trúc Đạo Tổ Ngô Lục và Tam Tạng Ký).

- Tư A-mạt Kinh, một quyển (một tên là Tư A-muội. Ngài Đạo An bảo: đó là Bồ-tát Đạo Thọ Kinh, đồng bản mà khác người dịch, lại có tên khác. Thấy trong Đạo An Lục, Chi Mẫn Độ Lục, Tăng Hựu Lục).

- Vi Mật Trì Kinh, một quyển (hoặc gọi là Vô Lượng Môn Vi Mật Trí Kinh. Thấy trong Tăng Duệ Nhất Tần Lục và Tam Tạng Ký).

- Nguyệt Minh Đồng Tử Kinh, một quyển (hoặc gọi Nguyệt Minh Đồng Nam Kinh, hoặc gọi Nguyệt Minh Bồ-tát Tam-muội Kinh, thấy ghi trong Tam Tạng Ký).

- A-nan Tứ Sự Kinh, một quyển (thấy ở Tam Tạng Ký và Biệt Lục).

- Sai-ma-kiệt Kinh, một quyển (một tên là Bồ-tát Sinh Địa Kinh (Thấy trong Trúc Đạo Tổ Ngô Lục).

- Ưu-đa-la Mẫu Kinh, một quyển (một bản không có chữ Mẫu).

- Thất Nữ Kinh, một quyển (ngài Đạo An bảo rút từ A-tỳ-đàm, một bản gọi là Nữ Bản Kinh, dịch lần đầu).

- Úc-già Trưởng Giả Kinh, một quyển (bản dịch thứ hai, thấy trong Trúc Đạo Tổ Ngô Lục, hoặc nói có hai quyển).

- Bát Sư Kinh, một quyển (thấy trong Trúc Đạo Tổ Ngô Lục).

- Thích Ma-nam Bổn Kinh, một quyển (rút từ Trung A-hàm, thấy trong Trúc Đạo Tổ Ngô Lục).

- Bột Sao Kinh, một quyển (dịch đầu tiên, tức Bột Kinh, thấy trong Tam Tạng Ký và Biệt Lục).

- Lão Nữ Nhân Kinh, một quyển (rút từ A-tỳ-đàm. Ngô Lục gọi tắt là Lão Nữ Kinh hoặc Lão Mẫu Kinh, thấy trong Tam Tạng Ký).

- Trai Kinh, một quyển (dịch lần đầu, tên khác là Trì Trai Kinh, thấy trong Biệt Lục).

- Hối Quá Pháp Kinh, một quyển (một tên khác là Tự Thập Phương Lễ Bái Hối Quá Văn, hoặc không có chữ Kinh).

- Hiền Giả Đức Kinh, một quyển.

- Phật Tùng Thượng Sở Hành Tam thập Kệ Kinh, một quyển (hoặc không có chữ Kinh).

- Liễu Bổn Sinh Tử Kinh, một quyển (ngài Đạo An bảo là rút từ Sinh Kinh. Tăng Hựu bảo đây có năm quyển, Sinh Kinh không có tên này, lại một tên là Đạo Can, đồng bản chỉ khác người dịch. Ngài Chi Khiêm tự chú giải và viết tựa.

- Duy Minh Nhị Thập Kệ Kinh, một quyển (hoặc không có chữ Kinh).

- Long Thí Nữ Kinh, một quyển (Đạo An Lục không có, Tăng Hựu Lục thì bảo là thấy trong Biệt Lục).

- Lộc Tử Kinh, một quyển (Đạo An Lục không có, Tăng Hựu Lục thì bảo là thấy trong Biệt Lục và Trúc Đạo Tổ Ngô Lục cũng có ghi).

- Thập Nhị Môn Đại Phương Đẳng Kinh, một quyển (Đạo An Lục không có, Tăng Hựu Lục bảo là thấy trong Biệt Lục).

- Lại Tra-hòa-la Kinh, một quyển (dịch lần thứ hai, so với bản dịch của ngài Chi Diệu khác chút ít. Hoặc gọi là La-hán Lại Tra-hòa-la Kinh Đạo An Lục không có, Tăng Hựu Lục bảo là thấy trong Biệt Lục. Gồm ba mươi bộ kinh bốn mươi tám quyển trừ bộ Úc-già Trưởng Giả Kinh, đều thấy có trong Tăng Hựu Lục).

- Tứ Thập Nhị Chương Kinh, một quyển (dịch lần hai, so với bản của ngài Ma-đằng dịch có khác chút ít. Văn nghĩa đầy đủ đúng đắn, câu lời khá chỉnh. Thấy ghi trong Biệt Lục).

- Nan Long Vương Kinh, một quyển (một bản không có chữ Vương).
- Bất Tự Thủ Ý Kinh, một quyển (hoặc gọi Tự Thủ hoặc Bất Tự Thủ).
- Ngũ Ấm Sự Kinh, một quyển.
- Thất Tri Kinh, một quyển (một bản viết là Trí rút từ Trung A-hàm, quyển bảy).
- Nhân Dân Cầu Nguyện Kinh, một quyển.
- Phật Khai Giải A-bạt Phạm Chí Kinh, một quyển (một bản gọi Phạm Chí A-bạt Kinh, rứt từ Trường A-hàm).
- Bảo Hải Phạm Chí Thành Tựu Đại Bi Kinh, một quyển.
- Phạm Chí Tử Tử Đạo Bại Kinh, một quyển.
- Phạm Chí Vấn Phật Sư Kinh, một quyển.
- Hàng Thiên Phạm Chí Kinh, một quyển (rút từ Kinh A-hàm).
- Phạm Chí Kinh, một quyển (dịch lần hai).
- Độ Phạm Chí Kinh, một quyển.
- Ngoại Đạo Tiên Ni Thuyết Độ Kinh, một quyển.
- Phạm Chí Kiết Tịnh Kinh, một quyển.
- Phạm Chí Vấn Phật Thế Gian Tăng Giảm Kinh, một quyển.
- Phật Vị Ngoại Đạo Tu Thâm Thuyết Ly Dục Kinh, một quyển (hoặc không có chữ Thâm).
- Phạm Võng Lục Thập Nhị Kiến Kinh, một quyển (thấy trong Biệt Lục, Tăng Hựu Lục nói là Pháp Hộ dịch).
- A-chất Quốc Vương Kinh, một quyển.
- Kiệt Tham Vương Kinh, một quyển (rút từ Lục Độ tập).
- Quốc Vương Thành Tựu Ngũ Pháp Cữu Tồn Vi Thế Kinh, một quyển.
- Duy Lâu Vương Sư Tử Chúng Thí Dụ Kinh, một quyển (một bản không có chữ Thí Dụ).
- Chư Pháp Bổn Kinh, một quyển.
- Ngũ Mẫu Tử Kinh, một quyển.
- Giới Tiêu Phục Tai Kinh, một quyển (thấy trong Cựu Lục).
- Khổ Thọ Kinh, một quyển (thấy trong Đạo An Lục, một bản có chữ Đại ở trên).
- Thị Ngã Sở Kinh, một quyển (rút từ Sinh Kinh).
- Cam Lộ Đạo Kinh, một quyển (rút từ Xuất Diệu Kinh).
- Bất Tịnh Quán Kinh, một quyển (rút từ Trường A-hàm).
- Thủy Thượng Bào Kinh, một quyển.

- Hằng Thủy Giới Kinh, một quyển (thấy ở Cựu Lục hoặc không có chữ Giới).
- Sắc Vô Thường Kinh, một quyển (rút từ A-hàm).
- Hộ Khẩu Ý Kinh, một quyển.
- Thọ mạng Xúc Kinh, một quyển (rút từ Tạp A-hàm).
- Pháp Thí Thắng Kinh, một quyển.
- Chư Lậu Tận Kinh, một quyển (rút từ Tạp A-hàm, hoặc gọi là Chư Tận Kinh).
- Tu Hành Tứ Kinh, một quyển.
- Tu-ma-đề Trưởng Giả Kinh, một quyển.
- Ma-điều Vương Kinh, một quyển (dịch lần đầu, một bản không có chữ Vương).
- Tứ Nguyện Kinh, một quyển (thấy ở Trúc Đạo Tổ Ngô Lục và Tam Tạng Ký).
- Tịnh Hạnh Phẩm Kinh, một quyển (rút từ Hoa Nghiêm, một tên là Bồ-tát Bổn Nghiệp Kinh).
- Kim Cang Thanh Tịnh Kinh, một quyển (một tên là Kim Cang Tam-muội Bổn tánh Thanh Tịnh Bất Diệt Bất Hoại Kinh).
- Duy Việt Tạp Nạn Kinh, một quyển.
- Phật Vị Ha Đáo Khoáng Dã Quỷ Thuyết Pháp Kinh, một quyển.
- A-xà-thế Vương Nữ A-thuật-đạt Bồ-tát Kinh, một quyển (dịch lần đầu).
- Cần Tấn Học Đạo Kinh, một quyển (một bản không có chữ Cần).
- Bối Đa Thọ Hạ Tư Duy Thập Nhị Nhân Duyên Kinh, một quyển (dịch lần hai).
- Kiên Ý Kinh, một quyển (hoặc dùng chữ Tâm).
- Tam Phẩm Đệ Tử Kinh, một quyển.
- Ma-ha Tinh Tấn Kinh, một quyển (cũng gọi Đại Tinh Tấn Kinh).
- Bồ-tát Tu Hành Kinh, một quyển (thấy trong Bảo Xướng Lục).
- Phổ Quảng Bồ-tát Kinh, một quyển (thấy trong Biệt Lục).
- Đà-la-ni Cú Chú Kinh, một quyển (cũng gọi Trì Cú Chú Kinh).
- Hoa Tích Đà-la-ni Chú Kinh, một quyển (thấy trong Bảo Xướng Lục).
- Bát Cát Tường Kinh, một quyển (thấy trong Cổ Lục, cũng có chữ Chú, bản dịch lần đầu).

- Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật Chú Kinh, một quyển (thấy ở Bảo Xướng Lục, hoặc gọi tắt là Bát-nhã Ba-la-mật Chú Kinh).
- Thất Phật Thần Chú Kinh, một quyển (một bản không có chữ Kinh).
- Đại Từ Vô Giảm Kinh, một quyển.
- Bảo Nữ Minh Tam Thập Nhị Tướng Kinh, một quyển (một tên là Vấn huệ Kinh; một bản gọi là Tam Thập Nhị Sự Kinh, lại một bản gọi Bảo Nữ Vấn Kinh, bốn tên tất cả).
- Tam Ngư Thất Thủy Kinh, một quyển.
- Diễn Đạo Tục Nghiệp Kinh, một quyển (thấy trong Cựu Lục hoặc không có chữ Nghiệp).
- Bất Trang Giảo Nữ Kinh, một quyển (thấy trong Bảo Xướng Lục).
- Thân Nhật Kinh, một quyển (ngài Đạo An nói rút từ Trung A-hàm).
- Tôn-đa-da Trí Kinh, một quyển (hoặc gọi Phạm Chí Tôn-đa-da Trí Kinh, ngài Đạo An nói là rút từ Trung A-hàm).
- Trưởng Giả Âm Duyệt Kinh, một quyển (một bản gọi Trưởng Giả Âm-duyệt-bất-lan Ca-diếp Kinh; một bản gọi tắt là Âm-duyệt-kinh).
- Mặc Thị Phạm Chí Kinh, một quyển (thấy trong Biệt Lục).
- Pháp Luật Kinh, một quyển (cũng gọi Pháp Luật Tam-muội Kinh).
- Xuất Gia Công Đức Kinh, một quyển (thấy trong Ngô lục).
- Tệ-ma-thí Mục-liên Kinh, một quyển (thấy trong Cựu Lục, rút từ A-tỳ-đàm).
- Thất Lậu Kinh, một quyển (thấy trong Biệt Lục).
- Lam Đạt Vương Kinh, một quyển (một bản tên Mục-liên Nhân Duyên Công Đức Kinh, hoặc gọi Mục-liên Công Đức Kinh, thấy trong Ngô Lục).
- Ma Nữ Văn Phật Thuyết Pháp Đắc Nam Thân Kinh, một quyển (thấy trong Biệt Lục, rút từ Đại Tập).
- Ma Hóa Tác Tỳ-kheo Kinh, một quyển.
- Phật Dĩ-tam-xa-hoán Kinh, một quyển (rút từ kinh Pháp Hoa).
- Vị Sinh Oán Kinh, một quyển.
- Phất-da-sa Vương Kinh, một quyển (một bản tên là Bình Sa Vương Ngũ Nguyện Kinh. Ngài Đạo An bảo rú từ Trung A-hàm).
- Tu-ma-đề Nữ Kinh, một quyển.
- Bách Dụ Kinh, một quyển.

- Tuyết Sơn Di Hầu Kinh, một quyển.
- Độ Thoát Cẩu Tử Kinh, một quyển.
- Chế Cẩu Kinh, một quyển.
- Tam Chủng Lương Mã Kinh, một quyển.
- Xi Điểu Sự Kinh, một quyển.
- Hà Trung Thảo Quy Kinh, một quyển.
- Hạt Miết Kinh, một quyển.
- Tứ Chủng Lương Mã Kinh, một quyển (rút từ Tăng Nhất A-hàm).
- Ưng Diêu Lạp Kinh, một quyển (rút từ Tăng Nhất A-hàm).
- Pháp Diệt Tận Kinh, một quyển (dịch lần đầu, hoặc gọi pháp Một Tận Kinh, hoặc gọi Không Tịch Bồ-tát Sở Vấn Kinh).
- Vô Mẫu Tử Kinh, một quyển.

Cả một trăm hai mươi chín bộ, gồm một trăm năm mươi hai quyển kinh trên là do cư sĩ Ưu-bà-tắc Chi Khiêm, người nước Nguyệt Chi, tự là Cung Minh, lại có tên là Việt dịch ngày đời ngụy văn đế, ngày thời Hán Mạt ngài đã đến Lạc dương và theo học với ngài là Chi Lượng. Ngài Chi Lượng có tên tự là Kỷ Minh mà ngài Kỷ Minh lại học trò của ngài Chi-sấm. Ngài Ca-lâu-chi-sấm đã từng xem đủ các sách ghi chép ở đời Hán. Nên đời bấy giờ khen rằng trong thiên hạ những kẻ học rộng không ai hơn được ba vị này. Ngài Chi Khiêm đã từng xem đủ các kinh sách và đều thấu suốt rốt ráo, các nghề khéo ở thế gian phần lớn đều am tường, học khắp mọi thứ sách khác lạ, biết rành tiếng nói của cả sáu nước. Ngài là người nhỏ nhắn, cao gầy đen đúa, mắt thì lòng trắng lớn mà con ngươi màu vàng. Nên người thời ấy thường bảo rằng: Chàng Chi có mắt ngươi vàng, dù thân thể ốm gầy và bé nhỏ nhưng đó là cái túi đầy Trí huệ. Lúc bấy giờ là thời Hán Mạt đầy loạn lạc nên ngài tạm lánh sang nước Ngô. Ngô Quyền nghe đồn ngài là kẻ tài trí nên mời ngài đến đàm đạo, ý rất vui bèn phong ngài Bác Sĩ, giúp dạy dỗ Thái tử. Ngài cùng với các người như Vĩ Diệu đều hết lòng phò giúp, tạo nhiều công ích lớn. Hiềm vì ngài là người Tây Vức nên trong sách Ngô Chí không ghi tên, chỉ dùng tài sức mà không ghi chép công lao. Đây là lỗi lầm của các sử gia nào phải do ý vua. Vì phàm là vua trong thiên hạ khi dùng các bậc hiền tài để phục vụ đời thì phong tước ở triều đình và ghi tên ngày sử sách, đâu hạn cuộc gì người Hoa hay kẻ rợ mà không ghi chép sao? Vả như Diệp Công, Tử Cao có tánh thích rồng thì Thiên Long liền giáng hiện. Đã không lấy lễ mà tiếp đãi dân Nhung Di, lại trông cậy họ thấm nhuần ân vua thì thật là việc khó được vậy! Song bộ xương

ngựa chết nằm giữa chợ tất phải là loại ngựa tài, lấy cái thuật bao dung để đợi hiền tài. Nay bởi quyền vua bao la có thể thâu nạp và tự quyết đoán tất cả mọi thứ từ xưa nay.

Ngài Chi Khiêm thấy giáo pháp Đại thừa tuy đã lưu hành nhưng các kinh phần lớn đều là tiếng Phạm chưa được dịch hết. Nay do ngài biết rành tiếng địa phương nên đã thu nhặt khá nhiều các bổn kinh xưa cũ để dịch ra tiếng Hán. Bắt đầu từ đầu năm Hoàng Võ đến cuối năm Kiến Hưng, trong khoảng trước sau hơn ba mươi năm, ngài đã dịch được các kinh như Duy-ma, Đại Bát-nê-hoàn, Pháp Cú, Thụy Ứng Bản Khởi... Các Lục như Tăng Hựu, Tam Tạng Tập Ký đều ghi chép là chỉ có ba mươi sáu bộ. Còn các Lục huệ Kiểu, Cao Tăng Truyện thì ghi là có bốn mươi chín bộ. Ngài Phí Phòng kiểm tra rộng rãi các tạp lục của mọi nhà thì từ Tứ Thập Nhị Chương Kinh trở đi đều là các Tạp kinh do Biệt ký nêu ra. Nay căn cứ ngày đó mà ghi lại, thì số lượng các sách truyện là ba mươi sáu bộ hoặc bốn mươi chín kinh, hình như đều do ngài Chi Khiêm dịch ra, sau này mới thâu nhặt được, hoặc phần lớn trước đây chính là dịch từ tiếng Phạm ra. Song các việc ghi chép kể thuật về thấy nghe, về ý và thể giống nhau khá ít, cũng có các ghi chép rộng hẹp dài ngắn, nêu ra hoặc bỏ bớt, lại khác nhau rất nhiều. Vì các tư liệu của mỗi sử gia có thể bỏ đi hay lấy ngày là do lầm lẫn. Bởi biển pháp thì quá rộng sâu mà sự việc thì chỉ là một ngụm, một giọt. Đã ra sức sưu tra rộng rãi các chỗ thấy nghe nên mới nêu trình đầy đủ ngày đó. Vả lại các kinh điển do ngài Chi Khiêm dịch ra nghĩa lý hợp với chỉ thú văn từ lại thanh nhã, thật quả là một bậc tài cao đức trọng. Lại căn cứ ngày Vô Lượng Thọ Kinh và Trung Bản Khởi Chế Bồ-tát mà soạn ra những câu văn vần tiếng Phạm từng ba tiếng một, đến nay hãy còn đang thịnh hành ở cả vùng Giang hoài. Ngài lại chú giải, viết tựa kinh Liễu Bản Sinh Tử.

****

- Lục Độ Tập Kinh, chín quyển (một tên là Lục Độ Vô Cực Kinh, lại một tên là Độ Vô Cực Kinh, một tên Tạp Vô Cực Kinh. Thấy trong Trúc Đạo Tổ Lục và Tam Tạng Ký).

- Ngô Phẩm Kinh, năm quyển (tức là Tiểu Phẩm Bát-nhã thấy trong Tam Tạng Tập Ký).

- Bồ-tát Tịnh Hạnh Kinh, hai quyển (được dịch năm Xích Ô, tức Đại Tập Bảo Kiết Phẩm hoặc gọi tắt là Tịnh Luật Kinh, thấy trong Trúc Đạo Tổ Ngô Lục).

- Tạp Thí Dụ Tập Kinh, hai quyển (Hoặc không có chữ Tập thấy

trong Tăng Hựu Lục).

- A-nan Niệm Di Kinh, hai quyển (cũng gọi là Pháp A-nan Niệm Kinh, thấy trong Tăng Hựu Lục).

- Kính Diện Vương Kinh, một quyển (thấy ở Tam Tạng Ký).

- Sát Vi Vương Kinh, một quyển (thấy trong Tăng Hựu Lục).

- Phạm Hoàng Vương Kinh, một quyển (thấy trong Hựu Lục và Cao tăng truyện).

- Quyền Phương Tiện Kinh, một quyển (thấy ở Ngô Lục và Biệt Lục).

- Tọa Thiền Kinh, một quyển (thấy trong Ngô Lục và Biệt Lục).

- Bồ-tát Nhị Bách Ngũ Thập Pháp Kinh, một quyển (hoặc hai quyển, dùng Kinh này thay cho bộ Tăng Nhị Bách Ngũ Thập Giới Trình Hạo là đây).

- Pháp Kính Kinh Giải Tử Chú, hai quyển (có viết thêm tựa).

- Đạo Thọ Kinh Chú Giải, một quyển (có viết thêm tựa).

- An Ban Kinh Chú Giải, một quyển (có viết thêm tựa).

Cả mười bốn bộ gồm hai mươi chín quyển trên, ở đời Ngụy Tề Vương trong năm Chánh Thủy, do Khương Tăng Hội người Thiên Trúc dịch. Ngài học thông ba tạng thấu hiểu sáu kinh, rành rẽ Thiên văn đổ vỉ biện Luận điều cốt yếu, văn chương trác tuyệt. Lúc đó ba vị ở đời Ngô, trước đó có ngài Chi-sấm tuyên dịch Kinh điển nhưng ở xứ này chỉ mới được giao tiếp với Phật pháp mà phong hóa chưa trùm khắp, nên ngài Tăng Hội muốn chấn hưng Đạo Pháp xây dựng chùa tháp ở chốn Giang hoài. Ngài bèn chống tích trượng ngao du về phía đông. Bấy giờ là năm Xích Ô nhà Ngô, ngài đã đến kiến nghiệp bèn dựng chùa tranh thờ tượng Phật và giảng đạo. Thuở đó chốn này chưa hề có Sư Tăng nên nghi ngài làm việc lạ lùng dối trá. Quan Hữu Ty tâu với Quyền cho mời ngài đến để cật vấn:

- Phật có linh nghiệm gì mà ông cạo đầu mặc áo khác đời?

Ngài đáp:

- Đức Như Lai tịch diệt đã hơn ngàn năm, hài cốt của ngài còn lại ở thế gian gọi là Xá lợi khi ứng hiện ở đâu thì thần diệu vô cùng. Thuở xưa vua A-dục thống trị cõi Diêm-phù-đề đã xây dựng bốn vạn tám ngàn Bảo tháp để thờ cúng, nơi nào chùa tháp hưng thịnh là biểu hiện giáo pháp của Như Lai đã thấm nhuần.

Quyền cho đó là khoe khoang bố láo. Bèn bảo:

- Nếu có được Xá-lợi thì ta sẽ cho xây dựng chùa tháp còn như dám lừa dối thì luật nước sẽ trừng trị!

Ngài liền xin thời hạn bảy ngày. Ngài bảo đồ chúng rằng:

- Phật Pháp hưng nguy chỉ là một dịp này thôi, nay nếu tất cả chúng ta không chí thành thì tất sau này không còn kịp nữa.

Bèn cùng nhau trai giới tinh Lược, ngài lấy một cái bình bằng đồng đựng đầy nước rồi thắp hương lễ thỉnh suốt bảy ngày, nhưng chẳng thấy gì, lại chí thành cầu thỉnh suốt tuần lễ thứ hai cũng không có ứng nghiệm.

Quyền bảo:

- Thật dám cả gan lừa dối.

Sắp muốn đem gia hình. Ngài Tăng Hội xin cho được tuần lễ thứ ba. Quyền bèn đặc ân nhận lời.

Tăng Hội bảo bạn Đạo rằng: Tuyên Ni có nói: “Văn Vương đã mất mà vẻ đẹp lại không còn sao?”

Pháp linh đã ứng nghiệm nhưng vì bọn ta chưa cảm được đấy thôi. Xá gì luật vua, chúng ta quyết tâm đến chết mới thôi! Đến chiều tối ngày chót của tuần thứ ba cũng chẳng thấy gì, ai nấy đều run sợ. Mãi đến canh năm bỗng nghe trong bình có tiếng động. Ngài Tăng Hội đến xem thì quả nhiên thấy có xá-lợi. Sáng hôm sau đem trình lên quyền. Quyền thiết triều mời các quan đến xem, ánh sáng năm sắc từ miệng bình chiếu sáng rực rỡ. Quyền tự tay ôm bình đổ xuống mâm đồng, Xá lợi khi chạm ngày thì mâm đồng liền vỡ ra.

Quyền kinh hãi kính cẩn đứng phắt dậy bảo rằng: “Điềm lành hiếm có!

Ngài Tăng Hội tiến lên thưa rằng oai thần của Xá-lợi đâu phải chỉ có chiếu sáng mà thôi, dù lửa của kiếp thiêu cũng không thể đốt cháy tan được, dù chày Kim cang cũng không thể đập vỡ được. Quyền ra lệnh thí nghiệm thử.

Ngài Tăng Hội nguyện rằng: “Mong mây pháp khắp che thấm nhuần chúng sinh kính ngưỡng, nguyện lại ban cho thần tích, rộng bày oai linh”.

Bèn để xá-lợi trong cối sắt, khiến kẻ lực sĩ lấy chày đập mạnh, nhưng rốt cục cối chày đều lõm ngày mà xá-lợi vẫn nguyên vẹn. Quyền vô cùng khâm phục liền ra lệnh xây tháp. Do đây mới có chùa Phật đầu tiên nên gọi là chùa Kiến sơ, nhân đó gọi nơi ấy là làng Phật-đà. Do đó mà vùng Giang tả Phật pháp được hưng thịnh, tất cả đều do công sức của ngài Tăng Hội. Đến đời Tôn Hạo thì chế lệnh hà khắc bạo ngược, dẹp bỏ việc thờ cúng lăng nhăng, lại muốn phá bỏ cả chùa Phật.

Hạo bảo các thuộc hạ: Những gì hưng thịnh tất phải có Thánh

Linh thì nên phụng thờ đạo ấy, còn những gì không linh nghiệm thì nên đốt sạch.

Các quan cùng tâu: "Oai lực của Phật không giống như các thần linh khác. Ngài Khương Tăng Hội cảm linh nghiệm nên Thái Thượng Hoàng xây dựng chùa đầu tiên, nay nếu khinh thường phá hủy đi thì ắt gây tai họa về sau".

Ý Hạo chưa quyết, bèn sai Trương Dục đến chùa cật vấn ngài Tăng Hội. Dục đem hết tài giỏi biện luận lưu loát của mình để vấn nạn đủ thứ, ngài Tăng Hội tùy cơ mà ứng đối lời lẽ tao nhã nhưng sắc nhọn. Từ sáng mãi đến chiều Dục không thể nào khuất phục được ngài, bèn xin phép cáo lui, ngài Tăng Hội tiễn đưa tận ngoài cửa. Bấy giờ bên cạnh chùa lại có nhà thờ cúng lăng nhăng, Dục lại bắt bẻ rằng: Huyền hóa đã hưng thịnh, vậy cớ sao bọn này ở gần chùa mà không thay đổi được họ?

Ngài Tăng Hội đáp: Sấm sét rền vang nhưng kẻ điếc nào nghe thấy gì? Vậy đâu phải vi diệu là ở tiếng mà quý ở chỗ lý hội, nếu lý đã rõ thì dầu muôn dặm, cũng đều thông, dù người ấy không phải liền nhà với giống Hồ Việt.

Dục trở về khen Tăng Hội, Hội vốn là người tài trí thông minh, sức của thần khó thể nào lường được. Cúi mong đèn trời đích thân đến kiểm soát. Hạo triệu tập các hiền tài trong triều đem ngựa xe đến đón ngài Tăng Hội.

Khi Hội ngồi ngày, Hạo bèn hỏi: "Phật Giáo thường nói về Thiện Ác báo ứng, vậy nó thế nào là đúng?".

Hội thưa: Phàm bậc Minh chủ lấy việc Hiếu từ đem ra dạy đời thì chim quạ đỏ bay lượn, người già sống lâu; đem nhân đức mà nuôi dạy vật thì suối nước ngọt trào phun giống lành sinh sản. Việc làm lành đã có bằng cớ như thế thì có việc tạo ác cũng thể nghiệm biết. Cho nên làm ác dầu kín nhẹm thế nào thì quỷ cũng thấy được mà giết đi, còn việc làm ác đã rõ ràng khi người biết cũng khó dung cho sống. Chỉ ngâm vịnh cầu phước mà không hối lỗi thì đâu dễ bảo là chứa nhóm điều lành để có được nhiều vui khác. Tuy là lời dạy cặn kẽ của sách Nho thì cũng chính là ý sáng của kinh Phật.

Hạo nói: Nếu thế thì làm theo Chu Khổng cũng đủ rồi cần chi phải dùng đến Phật giáo?

Tăng Hội đáp: Lời dạy của Chu Khổng chỉ là điều sơ lược hướng dẫn người đời, còn giáo pháp của Thích-ca thì sâu kín, rộng nói về nhân quả. Cho nên hễ làm ác thì phải vĩnh kiếp chịu khổ đau chốn địa ngục,

còn tu thiện thì mãi thọ hưởng vui cõi trời. Nêu việc này để khuyên bảo mọi người làm lành lánh dữ cũng là việc hệ trọng lớn lao lắm chứ!

Hạo nghe ngày không thể bắt bẻ được gì, nhưng dù nghe Chánh pháp mà vẫn còn mê muội hung ác, chưa thắng nổi tánh bạo ngược của mình. Hạo thường bảo đám vệ binh sửa sang ngự uyển ở hậu cung. Khi ấy đào được một tượng bằng vàng cao hơn vài thước, bèn đem trình lên Hạo. Hạo bảo mang tượng đến chỗ bẩn rồi lấy nước dơ mà dội ngày, cùng đám quần thần cười đùa lấy đó làm vui. Bỗng chốc cả mình mẩy Hạo sưng phù, chỗ kín đau nhức dữ dội. Kêu là thấu trời xanh, đám quần thần đều tái mặt kinh hồn. Quan Thái Sử chiếm quẻ bảo là Hạo đã xúc phạm đại Thần linh, liền ra lệnh cúng tế khắp các miếu nhưng hoàn toàn đều vô hiệu.

Có một thể nữ trước đây có thờ kính Phật pháp, nhân đó đến thăm hỏi và tâu rằng: Bệ hạ đã đến cầu phước Phật chưa?

Hạo ngẩn đầu hỏi: Phật là Đại Thần Linh chăng?

Thể Nữ tâu: “Đức Phật đúng là vị Đại Thần Linh”.

Hạo tỉnh ra mới bày tỏ hết lòng thành của mình. Bấy giờ Thể nữ liền kính cẩn rước tượng ấy đem để trên điện rồi nấu nước thơm đem tắm rửa tượng hơn mấy mươi lần lại đốt hương sám hối. Hạo rạp mình gục đầu trên gối, chí thành tự thú tội. Trong lúc đau đớn liền sai người đến chùa thăm hỏi Sa-môn rồi thỉnh ngài Tăng Hội về cung thuyết pháp. Ngài Tăng Hội theo ngày Hạo nhân đó hỏi đủ các lý về tội phước, ngài Tăng Hội bèn trình bày khúc chiết, lời lẽ rất tinh yếu. Hạo vốn là kẻ học rộng có tài nghe hiểu được rất đổi mừng vui, liền cầu xin được xem Tăng giới. Ngài Tăng Hội cho là giới cần phải giữ kín không thể nói năng bừa bãi, bèn lấy quyển Bồ-tát Bổn Nghiệp Bách Nhị Thập Ngũ Nguyện đem chia thành hai trăm năm mươi điều, giữ giống như hai trăm năm mươi giới của chư Tăng, rồi đem trình lên Hạo. Hạo đọc thấy mới biết chư Phật trong lúc đi đứng nằm ngồi đều cầu nguyện cho chúng sinh luôn được an vui, lòng từ bi rộng khắp tăng nhiều thiện ý, tâm sinh tin tưởng nương về. Hạo lại càng mừng vui hết lòng chuyên cần cố gắng, liền xin được thọ năm giới cùng ngài Tăng Hội, chỉ trong một tuần thì bệnh kia dứt hết. bèn sửa chữa trang trí ngôi chùa nơi ngài Tăng Hội ở, rồi khuyên bảo hàng tôn thất đều tin tưởng phụng thờ. Ngài Tăng Hội châu triều đình nhà Ngô luôn giảng nói Chánh pháp. Hạo vốn tánh hung dữ thô bạo không tin nhiễm được diệu nghĩa, chỉ trình bày việc báo ứng để khơi mở tâm ý ông ta. Nhưng ngài Tăng rỗi rãnh thì nhiều người cầu thỉnh, ngài châu chùa Kiến sơ chuyên dịch các kinh đã

kể, lại tự chú giải và viết tựa đều rất hay, thể và văn nghĩa đều đầy đủ lại hợp nhau. Các kinh do ngài chú giải như An Ban Thủ Ý, Pháp Kính Đạo Thọ... đều thấy ghi đủ trong các Lục. Ngài lại đặt ra các kệ tụng rất thanh cao, giọng điệu êm đềm, đến nay vẫn còn noi theo.

Nhà Ngô, tháng bốn năm Thiên Kỷ thứ tư thì Hạo đầu hàng nhà Tấn, đến tháng chín năm đó thì ngài Tăng Hội viên tịch.

****

- Tạp Thí Dụ Kinh, tám mươi quyển.
- Tạp Số Kinh, hai mươi quyển.
- A-duy-việt-trí Chuyển Kinh, mười tám quyển. (Cả ba kinh trên đều thấy ở Cựu Lục).
- Ma-ha Thừa Kinh, mười bốn quyển.
- Thục Phổ Diệu Kinh, tám quyển.
- Ma-ha-diễn Ưu-ba-đề-xá Kinh, năm quyển.
- Tam-muội Vương Kinh, năm quyển.
- Phạm Vương Thỉnh Vấn Kinh, năm quyển.
- Bất Thoái Chuyển Luân Kinh, bốn quyển.
- Phật Tùng Đâu-suất Giáng Trung Ấm Kinh, bốn quyển (rút từ Chánh Tông Lục).
- Tứ Thiên Vương Kinh, bốn quyển (nghi rằng một bộ có bốn bản).
- Ma Vương Thỉnh Vấn Kinh, bốn quyển (hoặc năm quyển).
- Na Tiên Thí Dụ Kinh bốn quyển (thấy trong Cựu Lục).
- Độ Vô Cực Thí Kinh, ba quyển (hoặc bốn quyển).
- Thích Đề Hoàn Nhân Sở Vấn Kinh, ba quyển.
- Đại Phạm Thiên Vương Thỉnh Chuyển Pháp Luân Kinh, ba quyển.
- Pháp Hoa Quang Thụy Bồ-tát Hiện Thọ Kinh, ba quyển.
- Phổ Hiền Bồ-tát Đáp Nạn Nhị Thiên Kinh, ba quyển.
- Như Thủ Bồ-tát Kinh, hai quyển (nghi là Nhu Thủ Bồ-tát Phân Vệ Kinh).
- Thái Tử Thí Nghệ Bản Khởi Kinh, hai quyển.
- Tiểu Bản Khởi Kinh, hai quyển (thấy trong Cựu Lục).
- Bất Tư Nghì Công Đức Kinh, hai quyển (hoặc gọi Công Đức Kinh).
- Thục Thủ-lăng-nghiêm Kinh, hai quyển (thấy trong Cựu Lục, hình như dịch ra ở đất Thục).
- Hậu Xuất Thủ-lăng-nghiêm Kinh, hai quyển (thấy ở Cựu Lục

bảo là có mười bài kệ).

- Phạm Thiên Vương Thỉnh Phật Thiên Thủ Kinh, hai quyển (lại có Đại Phạm Thiên Vương Kinh hai quyển, giống kinh này).
- Thâm Đoạn Liên Kinh, hai quyển.
- Cam Lộ Vị A-tỳ-đàm, hai quyển (hoặc gọi Cam Lộ Vị Kinh, hai quyển).
- Thất Phật Phụ Mẫu Tánh Tự Kinh, một quyển (Cựu Lục gọi là Thất Phật Tánh Tự Kinh).
- A-duy-việt-trí Bồ-tát Giới Kinh, một quyển (Cựu Lục gọi là A-duy-việt-trí Giới Kinh).
- Bồ-tát Thường Hành Kinh, một quyển.
- Ma-ha Mục-kiền-liên Dữ Phật Giác Năng Kinh, một quyển.
- A-nan Đắc Đạo Kinh, một quyển.
- A-nan Bát-nê-hoàn Kinh, một quyển.
- A-na-luật Niệm Phục Sinh Kinh, một quyển.
- Sa-môn Phân Vệ Kiến Quái Dị Kinh, một quyển.
- Nhân Trá Danh Vi Đạo Kinh, một quyển.
- Đại Giới Kinh, một quyển.
- Y Phục Chế Kinh, một quyển.
- Sa-di Ly Oai Nghi Kinh, một quyển.
- Đệ Tử Bản Hạnh Kinh, một quyển.
- Đạo Bản Ngũ Giới Kinh, một quyển.
- Oai Nghi Kinh, một quyển (Các kinh trên đều thấy ở Cựu Lục).
- Vị Thọ Tận Thiên Tử Thuyết Pháp Kinh, một quyển (Cựu Lục gọi là Mạng Tận Thiên Tử Kinh).
- Ma Thí Phật Kinh, một quyển (thấy trong Cựu Lục).
- A-tu-luân Vấn Bát Sự Kinh, một quyển (Cựu Lục gọi là A-tu-luân Sở Vấn Bát Sự Kinh).
- Ma-kiệt Vương Kinh, một quyển (Cựu Lục gọi: Ma-kiệt Quốc Vương Kinh).
- Tát-ba-đạt Vương Kinh, một quyển (thấy trong Cựu Lục).
- Thi-ha Biến Vương Kinh, một quyển (Cựu Lục gọi là Ni-ha Biến Vương Kinh).
- Niên Thiếu Vương Kinh, một quyển (thấy trong Cựu Lục).
- Thái Tử Pháp huệ Kinh, một quyển (Cựu Lục gọi là Thái Tử Pháp Kinh).
- Thị Quang Thái Tử Kinh, một quyển.
- Trưởng Giả Nan-đề Kinh, một quyển.

- Trưởng Giả Tử Thệ Kinh, một quyển.
- Ngũ Bách Bà-la-môn Vấn Hữu Vô Kinh, một quyển.
- Nữ Lợi Hạnh Kinh, một quyển (đều thấy trong Cựu Lục).
- Bần Nữ Thính Kinh Xà Niết Mạng Chung Kinh, một quyển (Tăng Hựu Lục gọi là Bần Nữ Thính Kinh Xà Niết Mạng Chung Sinh Thiên Kinh).
- Quốc Vương Si Phú Nhân Kinh, một quyển.
- Tứ Phụ Nhân Duyên Kinh, một quyển.
- Dâm Nhân Duệ Chủng Hành Kinh, một quyển (đều thấy ở Cựu Lục).
- Tu-đa-la Kinh, một quyển (Cựu Lục gọi Tu-đa-la Nhập Thai Kinh).
- Nọa-ca Kinh, một quyển (thấy ở Cựu Lục, nhà Tấn gọi là Kiên Cường).
- Bàn-đạt Long Vương Kinh, một quyển (thấy trong Cựu Lục).
- Ngưu Mễ Tự Cúng Dường Kinh, một quyển (Cựu Lục gọi là Ngưu Mễ Tự Cúng Kinh).
- Hành Mục Thực Ngưu Kinh, một quyển (Cựu Lục có ghi).
- Đọa Thích-ca Mục Ngưu Kinh, một quyển (thấy trong Cựu Lục).
- Pháp Nghiêm Kinh, một quyển (thấy ở Cựu Lục nghi là bộ Đẳng Nhập Pháp Nghiêm Kinh).
- Bích Tứ Kinh, một quyển.
- Mại Trí huệ Kinh, một quyển.
- Sơ Thọ Đạo Kinh, một quyển.
- Học Kinh Phước Kinh, một quyển.
- Chỉ Tự Trung Kinh, một quyển (đều thấy trong Cựu Lục).
- Vô Đoan Để Trì Kinh, một quyển (Cựu Lục gọi là Vô Đoan Để Tổng Trì Kinh).
- An Ban Hành Đạo Kinh, một quyển.
- Giải huệ Vi Diệu Kinh, một quyển.
- Thất Đạo Đắc Đạo Kinh, một quyển (đều thấy trong Cựu Lục).
- Tâm Tình Tâm Thức Kinh, một quyển (thấy Cựu Lục bảo có chú giải).
- Đạo Đức Quả Chứng Kinh, một quyển.
- Phụ Tử Nhân Duyên Kinh, một quyển (đều thấy trong Cựu Lục).
- Kiểm Ý Hướng Chánh Kinh, một quyển.

- Huỳnh Hỏa Lục Độ Kinh, một quyển (Cựu Lục có Minh Độ Kinh, một quyển, một tên nữa là Huỳnh Hỏa Minh Độ Kinh).
- Tạp A-hàm Kinh, một quyển.
- Tiểu Quán thế Lâu Thán Kinh, một quyển.
- Nội Thiền Ba-la-mật Kinh, một quyển (đều thấy trong Cựu Lục).
- Tứ Bối Kinh, một quyển (Cựu Lục gọi là Tứ Sự Đệ Tử Kinh, hoặc gọi là Tứ Bối Học Kinh).
- Đại Tứ Đế Kinh, một quyển.
- Ngũ Phương Tiện Kinh, một quyển.
- Ngũ Duy-việt-la Danh Giải Thuyết Kinh, một quyển.
- Ngũ Ấm Kinh, một quyển.
- Trung Ngũ Trược Thế Kinh, một quyển.
- Lục Ba-la-mật-đa Kinh, một quyển.
- Đại Thất Xa Kinh, một quyển.
- Bát Chánh Tà Kinh, một quyển.
- Bát Tổng Trì Kinh, một quyển.
- Bát Bối Kinh, một quyển.
- Bát Bộ Tăng Hạnh Danh Kinh, một quyển.
- Đại Thập Nhị Nhân Duyên Kinh, một quyển.
- Thập Bát Nạn Kinh, một quyển (đều thấy trong Cựu Lục).
- Ngũ Thập Nhị Chương Kinh, một quyển (thấy trong Cựu Lục riêng có Hiếu Minh Tứ Thập Nhị Chương Kinh).
- Bách Bát Ái Kinh, một quyển (thấy trong Cựu Lục hình như chép từ Ngũ Cái Nghi Kiết Kinh).
- Đãi huệ Tam-muội Kinh, một quyển (thấy trong Cựu Lục, một tên là Văn-thù-sư-lợi Vấn Bồ-tát Thập Sự Hạnh Kinh).
- Tiểu An Ban Chu Tam-muội Kinh, một quyển (thấy trong Cựu Lục).
- Thiền Hạnh Liễm Ý Kinh, một quyển (Cựu Lục gọi là Thiền Hạnh Kiểm Ý Kinh).
- Thiền Sổ Kinh, một quyển (thấy trong Cựu Lục).
- Hóa Thí Kinh, một quyển (thấy trong Cựu Lục, cũng gọi là Hóa Dụ Kinh).
- Quần Sinh Kệ Kinh, một quyển (thấy trong Cựu Lục).
- Đại Tổng Trì Thần Chú Kinh, một quyển (thấy trong Cựu Lục, cũng gọi là Tổng Trì Chú Kinh).
- Tát Hòa Bồ-tát Kinh, một quyển (thấy trong Cựu Lục, cũng gọi

là Quốc Vương Tát Hòa Bồ-tát Kinh).

- Huệ Định Phổ Biến Thần Thông Bồ-tát Kinh, một quyển (thấy trong Cựu Lục, cũng gọi là Huệ Định Phổ Biến Quốc Độ Thần Thông Bồ-tát Kinh).

- Bần Nữ Nhân Kinh, một quyển (thấy trong Cựu Lục, cũng gọi là Bần Nữ Nan-đà Kinh).

- A-thu-na Kinh, một quyển (thấy trong Cựu Lục, cũng gọi là A-thu-na Tam-muội Kinh).

Cả một trăm mười bộ gồm hai trăm chín mươi mốt kinh trên đều là do hai sách Cổ Lục và Cựu Lục ghi là các kinh mất tên người dịch. Nay thu góp lại phụ ngày đây để trình bày niên đại xa xôi, không chỗ ý cứ.

■

LỊCH ĐẠI TAM BẢO KÝ

QUYỂN 6

CÁC KINH DỊCH Ở ĐỜI TÂY TẤN

Sách Tây Tấn chép rằng: Tư Mã Viêm tự là An Thế người Ôn ở Hà nội, làm đại tướng quân là Thị trung lục thượng thư tướng quốc của nhà Ngụy. Vua nhà Tấn là thái tử Chiêu. Khi Chiêu tạ thế thì Tư Mã Viêm lên nối ngôi vua. Nguyên Đế biết rõ lịch số có lúc phải kết thúc nên sai quan Thái Bảo là Trịnh Xung đem dâng ngọc ấn tận nơi, Mã Viêm liền chấp tay mà nhận sự nhường ngôi, đó là Võ Đế. Bèn xưng là nhà Tấn, đóng đô ở Lạc dương và Trường an, là kinh đô cũ cả Đông và Tây vậy. Tấn Võ Đế trị vì được mười lăm năm. Niên hiệu Hàm Dương sai Tư Mã Do đánh dẹp nhà Ngô bắt được Hạo phong cho làm Quy Mạng Hầu.

Từ năm Vĩnh An hai mươi bốn đời Hậu Hán cho đến đầu năm Canh Tý thuộc năm Thái Khang Triệu thứ nhất, đời Tấn, từ đó cả chín châu lại được nhất thống. Lại năm Hoàng Võ thứ nhất nhà Ngô, Lăng Tích có nói: Từ nay trở đi đến sáu mươi năm thì xe cộ đồng một kiểu loại sách vở đồng một loại văn từ, đến nay quả nhiên đúng thế. Gần sáu mươi năm Thục đã bình, Ngô đã diệt, lại hai mươi năm sau đến năm Vĩnh Ninh thứ nhất, đời vua Huệ Đế, thì chính đạo suy đồi, quần hùng ai nấy đều cát cứ một phương. Triệu Vương mưu toan ngôi, cấu kết với bọn soán nghịch chuyên việc phế lập ở triều đình. Bọn Trương Quỹ noi dấu tự chiếm lấy đất đai xưng đế, trong ngoài luôn sôi sục, dần dần rối loạn cả ngôi thứ. Do đó Lưu Uyên chiếm lấy Bình Dương, và Lý Hùng nhân đấy mà thôn tính Lạc dương. Cho nên Hoài Đế phải long đong ở Hàm Cốc. Mẫn Đế bị rượt khỏi Trường an. Đạo đã nhờ thời mà hưng thịnh nhưng có hai kinh đô thì lơi lỏng phúng túng. Pháp do người mà sáng tỏ, nhưng gặp hai chúa thì rối ren lộn xộn. Muôn họ băng hoại phân ly, niềm tín không nơi gởi gấm bách quan mất hết tiết tháo, dòng họ Thích không còn chỗ tựa nương. Lúc bấy giờ có các Sa-môn

như Trúc Pháp Hộ, Cương Lương, Lâu Chí... quên mình chỉ lo lợi người, quyết chí truyền giáo, không nản đắng cay, lấy việc mở mang Phật Pháp làm sự nghiệp. Giúp nhà Tấn phiên dịch kinh sách nhiều nhất như các ngài Pháp Khâm, La Xoa cha con, Niếp Viễn, cha con Trúc Thúc Lan... tiếp nối nhau dịch thuật. Do đó trong khoảng năm mươi năm thì kẻ Hoa người Nhung hàng tại gia bậc xuất gia kể ra có mười ba người dịch.

Tính kể chung cả các kinh giới mất tên người dịch từ trước lẫn ngày nay thì có bốn trăm năm mươi mốt bộ gồm bảy trăm mười bảy quyển. Các sách đều ghi chép các kinh sách ấy thuộc đời Tây Tấn ở cả hai kinh đô với bốn đời vua trị vì suốt năm mươi hai năm.

A. Các dịch giả:

* Nhà Tây Tấn:

- Sa-môn Trúc Pháp Hộ có hai trăm mười bộ, gồm ba trăm chín mươi bốn quyển kinh, giới.
- Sa-môn Cương Lương Lâu Chí có một bộ, một quyển kinh.
- Sa-môn An Pháp Khâm có năm bộ, mười hai quyển kinh.
- Sa-môn Vô-la-xoa có một bộ, hai mươi quyển kinh.
- Thanh Tín Sĩ Niếp Thừa Viễn, có ba bộ, bốn quyển kinh.
- Sa-môn Trúc Thúc Lan, có hai bộ, năm quyển kinh.
- Con của Thừa Viễn là Thanh Tín Sĩ Đạo Chân có năm mươi bốn bộ, sáu mươi sáu quyển kinh và mục lục.
- Sa-môn Bạch Pháp Tổ, có hai mươi ba bộ, hai mươi lăm quyển kinh.
- Sa-môn Thích Pháp Lập có bốn bộ, mười ba quyển kinh.
- Ưu-bà-tắc Vệ Sĩ Độ có một bộ, hai quyển kinh.
- Sa-môn Chi Mẫn Độ có hai bộ, mười ba quyển kinh.
- Sa-môn Thích Pháp Cự có một trăm ba mươi hai bộ, một trăm bốn mươi hai quyển kinh.
- Sa-môn Chi Pháp Độ có bốn bộ, năm quyển kinh.
- Các kinh mất tên người dịch có tám bộ, mười lăm quyển kinh.

B. Các bản dịch:

* Nhà Tây Tấn:

- Tạp Thí Dụ Tam Bách Ngũ Thập Thủ Kinh, hai mươi lăm quyển (thấy trong Biệt Lục).
- Quang Tán Bát-nhã Kinh, mười quyển (dịch ngày hai mươi lăm

tháng mười một năm Thái Khang thứ bảy, gồm mười bảy phẩm hoặc mười lăm quyển, thấy trong Đạo An Lục).

- Tân Đạo Hạnh Kinh, mười quyển (dịch năm Thái Thủy thứ hai, so với bản Đạo Hạnh xưa của ngài Trúc Phật Sóc dịch ngày đời Hán thì khác nhau hoàn toàn. Cũng gọi là Tiểu Phẩm Xuất Quang Tán Bát-nhã).

- Tiệm Bị Nhất Thiết Trí Đức Kinh, mười quyển (dịch năm Ngươn Khang thứ bảy, là phẩm Hoa Nghiêm Thập Địa hoặc năm quyển, thấy trong Niếp Đạo Chân Lục).

- Nhàn Cư Kinh, mười quyển.

- Chánh Pháp Hoa Kinh, mười quyển (dịch năm Thái Khang thứ bảy, Thanh Tín Sĩ Trương Sĩ Minh, Trương Trọng Chánh và Pháp Hiến... bút thọ. Hoặc nói bảy quyển, thấy trong Niếp Đạo Chân Lục. Ngài Đàm Thúy mỗi ngày tụng một biến bèn cảm được thần linh đến thỉnh chín mươi ngày mới ngày. Bèn cho một con ngựa trắng, con dê năm đầu và chín mươi xấp lụa).

- Phổ Diệu Kinh, tám quyển (dịch chùa Thiên Thủy ngày năm Vĩnh Gia thứ hai, là bản dịch thứ ba. Sa-môn Khang Thù Bạch Pháp Cự... bút thọ. Hơi khác chút ít với bản Phổ Diệu và Trí Mãnh Thật Vân sáu quyển được dịch ở Thục, thấy trong Niếp Đạo Chân và Cổ Lục).

- Bạc-đà Kiếp Tam-muội Kinh, bảy quyển.

- Tu Hành Kinh, bảy quyển (dịch năm Thái Khang thứ hai, là bản dịch thứ thứ hai. So với bản dịch sáu quyển của An Thế Cao đời Hán có khác chút ít. Cũng gọi là Đạo Địa Kinh thấy trong Bảo Xướng Lục).

- Đại Ai Kinh, bảy quyển (dịch năm Ngươn Khang thứ nhất, hoặc tám quyển, hoặc sáu quyển, là một phẩm trong Đại Tập, thấy trong Trúc Đạo Tổ Tấn Thế Tạp Lục).

- Hiền Kiếp Kinh, bảy quyển (dịch năm Ngương Khang thứ nhất, Triệu Văn Long bút thọ, hoặc mười quyển hay mười ba quyển. Cựu Lục bảo là dịch năm Vĩnh Khang, thấy ở Niếp Đạo Chân Lục).

- Tiểu Phẩm Kinh, bảy quyển (dịch ngày bốn tháng ba năm Thái Thủy thứ tư, là bản dịch thứ hai, hoặc tám quyển, thấy trong Niếp Đạo Chân Lục. So với bản Đạo Hạnh Kinh xưa giống nhau khác ít).

- Tát Vân Phân-đà-lợi Kinh, sáu quyển (dịch năm Thái Thủy thứ nhất, thấy trong Trúc Đạo Tổ Tấn Thế Tạp Lục).

- Trì Tâm Kinh, sáu quyển (dịch năm Thái Khang thứ bảy, gồm mười bảy phẩm, một tên là Đẳng Ngự Chư Pháp Kinh, một tên là Trì Tâm Phạm Thiên Sở Vấn Kinh, một tên là Trang Nghiêm Phật Pháp

Kinh, cũng gọi là Trì Tâm Phạm Thiên Kinh, thấy trong Cựu Lục và Niếp Đạo Chân Lục).

- Độ Thế Phẩm Kinh, sáu quyển (dịch ngày ba tháng mười năm Ngươn Khang thứ tư, tức là Hoa Nghiêm Kinh Thế Gian Phẩm, thấy trong Niếp Đạo Chân Lục).

- Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ Kinh, năm quyển (dịch ngày tám tháng mười năm Thái Khang thứ nhất, hoặc tám hay bốn quyển, thấy trong Chi Mẫn Độ và Trúc Đạo Tổ Tấn Thế Tạp Lục).

- Lâu Thán Kinh năm quyển (hoặc sáu hay tám quyển là Trường A-hàm Thế Ký Cú, văn có khác chút ít, thấy trong Niếp Đạo Chân Lục. Ngài Đạo An bảo là rút từ Bộ Phương Đẳng).

- Sinh Kinh, năm quyển (dịch ngày mười chín tháng một năm Thái Khang sáu hoặc bốn quyển, thấy trong Niếp Đạo Chân Lục).

- Như Lai Hưng Hiển Kinh, năm quyển (dịch ngày Rằm tháng Chạp năm Ngươn Khang thứ nhất, tức là Như Lai Tánh Phẩm của Kinh Hoa Nghiêm, cũng gọi là Hưng Hiển Như Huyễn Kinh, thấy trong Niếp Đạo Chân Lục).

- A-sai-mạt Kinh bốn quyển (dịch ngày một tháng mười hai năm Vĩnh Gia thứ nhất, là bản dịch thứ hai, hoặc năm hay bảy quyển, rút từ Đại Tập, hoặc họi là A-sai-mạt Bồ-tát Kinh, thấy trong Niếp Đạo Chân Lục và Biệt Lục).

- Vô Tận Ý Kinh, bốn quyển (dịch lần hai ngày năm Thái Thủy thứ nhất, cùng bộ A-sai-mạt đồng bản nhưng khác người dịch, rút từ Đại Tập, thấy trong Niếp Đạo Chân Lục hoặc năm quyển).

- Bảo Nữ Kinh bốn quyển (dịch ngày hai mươi bảy tháng bốn năm Thái Khang thứ tám, hoặc ba quyển, cũng gọi là Bảo Nữ Tam-muội Kinh, hoặc gọi Bảo Nữ Vấn huệ Kinh, rút từ Đại Tập, thấy trong Niếp Đạo Chân Lục).

- Phổ Siêu Kinh, bốn quyển (dịch năm Thái Khang thứ bảy, bản dịch thứ hai, cùng bản A-xà-thế Vương Kinh của ngài Chi-sấm dịch ở đời Hán thì bản đồng mà khác người dịch. Cũng gọi là Phổ Siêu Tam-muội Kinh, cũng gọi Văn-thù Phổ Siêu Tam-muội Kinh, thấy trong Trúc Đạo Tổ, Tạp Lục).

- Hải Long Vương Kinh, bốn quyển (dịch vào tháng bảy năm Thái Khang thứ sáu, hoặc ba mươi quyển, thấy trong Niếp Đạo Chân Lục).

- A-duy-việt-trí Kinh, bốn quyển (hoặc gọi A Duy Việt Trí Giá Kinh, hoặc gọi Bất Thối Chuyển Pháp Luân Kinh, bốn quyển, hoặc gọi Quảng Bát Nghiêm Tịnh Kinh, sáu quyển. Bốn kinh này đồng bản mà

khác người dịch, thấy trong Niếp Đạo Chân Lục).

- Trì Nhân Bồ-tát Sở Vấn Kinh, ba quyển (hoặc bốn quyển cùng bộ Trì Thế Kinh, đồng bản mà khác người dịch).

- Đẳng Tập Chúng Đức Tam-muội Kinh, ba quyển (hoặc gọi Tập Nhất Thiết Phước Đức Tam-muội Kinh, hoặc hai quyển, thấy trong Niếp Đạo Chân Lục).

- Siêu Nhật Minh Tam-muội Kinh, ba quyển (dịch vào tháng một năm Thái Thủy thứ bảy, bản dịch đầu, hoặc hai quyển, hoặc gọi tất là Siêu Nhật Minh Kinh, thấy trong Niếp Đạo Chân Lục).

- Bồ-tát Tạng Kinh, ba quyển.

- Chư Thần Chú Kinh, ba quyển.

- Bảo Kế Bồ-tát Sở Vấn Kinh, hai quyển (dịch mười bốn tháng bảy năm Thái Hi thứ nhất, trong Đại Tập có một tên là Bồ-tát Tịnh Hạnh Kinh, Cựu Lục gọi là Bảo Kế Kinh, thấy trong Niếp Đạo Chân Lục).

- Tu Chân Thiên Tử Kinh, hai quyển (ở Bạch mã, trong Thanh Môn tại Trường an, dịch năm Thái Thủy thứ hai, An Văn huệ viết Bạch Nguyên Tín Truyện, nói Niếp Thừa Viễn, Trương Huyền Bá, Tôn Hưu Đạt bút thọ, cũng gọi là Vấn Tứ Sự Kinh, thấy ở Trúc Đạo Tổ Tấn Thế Tạp Lục).

- Văn-thù-sư-lợi Phật Độ Nghiêm Tịnh Kinh, hai quyển (dịch năm Thái Hi thứ nhất, hoặc gọi Nghiêm Tịnh Phật Độ, hoặc gọi Phật Độ Nghiêm Tịnh, thấy ở Trúc Đạo Tổ Tấn Thế Tạp Lục).

- Hoằng Đạo Quảng Hiển Tam-muội Kinh, hai quyển (dịch ngày tháng ba năm Vĩnh Gia thứ hai, một tên là A-nậu-đạt, một tên là A-nậu-đạt Thỉnh Phật, một tên Kim Cang Môn Định Ý, hoặc không có chữ Tam-muội, gồm bốn tên có mười phẩm. Có một bản chỉ có bảy phẩm, nhưng ba phẩm thiếu này thì một bản lại có trong năm phẩm trước, thấy trong Niếp Đạo Chân Lục).

- Đại Bát-nê-hoàn Kinh, hai quyển (dịch ngày ba tháng bảy năm Thái Thủy thứ năm, cũng gọi là Phương Đẳng Nê-hoàn Kinh, thấy trong Niếp Đạo Chân Lục).

- Vô Lượng Thọ Kinh, hai quyển (dịch ngày hai mươi mốt tháng một năm Vĩnh Gia thứ hai, là bản dịch thứ tư, so với bản dịch của Chi Khiêm nhà Ngô, của Khang Tăng Khải, của Bạch Diên nhà Ngụy... thì bản đồng mà văn khác, cũng gọi là Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh, thấy trong Trúc Đạo Tổ Tấn Thế Tạp Lục).

- Thủ-lăng-nghiêm Kinh, hai quyển (riêng có bản dịch Thủ-lăng-

nghiêm khác bảo là A-nan nói).

- Bảo tạng Kinh, hai quyển (dịch năm Thái Thủy thứ sáu).

- Yếu Tập Kinh, hai quyển (cũng gọi là Chư Phật Yếu Tập Kinh).

- Ban Chu Tam-muội Kinh, hai quyển (ngài Đạo An gọi là Cánh Xuất Ban Chu Tam-muội Kinh).

- Đại Thiện Quyền Kinh, hai quyển (bản dịch đầu, dịch ngày tháng sáu năm Thái Khang thứ sáu, cũng gọi huệ Thượng Bồ-tát Vấn Đại Thiện Quyền Kinh, hoặc gọi huệ Thượng Bồ-tát Kinh, hoặc Thiện Quyền Phương Tiện hoặc Phương Tiện Sở Độ Vô Cực, gồm cả năm tên, thấy trong Niếp Đạo Chân Lục).

- Thuận Quyền Phương Tiện Kinh, hai quyển (cũng gọi là Chuyển Nữ Thân Bồ-tát Kinh, cũng gọi Thôi Quyền Phương Tiện Kinh. Cựu Lục gọi là Thuận Quyền Nữ Kinh, thấy trong Niếp Đạo Chân Lục).

- Tùy Quyền Nữ Kinh, hai quyển (thấy trong Biệt Lục, An Lục không có).

- Như Huyễn Tam-muội Kinh, hai quyển (hoặc ba quyển).

- Đẳng Mục Bồ-tát Kinh, hai quyển (hoặc ba quyển).

- Dõng Phục định Kinh, hai quyển (dịch ngày chín tháng bốn năm Ngươn Khang thứ nhất, là bản dịch thứ tư, cùng bộ Thủ-lăng-nghiêm Kinh của các ngài Chi-sấm, Chi Khiêm và Bạch Diên... dịch thì bản đồng mà tên khác, văn cũng khác chút ít, thấy trong Niếp Đạo Chân Lục).

- Cánh Xuất A-xà-thế Vương Kinh, hai quyển (bản dịch lần hai).

- Cổ Khách Kinh, hai quyển.

- Văn-thù-sư-lợi Hiện Bảo Tàng Kinh, hai quyển (cũng gọi là Văn-thù-sư-lợi Phật Độ Nghiêm Tịnh Kinh).

- Phật Thăng Đao-lợi Thiên Vị Mẫu Thuyết Pháp Kinh, hai quyển (dịch năm Thái Thủy, cũng gọi Phật Thăng Đao-lợi Thiên Phẩm Kinh, thấy trong Niếp Đạo Chân Lục).

- Nhân Vương Bát-nhã Ba-la-mật Kinh, một quyển (hoặc hai quyển, thấy trong Tấn Thế Tạp Lục).

- Phổ Môn Phẩm Kinh, một quyển (dịch ngày tháng một năm Thái Khang thứ tám, thấy trong Niếp Đạo Chân Lục).

- Nguyệt Quang Đồng Tử Kinh, một quyển (cũng gọi Nguyệt Minh Đồng tử Kinh, cùng Thân Nhật, Đâu Thất, Lợi Việt... ba kinh đồng bản mà khác người dịch).

- Kim Cang Tát Bồ-tát Hạnh Kinh, một quyển (dịch chùa Thị tây

tại Trường an ngày năm Ngươn Khang thứ bảy, rút từ Hoa Nghiêm Kinh quyển hai mươi hai).

- Đại Tịnh Pháp Môn Kinh, một quyển (dịch ngày hai mươi sáu tháng mười hai năm Kiến Hưng thứ nhất, thấy trong Niếp Đạo Chân Lục).

- Ly Cấu Thí Nữ Kinh, một quyển (dịch ngày hai tháng hai năm Thái Khang thứ mười, thấy trong Niếp Đạo Chân Lục).

- Tu-ma-đề Bồ-tát Kinh, một quyển (cũng gọi Tu-ma đề Kinh cũng gọi tu ma kinh, thấy trong các lục Niếp Đạo Chân và Trúc Đạo Tổ...

- Long Thí Nữ Kinh, một quyển (Cựu Lục gọi là Long Thí Bản Khởi Kinh, bản dịch thứ hai).

- Đại Phương Đẳng Đảnh Vương Kinh, một quyển (dịch lần đầu, cũng gọi là Đảnh Vương Kinh, cũng gọi Duy-ma-cật Tử Vấn Kinh, cũng gọi Thiện Tư Đồng Tử Kinh, cả bốn tên này đều thấy trong Chi Mẫn Độ Lục).

- Vô Sở Hy Vọng Kinh, một quyển (cũng gọi Tượng Bộ Kinh, cũng gọi Tượng Dịch Kinh, thấy trong Niếp Đạo Chân Lục).

- Ma Nghịch Kinh, một quyển (dịch ngày hai tháng mười hai năm Thái Khang thứ mười, thấy trong Niếp Đạo Chân Lục).

- Tế Chư Phương Đẳng Học Kinh, một quyển (hoặc không có chữ Học, thấy trong Trúc Đạo Tổ Tấn Thế Tạp Lục).

- Bồ-tát Hạnh Ngũ thập Duyên Thân Kinh, một quyển (cũng gọi Ngũ Thập Duyên Thân Hạnh Kinh, cũng gọi Bồ-tát Duyên Thân Ngũ Thập Sự Kinh, thấy ở Trúc Đạo Tổ Tấn Thế Tạp Lục).

- Di-lặc Bồ-tát Sở Vấn Bổn Nguyện Kinh, một quyển (dịch ngày mười bảy tháng năm năm Thái An thứ hai, một tên là Di-lặc Bồ-tát Bản Nguyện Kinh, một tên Di-lặc Nạn Kinh, thấy trong Niếp Đạo Chân Lục và Trúc Đạo Tổ Lục).

- Văn-thù-sư-lợi Tịnh Luật Kinh, một quyển (ngài Pháp Hộ ở Bạch mã tại Lạc dương gặp Sa-môn Tịch chí người Tây Vức đọc và dịch ngày ngày tám tháng bốn năm Thái Khang thứ mười. Ở phần sau Kinh có một số phẩm đã quên, chỉ đọc lại các điều còn nhớ. Ngài Niếp Đạo Chân bút thọ, thấy trong Trúc Đạo Tổ Lục có một tên Tịnh Luật Kinh).

- Vô Tư Nghĩ Hài Đồng Bồ-tát Kinh, một quyển (một tên là Bất Tư Nghì Quang Sở Vấn Kinh, cũng gọi Vô Tư Nghì Quang Kinh).

- Di-lặc Thành Phật Kinh, một quyển (dịch năm Thái An thứ hai, một tên là Di-lặc Đương Lai Hạ Sinh Kinh, thấy trong Niếp Đạo Chân

Lục).

- Xá-lợi-phất Mục-liên Du Chư Quốc Kinh, một quyển (hoặc gọi Xá-lợi-phất Ma-ha Mục-kiền-liên Du Chư Tứ Vệ Kinh).

- Lưu Ly Vương Kinh, một quyển.

- Bảo Thí Nữ Kinh, một quyển (một tên Tu-ma-đề Pháp Luật Tam-muội Kinh, thấy trong Niếp Đạo Chân Lục).

- Phật Vị Bồ-tát Ngũ Mộng Kinh, một quyển (dịch ngày tháng năm năm Thái An thứ hai, một tên Phật Ngũ Mộng, một tên Thái Tử Ngũ Mộng, một tên Tiên Nhân Ngũ Mộng, thấy ở Cựu Lục và Niếp Đạo Chân Lục).

- Ma-ha Mục-kiền-liên Bản Kinh, một quyển (một bản có chữ Ha mà không có chữ Kiền).

- Thái Tử Mộ Phách Kinh, một quyển (bản dịch thứ hai).

- Tứ Bất Khả Đắc Kinh, hai quyển (thấy trong các Lục Niếp Đạo Chân và Chánh Độ).

- Bồ-tát Hối Quá Pháp Kinh, một quyển (hoặc không có chữ Kinh, có lời chú dưới bảo là rút từ Long Thọ Thập Trụ Luận).

- Nhũ Quang Kinh, một quyển (cùng Độc Tử Kinh bản đồng mà khác người dịch).

- Tâm Minh Nữ Phạm Chí Phụ Phạn Trấp Thí Kinh, một quyển (cũng gọi tắt là Tâm Minh Kinh).

- Đại Lục Hướng Bái Kinh, một quyển (dịch năm Thái An thứ nhất, hoặc gọi: Thi-ca-la Việt Lục Hướng Bái Kinh, hoặc gọi tắt Lục Hướng Bái Kinh, thấy trong Chi Mẫn Độ và Bảo Xướng Lục).

- Ương-quật-ma Kinh, một quyển (một bản tên Chỉ Man Kinh hoặc gọi Ương-quật-ma-la Kinh, thấy ở Niếp Đạo Chân Lục).

- Bồ-tát Thập Trụ Kinh, một quyển (cùng bản Bồ-tát Thập Địa Kinh thì giống nhiều khác ít).

- Ma-điều Vương Kinh, một quyển (dịch lần hai, cùng bản dịch của Chi Khiêm đời Ngô thì giống nhiều khác ít, rút từ Lục Độ Tập).

- Chiếu Minh Tam-muội Kinh, một quyển.

- Sở Dục Trí Hoạn Kinh, một quyển (dịch ngày tháng một năm Thái An thứ ba, thấy trong các Lục Niếp Đạo Chân và Vương Tồng).

- Pháp Một Tận Kinh, một quyển (hoặc viết chữ Diệt, một tên là Không Tịch Bồ-tát Sở Vấn Kinh, bản dịch lần hai cùng với bản dịch của ngài Chi Khiêm đời Ngô giống nhau).

- Bồ-tát Trai Pháp Kinh, một quyển (hoặc không có chữ Kinh, một tên là Chánh Trai, một tên là Trì Trai, một tên là Hiền Thủ Bồ-tát Trai

Pháp).

- Độc Chứng Tự Thệ Tam-muội Kinh, một quyển (một tên là Như Lai Tự Thệ Tam-muội Kinh).

- Quá Khứ Phật Phân Vệ Kinh, một quyển (hoặc gọi Quá Khứ, thấy trong Cựu Lục).

- Ngũ Cái Nghi Kiết Thất Hạnh Kinh, một quyển (dịch ngày mười hai tháng bốn năm Vĩnh An thứ hai, thấy trong Niếp Đạo Chân Lục).

- Tổng Trì Kinh, một quyển (rút từ Sinh Kinh, hoặc gọi là Phật Tâm Tổng Trì Kinh).

- Ngũ Phước Thí Kinh, một quyển (một tên là Tiểu Thừa Tỳ-ni Phương Đẳng Kinh).

- Vô Ưu Thí Kinh, một quyển (A-xà-thế Vương Nữ Kinh).

- Vô Cực Bảo Tam-muội Kinh, một quyển (dịch ngày ba tháng ba năm Vĩnh Gia thứ nhất, thấy trong Niếp Đạo Chân Lục và Biệt Lục).

- Bảo Võng Đồng Tử Kinh, một quyển (cũng gọi Bảo Võng Kinh, thấy trong Niếp Đạo Chân Lục).

- Văn-thù-sư-lợi Hối Quá Kinh, một quyển (dịch lần đầu cũng gọi Văn-thù-sư-lợi Ngũ Thể Hối Quá Kinh).

- Phổ Pháp Nghĩa Kinh, một quyển (cũng gọi Phổ Nghĩa Kinh, dịch lần thứ hai, cùng bản của An Thế Cao dịch ở đời Hán thì giống nhiều khác ít, thấy ở Niếp Đạo Chân Lục).

- Diệt Thập Phương Minh Kinh, một quyển (dịch ngày mười bốn tháng tám năm Quang Hi thứ nhất, một bản không có chữ Diệt, thấy ở Niếp Đạo Chân Lục).

- Bồ-tát Thập Địa Kinh, một quyển (cũng gọi là Thập Địa Kinh, cũng gọi Đại Phương Quảng Kinh, rút trong Thập Địa Phẩm của Kinh Hoa Nghiêm).

- Ôn Thất Tẩy Dục Chúng Tăng Kinh, một quyển (một tên là Ôn Thất Kinh, thấy trong Niếp Đạo Chân Lục).

- Lại Tra-hòa-la Sở Vấn Quang Đức Thái Tử Kinh, một quyển (dịch ngày ba mươi tháng chín năm Thái Thủy thứ sáu, một tên là Quang Đức Thái Tử Kinh, thấy trong Trúc Đạo Tổ Tấn Thế Tạp Lục).

- Đương Lai Biến Kinh, một quyển (thấy ở Niếp Đạo Chân Lục).

- Ngũ Bách Đệ Tử Tự Thuyết Bản Khởi Kinh, một quyển (dịch ngày tháng năm năm Thái An thứ hai, Cựu Lục bảo là Ngũ Bách Đệ Tử Thuyết Bản Mạt Kinh, thấy trong Niếp Đạo Chân Lục).

- Sư Tử Nguyệt Phật Sinh Kinh, một quyển (dịch năm Thái An, thấy trong Niếp Đạo Chân Lục).

- Ca-diếp Cát Tập Truyện Kinh, một quyển (hoặc gọi Cát Tập Giới Kinh, thấy trong Niếp Đạo Chân Lục).

- Nại Nữ Kỳ-vực Kinh, một quyển (dịch năm Thái An, một tên là Nại Nữ Kinh, thấy trong Niếp Đạo Chân Lục).

- Bào Thai Kinh, một quyển (dịch ngày một tháng tám năm Thái An thứ hai hoặc gọi Bào Thai Thọ Thân Kinh, thấy trong Niếp Đạo Chân Lục).

- Duy-ma-cật Sở Thuyết Pháp Môn Kinh, một quyển (dịch ngày một tháng bốn năm Thái An thứ hai, bản dịch thứ ba, so với các bản dịch của Nghiêm Phật Điều đời Hán, và ngài Chi Khiêm dịch đời Ngô thì giống nhiều khác ít, thấy trong Niếp Đạo Chân Lục).

- Úc-già La-việt Vấn Bồ-tát Hạnh Kinh, một quyển (hoặc gọi Úc-già Trưởng Giả Kinh, tức Đại Úc-già Kinh, hoặc hai quyển, là bản dịch thứ ba, so với các bản dịch của ngài Khang Tăng Khải đời Ngụy, của Chi Khiêm đời Ngô thì giống nhau chỉ có lời văn dài ngắn khác nhau, thấy trong các Lục Đạo An và Chi Mẫn Độ v.v...).

- Huyễn Sĩ Nhân Hiền Kinh, một quyển (thấy trong Niếp Đạo Chân Lục).

- Quyết Tổng Trì Kinh, một quyển (một tên Quyết Định Tổng Trì Kinh).

- Thủ Ý Nữ Kinh, một quyển (một tên Phạm Nữ Thủ Ý Kinh).

- Xá Đầu Gián Kinh, một quyển (cũng gọi Thái Tử Nhị Thập Bát Tú Kinh, cũng gọi Hổ Nhĩ Ý Kinh, so bản Ma-đăng-già Kinh thì bản đồng mà người dịch khác. Bản dịch lần thứ hai, cùng bản dịch của ngài An Thế Cao đời Hán khác nhau chút ít, thấy trong Thích Đạo An Lục).

- Thập Nhị Nhân Duyên Kinh, một quyển (bản dịch thứ ba, cùng bản dịch của ngài An Thế Cao đời Hán thì Nội Điển cũng gọi là Bối Đa Thọ Hạ Tư Duy Thập Nhị Nhân Duyên Kinh).

- Lục Thập Nhị Kiến Kinh, một quyển (cũng gọi là Phạm Võng Lục Thập Nhị Kiến Kinh, thấy trong Trúc Đạo Tổ Lục).

- Tứ Tự Xâm Kinh, một quyển.

- Vô Ngôn Đồng Tử Kinh, một quyển (hoặc hai quyển, cũng gọi là Vô Ngôn Bồ-tát Kinh, rút từ Đại Tập, thấy ở Niếp Đạo Chân Lục).

Thánh pháp Ấn kinh, một quyển (dịch năm tháng mười hai năm Ngươn Khang thứ tư, dịch ra ở quận Tửu Tuyền, ngài Trúc Pháp Thủ Bút thọ Cũng gọi tắt là Thánh Ấn Kinh, cũng gọi là huệ Ấn Kinh. Ngài Đạo An bảo là rút từ Tap A-hàm. Thấy trong Niếp Đạo chân và Bảo Xướng Lục).

Di Sơn Kinh, một quyển (Cựu lục gọi Lực Sĩ Di Sơn Kinh).

Nghiêm Tịnh Kinh, một quyển (một tên Tự Thế Kinh).

Huệ Minh Kinh, một quyển.

Đại Ca-diếp Bản Kinh, một quyển.

Quan Thế Âm Đại Thế Chí Thọ Quyết Kinh, một quyển (Dịch năm Ngươn Khang. Cũng gọi tắt là Quan Thế Âm Thọ Ký Kinh, thấy trong Niếp Đạo Chân Lục).

Chư Phương Phật Danh Công Đức Kinh, một quyển.

Mục-liên Thượng Tịnh Cư Thiên Kinh, một quyển (một bản không có chữ Thiên, rút từ Phật Bản Hạnh Tập Kinh).

Phổ Thủ Đồng Chân Kinh, một quyển (thấy trong Niếp Đạo Chân Lục)

Thập Phương Phật Danh Kinh, một quyển.

Tam Phẩm Tu Hành Kinh, một quyển (Cũng gọi là Tam Phẩm Hối Quá Kinh. Ngài Đại An bảo: Đời gần đây người ta gom chung ngày Kinh Đại Tu Hành).

Kim Ích Trưởng Giả Kinh, một quyển.

Chúng Hựu Kinh, một quyển.

Quán Hạnh Bất Di tứ sự Kinh, một quyển.

Tiểu Pháp Một Tận Kinh, một quyển.

Tứ Phụ Dụ Kinh, một quyển.

Lư Di Tuyên Kinh, một quyển.

Khư La Vương Kinh, một quyển.

Đàn Nhã Kinh, một quyển.

Long Thí Kinh, một quyển.

Mã Vương Kinh, một quyển.

Lộc Mẫu Kinh, một quyển.

Cấp Cô Độc Minh Đức Kinh, một quyển (cũng gọi Cấp Cô Độc Thị Kinh).

Long Vương Huynh Đệ Thí Đạt Thí Vương Kinh, một quyển.

Khuyến Hóa Vương Kinh, một quyển.

Bách Phật Danh Kinh, một quyển (bản dịch đầu).

Thực Chúng Đức Bản Kinh, một quyển.

Sa-môn Quả Chứng Kinh, một quyển.

Thân Quán Kinh, một quyển.

Y Vương Kinh, một quyển.

Pháp Quán Kinh, một quyển.

Ý Kinh, một quyển.

Hàng Long Kinh, một quyển.
Ứng Pháp Kinh, một quyển.
Tà Kiến Kinh, một quyển.
Hà Khổ Kinh, một quyển.
Thọ Tuế Kinh, một quyển.
Bần Cùng Kinh, một quyển.
Quán Lạp Kinh, một quyển (Bát-nê-hoàn Hậu Tứ Bối Quán Lạp Kinh)
Mật Cụ Kinh, một quyển (rút từ Sinh Kinh).
Hối Quá Kinh, một quyển (Cũng gọi Xá-lợi-phất Hối Quá).
Phạm Tội Kinh, một quyển.
Pháp Xã Kinh, một quyển (Thế chú còn nghi).
Tạp Tán Kinh, một quyển.
Vu Lan Kinh, một quyển.
Phân Biệt Kinh, một quyển.
Phúc Sử Kinh, một quyển.
Khổ Ứng Kinh, một quyển.
Nhàn Cư Kinh, một quyển (rút từ Sinh Kinh).
Tứ Chủng Nhân Kinh, một quyển.
Thất Bảo Kinh, một quyển.
Tứ Vị Tằng Hữu Kinh, một quyển (cũng gọi là Tứ Vị Hữu Kinh).
Bát Dương Kinh, một quyển.
Tam Thập Nhị Tướng Nhân Kinh, một quyển (Hoặc gọi là Bồ-tát Tam Thập Nhị Tướng Kinh. Thấy trong Đạo An Lục).
Tứ Tự Tại Thần Thông Kinh một quyển.
Phật Hối Quá Kinh, một quyển.
Tam Chuyển Nguyệt Minh Kinh, một quyển.
Giải Vô Thường Kinh, một quyển.
Thai tạng kinh một quyển
Ly Cấu Cái Kinh, một quyển.
Tiểu Úc-già Kinh, một quyển (không giống bộ Úc-già Trưởng Giả Kinh).

A-xà-thế Nữ Kinh, một quyển (dịch năm đầu Kiến Võ. Là bản dịch thứ hai, cùng bản dịch của Chi Khiêm đời Ngô có khác chút ít. Cũng gọi là Thuật-đạt Kinh, cũng gọi A-xà-thế Vương Nữ Kinh, cũng gọi A-thuật-đạt Bồ-tát Kinh. Thấy trong Niếp Đạo Chân và Chi Mẫn Độ Lục).

Nhân Sở Tùng Lai Kinh, một quyển (cũng gọi là Tùng Sở Lai).

Giới La Vân Kinh, một quyển.

Nhạn Vương Kinh, một quyển.

Thập Đẳng Tạng Kinh, một quyển.

Nhạn Vương Ngũ Bách Vạn Câu Kinh, một quyển

Giới Cụ Kinh, một quyển.

Quyết Đạo Tục Kinh, một quyển.

Mãnh Thí Kinh, một quyển (Cũng gọi Mãnh Thí Đạo Địa Kinh. Thấy trong Cựu Lục).

Thành Dụ Kinh, một quyển.

Giới Vương Kinh, một quyển.

Bồ-tát Trai Kinh, một quyển (Hoặc gọi là Hiền Thủ Bồ-tát Trai Kinh).

Một trăm sáu mươi mốt bộ với ba trăm ba mươi lăm quyển trên đều từ Cựu Lục và Tam Tạng Ký.

Đa Văn Kinh, một quyển (từ đây trở đi với bốn trăm mười tám bộ có bốn trăm mười tám quyển đều thấy từ Ngô Lục, Biệt Lục, Tấn Thế Lạp Lục).

Di-lặc Bồ-tát Vi Nữ Thân Kinh, một quyển (một bản không có chữ Bồ-tát).

Ly Thùy Kinh, một quyển (một bản có chữ Miên).

Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát Kinh, một quyển.

Ngụ Ý Kinh, một quyển.

Bảo Nhật Quang Minh Bồ-tát Kinh, một quyển (cũng gọi là Bảo Nhật Quang Bồ-tát Vấn Liên Hoa Quốc Tướng Mạo Kinh).

Lạc Tưởng Kinh, một quyển.

Tôn Thượng Kinh, một quyển.

Từ Nhân Vấn Bát Thập Chủng Hảo Kinh, một quyển (cũng gọi tất là Bát Thập Chủng Hảo Kinh. Thấy ở Đạo An Lục).

Phu-na-la Kinh, một quyển.

Đọa Lam Bản Kinh, một quyển (Thấy Biệt Lục gọi Quả Xuất Duy Lam)

Bần Nữ Vi Quốc Vương Phu Nhân Kinh, một quyển.

Bảo Nữ Vấn huệ Kinh, một quyển (Bản dịch thứ hai giống bộ Bảo Nữ Kinh bốn quyển của Ngài Chi Khiêm dịch ở đời Ngô).

Thất Nữ Bản Kinh, một quyển (bản dịch lần hai, giống bản dịch của Ngài Chi Khiêm ở đời Ngô).

Nữ Nhân Dục Xí Hoang Mê Kinh, một quyển (Rút từ Xuất Diệu Kinh).

Tất-bệ-lê Thiên Tử Nghệ Phật Thuyết Kệ Kinh, một quyển (Rút từ Tạp A-hàm).

Phạm Vương Biến Thân Kinh, một quyển.

Quan Thế Âm Kinh, một quyển (Rút từ Chánh Pháp Hoa Kinh).

Duy Minh Nhị Thập Kệ, một quyển (bản dịch lần thứ hai, giống bản dịch của ngài Chi Khiêm ở đời Ngô).

Tam Phẩm Hối Quá Kinh, một quyển.

Kỳ-xà-quật Sơn Giải, một quyển (thấy trong Hựu Lục).

Tỳ-kheo-ni Giới, một quyển (Thập Tụng Bản hoặc có chữ Kinh có khác chút ít với bản dịch của ngài Đam-ma Trì).

Chúng Kinh Lục Mục, một quyển.

Cả hai trăm mười bộ, với ba trăm chín mươi bốn quyển trên đều do Sa-môn Đàm-ma-la-sát, người nước Nguyệt Chi, nhà Tấn dịch tên ngài là Pháp Hộ, họ Chi. Ngài đi khắp vùng Tây Vức, hiểu rõ tiếng nói và sách vở của cả ba mươi sáu nước. Từ nước Thiên Trúc, ngài mang theo rất nhiều kinh Bà-la-môn tiếng Phạm, đem đến Ngọc môn, nhân ở lại Đôn Hoàng bèn tự xưng họ Trúc. Sau đó ngài đến Lạc dương và đến Giang tã. Bắt đầu từ năm Thái Thủy thứ nhất, đời vua Võ Đế cho đến năm Vĩnh Gia thứ hai đời vua Hoài Đế. Trong khoảng thời gian đó, ở đâu khi gặp thuận duyên thì ngài dịch kinh, có các Tín sĩ Niếp thừa Viễn chấp bút giúp phiên dịch rất nhiều kinh sách. Nhưng trong Cao Tăng truyện thì nói ngài Pháp Hộ chỉ dịch một trăm sáu mươi lăm bộ, còn Xuất Tạng Tập Ký thì ghi một trăm năm mươi bốn bộ với ba trăm lẻ chín quyển. Trong lục của ngài Thích Đạo An thì còn thiếu bốn bộ, Tăng Hựu lục thì đủ. Ngài Đạo An nói: Gặp thời loạn lạc các mục lục bị lạc mất như là sao băng, lại càng lầm lẫn tin là như thế. Do đó các Tạp lục và các Biệt ký lục phần lớn đều chú thích là ngài trúc Pháp Hộ dịch. Thế nên nay với chỗ thu nhặt được xét duyệt kỷ thì biết rõ các kinh sách đó của ngài Pháp Hộ đã dịch không còn nghi ngại gì nữa và các ngài Đạo Chân là con của Niếp Thừa Viễn, cùng Trúc Pháp Thủ, Trần Sĩ Luân, Tôn Bách Hổ, Ngu Thế... trước sau đều làm Bút thọ (chép lại). Đã thấy trong Biệt truyện nên không ghi lại. Còn Lý Khuếch lục và Tạp Biệt Lục đều nói là Chi Bồ-tát dịch kinh được sáu bộ, mười sáu quyển. Riêng Tăng Hựu Lục thì bảo số kinh của Bồ-tát Thiên Trúc dịch bằng với số ghi chép của các lục kia, chỉ có khác tên mà thôi. Nhưng phần dưới của Tăng Hựu Lục lại chú thích là Chi Bồ-tát và Trúc Pháp Hộ cùng dịch. Kiểm tra lại thì dịch giải trước có tên là Đàm-vô-la-sát tức nhà Tấn dịch là Pháp Hộ, còn sáu bộ kinh mục của Chi Bồ-tát thì

đều sát nhập ngày số sách của ngài Pháp Hộ. Hai họ Chi và Trúc là hai người khác nhau. Còn tiếng Bồ-tát chỉ là mỹ danh kính trọng mà gọi. Kiểm tra kỹ tất cả các Lục thỉ Chi Bồ-tát chính là Trúc Pháp Hộ, không phải hai người khác nhau. Ở xuất Tam Tạng Ký thì phân biệt thành hai người, lỗi nhỏ này cần xét rõ...

Thập Nhị Du Kinh, một quyển

Một bộ một quyển kinh này do Sa-môn Cương Lương Lâu Chí nhà Tấn là Chân Hỷ người ngoại quốc (Ấn) dịch ngày đời Võ Đế. Năm thái hỷ thứ hai tại Quảng châu Thấy trong Thủy Hưng và Bảo Xướng Lục.

Đại A-dục Vương, năm quyển (dịch năm Quang Hi. (Thấy trong Trúc Đạo Tổ Tấn Thế lục).

Đạo Thần Túc Vô Cực Biến Hóa Kinh, hai quyển (dịch lần thứ hai, hoặc ba quyển hay bốn quyển. Tức là kinh Phật Thăng Đao-lợi Thiên Vị Mẫu thuyết pháp của ngài Trúc Pháp Hộ dịch, đồng bản mà khác tên, lời văn có khác chút ít. (Thấy trong Trúc Đạo Tổ Tấn Thế Lục).

Văn-thù-sư-lợi Hiện Bảo Tạng Kinh hai quyển (dịch năm Thái An thứ hai, hoặc ba quyển. Cũng gọi là Thị Hiện Bảo Tạng Kinh hai quyển. (Thấy trong Trúc Đạo Tổ Tấn Thế Tạp Lục).

A-xà-thế Vương Kinh hai quyển (dịch năm Thái Khang. (Thấy trong Trúc Đạo Tổ Tấn Thế Tạp Lục).

A-nan Mục-khư Kinh một quyển, cùng bộ Vi Mật Trì Kinh thì bản đồng mà tên khác. Thấy trong Trúc Đạo Tổ Tấn Thế Tạp lục. (Có nơi viết là “Mục Pháp”).

Cả năm bộ gồm mười hai quyển trên, do ngài Sa-môn An Pháp Khâm người nước An Tức, dịch vào đời vua Huệ Đế, ngày năm Thái Khang châu Lạc dương.

****

- Phóng Quang Bát-nhã Kinh hai mươi quyển (dịch lần ba so với Bản Đạo Hạnh và Tiểu phẩm của ngài Trúc Phật Sóc dịch đời Hán thì bản đồng mà khác người dịch.

Một bộ hai mươi quyển trên đây, nguyên là Dĩnh Xuyên Chu Sĩ Hành, thấy có một bản sách đang lưu hành ở Lạc dương từng giảng giải về đạo hạnh, liền lấy xem thấy lời văn chưa rõ ràng chưa hoàn hảo. Bất giác than rằng Kinh này thật là yếu chỉ quý báu của Đại thừa, nhưng nghĩa lý thì chưa dịch được rốt ráo mà lời văn lại chưa đầy đủ. Nên quyết chí quên mình, phát tâm tìm kiếm sưu tầm bản gốc. Ngày năm Cam Lộ thứ năm cuối đời Ngụy, ra đi từ Ưng Châu, ngài khắp Tây

Vức. Khi đến nước Vu Điền thì tìm được bản tiếng Phạm trước gồm chín mươi chương, ít hơn sáu mươi vạn lời. Liền sai đệ tử là Phất Như Đàn (Tấn dịch là Pháp Nhiêu), từ Vu Điền đem kinh về Lạc dương. Lúc đó ngài chưa biết chư tăng ở Vu Điền số đông học về tiểu thừa. Nên có kẻ lấy đó tâu vua rằng: "Sa-môn người Hán muốn lấy sách tiếng Phạm để phá rối chánh pháp. Vua là chúa tể đất nước, nếu không ngăn cấm kịp thời thì đấy mù điếc sẽ làm đoạn diệt đại pháp, đó là lỗi của nhà vua". Vua liền không chấp thuận đem kinh ấy đưa ra khỏi nước. Ngài Chu Sĩ Hành vô cùng buồn thảm, bèn xin tâu làm lễ đốt kinh để làm bằng cớ, vua liền chấp thuận. Khi ấy chất cũi thành đống trong điện vua. Trước khi đốt ngài Chu Sĩ Hành đứng trước lửa chí thành nguyện rằng: Nếu đúng là Đại pháp đáng được lưu hành ở đất Hán thì kinh này sẽ không cháy, nếu không linh hiển thì biết làm sao đây. Nói ngày bèn ném kinh ngày lửa. Lửa liền tắt ngúm, kinh và cả bìa vẫn còn nguyên vẹn, lại càng sáng bóng hơn trước. Cả đại chúng đều kinh hãi kính phục khen ngợi sự linh cảm. Từ đó kinh được đưa đến Trần Lưu. Ngài lại gặp các sư ở Vu Điền như Vô-la-xoa, Trúc Thúc Lan... Đến ngày mười tháng năm năm Ngươn Khang thứ nhất, đời vua Huệ Đế, Ngài ở Thủy nam bên bờ Thương hằng dịch kinh này. Nhưng các lục như Trúc Đạo Tổ, Tăng Hựu, Vương Tông, Bảo Xướng, Lý Khuyếch, Pháp Thượng, Linh Dũ... biên chép các kinh đều bảo rằng chính Chu Sĩ Hành dịch kinh này, bởi căn cứ ngày người sưu tầm kinh đầu tiên nên quy công cho ngài mà thôi. Khi phòng này thẩm tra xét kỹ về Chi Mẫn Độ Lục, Cao Tăng truyện và các Tạp Biệt mục lục ghi chép việc dịch kinh sau này thì mới biết rõ là do ba vị Vô-la-xoa, Trúc Thúc Lan... dịch ra. Còn Chu Sĩ Hành thì vẫn châu nước Vu Điền mà giáo hóa, chỉ có việc sai đệ tử mang kinh này đem về đất Hán mà thôi. Như thế đâu thể bảo là ngài Sĩ Hành dịch kinh này được?.

- Siêu Nhật Minh Tam-muội Kinh, hai quyển (dịch lần hai, hoặc gọi tắt là Siêu Nhật Minh Kinh, so với bản dịch ba quyển của ngài Trúc Pháp Hộ dịch trước đây thì giống nhiều khác ít).

- Ca-diếp-cật A-nan Kinh, một quyển (dịch lần hai, so với bản dịch của ngài Nghiêm Phật Điều ngày đời Hán thì khác chút ít. Thấy trong Thủy Hưng và Bảo Xướng Lục).

- Việt Nạn Kinh, một quyển (dịch lần thứ hai).

Cả ba bộ kinh, bốn quyển trên đều do Thanh tín Ưu-bà-tắc Niếp Thừa Viễn dịch ra, đời vua huệ Đế. Vì kinh này dù trước đây đã được dịch, nhưng văn nghĩa không rõ ràng, câu văn nghĩa lý chưa trọn vẹn.

Sau đó Thừa Viễn càng ra sức sửa đổi câu văn lời kệ hay hơn trước nhiều, nay là bản lưu hành trên đời vậy.

****

- Dị Tỳ-ma-la-cật Kinh ba quyển (dịch năm Ngươn Khang thứ sáu, là bản dịch thứ năm. So với các bản dịch của ngài Nghiêm Phật Điều đời Hán, ngài Chi Khiêm Trúc Pháp Hộ, La-thập... đời Ngô thì giống nhiều khác ít, hoặc hai quyển. Thấy trong Trúc Đạo Tổ Lục).
- Thủ-lăng-nghiêm Kinh hai quyển (Dịch năm đầu Ngươn Khang, là bản dịch thứ năm. So với bản dịch của các ngài Chi Khiêm, Chi Mẫn, Bạch Diên Trúc Pháp Hộ thì văn khác mà bản đồng. Thấy trong Niếp Đạo Chân Lục).

Cả hai bộ kinh năm quyển trên đều do Sa-môn Trúc Thúc Lan, người tây vức dịch tại châu Lạc dương ngày đời vua Huệ Đế).

****

- Thập Trụ Kinh, mười hai quyển.
- Chư Phật Yếu Tập Kinh, hai quyển.
- Quán Thế Âm Thọ Ký Kinh, một quyển (bản dịch lần thứ hai).
- Tịch Âm Bồ-tát Nguyện Kinh, một quyển.
- Đại Quang Minh Bồ-tát Bách Tứ Thập Bát Nguyện Kinh, một quyển.
- Văn-thù-sư-lợi Bát Niết-bàn Kinh, một quyển.
- Sư Tử Bộ Lôi Bồ-tát Vấn Phát Tâm Kinh, một quyển (hoặc gọi là Vấn Văn-thù-sư-lợi Thành Phật Phát Tâm Kinh).
- Đại Vân Mật Tạng Vấn Đại Hải Tam-muội Kinh, một quyển.
- Bạc Thủ Đồng Chân Kinh, một quyển.
- Tịch Âm Bồ-tát Vấn Ngũ Trược Kinh, một quyển.
- Vô Ngôn Bồ-tát Lưu Thông Pháp Kinh một quyển (Rút từ Đại Tập).
- Bồ-tát Giới Yếu Nghĩa Kinh một quyển (Rút từ Bồ-tát Giới Kinh).
- Bồ-tát Ha Thùy Miên Kinh, một quyển
- Bồ-tát Ha Gia Quá Kinh, một quyển.
- Bồ-tát Như Ý Thần Thông Kinh, một quyển.
- Bồ-tát Khổ Hạnh Kinh, một quyển.
- Bồ-tát Túc Mạng Kinh, một quyển.
- Bồ-tát Thọ Trai Kinh, một quyển.
- Bồ-tát Đạo Thi Hành Kinh, một quyển.
- Bồ-tát Cầu Phật Bản Nghiệp Kinh, một quyển.

- Bồ-tát Phụng Thí Nghệ Tháp Tác Nguyện Niệm Kinh, một quyển.
- Bồ-tát Bổn Nguyện Hạnh Phẩm Kinh một quyển.
- Bồ-tát Cầu Ngũ Nhãn Pháp Kinh, một quyển.
- Bồ-tát Xuất Yếu Hành Vô Ngại Pháp Môn Kinh, một quyển.
- Bồ-tát Sơ Phát Tâm Thời Kinh, một quyển.
- Đại Phương Quảng Bồ-tát Thập Địa Kinh, một quyển (dịch lần thứ hai. So với bản dịch của ngài Pháp Hộ thì giống nhiều khác ít).
- Bồ-tát Giới Thân Tự Tại Kinh, một quyển (hoặc gọi Tự Tại Vương Bồ-tát Vấn Như Lai Cảnh Giới Kinh).
- Bồ-tát Tam Pháp Kinh, một quyển.
- Vô Ngôn Bồ-tát Kinh, một quyển (dịch lần thứ hai).
- Bồ-tát Đạo Hạnh lục Pháp Kinh, một quyển.
- Tam-mạn-đà Bạt-đà-la Bồ-tát Kinh, một quyển.
- Vô Cấu Thí Bồ-tát Phân biệt Ứng Báo Kinh, một quyển (tức là bản dịch khác của Ly Cấu Địa Kinh, cũng gọi là Ứng Biện Kinh).
- Bồ-tát Sơ Địa Kinh, một quyển.
- Nho Đồng Bồ-tát Kinh, một quyển (Rút từ Lục Độ Tập).
- Bồ-tát Thập Đạo Địa Kinh, một quyển.
- Quang Vị Bồ-tát Tạo Thất Bảo Thê Kinh, một quyển (Rút ở Đại Tập)
- Bồ-tát Duyên Thân Ngũ Thập Sự Kinh, một quyển (cùng bộ Ngũ Thập Duyên Hạnh Kinh giống nhiều khác ít).
- Bồ-tát Giới Tự Tại Kinh, một quyển.
- Bồ-tát Thập Pháp Trụ Kinh, một quyển.
- Ba-tư-nặc Vương Dục phạt Ương-quật-ma-la Kinh, một quyển.
- Chuyển Luân Thánh Vương Thất Bảo Cụ Túc Kinh, một quyển.
- Chuyển Luân Thánh Vương Phát Tâm Cầu Tịnh Độ Kinh, một quyển.
- Văn-thù-sư-lợi Dữ Ly Ý Nữ Luận Nghĩa Cực Tợ Duy-ma Kinh, một quyển.
- Văn-thù-sư-lợi Tịnh Luật Kinh một quyển (dịch lần hai cùng bản ngài Pháp Hộ dịch có khác chút ít).
- Sơ Phát Ý Bồ-tát Hành Dị Hạnh Pháp Kinh, một quyển (Rút từ Thập Trụ Luận).
- Bồ-tát Bố Thí Sám Hối Pháp một quyển (Rút từ Quyết Định Tỳ Ni).

- Bồ-tát Giới Độc Thọ Đàn Văn, một quyển.
- Bồ-tát Sám Hối Pháp, một quyển (bản dịch khác).
- Bồ-tát Tạp Hạnh Pháp, một quyển.
- Bồ-tát Sở Hành Tứ Pháp, một quyển.
- Bồ-tát Ngũ Pháp Hạnh Kinh, một quyển.
- Bồ-tát Lục Pháp Hạnh Kinh, một quyển.
- Dị Xuất Bồ-tát Bản Khởi Kinh, một quyển (hoặc không có chữ Khởi).
- Chúng Kinh Lục Mục, một quyển.

Cả năm mươi bốn kinh với sáu mươi sáu quyển trên do ngài Đạo Chân là con của Niếp Thừa Viễn dịch bắt đầu từ năm Thái Khang đến cuối năm Vĩnh Gia đời vua Huệ Đế. Trong khoảng thời gian ấy ngài kế thừa han hỏi ngoài việc bút thọ (ghi lại) cho ngài Pháp Hộ. Sau khi ngài Pháp Hộ viên tịch thì Đạo Chân phải tự mình dịch tiếp các kinh mới. Sư Pháp Hộ thật đáng được khen ngợi vì ngài rất giỏi văn cú, từ nghĩa rất rõ ràng. Đây đều thấy ở Biệt Lục đã ghi chép.

- Nghiêm Tịnh Phật Độ Kinh, hai quyển (Cũng gọi Tịnh Độ Kinh).
- Nê-hoàn Kinh, hai quyển.
- Thiện Quyền Kinh, một quyển.
- Trì Tâm Phạm Chí Kinh, một quyển.
- Đàn Trì Đà-la-ni Kinh, một quyển.
- Đại Phương Đẳng Như Lai Tàng Kinh, một quyển.
- Như Lai Hưng Hiển Kinh, một quyển.
- Hải Long Vương Kinh, một quyển.
- Trưởng Giả Tu Hành Kinh, một quyển (cũng gọi Trưởng Giả Oai Thí Sở Vấn Bồ-tát Tu Hành Kinh, cũng gọi Bồ-tát Tu Hành Kinh).
- Ngũ Bách Đồng Tử Kinh một quyển (Cũng gọi Ấu Đồng Kinh. Rút từ Sanh Kinh).
- Phật Vấn Tứ Đồng Tử Kinh, một quyển.
- Điều Phục Vương Tử Đạo Tâm Kinh, một quyển (Rút từ Đại Tập).
- Thệ Đồng Tử Kinh, một quyển (hoặc viết Thê. Cùng quyển Bồ-tát thệ kinh giống nhiều khác ít, bản dịch lần thứ hai).
- Ngũ Bách Vương Tử Tác Tịnh Độ Nguyện Kinh, một quyển.
- Tam Ấu Đồng Kinh, một quyển.
- Nhị Đồng Tử Kiến Phật Thuyết Kệ Cúng Dường Kinh, một quyển.

- Đại Ái Đạo Bát-nê-hoàn Kinh, một quyển.
- Đẳng Tập Tam-muội Kinh, một quyển.
- Thủ Đạt Kinh, một quyển (thấy ở Cựu Lục).
- Vô Lượng Phá Ma Đà-la-ni Kinh, một quyển.
- Hiền Giả Ngũ Phước Kinh, một quyển.
- Úc-già-la Việt Vấn Bồ-tát Kinh, một quyển.
- Hiệp Thủ-lăng-nghiêm Kinh năm bản duy đãi bồ tát kinh, một quyển thấy ở cao tăng truyện vào tăng bảo ký tám quyển (dịch lần thứ sáu. Gồm cả năm bản dịch của các ngài Chi Khiêm, Chi Mẫn Độ, Trúc Pháp Hộ, Trúc Thúc Lan và Bạch Diên làm thành một bộ. Thấy ở Chi Mẫn Độ Lục).
- Bộ Duy-ma-cật Kinh gom chung ba bản năm quyển (dịch lần bốn gồm ba bản dịch của các ngài Chi Khiêm, Trúc Pháp Hộ và Trúc Thúc Lan họp thành một bộ. Thấy trong Chi Mẫn Độ Lục).

Cả hai bộ với mười ba quyển Kinh trên do Sa-môn Chi Mẫn soạn tập nhiều bản dịch họp thành một bộ ngày đời vua huệ Đế).

- Lâu Thán Kinh tám quyển (dịch lần thứ hai, là một phần thế ký của Trường A-hàm, cùng bản năm hoặc sáu quyển do hai ngài Pháp Hộ, Pháp Lập đã dịch thì giống nhiều nhưng rộng hẹp khác nhau. Trước đây cùng dịch với ngài Pháp Lập nhưng vì ý chưa đầy đủ nên giải rộng thêm ra. Thấy trong Chi Mẫn Độ Lục và Bảo Xướng Lục).
- Di Giáo Pháp Luật Kinh, ba quyển (một tên là Di Giáo Pháp Luật Tam-muội Kinh, một tên là Di Giáo Tam-muội Kinh, thấy trong Thủy Hưng Lục).
- Chư Kinh Pháp Bồ-tát Danh Kinh, hai quyển.
- Phật Vị Tỳ-kheo Thuyết Thiêu Đầu Dụ Kinh một quyển (Rút từ Tạp A-hàm).
- Ba-tư-nặc Vương Tổ Mẫu Mạng Chung Kinh, một quyển.
- Ma Nữ Văn Phật Thuyết Pháp Đắc Nam Thân Kinh, một quyển (dịch lần hai. Cùng bản dịch Tệ Ma Thí Mục-liên Kinh trước đây thì bản đồng mà tên khác. Thấy trong Thủy Hưng và Tăng Hựu Lục).
- Suy Lợi Kinh, một quyển.
- Vô Cụ Kinh, một quyển.
- Phổ Thí Kinh, một quyển (Rút từ Tạp A-hàm quyển bốn).
- Vô Thường Kinh, một quyển.
- Mạn Pháp Kinh, một quyển.
- Số Kinh, một quyển (Rút rừ Tạp A-hàm).
- Danh Xưng Kinh, một quyển.

- Thọ Trì Kinh, một quyển.
- Nhẫn Nhục Kinh, một quyển.
- Thời Kinh, một quyển (một tên Phi Thời Kinh).
- Quán Kinh một quyển (cũng gọi Tứ Nguyệt Bát Nhật Quán Kinh).
- Phước Điền Kinh một quyển (một tên là Chư Đức Phước Điền Kinh, dịch lần hai. Cùng bản dịch của ngài Pháp Lập có sai khác chút ít. Thấy ở Trúc Đạo Tổ Tấn Thế Tạp Lục).
- Phước Hạnh Kinh, một quyển (Rút từ A-hàm).
- Nhu Nhuyến Kinh, một quyển.
- Chánh Ý Kinh, một quyển (dịch lần thứ hai).
- Phục Dâm Kinh, một quyển.
- Nguy Thúy Kinh, một quyển.
- Tức Khuể Kinh, một quyển (rút từ Trung A-hàm).
- Yếu Ý Kinh, một quyển (Rút từ A-hàm hoặc gọi Ác Ý).
- Cầu Dục Kinh, một quyển (Rút từ A-hàm).
- Cử Bát Kinh, một quyển.
- Ác Đạo Kinh, một quyển (Rút từ Trung A-hàm).
- Pháp Hải Kinh, một quyển.
- Hiếu Thực Kinh, một quyển (Rút từ Tu Hành Đạo Địa Kinh).
- Phóng Dật Kinh, một quyển.
- Khôi Hà Kinh, một quyển.
- Quần Ngưu Thí Kinh, một quyển (Rút từ A-hàm).
- Chú Kim Dụ Kinh một quyển.
- Độc Thảo Dụ Kinh, một quyển (rút ở Sinh Kinh).
- Hằng Hà Dụ Kinh, một quyển.
- Ta Hà Dụ Kinh, một quyển.
- Mộc Sử Dụ Kinh, một quyển (Rút từ Tạp A-hàm).
- Điều-đạt Dụ Kinh, một quyển.
- Anh Nhi Dụ Kinh, một quyển.
- Đại Xà Thí Dụ Kinh, một quyển (cũng gọi Đài Xà Kinh, thấy ở Cựu Lục).
- Thảo Giáp Kình Thổ Thí Kinh, một quyển (cũng gọi Trảo Giáp Thủ Thổ Kinh, thấy trong Cựu Lục).
- Trần Khôi Hà Thí Dụ Kinh, một quyển (So với Khôi Hà Kinh có khác chút ít).
- Độc Dụ Kinh, một quyển (So với Độc Thảo Dụ có khác chút ít, rút từ Sinh Kinh quyển bốn).

- Phi Điểu Dụ Kinh, một quyển (Rút từ Tăng Nhất A-hàm).
- Thí Dụ Lục Nhân Kinh, một quyển (Rút từ Mạ Ý Kinh).
- Quần Dương Dụ Kinh, một quyển.
- Điền Phu Dụ Kinh, một quyển (Rút từ Tạp A-hàm quyển hai mươi chín).
- Mã Dụ Kinh, một quyển.
- Di-đề-hy Tử Nguyệt Dạ Vấn Phu Nhân Kinh, một quyển.
- Đảnh Sinh Vương Cố Sự Kinh, một quyển.
- Ba-tư-nặc Vương Nghệ Phật Hữu Ngũ Oai Nghi Kinh, một quyển (rút từ A-hàm).
- Ba-tư-nặc Vương Tang Mẫu Kinh, một quyển.
- Tịnh Phạn Vương Bát-nê-hoàn Kinh, một quyển.
- A-xà-thế Vương Thọ Quyết Kinh, một quyển.
- A-xà-thế Vương Vấn Ngũ Nghịch Kinh, một quyển.
- Chuyển Luân Thánh Vương Thất Bảo Hiện Thế Gian Kinh, một quyển.
- Tần Tỳ-bà-la Vương Nghệ Phật Cúng Dường Kinh, một quyển.
- Lưu Ly Vương Công Thích Tử Kinh, một quyển.
- Ba-tư-nặc Vương Thái Hậu Băng Trần Thổ Bộn Thân Kinh, một quyển.
- Ưu-điền Vương Kinh, một quyển.
- A-xà-thế Vương Vấn Sân Hận Tùng Hà Sinh Kinh, một quyển.
- Ba-tư-nặc Vương Nữ Mạng Quá Nghệ Phật Kinh, một quyển (Rút từ A-hàm).
- La-hán Ngộ Bình Sa Vương Kinh, một quyển (Rút từ A-hàm).
- Minh Đế Thích Thí Kinh, một quyển.
- Hòa Nan Kinh, một quyển (Rút từ Sinh Kinh).
- Ương-quật-ma Phụ Tử Kinh, một quyển (hoặc gọi Phụ Hóa Kinh).
- A-phạm Hòa Lợi Tỳ-kheo Vô Thường Kinh, một quyển.
- Ba-lợi Tỳ-kheo Báng Phạm Hạnh Kinh, một quyển.
- Ma-ha Tỳ-kheo Kinh, một quyển.
- Câu-đề Tỳ-kheo Kinh, một quyển.
- Điều-đạt Giáo Nhân Vi Ác Kinh một quyển (Rút từ Lục Độ Tập).
- Điều-đạt Vấn Phật Nhan Sắc Kinh, một quyển.
- Tôn Giả Cù-đê-ca Độc Nhất Tư Duy Kinh, một quyển (Rút từ A-hàm).

- Sai-ma Tỳ-kheo Dụ Trọng Bệnh Kinh một quyển (Rút từ Tạp A-hàm).
- Chiêm-ba Tỳ-kheo Kinh, một quyển.
- Ương-quật-man Kinh, một quyển (dịch lần hai, cùng bản Chỉ Kế Kinh của ngài Pháp Hộ dịch giống nhiều khác ít).
- Tỳ-kheo Phân Vệ Kinh, một quyển (Rút từ Sinh Kinh).
- Phật Khán Bệnh Tỳ-kheo Bất Thọ Trưởng Giả Thỉnh Kinh, một quyển (Rút từ Kinh Xuất Diệu).
- Phật vị Chư Tỳ-kheo Thuyết Mạc Tư Duy Thế Gian Tư Duy Kinh, một quyển.
- Tỳ-kheo Cầu Chứng Nhân Kinh, một quyển.
- Tỳ-kheo Vấn Phật-đa Ưu-bà-tắc Mạng Chung Kinh, một quyển (Rút ở Trung A-hàm).
- Phật Vị Tỳ-kheo Thuyết Đại Lực Kinh, một quyển.
- Phật Vị Niên Thiếu Tỳ-kheo Thuyết Chánh Sự Kinh, một quyển.
- Thông Minh Tỳ-kheo Kinh, một quyển
- Đại Bi Tỳ-kheo Bản Nguyện Kinh, một quyển.
- La-hán Ca-lưu-đà Di Kinh, một quyển.
- Hòa Nan Thích Kinh một quyển (Rút từ Sinh Kinh, khác chút ít với bộ Hòa Nan Kinh).
- La-tuần Dụ Kinh, một quyển.
- Phật Hàng Ương-quật-ma Nhân Dân Hoan Hỷ Kinh, một quyển.
- Ưu-đà-di Tọa Thọ Hạ Tịch Tịnh Điều Phục Kinh, một quyển (Rút từ A-hàm).
- Kim Sư Tinh Xá Tôn Giả Bệnh Kinh, một quyển.
- Nan-đề Thích Kinh, một quyển.
- Phù Di Kinh, một quyển (Rút từ Tăng Nhất A-hàm).
- Tỳ-kheo Các Ngôn Chí Kinh, một quyển (Rút từ Sinh Kinh).
- Tỳ-kheo Tật Bệnh Kinh, một quyển (Rút từ Sinh Kinh).
- Tỳ-kheo Ư Sắc Yểm Ly Kinh, một quyển (Rút từ A-hàm).
- Phật Vị Tỳ-kheo Thuyết Tam Pháp Kinh, một quyển.
- Tọa Thiền Tỳ-kheo Mạng Quá Sinh Thiên Kinh, một quyển.
- Tỳ-kheo Tịch Nữ Ác Danh Dục Tự Sát Kinh, một quyển.
- Tỳ-kheo Vấn Phật Hà Cố Xả Thế Học Đạo Kinh, một quyển (Rút từ Xuất Diệu Kinh).
- Phật Vị Tỳ-kheo Thuyết Cực Thâm Hiểm Nạn Xứ Kinh, một

quyển.

- Sa hạt Tỳ-kheo Công Đức Kinh, một quyển (thấy ở Cựu Lục).
- Thâm Thiển Học Tỳ-kheo Kinh, một quyển.
- Tương Ưng, Tương Khả Kinh, một quyển
- Tỷ Phương Thế Lợi Kinh, một quyển.
- Tiền Thế Tam Chuyển Kinh, một quyển.
- Thiểu Đa Chế Giới Kinh, một quyển.
- Cầu Dục Thuyết Pháp Kinh, một quyển.
- Chúng Sinh Thân Uế Kinh, một quyển.
- Tín Năng Độ Hà Kinh, một quyển.
- Khổ Ấm Nhân Sự Kinh, một quyển (Rút từ Trung A-hàm).
- Diệp Dụ Đa Thiểu Kinh, một quyển.
- Dị Tín Dị Dục Kinh, một quyển.
- Hướng Tà Vi Pháp kinh, một quyển.
- Thuyết Pháp Nan Trị Kinh, một quyển.
- Tăng Nhất A-hàm Kinh, một quyển (Rút từ Tăng Nhất A-hàm).
- Tích Mộc Thiêu Nhiên Kinh, một quyển (Cùng bộ Khô Thọ Kinh giống nhiều khác ít).
- Hằng Thủy Lưu Chú Kinh, một quyển.
- Tà Nghiệp Tự Hoạt Pháp Kinh, một quyển (Rút từ Sinh Kinh).
- Chiên Đàn Đồ Tháp Kinh, một quyển.
- Nhãn Sắc Tương Hệ Kinh, một quyển.
- Xứ Trung Hành Đạo Kinh, một quyển.
- Vô Thủy Bản Tế Kinh, một quyển.
- Vãng Cổ Tạo Hạnh Kinh, một quyển.
- Xả Chư Thế Vụ Kinh, một quyển.
- Chúng Sinh Vị Nhiên Tam Giới Kinh, một quyển.
- Hữu Chúng Sinh Tam Thế tác Ác Kinh, một quyển.
- Nhân Dân Dịch Tật Thọ Tam Quy Kinh, một quyển (Rút từ A-hàm).
- Tín Nhân Giả Sinh Ngũ Chủng Quá Hoạn Kinh, một quyển
- Tứ Đại Sắc Thân Sinh Yểm Ly kinh, một quyển.
- Dĩ Kim Cống Thái Sơn Thục Tội Kinh, một quyển (Thế chú sáp nhập ngày Nghi Lục).

Cả một trăm ba mươi hai bộ gồm một trăm bốn mươi hai quyển kinh trên, do Sa-môn Thích Pháp Cự dịch ngày đời vua Huệ Đế. Lúc đầu ngài Pháp Cự cùng ngài Pháp Lập đồng dịch. Khi Pháp Lập tịch rồi thì Pháp Cự lại tự dịch Phần lớn đều rút từ Đại Bộ vào dịch cùng

Pháp Lập, mỗi lần cùng tham khảo thì có rộng hẹp khác nhau. Trong Tăng Hựu Lục hoàn toàn không ghi chép. Có thấy trong Cựu Lục và Biệt Lục, cứ dựa ngày nguyên nhóm mà ghi tiếp, trở ngại cho việc biết chứng cớ để khảo sát đúng sai.

- Văn-thù-sư-lợi Hiện Bảo Tàng Kinh hai quyển (bản dịch lần hai cùng với bản dịch ba quyển của An Pháp Khâm thì giống nhiều khác ít. Thấy trong Trúc Đạo Tổ Tạp Lục).
- Thập Thiện Thập Ác Kinh, một quyển (Thấy ở Trúc Đạo Tổ Tấn Thế Tạp Lục).
- Thệ Đồng Tử Kinh, một quyển (dịch lần thứ ba. Cũng gọi là Trưởng Giả Chế Kinh, cũng gọi tắt là Chế Kinh, cũng gọi Bồ-tát Thệ Kinh, cũng gọi tắt là Thệ Kinh. Cả năm bản thì giống nhiều chỉ khác người dịch, vì khác tên gọi).
- Thiện Sinh Tử Kinh, một quyển (dịch lần thứ ba, cùng bản dịch thi ca la việt Lục Hướng Bái Kinh của các ngài Trúc Pháp Hộ, Trúc Nan Đề, thì giống nhiều khác ít. Thấy trong Chi Mẫn Độ Lục và Trúc Đạo Tổ Lục).

Cả bốn bộ gồm năm quyển kinh trên do Sa-môn Chi Pháp Độ Dịch năm Vĩnh Ninh đời Vua Huệ Đế. Đều thấy trong Bảo Xướng Lục).

****

- Độ Thế Phẩm Kinh, sáu quyển.
- Như Lai Bí Mật Tạng Kinh, hai quyển (một tên Đại Phương Quảng Như Lai Tánh Khởi Vi Mật Tạng Kinh. Cũng gọi tắt là Như Lai Tánh Khởi Kinh).
- A-nậu-đạt Long Vương Kinh, hai quyển.
- Phương Đẳng Đà-la-ni Kinh, một quyển.
- Bảo Nghiêm Kinh, một quyển.
- Ngũ Phước Đức Kinh, một quyển (Cũng gọi tắt Ngũ Phước Kinh).
- Minh Tương Tục Giải Thoát Địa Ba-la-mật Kinh, một quyển.
- Đệ Tử Học Hữu Tam Bối Kinh, một quyển (hoặc gọi Tam Phẩm Đệ Tử Kinh).

Cả tám bộ gồm mười lăm quyển trên thì Ngô Lục và Biệt Lục đều ghi chú vắn tắt là dịch năm Ngươn Khang, không nêu rõ tên người dịch. Xem kỹ các Lục khác thì vẫn chưa thấy chỉ ra, do đó nên để riêng ngày số kinh mất tên người dịch.

■

LỊCH ĐẠI TAM BẢO KÝ

QUYỂN 7

KINH ĐƯỢC DỊCH Ở ĐỜI ĐÔNG TẤN

Sách Đông Tấn Lục chép rằng: Cháu cố của Tuyên Đế, dòng Võ vương ở Lang gia là con của Cung Vương Cẩn, tên Duệ Tự là Cảnh văn. Ngày buổi sáng lúc mới sinh thì có ánh sáng lạ (thần quang) rực sáng khắp nhà. Ông có sợi lông trắng ở khóe mắt trái, mắt rất tinh anh, liếc nhìn rực lửa. Nhiều năm làm quan sứ rất tiết tháo thanh liêm, làm Đô đốc tướng quân ở An đông, lại làm Tả thừa tướng coi việc quân ở Dương châu. Sau khi Hoài Mẫn bị bại trận, các quan ly tán hoặc chạy về Giang nam hoặc bị giết chết. Trường an mất cứ điểm, nhà vua phải lánh về Bình dương. Ở Giang đông, lúc bấy giờ có nhóm năm trăm thuộc hạ khuyên Duệ nên xưng là Tấn Vương, thống nhiếp cả muôn mối dần đến cai trị cả ức triệu dân. Sau khi Mẫn Đế băng hà, liền lên ngôi vua lấy niêm hiệu kiến võ. Nhân kinh đô là Kiến nghiệp kỵ húy Mẫn Đế nên đổi thành Kiến khang. Trước năm Thái Khang thứ hai, tướng cũ nhà Ngô là Quãng Cung làm loạn. Bấy giờ ở Kiến nghiệp có Ngũ Chấn bói quẻ phệ bảo rằng: Bạo tặc sẽ dứt hết. Song phải ba mươi tám năm sau thì ở Dương châu sẽ có Thiên tử. Đến nay việc đó đã đúng như lời nói. Lại đời Tần Thủy Hoàng khi xem khí tượng có kẻ bảo rằng: “Năm trăm năm sau, tại núi Kim lăng đất ngô sẽ xuất hiện Thiên tử”. Thủy Hoàng rất ghét việc ấy, nên nhân đó phát động quân binh đào đục núi Kim lăng rồi đổi tên núi là Mạt lăng, để diệt mất khí tượng Đế vương. Từ đó đến đời của Duệ đã được năm trăm hai mươi sáu năm. Tấn thuộc hành kim nên khí tượng Đế vương khắp bốn bể. Điềm về Kim lăng đã ứng hiện ngày lúc này. Lại lời đồng dao có nói: “Năm ngựa lội qua sông, một ngựa hóa làm rồng”. Trong năm Vĩnh Gia tao loạn bao trùm khắp thiên hạ, chỉ có Lang gia, Tây dương, Nhữ nam, Nam đốn và Bành thành... cả năm vua là tiêu biểu cho cả vùng Tế giang, nhưng cơ đồ của Duệ đứng đầu nên được làm vua đầu tiên vậy. Cho nên mới biết muốn làm vua

thì trên phải cảm được với Thiên linh, muốn được cơ đồ hưng thịnh thì dưới phải nhờ địa thế. Địa giúp sức cho thế, cho nên Thủy Hoàng có đào đục thì cũng không phá mất được. Khi trời đã giáng linh phúc thì dù bị Lưu Diệu tàn hại nhưng vẫn sống còn. Từ năm Đinh Sửu niên hiệu Kiến Võ thứ nhất khi Nguyên Hoàng sáng lập kinh đô, cho đến năm Kỷ Mùi, niên hiệu Ngươn Hi thứ nhất thì vua Cung Đế nhường ngôi cho nhà Tống. Trong khoảng thời gian một trăm lẻ bốn năm, cả kẻ phạm người Hoa, hàng tại gia và xuất gia cả thảy hai mươi bảy người đã dịch các kinh cùng số kinh cũ mất tên người dịch tính cả thảy có hai trăm sáu mươi ba bộ gồm năm trăm tám mươi lăm quyển đều tập họp dưới mười hai đời vua thuộc nhà Đông Tấn. Kiến Khang lục chép như thế.

A. Các dịch giả:

**** Nhà Đông Tấn là:***

- Sa-môn Bạch Thi Lê Mật-đa-la dịch ba bộ, mười một quyển kinh chú.
- Sa-môn Chi Đạo Căn dịch hai bộ, bảy quyển kinh.
- Sa-môn Khang Pháp Thúy dịch một bộ, mười quyển kinh.
- Sa-môn Trúc-đàm-vô-lan dịch một trăm mười bộ, một trăm mười hai quyển kinh, chú, giới.
- Sa-môn Khang Đạo Hòa dịch một bộ, ba quyển kinh.
- Sa-môn Ca-lưu-đà-già dịch một bộ, một quyển kinh.
- Sa-môn Tăng-già-đề-bà, dịch năm bộ, một trăm mười bảy quyển kinh, luận.
- Sa-môn Tỳ-ma-la-xoa, dịch hai bộ năm quyển luật, tạp sự.
- Sa-môn Đàm-ma dịch một bộ, hai quyển luật yếu.
- Sa-môn Phật-đà Bạt-đà-la dịch mười lăm bộ, một trăm mười lăm quyển kinh, giới luận.
- Sa-môn Thích Pháp Hiển, dịch sáu bộ, hai mươi bốn quyển kinh, giới luận, truyện.
- Sa-môn Kỳ-đa mật dịch hai mươi lăm bộ, bốn mươi sáu quyển kinh.
- Cư sĩ ngoại quốc Trúc-nan-đề, dịch hai bộ, ba quyển kinh.
- Sa-môn Thích Pháp Lực, dịch một bộ, một quyển kinh.
- Sa-môn Thích Tung Công, dịch ba bộ, ba quyển kinh.
- Sa-môn Thích Thố Công, dịch một bộ, một quyển kinh.
- Sa-môn Thích Pháp Dõng, dịch một bộ, một quyển kinh.
- Sa-môn Thích Huệ Viễn, dịch mười bốn bộ, ba mươi lăm quyển

Luận, Tán.

- Sa-môn Thích Tăng Phu, dịch một bộ, một quyển luận.
- Sa-môn Thích Đàm Tiên dịch hai bộ, sáu quyển chú, luận.
- Sa-môn Chi Độn, dịch bảy bộ bảy quyển luận Chỉ quy.
- Sa-môn Trúc Tăng Độ, dịch một bộ, một quyển Chỉ quy.
- Sa-môn Thích Đạo Tổ, dịch bốn bộ, bốn quyển Mục lục.
- Sa-môn Chi Mẫn Độ, dịch một bộ, một quyển Đều lục.
- Sa-môn Khang Pháp Sướng, dịch một bộ, một quyển luận.
- Sa-môn Trúc Pháp Tế, dịch một bộ, một quyển truyện.
- Sa-môn Thích Đàm Vi, dịch hai bộ hai quyển luận Chỉ quy.
- Các kinh mất tên người dịch có năm mươi ba bộ, năm mươi bảy quyển kinh chú.

B. Các bản dịch:

**** Nhà Đông Tấn là:***

- Quán Đảnh Kinh chín quyển (thấy trong Tạp lục).
- Đại Khổng Tước Vương Thần Chú Kinh một quyển (thấy trong Trúc Đạo Tổ Tấn Thế Tạp Lục và Tam Tạng Ký).
- Khổng Tước Vương Tạp Thần Chú Kinh, một quyển (cũng thấy trong Trúc Đạo Tổ Lục nhưng dịch chưa hết và trong Tam Tạng Ký).

Cả ba bộ gồm mười một quyển do Sa-môn Bạch Thi Lê Mật-đa-la, nhà Tấn dịch là Cát Hữu, người Tây Vức, dịch ngày đời Ngươn Đế. Ngài là thái tử sẽ kế vị vua, nhưng ngài nhường ngôi cho em. Làm việc nước (Thái Bá) vụng về, ngộ tâm mở bày, bèn xuất gia làm Sa-môn. Ngài có thiên tư sáng suốt, cốt cách phi phàm ứng phó tự tại, vượt hẳn mọi người, huống là thông minh biện bác, nói năng lưu loát... Quan thừa tướng Vương Đạo mới tiếp kiến lần đầu với ngài rất lấy làm lạ bèn xem như học trò của mình. Do đó mà danh tiếng càng vang xa. Thừa tướng Đạo thường bảo với Mật rằng: Vua ở ngoại quốc chỉ có một người này thôi! Mật cười đáp rằng: Nếu bảo bần đạo làm như thí chủ thì ngày hôm nay đâu thể dạo gót đến đây được!”. Người đương thời cho đó là lời đối đáp hay nhất. Ngài giỏi trì chú thuật dùng ngày đâu đều rất linh nghiệm, rất được thịnh hành ở Kiến khang. Bấy giờ mọi người đều gọi ngài là “Cao Tòa Pháp sư”. Lại dạy đệ tử cách xem lịch và lớn tiếng tán tụng, ảnh hưởng đến nay vẫn còn.

****

- A-xà-thế Phật Chế Chư Bồ-tát Học Thành Phẩm Kinh, hai quyển (dịch năm Thái Khang, là bản dịch lần thứ hai. So với bản dịch của ngài

Chi-sấm thì giống nhiều khác ít).

- Phương Đẳng Pháp Hoa Kinh, năm quyển (dịch năm Hàm Khang thứ nhất).

Cả hai kinh gồm bảy cuốn trên, do Sa-môn Chi Đạo Căn dịch ngày đời vua Thành Đế. Đều thấy trong Trúc Đạo Tổ Tấn Thế Tạp Lục.

- Thí Dụ Kinh, mười quyển (Cựu Lục gọi là Chánh Thí Dụ Kinh). Một kinh gồm mười quyển này do Sa-môn Khang Pháp Thúy dịch ngày đời vua Thành Đế. Tập họp các kinh soạn dịch ra bộ kinh này, có nhiều sự kiện rất cần yếu.

****

- Nghĩa Túc Kinh, hai quyển (Ngô Lục ghi cũng bảo là bản dịch khác).

- Nhị Bách Lục Thập Giới Tam Bộ Họp Dị, hai quyển (ngày hai mươi tháng sáu năm Thái Ngươn thứ sáu, ở Tạ trấn tây họp chư Tăng kiểm xét rõ nhiều lần. Thấy trong Cựu Lục và Bảo Xướng Lục).

- Tam Thập thất Phẩm Kinh, một quyển (dịch năm Thái Ngươn thứ mười hai, ngài Đạo An nói là rút từ luật kinh).

- Hiền Kiếp Thiên Phật Danh Kinh, một quyển (Hai kinh trên rút từ Tăng Hựu Lục).

- Bát Sư Kinh, một quyển.

- Ngọc Da Kinh một quyển (hoặc gọi Ngọc Da Nữ Kinh).

- Hà Điêu A-na-hàm Kinh, một quyển (Cựu Lục gọi là Ha Điêu hoặc viết chữ Hà).

- Giới Đức Kinh một quyển (hoặc gọi Giới Đức Hương Kinh).

- Thất Mộng Kinh, một quyển (Cựu Lục gọi A-nan Thất Mộng Kinh).

- Thủy Mạt Sở Phiêu Kinh, một quyển.

- Tỳ-kheo Thính Thí Kinh, một quyển.

- Trị Thiền Pháp Kinh, một quyển.

- Xà Hành Pháp Kinh, một quyển (Rút từ Tạp A-hàm).

- Bạo Tượng Kinh một quyển.

- Quần Ngưu Thiên Đầu Kinh, một quyển.

- Câu Tát Quốc Ô Vương Kinh, một quyển (hoặc có chữ La, rút từ Sinh Kinh).

- Phu Phụ Kinh, một quyển (rút từ Sinh Kinh).

- Độc Ngưu Kinh, một quyển (hoặc viết chữ Tử).

- Giả Kê Kinh một quyển (Rút từ Sinh Kinh).

- Lư-đà Kinh, một quyển

- Trùng Hồ Điểu Kinh một quyển (Rút từ Sinh Kinh, hoặc viết chữ Ô).
- Khổng Tước Kinh, một quyển (Rút từ Sinh Kinh).
- Thập Thiện Thập Ác Kinh, một quyển (Ngô Lục cũng gọi là khác bản dịch, dịch lần thứ hai).
- Ngũ Khổ Kinh, một quyển (Hoặc gọi Tịnh Trừ Tội Cái Ngu Lạc Phật Pháp Kinh. Hoặc gọi Ngũ Đạo Chương Cú. Hoặc gọi là Ngũ Khổ Chương Cú).
- Tự Ái Kinh, một quyển (thấy trong Cựu Lục hoặc Tự Ái Bất Tự Ái Kinh).
- A-nan Niệm Di-lặc Kinh, một quyển (Hoặc viết chữ Ly).
- Quốc Vương Bất Lê Tiên Nê Thập Mộng Kinh, một quyển.
- Ma Thiên Quốc Vương Kinh, một quyển (Rút từ Lục Độ Tập).
- Di Liên Kinh một quyển (Thấy trong Cựu Lục hoặc Di Lan hoặc Di Liên, rút trong Lục Độ Tập).
- Phạm Chí Át-ba-la Diên Vấn Chương Tôn Kinh, một quyển.
- La-bà-điểu Vị Ưng Sở Tróc Kinh, một quyển (La-bà-thi Tấn gọi là Bán Trỉ)
- Tịch Chí Quả Kinh, một quyển.
- Đại Ngư Sự Kinh một quyển.
- Kiến Thủy Thế Giới Kinh, một quyển (Rút từ Đại Tập).
- Tân Tuế Kinh, một quyển.
- Phật Kiến Phạm Thiên Đảnh Kinh, một quyển
- Niết Di Hầu Kinh, một quyển (Rút từ Sinh Kinh).
- Xích Chủy Ô Dụ Kinh, một quyển.
- Vô Ngô Ngã Kinh, một quyển.
- Giới Tương Ưng Kinh, một quyển.
- A-nậu Phong Kinh, một quyển (A-nậu Phong Tấn gọi là Y Thứ).
- A-nan Đa-hoàn-la Vân Mẫu Kinh, một quyển
- A-dục Vương Cúng Dường Đạo Tràng Thọ Kinh, một quyển
- Thái Liên Hoa Vương Kinh, một quyển (Hoặc gọi Thái Liên Hoa Vương Thượng Phật Thọ Quyết Hiệu Diệu Hoa Kinh).
- Tứ Thiên Vương Án Hành Thế Gian Kinh, một quyển.
- Đế Thích Từ Tâm Chiến Thắng Kinh, một quyển.
- Tam Thập Tam Thiên Viên Quán Kinh, một quyển (Rút từ Tăng Nhất A-hàm).
- Tỳ-kheo Vấn Phật Thích Đề-hoàn Nhân Nhân Duyên Kinh, một

quyển (Rút từ Tạp A-hàm).

- Thiên Ư-tu-la Dục Đấu Chiến Kinh, một quyển (Rút từ Trường A-hàm).
- Thiên Đế Thọ Giới Kinh, một quyển.
- Thích Đề-hoàn Nhân Nghệ Mục-liên Phóng Quang Kinh, một quyển.
- Phạm Thiên Sách Số Kinh, một quyển (Cựu Lục gọi Chư Thiên Sự Kinh).
- Chư Thiên Địa Kinh, một quyển (bản dịch khác).
- Tỳ-kheo Dục Ngộ Thiên Tử Phóng Quang Kinh, một quyển.
- Thiên Thần Cấm Bảo Kinh, một quyển (Rút từ Nghĩa Túc Kinh).
- Chư Thiên Vấn Như Lai Cảnh Giới Bất Khả Tư Nghi Kinh, một quyển (Rút từ Đại Tập Kinh).
- Tội Nghiệp Báo Ứng Kinh, một quyển.
- Cứu Hộ Thân Mạng Kinh, một quyển.
- Tập Tu Sĩ Hành Kinh, một quyển.
- Khuyến Hành Hữu Chứng Kinh, một quyển (rút từ Tạp A-hàm).
- Thiền Tư Mãn Túc Kinh, một quyển (Rút từ A-hàm, dịch lần thứ hai).
- Trung Tâm Chánh Hạnh Kinh, một quyển (Rút từ Lục Độ Tập hoặc gọi Trung Tâm Kinh. Cựu Lục gọi là Đại Trung Tâm Kinh, Tiểu Trung Tâm Kinh)
- Chánh Kiến Kinh, một quyển.
- Tứ Đại Nê-lê Kinh, một quyển (Biệt Lục có ghi. Tăng Hựu Tam Tạng Ký gọi là mất tên người dịch, không có chữ Đại).
- Phật Vị Tỳ-kheo Thuyết Đại Nhiệt Địa Ngục Kinh, một quyển.
- Địa Ngục Chúng Sinh Tương Hại Kinh, một quyển.
- Thập Pháp Thành Tựu Ác Nghiệp Nhập Địa Ngục Kinh, một quyển.
- Chúng Sinh Đảnh Hữu Thiết Ma Thạnh Hỏa Xí Nhiên Kinh, một quyển (Rút từ Tạp A-hàm).
- Kiến Nhất Thiết Chúng Sinh Cử Thế Phấn Uế Đô Thân Kinh, một quyển (Rút từ Tạp A-hàm).
- Thiết Thành Nê-lê Kinh, một quyển.
- Nê-lê Kinh, một quyển (hoặc gọi Trung A-hàm Nê-lê Kinh).
- Mục-liên Kiến Đại Thân Chúng Sinh Nhiên Thiết Triều Thân

Kinh một quyển (Rút từ Tạp A-hàm).

- Tỳ-kheo Thành Tựu Ngũ Pháp Nhập Địa Ngục Kinh, một quyển (Rút từ A-hàm).
- Học Nhận Ý Loạn Kinh, một quyển.
- Bình Sa Vương Ngũ Nguyện Kinh, một quyển.
- Bát-nê-hoàn Thời Đại Ca-diếp Phó Phật Kinh, một quyển (hoặc gọi Ma-ha Ca-diếp).
- Ngũ Nhãn Văn Kinh, một quyển.
- Đệ Tử Mang Quá Kinh, một quyển (khác với bản dịch của ngài Kiết Hữu đã dịch trước).
- Khổng Tước Vương Chú Kinh, một quyển (khác bản dịch trước của ngài Kiết Hữu).
- Long Vương Cát Nguyện Ngũ Long Thần Chú Kinh, một quyển.
- Ma-ni-la-đàn Thần Chú Kinh, một quyển.
- Long Vương Chú Thủy Dục Kinh, một quyển.
- Đại Thần Tướng Quân Chú Kinh, một quyển.
- Y Hoàn Pháp Nguyện Thần Chú Kinh, một quyển.
- Thập Bát Long Vương Thần Chú Kinh, một quyển.
- Ma-ni-la-đàn Thần Chú An-ma Kinh, một quyển.
- Dược Chú Kinh, một quyển.
- Đại Thần Mẫu Kiết Thệ Chú Kinh, một quyển.
- Chú Độc Kinh, một quyển.
- Trì Cú Thần Chú Kinh, một quyển
- Ma Du Thuật Chú Kinh, một quyển.
- Đàn Trì La Ma Du Thuật Thần Chú Kinh, một quyển.
- Thất Phật Sở Kiết Ma Du Thuật Chú Kinh, một quyển.
- Giải Nhật Ách Thần Chú Kinh, một quyển.
- Chú Thủy Kinh, một quyển.
- Sấn Thủy Kinh, một quyển.
- Thỉnh Vũ Chú Kinh, một quyển.
- Chỉ Vũ Chú Kinh, một quyển.
- Đà Lân Bát Chú Kinh, một quyển.
- Huyễn Sư Bạt-đà Thần Chú Kinh, một quyển (Cũng gọi Ba-đà).
- Chú Thời Khí Bệnh Kinh, một quyển.
- Chú Tiểu Nhi Bệnh Kinh, một quyển.
- Chú Xỉ Thống Kinh, một quyển.

- Chú Nhãn Thống Kinh, một quyển.
- Chú Nha Thống Kinh, một quyển.
- Lục Trần Danh Thần Chú Kinh, một quyển.
- Huyễn Sự A Châu Di Thần Chú Kinh, một quyển.
- Y Vương Duy Lâu Diên Thần Chú Kinh, một quyển (tức A Duy Sở Vấn Y Vương Duy Lâu Diên Thần Chú Kinh).
- Thập Tụng Tỳ-kheo Giới Bổn một quyển (Năm Thái Nguyên thứ sáu đã họp chư tăng lấy ba bản dịch của các vị như Tăng Thuần, Đàm Ma Trì, Trúc Tăng Thư làm một quyển. Thấy ở Bảo Xướng Lục).
- Ly Dục Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di Cụ Hành Nhị Thập Nhị Giới Văn một quyển.

Cả một trăm lẻ một bộ gồm một trăm mười hai quyển trên ngày đời Tấn Hiếu Võ Đế do Sa-môn Trúc Đàm Vô Lan (nhà Tấn dịch là pháp chánh, người Tây Vức), ở Tạ trấn tây tại Dương đô lấy trong Thủ Thế Yếu Lược của Đại Bộ dịch ra. Tăng Hựu Lục chỉ chép có hai bộ kinh, ngoài ra chỉ thấy trong Biệt Lục. Tuy đều có bản chánh nhưng lại lưu hành riêng biệt nên đều nêu ra đây để có chỗ y cứ.

****

- Ích Ý Kinh, ba quyển (dịch lần thứ hai). Một bộ kinh ba quyển trên là do Sa-môn Khang Đạo Hòa dịch ngày cuối năm Thái Ngươn đời vua Hiếu Võ Đế. Thấy trong Trúc Đạo Tổ Tấn Thế Lục. Còn Chu Sĩ Hành Hán Lục thì bảo là có hai quyển nhưng không nói rõ tên người dịch.

****

- Thập Nhị Du Kinh, một quyển (dịch lần thứ hai, so với bản dịch của ngài Cương Lương thì khác chút ít).

Một quyển sách trên do Sa-môn Ca-lưu-đà-già người ngoại quốc (Ấn), nhà Tấn dịch tên ngài là Thời Vĩnh, dịch năm Thái Ngươn mười bảy thuộc đời vua Hiếu Võ Đế. Thấy trong Trúc Đạo Tổ Tấn Thế Tạp Lục và Bảo Xướng Lục).

****

- Trung A-hàm Kinh, sáu mươi quyển (ở Đông đình dịch từ tháng mười một năm Long An thứ nhất đến hai năm sáu tháng mới ngày. Ngài Trúc Đạo Tổ bút thọ (chép lại). Bản dịch này lần thứ hai. So với bản dịch của ngài Đàm-ma-nan-đề thì phần lớn không giống thấy trong Đạo Tổ Lục).
- Tăng Nhất A-hàm Kinh, năm mươi quyển (là bản dịch thứ hai, dịch ngày tháng một năm Long An thứ nhất. So với bản dịch của ngài

Nan-đề khác nhau chút ít. Ngài Trúc Đạo Tổ bút thọ, hoặc bốn mươi hai hay ba mươi ba quyển không nhất định. Thấy trong Đạo Tổ và Bảo Xướng Lục).

- A-tỳ-đàm Tâm Luận, bốn quyển (Châu Lư Sơn dịch theo yêu cầu của huệ Viễn ngày năm Thái Ngươn thứ mười sáu, ngài Đạo Từ làm bút ghi lại).

- Tam Pháp Độ Luận, hai quyển (Châu Lư Sơn dịch năm Thái Ngươn thứ mười sáu. Biệt Lục bảo là một quyển. So với bản dịch của ngài Đàm-ma-nan-đề, đời Tần thì giống nhiều khác ít. Hoặc gọi tắt là Tam Pháp Độ, hoặc không có chữ "Luận" hoặc viết bằng chữ "Kinh".

- Giáo Thọ Tỳ-kheo-ni Pháp, một quyển (thấy trong Biệt Lục cũng dịch tại Lư Sơn).

Cả năm bộ gồm một trăm mười bảy quyển kinh luận trên, đều do Tam tạng Pháp sư Cù-đàm Tăng-già-đề-bà (Tấn dịch là Chúng Thiên) người nước Kế Tân, dịch ngày đời vua Hiếu Võ và An Đế. Về sau đời Tần Diêu, ngài sang sông. Trước hết là ngài huệ Viễn châu Lư Sơn nổi tiếng bậc nhất là người giỏi kinh điển. Khi nghe ngài Đề-bà đến nơi thì liền mời ngày Lư Sơn để cùng dịch thuật, bỏ đi đi sự văn hoa chỉ giữ lại thực chất. Nay thấy các tác phẩm còn lưu truyền chính là lối văn này.

Ngày mùa xuân cuối năm Long An, ngài dạo chơi đến Kiến Khang. Các hàng Vương tôn công tử, danh sĩ phong lưu đời Tấn đều đón tiếp. Đến mùa Đông, vì yêu cầu của Vệ quân Tướng quân Đông Đình Hầu là Vương Tuần nên dịch lại Trung và Tăng Nhất A-hàm, tập hợp các bậc danh đức ở kinh đô như các ngài Thích huệ Trì... gồm bốn mươi Sa-môn để cùng phiên dịch rõ ràng, cho mãi đến mùa hạ mới ngày. Khi ngài châu Lạc dương và Giang tả, số Kinh luận được dịch ra hơn cả trăm vạn lời đều nắm được diệu chỉ sâu xa.

****

- Tỳ-ni Tụng, ba quyển (là mười bài Tụng sau Thiện Tụng).

- Tạp Vấn Luật Sự, hai quyển (cùng chúng Luật Yếu Dụng, đều thấy trong Nhị Tần Lục).

Cả hai bộ gồm năm quyển trên, do Tam tạng Pháp sư Tỳ-ma-la-xoa (Tấn dịch là Vô Cấu Nhãn) người nước Kế Tân năm Hoằng Thủy thứ tám đời Diêu Tần, ngài đến Trường an. Khi ngài La-thập viên tịch, ngài bèn đến Thọ xuân ngụ ở Thạch giản. Đám học trò học luật hội họp đông đảo môn Tỳ-ni rất phát triển thịnh hành. Ngài La-thập dịch Thập Tụng gồm năm mươi tám quyển. Về sau ngài La-xoa giải rộng thêm thành sáu mươi mốt quyển, đổi tên Thiện Tụng thành Tỳ-ni Tụng, cho

nên nay có hai tên. Sau ở Giang lăng dịch bộ luật Tạp Sự ở Đạo tràng, huệ Quan làm bút thọ (ghi lại) rất thạnh hành ở đời, lưu truyền mãi đến nay.

****

- Chúng Luật Yếu Dụng, hai quyển (Người và chỗ không đồng nên văn cũng rất khác nhau. Thấy trong Biệt Lục).

- Một bộ hai quyển này được dịch ngày hai tháng ba năm Long An thứ tư đời vua An Đế, do ngài Sa-môn Thích Tăng Tuân và hơn hai mươi vị khác. Ở Dương châu, quan Thượng thư sai Vương Pháp đến tinh xá thỉnh ngài Tam tạng Luật sư Đàm-ma (Tấn dịch là Pháp Thiện) dịch ra, Luật sự và tựa đều đầy đủ. Quyển đầu nói rõ về vật của Phật Pháp Tăng, giới hạn sự giao tiếp giữa nhau sai khác rất thiết yếu, cần phải khéo léo giữ gìn.

****

- Hoa Nghiêm Kinh, năm mươi quyển (châu chùa Đạo tràng dịch ra năm Nghĩa Hy thứ mười bốn, cho đến năm Vĩnh Sơ thứ hai đời Tống mới ngày, hoặc có sáu mươi quyển. Thấy ở Trúc Đạo Tổ Tấn Thế Tạp Lục).

- Quán Phật Tam-muội Kinh, tám quyển (một tên là Quán Phật Tam-muội Hải Kinh. Thấy trong Trúc Đạo Tổ Tấn Thế Tạp Lục hoặc bảo dịch ngày đời Tống).

- Quá Khứ Nhân Quả Kinh, bốn quyển (thấy trong Biệt Lục).

- Tân Vô Lượng Thọ Kinh, hai quyển (ở Đạo tràng dịch năm Vĩnh Sơ thứ hai. Thấy trong Bảo Xướng Lục).

- Đạt-ma-đa-la Thiền Kinh, hai quyển (một tên là Bất Tịnh Quán Kinh, một tên là Tu Hành Đạo Địa Kinh).

- Đại Phương Đẳng Như Lai Tạng Kinh, một quyển (ở Đạo tràng dịch năm Ngươn Hi thứ hai, dịch lần thứ hai. Thấy trong Trúc Đạo Tổ Tấn Thế Tạp Lục. So với bản dịch của ngài Pháp Lập có khác chút ít).

- Văn-thù-sư-lợi Phát Nguyện Kệ Kinh, một quyển (ở Đạo tràng dịch năm Ngươn Hi thứ hai. Sau kinh có ghi là năm Canh Thân, một bản không có chữ Kệ. Thấy ở Bảo Xướng Lục).

- Xuất Sinh Vô Lượng Môn Trì Kinh, một quyển (một tên là Thành Đạo Hàng Ma Đắc Nhất Thiết Trí Kinh, ở Lô Sơn dịch ra. Thấy trong Trúc Đạo Tổ Tấn Thế Tạp Lục).

- Bổn Nghiệp Kinh, một quyển.

- Tân Vi Mật Trì Kinh, một quyển (dịch lần hai ngày năm Long An thứ hai. So với bản dịch của ngài Chi Khiêm đời Ngô thì giống nhiều

khác ít. Thấy ở Trúc Đạo Tổ Tấn Thế Tạp Lục).

- Tịnh Độ Ba-la-mật Kinh, một quyển.
- Bồ-tát Thập Trụ Kinh, một quyển (dịch lần thứ ba).
- Tăng Kỳ Luật, bốn mươi quyển (cùng ngài Pháp Hiển dịch ngày tháng mười một năm Nghĩa Hy thứ mười hai. Thấy trong Trúc Đạo Tổ Tấn Thế Tạp Lục và Biệt Lục. Hoặc có ba mươi quyển).
- Tăng Kỳ Đại Tỳ-kheo Giới Bổn, một quyển (ở Đạo tràng dịch lần thứ hai. Thấy trong Bảo Xướng Lục).
- Phương Tiện Tâm Luận, một quyển (cùng dịch với ngài Pháp Nghiệp. Thấy trong Cao Tăng truyện).

Cả mười lăm bộ gồm một trăm mười lăm quyển trên là do ngài Tam tạng Thiền sư Phật-đà Bạt-đà-la (Tấn dịch là Giác Hiền) người Bắc Thiên Trúc, đời vua An Đế, ở hai nơi Dương đô và Lô Sơn mà dịch ra. Các Sa-môn Pháp Nghiệp, Huệ Nghĩa, Huệ Nghiêm... cùng làm bút thọ (ghi lại). Trong Cao Tăng truyện bảo rằng Giác Hiền dịch Nê-hoàn và Tu Hành... mười lăm bộ gồm một trăm mười bảy quyển. Căn cứ ngày Bảo Xướng Lục, Túc Vô Thượng Thọ và Giới Bổn, số bộ tuy đầy đủ, nhưng còn thiếu hai quyển, chưa rõ là kinh gì. Rất mong các bậc học rộng nghe thấy hoặc tiếp tục tìm đọc biết được, xin bổ túc chỗ thiếu sót hầu làm đầy đủ dòng pháp vậy.

****

- Đại Bát-nê-hoàn Kinh, sáu quyển, do Tạ Ty Không Công Tạ Thạch (?) ở Đạo tràng dịch năm Nghĩa Hy thứ mười ba. Cựu Lục bảo là ngài Giác Hiền dịch. Bảo Vân làm bút thọ. Đó là Đại Chúng Vấn Phẩm của Đại Bản chia làm mười quyển đã dịch trước đây. Thấy ở Trúc Đạo Tổ Lục, hoặc mười quyển).
- Phương Đẳng Nê-hoàn Kinh, hai quyển (thấy ở Trúc Đạo Tổ Tấn Thế Tạp Lục).
- Tạp Tạng Kinh, một quyển (cùng với Quỷ Vấn Mục-liên, Ngạ Quỷ Báo Ứng, Mục-liên Thuyết Địa Ngục, Ngạ Quỷ Nhân Duyên... cả bốn quyển trên đồng bản là một kinh nhưng khác người dịch. Thấy trong Bảo Xướng Lục).
- Tăng-kỳ Ni Giới Bản, một quyển (bản dịch thứ hai cùng dịch với ngài Giác Hiền. So với bản dịch của ngài Kha-ca-la đời Ngụy thì khác chút ít).
- Tạp A-tỳ-đàm Tâm Luận, mười ba quyển (dịch lần hai cùng ngài Giác Hiền. So với bản dịch của ngài Tăng Già Bạt Trừng đời Tiền Tần thì rất giống).

- Lịch Du Thiên Trúc Ký Truyện, một quyển.

Cả sáu bộ gồm hai mươi bốn quyển trên, do ngài Sa-môn Thích Pháp Hiển ở Bình Dương, đến năm Long An thứ ba đời An Đế ngài cất bước từ Trường An xạ dạo khắp Thiên Trúc để tìm dấu tích linh thiêng, tìm thỉnh các Kinh Luật Luận mà nhà Tấn không có. Trải khắp các nước để học tiếng và chữ Phạm, chính tay sao chép lại các bản tiếng Phạn từ xưa, từ Bắc chí Nam. Khi đến nước Sư Tử, ở đấy có răng Phật. Mỗi năm ngày tháng ba vua nước ấy dự định trước mười ngày, trang suất voi trắng rồi sai một vị quan cao quý tài trí biện thuyết giỏi, mặc áo ngự bào của vua, ngồi trên voi trắng, vỗ trống lớn tiếng bảo rằng: "Đức Như Lai ở đời suốt bốn mươi chín năm, thuyết pháp độ người số đông vô lượng. Khi duyên chúng sinh đã hết thì ngài nhập Niết-bàn. Từ đó đến nay đã được một ngàn bốn trăm chín mươi bảy năm, khá thương cho chúng sinh ở thế gian còn mê muội triền miên. Mười ngày nữa răng Phật sẽ được trưng bày tại tinh xá Vô úy. Vậy mọi người nên sắm sửa hương hoa đến cúng dường!".

Lúc đó nhằm năm Nghĩa Hi thứ nhất đời Tấn, ngài Pháp Hiển linh đinh trên biển cả về đến tận Dương Đô, ở Đạo tràng mà dịch Kinh Giới Luận. Biệt truyện ghi đủ mọi việc và bảo rằng kể từ nam Ất Tỵ, niên hiệu Nghĩa Hi thứ nhất, cho đến nay là năm Đinh Tỵ thuộc niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bảy thì đã trải qua một ngàn sáu trăm tám mươi mốt năm.

****

- Anh Lạc Kinh, mười hai quyển (hoặc mười quyển)
- Duy-ma-cật Kinh, bốn quyển (dịch lần thứ ba)
- Thiền Kinh, bốn quyển.
- Đại Trí Độ Kinh, bốn quyển.

Cả bốn bộ kinh trên gồm hai mươi bốn quyển đều thấy ở Nam Lai Tân Lục.

- Như Huyễn Tam-muội Kinh, hai quyển (dịch lần thứ hai, so với bản Bát-nhã Tam-muội Kinh hai quyển của ngài Chi-sấm dịch ngày đời Hán thì đồng tên nhưng câu văn khác nhau chút ít. Thấy trong Trúc Đạo Tổ Tấn Thế Tạp Lục).
- A Thuật Đạt Kinh, một quyển.
- Vô Sở Hy Vọng Kinh, một quyển.
- Phổ Hiền Quán Kinh, một quyển (một tên là Quán Phổ Hiền Bồ-tát Kinh. Thấy trong Đạo huệ Lục).
- Vô Cực Bảo Tam-muội Kinh, một quyển (dịch lần hai).

- Ngũ Cái Nghi Kiết Thất Hạnh Kinh, một quyển (dịch lần hai. So với bản dịch của ngài Pháp Hộ có khác chút ít).
- Sở Dục Trí Hoạn Kinh, một quyển (dịch lần hai. So bản ngài Trúc Pháp Hộ dịch thì khác chút ít).
- Như Lai Độc Chứng Tự Thệ Tam-muội Kinh, một quyển (dịch lần hai).
- Pháp Một Tân Kinh, một quyển (dịch lần hai).
- Bồ-tát Chánh Trai Kinh một quyển (dịch lần hai).
- Chiếu Minh Tam-muội Kinh, một quyển (dịch lần hai).
- Phân Vệ Kinh, một quyển.
- Oai Cách Trưởng Giả Lục Hướng Bái Kinh, một quyển (một bản viết là Oai Hoa).
- Bồ-tát Thập Trụ Kinh, một quyển (dịch lần hai).
- Ma Điều Vương Kinh, một quyển.
- Chỉ Man Kinh, một quyển (hoặc viết Chỉ Kế Kinh).
- Phù Quang Kinh, một quyển (hoặc viết Nhũ Quang Kinh).
- Di-lặc Sở Vấn Bổn Nguyện Kinh, một quyển.
- Thập Địa Kinh, một quyển.
- Bão Nữ Thí Kinh, một quyển.
- Phổ Môn Phẩm Kinh, một quyển (dịch lần hai. So bản dịch của ngài Pháp Hộ rất giống. Thấy trong Trúc Đạo Tổ và Tam Tạng Ký).

Cả hai mươi lăm bộ gồm bốn mươi sáu quyển trên do Sa-môn Kỳ-đa-mật (Tấn dịch là Ha Hữu), người Tây Vức dịch ra hết. Các Lục đều nói rằng: Kỳ-đa-mật dịch ra ở đời Tấn. Tên sách dịch phần lớn đều giống nhau kể ra không phải là hư dối, nếu không phải ở Hàm dương, Lạc dương thì cũng chính là ở Giang nam, nhưng chưa rõ là đời vua nào. Một bộ thấy ở Tăng Hựu rút từ Tam Tạng Tập Ký, ngoài ra đều lấy từ ghi chép của các lục khác.

****

- Đại Thừa Phương Tiện Kinh, hai quyển (bản dịch lần ba ngày năm Ngươn Hi thứ hai. So với bản dịch của các ngài Pháp Hộ và Tăng-già-đà thì khác chút ít. Cùng với bộ huệ Thượng Bồ-tát Sở Vấn Kinh thì bản đồng mà khác người dịch. Thấy trong Thủy Hưng Lục).
- Thỉnh Quán Thế Âm Tiêu Phục Độc Hại Đà-la-ni Kinh, một quyển (dịch lần thứ hai, thấy trong Pháp Thượng Lục).
- Oai Cách Trưởng Giả Lục Hướng Bái Kinh, một quyển (Ở Quảng châu dịch ra khoảng đời Tấn- Tống, là bản dịch thứ ba. So với bộ Lục Hướng Bái của ngài Pháp Hộ và Kỳ-đa-mật dịch thì giống nhau. Thấy

ở Thủy Hưng và Bảo Xướng... các Lục).

Cả ba bộ gồm bốn quyển trện đều do Cư sĩ Trúc-nan-đề (Tấn dịch là Hỷ Pháp) người ngoại quốc (Ấn) dịch ra. Thượng Lục Bảo là dịch ở nhà Tấn chưa rõ đời vua nào, năm nào.

****

- Vô Lượng Thọ Chí Chân Đẳng Chánh Giác Kinh, một quyển (một tên là Nhạc Phật Độ Kinh, một tên Cực Lạc Phật Độ Kinh).

Một bộ kinh một quyển trên là ngày tháng hai năm Ngươn Hi thứ nhất đời vua Cung Đế, do Sa-môn Trúc Pháp Lực người ngoại quốc (Ấn) dịch ra, đây là bản dịch thứ sáu. So với bản dịch của ngài Chi Khiêm, Khang Tăng Khải, Bạch Diên, Trúc Pháp Hộ, Cưu-ma-la-thập thì bản rất giống nhưng tên kinh và lời văn khác chút ít. Thấy trong Thích Chánh Độ Lục.

****

- Ca-diếp Kết Tập Giới Kinh, một quyển.

- Bình Sa Vương Ngũ Nguyện Kinh, một quyển (cũng gọi là Phất Sa Vương Kinh).

- Viết Nạn Kinh, một quyển (tức Việt Nạn Kinh. Các việc nói sau có khác chút ít).

Cả ba bộ gồm ba quyển trên, các Lục đều bảo là dịch ở cuối đời Tấn, không rõ năm nào, đời vua nào, do Sa-môn Thích Trung Công dịch, hoặc gọi là Cao Công. Thấy ghi ở Triệu Lục và Thủy Hưng Lục).

****

- Ca-diếp Cấm Giới Kinh, một quyển (một tên Ma-ha Tỳ-kheo Kinh, một tên là Chân Ngụy Sa-môn Kinh).

Một kinh một quyển này dịch ngày cuối đời Tấn, chưa rõ năm nào, đời vua nào. nói là Sa-môn Thích Thoái Công Dịch, thấy ở Thủy Hưng Lục).

- Phật Khai Giải Phạm Chí A Bạc Kinh, một quyển xuống hàng. Một quyển kinh trên ở đời Tấn Mạt, chưa rõ năm nào, đời vua nào. nói là Sa-môn Thích Pháp Dõng dịch, thấy ở Triệu Lục).

- Đại Trí Luận Yếu Lược hai mươi quyển (cũng gọi là Thích Luận Yếu Sao).

- Vấn Đại Thừa Trung Thâm Nghĩa Thập Bát Khoa gồm ba quyển (đều do ngài La-thập trả lời).

- A-tỳ-đàm Tâm Tự, một quyển.

- Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Tự, một quyển.

- Tu Hành Phương Tiện Thiền Kinh Tự, một quyển.

- Tam Pháp Độ Tự, một quyển.
- Pháp Tánh Luận, một quyển.
- Minh Báo Ứng Luận một quyển.
- Thích Tam Báo Luận, một quyển.
- Biện Tâm Thức Luận, một quyển.
- Bất Kính Vương Giả Luận, một quyển.
- Sa-môn Tổ Pháp Luận, một quyển.
- Đại Trí Luận Tự, một quyển (Vua Tần là Dao Hưng yêu cầu dịch).
- Phật Ảnh Tán, một quyển.

Cả mười bốn bộ gồm ba mươi lăm quyển trên, ngày đời vua Hiếu Võ và An Đế, ở Lô Sơn do ngài Sa-môn Thích huệ Viễn thuật chế. Viễn là người ở Nhạn môn, họ Cổ. Năm lên hai mươi mốt tuổi gặp được ngài Thích Đạo An liền cho đúng là thầy mình. Khi nghe Đạo An giảng kinh Bát-nhã, Viễn thưa rằng: Cả chín dòng Nho đạo đều là vỏ trấu cả. Bèn ném bỏ trâm đang cài đầu ngày cỏ rác rồi tự nhận giềng mối Đại Pháp là trách vụ của mình. Khi nghe ngài La-thập ngày Quan ải, liền gửi thư đến giao hảo rằng: Thích huệ Viễn tôi cúi lạy ngài, năm rồi tôi nhờ ơn Diêu Tả quân giúp đỡ sách vở giấy bút. Nay xin hỏi nhân giả ngày xưa đất nước khác nhau, muốn gặp phải vượt nghìn trùng. Bây giờ dù tiếng nói chưa thông hiểu nhau, chỉ mới nghe hơi hớm đã vui lắm rồi. Nay ngài đã mang báu vật (Phật pháp) đến đây, thì trong một ngày cả chín ngựa cũng khó mamg hết cả nỗi niềm mừng kính, luôn nhọc nhằn nơi mắt ngóng trông chờ đợi. Cây Chiên đàn đem trồng nơi khác thì mọi vật xung quanh cũng sẽ thơm lây, ngọc Ma-ni rực chiếu thì các ngọc báu cũng hấp thụ được ánh sáng ấy. Vả đã nguyện nhiều mà không chuyên làm việc tốt trọn vẹn, thì ngài Long Thọ đâu riêng nổi bật hơn người trước. Vả xưa nay áo mới may (Cảnh y tài) nên lên tòa cao mà mặc.

Ngài La-thập đáp thư: Lão già Cưu-ma-la này xin kính lễ, đã chưa từng gặp mặt chuyện trò, lại văn từ cách trở sự hiểu nhau chưa thông nhịp cầu, duyên ý chưa nối. Nay vừa mới đến nơi huống nữa phong đức được tiếp nối chỉ là thô thiển, ngài hà tất phải quá khen mà che lấp lời của trăm kinh. Sau này Đông phương tất sẽ có Hộ Pháp Bồ-tát. Nhân giả hãy cố gắng, khéo quảng bá việc này. Phàm tài năng cần đủ cả năm thứ là phước đức, giới hạnh, học rộng, biện tài và trí huệ sâu sắc. Nếu người nào gồm đủ thì đạo pháp hưng thạnh, nếu ai chưa đủ thì tất phải ngưng trệ. Nhân giả là kẻ đầy đủ tài năng, cho nên lời thư rất thông suốt tốt đẹp. Do đó việc phiên dịch là truyền đạt tâm ý thì đâu thể hết được.

Vài lời thô thiển xin đáp lại ý ngài. Nhọc công ngài quá so sánh Cảnh Y Tài, nếu lúc muốn lên Pháp tòa thì mặc ngày tất sẽ đúng ý của Như Lai, chỉnh e người không xứng đáng với vật chỉ lấy làm thẹn mà thôi. Từ nay xin được cùng trao đổi lời vàng ngọc để được thấm nhuần pháp khí. Cùng xin tặng nhau một bài kệ:

Đã không còn nhiễm lạc
Tâm được thiện nhiếp chăng?
Nếu được không tán loạn
Thâm nhập thật tướng chăng
Trong tướng không rốt ráo
Tâm không có chỗ vui
Nếu vui Thiền Trí huệ
Là Pháp tánh không chiếu
Hư dối đều không thật
Cũng chẳng chỗ dừng tâm.
Pháp Nhân giả đã đắc.
Xin bày chỗ thiết yếu.

Ngài huệ Viễn cũng đáp lại bằng một bài kệ:

Gốc chánh còn theo ai?
Bến bờ đâu mà diệt
Một mảy may cảnh động
Sụp độ cả núi non
“Hoặc tưởng” cứ nối nhau
Gặp Lý liền ngưng trệ.
Nhân duyên tuy không chủ
Mở đường há một đời?
Giờ không biết người giỏi
Ai sẽ nắm huyền cơ
Hỏi đến còn mênh mang
Hẹn nhau ngày bóng xế.

Trước đây ở Trung Quốc chưa nghe nói tiếng Nê-hoàn thường trú, mà chỉ nói chữ thọ mạng dài lâu. Viễn bèn than rằng: Phật là bật cao tột, đã tột cao thì tất không biến đổi, lý của không biến đổi há lại có cùng tận được sao? Nhân đó viết quyển Pháp Tánh Luận mà bảo rằng: Chỗ cao tột nhất lấy bất biến làm tánh, đã được Tánh thì lấy thể cùng cực làm Tông chỉ”. Ngài La-thập thấy lời luận ấy khen rằng: Người ở vùng biên giới chưa hề thấy có kinh điển, mà cùng lý đã họp, đâu chẳng diệu kỳ lắm ư?

Chúa Tần là Diêu Hưng rất quý trọng khâm phục Phong cách và Tài đức của huệ Viễn, nên luôn ân cần viết thư thăm hỏi liên tiếp biếu tặng... Khi Thích Luận vừa mới ra, Hưng đưa Luận đến và gởi thư bảo nên viết Tựa Luận để lưu truyền cho kẻ hậu học. Tiếng tăm của huệ Viễn vang xa đến các lân quốc. Ngài nhận thấy Trí Độ Luận câu văn quá rắc rối dài dòng khiến kẻ mới học khó hiểu. Bèn sửa sang tóm tắt các điều cương yếu soạn thành hai mươi quyển, lời tựa rất sâu sắc tao nhã giúp kẻ tìm học nhẹ bớt nửa công khó nhọc.

Lúc bấy giờ vua Hoàn Huyền tây chinh Ân Trọng Kham, muốn Viễn xuống núi để cùng diện kiến. Viễn lấy cớ bệnh để từ chối. Huyền đích thân lên núi, kẻ tả hữu tâu rằng: Ngày xưa Ân Trọng Kham cũng đã ngày núi lạy Viễn, vậy xin bệ hạ chớ kính trọng.

Huyền bảo: Sao có lý đó được, Trọng Kham vốn là kẻ đã chết rồi. Khi Huyền ngày gặp Viễn thì bất giác kính trọng.

Huyền thưa: Nếu không giết hại gây thương tổn thì làm sao dẹp tan được.

Viễn đáp: Nên lập thân hành Đạo.

Huyền khen là hay nhưng không dám trình bày ý định của mình ra. Bèn nói việc chinh phạt. Viễn làm thinh không đáp.

Huyền lại hỏi: Ngài chẳng cầu mong điều gì sao?

Huệ Viễn nói: Mong cho thí chủ luôn được an ổn và người khác cũng thế!”....

Huyền xuống núi bảo kẻ tả hữu rằng: Từ lúc mới sinh đến nay thật chưa thấy ai như vị này. Về sau Huyền muốn sa thải chúng Tăng, lại khiến Sa-môn phải tôn kính vua chúa, bèn viết thư cho Viễn để quyết nghi.

Ngài huệ Viễn đáp vắn tắt rằng: Áo ca-sa không phải là sắc phục của Triều nhà Tống, Bình Bát cũng nào phải là vật của Long Miếu. Nhân đó mà viết bộ luận về Sa-môn không kính vua, gồm có năm thiên. Văn rất đầy đủ trong truyện tập. Từ đó Sa-môn được hoàn toàn được ngoại lệ. Kịp khi Huyền chạy về phía Tây thì An Đế trở về Đông, ra chiếu ân cân ủy lạo công lao khắp nơi. Ở Trần Quận có Tạ Linh Vận ỷ tài kiêu ngạo, trên đời ít tôn phục ai. Nhưng chỉ một lần gặp được ngài huệ Viễn liền kính cẩn tâm phục. Ngài huệ Viễn bên trong thì thông suốt Phật lý, bên ngoài hiểu rõ các sách. Những kẻ dự học không ai là chẳng nương tựa noi gương. Ngài huệ Viễn ngụ ở Lô Sơn hơn ba mươi năm, ảnh ngài chưa hề xuống núi, dấu ngài chẳng lẫn ngày đời. Ngài chỉ chuyên việc viết Luận Tựa và soạn bài Minh lời tán khen Tượng

Phật, hoặc Thi thư... tập họp thành mười quyển, hơn năm mươi thiên. Càng được đời quý trọng nhưng vẫn coi thường không để ý đến.

****

- Thần Vô Hình Luận một quyển.

- Bộ luận một quyển trên, ngày đời vua Nguyên Đế, ở Ngõa quan tại Dương đô, do Sa-môn Trúc Tăng Phu soạn ra. Lúc bấy giờ bọn Dị học đều cho rằng tâm thần có hình tướng nhưng chỉ kỳ diệu hơn muôn vật mà thôi. Tùy theo cách nói năng mà đánh đổ nhau, tà chánh khó luận, lấy bỏ không biết theo đâu. Ngài Tăng Phu nhân đó viết ra luận này. Luận ấy tóm lược rằng: Cái gì có hình thể tất có số lượng, nếu có số lượng tất phải có hết. Thần đã không hề hết cho nên biết thần không có hình thể. Lúc bấy giờ bọn biện luận về hình trạng tuy có lăng xăng tranh cãi nhau nhưng thấy Lý đã có ý chỉ nên đều thích ý tin phục.

****

- Duy-ma-cật Tử Chú Kinh, năm quyển.

- Cùng Thông Luận, một quyển.

Cả hai bộ gồm sáu quyển trên, ở Đông lâm tại Lư Sơn, do Sa-môn Thích Đàm Tiên soạn. Đàm Tiên là đệ tử của ngài Huệ Viễn, rất có tài học.

****

- Tức Sắc Du Huyền Luận, một quyển.
- Biện Tam Thừa Luận, một quyển.
- Thích Mông Luận, một quyển.
- Thánh Bất Biện Tri Luận, một quyển.
- Bổn Nghiệp Kinh Tự, một quyển.
- Bản Khởi Tứ Thiền Tự, một quyển.
- Đạo Hạnh Chỉ Quy, một quyển.

Cả bảy bộ gồm bảy quyển trên, ngày đời vua Ai Đế, do Sa-môn Chi Độn soạn ra. Độn tự là Đạo Lâm, tuổi nhỏ tài cao, đàm luận giỏi về danh lý. Tạ An Vương là Hiệt Lưu Khôi Phục Ân Hạo, Hứa Tuân, Tức Siêu, Tôn Xước, Hoàn Ngạn và Biểu Vương` Kỉnh Nhân Hà đó Đạo Vương Văn Độ, Tạ Trưởng Hà, Viên Ngạn Bá... đều thuộc về dòng họ một đời danh gia. Họ là những kẻ ham mê niềm vui thoái trần mỗi người đều sống chốn sơn lâm, chọn việc Đắc Tánh là chỗ đến. Ngài đã nhiều phen được vua triệu vời mà từ chối mãi vẫn không khỏi nên đành phải dấn thân ngày chốn Đế Kinh. Tức Siêu cùng thân hữu thư từ cho nhau rằng: Ngài Đạo Lâm Pháp sư thần lý thông suốt, riêng ngộ lẽ Huyền diệu cao tột, tiếp nối làm sáng rỡ đạo pháp hơn cả trăm năm, khiến Chân

lý còn mãi không mất chỉ có một người ấy mà thôi. Ngài Đạo Lâm ở chốn Kinh sư trải suốt ba năm, sau đó muốn trở về Sơn Đông dâng thư cáo từ. Cuối cùng bảo rằng: "Kẻ hèn hạ cỏ bồng cỏ tất chưa ngộ được ánh sáng trời rực rỡ, lắm phe vâng lệnh Thánh chỉ về ở Đế đô, tới lui đều lầm lỗi, không biết là mầm nguy. Từ khi đến ở chốn cung đình nhờ vua thương tưởng chỉ dẫn, lo toan thì dùng Tân lễ, khuyên răn thì chỉ nhắc nhở nhẹ nhàng. Mỗi lúc càng thẹn tài hèn, trệ lý vì không biết điều mới. Không đủ để đối bày phép lớn vì việc thấy nghe bị lấp kín. Khúm núm hầu người mồ hôi dầm dề ướt chiếu. Ngày xưa bốn ông đến Hán làm rạng rở nước Ngụy. Việc xuất xử đều có lý do, khi nói im luôn đúng lúc. Nay kẻ hèn này đức không sánh bằng người xưa, động tịnh đều sai trái, hồn lang thang nơi đất cấm, nói năng ồn náo tai vua. Sắp nguy khốn chẳng biết dựa ngày đâu, nào có tài cán gì? Vả chăng năm tháng nhàn ha rảnh rang nên cảm thán như thế. Huống lại các bạn đồng chí hướng thì phân tán xa xôi, mãi ngóng đầu trông về Đông hỏi ai không thương nhớ. Vậy kính mong lượng trên bệ hạ thương tình đặc ân cho thần trở về chốn sơn lâm đạm bạc, nhờ tiếng vượn chim mà di dưỡng tinh thần rất âu lo về chức vụ giao phó. Chỉ lộ bày cái nghe vụng và sự thấy ngu muội của mình. Gói sẵn lương khô chỉ mong đợi ngày được về quê, một lòng chờ đợi chiếu chỉ thương tình...". Liền được vua chấp thuận.

Một hôm có người tặng Độn (ngài Đạo Lâm) con ngựa, Độn nhận lấy và nuôi. Bấy giờ có kẻ chê cười. Độn đáp: Bần Đạo rất thích thần tuấn (ngựa tài) nên nuôi như thế. Lại có người đem cho chim Hạc. Độn bảo Hạc rằng: Mày là loài cao bay giữa khoảng trời xanh, đâu thể làm vật vui tai mắt cho người, bèn thả bay đi. Sách của ông gồm có mười quyển rất thạnh hành trên đời.

- Tỳ-đàm Chỉ Quy, một quyển.

- Một quyển trên ngày đời Ai Đế, do Sa-môn Trúc Tăng Độ soạn ra.

Độ vốn họ Vương, tên Hy, tự là Huyền Tông, người Đông Hoàn. Tuy mồ côi cha từ bé nhưng thiên tư sớm phát. Đến năm mười sáu tuổi thì tinh thần sáng láng tỏ rõ là kẻ khác thường, tánh tình hiền lành ôn hòa, mọi người đều mến chuộng. Ở một mình nuôi mẹ nên tiếng hiếu hạnh đồn xa. Con gái của Dương Đức Thận, người cùng Quận vừa đến tuội cập kê. Nàng vốn là con gái nhà gia tộc, tên chữ là Thiều Hoa, dung nhan đoan chánh lại giỏi về sách sử, cùng tuổi với Độ. Lúc đầu khi nói việc hôn nhân thì cả hai đều đồng ý. Kịp khi chưa thành lễ thì mẹ Thiều Hoa qua đời, không lâu cha cũng quy tiên. Mẹ của Độ cũng

vừa tạ thế. Độ thấy cuộc đời quả thật vô thường bỗng nhiên cảm ngộ, liền bỏ tục đi xuất gia đổi tên là Tăng Độ. Dấu kín vết trần tìm phương xa mà du học. Thiều Hoa vừa ngày tang khó, tự nghĩ chỉ có Nghĩa Tam Tùng, không thể có đạo đứng riêng, bèn viết thư cho Độ bảo rằng: Tóc da không nên hủy bỏ, nối giỏi cúng tế chớ bỏ bê. Phải nên nghĩ đến thế gian mà đổi chí cao xa để làm vinh hiển cho đời. Xa thì xứng với linh xưa của Tổ khảo, gần thì thỏa ước nguyện của tình người!".

Bèn tặng cho ngài năm bài thi. Trong đó có một thiên nói rằng:

- Đại đạo tự vô cùng; trời đất vốn dài lâu. Đá to đâu thể mòn, hạt cải nhiều khó đếm. Thế gian một đời người, phiêu bồng như làn gió thoảng qua khung cửa sổ. Hoa đâu chẳng xinh tươi, trời chiều làm héo úa. Sông vắng vang lời ngâm. Chiều về nghĩ mang mang tiếng trống từ non cao, âm thanh vui rộn rã. Thức ăn ngon thích khẩu, lụa là đẹp thân hình, đầu lấp lánh mão hoa... Các thứ đang như thế, sao tự nhiên bỏ đi? Thích "không" đành hại "có". Đừng cho thiếp chấp nê chỉ mong chàng thương xót!".

- Độ viết thư đáp rằng: Phàm thờ vua là để trị yên một nước, còn bổn phận hoằng đạo vì cốt cứu độ vạn bang. Phụng dưỡng cha mẹ là trọn đạo một nhà, còn bổn phận hoằng đạo là muốn cứu giúp ba cõi. Không tổn hại tóc da nói tổn hại chỉ là lời nói cạn cợt ở thế tục. Hiềm vì sức tôi hạn hẹp, đức quá cao xa chưa thể gồm đủ, lấy đó mà rất tủi thẹn. Song chất cỏ mãi thì cũng thành non, ấy cũng do dành dụm từ cái nhỏ nhặt. Vả lại mặc ca-sa chống tích trượng, uống nước suối trong, ngâm vịnh kinh Bát-nhã, dù y phục sang đẹp của bậc Vương tôn, thức ăn quý hiếm bát trân, tiếng đàn khua ngọc chạm leng keng hay màu sắc lòe loẹt, chẳng dễ gì đổi được. Nếu như thích hợp với đạo mầu thì xin cùng hẹn ở Nê-hoàn. Vả lại lòng mỗi người một khác.

Nàng thì chẳng mến đạo, mà tôi thì lại chẳng thích đời. Dương thị mãi mãi chia lìa, nhân duyên muôn đời từ nay dứt hẳn. Tuổi tác mỗi ngày càng muộn, thời gian không ở mãi cùng ta. Người học đạo phải lấy vô thường làm chí cả, kẻ xử thế nên coi đúng lúc là thời cơ. Nàng tuổi xuân đức độ đều đủ đầy hãy mau tìm nơi yêu mến. Chớ vì một Đạo sĩ tâm đầy kinh kệ mà ngồi đợi mãi, uổng mất cả tuổi thanh xuân! Rồi đáp thơ năm thiên và tặng lại một bài rằng:

Cỏ vận không dừng yên.
Năm tháng chợt qua nhanh
Đá lớn rồi sẽ hết
Hạt cải có là bao.

Bởi trôi mãi không dừng
Nên dòng sông vang tiếng
Chẳng hạn tuổi thanh xuân
Bạc đầu vẫn ca hát.
Áo vải đủ ấm thân
Cần chi tơ lụa đẹp
Nay đời bảo rằng vui
Ngày mai sẽ thế nào?
Tội phước chính do mình.
Đâu đổ cho ai khác!

Thấy Độ đã quyết chí sắt đá khó thể lay chuyển nổi, Thiều Hoa cảm ngộ được liền tin tưởng sâu chắc. Và Độ càng tinh chuyên Phật pháp, giảng giải các kinh sách. Do đó đã soạn quy chỉ giải thích về A-tỳ-đàm.

- Ngụy Thế Lục Mục, một quyển.
- Ngô Thế Lục Mục, một quyển.
- Tấn Thế tạp Lục, một quyển.
- Hà Tây Lục Mục, một quyển.

Cả bốn bộ Mục Lục Kinh gồm bốn quyển trên đều do Đệ tử của ngài Thích huệ Viễn là Thích Đạo Lưu soạn ra, ở Đông lâm tại Lô Sơn. Nhưng việc chưa ngày thì bị bệnh mà viên tịch. Bạn đồng học là Trúc Đạo Tổ Nhân đó đã hoàn thành, lưu hành rộng rãi trên đời.

- Kinh Luận Đô Lục, một quyển.
- Một quyển Lục trên, ngày đời vua Thành Đế, ở núi Dự chương, do Sa-môn Chi Mẫn Độ, khảo sát chung tất cả mục lục các kinh từ xưa đến nay, tuyển chọn soạn thành Bộ Độ Lục này.
- Nhân Vật Thủy Nghĩa Luận, một quyển.
- Một bộ luận một quyển trên, ngày đời vua Thành Đế, do Sa-môn Khang Pháp Sướng viết ra. Pháp Sướng, thường cầm theo cây phất trần, khi gặp được khách danh tiếng thì nhanh chóng đàm luận suốt ngày. Ông Dữu Ngươn Quy hỏi Sướng rằng: “Vì sao thường mang theo cây phất trần? Sướng đáp: Kẻ thanh liêm không cầu người tham lam không cho, nên cây phất trần luôn có mặt”.
- Cao Dật Sa-môn Truyện, một quyển.
- Bộ truyện một quyển trên ngày đời vua Hiếu Võ Đế, ở núi Diệm đông ngự, do Sa-môn Trúc Pháp Tế soạn ra.
- Lập Bổn Cửu Thiên, một quyển.
- Lục Thức Chỉ Quy Thập Nhị Thủ, một quyển.

Cả hai quyển trên ngày đời vua Hiếu Võ Đế, tại chùa Thượng minh ở Kinh châu, do Sa-môn Thích Đàm Vi viết ra. Ngài Đàm Vi vốn là đệ tử của ngài Đạo An. Ngài thường sai các sư đi giáo hóa để thuyết giảng tạo ích lợi cho mọi người. Cứ mỗi lần pháp luân một lần chuyển thì trắng đen chuyển đổi, luôn tự suy nghĩ cố tìm hiểu nguyên do rồi vẽ hình để đó. Lại luôn tịnh niệm lễ bái. Lúc đó Giang Lăng nữ sĩ đều hướng về phương Tây mà kính quý Ấn Thủ Bồ-tát. Hoặc hỏi pháp sư Đạo hóa của pháp sư so với Hòa thượng như thế nào? Đàm Vi đáp: Hòa thượng có hạnh lực bên trong sâu cạn khó suy lường, duyên bên ngoài thì có rất nhiều việc thần nghiệm. Tôi chỉ là một giọt nước nhỏ đâu có thể sánh được với nước của sông biển ư!

- Di Giáo Tam-muội Kinh, hai quyển (hoặc gọi là Di Giáo Tam-muội Pháp Luật Kinh).
- Vị Tằng Hữu Nhân Duyên Kinh, hai quyển (Hoặc gọi tắt là Vị Tằng Hữu Kinh).
- A-na-hàm Kinh, hai quyển.
- Na Tiên Kinh, hai quyển (hoặc ba quyển).
- Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, một quyển.
- Tam Thế Tam Thiên Phật Danh Kinh, một quyển.
- Thiên Phật Nhân Duyên Kinh, một quyển.
- Ngũ Tam Phật Danh Kinh, một quyển.
- Bát Bộ Phật Danh Kinh, một quyển.
- Thập Phương Phật Danh Kinh, một quyển.
- Hiền Kiếp Thiên Phật Danh Kinh, một quyển (chỉ có Phật Danh cùng với bản dịch “Tứ Đế Kinh Thiên Phật Danh” của ngài Đàm Vô Lan thì khác tên
- Xưng Dương Bách Thất Thập Phật Danh Kinh, một quyển (hoặc gọi tắt là Bách Thất Thập Phật Danh Kinh).
- Nam Phương Phật Danh Kinh, một quyển.
- Diệt Tội Đức Phước Phật Danh Kinh, một quyển.
- Tỳ-kheo Chư Cấm Luật Kinh, một quyển (hoặc không có chữ Kinh).
- Ma-ha Tăng-kỳ Luật Tỳ-kheo Yếu Tập, một quyển (hoặc gọi Tăng Kỳ Bộ Tùy Dụng Yếu Tập Pháp).
- Ưu-ba-ly Vấn Phật Kinh, một quyển.
- Sa-di Oai Nghi Kinh, một quyển.
- Tỳ-kheo-ni Thập Giới Kinh, một quyển.
- Thọ Thập Thiện Giới Kinh, một quyển.

- Sa-di-ni Giới Kinh, một quyển.
- Hiền Giả Ngũ Phước Kinh, một quyển.
- Hiền Giả Ngũ Giới Kinh, một quyển (Hoặc gọi Hiền Giả Oai Nghi Pháp).
- Ưu-bà-tắc Ngũ Giới Kinh, một quyển
- Ưu-bà-tắc Oai Nghi Kinh, một quyển.
- Ba Nhã Đắc Kinh, một quyển.
- Quán Thế Lâu Thán Kinh, một quyển.
- Bản Hạnh Lục Ba-la-mật Kinh, một quyển.
- Định Ý Tam-muội Kinh, một quyển.
- Ban Chu Tam-muội Niệm Phật Chương Kinh, một quyển .
- Du-già Tam-ma Tư Kinh, một quyển (Đời Tùy gọi là Tu Hành lược, một tên là Đạt-ma-đa-la Thiền Pháp, một tên là Ma-đa-la Bồ-tát soạn Thiền Pháp Kinh Yếu Tập).
- Thiền Định Phương Tiện Thứ Đệ Pháp Kinh, một quyển.
- Thiền Yếu Ha Dục Kinh, một quyển.
- Thất Vạn Nhị Thiên Thần Vương Hộ Tỳ-kheo Chú Kinh, một quyển.
- Thập Nhị Vạn Thần Vương Hộ Tỳ-kheo-ni Chú Kinh, một quyển.
- Tam Quy Ngũ Giới Đới Bộ Hộ Thân Chú Kinh, một quyển.
- Bách Kiết Thần Vương Hộ Thân Chú Kinh, một quyển.
- Cung Trạch Thần Vương Thủ Trấn Tả Hữu Chú Kinh, một quyển.
- Trủng Mộ Nhân Duyên Tứ Phương Thần Chú Kinh, một quyển.
- Phục Ma Phong Ấn Đại Thần Chú Kinh, một quyển.
- Đại Thần Chú Kinh, một quyển.
- Triệu Ngũ Phương Long Vương Nhiếp Dịch Độc Thần Chú Kinh, một quyển (từ quyển Thất Vạn Nhị Thiên Thần Vương trở đi đến đây ở trên đều có chữ "Quán Đảnh", nay gộp thành Đại Quán Đảnh Kinh).
- Phạm Thiên Thần Sách Kinh, một quyển.
- Phổ Quãng Kinh, một quyển (Hai quyển trên đều là Dược Sư, nay họp thành một bộ. Họp với Đại Quán Đảnh Kinh ở trước thành mười hai quyển).
- Thất Phật Sở Kiết Ma Du Thuật Chú, một quyển (bản dịch khác).
- Thất Phật Thần Chú, một quyển (Có Kiết Lũ Pháp là khác bản dịch).

- Ngũ Long Chú Độc Kinh, một quyển.
- Củ Xĩ Chú, một quyển (Hoặc gọi Chú Trùng Xĩ hoặc gọi Chú Xĩ).
- Đà-la-ni Chương Cú Kinh, một quyển.
- Thần Vương Chú Án Ma Kinh, một quyển (hoặc không có chữ Vương).An Trạch Chú, một quyển.
- Thất Phật An Trạch Thần Chú Kinh, một quyển.
- Tam Quy Ngũ Giới Thần Vương Danh, một quyển (Đạo An bảo là Trúc Pháp Hộ Kinh mục có ba quyển thần chú. Bản Thần Vương Danh này đã kể ngày số trên, tức không phải thuộc loại mất tên người dịch).

Cả năm mươi ba kinh gồm năm mươi bảy quyển trên đều là bản mất tên người dịch trong Tăng Hựu Tam Tạng Tập Ký Thấy có bản kinh nói gồm tám trăm bốn mươi sáu bộ có tám trăm chín mươi lăm quyển đã phân tán ra ngoài và được sáp nhập ngày các Lục của các đời khác. Phần còn lại được kể ngày loại kinh mất nguồn gốc ở đời Tấn.

■

LỊCH ĐẠI TAM BẢO KÝ

QUYỂN 8

KINH DỊCH ĐỜI PHÙ TẤN - DIÊU TẦN

Về hai đời Tiền Hậu Tần thì sách Phù Diêu Thế Lục chép rằng: đây là thời Quân Chủ Bá Quyền, vua làm người đứng đầu việc hoằng pháp. Từ lúc Nhà Tấn sang Giang Tả, đến khi Hung Nô đốt Lạc dương. Các vùng Y, Triền, Kinh, Vị không thể phục hồi được Đế Kinh. Ngài Phu Tử (Khổng Tử) nói rằng: Cả bốn rợ cùng xâm lược nước Trung Quốc yếu ớt, chính là đây vậy!

Phù Kiền vốn họ Võ là người xứ Đô. Nhân vì hai nhà Triệu loạn tranh chiếm nhau, nên con cháu của Quan Tây thừa cơ kế vị xưng Đế, gọi là nhà Tần, đóng đô ở Trường an. Đến Hàn Vĩnh Cố là chúa thứ ba thì lúc sinh ra mộtcó ánh sáng lạ (thần quang) từ trên trời chiếu xuống đất, thấy có bài minh ở mặt sau có đề chữ Thảo Phó Thần, bèn đổi thành họ Phù. Sau khi Vĩnh Cố trị vì được mười sáu năm, lúc đó có quan Thái Sử tâu rằng có sao đức hiện ra từ cánh đồng hoang ở nước ngoài, tất sẽ có bậc Thánh nhân đến giúp nước ta, nếu được việc ấy tất sẽ lên làm vua. Nhân đó Vĩnh Cố bèn cho tìm ngài Cưu-ma-la-thập Bà ở nước Quy Tư và ngài Di Thiên Thích Đạo An ở Tương dương. Lúc đó ngài Đạo An ở Tấn, nên liền đánh Nam dương để bắt Đạo An về, đi đâu đều dẫn ngài theo để hỏi han việc chánh trị và giảng giải kinh Phật Lại đánh phía Tây để bắt ngài La-thập. Nhưng khi La-thập chưa đến thì Vĩnh Cố đã từ trần. Tính ra có đến sáu đời chúa trải qua bốn mươi bốn năm, về sau sáp nhập ngày Hậu Tần.

Diêu Trành, người Khương Nhung ở phía tây, nhân khi lên kế vị vẫn đóng đô ở Trường An, sau đổi tên là Thường An. Đến đời con của Trành là Hưng, mùa Xuân năm Hoằng Thủy thứ ba, ở sân vua có sinh cây liền cành, thì cây cảnh trong vườn Tiêu dao các rau hành đều biến thành rau Kiệu, đều khen là tốt đẹp tất ứng với điềm lành sẽ có bậc Tài Trí ngày giúp nước. Mùa Đông ngài La-thập đến Ung châu. Diêu Hưng

dùng nhiều nghi lễ đãi ngộ phong làm Quốc sư. Lại càng quý kinh, mở mang kinh luận. Việc tuyên dịch thạnh hành nhất ở Chấn Đán (Trung Quốc) là ở triều đại này vậy. Khắp bốn phương các Sa-môn đều tập họp như mây đùn.

Trước đây, Trường an từ thời Tiền Hán đã bị phế bỏ cho đến đời Hưng Phù Tần, suốt khoảng thời gian ba trăm ba mươi mốt năm, triều đình, phố xá, nhà dân đều hoang vắng. Lúc đó tuy số Già-lam quy tín còn khá ít, cả hơn ba ngàn vị Đức Tăng phải ở cùng một nơi, cùng nhận lấy sự cúng dường của thiên chủ Diêu Tần. Nơi ấy người đời gọi là Đại Tự (chùa lớn), chứ thật không phải bổn danh. Trong đó dựng lên một ngôi nhà lợp tạm bằng cỏ tranh rồi lại dùng vườn Tiêu dao để làm hai nơi mà dịch thuật Pháp bảo trùm khắp xa xôi, điềm lành đã ứng nghiệm ngày việc này. Nhân đó lập thêm Tăng quan, ban bổng lộc xếp thứ trật. Đặt ra Lưỡng Đô Lục, biên tập thành năm Bộ Tăng. Sự sáng rỡ của Hưng mới bắt đầu nổi lên từ đấy. Cuối nhà Ngụy đầu nhà Chu, đường xá dần dần được chỉnh trang đôi chút. Nhân đó mà Đại tự bấy giờ chia thành bốn Già-lam (chùa): Một chùa gọi là Thảo đường. Ở phía Đông chùa Thảo đường là chùa Thường trụ. Ở phía Nam là chùa Kinh triệu vương. Về sau chùa Kinh triệu đổi tên là chùa An định quốc Phía Tây của An định quốc là chùa Đại thừa. Phía Đông của đường bên trái chùa An định thì tám góc đều có giếng lớn, tức là nhà bếp phía Đông Đại tự cũ, là nguồn nước ngọt của cả ba ngàn vị Tăng.

Con cháu nối nhau ba đời vua ba mươi hai năm, rồi bị nhà Tấn diệt, sáp nhập đất ấy ngày Ngụy. Tính ra hai đời Tần gồm bảy mươi sáu năm, vì Hậu Tần trị vì mười hai năm. Ngày đời Tây Tần là Càn Quy mới diệt Phù Sùng. Theo Giáp Tý suy ra sự liên quan cũ, thì Phù Kiên bắt đầu lên ngôi ngày năm Hoàng Thủy thứ nhất, đó là năm Giáp Dần thuộc năm Vĩnh Hòa thứ mười của đời Tấn Mục Đế, cho đến năm Vĩnh Hòa thứ hai của Diêu Hoằng, tức là năm Đinh Tỵ niên hiệu Nghĩa Hi thứ ba mươi của Tấn An Đế thì nước mất. Lịch chép thật sự là sáu mươi bốn năm, Kẻ Nhung (Hồ) người Hoa, hàng tại gia xuất gia cùng dịch kinh thì có đến mười sáu người, đã dịch ra các kinh, luận, truyện, gồm một trăm sáu mươi bốn bộ với chín trăm mười bốn quyển. Kể chung thuộc cả hai đời Phù và Diêu Tần. Thế Lục chép rõ như thế.

A. Các dịch giả:

**** Về đời Phù Tần gồm có:***

- Sa-môn Đàm-ma-trì dịch hai bộ, hai quyển Giới Bổn Đàn Văn.

- Sa-môn Thích huệ Thường dịch một bộ, một quyển Giới Bổn.
- Sa-môn đàm-ma-tỳ dịch một bộ, năm quyển Kinh.
- Sa-môn Cưu-ma-la Phật-đề dịch một bộ, hai quyển Kinh.
- Sa-môn Đàm-ma-nan-đề dịch năm bộ, một trăm mười bốn quyển kinh, tập, luận.
- Sa-môn Tăng Già Bạt Trừng dịch ba bộ, hai mươi bảy quyển kinh.
- Sa-môn Tăng-già-đề-bà dịch ba bộ, sáu mươi quyển A-tỳ-đàm.
- Sa-môn Thích Đạo An dịch hai mươi bốn bộ, hai mươi tám quyển chú giải, chí, lục.

**** Về đời Diêu Tần gồm có:***

- Sa-môn Trúc Phật Niệm dịch mười ba bộ, tám mươi sáu quyển kinh, luận.
- Sa-môn Đàm-ma-da-xá dịch hai bộ, hai mươi mốt quyển A-tỳ-đàm.
- Sa-môn Phất-nhã-đa-la dịch một bộ, năm mươi tám quyển luật.
- Sa-môn Cưu-ma-la-thập dịch chín mươi tám bộ, bốn trăm hai mươi lăm quyển kinh, luận, truyện.
- Sa-môn Phật-đà-da-xá dịch bốn bộ, sáu mươi chín quyển kinh, luận, giới.
- Sa-môn Thích Tăng Triệu dịch bốn bộ, bốn quyển luận.
- Sa-môn Thích Tăng Duệ dịch một bộ, một quyển mục lục.
- Sa-môn Thích Đạo Hằng dịch một bộ, một quyển luận.

B. Các bản dịch:

**** Về đời Phù Tần gồm có:***

- Thập Tụng Tỳ-kheo Giới Bổn, một quyển.
- Giáo Thọ Tỳ-kheo Nhị Tuế Đàn Văn, một quyển (Ngài Tăng Thuần, châu nước Quy Tư được ngài Phật Niệm đem Kinh đến chấp Văn dịch lời, ngài huệ Tường bút thọ, thấy ở Bảo Xướng Lục).

Cả hai bộ, hai quyển trên, ngày đời Tấn Giản Văn Đế, do Tam tạng Luật sư Đàm-ma-trì (Tần dịch là Pháp huệ) người Tây Vức cùng ngài Trúc Phật Niệm ở Trường an dịch, Huệ Tường bút thọ.

- Tỳ-kheo-ni Đại Giới Bổn, một quyển.
- Một bộ một quyển trên, ngày đời Tấn, Giản Văn Đế, do Luật sư Thích huệ Thường, cùng ngài Đàm-ma-trì, Trúc Phật Niệm... ở Trường an dịch ra. Nhưng Lục không chép. Bộ được dịch ra thường được gọi là Thập Tụng Giới Bổn.

- Ma-ha Bát-la Bát-nhã Ba-la-mật Kinh năm quyển (dịch năm Kiến Ngươn thứ mười tám hoặc bảy quyển, thấy ở Tăng Duệ Nhị Tần Lục).

- Một bộ năm quyển kinh trên, ngày đời Tấn, Hiếu Võ Đế, do ngài Tam tạng Sa-môn Đàm-ma-tỳ (Tần dịch là Pháp Ái) người Thiên Trúc, cầm Đại phẩm bằng Phạm văn, ngài Trúc Phật Niệm dịch ra Văn Tần (Hán Văn). Cũng gọi là Trường An Phẩm tức lấy chỗ dịch làm tên, là bản sao chép từ kinh ngoại quốc.

- Tứ A-hàm Mộ Sao Kinh, hai quyển (dịch năm Kiến Ngươn thứ mười bốn).

Một bộ hai quyển kinh này ngày đời Tấn, Hiếu Võ Đế, do Tam tạng Sa-môn Cưu-ma-la Phật-đề (Tần dịch là Đồng Giáo), người Tây Vức, ở Nghiệp tự dịch. Ngài Phật-đề cầm bản tiếng Phạm ngài Trúc Phật Niệm và ngài Phật Hộ dịch ra tiếng Tần (Hán). Các ngài Tăng Đạo, Đàm Cứu, Tăng Duệ... bút thọ.

- Trung A-hàm Kinh, năm mươi chín quyển (dịch năm Kiến Ngươn thứ hai mươi mốt, bản dịch lần thứ nhất, ngài Trúc Phật Niệm bút thọ. Thấy trong Trúc Đạo Tổ Tấn Thế Tạp Lục).

- Tăng Nhất A-hàm Kinh, năm mươi quyển (dịch ngày một tháng tư năm Kiến Ngươn thứ hai mươi, dịch theo yêu cầu của Tần Võ Oai Thái Thú tên Triệu Văn Nghiệp, dịch lần thứ nhất. Các Sa-môn Huệ Tung, Trúc Phật Niệm làm bút thọ. Thấy trong Tăng Duệ Nhị Tần Lục, Tăng Hựu và Bảo Xướng Lục đều ghi).

- A-dục Vương Thái Tử Hoại Mục Nhân Duyên Kinh, một quyển (Cũng gọi là Vương Tử Pháp Ích Hoại Mục Nhân Duyên Kinh. Ngày tám tháng hai ngày năm Kiến Sở thứ hai, ở thành An định vì Thượng thư lệnh Diêu Mân dịch. Thấy trong Nhị Tần Lục, một bản không có chữ Kinh, đây nên xếp ngày đời Hậu Tần vì ít phải theo nhiều).

- Tăng-già-la-sát Tập, hai quyển (Sau khi Phật diệt độ được bảy trăm năm thì Tăng-già-la-sát được tạo ra, thấy trong Bảo Xướng Lục).

- Tam Pháp Độ, hai mươi chín quyển (cùng bản dịch của ngài Tăng-già-đề-bà ở đời Tấn có khác chút ít).

Cả năm bộ với một trăm mười bốn quyển trên, ngày đời Tấn Hiếu Võ Đế, do Tam tạng Pháp sư Đàm-ma-nan-đề (Tần dịch là Pháp Hỷ) người nước Đâu-khư-lặc. dịch năm Kiến Ngươn thứ nhất, ngài đến Trường an, đọc thuộc bốn quyển A-hàm bằng tiếng Phạm, ngài Trúc Phật Niệm ghi lại bằng chữ Phạm. Đến hai mươi năm sau theo yêu cầu của vua Phù Tần dịch thành năm mươi chín quyển. Lúc ấy ngày lúc Mộ

Dung Xung và Diêu Trành phản loạn, bên trong quan ải những ai chưa qua được đều bị khốn khổ.

Còn ngài A-nan-đề đi về phía Tây, chẳng biết đi đâu. Việc hoằng pháp gặp rất nhiều khó khăn, gặp duyên thì ngài cố gắng hết sức mình, thật đáng quý đáng thương.

****

- A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa mười bốn quyển (dịch năm Kiến Ngươn thứ mười chín - hoặc hai mươi quyển).
- Bà-tu-mật Kinh, mười quyển (dịch năm Kiến Ngươn thứ hai mươi, hoặc gọi là Tập Luận).
- Tăng-già-la-sát Tập Kinh, ba quyển (dịch ngày ba mươi tháng mười một Kiến Ngươn thứ hai mươi).

Cả ba bộ kinh hai mươi bảy quyển trên, ngày đời Tấn Hiếu Võ Đế do Tam tạng Pháp sư Tăng Già Bạt Trừng (Tần dịch là Chúng Hiện), người nước Kế Tân. Ngài đọc thuộc làu bản tiếng phạm Ngài Đàm-ma-nan-đề trước hết chép thành văn chữ Phạm, ngài Phật-đồ La-sát truyền dịch. Các Sa-môn Huệ Tung, Sa-môn Trí Mẫn cùng với Bí Thư Lang, Triệu Văn Nghiệp bút thọ (chép ra) thành tiếng Tần (Hán).

****

- A-tỳ-đàm Bát Kiền Độ, ba mươi quyển (dịch năm Kiến Ngươn thứ mười chín. Cũng gọi là Ca-chiên-diên A-tỳ-đàm. Ngài Trúc Phật Niệm chuyển ngữ. Sa-môn huệ Lực, Tăng Mậu... bút thọ. Khi Phật đã diệt độ hơn ba trăm năm thì A-la-hán Ca-chiên-diên viết bộ này, hoặc hai mươi quyển).
- A-tỳ-đàm Tâm, mười sáu quyển (ở Lạc dương dịch năm Kiến Ngươn. Thấy trong Tăng Duệ Nhị Tần Lục).
- Tỳ-bà-sa A-tỳ-đàm, mười bốn quyển (cũng gọi là Quãng Thuyết cũng dịch châu Lạc dương dịch ra. Thấy trong Nhị Tần Lục).

Cả ba bộ gồm sáu mươi quyển trên, do ngài Tam tạng Pháp sư Tăng-già-đề-bà, hoặc gọi là Đề-hòa, đây là tiếng Phạm đọc theo giọng Sở Hạ (Tần dịch là Chúng Thiên), người nước Kế Tân dịch. Ngày đời Tấn Giản Văn Đế, họ Phù giữa năm Kiến Ngươn, ngài ngày ở Trường an để hoằng truyền chánh pháp. Trước hết ngài Tăng-già Bạt Trừng dịch bộ bà Tu-mật và cùng ngài Đàm-ma-nan-đề dịch Trung và Tăng Nhất A-hàm cùng Tam Pháp Độ. Lúc ấy nhằm lúc người Nhung, việc dịch thuật khó khăn chưa rõ ràng đầy đủ, ngài Đạo An viên tịch nên chưa kịp sửa đổi đính. Sau đó, ở Sơn đông có ngài Thanh Thiếp Đề Bà là bạn đồng học của ngài Đạo An, ngài Thích Pháp Hòa cùng đến Lạc

dương. Trong khoảng bốn, năm năm nghiên cứu giảng giải các kinh trước. Khi ở Trung Quốc khá lâu dần dần thông suốt được tiếng Tần (Hán văn) mới biết các bản dịch trước đây phần lớn đều sai sót. Ngài Pháp Hòa than tiếc rằng Phật pháp rất khó gặp, nay việc dịch chưa hoàn hảo, bèn thuyết phục ngài Đề-bà cùng dịch lại các kinh trước. Như thế trong khoảng thời gian ngắn ngày đời Hậu Tần của Diêu Hưng thì pháp sự đã rất thạnh hành. Ngài Pháp Hòa trở về Tây Vức, ngài Đề-bà đến phương Nam, nên bản dịch trên lời văn trước sau có một ít chỗ không giống nhau.

****

- Bát-nhã Chiết Nghi Lược, hai quyển.
- Đại Thập Nhị Môn Chú Giải, hai quyển.
- Ấm Trì Nhập Chú Giải, hai quyển.
- Đáp Pháp Thái Nan, hai quyển.
- Quang Tán Chiết Trung Giải, một quyển.
- Quang Tán Sao Giải, một quyển.
- Bát-nhã Chiết Nghi chuẩn, một quyển.
- Khởi Tận Giải, một quyển.
- Đạo Hạnh Tập Dị Chú, một quyển.
- Tiểu Thập Nhị Môn Chú Giải, một quyển.
- Liểu Bản Sinh Tử Chú Giải, một quyển.
- Mật Tích Trì Tâm Nhị Kinh Chân Giải, một quyển.
- Hiền Kiếp Chư Độ Vô Cực Giải, một quyển.
- Nhân Bản Dục Sinh Chú Toát Giải, một quyển.
- An Ban Thủ Ý Giải, một quyển.
- Đại Đạo Địa Chú Giải, một quyển.
- Chúng Kinh Thập Pháp Liên Tạp Giải, một quyển.
- Nghĩa Chỉ Chú Giải, một quyển.
- Cửu Thập Bát Kiết Liên Ước Thông Giải, một quyển.
- Tam Thập Nhị Tướng Giải, một quyển.
- Tam Giới Hỗn Nhiên Hào Tạp Vi Lục, một quyển.
- Đáp Pháp Tướng Nạn, một quyển.
- Tây Vức Chí, một quyển.
- Tổng Lý Chúng Kinh Mục Lục, một quyển.

Cả hai mươi bốn bộ gồm hai mươi tám quyển trên do Sa-môn Thích Đạo An soạn Ngài Đạo An vốn ở Thường sơn, người Phù liễu, tục tánh là họ Vệ, gia thế thuộc hàng nho học bậc nhất. Vì sớm mất cha mẹ nên được người anh bên ngoại họ Khổng nuôi dưỡng. Năm lên bảy, khi

đọc sách chỉ cần đọc lại lần hai là thuộc làu, xóm làng đều khen cho là lạ. Đến năm mười hai tuổi xuất gia thần tánh rất thông minh nhưng hình thù xấu xí, nên không được thầy xem trọng. Dù khi làm việc cực nhọc vẫn không hề oán hận, dốc lòng siêng năng trai giới đúng mức. Mấy năm về sau mới xin thầy cho mượn kinh đọc. Thầy bèn đưa cho quyển Biện Ý Kinh khoảng năm ngàn chữ. Đạo An đem kinh ra ruộng, chờ khi nghỉ việc đồng án thì lấy ra xem. Đến chiều mang kinh về trả lại thầy, lại xin được đọc quyển khác. Thầy bảo: Hôm qua kinh chưa đọc nay lại mượn nữa? An thưa: Con đã đọc ngày hết kinh rồi Thầy cho là lạ nhưng vẫn chưa tin. Bèn đưa cho quyển Thành Cụ Quang Minh Kinh gồm mười ngàn chữ. Đạo An vẫn mang kinh theo như trước, buổi chiều lại đem kinh về trả thầy. Thầy cầm kinh bắt đọc lại thì không sai một chữ. Thầy rất ngạc nhiên kinh dị. Về sau được thọ giới Cụ túc mặc tình đi đó đây tìm học. Ngày đời Tấn Hoài Mẫn nhân lánh nạn Tây đông, đầu tiên gặp được ngài Phật Đồ Trừng. Đồ Trừng vừa thấy đã khen thầm rồi cùng trò chuyện nhau suốt ngày, mọi người mới kính phục. Sau đó ngài đến Tương dương mở mang Phật pháp. Số kinh luận xưa đã dịch từ lâu nhưng phần dịch trước đây đều sai lầm, đến nỗi nghĩa lý sâu kín lệch lạc không thông suốt. Cho nên mỗi khi giảng thuyết chỉ lấy phần tựa và đại ý truyền đọc mà thôi. Ngài Đạo An bèn xem khắp hết các kinh điển, xét tìm chỗ sâu xa rồi chú thích giảng thuật hơn hai mươi bộ trước, lời tựa rất sâu sắc phong phú, lột hết ý chỉ thâm diệu, bố cục rõ ràng, văn lý thông suốt. Nghĩa lý của kinh sáng tỏ bắt đầu từ An vậy.

Lúc đó ở Tương dương có Tập Tạc Xĩ tài biện luận sắc bén trùm khắp thiên hạ lúc bấy giờ. Trước đây do Đạo An đã sớm nổi danh là bậc cao tài, bèn viết thư giao thiệp. Kịp lúc nghe An vừa đến nghỉ ngơi, liền sang thăm viếng. Khi vừa ngồi ngày liền lên tiếng đọc: “Tứ Hải Tập Tạc Xĩ”. An đáp: “Di Thiên Thích Đạo An”. Người đời lấy lời đáp ấy mà đặt tên ngài luôn. Sau đó Xĩ đem tặng mười quả lê, rồi cầm lấy mà ăn ngay giữa chúng. Riêng Đạo An thì cắt lê phân chia khắp mọi người không chút sai sót. Cao Bình Tức Siêu sai sứ đem biếu ngàn hộc gạo, cấp giấy sửa sách rất ân cần. Đạo An đáp thư rằng: “Gạo hao thì giác lớn, xin phiền hãy chờ đợi!”.

Từ đời Hán Ngụy cho đến đời Tấn thì số kinh sách dịch ra khá nhiều mà người truyền thuật thì không đề tên tuổi, kẻ hậu sinh nếu có truy tìm khó biết được niên đại. Ngài Đạo An bèn gom chung các mục lục, tên tuổi, niên biểu của từng thời đại, nêu rõ các tác phẩm mới cũ, soạn thành kinh lục. Các kinh bấy giờ có đủ nguồn gốc căn cứ thật là

do công lao ấy.

Chúa Phù Tần theo lệnh tiên nhân liền sai Phù Phi đem mười vạn quân đánh lấy Tương dương, bắt cho được Thích Đạo An. Lúc đó ngài Đạo An trở về Trường an châu chùa Ngũ trùng. Tăng chúng số đông cả ngàn người, ngài ở đấy mà hoằng hóa Đại pháp. Chúa Phù Tần thường ra lệnh khiến ngài Đạo An lên xe đi cùng. Có kẻ can gián, vua bảo: Ta lấy thiên hạ trị vì không dễ dàng, huống chi vinh dự được ngồi cùng xe đâu có xứng với đức độ của ngài ấy. Ngài Đạo An can vua không cho đi nam chinh, vua không nghe quả nhiên bị bại trận. Lại bảo rằng: Mỗi khi Đạo An bảo dịch tiếng Phạm (Hồ) thành tiếng Tần (Hán) thì có năm lỗi gốc và ba điều không dễ:

1. Tiếng Hồ đảo hết mà dịch theo kiểu tiếng Tần là lỗi gốc thứ nhất.

2. Kinh Hồ chuộng chất mà người Tần lại thích lời văn nên truyền đạt đến tâm mọi người mà không phải văn thì không hợp, là lỗi gốc thứ hai.

3. Kinh Hồ tất cả đều ở lời ngâm vịnh, chắc chắn có đạo ngữ hoặc ba hay bốn chữ, không nệ văn nhiều, nay lại cắt bớt đi, đó là lỗi gốc thứ ba.

4. Nghĩa tiếng Hồ nếu nói thẳng thì hình như lời lẽ rối rấm, nhưng nếu tìm hiểu ngữ văn thì không khác hoặc một ngàn hay năm trăm đều cắt bỏ hết, là lỗi gốc thứ tư.

5. Sự đã hợp thành thì càng nên nương nhau. Nêu lời trước rồi sau mới nói mà lại bỏ hết, đó là lỗi gốc thứ năm.

Song Trí Kinh thì tâm có ba thấu đạt. Mò mẩm mà diễn giảng lời Thánh tất phải tùy thời, mà thời thì thói tục luôn thay đổi. Nhưng sửa lại cho hay nhã của sách xưa để thích hợp với thời này là một điều không phải dễ.

Ngu và trí cách nhau như trời với vực, Thánh nhân đâu thể cùng hàng. Nay lại muốn lấy lời nói vi diệu của bậc Tiên Thánh cách ngàn năm để khiến cho hợp với lời thô tục thấp hèn của trăm đời vua, là hai điều không phải dễ.

Ngài A-nan nói Kinh cách Phật không lâu, Tôn giả Ca-diếp cùng năm trăm vị lục thông cùng nhau xem xét và ghi nhớ lại, nay đã xa cách ngàn năm mà lấy ý gần gũi thời này để suy đoán rằng các vị A-la-hán kia đã cẩn thận nói năng như thế. Người sinh tử đời nay cũng sửa y như thế, thì đâu thể biết pháp nào cao hơn. Đây là ba điều không dễ.

Đã phạm phải năm lỗi trên, ba điều không dễ này khi dịch tiếng

Phạm (Hồ) thành tiếng Tần (Hán) há không cẩn thận ư? Nay không nói gì khác hơn là xin nói cho nhau biết để thông cảm mà thôi, đâu hiềm gì việc được mất. Ấy chính là điều chưa dám biết. Lại bảo rằng: Người xưa dịch kinh chỉ có Chi-sấm và An Thế Cao là xét thấu đáo được bản tiếng Phạm (Hồ), khó có ai tiếp nối, còn ngài La Xoa và Chi Việt là người khéo trau chuốt lời văn. Phàm Thánh hiền truyền dạy thì phải nên gắng sức. Quy kính viết thư cho các quan nên vĩnh viễn noi gương răn mình. Nhưng nếu gọi Phạm là Hồ thì lời nói nhỏ mà hại gốc lớn trộm nghĩ không nên nói tiếp nữa.

**** Về đời Diêu Tần gồm có:***

- Xuất Diệu Kinh, mười chín quyển (dịch năm Kiến Ngươn thứ mười thấy trong Nhị Tần Lục và Cao Tăng Truyện, Bảo Xướng Lục... hoặc gọi là luận).
- Bồ-tát Anh Lạc Kinh, mười bốn quyển (dịch tháng bảy năm Kiến Ngươn thứ mười hai. Thấy trong Nhị Tần Lục, Cao Tăng Truyện, hoặc mười ba quyển).
- Thập Trụ Đoạn Kiết Kinh, mười một quyển (dịch lần thứ hai. Cùng với bản dịch tám quyển của Trúc Pháp Lan đời Hán có khác chút ít. Thấy ở Nhị Tần Lục và Cao Tăng Truyện, hoặc mười quyển).
- Tỷ Nại Gia Kinh, mười quyển (Hoặc gọi Giới Nhân Duyên Kinh Sa-môn Đàm Cảnh bút thọ. Thấy trong Kinh tựa của Thích Đạo An).
- Thập Địa Đoạn Kiết Kinh, mười quyển (dịch lần thứ hai).
- Bồ-tát Xử Thai Kinh, năm quyển (cũng gọi là Thai Kinh, thấy trong Nhị Tần Lục và Cao Tăng truyện).
- Đại Phương Đẳng Vô Tướng Kinh, năm quyển (hoặc bốn quyển, cũng gọi là Đại Vân Kinh).
- Trí Nhân Bồ-tát Kinh, ba quyển.
- Bồ-tát Phổ Xứ Kinh, ba quyển.
- Anh Lạc Bổn Nguyệp Kinh, hai quyển.
- Trung Ấm Kinh, hai quyển (Thấy ở Nhị Tần Lục và Cao Tăng Truyện).
- Vương Tử Pháp Ích Hoại Mục Nhân Duyên Kinh, một quyển (dịch lần hai, cùng với bản dịch của ngài Đàm-ma-nan-đề có khác chút ít. Hoặc gọi A-dục Vương Tức Hoại Mục Nhân Duyên Kinh).
- Thập Tụng Tỳ-kheo-ni Giới Sở Xuất Bản Mạt Kinh, một quyển (Ngài Tăng Thuần ở nước Câu-di có bản này, ngài Phật Niệm dịch nhưng văn rất rườm rà. Sau ngài Trúc Pháp Thái sửa lại. Thấy trong Bảo Xướng Lục).

Cả mười ba bộ tám mươi sáu quyển trên, ngày đời Tấn Hiếu Võ Đế, ở Kinh châu, do ngài Trúc Phật Niệm dịch. Ngài rất thông minh sáng láng, thuở nhỏ rất thích dạo chơi đây đó. Gia thế ngài ở Tây Hà, thông suốt cả tiếng Hoa, tiếng Phạm (Nhung). Trước đời Tần Phù, đầu năm Kiến Ngươn ngài mới ngày Trường an. Lúc đó Bí Thư Lang Triệu Chánh mời các ngài Tăng Già Bạt Trừng và Đàm-ma-nan-đề... dịch các kinh luận. Bấy giờ các danh Tăng chưa thể dịch thẳng được, mọi người đều cử ngài Trúc Phật Niệm, cả hai thứ văn và nghĩa rất sáng tỏ, đây là công lao dịch thuật của Niệm. Từ đời Hán trở lại sau ngài An Thế Cao và Chi Khiêm thì không ai hơn Niệm cả, cho nên gọi đó là vị tổ dịch thuật của hai đời Tần Phù Diêu. Trong nước hàng danh Tăng đều kính chuộng ngài. Về sau ngài tự dịch các tác phẩm như trước đã nói. Trong Cao Tăng truyện chép chỉ có năm bộ, ngoài ra các Tạp Lục khác đều ghi là tám bộ, nên cần nêu rõ ra đây.

****

- Xá-lợi-phất A-tỳ-đàm, ba mươi quyển (hoặc hai mươi quyển. Tăng Hựu bảo là do ngài Tỳ-bà-sa dịch. Phòng tôi kiểm tra các truyện mới biết là do ngài Da-xá dịch. Nay căn cứ ngày truyện là đúng nên đổi lại. Thấy trong Bảo Xướng Lục).

- Sai-ma Kinh, một quyển (đời Tấn, năm Long An, ngài Đạt Quảng châu ở Bạch sa dịch theo yêu cầu của Thanh tín nữ Trương Phổ Minh, đây nên sáp nhập ngày Tấn Thế Tùy Nhân Phù Tần).

Cả hai bộ gồm ba mươi mốt quyển trên, ngày đời Tấn An Đế do Tam tạng Pháp sư Đàm-ma-da-xá (Tần dịch là Pháp Xứng) người nước Kế Tân dịch. Da-xá là tên gọi, nhưng Cao Tăng truyện lại bảo: Pháp Minh do tiếng gọi làm Tự (chữ tên), so với lý thì hơi hẹp hòi. Ngày nam Nghĩa Hi, ngài ngày Trường An, cùng ngài Đàm-ma-quật-đa (Tần dịch là Pháp Tạng) người Thiên Trúc, ngày đời Tần, năm Hoằng Thủy thứ chín, đầu tiên theo yêu cầu của Diêu Hưng viết ra chữ Phạm. Đến năm thứ mười sáu ngày mùa thu mới dịch ngày, Thái tử nhà Tần là Hoằng đích thân xem xét ý nghĩa. Sa-môn Thích Đạo Tiêu viết tựa).

- Thập Tụng Luật, năm mươi tám quyển (ở Trung Tự, dịch mười bảy tháng mười năm Hoằng Thủy thứ sáu. Thấy trong Nhị Tần Lục xuống hàng). Một bộ, năm mươi tám quyển trên, ngày đời Tấn An Đế, do ngài Tam tạng Luật sư Phất-nhã-đa-la (Tần dịch là Công Đức Hoa) người nước Kế Tân, nổi tiếng về trì giới. Ngài đi giáo hóa khắp nơi. Khi ngài Đa-la đến nơi thì Diêu Hưng liền triệu ngày, cùng các bậc Danh đức tăng hơn sáu trăm vị ở Thường an, luôn mời ngài Đa-la đến nghỉ

ngơi ở Trung Tự. Ngài đọc Thập Tụng Luật bằng Phạm văn, ngài Cưu-ma-la-thập dịch sang Tần văn (Hán). Chỉ mới dịch được hai phần ba thì ngài Đa-la an nhiên viên tịch, mọi người đều thương tiếc. Về sau ngài La-thập cùng ngài Đàm-ma-lưu-chi (Tần dịch là Pháp Hy) đọc và dịch ngày hết.

****

- Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật Kinh, ba mươi quyển (bản xưa có hai mươi quyển. Tăng Duệ Nhị Tần Lục bảo rằng: Khi dịch Đại Phẩm (Đại Tạng) thì Thiên Vương Diêu Hưng đời Tần tự cầm bản kinh xưa, ngài La-thập viết ra Phạm văn, ngài Phật Niệm chuyển ngữ ra Hán văn. Tăng Duệ, Tăng Triệu bút thọ cùng viết lời tựa. Do đây mà biết là bản dịch trước, nay là ba mươi quyển).
- Đại Phương Đẳng Đại Tập, ba mươi quyển (dịch lần thứ hai. So với bản dịch hai mươi bảy quyển của ngài Chi-sấm đời Hán thì khác chút ít. Thấy trong Lý Khuếch Lục, nay có Biệt Lục và Nhị Tần Lục. Trên tên Kinh đều có chữ "Tân", nên biết nói là dịch từ bản cũ. Nay có sáu mươi quyển).
- Phóng Quang Bát-nhã Ba-la-mật Kinh, hai mươi quyển (dịch lần thứ hai, thấy trong Biệt Lục).
- Kiểm Chư Tội Phước Kinh, mười quyển (thấy trong Biệt Lục).
- Tiểu Phẩm Bát-nhã Ba-la-mật Kinh, mười quyển (dịch lại ngày ngày năm Hoằng Thủy thứ mười. Hoặc bảy quyển. Ngài Tăng Duệ bút thọ. Thấy trong Nhị Tần Lục. So với bản dịch Bồ-đề Kinh bảy quyển, Biệt Lục nói Tăng Duệ viết tựa thì đồng nhau).
- Hoa Thủ Kinh, mười quyển (một tên là Nhiếp Thiện Căn Kinh, dịch năm Hoằng Thủy thứ tám. Thấy trong Nhị Tần Lục).
- Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, bảy quyển (châu Đại Tự dịch năm Hoằng Thủy thứ tám. Ngài Tăng Duệ bút thọ và viết tựa. Dịch lần thứ hai. So với bản chánh Pháp Hoa của ngài Pháp Hộ dịch đời Tấn thì bản đồng chỉ khác người dịch, mới cách nhau trăm năm. Thấy trong Nhị Tần Lục).
- Hiền Kiếp Kinh, bảy quyển (dịch năm tháng ba năm Hoằng Thủy thứ tư. So với bản dịch của ngài Pháp Hộ thì giống nhiều khác ít. Ngài Đàm Cung bút thọ, thấy trong Nhị Tần Lục. Một tên là Hiền Kiếp Tam-muội Kinh, một tên là Hiền Kiếp Định Ý Kinh, gồm cả ba tên).
- Thập Trụ Kinh, năm quyển (Ngài La-thập cùng ngài Phật-đà-da-xá dịch, hoặc bốn quyển. Thấy trong Nhị Tần Lục).
- Tư Ích Kinh, bốn quyển (cũng gọi là Tư Ích Phạm Thiên Sở Vấn

Kinh, ở vườn Tiêu dao dịch ngày một tháng mười hai năm Hoằng Thủy thứ tư, dịch lần thứ hai. Cùng với Thắng Tư Duy Kinh của ngài Pháp Hộ dịch thì bản đồng mà khác người dịch. Thấy trong Nhị Tần Lục, Tăng Duệ viết tựa).

- Đại Thọ khẩn-na-la Kinh, bốn quyển (dịch lần thứ hai. So với bản Đồn Chân Đà-la-ni Kinh của ngài Chi-sấm thì bản đồng chỉ có khác người dịch. Lời văn lại tóm tắt hoặc rộng dài).

- Trì Thế Kinh, bốn quyển (dịch lần thứ hai. So với bản Trì Nhân Bồ-tát Sở Vấn Kinh của ngài Pháp Hộ dịch thì bản đồng chỉ khác người dịch, lời văn có một ít chỗ rộng hơn. Thấy trong Nhị Tần Lục).

- Duy-ma-cật Kinh, ba quyển (ở Đại Tự dịch năm Hoằng Thủy thứ tám, dịch lần thứ tư. So với bản dịch của các ngài Phật Điều, Chi Khiêm, Pháp Hộ... thì giống nhiều khác ít. Ngài Tăng Triệu bút thọ. Thấy trong Nhị Tần Lục. Ngài La-thập tự chú giải, ngài Tăng Duệ viết tựa).

- Phật Tạng Kinh, ba quyển (cũng gọi là Tuyển Trạch Chư Pháp Kinh, hoặc bốn quyển, dịch ngày mười hai tháng sáu năm Hoằng Thủy thứ bảy. Thấy trong Nhị Tần Lục).

- Bồ-tát Tạng Kinh, ba quyển (một tên là Phú-lâu-na Vấn Kinh, một tên là Đại Bi Tâm Kinh, hoặc hai quyển. Dịch năm Hoằng Thủy thứ bảy. Thấy trong Nhị Tần Lục).

- Xưng Dương Chư Phật Công Đức Kinh, hai quyển (một tên là Tập Hoa Kinh, dịch năm Hoằng Thủy thứ bảy. Thấy ở Nhị Tần Lục).

- Thiền Kinh, ba quyển (một tên Bồ-tát Thiền Pháp Kinh. So với quyển Tọa Thiền Tam-muội Kinh thì giống nhau. Dịch năm tháng một năm Hoằng Thủy thứ tư. Thấy trong Nhị Tần và Bảo Xướng Lục).

- Thiền Bí Yếu Kinh, ba quyển (Thấy trong Biệt Lục hoặc không có chữ kinh, hoặc nói là một quyển).

- Thiền Pháp Yếu Kinh, ba quyển (trước đã dịch, năm Hoằng thủy thứ chín thì sửa lại cho đúng. Tăng Duệ viết tựa).

- A-xà-thế Kinh, hai quyển (thấy trong Biệt Lục).

- A-lan-nhã Tập Thiền Pháp Kinh, hai quyển (thấy trong Biệt Lục hoặc không có chữ kinh. So với Bộ Tọa Thiền Tam-muội Kinh thì đồng bản mà khác người dịch).

- Thiền Yếu Kinh, hai quyển (một tên là Thiền Pháp Yếu Giải thấy trong Biệt Lục).

- Phát Bồ-đề Tâm Kinh, hai quyển (thấy trong Lý Khuếch Lục).

- Tự Tại Vương Kinh, hai quyển (năm Hoằng Thủy thứ chín, ở nhà Thượng Thư Lệnh, Thường Sơn Công Diêu Hiển dịch lần đầu ngài

Tăng Duệ bút thọ và viết tựa. So với bản Đại Thập Tự Tại Vương Phẩm thì không giống. Trường Ngũ chứng rằng câu văn dịch ra có thiếu sót ít nhiều. Thấy ở Nhị Tần Lục).

- Thiện Tín Ma-ha Thần Chú Kinh, hai quyển (Thấy ở Lý Khuếch Lục).
- Bồ-tát Ha Sắc Dục Kinh, một quyển.
- Thủ-lăng-nghiêm Kinh, hai quyển (dịch lần thứ bảy. So với các bản dịch của Chi-sấm, Chi Khiêm, Bạch Diên, Pháp Hộ, Thúc Lan và Dõng Phục Định thì hai kinh bản đồng mà khác người dịch. Lại đời Thục và sau này có thêm hai bản nữa họp thành chín bản dịch, văn mỗi bản đều khác).
- Phạm Võng Kinh, hai quyển (năm Hoằng Thủy thứ tám, ở Thảo đường, có ba ngàn học sĩ sau cùng dịch ra một phẩm kinh này. Bản tiếng Phạm có một trăm mười hai quyển, sáu mươi mốt phẩm. Khi dịch ngày thì Nhóm Dung Ảnh ba trăm người... cùng lúc thọ mười giới Bồ-tát. Thấy bài tựa trước kinh do ngài Tăng Triệu bút thọ).
- Đại Thiện Quyền Kinh, hai quyển (Thấy ở Lý Khuếch Lục).
- Chư Pháp Vô Hành Kinh, hai quyển (hoặc một quyển, thấy ở Nhị Tần Lục).
- Vô Lượng Thọ Kinh, một quyển (một tên là A-di-đà Kinh, dịch ngày tám tháng hai năm Hoằng Thủy thứ tư, dịch lần thứ năm. So với bản dịch của các ngài Chi Khiêm, Khang Tăng Khải, Bạch Diên, Pháp Hộ... thì bản đồng mà văn có rộng hẹp, khác nhau chút ít. Thấy trong Nhị Tần Lục).
- Di-lặc Hạ Sinh Kinh, một quyển (cũng gọi là Di-lặc Thọ Quyết Kinh. Thấy trong Nhị Tần Lục).
- Di-lặc Thành Phật Kinh, một quyển (dịch năm Hoằng Thủy thứ tư, dịch lần thứ hai. So với bản dịch của ngài Pháp Hộ thì giống nhiều khác ít. Thấy ở Nhị Tần Lục).
- Kim Cang Bát-nhã Kinh, một quyển (chính là quyển Phật tại Xá-vệ Quốc. Thấy trong Nhị Tần Lục).
- Nhân Vương Hộ Quốc Bát-nhã Ba-la-mật Kinh, một quyển (thấy trong Biệt Lục, dịch lần thứ hai. So với bản dịch của Trúc Pháp Hộ đời Tấn thì văn có khác chút ít).
- Bồ-đề Kinh, một quyển (một tên là Văn-thù-sư-lợi Sơ Vấn Bồ-đề Kinh, một tên là Bồ-đề Vô Hạnh Kinh, một tên Già-da Đảnh Kinh).
- Di Giáo Kinh, một quyển (một tên là Phật Thùy Bát-niết-bàn Lược Thuyết Giáo Giới Kinh).

- Thập Nhị Nhân Duyên Kinh, một quyển.
- Tạp Thí Dụ Kinh, một quyển (rút từ Đạo Lược Tập, dịch ngày tháng mười năm Hoằng Thủy thứ bảy).
- Bồ-tát Ha Sắc Dục Kinh, một quyển.
- Tu-ma-đề Bồ-tát Kinh, một quyển.
- Văn-thù Hối Quá Kinh, một quyển.
- Tỳ-kheo Ứng Pháp Hành Kinh, một quyển (Rút từ Trường A-hàm. Tăng Hựu Chú là sáp nhập ngày Nghi Lục).
- Vô Tư Nghì Quang Hài Đồng Bồ-tát Kinh, một quyển (cũng gọi là Bất Tư Nghì Quang Bồ-tát Sở Thuyết Kinh).
- Đại Phương Đẳng Đảnh Sinh Vương Kinh, một quyển (dịch lần thứ hai. So với bộ Đại Đảnh Vương Kinh của ngài Pháp Hộ thì bản đồng nhưng văn có khác chút ít).
- Đại Kim Sắc Khổng Tước Vương Kinh, một quyển (châu vườn Tiêu dao cũng Kiết Giới Trường đều đầy đủ phép tắc).
- Trang Nghiêm Bồ-đề Tâm Kinh, một quyển (dịch lần thứ hai. So với bộ Bồ-tát Thập Địa của ngài Pháp Hộ dịch thì bản đồng mà khác người dịch).
- Phật Đệ Tử Hóa Ma Tử Kệ Tụng Kinh, một quyển (Rút ở Đại Tập).
- Khai Hóa Ma Kinh, một quyển.
- Thái Bạch Ma Vương Kiên Tín Kinh, một quyển (Rút ở Đại Tập).
- Ma Nghiệp Kinh, một quyển.
- Quá Ma Pháp Giới Kinh, một quyển (Rút ở Đại Tập).
- Phật Vấn A-tu-luân Đại Hải Hữu Giảm Kinh, một quyển.
- Ma Vương Biến Thân Kinh, một quyển.
- Đông Phương Thiện Hoa Thế Giới Phật Tòa Chấn Đông Kinh một quyển
- Đà-la-ni Pháp Môn Lục Chủng Động Kinh, một quyển.
- Phật Tích Kiến Thiên Bức Luân Tướng Kinh, một quyển.
- Phật Tế Hóa Xuất Bồ-tát Kinh, một quyển.
- Vãng Cổ Sinh Hòa Phật Quốc Nguyện Hành Pháp Điển Kinh, một quyển.
- Phật Khánh Khái Triệt Thập Phương Kinh, một quyển (rút ở Đại Tập).
- Quá Khứ Vô Biên Quang Tịnh Phật Độ Kinh, một quyển.
- Phật Biến Thời Hội Thân Kinh, một quyển.

- Vô Lượng Lạc Phật Độ Kinh, một quyển.
- Vương Hậu Vi Khương Lượng Kinh, một quyển.
- Phật Tâm Tổng Trì Kinh, một quyển (cùng bộ Tâm Kinh Tổng Trì rút từ Sinh Kinh thì có khác chút ít).
- Di Hầu Dữ Tỳ Cộng Hý Trí Biến Kinh, một quyển.
- Thủy Ngưu Vương Kinh, một quyển (rút từ Sinh Kinh)
- Tước Vương Kinh, một quyển (rút từ Lục Độ Tập).
- Thố Vương Kinh, một quyển (rút từ Sinh Kinh)
- Bồ-tát Thân Vi Cáp Vương Kinh, một quyển (rút từ Lục Độ Tập).
- Phật Tích Vi Lộc Vương Kinh, một quyển.
- Mục Ngưu Kinh, một quyển.
- Hư Không Tạng Bồ-tát Vấn Trì Kinh Đắc Kỷ Sở Công Đức Kinh, một quyển.
- Quán Thế Âm Kinh, một quyển (Rút từ Tân Diệu Pháp Liên Hoa Kinh).
- Di-lặc Bồ-tát Bản Nguyện Đãi Thời Thành Phật Kinh, một quyển (cả ba mươi hai quyển kinh trên đều thấy ở Biệt Lục bảo là do ngài La-thập dịch lại).
- Đăng Chỉ Nhân Duyên Kinh, một quyển.
- Quán Phổ Hiền Bồ-tát Kinh, một quyển.
- Thiểm Bản Khởi Kinh, một quyển (cũng gọi là Thiểm Kinh).
- Quán Phật Tam-muội Kinh, một quyển.
- Bảo Võng Kinh, một quyển.
Œ- Nhạo Anh Lạc Trang Nghiêm Kinh, một quyển.
- Thỉnh Quan Thế Âm Kinh, một quyển (7 quyển Kinh trên thấy trong Lý Khuếch Lục bảo là ngài La-thập dịch).
- Tư Duy Yếu Lược Pháp Kinh, một quyển (hoặc không có chữ Kinh).
- Trì Địa Kinh, một quyển.
- Bồ-tát Giới Bản, một quyển.
- Thập Tụng Tỳ-kheo Giới Bản, một quyển (dịch lần thứ hai, so với bản dịch của ngài Đàm-ma-trì có khác chút ít).
- Đại Trí Độ Luận, một trăm quyển (do Long Thọ Bồ-tát viết ra dịch. Ở vườn Tiêu dao ngày tháng năm, năm Hoằng Thủy thứ sáu Ngài Tăng Duệ bút thọ và viết lời tựa. Thấy trong Nhị Tần Lục. Ngài La-thập nói rằng nếu dịch đầy đủ thì phải đến một ngàn quyển. Người Tần có kiến thức yếu kém nên tóm lược lại chỉ còn một phần mười thôi).

Bát nhã kinh luận tạng,hai mươi quyển thấy ở ngô lục.

- Thập Trụ Tỳ-bà-sa, mười hai quyển (Ngài Long Thọ Bồ-tát viết).
- Thành Thật Luận, hai mươi quyển (hoặc mười sáu quyển, dịch năm Hoằng Thủy thứ tám. Ngài Đàm Lược bút thọ. Thấy trong Nhị Tần Lục. Bộ Luận này do ngài Ha-lê-bạt-ma viết ra sau khi Phật nhập diệt hơn tám trăm năm).
- Đại Trang Nghiêm Luận, mười quyển (Ngài Mã Minh Bồ-tát viết).
- Thập Trụ Luận, mười quyển (Ngài Long Thọ Bồ-tát viết, năm Hoằng Thủy dịch chưa ngày phần cuối quyển một, giống như Lục Độ Tập Kinh. Thấy trong Nhị Tần Lục).
- Trung Luận, tám quyển (hoặc bốn quyển. Ngài Long Thọ Bồ-tát viết, dịch năm Hoằng Thủy. Thấy trong Nhị Tần Lục. Ngài Tăng Duệ viết tựa).
- Bách Luận, hai quyển (Ngài Đề-bà Bồ-tát viết, dịch năm Hoằng Thủy thứ sáu. Thấy trong Nhị Tần Lục).
- Thập Nhị Môn Luận, một quyển (Ngài Long Thọ Bồ-tát viết, thấy trong Bảo Xướng Lục. Ngài Tăng Duệ viết tựa).
- Mã Minh Bồ-tát Truyện, một quyển.
- Long Thọ Bồ-tát Truyện, một quyển.
- Đề Bà Bồ-tát Truyện, một quyển.
- Thật Tướng Luận, một quyển (Ngài La-thập tự viết).

Cả chín mươi bảy bộ gồm bốn trăm hai mươi lăm quyển trên, ngày đời Tấn An Đế do ngài Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập Bà, Tần dịch là Đồng Thọ, người Thiên Trúc dịch. Ngày mùa Đông năm Hoằng Thủy thứ ba ngài đến Thường an. Vua Tần là Diêu Hưng rất kính trọng đãi. Thường mời ngài ngày Tây minh các và vườn Tiêu dao riêng châu Biệt quán. Lại sắc lệnh cho Tăng Khế tập họp các Sa-môn hơn tám trăm vị, hỏi han nhận ý chỉ của ngài La-thập, lại dịch Đại Phẩm. Vua bảo ngài La-thập đọc bản tiếng Phạm, còn mình tự tay cầm bản kinh cũ để dò theo, lời văn mới khác nghĩa xưa nhưng tất cả đều thông suốt, lòng mọi người đều vui thích kính phục. Cho nên Nhị Tần Lục khen ngợi: Ngài La-thập là kẻ làm vững chắc sáng mới Đại Phẩm, tức biết ngài có tài làm sáng tỏ ý xưa vậy.

Các thứ nêu ra đây có hơn hai mươi bộ đều thêm chữ “Tân” ở đầu tên Kinh. Người đời sau càng lâu xa bỏ bớt chữ Tân, nên các bản kinh không còn chữ Tân nữa. Song ở triều đại của Hưng thì việc tuyên dịch

rất thạnh hành. Với Tâm coi thường Vạn Thặng, tôn kính giáo pháp Tam Bảo, vua đã không tiếc của cải mà sùng ngưỡng Phật pháp, luôn ở trong Đại Tự và Thảo đường cúng dường ba ngàn vị tăng, cùng La-thập chỉnh định lại các kinh mới cũ, không thứ nào không chuyên tinh nghiên cứu thông suốt đến ý chỉ sâu xa. Bấy giờ, ngài Tăng Duệ Pháp sư rất được vua biết đến, các kinh ngài La-thập dịch đều có Duệ tham dự sửa đổi. Xưa ngài Trúc Pháp Hộ dịch bộ Chánh Pháp Hoa, Thọ Quyết Phẩm có câu "Trời thấy người, người thấy trời". Ngài La-thập dịch kinh đến chỗ này bảo rằng: Lời nói này cùng nghĩa của Tây Vức thì đúng, nhưng lời này ở đây quá chân chất thật thà. Duệ lên tiếng: Đâu chẳng phải trời người cùng giao tiếp nên hai bên cùng thấy nhau sao? Thập mừng quá nói lớn: "Thật rõ ràng Duệ và Thập cùng khai phát cho nhau", đều thuộc loại như thế cả. Ngài La-thập còn theo yêu cầu của vua mà soạn bộ Thật Tướng Luận và chú giải kinh Duy-ma. Ngài La-thập rất thích Đại thừa nuôi chí phô bày diễn giải, thường than rằng: Ta cầm bút soạn bộ Ma-ha-diễn A-tỳ-đàm, không dám sánh với ngài Ca-chiên-diên Tử. Nay ở đất Tần này kẻ hiểu sâu rất ít, phân tích ra đây rồi sẽ ra sao? Lại thường nghe các Sư Tần nói Đạo Dung giảng kinh Tân Pháp Hoa, bèn khen rằng: Người khiến Phật pháp hưng thịnh chính là Dung vậy. Bỗng ở nước Sư Tử có 1 vị Bà-la-môn học rộng, thông minh, biện luận giỏi, sách tục phương Tây ít khi đọc đến. Nhưng được ngoại đạo ở nước ấy tôn sùng, nay nghe ngài La-thập ở quan nội đang hoằng dương Phật pháp, bèn than thở với Đồ đệ rằng: Đâu thể riêng để cho đạo Phật được độc tôn truyền bá ở nước Chấn Đán. Nhưng nay sách vở chánh thuyết của chúng ta chưa truyền đến Đông Độ. Nhân đó bèn ngồi Lạc đà chở đầy sách vở lặn lội đi đến Thường An. Vua Diêu Hưng khi thấy nhận thức của ông ta hẹp hòi thiên lệch bèn nghi ngờ. Nhưng vị Bà-la-môn tâu với vua rằng: "Đạo cao không có ranh giới, chỉ quan trọng nó có được tôn quý hay không. Cho nên tôi từ xa đến đây rất mong được cùng các Sư nước Tần đấu lý, kẻ thắng sẽ được quyền truyền giáo. Vua đành hứa nhận. Lúc bấy giờ bốn phương Tăng chúng trong nước cùng nhìn nhau mà không dám đương đầu. Ngài La-thập bảo Đạo Dung rằng: Đây là kẻ ngoại đạo thông minh khác người, đấu lý tất sẽ thắng, nhưng chúng ta đâu có thể để đại đạo Vô thượng bị người ấy khuất phục tại đây được Nếu để cho bọn ngoại đạo ấy mặc tình đắc chí, thì phép luân của bọn ta đành phải gãy trục, đâu thể như thế được. Như chỗ tôi thấy thì chính thầy là người đứng ra đối đầu. Đạo Dung tự xét tài đức của mình thì thấy không hề giảm sút, chỉ điều là các kinh sách ngoại đạo ở

Tây Vức thì mình chưa hề đọc hết. Bèn kín đáo sai người chép lại mục lục các kinh sách mà vị Bà-la-môn ấy đã đọc, rồi đọc qua một lượt. Sau đó hẹn ngày hôm sau sẽ nghị luận. Diêu Hưng tự đốc xuất các hàng công khanh đều cùng dự hội, Tăng chúng gần xa trong nước tất cả đều tập họp. Khi ấy Đạo Dung cùng Bà-la-môn tranh luận, lý lẽ rất sắc bén, huyền ý cao siêu khiến ông ta không sánh kịp. Bấy giờ vị Bà-la-môn tự biết văn từ lý lẽ của mình đã bị khuất phục, nhưng có ý cho rằng việc mình học rộng là hơn. Ngài Đạo Dung bèn kể rõ các sách mình đã đọc, lại biện luận thêm các kinh sử ở đất Tần, các danh mục bộ quyển nhiều hơn gấp ba lần. Ngài La-thập nhân đó thừa thế giễu cợt rằng: Ngài há không nghe nước Đại Tần học rộng hay sao mà ngài lại tự hạ mình lặn lội cực khổ từ xa đến đây Vị Bà-la-môn rất xấu hổ hối hận sụp lạy dưới chân Đạo Dung. Khoảng tuần nhật sau lặng lẽ ra đi. Từ đấy đạo pháp lại càng hưng thạnh ấy là do công sức của các ngài Cưu-ma-la-thập và Đạo Dung. Về sau ngài Đại Dung trở về Bành thành vẫn liên tục thuyết giảng, có hơn ngàn người thường tới lui nghe đạo với ngài, trong đó có hơn ba trăm người là môn đồ chính thức. Tánh ngài không thích nói năng cợt nhã ồn ào, ngài thường lên lầu cao để ngoạn cảnh, ân cần khuyến thiện trọn cuộc đời hết lòng hoằng truyền đạo pháp. Về sau ngài viên tịch tại Bành thành, thọ được bảy mươi bốn tuổi.

- Trường A-hàm Kinh, hai mươi hai quyển (dịch năm Hoằng Thủy thứ mười lăm, ngài Trúc Phật Niệm bút thọ. Thấy ở Nhị Tần Lục).

- Hư Không Tạng, một quyển (sau khi trở về ngoại quốc đến nước Kế Tân thì ngài gặp được kinh này rồi gởi đến các Tăng ở Kinh châu. Thấy trong Đạo huệ Tống Tề Lục).

- Đàm-vô-đức Luật, bốn mươi lăm quyển (Đây là tên người Tần dịch Đàm-vô-đức là Pháp Tạng, tức Luật chủ Tứ Phần hoặc sáu mươi quyển).

- Đàm-vô-đức Giới Bản, một quyển (Hai quyển giới luật trên thấy trong Tấn Thế Tạp Lục).

Cả bốn bộ, sáu mươi chín quyển, ngày đời Tấn An Đế, do ngài Tam tạng Pháp sư Phật-đà-da-xá (Tần dịch là Giác Danh). Ngài Da-xá vốn dòng Bà-la-môn, Tổ tông ngài kính thờ ngoại đạo mà nhà thờ kính ngoại đạo thì tất là không tinh tưởng Phật pháp. Một hôm có vị Sa-môn đến nhà khất thực, cha ngài nổi giận sai người đánh mắng. Bỗng nhiên tay chân của ông cụ bị co quắp không cử động được nữa. Trong lúc kinh hoàng gấp rút bèn hỏi thầy bói. Thần đoán quẻ ngày bảo đã phạm phải bận Hiền nhân nên khiến như thế. Bấy giờ mới chợt hiểu ra. Bèn đến

mời vị Tỳ-kheo bị đánh hôm trước về nhà rồi chí thành sám hối. Vài hôm sau thì bệnh liền hết. Nhân đó cho ngài Da-xá cạo tóc xuất gia theo làm đệ tử vị sư ấy, lúc đó ngài mới mười ba tuổi. Có một lần theo thầy đi xa, đến khoảng đồng vắng bỗng gặp phải một con cọp to. Thầy toan chạy đi, Da-xá can bảo: "Cọp này đã no tất không hại người". Bỗng cọp bỏ đi. Trên đường đi tới không bao xa quả nhiên thấy có đống thịt dư. Thầy ngầm cho là lạ. Đến năm mười lăm tuổi, ngài đọc kinh suốt ngày đến hai, ba vạn chữ. Nhưng ở ngài ở thì phải luôn đi khất thực, mất hết thì giờ đọc sách. Có một vị A-la-hán quý trọng ngài thông minh nên luôn đi khất thực đem về chia lại cho ngài dùng. Đến năm mười chín tuổi ngài thọ trì đọc tụng kinh điển tại Đại tiểu thừa hơn cả trăm vạn lời. Song tánh ngài ỷ có đọc nhiều sách vở mà có phần kiêu ngạo. Ngài bảo: Trong thiên hạ hiếm có người làm thầy được ngài. Vì thế không được chư Tăng kính trọng. Nhưng hình dung đẹp đẽ, đi đứng khéo léo lại hay nói cười vui vẻ, nên ai đối mặt nhìn ngài thì tất hờn sâu đều quên hết. Đến năm tới tuổi thọ giới Cụ túc thì ngài không tham dự, do đó vẫn mãi còn làm Sa-di, bèn theo cậu học về Ngũ Minh Luận, tất cả pháp thuật ở thế gian đều luyện tập thuần thục. Đến năm hai mươi bảy tuổi ngài mới thọ giới Cụ túc, luôn lấy việc đọc sách suy tìm làm nghiệp vụ, sớm tối cần cù tay không rời sách. Mỗi khi ngồi nghiêm liền suy tư nghĩa lý, ngài luôn bảo rằng: "Không khéo là bỏ phí thì giờ quý báu". Sự tinh chuyên của ngài đại khái đều là thế cả.

Khi ngài đến nước Sa-lặc thì nhà vua nước ấy bệnh chưa giảm, nên mời ba ngàn vị Tăng ngày cung để thiết hội nhưng Da-xá chỉ đến có một mình, Thái tử con vua là Đạt-ma-phất-đa (Tần dịch là Phát Tử), thấy ngài Da-xá dung mạo đoan chánh, ăn mặc tao nhã bèn hỏi từ đâu đến? Ngài Da-xá đối đáp lời lẽ thanh nhã, nên thái tử rất vui lòng, bèn mời ngài ở lại trong cung để cúng dường, đãi ngộ rất trọng hậu. Ngài La-thập đến sau và thọ học kinh luật với ngài Da-xá, cả hai thầy trò đều quý kính nhau. Sau ngài La-thập theo mẹ trở về nước Quy Tư, ngài Da-xá ở lại. Lúc đó Quốc vương tạ thế, Thái tử lên ngôi. Bấy giờ Phù Kiên chánh thức sai Lữ Quang đem quân Tây phạt nước Quy Tư. Vua Quy Tư gấp rút sang cầu cứu với nước Sa-lặc. Vua Sa-lặc đích thân đem quân cứu viện. Vua biết khó giữ được ngài Da-xá nên khiến ngài ở lại phụ giúp Thái tử lo việc hậu sự. Quân cứu viện chưa đến thì nước Quy Tư đã bại trận. Vua nước Sa-lặc trở về nói đủ mọi việc về ngài La-thập bị Lữ Quang bắt giữ. Ngài Da-xá than rằng: Ta cùng La-thập gặp nhau tuy lâu nhưng chưa thỏa hết hoài bảo, nay bị cướp đi một cách bất ngờ biết bao

giờ sẽ gặp lại được. Bèn ở lại Sa-lặc hơn mười năm. Sau đó ngài Da-xá sang phía Đông, đến nước Quy Tư giao hóa rất thạnh hành. Lúc đó ngài La-thập châu nước Cô Tang, cho người đưa tin mời thỉnh. Ngài Da-xá định cơm áo lên đường thì bị nhân dân giữ lại, nên phải ở lại khoảng một năm. Sau đó bảo đệ tử rằng: Ta nay muốn tìm đến La-thập, hãy lén cải trang y phục, giữa khuya lên đường chớ để ai biết. Đệ tử can rằng: Dù có thoát ra được thì sáng đến cũng khó đi tới được, lại bị truy đuổi thì sự việc sẽ ra sao? Ngài Da-xá bèn lấy một bát nước trong bỏ thuốc ngày đó rồi rồi đọc chú khoảng mười câu, rồi đưa cho đệ tử bảo đem rửa chân. Rồi ra đi trong đêm ấy. Đến sáng thì tính ra đã đi hơn mấy trăm dặm. Ngài hỏi đệ tử chỗ nào biết không Thưa rằng: Trong tai chỉ nghe tiếng gió kêu vù nước vù, mắt chảy Ngài Da-xá bèn chú nguyện và đưa nước rửa chân, nhân đó nghỉ ngơi chốc lát. Đến sáng cách bọn người đuổi theo có mấy trăm dặm.

Năm Hoằng Thủy thứ tám, ngài đã đến nước Cô Tang mà ngài La-thập thì đã ngày được Thường an từ lâu. Lại nghe nói Diêu Hưng đã nhốt La-thập ở trong nhà riêng và bắt ngài làm chuyện phi pháp. Ngài buồn thương than rằng: Ngài Cưu-ma-la-thập như bông tơ quý hiếm, sao nở bắt ngài ngày chốn rừng rậm gai gốc được ư? Trước đây ngài La-thập từng kính chuộng ngài Da-xá, nên khi nhge biết ngài đến nước Cô Tang thì rất đổi vui mừng, liền khuyên Diêu Hưng nên sai sứ đến đón rước ngài Da-xá, nhưng Hưng chưa chịu. Lúc đó Hưng bảo ngài La-thập dịch kinh. Ngài La-thập thưa: Phàm muốn tuyên thông giáo pháp Vô thượng thì cần phải khiến văn nghĩa lý thú tinh thông. Bần đạo tuy đã đọc hết văn nhưng chưa thấu suốt hết lý. Chỉ có ngài Da-xá mới thấu suốt nghĩa lý sâu xa. Nay ngài đang châu nước Cô Tạng xin nhà vua ra chiếu mời về, xin hứa cho một tiếng rõ ràng, sau đó mới dịch thuật, khiến một ý nhỏ không sót ngàn đời tin tưởng. Hưng bèn nghe theo. Liền sai sứ mang tặng nhiều của quý, nhưng ngài Da-xá không nhận, cười bảo rằng: Lệnh vua đã phán, liền phải đi ngay. Nhưng thí chủ trọng đãi kẻ sĩ rất hậu, nếu chưa thấy La-thập được thả ra thì chưa dám nghe lệnh. Hưng khen là người rất thận trọng. Vua nhiều lần sai sứ đến đôn đốc dẫn dụ thì ngài mới đến Thường an. Hưng tự đôn đốc các quan riêng lập một khu đất mới ở vườn Tiêu dao, tứ sự cúng dường nhưng ngài đều không nhận. Mỗi sáng đến giờ thì đi khất thực về ăn một bữa mà thôi. Ngài Da-xá là người có râu đỏ lại rất giỏi về Tỳ-bà-sa nên người đời gọi là Râu Đỏ Tỳ-bà-sa. Ngài La-thập đã trọng là thầy nên cũng khen là bậc Đại Tỳ-bà-sa. Tứ sự cúng dường, y bát ngoạ cụ chất đầy đủ cả ba

gian nhà nhưng ngài không chút quan tâm. Hưng lấy đem đổi vật liệu về xây cất chùa và tinh xá. Trước đây ngài Da-xá thường tụng Tứ Phần Luật. Lúc thỉnh ngài phiên dịch, còn nghi là có sự sa sót lầm lẫn nên vua bảo ngài đọc lại nguyên bản tiếng Phạm. Ngài liền đọc lại hơn cả năm vạn lời, trải suốt hai ngày vẫn không sai một chữ, mọi người đều xá dài kính phục.

Năm Hoằng Thủy thứ mười hai thì dịch Tứ Phần Luật... đến năm thứ mười lăm mới dịch ngày. Hưng đem cúng cho ngài Da-xá vải lụa cả vạn xấp, nhưng ngài đều không nhận. Có hai vị Sa-môn Đạo Hàm và trúc Phật Niệm làm bút thọ, mỗi vị được cúng cho cả ngàn xấp lụa. Ngoài ra còn có năm trăm bậc Sa-môn Danh Đức đều được trọng thưởng. Về sau ngài Da-xá trở về Tây Vức không biết cuối cùng ra sao.

- Bát-nhã Vô Tri Luận, một quyển.
- Bất Chân Không Luận, một quyển.
- Vật Bất Thiên Luận, một quyển.
- Niết Bàn Vô danh Luận, một quyển.

Cả bốn bộ, bốn quyển trên ngày đời Tấn An Đế, do ngài Sa-môn Thích Tăng Triệu viết ra. Tăng Triệu người kinh triệu vốn nhà nghèo, chỉ lấy việc viết thuê để nuôi sống. Nhân viết chữ rõ ràng mà được để ý, đã xem qua nhiều Kinh sử đủ cả các sách vở. Tánh thích chuyên huyền vi nên mỗi khi nói đến Lão Trang thì cho là rất hợp với ý mình. Có lần đọc sách Lão Tử đến chương Đạo Đức thì khen rằng: "Hay thì hay đấy, song chỗ lụy Thần Minh kia cũng chưa hết được". Sau đó nhân gặp bộ kinh Duy-ma xưa rất vui mừng lãnh thọ, suy tìm thưởng ngoạn ý vị. Bèn bảo: "Nay mới biết được chỗ nương về". Nhân đó bèn xuất gia, học giỏi về Phương đẳng, gồm thông cả Tam tạng mới tuổi thành niên mà danh tiếng khắp quan nội. Người đương thời đua nhau khen ngợi, ai cũng không ngờ là ngài phát đạt sớm. Hoặc có người từ ngàn dặm xa mang lương khô theo ngày quan nội để cùng biện luận. Triệu đã có tài suy tư sâu kín lại khéo nói năng bàn luận nên thừa cơ bắt bẻ khuất phục một cách dễ dàng. Lúc đó, hàng Túc Nho ở Kinh Triệu và những kẻ sĩ tài giỏi ở quan ngoại, chẳng ai là không bị khuất phục tài biện luận sắc bén của Triệu. Về sau ngài La-thập đến Cô Tang thì Tăng Triệu cũng từ xa theo đến. Ngài La-thập khen ngợi vô cùng. Kịp khi ngài La-thập đến Thường An thì Triệu liền cũng theo ngày. Diêu Hưng bảo Triệu và Tăng Duệ cùng ngày vườn Tiêu dao giúp hiệu đính kinh luận. Tăng Triệu là người huệ sáng tài giỏi, cho rằng thời Tượng pháp cách Phật

đã lâu, văn nghĩa nhiều lẫn lộn, các sách xưa đã diễn giải trước đây thì bây giờ có nhiều chỗ sai lầm. Ngài tham dự việc dịch thuật rõ ràng, hỏi han trình bẩm lại ngài La-thập nên chỗ liễu ngộ càng nhiều. Sau khi dịch Đại Phẩm nhân đó Triệu liền soạn bộ Bát-nhã Vô Tri Luận hơn hai ngàn chữ, đem trình lên La-thập, ngài đọc ngày, khen hay, bèn bảo Triệu rằng "Sự hiểu của ta chẳng cách xa thầy bao nhiêu, chỉ dám xin giúp nhau về lời văn. Lúc đó ở Lô Sơn có kẻ ẩn sĩ là Lưu Di Dân xem thấy bộ luận này của Triệu bèn khen rằng: Bất ngờ Phương Báo lại có Bình Thúc Nhân đó đem trình lên ngài huệ Viễn xem, Viễn bèn vỗ ghế khen rằng: "Thật chưa từng có!". Nhân đó cùng suy tìm thưởng thức ý vị lại có muốn giao tiếp qua lại. Di Dân bèn viết thư cho Triệu rằng: Xin hỏi trong khoảng thời gian ngắn ngủi có niềm ngưỡng mộ từ xa Trời cuối năm rét đậm quý thể có hế hấn gì chăng? Thư gởi từ xa lòng đầy lo lắng. Đệ tử luôn đắm mình trong đầm cỏ nên thường bệnh hoạn luôn. Cầu mong đại chúng đều khang hòa, Pháp sư ngoại quốc luôn được tốt hơn chăng? Cuối hạ năm rồi nhân đọc được bộ Bát-nhã Vô Tri Luận của Thượng Nhân, thật là lời văn thanh nhã, ý chỉ thâm trầm đầy đủ, suy lời Phật nói rõ ràng có chỗ nương về. Mở đọc thưởng thức ý vị ân cần chẳng hề rời tay. Thật có thể bảo rằng: Tâm gội vực sâu phương đẳng, ý ngộ ngày chốn sáng thênh thang. Khéo léo tột cùng, không có chỗ chê trách. Nhưng kẻ mời tối khó hiểu vẫn còn có chổ nghi điều riêng lẻ, cúi mong nhân lúc rỗi rảnh mà giải thích sơ lược cho:

Ngài Tăng Triệu viết thư đáp lời: "Từ xưa chưa hề gặp chỉ có ý nhớ nhau. Lại được thư vừa rồi hỏi han cặn kẻ mừng như gặp được làn gió mát, thời tiết hiện giờ sức khỏe ra sao? Sức khỏe của bần đạo không được khá lắm. Đại chúng vẫn được bình thường, ngài La-thập Pháp sư vẫn khỏe mạnh. Chúa Tần đạo tánh tự nhiên, thiên cơ hơn thói tục Hào thành vẫn lấy việc hoằng dương Tam bảo làm nghiệp vụ. Do ham kinh lạ thầy giỏi mà từ xa lặn lội đến tìm. Phong cách Linh thứu hợp với đất này. Được ngài tuệ viễn khen ngợi đó chính là ngàn đời. Ở Tây Vức lại được Kinh mới Phương Đẳng hơn hai trăm bộ. Ngài La-thập châu Đại Tự dịch mới các kinh. Kho pháp rộng sâu mỗi ngày càng thêm điều mới. Thiền sư ở Ngõa Quan Tự rèn dạy Đạo Thiền, môn đồ có đến mấy tram người ngày đêm tinh tấn, chăm chăm đáu đáu để đạt đến chỗ trọn vui. Còn Tam tạng Pháp sư thì ở Trung Tự dịch Luật Bộ trước sau đều rõ, xem như mới viết ra ở thời nay. Pháp sư Tỳ-bà-xa (Da-xá) châu chùa Thạch dương dịch Xá-lợi-phất Tỳ-đàm. Bản tiếng Phạm tuy chưa kịp dịch. Bây giờ về việc hỏi han của ông thì lời lẽ quá mới lạ, còn bần

đạo cả một đời ngu dốt, dầu đã tham gia nhiều vận hội hoằng hóa đạo pháp thạnh hành, nhưng tự mình chưa thấy được việc kết tập sau khi Đức Thích-ca Nhập Niết-bàn, ngoài ra thì không ân hận gì nữa. Chỉ hận là không được cùng các bậc đạo thắng quân tử đồng tham dự cuộc kết tập ấy mà thôi! Khen vịnh đã nhiều hay có điều chi dặn bảo. Song nay hỏi han nhún nhường đâu phải là người đất Dĩnh. Bần đạo nghĩ mình chưa thấu đáo hơn người. Còn việc nói năng hãy còn khá vụng về. Vả lại chỗ chí thù thì không thể nói, mà nói ra thì trái với chí thú, cứ mãi như thế không thôi thì còn gì mà luận nữa? Nay mượn lời ngông cuồng xin đáp lại ý chỉ."

Sau đó ngài Tăng Triệu soạn các bộ Bất Chân Không Luận, Vật Bất Thiên Luận... cùng chú giải kinh Duy-ma viết lời tựa các kinh luận khác, đều được lưu truyền trên đời.

Ngay sau khi ngài La-thập viên tịch, sau lễ truy điệu ngài Tăng triệu đi hẳn về Kiều Tư Di Lệ (?) Bèn soạn ra bộ Niết-bàn Vô Danh Luận và có lời rằng: "Kinh nói có Hữu dư và Vô dư Niết-bàn, thì tiếng Tần (Hán) gọi là Vô vi, cũng gọi là diệt độ. Vô vi Niết-bàn tức là Hư vô tịch mạc mầu nhiệm tuyệt dứt Hữu vi. Nói diệt độ tức là nói đã dứt hẳn nạn lớn, vượt thoát bốn dòng. Bởi đây là chỗ nương về của gương và bóng. Là chỗ sâu kín nhất dứt hẳn nói năng. Nhưng nói Hữu dư và Vô dư là do chỗ xuất xứ mà có tên gọi khác. Ứng với vật mà giả gọi, tôi có lần thử nói thế. Vì Niết-bàn chính là Đạo vậy. Bởi Tịch Liêu trống không thì không thể từ hình danh mà được. Vi diệu vô tướng thì không thể lấy có tâm mà biết được. Siêu quần vì vượt chỗ tối tăm, lượng bằng Thái Hư và Vĩnh Cửu. Theo dõi thì không có dấu tích, nghinh đón chẳng thấy đâu là đầu mối. Sáu nẻo không thể tiếp nhận đời sống của nó. Xô đẩy không thay đổi được thể nó. Nhập nhoạng như có như không, dù cả năm mắt cũng không thấy rõ hình dạng, cả hai tai cũng chẳng nghe được tiếng vang. Mờ mịt sâu xa ai thấy ai hiểu. Làn sóng lớn chỉ lướt qua không ở mãi mà riêng lôi kéo cái biểu hiện "có không". Song khi đã nói ra thì liền mất cái chân thật của nó, biết là trái với ngu của nó. Có thì trái với tánh nó, mà không thì hại thân nó. Do đó mà Đức Thích-ca đóng chặt cửa ở Ma-kiệt, ngài Tịnh Danh bịt miệng ở Tỳ-gia, ngài Tu-bồ-đề nói "Không lời" để bày đạo, Thích Phạm dứt sự nghe mà rải hoa. Đây đều Lý là thần ngự, cho nên miệng phải ngậm im. Đâu có thể nói là không biện luận, đó là biện luận về điều không thể nói vậy. Kinh nói: Chân giải thoát là lìa bỏ nói năng mà tịch diệt vĩnh an, không đầu đuôi, không sáng tối, không lạnh nóng, trống rỗng như hư không, không

tên không chứng. Luận nói rằng: Niết-bàn không phải có cũng chẳng phải không, đường ngôn ngữ dứt chỗ tâm hành diệt Vả như khi viết kinh luận đâu thể hư cấu? Nếu nó có là tại vì không có thì không thể được mà có, còn nếu nó có là vì chẳng phải không, nên không thể được mà không. Cảnh có thì cả năm ấm bị diệt mất. Suy ra cũng không có mình thì u linh không mất. Khi u linh không mất thì ôm lấy khối sáng láng trống không. Khi năm ấm đã diệt mất thì muôn lụy đều không. Muôn lụy đã không cho nên cùng với đạo thông suốt. Vì ôm lấy một khối sáng láng trống không, cho nên có thần mà không cần công sức. Vì Thần trí không công cho nên công luôn to lớn hiện hữu. Vì cùng với đạo thông suốt nhau cho nên hòa nhau mà không thay đổi. Vì hòa nhau mà không thay đổi nên không thể là có. Công năng to lớn luôn hiện hữu thì không thể nào là không. Song bên trong dứt hẳn "có- không" nên biểu lộ ra bên ngoài. Chỗ thấy nghe không thể đạt đến, bốn phía trống không đều mờ mịt. Yên lặng mà công bằng, lặng lẽ mà to lớn. Cả chín dòng do đó mà giao hội, toàn Thánh chúng nhân đây mà ngầm hiểu. Đây chính là cực vui là quê hương của Thái huyền, mà muốn dùng tên có không để nêu rõ ranh giới, mà lời nói Thần đạo thì cũng chẳng xa xôi. Sau đó thêm mười diễn chín chiết (bàn đi luận lại nhiều lần) có hơn ngàn lời, văn quá nhiều nên không chép hết. Sau khi soạn bộ Luận ngày bèn dâng biểu tâu lên Diêu Hưng rằng: Triệu tôi nghe rằng: Trời mà có một thì trong xanh, đất nếu là một thì yên bình, vua mà duy nhất thì trị vì thiên hạ. Rất mong Bệ Hạ Duệ triết sáng suốt phân minh, Đạo cùng Thần gặp nhau, khéo khế hợp trong cõi trần hoàn, muôn lý đều thống nhất. Cho nên luận bàn để nhiếp hóa cả muôn cơ, suốt ngày hoằng đạo. Nay giáo hóa cho mọi người nên viết thành lời văn làm mẫu mực. Do đó trong cõi có bốn vị Đại vương cùng ở một nơi, đạo Niết-bàn là chỗ nương về của ba thừa, là vực sâu của Phương đẳng, mênh mông, vui vẻ dứt hết cả sự thấy nghe, sâu kín hư huyền, không phải hạng thường tình có thể suy lường hiểu biết được. Triệu tôi vốn là kẻ hèn hạ kém cỏi, may nhờ ân vua mà được ở yên học tập, đã theo học với ngài La-thập trên mười năm. Tuy các kinh có nhiều lý thú khác nhau, chỗ hay lạ đặc biệt không phải là một. Nhưng Niết-bàn là một nghĩa mới được nghe lần đầu. Chỉ vì Triệu tôi tài trí hèn kém, tuy đã luôn được khuyên bảo dẫn dụ nhưng vẫn còn mịt mờ, vì cái ngu đeo đẳng mãi không thôi, dầu có vài chỗ dường như đã hiểu rõ, nhưng chưa từng được nghe các bậc Cao minh nói trước nên không dám tự quyết. Chẳng may ngài La-thập đã viên tịch, không có nơi hỏi han tham vấn, đành lấy làm ân hận suốt

đời. Nay bệ hạ Thánh đức đủ đầy, đã riêng cùng ngài La-thập thần khí khế hợp thấy rõ Lý đạo, quyết định được chỗ phải trái. Cho nên có thể phất lên ngọn Huyền phong để mở mang cho kẻ tục kém cỏi. Một hôm nhờ gặp gỡ đáp lời ngài An Thành Hầu là Tung hỏi về chỗ cùng cực của Vô vi, lại luận sang cái nghĩa vô danh của Niết-bàn. Nay liền soạn ra bộ Niết-bàn Vô Danh Luận, gồm có mười diễn và chín chiết, thâu nhặt rộng rãi các kinh mượn làm chứng cớ để thí dụ, kính cẩn trình bày lên bệ hạ chỗ tột cùng của Vô Danh. Nào dám bảo là mở mang chỉ thú của thần tâm, nghiên cứu tột cùng chỗ sâu xa, may ra đem chút nghị luận về Huyền môn để ban bảo dẫn dụ cho đám học trò mà thôi Nếu có hợp với chút ít Thánh chỉ cúi mong bệ hạ ban lệnh cho phép để lại, như có những sai sót rất mong bệ hạ chỉ giáo. Diêu Hưng đáp chỉ ân cần khen ngợi, liền ra lệnh viết lại bộ luận trên bằng chữ thật đẹp đem ban cho các con cháu. Thời ấy được quý trọng như thế.

Nhị Tần Chúng Kinh Lục Mục, một quyển.

Một quyển trên do Sa-môn Thích Tăng Duệ soạn ra. Tăng Duệ là người ở Ngụy Quận, xuất gia từ thuở nhỏ, rất thông minh lanh lợi, là đệ tử của ngài Tăng Hiền. Năm hai mươi hai tuổi thì lão thông kinh luận. Thường khi nghe ngài Tăng Lãng Pháp sư giảng kinh Phóng Quang nhiều lần chê bai vấn nạn. Hai ngài Tăng Lãng và Tăng Hiền giao ước nhau trên bờ hào. Lãng bảo Hiền rằng: Những so sánh suy xét và vấn nạn của Duệ khiến tôi suy nghĩ nhiều cũng khó thể thông suốt được. Có thể gọi đó là Hiền Hiền đệ tử. Về sau khi ngày Quan Trung thì gặp được ngài La-thập đang dịch kinh, liền cùng đến tham dự dịch thuật. Ti Đồ Công đời Tần là Diêu Tung tiếp đãi ngài rất trọng hậu. Diêu Hưng hỏi Tung: Ông Tăng Duệ như thế nào? Tung đáp: "Duệ thật là hạng tùng bách của Đất Nghiệp Vệ này vậy.". Hưng ra lệnh cho ngài bệ kiến để biết rõ tài năng thì thấy Duệ có phong vận sâu xa, nói im đều thanh nhã. Hưng rất vui mừng và ban thưởng rất hậu, cung cấp bổng lộc và sai người khỏe mạnh kéo xe cho ngài đi. Hưng bảo Tung rằng: Đó là kẻ tiêu biểu chung của cả bốn bể, đâu riêng gì là Tùng bách của đất Nghiệp Vệ. Sau khi ngài La-thập dịch ngày Thành Thật Luận thì bảo ngài Tăng Duệ giảng giải. La-thập bảo Duệ rằng: Trong chỗ tranh luận này có bảy chỗ lời văn bác bỏ A-tỳ-đàm, nhưng trong lời nói có vài chỗ ẩn kín. Nếu không cần hỏi mà tự hiểu rõ được thì có thể gọi là bậc anh tài. Khi Duệ giảng giải chỗ sâu kín thì quả nhiên không cần tham hỏi ngài La-thập mà vẫn khế hội với lẽ Huyền Ngài La-thập khen rằng: Ta truyền dịch kinh luận mà may mắn gặp thầy thì không còn lo lắng ân

hận điều gì cả". Ngài hoằng hóa rộng mở kinh pháp khiến thường còn và đem điều thiện này mà hồi hướng nguyện sinh về nước An Dưỡng. Mỗi khi đi đứng nằm ngồi đều không dám quay lưng về hướng Tây. Đến lúc lâm chung ngài chấp tay mà viên tịch. Người trong chùa đều thấy có ánh sáng năm sắc từ phòng ngài Tăng Duệ phóng ra rực rỡ.

****

- Thích Bác Luận, một quyển.

Một quyển luận trên do ngài Sa-môn Thích Đạo Hằng soạn ra. Ngài Đạo Hằng người Lam Điền. Năm lên chín tuổi khi ra đường chơi ngài Ẩn Sĩ Trương Trung gặp được khen rằng: Đức trẻ này có tướng hơn người, nếu ở thế tục thì có công giúp nước như quan phụ chánh, còn ở trong Đạo thì làm sáng tỏ Phật pháp. Hiềm một nỗi là ta đã già không thấy được việc này. Đạo Hằng sớm mất hai thân, nhưng thờ mẹ kế rất trọn Hiếu đạo. Nhà nghèo không của cải gì, thường chính tay viết chữ vẽ hình để mọi người thờ phụng. Lại dốc lòng thích học kinh điển suốt đêm. Đến năm hai mươi tuổi sau khi mẹ kế qua đời, ngài chôn cất và để tang ngày xuôi, liền đi xuất gia. Khi luận bàn Phật Lý thì đều thông suốt. học cả nội ngoại điển, tài trí rất thông minh lanh lợi. Khi ngài La-thập ngày Trung Quốc thì Đạo Hằng liền đến sửa văn kinh sách. Ngài La-thập rất đổi mừng rỡ. Lại dịch thêm nhiều kinh rồi cùng giúp ngài hiệu đính.

Khi ấy ngài Đạo Hằng có bạn đồng học là ngài Đạo Tiêu, văn tài cũng rất thanh nhã. Đương thời nổi tiếng cùng ngang bậc với ngài Đạo Hằng. Lúc đó chúa Tần là Diêu Hưng thấy thần khí của cả hai người rất giỏi dang sáng láng, có đủ tài giúp trị nước. Liền ra lệnh cho quan Thượng thư lệnh là Diêu Hiển phải đôn đốc cưỡng bức bách Đạo Hằng và Đạo Tiêu phải bỏ Đạo để giúp vua trị nước. Lại hạ chiếu bảo hai ngài Hằng và Tiêu rằng: Các Khanh có tiết tháo sáng suốt thật là đáng quý đáng khen. Chỉ vì vua đang trị vì bốn bể rất cần gấp kẻ hiền tài. Nay sắc lệnh cho quan Thượng lệnh là Hiển bắt các khanh phải tuân lệnh vua dẹp bỏ Pháp phục ra đời giúp nước. Nếu tâm các Khanh còn Đạo vị thì hiềm gì trắng đen. Rất mong các Khanh thể theo ý Trẩm không nên thủ tiết mà chối từ...".

Hai ngài Đạo Hằng và Đạo Tiêu đáp thư: Phụng chiếu lệnh ngày mười tám tháng hai khiến Hằng - Tiêu chúng tôi phải dẹp bỏ pháp phục, đau lòng vâng lệnh năm tình thất tiết. Bọn chúng tôi tài hèn trí mọn, nhiễm pháp chưa sâu. Từ ngày mặc áo nâu sòng nguyện quên thân mạng, cùng chuyên tu tập Phật pháp không màng thế sự, đã phế

bỏ sự nghiệp phi thường trọn không có công lao gì khác. Thuở xưa ngài Quang Võ còn có thể buông thả cái tâm của Nghiêm Lăng, Ngụy Văn Đế dám dung thứ cái tiết tháo của Quản Ninh. Phải chăng đó là lòng cao quý của bậc chí tôn muốn thỏa mãn chí thấp hèn của kẻ thất phu. Huống nay bệ hạ đã dùng đạo mà trị người, lại gồm cả hoằng truyền Tam bảo. Vậy cúi mong ngài noi theo tình to lớn, rũ cái lý cảm thông muôn vật.

Diêu Hưng lại gởi thư cho ngài La-thập nói về hai vị Pháp sư rằng: Riêng đã mấy tuần mỗi lần đều nghĩ tới, dần dần so sánh cặn kẻ rằng như khi các đám giặc cỏ nổi lên ở chốn xa xôi mà không kịp thời xử lý thì chính là lúc rối rắm không yên. Trong khoảng thời gian muôn sự thịnh vượng thì cần phải có người tài giỏi để sửa trị. Theo chiếu chỉ gần đây thì khiến Đạo Hằng và Đạo Tiêu bỏ pháp phục La-hán đi theo dấu chân bậc đại sĩ. vì đạo ở đâu lại chẳng có. Vậy kính mong Pháp Sư giúp lời dẫn dụ hai vị ấy...”. Ngài La-thập hội ý đáp lời rằng: Mãng nghe Thái thượng hoàng dùng đạo nuôi dân mà mọi vật tự an. Nay vua lại dùng đức mà trị vì thiên hạ, đó là bậc minh chủ thời xưa. Xét kỷ thì làm trái bản tánh khó chế ngự, hiểu rõ cách cai trị có nhiều nguyên nhân. Cho nên vua Nghiêu tha Hứa Do ở đồi Ky Sơn, còn Dự Nhượng thì quăng gậy ở nước Ngụy. Cao Tổ đã bốn lần tha hạo ở Chung nam, còn Thúc Độ thì giả từ Bồ Luân ở Hán Nhạc. Bởi có tánh thích Hiền thì sẽ được Hiền. Nay hai vị Đạo Hằng và Đạo Tiêu phước đức chưa toàn vẹn cốt ý thủ tiết, từ bé đã học huyền hóa, kính phục Phật đạo. Đến như việc phô bày phân tích các kinh hay nghiên cứu các chỗ sâu kín chỉ đủ để khai ngộ bọn con trẻ, giúp khai hóa công đức. Cúi mong bệ hạ nên bỏ qua ân đã khen tặng trước để tha cho cái chí hèn kém của họ”.

Về sau Hưng càng mấy lần xuống chiếu thúc hối, gạt bỏ mọi can ngăn để hai người được khỏi làm quan. Ngài Đạo Hằng than rằng: Cổ nhân có nói: của cải giúp ích ta nhưng làm tổn hại tinh thần ta. Danh tiếng nuôi sống ta nhưng nó cũng giết chết thân ta. Do đó ngài ẩn mình ngày hẽm núi sâu và trọn đời ở nơi rừng vắng, chỉ ăn rau cỏ mà thưởng thức vị Thiền và trốn biệt dấu người. Cho nên ngài soạn ra Bộ Thích Bác Luận và Bách Hạnh Chân.

■

LỊCH ĐẠI TAM BẢO KÝ

QUYỂN 9

KINH DỊCH Ở CÁC ĐỜI TÂY TẦN, BẮC LƯƠNG, NGUYÊN NGỤY, CAO TỀ VÀ TRẦN THỊ

Các sách ghi chép về năm đời là Tây Tần, Bắc Lương, Ngụy, Tề, Trần ở đây nói về các vị vua theo thời mà cứu đời, lợi đây bằng cách tuyên dương giáo pháp.

- Khất phục quốc nhân giống tiên ti ở Lũng Tây. Dòng dõi nối đời ở uyển xuyên phía Nam Thiền Vu. Tiền Tần bị đánh thua, người kế vị cũng tự xưng là Tần Vương (Hậu Tần), vẫn đóng đô ở Tử Thành, rất tôn trọng kính quý Sa-môn. thời đó gặp chúa Phù Kiên đức hóa thấm nhuần, ông lại càng sùng kính, ân lễ trọng hậu. Đạo Phật đã được truyền bá mạnh mẽ rộng khắp, nhưng vẫn khiến tiếp tục phiên dịch. Cả năm đời vua nối nhau trị vì suốt bốn mươi bốn năm. Sau bị nhà Hạ diệt. Rồi Ngụy lại thôn tính nhà Hạ.

- Thư Cừ Mông Tốn đến Tòng Lô, thủy hồ người Hung Nô, tả đại mông cừ là chức quan coi thư tịch của nhà Tiền Lương bèn tự lên ngôi và dời sang nước Cô Tang. Lúc đó gặp ngài Đàm-vô-sấm Pháp sư dịch bộ Đại Bát-niết-bàn, Đại Tập Kinh... Nhà Bắc Lương có hai đời vua trị vì bốn mươi ba năm. Về sau bị Ngụy diệt.

- Thác Bạt Khuê tự là Thiệp Hoai, Vân Trung Ngũ Nguyên Lỗ làm Hộ quân cho nhà Tần. Họ Phù bị đánh thua, người kế vị liền xưng hiệu là Ngụy đóng đô ở đất Hằng. Đến đời vua thứ ba là Thái Võ Đế tên Phục, khi trị đời vì tin lời tà môn nên hủy hoại Phật pháp, giết Tăng phá chùa. Thiệp Hoai suốt bảy năm bị ác hại thân chết đi sống lại mấy lần. Có bốn đời vua ở phía Bắc. Đến đời vua Hiếu Văn Đế là Hoằng thì dời kinh đô về Lạc dương, đổi họ xưng là nhà Ngươn mới bắt đầu mặc lễ phục, đội mão. Đến năm Hi Bình thứ nhất đời Hiếu Minh Đế, thì Linh Thái hậu là Hồ Thị xây chùa Vĩnh ninh, dựng tháp chín tầng bằng gỗ, cao đến chín mươi trượng. Bên trên có Bảo sát cũng cao mười trượng,

cách mặt đất cả ngàn thước, đứng cách kinh thành cả trăm dặm vẫn có thể nhìn thấy tháp. Lúc đầu muốn xây nền đào sâu đến Huỳnh tuyền dưới đó tìm thấy được ba mươi hai tượng bằng vàng, nên thái hậu tin đó là điềm lành cho Phật pháp. Do đó càng xây dựng trang trí rất công phu đẹp đẽ. Trên nóc chùa có một bình báu bằng vàng ròng rất to đựng được hai mươi lăm thạch, dưới bình có mâm vàng để hứng sương. Có mười một vòng luân quách bao quanh đều có treo chuông vàng. Lại có bốn con đường hai bên có dây xích sắt dẫn đến chùa và các góc tháp. Ở bốn góc tháp trên những dây xích sắt có treo đầy chuông vàng to khoảng bằng một cái bình có sức chứa một thạch (72kg). Tháp Phật có chín tầng, mỗi góc tháp đều có treo các chuông bằng vàng hoặc đồng, số chuông cả trên dưới đến một trăm ba mươi cái. Mỗi mặt Tháp đều có ba cửa lớn và sáu cửa sổ. Trên cửa có treo thêm các quạt đỏ, trên mỗi quạt đều có chuông vàng ngũ hành. Với mười hai cửa lớn có hai mươi bốn quạt và gồm có năm ngàn bốn trăm quả chuông. Dưới chuông lại có các vòng vàng chạm khắc có đầu bằng phẳng. Tất cả các thứ kể cả gỗ đất đều làm ra cực kỳ đẹp đẽ khéo léo, con cháu kẻ bình dân thì đến làm việc không kể ngày giờ. Phật sự tinh diệu khó thể nghĩ bàn, cột kèo chạm trổ và giác vàng lấp lánh khiến mọi người lóa mắt. Đêm đến trăng thu vằng vặc suốt đêm gió lộng tiếng chuông báu hòa nhau réo rắc giữa khoảng không mênh mông rực sáng ánh trăng rằm tháng tám, tiếng leng keng vang xa hơn mười dặm. Ở phía Bắc tháp có một ngôi Phật điện, có hình Thái cực, ở chính giữa có một tượng Phật cao tám trượng. Ngoài ra có mười tượng toàn thân đều bằng vàng, ba tượng bền bằng trân châu, năm tượng dệt bằng sợi vàng, hai tượng bằng ngọc quý. Các tượng ấy cực kỳ khéo léo, tuyệt mỹ nhất thời ấy. Về số lầu các và tăng phòng hơn một ngàn gian. Còn cột kèo chạm trổ tường hoa vách phấn, các giải lụa xanh phất phới khó thể kể xiết. Các loại cây như quát, bách, thung, tùng mọc riêng lẽ hoặc thành hàng, rợp bóng. Đó đây bụi trúc, cỏ hoa thơm ngát đầy khắp sân thềm. Do đó Thường Cảnh đã dựng bia chùa có câu rằng: "Bảo điện đồ sộ như Tu-di, Tịnh cung đẹp như cung Đâu-suất, cũng không được ưa chuộng bằng ở nơi này". Các thứ kinh tượng Linh dị ngoại quốc biếu tặng đều để tại chùa này. Các tường rào thì trên đầu tường đều gác rui mè và lợp ngói kiểu cách hình dạng giống như tường rào ở cung vua. Bốn mặt chùa, mỗi mặt đều có một cửa lớn. Riêng mặt chánh Nam thì có ba lớp lầu các thông với ba cầu ván cách mặt đất đến hai mươi trượng (0,3m x 20 = 6m), kiểu cách giống như Kim Đoan Môn trang trí bằng những bức tranh Vân Khí và

các bức lụa thêu Thần tiên. Những sợi xích kết bằng những đồng tiền xanh chói ngời đẹp đẽ. Cửa riêng thì hai bên có bốn hình lực sĩ và bốn tượng sư tử. Các thứ trang sức đều dùng toàn vàng bạc gắn thêm các châu ngọc, trang nghiêm rực rỡ trên đời chưa từng nghe thấy. Cả hai cửa Đông và Tây dều cũng giống như thế. Chỉ có khác là lầu các chỉ có hai lớp. Còn cửa phía Bắc thì trên một con đường không có nhà, kiểu giống như Ô đầu môn. Ở ngoài bốn cửa lớn đều có cây hòe xanh chiếu hình xuống làn nước xanh biếc, che mát cho nhiều người trong kinh ấp qua lại ở phía dưới. Các xe cộ đều bỏ mui, không phải là do mây che rợp mà vì gió lộng mát rượi. Nào phải cả hai thứ ấy khiến ta vui thích mà do việc cúng dường đầy đủ như ở Kỳ viên tinh xá, cung cấp tứ sự đầy đủ cho cả bảy trăm vị Phạm tăng. Ngài Bồ-đề-lưu-chi đứng đầu Ban dịch thuật. Vua lại cho ra lệnh cho Lý Khuếch tuyển chọn kinh lục ghi rằng: Đến năm Vĩnh Hi thì vua dời đô ngày Quan Trung. Nhân đó mà có Tây Ngụy, Đông Ngụy, Nam Ngụy, Bắc Ngụy bốn nhà, gồm cả thảy có mười sáu đời vua, trải suốt một trăm sáu mươi mốt năm trị vì, lại chia làm nhiều chi phái sát nhập ngày các nhà Chu, Tề, Cao Dương, Võ Xuyên, Trấn, Lỗ. Được nhà Đông Ngụy nhường ngôi và tự xưng là nhà Tề nhưng vẫn đóng đô ở Nghiệp Quận. Bốn vua thay hết ba vua, chín châu chiếm hết năm châu (năm phần chín nước Tàu). Trong đó có Cao Dương là thông minh sáng láng nhưng trông giống như người khùng. Bắt Đạo sĩ phải cạo đầu kẻ nào không nghe thì giết chết. Bấy giờ số Sa-môn hơn hai trăm vạn vị, số chùa tháp hơn ba mươi ngàn ngôi nối nhau sáu đời vua trị được hai mươi tám năm. Sau bị nhà Chu tiêu diệt. Bấy giờ các linh tích của Tam bảo một thời bị mất bóng.

Nước Trần làm bá chủ trước nhất, Ngô Hưng là người Trường Thành, nhân dựa ngày Hầu Cảnh mà chiếm Kim Lăng. Nước Lương, thì Sương Đông Vương là Bình Cảnh, đóng đô ở Sở, Sở lại bị Ngụy thôn tính. Trước năm Kiến Khang thì lấy họ làm Quốc hiệu nước này có bốn đời vua, trị vì suốt ba mươi ba năm thì tuyệt tự. Năm Kỷ Dậu, ngày niên hiệu Khai Hoàng thứ chín thì sáu nước hợp thành hai nước, rồi thống nhất thành một nước. Vua Khất Phục dựng nghiệp nhầm năm Thái Ngươn thứ mười hai, vua hiếu võ đế nhà tấn trãi bao vật đổi sao dời đến nay là niên hiệu Khai Hoàng, trải qua hai trăm lẻ ba năm, số người dịch Kinh cả Hoa lẫn Phạm (Nhung), tại gia hoặc xuất gia thì gồm có hai mươi bảy vị, còn các thứ được dịch ra như Kinh, Luận, Giới, Tỳ-đàm Truyện, Ký, Tập Lục cùng các bản mất tên người dịch gồm có hai trăm lẻ ba bộ với tám trăm năm mươi lăm quyển. Tổng kết gồm hai

mươi bảy đời vua năm nhà, bảy kinh đô. Như Thế Lục đã ghi chép.

A. Các dịch giả:

**** Về nhà Khất Phục Tây Tần:***

- Sa-môn Thích Thánh Kiên dịch mười bốn bộ, hai mươi mốt quyển.
- Các kinh mất tên người dịch có tám bộ mười, một quyển

**** Về nhà Thư Cừ Bắc Lương:***

- Sa-môn Thích Đạo Cung dịch hai bộ, mười hai quyển kinh.
- Sa-môn Thích Pháp Chúng dịch một bộ, bốn quyển kinh.
- Sa-môn Đàm-ma-sấm dịch hai mươi bốn bộ, một trăm mười một quyển kinh.
- Sa-môn Tăng-già-đà dịch một bộ, hai quyển kinh.
- An Dương Hầu Thư Cừ Kinh Thanh dịch một bộ, hai quyển kinh.
- Sa-môn Phù-đà-bạt-ma, dịch một bộ, sáu mươi quyển Tỳ-bà-sa.
- Sa-môn Thích Trí Mãnh, dịch một bộ, hai mươi quyển kinh.
- Sa-môn Thích Đàm Giác, dịch một bộ, mười lăm quyển kinh.
- Các kinh mất tên người dịch gồm năm bộ, mười bảy quyển kinh Phật Danh.

**** Về nhà Nguyên Ngụy Bắc Đài:***

- Sa-môn Thích Đàm Diệu dịch hai bộ, năm quyển kinh truyện.
- Sa-môn Thích Đàm Tĩnh, dịch một bộ, hai quyển kinh.
- Sa-môn cát ca-dạ, dịch năm bộ, hai mươi lăm quyển kinh luận.
- Sa-môn Thích Đàm Biện, dịch một bộ, một quyển kinh.

**** Về nhà Nguyên Ngụy Nam Kinh:***

- Sa-môn Đàm-ma-lưu-chi, dịch ba bộ, tám quyển kinh.
- Sa-môn Thích Pháp Trường, dịch một bộ, một quyển kinh.
- Sa-môn Bồ-đề-lưu-chi, dịch ba mươi chín bộ, một trăm hai mươi bảy quyển kinh, luận, lục.
- Sa-môn Lặc-na-bà-đề, dịch sáu bộ, hai mươi bốn quyển kinh, luận phương.
- Sa-môn Phật-đà-phiến-đa, dịch mười bộ, mười một quyển kinh, luận.

**** Về nhà Nguyên Ngụy Nghiệp Đô:***

- Bà-la-môn Cù-đàm Bát-nhã Lưu-chi, dịch mười bốn bộ, tám mươi lăm quyển kinh luận.

- Việt Quốc Vương Tử Nguyệt-bà-thủ-na, dịch ba bộ, bảy quyển kinh.
- Kỳ Thành Quận Thú Dương Huyễn Chi, dịch một bộ, năm quyển Tự ký.
- Thanh Tín Sĩ Lý Khuếch, dịch một bộ, một quyển kinh lục.

**** Về nhà Cao Tề:***

- Sa-môn Na-liên-đề Da-xá, dịch bảy bộ, năm mươi hai quyển kinh luận.
- Ưu-bà-tắc Vạn Thiên Ý dịch một bộ, một quyển kinh.

**** Về nhà Trần Thị:***

- Sa-môn câu-na-la-đà, dịch bốn mươi tám bộ, hai trăm ba mươi hai quyển Kinh, Luận, Sớ, Truyện, Ký.
- Vương Tử Nguyệt-bà-thủ-na, dịch một bộ, bảy quyển kinh.
- Sa môn tu bồ đề dịch một bộ tám quyển kinh.

B Các dịch phẩm:

**** Về nhà Khất Phục Tây Tần:***

- Phương Đẳng Vương Hư Không Tạng Kinh tám quyển (cũng gọi là Hư Không Tạng Sở Vấn Kinh, năm hoặc sáu quyển. Dịch lần thứ hai, so với bộ La-ma-già Kinh do ngài Pháp Hiền đã dịch thì bản đồng mà văn khác. Thấy trong Tấn Thế Tạp Lục. Rút từ Đại Tập Kinh).
- Diễn Đạo Tục Nghiệp Kinh, một quyển (dịch lần thứ hai, bản dịch của ngài Chi Khiêm thì có khác chút ít).
- Bột Kinh, một quyển.
- Phụ Nhân Ngộ Cô Kinh, một quyển (thấy ở Thủy Hưng Lục).
- Thái Tử Tu-đại-noa Kinh một quyển(ở Tân tại Giang lăng, ngài Dữu Sang bút thọ. Thấy trong Thủy Hưng Lục và Bảo Xướng Lục. Nên sắp ngày Tấn Thế Tùy Nhân Phụ Tần).
- Thiểm Tử Kinh, một quyển (một tên là Hiếu Tử Thiểm Kinh, một tên là Bồ-tát Thiểm Kinh, một tên là Phật Thuyết Thiểm Kinh, một tên là Thiểm Bổn Kinh, một tên là Hiếu Tử Ẩn Kinh. Gồm cả sáu tên. Dịch lần thứ hai. So với bản dịch của ngài La-thập có khác chút ít. Thấy trong Thủy Hưng Lục).
- Vô Nhai Tế Trì Pháp Môn Kinh, một quyển (một tên là Vô Tế Kinh, một tên là Thượng Kim Quang Thủ Nữ Sở Vấn Kinh, thấy trong Thủy Hưng Lục).
- Trừ Khủng Tai Hoạn Kinh, một quyển (dịch lần thứ hai, so với bản dịch của ngài Bạch Diên ở đời Ngụy có khác chút ít. Thấy trong

Thủy Hưng Lục và Bảo Xướng Lục).

- A-nan Vấn Sự Phật Kiết Hung Kinh, một quyển (một tên là quyển A-nan Phật Biệt Kinh, một tên là Phân Biệt Kinh. So với bản Đệ Tử Mạn Đa Vi Kỳ Vực Thuật Kinh thì bản đồng mà khác người dịch. Thấy ở Thủy Hưng Lục. Cả chín quyển kinh trên đều do Pháp Thượng Lục ghi lại. Cũng gọi là rút từ Biệt Lục, chưa rõ lắm).

- Bồ-tát Sở Sinh Địa Kinh, một quyển (một tên là Ma-kiệt Sở Vấn Kinh. Thấy trong Triệu Lục nhưng không rõ là Tiền Triệu hay Hậu Triệu. Trục Nhân Phụ Tây Tần thì thấy ở Thủy Hưng Lục).

- Hiền Thủ Kinh, một quyển (một tên là Hiền thủ Phu Nhân Kinh, thấy trong Thủy Hưng Lục).

- Đồng Ca-diếp Giải Nạn Kinh, một quyển (dịch lần thứ hai, so với bản Ca-diếp Kinh của ngài La-thập dịch thì đồng bản mà khác người dịch. Ngài Dữu Sảng bút thọ. Thấy trong cả bốn bộ Thủy Hưng, Vương Tông, Bảo Xướng và Chi Mẫn đều đồng ghi chép).

- Quán Phật Kinh, một quyển (So với bản dịch khác là Ma-ha Sát Đầu Kinh thì giống nhiều khác ít. Thấy trong Thủy Hưng Lục).

- Thất Nữ Bản kinh, một quyển (dịch lần thứ hai. So với bản dịch của ngài Chi Khiêm thì giống nhiều khác ít. Cũng gọi là Thất Nữ Bản Tâm Minh Kinh, cũng gọi là Thất Nữ Kinh. Thấy trong Chi Mẫn Độ Đô Lục).

Cả mười bốn bộ gồm hai mươi mốt quyển trên, ở đời Tấn Hiếu Võ Đế, do Sa-môn Thánh Kiên ở nước Hà Nam dịch ra theo yêu cầu của Khất Phục Càn Quy. Hoặc gọi là Ông Kiên hoặc gọi là Pháp Kiên, chưa rõ là ai. Thế nên cần nêu đủ. Dựa ngày việc tra xét các Lục thì thấy một kinh được dịch ở Giang Lăng, một kinh thấy ghi trong Triệu Lục, mười kinh thấy trong Thủy Hưng Lục. Thủy Hưng Lục tức là Nam Lục. Hoặc trong các Lục như Trúc Đạo Tổ Tấn Thế Tạp Lục, Chi Mẫn Độ Đô Lục, hoặc Vương Tông hay Bảo Xướng. So sánh lại trong các Lục về tên người dịch cũng như tìm đến chỗ kinh được dịch ra thì không biết đâu mà tìm, không biết nó thuộc thời đại nào. Nên căn cứ ngày Thế Lục là đúng. Nay dựa ngày Pháp Thượng Lục mà sáp nhập chung ngày Khất Phục Tần Thế Lục.

- Tát-hòa-tát Vương Kinh, một quyển.
- Hồ Bản Kinh, bốn quyển (hình như dịch ở Trường An).
- A-đa Tam-muội Kinh, một quyển (hoặc viết là A-đà).
- Đà Hiền Vương Kinh, một quyển.
- Bạt Đà Hối Quá Kinh, một quyển.

- Sa-di-la Kinh, một quyển.
- Phương Đẳng Quyết Kinh, một quyển.
- Tỳ-kheo Nhị Sự Kinh, một quyển.

Cả tám bộ gồm mười một quyển đều do Sa-môn Tăng Hựu đã rút từ Tam tạng Tập Lục của ngài Thích Đạo An đã ghi lại các kinh khác ở Quang Trung. Nay đem phụ nhập ngày Nhị Tần Thế Lục, sắp chung ngày chỗ của thời đại mất tên người dịch).

**** Về nhà Thư Cừ Bắc Lương, gồm có:***

- Bi Hoa Kinh, mười quyển (thấy trong Cổ Lục, hình như bản này đã được dịch trước, ngài Đạo Cung sửa lại).
- Bảo Lương Kinh, hai quyển (thấy ở Trúc Đạo Tổ Hà Tây Lục).

Cả hai bộ gồm mười hai quyển kinh trên, ở đời Tấn An Đế, do Sa-môn Thích Đạo Cung, ở Trương Dịch, dịch ra theo yêu cầu của Hà Tây Vương họ Thư Cừ.

- Phương Đẳng Đàn Tri Đà-la-ni Kinh, bốn quyển (cũng gọi tắt là Phương Đẳng Đà-la-ni Kinh). Một bộ bốn quyển kinh trên, ngày đời Tấn An Đế, do Sa-môn Thích Pháp Chúng là người Quận Cao Xương, ở Trương Dịch, dịch theo yêu cầu của Hà Tây Vương họ Thư Cừ. Thấy trong Trúc Đạo Tổ Tấn Thế Tạp Lục.

****

- Huệ Thượng Bồ-tát Vấn Đại Thiện Quyền Kinh, hai quyển (dịch lần thứ hai, so với bộ Thiện Quyền Phương Tiện Kinh do ngài Pháp Hộ dịch thì giống nhau. Thấy trong Thủy Hưng Lục. Một tên là Đại Thiện Quyền Kinh, một tên là Đại Thừa Phương Tiện Kinh, một tên là Huệ Thượng Bồ-tát kinh, gồm cả năm tên, các bản đều giống nhau.

Một bộ hai quyển kinh trên, ngày đời Tấn An Đế do Sa-môn Tăng Già-đà (Lương dịch là Nhiêu Thiện) người Tây Vức, ở Trương Dịch, dịch theo yêu cầu của Hà Tây Vương họ Thư Cừ. Thấy trong Pháp Thượng lục).

- Đại Niết-bàn Kinh, bốn mươi quyển (Năm Huyền Thủy thứ ba được dịch ra ở nước Cô Tang, đến mười năm mới mới ngày. Kinh này gồm có ba vạn năm ngàn bài kệ. Ở Lương giảm bớt một trăm vạn chữ. Nay chỉ dịch có hơn một vạn Kệ, tức chỉ bằng một phần ba mà thôi. Thấy trong Trúc Đạo Tổ Lương Lục).
- Đại Phương Đẳng Đại Tập Kinh, ba mươi mốt quyển (dịch lần ba, so với bản dịch hai mươi bảy quyển của ngài Chi-sấm đời Hán, và bản dịch ba mươi quyển của ngài La-thập đời Tần thì nhiều và lược có

khác nhau chút ít. Hoặc hai mươi chín quyển hoặc ba mươi ba quyển không nhât định. Do dịch lần đầu chưa được khám định rõ. Tức do việc sao chép gây nên các bản không giống nhau. Nay nghiệm lại mà dịch ra. Thấy trong Trúc Đạo Tổ Lục).

- Bi Hoa Kinh, mười quyển (dịch lần thứ hai. Thấy trong Trúc Đạo Tổ Hà Tây Lục. Lại ở Cổ Lục có ghi. Bộ này ngài Đạo Cung đã dịch trước đây, tuy là chỗ và năm dịch không đồng nhau nhưng đều dịch ngày đời nhà Lương có nghi rằng bản dịch trước không được trau chuốt cho nên so với bản dịch lại thì lời văn có chỗ giống và khác nhau.

- Bồ-tát Địa Trì Kinh, mười quyển (hoặc gọi là luận có tám quyển. Thấy trong Trúc Đạo Tổ Hà Tây Lục).

- Ưu-bà-tắc Giới Kinh, mười quyển (ở nội thành Kinh Châu dịch ngày hai mươi ba tháng tư năm Thừa Huyền thứ nhất, có hơn năm trăm người xuất gia, tại gia cùng nghe giảng. Ngài Sa-môn Đạo Dương bút thọ sáu hay bảy quyển, nhiều ít không nhất định).

- Phương Đẳng Đại Vân Kinh, sáu quyển (một tên là Phương Đẳng Vô Tướng Đại Vân Kinh, một tên là Đại Vân Vô Tướng Kinh, tên là Đại Vân Mật Tạng Kinh đều dịch ở Nội Uyển Tự, tại Kinh Châu thấy trong Tăng Duệ, Nhị Tần và Lý Khuếch Lục trong Ngô Lục cũng có ghi).

- Hư Không Tạng Kinh, năm quyển (dịch lần thứ hai, so với Bộ Phương Đẳng Vương Hư Không Tạng Kinh của ngài Thánh Kiên dịch ở đời Tây Tần thì đồng bản mà khác người dịch, rút từ Đại Tập Kinh).

- Hải Long Vương Kinh, bốn quyển (dịch năm Huyền Thủy thứ bảy, là bản dịch lần thứ hai, so với bản dịch của ngài Pháp Hộ thì đồng bản mà khác người dịch. Thấy trong Trúc Đạo Tổ Hà Tây Lục).

- Bồ-tát Giới Kinh, tám quyển.

- Phật Bản Hạnh Kinh, năm quyển (dịch lần thứ hai).

- Lăng-già Kinh, bốn quyển.

- Kim Quang Minh Kinh, bốn quyển (dịch lần đầu, có mười tám Phẩm. Thấy trong Trúc Đạo Tổ Hà Tây Lục).

- Vô Vi Đạo Kinh, hai quyển (Thế Chú còn ghi).

- Tín Thiện Kinh, hai quyển (hoặc gọi là Thiện Tín Nữ Kinh, Tăng Hựu bảo là còn nghi).

- Thắng Man Kinh, một quyển (cũng gọi là Thắng Man Sư Tử Hống Đại Thừa Đại Phương Tiện Kinh).

- La-ma-già Kinh, một quyển (dịch lần thứ hai, so với bản dịch của ngài An Pháp Hiền ở đời Ngụy có ba quyển thì nhiều và lược khác

nhau).

- Tu Chân Thiên Tử Kinh, một quyển (thấy trong Ngô Lục bảo là La-thập dịch, hình như dịch lại).

- Cư Sĩ Thỉnh Tăng Phước Điền Kinh, một quyển (thấy trong Biệt Lục. Ngài Tăng Hựu bảo là còn nghi).

- Văn Đà Kiệt Vương Kinh, một quyển.

- Công Đức Bảo Quang Bồ-tát Kinh, một quyển.

- Phúc Trung Nữ Thính Kinh, một quyển (một tên là Bất Trang Hiệu Nữ Kinh).

- Quyết Định Tội Phước Kinh, một quyển (Thế chú còn nghi).

- Bồ-tát Giới Bổn, một quyển (dịch lần thứ hai).

- Bồ-tát Giới Đàn Văn, một quyển (cũng gọi là Ưu-bà-tắc Giới Đàn Văn. Thấy trong Bảo Xướng Lục).

Cả hai mươi bốn bộ kinh gồm một trăm năm mươi mốt quyển kinh trên, ngày đời Tấn An Đế, do ngài Tam tạng Pháp sư Đàm-ma-sấm, hoặc gọi là Vô Sấm (Lương dịch là Pháp Phong) người nước Trung Thiên Trúc, mang theo phần trước mười quyển của kinh Đại Niết-bàn và Bồ-tát Giới... đến nước Cô Tang thì nghỉ lại ở Truyền Xá. Vì sợ mất nên để Kinh gối đầu mà ngủ. Đến nửa đêm thì có người kéo Sấm té xuống đất, tỉnh dậy sợ quá cho là kẻ trộm. Suốt ba đêm vẫn như thế. Lại nghe trên không trung có tiếng bảo rằng: “Đó là kho tàng giải thoát của Như Lai, tại sao lại để gối đầu?”. Sấm dần dần hiểu ra bèn đem kinh để riêng ở chỗ cao. Quả nhiên đêm đến có kẻ trộm lẻn ngày vác kinh lên mấy lần nhưng không nổi. Sáng ra thấy ngài Ma Sấm cầm kinh rất nhẹ nhàng, kẻ trộm cho là bậc Thánh nhân liền đến lạy tạ. Lúc bấy giờ Thư Cừ Mông Tốn đang chiếm cứ đất Lương tự xưng là Hà Tây Vương, nghe danh đức của Sấm bèn mời diện kiến. Chỉ một lần gặp mặt nói năng thì đãi ngộ rất trọng hậu. Bèn mời ngài tuyên dịch kinh luận. Sa-môn huệ Trung là Bậc anh tài ở đất Lương đích thân bút thọ. Ở Tày Châu người xuất gia tại gia gần cả mấy trăm người thấy rõ tài năng thông suốt của ngài nên ngược xuôi vấn nạn, ngài Ma Sấm giải thích và biện luận các chỗ vướng mắc lời lẽ thanh nhã, biện luận lưu loát. Ngài trích dịch trong kho tàng kinh giới hơn sáu mươi vạn lời, dịch một phần ba kinh Niết-bàn, trước sau đầu đuôi đều tới lui truy tìm trải cả ba phen trong suốt tám năm mới dịch ngày. Tuy đến bốn mươi quyển nhưng còn thiếu sót rất nhiều. Nên phải nhờ Hoằng Pháp Vương là Hàm linh bổ túc cho đầy đủ, vì một khi thấy được Viên giáo thì việc truyền bá sẽ trở nên thịnh vượng. Ở nước Lương khi dịch các kinh này ngày thì ngang với năm

Vĩnh Sơ thứ hai của Tống Võ Đế.

- Thiền Pháp Yếu Giải, hai quyển.

- Hai quyển trên ngày đời Tấn An Đế, Mông Tốn có người em họ là An Dương Hầu Kinh Thinh là người hiểu rộng đã đọc qua các kinh sử. Nhân khi nghe ngài Ma Sấm hoằng truyền kinh pháp mới ham thích nội điển, phụng trì năm giới cấm, giữ gìn sáu căn, xem qua các Kinh của Ma Sấm dịch ra thì có thể đọc thuộc làu. Ông đến phía Tây nước Vu Điền, sang nước Thiên Trúc gặp ngài Tam tạng Pháp sư Phật-đà-tư-na (Lương dịch là Phật Tướng) hỏi han về Đạo Nghĩa. Tư-na là bậc thiên tài đọc thuộc nửa ức bài kệ, thông suốt về thiền pháp. Cho nên các nước ở phương Tây (Ấn Độ) đều gọi ngài là Sư Tử của loài người. Ngài An Dương theo học với ngài Tư-na về Thiền kinh và các thuật bí yếu để trị bệnh, miệng đọc thuộc làu bản tiếng Phạm rất thông suốt, lanh lợi. Ngày ngài trở về Trung Quốc, châu nước Lương để phiên dịch và hoằng hóa, nhân đó kinh được lưu hành.

****

- A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa Luận, sáu mươi quyển.

Một bộ sáu mươi quyển trên, là sau khi Phật diệt độ hơn sáu năm thì La-hán Ca-chiên-diên và năm trăm đệ tử cùng soạn ra. Thấy trong Bảo Xướng Lục. Ngày đời Tống Văn Đế, do ngài Sa-môn Phù-đà-bạt-ma hoặc gọi là Phật-đà (Lương dịch là Giác Khải) người Tây Vức, châu chùa Nhàn Dự Cung, trong nội thành Lương Châu, ngày năm Vĩnh Hòa thứ năm dịch ra theo yêu cầu của con Mông Tốn là Kiền. Sa-môn Đạo Thái bút thọ, ngài huệ Tung, ngài Đạo Lãng và hơn ba trăm vị Tăng danh đức cùng nhau khảo chính lại văn nghĩa khắp hết một lượt mới ngày. Gồm có một trăm cuốn, Sa-môn Đạo Dĩnh viết lời tựa. Khi Lương bị Ngụy diệt thì các kinh pháp bị đốt mất hết bốn mươi quyển, đến nay đáng lẻ có sáu mươi quyển, mà Vương Tống Lục lại ghi là một trăm quyển. Đây là căn cứ ngày bản xưa. Nay thấy lưu hành có một trăm lẻ chín quyển, đúng là ở cận đại người đời sau đã chia ra.

- Bát-nê-hoàn Kinh, hai mươi quyển.

Một bộ gồm hai mươi quyển trên ngày đời Tống Văn Đế, Sa-môn Thích Trí Mãnh người ở Ung Châu đi du lịch sang Tây Vức tìm học các Kinh mới lạ khác. Từ nước Thiên Trúc mang về các bản tiếng Phạm, ngài Đạo Kinh Ngọc Môn ở Kinh Châu dịch ra. Đến năm Ngươn Gia thứ mười bốn thì lưu hành đến Dương Đô. So với bản dịch của ngài Pháp Hiển giống nhau. Thấy ở Tống Tề Lục.

- Hiền Ngu Kinh, mười lăm quyển.

Một bộ gồm mười lăm quyển trên, ở đời Tống Văn Đế Sa-môn Thích Đàm Giác, một tên gọi là Huệ Giác người ở Lương Châu. Cùng ngài Oai Đức đến nước Vu Điền được bản tiếng Phạm của kinh này mang về. Và được phiên dịch vào năm Ngươn Gia thứ hai mươi hai ở Thiền an nước Cao Xương ra. Thấy trong Tống Tề Lục.

- Đại Nhẫn Nhục Kinh, mười quyển.

- Bất Thoái Chuyển Kinh, bốn quyển (một tên là Bất Thoái Chuyển Pháp Luân Kinh).

- Kim Cang Tam-muội Kinh, một quyển.

- Kim Luân Vương Kinh, một quyển.

- Hiền Kiếp Ngũ Bách Phật Danh, một quyển.

Cả năm bộ gồm mười bảy quyển kinh trên do Sa-môn Tăng Hựu mới thâu nhặt được, khác với kinh của ngài Thích Đạo An ở đất Lương. Nay phụ nhập ngày số kinh không tên người dịch ở Lương Thế Mục Lục.

****

- Nhập Đại Thừa Luận, hai quyển (Ngài Kiên Ý Bồ-tát soạn).

- Tịnh Độ Tam-muội Kinh, một quyển (dịch lần thứ hai. So với bản dịch hai quyển của ngài Bảo Vân thì đồng nhau, nhưng nhiều lược có khác. Thấy trong Đạo Tổ Lục).

- Phó Pháp Tàng Truyện, bốn quyển (thấy ở Bồ-đề-lưu-chi Lục).

Cả ba bộ gồm bảy quyển trên nguyên là ngày đời Tống Văn Đế, năm Bính Tuất niên hiệu Ngươn Gia thứ hai mươi ba, tức là năm Thái Bình Chân Quân thứ bảy của Bắc Ngụy. Thái Võ Hoàng Đế tin dùng Thôi Hạo sai trái nịnh nọt, kính trọng kẻ cướp, tự khoe là Thiên sư, khiến tàn hại Tăng sư, phá hủy chùa Tháp. Đến năm Canh Dần, Thái Võ bị bệnh nặng, nhân đó tỉnh ngộ, lại có ngài Bạch Túc Thiền sư thường đến thuyết giảng bèn sinh tâm hối cải. Liền giết Thôi Hạo. Đến năm Nhâm Thìn thì Thái Võ Đế băng hà, con là Văn Thành lên ngôi, liền xây dựng lại các chùa tháp đã bị pháp hủy, chấn hưng Tam Bảo suốt bảy năm. Đến năm Hòa Bình thứ ba, cho mời ngài Huyền Thống Sa-môn Thích Đàm Diệu, than thở trước Lăng việc phế bỏ Phật giáo trước đây, nay đã trùng hưng. Cho nên ở Thạch quật tại Bắc Đài, tập họp chúng tăng dịch ra bộ truyện kinh này để truyền bá cho hàng Hậu Hiền, khiến bao nhiêu Pháp tạng còn mãi không dứt.

- Đề-vị-ba-lợi Kinh, hai quyển (thấy ở Tam Tạng Ký).

Một bộ gồm hai quyển trên ngày đời Tống Hiếu Võ Đế, do Sa-môn Thích Đàm Tĩnh người Ngươn Ngụy, châu Bắc Đài soạn ra. Thấy

trong văn ấy nói rằng: Núi Thái Sơn ở Phương Đông, Hán gọi là Đại Nhạc, âm dương giao tiếp thay nhau nên gọi là Đại Nhạc. Kinh này được dịch ra ở đời Ngụy thì phải nói là Ngụy gọi, nay bảo Hán gọi thì là không phân biệt rõ thời đại, là một điều sai. Thái Sơn tức là tiếng gọi của phương này (Trung Quốc), nay dịch là Đại Nhạc, cả hai thứ tiếng dịch cho nhau, không biết rõ tiếng Phạm hay Ngụy là hai điều sai. Ngoài ra còn nhiều thứ khác đáng nói không thể kể xiết đầy cả ở hai quyển. Về phần kinh văn của Cựu Lục có ghi riêng: Đề Vị Kinh, một quyển, cùng với các Kinh khác thì chữ giống nhau. Nhưng ngài Đạo Tĩnh (?) thêm phần Ngũ Phương - Ngũ Hành. Thật là vàng đá lẫn lộn nên nghi ngờ. Nay chỉ lấy một quyển viết thành mà làm chuẩn.

- Tạp Bảo Tạng Kinh, mười ba quyển.
- Phó Pháp Tạng Nhân Duyên Truyện, sáu quyển (hoặc bốn quyển. Nhân Duyên rộng khác ngài Đàm Diệu tự dịch).
- Xưng Dương Chư Phật Công Đức Kinh, ba quyển (dịch lần thứ ba, một tên là Tập Hoa Kinh, một tên là Hiện Tại Phật Danh Kinh, một tên là Chư Phật Hoa Kinh, gồm có bốn tên. So với bản dịch của ngài La-thập đời Tần và ngài Bạt-đà-la đời Tống thì bản đồng mà khác người dịch).
- Đại Phương Đẳng Bồ-tát Thập Địa Kinh, một quyển (dịch lần thứ hai. So với bộ Bồ-tát Thập Địa của ngài Pháp Hộ dịch đời Tấn thì giống nhiều khác ít. Thấy ở Thủy Hưng Lục).
- Phương Tiện Tâm Luận, hai quyển (hoặc một quyển, có bốn phẩm).

Cả năm bộ gồm hai mươi lăm quyển trên, ngày đời Tống Minh Đế do Sa-môn Cát-ca-dạ (Ngụy dịch là Hà Sự) người Tây Vức. Dịch lại vào Ngày năm Diên Hưng thứ hai, ở Bấc Đài theo yêu cầu của Sa-môn Thống Thích Đàm Diệu. Ngài Lưu Hiếu Tiêu làm bút thọ. Thấy ở Đạo huệ Tống Tề Lục).

- Bảo Xa Bồ-tát Kinh, một quyển (một tên là Diệu Hảo Bảo Xa Kinh).

Một bộ một quyển kinh trên, ngày đời Tề Võ Đế, do Sa-môn Thích Đàm Biện người ở Hoài Xuyên thuộc nhà Nguyên Ngụy dịch. Về sau, Sa-môn Đạo Thị người ở Thanh Châu sửa lại vì tìm hỏi không có bản chữ Phạm, nhiều đời chú là còn nghi. Thấy trong Tam Tạng tập Ký và các Lục khác.

**** Về nhà Nguyên Ngụy Nam Kinh gồm có:***

- Tín Lực Nhập Ấn Pháp Môn Kinh, năm quyển (dịch năm Chánh

Thủy thứ nhất).

- Như Lai Nhập Nhất Thiết Phật Cảnh Giới Kinh, hai quyển dịch ở Bạch mã năm Cảnh Minh thứ hai, một tên là Như Lai Trang Nghiêm Trí huệ Quang Minh Nhập Nhất Thiết Chư Phật Cảnh Giới Kinh).

- Kim Sắc Vương Kinh, một quyển (dịch năm Chánh Thủy thứ tư, Pháp Thượng Lục nói ngài Bồ-đề-lưu-chi sau này đã xem xét lại nhiều lần).

Cả ba bộ kinh gồm tám quyển trên, trong khoảng thời Tề Lương, do ngài Tam tạng Pháp sư Đàm-ma-lưu-chi (Ngụy dịch là Pháp Hy) người Nam Thiên Trúc, châu Lạc dương dịch theo yêu cầu của Tuyên Võ Đế, ngài Sa-môn Đạo Bửu bút thọ).

- Biện Ý Trưởng Giả Tử Sở Vấn Kinh, một quyển (một tên là Trương Giả Biện Ý Kinh).

Một bộ một quyển trên, ngày đời Lương Võ Đế, trong năm Thiên Giám, do Sa-môn Thích Pháp Trường, người thuộc nhà Nguyên Ngụy, châu Lạc dương dịch ra. Thấy trong Sa-môn Pháp Thượng Lục.

- Phật Danh Kinh, mười hai quyển (dịch năm Chánh Quang).

- Nhập Lăng-già Kinh, mười quyển (dịch năm Diên Xương thứ hai, dịch lần thứ hai. Khác xa với bộ Lăng-già Quảng Thuyết bốn quyển của ngài Bạt-đà-la dịch ở đời Tống, ngài Sa-môn Tăng Lãng Đạo Trạm bút thọ).

- Đại Tát-già Ni-càn Tử Thọ Ký Kinh, mười quyển (dịch vào năm Chánh Quang thứ nhất, ở Lạc dương theo yêu cầu của Ty Châu Mục Nhữ Nam Vương, dịch lần thứ hai, hoặc bảy quyển).

- Pháp Tạp Kinh, tám quyển (dịch ở Lạc dương năm Diên Xương thứ tư, ngài Tăng Lãng bút thọ, hoặc sáu quyển. Thấy trong Pháp Thượng Lục).

- Thắng Tư Duy Phạm Thiên Sở Vấn Kinh, sáu quyển (là bản dịch thứ ba, dịch ở Lạc dương năm Thần Quy thứ nhất. So với bộ Trì Tâm Kinh sáu quyển của ngài Pháp Hộ dịch đời Tấn, và bộ Tư Ích Kinh bốn quyển của ngài La-thập dịch ở đời Tần thì đồng bản mà khác người dịch. Thấy ở Pháp Thượng Lục.

- Thâm Mật Giải Thoát Kinh, năm quyển (dịch ở Lạc dương năm Diên Xương thứ ba. Ngài Tăng Biện bút thọ. Thấy ở Pháp Thượng Lục).

- Phấn Tấn Vương Vấn Kinh, hai quyển (dịch lần thứ hai. So với bộ Tự Tại Vương Kinh của ngài La-thập dịch ở đời Tần thì bản đồng mà khác người dịch).

- Bất Tăng Bất Giảm Kinh, hai quyển (dịch ở Lạc dương dịch năm Chánh Quang, hoặc một quyển).

- Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật Kinh, một quyển (ở nhà của Hồ Tướng Quốc năm Vĩnh Bình thứ hai. Dịch lần thứ hai, ngài Tăng Lãng bút thọ. So với bản dịch của ngài La-thập ở đời Tần có khác chút ít. Thấy ở Pháp Thượng Lục).

- Sai-ma Ba Đế Thọ Ký Kinh, một quyển (dịch ở Lạc dương vào năm Chánh Quang).

- Phật Ngũ Kinh, một quyển (ngài Tăng Lãng bút thọ).

- Vô Tự Bảo Khiếp Kinh, một quyển (ngài Tăng Lãng bút thọ).

- Bất Tất Định Nhập Ấn Kinh, một quyển (ngài Giác Ý bút thọ)

- Đại Phương Đẳng Tu-đa-la Kinh, một quyển (dịch lần thứ hai, so với Chuyển Hữu Kinh thì đồng bản mà khác người dịch).

- Di-lặc Bồ-tát Sở Vấn Kinh, một quyển (so với bộ Đại Thừa Yếu huệ Kinh thì đồng bổn mà khác người dịch. dịch Ở nhà Ông Triệu Hân, ngài Giác huệ thọ bút).

- Đệ Nhất Nghĩa Pháp Thắng Kinh, một quyển.

- Già-da Đảnh Kinh, một quyển (dịch lần thứ hai. So với bộ Bồ-đề Kinh của ngài La-thập dịch đời Tần thì đồng bổn có khác về tên và người dịch. Ngài Tăng Lãng bút thọ).

- Văn-thù-sư-lợi Tuần Hành Kinh, một quyển (Giác Ý bút thọ).

- Nhất Thiết Pháp Cao Vương Kinh, một quyển (So với bộ Chư Pháp Dõng Vương Kinh thì đồng bản chỉ khác về tên và người dịch).

- Hộ Chư Đồng Tử Đà-la-ni Chú Kinh, một quyển.

- Bảo Tích Kinh Luận, bốn quyển.

- Báng Phật Kinh, một quyển (dịch lần thứ hai. So với bộ Quyết Định Tổng Trì Kinh của ngài Pháp Hộ đời Tấn thì đồng bản chỉ khác tên và người dịch. Cũng gọi tắt là Quyết Định Tổng Trì Kinh).

- Thập Địa Kinh Luận, mười hai quyển (Lý Khuếch Lục bảo rằng: lần đầu, chính Tuyên Võ Hoàng đế đích thân ngự ở đại điện ngày mùng một, tự tay bút thọ. Sau đó mới giao cho Sa-môn Tăng Biện hoàn thành).

- Thắng Tư Duy Kinh Luận, mười quyển (năm Phổ Thái thứ nhất, ở nhà của Ngươn Đào Dương, tại Lạc dương ra, hai ngài Tăng Lãng và Tăng Biện bút thọ).

- Di-lặc Bồ-tát Sở Vấn Kinh Luận, mười quyển (ở nhà của Triệu Hân tại Lạc dương, Tăng Lãng bút thọ).

- Thật Tánh Kinh Luận, bốn quyển.

- Kim Cang Bát-nhã Kinh Luận, ba quyển (Năm Vĩnh Bình thứ hai, châu nhà Hồ Tướng Quốc dịch, Tăng Lãng bút thọ).
- Già-da Đảnh Kinh Luận, hai quyển (năm Thiên Bình thứ hai, ở Ban chu tại Nghiệp Thành dịch ra, một bản tên là Văn-thù-sư-lợi Vấn Bồ-đề Tâm Kinh Luận. Hai vị Tăng Biện và Đạo Trạm bút thọ).
- Thuận Trung Luận, hai quyển (Thị Trung Thôi Quang bút thọ).
- Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luận, hai quyển (ngài Đàm Lâm bút thọ và viết tựa).
- Tam Cụ Túc Kinh Luận, một quyển (Dịch năm Chánh Thủy thứ năm, Thị Trung Thôi Quang bút thọ).
- Vô Lượng Thọ Ưu-ba-đề-xá Kinh Luận, một quyển (dịch năm Phổ Thái thứ nhất, ngài Tăng Biện bút thọ).
- Bảo Kế Bồ-tát Tứ Pháp Luận, một quyển.
- Chuyển Pháp Luân Kinh Luận, một quyển (Đàm Lâm bút thọ).
- Thập Nhị Nhân Duyên Luận, một quyển.
- Bách Tự Luận, một quyển.
- Phá Ngoại Đạo Tứ Tông Luận, một quyển.
- Phá Ngoại Đạo Niết-bàn Luận, một quyển.
- Dịch Chúng Kinh Luận Mục Lục, một quyển.

Cả ba mươi tám bộ gồm một trăm hai mươi bảy quyển trên, ở đời Vương Võ Đế do ngài Tam tạng Pháp sư Bồ-đề-lưu-chi (Ngụy gọi là Đạo Hy) người nước Bắc Thiên Trúc, sang ở nước Ngụy từ năm Vĩnh Bình thứ hai đến năm Thiên Bình, trong thời gian hơn hai mươi năm, châu Lạc dương và Nghiệp Thành dịch thuật. Lý Khuếch Lục gọi ngài là Tam tạng Pháp sư Phòng Nội Bà-la-môn Kinh Luận, tài năng hơn muôn người. Các Kinh luận, bản thảo phiên dịch và bút thọ chất đầy cả một gian nhà. Về huệ giải của ngài thì so nhất nhì với ngài Lặc-na, nhưng ngài rất thông minh sáng suốt, thông thọ tiếng địa phương, lại giỏi các tạp thuật. Có lần ngài ngồi trên miệng giếng tấm bằng cái bình không vì đệ tử chưa đến nên không ai lấy nước lên. Ngài bèn cầm một cành liễu đào bới trên miệng giếng, thầm đọc chú mới vài biến thì nước từ dưới dâng lên ngang miệng giếng, ngài bèn lấy bát múc lấy mà dùng. Chư Tăng đứng bên thấy thế đều khen là bậc Thánh nhân. Ngài bảo: Đây là pháp thuật ở ngoại quốc thường làm. Đất nước này chưa quen nên bảo là Thánh. Sợ việc đó làm mê hoặc lòng người, nên các thuật pháp như thế đều giấu kín không làm nữa.

- Tỳ-da-bà Vấn Kinh, hai quyển.
- Long Thọ Bồ-tát Hòa Hương Phương, một quyển (có năm mươi

pháp)

- Thập Địa Kinh Luận, mười hai quyển (Khi ngài mới dịch luận thì chưa giỏi tiếng nước Ngụy (Hán) nên gọi Khí Thế Gian là Trản Tử thế gian. Vê sau nhân ngày Điện thọ trai thì thấy các bậc Tôn Đức đều nhờ đệ tử mang xách đồ đạc khi và trao hết bát và đảy bát. Nhân đó mới biết "Khí" là tiếng chỉ chung, bèn đổi là Khí thế gian).

- Bảo Tích Kinh Luận, bốn quyển (Cả hai bộ luận trên đều do ngài Bồ-đề-lưu-chi dịch. Vả lại hai vị tôn đức (tức Lưu-chi và Lặc-na) tranh danh nên không cùng hỏi han tham khảo nhau, do đó có những chỗ ẩn kín, thiếu sót không đồng nhau đến mỗi khi sửa văn có nhiều chỗ khác nhau. Người đời sau mới hợp lại. Thấy trong Bảo Xướng Lục).

- Cứu Cánh Nhất Thừa Bảo Tánh Luận, bốn quyển (Cũng gọi là Bảo Tánh Phân Biệt Thất Thừa Tăng Thượng Luận, hoặc ba quyển. Ở nhà của Triệu Hân dịch ra. Thấy trong Bảo Xướng Lục).

- Pháp Hoa Kinh Luận, một quyển (Thị Trung Thôi Quang bút thọ).

Cả sáu bộ gồm hai mươi bốn quyển trên ở đời Lương Võ Đế, do ngài Tam tạng Pháp sư Lặc-na-ma-đề hoặc gọi là Bà-đề (Ngụy dịch là Bảo Ý) người Trung Thiên Trúc. Ngày năm Chánh Thủy thứ năm, ngài đến ở trong cung điện tại Lạc dương để dịch thuật. Lúc đầu ngài Bồ-đề-lưu-chi giúp việc truyền dịch, về sau vì cãi nhau nên mỗi người tụ dịch riêng. Các ngài Sa-môn Tăng Lãng, Giác Ý, Thị Trung Thôi Quang bút thọ).

- Kim Cang Tam-muội Đà-la-ni Kinh, một quyển.

- Như Lai Sư Tử Hống Kinh, một quyển (Hai kinh trên được dịch năm Chánh Quang thứ sáu).

- Chuyển Hữu Kinh, một quyển.

- Thập Pháp Kinh, một quyển.

- Ngân Sắc Nữ Kinh, một quyển.

- Chánh Pháp Cung Kính Kinh, một quyển (Hoặc không có chữ "Pháp". Cũng gọi là Oai Đức Đà-la-ni Trung Thuyết Kinh).

- Vô Úy Đức Nữ Kinh, một quyển (Cùng bộ A-thuật-đạt Bồ-tát Kinh thì đồng bản mà khác người dịch. Đàm Lâm bút thọ).

- Vô Tự Bảo Khiếp Kinh, một quyển (Cả sáu bộ kinh trên được dịch năm Ngươn Tượng thứ thứ hai).

- A-nan-đa Mục-khư-ni-ha-ly Đà-la-ni Kinh, một quyển (So với các bản dịch của ngài Chi-khiêm như Vô Lượng Vi Bạt Mật Bạt Trì Đà-la-ni, Vô Lượng Môn Trì Công Đức, Trực Vô Lượng Môn Phá Ma

Đà-la-ni, Xá-lợi-phất Đà-la-ni. Cả năm kinh đều đồng bản chỉ khác tên và người dịch).

- Nhiếp Đại Thừa Luận, hai quyển (dịch năm Phổ Thái thứ nhất).

Cả mười bộ gồm mười một quyển trên, ngày đời Lương Võ Đế, do ngài Tam tạng Pháp sư Phật-đà-phiến-đa (Ngụy dịch là Giác Định) người Bắc Thiên Trúc dịch từ. Từ năm Chánh Quang thứ sáu đến năm Ngươn Tượng thứ hai, ở Bạch mã tại Lạc dương và tại chùa Kim hoa ở Nghiệp Đô

**** Về Nguyên Ngụy Nghiệp Đô gồm có:***

- Chánh Pháp Niệm Xứ Kinh, bảy mươi quyển (ngày năm Hưng Hòa thứ nhất, dịch tại nhà Đại Thừa Tướng Cao Trừng ở nghiệp thành Các ngài Đàm Lâm, Tăng Phưởng bút thọ).
- Thánh Thiện Trụ Ý Thiên Tử Sở Vấn Kinh, ba quyển (Châu chùa Kim hoa tại Nghiệp Thành dịch năm Hưng Hòa thứ ba. Cùng bộ Như Huyễn Tam-muội Kinh của ngài Trúc Pháp Hộ dịch thì bản đồng mà khác tên và người dịch, ngài Đàm Lâm bút thọ).
- Bát Phật Kinh, một quyển.
- Kim Sắc Vương Kinh, một quyển (Hai quyển kinh trên đều ở Kim hoa dịch năm Hưng Hòa thứ tư. Đàm Lâm bút thọ).
- Vô Cấu Nữ Kinh, một quyển (dịch năm Hưng Hòa thứ ba).
- Vô Cấu Ưu Bà Di Kinh, một quyển (dịch năm Hưng Hòa thứ tư).
- Bảo Ý Miêu Nhi Kinh, một quyển (dịch ở Kim hoa theo yêu cầu của Cao Trọng Mật).
- Bố Tát Tứ Pháp Kinh, một quyển (dịch ở Kim hoa, Đàm Lâm, Lý Nghĩa Hy... bút thọ).
- Giải Thoát Giới Bản, một quyển (dịch vào năm Hưng Hòa thứ hai. Ngài Tăng Phưởng bút thọ. Rút từ Ca-diếp Tỳ Luật).
- Độc Tử Đạo Nhân Vấn Luận, một quyển (dịch ở Kim hoa theo yêu cầu của Cao Trọng Mật, Lý Nghĩa Hy bút thọ).
- Hồi Tranh Luận, một quyển (dịch vào năm Ngươn Tượng thứ nhất. Ngài Đàm Lâm bút thọ).
- Nghiệp Thành Tựu Luận, một quyển (ở Kim hoa dịch năm Hưng Hòa thứ ba. Ngài Đàm Lâm bút thọ).
- Duy Thức Vô Cảnh Giới Luận, một quyển (Cũng gọi là Duy Thức Luận).
- Y-ca Thâu-lô-ca Luận, một quyển (Cả hai luận trên đều châu chùa Kim hoa dịch ra).

Cả mười bốn bộ gồm tám mươi lăm quyển trên, ngày đời Lương Võ Đế có ngài Bà-la-môn Cù-đàm Bát-nhã-lưu-chi (Ngụy dịch là Trí Hy) người ở thành Bà-la-nại nước Nam Thiên Trúc. đến ở Đông Ngụy dịch từ đầu năm Ngươn Tượng đến cuối năm Hưng Hòa, châu Nghiệp Đô mà dịch. Lúc đó có ngài Bồ-đề-lưu-chi, tuy người trước kẻ sau và đồng dịch kinh luận. Nhưng trong các mục lục của sách truyện sao chép lại thì bỏ bớt đi chữ Bồ-đề và chữ Bát-nhã ở trên chỉ gọi là "Ngài Lưu-chi dịch", không rõ là ngài Lưu-chi nào. Hầu hết các Lục đời nay đêu nối tiếp tham khảo nhau, lại xếp dịch phẩm của hai vị lẫn lộn rất khó phân biệt. Rất mong các bậc hiền tài học rộng sau này nên định rõ lại.

- Tăng-già-tra Kinh, bốn quyển (Ngày năm Ngươn Tượng thứ nhất, châu Ty Đồ Công Tôn Thắng.
- Đại Ca-diếp Kinh, ba quyển.
- Tần-bà-ta-la Vương Vấn Phật Cúng Dường Kinh, một quyển (Cả hai kinh trên đều dịch ngày ngày năm Hưng Hòa thứ ba).

Cả ba bộ gồm tám quyển trên ngày đời Lương Võ Đế do Vương Tử Nguyệt-bà-thủ-na (Ngụy dịch là Cao Không), người nước Ưu-thiền-ni ở Trung Thiên Trúc, đến Đông Ngụy châu Nghiệp Thành dịch ngài Tăng Phưởng bút thọ.

- Lạc dương Địa Già-lam Ký, năm quyển (hoặc một quyển lớn).

Một bộ năm quyển trên, do Thái Thú Dương huyễn Quận Kỳ Thành soạn ra. Trong lời tựa quyển ấy nói rằng: Sự ghi chép của ba sách năm điển, lời nói của chín học phái trăm họ thì lý đều ở cõi người mà nghĩa cũng không ở ngoài cõi Trời. Đến như nguồn gốc của Nhất Thừa Nhị Đế hay ý chỉ của Lục Thông Tam Đạt (Tam Minh) thì cõi Tây Vức đều đầy đủ mà ở Đông Độ thì chẳng ghi. Từ khi vua chỉ một ngày nằm mơ mà ánh sáng suốt tháng vẫn còn. Ấy là ánh sáng từ lông giữa chặn mày của Tượng đặt ở Dương Môn hay ánh xanh biếc từ tóc của hình trên Dạ Đài. Từ đấy đến nay việc truyền tụng nhiều người đua nhau ghi chép. Đến như ở nhà Tấn năm Vĩnh Gia chỉ có bốn mươi hai cảnh chùa. Đến khi vua Ngụy nhận được ánh sáng từ hình trên cao chiếu xuống thì dốc lòng tin tưởng hơn nhiều, giáo pháp càng thạnh. Các bậc Vương Hầu quan lớn bỏ voi ngựa như quăng dép rách, hàng sĩ phu kẻ giàu có bỏ của cải xem như bỏ dấu chân. Lúc đó chiêu đề (chùa) dày đặc, bảo tháp chen nhau. Đua nhau mà tả cái vẽ đẹp của trời cao hoặc khắc chạm hình trong núi đá. Chùa vàng tranh cùng đài mây mọc lên cao vút, giảng điện sánh đẹp cùng phòng lớn nguy nga. Há chẳng phải cây thẳng nên máng áo dày, đất tốt nên ánh lên cả sắc đỏ tía mà

thôi ư?

Kịp đến năm Vĩnh Hi có nhiều loạn lạc, vua phải dời đô về Nghiệp Quận, chùa chiền Tăng Ni nhân đó cũng dời theo. Đến năm Võ Định thứ nhất, nhân đi làm việc tôi cũng đã ghé thăm lại Lạc dương thì vách đổ tường xiêu, dây leo gai góc mọc thành rừng, dã thú đào hang nơi thềm vắng, chim rừng chen đậu cây sân chầu. Bọn trẻ quẩn quanh đùa giỡn khắp các nẻo đường. Đám nông phu già làm nghề vặt ở trước cửa Khuyết. Thế mới biết cái cảm của lúa tốt đâu phải chỉ riêng ở gò nhà Ân, cái đau buồn của mất mùa truyền khắp nhà Chu. Ở nội ngoại kinh thành có hơn ngàn ngôi chùa mà ngày nay trống vắng, tiếng chuông chùa thưa thớt đìu hiu. Chỉ sợ hậu thế không ai kể lại, cho nên soạn ra quyển ký này. Song chùa nhiều chúng đông khó có thể kể hết. Nay chỉ ghi chép các Đại Già-lam, còn các chùa bậc Trung và nhỏ xin giữ lại, nếu khi có việc khác thường ở thế tục thì sẽ nêu ra. Trước hết là bắt đầu từ Thành nội, kế đến đề cập tới ngoại thành nêu rõ các cảnh có danh tiếng để ghi rõ gần xa. Gồm cả thảy có năm thiên. Tôi không có tài chú thuật nên còn nhiều sai sót. Rất mong các vị hiểu rõ nên bổ khuyết thêm cho.”.

- Chúng Kinh Lục Mục, một quyển.

Một lục một quyển trên, ngày đời Lương Võ Đế, do Thanh Tín Sĩ Lý Khuếch ở Lạc dương năm Vĩnh Bình vâng chiếu vua Ngụy mà soạn ra. Lý Khuếch thông cả nội ngoại điển, chú thuật kinh lục rất nhất quán.

- Đại Thế Luận Tam Thập Luận, một quyển (thấy ở Đường Nội Điển Lục).

- Bồ-tát Kiến Thật Tam-muội Kinh, mười bốn quyển (dịch Ở Thiên bình năm Thiên Thống thứ hai).

- Nguyệt Tạng Kinh, mười hai quyển (ở Thiên bình, dịch năm thiên thống thứ hai)

- Nguyệt Đăng Tam-muội Kinh, mười một quyển (dịch Ở Thiên bình, dịch năm Thiên Bảo thứ tám).

- Đại Bi Kinh, năm quyển (dịch Ở Thiên bình năm Thiên Bảo thứ chín).

- Tu-di Tạng Kinh, hai quyển.

- Nhiên Đăng Kinh, một quyển (Cũng gọi là Thí Đăng Công Đức kinh. Cả hai kinh trên đều dịch ở Thiên bình năm Thiên Bảo thứ chín).

- Pháp Thắng A-tỳ-đàm Luận, bảy quyển (ở Thiên bình dịch năm Hà Thanh thứ hai).

Cả bảy bộ gồm năm mươi hai quyển trên, ở đời Chu Minh Đế Sa-môn Thống Tam tạng Pháp sư Na-liên-đề-da-xá (Tề dịch là Tôn Xưng) người nước Ô Trường bắc thiên trúc thuộc nhà Cao Tề, dịch ở Nghiệp Thành. Ngài Sa-môn Chiêu Huyền là trưởng tử của ngài Cù-đàm Bát-nhã Lưu-chi và Ngài Đạt-ma-xà-na (Tề dịch là Pháp Trí truyền ngữ).

- Tôn Thắng Bồ-tát Sở Vấn Kinh, một quyển (một tên là Nhập Vô Lượng Môn Đà-la-ni Kinh).

Một quyển kinh trên, ngày đời Chu Võ Đế, Cư Sĩ Vạn Sĩ Ý thuộc nhà Cao Tề, ở Nghiệp Thành dịch Sĩ Ý nguyên là dòng tiên ty họ Vạn Sĩ. Thuở nhỏ xuất gia thờ thầy Bà-la-môn, Ông rất thông triết, lại thông thạo tiếng và chữ Phạm, giỏi về chú thuật, thuốc men... cho nên tham dự ngày việc dịch thuật.

* ***Về nhà Trần Thị gồm có:***

- Phật A-tỳ-đàm Kinh, chín quyển.
- Vô Thượng Y Kinh, hai quyển (dịch ở Tịnh độ, tại Quận Nam Khang năm Vĩnh Định thứ hai).
- Giải Tiết Kinh, một quyển (Kinh này vốn có mười tám phẩm. Nay một quyển kinh này chỉ là một phẩm thứ tư. Ngài Chân Đế chỉ dịch tóm tắt để chứng nghĩa mà thôi).
- Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật Kinh, một quyển (dịch lần thứ ba. So với các bản dịch của ngài La-thập ở đời Tần và ngài Bồ-đề-lưu-chi ở đời Ngụy, thì bản đồng nhưng văn có rộng hẹp khác nhau).
- Quãng Nghĩa Pháp Môn Kinh, một quyển.
- Tăng-sáp-đa Luật, một quyển (Trần dịch là Tổng Nhiếp).
- Tu Thiền Định Pháp, một quyển.
- Câu-xá Thích Luận, hai mươi mốt quyển.
- Câu-xá Luận Bản, mười sáu quyển.
- Lập Thế A-tỳ-đàm, mười quyển (dịch năm Vĩnh Định thứ ba).
- Nhiếp Đại Thừa Luận, mười lăm quyển (dịch ở Chế chỉ tại Quảng châu dịch ngày ngày năm Thiên Gia thứ tư, ngài huệ Khải bút thọ, hoặc mười hai quyển).
- Phật Tánh Luận, bốn quyển.
- Tứ Đế Luận, bốn quyển.
- Tăng-già Luận, ba quyển.
- Nhiếp Đại Thừa Luận Bản, ba quyển (dịch lần thứ hai. So với bản dịch của ngài Phật-đà-phiến-đa dịch ngày đời Nguyên Ngụy có khác chút ít).
- Đại Thống Luận, ba quyển dịch Thê ẩn tại Dự Chương Đường

Nội Điển Lục gọi là Thập Bát Không).

- Trung Biên Phân Biệt Luận, ba quyển (dịch quận Lâm Xuyên
- Kim Thất Thập Luận, hai quyển.
- Câu-xá Luận Kệ, một quyển.
- Kim Cang Bát-nhã Luận, một quyển.
- Luật Nhị Thập Nhị Minh Liễu Luận, một quyển (Cũng gọi tắt là Minh Liễu Luận).
- Đại Bát-niết-bàn Kinh Luận, một quyển.
- Di Giáo Luận, một quyển.
- Tam Vô Tánh Luận, một quyển.
- Phản Chất Luận, một quyển.
- Đạo Phụ Luận, một quyển.
- Cầu Ma Đế Tùy Tướng Luận, một quyển.
- Thật Hành Vương Chánh Luận, một quyển.
- Thành Tựu Tam Thừa Luận, một quyển.
- Chánh Luận Đạo Lý Luận, một quyển.
- Ý Nghiệp Luận, một quyển.
- Chấp Bộ Dị Luận, một quyển.
- Duy Thức Luận Văn Nghĩa Hợp Nhất, một quyển (dịch lần thứ hai. So với bản dịch của ngài Bát-nhã-lưu-chi đời Ngươn Ngụy có khác chút ít, dịch tại quận Lâm xuyên).
- Chánh Luận Thích Nghĩa, năm quyển (ở Phật lực tại Tấn An
- Phật Tánh Nghĩa, ba quyển.
- Thiền Định Nghĩa, một quyển.
- Câu-xá Luận Sớ, mười sáu quyển.
- Kim Cang Bát-nhã Sở Hợp, mười một quyển.
- Thập Bát Bộ Luận Sớ, mười quyển.
- Giải Tiết Kinh Sớ, bốn quyển.
- Vô Thượng Y Kinh Sớ, bốn quyển.
- Như Thật Luận Sớ, ba quyển.
- Tứ Đế Luận Sớ, ba quyển.
- Phá Ngã Luận Sớ một quyển.
- Tùy Tướng Luận Trung Thập Lục Đế Sớ, một quyển (Ở quận Thủy Hưng dịch ra).
- Bà Tẩu Bàn Đậu Truyện, một quyển.
- Chúng Kinh Thông Tự, hai quyển.
- Phiên Ngoại Quốc Ngữ, bảy quyển (một tên là Tạp Sự, một tên là Câu-xá Luận Nhân Duyên Sự).

Cả bốn mươi tám bộ gồm hai trăm ba mươi hai quyển, trên ngày đời Chu Võ Đế do Tam tạng Pháp sư Câu-na-la-đà (Trần dịch là Thân Y, lại riêng gọi là Chân Đế) người nước Ưu-thiền-ni thuộc Tây Thiên Trúc dịch. Bắt đầu từ năm Bính Tý tức năm đầu niên hiệu Vĩnh Định của Trần Thị, đến năm Kỷ Sửu là năm đầu niên hiệu Thái Kiến, cả thảy mười bốn năm ngài, đã đem giáo pháp du phương tùy nơi thuận tiện mà dịch thuật. Đều thấy ở Tào Tỳ Tam tạng Lịch Truyện nói rằng: Ngài Xà-lê ngày giờ Ngọ ngày mười một tháng Giêng năm đầu Thái Kiến thọ được bảy mươi mốt tuổi. Ngài để thư phó chúc cho Thần Túc Đệ Tử là Sa-môn Trí Hưu, còn Sa-môn Pháp Hải thì lãnh thọ Tam tạng Tự, chưa tập họp được văn bản Xà-lê, thị tịch để thành Bộ Trục. Kinh Luận Xà-lê ngoại quốc đều là sách bằng lá cây Đa-la (Lá Bối), gồm có hai trăm bốn mươi bó. Nếu dựa ngày số giấy mực phiên dịch viết ra của nhà Trần thì phải hơn hai vạn quyển. Nay số sách của lá đa-la đã dịch chỉ mới hơn hai trăm quyển. Nếu tính chung cả các dịch phẩm đời Lương thì ít hơn ba trăm quyển. Thế mới biết Biển lớn Phật pháp là không thể nghĩ bàn. Trong đó có bản Phạm văn như Hoa Nghiêm, Niết-bàn, Kim Quang Minh sẽ dịch ở tương lai. Từ năm Kiến Khang trở đi phần lớn là ở hai chùa Chế chỉ và Vương Viên tại Lĩnh Nam và Quảng Châu mong bậc Đại sĩ Hoằng Pháp không thể nghĩ bàn, ở tương lai sẽ cùng tìm dịch các kinh càng nhiều. Khiến cho Pháp Đăng còn truyền chiếu mãi ánh sáng không làm mất nơi góc biển.

- Thắng Thiên Vương Bát-nhã Ba-la-mật Kinh, bảy quyển.

Một bộ bảy quyển trên, ngày đời Chu Võ Đế, do ngài Nguyệt-bà-thủ-na dịch, khi mới sinh ra ngài một đã tuấn tú sáng láng. Từ Ngụy đến Tề, sang Lương, qua Trần. Cả Thế học và Phật kinh thì nghĩa lý ngài đều tinh chuyên, thông suốt âm vận, rành tiếng địa phương. Ngài Thủ Na trước hết châu Nghiệp Quận thuộc Tề, lại học Thiền ở Ngụy. Nhân đó nhiều phen làm khách, mặc tình đi ở. Ngài Thủ-na xin phép về quê, trên đường đi phải qua Giang Tả, do đó ngài được vua Lương Võ Đế cầm giữ lại, sắc lệnh cho ngài thống lãnh giám sát khách ngoại quốc. Đến năm Thái Thanh thứ hai, bỗng gặp vị Tăng Bà-la-môn ở nước Vu Điền là Cầu-na-bạt-đà (Trần dịch là Đức Hiền. Vị này có bản Phạm văn Thắng Thiên Vương Bát-nhã. Ngài Thủ-na nhân đó xin được truyền bá rộng rãi. Ngài Cầu-na-bạt-đà mừng vì cho rằng ngài là người thanh nhã nên hết lòng truyền dạy. Ngài Thủ-na học ngày rất quý trọng giữ gìn cho là điều khó gặp. Khi có loạn Hầu Cảnh, dầu chưa được rãnh để phiên dịch nên phải mang theo bên mình đó đây để đọc tụng cúng

dường. Khi đến nước Trần ngày năm Ất Dậu niên hiệu Thiên Gia. Lúc đầu ở già lam tại Châu, Hưng nghiệp mới bắt đầu dịch thuật, ngài Sa-môn Trí Hân bút thọ ra Trần văn. Trong sáu mươi ngày, quan Thứ sử giang châu là Nghi Đồng Hoàng Pháp Cự là thí chủ. ngài Tăng Chánh Sa-môn Thích huệ Cung ở việt châu giám chưởng trước sau ba mươi vị Tôn Đức Tăng. Kinh có đủ lời tựa trước sau không cần nói nhiều. Ngài Thủ-na chỉ một mình mà đi khắp các nước Ngụy, Tề, Lương, Trần đến đâu cũng tiếp nối tuyên dịch.

- Đại Thừa Bảo Vân Kinh, tám quyển (dịch lần thứ hai. So với Bộ Bảo Vân thì bảy quyển của ngài Mạn-đà-la đã dịch ở đời Lương thì bản đồng mà khác người dịch).

Một bộ gồm tám quyển trên, ngày đời Chu Võ Đế do Sa-môn Tu Bồ-đề (Trần dịch là Thiện Kiết) người Phù Nam đến ở Chí kính trong nội thành Dương Đô, dịch theo yêu cầu vua Trần. Thấy trong mục lục các kinh ở Nhất thừa tự.

■

LỊCH ĐẠI TAM BẢO KÝ

QUYỂN 10

CÁC KINH DỊCH ĐỜI TỐNG

Nói về nhà Tống thì sách chép rằng: Lưu Dụ tự là Đức Dư, người quê ở kinh đô Bành thành. Lúc mới sinh ra có ánh sáng lạ chiếu đầy nhà. Người cao lớn đến bảy thước sáu tấc, được nhà Đông Tấn nhường ngôi rồi tự xưng là Tống, nhưng vẫn đóng đô ở Kiến khang. Đến đời vua thứ ba trong năm Ngươn Gia có người tâu lên rằng: xét việc sửa sang chùa tháp đã qua số người quá xa xỉ trong việc làm phước thiện càng ngày càng đông. Vua Văn Đế lấy đó hỏi Hà Thị Trung rằng: Phạm Thái và Tạ Linh Vận đều khen sáu kinh vốn để cứu độ thế tục chân . Tánh linh cần phải dùng kinh Phật làm chỉ nam. Đây là lời của của Bậc Hiền Đạt thành thật đáng tin cậy. Nếu khiến cho tất cả mọi người trong bờ cõi này đều được thuần hóa Phật pháp thì trẩm đây cứ khoanh tay ngồi hưởng thái bình!”. Thượng Chi tâu đáp rằng: Giữa buổi sáng, người ở xa tất khó biết hết mọi việc. Từ lúc sang sông đến nay, Vương Đạo thấm nhuần bao trùm khắp hàng Tể phụ. Vương Mông, Tạ Thượng là bậc tiêu biểu cho nhân luận. Nhóm Mấn Triệu, Vương Mật... người thì gọi là bậc Siêu Quần, kẻ thì cho là Độc Bộ, tóm kể ra có đến mấy mươi người đều là bậc anh tuấn, thời ấy không thiếu chi hàng thanh tín sĩ. Ngài Pháp Sư huệ Viễn nói rằng: Lời giáo huấn của Đức Phật không thể không tuân hành. Thần cho rằng lời nói này hợp lý sâu sắc. Vì sao? Vì nếu trong một làng có trăm nhà mà lại có được mười người giữ năm giới thì cả mười người đều thuần cẩn. Trong một ấp có ngàn nhà mà có được một trăm người tu thập thiện thì có một trăm người hòa mục. Nếu phong hóa này được truyền khắp cõi tuần hoàn và sách vở có trong ngàn ức hộ thì người hiền sẽ có hàng trăm vạn. Phàm khi làm một điều lành thì bỏ đi một việc ác, tránh bỏ được một điều ác thì dứt đi một hình phạt. Một nhà đã dứt đi một hình phạt thì cả nước sẽ dứt đi cả vạn hình phạt, tất lời nói của Bệ Hạ là ngồi yên hưởng thái bình là đúng lắm vậy. Cho nên

khi Phật Đồ Trừng ngày Nghiệp quận thì cọp đá giết người bớt đi phân nửa. Ao Thằng bảo tháp phát ra ánh sáng. Phù Kiên do dự dùng hay bỏ Mông Tốn, bêu xấu nhau không chút thân thích, bạo ngược như loài sài lang hổ báo. Cuối đời mà biết cãi ngộ bèn trở thành người thiện. Pháp mà đến với đạo nhân thì có sức mạnh hơn cả muôn người. Bao nhiêu loạn lạc ở sông Vị bịt mặt cam chịu chết vì gây tai ách cho thầy. Đây há không phải là nội hóa đã thấm nhuần đấy ư? Lúc đó Sứ Bộ Lang Dương Huyền Bảo từ chỗ ngồi tiến lên tâu rằng: Thần chỉ trộm sợ rằng các nước Tần, Triệu luận bàn cái thuật của binh hùng và cái kế thôn tính tất ca của tôn ngộ. Nay há lại khinh thường không để ý đến việc đó ư? Vua phán: “Đó không phải là chiến cụ của thời chiến quốc, như lời Khanh nói”. Thượng Chi tâu: Hễ khi Lễ ẩn dật thì binh sĩ biếng lười, quý nhân đức thì binh khí dẹp bỏ. Nếu có cái tâm của Tôn Ngô, ý luôn muốn thôn tính nhau thì cũng không thể giữ được cái đạo của Nghiêu Thuấn, đâu phải chỉ đạo Phật mà thôi? Nhà vua rất vui mà bảo rằng: “Đạo Phật có khanh thì khác nào Khổng Tử có Lý, Lộ. Đó gọi là lời ác không nên để lọt ngày tai. Căn cứ theo đây mà luận thì có thể bảo là rốt ráo rồi vậy”. Pháp do người được hiển bày, Phật đã phó chúc cho các vua chúa. Từ đó, ở Tống triều Phật giáo rất được hưng thạnh, hàng danh Tăng, Trí sĩ đông đảo như lúa mè, chùa tháp, Kim Luân sum suê như trúc tre cỏ lau. Có tám đời vua nối nhau trị vì suốt năm mươi chín năm. Trong các người dịch kinh gồm kẻ hoa người Nhung, người xuất gia, tại gia gồm có hai mươi ba người, phiên dịch đủ cả Tu-đa-la, Tỳ-ni Giới Bản, Yết-ma Ưu-ba-đề-xá, A-tỳ-đàm luận, truyện, lục... gồm có hai trăm mười bộ với bốn trăm chín mươi quyển. Kết thành Tống Đại Kiến Khang Lục.

A. Các dịch giả:

- Tống Sa-môn Phật Đà Thập, dịch ba bộ, ba mươi sáu quyển Luật, Giới Yết-ma.
- Sa-môn Thích Trí Nghiêm, dịch mười bốn bộ, ba mươi sáu quyển kinh.
- Sa-môn Thích Bảo Vân, dịch bốn bộ, mười lăm quyển kinh.
- Sa-môn Thích huệ Nghiêm, dịch một bộ, ba mươi sáu quyển kinh.
- Sa-môn Y-khí-ba-la, dịch một bộ, mười quyển A-tỳ-đàm.
- Sa-môn Cầu-na-bạt-ma, dịch bảy bộ, ba mươi tám quyển kinh, luận, ký.
- Sa-môn Tăng-già-bạt-ma, dịch năm bộ, hai mươi bảy quyển A-

tỳ-đàm, tập, kệ.

- Sa-môn Cầu-na-bạt-đà-la, dịch bảy mươi tám bộ, một trăm sáu mươi mốt quyển kinh, tập, dụ.
- Sa-môn Đàm-ma-mật-đa, dịch mười một bộ, mười hai quyển kinh.
- Sa-môn Cương-lương-da-xá, dịch hai bộ, hai quyển kinh.
- Sa-môn Đàm-vô-kiệt, dịch hai bộ, sáu quyển kinh.
- An Dương Hầu Thư Cừ Kinh Thanh, dịch ba mươi lăm bộ, ba mươi sáu quyển kinh.
- Sa-môn Công Đức Trực, dịch hai bộ, bảy quyển kinh.
- Sa-môn Thích huệ Giản, dịch hai mươi lăm bộ, hai mươi lăm quyển kinh.
- Sa-môn Thích Tăng Cứ, dịch một bộ, hai quyển Yết-ma.
- Sa-môn Thích Pháp Dĩnh, dịch ba bộ, ba quyển Giới Bổn và Yết-ma.
- Sa-môn Trúc Pháp Quyến, dịch sáu bộ, hai mươi chín quyển kinh.
- Sa-môn Thích Tường Công, dịch một bộ, hai quyển kinh.
- Sa-môn Thích Đạo Nghiêm, dịch hai bộ, ba quyển kinh.
- Sa-môn Thích Dõng Công, dịch bốn bộ, bốn quyển kinh.
- Sa-môn Thích Pháp Hải, dịch hai bộ, hai quyển kinh.
- Sa-môn Thích Tiên Công, dịch một bộ, một quyển kinh.
- Sa-môn Thích Đạo Nghiễm, dịch một bộ, hai quyển luận.

B. Các dịch phẩm:

- Tống Sa-di Tất Luận ba mươi bốn quyển (thấy trong Đạo huệ Tống Tề Lục - Biệt Lục nói là hai mươi bốn quyển, đây e là lầm Sa-di Tắt Giới Bản, một quyển (Thấy trong Trúc Đạo Tổ Lục).
- Sa-di Tất Yết-ma, một quyển (Thấy trong Trúc Đạo Tổ Lục).

Cả ba bộ gồm ba mươi sáu quyển trên ngày đời Phế Đế Vinh Dương Vương, do Tam tạng Tỳ-ni Sư Phật Đà Thập (Tống dịch là Giác Thọ) người nước Kế Tân dịch. Thuở nhỏ ngày theo học Sa-di Tắt Bộ, chuyên tinh luật phẩm và thông suốt cả Thiền yếu. Ngài Giác Thọ, ngày tháng bảy năm Cảnh Bình thứ nhấtđến ở Dương Đô. Trước đấy ngài Pháp Hiển ở nước Sư Tử được một bộ Sa-di Tất Luật bằng chữ Phạm, nhưng chưa kịp dịch thì ngài Pháp Hiển đã viên tịch. Chư Tăng ở Kinh Bấc nghe đồn ngài Phật-đà Thập rất giỏi về môn học này. Lúc đó chúng bàn nhau thỉnh ngài dịch ra. Đến tháng mười một ngày mùa Đông

năm ấy cùng tập họp tại chùa Long quang dịch ra ba mươi bốn quyển. Ngài Phật-đà Thập đọc bản tiếng Phạm, ngài Sa-môn Trí Thắng người Vu Điền chuyển ngữ. Ở Long quang có Sa-môn Trúc Đạo Sinh và Sa-môn huệ Nghiêm ở đông an... cùng nhau bút thọ và khảo chính về văn lý. Có quan Nghị Đồng Thị Trung Lang Da Vương Luyện làm thí chủ bảo trợ. Đến tháng mười hai năm thứ hai mới ngày. Vẫn từ Đại Bộ mà sao chép dịch ra Giới Tâm cùng Văn Yết-ma... để lưu hành trên đời.

****

- Phổ Diệu kinh, tám quyển (dịch lần thứ hai, so với bản dịch của ngài Trúc Pháp Hộ dịch ở đời Thục thì đồng bản mà vẫn có khác chút ít. Thấy trong Tống Tề Lục và ở Hựu Hạo Truyện ký hoặc sáu hay bốn quyển).
- Vô Tận Ý Bồ-tát Kinh, sáu quyển (cũng gọi là A-sai-mạt Kinh. Thấy trong Lý Khuếch Lục).
- Sinh Kinh, năm quyển (thấy trong Biệt Lục).
- Quãng Bát Nghiêm Tịnh Kinh, bốn quyển (dịch năm Ngươn Gia thứ tư. Thấy trong Tống Tề Lục. Cũng gọi là Quãng Bát Nghiêm Tịnh Bất Chuyển Kinh. Cũng gọi là Bất Thối Chuyển Pháp Luân Kinh. So với Bộ A DuyViệt Trí Giá Kinh của ngài Trúc Pháp Hộ dịch ở đời Tấn thì bản đồng mà khác người dịch, tên kinh và lời văn cũng khác).
- Bồ-tát Anh Lạc Bổn Nghiệp Kinh, hai quyển.
- Tỳ-la Tam-muội Kinh, hai quyển (Minh Cư Sĩ Nhập Định Sự. Thấy ở Đông Lục. Tăng Hựu Lục bảo còn nghi).
- A-na-hàm kinh hai quyển.
- Tứ Thiên Vương Kinh, một quyển.
- Thiện Đức Bà-la-môn Vấn Đề-bà-đạt-đa Kinh, một quyển.
- Nhất Âm Hiển Chánh Pháp Kinh, một quyển (Hoặc gọi là Nhất Âm Diễn Chánh Pháp Kinh).
- Điều Phục Chúng Sinh Nghiệp Kinh, một quyển.
- Thiện Đức Ưu-bà-tắc Kinh, một quyển.
- Pháp Hoa Tam-muội Kinh, một quyển.
- Tịnh Độ Tam-muội Kinh, một quyển.

Cả mười bốn bộ gồm ba mươi sáu quyển trên ngày đời Văn Đế, năm Ngươn Gia thứ tư, Sa-môn Thích Trí Nghiêm ở Lương Châu dịch. Năm hai mươi tuổi ngài xuất gia đi du phương học rộng. Khi ở Tây Vức gặp được bản Kinh tiếng Phạm xưa bèn mang về đến Dương Đô, ở Chỉ viên cùng ngài Bảo Vân dịch ra. Thần Đức của ngài Trí Nghiêm chép rất đầy đủ, trong Cao Tăng truyện. Đây không kể lại.

- Phó Pháp Tạng Kinh, sáu quyển (thấy ở Lý Khuếch Lục).
- Phật Sở Hành Tán Kinh, năm quyển (dịch ở Lục hợp sơn Thấy trong Bảo Xướng Lục. Hoặc bảo là truyện của ngài Mã Minh soạn ra. Thấy trong Biệt Lục, Đường Thất Thập quyển).
- Tân Vô Lượng Thọ Kinh, hai quyển (Ở Đạo tràng dịch ra, là bản dịch lần thứ bảy. So với các bản dịch của các ngài Chi Khiêm, Khang Tăng Khải, Bạch Diên, Trúc Pháp Hộ, La-thập, Pháp Lực thì mỗi bản đều không giống. Thấy trong Đạo huệ Tống Tề Lục và Cao Tăng Truyện).
- Tịnh Độ Tam-muội Kinh, hai quyển (là bản tiếng Phạm do ngài Pháp Hiển mang về. Thấy trong Trúc Đạo Tổ Tạp Lục).

Cả bốn bộ gồm mười lăm quyển trên ngày đời Văn Đế, do ngài Sa-môn Đàm Vân, người ở đất Lương Châu dịch ở thuở nhỏ ngài đi khắp các nước Tây Phương (Ấn Độ) rất giỏi chữ và tiếng Phạm, hiểu rõ các môn chú thích về âm tự ở các nước Thiên Trúc. Sau ngài trở về Trường An, lại đến Giang tả. Các Kinh được dịch sau này phần lớn đều do Đàm Vân san định. Rành cả tiếng Hoa và tiếng Phạm, lời lẽ đều chính xác, mọi người đều tin phục. Lúc đầu ở Quan Trung có ngài Trúc Phật Niệm rất giỏi về tuyên dịch, cả hai đời Phù Diêu Tân đều nổi tiếng, hiểu rõ chân văn hơn hết. Lúc đó ở Giang Tả truyền dịch chữ Phạm thành tiếng Tống không ai hơn được ngài Đàm Vân. Lúc đầu ngài cùng Trí Nghiêm phiên dịch. Nhưng từ khi ngài Trí Nghiêm viên tịch thì một mình ngài Đàm Vân dịch đây không ghi chép nhiều.

****

- Đại Bát Niết-bàn Kinh, ba mươi sáu quyển (thấy trong Bảo Xướng Lục và Cao Tăng Truyện).

Một bộ ba mươi sáu quyển trên, ngày năm Ngươn Gia thời Tấn mạt, ngài Đàm-vô-sấm đã dịch ở Cô Tang theo yêu cầu của vua Thư Cừ Nhà Bắc Lương. Nguyên bổn cũ có đến bốn mươi quyển lời văn chất phát, nghĩa không lưu loát lắm. Ngày năm Ngươn Gia đời Tống ban đầu ngài đến Kiến Khang, bấy giờ ở Dự Châu có Sa-môn Uyển Phạm Nghiêm, ở Thanh Hà có Sa-môn Thôi huệ Quan, cùng với Xử sĩ Tạ Linh Vận ở Trần Quận... lấy mấy phẩm Niết-bàn của ngài Vô Sấm thường giải tóm tắt khiến kẻ mới học khó lãnh hội. Bèn căn cứ ngày chánh bản Nê-hoàn đã phiên dịch xưa´ thêm ngày các phẩm mục. Lời văn và nghĩa có sửa đổi nhiều, gồm ba mươi sáu quyển, mới có mấy bản được lưu hành chưa rộng rãi lắm. Sau đó một thời gian, đêm đến phạm Nghiêm bỗng nằm mơ thấy có một người hình thù rất to lớn quát

lớn bảo Nghiêm rằng: Kinh quý Niết-bàn vì sao lại dám khinh thường mà thêm bớt ngày đó?" Khi tỉnh dậy thì Nghiêm hết sức lo lắng sợ hãi. Sáng lại tập hội chư Tăng muốn đổi lại bản trước. Lúc đó các bậc trí thức đều can ngăn rằng: Đây chỉ là muốn khuyên răn nhóm hậu sinh mà thôi. Nếu như có lệch lạc về nghĩa lý, sau không nằm mộng ngay, Nghiêm cho đó là phải. Ít lâu sau lại nằm mộng thấy Thần nhân bảo rằng: "Thầy đã hoằng truyền Kinh pháp đến mức tinh diệu thấu đáo, sau này tất sẽ được gặp Phật, chỉ e ở tương lai kẻ hiền triết không biết rõ căn nguyên". Cho nên mới ghi lại chuyện này.

- Tạp A-tỳ-đàm Tâm, mười quyển (hoặc mười một quyển).

Mười quyển trên, ngày đời Văn Đế, do Sa-môn Y-khí-ba-la (Tống dịch là Tự Tại) người ngoại quốc ở Bành Thành dịch theo yêu cầu của Thứ Sử Vương Trọng Đức ở phía Bắc Từ Châu. Đến Trạch Phẩm gặp duyên trở ngại, chưa dịch hết bèn bỏ dỡ nửa chừng.

- Bồ-tát Thiện Giới Kinh, hai mươi quyển (Ở Kỳ hoàn dịch ra. Dịch lần thứ hai, so với bản dịch tám quyển của ngài Chi-sấm có khác chút ít. Thấy trong Trúc Đạo Tổ lục và Cao Tăng Truyện. Về sau đệ tử của ngài châu chùa Định lâm lại dịch thêm hai phẩm thành ba mươi quyển).

- Tạp A-tỳ-đàm Tâm, mười ba quyển (Trước kia do Y-khí-ba-la đã dịch đến Trạch Phẩm thì ngừng lại, nay tiếp tục dịch đến hết thành ba mươi ba quyển. Thấy ở Cao Tăng Truyện).

- Tứ Phần Yết-ma, một quyển (Năm Ngươn Gia thứ tám dịch, ở Kỳ hoàn. Dịch lần thứ hai, so với bản dịch của ngài Đàm Đế đời Ngụy thì giống nhau. Thấy trong Cao Tăng Truyện, Biệt Lục, Bảo Xướng Lục v.v...

- Ưu-bà-tắc Ngũ Giới Lược Luận, một quyển (Năm Ngươn Gia thứ tám dịch, ở Kỳ hoàn. Cũng gọi là Ngũ Giới Tướng, cũng gọi là Ngũ Giới Lược Luận. Thấy trong Cao Tăng Truyện và Bảo Xướng Lục).

- Thiện Tín Nhị Thập Nhị Giới, một quyển (Cũng gọi là Ly Dục Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di Cụ Hành Nhị Thập Nhị Giới. Cũng gọi là Tam Quy Ưu-bà-tắc Giới. Thấy trong Cao Tăng truyện).

- Sa-di oai nghi, một quyển.

- Kinh Luật Phần Dị Ký, một quyển.

Cả bảy bộ gồm ba mươi tám quyển trên, do ngài Tam tạng Pháp sư Cầu-na-bạt-ma (Tống dịch là Công Đức Khải) người nước Kế Tân dịch. Năm Ngươn Gia đén ngài châu Kiến Nghiệp. Vua Văn Đế hội kiến rồi ân cần thăm hỏi. Vua nhân đó nói rằng: Đệ tử thường muốn trì

trai không sát hại, ép thân phải tuân theo vật, nhưng không đạt được ý muốn. Pháp sư đã không ngại xa xôi muôn dặm đến đây giáo hóa đất nước này, xin có điều chi dạy bảo? Ngài Bạt-ma đáp: Phàm đạo chỉ châu tâm chứ không châu sự việc, pháp là do mình chứ không phải do người khác. Vả như việc tu hành của hàng vua chúa cùng kẻ thất phu có phần khác nhau. Kẻ thất phu thì thân danh hèn kém, lời nói không uy nếu không tự ép mình (khắc kỷ) chịu cùng khổ thì sẽ không làm gì được. Còn bậc vua chúa thì bốn bể là nhà, muôn dân là con cháu, khi phán ra một lời tốt đẹp tất trai gái đều vui, ban ra một lệnh khiến chánh trị khéo léo thì thần người đều hòa hợp, tử hình không giết người trẻ, phục dịch không quá nhọc sức tù nhân thì sẽ khiến gió mưa hợp thời, nóng lạnh đúng tiết và lúa bắp trúng mùa, dâu mè phát đạt. Như thế mà trì trai thì trai cũng lớn, việc không giết hại càng thêm nhiều. Thà giảm bớt nửa bữa ăm mà tha mạng sống cho một con vật. sau đó mới cứu giúp rộng lớn!". Vua mừng vỗ ghé khen rằng: Phàm người tục thì mê ở lý xa, còn Sa-môn lại trệ ngại ở giáo pháp gần. Kẻ mê lý xa thì gọi Đạo lớn là hư dối, còn người trệ nơi giáo gần thì câu nệ ngày văn ngôn. Đến như điều nói của Bạt-ma Pháp sư thật gọi là khai ngộ thông suốt, có thể luận suốt đến trời người.". Vua bèn ban lệnh mời ngài trụ tại chùa Kỳ hoàn, cung cấp trọng hậu. Ngài đã dịch ra các kinh, luận, ký... kể trên và thường an cư ở Định lâm. Lúc đó có thiện tín hái hoa rải lên chiếu, chỉ có chỗ ngài Bạt-ma ngồi lên thì hoa vẫn luôn tươi, mọi người đều rất kinh dị. Sau đó ngài trở về chùa Kỳ hoàn an nhiên viên tịch. Khi ngài Bạt-ma chưa qua đời, trước đó ngài đã dự bị để lại di văn, kệ tụng về ba mươi sáu hạnh, tự nói mình đã chứng được quả thứ hai (Tư Đà Hàm), phó chúc cho đệ tử A-sa-la rằng: Sau khi ta tịch thì có thể đem bài văn kệ này để chỉ bày cho các Sư tăng ở Thiên Trúc cùng mọi người ở đất nước này. Lại khi ngài Bạt-ma thị tịch thì mọi người đều thấy có con vật hình dạng giống như rồng, dài cả một trượng từ bên thi hài bay thẳng lên không. Trong bài kệ để lại có nói rằng:

Trước đảnh lễ Tam bảo
Chư Thượng tọa tịnh giới
Đời ác lắm xiễm nịnh
Dối trá không thành tín
Ngu hoặc không rõ chân
Ganh khinh bậc Đức hạnh
Cho nên các Hiền Thánh
Ra đời dấu tung tích

Cầu-na-bạt-ma, con
Phút lâm chung đã đến
Công Đức Thiện đã được
Nay xin như thực nói
Không do tâm nịnh nọt
Để mong cầu danh lợi
Cốt khuyên chúng biếng lười
Thêm lớn pháp chư Phật
Đại pháp sức như thế
Nhân giả hãy lắng nghe
Xưa ta ở đồng hoang
Trước hết quán thây chết
Sình chương, dòi, rả nát
Hôi thối đầy máu mũ
Chú tâm nghĩ việc sau
Tánh thân này như thế
Thường thấy tướng thân này
Bướm tham không sợ lửa.
Vô lượng thứ như thế
Tụ tập quán thây chết
Bỏ hết văn huệ khác
Nương tựa khoảng rừng cây
Suốt đêm luôn tinh tấn
Thường không quên chánh quán
Cảnh tượng luôn trước mắt
Cũng như hiện trong gương
Quán cảnh ta cũng thế.
Do đây tâm yên vắng
Chuyển thân rất sáng sạch
Mát mẻ Dừng là Vụi
Càng thêm đại hoan hỷ
Liền sinh tâm "vô trước"
Biến thành hình xương vụn
Xương trắng hiện trước mắt
Mục nát, từng đốt rời
Xương trắng đều tiêu mất
Trí Vô cấu lóe sáng
Điều phục Tư pháp tướng

Giờ ta được như thế
Thân an rất nhẹ nhàng
Phương tiện tu như thế
Thẳng tiến cành nhanh hơn
Vi trần niệm niệm mất
Trụ chánh niệm hoại sắc
Ấy là thân rốt ráo
Do đâu khởi tham dục
Biết nhân sinh các vọng
Như cá tham mồi câu
Nó cùng mọi thứ hoại
Niệm niệm quán tiêu mất
Biết rõ chỗ nó nương
Khởi từ tâm vượn, khỉ
Nghiệp và quả báo nghiệp
Niệm niệm nương duyên diệt
Tâm biết rõ mọi thứ
Là không pháp tướng khác
Đó là niệm tư huệ
Thứ lớp tu đầy đủ
Quán mọi thứ pháp tướng
Tâm càng thêm sáng rõ
Ta trong ánh sáng ấy
Thấy rõ Tứ niệm xứ
Tín hạnh từ sự cảnh
Trụ trong duyên nhiếp tâm
Khổ như kiếm cháy đỏ
Đây do "Khát ái" chuyển
Ái dứt như Niết-bàn
Khắp thấy cả ba cõi
Chết cháy do thiêu đốt
Hình thể tan nát cả
Mừng phương tiện tự vui
Thân lại dần đầy đủ
Các tướng thắng diệu sinh
Đảnh nhẫn cũng như thế
Lúc đó tâm ta khởi
Chánh phương tiện chân thực

Dần lướt qua cảnh giới
Vui tịch diệt càng thêm
Được pháp thế đệ nhất
Một niệm duyên chân đế
Thứ lớp pháp nhẫn sinh
Đó gọi: Đạo vô lậu
Vọng tướng và các cảnh
Đều xa lìa danh tự
Cảnh giới nghĩa Chân đế
Trừ não được mát mẻ
Thành tựu quả Tam-muội
Lìa cấu duyên thanh lương
Không hiện cũng không mất
Tinh tuệ như mặt trời
Lặng lẽ chánh An trụ
Thuần một tướng tịch diệt
Không phải ta tuyên nói
Chỉ Phật hay chứng biết
Na-ba A-tỳ-đàm
Nói năm quả nhân duyên
Biết tu hành Thật Nghĩa
Về danh không thể thấy
Nói luận đều khác mối
Tu hành lý vô nhị
Chấp lệch có phải trái
Kẻ đạt không tranh cãi
Các diệu tướng tu hành
Nay ta không tuyên nói
E người khở vọng tưởng
Dối lừa các thế gian
Đối tượng tu lợi kia
Ta đã nói phần ít
Nếu ai biết rõ nó
Biết rõ duyên này khởi
Cõi nước Ma-la-bà
Mới được quả Sơ Thánh
Chùa núi A-lan-nhã
Ẩn tích tu Viễn Ly

Sau ở nước Sư Tử
Làng tên Kiếp-ba-lợi
Tiến tu được quả hai.
Tức là Tư-đà-hàm
Từ đó nhiều trở ngại
Chướng tu đạo lìa dục
Thấy ta tu viễn ly
Biết chỗ trống vắng ấy
Đều sinh tâm hiếm có
Lợi dưỡng tranh nhau đến
Ta thấy như lửa độc
Tâm sinh chán lìa lớn
Tránh nạn vượt qua biển
Xà-bà và Lâm ấp
Bị gió nghiệp thổi giạt
Tùy duyên đến nước Tống
Lúc đó trong các nước
Tùy sức hưng Phật pháp
Không hỏi chỗ nên hỏi
Đế thật chân thật quán
Nay thân này diệt mất
Vắng như đèn tắt lửa.

****

- Tạp A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa, mười bốn quyển (dịch vào năm Ngươn Gia thứ mười, ở Trường can, dịch lại lần thứ hai. So với bản dịch trước thì giống nhiều khác ít).
- Ma-đức-lặc-già Tỳ-ni, mười quyển (một tên là Tát-bà-đa Tỳ-ni, ở Bình lạc, tại Mạt lăng vào năm Hưng Gia thứ mười hai. Thấy trong Đạo huệ Tống Tề Lục).
- Đại Dõng Bồ-tát Phân Biệt Nghiệp Báo Tập, một quyển.
- Long Thọ Bồ-tát Khuyến Phát Chư Vương Yếu Kệ, một quyển.
- Thỉnh Thánh Tăng Dục Văn, một quyển (đều thấy trong Cao Tăng Truyện và Biệt Lục).

Cả năm bộ gồm hai mươi bảy quyển trên, ngày đời Văn Đế, do ngài Tam tạng Pháp sư Tăng-già-bạt-ma (Tống dịch là Chúng Khải), người Thiên Trúc dịch. Năm Ngươn Gia thứ mười ngài đến Kiến Nghiệp, rất giỏi về Luật Tạng, hiểu rõ tạp tâm. Ở Bành thành có Vương Lưu, Nghĩa Khang rất kính trọng giới hạnh của ngài bèn thỉnh làm thầy, tiếng vang

khắp các đạo tràng ở Kính Ấp. Ngài huệ Quán nhờ ngài Bạt-ma mà hiểu rõ mọi tạp tâm, đọc tụng rành rẽ nhanh chóng. Tam tạng trước đây tuy đã được dịch ra nhưng chưa kịp sửa chữa viết rõ ràng đều mời ngài dịch lại, ngài Bảo Vân truyền ngữ, huệ Quán tự bút thọ, khắp hết một năm mới ngày. Sau đó tiếp tục dịch thêm Ma-đức-lặc-già...

- Tạp A-hàm Kinh, năm mươi quyển (ở dịch Ngõa Quan Tự là bản Kinh do ngài Pháp Hiển mang về. Thấy trong Đạo huệ Tống Tề Lục).

- Chúng Sự Phần A-tỳ-đàm, mười hai quyển (cùng dịch với Bồ-đề Da-xá).

- Lăng-già A-bạt-đa-la Bảo Kinh, bốn quyển (Ngày năm Ngươn Gia thứ hai mươi, ở Đạo tràng dịch ra. Ngài huệ Quán bút thọ. Thấy trong các Lục: Đạo huệ, Tăng Hựu, Pháp Thượng v.v...)

- Ương quật-ma-la Kinh, bốn quyển (cũng dịch ở Đạo tràng Thấy trong Đạo huệ Tống Tề và Tăng Hựu, Pháp Thượng, Biệt Lục...).

- Quá Khứ Hiện Tại Nhân Quả Kinh, bốn quyển (dịch ở Tân, tại Kinh Châu, là bản dịch thứ ba. So với bộ Bản Khởi Thụy Ứng của ngài Chi Khiêm dịch đời Ngô và, ngài Trúc Đại Lực dịch đời Hán thì bản đồng, lời văn có khác chút ít. Thấy trong các lục Thủy Hưng và Tăng Hựu, Lý Khuếch... Thích Lục Thập Nhị Kiến Kinh, bốn quyển (Thấy trong Biệt Lục. Còn Hựu Lục thì bảo là một quyển).

- Đại Phương Quảng Bảo Khiếp Kinh, ba quyển (Thấy ở Lý Khuếch Lục).

- Hiện Tại Phật Danh Kinh, ba quyển (dịch vào ngày bảy tháng giêng năm Ngươn Gia thứ hai mươi chín, châu Kinh Châu theo yêu cầu của Nam Tiếu Vương Lưu Nghĩa Tuyên. Cũng gọi là Hoa Phu Hiện Tại Phật Danh. Thấy trong Thủy Hưng Lục và Cao Tăng Truyện).

- Bồ-tát Hành Phương Tiện Thần Thông Biến Hóa Kinh, ba quyển (thấy trong Lý Khuếch Lục).

- Tịnh Độ Tam-muội Kinh, ba quyển (thấy trong Lý Khuếch Lục).

- Tương Tục Giải Thoát Liễu Nghĩa Kinh, hai quyển (ở dịch Đông an Thấy trong cả bốn Lục: Đạo huệ, Tăng Hựu, Lý Khuếch và pháp thương

- Đại Pháp Cổ Kinh, hai quyển (dịch ở đông An. Thấy ở: Đạo huệ, Tăng Hựu, Lý Khuếch và Biệt Lục v.v...).

- A-lan-nhã Tập Thiền Kinh, hai quyển (Thấy ở Lý Khuyếch Lục).

- Thắng Man Sư Tử Hống Nhất Thừa Đại Phương Tiện Kinh, một

quyển (dịch quận Đơn Dương dịch ra. Bảo Vân Truyền nói là ngài huệ Quán bút thọ. Thấy ở Đạo huệ Tống Tề Lục, Tăng Hựu, Lý Khuếch... các Lục).

- Vô Lượng Thọ Kinh, một quyển (dịch vào năm Hiếu Kiến. Dịch lần thứ tám. Thấy trong Đạo huệ Tống Tề Lục. So với bản dịch của các ngài Khang Tăng Khải, Chi Khiêm, Bạch Diên, Trúc Pháp Hộ, La-thập, Trúc Pháp Lực, Bảo Vân... thì bản giống nhiều, văn rộng hẹp có khác).

- Tân-đầu-lô Đột-la-xà Vi-ưu-đà DiênVương Thuyết Pháp Kinh, một quyển.

- Bát-nê-hoàn Kinh, một quyển (dịch ở Tân năm Hiếu Kiến thứ nhất, dịch lần thứ hai, hoặc không có chữ "Bát". So với bản dịch của ngài Trúc Pháp Hộ đời Tấn thì hai quyển có khác chút ít. Thấy trong Đạo huệ Tống Tề Lục).

- Bát Cát Tường Kinh, một quyển (dịch ở Kinh Châu theo yêu cầu của Tư Không Nam Tiếu Vương, vào năm Ngươn Gia thứ hai mươi chín. Dịch lần thứ hai. So với bản dịch của ngài Chi Khiêm đời Ngô thì khác chút ít. Thấy trong Tăng Hựu và Bảo Xướng Lục).

- Vô Ưu Vương Kinh, một quyển (dịch ở Tân, tại Kinh Châu. Thấy ở Ngô Lục).

- Xuất Vô Lượng Trì Môn Kinh, một quyển (Thấy ở Ngô Lục).

- Tam Tiểu Kiếp Kinh, một quyển (thấy trong Biệt Lục).

- Thập Nhị Du Kinh, một quyển (Dịch lần thứ hai. So với bản dịch của ngài Ca-lưu-đà-già đời Tấn có khác chút ít. Thấy trong Cựu Lục).

- Thập Nhị Đầu-đà Kinh, một quyển.

- Dị Xứ Thất Xứ Tam Quán Kinh, một quyển (dịch lần thứ hai. Rút từ Tạp A-hàm, hoặc không có chữ "Dị Xứ").

- Tam Nhân Duyên Kinh, một quyển.

- Thập Nhất Tưởng Tư Niệm Như Lai Kinh, một quyển (hoặc tên là Tư Duy Niệm).

- Thập Nhị Phẩm Sinh Tử Kinh, một quyển.

- Thập Báo Pháp Tam Thống Lược Kinh, một quyển.

- Tội Phước Báo Ứng Kinh, một quyển.

- Lục Trai Bát Giới Kinh, một quyển.

- Thập Nhị Đầu-đà Kinh, một quyển.

- Tứ Nhân Xuất Hiện Thế Gian Kinh, một quyển (Rút từ A-hàm).

- Tứ Phẩm Học Pháp Kinh, một quyển.

- Phật Nhập Niết-bàn Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ Ai Luyến Kinh,

một quyển.

- Thân đâu bản kinh, một quyển hoặc thân nhật Cữu Sinh Kinh, một quyển (Rút từ Sinh Kinh).
- Na Tiên Kinh, một quyển (Bản dịch khác).
- Nhật Nạn Kinh, một quyển (một tên là Việt Nạn Kinh)
- Quân Thần Kinh, một quyển (Rút từ Sinh Kinh).
- Bệ Ma Túc Kinh, một quyển.
- Anh Võ Kinh, một quyển (Rút từ Trung A-hàm).
- Phụ Trái Vi Ngưu Kinh, một quyển (Rút từ Sinh Kinh).
- Na-lại Kinh, một quyển (Rút từ Sinh Kinh).
- Nhị Kiêu Sinh Kinh, một quyển (Rút từ Xuất Diệu Kinh).
- Thích Ma Nam Bản Kinh, một quyển.
- A-lan-na Kinh, một quyển.
- Lão Mẫu Kinh, một quyển.
- Thọ Đề Già Kinh, một quyển.
- A Thấu Đạt Kinh, một quyển.
- Đại Ý Kinh, một quyển.
- Mục-liên Hàng Long vương Kinh, một quyển.
- A-nan Kiến Kỹ Nhạc Đề Khóc Vô Thường Kinh, một quyển (Rút từ Tạp A-hàm).
- Xá-lợi-phất Đẳng Tỳ-kheo Đắc Thân Tác Chứng Kinh, một quyển.
- Phật Vãng Ủy Ca-diếp Bệnh Kinh, một quyển.
- Thỉnh Bát Đặc Tỳ-kheo Kinh, một quyển (một tên gọi là Thời).
- Phật Mạng A-nan Nghệ tồi thắng Trưởng Giả Kinh, một quyển.
- Mục-liên Đệ Bố Thí Vọng Tức Báo Kinh, một quyển.
- Xá-lợi-phất Bát-nê-hoàn Kinh, một quyển (Rút từ Sinh Kinh).
- Ma-ha Ca-diếp Độ Bần Mẫu Kinh, một quyển.
- A-na-luật Thất Niệm Chương Kinh, một quyển.
- Tạp Tạng Kinh, một quyển.
- Hư Không Tạng Bồ-tát Kinh, một quyển.
- Bồ-tát Ha Dục Kinh, một quyển (dịch lần thứ hai).
- A-di-đà Kinh, một quyển.
- Chư Pháp Vô Hành Kinh, một quyển.
- Bần Tử Tu Lại Kinh, một quyển (thấy trong Lý Khuếch Lục).
- Sát Long Tế Nhất Quốc Kinh, một quyển (Rút từ Lục Độ Tập).
- Vô Lượng Nghĩa Kinh, một quyển (thấy trong Lý Khuếch Lục).
- Vô Nhai Tế Trì Pháp Môn Kinh, một quyển.

- Đọa Châu Trước Hải Trung Kinh, một quyển (Rút từ Sinh Kinh).
- Đương Lai Tuyển Trạch Chư Ác Thế Giới Kinh, một quyển.
- A-nan-đà Mục khư ni la đà Kinh, một quyển.
- Phật Nhập Cam Lộ Điều Chánh Ý Kinh, một quyển (Rút từ Đại Thập Nhị Môn Kinh).
- Quá Khứ Hành Đàn Ba-la-mật Kinh, một quyển.
- Bổn Hạnh Lục Ba-la-mật Kinh, một quyển (Các Kinh trên các Lục đều không ghi chú, chỉ thấy trong Biệt Lục).
- Đệ Nhất Nghĩa Ngũ Tướng Lược Tập, một quyển (dịch ở Đông an. Thấy trong Tăng Hựu Lục).
- Tam Tạng Pháp Sư Tự Thuật Dụ, một quyển (Thấy ở Tạp Lục).

Cả bảy mươi tám bộ gồm một trăm sáu mươi mốt quyển trên, ngày đời Văn Đế, do Tam tạng Pháp sư Cầu-na-bạt-đà-la (Tống dịch là Công Đức Hiền) người nước Trung Thiên Trúc dịch ngày rất. Rất giỏi về Đại thừa học. Người thời ấy cũng gọi là Ma-ha thừa, cũng gọi là Diễn. Năm Nguơn Gia thứ mười hai ngài đến Dương Đô, vua rất kính trọng, các vị Bành Thành Vương Lưu Nghĩa Khang, Nam Tiếu Vương Lưu Nghĩa Tuyên đều thờ ngài làm thầy. Vua sắc lệnh cho ngài ở Kỳ hoàn. Rồi thỉnh ngài dịch Tạp A-hàm... ngài Bảo Vân truyền ngữ, ngài huệ Quán bút thọ. Sau theo Tiếu Vương trấn giữ Kinh Châu. Lại ở Tân dịch các kinh Vô Ưu Vương... trước sau phiên dịch hơn trăm quyển. Phần lớn là do đệ tự là Pháp Dõng truyền ngữ. Có lần Tiếu Vương thỉnh ngài giảng Kinh Hoa Nghiêm, ngài Bạt-đà tự nghĩ mình chưa giỏi tiếng Tống, lòng rất buồn thẹn. Liền chú tâm sáng chiều Lễ Sám, thỉnh cầu Đức Quan Thế Âm ngầm gia hộ. Bèn nằm mộng thấy có người áo trắng cầm kiếm nâng một đầu người, đến trước bảo rằng: Vì sao lại ưu sầu? Ngài Bạt-đà cúi lạy kể rõ tình ý của mình. Người ấy đáp: Không việc gì phải lo nhiều! Liền lấy kiếm cắt đầu của Bạt-đà rồi đổi đầu mới kia ngày, lại bảo "Hãy trở lại!". Ngày, hỏi rằng: Có đau không? Đà thưa: Không đau đớn gì ! Bỗng nhiên tỉnh giấc, tâm thần rất vui mừng. Sáng ra nói Đạo Nghĩa bằng tiếng Tống rất rõ ràng đầy đủ. Lúc ấy liền biện luận giảng giải rất lưu loát. Sau ngài trở về Dương Đô. Thuộc đế là Yên hội họp tất cả Vương Công ra lệnh cho Bạt-đà bệ kiến. Chưa kịp cạo tóc đầu ngài tóc bạc trắng xoá, vua nhìn thấy ngài từ xa bèn quay lại hỏi quan Thượng thư Tạ Trang rằng: Sư Ma-ha-diễn thông minh hiểu rộng, nhưng tuổi gia sắp đến, Trẩm sẽ thử hỏi sự tình tất biết rõ tánh ý vị ấy. Ngài Bạt-đà tiến lên bệ, vua đón tiếp rồi hỏi: Hôm nay, Sư Ma-ha

thừa không phụ ý Trẩm. Từ ngoài xa xôi đến đây. Vì sao chỉ có một ở Ma-ha thừa? Sư liền ứng tiếng đáp rằng: Bần đạo mộ việc hoằng hóa, từ xa đến ở Đế Kinh, nhờ sự cúng dường đến nay đã hơn ba mươi năm, ân Thiên Tử thẹn ôm giữ rất sâu, nay đã bảy mươi, người già yếu bệnh hoạn, không còn mong gì hơn ngoài một cái chết!". Vua rất vui ban thưởng lớn cho là biện luận khéo léo. Ra lệnh ngài đến gần chiếu vua mà ngồi, cả buổi sáng được Thuộc Đế đối xử rất trọng hậu. Ngài lại giỏi cả về chú thuật (bùa chú). Ghi chép đầy đủ trong Cao Tăng Truyện đây không cần nhắc lại. Trong Tăng Hựu Lục chỉ nói rằng ngài Công Đức Hiền dịch kinh được bảy mươi ba quyển ngoài ra không biết hết được. Nay xét trong các lục thì thấy đều có nêu đủ.

****

- Thiền Bí Yếu Kinh, ba quyển (cũng gọi là Thiền Pháp Yếu. Năm Ngươn Gia thứ mười tám châu chùa Kỳ hoàn dịch ra. Thấy trong Tăng Hựu Lục).
- Ngũ Môn Thiền Kinh Yếu Dụng Pháp, một quyển (thấy trong Tăng Hựu và Bảo Xướng Lục).
- Quán Phổ Hiền Bồ-tát Hành Pháp Kinh, một quyển (Rút từ Thâm Công Đức Kinh, cũng gọi là Phổ Hiền Quán Kinh. Thấy trong Tăng Hựu Lục).
- Hư Không Tạng Quán Kinh, một quyển (cũng gọi là Quán Hư Không Tạng Bồ-tát Kinh. Thấy trong Đạo huệ và Tăng Hựu Lục...)
- Chư Pháp Dõng Vương Kinh, một quyển (Thấy ở Lý Khuếch Lục).
- Phật Thăng Đao-lợi Thiên Vị Mẫu Thuyết Pháp Kinh, một quyển.
- Chuyển Nữ Thân Kinh, một quyển.
- Tượng Dịch Kinh, một quyển.
- Úc-già Trưởng Giả Sở Vấn Kinh, một quyển.
- Hư Không Tạng Bồ-tát Thần Chú Kinh, một quyển (sáu bộ kinh trên đều thấy trong Lý Khuếch Ngụy Thế Lục).
- Cả mười bộ gồm mười hai quyển trên, ngày đời Văn Đế, do Tam tạng Thiền sư Đàm-ma-mật-đa (Tống dịch là Pháp Tú) người nước Kế Tân. Khi mới sinh có đôi mày liền nhau, là người sâu sắc thâm trầm lại rất thông huệ, thường có Thiện thần ngầm theo hộ trợ. Mỗi khi đến nước nào thì thần linh thường báo mộng cho vua nước ấy biết trước lúc đến cũng như lúc ra đi. Ngài luôn nuôi chí du phương giáo hóa, quen tánh tu hành thanh tịnh không cần danh lợi. Lúc đầu khi mới đến Đôn

Hoàng liền lập ngay Thiền Các ở khoảng đất trống vắng, trồng hàng ngàn cây to, mở hàng trăm mẫu vườn đẹp. Thiền chúng đông đảo đến nơi như mây đùn. Ngày năm Ngươn Gia khi mới đến Kiến Nghiệp đến ở Chỉ Trung. Về sau nghĩ tại chùa Kỳ hoàn, liền dịch Thiền Kinh, lại dùng thần chú truyền họa hình tượng Thần vương Ca-tỳ-la. Cho đến nay hãy còn bắt chước theo đó.

****

- Quán Dược Vương Dược Thượng Nhị Bồ-tát Kinh, một quyển.
- Vô Lượng Thọ Quán Kinh, một quyển.

Cả hai bộ gồm hai quyển trên, ngày đời Văn Đế, do Sa-môn Cương Lương Da-xá (Tống dịch là Thời Xưng) người nước Tây Vức dịch ngài, tánh tình cương trực, ít ham muốn học giỏi Tam tạng, hiểu biết rất rộng lại chuyên về Thiền tư. Đầu năm Ngươn Gia khi ngài mới đến kinh ấp, vua rất hậu đãi, sắc lệnh cho về ở đạo lâm tinh xá tại Chung Sơn. Cả hai kinh nói trên là Bí thuật chuyển chướng, là nhân lớn ở cõi Tịnh Độ, ngài thường đọc tụng thọ trì luôn. Sa-môn Tăng Hàm thỉnh ngài dịch ra, Tăng Hàm đích thân bút thọ. Đều thấy ghi trong Đạo huệ Tống Tề Lục và Cao Tăng Truyện.

- Quán Thế Âm Bồ-tát Thọ Ký Kinh, một quyển (dịch lần thứ hai. So với bản dịch của ngài Trúc Pháp Hộ đời Tấn có khác chút ít).
- Ngoại Quốc Truyện, năm quyển (Việc ngài Vô Kiệt kể chuyện đi du lịch Tây Vức).

Cả hai bộ gồm sáu quyển trên, ngày đời Võ Đế, năm Vĩnh Sơ thứ nhất, Sa-môn Đàm-vô-kiệt (Tống dịch là Pháp Dõng) người nước Huỳnh Long dịch. Ngài mời gọi các đồng chí như Thích Tăng Mãnh... gồm hai mươi lăm người cùng đi sang Tây Vức hơn hai mươi năm. Từ khi ra nước ngoài các vị kia đều viên tịch. Riêng chỉ một mình ngài Vô Kiệt trở về nước Kế Tân chép lại được bản kinh trên bằng Phạm văn mang về. Cuối năm Ngươn Gia ngài đến Giang Tả, liền ở Đô Dương tự mình tuyên dịch. Thấy trong các Lục: Vương Tống, Tăng Hựu, Huệ Kiểu, Lý Khuếch, Pháp Thượng...

- Bạch Trước Hành Ký, năm quyển.
- Trị Thiên Bệnh Bí Yếu Pháp Kinh, hai quyển (dịch ở Trúc viên năm Hiếu Kiến thứ hai. Hoặc không có chữ kinh. Thấy trong Đạo Tổ Ngụy Lục, và Tăng Hựu, Bảo Xướng Lục đều có ghi).
- Tịnh Phạm Vương Bát-niết-bàn Kinh, một quyển (dịch lần thứ hai).
- Bát Quan Trai Kinh, một quyển (bản dịch khác).

- Phổ Minh Vương Kinh, một quyển.
- Phật Đại Tăng Đại Kinh, một quyển (tên thứ hai).
- Sinh Tử Biến Thức Kinh, một quyển.
- Phẩn Hòa Đàn Vương Kinh, một quyển.
- Trưởng Giả Âm Duyệt Kinh, một quyển.
- Hiền Giả Luật Nghi Kinh, một quyển (cũng gọi là Oai Nghi).
- Tiến Học Kinh, một quyển.
- Ưu-bà-tắc Ngũ Giới Kinh, một quyển (cũng gọi Ngũ Tướng Kinh).
- Da-kỳ Kinh, một quyển.
- Ma-đạt Kinh, một quyển.
- Ngũ Bách Phạm Chí Kinh, một quyển.
- Chiên-đà Việt Kinh, một quyển.
- Ngũ Phản Phúc Đại Nghĩa Kinh, một quyển.
- Ca-diếp Cấm Giới Kinh, một quyển.
- Đệ Tử Tử Phục Sinh Kinh, một quyển.
- Đệ Tử Sự Phật Cát Hung Kinh, một quyển.
- Ngũ Khổ Chương Cú Kinh, một quyển.
- Thích Chủng Vấn Ưu-bà-tắc Kinh, một quyển (Rút rừ Tạp A-hàm).
- Ba-tư-nặc Vương Táng Mẫu Kinh, một quyển.
- Bồ tát thệ kệ một quyển.

Trung Ấm Kinh, một quyển.

- Phật Mẫu Bát-nê-hoàn Kinh, một quyển (dịch ở Định lâm tại Chung Sơn năm Hiếu Kiến thứ hai. Thấy ở Tăng Hựu Lục. Cũng gọi là Đại Ái Đại Kinh).
- Ma-di Tỳ-kheo Kinh, một quyển.
- Phạm Ma Hoàng Kinh, một quyển.
- Ưu-bà-tắc Ngũ Pháp Kinh, một quyển.
- Ngũ Khủng Bố Thế Kinh, một quyển.
- Mạt-la Vương Kinh, một quyển.
- Quán Di-lặc Bồ-tát Thượng Sinh Đâu-suất Thiên Kinh, một quyển. Thấy trong Đạo huệ Tống Tề Lục và Tam Tạng Ký).
- Quan Thế Âm Quán Kinh, một quyển (Thấy ở Tăng Hựu Lục).
- Giản Vương Kinh, một quyển.
- Thanh Tín Sĩ A-di Phiến Kinh, một quyển (cũng gọi là A-di Phiến Trì Phụ Tử Kinh).
- Đệ Tử Mạn Vi Kỳ Vực Thuật Kinh, một quyển (cũng gọi là Đệ

Tử Vi Kỳ-vực Thuật Mạn, hoặc gọi là Đệ Tử Hý Đản Kinh. Các Kinh nói trên không có ghi chú chỗ tìm thấy, đều rút từ Biệt Lục).

Cả ba mươi lăm bộ gồm ba mươi sáu quyển, ngày đời Hiếu Võ Đế, nhà Bắc Lương người em họ của, Hà Tây Vương Thư Cừ Mông Tốn là An Dương Hầu Kinh Thanh,dịch lúc đó nhà Lương vận mạt đã bị nhà Ngươn Ngụy diệt. Kinh Thanh lẽn chạy trốn về phía Nam Kiến Khang, ẩn dật dấu mình, không thích giao tiếp người đời, làm một cư sĩ bình thường luôn dạo thăm các chùa tháp, dứt hết vợ con danh lợi phồn hoa, chỉ cùng các Pháp Lữ luận bàn Chánh giáo. Do đó mà kẻ tục người Đạo đều kính trọng. Các bản dịch trước gồm số kinh tạp yếu, đọc thuộc đã lâu bèn đem tuyên giảng cùng mọi người, bút thọ chuyết văn đều không hề trở ngại. Đơn Dương Y Mạnh Khải thấy rất thích, nên trọng đãi thâm hậu, giao tiếp càng thân. Thấy trong Cao Tăng Truyện.

****

- Bồ-tát Niệm Phật Tam-muội Kinh, sáu quyển (hoặc gọi tất là Niệm Phật Tam-muội Kinh. Thấy trong Đạo huệ Tống Tề Lục).

- Vô Lượng Môn Phá ma Đà-la-ni Kinh, một quyển (hoặc gọi tất là Phá Ma Đà-la-ni Kinh. Thấy trong Tăng Hựu Lục).

Cả hai bộ gồm bảy quyển trên, ngày đời Hiếu Võ Đế Sa-môn Công Đức Trực, người Tây Vức dịch vào. Ngày năm Đại Minh thứ sáu, ở Kinh Châu theo yêu cầu của Sa-môn thích Huyền Sướng. Sướng sửa lại cho đúng văn nghĩa, lời lẽ ý chỉ uyển chuyển sâu sắc. Khi Sướng duổi tay thì nước từ bàn tay thơm phức chảy ra, việc thật khó lường. Về sau đến thành đô nghĩ tại chùa Đại thạch tức là Tháp A-dục Vương. Bèn chính tay ngài tạo ra mười sáu tượng Thần Kim Cang Mật Tích và truyền cho đến nay.

- Dược Sư Lưu Ly Quang Kinh, một quyển (dịch năm Đại Minh thứ nhất, một tên là Bạt Trừ Quá Tội Sinh Tử Đắc Độ Kinh, một tên là Quán Đảnh Kinh, rút từ Đại Quán Đảnh Kinh. Hựu Lục chú nghi là bản của Phòng Khám Bà-la-môn. Nay có bản Thần Ngôn bằng chữ Phạm thì có khác chút ít).

- Thương Nhân Cầu Tài Kinh, một quyển.

- Tăng Vương Ngũ Thiên Sứ Kinh, một quyển (Nghi về chữ Tăng).

- Thiện Sinh Tử Kinh, một quyển (cũng gọi là bản dịch khác của Lục Hướng Bái Kinh).

- Giải Đãi Canh Giả Kinh, một quyển (Cựu Lục gọi là Giải Đãi Canh Nhi Kinh).

- Thích-ca Tất Tội Kinh, một quyển (một bản viết chữ “Gia”, rút từ Sinh Kinh).
- Bần Cùng Lão Công Kinh, một quyển (Hoặc gọi Bần Lão).
- Sát Thân Tế Cổ Nhân Kinh, một quyển (Rút từ Lục Độ Tập).
- Xá-vệ Thành Trung Nhân Táng Tử Phát Cuồng Kinh, một quyển (Rút từ A-hàm).
- Thí Dụ Kinh, một quyển.
- Thỉnh Tân-đầu-lô Pháp Kinh, một quyển.
- A-nan Kiến Thủy Quang Thụy Kinh, một quyển (một bản gọi là Thủy Quang Kinh).
- Chú Nguyện Kinh, một quyển.
- Cù-đàm Di Ký Quả Kinh, một quyển.
- Học Nhân Loạn Ý Kinh, một quyển (cũng gọi là Mẫu Tử Tác Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni Loạn Ý Kinh, rút từ Tăng Nhất A-hàm).
- Thiết Vi Sa-môn Kinh, một quyển.
- Phật Mẫu Bát-nê-hoàn Kinh, một quyển (So với bản của An Dương Hầu dịch thì cùng bản, giống nhiều khác ít).
- Trưởng Giả Tử Lục Quá Xuất Gia Kinh, một quyển (rút từ Kinh Xuất Diệu).
- Lạp Sư Xả Gia Học Đạo Sự Kinh, một quyển (Rút từ Kinh Xuất Diệu).
- Cù-đàm Di Kinh, một quyển.
- Chiên-xà Ma Phạm Chỉ Báng Phật Sự Kinh, một quyển (rút từ Sinh Kinh).
- Nhị Lão Nam Nữ Kiến Phật Xuất Gia Đắc Đạo Kinh, một quyển.
- Chân Ngụy Sa-môn Kinh, một quyển (gọi tắt là Chân Ngụy Kinh)
- Phật Niết-bàn Hậu Chư Tỳ-kheo Kinh, một quyển (cũng gọi là Tiểu Bát-nê-hoàn Kinh, cũng gọi là Nê-hoàn Hậu Biến Dị Kinh, cũng gọi là Nê-hoàn Hậu Tỳ-kheo Thế Biến Kinh).
- Đại Lực Sĩ Xuất Gia Đắc Đạo Kinh, một quyển (cũng gọi là Lực Sĩ Bạt Đà Kinh, rút từ Tạp A-hàm mình và người không ghi chú, thấy trong Biệt Lục).

Cả hai mươi lăm bộ gồm hai mươi lăm quyển trên ngày đời Hiếu Võ Đế, Sa-môn Thích huệ Giản ở Lộc Giả dịch ra.

- Thập Tụng Tăng Ni Yếu Sự Yết-ma, hai quyển.

Một bộ hai quyển trên ngày đời Phế Đế, Luật sư Thích Tăng Cứ,

ở Trung Hưng tại Dương Đô, căn ngày Luật soạn ra. Cũng gọi là Lược Yếu Yết-ma Pháp. Thấy trong Tăng Hựu, Tam Tạng Ký.

- Thập Tụng Luật Tỳ-kheo Giới Bổn, một quyển (dịch năm Đại Minh).

- Thập Tụng Luật Tỳ-kheo-ni Giới Bổn, một quyển (dịch năm Thái Thủy).

- Thập Tụng Luật Yết-ma Tạp Sự Tinh Yếu Dụng, một quyển (dịch năm Thái Thủy).

Cả ba bộ gồm ba quyển trên ngày đời Minh Hoàng Đế, Luật sư Thích Pháp Dĩnh, ở Trường can tại Dương Đô, căn cứ ngày Luật soạn ra, rất được thạnh hành ở Giang Tả. Thấy trong Tăng Hựu Lục, Tam Tạng Ký và Bảo Xướng Lục.

- Vô Tận Ý Kinh, mười quyển.

- Hải Ý Kinh, một quyển.

- Như Lai Ấn Trí Bất Tư Nghì Kinh, năm quyển.

- Bảo Đảnh Kinh, năm quyển.

- A-thuật-đạt Bồ-tát Kinh, một quyển (Năm Thái Thủy ở Quảng Châu dịch lần thứ ba. So với bản dịch của ngài Trúc Pháp Hộ đời Tống thì rất giống).

- Tam-mật-để-da Kinh, một quyển (Cũng gọi là Hiền Nhân Minh Luật Kinh).

Cả sáu bộ gồm hai mươi chín quyển, ngày đời Minh Hoàng Đế Sa-môn Trúc Pháp Quyến, người Thiên Trúc ở Quảng châu dịch ra. Thấy ở Thủy Hưng, Tăng Hựu, Xuất Tam Tạng Ký và Bảo Xướng ba Lục).

- Như Thủ Bồ-tát Vô Thượng Thanh Tịnh Phân Vệ Kinh, hai quyển (Cũng gọi là Quyết Liễu Chư Pháp Như Huyễn Hóa Tam Muội Kinh).

Một bộ hai quyển kinh trên, ngày đời Tống, không rõ năm nào, vua nào. Các Lục đều ghi chú vấn tắt rằng Sa-môn Tường Công ở quận Nam Hải dịch. Thấy trong Đạo An, Thủy Hưng Lục, Tăng Hựu và Tam Tạng Ký cũng có ghi.

- Anh Lạc Bản Nghiệp Kinh, hai quyển.

- Phật Tạng Đại Phương Đẳng Kinh, một quyển (cũng gọi Vấn Minh Hiển Kinh).

Cả hai bộ gồm ba quyển trên, thuộc đời Tống không rõ năm nào và vua nào. Các Lục chỉ ghi chú tắt là Sa-môn Thích Đạo Nghiêm dịch. Thấy trong Thủy Hưng Lục và Pháp Thượng Lục đều ghi.

- Không Tịnh Tam-muội Kinh, một quyển (Cũng gọi là Không

Tịnh Dại Cảm Ứng Tam-muội Kinh).

- Xa-nặc Kinh, một quyển (Cũng gọi Xa-nặc Bổn Mạt Kinh).

- Khuyến Tấn Học Đạo Kinh, một quyển (cùng dịch với Lương Sử. Cũng gọi là Khuyến Tấn Kinh).

- Phạn Nữ Thủ Ý Kinh, một quyển (Cũng gọi Thủ Ý Nữ Kinh).

Cả bốn bộ gồm bốn quyển trên, thuộc đời Tống nhưng không rõ năm nào, vua nào. Các Lục chỉ ghi chú tất là Sa-môn Thích Dõng Công dịch. Thấy trong Thủy Hưng và Triệu Lục, Pháp Thượng Lục cũng có ghi.

- Nhạo Anh Lạc Trang Nghiêm Phương Tiện Kinh, một quyển (một tên là Đại Thừa Anh Lạc Trang Nghiêm Kinh, một tên là Chuyhển Nữ Thân Bồ-tát Vấn Đáp Kinh. Cùng bộ Thuận Quyền Phương Tiện Kinh của ngài Trúc Pháp Hộ dịch ở đời Tấn thì đồng bản mà khác người dịch).

- Tịch Điều Âm Sở Vấn Kinh, một quyển (một tên là Như Lai Sở Thuyết Thanh Tịnh Điều Phục Kinh. So với bộ Văn Thù Hạnh Luật của ngài Trúc Pháp Hộ đời Tấn thì đồng bản khác người dịch).

Cả hai bộ trên gồm hai quyển, thuộc đời Tống nhưng không biết năm nào. Vua nào. Các Lục chỉ ghi chú tất là Sa-môn Thích Pháp Hải dịch. Thấy trong Thủy Hưng Lục, Pháp Thượng Lục cũng có ghi.

- Nguyệt Đăng Tam-muội Kinh, một quyển (một tên là Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát Thập Sự Hạnh Kinh, một tên Đãi huệ Tam-muội Kinh).

- Một bộ một quyển kinh, thuộc đời Tống, nhưng không rõ năm nào, vua nào. Các Lục chỉ ghi chú tất là Sa-môn Thích Tiên Công dịch. Thấy trong Triệu Lục và Pháp Thượng Lục cũng có ghi.

- Quyết Chánh Tứ Bộ Tỳ-kheo Luận, hai quyển.

Một bộ hai quyển trên, ngày năm Thăng Minh thứ nhất, Sa-môn Thích Đạo Nghiễm căn cứ ngày các luật mà soạn ra.

■

LỊCH ĐẠI TAM BẢO KÝ

QUYỂN 11

CÁC KINH DỊCH Ở ĐỜI TỀ, LƯƠNG, CHU

Phần chép về các đời vua nhà Tề, Lương, Chu: Đây là những vị vua cùng noi theo việc giao tiếp với Thiền vậy. Tiêu Đạo Thành là người ở Lâm Nghi, được nhà Tống nhường ngôi, bèn xưng là Tề, nhưng vẫn đóng đô ở Kiến Khang. Ngày năm Kiến Ngươn, ở An Thành có trận lửa hoang đốt cháy tàn rụi hết cả hang động, đầm cỏ, chỉ có vài trượng đất cỏ vẫn còn nguyên. Đến xem thì tìm được ở đó một tượng vàng. Điềm linh đã cảm, Thánh Hóa lại hưng thịnh. Do đó con của Tư Đồ Cánh Lăng Văn Tuyên Vương là Lương có chí hoằng truyền Phật pháp. Cả bảy đời vua nối nhau trị vì hai mươi ba năm, sau nhường ngôi cho nước Lương.

- Tiêu Diễn, người ở Lan lăng được Tề nhường ngôi cũng đóng đô tại Kiến Khang. Vua ở trên cao nghĩ đến muôn dân khế hợp với Đẳng giác cũng biết khắp mỗi khi lâm triều nhà vua đều rộng bàn kinh giáo. Rộng mời kẻ lịch lãm, gom góp sách văn xưa để lại, đề cao thuần phong, làm lợi pháp tục. Đến năm Thiên Giám thứ bảy, vì cho là chánh và tượng pháp dần dần đi ngày mạt pháp, lòng tin ưa càng suy giảm. Tam tạng mênh mông, rất khó thể thấm nhuần được vua sắc lệnh cho Sa-môn Tăng Mân, Bảo Xướng... phải phân loại theo các thứ Lục, Kinh, Luật, Yếu sự. Tên các Kinh Luật khác nhau gồm năm mươi quyển. Đến năm thứ mười bốn vua lại sắc lệnh cho Sa-môn Tăng Thiệu soạn ra bộ Hoa Lâm Phật Điên Chúng Kinh. Mục lục bốn quyển, nhưng hãy còn chưa đầy đủ. Đến năm thứ mười bảy, vua lại sắc lệnh cho Sa-môn Bảo Xướng lại tuyển soạn ra kinh mục, bốn quyển, chỉ rõ các kinh nào có dịch hay không, chứng rõ các kinh chân ngụy, gồm có mười bảy thứ không thể kể tường tận. Có ba đời vua trị vì suốt năm mươi bốn năm, hai vua đóng đô ở Kiến khang, một vua đóng đô ở Giang lăng. Sau bị Tây Ngụy diệt.

- Vũ Văn Giác thuộc giống Tiên Ty ở sóc châu làm Ngụy Thừa Tướng, là Thế tử nối nghiệp Tần. Khi Tần chết thì lên ngôi. Được Tây Ngụy nhường ngôi xưng hiệu là nhà Chu, đóng đô ở Trường an. Đến đời vua thứ ba là đời Võ Đế tên Ung, niên hiệu kiến đức bắc đầu bức bách phật giáo đến độ kinh hoàng đã phá hủy bao công trình của đời trước...

Khắp nơi từ quan ải đến chốn sơ lâm cả mấy trăm năm trở lại, tất cả chùa tháp do công hoặc tư tạo nên đều bị quét sạch mất dấu, lại phá hư Phật tượng, thiêu đốt kinh sách. Các chùa miếu ở tám châu hơn bốn mươi ngàn ngôi đều đem ban tặng cho các vương công để làm phủ riêng. Các Sư Tăng ba phương gồm ba trăm vạn vị đều sung ngày quân đội hoặc bị đuổi về làm dân. huệ nhật đã tắt muôn dân tối tăm. Cả năm đời vua nối nhau trị vì suốt hai mươi bốn năm.

Bắt đầu từ năm Canh Thân niên hiệu Vĩnh Sơ thứ nhất được nhà Đông Tấn nhường ngôi, đến năm Tân Sửu niên hiệu Đại Định thứ nhất của nhà Chu thì dâng ấn cho vua nhà Tùy. Trong khoảng thời gian một trăm sáu mươi hai năm. Kể về số người gồm người Hoa, kẻ Phạm người Đạo, kẻ Tục dịch các Kinh và Chú thuật, Luận, Truyện, Mục Lục thì có năm mươi mốt vị. Còn số Tu-đa-la, Tỳ-ni Giới Bản, Yết-ma, Ưu-bà-đề-xá, A-tỳ-đàm, Luận, Truyện, Lục... có đến một trăm sáu mươi hai bộ, gồm một ngàn ba trăm hai mươi sáu quyển. Tổng kết thuộc ba đời, ba kinh đô, mười lăm vị vua. Niên thế lục đã chép như thế.

A. Các dịch giả:

**** Về đời Tề gồm có:***

- Sa-môn Đàm-ma-già-đà Da-xá dịch một bộ, một quyển kinh.
- Sa-môn Ma-ha Thừa dịch hai bộ, hai quyển kinh, luật.
- Sa-môn Tăng-già Bạt-đà-la, dịch một bộ, mười tám quyển kinh.
- Sa-môn Thích Pháp Ý, dịch hai bộ, hai quyển kinh.
- Sa-môn Cầu-na-tỳ-đà, dịch ba bộ, mười hai quyển kinh.
- Sa-môn Thích Pháp Độ, dịch ba bộ, ba quyển kinh, luật.
- Sa-môn Thích Pháp Nguyện, dịch hai bộ, hai quyển kinh.
- Sa-môn Thích Vương Tông, dịch hai bộ, bảy quyển kinh và mục lục.
- Sa-môn Thích Đàm Cảnh, dịch hai bộ, bốn quyển kinh.
- Sa-môn Thích Pháp Ni, dịch bộ, hai quyển kinh.
- Sa-môn Thích Đạo Chánh, dịch một bộ, một quyển kinh.
- Sa-môn Thích Đạo Bị, dịch bộ, năm quyển kinh, luật, kệ.
- Cánh Lăng Văn Tuyên Vương Tiêu Tử Lương, dịch mười bảy

bộ, hai trăm năm mươi chín quyển kinh, Sao.

- Thường Thị Dữu Hiệt, dịch một bộ, một quyển kinh.
- Sa-môn Thích Siêu Độ, dịch một bộ, bảy quyển luật lệ.
- Sa-môn Thích Pháp Hóa, dịch một bộ, một quyển kinh.
- Sa-môn Thích Pháp Viện, dịch một bộ, ba quyển chú kinh.
- Sa-môn Thích huệ Cơ, dịch một bộ, một quyển chú kinh.
- Văn Tuyên Vương Ký Thất Vương Cân, dịch một bộ, mười quyển tăng sử.

**** Về đời Lương gồm có:***

- Sa-môn Ni Tăng Pháp, dịch hai mươi mốt bộ, ba mươi lăm quyển kinh.
- Sa-môn Thích Diệu Quang, dịch một bộ, một quyển kinh.
- Sa-môn Thích Tăng Oai, dịch một bộ, một quyển giới pháp.
- Sa-môn Thích Tăng Hựu, dịch mười bốn bộ, sáu mươi ba quyển tập ký truyện.
- Sa-môn Thích Đạo Hoan, dịch một bộ, một quyển kệ.
- Sa-môn Mạn-đà-la, dịch ba bộ, mười một quyển kinh.
- Sa-môn Tăng-già-bà-la, dịch mười một bộ, ba mươi tám quyển kinh, luận, truyện.
- Thanh Tín Sĩ Mộc Đạo Hiền, dịch một bộ, một quyển kinh.
- Vương Tử Nguyệt-bà-thủ-na, dịch một bộ, một quyển kinh.
- Sa-môn Chân Đế, dịch mười sáu bộ, bốn mươi sáu quyển kinh, luận, sớ, ký.
- Sa-môn Thích Tăng Mân dịch một bộ, tám mươi tám quyển kinh, sao.
- Sa-môn Thích Tăng Thiệu, dịch một bộ, bốn quyển lục mục.
- Sa-môn Thích Bảo Xướng, dịch tám bộ, một trăm lẻ bảy quyển tạp lục.
- Sa-môn Thích Pháp Lãng, dịch một bộ, bảy mươi hai quyển chú kinh.
- Sa-môn Thích Trí Tạng, dịch một bộ, tám mươi quyển nghĩa lâm.
- Võ Hoàng Đế Tiêu Diễn, dịch một bộ, năm mươi quyển chú kinh.
- Sa-môn Thích huệ Linh, dịch một bộ, mười hai quyển kinh sao.
- Sa-môn Thích huệ Kiểu, dịch một bộ, mười bốn quyển kinh truyện.
- Ưu-bà-tắc Viên Đàm Sung,dịch một bộ, hai mươi quyển luận,

sao.

- Giãn Văn Đế Tiêu Võng, dịch một bộ, hai trăm quyển Pháp bảo tập.
- Sương Đông Vương Văn Học Ngũ Hiếu Kỉnh, dịch một bộ, ba mươi quyển Nội Điển Bác Yêu.

**** Về đời Chu gồm có:***

- Sa-môn Thích Đàm Hiển, dịch hai bộ. hai mươi quyển kinh yếu.
- Sa-môn Tương-na-bạt-đà, dịch một bộ, một quyển luận.
- Sa-môn Đạt-ma-lưu-chi, dịch một bộ, hai mươi Phạm Thiên Văn.
- Sa-môn Xà-na-da-xá, dịch sáu bộ, mười bảy quyển kinh.
- Sa-môn Da-xá-quật-đa, dịch ba bộ, tám quyển kinh.
- Sa-môn Xà-na-quật-đa, dịch bốn bộ, năm quyển kinh.
- Sa-môn Thích Tăng Diến, dịch hai bộ, hai quyển truyện.
- Sa-môn Thích huệ Thiện, dịch một bộ, tám quyển luận.
- Sa-môn Thích Vong Danh, dịch mười hai bộ, mười hai quyển luận, kinh, truyện.
- Sa-môn Thích Tịnh Ái, dịch một bộ, mười hai quyển Tam Bảo tập.
- Sa-môn Thích Đạo An, dịch một bộ, một quyển kinh, hai giáo luận.

B. Các dịch phẩm:

**** Về đời Tề gồm có:***

- Vô Lượng Nghĩa Kinh, một quyển (thấy trong hai Lục Tăng Hựu, Pháp Thượng).

Một bộ một quyển kinh, ngày đời Cao Đế, năm Kiến Ngươn thứ ba, Sa-môn Đàm-ma-già-đà Da-xá (Tề dịch là Pháp Sinh Xưng) người Thiên Trúc, ở Triều đình tại Quảng châu tự tay dịch ra. Người truyền thọ là Sa-môn huệ Biểu. Năm Vĩnh Minh thứ ba mang đến Dương Đô viết lại rõ ràng để lưu hành rộng rãi.

****

- Ngũ Bách Bản Sinh Kinh, một quyển (thấy ở Tam Tạng Ký).
- Tha-tỳ-lợi Luật, một quyển (Tha-tỳ-lợi, Tề dịch là Túc Đức. Thấy trong Tăng Hựu Lục).

Cả hai bộ gồm hai quyển trên, ngày đời Võ Đế, Sa-môn Ma-ha Thừa, người ngoại quốc dịch ra tại Quảng châu.

- Thiện Kiến Tỳ-bà-sa Luật, mười tám quyển (Thấy trong Đạo huệ Tống Tề Lục và Tam Tạng Ký).

Một bộ mười tám quyển trên, ngày đời Võ Đế, Sa-môn Tăng-già Bạt-đà-la (Tề dịch là Tăng Hiền) người ngoại quốc. "Sư Tư Tương truyền nói: Sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, ngài Ưu-ba-lý đã kết tập luật tạng ngày, ngay ngày rằm tháng bảy năm ấy sau khi làm lễ Tự tứ ngày, liền dùng hương hoa cúng dường luật tạng rối chấm ngày trước luật tạng một chấm, mỗi năm đều như thế. Khi ngài Ưu-ba-ly sắp nhập Niết-bàn liền cầm luật tạng này mà giao cho đệ tử là Đà-tả-câu. Khi ngài Đà-tả-câu sắp nhập Niết-bàn cũng giao lại cho đệ tử là Tu-câu. Khi Tu-câu sắp nhập Niết-bàn cũng giao cho đệ tử là Tất-già-bà. Khi Tất-già-bà sắp nhập Niết-bàn thì giao cho đệ tử là Mục-kiền-liên Tử Đế-tu. Khi Mục-kiền-liên Tử Đế-tu sắp nhập Niết-bàn thì giao lại cho đệ tử là Chiên-đà-bạt-xà. Như thế thầy thầy truyền nối đến Tam tạng Pháp sư ngày nay. Ngài Tam tạng Pháp sư mang luật tạng đến Lâm thượng ở Quảng châu, rồi đi thuyền buồm trở về đem luật tạng giao cho đệ tử là Tăng-già Bạt-đà-la. Ngày năm Vĩnh Minh thứ sáu, ở Trúc lâm tại Quảng châu, ngài Đà-la cùng Sa-môn Tăng Ỷ dịch ra bộ Thiện Kiến Tỳ-bà-sa này và nhân đó cùng kiết hạ an cư. Ngày năm Canh ngọ niên hiệu Vĩnh Minh thứ bảy, đến nữa đêm rằm tháng bảy sau khi làm lễ Tự tứ ngày, bèn theo phép của thầy trước mà dùng hương hoa cúng dường luật tạng ngày rồi chấm ngày đó một chấm. Kể ra đến năm đó thì được chín trăm bảy mươi lăm chấm, mỗi chấm là một năm. Ngài Triệu Bá Hưu đời Lương ngày năm Đại Đồng thứ nhất, ở Lô sơn gặp ngài Khổ Hạnh Luật sư hoằng độ có được cuốn ghi chép năm tháng này sau khi Phật nhập Niết-bàn của các Thánh chúng. Lúc đó là năm Vĩnh Minh thứ bảy đời nhà Tề, ngài Bá Hưu nói với ngài Hoằng Độ rằng: Từ năm Vĩnh Minh thứ bảy trở đi, vì sao lại không thấy chấm nữa? Ngài Hoằng Độ đáp: Từ đây trở về trước là do các Đạo nhân đắc đạo tự tay chấm ngày, còn bần đạo là kẻ phàm phu, chỉ có thể kính cẩn phụng trì mà thôi đâu dám chấm ngày! Ngài Bá Hưu nhân các chấm cũ này mà suy ra đến năm Đại Đồng thứ chín, nhà Lương, tức năm Quý Hợi thì cả thảy có được một ngàn không trăm tám mươi hai năm. Phòng tôi căn cứ ngày sự suy tìm từ năm Đại Đồng thứ chín của ngài Bá Hưu, tính đến nay là năm Đinh Tỵ, niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bảy, tính ra có được một ngàn không trăm tám mươi hai năm. Như thế Như Lai diệt độ mới hơn ngàn năm thôi, cách Phật không bao xa thật đáng mừng vui. Rất mong cùng nhau gắng sức chí thành truyền bá giáo pháp của Phật để lại.

- Quán Thế Âm Sám Hối Trừ Tội Chú Kinh, một quyển (dịch ngày tháng mười hai năm Vĩnh Minh thứ tám. Cũng gọi là Quán Thế Âm Sở Thuyết Hành Pháp Kinh. Thấy trong Bảo Xướng Lục và Tam Tạng Ký).

- Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Đề-bà-đạt-đa Phẩm đệ thập nhị (Sa-môn Pháp Hiến ở nước Vu Điền được bản Phạm Văn này mang về. Thấy trong Đạo huệ Tống Tề và Tam Tạng Ký).

Cả hai bộ gồm hai quyển kinh trên, đời Võ Đế ngài Tam tạng Pháp sư Đạt-ma Ma-đề (Tề dịch là Pháp Ý) người ngoại quốc, ngày năm Vĩnh Minh vì Sa-môn Pháp Hiến, lúc đó làm Tăng Chánh, Hiến ở Ngõa quan tại Dương châu, mà dịch ra. Từ đầu năm Nguyên Vi đời Tống, Pháp Hiến du lịch Tây Vức ba năm, ở nước Vu Điền thỉnh được bản kinh này bằng Phạm văn và răng Phật rồi đem về. Kinh dịch ra được nối nhau lưu truyền đến nay. Còn răng Phật thì đem đến nước Lương ngày tháng Giêng năm Phổ Thông thứ ba, bỗng có mấy người đều cầm gậy gộc, đầu đêm đến gõ cửa, xưng là đám người hầu làm phản của Lâm Xuyên điện hạ. Có người bảo rằng: Hãy mở cửa lầu thờ răng Phật để kiểm tra trong chùa. Nói ngày liền mở cửa lầu. Chủ soái đến trước bàn thờ răng Phật, mở hộp lấy răng ra, xá ba xá, dùng khăn tay gấm gói lấy răng rồi đi quanh về hướng Sơn Đông mất hút. Đến nay vẫn chưa biết được răng ở đâu.

- Bách Cú Thí Dụ Tập Kinh, mười quyển (do ngài Tăng Già Tư Na, người ngoại quốc, dịch ngày mười tháng chín năm Vĩnh Minh thứ mười. Đây là dịch lần thứ ba, hoặc năm quyển. Thấy trong Tăng Hựu Lục).

- Thập Nhị Nhân Duyên Kinh, một quyển (dịch lần thứ tư).

- Tư Đạt Trưởng Giả Kinh, một quyển.

Cả ba bộ gồm mười hai quyển kinh trên, ngày đời Võ Đế, do Tam tạng Pháp sư Cầu-na-tỳ-địa (Tề dịch là Đức Tấn) người nước Thiên Trúc. Ở Tỳ-da-ly tại Dương Châu dịch ngày ngày năm Vĩnh Minh).

- Hôi Hà Kinh, một quyển (Thấy trong Thủy Hưng Lục và Cao Tăng Truyện, Tam Tạng Ký... đều có).

- Tỳ-bạt Luật, một quyển (Thấy trong Tam Tạng Ký).

Cả hai bộ gồm hai quyển trên ngày đời Võ Đế, do Sa-môn Thích Pháp Độ ở Dương châu dịch ra. Thấy ghi trong Bảo Xướng Lục).

- Phật Pháp Hữu Lục Đệ Nghĩa Đệ Nhất Ưng Tri Kinh, một quyển.

- Lục Thông Vô Ngại Lục Căn Tịnh Nghiệp Nghĩa Môn, một

quyển.

Cả hai bộ gồm hai quyển trên, ngày đời Võ Đế. Sa-môn Pháp Nguyện sao tập các kinh, căn cứ ngày nghĩa mà soạn ra. Tuy việc hoằng truyền kinh có ý chỉ khác với ngụy tạo. Nay đã nêu rõ tên hiệu thì phải xếp thành bộ quyển. Đời đều liệt ngày loại kinh còn nghi, cho nên nay lại nêu ra đây, người đời sau biết rõ nguồn gốc. Mong rằng cùng soi xét (Thấy trong Tam Tạng Ký và Bảo Xướng Lục).

- Phật Sở Chế Danh Kinh, năm quyển.
- Chúng Kinh Mục Lục, hai quyển.

Cả hai bộ bảy quyển trên, ngày đời Võ Đế, Thích Vương Tôn sao tập các kinh căn cứ ngày sự loại mà soạn ra, số giống nhau nhiều như rừng rậm, đầu đề kinh, tên sách đã ghi ngày lục, chỉ sợ tên và sự thực lộn nhau, nên phải luận rõ. Đã không phải là chánh kinh thì đời phải nghi hoặc. Lại tuyển soạn ra Đại Tiểu Thừa Mục Lục. Đều thấy trong Tam Tạng Ký.

- Vị Tằng Hữu Nhân Duyên Kinh, hai quyển (Cũng gọi tắt là Vị Tằng Hữu Kinh. Thấy trong Thủy Hưng Lục).
- Ma-ha Ma-da Kinh, hai quyển (Cũng gọi tắt là Ma-da Kinh. Đều thấy trong ba lục: Vương Tôn, Bảo Xướng, Pháp Thượng).

Cả hai bộ gồm bốn quyển trên, các lục đều ghi tắt rằng: Đời Tề, Sa-môn Thích Đàm Cảnh dịch ra, không biết rõ năm nào, vua nào.

- Ích Ý Kinh, hai quyển (Hựu Lục gọi là mất tên người dịch, thấy trong Pháp Thượng Lục).

Một bộ hai quyển trên, ngày đời Tề, Sa-môn Thích Pháp Ni dịch ra, không biết rõ năm nào, vua nào).

- Di-lặc Thành Phật Kinh, một quyển.

Một bộ một quyển trên. Trước là ở Trường an, ngài Thích Đạo Tiêu Dịch, dịch lần thứ ba, khác chút ít với bản dịch của Pháp Hộ và La-thập. Đời Tề, ở Giang châu, Sa-môn Đạo Chánh đã sửa đổi đính chính lại, trước sau cũng gọi là "Thành Phật". Lại gọi là "Hạ Sinh", nhưng ở đầu Kinh có "Đại Trí Xá-lợi-phất" là đó. Không biết rõ năm nào và vua nào.

- Cửu Thượng Kinh, một quyển (Thấy trong Cựu Lục).
- An Mộ Chú Kinh, một quyển (Thấy Biệt Lục còn nghi).
- Bồ-đề Pháp Tạng Pháp Hóa Tam-muội Kinh, một quyển (dịch ngày ở đời Võ Đế. Thấy ở Tam Tạng Ký và Bảo Xướng Lục).
- Thất Phật Các Thuyết Kệ, một quyển (thấy ở Ngô Lục).
- Thâm Tự Tri Thân Kệ, một quyển (thấy ở Ngô Lục).

Cả năm bộ gồm năm quyển trên. Ngày đời Tề, Sa-môn Thích Đạo Bị dịch, sau đó ngài đổi Bị thành Hoan. Tuy thấy trong các lục song đều xếp ngày loại kinh còn nghi).

- Dị Giáo Tử Chú Kinh, một quyển.
- Sao Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, năm mươi chín quyển.
- Sao A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa, năm mươi chín quyển.
- Sao Bách Dụ Kinh, ba mươi tám quyển.
- Sao Duy-ma-cật Kinh, hai mươi sáu quyển.
- Sao Duy-ma Kinh, mười ba quyển.
- Sao Địa Trì Kinh, mười hai quyển.
- Sao Bồ-tát Quyết Định Yếu Hạnh Kinh, mười quyển (Cũng gọi là Tịnh Hạnh Ưu-bà-tắc Kinh).
- Sao Thành Thật Luận, tám quyển.
- Sao Thắng Man Kinh, bảy quyển.
- Sao A-sai-mạt Kinh, bốn quyển.
- Sao Ma-ha Ma-da Kinh, bốn quyển.
- Sao Thai Kinh, ba quyển.
- Sao Phương Tiện Báo Ân Kinh, hai quyển.
- Sao Ương-quật-ma-la Kinh, hai quyển.
- Sao Luật Đầu-đà Sự Kinh, hai quyển.
- Tam Bảo Ký, mười quyển (cũng gọi là Phật Sử Pháp Truyền Tăng Lục).

Các bài chú thích nhỏ và sao kinh họp thành mười bảy bộ, gồm hai trăm năm mươi chín quyển trên đều thuộc đời Tề, Ty đồ cánh lăng văn tuyên Vương Tiêu Tử Lương thích tìm hiểu sâu, đích thân ghi chép soạn ra, làm đầy đủ các thiếu sót không cho lưu truyền. Các học giả đời sau theo dấu nhau mà sao chép tìm đọc. Người đời thêm bớt làm rối loạn chánh văn. Cho nên nêu lên nguồn gốc ngỏ hầu ai cũng biết rõ. Ngoài ra còn hơn hai mươi quyển kinh khác, đều là thứ quyển mà văn nhiều rối rắm nên không ghi chép lại đầy đủ. Nếu trên tên kinh có chữ “Sao” thì đều thuộc loại này mà xét kỷ lệ loại, trước sau tự phân biệt. Thấy trong Tam Tạng Ký và Bảo Xướng Lục).

- Giới Quả Trang Nghiêm Kinh, một quyển (hoặc không có chữ Kinh, có tám chương Tụng).

Một bộ một quyển trên, ngày đời Võ Đế, năm Vĩnh Minh thứ năm, ngài Thường Thị Dữu Hiệt góp nhặt ý kinh mà soạn ra.

- Luật Lệ bảy quyển. Một bộ bảy quyển ngày năm Vĩnh Minh thứ bảy, đời Võ Đế do Sa-môn Thích Siêu Độ căn cứ ngày luật soạn ra.

- Phúc Trung Nữ Thích Kinh, một quyển (dịch lần thứ hai, so với Tiên Bất Trang Hiệu Nữ Kinh thì bản đồng).

Một bộ một quyển trên, ngày năm Vĩnh Minh, Sa-môn Thích Pháp Hóa tụng dịch ra. Thấy trong Cổ Lục. Các Lục nối nhau đều nói là "Tụng Xuất" chưa rõ ý chữ "Tụng". Dựa theo trên mà ghi thế. Vì có bản dịch trước nên khỏi nghi lầm.

- Thắng Man Tử Chú Kinh, ba quyển.

Một bộ ba quyển trên, ở Linh căn tại Dương châu, Sa-môn Thích Pháp Viện thuật lại và chú giải.

- Di Giáo Tử Chú Kinh, một quyển.

Một bộ một quyển trên, ở núi Pháp hoa tại Sơn âm, Sa-môn Thích Huệ Cô thuật lại và chú giải.

- Tề Tăng Sử, mười quyển.

Một bộ mười quyển trên, ở phủ Tư Đồ, Cánh Lăng Văn Tuyên Vương Ký Thất Vương Cân soạn ra.

* Về đời Lương gồm có:

- Tịnh Độ Kinh, bảy quyển (dịch năm Vĩnh Ngươn, năm tám tuổi).

- Diệu Trang Nghiêm Kinh, bốn quyển.

- Diệu Âm Sư Tử Hống Kinh, ba quyển (dịch năm Thiên Giám thứ tư. Năm mười sáu tuổi).

- Ích Ý Kinh, ba quyển (dịch năm Thiên Giám thứ nhất, năm mười ba tuổi).

- A-na-hàm Kinh, hai quyển (dịch năm Thiên Giám thứ tư, năm mười sáu tuổi).

- Bảo Đảnh Kinh, một quyển (dịch năm Vĩnh Ngươn thứ nhất, năm tám tuổi)

- Chánh Đảnh Kinh, một quyển (dịch năm Vĩnh Ngươn thứ hai, năm chín tuổi)

- Pháp Hoa Kinh, một quyển (dịch năm Vĩnh Ngươn thứ hai, năm chín tuổi)

- Thắng Man Kinh, một quyển (dịch năm Vĩnh Ngươn thứ hai, năm chín tuổi)

- Dược Thảo Kinh, một quyển (dịch năm Vĩnh Ngươn thứ ba, năm mười tuổi)

- Thái Tử Kinh, một quyển (dịch năm Vĩnh Ngươn thứ ba, năm mười tuổi)

- Già-da-bà Kinh, một quyển (dịch năm Vĩnh Ngươn thứ ba, năm mười tuổi)

- Ba-la-nại Kinh, một quyển (dịch năm Trung Hưng thứ nhất, năm mươi một tuổi)
- Ưu-lâu-tần Kinh, một quyển (dịch năm Trung Hưng thứ nhất, năm mươi hai tuổi)
- Bát-nhã Đắc Kinh, một quyển (dịch năm Thiên Giám thứ nhất, năm mươi ba tuổi)
- Hoa Nghiêm Anh Lạc Kinh, một quyển (dịch năm Thiên Giám thứ nhất, năm mươi ba tuổi)
- Xuất Thừa Sư Tử Hống Kinh, một quyển (dịch năm Thiên Giám thứ ba, năm mươi lăm tuổi)
- Du-già Vệ Kinh, một quyển (Ở trong Đài của điện Hoa quang dịch năm Thiên Giám thứ tư, năm mươi sáu tuổi).
- Ưu-đàm Kinh, một quyển.
- Duy-ma Kinh, một quyển.
- Tự Thất Thế Kinh, một quyển.

Cả hai mươi mốt bộ gồm ba mươi lăm quyển trên, do Thái Học Bác Sĩ Giang Bí Nữ, còn nhỏ mà xuất gia tên là Tăng Pháp. Năm lên tám, chín tuổi có lúc ngồi tịnh tọa nhắm mắt đọc ra các kinh trước. Ở Dương châu mọi người đạo hay tục đều cho là có thần linh dạy cho. Phòng tôi xét kỹ lý này của kinh luận rất sáng rõ, ấy là do đời trước đã luôn tập quen cho đến nay, không liên quan chi đến việc thần trao dạy. Vả lại căn cứ ngày ngoại điển thì ngài Khổng Tử có nói rằng: Sinh ra một mà biết là bậc Thánh, Học mà biết là hạng kế đó. Đây là hạn cuộc nói trong biện đời mà hưởng chất vị ở quá khứ. Nếu không phải thế thì do đâu mà luận được bậc Thánh Hiền nội ngoại, sâu cạn, quá khứ, hiện tại ư? Cho nên Cao Tăng truyện nói rằng: Ngài Thích Đàm Đế, tục tánh là Khang Thị, vì trước là người ở đất Khang. Đến thời Hán Linh Đế thì dời về sống ở Trung Quốc. Ngày cuối đời Hiến Đế có giặc loạn nên dời về sống ở Ngô Hưng. Cha của Đàm Đế là Đồng từng làm Biệt giá ở Ký Châu. Mẹ là Huỳnh Thị ngủ trưa, nằm mộng thấy một vị Tăng gọi Huỳnh là mẹ, và gởi lại một cây phất trần và miếng sắt để dằn sách. Huỳnh Thị nằm mơ mà khi thức dậy thấy hai vật ấy vẫn còn, thầm cho là linh dị, nhân đó cấn thai sinh ra một Đế. Khi Đế lên năm mẹ lấy phất trần... đưa ra. Đế bảo: đó là vật vua Tần đã tặng cho. Mẹ hỏi: Con để nó ở đâu?. Đáp rằng: Không nhớ!. Đến năm mươi tuổi thì xuất gia. Học không cần thầy, hiểu biết do Thiên phú. Đây là việc ấy. Sau theo cha đi Phàn Đặng, đến Quan Trung thì gặp Tăng Lược Đạo nhân. Bỗng nhiên kêu lên, Lược bảo rằng: Vì sao cậu bé lại gọi tên kẻ già này? Đế bảo:

Ngài xưa vốn là Sa-di của Đế, đã vì chúng Tăng hái rau mà bị heo rừng húc cho bị thương, bất giác mất tiếng nay đã quên rồi sao? Vốn ngài Tăng Lược là đệ tử của Pháp Sư Hoằng Giác, vì chúng Tăng đi hái rau bị heo rừng húc bị thương. Lược ban đầu không nhớ việc này, bèn đến nhà cha của Đàm Đế, người cha thuật đầu đuôi việc sinh ra một Đế, rồi đem trình ra cây phất trần và cái dần sách. Lược bèn tỉnh ngộ khóc bảo rằng: Đó là vật của Pháp Sư Hoằng Giác là thầy của Lược trước đây. Thầy mình vì vua Dao Tránh giảng Kinh Pháp Hoa, còn bần đạo thì làm Đô Giảng, Dao Trành tặng cho hai vật này, nay chính là nó đây. Suy ra ngày Hoằng Giác viên tịch thì đúng là ngày gởi các vật này cho Huỳnh thị, rồi nhớ ra việc hái rau lại càng sầu thảm. Về sau Đàm Đế đi du lãm trong ngoài gặp sự vật gì cũng đều nhớ lại. Lúc tuổi già ngày ở núi Hổ khâu ở nước Ngô, giảng về Lễ Dịch Xuân Thu mỗi thứ bảy lần, giảng Pháp Hoa, Đại Phẩm và Duy-ma mỗi thứ mười lăm lần. Lại khéo thuộc văn, có biên tập được sáu quyển rất thạnh hành trên đời, hơn sáu mươi tuổi mới tạ thế, ngày cuối năm Ngươn Gia đời Tống. Phòng tôi xin thưa rằng: Hoằng Giác Pháp sư và đệ tử Tăng Lược, cả thầy trò đều khuông phép của đạo nổi tiếng khắp hai đời Tần, các đồ lặt vặt và ba y cũng không hạn cuộc gì, chỉ có cái dần sách và cây phất trần, là đáng quý tiếc, lại dời thần thức vua mà thác sinh. Cả hai vật này cùng đi với thần thức, ngoài hình dáng chất ngại còn đem theo được huống chi là các pháp do nội tâm nghĩ biết mà lại không nhớ ư? Do đó gương càng dồi càng sáng, đá càng mài thì càng nhọn, từng giọt tụ lại thành biển cả nhiều hạt bụi bé tạo nên núi cao, đời đời quen luyện tập nên thêm nhiều, tháng năm học mãi nên càng hiểu rộng. Mặt trăng bé nhỏ lúc đầu tháng, tròn sáng đầy đủ đúng ngày rằm, bỏ người mà lại được thân người, đó là việc đời kế tiếp. Nhớ mà không quên là Công thần diệu, nhắm mắt tĩnh tư (nghĩ) là vì tình thức của nữ yếu kém nên phải thầm đọc liên tục. Đâu không phải là do thân trước đã đọc tụng nhiều, mà lại luận cho là do thần linh ban phép. Sao lại sánh kẻ ngu muội đui mù với đạo Trí huệ được ư?

- Tát-bà-nhã-đà Quyến Thuộc Trang Nghiêm Kinh, một quyển.

Một bộ một quyển trên, ngày năm Thiên Giám thứ chín, ở Dĩnh châu có Đầu-đà Đạo nhân Diệu Quang đến ở Hoằng phổ tại Dương châu, mới gặp được kinh này bèn tụ họp đồ chúng mà lừa dối. Vua Lương trị tội đuổi đi, cho nên bài bác nói rõ để răn dạy đời sau.

- Giáo Giới Tỳ-kheo-ni Pháp, một quyển.

Một quyển trên, ngày đời Võ Đế, năm Thiên Giám thứ ba, ở

Dương châu có Sa-môn Thích Tăng Thạnh ở Linh căn tại Chung sơn, căn cứ ngày luật mà soạn ra. Thấy trong Bảo Xướng Lục.

- Xuất Tam tạng Tập Ký, mười sáu quyển.
- Pháp Uyển Tập, mười quyển.
- Hoằng Minh Tập, mười bốn quyển.
- Thế Giới Ký, mười quyển.
- Tát-bà-đa Sư Tử Truyện, năm quyển.
- Thích-ca Phả, bốn quyển.
- Đại Tập Đẳng Tam Kinh Ký, một quyển.
- Hiền Ngu Kinh Ký, một quyển.
- Tập Tam tạng Nhân Duyên Ký, một quyển.
- Luật Phần Ngũ Bộ Ký, một quyển.
- Kinh Lai Hán Địa Tứ Bộ Ký, một quyển.
- Luật Phần Thập Bát Bộ Ký, một quyển.
- Thập Tụng Luật Ngũ Bách La-hán Xuất Tam Tạng Ký, một quyển.
- Thiện Kiến Luật Tỳ-bà-sa Ký, một quyển.

Cả mười bốn bộ gồm sáu mươi bảy quyển trên, do luật sư tăng hựu soạn, tại chùa Kiến sơ ở dương châu Ngài Tăng Hựu viết lời tựa rằng: Phàm Chân Đế sâu chắc pháp tánh rỗng lặng nhưng khai ngộ muôn vật dẫn dắt kẻ tục không phải lời nói không có giới hạn, ấy là vì “không hai”, im lặng nói phô về môn nghĩa Không. Một tiếng cất lên biện thuyết liền có cảnh đông đúc từ lúc Bổn Sư Năng Nhân của chúng ta ra đời Thuyết giảng đầu tiên ở Lộc uyển còn tại Kim Hà là tiếng nói sau cùng. Khế kinh để dẫn dụ kẻ học Tiểu thừa, sách Phương đẳng dùng để khuyến phát Đại tâm. Bánh xe mầu nhiệm có mười hai bộ loại riêng biệt.

Nhóm Pháp Tổng yếu có cả tám vạn môn, đến khi Đấng Thiện Thệ diệt độ thì mới thật sự cùng kết tập. Trước hết là bốn kinh A-hàm, kế đó là năm bộ giới phần, đó là của báu lớn của loài hàm thức vậy. Nhưng đạo phải do người hoằng hóa; Pháp phải đợi duyên mới hiển bày. Có đạo mà không người thì tuy văn còn mà không ngộ; có pháp mà không nhân duyên thì dầu sinh cùng thời mà không nghe. Nghe pháp thì là thời đến, còn ngộ đạo là nhờ cơ tới. Cơ tới thì sau đó lý mới cảm, thời đến sau đó hóa độ mới thông. Xưa đời Chu, Phật ra đời mà bến Linh còn ngăn cách. Đời Hán là thời tượng pháp mà sách mầu khắp truyền. Pháp đợi duyên mà hiển bày nếu tin tất có chứng cớ. Đời Hán Mạt An Thế Cao tuyên dịch chuyển thành sáng rỡ. Thời Ngụy Sơ Khang Tăng

Hội trước thuật mà dần dần suốt thông. Đạo do người hoằng truyền do đây mà nghiệm thấy. Từ khi nhà Tấn trung hưng thì Tam tạng truyền khắp. Khách quý nước ngoài cùng đến đông đảo. Còn ở Trung Nguyên thì kẻ trí phát triển đông vầy. Ngài Ma-đề La-thập đưa lên giềng mối lớn, Đạo An, huệ Viễn chấn chỉnh sự hiểu biết sâu xa (áo lĩnh). Kẻ tài đức đều nhóm hội tại Tiêu dao. Ở Lô sơn thì họp người Kết Văn Bát-nhã. Thời tượng pháp được người ở đây làm thạnh vượng. Vả lại Kinh vốn được nói ra ở Tây Vức mà lưu truyền đến Đông phương. Sách mang muôn dặm dịch chuyển từ Phạm thành Hán, nhưng tiếng mỗi nước một khác, nên lời văn có chỗ dị đồng. Trước sau chuyển dịch nhiều lần nên tên có mới cũ. Nhưng kẻ hậu học ít khi nghiên cứu kỹ càng cứ nối nhau biên chép, mà chẳng biết kinh dịch năm nào, sánh vai nhau đọc tụng mà không rõ được người truyền pháp là ai, đạo trao cho và nhận cũng thiếu. Vả lại một thời Thánh nhân tập họp cũng có năm việc chứng kinh, huống là cả ngàn năm giao dịch há có thể làm mê muội người đời ư? Thuở xưa An Pháp sư dùng tài lớn trí sâu mà soạn kinh lục, Đính chánh sự thấy nghe phân biệt rõ ràng. Từ đây trở đi, kinh hay có dịch ra đều là biển báu Đại thừa, được kẻ đương thời tranh nhau giảng học. Nhưng niên đại và tên người soạn dịch lại không thông suốt, năm tháng càng xa, nguồn gốc mờ mịt. Kẻ hậu sinh nếu nghi ngờ lấy đâu hiểu rõ. Hựu này lấy pháp môn ngu hèn cạn cợt để làm bằng cớ, cất cao ngọn Huyền phong, nguyện độ đến kẻ sau cùng. Đọc tụng mỗi sớm chiều, giảng nói hai mùa hè thu, tâm chưa từng không nghĩ đến hình ảnh rực rỡ ở am vườn Linh thứu. Bấy giờ theo bài tìm ý theo sáng tìm nguồn, chỉnh đốn điều nghe thấy. Gọi là Xuất Tam Tạng Ký tập thì một là Ký theo duyên - hai là Lục đề rõ tên - ba là nêu chung tựa Kinh - bốn là thuật rõ Liệt Truyện. Nếu duyên ghi đã chọn thì gốc đầu tiên tức khắc sẽ sáng rõ; tên Lục đã cân nhắc thì niên đại không lạc sót. Tựa Kinh đã nêu chung thì Thắng tập sẽ đầy đủ chứng cớ. Liệt truyện đã thuật thì thấy rõ phong cách của người ấy. Cũng như tìm xét kinh trong, phân tích sách ngoài, tham khảo những kiến thức trước, nghiệm lại các nghe thấy xưa. Nếu đời người có căn cứ thì tiêu biểu nhất là Ty Nam, tiếng truyền chưa rõ thì lời văn trở nên tối sót. Biên soạn kỹ càng, căn cứ theo Tín sử (Sử đáng tin). Suy cùng nghĩ cạn luôn chép đúng theo Thật Lục. Nếu điều có chứng cớ đã nêu thì cái không nguồn gốc tất tự hiển bày. Nước đọng không thể lộn với sữa quý, đá nước Yên đâu thể lầm là ngọc nước Sở. Tất cả Pháp uyển đều có tựa, hết thảy Trứ thuật đều chỉ đúng thì không cần phải sao chép lại.

- Chúng Kinh Yếu Lãm Pháp Kệ Nhị Thập Nhất Thủ, một quyển. Một quyển trên, ngày đời Võ Đế, năm Thiên Giám thứ ba do Sa-môn Thích Đạo Hoan soạn ra. Tăng Hựu Tam Tạng Tập Ký ghi chú là còn nghi, nên căn cứ ngày Cựu Biên.

- Bảo Vân Kinh, bảy quyển (thấy ở Đông Tấn Lục).

- Pháp Giới Thể Tánh Vô Phân Biệt Kinh, hai quyển (thấy trong Lý Khuếch và Bảo Xướng Lục).

- Văn-thù-sư-lợi Bát-nhã Ba-la-mật Kinh, hai quyển (một tên là Văn-thù-sư-lợi Thuyết Bát-nhã Ba-la-mật Kinh thấy trong Lý Khuếch Lục, dịch lần đầu).

Cả ba bộ gồm mười một quyển kinh trên, ngày năm Thiên Giám thứ nhất, Sa-môn Mạn-đà-la (Lương Dịch là Nhược thinh) người nước Phù Nam, mang nhiều kinh tiếng Phạm đến cống hiến. Do người phiên dịch chưa giỏi tiếng nước Lương (Hán văn) nên kinh dịch ra có lời văn rườm rà mà tối nghĩa. Ngài cùng Tăng-già-bà-la ở Dương đô dịch ra).

- A-dục Vương Kinh, mười quyển (ngày hai mươi sáu tháng sáu năm Thiên Giám thứ mười một, ở điện Thọ quang tại Dương đô dịch ra. Ngày dịch đầu tiên nhà vua đích thân bút thọ. Sau đó giao lại cho Tăng Chánh, huệ Siêu nối nhau cùng dịch cho ngày. Thấy trong Bảo Xướng Lục).

- Khổng Tước Vương Đà-la-ni Kinh, hai quyển (Dịch lần thứ hai, so với bản dịch của ngài Bạch Thi-lợi Mật đời Tấn thì bản đồng, văn khác chút ít. Thấy trong Bảo Xướng Lục).

- Văn-thù-sư-lợi Vấn Kinh, hai quyển (năm Thiên Giám thứ mười bảy, vua sắc lệnh cho ngài Tăng-già-bà-la, châu Chiêm vân quán dịch ra, Viên Đàm Sung bút thọ. Sa-môn Pháp Vân ở Viên trạch định rõ).

- Độ Nhất Thiết Chư Phật Cảnh Giới Trí Nghiêm Kinh, một quyển.

- Bồ-tát Tạng Kinh, một quyển.

- Văn-thù-sư-lợi Sở Thuyết Bát-nhã Ba-la-mật Kinh, một quyển (dịch lần thứ hai, hay hơn chút ít bản kinh hai quyển của Mạn-đà-la dịch trước đây).

- Xá-lợi-phất Đà-la-ni Kinh, một quyển (Bài chú này có thần lực rất lớn. Nếu người nào hay trì tụng thì có tám Dạ-xoa Vương ở Tuyết sơn thường đến ủng hộ, muốn gì đều được như ý).

- Bát Cát Tường Kinh, một quyển (Nếu người nào nghe được danh hiệu của tám vị Phật này thì sẽ không bị các quỷ thần làm hại.)

- Thập Pháp Kinh, một quyển (Dịch năm Phổ Thông thứ nhất).

- Giải Thoát Đạo Luận, mười ba quyển (ở công quán ngày năm Thiên Giám thứ mười bốn).

- A-dục Vương Truyện, năm quyển (Năm Thiên Giám, dịch lần thứ hai. So với bản dịch ở đời Ngụy có khác chút ít).

Cả mười một bộ gồm ba mươi tám quyển trên, do sa môn Tăng-già-bà-la (Lương dịch là Tăng Dưỡng, cũng gọi là Tăng Khải) người nước Phù Nam ở Chánh quán. Ngài tuổi nhỏ nhưng rất dĩnh ngộ, xuất gia năm mười lăm tuổi. Chuyên học về A-tỳ-đàm Tâm rất đầy đủ để sau này rộng tìm hiểu về Luật tạng. Khi nghe ở nước Tề có Hoằng pháp liền theo thuyền buồm đến tận kinh đô, châu chùa Chánh quán, là đệ tử của ngài Cầu-na-bạt-đà. Lại theo ngài Bạt-đà chuyên nghiên cứu về Phương đẳng, thông nhiều hiểu rộng, lại biết rành chữ và tiếng của mấy nước. Khi gặp lúc Tề mạt vận. Đạo giáo bị ngược đãi, mà thân tâm của Bà-la vẫn trong sạch tuyệt giao với bên ngoài. Vua Đại Lương đến tìm hỏi các thuật năng. Ngày năm Thiên Giám thứ năm được vua ra lệnh mời về châu điện Thọ quang, chùa Chánh quán, quán Chiêm vân tại Dương đô, châu ba nơi này mà dịch thuật các kinh sách trên, đó chính là các kinh của ngài Mạn-đà-la từ nước Phù Nam mang sang cống hiến. Khi ngài Bạt-đà viên tịch thì ngài Bà-la chuyên việc phiên dịch. Vua sắc lệnh cho các Sa-môn Bảo Xướng, Huệ Siêu, Tăng Trí, Pháp Vân và Viên Đàm Sung cùng bút thọ. Được vua tiếp đãi rất trọng hậu, kẻ tục người đạo đều kính nể. Bà-la không hề cất giữ tiền của riêng tư, đều đem cúng thí ngày việc xây dựng chùa tháp. Ngài Thái Úy Lâm Xuyên Vương hỏi rằng: Pháp sư ăn rau cải có ăn cá chăng? Đáp rằng: Ăn rau nhưng lúc bệnh tất phải cần. Lại hỏi: Bây giờ thì sao? Đáp: Thân bốn đại này lúc nào chẳng bệnh! Vương nghe rất mừng bèn thiết tiệc đãi ngài. Thấy trong Bảo Xướng Lục và Danh Tăng Truyện đều ghi).

- Ưu-lầu-tần Kinh, một quyển.

Một quyển kinh trên trong Bảo Xướng Lục nói gọn rằng: Ngày năm Thiên Giám thứ mười lăm, ngài Mộc Đạo Hiền kính tặng, ngoài ra không còn nói gì khác.

- Đại Thừa Đảnh Vương Kinh, một quyển (Cũng gọi là Duy-ma Nhi Kinh, dịch lần thứ hai. So với bộ Đại Phương Đẳng Đảnh Vương Kinh của ngài Trúc Pháp Hộ dịch đời Tấn thì bản đồng chỉ khác người dịch và văn có khác chút ít).

Một bộ một quyển kinh trên, ngày đời Võ Đế, năm Đại Đồng, do Vương Tử Nguyệt-bà-thủ-na (Lương dịch là Cao Không) người nước Ưu-thiền-ni. Dịch khi Giả từ Tề sang nước Lương nhưng bị giữ lại, Kim

Quang Minh Kinh, bảy quyển (dịch châu chùa Chánh quán và nhà của Dương Hùng tại Dương châu lần thứ hai vào năm thừa Thánh thư nhất. So với bản dịch có bốn phẩm của ngài Đàm-vô-sấm dịch ngày đời Lương thì khác hoàn toàn. Sau đó huệ Bảo, Truyền Tiêu Lương bút thọ).

- Di-lặc Hạ Sinh Kinh, một quyển (dịch lần thứ hai vào năm Thừa Thánh thứ ba, ở Bảo điền tại Dự chương, theo yêu cầu của Sa-môn huệ Hiển và hơn mười vị danh Tăng khác.

- Nhân Vương Bát-nhã Kinh, một quyển (dịch lần thứ hai ở chùa bảo điền vào năm thừa Thánh thư ba. So với bản dịch của ngài Pháp Hộ đời Tấn có khác đôi chút. Thấy ở Chân Đế Truyện.)

- Thập Thất Địa Luận, năm quyển (vào Năm Thái Thanh thứ tư, ở nhà Lục Nguyên Triết, tại Phú Xuân, dịch theo yêu cầu của Sa-môn Bảo Quỳnh và nhóm hai mươi vị danh đức khác).

- Đại Thừa Khởi Tín Luận, một quyển (năm Thái Thanh thứ tư, ở nhà của Lục Nguyên Triết.

- Trung Luận, một quyển.

- Như Thật Luận, một quyển.

- Thập Bát Bộ Luận, một quyển.

- Bản Hữu Kim Vô Luân, một quyển.

- Tam Thế Phân Biệt Luận, một quyển (Các luận trên đều dịch năm Thái Thanh thứ tư).

- Kim Quang Minh Sớ, mười ba quyển (dịch năm Thái Thanh thứ năm).

- Nhân Vương Bát-nhã Sớ, sáu quyển (dịch năm Thái Thanh thứ ba).

- Khởi Tín Luận Sớ, hai quyển (dịch năm Thái Thanh thứ tư).

- Trung Luận Sớ, hai quyển.

- Cửu Thức Nghĩa Ký, hai quyển (năm Thái Thanh thứ ba, ở Mỹ nghiệp tại Tân Ngô

- Chuyển Pháp Luân Nghĩa Ký, một quyển (dịch năm Thái Thanh thứ ba).

Cả mười sáu bộ gồm bốn mươi sáu quyển trên ngày cuối đời Võ Đế đến năm Thừa Thánh, ngài Tam tạng Pháp sư Ba-la-mạt-đà (Lương dịch là Chân Đế) người ở nước Ưu-thiền-ni thuộc Tây Thiên Trúc, từ xa nghe đồn Tiêu chúa tu hạnh Bồ-tát, tìm chọn các bậc Danh tăng Thánh hiền gương mẫu, liền mang các sách quý ở nước mình đem đến đất này. Số kinh luận Phạm văn bằng lá bối mang theo lên đến hai trăm bốn mươi bó, nếu đem dịch hết ra thì phải trên hai vạn quyển, phần lớn là

sách chưa có ở Chấn Đán. Nhằm ngày cuối đời Lương suy sụp nên việc truyền bá không kết quả, gặp thuận duyên thì dịch ra được tóm tắt ghi như trên. Những bản dịch sau này lại có các lời tựa trình bày ghi chép. Các việc ấy phần lớn đều do ngài Tam tạng Tào Tỳ ghi lại (Trường Phòng nói: Ngài Tăng Hựu bảo: "Đạo do người mà truyền rộng, pháp đợi Cơ mà hiển bày" thật đáng tin vậy. Bởi xưa có người, có pháp mà không duyên thì không gặp lúc.Nay gặp thời tốt duyên may mà thiếu người nên không pháp. Chúng sinh đáng thương, thất đáng buồn thay!.

- Chúng Kinh Yếu Sao Nhất Bộ Tinh Mục Lục, tám mươi tám quyển.

Một bộ tám mươi tám quyển trên, ngày tháng mười một năm Thiên Giám thứ bảy, vua cho rằng Pháp Hải mênh mông mà kiến thức cạn cợt nhìn thất hẹp hòi, rốt cuộc khó thể hiểu được rốt ráo. Nhân đó sắc lệnh cho Sa-môn Thích Tăng Mân ở Trang nghiêm đến châu chùa Định lâm thượng mà biên tập soạn ra bộ này đến tháng bốn mùa Hạ năm Thiên Giám tám mới ngày. Thấy trong Bảo Xướng Lục.

- Hoa Lâm Phật Điện Chúng Kinh Mục Lục, bốn quyển.

Một bộ bốn quyển trên, năm Thiên Giám thứ mười bốn, vua sắc lệnh cho Sa-môn Thích Tăng Thiện ở An lạc soạn ra. Ngài Tăng Thiệu lấy tóm tắt mục lục trong Tăng Hựu Tam tạng Tập Ký bốn quyển phân làm bốn màu và thêm bớt các thứ khác ngày. Thấy trong Bảo Xướng Lục.

- Kinh Luật Dị Tướng, một bộ cùng Mục Lục, năm mươi lăm quyển (năm Thiên Giám thứ mười lăm, vua sắc lệnh soạn ra).

- Danh Tăng Truyện và Tựa, Mục Lục, ba mươi mốt quyển.

- Chúng Kinh Phạm Cúng Thánh Tăng Pháp, năm quyển (năm Thiên Giám hai mươi lăm).

- Chúng Kinh Mục Lục, bốn quyển (năm Thiên Giám thứ mười bảy).

- Chúng Kinh Hộ Quốc Quỷ Thần Danh Lục, ba quyển (năm thứ mười lăm).

- Chúng Kinh Chư Phật Danh, ba quyển (năm thứ mười sáu).

- Chúng Kinh Ủng Hộ Quốc Độ Chư Long Vương Danh Lục, ba quyển (năm thứ mười sáu).

- Chúng Kinh Sám Hối Diệt Tội Phương Pháp, ba quyển (hoặc bốn quyển, năm thứ mười sáu, đều thấy ở Bảo Xướng Lục).

Cả tám bộ gồm một trăm lẻ bảy quyển. Nhà vua vì muốn đất nước được yên bình, không có các tai ương chướng nạn, nên trên cầu Tam

bảo, giữa nhờ Tứ thiên vương, dưới cậy chúng thần Long vương phù hộ. Như thế mọi loài ở thế gian, chúng dân đều được an lạc. Tuy có đủ các văn phân tán trong khắp kinh luận, khi cần gấp tìm nghiên cứu, khó thể thấy đủ. Cho nên trong mấy năm Thiên Giám, vua nhiều lần ra lệnh khiến Sa-môn Bảo Xướng ở Trang nghiêm soạn tuyển tập chung để đáp ứng khi cần thiết. Hoặc tạo phước để cầu trừ tai nạn, hoặc lễ sám để diệt các chướng nghiệp, hoặc thiết lễ cúng Quỷ thần, hoặc tế cúng Long vương. Các việc cầu phước nhà vua đích thân trông coi, chỉ huy các việc cúng tế nên việc linh cảm rất nhiều. Do đó suốt khoảng năm mươi năm cả triệu dân đều nhờ ân, chính là do sức này vậy.

- Đại Bát-niết-bàn Tử Chú Kinh, bảy mươi hai quyển.

Một bộ bảy mươi hai quyển trên, ngày năm Thiên Giám, vua sắc lệnh cho Sa-môn Thích Pháp Lãng ở Kiến nguyên chú giải. Thấy trong Bảo Xướng Lục.

- Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật Tử Chú Kinh, năm mươi quyển.

Cả năm mươi quyển trên, năm Võ Đế, Tiêu Diễn được ba mươi bảy tuổi lên ngôi. tại vị suốt bốn mươi chín năm. Đến tám mươi sáu tuổi, Vu thấy cơ nghiệp sớm nghiêng đổ nên thường lo buồn. Có lúc ngài than: Dù là bậc chí tôn của bốn biển cũng không thể nào sống mãi được. Cho nên ngài chỉ chú tâm giải thích kinh sách. Vì tám bộ Bát-nhã là mẹ của mười phương ba đời chư Phật, có thể tiêu trừ các tai chướng, quét sạch các phiền lao. Cho nên ngài góp nhặt các kinh sách đích thân soạn thuật chú giải. Lại thường tự giảng đọc, mong nhờ phước cao quý ấy để được mở mang, ý nghĩ mến mộ này đã khiến ngài nhiều lần muốn xả thân để phục vụ cho đời. Nhưng mỗi lần xả thân thì đất đều chấn động. Nên luôn luôn trai giới giảng đạo để Pháp luân không đoạn đứt. Như ở Chung sơn thì xây chùa Ái kỉnh, ở Thanh khê thì xây chùa Trí độ, ở Đài nội thì lập ra điện Chí kỉnh, ở Cảnh dương đài thì dựng bảy miếu thất. Trong một tháng thì thường tổ chức nhiều ngày chay tịnh. Mỗi khi đến ngày thì lễ sám và trong các dịp cúng tế tôn miếu ngày hai lễ Thu Đông thì thương cảm nước mắt ràn rụa, khiến kẻ tả hữu dự lễ cũng rơi lệ. Năm Phổ Thông thứ tám, xây ngày chùa Đồng thái. Những lầu các đền đài, phòng ốc hành lang đều trang trí đẹp đẽ. Gò Vân có chín bậc thật tráng lệ. Năm Vĩnh Ninh đời Ngụy mở cửa Đại Thông đối diện chùa Đồng thái. Nhân đó đặt niên hiệu là Đại Thông. Ngày sáu tháng ba năm ấy đích thân ngự giá đến chùa lễ sám. Dù bận rộn ức triệu công việc làm không hở tay nhưng vẫn cố đọc được kinh luận sách vở nội ngoại từ giữa đêm suốt đến rạng đông. Từ Lễ Ký, Cổ Văn, Chu Thư, Tả Truyện, Các

sách Lão Trang, Luận Ngữ, Hiếu Kinh, các điều mà hàng Vãng Triết chưa tường, bậc Tiền Nho không biết... đều giải thích tường tận. Số học sinh trong nước có hạn định lại cách biệt vì sang hèn, vua luôn muốn tập họp đoàn hậu tấn đó lại để dạy đầy đủ cho họ các điều thiện này. Cho nên đã riêng lập ra năm Quán Bác Sĩ để dẫn Đạo kẻ tài giỏi nhưng nghèo hèn (Hàn tuấn). Đến nổi cả hai đạo Nho Phật đều thịnh vượng đông đảo. Trước sau ngài có biên tập đến một trăm hai mươi quyển, còn soạn các sách về thông sử... số trên ngàn quyển. Tuổi tác và sự nghiệp đã cao nhưng cố gắng mãi không ngừng, trời chưa tỏ đã mặc áo ngồi chờ sáng, làm việc đến canh năm mới ra khỏi điện. Thấp đuốc để cảnh tỉnh muôn người, rải ơn khắp ngục tù chợ búa, phần nhiều đều rộng lượng tha thứ. Nếu ai phạm tội nặng theo đúng pháp luật không thể thương xót tha tội thì vua đổi sắc buồn hằng lâu. Ngài đốt hương niệm Phật rồi sau đó mới hạ lệnh. Thương xót muôn dân, nhân từ trắc ẩn như thế. Xét kẻ thế gian, trách phạt tội đồ sáng suốt như thần. Tự mình không dự yến tiệc, không nghe âm nhạc. Ở nội cung thì các phi tần cũng không trang suất lụa là. Trong nội điện thì giường ngủ nhỏ hẹp, áo chăn sơ sài, mền vải chiếu cói, hài cỏ khăn sô, ngoài ra không dùng y phục quý báu. Trong năm Thiên Giám bỏ hẳn thịt cá, mỗi ngày chỉ ăn một bữa, ăn toàn rau cải. Nước Thục hiến tặng củ Nhược ăn ngày biết ngon. Ngài bảo: "Rất giống mùi thịt.". Liền ra lệnh cấm dùng. Bậc Đế Vương mà được như thế, thì đáng tin đó là vua Bồ-tát không thể nghĩ bàn vậy!

- Bát-nhã Kinh Sao, mười hai quyển.

Năm thiên giám thứ mười sáu, vua ra lệnh cho Sa-môn Thích huệ Linh ở Linh căn soạn ra. Thấy ở Bảo Xướng Lục.

- Cao Tăng Truyện, mười bốn quyển (và Mục Lục).

Một bộ mười bốn quyển trên ngày đời Võ Đế, ở Gia tường tại Cối kê, do Sa-môn Thích huệ Kiểu soạn ra. huệ Kiểu học thông cả sách nội ngoại, diễn giảng giỏi kinh luật, viết bộ Niết-bàn Nghĩa mười quyển, chú sớ Phạm Võng Giới... rất thạnh hành trên đời. Được xem là khuôn mẫu đương thời vậy.

- Thành Thật Luận Loại Sao, hai mươi quyển.

Ngày năm Thiên Giám, do Ưu-bà-tắc Viên Đàm Sung soạn ra, giống với Bộ Sao Kinh của Tề Văn Tuyên. Cũng thấy trong Bảo Xướng Lục.

- Pháp Bảo Tập, hai trăm quyển (Cũng gọi là Pháp Bảo Liên Bích).

Một bộ hai trăm quyển trên, Giản Văn Đế là Tiêu Võng ngày

châu Chữ Cung, tự đọc nội kinh, phân ra các khoa mục. Ra lệnh các học sĩ biên chép liên kết lại mà thành ra bộ này. Xếp theo từng loại, cùng Bộ Hoa Lâm có thêm bớt. Các học giả đời Tùy đã góp công hơn phân nữa.

- Nghĩa Lâm, tám mươi quyển.

Một bộ tám mươi quyển trên, ngày năm Phổ Thông, vua ra lệnh cho Sa-môn Thích Trí Tạng cùng hai mươi vị Đại Đức ở Khai thiện soạn ra. Chỉ riêng những kinh luận có nghĩa, lệ, nơi chốn thì đều ghi chép theo đó, xếp theo từng loại. Thí như cùng ngày thời kỳ mà không việc thì không chép. Mỗi khi có đại pháp hội thì vua ắt đến dự để xem giảng luận. Chủ khách bàn qua luận lại, nghĩa lý rạch ròi như chỉ trong bàn tay.

- Nội Điển Bác Yếu, ba mươi quyển.

Một bộ ba mươi quyển trên, do Sương Đông Vương Ký Thất Ngu Hiếu Kỉnh soạn ra, bao gồm hết thảy các yếu sự của Kinh Luận, đều thâu nhặt chép lại đầy đủ, cũng cùng là thứ thư văn để vua xem (Hoàng lãm?). Về sau Hiếu Kỉnh xuất gia được vua vời ngày cung. Ngài cũng có trước thuật nhiều thứ. Nhưng Bộ Bác Yếu này chính là đường tất cần thiết cho các kẻ học Nội Điển.

**** Về đời Chu gồm có:***

- Chúng Kinh Yếu, hai mươi hai quyển.
- Nhất Bách Nhị Thập Pháp Môn, một quyển.

Cả hai bộ gồm hai mươi ba quyển trên, Ngụy Thừa Tướng là Vương Vũ Văn Hắc Thái năm Hưng Long giải thích kinh điển, sùng trọng pháp Đại thừa. Tuy phải điều khiển việc nước nhưng vẫn phát huy Tam Bảo. Trong nhà thường cùng cả trăm pháp sư tìm hiểu kinh luận, diễn nói Đại thừa. Bèn ra lệnh cho Sa-môn Thích Đàm Hiển căn cứ ngày kinh Đại thừa mà soạn ra bộ Bồ-tát Tạng Chúng Kinh Yếu và Bộ Nhất Bách Thập Nhị Pháp Môn, bắt đầu từ Phật Tánh, cuối đến Dung Môn, ngay lúc khai giảng liền luôn tuyên thuật, tạo nên một nguyên tắc thường xuyên để thay cho dấu vết năm thời thuyết giáo của Phật xa xưa. Đến nay còn lưu hành đến Sơn Đông, Giang Nam. Tuy gọi là phép tắc nghi thức cho người học nhưng nếu bỏ đi thì cũng không có lỗi gì. Cho đến cách dâng hương hoa, đèn lửa, tụng niệm, lễ bái, khen Phật đều có đủ cả.

- Ngũ Minh Luận Hợp Nhất, một quyển (gồm có: Một là Thanh Luận - Hai là Y Phương Luận - Ba là Công Xảo Luận - Bốn là Chú Thuật Luận - Năm là Phù Ấn Luận, hết hai năm mới dịch ngày)

Một quyển trên, ngày đời Minh Đế, do ngài Tam tạng Luật sư Tượng-na Bạt-đà-la (Chu dịch là Trí Hiền) người nước Ba-đầu-ma, đã cùng dịch với ngài Xà-na-da-xá, ở Bà-già tại Cựu thành Trường an. Các ngài Da-xá-quật-đa, Xà-na-quật-đa... truyền ngữ, Sa-môn Trí Thiên bút thọ.

- Bà-la-môn Thiên Văn, hai mươi quyển (dịch năm Thiên Hòa).

Cả hai mươi quyển trên, ngày đời Võ Đế ngài Sa-môn Đạt-ma-lưu-chi (Chu dịch là Pháp Hy) người nước Ma-lặc, dịch theo yêu cầu của Đại Trũng Tể Tấn Đãng Công Vũ Văn Hộ.

- Đại Ý Thiên Tử Sở Vấn Kinh, năm quyển (rút từ Đại Tập, dịch năm Thiên Hòa thứ sáu, Sa-môn Viên Minh bút thọ).

- Đại Thừa Đồng Tánh Kinh, bốn quyển (Cũng gọi là Phật Thập Địa Kinh, cũng gọi là Nhất Thiết Phật Hạnh Nhập Trí Tỳ-lô-giá-na Tạng Kinh. Dịch năm Thiên Hòa thứ năm. Thượng Nghi Đồng Thành Dương Công Tiêu Cát bút thọ).

- Nhập Như Lai Trí Bất Tư Nghì Kinh, ba quyển (dịch năm Thiên Hòa thứ ba. Sa-môn Viên Minh bút thọ).

- Bảo Tích Kinh, ba quyển (dịch năm Thiên Hòa thứ sáu, Sa-môn Đạo Biện bút thọ).

- Phật Đảnh Chú Kinh Tinh Công Năng, một quyển (dịch năm Bảo Định thứ tư. Học sĩ Bào Vĩnh bút thọ).

- Đại Vân Luân Kinh Thỉnh Vũ Phẩm Đệ Nhất, một trăm lẻ một quyển (dịch năm Thiên Hòa thứ năm. Sa-môn Viên Minh bút thọ, dịch lần đầu).

Cả sáu bộ kinh gồm một trăm mười bảy quyển trên, ngày đời Võ Đế, do ngài Tam tạng Thiền sư Xà-da-na-xá (Chu dịch là Tạng Xưng) người nước Ma-già-đà, cùng dịch với hai đệ tử là Da-xá-quật-đa, Xà-na-quật-đa theo yêu cầu của Đại Trũng Tể Tấn Đãng Công Vũ Văn Hộ, ở Tứ thiên vương tại cựu thành Trường an trụ quốc Bình Cao Công Hầu Phục Hầu Thọ làm Tổng giám duyệt khảo lại.

- Kim Quang Minh Kinh Cánh Quãng Thọ Lượng Đại Biện Đà-la-ni Phẩm, năm quyển (dịch lần thứ hai, ở Quy Thánh tại phường Bắc hồ. Sa-môn Trí Thiên bút thọ).

- Tu-bạt-đà-la Nhân Duyên Ưu-bà-đề-xá Kinh, hai quyển (dịch ở Tứ thiên vương. Sa-môn Viên Minh bút thọ).

- Thập Nhất Điện Quán Thế Âm Chú Kinh Tinh Công Năng, một quyển (dịch ở Tứ thiên vương. Thượng Nghi Đồng Thành Dương Công Tiêu Cát bút thọ).

Cả ba bộ kinh gồm tám quyển trên, ngày đời Võ Đế, do Tam tạng Pháp sư Da-xá-quật-đa (Chu dịch là Xứng Tạng) người nước Ưu-bà cùng dịch với bạn đồng học trẻ là Xà-na-quật-đa, theo yêu cầu của Đại Trũng Tể Vũ Văn Hộ.

- Kim Sắc Tiên Nhân Vấn Kinh, hai quyển (dịch ở Tứ thiên vương tại Trường an. Thượng Nghi Đồng Tiêu Cát bút thọ).

- Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Phổ Môn Phẩm Trùng Thuyết Kệ, một quyển.

- Chủng Chủng Tạp Chú, một quyển.

- Phật Ngũ Kinh, một quyển (cả ba bộ kinh trên đều dịch tại chùa Long uyên ở Ích châu).

Cả bốn bộ kinh gồm năm quyển trên, ngày đời Võ Đế, do Tam tạng Pháp sư Xà-na-quật-đa (Chu dịch là Chí Đức) người nước Kiền-đạt thuộc Bắc Thiên Trúc, ở Ích châu dịch theo yêu cầu của Tổng Quản Thượng Trụ Quốc Tiếu Vương Vũ Văn Kiệm. Sa-môn Viên Minh bút thọ).

- Thích Lão Tử Hóa Hồ Truyện, một quyển.

- Thập Bát Điều Nạn Đạo Chương, một quyển.

Cả hai quyển trên, ở Tân châu, chùa Quả nguyện, do Sa-môn Thích Tăng Diến soạn ra. Diến tham khảo đủ sách tà chánh thời tượng pháp, lý phàm tục tình bạc bẽo nên dễ xu nịnh cạnh tranh, chưa rõ chân ngụy đã vội khen chê. nay lấy mười tám điều vấn nạn kiểm tra giải thích ba khoa (Kinh Luật Luận) thì Thánh hiền sáng rõ phàm tục dễ thấy. Trong bài tựa tóm lược rằng: Diến đem Lão Tử cùng Duẫn Hỷ sang Tây Vực truyền dạy người Hồ, Lão Tử xuất gia nói kinh giới, Duẫn Hỷ làm Phật để giáo hóa, lại xưng là Quỷ Cốc Tiên Sinh, soạn ra bộ Nam Sơn Tứ Kiểu Chú. Kẻ chưa giỏi tìm gặp thì không gì không tin, những gì từ miệng anh ta nói ra đều cho là thật cả. Kỳ dị thay! Truyện này kẻ quân tử còn chẳng thể coi thường, huống là việc chê bai Đại Thánh. Nay cố tìm xét thuyết này thì thấy không phải thật, người đời giả mượn tên tuổi cũng chỉ mới nói mà chưa kịp dịch ra, việc làm nhục ý Lão Tử, người quân tử cao quý không hề nói lời này. Phải chăng là bọn dị đạo dốt nát khoe khoang để cạnh tranh với Phật pháp, giả mượn tên Quỷ Cốc Tứ Kiểu phụ thêm ngày truyện Duẫn Hỷ, sau đó bàn luận bậy bạ để mê hoặc kẻ phàm tục? Truyền mà không tập Khổng Tử không cho là dối. Tác giải làm loạn lời dạy của Lão Tử. Đây là cái họa lớn khiến phải đọa ngày ba đường dữ. Vậy cần phải sửa cho đúng để tránh khỏi tội kia. Song kinh giáo có nội ngoại khi dùng tất sinh nghi, hay giống nhau.

Người theo Thánh hiền phần lớn đều mê ngày dấu tích xưa. Nay khảo sát rõ năm tháng, tìm hiểu kỹ đời người căn cứ ngày nội kinh ngoại điển, thâu nhặt hết các lời nói thành thật để phân biệt thật giả, khiến một phen xem qua tất sẽ thấy rõ.

- Tán Hoa Luận, tám quyển.

Cả tám quyển sách trên ở Thê huyền tại Dương châu, Sa-môn Thích huệ Thiện soạn ra. Ngài rất giỏi về Tỳ-đàm học. Bởi Trí Độ Luận ngài thường dẫn Tiểu thừa để làm chứng nghĩa. Ngài cố dựa ngày lời văn rồi thứ lớp mới giải thích rộng ra. Ví như các sao và mặt trăng cùng giúp sáng cho thái dương. Khác nào các hoa rực rỡ phân tán. Cho nên gọi là Tán Hoa Luận vậy (tựa của luận tóm tắt như thế). Vì cái thể chất của trước thuật quý ở chỗ lời gọn mà ý giàu. Tôi đã từng đọc rất nhiều. Nay trình bày khúc chiết ấy là do chính việc này, rất hiếm người đã tinh tường. Ấy là vì gặp nghĩa thì ân cần, đụng văn thì phân tách. Các bậc quân tử hãy xét soi cho tâm kẻ hèn hạ này. Ngài Huệ Thiên cuối năm Thái Thanh lên ở Giang lăng. Cuối năm Thừa Thánh thì ngày quan nội, đến ở Sùng hoa tại thành cũ Trường an. Chu Trũng Tể biệt đãi cúng dường ngài mở bày pháp thù thắng. Ngài viên tịch năm hơn sáu mươi tuổi.

- Chí Đạo Luận, một quyển.
- Thuần Đức Luận, một quyển.
- Khiển Chấp Luận, một quyển.
- Bất Sát Luận, một quyển.
- Khử Thị Phi Luận, một quyển.
- Tu Không Luận, một quyển.
- Ảnh Dụ Luận, một quyển.
- Pháp Giới Bảo Nhân Minh, một quyển (cùng lời tựa).
- Yểm Thực Tưởng Văn, một quyển.
- Tăng Nhai Bồ-tát Truyện, một quyển (Năm Bảo Định thứ hai, châu thành đô mà thiêu thân, ngày thiêu thân, nhiều người trong khoảng mấy trăm dặm đều tụ họp đến xem thịt xương đều cháy mất, chỉ có quả tim là còn nguyên. Điềm lành trời rải hoa quý ghi chép đầy đủ trong truyện. Phòng tôi đích thân nghiệm thấy).
- Thiều Pháp Sư Truyện, một quyển (Văn khen ngợi).
- Nghiệm Thiện Tri Thức Truyện, một quyển (Nghĩa Lục Quả Quan Âm Ứng Nghiệm Ký).

Cả mười hai quyển trên, ngày đời Võ Đế, Sa-môn Thích Vong Danh viết ra. Ngài Vong Danh tục tánh là Tống Húy Khuyết là người

đất Đãi Nam Dương, là bạn của Lương Cánh Lăng Vương, không hề cưới vợ. Khi nhà Lương suy sụp thì đi xuất gia đổi tên là Thượng Thục. Khi vua Tề ngày kinh đô cho mời bệ kiến. Ban đầu vua không cho làm Sa-môn muốn ép phải hoàn tục, lại sai Thiếu Bảo, Thục Quận Công viết thư khuyến dụ. Ngài liền đáp thư nói có sáu điều không thể được. Sau đó tóm tắt rằng: “Sa-môn trì giới thì tâm và miệng phải khớp nhau, nay nêu ra sáu điều nếu có một điều dối trá thì trời xanh sẽ chán ghét, Thần linh sẽ giết hại. Khi chết rồi thì kềm sắt sẽ kéo lên, nước đồng sôi sẽ rót ngày. Ngưỡng đội ân Tam bảo nay đã sáu mươi tuổi không hề dám khi dễ Ám Thất. Huống chi nay đã gặp Đời Sáng. Vả lại quê hương đã mất cả, tôn thất chẳng còn ai. Bần đạo là người gì mà lại riêng mình mong được lâu dài. Chí thành mong được ẩn dấu, ở giữa thâm sơn nhiếp tâm xa lánh bụi trần, tạm dưỡng thân tàn cố tu huệ nghiệp, đấy là bản nguyện của thần. Gởi nắm xương nơi tinh xá, khất thực chốn thành vua, hành đạo vừa sức, tuỳ duyên hóa độ, đây là điều mong ước thứ hai vậy. Nếu như không được thế thì một mình riêng ở hẻm núi hoang, đâu thể nấn ná mà ở lâu nơi đất Diêm-phù này?”. Ngài có biên tập mười quyển, văn phần nhiều thanh nhã, luôn lời khuyến thiện, chỉ cốt giữ ý mà bỏ đi sự hoa mỹ, được đời quý trọng.

- Tam Bảo Tập, mười một quyển.

- Một bộ mười một quyển trên, ngày đời Võ Đế, Sa-môn Thích Tịnh Ái, căn cứ ngày các kinh luận mà soạn ra. Rộng khen Đại thừa mở sáng đời tượng pháp, ghi chép việc Phật, Pháp, Tăng, nên gọi là Tam bảo Tập. Về sau ngài chán thân nên tự quyên sinh. Ngày lâm chung có viết kệ tóm tắt rằng:

Thấy thân nhiều lỗi
Không thể hộ pháp
Muốn mau thấy Phật
Sớm khiến thân tự tại
Thân được tự tại ngày
Luôn ở trong các cõi
Tùy chỗ có lợi ích
Hộ pháp, cứu chúng sinh
Lại khi nghiệp đã hết
Pháp hữu vi đều thế
Ba cõi đều vô thường
Thời đến không tự tại
Người giết và tự chết

Rốt cuộc về một chỗ
Điều kẻ trí không ưa
Phải nên nghĩ như thế.
Các duyên đã vận họp
Hôm nay nghiệp đã hết.

Hơn ba mươi bài kệ ngài đã dùng máu để viết ngày vách đá, ngày lá cây. Viết ngày sau đó ngài xã thọ mạng.

- Nhị Giáo Luận, một quyển.

- Bộ Luận một quyển, ngày đời Võ Đế, đã sùng kính Đạo Pháp nhưng lại muốn giúp cả ba giáo (Khổng - Lão - Phật). Lúc đó thói tục lăng xăng, các thuyết tranh nhau nổi lên. Đầu tiên ngày Rằm tháng ba năm Thiên Hòa thứ tư, vua triệu tập các bậc Đại đức tăng, các Danh nho và Đạo sĩ, cùng bá quan văn võ hơn hai ngàn người ngày đại điện. Vua lên ngự tòa đích thân luận nghĩa muốn giúp tam giáo. Đến ngày hai mươi thì lại tập họp luận nghĩa. Đến ngày rằm tháng bốn thì cứ như trước mà tập họp nghị luận. Đến ngày hai mươi lăm, Tư Lệ Đại Phu Chân Loan chê cười việc luận đạo. Ông ta tóm tất rằng: "Đến ngày mười tháng năm thì triệu tập quần thần bình luận chê cười việc luận đạo, cho là không thể được, liền ở sân điện mà lấy lửa ra đốt hết. Đến tháng chín Sa-môn Thích Đạo An rất buồn thương bèn viết ra bộ Nhị Giáo Luận này để làm sáng rõ rốt ráo. Bấy giờ dâng lên vua, vua không thể bắt bẻ được, đều dẹp bỏ cả. Trong Luận ấy nói rằng: "Xuân Thu Tả Truyện nói: Lỗ Trang Công năm thứ bảy ngày đêm Tân Mão tháng bốn năm Giáp Ngọ, không thấy Sao Hằng mọc lên mà sao rơi như mưa, nhằm ngày đời Chu Trang Vương năm thứ mười. Trang Vương Biệt Truyện có nói: Bèn tìm Dịch Phẹ (thầy bói), tâu rằng: Ở Tây Vức, người có da màu đồng ra đời, do đó đêm ấy sáng tỏ, không phải tai ương cho nhà Trung Hạ. Xét trong kinh Phật thì Như Lai nhập thai ngày tám tháng tư, đến ngày tám tháng hai thì sinh ra, và thành đạo cũng ngày tám tháng hai. Khi sinh ra mộtvà thành đạo Phật đều phóng ra ánh sáng mà gọi là xuất thế, tức là năm thành Phật vậy. Nhà Chu lấy tháng mười một làm tháng giêng. Tháng bốn của Xuân Thu tức là tháng hai của nhà Hạ. Theo lịch của Thiên Trúc là tháng một thì trùng với tháng một của nhà Hạ. Đỗ Dự đã dùng lịch Nhà Tấn mà tính thì đó là ngày bảy tháng hai còn an cộng đồng phụng tính theo lịch nước lổ là ngày bảy tháng hai còn theo lịch nhà Tiền Chu mà tính thì đó là ngày tám tháng hai. Lại nếu dựa theo niên kỷ của ngài Pháp sư La-thập và bài Minh trên trụ đá so với Xuân Thu thì đồng nhau. Như Lai sinh ra một nhằm ngày

năm Ất Sửu đời Chu Hằng Vương năm thứ tư. Như Lai xuất gia ngày năm Quý Mùi đời Hằng Vương năm thứ hai mươi hai, còn thành Đạo ngày năm Giáp Ngọ tức đời Trang Vương thứ mười. Và nhập Diệt ngày năm Giáp Thân tức đời Tương Vương năm thứ mười lăm. Cho đến nay là năm Thiên Hòa thứ tư thì Phật điệt độ đã được một ngàn hai trăm lẻ năm năm. Phòng cho Dịch Phẹ (thầy bói) nói rằng: "Người da màu đồng ra đời tức là Sinh, Đạo Ân thì cho là thành Phật. Chỉ e có chút ít là sai khác nhau mà thôi.

■

LỊCH ĐẠI TAM BẢO KÝ

QUYỂN 12

KINH DỊCH Ở NHÀ ĐẠI TÙY

Sách ghi chép về nhà Đại Tùy rằng: Hoàng đế ta nhận lệnh trời Tứ thiên để hộ trì Tam bảo, tiếp nối năm đời trấn giữ chín châu. Do đó từ ngày mới sinh ra một đã có ánh sáng lạ rực rỡ đầy nhà, từ ngày lên ngôi trở đi các điềm linh ứng tranh nhau xuất hiện. Do đó mà trời ứng điềm mai rùa có chữ, nước chiếu ngời năm sắc, đất phun suối nước ngọt, núi vang tiếng muôn đời. Mây lành mưa cam lộ, đá tự biến thành ngọc sáng. Người điếc bỗng nghe được, kẻ mù bỗng thấy được, người câm thì nói được, kẻ què lại đi được. Cầm thú đều hiện rõ các điềm lành, cây cỏ lộ ra việc lạ lùng khó tả. Đâu chỉ có bảy báu riêng hiện rõ. Kim luân, há chỉ bốn mùa hòa thành đuốc ngọc. Ấy chính là trong Kim Quang Minh Kinh ở phẩm Chánh Luận có nói: Do tạo nghiệp lành nên được sinh làm người, làm vua thống lãnh cả nước non nên gọi là Nhân vương. Ở trong thai được chư Thiên bảo hộ, hoặc trước được bảo hộ rồi mới nhập thai. Cõi trời thứ ba mươi ba mỗi vị đem phước đức của mình ban cho vua này. Vì có trời bảo hộ cho nên gọi là Thiên tử. Năm Xích Nhã lúc Huỳnh Ốc ngự trị thì chế độ thuộc hành thủy nên hưng phế hư nát. Còn Phật nhật là lửa có gỗ (mộc) nên vận niên càng sáng, do đó mà lấy niên hiệu là Khai Hoàng. Có thể bảo rằng đuốc pháp đã tắt mà lại sáng, đó là hết bỉ thì trở lại thái vậy.

Mùa Đông năm ấy có Sa-môn Trí Châu mang Phạm kinh từ Tây Vức trở về được hai trăm sáu mươi bộ đã đến lúc vua bèn sắc chỉ cho Phó Ty tìm người phiên dịch. Đến tiết trọng xuân năm Khai Hoàng thứ hai thì mới họp nhau phiên dịch. Lý Hạ chiếu nói rằng: Nhà Ân năm lần dời đô sợ dân chết hết ấy là người lấy cát làm hung, khiến mạng sống dài thành ngắn. Mưu việc mới mà bỏ cũ, như nông dân trồng đời mùa thu, núi sông có dáng Long đầu càng đẹp đẽ. Nơi nào đồi cỏ thấm tươi thì tạo dựng đô ấp, khiến cơ đồ xả tắc được bền lâu, sự nghiệp vô cùng

là tại đây vậy. Nhân đó mà thành thì gọi là Đại hưng thành, điện thì gọi là Hưng điện, Cửa thì gọi là Đại hưng môn, huyện thì gọi là Đại hưng huyện, vườn thì gọi là Đại hưng viên, chùa thì gọi là Đại hưng thiện tự. Việc từ hóa của Tam bảo từ đấy được đại hưng, phong cách nhân ái của vạn quốc nhân đây càng mở rộng. Già-lam mọc lên san sát trang hoàng đẹp lầm tưởng là miếu Thành hoàng, tràng phan bảo cái bay cao càng khiến trang nghiêm cõi nước. Pháp đường Phật điện sánh tợ Thiên cung, Chấn Đán Thần Châu so đồng Tịnh độ, Sa-môn đông vầy rèn tập lục độ để huân tâm, kẻ tín sĩ lớp lớp tu thập thiện làm hạnh nghiệp, bốn bể sóng lặng, chín cõi yên bình. Cho nên đất đức đã hiển bày, trời lành càng sáng tỏ. Hươu trắng đã xuất hiện thì Kỳ lân sẽ nối gót theo sau. Quạ xanh đã liệng bay thì Phụng hoàng múa tất gần kề. Do đó mà hàng giàu sang lắm của tranh nhau mua vườn Kỳ-đà, nhóm quan quyền chứ tước lại cùng đua chen ngày đất A-dục Phù Đồ (tháp Phật) nhân đây mà phát triển, bảo sát (chùa Phật) xuât hiện nào khác sao giăng. Tăng Ni hiện có gần hai mươi vạn. Chùa tháp tính ra hơn bốn ngàn. Phàm các vị dịch kinh đạo, tục ngoại quốc nối nhau xuất hiện, cùng với kẻ tục, người tu ở phương này gồm tất cả có mười chín vị. Còn số được dịch ra văn mới văn cũ gồm Luận, Truyện, Pháp, Giới thì có đến bảy mươi lăm bộ, bốn trăm sáu mươi hai quyển. Tổng kết lại thành Hoàng Tùy Đại Hưng Lục Mục, để làm khuôn phép vĩnh viễn truyền lại đời sau lâu xa cùng trình bày phép tắc ấy sáng mãi không dứt. Mong các bậc Triết nhân tương lai nối gót tu hành, ngỏ hầu có được thật nhiều thần công của Tam bảo, ở khắp cõi Ta-bà mà mở mang hoằng truyền giáo pháp của ngàn Phật, trải suốt Hiền kiếp vô cùng!

A. Các dịch giả:

**** Về đời Đại Tùy:***

- Dương Xuyên Quận Thú Đàm Pháp Trí, dịch một bộ, một quyển kinh.
- Sa-môn Tỳ-ni-đa Lưu-chi, dịch hai bộ, hai quyển kinh.
- Sa-môn Na-liên-đề-da-xá dịch tám bộ, hai mươi tám quyển kinh.
- Sa-môn Thích Tăng Tựu dịch một bộ, sáu mươi quyển kinh.
- Sa-môn Xà-na-quật-đa dịch ba mươi mốt bộ, một trăm sáu mươi lăm quyển kinh.
- Sa-môn Thích Pháp Thượng, dịch ba bộ, bốn mươi ba quyển kinh và lục.

- Sa-môn Thích Linh Dũ, dịch tám bộ, ba mươi quyển luận, ký.
- Sa-môn Thích Tín Hạnh, dịch hai bộ, ba mươi lăm quyển, ba giai ký.
- Sa-môn Thích Pháp Kinh, dịch một bộ, bảy quyển lục mục.
- Sa-môn Thích Bảo Quý, dịch một bộ, tám quyển kinh.
- Sa-môn Thích Tăng Sán, dịch một bộ, một quyển luận.
- Sa-môn Thích Tăng Côn, dịch một bộ, ba quyển tạp ký.
- Sa-môn Thích Ngạn Tông, dịch sáu bộ, chín quyển luận, truyện, lục.
- Sa-môn Thích huệ Ảnh, dịch bốn bộ, hai mươi bảy quyển trí độ giải và luận.
- Quảng Châu Tư Mã Quách Nghị, dịch một bộ, hai quyển.
- Nho Lâm Lang Hầu Quân Tố, có một bộ, mười quyển truyện.
- Tấn Vương Phủ Tế Tửu Từ Đồng Khanh, có một bộ, hai quyển luận.
- Phiên Kinh Học Sĩ Lưu Phùng, có một bộ, một quyển Nội Số Thuật.
- Sắc Hữu Ty Soạn một bộ, mười quyển Chúng Kinh Pháp Thức.

B. Các dịch phẩm:

**** Về đời Đại Tùy gồm có:***

- Nghiệp Báo sai Biệt Kinh, một quyển (Dịch lần hai ngày tháng ba năm Khai Hoàng thứ hai. So với bộ Tội Nghiệp Báo Ứng Kinh thì giống nhiều khác ít).

Một bộ một quyển trên, ngày đời Nguyên Ngụy, do con cả của Bà-la-môn Ưu-bà-tắc Cù-đàm Bát-nhã Lưu-chi là Đạt-ma Bát-nhã (Tùy dịch là Pháp Trí) thuộc dòng giỏi truyền nhau phiên dịch. Cuối đời Cao Tề thì làm Chiêu Huyền Đô. Từ khi Tề bị dẹp yên thì đồng thời Phật pháp cũng bị dẹp bỏ. Ngài Pháp Trí đang làm Tăng ngôi cũng đổi sang làm quan thế tục. Vua sai dạy học ở Dương châu, Dương Xuyên Quận Thú nhà Đại Tùy được nhường chức thì kinh Phạm liền đến, Phật nhật lai được trùng hưng sáng tỏ , nên rõ phong hóa quốc gia thầm ứng. Vua liền giáng sắc mời ngài Pháp Trí trở lại dịch kinh ngài, liền đến ở Đại Hưng Thiện mà phiên dịch. Pháp Trí rất giỏi cả hai thứ tiếng Tùy Phạm, cầm bản tự dịch không nhọc công người truyền dịch, Sa-môn Thành Đô Thích Trí Huyễn ở chùa đại hưng thiện bút thọ, văn từ giải thích nghĩa lý rõ ràng. Sa-môn Triệu Quận Thích Ngạn Tông ở chùa nhật nghiêm viết tựa.

- Tượng Đầu Tinh Xá Kinh, một quyển (dịch lần hai tháng hai

năm Khai Hoàng thứ hai. So với Bộ Già-da Sơn Đảnh Kinh thì bản đồng mà khác tên).

- Đại Thừa Phương Quảng Tổng Trì Kinh, một quyển (dịch ngày tháng bảy năm Khai Hoàng thứ hai).

Cả hai bộ gồm hai quyển trên do Tam tạng Pháp sư Tỳ-đa-lưu-chi (Tùy dịch là Diệt Hỷ) người nước Ô Trường thuộc Bắc Thiên Trúc, nghe vua ta đã phục hưng Tam bảo nên không ngại xa xôi hơn năm trăm do-diên chống tích trượng tuần du đến xem thấy việc hoằng hóa hưng thạnh bèn ở lại. Được vua mời ngày dịch kinh, ngài liền ở Đại hưng thiện Quan Cấp Sự có Lý Đạo Bảo và con kế của Bát-nhã Lưu-chi là Đàm-bì, cả hai người cùng truyền dịch., Sa-môn Trường an Thích Pháp Toản ở Đại hưng thiện bút thọ thành văn Tùy, cùng chỉnh lý so sánh văn nghĩa. Sa-môn Ngạn Tống viết lời tựa.

- Đại Phương Đẳng Nhật Tạng Kinh, mười lăm quyển (Khởi dịch từ tháng năm năm Khai Hoàng thứ tư đến tháng hai năm Khai Hoàng thứ năm mới ngày. Sa-môn Trí Huyễn, Đạo Thúy, huệ Hiến vâng lệnh triều đình mời Dữu Chất Học sĩ Phí Trường Phòng bút thọ, văn nghĩa rút từ Đại Tập).

- Lực Trang Nghiêm Tam-muội Kinh, ba quyển (dịch tháng mười năm Khai Hoàng thứ năm. Phí Trường Phòng bút thọ).

- Đại Trang Nghiêm Pháp Môn Kinh, hai quyển (dịch tháng một năm Khai Hoàng thứ ba, Sa-môn Trí Huyễn bút thọ. So với các bộ Văn-thù-sư-lợi Thần Lực Kinh, Thắng Kim Sắc Quang Minh Đức Nữ Kinh, Đại Tịnh Pháp Môn Kinh thì bản dịch đồng mà tên khác).

- Đức Hộ Trưởng Giả Kinh, hai quyển (dịch tháng sáu năm Khai Hoàng thứ ba. Sa-môn huệ Côn Bút thọ. Một tên là Thi-lợi-quật-đa Trưởng Giả Kinh. So với các Bộ Thân Nhật Đâu Bản Kinh, Nguyệt Quang Đồng Tử Kinh thì bản đồng mà khác tên).

- Liên Hoa Diệu Kinh, hai quyển (dịch ngày tháng ba năm Khai Hoàng thứ tư).

- Đại Vân Luân Thỉnh Vũ Kinh, hai quyển (dịch tháng một năm Khai Hoàng thứ năm, chính là phẩm thứ một trăm của Đại Vân Kinh).

- Lao Cố Nữ Kinh, một quyển (dịch tháng mười hai năm Khai Hoàng thứ hai).

- Bách Phật Danh Kinh, một quyển (dịch tháng mười năm Khai Hoàng thứ hai. Cả bốn kinh sáu quyển trên đều do Sa-môn Tần Hiến bút thọ.

Cả tám bộ gồm hai mươi tám quyển trên do Tam tạng Pháp sư

thuộc Cao Tề Chiêu Huyền Thống Na-liên-đề-da-xá (Tùy dịch là Tôn Xưng) người nước Ô Trường, thuộc Bắc Thiên Trúc. Ngài Da-xá xuất gia từ bé, năm cõi Thiên Trúc thì đi khắp bốn, trải qua hơn sáu mươi nước lớn nhỏ. Và nhất là các thắng tích của Đức Thích-ca thì không nơi nào bước đến. Đi tận cùng biển Nam rồi trở lại Bắc Thiên Trúc. Lại đến Nhự Nhự gặp lúc nước ấy bị phá, nhân đó liền ngày Nghiệp Đô thì gặp vua Văn Tuyên. Lúc đó ngài mới bốn mươi tuổi. Ngài Da-xá có xương cốt to lớn, hình thù kỳ dị. Do đó, Văn Tuyên đã đãi ngộ rất trọng hậu. Lúc đó cũng dịch kinh được ghi đầy đủ trong Tề Thế Lục. Sau, nước Tề bị Chu diệt, nhưng vẫn ở bến Khế Chương. Đến năm Khai Hoàng thứ nhất thì kinh mới vừa đến nơi. Vua liền ra lệnh theo mời. Ngày tháng bảy năm Khai Hoàng thứ hai truyền đưa đến kinh đô. Vua thấy nhọc nhằn nên ân cần tiếp đãi, sắc lệnh cho ở yên tại Đại hưng thiện tự, cung cấp theo bậc Thượng cấp, vì pháp nên phải quý trọng người. Năm ấy ngày tháng quý Đông liền bắt tay phiên dịch. Sa-môn Tăng Sáu, Minh Phân, Cấp Sự Lý Đạo Bảo, Học sĩ Đàm Bì... Tăng Lục gồm có bốn vị nhanh chóng chuyển ngữ. Các Đại Đức ở Kinh Thành như Chiêu Huyền Thống, Sa-môn là Đàm Diên, Chiêu Huyền Đô, chủ chùa Đại hưng thiện là Sa-môn Linh Tạng... hơn hai mươi vị danh đức Tăng, thay nhau coi sóc trước sau, đến tháng mười năm Khai Hoàng thứ năm khám xét hiệu đính ngày xuôi. Lúc đó ngài Da-xá đã hơn chín mươi tuổi viên tịch ngày năm Khai Hoàng thứ chín, có ghi trong Biệt Truyện. Những Kinh sách của ngài dịch đều do Sa-môn Ngạn Đông viết tựa cả.

- Tân Họp Đại Tập Kinh, sáu mươi quyển.

Một bộ sáu mươi quyển trên, do Sa-môn Thích Tăng Hựu, năm Khai Hoàng thứ sáu tập hợp mới. Tăng Hựu ở chùa chiêu đề xuất gia từ thuở nhỏ chuyên học về Bảo Phường Học. Căn cứ đúng bản kinh Đại Tập hợp tiếng Phạm này cồm có mười vạn bài kệ, nếu dịch hết thì có thể lên đến ba trăm quyển. Nay thấy ngài Quật-đa dịch Kinh thường bảo rằng: cách hơn hai ngàn dặm về phía Đông nam nước Vu Điền có nước Giá-câu-ca. Vua nước này rất thuần tín, kính trọng Đại thừa. Danh Tăng các nước khi đến nước ấy đều phải được khảo thí. Nếu người học Tiểu thừa thì không cho ở, còn ai chuyên Đại thừa thì mới ở lại để cúng dường. Ở trong cung vua có ba bộ kinh lớn là Ma-ha Bát-nhã, Đại Tập, Hoa Nghiêm và mười vạn bài kệ. Vua đích thân thọ trì, và giữ chìa khóa khi đọc tụng mới mở ra rồi hương hoa cúng dường. Lại trong đạo tràng các thứ trang hoàng đều dùng các báu vật quý hiếm, lại treo các thứ hoa lạ trái nghịch mùa. Thường khuyên bảo các Tiểu vương nên ngày lễ

bái. Họ lại khoe rằng: Ở về phía Đông nam nước ấy hơn hai mươi dặm, có núi rất hiểm trở. Trong đó để các bộ kinh như Đại Tập, Hoa Nghiêm, Phương Đẳng, Bảo Tích, Lăng-già, Phương Quảng, Xá-lợi-phất Đà-la-ni, Hoa Tụ Đà-la-ni, Bồ-tát La Tạng, Ma-ha Bát-nhã, tám bộ Bát-nhã Đại Vân Kinh... gồm mười hai bộ đều có mười vạn bài kệ. Phép nước truyền nhau giữ gìn coi ngó. Lại bảo ở núi ấy có ba vị Diệt Định A-la-hán đang ngồi thiền trong hang vắng. Cứ mỗi nửa tháng hoặc một tháng có các Tăng lên núi để cạo râu tóc cho quý vị ấy. Thần lực có thực như thế thật rất đáng tin! Râu tóc cạo rồi lại mọc mà người ngồi nhập diệt định vẫn bất động. Phước Địa khó nghĩ bàn nhờ cái báu này duy trì mà có được các vua sáng suốt nối gót Thánh hiền hoằng hóa các vua. Nay viết lại để lưu truyền. Trong hàng vua chúa cai trị nghe biết việc lành còn kể lại. Nên nay chép rõ. Song nay cách Phật dần xa, thức phàm phu mờ tối, không thể nhớ hiểu hết nên tùy từng phần mà viết tóm tắt. Đến nỗi ngày nay bản tiếng Phạm thiếu sót hoặc quá ngắn gọn. Nên gặp bản tóm gọn thì dịch tóm gọn, gặp bản rộng dài thì dịch rộng dài. Do đó các bậc Tiền triết như Chi-đàm và La-thập đã dịch ra hoặc hai mươi bảy quyển, hoặc ba mươi quyển hay ba mươi mốt quyển không chừng, đến khi tuyên dương thì luôn than thở. Đến như ngài Da-xá đời Cao Tề dịch Nguyệt Tạng Kinh mười hai quyển, đến nay là năm Khai Hoàng thì ngài Da-xá dịch Nhật Tạng Kinh mười lăm quyển, đều rút từ Cựu Phẩm của Đại Tập Bản rộng, nên lòng rất vui mừng, liền dựa ngày đó mà họp thành sáu mươi cuốn, chỉ e việc ghép ngày chưa được khéo léo. Ví như ở Đại hưng thiện có Sa-môn Hồng Khánh, kiến thức sâu xa theo lệnh hoàng hậu kiểm xét sao chép ra, các Kinh ở hai tạng được sửa đúng đắn, kết hợp lại thì tên kinh rất chỉnh đốn. Nay lại thấy dịch ra, trong đó còn có phần Đại tập. Nếu tóm tắt hết thì cũng hơn cả trăm quyển, mà so với bản tiếng Phạm thì chỉ có một phần ba thôi. Vả như đất đá này tan ra thành bụi nhỏ vì không có sức liên kết nhau lại, rồi các bụi ấy họp thành gò đất có công năng sinh sản và che chở muôn loài. Cành lá lìa rừng mà mong được sum xuê dòng nước, bỏ suối nguồn mà cầu ướt đẫm... có thể được sao? Vua ta sinh ra một thật đúng thiên thời, hợp địa lý. Cả chín châu ngăn cách hơn ba trăm năm nay lại hợp, mười vạn bài kệ chia ra khắp ngàn chùa. Kinh tan rồi lại hợp, họp thành văn của Đại tập sáng trưng. Đất chia cắt rồi lại chung hiển , chung bày nước Đại Hưng thịnh Nếu không phải là bậc nắm giữ Kim Luân hoằng truyền Phương Đẳng chính là vua chúa trước nay mở mang Phật pháp thì còn ai ngày đấy nữa?

- Phật Bổn Hạnh Tập Kinh, sáu mươi quyển (khởi dịch ngày tháng bảy năm Khai Hoàng thứ bảy đến tháng hai năm Khai Hoàng thứ mười hai mới ngày. Sa-môn Tăng-đàm, Học sĩ Phí Trường Phòng, Lưu Bằng... bút thọ. Sa-môn Ngạn Tông viết tựa).

- Pháp Cự Đà-la-ni Kinh, hai mươi quyển (khởi dịch ngày tháng bốn năm Khai Hoàng thứ mười ba đến tháng sáu năm Khai Hoàng thứ mười sáu mới ngày. Sa-môn Đạo Thúy... bút thọ).

- Oai Đức Đà-la-ni Kinh, hai mươi quyển (Khởi dịch ngày tháng bảy năm Khai Hoàng thứ mười lăm đến tháng mười hai năm Khai hoàng mười sáu mới ngày. Sa-môn Tăng Côn... bút thọ).

- Chư Phật Hộ Niệm Kinh, mười quyển (Khởi dịch tháng mười năm Khai Hoàng thứ mười bốn đến tháng mười hai thì ngày. Sa-môn Tăng Đàm... bút thọ).

- Ngũ Thiên Ngũ Bách Phật Danh Kinh, tám quyển (Khởi dịch tháng tám năm Khai Hoàng thứ mười ba, đến tháng chín năm khai hoàng mười bốn thì ngày. Sa-môn Tăng-đàm... bút thọ).

- Hiền Hộ Bồ-tát Kinh, sáu quyển (Khởi dịch tháng mười hai năm Khai Hoàng thứ mười bốn đén tháng hai năm mười lăm mới ngày. Sa-môn Minh Phân... bút thọ).

- Hiền Thiện Trụ Thiên Tử Sở Vấn Kinh, bốn quyển (dịch tháng bốn năm Khai Hoàng thứ mười lăm. Sa-môn Đạo Mật... bút thọ).

- Quán Sát Chư Pháp Hành Kinh, bốn quyển (Khởi dịch ngày hai mươi bốn tháng tư năm Khai Hoàng thứ mười lăm đến ngày hai mươi lăm tháng năm năm ấy thì ngày. Học Sĩ Phí Trường Phòng bút thọ).

- Tứ Đồng Tử Kinh, ba quyển (dịch từ tháng năm đến tháng bảy năm Khai Hoàng thứ mười ba thì ngày. Sa-môn Tăng Côn bút thọ).

- Chư Pháp Bổn Vô Kinh, ba quyển (dịch khám sáu năm Khai Hoàng thứ mười lăm, đến, tháng bảy ngày. Học sĩ Lưu Bằng... bút thọ).

- Hư Không Dựng Bồ-tát Kinh, hai quyển (dịch tháng tư năm Khai Hoàng thứ bảy, đến, tháng ba ngày. Sa-môn Tăng-đàm bút thọ. Sa-môn Ngạn Tông viết tựa).

- Nguyệt Thượng Nữ Kinh, ba quyển (dịch tháng tư năm Khai Hoàng thứ mười một, , đến tháng sáu xong. Học sĩ Lưu Phùng bút thọ, Sa-môn Ngạn Tông viết tựa).

- Thiện Tư Đồng Tử Kinh, hai quyển (dịch tháng bảy Khai Hoàng thứ mười một, đến, tháng chín ngày. Học Sĩ Phí Trường Phòng bút thọ. Sa-môn Ngạn Tông viết tựa).

- Di Thức Kinh, hai quyển (Năm Khai Hoàng thứ mười một, tháng

mười dịch tháng mười hai ngày. Học sĩ Phí Trường Phòng bút thọ).

- Thí Dụ Vương Kinh, hai quyển (dịch tháng mười năm Khai Hoàng thứ mười lăm, đến ngày tháng sáu. Sa-môn Đạo Thúy... bút thọ).

- Phát Giác Tịnh Tâm Kinh, hai quyển (dịch tháng mười năm Khai Hoàng thứ mười lăm, dịch tháng chín ngày tháng mười. Sa-môn Tăng Côn... bút thọ).

- Nhất Hướng Xuất Sinh Bồ-tát Kinh, một quyển (dịch tháng 1 năm Khai Hoàng thứ mười lăm, dịch đến tháng mười hai. Sa-môn Tăng Đàm bút thọ. Sa-môn Ngạn Tông viết tựa).

- Đại Oai Đăng Tiên Nhân Vấn Nghi Kinh, một quyển (Năm Khai Hoàng thứ sáu, dịch tháng một ngày tháng hai. Sa-môn Đạo Thúy bút thọ. Sa-môn Ngạn Tông viết tựa).

- Văn-thù-thi-lợi Hạnh Kinh, một quyển (Năm Khai Hoàng thứ sáu, dịch tháng một ngày tháng hai. Sa-môn Tăng Đàm bút thọ. Sa-môn Ngạn Tông viết tựa).

- Bát Phật Danh Hiệu Kinh, một quyển (Năm Khai Hoàng thứ 6, dịch tháng năm ngày tháng 6. Sa-môn Đạo Thúy bút thọ. Sa-môn Ngạn Tông viết tựa).

- Hy Hữu Giảo Lương Công Đức Kinh, một quyển (Năm Khai Hoàng thứ sáu, dịch tháng sáu ngày tháng ấy. Sa-môn Tăng Đàm bút thọ. Sa-môn Ngạn Tông viết tựa).

- Thiện Cung Kỉnh Sư Kinh, một quyển (Năm Khai Hoàng thứ sáu, dịch tháng bảy ngày tháng tám. Sa-môn Tăng Đàm bút thọ. Sa-môn Ngạn Tông viết tựa).

- Như Lai Phương Tiện Thiện Xão Chú Kinh, một quyển (Năm Khai Hoàng thứ bảy, dịch tháng một ngày tháng hai. Sa-môn Tăng Đàm... bút thọ. Sa-môn Ngạn Tông viết tựa).

- Bất Không Quyển Sách Quán Thế Âm Tâm Chú, một quyển (Năm Khai Hoàng thứ bảy, dịch tháng bốn ngày tháng năm. Sa-môn Tăng Đàm... bút thọ. Sa-môn Ngạn Tông viết tựa).

- Thập Nhị Phật Danh Thần Chú Trừ Chướng Diệt Tội Kinh, một quyển (Năm Khai Hoàng thứ bảy, dịch tháng năm ngày tháng ấy. Sa-môn Tăng Côn bút thọ, Sa-môn Ngạn Tông viết tựa).

- Kim Cang Trường Đà-ni Kinh, một quyển (Năm Khai Hoàng thứ bảy, dịch tháng sáu tháng tám ngày. Sa-môn Tăng Côn... bút thọ, Sa-môn Ngạn Tông viết tựa).

- Chư Pháp Tối Thượng Vương Kinh, một quyển (Năm Khai Hoàng thứ mười lăm dịch tháng năm ngày tháng bảy. Sa-môn Minh

Thân... bút thọ).

- Nhập Pháp Giới Kinh, một quyển (Năm Khai Hoàng thứ mười lăm, dịch tháng bảy ngày tháng tám. Sa-môn Đạo Mật... bút thọ).

- Thương Chủ Thiên Tử Vấn Kinh, một quyển (dịch tháng tám năm Khai Hoàng thứ mười lăm, ngày tháng chín. Học Sĩ Phí Trường Phòng... bút thọ).

- Xuất Sinh Bồ-tát Kinh, một quyển (dịch tháng chín năm Khai Hoàng thứ mười lăm, và ngày trong tháng ấy. Học Sĩ Lưu Phùng bút thọ).

- Kim Quang Minh Kinh Chúc Lụy Phẩm, Ngân Chủ Phẩm họp thành một quyển (Đời Lương ngài Đàm-vô-sấm dịch bốn quyển; đời Lương ngài Chân Đế dịch sáu quyển; đời Chu ngài Chúc-đa dịch năm quyển đều không có hai phẩm này. Cho nên đời sau dịch thêm).

Cả ba mươi mốt bộ gồm một trăm sáu mươi lăm quyển, do Tam tạng Pháp sư Xà-na-quật-đa (Tùy dịch là Chí Đức, lại gọi là Phật Đức) người nước Kiền-đạt thuộc Bắc Thiên Trúc dịch vào ngày đời Chu Minh Đế, đầu năm Võ Thành, ngài cùng bạn đồng học là Da-xá Quật-đa theo quyết sư chủ tam tạng Thiền sư Xà-na-da-xá từ nước Ma-già-đà, mang kinh đem ngày. Thầy trò và bạn học cùng luyện tập tiếng địa phương hơn hai mươi năm. Ngài Quật-đa giỏi nhất. Đồng thời châu kinh đô và đi qua đất Thục, đến đâu cũng đều tuyên dịch kinh mới, hoặc viết tiếp những đoạn thiếu trước, văn nghĩa rất đầy đủ. Lúc đó gặp phải Ma-nạn bị oai vua bức bách, ngày năm Kiến Đức thứ ba gặp phải lúc vua dẹp bỏ hai đạo (Nho, Phật), mùa hạ cả bảy chúng đều mặc một thứ áo thế tục. Thầy trò Quật-đa cũng bị dẫn dụ ép bức, đã không khế họp thì quên mình mà đi du phương, không nề gian khổ lấy việc hoằng hóa làm nghiệp vụ, nay gặp lúc pháp bị hủy diệt nên trái với bản tâm. Bèn lấy cớ rằng mình là người Phạm không thể mặc y phục theo lối người Hoa được. Quyết giữ khí tiết bền chắc xin được trở về bản quốc. Vua bèn chấp nhận lấy lễ mà thả cho đi. Nước Chi-na-ta chính thật là cõi nước Diêm-phù vậy. Chỉ vì các giống rợ xa xôi hình thù y phục khác nhau mà có đến hay đi chỗ nào không thích thì há cảm được họ.

Chẳng qua vì mộ việc hóa độ mà đến, đến thì phải dung nạp. Nghĩ về quê hương thì muốn đi, đi thì không trái. Bèn nhắm về hướng Bắc mà đi tất đến nước Đột Quyết (Thổ Nhĩ Kỳ). Giữa đường gặp mặt vua Thổ là Tha-bát-khả-hản. Được vua ân cần mời ở lại, nhân đó mà trở lại. Vua bảo: "Nhà Chu có lúc thành lúc hoại, khiến Sư phải nhọc công đi và về, nơi đây không có việc phế hưng, mong ngài an tâm mà ở". Nhà

vua cung phụng cúng dường khiến muôn bề vừa ý. Bấy giờ ở lại đó hơn mười năm. Cả thầy và bạn đồng học đều viên tịch trước cả, chỉ mình Quật-đa vẫn còn.

Lúc đó ở Tương Châu có Sa-môn Bảo Tiêm (và có Đạo Thúy, Trí Châu, Tăng Oai, Pháp Bảo, Tăng Đàm, Trí Chiếu, Tăng Luật... gồm mười một vị vào) đời nhà Tề, năm Võ Bình thứ sáu, nối nhau Tây du, đi và về cả bảy năm thỉnh được Phạm kinh gồm hai trăm sáu mươi bộ. Khi trở về đến nước Đột Quyết nghe Chu đã diệt Tề, hủy diệt Phật pháp, trở lại không được mà tiến tớ không ngày. Trong một thời gian nán lại bỗng gặp được ngài Chí Đức (Quật-đa), thật là như khát được cho uống, tối gặp được sáng. Bèn cùng nhau xem lại các kinh mới đã thỉnh được, mời ngài dịch tên cùng xem xét mục lục cũ, vì đã từng biết phương tiện khéo léo nên có khác với người xưa. Nhóm Bảo Tiêm ai nấy đều lòng thành mừng là may mắn như của báu gặp được thợ khéo, thật không uổng chuyến đi, nên cùng đốt hương đồng thề họp nhau tuyên dịch. Nhà Đại Tùy từ khi được nhường ngôi thì Phật pháp liền hưng thạnh. Nhóm Bảo Tiêm đem Kinh thỉnh được chở về, cuối Đông năm Khai Hoàng thứ nhất thì tới nơi.

Vua bèn sắc chỉ cho Phó Ty tìm người phiên dịch. Năm Khai Hoàng thứ tư, Quật-đa mới thực sự ngày nước Trung Quốc châu chùa Hưng thiện lo việc tuyên dịch. Năm Khai Hoàng thứ năm, vua sắc chỉ cho Quật-đa phải cùng với Sa-môn Bà-la-môn Nhã-na-yết-đa, Khai Phủ Cao Cung Cung Tức, Đô Đốc Thiên Nô, Hòa Nhân và Bà-la-môn Tỳ-xá-đạt... cả Đạo Tục gồm sáu người. châu Nội sử nội tỉnh mà dịch sách cổ tiếng Phạm và Càn Văn... Lúc đó ở Quãng tế chỉ có một mình Da-xá dịch kinh. Đến năm Khai Hoàng thứ bảy thì vua ra riêng lệnh cho Quật-đa cùng Da-xá dịch kinh, nên ngài phải lui tới hai nơi. Đến năm Khai Hoàng thứ mười hai thì phiên dịch kinh sách ngày hết gồm được hơn hai trăm quyển, đem dâng hết lên vua.

Bấy giờ ngài Da-xá đã viên tịch trước rồi, nhưng vua vẫn sắc lệnh cho ngài Quật-đa làm chủ việc dịch kinh, dời Pháp Tịch đến chùa Đại hưng thiện. Lại mời Sa-môn Bà-la-môn Đạt-ma-cấp-đa và khiến hai anh em Cao Thiện Nô, Cao Hòa Nhân đồng dịch. Lại tăng thêm mười vị Đại Đức Sa-môn như Tăng Hưu, Pháp Sán, Pháp Kinh, Huệ Tạng, Hồng Tuân, Huệ Viễn, Pháp Toản, Tăng Huy, Minh Mục, Đàm Thiên... coi sóc đầu đuôi, xác định ngôn từ thống nhất quy chỉ. Trong đó có mười bốn bộ Bổn Hạnh Tập Kinh bảy mươi sáu quyển là kinh ở chỗ khác mà mười một năm trước ngài Quật-đa đã tự dịch lấy, tất cả đều do

Sa-môn Ngạn Tông viết tựa. Có mười bảy bộ Pháp Cự Kinh... với tám mươi chín quyển thì được dịch ra trong suốt mười hai năm khi ngài châu thiền đường chùa Đại hưng thiện, có Sa-môn Cấp-đa và anh em Cao Thiên Nô... trợ giúp. Sa-môn Minh Mục, Sa-môn Ngạn Tông lại đem bản tiếng Phạm ra để so sánh, xem xét kỷ lại mấy lần và sửa chữa văn nghĩa. Ngoài ra còn có chín mươi bộ khác thấy trong "Tục Phiên Ngật Tùy Phụ Lục".

Ngưỡng mong Đức Như Lai từ kim khẩu một lần nói ra mà nhiều loại khác nhau ai nấy đều được hiểu rõ. Ví như mặt trời, mặt trăng cùng rực rỡ trên khoảng trời xanh. Các ngài Ca-diếp A-nan đích thân nối nhau kết tập Phạm âm và phân bố khắp nơi (chép trên da và lá bối). Như đuốc sáng giữa đêm đen. Sau đời Hậu Hán đến nay thì quốc tục đã đổi khác, việc tuyên dịch phải lệ thuộc ngày văn ngôn, khác nào đèn đom đóm soi sáng nhà tối mong đá lữa kế tục mặt trời nhờ ảnh mà truyền ánh sáng, pháp lưu phải do tân dịch để thấm nhuần nối tiếp mãi không mất. Việc khảo luận chân ngụy gốc ngọn đâu có thể cùng một năm mà so sánh thấy rõ được ư?

- Tăng Nhất Số, bốn mươi quyển (tóm tắt hết thảy pháp số của các kinh luận, từ một đến mười, từ mười đến trăm cho đến ngàn vạn, giống như chỉ số cây rừng).
- Phật Tánh Luận, hai quyển.
- Chúng Kinh Lục, một quyển.

Cả ba bộ gồm bốn mươi ba quyển trên, do Sa-môn Thích Pháp Thượng ở Tiền định tại Tương châu soạn ra. Ngài là bậc Núi Giới cao tột, biển huệ thẳm sâu. Đức làm khuôn phép cho người, oai khiến cho mọi vật nghiêm túc. Cho nên đời Ngụy Tề, ngài đã từng làm thống đô lãnh đạo hơn hai trăm vạn Tăng Ni làm giềng mối gần bốn mươi năm. Đúng ngày thời Văn Tuyên rộng truyền kinh Phật, thì ngài Pháp Thượng đều đảm trách biên tập hài hòa mở rộng trong ngoài đạo tục đều đủ. Nếu không nhờ có ngài làm trụ đá thì ai chống đỡ được? Hạnh sáng phô bày ảnh hưởng xa khắp. Đến nổi, Đại thừa tướng nước Cú Lệ (Cao Ly) là Vương Cao Đức hết sức tin tưởng sùng kính Đại thừa, muốn dùng Phật pháp để truyền bá khắp dân chúng. Nhưng không hiểu rõ về nguồn gốc trước sau của giáo pháp từ Tây Vức truyền sang Đông Độ ngày niên đại đời vua nào, nên từ nước ấy đem các sách ghi chép sự việc, sai Sư Nghĩa Uyên đi thuyền buồm sang tận đất Nghiệp để học hỏi với ngài Pháp Thượng về các điều chưa nghe thấy. Sự việc được tóm tắt rằng: Đức Phật Thích-ca từ khi nhập Niết-bàn đến nay đã bao

nhiêu năm giáo pháp, lại ở Thiên Trúc trải mấy năm mới đến đất Hán này, khi mới đến thì ngày đời vua nào, niên hiệu gì. Còn đời Tề và đời Trần thì đời nào có Phật pháp trước. Từ đó đến nay đã trải mấy năm, mấy đời vua xin ghi chú đầy đủ. Về các luận Thập Địa, Trí Độ, Địa Trì, Kim Cang, Bát-nhã... thì do ai soạn ra, khi viết luận Duyên Khởi thì có điềm lành gì, có ghi chép chăng? Xin ghi chép cẩn thận, hỏi han đầy đủ, để giải nghi.

Ngài Pháp Thượng đáp rằng: Đức Phật sinh ra một ngày năm Giáp dần đời Cơ Chu Chiêu Vương thứ hai mươi bốn, mười chín tuổi xuất gia, ba mươi tuổi thành đạo. nhằm năm Quý Mùi đời Mục Vương thứ hai mươi bốn. Mục Vương nghe Tây Vức có Hóa nhân xuất hiện, liền sang Tây Vức cuối cùng không thấy trở về. Theo đây mà nghiệm thì Đức Phật truyền đạo suốt bốn mươi chín năm rồi diệt độ. Đến nay là năm Bính Thân, đời nhà Tề, niên hiệu Võ Bình thứ bảy đã được một ngàn bốn trăm sáu mươi lăm năm. Đến nhà Hậu Hán, đời Minh Đế, năm Vĩnh Bình thứ mười thì kinh pháp được du nhập lần đầu tiên. Đời Ngụy Tấn truyền mãi đến nay. Năm Xích Ô đời Tôn Quyền, ngài Khang Tăng Hội đến đất Ngô để hoằng hóa giáo pháp. Địa trì là do Tỳ-kheo A-tăng-khư được ngài Di-lặc Bồ-tát truyền cho. Bản kinh ấy đến đời Tấn ngày năm Long An đời An Đế, ngài Đàm-ma-sấm ở Cô Tạng dịch ra theo yêu cầu của Hà Tây Vương Thư Cừ Mông Tốn. Còn Ma-ha-diễn Luận (Trí Độ Luận) là của ngài Long Thọ Bồ-tát viết ra. Đời Tấn, năm Long An, ngài Cưu-ma-thập-bà dịch ra theo yêu cầu của Diêu Hưng. Về Thập Địa Luận và Kim Cang Bát-nhã Luận là do em ngài Tăng-khư là Bà-tẩu-bàn-đậu viết. Đến đời Tuyên Võ Đế nhà Hậu Ngụy thì ngài Tam tạng Pháp sư Bồ-đề-lưu-chi mới phiên dịch. Ngài Pháp Thượng chỉ cho duyên do xác thực rất rộng. Nay chỉ tóm lược mà nêu ra các chỗ thiết yếu để chỉ rõ sự dị đồng. Ngài Pháp Thượng ăn mặc sơ sài chỉ một bình bát với ba áo ca-sa. Ngoài ra không tích chứa. Ngài cho rằng thọ những thứ cúng dường chỉ cảm về thế lợi mà thôi. Ngài có dựng một ngôi chùa trên núi gọi là Hợp Thủy, trên chót núi có xây Đâu-suất đường. Ngài thường nguyện vãng sinh được diện kiến Đức Di-lặc. Ngài luôn tứ sự cúng dường khoảng một trăm năm mươi vị Tăng. Khi Tề bị diệt thì pháp bị ngưng trệ nhưng chùa trên núi vẫn không bị phá bỏ. Ngài lánh mình ở giữa thế tục vẫn tiếp tục việc tu hành, thường mong rằng ngày lúc tuổi già sẽ thấy Tam bảo lại được phục hưng. Vẫn cứ một mực đảnh lễ Đấng Từ Thị Như Lai, hạnh nghiệp đã tinh chuyên thì lòng thành được cảm thấu, tâm ngài như nước lắng trong vào năm

Khai Hoàng bậc chí tôn lên ngôivà Phật nhật lại sẽ chiếu sáng rực rỡ. Quả nhiên ngài được toại nguyện. Lúc ngài bệnh liền mặc áo ca-sa, bảo đệ tử đẩy xe lên tận chùa trên đỉnh núi, ngài chắp tay lạy Phật Di-lặc ba lạy, đi nhiễu bên hữu ba vòng, rồi xuống núi trở về, an nhiên thị tịch. Năm đó ngài hơn chín mươi tuổi.

- An Dân Luận, mười hai quyển.
- Đào Thần Luận, mười quyển.
- Nhân Quả Luận, hai quyển.
- Thánh Tích Ký, hai quyển.
- Tháp Tự Ký, một quyển.
- Kinh Pháp Đông Lưu Ký, một quyển.
- Thập Đức Ký, một quyển.
- Tăng Ni Chế, một quyển.

Cả tám bộ gồm ba mươi quyển trên, do Sa-môn Thích Linh Dũ, ở Đại từ tại Tương châu soạn ra. Ngài Linh Dũ là đệ tử của Pháp sư Đạo Phùng. Ngài là bậc Đạo đức mô phạm, giữ giới rất nghiêm, huệ giải sáng sâu, kiến văn rộng lớn, giỏi cả nội ngoại điển, làm thầy hàng Đạo Tục, tánh thích hoằng hóa và trước thuật. Có thể gọi là bậc Sa-môn Trí Đức vẹn toàn Đọc các Luận như An Dân, Đào Thần, Nhân Quả của ngài thì thấy ý nói thông suốt về pháp bảo Vô Thượng, nhưng pháp vô cùng quí báu mà làm cho sáng rở thật khó bổn phận giữ gìn ở thời mạt pháp là hàng Thích Tử, còn việc kiến lập ở thời tượng pháp thì đã nhờ các bậc vua chúa. Do đó mà ruồi ở đuôi ngựa ký có thể vượt được ngàn dặm, dây leo trên cây tàng có thể vươn cao muôn tầm. Phải nhờ Thắng duyên mới thỏa được chí cả. Vả lại Kinh đô là Đại, Sư Tăng là chúng, chỗ Đại chúng tụ họp nên gọi là Kinh Sư. Huống chi nay thì chín châu đã đồng, sáu nước cùng thống nhất, Chúa trên cao rũ thương khắp muôn dân không cần động tay mà nhà nước yên trị, đó là cái yếu dụng cho thiên hạ. Lại cần cái tài cho thiên hạ, nên mời Phật dạy Tăng, tìm Nho dạy Tục, giao chánh sự cho các sĩ phu, tìm khéo léo ở hàng thợ giỏi, gái dệt trai cày, ai nấy đều chuyên lo phận sự, đó là sự nghiệp của muôn dân. Hữu Ty đã lo toan đầy đủ đâu đó đều sẵn sàng. Về việc trì giới, thiền tư, giảng nói Kinh luận, đọc tụng và ra làm pháp sự thì ngài là bậc mô phạm cho năm chúng vậy. Vì sách vở chưa ghi đủ nên phải sưu tìm rộng rãi. Năm Khai Hoàng thứ mười, vua ban lệnh cho các Sở Bộ tìm ngài Pháp Dũ ngày kinh bệ kiến. Vua ân cần thăm hỏi. Ngài bèn vịn vãy rồng mà rải khắp mây pháp để mọi người đều nhuần thấm, nương cánh Phượng mà dương cao gió huệ cho muôn dân đều được yên

vui. Chưa được bao lâu thì ngài Pháp Dũ nhiều phen tạ từ xin rút lui. Ngài cho là vì chưa quen thủy thổ thường bị nhiều bệnh. Đến mùa xuân năm Khai Hoàng thứ mười một vua cho ngài trở về đất Nghiệp. Trường Phòng tôi xin thưa rằng: Nếu hay quên mình thì mới có thể cứu Đời, nay chỉ lo lấy thân tất quên lợi ích lớn, lục thân xóm làng còn chưa thể quên, thì nơi ba cõi theo lý ắt khó thoát.

- Đối Căn Khởi Hành Tạp Lục, ba mươi hai quyển.
- Tam Giai Vị Biệt Tập Lục, ba quyển.

Cả hai bộ gồm ba mươi lăm quyển trên do Sa-môn Thích Tín Hạnh ở Chân tịch soạn ra. Ngài Tín Hạnh người thuộc Ngụy Châu. Xuất gia từ thuở bé nhưng đã thông hiểu các kinh, kiến thức độc đáo, ý chí cao xa, có giải hạnh khác với các bậc Tiên Đức không chấp nhận cho Thanh văn gồm tu hạnh Bồ-tát. Ngài bèn xả hai trăm năm mươi giới, chỉ giữ bậc trên Sa-di và dưới Tỳ-kheo (Bồ-tát giới). Môn đồ của ngài đều thật hành Phương đẳng, cùng nhau khất thực tu hạnh tịnh Đầu-đà, ngày chỉ ăn một bữa, bên vệ đường. Bất luận nam hay nữ Ngài đều lễ bái, ý muốn tu theo hạnh của Bồ-tát thường Bất khinh trọng kinh Pháp Hoa. Vả lại một lý Niết-bàn muôn nẽo đến. Cũng như Đế Kinh là nơi tám hướng cùng theo về. Niết-bàn cũng vậy, là mười phương cùng hướng đến. Chỉ điều đường đi khó hay dễ, dài vòng hay thẳng mà thôi. mê thì hiểu rõ trở ngược thành mê lầm, còn nẽo đi của tâm tỉnh thì dù đường tối có thành có rõ. Do đó kinh nói: Chúng sinh chưa thành Phật thì Bồ-đề là phiền não, khi chúng sinh thành Phật thì phiền não là Bồ-đề. Con đường tín hạnh này cũng chỉ là một thuật của vạn nẽo. Chỉ vì người ưa thích cái đồng với mình mà ghét cái khác cho nên lúc đó lại chê bai. Các lục này đều dẫn Chánh văn của các kinh luận, nhưng đề bên ngoài thì không chắc là chuẩn đích. Dù nói rằng Đối Căn Khởi Hạnh rất sâu kín, nhưng cái tiêu bảng của chỉ thể đối với sự vật thì không sâu kín lắm! Xin các bậc Hiền minh Triết tương lai rõ cho, may mắn biết có căn cứ (năm Khai Hoàng thứ hai mươi vua sắc lệnh không cho lưu hành, chỉ dùng để tự răn mình).

- Chúng kinh Lục Mục, bảy quyển.

Một bộ bảy quyển trên, ngày năm Khai Hoàng thứ mười bốn do Sa-môn Thích Pháp Kinh cùng hai mươi vị Đại Đức châu chùa Đại hưng thiện tuân theo chiếu vua soạn ra. Sa-môn Thích Minh Mục ở Dương Hóa đã phân biệt rõ từng khu vực, từng dấu vế đầu mối. Sa-môn Ngạn Tông ở Nhật nghiêm, biên chép tỉ mỉ, khảo sár kỹ các chỗ dị đồng. Nên dâng biểu tâu tóm tắt rằng: Tính chung các kinh gồm có hai ngàn không

trăm năm mươi bảy bộ với năm ngàn ba trăm mười hai quyển. Tất cả có bảy pho: Sáu pho là Biệt Lục, một pho là Tổng Lục. Nhưng ngài Pháp Kinh... chưa thấy được hết các kinh bản của ba nước để nghiệm xét các chỗ dị đồng. Vả nay chỉ căn cứ ngày các Lục của hơn mười nhà mà tóm tắt những điều nên chăng. Tổng nêu hay cương kỷ chỉ căn cứ ngày chín Lục. Từ chín phần đầu ở sáu Lục mà phân biệt phẩm loại có bốn mươi hai phần. Sáu Lục chiếm hết ba mươi sáu phần, trình bày tóm tắt chỗ khác nhau của ba Tạng Kinh Luật Đại và Tiểu thừa, nói rõ qua về sự sai biệt của phải trái, thiệt giả các bản dịch. Còn ba Lục sau thì gồm Tập, Truyện, Ký, Chú. Về ba phần đầu đều do các Thánh hiền ở Tây Vức soạn ra, vì không phải là Tam tạng Chánh Kinh nên gọi là Biệt Lục. Còn ba phần sau là do các bậc Danh Đức ở phương này (TQ) đã sửa chữa. Dầu không phải là loại được viết ra ở Tây Vức, nhưng không có thứ nào không phải là chánh Kinh Tỳ Tán, làm sáng tỏ giáo tông, làm rạng rỡ giềng mối để dắt dẫn mở mang người sau. Nên phải ghi đủ.

- Tân Hợp Kim Quang Minh Kinh, tám quyển.

Một bộ tám quyển trên, do Sa-môn Thích Bảo Quý ở Đại hưng thiện tập hợp lại năm Khai Hoàng thứ bảy. Ngài Bảo Quý tức là Đạo An Thần Túc ở đời Chu. Xem chơi các sách thấy thuở xưa đời Tấn có Sa-môn Chi Mẫn Độ đã hợp cả năm bản dịch kinh Thủ-lăng-nghiêm đã được một trăm lẻ năm nhà diễn giảng của hai ngài Họ Chi và hai ngài họ Trúc thành một bộ tám quyển. Lại hợp ba bản dịch kinh Duy-ma của một ngài họ Chi và hai ngài họ Trúc làm thành một bộ năm quyển. Đời nay có Sa-môn Tăng Tựu lại hợp bốn bản dịch kinh Đại Tập của hai ngài Vô Sấm, Chi-sấm và hai ngài La-thập, Da-xá thành một bộ sáu mươi quyển.

Về các kinh hợp lại này thì văn nghĩa rõ ràng đầy đủ. Đây là dấu vết của các bậc Tiền Triết để lại, nên ngài Bảo Quý nối theo lấy đó làm quy cũ. Nhưng Kim Quang Minh Kinh thấy có ba bản. Bản thứ nhất do ngài Đàm-vô-sấm dịch ra bốn quyển. Bản kế do ngài Quật-đa dịch ra năm quyển. Bản thứ ba là do ngài Chân Đế dịch ra bảy quyển. Trong bài tựa nói tóm rắt rằng: Pháp sư Đàm-vô-sấm gọi là Kim Quang Minh Kinh, các Thiên và Phẩm đều thiếu sót. Mỗi khi tìm văn dò nghĩa thấy nói thuyết này có bằng cớ, nhưng khi ta xét lại thì không thấy ở đâu nên mãi mờ mịt. Vua Lương Võ Đế vì thương ba nẽo luân hồi, xót bốn loài trôi giạt nên chèo chiếc thuyền báu để cứu kẻ chết đuối, cầm cây đuốc huệ mà chiếu sáng người mê. Do đó ngày năm Đại Đồng vua sắc chỉ sai Trực Hậu, Trương Ký... đưa Phù Nam Hiến Sứ trở về nước, cùng thỉnh

Danh Tăng và các Luận Đại Thừa, Kinh Tạp Hoa...

Nước ấy ưng thuận để ngài Tam tạng Pháp sư Ba-la-mạt-đà (Lương dịch là Chân Đế) người nước Ưu-thiền-ni thuộc Tây Thiên Trúc, cùng đem kinh luận kính dâng lên vua. Ngài Chân Đế Pháp sư đã đi khắp nước nên đến ở Phù Nam. Phong thái sáng suốt, thần trí tự tại. Các tạng bộ sâu kín ngài đều nghiên cứu kỷ. Năm Thái Thanh một lần đầu mới đến kinh ấp ngài được hướng dẫn ngày nội điện bệ kiến, Võ Đế rạp mình đảnh lễ, thỉnh điên ở Bảo Vân Vua muốn dịch kinh luận vì bọn giặc Yết cậy thế núi sông hiểm trở. Nay sư chướng ngại của Đại pháp và quốc nạn lặng yên. Sa-môn Tăng Ẩn lần đầu tiên được thưa hỏi. Pháp sư dịch kinh, kinh mục quả thật có thiếu sót. Tam Thân Phân Biệt, Nghiệp Chướng Diệt Đà-la-ni, Tối Tịnh Địa, Y Không Mãn Nguyện... bốn phẩm hoàn toàn riêng khác thành bảy quyển. Nay trong số hai trăm sáu mươi bộ kinh mới đem về thì lại có hai phẩm Ngân Chủ Đà-la-ni và Chúc Lụy. Bèn mời Tam tạng Quật-đa dịch ra. Sa-môn Ngạn Tông xem đi xét lại kỹ càng. Cho nên nay ngài Bảo Quý chia làm tám quyển. Các phẩm bộ rốt ráo đầy đủ bắt đầu từ đấy. Về văn thì được gọi là kinh chúa, về nghĩa thì được khen là rất sâu mầu. Lời nguyện sâu sắc rõ ràng, kính vâng hộ trì.

- Thập Chủng Đại Thừa Luận, một quyển.

Một bộ một quyển trên, do Sa-môn Thích Tăng Xán soạn ra tại chùa Đại hưng thiện. Ngài Tăng Xán họ Tôn, người ở Trần Lưu, thuở nhỏ xuất gia, rất chuộng du học. Giang Hà từ Nam lên Bắc khắp nơi không nơi nào không tới, Quang Lũng từ Tây sang Đông khắp chốn đều có dấu chân. Đi khắp ba nước Tề, Trần, Chu, nơi nào có pháp tòa thì ngài đều có mặt, ra công học hỏi, khéo léo rộng tầm. Nay là khuôn mẫu đệ nhất về Đại thừa cho hai mươi lăm chúng, cho nên soạn ra luận này để khen ngợi ánh sáng Đại Thừa. Thập Chủng thì gồm có:

1. Không chướng ngại.
2. Bình đẳng.
3. Nghịch.
4. Thuận.
5. Tiếp.
6. Tỏa.
7. Mê.
8. Mộng.
9. Tương tức.
10. Trung đạo.

Tất cả đều dẫn kinh luận làm văn, chứng cứ rất mẫu mực. Là phương tiện khéo léo giúp kẻ mới học đạo vậy.

- Luận Trường một bộ, ba mươi mốt quyển. Một bộ gồm ba mươi mốt quyển trên, do Sa-môn ở thành đô Thích Tăng Côn ở Đại hưng thiện sưu tập. Tăng Côn là đệ tử của ngài Thích Vong Danh họ Chu. Ngài họ Trịnh. Ngài tánh thâm trầm xét đoán, giỏi về âm thanh. Nay là Pháp chủ dạy và đọc kinh cho hai mươi lăm chúng, ngài sưu tập các kinh, so sánh các quyển bộ, chuẩn đinh các tạp luận có các thiên và quyển so le không đồng nhau. Ngài dẫn kinh nói rằng: Muốn biết rõ ý rộng của Bậc Trí thì nên xem thật nhiều các luận khác nhau. Do đó, phải sưu tầm góp nhặt các luận do những Thánh hiền từ xưa đến nay viết soạn họp lại thành một bộ gọi là "Luận Trường". Cũng như ở cõi đời này, trên các Viên trường thì phải có đủ năm thứ trái, trăm thứ lúa thóc, trên Hý trường thì có đủ các thứ ca múa âm thanh, trên các Chiến trường thì có đủ các thứ mâu giáp binh khí, trên Đạo trường thì có đủ các thứ Phướng hoa bảo cái, mọi vật trang trí đẹp đẽ. Nay trong luận trường này thì cũng giống như các trường kia không thứ gì không có, một lần xem qua đủ cả trăm nhà, lợi mình, lợi người, vật và ta đều lợi ích.

- Đạt-ma Cấp-đa Truyện, bốn quyển.
- Thông Cực Luận, một quyển.
- Biện Giáo Luận, một quyển.
- Thông Học Luận, một quyển.
- Thiện Tài Đồng Tử Chư Tri Thức Lục, một quyển.
- Tân Dịch Kinh Tự Hợp Nhất, một quyển.

Cả sáu bộ gồm chín quyển trên do Sa-môn Thích Tông Ngạn soạn ra ở Nhật Nghiêm. Ngài họ Lý, là người ở Bách Nhân, Triệu quận, đời cho là dòng họ phú quí được khen là thế gia quí tộc Trẻ tuổi mà thông minh tài giỏi. Kiến thức sâu kín tình sáng như gương nước, gặp việc hiểu ngay không cần xem lại. Bộ Luận ấy cả ý lời đều sâu đẹp. Về thông suốt, thì luận phá bỏ các nhà Nho, không tin nhân quả mà câu nệ ngày các giáo tích, hiếu sinh dị đoan. Gốc của luận này nêu chỗ cao tột của Phật lý. Về Biện giáo, thì Luận này làm sáng tỏ sách Phật, nói rõ về Chân Khổng Giáo thì dạy đời. Và Luận và Lão Tử giáo không khác tục Nho. Tất cả Kinh Linh quý thì không thuộc về Nho giáo. Về Thông Học thì Luận này khuyên người cùng thờ kính Phật - Khổng làm thầy, khiến trong ngoài đều rõ, Tục chân đều biết. Về Thiện tri thức thì luận này chính là đại nhân duyên, vượt Thánh siêu phàm. Nếu không nhờ tri thức thì không do đâu mà đạt đến được. Luận này khuyên mọi người

nên rộng kết bạn lành như ngài Thiện Tài Đồng tử vậy.

- Thuật Thích Đạo An Trí Độ Luận Giải, hai mươi bốn quyển (Ngài Đạo An tự viết tựa).
- Thương Học Luận, một quyển.
- Tồn Phế Luận, một quyển.
- Yểm Tu Luận, một quyển.

Cả bốn bộ gồm hai mươi bảy quyển trên, do Sa-môn Thích Huệ Ảnh ở Xá-vệ soạn ra. Ngài họ Giang, người ở Ba Tây, hiểu ý chỉ của ngài Trí Độ Luận sư Thích Đạo An ở đời Chu. Là người truyền Đăng nối pháp. Chỉ thuật lại mà không nói, rộng giảng Đại Thừa, cũng là bậc chủ của hai mươi lăm chúng. Ẩn mình nơi chốn thiền môn rộng truyền chí huệ Lưu, hiếm khi bước chân ngày cõi tục, cho tình vượt thoát muôn loài. Luận bàn lời lẽ sắc bén, lý thú cao sâu. Xem ra luận việc hưng phế ý đã rõ ràng. Về "Thượng Học Luận", vì muốn trừ tội Báng Pháp nên viết "Luận Tồn Phế", để đề phòng việc gian tà nên nói "Luận Yểm Tu", khiến người sửa lỗi và trở về với đạo vậy.

- Chiêm-sát Kinh, hai quyển.

Một bộ hai quyển trên thì kiểm tra các lục không thấy ghi, mà ở đầu kinh ghi rằng: Ngài Bồ-đề Đăng ở ngoại quốc dịch. Hình như do đời gần đây dịch ra rồi ghi chú càng. Nay trong các Tạng đều viết lại để lưu truyền. Nhưng ở Quảng châu có một vị Tăng pháp sám pháp, dùng da để làm hai cái thiếp bói, một cái viết chữ "Thiện", một cái viết chữ "Ác", rồi bảo với người gieo xuống. Nếu được cái chữ Thiện là tốt, nếu được cái chữ Ác là xấu. Lại làm theo "Phép Tự Đánh" để diệt tội, nhưng nam nữ đều lẫn lộn. Ở Thanh châu cũng có một cư sĩ cùng làm pháp này. Năm Khai Hoàng thứ mười ba có người bảo Quan Ty ở Quảng châu rằng: "đó là việc yêu quái". Quan Ty theo hỏi, người ấy dẫn chứng rằng: Tháp Sám Pháp là dựa theo Chiêm-sát Kinh, còn phép tự đánh là dựa theo phép "Ngũ thể đầu địa như Thái Sơn băng" trong các kinh. Quan Tư Mã Quách Nghị ở Quảng châu về kinh đô đến Kỳ Châu tâu lên vua tất cả mọi việc nghe thấy. Vua ra lệnh "không nên tin đạo lý của Chiêm-sát Kinh". Lại sai Nội sử thị lang Lý Nguyên Tháo cùng Quách Nghị đến chùa Bảo xướng hỏi các Đại Đức Pháp Kinh... được đáp rằng: Chiêm-sát Kinh không có tên trong Mục Lục và nơi dịch còn tháp sám pháp so với các kinh lại rất trái khác không thể làm theo. Vua bèn sắc lệnh: "Các sách như loại ấy không được lưu hành". Về sau có vị Bà-la-môn đến bảo rằng: Ở Thiên Trúc thấy có kinh ấy, dịch ra tên là Lục Căn Tụ.

- Tinh Dị Truyện, mười quyển. Một bộ mười quyển trên, do Tú tài nho lâm lang hầu Quân Tố ở Tương châu vâng chiếu vua soạn ra.

- Thông Mạng Luận, hai quyển.

Một bộ hai quyển trên, do Tế Tửu Từ Đồng Khanh o83 tấn vương phủ soạn ra. Đồng Khanh cho rằng Nho Giáo cũng có cái nghĩa về nhân quả ba đời, nhưng vì văn quá sâu kín lý quá sâu xa, nên các bậc Thánh hiền thời trước không thể nêu rõ lập trường. Nay Đồng Khanh dẫn đủ Chánh văn các kinh sử, hiểu rõ vận mạng quy về nhân quả. Ý của ông là muốn làm sáng tỏ Chỉ Tông của Nho giáo để giúp giảng bày Phật pháp, hầu hướng dẫn mọi hạng người cùng đi một đường. Đây là chỉ có bậc hiểu rộng mới thông suốt sự sâu kín này.

- Ngoại Nội Bàng Thông Tỷ Giảo Số Pháp, một quyển.

Một bộ một quyển trên do học sĩ Phiên kinh kinh dương Lưu Phùng soạn ra. Ông rất giỏi về Số thuật cả Nội Ngoại học. Vì mỗi khi dùng thuật pháp về toán số tỷ giảo các Kinh dịch ở đời trước thường thấy không giống nhau, nên soạn ra quyển này để diễn giảng. Trong bài Tựa nói tóm tắt rằng: Đạo Nghệ ở đời có cao, có sâu, việc học tập và bẩm chất của người có thưa có nhặt, nên muốn dụng toán thuật, thì phải gồm cả pháp Đại Diễn nếu không nghĩ đến thì lầm đến ba góc kia.

Song ở Hoa Hạ (Trung Quốc) thì số pháp có ba bậc khác nhau, còn các sự trình bày ở Thiên Trúc đâu không khác với kiểu này? Nhưng các Kinh dịch trước đều lấy đại thiên gọi là trăm ức, nói một do-tuần bằng bốn mươi dặm, nếu căn cứ ngày các tính toán đó thì đều không hợp nhau. Thiết nghĩ rằng vì khi phiên dịch thì tiếng nước này với nước kia có khác, mức độ đo lường do đó chẳng giống nhau. Cho nên ghi rõ phép toán số của các kinh rồi đem so sánh nhau với các số ở Hoa Hạ thì các số mười nhân mười (10 x10) biến đổi với nhau rất chính xác. Ngõ hầu lần sau khi phiên dịch sẽ lấy đó mà biện biệt được lầm lẫn. Đã xem kỷ các lời trong kinh ấy nên ghi chú ngày đây.

- Chúng Kinh Pháp Thí, mười quyển.

Một bộ mười quyển trên, ngày năm Khai Hoàng thứ mười lăm, vua sắc lệnh cho Hữu Ty soạn ra. Vả chăng ân đức của vua thấm nhuần khắp chốn dắt dẫn muôn loài, không phân biệt Phật hay Nho. Và Hán hay Phạm chung một lời văn, người Hoa kẻ rợ hiểu rõ phong tục có khác. Tuy rằng y phục Sa-môn không phải là y phục Hoa Hạ, người là người Hoa, nhưng Phật Tổ Từ bi quán chiếu trước về thời đại xa xơi dạy Giảng pháp răn cấm để giúp nước dạy dân. Dân không thể tự trị yên nên trời trao quyền cho vua sáng. Vua lo nghĩ việc chánh hóa để cứu giúp

mọi người. Dầu cách Phật đã lâu, vẫn khắc sâu lời ủy thác. Do đó mà phẩm Hộ Pháp trong phần Nhật Tạng của Đại Tập Kinh, Phật bảo vua Tần-bà-ta-la rằng: Này Đại Vương, vua chúa quý vị ở trong đời hiện tại cho đến đời vị lai, ngay cả trong đời Pháp Trụ này, trong khoảng thời gian này tất cả Phật pháp đều giao phó cho quý vị, tất cả vua chúa đều nên ủng hộ thật tốt. Nếu ai ủng hộ thì tức là vị thí chủ lớn của tất cả chư Phật ba đời, vì có thể giữ gìn được chánh pháp của chư Phật ba đời. Người này khi mạng chung sẽ sinh về cõi nước Vì nếu được ủng hộ thì có thể khiến Tam bảo tồn tại lâu không mất, nếu không ủng hộ thì Pháp ta liền diệt. Nếu pháp Phật ở đời thì hay khiến trời người đông đảo thêm ra, còn các ác đạo sẽ giảm bớt". Do đó thế giới thành hoại cần yếu là do chư Phật, còn Thánh giáo mà thịnh suy ắt là bởi các Đế vương. Nên Thích Luận có nói: "Quả báo của chúng sinh là do Bồ-tát mà có". Kinh Thánh Vương bảo rằng: "Nếu Phật Như Lai không xuất hiện ra đời thì tất cả chúng sinh phải chịu khổ lớn, vì chỉ ở ác thú mà không thể trở lại được thiện đạo". Nhưng khi nghe được tiếng "ba đường dữ rất khổ", tất biết là thế gian đã gặp được vua tốt, luôn nghe câu Phật pháp là khó nghĩ bàn". Lại trong kinh Đức Hộ Trưởng Giả Kinh, Đức Như Lai có thọ ký rằng: "Đồng Nguyệt Quang Tử ở đời vị lai trong thời mạt pháp, châu nước Chi-na trong cõi Diêm-phù-đề, làm Đại Quốc Vương tên là Đại Hạnh. Vua ấy sẽ khiến tất cả chúng sinh sống trong nước Chi-na ở trong Phật Pháp gieo trồng các thiện căn". Chấn Đán, Chi-na chỉ là tiếng Phạm gọi Sở Hạ đây mà thôi.

Đây gọi là "Mạt", tức là chánh pháp đã diệt cách Phật xa dần, gọi chung là mạt pháp. Tính ra khi Phật diệt độ đến nay mới được một ngàn một trăm chín mươi lăm năm. Căn cứ theo kinh Phật Bản Hạnh thì thời chánh pháp có năm trăm năm, thời tượng pháp là một ngàn năm, vậy nay đang là thời tượng mạt. Còn căn cứ theo luật Thiện Kiến thì chánh pháp, tượng pháp đều trụ ở đời là một ngàn năm, vậy nay là đầu thời tượng pháp. Đã nêu đủ các kinh luật, nhanh chậm theo duyên mới có thể tiếp nối thời kỳ đầu (chánh tượng pháp) đâu lẽ chỉ căn cứ ngày thời cuối (mạt pháp)? Bởi xưa, lúc ngụy Thái Võ dẹp bỏ pháp, chỉ kịp ngăn mấy Châu Kinh Tương khỏi bị tiêu mất. Gần đây, gặp thời Kiến Đức, Chu Võ Vương hủy diệt, đã phá tượng, đốt kinh, đuổi Tăng, hủy Tháp và diệt sạch hết các Thánh tích. Tất cả bảo sát, Già-lam đều thành nhà riêng. Sa-môn dòng thích đều mặc áo thế tục, trải suốt mười năm không biết Tam bảo là gì. Vậy đương lúc bị hủy diệt này tức là mạt pháp. Do đó mà người, quỷ sầu thương, trời thần buồn thảm, vì khi huệ nhật đã

tắt thì muôn loài đều sống giữa ngày đen. Nay trời phó cho vua ta trị vì được ức triệu người quy phục, đức hóa khắp vạn bang. Chánh trị phù hợp, luật lệ thích nghi, hình phạt giảm bớt, sưu thuế nhẹ giảm lính bớt phục dịch, hai mươi nhà đề cử một đinh, hai giường chỉ thu một xấp, tất cả già trẻ đều vui hưởng thái bình. Khi trời đất đã trong sáng rộng lớn thì Tam bảo liền được phục hưng. Tháng hai năm Khai Hoàng thứ nhất, kinh đô và thành ấp xóm làng ở các châu đều dựng ngày, đến tháng ba nhuần vua liền hạ chiếu rằng: "Các khanh, pháp không có trong ngoài, muôn thiện cùng về một chỗ, giáo có cạn sâu, chỉ là khác đường mà cùng đến. Nay trẩm, nép mình kính đạo, ý thích thanh tịnh, dưới năm ngọn núi cao danh tiếng đều xây mỗi nơi một chùa Phật". Đến tháng bảy lại ban chiếu rằng: "Này các khanh, cây bị gió không yên, ảnh qua lỗ như nước chảy. Phật không cần lòng báo đáp, đệ tử vẫn mến mộ trọn đời. Kính noi gương Thái tổ Võ Nguyên Hoàng Đế, Thần Thánh tột cùng, nên trời cao linh cảm, giao cho trẫm làm chủ thiên hạ để mở giền mối thạnh Đức. Họ Nguỵ sắp bỏ việc Kinh Luân, nhà Chu bỗng đồng lòng giúp sức. giữa hai nhà trên, trẫm tạo cơ đồ đế vương, chứa nhóm Công Đức dành Phước cho con cháu. Khiến trẩm dù kém cỏi, làm vua chỉ một khu nhỏ hẹp, nhưng luôn kính mộ đạo sáng, ngầm thờ Chân Tịch, giáng sinh xuống đất quyền biến bất thường, dùng binh Luân Vương triển khai Nhân Ái bách chiến bách thắng trong việc tu Thập Thiện. Cho nên dùng đồ đánh trận bằng các loại hương hoa ở đồng cỏ thênh thang từ lâu đã thành cõi Tịnh độ. Lòng luôn nghĩ đến chùa tháp xa xưa hay mới cất để tăng trưởng phước nhân, xứng hợp phần nào với ý chỉ sâu kín. Xưa Nhà Hạ nhân trị thủy mà khắc bài minh trên núi, nhà Châu tuần du nhân đó đục đá làm bia. Các ghi chép việc Đế Vương đến nay vẫn còn vậy. Thế nên ở Tương Dương, Tùy Quận, Giang Lăng, Tấn Dương mỗi nơi đều dựng một ngôi chùa, lập bia ghi công đức. Ngõ hầu khiến trang nghiêm chùa viên sánh như hư không chẳng hoại. Nếu bày quả tốt, ngang bằng trời đất nên lâu dài. Do đó mỗi năm đến ngày Quốc kỵ thì bỏ sự việc mà thiết trai tạo tượng, hành đạo, giữ bát quan trai, sám hối, phụng cúng Thần linh.

Đến tháng tám vua lại ra chiếu rằng: Này các khanh, năm xưa đạo của nhà Chu đã suy nên bọn hung đồ đua nhau nổi dậy, đất Nghiệp Thành là đầu mối của tai họa hoặc bức hiếp kẻ lương thiện, hoặc bọn ác giúp nhau. Lời khuyến thiện rung động lòng người nhày càng thấm sâu. Hằng nhớ quần sinh lâm cảnh khổ binh đao. Lòng nghĩ đến đạo cả mà dấy nghiệp độ thoát. Vật và ta thấy đồng nhau, Trí với Ngu đều

thương xót. Ta nghĩ tu tạo phước điền thì Thần linh ra công phù trợ. Ngõ hầu mong quan đao phủ tăng trưởng Bồ-đề, và bọn côn đồ từ bóng tối trở về với ánh sáng, cùng nghiên cứu Khổ Không mà dứt trừ sinh tử. xem loài Kình ngư hóa thành đài vi diệu, loài rồng rắn hoang dã luôn là gương sáng pha lê, vô biên loài hữu tình đều "vào hết pháp môn". Do đó ở chiến địa Tương Châu có thể lập một cảnh Già-lam, dựng bia ghi sự việc. Lại dân phạm pháp hoặc kẻ bị tử hình thì bắt lập thành các trại ăn chay".

Phòng tôi xin thưa rằng: Hễ có quốc gia thì có chinh phạt, cái họa này có từ thượng cổ, nhưng chưa hề nghe thấy ở chiến trường mà xây dựng chùa chiền, đối với quan đao phủ lại bảo tạo phước nghiệp. Khi phải hành quyết một tội nhân thì đợi mười lần tấu biểu mới cho thi hành. Đó nếu không phải là bậc Đại Sĩ (Bồ-tát) ứng sinh, mượn Kim Luân để giáng xuống cứu độ loài Hàm thức đang trên bờ chết chóc, khiến mọi người được yên giữa chốn lắm nhiễu nhương này thì còn ai đó nữa? Sở dĩ ban bố khắp thiên hạ nối nhau làm thiện vì còn e phong hóa suy đồi khiến lê dân phạm tội bị trừng trị mà không chịu sửa đổi.

Năm Khai Hoàng thứ ba, vua giáng chỉ rằng: Hiếu sinh ghét giết hại là gốc chính sự của vua. Lời Phật dạy làm Thiện nghiệp hãy lấy làm bằng. Bẩm khí của loài Hàm Linh đều xem mạng sống làm trọng, nên phải khuyến khích mọi người đồng tâm cứu hộ. Tại Kinh Thành và ở các Châu, nơi nào có chùa do quan xây dựng thì mỗi năm ngày các tháng một, năm, chín, luôn luôn bắt đầu từ ngày mùng tám đến ngày rằm, phải châu chùa mà hành đạo. Ngày hành đạo thì tất cả dân chúng xa gần, phàm loại có mạng sống đều không được giết hại.

Đến năm Khai Hoàng thứ tư, vua lại ra sắc chỉ: Thời Chu Võ đã hủy diệt Phật pháp. Tất cả các hình tượng đều bị phá bỏ, hiệu lệnh ra một thì hủy diệt gấp nhiều lần. Về các vật bằng vàng đồng, dầu hiện là của quan, nếu thấy còn thì phải đem để ngày chùa ở nơi gần đó, không được vận chuyển gây hư hại. Lúc đó các tượng bằng gỗ đá bị đem dùng riêng, nếu Hữu Ty lưu ý biết được thì lấy về bảo quản yên ổn, ở công, nếu nhà riêng thì bảo đón rước cúng dường. Sở dĩ phải để tâm chú ý như thế là vì kính trọng phước đức, những lời ban bố ra đều khéo khuyến dụ.

Đến năm Khai Hoàng thứ mười một, vua lại ban chiếu rằng: Này các Khanh, Như Lai lập giáo, nghĩa luôn Bình đẳng, Bồ-tát dụng tâm vốn không sai khác cho nên hay dùng nhiều loại bến, cầu mà cứu độ quần sinh. Nay Trẩm ở ngôi vua, nối tiếp làm hưng thịnh Tam bảo, lời

luôn chí lý, rộng mở Đại thừa, các Pháp thông suốt, thể không có ta và người huống là Phước nghiệp lại có công tư? Từ nay về sau phàm khi gây tạo các Công Đức thì mọi vật trong nước đều hợp chung lại mà làm, tùy theo ý nguyện chớ nên phân biệt. Vì tất cả pháp môn đồng về chỗ "Không hai", mười phương thế giới cùng đến Bồ-đề, mà ngày lại tháng qua việc tạo mới sẽ dần dần càng rộng lớn. Nhưng chỉ nhớ những việc trước đã qua, và sửa những lời xưa chưa trọn vẹn. Nay xin thay các loài hàm thức để Sám hối. Hôm nay ngày tám tháng hai năm Khai Hoàng thứ mười ba, con đệ tử Phật tên họ... là Hoàng đế nhà Tùy. Kính bạch:

- Thập Phương Tận Hư Không Biến Pháp Giới Nhất Thiết Chư Phật, Nhất Thiết Chư Pháp, Nhất Thiết Chư Đại Hiền Thánh Tăng. Ngưỡng mong Như Lai Từ bi thương xót hoằng đạo dạy bảo cứu giúp tất cả hàm linh thoát khỏi trần cảnh, dứt hết nguồn tà ác, mở đường thiện nhân, từ Triều đình ra đến thôn dã tất cả đều được nương nhờ. Riêng về đời Chu gây loạn, luôn hối tiếc việc khi dễ Thánh tích, phá tan chùa tháp, đập bỏ kinh tượng bất kể người Hoa kẻ Di tất cả đều quét sạch. Đến nỗi người Ngu không ai dắt dẫn khỏi tối tăm, Bậc Trí không do đâu tìm ra Linh Tánh. Đệ tử trước đã nhờ nhân duyên Tam bảo, nay tuân theo vận nước sáng ngàn năm, mà làm cha mẹ muôn dân, rũ ân khắp lê thứ, làm sáng rỡ lại tôn dung sùng kính Thần hóa. Những chùa tháp bị phá bỏ được trùng tu, tượng hư kinh rách được tô soạn lại. Tuy thành tâm khẩn thiết vẫn e chưa trọn. Cho nên lại càng cần cầu khiến được sáng tỏ. Nhưng nhiều năm trầm trệ, còn lắm hư hao... Các việc như thế chính do đệ tử. Nay xin đối trước Tam bảo chí tâm phát lồ sám hối. Việc nhà Chu hủy diệt Phật pháp, từ trên xuống dưới, hoặc lấy phép công mà cấm đoán hoặc vì ý riêng mà khiến hủy tượng đốt kinh, khinh Tăng phá chùa, những người như thế tội rất nặng sâu, nay đối trước Tam bảo con vì tất cả mà phát lồ sám hối và nguyện kính làm tất cả. Để tu bổ các kinh Tượng bị phá bỏ, con quyên kính mười hai vạn xấp lụa, hoàng hậu cũng kính quyên mười hai vạn xấp, hàng Vương Công trở xuống cho đến khắp lê dân, lại có người kính thí một trăm vạn tiền. Cúi mong tất cả chư Phật, tất cả chư Pháp, tất cả chư đại Hiền Thánh, Tăng hoan hỷ chứng minh, nhận sự sám hối của Đệ tử..."

Lúc bấy giờ từ Chủ Tướng ở triều đình, các quan liêu Tỉnh phủ, Tăng Ni các chùa, Tá Sứ Huyện Châu, cùng các bậc Túc Lão ở kinh thành đều đốc thúc khuyên nhau. Ngày hôm sau thiết lễ Trai kính mừng kinh tượng. Mỗi ngày có mười vạn người từ các chùa chiền, nhà riêng

hoặc do vua quan sai bảo, đều dùng nước thơm tắm rửa tất cả hình tượng...

Đến năm Khai Hoàng thứ mười lăm, vì các Tăng Ni có lúc bị lỗi lầm, không gìn giữ nội luật Phật dạy mà sống giống người thế tục. Vua bèn sắc lệnh cho Quan Hữu Ty căn cứ ngày Chánh văn các kinh Đại tiểu thừa những chỗ có lời cấm đoán Sa-môn... đều khiến lục soạn ra hết, mỗi việc đều riêng biệt, kể cả tên và đề mục của kinh bản, làm thành mười quyển này để giúp hướng dẫn kẻ xuất gia. Đây thật là hạnh lớn của bậc quốc vương Bồ-tát, quyết ý ân cần nhận lời di chúc của Phật mà thương xót muôn dân, sợ họ bị đắm chìm trong ba đường dữ, lòng từ phủ khắp giáo hóa muôn loài không sót. Ngày tháng năm năm này có một bầy nai đến trước cửa Cung Nhân Thọ. Tuân theo chiếu chỉ sáng suốt của vua, đã dắt đuổi chúng về chốn sơn tẩu, bách quan đều dâng biểu chúc mừng.

Đến tháng sáu vua ban chiếu rằng: Đang lúc trẩm lâm triều nghe chính sự thì có bầy tuần lộc đến dạo chơi, đi quanh quẩn nhiều lần trước cửa Cung, ép chúng đến sát bên người, chúng vẫn an nhiên không sợ. Chỉ vì bao nhiêu năm tháng loạn ly, mà giáo pháp Thánh nhân bỏ hết không tuân hành, quen sống theo thói tục chuyên việc giết hại. Từ khi Trẩm nhận lệnh trời vỗ về trăm họ, luôn tuân hành Thánh giáo, thích việc hiếu sinh, bởi do các Vương công đều hết lòng giúp trẩm cùng tuyên bày Thánh pháp. Do đó mà các loài hươu nai sơn dã cùng rủ nhau về. Từ quan quân cho đến mọi người, Trẩm hết lòng thành dạy bảo, dân tục từ nay thuần nhã, người khắp mọi nhà đều là quân tử. Nên luôn giữ tâm ngày việc nhân thiện, nên mới có điềm lành này...”

Phòng tôi xin thưa rằng: Phàm cửa cung nghiêm cấm, hộ vệ canh giữ cẩn mật, người đi đường ở xa nhìn ngày vẫn còn run sợ. Vậy mà loài hươu nai sơn dã dám đến gần không sợ sệt, thật quý đẹp tha! Ấy đâu phải sự giáo hóa chỉ có thấm nhuần đến đầm cỏ và loài côn trùng mà thôi ư?. Phàm loài hươu nai khi thấy bóng cây lay động còn vểnh tai nghe ngóng sợ sệt, huống là thấy cả gậy gộc gươm giáo và người mà không sợ? Cho nên điềm Thánh giáo sắp toả sáng, trước đã khiến loài dã thú tâm được an ổn vậy thôi. Trong Đại Trí Luận có nói: “Người không có tâm giết hại chúng sinh đều đến nương tựa”. Kinh Niết-bàn nói: bấy giờ có một thợ săn đuổi bắt một chim bồ câu. Chim câu này sợ quá bay đến núp dưới bóng ngài Xá-lợi-phất, nhưng vẫn còn run bây bẩy. Đến khi núp dưới bóng Đức Như Lai thì thân tâm an ổn, hết sợ sệt run rẩy. Đây thì cửa cung nhân thọ ví đồng với bóng Đức Phật.

Trong kinh Đại Phẩm nói: Đức Phật nói Bát-nhã thì người mù thấy được, người điếc nghe được, người câm nói được. Đây thì khắp núi Thái sơn ví đồng Bát-nhã. Thắng Thiên Vương Kinh nói rằng: Khi có Chuyển luân Thánh vương ra đời thì thường thấy được bảy báu. Núi Lam điền ngày xưa thường khen là nơi sản sinh ra mộtNgọc, nhưng đời gần đây thì dứt mất, không thấy nghe sách sử nào ghi chép. Nhưng từ năm Khai Hoàng đến nay thì ngọc tìm thấy được rất nhiều. Loại chùa Thái phủ là Vực báu trong nước, hơn hai mươi hòn đá neo thuyền đều biến thành ngọc. Núi Nhân thọ là thần linh của nước, đá trong núi ấy lại biến thành ngọc vì đất không ưa của báu. Đây thời đồng với Tướng của Luân vương. Nhưng Yến Tử có nói: Cây quít mà sinh ra một ở Giang Bắc thì hóa thành cây chỉ Nay, phát động Trường an, đốc thúc trồng cây quít, bởi do nơi này không có hoa cỏ, cây thuốc Những việc xưa người khó gọi khó ghi thì nay đều tự hình thành. Các điềm linh hiển tốt đẹp này đều có chương biểu tâu dâng đầy đủ cả. Các sự việc nêu trên đều ghi chép đủ trong Tả hữu sử. Nay xin tóm tắt trình bày rõ ràng để làm sáng tỏ việc phước đức ứng hiện, ngõ hầu những người con Phật phụng thờ giáo pháp, cảm đội ân quân vương Từ bi nuôi dạy.

■

LỊCH ĐẠI TAM BẢO KÝ

QUYỂN 13

MỤC LỤC CÁC KINH ĐẠI THỪA NHẬP TẠNG

Đại thừa lục chính là Bồ-tát Tạng, đứng về mặt giáo lý mà nói về Đức Phật thì, ngài thành đạo đến nay đã vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, bất sinh bất diệt thường trụ ngưng nhiên, lượng sánh bằng hư không, hình đồng với thật tế. Pháp tóm tắt mà nói thì chính là mười hai bộ loại kinh Phương đẳng, tám vạn bốn ngàn áo điển vi diệu, các thứ pháp môn rất bí mật sâu kín. Đứng về mặt địa vị mà luận con người thì mười Địa và ba mươi tâm, có mặt khắp bốn loài và sáu nẽo, như vượn khỉ ngựa nai đến các loài bò, bay máy động loài không thức không hình, không thú cõi nào mà không tho thân. Về mặt phiền não thì năm trụ Địa. Hoặc và tám vạn bốn ngàn các trần lao. Về pháp tu hành thì bốn Nhiếp, sáu Độ, ba mươi bảy phẩm trợ Bồ-đề, muôn đức đều tu, hai Đế cùng rèn luyện. Lợi tha quên mình lòng không hối tiếc. Các thứ Tam quy, Thập thiện, tám vạn Luật Nghi đều phải phụng trì. Cho đến việc thành Phật độ đời khác nào voi lội qua nước xa giá trên đường, bò to thấm ướt. như rễ lớn nhờ sương, lá to ngơi nghỉ, thì sẽ dừng lại ở đại Niết-bàn thành... Các loại văn như thế đều là Đại thừa.

Bắt đầu từ thời Hậu Hán đến đời Đại Tùy chúng ta trong khoảng ấy mười sáu đời dịch kinh. Kinh được dịch ra gồm cả Đại Tiểu thừa. Hoặc chỗ và kinh đồng nhưng do người dịch khác. Hoặc kinh ở đời khác mà do người dịch đồng, hoặc dịch lần đầu hoặc dịch lại nhiều lần, bất luận là ai soạn dịch nhưng tất cả truyện lục, tập, ký... đều là một lời ngợi khen Tam bảo, dầu lời văn thành thật, quê mùa chất phác nhưng đều có ý truyền bá ánh đạo vàng. Tất cả nghi dối, chân Ngụy, chú giải, Luận ký thảy căn cứ bao quát ngày các mục, chắc lép đều gồm họp các thứ cát vàng quí báo ấy tạo nên thể của lục này. Có thể gọi là lan Ngãi cùng giõ. Rồng rắn chưa phân vậy. Cho nên Đại thừa Bồ-tát Nhập Tạng này để ý đến kinh luật, luận. Cũng như bể cả mênh mông không chứa

thây chết. Huống là vực sâu mò bắt bỏ trai lấy châu, núi gai mài dũa lựa ngọc bỏ đá. Lại vạch tìm các vân vảy của đồi mồi, mài chuốt những sừng ngà của Tê Tượng, mà tập họp một bầy chồn lông trắng và chọn màu phỉ thúy ở lông chim. Nay mục lục Tạng này chỉ lấy các bản có tên người dịch hoặc mất tên. Còn các bản dịch lại hoặc đồng bản mà khác người dịch, thì chỉ lấy bộ thứ nhất có nhiều quyển để trước, còn bộ hai và ba... để sau, ghi chú đầy đủ. Ai muốn đọc tụng mặc tình, sao chép, cũng lựa riêng các phần còn nghi để loại bỏ ngụy tạo.

Tất cả gồm năm trăm năm mươi mốt bộ, với một ngàn năm trăm tám mươi sáu quyển. Lại căn cứ ngày các lục phán đoán, phụ thêm ngày bộ Đại thừa này. Thân chưa được thảnh thơi vì mãi thấy mình còn nhiều thiếu sót. Rất mong các bậc Hiền triết thông suốt đời sau hãy ra công sàng sẩy thóc và lúa lép.

A. Đại cương:

I. Kinh Đại thừa (Tu-đa-la).

1. Có tên người gồm hai trăm ba mươi bốn bộ, tám trăm tám mươi lăm quyển.

2. Mất tên người dịch: gồm hai trăm ba mươi lăm bộ, bốn trăm lẻ hai quyển.

II. Luật Đại thừa (Tỳ-ni).

1- Có tên người dịch: Gồm mười chín bộ, bốn mươi quyển.

2- Mất tên người gồm: Mười hai bộ, mười bốn quyển.

III. Luật Đại thừa: (A-tỳ-đàm)

1. Có tên người gồm: Bốn mươi chín bộ, hai trăm ba mươi tám quyển.

2. Mất tên người gồm: Hai bộ, bảy quyển.

B. Các dịch phẩm:

I. Kinh Đại thừa (Tu-đa-la):

1. Kinh Đại thừa có tên người gồm: hai trăm ba mươi bốn bộ, tám trăm tám mươi lăm quyển.

- Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, sáu mươi quyển.
- Đại Phương Đẳng Đại Tập kinh, sáu mươi quyển.
- Đại Bát-niết-bàn Kinh, bốn mươi quyển.
- Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật Kinh, bốn mươi quyển
- Phóng Quang Bát-nhã Ba-la-mật kinh, hai mươi quyển.
- Quang Tán Bát-nhã Ba-la-mật kinh, mười quyển.

(Ba bộ kinh sau, đồng bản khác người dịch, khác tên, rộng lược khác nhau).

- Pháp Cự Đà-la-ni kinh, hai mươi quyển.
- Oai Đức Đà-la kinh, hai mươi quyển.
- Bát-nê-hoàn kinh, hai mươi quyển.
- Bồ-tát Anh Lạc kinh, mười bốn quyển.
- Bồ-tát Kiến Thật Tam-muội kinh, mười bốn quyển.
- Hiền Khiếp kinh, mười ba quyển.
- Hiền Kiếp Tam-muội kinh, mười quyển.
- Tân Hiền Khiếp kinh, mười quyển.

(Ba bộ kinh sau đồng bản, khác người dịch, khác tên)

- Phật Danh kinh, mười hai quyển.
- Đại Quán Đảnh Kinh, mười hai quyển.
- Nguyệt Đăng Tam-muội kinh, mười một quyển.
- Hoa Thủ Kinh, mười một quyển.
- Thập Trụ Đoạn Kết kinh, mười quyển.
- Nhàn Cư kinh, mười quyển
- Đại Bi Phân-đà-lợi kinh, tám quyển.

(Hai bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên)

- Chánh Pháp Hoa kinh, mười quyển.
- Diệu Pháp Liên Hoa kinh, tám quyển.

(Hai Bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên)

- Nhập Lăng-già kinh, mười quyển.
- Lăng-già A-bạt-đa-la kinh, bốn quyển.

(Hai bộ kinh sau đồng bản, khác người dịch, khác tên)

- Đạo Hạnh Bát-nhã Ba-la-mật kinh, mười quyển.
- Tân Đạo Hạnh kinh mười quyển.
- Tân Tiểu Phẩm kinh, bảy quyển.
- Tu Bồ-đề Phẩm kinh, bảy quyển.
- Minh Độ Vô Cực kinh, sáu quyển.

(Năm bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên)

- Bồ-tát Địa Trì kinh, mười quyển.
- Đại Phương Quảng Bồ-tát Thập Địa kinh, mười quyển.

(Hai Bộ trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- Chư Phật Hộ Niệm kinh, mười quyển.
- Đại A-dục Vương kinh, mười quyển. (hoặc không có chữ Đại)
- Quán Phật Tam-muội kinh, tám quyển.
- Đại Tát-già Ni-càn Tử kinh, tám quyển.

- Bồ-tát Hạnh Phương Tiện Cảnh Giới kinh, ba quyển.
(Hai kinh trên, đồng bản, khác người dịch, khác tên).
- Lục Độ Tạng kinh, tám quyển.
- Ngũ Thiên, Ngũ Bách Phật Danh kinh, tám quyển.
- Đại thừa Bảo Vân kinh, tám quyển.
- Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ kinh, tám quyển.
- Kim Quang Minh kinh, tám quyển
- Hải Ý kinh, bảy quyển.
- Thắng Thiên Vương Bát-nhã Ba-la-mật kinh, bảy quyển.
- Pháp Tập kinh, sáu quyển.
- Quãng Bát Nghiêm Tịnh Bất Thoái Chuyển Luân kinh, sáu quyển.
- Bất Thoái Chuyển Pháp Luân kinh, bốn quyển.
- A-duy-việt-trí-già kinh, bốn quyển.
(Ba bộ trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).
- Thắng Tư Duy Phạm Thiên, Sở Tấn kinh, sáu quyển.
- Tu Ích Phạm Thiên Sở Vấn kinh, bốn quyển.
- Trì Tâm Phạm Thiên Sở Vấn kinh, bốn quyển.
(Ba bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).
- Niệm Phật Tam-muội kinh, sáu quyển. (hoặc năm quyển)
- Đại Vân kinh, sáu quyển (một tên là Đại Phương Đẳng Vô Tướng kinh, hoặc năm quyển).
- Hiền Hộ Bồ-tát kinh, sáu quyển.
- Bồ-tát Xử Thai kinh, năm quyển.
- Trường An Phẩm kinh, năm quyển (cũng gọi là Ma-ha Bát-la kinh).
- Đại Bi Tỳ-kheo kinh, năm quyển.
- Thâm Mật Giải Thoát kinh, năm quyển.
- Ngô Phẩm kinh, năm quyển.
- Bảo Đảnh kinh. năm quyển.
- Như Lai Ân Trí Bất Tư Nghìn kinh, năm quyển.
- Bồ-tát Bản Duyên Tập kinh, bốn quyển.
- Đại Phương Đẳng Đà-la-ni kinh, bốn quyển.
- Ương-quật-ma-la kinh, bốn quyển.
- Thánh Thiện Trụ Thiên Tử Sở Vân kinh, bốn quyển.
- Như Huyễn Tam-muội kinh, hai quyển,
(Hai bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).
- Quán Sát Chư Pháp Hạnh kinh, bốn quyển.

- Tăng-già-tra kinh, bốn quyển.
- Hải Long Vương kinh, bốn quyển.
- Tân Hải Long Vương kinh, bốn quyển.

(Hai bộ trên đồng bản, khác người dịch).

- Đại Thọ Khẩn-na-la Vương Sở Vấn kinh, bốn quyển.
- Thuần Chân-đà-la Sở Vấn kinh, ba quyển (hoặc hai quyển).

(Hai bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- Trì Thế kinh, bốn quyển (một tên là Pháp Ấn kinh).
- Trì Nhân Bồ-tát Sở Vấn kinh, ba quyển.

(Hai bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- Hoằng Đạo Quáng Hiển Tam-muội, bốn quyển.
- A-nậu-đạt Long Vương kinh, hai quyển.

(Hai bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- Phổ Siêu Tam-muội kinh, bốn quyển.
- A-xà-thế Vương kinh, hai quyển.

(Hai bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- Xưng Vương Chư Phật Công Đức kinh, ba quyển.
- Đẳng Mục Bồ-tát Sở Vấn Tam-muội kinh, ba quyển (hoặc hai quyển).
- Bồ-tát Tạng kinh, hai quyển.
- Tạp Chú kinh, ba quyển.
- Lực Trang Nghiêm Tam-muội kinh, ba quyển.
- Tứ Đồng Tử kinh, ba quyển.
- Tăng-già La-sát Tập kinh, ba quyển.
- Chư Pháp Bản Vô kinh, ba quyển.
- Tập Nhất Thiết Phước Đức Tam-muội kinh, ba quyển.
- Đẳng Tập Chúng Đức Tam-muội kinh, ba quyển (hoặc hai quyển).

(Hai bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- Tỳ-ma-la Cát kinh, ba quyển (hoặc tên Tịnh Danh kinh, bốn quyển).
- Minh Độ Ngũ Thập Hiệu Kế kinh, hai quyển.
- Tịnh Độ Tam-muội kinh, hai quyển.
- Anh Lạc Bản Nghiệp kinh, hai quyển.
- Như Lai Trang Nghiêm Trí Huệ Quang Minh Nhập Nhất Thiết Chư Phật Cảnh giới kinh, hai quyển.
- Trung Ấm kinh, hai quyển.
- Đại Pháp Cổ kinh, hai quyển.

- Chư Phật Yếu Tập kinh, hai quyển.
- Văn-thù-sư-lợi Phật Độ Nghiêm Tịnh kinh, hai quyển.
- Nhu Thủ Bồ-tát Vô Thượng Thanh Tịnh Phân Vệ kinh, hai quyển.

(Một tên là Quyết Liễu Chư Pháp Như Huyễn Tam-muội kinh).

- Bột Bản kinh, hai quyển.
- Đại Thừa Đồng Tánh kinh, hai quyển.
- Chư Pháp Vô Hạnh kinh, hai quyển.
- A-súc Phật Quốc kinh, hai quyển (một tên là Phật Sát Bồ-tát Học Thành kinh, hoặc một quyển).
- Ban Chu Tam-muội kinh, hai quyển.
- Ca-diếp kinh, hai quyển.
- Vô Thượng Y kinh, hai quyển.
- Vị Tằng Hữu Nhân Duyên kinh, hai quyển.
- Tu Chân Thiên Tử kinh, hai quyển.
- Tu Chân Thiên Tử Vấn Tứ Sự kinh, hai quyển.

(Hai bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- Bảo Như Lai Tam-muội kinh, hai quyển.
- Vô Cực Bảo Tam-muội kinh, một quyển.

(Hai bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- Đại Thừa Phương Tiện kinh, hai quyển.
- Huệ Thượng Bồ-tát Vấn Đại Thiện Quyền kinh, hai quyển.

(Hai bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- Đại Phương Quảng Bảo Khiếp kinh, hai quyển.
- Văn-thù-sư-lợi Hiện Bảo Tạng kinh, hai quyển,

(Hai bộ trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- Tự Tại Vương kinh, hai quyển.
- Phấn Tấn Vương Vấn kinh, hai quyển.

(Hai bộ trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- Đạo Thần Túc Vô Cực Biến Hóa kinh, hai quyển.
- Phật Thăng Đao-lợi Thiên Vị Mẫu Thuyết Pháp kinh, hai quyển.

(Hai bộ trên đồng bản, khác người dịch, khác tên)

- Siêu Nhật Nguyệt Tam-muội kinh, hai quyển.
- Siêu Nhật Minh kinh, hai quyển.

(Hai bộ trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- Thuận Quyền Phương Tiện kinh, hai quyển (một tên là Chuyển Nữ Thân Phương Tiện kinh).
- Tùy Quyền Nữ kinh, hai quyển.

- Nhạo Anh Lạc Trang Nghiêm Phương Tiện kinh, một quyển.

(Ba bộ trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- Khổng Tước Vương Đà-la-ni kinh, hai quyển.
- Khổng Tước Vương Tạp Chú kinh, một quyển.

(Hai bộ trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác kinh, hai quyển.
- A-di-đà kinh, hai quyển.
- Vô Lượng Thọ kinh, hai quyển.

(Hai bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- Thủ-lăng-nghiêm kinh, hai quyển.
- Dõng Phục Định kinh, hai quyển.

(Hai bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- Đại Trang Nghiêm Pháp Môn kinh, hai quyển.
- Đức Hộ Trưởng Giả kinh, hai quyển.
- Liên Hoa Diệu kinh, hai quyển.
- Đại Vân Luân Thỉnh Vũ kinh, hai quyển.
- Hư Không Dựng Bồ-tát kinh, hai quyển.
- Nguyệt Thượng Nữ kinh, hai quyển.
- Thiện Tư Đồng Tử kinh, hai quyển (một tên là Duy-ma Nhi kinh).
- Đại thừa Đảnh Vương kinh, hai quyển.
- Đại Phương Đẳng Đảnh Vương Kinh, một quyển

(Ba bộ trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- Di Thức Kinh, hai quyển.
- Đạo Hành Bát-nhã kinh, hai quyển.
- Thí Dụ Vương kinh, hai quyển.
- Phát Giác Tịnh Tâm Kinh, hai quyển.
- Pháp Cảnh Kinh, hai quyển.
- Úc-già Trưởng Giả Sở Vấn Kinh, hai quyển.
- Úc-già La-việt Vấn Bồ-tát kinh, hai quyển.

(Hai bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- Nhân Vương Bát-nhã Ba-la-mật kinh, hai quyển (ba bản dịch).
- Mãnh Thí Đạo Địa kinh, một quyển (cũng gọi tất mãnh thí kinh)
- Thái Tử Tu-đại-noa kinh, một quyển.
- Thái Tử Mộ Phách kinh, một quyển.
- Kim Sắc Vương kinh, một quyển.
- Vô Ưu Vương kinh, một quyển.

- Ma-ha Ma-da kinh, một quyển.
- A-xà Quán Nữ kinh, một quyển
- Đại Tịnh Pháp Môn kinh, một quyển.
- Thắng Man Sư Tử Hống Nhất Thừa Đại Phương Tiện kinh, một quyển.
- Tu-ma-đề Bồ-tát kinh, một quyển (hoặc không có chữ Bồ-tát).
- Kim Ích Trưởng Giả Tử kinh, một quyển.
- Phạm Nữ Thủ Ý kinh, một quyển.
- Sai-ma-ba Đế Thọ Ký kinh, một quyển.
- Độc Chứng Tự Thệ Tam-muội kinh, một quyển (cũng gọi là Như Lai Tự Thệ Tam-muội kinh).
- Nguyệt Minh Bồ-tát kinh, một quyển (cũng gọi là Nhật Minh Đồng Tử kinh).
- Diệt Thập Phương Minh kinh, một quyển.
- Na-duy-ma-cật kinh, một quyển.
- Ly Cấu Cái kinh, một quyển.
- Đạo Hành kinh, một quyển.
- Bồ-tát Thập Trụ kinh, một quyển.
- Đệ Nhất Nghĩa Ngũ Tướng Lược Tập kinh, một quyển.
- Tâm Minh kinh, một quyển.
- Văn-thù-sư-lợi Phát Nguyện Kệ kinh, một quyển.
- Huệ Minh kinh, một quyển.
- Bột Kinh Sao tập, một quyển.
- Quang Vị Tam-muội kinh, một quyển.
- Thập Tứ Ý Chỉ kinh, một quyển (cũng gọi là Bồ-tát Thập Tứ Ý chỉ kinh).
- Nguyệt Đăng Tam-muội kinh một quyển (cũng gọi là Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát Thập Sự Hạnh kinh, cũng gọi là Kiến huệ Tam-muội kinh).
- Tư Duy Yếu Lược kinh, một quyển.
- Nghiêm Tịnh Định kinh, một quyển (cũng gọi là Tự Thế kinh)
- Bất Tư Nghì Quang Bồ-tát Sở Thuyết kinh, một quyển (cũng gọi là Vô Tư Nghìn Hài Đồng Bồ-tát kinh).
- Tôn Thắng Bồ-tát Nhập Vô Lượng Môn Đà-la-ni kinh, một quyển.
- Văn-thù-sư-lợi Vấn Bồ-tát Thự kinh, một quyển (cũng gọi là Vấn Thự kinh).
- Phật Thuyết Đức Quang Thái Tử kinh, một quyển (cũng gọi là

Lại Tra Vấn Quang Đức Thái Tử kinh).

- Huyễn Sĩ Nhân Hiền kinh, một quyển.
- Bảo Thí Nữ kinh, một quyển (cũng gọi là Tu-ma-đề Pháp Luật kinh)
- Tam-mật-để-da kinh, một quyển.
- Thí Đăng Công Đức kinh, một quyển (cũng gọi Nhiên Đăng kinh).
- Bồ-tát Ha Sắc Dục kinh, một quyển.
- Nhân Bản Dục Sinh kinh, một quyển.
- Phật Y kinh, một quyển.
- Nhân Sở Tùng Lai kinh, một quyển.
- Phật Tùng Thượng Sở Hành Thế Kệ kinh, một quyển.
- Bất Tăng Bất Giảm kinh, một quyển.
- Chúng Hựu kinh, một quyển.
- Vô Lượng Thọ Quán kinh, một quyển.
- Quán Phổ Hiền Bồ-tát Hành Pháp kinh, một quyển.
- Quán Dược Vương Dược Thượng Nhị Bồ-tát kinh, một quyển.
- Phân Biệt Nghiệp Báo Lược Tập kinh, một quyển.
- Quang thế Âm Quán kinh, một quyển.
- Thỉnh Quang thế Âm Tiêu Phục Độc Hại Đà-la-ni kinh, một quyển.
- Quang thế Âm Sám Hối Trừ Tội Chú kinh, một quyển.
- Kim Cang Thượng Vị Đà-la-ni kinh, một quyển.
- Vô Nhai Tế Trì Pháp Môn kinh, một quyển.
- Đệ Nhất Nghĩa Pháp Thắng kinh, một quyển.
- Chánh Cung Kính kinh, một quyển (cũng gọi là Hàm Đức Đà-la-ni trung thuyết kinh, cũng gọi Cung kính Sư kinh, dịch lại).
- Duy Minh Nhị Thập Kệ kinh, một quyển.
- Lộc Mẫu kinh, một quyển.
- Lộc Tử kinh, một quyển.
- Trừ Khủng Tai Hoạn kinh, một quyển.
- Pháp Một Tận kinh, một quyển (cũng gọi Không Tịnh Bồ-tát Sở Vấn kinh).
- Bát Cát Tường kinh, một quyển.
- Tiểu Phát Một Tận kinh, một quyển.
- Thập Nhị Môn Đại Phương Đẳng kinh, một quyển.
- Ôn Thất Tẩy Dục Chúng Tăng kinh, một quyển.
- Tứ Bất Khả Tư kinh, một quyển.

- Chư Đức Phước Điền kinh, một quyển (cũng gọi tắt là Phước Điền kinh).
- Quá Khứ Phật Phân Vệ kinh, một quyển.
- Xuất Gia Công Đức kinh, một quyển.
- Thành Cụ Quang Minh Định Ý kinh, một quyển (dịch lại).
- Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật kinh, một quyển (ba bản dịch)
- Tu-lại Bồ-tát kinh, một quyển (cũng gọi tắt là Tu-lại kinh dịch lại).
- Đại Phương Đẳng Như Lai Tạng kinh, một quyển (cũng gọi tắt là Phật Tạng Phương Đẳng kinh, dịch lại).
- Vô Lượng Thọ Phật kinh, một quyển (dịch lại).
- Quang thế Âm Đại Thế Chí Thọ Quyết kinh, một quyển (cũng gọi là Quang thế Âm Bồ-tát Thọ ký kinh, dịch lại)
- Phổ Môn Phẩm kinh, một quyển (dịch lại).
- Lão Nữ Nhân kinh, một quyển (cũng gọi là Lão Mẫu kinh, cũng gọi là Lão Mẫu Lục Anh kinh, dịch lại).
- Đại Phương Đẳng Tu-đa-la Vương kinh, một quyển.
- Chuyển Hữu kinh, một quyển.

(Hai bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên)

- Vô Sở Hy Vọng kinh, một quyển.
- Tượng Bộ kinh, một quyển.
- Tượng Dịch kinh, một quyển.

(Ba bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- Đại Thừa Yếu huệ kinh, một quyển.
- Di-lặc Bồ-tát Sở Vấn kinh, một quyển.

(Hai bộ kinh trên bản đồng, khác người dịch, khác tên)

- Văn-thù-sư-lợi Vấn Bồ-đề kinh, một quyển.
- Bồ-đề Vô Hành kinh, một quyển.
- Già-da Sơn Đảnh kinh, một quyển.
- Tượng Đầu Tịnh Xá kinh, một quyển.

(Bốn bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên)

- Nhất Thiết Pháp Cao Vương kinh, một quyển.
- Chư Pháp Dõng Vương kinh, một quyển.

(Hai bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- Huệ Ấn Tam-muội kinh, một quyển.
- Huệ Tam-muội kinh, một quyển.
- Như Lai Trí Ấn kinh, một quyển.

(Ba bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- Quyết Định Tổng kinh, một quyển.
- Báng Phật kinh, một quyển.

(Hai bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- Thiềm Bản kinh, một quyển.
- Thiềm Tử kinh, một quyển.
- Hiếu Tử Thiềm kinh, một quyển.
- Bồ-tát Thiềm kinh, một quyển.
- Phật Thuyết Thiềm kinh, một quyển.

(Năm bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- Nhũ Quang Phật kinh, một quyển.
- Độc tử kinh, một quyển.

(Hai bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- Phật-di Nhật Ma-ni Bảo kinh, một quyển.
- Đại Bảo Tích kinh, một quyển.
- Ma-ha-diễn Bảo Nghiêm kinh, một quyển.

(Ba bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- Vô Úy Đức Nữ kinh, một quyển.
- A-xà-thế Vương Nữ A-thuật-đạt kinh, một quyển.
- A-xà-thế Vương Nữ Vô Ưu Thí kinh, một quyển.

(Ba bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- Thập Nhị Nhân Duyên kinh, một quyển.
- Bối Đa Thọ Hạ Tư Duy kinh, một quyển.
- Văn Thành Thập Nhị Nhân Duyên kinh, một quyển.

(Ba bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- Long Thí Bồ-tát Bản Khởi kinh, một quyển.
- Long Thí Nữ kinh, một quyển.

(Hai bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- Liễu Bản Sinh tử kinh, một quyển.
- Dị Liễu Bản Sinh Tử kinh, một quyển.
- Đạo Vu kinh, một quyển.

(Ba bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên)

- Đại Phương Quảng Bồ-tát Thập Địa kinh, một quyển.
- Bồ-tát Thập Địa kinh, một quyển.
- Trang Nghiêm Bồ-đề Tâm kinh, một quyển.

(Ba bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên)

- Quán Hư Không Tạng Bồ-tát kinh, một quyển.
- Hư Không Tạng Bồ-tát kinh, một quyển.
- Hư Không Tạng kinh, một quyển.

(Ba bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).
- Trưởng Giả Tử Chế kinh, một quyển.
- Chế kinh, một quyển.
- Thệ Đồng Tử kinh, một quyển.
- Bồ-tát Thệ kinh, một quyển.
- Thệ kinh, một quyển.
(Năm bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).
- Ly Cấu Thí Nữ kinh, một quyển.
- Vô Cấu Thí Bồ-tát Phân Biệt kinh, một quyển.
- Đắc Vô Cấu Nữ Ứng Biện kinh, một quyển.
(Ba bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên)
- Di-lặc Thành Phật kinh, một quyển.
- Di-lặc Thọ Quyết kinh, một quyển.
- Di-lặc Hạ Sinh kinh, một quyển.
- Di-lặc Đương Lai Sinh kinh, một quyển.
(Bốn bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).
- Nguyệt Quang Đồng Tử kinh, một quyển.
- Nguyệt Minh Đồng Tử kinh, một quyển.
- Thân Nhật kinh, một quyển.
- Thân Nhật Đâu Bản kinh, một quyển.
- Thất Việt kinh, một quyển.
(Năm bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).
- Chuyển Nữ Thân kinh, một quyển.
- Vô Cấu Hiền Nữ kinh, một quyển.
- Phúc Trung Nữ Thích kinh, một quyển.
- Thai Tàng kinh, một quyển.
- Bất Trang Giảo kinh, một quyển.
(Năm bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).
- Vô Lượng Môn Vi Mật Trì kinh, một quyển.
- Xuất Sinh Vô Lượng Môn trì kinh, một quyển.
- A-nan Mục-khư-ni Ha-ly Đà-la-ni kinh, một quyển.
- Xá-lợi-phất Đà-la-ni, một quyển.
- Vô Lượng Môn Phá Ma Đà-la-ni kinh, một quyển,
(Năm bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên)
- Nghiệp Báo Sai Biệt kinh, một quyển.
- Đại thừa Phương Quảng Tổng Trì kinh, một quyển.
- Lao Cố Nữ kinh, một quyển.
- Bách Phật Danh kinh, một quyển.

- Nhất Hướng Xuất Sinh Bồ-tát kinh, một quyển.
- Đại Oai Đăng Tiên Nhân Vấn Nghi kinh, một quyển.
- Văn-thù-sư-lợi Hạnh kinh, một quyển.
- Bát Phật Danh Hiệu kinh, một quyển.
- Hy Hữu Giảo Lượng Công Đức kinh, một quyển.
- Như Lai Phương Tiện Thiện Xảo Chú kinh, một quyển.
- Bất Không Quyên Sách Quang thế Âm Tâm Chú kinh, một quyển.
- Thập Nhị Phật Danh Thần Chú Trừ Chướng Diệt Tội kinh, một quyển.
- Kim Cang Trường Đà-la-ni kinh, một quyển.
- Chư Pháp Tối Thượng Vương kinh, một quyển.
- Thương Chủ Thiên Tử Vấn kinh, một quyển.
- Xuất Sinh Bồ-đề kinh, một quyển.

2. Kinh Đại thừa mất tên người dịch: gồm (hai trăm ba mươi bốn bộ, với bốn trăm lẻ một quyển).

- Xuất yếu kinh, hai mươi quyển.
- A-duy-việt-trí chuyển kinh, mười tám quyển.
- Ma-ha-diễn kinh, mười bốn quyển.
- Đại Nhẫn Nhục kinh, mười quyển.
- Phật Danh kinh, mười quyển.
- Tạp Chú Tạp, mười quyển,
- Hành Đạo kinh, mười quyển.
- Phương Quảng Thập Luân kinh, bảy quyển.
- Đại Phương Tiện Báo Ân kinh, bảy quyển.
- Phạm Vương Thỉnh Vấn kinh, năm quyển.
- Tam-muội Vương kinh, năm quyển.
- Phật Bản Hạnh kinh, năm quyển.
- Phật Tùng Đâu Xuất Giáng Trung Ấm kinh, bốn quyển.
- Ma Vương Thỉnh Vấn kinh, bốn quyển.
- Thất Phật kinh, bốn quyển.
- Phật Danh kinh, ba quyển
- Đại Phạm Thiên Vương Thỉnh Chuyển Pháp Luân kinh, ba quyển.
- Thích Đề-hoàn Nhân Sở Vấn kinh, ba quyển.
- Đại Phương Quảng Như Lai Tánh Khởi kinh, ba quyển.
- Bồ-tát Bổn Hạnh kinh, ba quyển.

- Pháp Hoa Quang Thụy Bồ-tát Hiện Thọ kinh, ba quyển.
- Phổ Hiền Bồ-tát Đáp Nạn Nhị Thiên kinh, ba quyển.
- Đại Phương Quảng kinh, ba quyển. (Đời chú còn nghi).
- Ưu-bà-di Tịnh Hạnh kinh, hai quyển (cũng gọi Tịnh Hạnh kinh).
- Bất Tư Nghìn Công Đức kinh, hai quyển (cũng gọi công đức kinh).
- Đại Kết Nghĩa Chú kinh, hai quyển.
- Cửu Thập Ngũ Chũng Đạo Tạp Loại Thần Chú kinh, hai quyển.
- Bồ-tát Mộng kinh, hai quyển.
- Chú Kinh Phật Danh kinh, hai quyển.
- Nhu Thủ Bồ-tát kinh, hai quyển.
- Thập Phương Phật Danh kinh, hai quyển.
- Văn-thù Vấn kinh, hai quyển.
- Ai Khấp kinh, hai quyển.
- Pháp Giới Thể Tánh Vô Phân Biệt kinh, hai quyển.
- Thuần Chân-đà-la Sở Vấn Bảo Như Lai, hai quyển.
- Thâm Đoạn Liên kinh, hai quyển.
- Hoằng Đạo kinh, hai quyển.
- Bồ-tát Danh kinh, hai quyển.
- Phạm Thiên Thỉnh Phật Thiên Thủ kinh, hai quyển.
- Chư Kinh Bồ-tát Danh, hai quyển.
- Mật Tích Lực Sĩ kinh, hai quyển.
- Vô Minh La-sát Dụ Tập kinh, hai quyển.
- A-na-hàm kinh, hai quyển.
- Tạp Thí Dụ kinh, hai quyển.
- Tỳ-la Tam-muội kinh, hai quyển.
- Tượng pháp Quyết nghi kinh, hai quyển.
- Sơ-ba-la Diệu kinh, hai quyển.
- Thiện Vương Hoàng Đế kinh, hai quyển (Thế chú còn nghi)
- Hư Không Tạng Bồ-tát Vấn Trì kinh Kỷ Phước kinh, một quyển.
- Đại Phương Quảng Như Lai Bí Mật Tạng kinh, một quyển.
- Độ Chư Phật Cảnh Giới Quang Nghiêm kinh, một quyển.
- Thiện Tý Bồ-tát Sơ Vấn kinh, một quyển.
- Bồ-tát Tu Hành kinh, một quyển (cũng gọi là Oai Thế Trưởng Giả Vấn Quán Thân Hành kinh).
- Đại Bản Tạng kinh, một quyển.
- Vô Đoan Để Tổng Trì kinh, một quyển.
- Bồ-tát Đầu Thân Ngạ Hổ Khởi Tháp Nhân Duyên kinh, một

quyển.

- Bồ-tát Bản Hạnh kinh, một quyển.
- Nhất Thiết Thí Chủ Sở Hành Đàn Ba-la-mật kinh, một quyển.
- Hiền Thủ Bồ-tát Nhị Bách Vấn kinh, một quyển.
- Thọ Thập Thiện Giới kinh, một quyển.
- Văn Thù Quán kinh, một quyển.
- Tần-bà-ta-la Vương Nghệ Phật cúng Dường kinh, một quyển.
- Bồ-tát Túc Duyên kinh, một quyển.
- Đại Ý kinh, một quyển.
- Nội Tạng Đại Phương Đẳng kinh, một quyển.
- Thiên Vương Thái Tử Bích La kinh, một quyển.
- Thái Tử Pháp huệ kinh, một quyển.
- Thị Quang Thái Tử kinh, một quyển.
- Trưởng Giả Pháp Chí Thê kinh, một quyển.
- Pháp Chí Nữ kinh, một quyển.
- Nhất Thiết Trí Quang Minh Tiên Nhân Từ Tâm Nhân Duyên Bất Thực Nhục kinh, một quyển.
- Văn-thù-sư-lợi Bát-niết-bàn kinh, một quyển.
- Quang thế Âm Sở Thuyết Hành Pháp kinh, một quyển.
- Sư Tử Nguyệt Phật Bản Sinh kinh, một quyển.
- Công Đức Trang Nghiêm Vương Bát Vạn Tứ Thiên Tuế Thỉnh Phật kinh, một quyển.
- Trì Thân Bồ-tát kinh, một quyển (cũng gọi tắt là trì Thân kinh).
- Kim Cang Nữ Bồ-tát kinh, một quyển.
- Thiện Ý Bồ-tát kinh, một quyển.
- Pháp Hoa Tam-muội kinh, một quyển.
- Phật Bảo Tam-muội kinh, một quyển.
- Kim Cang Tam-muội kinh, một quyển.
- Kim Cang Tam-muội Bản Tánh Thanh Tịnh Bất Hoại Bất Diệt kinh, một quyển.
- Bảo Tích Tam-muội Văn-thù-sư-lợi Vấn Pháp Thân kinh, một quyển.
- Văn-thù-sư-lợi Quyền Biến Tam-muội kinh, một quyển (cũng gọi tắt là Quyền Biến kinh).
- Tân-đầu-lô Vị Vương Thuyết Pháp kinh, một quyển.
- Di-lặc kinh, một quyển.
- Thập Phật Nhân Duyên kinh, một quyển.
- Bát Bộ Phật Danh kinh, một quyển.

- Bát Cát Tường Thần Chú kinh, một quyển.
- Bát Dương kinh, một quyển.
- Thập Cát Tường kinh, một quyển.
- Hiền Thủ kinh, một quyển (cũng gọi Hiền Thủ Phu Nhân kinh).
- Tiểu An Ban Tam-muội kinh, một quyển.
- Tiểu A-xà-thế kinh, một quyển.
- Tiểu Tu-lại kinh, một quyển.
- Thậm Thâm Đại Hồi Hướng kinh, một quyển.
- Tứ Vô Úy kinh, một quyển.
- Bồ-tát Thập Âu Hòa kinh, một quyển.(cũng gọi tắt là Thập Âu Hòa kinh).
- Hiền Giả Ngũ Phước Đức kinh, một quyển.
- Lục Pháp Hạnh kinh, một quyển.
- Bồ-tát Thường Hành kinh, một quyển.
- Bồ-tát Đẳng Hạnh kinh, một quyển.
- Thiện Đức kinh, một quyển.
- A-đà Tam-muội kinh, một quyển.
- A-đa Tam-muội kinh, một quyển.
- Tân-đầu-lô Đột-la-xà Vị Ưu-đà Diên Vương Thuyết Pháp kinh, một quyển.
- Phật Ấn Tam-muội kinh, một quyển.
- Bách Bảo Tam-muội kinh, một quyển.
- Dược Sư Lưu Ly Quang Phật kinh, một quyển.
- Trưởng Giả Âm Duyệt kinh, một quyển (một tên là Trưởng Giả Âm Duyệt Bất Xiển Ca-diếp kinh, một tên là Âm Duyệt kinh).
- Đề Vị kinh, một quyển.
- Thập Tư Duy kinh, một quyển.
- Phân Biệt Lục Tình kinh, một quyển.
- A-chất Quốc Vương kinh, một quyển.
- Tam-muội Vương Tam-muội kinh, một quyển.
- Bát Bồ-tát Tứ Hoằng Thệ kinh, một quyển.
- Đại Quang Minh Bồ-tát Bách Tứ Thập Bát Nguyện kinh, một quyển.
- Đọa-ca-la Vấn Bồ-tát kinh, một quyển.
- Đại Bi Quang thế Âm kinh, một quyển.
- Bồ-tát Chư Khổ Hạnh kinh, một quyển.
- Thụy Ứng Quang thế Âm kinh, một quyển.
- Công Đức Bảo Quang Bồ-tát Vấn Hộ Trì kinh, một quyển.

- Tự Tại Vương Bồ-tát Vấn Như Lai Cảnh Giới kinh, một quyển.
- Mục Khư kinh, một quyển.
- Tát-la kinh, một quyển.
- Bồ-tát Đạo Địa kinh, một quyển.
- Đẳng Nhập Pháp Nghiêm kinh, một quyển (cũng gọi tắt là Pháp Nghiêm kinh).
- Phương Đẳng Quyết kinh, một quyển.
- Đại Hạnh Lục Ba-la-mật kinh, một quyển.
- Tán Thất Phật Kệ kinh, một quyển.
- Từ Nhân Vấn Bát Thập Chủng Hảo kinh, một quyển.
- A-di-đà Phật kệ, một quyển.
- Hậu Xuất A-di-đà Phật Kệ, một quyển.

(Hai bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, rộng lược khác nhau).

- A-di-đà Cổ Âm Thanh Đà-la-ni, một quyển.
- A-nan Kiến Thủy Quang Thụy kinh, một quyển.
- Ca-chiên-diên Kệ kinh, một quyển (một tên là Ca-chiên-diên Thuyết Pháp Nhất Tận Kệ Bách Nhị Thập Chương).
- Tạp Hoa kinh, một quyển.
- Ngũ Bách Kệ kinh, một quyển.
- Tam Thừa kinh, một quyển.
- Tiền Thế Tam Chuyển kinh, một quyển.
- Ngân Sắc Nữ kinh, một quyển.

(Hai bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- Thái Tử Hộ kinh, một quyển.
- Hòa Hưu kinh, một quyển.

(Hai bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- Thiện Pháp Phương Tiện Đà-la-ni kinh, một quyển.
- Kim Cang Bí Mật Thiện Môn Đà-la-ni kinh, một quyển.

(Hai bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- A-xà-thế Vương Thọ Quyết kinh, một quyển.
- Thái Liên Vĩ Vương Thượng Phật Thọ Quyết kinh, một quyển.

(Hai bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- Sư Tử Phấn Tấn Bồ-tát Sở Vấn kinh, một quyển.
- Hoa Tích Đà-la-ni kinh, một quyển.
- Hoa Tụ Đà-la-ni kinh, một quyển.

(Ba bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- Định Hạnh Tam-muội kinh, một quyển.

- Phật Di Định Hạnh kinh, một quyển (một tên là Ma Ha Mục Liên Sở Vấn kinh), (Hai bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên.).
- Tùy Nguyện Vãng Sinh kinh, một quyển.
- Duy Vô Tam-muội kinh, một quyển (một tên Duy Vụ Tam-muội kinh).
- Thanh Tịnh Pháp Hạnh kinh, một quyển.
- Long Chủng Tôn Phật Quốc Biến Hóa kinh, một quyển.
- Tứ Sự Giải Thoát kinh, một quyển.
- Tứ Sự Giải Thoát Độ Nhân kinh, một quyển.

(Ba bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- Định huệ Phổ Biến Quốc Độ Thần Thông Bồ-tát kinh, một quyển.
- Quang thế Âm Thập Đại Nguyện kinh, một quyển.
- Quan Thế Âm Tam-muội kinh, một quyển.
- Đại thừa Liên Hoa Mã Đầu La-sát kinh, một quyển.
- Âm Mã Tàng kinh, một quyển.
- Âm Mã Tàng Quang Minh kinh, một quyển.
- Thân Độ Quốc Vương Sở Vấn Trị Quốc kinh, một quyển.

(Ba bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- Không Tịnh Tam-muội kinh, một quyển (một tên là không Tịnh cảm Ứng kinh).
- Bát-nhã Đắc kinh, một quyển.
- Tam Thế Tam Thiên Phật Danh kinh, một quyển.
- Tam Thiên Phật Danh kinh, một quyển.
- Thập Phương Phật Danh Công Đức kinh, một quyển.
- Hiện Tại Thập Phương Phật Danh kinh, một quyển.
- Thiên Ngũ Bá Phật Danh kinh, một quyển.
- Thiên Phật Danh kinh, một quyển.
- Hiện Tại Thiên Phật Danh kinh, một quyển.
- Quá Khứ Thiên Phật Danh kinh, một quyển.
- Đương Lai Tinh Tú Kiếp Thiên Phật Danh kinh, một quyển.
- Nam Phương Phật Danh kinh, một quyển.
- Hiền Kiếp Ngũ Bách Phật Danh kinh, một quyển.
- Ngũ Bách Thất Thập Phật Danh kinh, một quyển.
- Long Thọ Khuyến Phát Chư Vương Yếu Kệ kinh, một quyển.
- Bách Thất Phật Danh kinh, một quyển.
- Tạp Thí Dụ kinh, một quyển.

- Đồng Hiệu Phật kinh, một quyển.
- Lục Bồ-tát Danh Diệu Đương Tụng Trì kinh, một quyển.
- Ma Ha Thần Chú kinh, một quyển.
- Đại Tổng Trì Thần Chú kinh, một quyển.
- Tư Ích Thần Chú kinh, một quyển.
- Thập Phương Phật Thần Chú kinh, một quyển.
- Thất Phật Sở Kết Ma-du-thuật Chú kinh, một quyển.
- Thất Phật Thần Chú kinh, một quyển.
- Hàng Ma Thần Chú kinh, một quyển.
- Hoa Tích Đà-la-ni Thần Chú kinh, một quyển.
- Oai Đức Đà-la-ni Thần Chú kinh, một quyển.
- Đà-la-ni Cú kinh, một quyển.
- Tập Pháp Duyệt Xả Khổ Đà-la-ni kinh, một quyển.
- Đà Lân Bát Chú kinh, một quyển.
- Chư Thiên Vương Sở Thuyết Đà-la-ni kinh, một quyển.
- Tứ Thiên Vương Thần Chú kinh, một quyển.
- Kim Cang Thập Nhị Sứ Chú kinh, một quyển.
- Thỉnh Kim Cang Chú kinh, một quyển.
- Kim Cang Tùy Ý Sở Nhạo Nhất Thiết Giai Đắc Chú kinh, một quyển.
- Kim Cang Như Sở Nguyện Nhất Thiết Thắng Chú kinh, một quyển.
- Kim Cang Chú kinh, một quyển.
- Kim Cang Kết Giới Chú kinh, một quyển.
- Kim Cang Tiểu Tâm Trừ Diệt Chư Oán Chú kinh, một quyển.
- Kim Cang Thỉnh Mộng Chú kinh, một quyển.
- Đại Thần Mẫu Kết Thệ Chú kinh, một quyển.
- Hộ Chư Tỳ Kheo Chú kinh, một quyển.
- Thập Nhị Nhân Duyên Kết Lũ Thần Chú kinh, một quyển.
- Y Hoàn Pháp Nguyện Chú kinh, một quyển.
- Lục Tự Đại Đà-la-ni kinh, một quyển.
- Di Sơn Thần Chú kinh, một quyển.
- Hòa Ma Kết Thần Chú kinh, một quyển.
- Giải Nhật Ách Thần Chú kinh, một quyển.
- Lục Thần Danh Thần Chú kinh, một quyển.
- Lục Tự Thần Chú kinh, một quyển.
- Huyễn Sư Bạt-đà Thần Chú kinh, một quyển.
- Huyễn Sư Ba-đà Chú kinh, một quyển.

- Ma-ni-la Đản Thần Chú kinh, một quyển.
- Đàn-trì-la Ma-du-thuật Thần Chú kinh, một quyển.
- Ma Du Thuật Thần Chú kinh, một quyển.
- Ma Ni La Đản Thần Chú kinh, một quyển.
- Y Vương Duy Lâu Diên Thần Chú kinh, một quyển. (Một tên là A-nan Sở Vấn Y Vương Duy Lâu Diên chú kinh).
- Long Vương Chú Thủy Dục kinh, một quyển.
- Thập Bát Long Vương Thần Chú kinh, một quyển.
- Thỉnh Vũ Chỉ Vũ Thần Chú kinh, một quyển.
- Sấn Thủy Thần Chú kinh, một quyển.
- Chú Thủy kinh, một quyển.
- Chú Thổ kinh, một quyển.
- Chú Dược kinh, một quyển.
- Chú Độc kinh, một quyển.
- Huyết Khí Thần Chú kinh, một quyển. (Một tên là Thủ Huyết Khí).
- Chú Thời Khí Chú kinh, một quyển.
- Chú Tiểu Nhi kinh, một quyển.
- Chú Cũ Xĩ kinh, một quyển (cũng gọi là Chú Trùng Xĩ, hoặc Chú Xĩ).
- Chú Xĩ Thống kinh, một quyển.
- Chú Nha Thống kinh, một quyển.
- Chú Nha Đông kinh, một quyển.
- Chú Nhãn Thống kinh, một quyển.
- Chú Nhãn Xích kinh, một quyển.
- Trừ Tịch Tặc Hại Chú kinh, một quyển.
- Chú Tặc kinh, một quyển.
- Tốt Phùng Tặc Kết Đới Chú kinh, một quyển.
- Thất Phật An Trạch Thần Chú kinh, một quyển.
- Ngũ Phương Long Vương Thần Chú kinh, một quyển.
- Tam Quy Ngũ Giới Thần Vương Danh kinh, một quyển.

II. Luật Đại thừa (Tỳ-kheo).

1. Luật Đại thừa có tên người dịch, soạn: Gồm một trăm mười chín bộ với bốn mươi phẩm.

- Ưu-bà-tắc giới kinh, mười quyển.
- Bồ-tát Giới kinh, tám quyển.
- Phật Tạng kinh, bốn quyển.

- Phạm Võng kinh, hai quyển.
- Bảo Lương kinh, hai quyển.
- Bồ-tát Tạng kinh, hai quyển.
- Quyết Định Tỳ-ni kinh, một quyển.
- Phật Hối Quá kinh, một quyển.
- Bồ-tát Hối Quá kinh, một quyển.
- Văn-thù-sư-lợi Hối Quá kinh, một quyển (cũng gọi là Văn-thù-sư-lợi Ngũ Thể Hối quá kinh).
- Xá-lợi-phất Hối Quá kinh, một quyển (cũng gọi tất Hối Quá kinh).
- Thanh Tịnh Tỳ-ni Phương Quảng kinh, một quyển.
- Văn-thù-sư-lợi Tịnh Luật kinh, một quyển.
- Tịch Điều Sở Vấn kinh, một quyển.

(Ba bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- Bồ-tát Giới bản, một quyển.
- Ưu-bà-tắc Giới Bản, một quyển.
- Bồ-tát Giới, Ưu-bà-tắc Giới, Đàn Văn Họp, một quyển.
- Tam Quy Cập Ưu-bà-tắc Nhị Thập Nhị Giới Văn, một quyển (cũng gọi là Ưu-bà-tắc Giới).
- Bồ-tát Trai Pháp, một quyển (một tên là Chánh Trai, một tên là Trì Trai).
- Bồ-tát Giới, một quyển.
- Bồ-tát Trai kinh một quyển (một tên là Hiền Thủ Bồ-tát Trai Pháp kinh).

2. Luật Đại thừa mất tên người dịch soạn: (mười hai bộ, với mười bốn quyển).

- Đại Phương Quảng Tam Giới kinh, ba quyển.
- Pháp Luật Tam-muội kinh, một quyển.
- Bồ-tát Nội Giới kinh, một quyển.
- A-duy-việt-trí Bồ-tát Giới kinh, một quyển.
- Tam-mạn-đà-bạt Đà-la Bồ-tát kinh, một quyển.
- Bồ-tát Ba-la-đề-mộc-xoa kinh, một quyển.
- Bạt Đà Hối Quá kinh, một quyển.
- Bồ-tát Thọ Trai kinh, một quyển.
- Tịnh Nghiệp Chướng kinh, một quyển.
- Tại Gia Bồ-tát Giới, một quyển.
- Tại Gia Luật Nghi, một quyển.
- Ưu-bà-tắc Ưu-bà-di Ly Dục Cụ Hành Nhị Thập Nhị Giới, một

quyển.

III. Luận Đại thừa (A-tỳ-đàm).

1. Luận Đại thừa có tên người dịch: gồm bốn mươi chín bộ với hai trăm ba mươi tám quyển.

- Đại Trí Độ Kinh Luận, một trăm quyển.
- Nhiếp Đại Thừa Thích luận, mười lăm quyển (hoặc mười hai quyển. Ngài Chân Đế dịch lại khiến có rộng, gọn).
- Thập Địa Kinh Luận, mười hai quyển.
- Thập Trụ Tỳ-bà-sa Kinh Luận, mười hai quyển.
- Di-lặc Bồ-tát Sở Vấn Kinh Luận, mười quyển.
- Đại Trang Nghiêm Luận, mười quyển.
- Bồ-tát Thiện Giới kinh, mười quyển.
- Bồ-tát Địa kinh mười quyển.
- Bồ-tát Địa Trì Luận, tám quyển.

(Ba bộ kinh Luận trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- Bảo Tích Kinh Luận, bốn quyển.
- Phật Tánh Luận, bốn quyển.
- Trung Luận, bốn quyển.
- Bảo Tánh Luận, bốn quyển.
- Kim Cang Bát-nhã Kinh Luận, ba quyển.
- Tăng Khư Luận, ba quyển.
- Thắng Tư Duy Kinh Luận, ba quyển.
- Trung Biên Luận, ba quyển.
- Nhiếp Đại Thừa Bản Luận, ba quyển.
- Nhiếp Đại Thừa Bản Luận, hai quyển.

(Hai bộ luận trên đồng bản, khác người dịch, rộng lược khác nhau).

- Văn-thù-sư-lợi Vấn Bồ-đề Kinh Luận, hai quyển (một tên là Già-da Đảnh kinh luận).
- Đại Trượng Phu Luận, hai quyển.
- Phật A-tỳ-đàm Luận, hai quyển.
- Thuận Trung Luận, hai quyển.
- Bách Luận, hai quyển.
- Nhập Đại Thừa Luận, hai quyển.
- Như Thật Luận, hai quyển.
- Niết-bàn Tu-bạt Luận, hai quyển.
- Ưu-bà-tắc Ngũ Học Lược Luận, hai quyển.

- Đại Niết-bàn kinh, một quyển.
- Tam Cụ Túc Kinh Luận, một quyển.
- Di Giáo Kinh Luận, một quyển.
- Pháp Hoa Kinh Luận, một quyển.
- Chuyển Pháp Luân kinh Luận, một quyển.
- Bảo Kế Bồ-tát Tứ Pháp Luận, một quyển.
- Vô Lượng Thọ Kinh Luận, một quyển.
- Nghiệp Thành Tựu Luận, một quyển.
- Tam Vô Tánh Luận, một quyển.
- Thập Nhị Môn Luận, một quyển.
- Phương Tiện Tâm Luận, một quyển.
- Phản Chất Luận, một quyển.
- Đọa Phụ Luận, một quyển.
- Cầu Na Ma Để Tùy Tướng Luận, một quyển.
- Thành Tựu Tam Thừa Luận, một quyển.
- Thập Nhị Nhân Duyên Luận, một quyển.
- Chánh Thuyết Đạo Lý Luận, một quyển.
- Nhất Thâu-lô-ca Luận, một quyển.
- Bảo Hành Vương Chánh Luận, một quyển.
- Bách Tự Luận, một quyển.
- Ý Nghiệp Luận, một quyển.
- Phá Ngoại Đạo Tứ Tông Luận, một quyển.
- Phá Ngoại Đạo Niết-bàn Luận, một quyển.
- Duy Thức Luận, một quyển (Dịch lại).
- Hồi Tránh Luận, một quyển.
- Đại Thừa Khởi Tín Luận, một quyển.

2. Luận Đại thừa mất tên người dịch: (hai bộ, bảy quyển).

- Đại Thừa Ưu-ba-đề-xá, năm quyển.
- Phát Bồ-đề Tâm Luận, hai quyển.

■

LỊCH ĐẠI TAM BẢO KÝ

QUYỂN 14

MỤC LỤC CÁC KINH TIỂU THỪA NHẬP TẠNG

Sách chép về: Tiểu thừa đó là tạng Thanh văn, giáo lý nói về Đức Phật, cho rằng ngài sinh ra mộtở vương cung với bao công nuôi dưỡng bồng ẩm bú mớm. Ngài ngồi xe dê đi học, thi tài để cưới vợ, mười chín tuổi xuất gia, ba mươi tuổi thành đạo, bốn mươi chín năm ở đời thuyết pháp, năm bảy mươi chín tuổi, dưới khoảng rừng cây Song thọ ngài đã nằm nghiêng bên hữu mà nhập Niết-bàn. Nói về giáo pháp của phái này là Khế kinh, hoặc gồm chín bộ hoặc mười một bộ đó là bốn A-hàm, tạp tạng và A-tỳ-đàm Luận về người thì gọi là Thanh văn, Duyên giác gồm bốn quả, bốn hướng, năm phương, bảy tiện. Cạo bỏ râu tóc bỏ tục xuất gia, hạn cuộc ở cõi người trời không bao gồm các thú khác. Về phiền não thì năm cái, mười triền và chín mươi tám sử. Các pháp tu hành thì bốn Thánh đế, mười hai Nhân duyên, thu nhiếp bảy chi, giữ gìn ba nghiệp. Các giới cấm phải thọ thì ba quy, mười giới, hai trăm năm mươi và năm trăm giới, chỉ giải quyết trong một đời không dây dưa đến đời sau. Tự điều phục thân khẩu, không tu hạnh lợi tha. Ngày nước Lý có cạn sâu cũng như độ nổi chìm của thỏ ngựa. Đi ra đường dạo mát sang hèn do ngồi xe hưu hay dê, hút nước hứng sương nhiều ít là do cở to nhỏ của rễ, lá. Dừng lại tĩnh dưỡng lúc mệt nhọc ngơi nghỉ ở nơi hóa thành không thật. Các loại văn như thế đều là Tiểu thừa vậy. Căn cứ ngày bốn kinh A-hàm, Sinh Kinh, Xuất Diệu, Hiền Ngu, Thí Dụ và các kinh khác hoặc năm hàng mười hành, một tờ nửa tờ, trên bắt đầu chữ "Như thị" cuối kết thúc bằng chữ "Phụng hành". Các mãng nhỏ như thế phân chia thành muôn quyển. Tình đời theo ngọn tranh nhau sao chép càng nhiều, không chỉ uổng công mà càng trái xa nguồn gốc. Nhưng từ ghi chú của các lục lại sinh thêm ra những nhóm khác. Cũng như Quang thế Âm sinh ra một Diệu Pháp Hoa, Thiện Thời Nga Vương sinh ra một Chánh Pháp Niệm. Nay đều không ghi chép. Chỉ bốn bộ Luật, Tăng Ni

Giới Tâm, Yếu Lược Oai Nghi, Yết-ma Tạp Pháp thì người đời ai cũng biết, nên nêu đầy đủ. Đó là từ Kinh mà chia ra nhiều nhóm hành giả. Bộ gốc đã đủ nên không cần nói nhiều. Chỗ ít lợi đã sẵn bày, luận dài thêm rối. Do đó chỉ nói tóm tắt sơ qua cái. Cả trang giấy nêu ra một vạn kinh thì chỉ tóm tắt còn hai ngàn. Nay biên soạn cả đại bộ tóm tắt thành một quyển riêng, đã kiểm tra những thứ chẳng phải loại phổ biến còn lại, gồm chung tất cả năm trăm hai mươi lăm bộ, một ngàn bảy trăm mười hai quyển, tạo nên mục lục chính về Tiểu thừa nhập tạng.

Phòng tôi kiến thức hẹp hòi nông cạn, việc tìm đọc còn lắm lỗi lầm thiếu sót. Chỉ mong truyền đuốc pháp soi sáng người hiền, gọi là góp chút dầu cho lửa sắp tàn

A. Đại cương:

I. Kinh Tiểu thừa (Tu-đa-la).

1) Có tên người gồm: 108 bộ, 527 quyển.

2) Mất tên người gồm: 317 bộ, 482 quyển.

II. Luật Tiểu thừa (Tỳ-ni).

1) Có tên người gồm: 37 bộ, 285 quyển.

2) Mất tên người gồm: 31 bộ, 67 quyển.

III. Luận Tiểu thừa (A-tỳ-đàm).

1) Có tên người gồm: 21 bộ, 351 quyển.

2) Mất tên người gồm: 10 bộ, 27 quyển.

B. Các dịch phẩm:

I. Kinh Tiểu thừa:

1) Kinh Tiểu Thừa có tên người dịch (một trăm lẻ tám bộ, năm trăm hai mươi bảy quyển)

- Chánh Pháp Niệm Xứ Kinh, bảy mươi quyển.
- Phật Bản Hạnh Tập Kinh, sáu mươi quyển.
- Trung A-hàm Kinh, sáu mươi quyển (Nay sáu mươi chín kinh, bỏ các kinh dịch riêng).
- Tăng Nhất A-hàm Kinh, năm mươi quyển (Nay bốn mươi ba kinh, bỏ các kinh dịch riêng).
- Tạp A-hàm Kinh, năm mươi quyển (Nay một trăm bốn mươi bốn kinh, bỏ các kinh dịch riêng).
- Tạp Thí Dụ, ba trăm năm mươi bài, hai mươi lăm quyển.
- Trường A-hàm Kinh, hai mươi hai quyển (Nay mười tám kinh, bỏ các kinh dịch riêng).

- Hiền Ngu Kinh, mười sáu quyển (Nay năm kinh, bỏ các kinh dịch riêng).
- Tạp Bảo Tạng Kinh, mười quyển.
- Tạp Thí Dụ Kinh, mười quyển.
- Phổ Diệu Kinh, tám quyển (hoặc sáu quyển, nay mười hai kinh dịch riêng).
- Thục Phổ Diệu Kinh, sáu quyển.

(2 bộ Kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- Soạn Tập Bách Duyên Kinh, bảy quyển.
- Tu Hành Kinh, bảy quyển (Nay mười bốn kinh dịch riêng).
- Tu Hành Đạo Địa Kinh, sáu quyển.

(Hai bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- Pháp Cú Dụ Bản Mạt Tập Kinh, sáu quyển (hoặc năm quyển).
- Sinh Kinh, năm quyển (Nay năm mươi kinh dịch riêng).
- Thiền Pháp Yếu Kinh, năm quyển (hoặc ba quyển).
- Bách Dụ Tập Kinh, bốn quyển.
- Quá Khứ Hiện Tại Nhân Quả Kinh, bốn quyển.
- Thái Tử Bản Khởi Thụy Ứng Kinh, hai quyển.
- Tu Hành Bản Khởi Kinh, hai quyển.

(Ba bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- Thiền Bí Yếu Kinh, ba quyển.
- Ấm Trì Nhập Kinh, hai quyển.
- Trung Khởi Bản Kinh, hai quyển.
- Tứ A-hàm Mộ Sao, hai quyển.
- Đạt-ma-đa-la Thiền Kinh, hai quyển.
- Cựu Tạp Thí Dụ Tập Kinh, hai quyển.
- Nghĩa Túc Kinh, hai quyển.
- Pháp Cú Tập Kinh, hai quyển.
- Tỳ-da-ta Vấn Kinh, hai quyển.
- Đại Đạo Địa Kinh, hai quyển.
- Cổ Khách Kinh, hai quyển.
- Đại An Ban Kinh, hai quyển.
- Tiểu Bản Khởi Kinh, hai quyển.
- Thiền Pháp Yếu Giải Kinh, hai quyển.
- A-lan-nhã Tập Thiền Pháp Kinh, hai quyển.
- Tọa Thiền Tam-muội Kinh, hai quyển.

(Hai bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- Bất Tịnh Quán Thiền Kinh Tu Hành Phương Tiện, hai quyển.

- Ma-đăng-già Kinh, hai quyển.
- Xá-đầu-gián Kinh, một quyển.
- Thái Tử Nhị Thập Bát Tú Kinh, một quyển.
- Hổ Nhĩ Ý Kinh, một quyển.

(Bốn bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- Bản Tướng Y Trí Kinh, một quyển.
- Duyên Bản Trí Kinh, một quyển.

(Hai bộ Kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- Tạp Tạng Kinh, một quyển.
- Quỷ Vấn Mục-liên Kinh, một quyển.
- Ngạ Quỷ Báo Ứng Kinh, một quyển.
- Mục-liên Thuyết Ngạ Quỷ Nhân Duyên Kinh, một quyển.

(Bốn bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- A-nan Vấn Sự Phật Kiết Hung Kinh, một quyển.
- A-nan Phân Biệt Kinh, một quyển.
- Đệ Tử Mạn Vị Kỳ Vực Thuật Kinh, một quyển.
- Phân Biệt Kinh, một quyển.

(Bốn bộ Kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- Đại Thập Nhị Môn Kinh, một quyển.
- Tứ Thập Nhị Chương Kinh, một quyển (dịch lại)
- Tiểu Thập Nhị Môn Kinh, một quyển.
- Bách Lục Thập Phẩm Kinh, một quyển.
- Thập Nhị Du Kinh, một quyển.
- Trị Thiền Bệnh Bí Yếu Kinh, một quyển.
- Đại An Ban Kinh, một quyển.
- An Ban Thủ Ý Kinh, một quyển.
- Ngũ Môn Thiền Kinh Yếu Dụng Pháp, một quyển.
- Bát-nê-hoàn Kinh, một quyển.
- Đương Lai Biến Kinh, một quyển.
- Nan-đề-ca-la Việt Kinh, một quyển.
- Phổ Nghĩa Kinh, một quyển.
- Nại Nữ Kỳ Vực Kinh, một quyển.
- Tịnh Phạn Vương Bát Niết-bàn Kinh, một quyển.
- Sa-môn Quả Chứng Kinh, một quyển.
- Phật Vị Bồ-tát Ngũ Mộng Kinh, một quyển (một tên là Phật Ngũ Mộng Kinh, một tên là Thái Tử Ngũ Mộng Kinh).
- Mã Vương Kinh, một quyển.
- Thỉnh Tân-đầu-lô Pháp, một quyển.

- Bát Sư Kinh, một quyển.
- A-hàm Khẩu Giải Thập Nhị Nhân Duyên Kinh, một quyển.
- Tứ Bộ Dụ Kinh, một quyển.
- Tam Phẩm Tu Hành Kinh, một quyển.
- Thất Pháp Kinh, một quyển.
- A-tỳ-đàm Ngũ Pháp Hạnh Kinh, một quyển.
- Nhạn Vương Kinh, một quyển.
- Tứ Nguyện Kinh, một quyển.
- Nhạn Vương Ngũ Bách Nhạn Câu Kinh, một quyển.
- Ngũ Pháp Kinh, một quyển.
- Giới La-vân Kinh, một quyển.
- Phụ Nhân Ngộ Cô Kinh, một quyển (cũng gọi là Ngộ Đối Kinh).
- Cấp Cô Độc Minh Đức Kinh, một quyển (Cũng gọi là Cấp Cô Độc Thị Kinh).
- Trưởng Giả Biện Ý Kinh, một quyển (Cũng gọi là Biện Ý Trưởng Giả Sở Vấn Kinh).
- Bào Thai Thọ Thân Kinh, một quyển (Cũng gọi Bào Thai Kinh).
- Tứ Tự Xâm Kinh, một quyển.
- Thích Lục Thập Nhị Kiến Kinh, một quyển.
- Ngũ Bách Đệ Tử Tự Thuyết Bản Khởi Kinh, một quyển.
- Thất Nữ Bản Kinh, một quyển (Cũng gọi tắt Thất Nữ Kinh).
- Đại Ca-diếp Bản Kinh, một quyển.
- A-nan Tứ Sự Kinh, một quyển.
- Sở Dục Trí Hoạn Kinh, một quyển.
- Pháp Thọ Trần Kinh, một quyển.
- Thiền Hành Pháp Tưởng Kinh, một quyển.
- Giới Vương Kinh, một quyển.
- Ma-ha Mục-liên Bản Kinh, một quyển.
- Tứ Thiên Vương Kinh, một quyển.
- Bần Nữ Vi Vương Phu Nhân Kinh, một quyển.
- Ngũ Phước Thí Kinh, một quyển.
- Ưu-đa-la Kinh, một quyển (Cũng gọi Ưu-đa-la Mẫu Kinh).
- Cảnh Diện Vương Kinh, một quyển.
- Ứng Cúng Pháp Hạnh Kinh, một quyển.
- Ma-ha Vương Kinh, một quyển.
- Sát Vi Vương Kinh, một quyển.

- A-xà-thế Vương Vấn Ngũ Nghịch Tội Kinh, một quyển (cũng gọi tắt là A-xà-thế Kinh hoặc không có chữ Tội).
- A-nan Niệm Di Kinh, một quyển.
- Cư Sĩ Thỉnh Tăng Phước Điền Kinh, một quyển.
- Quán Hạnh Bất Di Tứ Sự Kinh, một quyển.
- Lô-di-hoàn Kinh, một quyển.
- Khư-la Vương Kinh, một quyển.
- Đàm-nhã Kinh, một quyển.
- Phạm Hoàng Kinh, một quyển.
- Long Vương Huynh Đệ Đà Xiêm-la Giới Vương Kinh, một quyển.
- Ngũ Cái Nghi Kiết Thất Hạnh Kinh, một quyển.
- Tiểu Úc-già Kinh, một quyển.
- Xa-lợi-phất Mục-liên Du Chư Quốc Kinh, một quyển (Cũng gọi tắt là Du Chư Tứ Vệ Kinh).
- Mục-liên Thượng Tịnh Cư Thiên Kinh, một quyển.
- Giải Vô Thường Kinh, một quyển.
- Thành Dụ Kinh, một quyển.
- Kỳ-xà-quật Sơn Giải Kinh, một quyển.

2. Kinh Tiểu Thừa mất tên người dịch: (316 bộ, 482 quyển).
- Tạp Thí Dụ Kinh, tám mươi quyển.
- Pháp Cú Thí Dụ Kinh, ba mươi tám quyển.
- Biệt Thích Tạp A-hàm Kinh, hai mươi quyển.
- Tạp Số Kinh, hai mươi quyển.
- Na Tiên Thí Dụ Kinh, bốn quyển.
- Trường A-hàm Kinh, ba quyển.
- Hứng Khởi Hành Kinh, hai quyển (một tên Thập Duyên Kinh).
- Thập Nhị Nhân Duyên Kinh, hai quyển.
- Thái Tử Thí Nghệ Bản Khởi Kinh, hai quyển.
- Thiện Tín Thần Chú Kinh, hai quyển.
- Thiện Tín Nữ Kinh, hai quyển.
- Na Tiên Tỳ-kheo Kinh, hai quyển (hoặc một quyển).
- Nan-đề Thích Kinh, một quyển.
- Vô Cấu Ưu-bà-di Vấn Kinh, một quyển.
- Tạo Lập Hình Tượng Phước Báo Kinh, một quyển.
- Pháp Thường Trụ Kinh, một quyển.
- Ưu-điền Vương Kinh, một quyển (Cũng gọi Tác Phật Hình Tượng

Kinh).

Giải Đãi Canh Giả Kinh, một quyển.

- A-nan Đắc Đạo Kinh, một quyển.

- A-nan Thất Mộng Kinh, một quyển.

- A-nan Bát-nê-hoàn Kinh, một quyển.

- Xá-lợi-phất Mục-liên Nê-hoàn Kinh, một quyển.

- Phật Nhập Niết-bàn Kim Cang Lực Sĩ Ai Luyến Kinh, một quyển.

- Ca-diếp Phó Phật Niết-bàn Kinh, một quyển (một tên là Phật Bát Niết-bàn Ca-diếp Phó Phật Kinh).

- Phật Diệt Độ Hậu Quan Liễm Táng Tống Kinh, một quyển (một tên Tỳ-kheo Sư Kinh, hoặc gọi Sư Tỳ-kheo Kinh).

- Quán Phật Kinh, một quyển.

- Ma-ha Sát-đầu Kinh, một quyển.

(Hai bộ kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- La Vân Nhẫn Kinh, một quyển (Cũng gọi là Nhẫn Nhục Kinh).

- Ngũ Thập Ngũ Pháp Giới Kinh, một quyển (một tên là Hành Kinh).

- Bát Pháp Hành Kinh, một quyển.

- Cấp Cô Độc Tứ Tánh Gia Vấn Ưng Thọ Thí Kinh, một quyển.

- Ưu-đọa-la Ca-diếp Kinh, một quyển.

- Xuất Gia Nhân Duyên Kinh, một quyển.

- Đệ Tử Bản Hạnh Kinh, một quyển.

- Tam Phẩm Đệ Tử Kinh, một quyển (một tên là Đệ Tử Học Hữu Tam Bối Kinh).

- Tứ Bộ Bản Văn Kinh, một quyển.

- Từ Bối Kinh, một quyển.

- Phật Vị Niên Thiếu Tỳ-kheo Thuyết Chánh Sự Kinh, một quyển.

- Kiến Chánh Kinh, một quyển (một tên là Sinh Tử Biến Thức Kinh).

- Trưởng Giả Hiền Thủ Kinh, một quyển.

- Hiền Giả Thủ Lực Kinh, một quyển.

- Hà Điêu A-na-hàm Kinh, một quyển (một tên là Ha Điêu A-na-hàm Kinh).

- Thập Nhị Hiền Giả Kinh, một quyển (một tên Thập Nhị Hiền Kinh).

- Hữu Hiền Giả Pháp Kinh, một quyển.

- Ngũ Vô Phản Phúc Kinh, một quyển (Cũng gọi Phản Phúc Kinh).
- Tứ Phụ Nhân Duyên Kinh, một quyển.
- Ngũ Bách Bà-la-môn Vấn Hữu Vô Kinh, một quyển.
- Hắc Thị Phạm Chí Kinh, một quyển.
- Đạo Đức Quả Chứng Kinh, một quyển.
- Phát Ý Hướng Chánh Kinh, một quyển.
- Hiểu Sở Tránh Bất Giải Kinh Giải Kinh, một quyển.
- A-hàm Chánh Hạnh Kinh, một quyển (Cũng gọi Chánh Ý Kinh).
- Sa-môn Phân Vệ Kiến Quái Dị Kinh, một quyển.
- Ma-ha Giá Hạt Du Kinh, một quyển.
- Ngũ Khủng Bố Thế Kinh, một quyển.
- Ma-ha Quyết Di Nạn Vấn Kinh, một quyển (một tên Đại Quyết Di Kinh).
- Đại Ngư Sự Kinh, một quyển.
- Tâm Tình Tâm Thức Kinh, một quyển.
- Thất Đạo Đắc Đạo Kinh, một quyển.
- Át Đa Hoàn Kỳ Kinh, một quyển.
- Ngoại Đạo Dụ Chất-đa Trưởng Giả Kinh, một quyển.
- Phạm Ma Nạn Quốc Vương Kinh, một quyển.
- Phật Vị A-chi-la Ca-diếp Thuyết Tự Tha Tác Khổ Kinh, một quyển.
- Ma-ha Ca-diếp Độ Bần Mẫu Kinh, một quyển.
- Trung Tâm Kinh, một quyển.
- Ma Thí Phật Kinh, một quyển.
- Long Vương Huynh Đệ Kinh, một quyển (một tên là Hàng Long Vương Kinh, một tên là Nạn Long Vương Kinh).
- Ngoại Đạo Tiên Ni Thuyết Độ Kinh, một quyển.
- Sa Hạt Tỳ-kheo Công Đức Kinh, một quyển.
- Phật Vị Niên Thiếu Bà-la-môn Thuyết Tri Thiện Bất Thiện Kinh, một quyển.
- Phật Vị Câu-la Trưởng Giả Thuyết Căn Thục Kinh, một quyển.
- Kỳ Dị Đạo Gia Nạn Vấn Trụ Xứ Kinh, một quyển.
- Phật Thuyết Ngoại Đạo Thâm Nhiễm Thuyết Ly Dục Kinh, một quyển.
- Tu-ma-đề Trưởng Giả Kinh, một quyển.
- Trưởng Giả Nan-đề Kinh, một quyển.

- Thập Nhị Phẩm Sinh Tử Kinh, một quyển.
- Niên Thiếu Vương Kinh, một quyển.
- Gián Vương Kinh, một quyển (Cũng gọi Đại Tiểu Gián Vương Kinh).
- Mạt-la Vương Kinh, một quyển.
- La-đề-chi Vương Kinh, một quyển (Cũng gọi La-đề Hiệp Vương Kinh).
- Ma-đạt Quốc Vương Kinh, một quyển.
- Phổ Đạt Vương Kinh, một quyển.
- Kiền-đà Quốc Vương Kinh, một quyển.
- Thiên Vương Há Tác Trư Kinh, một quyển.
- Kiên Tâm Chánh Ý Kinh, một quyển (Cũng gọi tắt Kiên Ý Kinh).
- Phật Đại Tăng Đại Kinh, một quyển.
- Da-kỳ Kinh, một quyển.
- Thập Nhị Đầu-đà Kinh, một quyển (một tên Sa-môn Đầu-đà Kinh).
- Mộc Hoạn Tử Kinh, một quyển.
- Tích Trượng Kinh, một quyển.
- Chiên-đàn Thọ Kinh, một quyển.
- Kỳ Dị Đạo Gia Nạn Vấn Pháp Bổn Kinh, một quyển.
- Bần Cùng Lão Công Kinh, một quyển (Hoặc không có chữ "Công").
- Trưởng Giả Tử Áo Não Tam Xứ Kinh, một quyển.
- Việt Nạn Kinh, một quyển (hoặc viết chữ "Viết").
- Chiên-đà Việt Quốc Vương Kinh, một quyển.
- Tự Ái Bất Tự Ái Kinh, một quyển (Cũng gọi gắt Tự Ái Kinh).
- Vô Thượng Xứ Kinh, một quyển.
- Luân Chuyển Ngũ Đạo Tội Phước Báo Ứng Kinh, một quyển.
- Lặc Khổ Nê-lê Kinh, một quyển (Cũng gọi tắt Nê-lê Kinh).
- Tội nghiệp Báo Ứng Giáo Hóa Địa Ngục Kinh, một quyển.
- Tăng Hộ Nhân Duyên Kinh, một quyển.
- Hộ Tịnh Kinh, một quyển.
- Thời Phi Thời Kinh, một quyển (Cũng gọi là Thời Kinh).
- Nhương Đức Kinh, một quyển.
- Thủy Tạo Dục Phật Thời Kinh, một quyển.
- Độ Phạm Chí Kinh, một quyển.
- Tân Tuế Kinh, một quyển (một tên tắt là Tấn Học Kinh).

- Duy Lưu Vương Kinh, một quyển (Cũng gọi tắt: Duy Lưu Kinh).
- Vị Tằng Hữu Kinh, một quyển.
- Chư Đại Địa Ngục Quả Báo Kinh, một quyển.
- Tội Nghiệp Báo Ứng Kinh, một quyển.
- Tam Tiểu Khiếp kinh, một quyển.
- Khuyến Tấn Học Đạo Kinh, một quyển (Cũng gọi tắt Tấn Học Kinh).
- Quán Thân Cửu Đạo Kinh, một quyển.
- Bát Tổng Trì Kinh, một quyển.
- Thiền Tử Mãn Túc Kinh, một quyển.
- Bát Chánh Bát Tà Kinh, một quyển.
- Đại Xà Thí Dụ Kinh, một quyển.
- Thuyết A-nan Trì Giới Kinh, một quyển (cũng gọi A-nan Thọ Trì Kinh).
- A-nan Vấn Hà Nhân Duyên Trì Giới Kiến Thế Gian Bần Thị Hiện Đạo Bần Kinh, một quyển.
- Quỷ Tử Mẫu Kinh, một quyển.
- Thập Thiện Thập Ác Kinh, một quyển (Cũng gọi là Bần Phú Thiện Ác Sở Khởi Kinh).
- Duy Lâu Vương Sư Tử Chúng Thí Dụ Kinh, một quyển.
- Điều-đạt Kinh, một quyển (Cũng gọi Điều-đạt Dụ Kinh).
- Ma-ha Kiền-đà Kinh, một quyển (Cũng gọi Tận Tín Tỳ-kheo Kinh).
- Mục-liên Vấn Kinh, một quyển.
- Ma-ha Mục-liên Dữ Phật Giác Năng Kinh, một quyển.
- Xá-lợi-phất Thán Độ Nữ Kinh, một quyển.
- Thọ-đề-già Kinh, một quyển.
- Đọa-ca Kinh, một quyển.
- Ngũ Vương Kinh, một quyển.
- Giải huệ Vi Diệu Kinh, một quyển.
- Bát Đại Nhân Giác Chương Kinh, một quyển.
- Ngũ Phương Tiện Kinh, một quyển.
- Đệ Tử Tử Phục Sinh Kinh, một quyển.
- Tu-đa-la Nhập Thai Kinh, một quyển.
- Đọa Lạc Ưu-bà-tắc Kinh, một quyển.
- La-hán Ca-lưu-đà Di Kinh, một quyển.
- La-hán Ngộ Bình Sa Vương Kinh, một quyển.

- Nhị Thập Bát Thiên Kinh, một quyển.
- Vị Thọ Tận Thiên Tử Thuyết Pháp Kinh, một quyển (cũng gọi Mạng Tận Thiên Tử Kinh).
- A-cưu-lưu Kinh, một quyển.
- Dữu-già Tam Ma Tư Kinh, một quyển.
- A-xà-thế Vương Vấn Sân Hận Tùng Hà Sinh Kinh, một quyển.
- Vi-đề-hy Tử Nguyệt Dạ Vấn Phu Nhân Kinh, một quyển.
- Ái Dục Thinh Kinh, một quyển (Cũng gọi Ái Dục Nhất Thinh Kinh).
- Thuyết Thiện Ác Đạo Kinh, một quyển.
- Độ Thế Hộ Thân Kinh, một quyển.
- Trảo Giáp Thủ Thổ Kinh, một quyển (một tên là Trảo Đầu Thổ Kinh, một tên là Trảo Giáp Kình Thổ Thí Kinh).
- Ca Đinh Tỳ-kheo Thuyết Đương Lai Biến Kinh, một quyển.
- Đọa Thích-ca Mục Ngưu Kinh, một quyển.
- Phật Bản Hạnh Kinh, một quyển.
- Tự Kiến Tự Tri Vi Tri Vi Năng Tận Kiết Kinh, một quyển.
- Hữu Tứ Cầu Kinh, một quyển.
- Tiện Hiền Giả Khanh Kinh, một quyển (hoặc viết chữ “Chiên”).
- Lưỡng Tỳ-kheo Đắc Cát Kinh một quyển.
- Sở Phi Nhữ Sở Kinh, một quyển.
- Đạo Đức Xá-lợi Nhật Kinh, một quyển.
- Xá Lợi Nhật Tại Vương Xá Quốc Kinh, một quyển.
- Độc Cư Tư Duy Niệm Chỉ Kinh, một quyển.
- Vấn Sở Minh Chủng Kinh, một quyển.
- Dục Tùng Bản Tướng Hữu Kinh, một quyển (Cũng gọi Dục Tùng Bản Kinh).
- Độc Tọa Tư Duy Ý Trung Sinh Niệm Kinh, một quyển.
- Như Thị Hữu Chữ Tỳ-kheo Kinh, một quyển.
- Tỳ-kheo Sở Cầu Sắc Kinh, một quyển.
- Sắc Vi Phi Thường Niệm Kinh, một quyển.
- Sắc Tỳ-kheo Niệm Bản Khởi Kinh, một quyển.
- Tỳ-kheo Nhất Pháp Tương Tục Kinh, một quyển.
- Thiện Ác Ý Kinh, một quyển.
- Hữu Nhị Lực Bản Kinh, một quyển.
- Hữu Tam Lực Kinh, một quyển.
- Hữu Tứ Lực Kinh, một quyển.
- Hữu Ngũ Lực Kinh, một quyển.

- Đạo Hữu Tỳ-kheo Kinh, một quyển.
- Bất Văn Giả Loại Tương Tụ Kinh, một quyển.
- Vô Thượng Thích Vị Cố Thế Tại Nhân Trung Kinh, một quyển.
- Thân Vi Vô Hữu Phản Phúc Kinh, một quyển.
- Sư Tử Súc Sinh Vương Kinh, một quyển.
- A-tu-luận Tử Bà-la-môn Kinh, một quyển.
- Bà-la-môn Tử Danh Bất Xâm Kinh, một quyển.
- Sinh Văn Bà-la-môn Kinh, một quyển (Cũng gọi Sinh Môn Phạm Chí Kinh).
- Hữu Lục Kiệt Kinh, một quyển.
- Thự Đỗ Thừa Bà-la-môn Kinh, một quyển.
- Phật Tại Câu-tát-la Quốc Kinh, một quyển.
- Phật Tại Ưu-điền Quốc Kinh, một quyển.
- Thị Thời Tự Phạm Thủ Kinh, một quyển.
- Bà-la-môn Bất Tín Trọng Kinh, một quyển.
- Phật Cáo Xá Viết Kinh, một quyển.
- Thuyết Nhân Tự Thuyết Nhân Cốt Bất Trí Hũ Kinh, một quyển.
- Chiên-đàn Điều Phật Kinh, một quyển.
- Ác Nhân Kinh, một quyển.
- Nan-đề-hòa-nan Kinh, một quyển (Cũng gọi Nan-đề-hòa-la Kinh).
- Tứ Tánh Trưởng Giả Nạn Kinh, một quyển (Cũng gọi là Tứ Tánh Trưởng Giả Kinh).
- Tích Phật Kinh, một quyển.
- A-nan Đẳng Các Đệ Nhất Kinh, một quyển (Cũng gọi là A-nan, Ca-diếp, Xá-lợi-phất Đẳng Các Thuyết Đệ Nhất Kinh).
- Lý Gia Nạn Kinh, một quyển.
- Ca-lưu-đa Vương Kinh, một quyển.
- Phạm Chí Xà Tôn Kinh, một quyển.
- Ba-đạt Vương Kinh, một quyển.
- Bi Tâm Ấp Ấp Kinh, một quyển.
- Thú Độ Thế Đạo Kinh, một quyển.
- Tát-hòa-đạt Vương Kinh, một quyển.
- Si Chú Kinh, một quyển.
- Hòa-đạt Kinh, một quyển.
- Phân Bát Xá-lợi Kinh, một quyển.
- Tất-đàm Mộ Kinh, một quyển.
- Bát-khư-sa Kinh, một quyển.

- Cáo Pháp Nghiệm Kinh, một quyển.
- Bình Sa Vương Kinh, một quyển.
- Hữu Vô Kinh, một quyển.
- Tu-da Việt Quốc Bần Nhân Kinh, một quyển (một tên là Tu-da Việt Quốc Bần Nhân Mậu Biệt Đầu Kinh).
- Phôi Dụ Kinh, một quyển.
- Yêu Quái Kinh, một quyển.
- A-bát-kế Nê-hoàn Kinh, một quyển (một tên Chu-xạ-kế Nê-hoàn Kinh).
- Tứ Phi Thường Kinh, một quyển.
- Ngũ Thất Cái Kinh, một quyển.
- Yếu Chân Kinh, một quyển.
- Bổn Vô Kinh, một quyển.
- Thập Ngũ Đức Kinh, một quyển.
- Phụ Mẫu Nhân Duyên Kinh, một quyển.
- Kim Luân Vương Kinh, một quyển.
- Huệ Hạnh Kinh, một quyển.
- Vị Sinh Oán Kinh, một quyển.
- Nội Ngoại Vô Vi Kinh, một quyển.
- Đạo Tịnh Kinh, một quyển.
- Thất Sự Bản Mạt Kinh, một quyển (một tên Thất Sự Hành Bản Kinh).
- Kỳ Vực Tứ Thuật Kinh, một quyển.
- Ngũ Cái Ly Nghi Kinh, một quyển.
- Thái Tử Trí Chỉ Kinh, một quyển.
- Khổ Tướng Kinh, một quyển.
- Tu Phật Đắc Độ Kinh, một quyển.
- Do Kinh, một quyển.
- Phân Nhiên Hoàn Quốc Ca-la Việt Kinh, một quyển.
- Nghĩa Quyết Pháp Sự Kinh, một quyển.
- Âu Hòa Thất Ngôn Thiền Lợi Kinh, một quyển.
- Tam Thất Cái Kinh, một quyển.
- Vương xá Thành Linh Thứu Sơn Yếu Trực Kinh, một quyển.
- Tư Đạo Kinh, một quyển.
- Phật Tại Trúc Viên Kinh, một quyển.
- Pháp Vi Nhân Kinh, một quyển.
- Đạo Ý Kinh, một quyển.
- Đà Hiền Vương Kinh, một quyển.

- A-di Tỳ-kheo Kinh, một quyển.
- Tỳ-kheo Tam Sự Kinh, một quyển.
- Ngũ Mẫu Tử Kinh, một quyển.
- Sa-di-la kinh, một quyển.

(Hai bộ Kinh sau đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- Ngọc-da Kinh, một quyển (một tên là Trưởng Giả Nghệ Phật Thuyết Tử Phụ Bất Cung Kính Kinh, một tên là Thất Phụ Kinh).
- A-thấu-đạt Kinh, một quyển.

(Hai bộ Kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- Quán Lạp Kinh, một quyển (một tên Bát-nê-hoàn Hậu Tứ Bối Quán Lạp Kinh).
- Vu-lan Bồn Kinh, một quyển.
- Báo Ấn Phụng Bồn Kinh, một quyển.

(Ba bộ Kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- Ma Đăng Nữ Kinh, một quyển (một tên Ma Đặng Nữ Kinh, một tên là A-nan Vị Cổ Đạo Sở Chú Kinh).
- Ma Đăng Nữ Giải Hình Trung Lục Sự Kinh, một quyển.

(Hai bộ Kinh trên đồng bản, khác người dịch, khác tên).

- Đạo Địa Trung Yếu Ngữ Chương Kinh, một quyển.
- An Ban Hành Đạo Kinh, một quyển.
- Đạo Đức Chương Kinh, một quyển.
- Phật Bổn Ký Kinh, một quyển.
- Khẩu Truyền Kiếp Khởi Tận Kinh, một quyển.
- Phụ Tử Nhân Duyên Kinh, một quyển.
- Lư Chí Trưởng Giả Kinh, một quyển.
- Đăng Chỉ Nhân Duyên Kinh, một quyển.
- Ưu-ba-tư-na Ưu-ba-di Kinh, một quyển.
- Đát-hòa-ni Bách Cư Kinh, một quyển.
- Thế Gian Trân Bảo Kinh, một quyển (một tên là Thế Gian Sở Vọng Trân Bảo Kinh).
- Xứ Xứ Kinh, một quyển.
- Thập Bát-nê-lê Kinh, một quyển.
- Mạn Pháp Kinh, một quyển.
- Phân Minh Tội Phước Kinh, một quyển.
- Địa Ngục Kinh, một quyển.
- Suy Lợi Kinh, một quyển.
- Bát Phương Vạn Vật Vô Thường Kinh, một quyển.
- Lục Suy Sự Kinh, một quyển.

- Đệ Tử Sự Phật Cát Hung Kinh, một quyển.
- Thủ Chí Vấn Phật Thập Tứ Sự Kinh, một quyển.
- Hiếu Tử Báo Ân Kinh, một quyển (hoặc gọi tắt Hiếu Tử Kinh).
- Thập Bát Nạn Kinh, một quyển.
- Tam Độc Sự Kinh, một quyển.
- Quần Sinh Kệ Kinh, một quyển.
- Thập Nhị Nhân Duyên Chương Kinh, một quyển.
- Bách Bát Ái Kinh, một quyển.
- Thất Lậu Kinh, một quyển.
- Ngũ Thập Nhị Chương Kinh, một quyển.
- Tam Giới Nhân Thiên Thân Lượng Cập Thọ Kinh, một quyển.
- Thiên Địa Tượng Kinh, một quyển (Cũng gọi là Chư Thiên Kinh).
- Độ Lượng Thiên Địa Kinh, một quyển.
- Lược Thuyết Thiền Yếu Cú Kinh, một quyển.
- Pháp Quán Kinh, một quyển.
- Chỉ Tự Trung Kinh, một quyển.
- Thiền Pháp Kinh, một quyển.
- A-na-luật Niệm Phục Sinh Kinh, một quyển.
- A-na-luật Thất Niệm Chương Kinh, một quyển.
- Thiền Số Kinh, một quyển.
- Trị Thiền Quỷ Mị Bất An Kinh, một quyển.
- Thiền Định Phương Tiện Thứ Đệ Pháp Kinh, một quyển.
- Tiểu Đạo Địa Kinh, một quyển.
- Sổ Túc Sự Kinh, một quyển.
- Thâm Tức Tri Thân Kệ Kinh, một quyển.
- Thiền Kinh Kệ, một quyển.
- Nội Thân Quán Chương Kinh, một quyển.
- Sổ Luyện Ý Chương Kinh, một quyển.
- Thọ Thực Tư Duy Kinh một quyển.
- Nội Thiền Ba-la-mật Kinh, một quyển.
- Thập Nhị Môn Thiền Kinh, một quyển.
- Hình Tật Tam Phẩm Phong Kinh, một quyển.
- Phật Trị Ý Kinh, một quyển.
- Thân Tướng Kinh, một quyển.
- Thiền Yếu Ha Dục Phẩm Kinh, một quyển.
- Minh Thức Đế Quán Kinh, một quyển.
- Ngũ Khổ Chương Cú Kinh, một quyển.

- Ngũ Trược Kinh, một quyển.
- Hung Hữu Vạn Tự Kinh, một quyển.
- Pháp Diệt Tận Kinh, một quyển.
- Bần Nữ Nan-đà Kinh, một quyển.
- Định Hành Tam-muội Kinh, một quyển (một tên là Ma Mục-liên Vấn Kinh).
- Ngũ Long Hối Quá Hộ Pháp Kinh, một quyển (một tên là Không huệ Hối Quá Kinh, cũng gọi Ngũ Long Hối Quá Kinh).
- Tối Diệu Thắng Định Kinh, một quyển.
- Tướng Quốc A-la-ha Kinh, một quyển.
- Cứu Hộ Thân Mạng Tế Nhân Bệnh Khổ Ách Kinh, một quyển.
- A-thu-na Tam-muội Kinh, một quyển.
- Chú Kim Tượng Kinh, một quyển.
- Tứ Thân Kinh, một quyển.

II. Luật Tiểu Thừa (Tỳ-ni).

1. Luật Tiểu Thừa có tên người dịch: soạn (39 bộ, 285 quyển)

- Thập Tụng Luật, sáu mươi mốt quyển.
- Thập Tụng Luật, năm mươi chín quyển.

(Hai bộ Luật trên đồng bản tiếng Phạm, khác người dịch, khác tên).

- Tứ Phần Luật, sáu mươi quyển.
- Ma-ha Tăng-kỳ Luật, bốn mươi quyển.
- Ngũ Phần Luật, ba mươi quyển.
- Giải Thoát Luật, hai mươi hai quyển.
- Thiện Kiến Luật Tỳ-bà-sa, mười tám quyển.
- Tỹ-nại-da, mười quyển.
- Ma Đức Lặc-già, mười quyển.
- Di Giáo Pháp Luật Tam-muội Kinh, hai quyển.
- Thập Tụng Luật Thích Tạp Sự Vấn, hai quyển.
- Quyết Chánh Chư Bộ Tỳ Ni, hai quyển.
- Thập Tụng Tăng Ni Yết Sự Yết-ma, hai quyển.
- Tạp Vấn Luật Sự, hai quyển.
- Phật Lâm Bát-niết-bàn Lược Thuyết Di Giáo Giới Kinh, một quyển.
- Thập Tụng Tăng Giới Bản, một quyển.
- Thập Tụng Yết-ma Tạp Sự Tinh Yếu, một quyển.
- Tăng-kỳ Tỳ-kheo Giới Bản, một quyển.

- Tăng-kỳ Tỳ-kheo-ni Giới Bản, một quyển.
- Tăng-kỳ Tạp Yết-ma Pháp, một quyển.
- Tứ Phần Tăng Giới Bản, một quyển.
- Tứ Phần Ni Giới Bản, một quyển.
- Tứ Phần Tạp Yết-ma, một quyển.
- Ngũ Phần Tăng Giới Bản, một quyển.
- Ngũ Phần Ni Giới Bản, một quyển.
- Ngũ Phần Yết-ma Pháp, một quyển.
- Giải Thoát Giới Bản, một quyển.
- Sa-di Oai Nghi, một quyển.
- Tam Phẩm Hối Quá Pháp, một quyển.
- Giới Cụ Kinh, một quyển.
- Ưu-bà-tắc Ngũ Giới Tướng, một quyển.
- Kinh Luật Phần Dị Ký, một quyển.
- Tỳ-kheo Nhị Bách Ngũ Thập Giới Tam Bộ Họp Dị, một quyển.
- Tam Thừa Vô Đương Luật, một quyển.
- Tỳ-kheo Chư Cấm Luật, một quyển.
- Tứ Bộ Luật Sở Minh Khinh Trọng Vật Danh, một quyển.
- Tỳ-kheo Giới Bổn Sở Xuất Bản Mạt, một quyển.
- Chư Luật Giải, một quyển.
- Nhị Bách Ngũ Thập Giới Kinh, một quyển.
- Y Phục Chế Pháp, một quyển.
- Kiến Chùy Pháp, một quyển.

2. Luật Tiểu Thừa mất tên người dịch: (31 bộ, 67 quyển).
- Tỳ-ni Mẫu, tám quyển.
- Xuất Luật Nghi Yếu, hai mươi hai quyển.
- Tát-bà-đa Tỳ-ni Tỳ-bà-sa, tám quyển.
- Đại Tỳ-kheo Oai Nghi Kinh, một quyển.
- Đại Ái Đạo Tỳ-kheo-ni Kinh, hai quyển.
- Ma-ha Tỳ-kheo Kinh, một quyển (cũng gọi: Chân Ngụy Sa-môn Kinh).
- Ca-diếp Cấm Giới Kinh, một quyển.
- Xá-lợi-phất Vấn Kinh, một quyển.
- Ưu-ba-ly Vấn Kinh, một quyển.
- Ưng Hành Luật Kinh, một quyển.
- Giới Tiêu Tai Kinh, một quyển.
- Phạm Giới Tội Báo Khinh Trọng Kinh, một quyển (cũng gọi là

Phạm Tội Kinh).

- Đại Sa-môn Yết-ma, một quyển.
- Đại Giới Kinh, một quyển.
- Tỳ-kheo Ba-la-đề-mộc-xoa, một quyển.
- Dị Xuất Tỳ-kheo Oai Nghi Kinh, một quyển.
- Sa-di Oai Nghi Kinh, một quyển.
- Sa-di-ni Thập Giới Kinh, một quyển.
- Sa-di Ly Giới Kinh, một quyển.
- Sa-di Ly Oai Nghi Kinh, một quyển.
- Ngũ Bộ Oai Nghi Sở Phục Kinh, một quyển.
- Oai Nghi Kinh, một quyển.
- Ưu-bà-tắc Ngũ Giới Kinh, một quyển.
- Ưu-bà-tắc Ngũ Pháp Kinh, một quyển.
- Ưu-bà-tắc Oai Nghi Kinh, một quyển.
- Đạo Bản Ngũ Giới Kinh, một quyển.
- Lục Trai Bát Giới Kinh, một quyển.
- Ngũ Giới Báo Ứng Kinh, một quyển.
- Hiền Giả Ngũ Giới Kinh, một quyển.
- Hiền Giả Oai Nghi Kinh, một quyển.

III. Luận Tiểu thừa (A-tỳ-đàm).

1. Luận Tiểu Thừa có tên người soạn: gồm hai mươi mốt bộ, ba trăm năm mươi mốt quyển.

- A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa, một trăm lẻ chín quyển (hoặc sáu mươi, hoặc tám mươi tư quyển).
- Ca-chiên-diên A-tỳ-đàm Bát-kiền-độ, ba mươi quyển.
- Xá-lợi-phất A-tỳ-đàm, ba mươi quyển.
- Thành Thật Luận, hai mươi bốn quyển.
- Câu-xá Thích Luận, hai mươi hai quyển.
- Xuất Diệu Luận, mười chín quyển.
- A-tỳ-đàm Tâm Luận, mười sáu quyển.
- Câu-xá Luận Bản, mười sáu quyển.
- Tỳ-bà-sa A-tỳ-đàm, mười bốn quyển.
- Tạp A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa, mười bốn quyển.
- Tạp A-tỳ-đàm Tâm, mười ba quyển.
- A-tỳ-đàm Tâm, mười ba quyển.
- Tạp Tâm, mười một quyển.

(Bốn bộ Luận trên đồng bản, khác người dịch, rộng hẹp khác

nhau).

- Giải Thoát Đạo Luận, mười ba quyển.
- Bà-tu-mật Luận, mười quyển.
- Lập Thế A-tỳ-đàm, mười quyển.
- Pháp Thắng A-tỳ-đàm, bảy quyển.
- A-tỳ-đàm Tâm, năm quyển.
- A-tỳ-đàm Tâm, bốn quyển.

(Hai bộ Luận trên đồng bản, khác người dịch, rộng hẹp khác nhau).

- Tứ Đế Luận, bốn quyển.
- Tam Pháp Độ Luận, ba quyển (dịch lại)
- Kim Thất Thập Luận, hai quyển.
- Câu-xá Luận Kệ, một quyển.
- Minh Liễu Luận, một quyển.
- Di Giáo Luận, một quyển.

2. Luận Tiểu Thừa mất tên người soạn dịch: (mười bộ, hai mươi bảy quyển).

- Chúng Sự Phần A-tỳ-đàm, mười hai quyển.
- Tam Di Để Luận, bốn quyển.
- Cam Lồ Vị A-tỳ-đàm, hai quyển.
- Phân Biệt Công Đức Luận, ba quyển.
- Bích Chi Phật Nhân Duyên Luận, một quyển.
- Lục Túc A-tỳ-đàm, một quyển.
- Thập Lục Vô Lậu Tâm Giải, một quyển.
- Thập Báo Pháp Tâm Thống Lược, một quyển.
- Đoạn Thập Nhị Nhân Duyên Giải, một quyển.
- Chỉ Giải, một quyển.

■

LỊCH ĐẠI TAM BẢO KÝ

QUYỂN 15

Hạ thần, Phí Trường Phòng kính tâu: Hạ thần thường nghe người có công với nước thì được sách sử chép công. Ai chính sách tốt với dân thì bia truyện ghi đức. Huống là việc Như Lai Đại Thánh giáo hóa vô cùng mà không có những tốt đẹp để trăm vua nêu danh thơm muôn thuở ư? Hạ thần đã xét qua từ thời Hán Ngụy đến nay, đời nào cũng có phiên dịch, nhưng sách ghi chép thì tản mát như sao. Kinh sách phần lớn đều mất lai lịch, vì ở đời hiếm người tiếp nối sửa sang đến nỗi phải bị mất dấu. Do đó Đức Phật giao phó chánh pháp cho các quốc vương. Thế mới biết Phật pháp hưng thịnh là nhờ các vua chúa. Cúi mong Bệ hạ nên nhân lúc trị vì mà nhận lãnh lời ủy thác của Như Lai, nối nghiệp Luân vương, thống lãnh cõi Diêm-phù-đề, thương xót thế gian tăm tối mà giương cao ánh huệ nhật, sao chép, tô vẻ kinh tượng, xây cất chùa tháp để mở rộng cửa giải thoát, dắt dẫn hàng Thiên nhân, chống thuyền Từ cứu vớt quần sinh. Đây mới thật là một đời hưng thạnh hiếm có xưa nay vậy! Thần nào dám khinh thường dối thuật. Nhưng lúc xưa, ở thời diệt pháp thì thần còn là người tục nay Phật pháp đã hưng thịnh thì liền được dự ngày hàng Pháp lữ. Các việc thời ấy thần đã từng giao tiếp hoặc thấy nghe, nay nhân đó viết ra lịch sử Phật pháp qua các thời đại. Bắt đầu kể từ đời Cơ Chu Trang Vương ngày năm Giáp Ngọ thì Phật giáng sinh ở Tây Vức. Đến năm Đinh Mão niên hiệu Vĩnh Bình của đời Minh Hoàng thời Hậu Hán, thì Kinh pháp được truyền sang Đông Độ. Đến nay là năm Đinh Tỵ, niên hiệu Khai Hoàng, trải suốt một ngàn hai trăm bảy mươi bốn năm, trong khoảng thời gian trên, tất cả mọi việc như các điềm linh ứng của các vua chúa, các danh Tăng đều trình bày rõ ràng trong bộ Khai Hoàng Tam Bảo Lục, gồm mười lăm quyển. Ngõ hầu pháp không ẩn lấp, kinh được hoằng truyền, không nệ chút lòng hèn sợ sệt, run rẩy, mạo muội dâng biểu, kính trình sách chép các điều đã nghe thấy. Cúi mong Đấng Thiên Từ sáng suốt soi xét cho. Kính lời.

Chùa Đại hưng thiện, ngày 23 tháng 12, năm Khai Hoàng thứ

mười bảy. Kẻ Hạ thần là Phiên kinh học sĩ thành đô, Phí Trường Phòng kính dâng.

BỘ LỜI TỰA KHAI HOÀNG TAM BẢO LỤC TỔNG MỤC

Trộm nghĩ rằng: Ân đức của Tam bảo đều thấm nhuần khắp bốn loài, nhưng Đời có lúc hưng lúc suy. Khiến người phải nhiều nỗi thăng trầm. Khi hưng thịnh thì luôn chiêu cảm phước nghiệp được làm trời ở thiên đường hoặc bậc Luân vương hay vua chúa, lúc suy vong thì thường thọ tội báo ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Luận về lợi ích sâu xa cho muôn loài thì không gì hơn giáo pháp. Bởi vì sao, vì pháp là mẹ của Phật, Phật từ pháp sinh ra. Cả ba đời Như Lai đều cúng dường pháp. Nên kinh Thắng Thiên Vương Bát-nhã có nói: “Nếu ai cúng dường Pháp tức cúng dường Phật. Thế mới biết dòng giáo pháp luôn truyền mãi đến muôn đời, còn Phật và Tăng thì chỉ hoằng đạo giúp ích trong một thuở. Cho nên Hiền kiếp hưng thịnh mà cả ngàn Phật cùng giáo hóa. Nói về tuổi thọ ngắn dài thì bốn tháng ở đời có khác. Tuy sống trên đời lâu mau khác nhau, nhưng việc tuyên dương hoằng pháp đều giống, vì tất cả đều làm khô cạn bể ái dục, cứu loài hàm thức cũng đến Niết-bàn, và đục tan núi Kiêu mạn, độ muôn dân để cùng về Bát-nhã. Nhưng Bát-nhã rất sâu kín lặng lẽ, nếu không nhân tiếng thì khó thể thông suốt, mà tiếng ắt phải nhờ hình, vì không nhờ hình tướng thì không do đâu mà hiểu rõ được. Do đó cảnh này đáng gọi là cõi Nhẫn tính chung cả trăm ức núi Tu-di. Đời gọi là Ta-bà bao gồm tới ba ngàn quốc độ. Về cõi thì phân ra ba cõi năm trược đất cát dơ bẩn, về hình thì gồm sáu đạo, hai thừa xe dê nai thô lậu. Đức Phật Từ bi thương xót hóa thân trượng sáu, dung nhan đẹp đẽ đủ ba mươi hai tướng làm Thái tử chốn vương cung nước Ca-tỳ-la-vệ, mười chín tuổi xuất gia, ba mươi tuổi thành đạo, bốn mươi chín năm châu thế gian mượn thanh âm phương tiện giảng nói pháp Vô nhiễm, Kim khẩu tự tuyên nói một thứ âm thanh mà muôn loài đều hiểu. Cơ duyên không phải một nên giáo pháp nhiều như trần sa. Ngài A-nan ghi nhớ đầy đủ không sót một câu, chữ nào, như chế nước từ bình ngày ly. Dước tàng cây Song thọ ngài nhập Niết-bàn. Tại thành vua, ngài Ca-diếp kếp tập kinh điển, có cả ngàn vị La-hán thay nhau xét chọn và ghi chép trên lá Bối, trên da thú hoặc vải lụa ở Thiên Trúc, năm trăm nước cùng phụng trì, mười sáu đại vương đồng ủng hộ.

Sau đó giáo pháp truyền đến Trung Quốc đầu tiên ngày đời Hậu Hán, các vua nối tiếp nhau mười đời, sáu đời tham dự phụng thờ và dịch từ tiếng Phạm thành tiếng Trung Quốc, tiếp nối nhau đến nay hơn năm

trăm năm. Hai sách ghi chép mục lục xưa đều lạc mất, ngài Sĩ hành Đạo An phải soạn lại. Từ đó đến nay có nhiều tổ phái ghi chép dịch thuật không giống nhau, vì mỗi nơi chỉ ghi cái thấy riêng của mình. Cả ba góc kia cách biệt nhau nên khiến có nhiều kinh sai lầm hoặc còn nghi. Lại ở các đời Tề, Chu, Trần đều có phiên dịch nhưng không ghi chép mục lục, cũng không tuân hành mà lại còn đốt phá kinh tượng làm mất chỗ y cứ. Nay nhờ vua ta, duy trì trời đất, lắng yên lưỡng nghi, định yên Lục hợp, vạn quốc đều chầu về, thống lãnh chín châu, phiên dịch kinh sách tất cả đều khế hợp. Thần may mắn gặp thời bình yên thịnh trị, lại được tham dự việc phiên dịch lời Phật dạy. Viết dịch khi rảnh rỗi quên ăn bỏ ngủ suốt hơn mười năm, tìm hỏi người già, sưu tấm thu thập. Dù mới soạn qua vẫn sợ chưa tròn, nên lại phải càng khảo sát rộng rãi với các bậc anh tài đáng kính. Nay biên soạn tóm tắt thành ba bộ dùng làm chỉ nam, trình bày rõ về Tam bảo. Nói về điềm lành năm Phật giáng sinh thì căn cứ ngày đêm sáng nhà Chu, nói về điềm kinh pháp truyền sang thì dựa ngày giấc mộng của nhà Hán. Chư tăng là những người đứng đầu làm hào thành rường, cột để giúp khen ánh Quang Huy, sùng kính đuốc huệ sáng. Ngoài ra còn góp nhặt các niên dịch của các vị ẩn cư, những ghi chép về sự kiện đất nước tập ký của ngài Tăng Hựu và các sử truyền khác... tính ra có hơn mấy mươi nhà, trích lấy cái tinh yếu hay đẹp của họ mà tạo nên quyển sách này để quạt lên ngọn gió muôn thuở đối với hàng vua chúa, khiến họ cùng cầm đuốc trí sáng rọi ngày đêm tối, cùng khơi dòng nước pháp để thấm đượm ngày cõi đời cháy bỏng. Mở lớn ý vua ta lấp đầy chỗ thiếu trước. Các kinh sách kết tập thuở xưa đều có chỉ rõ ở kinh thành nào. Nay các công trình phiên dịch cũng phải ghi rõ gốc gác và thời đại, từ tính chất đó Bản lục này đặt tên là Hán Ngụy Ngô Đại Tùy Lục. Về các tác phẩm mất tên người dịch hoặc còn nghi là ngụy tạo thì dựa theo ghi chú của người xưa. Lấy năm tháng làm đầu. Kinh thì lấy Đại rồi đến thứ có loại sắp xếp lại cũng theo thế thường gom chung cả kẻ Hoa người Phạm, người Đạo kẻ tục thì tất cả một trăm chín mươi bảy vị. Còn số Kinh, Luật, Giới Luận, Truyện được dịch soạn ra... tính chung là hai ngàn một trăm bốn mươi sáu bộ, sáu ngàn hai trăm ba mươi lăm quyển. Bộ Lục này gồm mười lăm quyển xếp thứ tự như sau: Một quyển Tổng mục, hai quyển Nhập tạng, ba quyển ghi chép các đời vua, chín quyển ghi các niên đại. Theo niên đại để ghi chép số kinh được soạn dịch ra nhiều ít. Ghi các đời vua để rõ cách Phật gần xa. Nhập Tạng để phân biệt giáo pháp Đại và Tiểu thừa sâu cạn khác nhau. Thuở xưa đời Cơ Chu đỉnh chìm xuất hiện để

nêu rõ việc nhà Hán sắp thịnh. Nói Phật Pháp bị nhà Hậu Chu hủy diệt rồi lại được trùng hưng là để chứng tỏ rằng nhà Đại Tùy rồi sẽ rạng rỡ, Phật nhật lại sáng soi.

Bắt đầu từ năm Đại Hưng thì kinh luận đã âm thầm truyền ngày và rầm rộ nhất là ngày đầu năm Khai Hoàng. Sự Lý hòa hợp, do đó càng phát đạt, nên việc ghi chép nhờ đấy mà có. Bên ngoài có tên là Khai Hoàng Tam Bảo Lục vì nội dung chính thật là Lịch Đại Kỷ.

I. KHAI HOÀNG TAM BẢO LỤC - Quyển 1

Nói về các đời vua Chu và Tần, gồm hai mươi sáu vua trị vì suốt bốn trăm tám mươi mốt năm.

Triều Đại	Tên vua	Số năm trị vị	Sự Việc
1	2	3	4
Nhà Chu	Trang Vương Hy Vương huệ Vương Tương Vương Khoảnh Vương Khuông Vương Định Vương Giản Vương Linh Vương Cảnh Vương Kỉnh Vương Nguyên Vương Trinh Định Vương Hiếu Vương Oai Liệt Vương Nguyên An Vương Di Liệt Vương Hiển Thánh Vương Thuận Tĩnh Vương Noãn Vương	15 năm 05 25 33 06 06 21 14 27 25 43 08 28 15 24 26 07 48 06 59	Nay chỉ lấy năm thứ sáu ghi ngày Lục và năm thứ chín đời vua này là năm Phật giáng sinh (tức 687 trước CN) Năm thứ tư Phật nhập Niết-bàn (tức 609 trước CN) Năm thứ hai mươi sáu, vua A-dục xây tám vạn bốn ngàn ngôi bảo tháp.

Nhà Tần	Chiêu Tương Vương Hiếu Văn Vương Trang Tương Vương Tần Thủy Hoàng Đế Nhị Thế Hoàng Đế Con Tần Thủy Hoàng	05 01 03 37 03 46 ngày	*(2)*

II. KHAI HOÀNG TAM BẢO LỤC - Quyển 2

Nói về các đời vua Tiền Hán, Tân Vương và Hậu Hán, gồm có hai mươi sáu vua, trị vì suốt bốn trăm mười bốn năm.

Triều Đại	Tên vua	Số năm trị vị	Sự Việc
1	2	3	4
Nhà Tiền Hán	Cao Đế Huệ Đế Lã Hậu Nhiếp Chính Văn Đế Cảnh Đế Võ Đế Chiêu Đế Tuyên Đế Nguyên Đế Thành Đế Ai Đế Bình Đế	12 07 08 23 16 54 13 25 16 26 06 05	Đóng đô ở Trường an

(2) Thật ra Ông này làm vua đến năm mươi sáu năm. Số "năm năm" là chỉ ghi năm năm cuối tính tiếp sau đời Noãn Vương của Nhà Chu. Ông này này lên ngôi ngày năm Noãn Vương thứ chín (Chú thích của người dịch)

Tân	Vương Mãng Canh Thủy Đế	17 02	- Cũng đóng đô ở Trường an
Nhà Hậu Hán	Quang Võ Đế Minh Đế Chương Đế Hòa Đế Thương Đế An Đế Thuận Đế Xung Đế Chất Đế Hoàn Đế Linh Đế Hiến Đế	*23* 18 13 17 01 19 19 01 01 21 22 30	- Đóng đô ở Lạc dương - Năm thứ mười dịch kinh.

III. KHAI HOÀNG TAM BẢO LỤC - Quyển 3

Nói về các đời vua Ngụy, Tấn, Tống Tề, Lương, Chu. Đại Tùy. Gồm bốn mươi lăm vua trị vì suốt 381 năm.

Triều Đại	*Tên vua*	*Số năm trị vị*	*Sự Việc*
1	2	3	4
Nhà Ngụy	*Văn Đế* *Minh Đế* *Tề Vương* *Cao Quý Hương Công* *Nguyên Đế*	*07* *13* *14* *06* *05*	*- Đóng đô ở Lạc dương*

Nhà Tây Tấn	Võ Đế huệ Đế Hoài Đế Mẫn Đế	*26* *16* *06* *04*	*- Đóng Đô ở Lạc dương* *- Đóng đô ở Trường An*
Nhà Đông Tấn	Nguyên Đế Minh Đế Thành Đế Khang Đế Mục Đế Ai Đế Hải Tây Công Giản Văn Đế Hiếu Võ Đế An Đế Cung Đế	06 03 17 02 17 04 05 02 24 22 01	- Đóng đô ở Kiến khang
Nhà Tống	Võ Đế Tiền Phế Đế Văn Đế Hiếu Võ Đế Trung Phế Đế Minh Đế Hậu Phế Đế Thuận Đế	03 01 30 09 01 08 05 02	- Đóng đô ở Kiến khang
Nhà Tề	Cao Đế Võ Đế Phế Đế Tân An Vương Minh Đế Đông Hôn Hầu Nam Khang Vương	05 10 1/2 1/2 04 02 01	- Đóng đô ở Kiến khang

Nhà Lương	Võ Đế Giản Văn Đế Hiếu Ngươn Đế	48 02 04	- Đóng đô ở Kiến khang - Đóng đô ở Giang lăng
Nhà Tây Ngụy	Tề Vương	02	- Đóng đô ở Trường an
Nhà Chu	Lược Dương Vương Minh Đế Võ Đế Tuyên Đế Tĩnh Đế	02 03 18 02 10	*- Đóng đô ở Trường an*
Nhà Tùy	*Năm Khai Hoàng trở đi đến nay là mười bảy năm*		*Đóng đô ở Đại hưng.*

IV. KHAI HOÀNG TAM BẢO LỤC - Quyển 4

**** Đời Hậu Hán:*** Số người dịch kinh đời Hậu Hán tất cả mười hai Vị và dịch được ba trăm năm mươi chín bộ, gồm năm trăm bảy mươi lăm quyển như sau:

Sa-môn Ca-diếp Ma-đằng, một bộ, một quyển kinh.

Sa-môn Trúc Pháp Lan, năm bộ mười sáu quyển kinh.

Sa-môn An Thế Cao, một trăm bảy mươi sáu bộ, một trăm chín mươi bảy quyển kinh, luật.

Sa-môn Chi-lâu-ca Sấm, hai mươi mốt bộ, sáu mươi ba quyển kinh.

Ưu-bà-tắc, Đô Úy An Huyền, hai bộ, ba quyển kinh.

Sa-môn Trúc Phật Sóc, hai bộ, ba quyển kinh.

Sa-môn Chi Diệu mười một bộ, mười hai quyển kinh.

Sa-môn Khang Cự, một bộ, một quyển kinh.

Thanh tín sĩ Nghiêm Phật Điều, bảy bộ, mười quyển kinh.

Sa-môn Khang Mạnh Tường, sáu bộ, chín quyển kinh.

Sa-môn Thích Đàm Quả, một bộ, hai quyển kinh.

Sa-môn Trúc Đại Lực, một bộ, hai quyển kinh.

- Các kinh mất tên người dịch một trăm hai mươi lăm bộ, hai trăm năm mươi chín quyển kinh, chú.

V. KHAI HOÀNG TAM BẢO LỤC - Quyển 5

Số người dịch kinh đời Ngụy, Ngô cả Đạo Tục mười vị dịch được ba trăm bảy mươi mốt bộ, năm trăm lẻ sáu quyển kinh, như sau:

**** Đời Ngụy:***

Sa-môn Đàm-kha-ca-la, một bộ, một quyển giới.

Sa-môn Khang Tăng Khải hai bộ, bốn quyển kinh.

Sa-môn Đàm Đế, một bộ, một quyển Yết-ma.

Sa-môn Bạch Diên sáu bộ, tám quyển kinh.

Sa-môn Chi Cương Lương Tiếp một bộ, sáu quyển kinh.

Sa-môn An Pháp Hiền hai bộ, năm quyển Kinh

* Đời Ngô:

Sa-môn Duy Kỳ Nan hai bộ, sáu quyển kinh.

Sa-môn Trúc Luật Viêm ba bộ, ba quyển kinh.

Ưu-bà-tắc Chi Khiêm một trăm hai mươi chín bộ, một trăm năm mươi hai quyển kinh.

Sa-môn Khang Tăng Hội mười bốn bộ, hai mươi chín quyển kinh, chú.

Số kinh mất tên người gồm một trăm mười bộ, hai trăm chín mươi mốt quyển kinh.

VI. KHAI HOÀNG TAM BẢO LỤC - Quyển 6

**** Đời Tây Tấn:*** Số người dịch kinh đời Tây Tấn cả đạo tục gồm mười ba vị, dịch được bốn trăm năm mươi bộ, bảy trăm mười bảy quyển, như sau:

Sa-môn Trúc Pháp Hộ hai trăm mười bộ, ba trăm chín mươi bốn quyển kinh, giới.

Sa-môn Khương Lương Lâu Chí, một bộ, một quyển kinh.

Sa-môn An Pháp Khâm, năm bộ, mười hai quyển kinh.

Sa-môn Vô-la-xoa, một bộ, hai mươi quyển kinh.

Thanh tín sĩ Nhiếp Thừa Viễn, ba bộ, bốn quyển kinh.

Sa-môn Trúc Thúc Lan, hai bộ, năm quyển kinh.

Con Thừa Viễn là Thanh tín sĩ Đạo An, năm mươi bốn bộ, sáu mươi sáu quyển kinh và mục lục.

Sa-môn Bạch Pháp Tổ, hai mươi ba bộ, hai mươi lăm quyển kinh.

Sa-môn Thích Pháp Lập, bốn bộ, mười ba quyển kinh.

Ưu-bà-tắc Vệ Sĩ Độ, một bộ, hai quyển kinh.

Sa-môn Chi Mẫn Độ, hai bộ, mười ba quyển kinh.

Sa-môn Thích Pháp Cự, một trăm ba mươi hai bộ, một trăm bốn mươi hai quyển kinh.

Sa-môn Chi Pháp Độ, bốn bộ, năm quyển kinh.

Số kinh mất tên người gồm có tám bộ, mười lăm quyển kinh.

VII. KHAI HOÀNG TAM BẢO LỤC - Quyển 7

Số kinh dịch được đời Đông Tấn, cả đạo tục gồm hai mươi bảy vị, dịch được hai trăm sáu mươi bảy bộ, năm trăm sáu mươi bốn quyển như sau:

**** Đời Đông Tấn:***

Sa-môn Bạch-thi-lê Mật-đa-la, ba bộ, mười một quyển kinh, chú.

Sa-môn Chi Đạo Căn, hai bộ, bảy quyển kinh.

Sa-môn Khang Pháp Thúy, một bộ, bảy quyển kinh.

Sa-môn Trúc Đàm-vô-lan, một trăm mười bộ, một trăm mười hai quyển kinh, chú, giới.

Sa-môn Khang Đạo Hòa, một bộ, ba quyển kinh.

Sa-môn Ca-lưu-đà-già, một bộ, một quyển kinh.

Sa-môn Tăng-già-đề-bà, năm bộ, một trăm mười bảy quyển kinh, luận.

Sa-môn Tỳ-ma-la-xoa hai bộ, năm quyển luật, tạp sự.

Sa-môn Đàm-ma, một bộ, hai quyển luật yếu.

Sa-môn Phật-đà Bạt-đà-la, mười lăm bộ, một trăm mười lăm quyển kinh, giới, luận.

Sa-môn Thích Pháp Hiển, sáu bộ, hai mươi bốn quyển kinh, giới, luận, truyện.

Sa-môn Kỳ-đa-mật hai mươi lăm bộ, bốn mươi sáu quyển kinh.

Cư sĩ Ngoại Quốc Trúc Nan-đề, hai bộ, ba quyển kinh.

Sa-môn Thích Pháp Lực, một bộ, một quyển kinh.

Sa-môn Thích Tung Công, ba bộ, ba quyển kinh.

Sa-môn Thích Thoái Công, một bộ, một quyển kinh.

Sa-môn Thích Pháp Dõng, một bộ, một quyển kinh.

Sa-môn Thích Huệ Viễn, mười bốn bộ, hai mươi lăm quyển luận, tán.

Sa-môn Thích Tăng Phu, một bộ, một quyển kinh.

Sa-môn Thích Đàm Tiên, hai bộ, sáu quyển luận, chú.

Sa môn chi đạo lâm bảy bộ bảy quyển luận chỉ quy

Sa-môn Trúc Tăng Độ, một bộ, một quyển Chỉ Quy.

Sa-môn Thích Đạo Tổ, bốn bộ, một quyển Mục Lục.

Sa-môn Chi Mẫn Độ, một bộ, một quyển Đô Lục.

Sa-môn Khang Pháp Sướng, một bộ, một quyển luận.

Sa-môn Trúc Pháp Tế, một bộ, một quyển truyện.

Sa-môn Thích Đàm Vi, hai bộ, hai quyển luận Chỉ Quy.

Số kinh mất tên người gồm năm mươi ba bộ, năm mươi sáu quyển kinh, chú.

VIII. KHAI HOÀNG TAM BẢO LỤC - Quyển 8

Số người dịch kinh ở đời Nhị Tần, gồm mười sáu vị, số kinh dịch được một trăm sáu mươi ba bộ, chín trăm mười bốn quyển như sau:

**** Đời Phù Tần:***

Sa-môn Đàm-ma-trì, hai bộ, hai quyển Giới Pháp Đàn Văn.

Sa-môn Thích huệ Thường, một bộ, một quyển Giới Bổn.

Sa-môn Đàm-ma-tỳ, một bộ, năm quyển kinh.

Sa-môn Cưu-ma-la Phật-đề, một bộ, hai quyển kinh.

Sa-môn Đàm-ma-nan-đề, năm bộ, một trăm mười bốn quyển kinh, luận, tập.

Sa-môn Tăng-già Bạt-trừng ba bộ, hai mươi bảy quyển kinh.

Sa-môn Tăng-già Đề-bà, ba bộ, năm mươi quyển A-tỳ-đàm...

Sa-môn Thích Đạo An, hai mươi bốn bộ, hai mươi tám quyển Kinh, Chú, Giải, Chỉ, Lục.

**** Đời Diêu Tần:***

Sa-môn Trúc Phật Niệm, mười ba bộ, tám mươi sáu quyển kinh, luận.

Sa-môn Đàm-ma-da-xá, hai bộ, hai mươi ba quyển kinh, A-tỳ-đàm.

Sa-môn Phất-nhã-đa-la, một bộ, năm mươi tám quyển luật.

Sa-môn Cưu-ma-la-thập, chín mươi tám bộ, bốn trăm hai mươi lăm quyển kinh, luận, truyện.

Sa-môn Phật-đà Da-xá, bốn bộ, sáu mươi chín quyển kinh, luận, giới.

Sa-môn Thích Tăng Duệ, một bộ, một quyển Kinh, Mục Lục.

Sa-môn Thích Tăng Triệu, bốn bộ, bốn quyển luận.

Sa-môn Thích Đạo Hằng, một bộ, một quyển luận.

IX. KHAI HOÀNG TAM BẢO LỤC - Quyển 9

Số người dịch kinh thời Khất Phục Tây Tần Thư Cừ Bắc Lương, Nguyên Ngụy, Cao Tề, Trần Thị... gồm hai mươi bảy vị và dịch soạn

được hai trăm lẻ bốn bộ, chín trăm mười bảy quyển như sau:

**** Đời Khất Phục Tây Tần:***

Sa-môn Thích Kiên, mười bốn bộ, hai mươi mốt quyển kinh.

Số kinh mất tên người dịch có tám bộ, mười một quyển kinh.

**** Đời Thư Cừ Bắc Lương:***

Sa-môn Thích Đạo Cung, hai bộ, mười hai quyển kinh.

Sa-môn Thích Pháp Chúng, một bộ, bốn quyển kinh.

Sa-môn Tăng-già-đà một bộ, hai quyển kinh.

Sa-môn Đàm-ma-sấm, hai mươi bốn bộ, một trăm năm mươi mốt quyển kinh, giới.

An Dương Hầu Thư Cừ Kinh Thanh, một bộ, hai quyển Thiền Pháp.

Sa-môn Phù-đà-bạt-ma, một bộ, sáu mươi quyển A-tỳ-đàm.

Sa-môn Thích Trí Mãnh, một bộ, hai mươi quyển kinh.

Sa-môn Thích Đàm Giác, một bộ, mười lăm quyển kinh.

Các kinh mất tên người dịch năm bộ, mười bảy kinh Phật Danh.

* Đời Nguyên Ngụy Bắc Đài:

1. Sa-môn Thích Đàm Diệu, hai bộ, bốn quyển kinh, truyện.
2. Sa-môn Cát-ca-da, ba bộ, hai mươi lăm quyển kinh luận.
3. Sa-môn Thích Đàm Biện, một bộ, một quyển kinh.

**** Đời Nguyên Ngụy Nam Kinh:***

1. Sa-môn Đàm-ma-lưu-chi, ba bộ, tám quyển kinh.
2. Sa-môn Bồ-đề-lưu-chi, ba mươi chín bộ, một trăm hai mươi bảy quyển kinh, luận.
3. Sa-môn Thích Pháp Trường, một bộ, một quyển kinh.
4. Sa-môn Thích Đàm Tĩnh, một bộ, hai quyển kinh.
5. Sa-môn Lặc-na-bà-đề, sáu bộ, hai mươi bốn quyển kinh, luận.
6. Sa-môn Phật-đà-phiến-đa, mười bộ, mười một quyển kinh, luận.

**** Đời Nguyên Ngụy Nghiệp Đô:***

1. Ưu-bà-tắc Cù-đàm Bát-nhã Lưu-chi, mười lăm bộ, tám mươi bốn quyển Kinh, Giới, Luận.
2. Vương tử nước Ưu-thiền-ni là Nguyệt-bà-thủ-na, ba bộ, bảy quyển kinh.
3. Thái thú quận kỳ thành là Dương Huyền Chi một bộ, năm mươi chín quyển tự, ký.
4. Thanh tín sĩ Lý Khuếch, một bộ, một quyển kinh, lục.

**** Đời Cao Tề:***

1. Sa-môn Na-liên-đề-da-xá, bảy bộ, năm mươi quyển kinh, luận.

2. Ưu-bà-tắc Vạn Thiên Ý, một bộ, một quyển kinh.

Đời Trần Thị:

1. Sa-môn Câu-na-la-đà, bốn mươi lăm bộ, hai trăm ba mươi hai quyển Kinh, Luận, Sớ, Truyện, Ngữ.

2. Vương Tử Nguyệt-bà-thủ-na, một bộ, bảy quyển kinh.

3. Sa-môn Tu-bồ-đề, một bộ, tám quyển kinh.

X. KHAI HOÀNG TAM BẢO LỤC - Quyển 10:

* ***Đời Tống:*** Số người dịch kinh đời Tống gồm hai mươi ba vị, số kinh dịch được là hai trăm mười bộ, bốn trăm chín mươi quyển như sau:

1. Sa-môn Phật-đà Thập, ba mươi bộ, ba mươi sáu quyển Luật, Giới, Yết-ma.

2. Sa-môn Thích Trí Nghiêm, mười bốn bộ, hai mươi sáu quyển kinh.

3. Sa-môn Thích BảoVân, bốn bộ, mười lăm quyển kinh.

4. Sa-môn Thích huệ Nghiêm, một bộ, ba mươi sáu quyển kinh.

5. Sa-môn Y-khí-ba-la, một bộ, mười quyển A-tỳ-đàm.

6. Sa-môn Cầu-na-bạt-ma, bảy bộ, bốn mươi tám quyển kinh, luận, ký.

7. Sa-môn Tăng-già Bạt-ma, năm bộ, hai mươi bảy quyển Luận, Tập, Kệ.

8. Sa-môn Cầu-na Bạt-đà-la, bảy mươi tám bộ, 161 quyển Kinh, Tập, Thí Dụ.

9. Sa-môn Đàm-ma-mật-đa, mười bộ, mười hai quyển kinh.

10. Sa-môn Khương Lương Da-xá, hai bộ, hai quyển kinh.

11. Sa-môn Đàm-vô-kiệt, hai bộ, sáu quyển Kinh, Truyện.

12. An dương hầu thư cừ Kinh Thanh, ba mươi lăm bộ, ba mươi sáu quyển kinh.

13. Sa-môn Công Đức Trực, hai bộ, bảy quyển kinh.

14. Sa-môn Thích Huệ Giản, hai mươi lăm bộ, hai mươi lăm quyển kinh.

15. Sa-môn Thích Tăng Cừ, một bộ, hai quyển Yết-ma.

16. Sa-môn Thích Pháp Dĩnh, ba bộ, ba quyển Giới Bản Yết-ma.

17. Sa-môn Trúc Pháp Quyến, sáu bộ, hai mươi chín quyển kinh.

18. Sa-môn Thích Tường Công, một bộ, hai quyển kinh.

19. Sa-môn Thích Đạo Nghiêm, hai bộ, ba quyển kinh.

20. Sa-môn Thích Dõng Công, bốn bộ, bốn quyển kinh.

21. Sa-môn Thích Pháp Hải, hai bộ, hai quyển kinh.
22. Sa-môn Thích Tiên Công, một bộ, một quyển kinh.
23. Sa-môn Thích Đạo Nghiễm, một bộ, hai quyển kinh, luận.

XI. KHAI HOÀNG TAM BẢO LỤC - Quyển 11:

Số người dịch kinh ở đời Tề, Lương, Chu gồm năm mươi mốt vị, dịch được một trăm sáu mươi chín bộ, một ngàn ba trăm hai mươi sáu quyển, như sau:

**** Đời Tề:***

1. Sa-môn Đàm-ma-già-đà Da-xá, một bộ, một quyển kinh.
2. Sa-môn Ma-ha Thừa, hai bộ, hai quyển Kinh, Luật.
3. Sa-môn Tăng-già Bạt-đà-la, một bộ, mười tám quyển luật.
4. Sa-môn Thích Pháp Ý, hai bộ, hai quyển kinh.
5. Sa-môn Cầu-na Tỳ Địa, ba bộ, mười lăm quyển kinh.
6. Sa-môn Thích Pháp Độ, hai bộ, hai quyển kinh.
7. Sa-môn Thích Pháp Nguyện, hai bộ, hai quyển kinh.
8. Sa-môn Thích Vương Tông, hai bộ, bảy quyển kinh và lục mục.
9. Sa-môn Thích Đàm Cảnh, hai bộ, bốn quyển kinh.
10. Sa-môn Thích Pháp Ni, một bộ, hai quyển kinh.
11. Sa-môn Thích Đạo Chánh, một bộ, một quyển kinh.
12. Sa-môn Thích Đạo Bi, năm bộ, năm quyển Kinh, Kệ.
13. Cánh Lăng Văn Tuyên Vương Tiêu Tử Lương, mười bảy bộ, hai trăm năm mươi chín quyển kinh, sao.
14. Thường Thị Dữu Hiệt, một bộ, một quyển kinh.
15. Sa-môn Thích Siêu Độ, một bộ, bảy quyển luật, lệ.
16. Sa-môn Thích Pháp Hoa, một bộ, một quyển kinh.
17. Sa-môn Thích Pháp Viện, một bộ, ba quyển Chú Kinh.
18. Sa-môn Thích Huệ Cơ, một bộ, một quyển Chú Kinh.
19. Văn Tuyên Vương Ký Thất Vương Cân, một bộ, mười quyển Tăng, Sử.

**** Đời Lương:***

1. Sa-môn Ni Tăng Pháp hai mươi mốt bộ, ba mươi lăm quyển kinh.
2. Sa-môn Thích Tăng Thạnh, một bộ, một quyển Giới, Pháp.
3. Sa-môn Thích Diệu Quang, một bộ, một quyển kinh.
4. Sa-môn Thích Tăng Hựu, mười bốn bộ, sáu mươi ba quyển Tập Ký Truyện.
5. Sa-môn Thích Đạo Hoan, một bộ, một quyển kệ.

6. Sa-môn Mạn-đà-la, ba bộ, mười một quyển kinh.

7. Sa-môn Tăng-già-bà-la, mười một bộ, ba mươi tám quyển kinh, luận, truyện.

8. Thanh tín sĩ Mộc Đạo Hiền, một bộ, một quyển kinh.

9. Vương tử Nguyệt-bà-thủ-na, một bộ, một quyển kinh.

10. Sa-môn Chân Đế, mười sáu bộ, bốn mươi sáu quyển kinh, luận, sớ, ký.

11. Sa-môn Thích Tăng Mân, một bộ, tám mươi tám quyển kinh sao.

12. Sa-môn Thích Tăng Thiệu, một bộ, bốn quyển lục mục.

13. Sa-môn Thích Bảo Xướng, có tám bộ, một trăm lẻ bảy quyển tạp lục.

14. Sa-môn Thích Pháp Lãng, một bộ, bảy mươi hai quyển chú kinh.

15. Sa-môn Thích Trí Tạng, một bộ, tám mươi quyển nghĩa lâm.

16. Võ hoàng đế Tiêu Diễn, một bộ, năm mươi quyển chú kinh.

17. Sa-môn Thích Huệ Linh, một bộ, mười hai quyển kinh sao.

18. Sa-môn Thích Huệ Kiểu, một bộ, mười bốn quyển tăng truyện.

19. Ưu-bà-tắc Viên Đàm duẫn một bộ, hai mươi quyển luận, sao.

20. Giản Văn Đế Tiêu Võng, một bộ, hai trăm quyển pháp tập.

21. Tương đông vương văn học Ngu Hiếu Kỉnh, một bộ, ba mươi quyển Nội Điển Bác Yếu.

**** Đời Chu:***

1. Sa-môn Thích Đàm Hiển, hai bộ, hai mươi ba quyển kinh yếu.

2. Sa-môn Tương-na Bạt-đà, một bộ, một quyển luận.

3. Sa-môn Đạt-ma-lưu-chi, một bộ, hai mươi quyển Phạm Thiên Văn.

4. Sa-môn Xà-na-da-xá, sáu bộ, mười bảy quyển kinh.

5. Sa-môn Da-xá Quật-đa, ba bộ, tám quyển kinh.

6. Sa-môn Xà-na-quật-đa, ba bộ, tám quyển kinh.

7. Sa-môn Thích Tăng Miến, hai bộ, hai quyển kinh.

8. Sa-môn Thích Huệ Thiện, một bộ, tám quyển Luận.

9. Sa-môn Thích Vong Danh, mười hai bộ, mười hai quyển Luận Minh Truyện.

10. Sa-môn Thích Tịnh Ái, một bộ, mười một quyển Tam Bảo Tập.

11. Sa-môn Thích Đạo An, một bộ, một quyển luận.

XII. KHAI HOÀNG TAM BẢO LỤC - Quyển 12:

Số người dịch kinh ở đời Đại Tùy mười chín vị, số kinh dịch được gồm bảy mươi lăm bộ, bốn trăm sáu mươi hai quyển, như sau:

1. Quận thú dương xuyên Đàm Pháp Trí một bộ, một quyển kinh.
2. Sa-môn Tỳ-ni-đa Lưu-chi, hai bộ, hai quyển kinh.
3. Sa-môn Na-liên-đề-da-xá, có tám bộ hai mươi tám quyển kinh.
4. Sa-môn Thích Tăng Tựu, một bộ, sáu mươi quyển kinh.
5. Sa-môn Xà-na-quật-đa, ba mươi mốt bộ, một trăm sáu mươi lăm quyển kinh.
6. Sa-môn Thích Pháp Thượng, ba bộ, hai mươi ba quyển số và luận lục.
7. Sa-môn Thích Linh Dữu, có tám bộ, ba mươi quyển luận, ký.
8. Sa-môn Thích Tín Hạnh, hai bộ, ba mươi lăm quyển Tam Giai Tập.
9. Sa-môn Thích Pháp Minh, một bộ, bảy quyển Lục Mục.
10. Sa-môn Thích Bảo Quý, một bộ, tám quyển kinh.
11. Sa-môn Thích Tăng Xán, một bộ, một quyển luận.
12. Sa-môn Thích Tăng Côn, một bộ, ba mươi hai quyển tạp lục.
13. Sa-môn Thích Ngạn Tông, sáu bộ, chín quyển Luận, Truyện, Lục.
14. Sa-môn Thích Huệ Ảnh, bốn bộ, hai mươi bảy quyển Trí Độ Giải và Luận.
15. Quảng châu Tư Mã Quách Nghị, một bộ, hai quyển kinh.
16. Nho Lâm Lang Hầu Quân Tố, một bộ, mười quyển truyện.
17. Tấn Vương Phủ, Tế Tửu Từ Đồng Khánh, một bộ, hai quyển luận.
18. Phiên dịch học sĩ Lưu Phùng, một bộ, một quyển Nội Số Thuật.
19. Sắc Hữu Ty Soạn một bộ, mười quyển Chúng Kinh Pháp Thức.

XIII. KHAI HOÀNG TAM BẢO LỤC - Quyển 13

Mục Lục Kinh Điển Đại Thừa Nhập Tạng, gồm năm trăm năm mươi mốt bộ, một ngàn năm trăm tám mươi tám quyển, như sau:

I. Kinh Đại thừa (Ta-đa-la):

1. Có tên người gồm: Hai trăm ba mươi bốn bộ, tám trăm tám mươi lăm quyển.
2. Mất tên người gồm: Ba trăm ba mươi lăm bộ, bốn trăm lẻ hai

quyển.

II. Luật Đại thừa (Tỳ-ni):

1. Có tên người gồm: Mười chín bộ, bốn mươi quyển.

2. Mất tên người gồm: Mười hai bộ, mười bốn quyển.

III. Luận Đại Thừa (A-tỳ-đàm):

1. Có tên người gồm: Bốn mươi chín bộ, hai trăm ba mươi tám quyển.

2. Mất tên người gồm: Hai bộ, bảy quyển.

XIV. KHAI HOÀNG TAM BẢO LỤC - Quyển 14:

Mục Lục Kinh điển Tiểu Thừa Nhập Tạng, gồm năm trăm hai mươi lăm bộ, một ngàn bảy trăm mười hai quyển, như sau:

I. Kinh Tiểu Thừa (Ta-đa-la):

1. Có tên người gồm: Một trăm lẻ tám bộ, năm trăm hai mươi bảy quyển.

2. Mất tên người gồm: Ba trăm mười bảy bộ, bốn trăm tám mươi hai quyển.

II. Luật Tiểu Thừa (Tỳ-ni):

1. Có tên người gồm: Ba mươi chín bộ, hai trăm tám mươi lăm quyển.

2. Mất tên người gồm: Ba mươi mốt bộ, sáu mươi bảy quyển.

II. Luận Tiểu Thừa (A-tỳ-đàm):

1. Có tên người gồm: Hai mươi mốt bộ, ba trăm năm mươi mốt quyển.

2. Mất tên người gồm: Mười bộ, Hai mươi bảy quyển.

XV. KHAI HOÀNG TAM BẢO LỤC - Quyển 15:

Mục Lục chung về các Kinh điển Đại và Tiểu thừa gồm một ngàn bảy trăm mười sáu bộ, ba ngàn hai trăm chím mươi hai quyển, chia như sau:

* Chúng Kinh Biệt Lục: Hai quyển (chưa rõ tác giả, hình như thuật lại ở đời Tống), gồm có:

Quyển Thượng:

1. Đại Thừa Kinh Lục: Bốn trăm ba mươi tám bộ, chín trăm mười bốn quyển thì đã liệt kê: ba trăm bảy mươi bộ, bảy trăm bảy mươi chín quyển.

2. Đại Thừa Thông Giáo Lục liệt kê có: năm mươi mốt bộ, chín mươi bảy quyển.

3. Đại Thừa Luận trong Tam Thừa liệt kê có: Mười bảy bộ, ba mươi tám quyển.

Quyển Hạ:

4. Tiểu Thừa Kinh Lục kể chung năm trăm năm mươi mốt bộ, một ngàn sáu trăm tám mươi hai quyển thì đã liệt kê: Bốn trăm ba mươi sáu bộ, sáu trăm mười quyển.

5. Lục này không thấy.

6. Lục sáu: Nói các kinh Đại Tiểu Thừa chưa phân loại có: Một trăm bảy mươi bốn bộ với một trăm tám mươi bốn quyển.

7. Lục bảy: Nói về các kinh còn nghi gồm: Mười bảy bộ, hai mươi quyển.

8. Lục tám: Nói về luật có: Mười hai bộ, một trăm chín mươi lăm quyển.

9. Nói về Số, có: Sáu bộ, một trăm hai mươi mốt quyển.

10. Lục mười: Nói về luận, có: Sáu bộ, một trăm năm mươi hai quyển.

Cả hai thượng hạ họp thành mười thiên gồm có tất cả một ngàn không trăm tám mươi chín bộ, hai ngàn năm trăm chín mươi sáu quyển.

* Xuất Tam tạng Tập Lục Ký: Đời Tề, năm Kiến võ luật sư Tăng Hựu soạn, gồm có:

1. Tân Tập soạn Xuất Kinh Lục, bốn trăm hai mươi bộ, một ngàn tám trăm lẻ một quyển.

2. Tân Tập Dị Xuất Kinh Chư Lục, ba mươi bốn bộ, hai trăm chín mươi bốn quyển.

3. Tân Tập Tự Tứ Bộ Luật Lục, mười bốn bộ, một trăm tám mươi quyển.

4. Tân Tập An Công Cổ Dị Kinh Lục, chín mươi hai bộ, chín mươi hai quyển.

5. Tân Tập An Công Thất Dịch Kinh Lục, một trăm bốn mươi mốt bộ, một trăm bốn mươi sáu quyển.

6. Tân Tập An Công Lương Độ Dị Kinh Lục, năm mươi chín bộ, bảy mươi chín quyển.

7. Tân Tập An Công Quan Trung Dị Kinh Lục, hai mươi bốn bộ, hai mươi bốn quyển.

8. Tân Tập Tục Soạn Thất Dịch Tạp Kinh Lục, một ngàn ba trăm lẻ sáu bộ, một ngàn năm trăm bảy mươi quyển.

9. Tân Tập Sao Kinh Lục, bốn mươi sáu bộ, ba trăm năm mươi

hai quyển.

10. Tân Tập An Công Nghi Kinh Lục, hai mươi sáu bộ, ba mươi quyển.

11. Tân Tập Nghi Kinh Ngụy Soạn Tạp Lục, hai mươi bộ, hai mươi sáu quyển.

12. Tân Tập An Công Chú Cập Tạp Chí, hai mươi bốn bộ, hai mươi tám quyển.

Tất cả mười hai phần trên họp thành hai ngàn một trăm sáu mươi hai bộ, bốn ngàn ba trăm hai mươi tám quyển.

* Ngụy Thế Chúng Kinh Mục Lục: Năm Vĩnh Hy, vua sắc lệnh cho Xá nhân là Lý Khuếch soạn, gồm có:

1. Mục Lục các kinh Đại thừa hai trăm mười bốn bộ.
2. Mục Lục các luận Đại Thừa hai mươi chín bộ.
3. Mục Lục các chú thích về kinh Đại Thừa gồm mười hai bộ.
4. Mục Lục các kinh luận Đại Thừa chưa gồm: ba mươi ba bộ.
5. Mục Lục các kinh luật Tiểu Thừa sáu mươi chín bộ.
6. Mục Lục các luận Tiểu Thừa hai bộ.
7. Mục Lục các kinh có ghi tên mà chưa có, gồm mười sáu bộ.
8. Mục Lục các kinh không thật sáu mươi hai bộ.
9. Mục Lục các luận không thật bốn bộ.
10. Mục Lục các thứ hoàn toàn không phải kinh, do kẻ ngu lầm gọi mười một bộ.

Tất cả mười phần trên gồm cả kinh luật luận thật và giả là bốn trăm hai mươi bảy bộ, hai ngàn không trăm năm mươi ba quyển.

* Tề Thế Chúng Kinh Mục Lục, năm Võ Bình, Sa-môn Thống Pháp Thượng soạn, gồm có:

1. Tạng Tạp Lục, gồm hai trăm chín mươi mốt bộ, tám trăm bảy mươi bốn quyển.
2. Tu-đa-la Lục, gồm một trăm bảy mươi chín bộ, ba trăm ba mươi quyển.
3. Tỳ-ni Lục, gồm mười chín bộ, hai trăm năm mươi sáu quyển.
4. A-tỳ-đàm Lục, gồm năm mươi bộ, bốn trăm hai mươi mốt quyển.
5. Biệt Lục, gồm ba mươi bảy bộ, bảy mươi bốn quyển.
6. Chúng Kinh Sao Lục, gồm một trăm hai mươi bảy bộ, một trăm ba mươi bảy quyển.

7. Tập Lục, gồm ba mươi ba bộ, một trăm bốn mươi bảy quyển.

8. Nhân Tác Lục gồm: Năm mươi mốt bộ, một trăm lẻ sáu quyển.

Tất cả tám phần trên gồm các kinh luật luận thật và giả bảy trăm tám mươi bảy bộ, hai ngàn ba trăm ba mươi bốn quyển.

* Lương Thế Chúng Kinh Mục Lục, năm Thiên Giám thứ mười bảy, vua ra lệnh Sa-môn Bảo Xướng soạn gồm có:

- Chúng Kinh Lục Mục, quyển 1 - nói về Đại thừa gồm hai trăm sáu mươi hai bộ, sáu trăm bảy mươi bốn quyển.

Chia ra như sau:

1. Có tên người dịch, loại nhiều quyển, gồm sáu mươi chín bộ, bốn trăm sáu mươi bảy quyển.

2. Không tên người dịch, loại nhiều quyển, gồm năm bộ, mười chín quyển.

3. Có tên người dịch, loại một quyển, gồm chín mươi bộ, chín mươi quyển.

4. Không tên người dịch, loại một quyển, gồm chín mươi tám bộ, chín mươi tám quyển.

- Chúng Kinh Mục Lục, quyển 2 - Nói về Tiểu thừa gồm có: hai trăm tám mươi lăm bộ, bốn trăm quyển, chia ra như sau:

1. Có tên người dịch, loại nhiều quyển, gồm mười bảy bộ, một trăm hai mươi quyển.

2. Không có tên người dịch, loại nhiều quyển, gồm năm bộ, mười bảy quyển.

3. Có tên người dịch, loại một quyển, gồm năm mươi bộ, năm mươi quyển.

4. Không tên người dịch, loại một quyển, gồm hai trăm mười ba bộ, hai trăm mười ba quyển.

- Chúng Kinh Mục Lục, quyển 3 - Nói về các kinh gồm ba trăm sáu mươi hai bộ, một ngàn sáu trăm tám mươi hai quyển. Chia ra như sau:

1. Về các kinh khác bản gồm có:

a. Loại nhiều quyển bốn mươi lăm bộ, hai trăm mười chín quyển.

b. Loại một quyển ba mươi tám bộ, ba mươi tám quyển.

2. Về thiền kinh:

a. Loại nhiều quyển chín bộ, ba mươi tám quyển.

b. Loại một quyển ba mươi mốt bộ, ba mươi mốt quyển.

3. Về giới luật gồm có: Sáu mươi tám bộ, hai trăm bảy mươi lăm quyển.

4. Về kinh còn nghi gồm có: Sáu mươi hai bộ, sáu mươi bảy quyển.

5. Về kinh chú giải có: Bốn mươi bộ, hai trăm bốn mươi sáu quyển.

6. Về Số Luận gồm có: ba mươi mốt bộ, ba trăm sáu mươi bảy quyển.

7. Về Nghĩa Ký gồm có: ba mươi tám bộ, ba trăm bốn mươi mốt quyển.

* Chúng Kinh Mục Lục, quyển 4, các loại kinh truyện gồm một trăm hai mươi chín bộ, chín trăm tám mươi lăm quyển, chia ra như sau:

1. Tùy sự tên riêng, gồm mười ba bộ, bốn trăm mười ba quyển.

2. Tùy sự tên chung, gồm ba mươi lăm bộ, bốn trăm bảy mươi quyển.

3. Thí Dụ, gồm: Mười lăm bộ, ba mươi sáu quyển.

4. Tên Phật, gồm: Mười bốn bộ, mười chín quyển.

5. Thần Chú, gồm: Bốn mươi bảy bộ, bốn mươi bảy quyển.

Cả bốn quyển trên gồm hai mươi phần, có tất cả là một ngàn bốn trăm ba mươi ba bộ, ba ngàn bảy trăm bốn mươi mốt quyển.

* Đại Tùy Mục Lục Chúng Kinh - Năm Khai Hoàng thứ mười bốn, vua ra lệnh cho hai mươi vị Đại đức như Pháp Kinh... ở Sở Phiên Kinh soạn ra.

I. Đại Thừa Tu-đa-la Tạng Lục: gồm sáu phần tính chung là bảy trăm tám mươi bốn bộ, một ngàn bảy trăm mười tám quyển, chia ra như sau:

1. Các kinh một người dịch có: Một trăm ba mươi ba bộ, bốn trăm hai mươi mốt quyển.

2. Các kinh khác người dịch có: Một trăm chín mươi lăm bộ, năm trăm ba mươi hai quyển.

3. Các kinh mất tên người dịch có: Một trăm ba mươi bốn bộ, hai trăm bảy mươi lăm quyển.

4. Các Kinh Biệt Sinh có: Hai trăm hai mươi mốt bộ, hai trăm sáu mươi bốn quyển.

5. Các kinh còn nghi ngờ có: Hai mươi mốt bộ, ba mươi quyển.

6. Các kinh ngụy tạo, có: Tám mươi bộ, một trăm chín mươi sáu

quyển.

II. Tiểu Thừa Tu-đa-la Tạng Lục: gồm sáu phần, tính chung là tám trăm bốn mươi hai bộ, một ngàn hai trăm lẻ một quyển, chia ra:

1. Các kinh một người dịch có: Bảy mươi hai bộ, hai trăm chín mươi hai quyển.
2. Các kinh khác người dịch có: Một trăm bộ, hai trăm bảy mươi quyển.
3. Các kinh mất tên người dịch có: Hai trăm năm mươi bộ, hai trăm bảy mươi hai quyển.
4. Các Kinh Biệt Sinh có: Ba trăm bốn mươi mốt bộ, ba trăm bốn mươi sáu quyển.
5. Các kinh còn nghi ngờ có: Hai mươi chín bộ, ba mươi mốt quyển.
6. Các kinh ngụy tạo, có: Năm mươi ba bộ, chín mươi ba quyển.

III. Đại Thừa Tỳ-ni Tạng Lục: sáu phần, tính chung gồm năm mươi bộ, tám mươi ba quyển, chia ra như sau:

1. Các luật một người dịch có: Mười hai bộ, ba mươi hai quyển.
2. Các luật khác người dịch có: Bảy bộ, bảy quyển.
3. Các luật mất tên người dịch có: Mười hai bộ, mười bốn quyển.
4. Các luật Biệt Sinh có: Mười sáu bộ, mười sáu quyển.
5. Các luật còn nghi ngờ có: Một bộ, hai quyển.
6. Các luật ngụy tạo, có: Hai bộ, mười một quyển.

IV. Tiểu Thừa Tỳ-ni Tạng Lục: sáu phần, tính chung cả là sáu mươi hai bộ, ba trăm tám mươi mốt quyển, chia ra như sau:

1. Các luật một người dịch có: Mười lăm bộ, một trăm chín mươi tám quyển.
2. Các luật khác người dịch có: Tám bộ, một trăm hai mươi sáu quyển.
3. Các luật mất tên người dịch có: hai mươi chín bộ, ba mươi lăm quyển.
4. Các luật Biệt Sinh có: Sáu bộ, sáu quyển.
5. Các luật còn nghi ngờ có: Hai bộ, ba quyển.
6. Các luật ngụy tạo, có: Ba bộ, ba quyển.

V. Đại Thừa A-tỳ-đàm tạng: Sáu phần, tính chung cả là sáu mươi

tám bộ, hai trăm tám mươi mốt quyển, chia ra như sau:

1. Các luận một người dịch có: Bốn mươi hai bộ, hai trăm lẻ sáu quyển.

2. Các luận khác người dịch có: Tám bộ, năm mươi hai quyển.

3. Các luận mất tên người dịch có: Một bộ, hai quyển.

4. Các luận Biệt Sinh có: Mười lăm bộ, mười chín quyển.

5. Các luận còn nghi ngờ có: Một bộ, một quyển.

6. Các luận ngụy tạo, có: Một bộ, một quyển.

VI. Tiểu Thừa A-tỳ-đàm Tạng: sáu phần, tính chung là một trăm mười sáu bộ, bốn trăm tám mươi hai quyển, chia ra như sau:

1. Các luận một người dịch có: Mười bốn bộ, hai trăm bảy mươi sáu quyển.

2. Các luận khác người dịch có: Tám bộ, sáu mươi sáu quyển.

3. Các luận mất tên người dịch có: Năm bộ, hai mươi hai quyển.

4. Các luận Biệt Sinh có: Tám mươi sáu bộ, một trăm lẻ bảy quyển.

5. Các luận còn nghi ngờ có: Một bộ, một quyển.

6. Các luận ngụy tạo, có: Hai bộ, mười quyển.

VII. Các kinh sao Tập sau khi Phật Diệt Độ: Hai phần tính chung là một trăm bốn mươi bốn bộ, sáu trăm hai mươi bảy quyển, chia ra như sau:

a. Các sao tập do các Thánh ở Tây Vức: Bốn mươi tám bộ, một trăm mười chín quyển.

b. Các sao tập do các Tôn Đức ở Trung Quốc: Chín mươi sáu bộ, năm lẻ tám quyển.

VIII. Các Truyện Ký sau khi Phật Diệt Độ: Hai phần tính chung là sáu trăm mười tám bộ, một trăm tám mươi lăm quyển, chia ra như sau:

a. Truyện Ký về các Thánh ở Tây Vức có: Mười ba bộ, ba mươi quyển.

b. Truyện Ký về các Tôn Đức ở Trung Quốc có: Năm mươi lăm bộ, một trăm năm mươi lăm quyển.

IX. Các trước thuật sau khi Phật diệt độ: hai phần tính chung là một trăm mười chín bộ, một trăm quyển, chia ra như sau:

a. Các trước thuật của các Thánh ở Tây Vức: mười lăm bộ, mười chín quyển.

b. Các trước thuật của các Tôn Đức ở Trung Quốc: Một trăm lẻ bốn bộ, một trăm mười lăm quyển.

Tính gộp cả chín phần nêu trên thì hai ngàn hai trăm năm mươi bảy bộ, năm ngàn ba trăm mười quyển các loại. Khi sưu tầm các lục (sách ghi chép) của sáu nhà vừa nói trước thì thấy đều có đủ, nên nêu rõ thể dụng của họ như trên.

1. Hựu Lục, một quyển (Hình như ở đời Tần, ngài Thích Lợi Phòng đã mang Kinh Mục Lục sang).

2. Hán thời Phật Kinh Mục Lục (Hình như ngài Ca-diếp Ma-đằng khi dịch lần đầu tiên kinh Mục Tứ Thập Nhị Chương tức là đã soạn ra Lục rồi).

3. Cựu Lục một quyển (hình như thời tiền Hán, ngài Lưu Hướng khi sưu tập tàng thư đã thấy kinh lục này).

4. Thích Đạo An Lục, một quyển (ở đời Tần).

5. Nhiếp Đạo Chân Lục, một quyển (ở đời Tấn).

6. Thích Tăng Duệ Nhị Trần Lục, một quyển (đời Hậu Tần).

7. Chu Sĩ Hành Hán Lục, một quyển (đời Ngụy).

8. Trúc Đạo Tổ Chúng Kinh Lục, bốn quyển (là Tạp Lục về ba đời Ngụy, Ngô, Tấn. Còn ở Hà Tây là Lục giả).

9. Trúc Pháp Hộ Lục, một quyển (đời Tấn).

10. Chi Mẫn Độ Lục, một quyển (đời Đông Tấn).

11. Đô Lục, một quyển.

12. Thích Vương Tổng Lục, hai quyển (đời Tiền Tề).

13. Thích Hoằng Sung, một quyển.

14. Thích Đạo huệ Tống Tề Lục, một quyển.

15. Thích Đạo Phùng Lục, một quyển.

16. Thích Chánh Độ Lục, một quyển.

17. Vương Xa Kỵ Lục, một quyển.

18. Thủy Hưng Lục, một quyển.

19. Lô Sơn Lục, một quyển.

20. Triệu Lục, một quyển (hình như ở thời Triệu, chưa thấy có sách này, đến nỗi nghi rằng do họ Triệu soạn ra).

21. Sầm Hiệu Lục, một quyển.

22. Bồ-đề-lưu-chi Lục, một quyển (đời Hậu Ngụy).

23. Thích Tăng Thiệu Hoa Lâm Phật Điện Lục, bốn quyển. Đời Lương, năm Thiên Giám thứ mười bốn, vua sắc lệnh cho Sa-môn Thích

Tăng Thiệu soạn ra Lục này.

24. Linh Dũ Pháp Sư Dịch Kinh Lục, một quyển.

25. Chúng Kinh Đô Lục, tám quyển (hình như đã hợp chung với các Nhà khác, chưa rõ tác giả).

Các Lục của hai mươi bốn nhà trên, kiểm tra trong các truyện ký thì thấy có nói đến, nhưng đều chưa từng thấy, cho nên phải ghi chúng ở sau để lưu truyền muôn thuở.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 179

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

SỐ 2035

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2035

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

NÓI VỀ SỰ XÉT DUYỆT PHẬT TỔ THỐNG KỶ

Đức Phật lấy tâm ấn truyền cho các Tổ, các Tổ cùng truyền nhau đến các Sư. Trong lúc đó thì tùy cơ mà lập kiến giải, lấy quyền bày thật, mạch lạc phân hợp rõ ràng do đó mà không thể nghĩ bàn vậy.

Trong khi tôi đang nghỉ ngơi tại núi Ô chiêm thì bỗng có ngài Ấp hầu Du Công mời đến thăm lầu Trừng tâm của Tư Mã Khấu. Ông ta đem việc xét duyệt nhờ tôi, tôi hỏi là muốn xét duyệt sách gì thì ra đó là bộ Phật Tổ Thống Kỷ Tôi vì việc nối lớn chí xưa nên không dám chối từ ngay, vừa đốt hương mở sách ra. Có một vị khách tiến đến thưa rằng: “Tôi nghe rằng ba thứ tâm, Phật và chúng sinh vốn không sai khác, vậy sao giữa Phật và Tổ lại khác nhau ư? Và đạo vốn dứt hết các biểu tượng bên ngoài. Lý không còn số lượng thì sao lại có Thống Kỷ. Nếu cảnh tức tâm là Thiền quán, vốn tự nó đã có vị đề hồ thì cớ gì lại cố theo phép mà chỉ tìm sữa trâu ở miền thôn giả?”

Ta bảo rằng: Ông chỉ nói phần hơi giống mà chưa thật đúng với đạo. Nếu đạo không Nhất thống tất sẽ phân tán, còn Nhất thống mà không kỷ cương tất sẽ rối loạn. Đã phân tán rối loạn thì đạo lý còn nương tựa vào đâu? Song đạo nhân lời mà hiển bày, lý do giáo pháp mà sáng tỏ, há có thể lìa ngôn giáo mà tìm thấy được đạo lý ư? Nay ta thử đem sách này mà dụ cho thôn xóm, danh cú năng thuyên dụ cho trâu bò, các nghĩa sở thuyên dụ cho sữa và tô lạc đề hồ. Nếu bảo rằng cứ lấy thẳng chất đề hồ ngon quý mà không cần nhọc sức chế tạo sữa trâu, thì xin mời ông cứ bỏ sữa trâu mà tìm lấy đề hồ xem thử được chăng? Nếu muốn thấy rõ đạo của Thánh xưa thì hãy từ Thống Kỷ này mà đến được

vậy. Ông lại còn nghĩ điều chi? Sở dĩ Dương Thị Ngự vì Phật và Tổ mà phát tâm, Du Ấp Hầu vì chúng sinh mà giáo hóa, Dục Đạo Nhân... nỡ đem hổ chúa để lầm người học chăng? Khách bèn đảnh lễ rút lui.

Nhà Đại Minh, tháng quý hạ, năm Giáp Dần niên hiệu Vạn Lịch.

Nước Tây Thục, Phụ Từ Sa-môn Minh Dục kính bút.

Lời nói đầu của Phật Tổ Thống Kỷ.

Pháp sư Chí Bàng với một sách Phật Tổ Thống Kỷ ghi chép thứ tự rõ ràng về việc truyền trao thọ nhận của các Tổ xưa cũng như nguồn gốc sâu xa của sự phân chia chi phái khác nhau, khác nào một hoa có năm cánh truyền y thọ ký nối nhau rõ ràng. Từ đấy cõi Thiên đài đều là một nhà quyến thuộc, rộng ra thì cả các chốn địa ngục Thiên cung của Hoa tạng thế giới và các Thánh hiền liên xả, chư Tăng Ni vãng sinh đối với pháp vận lúc hưng hay suy, mà lòng càng tha thiết, dụng tâm càng cần mẫn. Đó là ý muốn vì lửa củi tàn mà truyền đèn nối tiếp mãi. Gần đây các Tông môn thạnh hành hoặc giảng luật hoặc phế bỏ, mà không biết rằng như xe kia phải có hai bánh, chim kia phải đủ hai cánh thì mới có thể nối dõi được giống Phật. Nếu thật như Tông Thiên thai thâm nhập vào Pháp hoa Tam-muội, chính mình thấy rõ hội Linh sơn còn đủ chưa tan, các phái cuồng thiền đánh hét đều rút chạy. Đó là cái ý khắc in thống kỷ của các bậc Thánh hiền như Y Doãn, Trọng Ni vậy.

Đức Sơn Dương Hạc kính đề.

LỜI TỰA PHẬT TỔ THỐNG KỶ

Tham dự của trời đất, làm chủ sự biến hóa của vạn vật, cong tuy đồng mà khác ngôi vị... đó chính là loài người. Cho nên từ lúc có con người đến nay, ngây ngô một đám dân đen ắt phải lập bậc Đại nhân làm vua để chăn dắt, đó là bốn vị Luân vương thống lãnh bốn châu, hàng Túc tán cai trị các cõi khác. Nhưng nước Chấn Đán ở Nam Thiệm-bộ châu Thật là một nước quân tử ở phương Đông. Từ khi Phục Hy xưng đế mới bắt đầu vẽ bát quái truyền xuống ba đời, văn vật sáng rỡ. Đến khi Đức Thế Tôn chúng ta xuất hiện ở Thiên Trúc sắp hoằng hóa đến phương này. Bèn trước khiến ba Thánh vương khéo dắt dẫn đời, trước dùng lễ nhạc mở đường, sau mới dạy về chân đạo. Khi cơ thành thời đến thì đại pháp được lưu truyền. Thế nên vua nhà Hán nằm mộng thấy điềm lành báo việc ngài Ma-đằng sang Đông độ. Đời Ngụy Tấn trở đi thì rầm rộ dịch kinh, các Sư cùng tranh nhau lên bục giảng. Dù ai nấy riêng lập nghĩa môn để lấy danh đương thời, nhưng hãy còn mê mờ về ý một đời giáo hóa của Như Lai, tông Thiên thai dốc đời, nối thịnh vận mệnh của Pháp Lấy tám giáo, năm thời và bốn thứ Tam-muội cùng ý chỉ sự lý tức cụ cảnh quan "không hai" để làm gốc vào đạo của hàng hậu học. Lời dạy dỗ quý báu ấy được các Sư nối tiếp truyền nhau đời đời đến nay đã bảy trăm năm, giữ gìn không mất. Ngài Hàn lâm Lương Tử nói rằng: Nói về Phật pháp, nếu lấy Thiên thai làm Ty Nam la bàn thì có nhiều luận thuyết khác nhau sẽ rút lui, lời luận này thật đúng thay!

Ngài Chí Bàng soạn sách này học với các thầy rất lâu, luôn nghĩ rằng các Thánh tích của Phật và Tổ truyền trao, nếu không chép thuật lại thì đời sau lấy gì để nghe biết. Như thuở xưa ngài Lương Chử soạn bộ Chính Thống, tuy mới lập pháp thể nhưng nghĩa trái văn vụng. Còn ngài Cảnh An soạn bộ Tông Nguyên, nhưng chỉ được xếp vào loại văn truyện, lời thô việc ít, đến nỗi bỏ quên không người thâu cất, ấy đều là lỗi này. Thế nên lấy tác phẩm của cả hai nhà vừa sửa, vừa bổ túc, căn cứ vào phép viết sử mà hợp thành sách của một nhà. Đây bắt đầu từ Đại Thánh Thích-ca và cuối cùng là ngài Pháp Trí. Một Đức Phật và hai mươi chín Tổ đều gọi là Bản Kỷ. Do đó nói rõ việc hoằng hóa mà thắt chặt mối Đạo vậy. Đến như các Tổ xếp vào thế gia thì từ ngài Quảng Trí trở đi là Liệt truyện, danh ngôn hạnh tốt đều cho vào loài này, nhưng thuật kể nêu lên chí hướng thì không phải nghĩa một môn, mà đủ cả Thông Lệ, có thể suy ra mà biết. vả lại đã dùng cách biên niên

bắt đầu từ đời Chiêu vương nhà Chu cho đến triều đại vua ta đã riêng vì pháp vận hưng suy. Việc lập pháp của Nho, Thích, Lão, việc khai tông của Thiền, Giáo, Luật hội chung vào nhau, tất cả đều ghi chép đầy đủ. Đặt tên là Phật Tổ Thống Kỷ gồm năm mươi bốn quyển ghi chép truyện thế gia thì bắt chước theo Thái sử Công, ghi chép việc hưng suy thì bắt chước theo Tư Mã Công. Sách viết xong liền mang đến Bạch vân đường ngưỡng cầu Pháp sư Phật Quang hiệu khảo và các bạn đồng chí cùng tính việc khắc bản in để lưu truyền, đem về khiến mọi nhà đều có bản này. Ai đọc sách này thì tánh linh nhân tâm sẽ mở mang giúp sáng tỏ hóa trị của nước, đâu không thể bảo là có lợi ích lớn cho đời ư? Từ năm Mậu Ngọ, ngài Bảo Hựu đứng đầu việc sửa văn suốt mười năm xem xét, năm lần sao đi chép lại mới thành bản thảo ngày lại nối đêm, công lao thật bội phần, chỉ mong báo đáp ân Phật, đền trả nghĩa vua, không phụ sở học, chí ở tại đây vậy.

Đời Tống, niên hiệu Hàm Thuần thứ năm, ngày tám tháng tám năm Kỷ Tỵ. Đất Bốn Minh, Phước tuyền, Sa-môn Chí Bàn, ngụ tại núi Nguyệt ba ở Đông hồ, kính tựa.

Đồng hiệu chánh, Cát Tường An Lạc Sơn, Giáo Trung Báo Quốc Giáo Tự, Thủ Tọa, Sa-môn Tất Thăng.

Hiệu Chánh Tiền, Trụ Trì Hoa Đình Tiên Phước Giáo Tự, Truyền Thiên Thai Tống Giáo, Sa-môn Tuệ Chu.

Hiệu chánh, trụ trì Cát Tường An Lạc Sơn, Giáo Trung Báo Quốc Giáo Tự Truyền Thiên Thai Tông Giáo, Sa-môn Thiện Lương.

Hiệu chánh, trụ trì Đông hồ Nguyệt Ba Sơn, Từ Bi Phổ Tế Giáo Tự Truyền Thiên Thai Tông Giáo, Sa-môn Tôn Tịnh.

Hiệu chánh, Đặc Bốn Phật Quang Pháp sư, Tả Hữu Nhai Đô Tăng Sáu Chủ Quản, Giáo Môn Công Sự, trụ trì Thượng Thiên Trúc Giáo Tự, Bốn Kim Lan Y Pháp, xem xét Phật Tổ Thống Kỷ thông lệ.

Thích bản kỷ (Bản kê về họ Thích)

Đức Thích-ca Như Lai, việc đầu tiên sau khi mới thành Phật là đem lòng đại Bi cứu độ muôn loài suốt đến đời vị lai không ngơi nghỉ. Thế nên sau khi chứng quả thì hiện bày quyền biến, thường thường xuất hiện trên đời. Chớ nên lấy ba đời mà tính có trước sau.

Huống là khắp cả mười phương quốc độ bảo sinh bảo diệt mọi chỗ không đồng. Há có thể chỉ ở một cõi Nam Thiệm-bộ châu này mà hoàn thành xong sự nghiệp của ngài ư? Nhưng nay việc ghi chép thì chỉ đặc cử các yếu hội truyền giáo ở phương này mà biết khắp cả mười

phương cũng đều giống đây không khác. Cả ba đời đều chỉ ở một tâm sao còn có việc dị đồng ư? Nay căn cứ vào các nhân hạnh của Như Lai từ lúc còn là phàm phu cho đến khi được gọi là bậc Pháp vương mà nêu rõ bản tánh và Thánh nguyên, trình bày tám tướng lớn nhỏ, phân chia hai mối đốn tiệm, trải qua năm thời, phô bày một giáo pháp viết nên bộ Bản Kỷ về giáo chủ Thích-ca Mâu-ni Phật, bốn quyển. Từ ngài Đại Ca-diếp đến Tôn giả Sư Tử đều hay kính vâng theo lời Phật dạy hoằng truyền Đại pháp, gọi đó là Kim Khẩu Tổ Thừa. Căn cứ vào Phó Pháp Tạng (Pháp truyền giao) mà soạn thành Tây Độ Nhị Thập BốnTổ Kỷ, một quyển.

Từ thời Bắc Tề mới mở đạo Long thọ cho đến tông Thiên thai truyền bá Pháp Hoa thì ngài Chương An tập họp làm sớ luận, ngài Kinh Khê viết lời giải thích rõ ràng, đều ở tại Chấn Đán (Trung Quốc) mà vâng theo Giáo Quán. Đó gọi là sư nay Kế đến tổ, viết thành bộ Đông Độ Cửu Tổ Kỷ, hai quyển. Từ ngài Pháp sư Thúy nối nghiệp ngài Kinh Khê, thầy thầy truyền nhau trải suốt năm đời Vãn đường, đến triều vua ta giáo pháp tan mà lại họp. May nhờ ngài bốn minh Pháp Trí ra dung trung hưng đạo giáo quán của Thiên thai, công lớn ngang với chín Tổ kia, nên viết ra Hưng Đạo Pháp Sư Hạ Bát Tổ Kỷ, một quyển. Bộ này ghi kể các chuyện từ ngày Đức Phật giáng sinh đến năm ngài Pháp Trí thị tịch gồm cả thảy có một Đức Phật và hai mươi chín vị Tổ, bắc đầu từ năm Giáp Dần vào đời Chu Chiêu Vương thứ hai mươi sáu cho đến năm Mậu Thìn, niên hiệu Thiên Thánh thứ sáu, đời Tống Nhân Tông, gồm hai ngàn hai năm chung làm một Bản Kỷ xếp vào Chánh thống, giống như các vua chúa ở đời chấn chỉnh ngôi báu để truyền nghiệp lớn.

Thích thế gia:

Từ khi núi Nam nhạc xuất hiện Thiền sư Tuệ Chiếu cho đến các sư Từ Vân... đều truyền giáo pháp làm rõ tông môn, chia đèn soi sáng thế gian, cùng với các Tổ Chánh Thống đều là ánh sáng, nên viết bộ Chư Tổ Thế Giả, hai quyển.

Thích liệt truyện (Liệt truyện về họ Thích):

Từ ngày bốn minh các dòng nối nhau lỗi lạc nhất có mười mấy vị. Hàng con cháu Kế đến thừa thì chỉ có ba ngài Quảng Trí, Thần Chiếu, Nam Bình là sáng chói nhất, giữ vững pháp nhà, chống kẻ lấn hiếp bên ngoài mà hoằng đạo độ người. Do đó, viết ra bộ Chư Sư Liệt Truyện gồm mười một quyển. Nói về kẻ phản Tông phá Tổ, mất người thừa

Kế đến thì có vài ba người, nên viết ra Tạp Truyện, một quyển. Nói về những người có công với giáo môn, nhưng sự việc lâu xa lại không ghi chép, nên viết Vị Tướng Thừa Tự Truyện, một quyển.

Thích biểu:

Khảo sát việc truyền thụ của chư Tổ, trình bày việc nối pháp lo đời, muốn biết việc thiên cổ thì phải xét chuyện thời nay. Vì muốn nói rõ các việc từ thời Bắc Tề, cho đến thời ngài Pháp Trí nên phải thuật lại từ lúc có các dòng Chánh Thống đến nay. Viết ra Lịch Đại Truyền Giáo Biểu là muốn trình bày rõ Đức Thích-ca cùng các Tổ cho đến các Sư ngày nay. Để nói việc truyền Đăng vô tận, nên viết ra Phật Tổ Thế Hệ Biểu gồm hai quyển.

Thích chí:

Cùng trình bày với lối văn trang nhã là văn tán Phật, mỗi thứ đều có chương nghĩa phát huy Tổ nghiệp. Ở đây muốn củng cố sự hưng thịnh của Pháp môn, nên viết ra Sơn Gia Giáo Điển Chí, một quyển.

Người mà lý, giáo, hạnh thành tựu đầy đủ. Từ ngũ trược lên bậc Cửu phẩm thì chỉ có đạo Niệm Phật Tam-muội mới có khả năng như thế. Cơ nghi đơi mạt pháp bắt đầu từ núi Lô, nên viết ra Tịnh Độ Lập Pháp Giáo Chí, ba quyển.

Các ngài Đạt-ma, Hiền Thủ, Từ Ân, Quán Đảnh, Nam Sơn... đều là một đời lỗi lạc. Đặc biệt tuy cùng làm sáng tỏ đạo này nhưng mỗi vị chuyên biệt một môn, cách xa các Tông khác, nên viết ra Chư Tông Lập Giáo Chí, một quyển.

Nhìn thấy ngàn Phật nối nhau thịnh vượng thì biết rõ vô tận đăng. Từ một châu trông khắp thì biết rõ vô biên cõi. Vì ải tục khó nghe thấy, nên viết ra Tam Thế Xuất Hưng Chí và Tam Giới Danh Thể Chí, gồm ba quyển.

Mọi thứ hương đăng cúng dường và các hình thức lễ, tụng, ca, ngâm là che lấp giấu vết chính của duyên nhân, gia hạnh ví chỉ có người hiểu lý mới thành tựu các Phật sự, nên viết bộ Pháp Môn Quang Hiển Chí, một quyển.

Đại Pháp truyền sang Đông độ (Trung Quốc), Thánh hiền đời đời nối nhau, do đó Tam bảo được giữ gìn không để dứt mất. Song trải bao năm tháng lâu xa khi hưng khi phế, ấy là vì sự đời vô thường biến đổi, chứ đối với Đạo mầu nào có nên hư. Xem xét đủ mọi việc làm từ xưa nay để thấy cái tướng của vận pháp thông hay tất. Đến như các giáo

thuyết của Nho và Lão trên đời, có lúc bị ép bức hay được mở mang, nhưng các giáo thuyết ấy đều sáng rỡ, có thể dùng để dạy và răn. Nên soạn ra bộ Pháp Vận Thông Tắc Chí, mười lăm quyển.

Vận pháp thông tất, sự biến đổi dẫy đầy, nếu căn cứ vào biên niên thì không rõ ngọn ngành, nay muốn thông suốt cổ kim để mọi người tìm biết, nên viết ra bộ Lịch Đại Hội Yếu Chí, bốn quyển.

Hàng môn đệ của Phật và Nho cao quý, có người dùng văn tự để phô trương Đạo lớn hoặc làm tiêu biểu cho Pháp môn, thì không thể không tóm tắt ghi chép, do đó mà soạn bộ Danh Văn Quang Giáo Chí, hai quyển.

Tự cổ chế:

Khoảng niên hiệu Chánh Hòa đời vua Huy Tông nhà Tống, ngài Ngô Hưng Dĩnh Pháp sư mới soạn ra bộ Tông Nguyên Sáu để thuật lại các việc truyền thọ nhau của một tông Thiên thai kể từ đời Bắc Tề cho đến năm Nguyên Hựu của triều đại nhà Tống, vẽ nên bản đồ hệ thống hóa Mối Đạo, do đó mới có thể khảo sát tìm biết được Tổ Tông của các giáo môn.

Khoảng niên hiệu Khánh Nguyên đời Ninh Tông nhà Tống, ngài Khải am Ngô Khắc Kỷ lấy bộ Sáu của ngài Pháp sư Dĩnh mà nói rộng thêm ra, có tên là Thích Môn Chánh Thống, chưa kịp lưu hành thì mất. Vào khoảng năm Gia Định, ngài Cảnh Am Thiên Pháp sư lại lấy bản sáu của Pháp sư Dĩnh và bộ Cảnh Am Tân Đồ mà viết thêm phần giải thích ở sau và phụ thêm truyện của hơn sáu mươi vị, đặt tên là Tông Nguyên Sáu.

Vào đầu niên hiệu Gia Hy đời vua Lý Tông nhà Tống, ngài Tiền Đường Lương Chữ Giám Pháp sư, lấy bản sáu ở đời Ngô rồi theo pháp viết sử mà viết ra các thứ sách bản kỷ, thế gia, liệt truyện, tải ký,... nhưng vẫn dùng tên cũ là Thích Môn Chánh Thống. Song bản của ngài Cảnh Am thì có lỗi là không lập thể của Thống kỷ, còn bản của ngài Lương Chữ thì có nhiều danh vị lầm lẫn. Cho đến các thứ như văn rườm, lời thô, việc ít, nghĩa trái thì đều có đủ. Nhưng tên sách gọi là Thích Môn thì quá bao quát, còn những sự cần yếu thì chỉ nói sơ qua. Vậy cần nên thảo luận, sửa đổi, trao chuốt thêm nữa, vì không thể đòi hỏi sự hoàn bị ở một người, nay xin nói rõ. Những điều kể thuật hôm nay là căn cứ vào hai Bộ Tông Nguyên Sáu và Thích Môn Chánh Thống, có tham khảo đối chiếu văn nghĩa, sửa sang bổ túc thêm. Rồi lại lấy thêm các văn từ ở các Kinh điển Đại tạng, sở ký Giao môn, sử tịch Nho tông và

các truyện sáu của các nhà... cho đến viện dẫn cả các sách Tú Sư Long Hưng Thống Kỷ, Tú Sư Thích Trị Thống Kỷ... để việc dẫn giúp vào. Rồi dựa theo phép của Sử thị mà viết thành bốn quyển Phật Kỷ, bốn quyển Tổ Kỷ, hai quyển Thế Gia, mười một quyển Liệt Truyện, một quyển Tạp Truyện, một quyển Vị Tướng Thừa Sự Truyện, hai quyển Biểu, ba mươi quyển Chí... tạo thành một bộ toàn thư của một nhà. Đến như sau một truyện thì có phần khen ngợi đức hạnh của vị ấy, sau mỗi chuyện lại có phần bình luận để giải nghi. Về văn nếu phần nào việc dẫn việc xưa có nghĩa khác thì có chú thích ở dưới, khiến người đọc dễ hiểu. Nếu căn cứ trong đây và văn giải thích liệt truyện ở trước thì tất biết phần liệt truyện về các Sư có mười một quyển và về bản kỷ chỉ có mười quyển.

Dụng tam lệ:

Các Sư ở đời gần đây, theo phép lập truyện thì phải dùng ba lệ sau:

1. Quán hạnh tu minh.
2. Giảng huấn hữu chỉ.
3. Trứ Thư Minh Tông .

Nếu không phải ba thứ này thì là lạm dụng. Đến như đối với Lý sự của Kinh pháp mà khen ngợi giáo môn, lại đem ra ghi chép là muốn khiến người đời sau có chỗ kính ngưỡng. Như đám con cháu các quan, các bậc Danh hiền, Nho sinh, Cư sĩ... biết được Đạo này nếu không phải có do công huân tu từ nhiều đời trước mà được như thế, ấy là do thời xưa mà có vậy.

Thích đề nghĩa:

Phật Tổ là gì? Đó là Giáo chủ của ta và chư Tổ hệ thuộc.

Thống Kỷ là gì? Nêu rõ lý chung về việc truyền thụ của Phật và Tổ (Sử Ký Công Thần Biểu nói rằng: Cần yếu là lấy việc thành công để làm Thống Kỷ. Hán Cao Tổ Kỷ, Nhan Sư Cổ chú rằng: Kỷ là sửa trị; Thống là sửa trị các sự việc có liên hệ với tháng năm.

Bản Kỷ là gì? Là ghi chép các việc chánh thống truyền giáo của một vị Phật và hai mươi chín vị Tổ, bắt đầu từ Đức Thích-ca và kết thúc vào đời ngài Pháp Trí.

Thế Gia là gì? Là giữ vững nghiệp nhà với đời để gánh vác Tổ đạo.

Liệt Truyện là gì? Là ghi chép ngôn hạnh của các đời Tổ sư để có

người thừa Kế đếnTổ đạo.

Biểu là gì? Là trình bày về đầu mối của giáo pháp và thời gian khi truyền giáo.

Chí là ghi các sự việc như Sơn Gia Giáo Điển hoặc việc các Tông lập giáo hoặc việc vãng sinh tịnh độ, hoặc thế giới thành hoại, hoặc việc pháp môn hiển sáng, hoặc về vận pháp thông tắt, hoặc các lãnh hội các điều cốt yếu để thông suốt cổ kim, hoặc thuật văn để làm sáng tỏ đại giáo... thì chí đều có xét đến.

Thích sư danh:

Nêu tên các Sư thường theo tám nguyên tắc (lệ): Hoặc do tên nước như Bắc Tề, Cao Ly, hoặc theo tên núi như Nam nhạc, Thiên thai. Hoặc theo hiệu thầy như Trí Giả, Pháp Trí. Hoặc theo tên đất như Chương An, Tiên Thành. Hoặc theo tên chùa như Pháp hoa, Thiên cung. Hoặc theo tên riêng như Thảo đường, Tức am. Hoặc theo tên quận như Tiền đường, Bốnminh. Hoặc theo tên sách mình viết như Phù Tông, Hiến Chương. Đời gần đây phần đông người ta dùng tự hiệu, tuy tên gọi không phải một, nhưng khi gọi tên ai thì đúng là thật có người ấy.

Chấm dứt các nghi ngờ:

Để viết nên bộ sách này thì hoặc do văn cũ mà sửa lại, hoặc gom góp các văn khác rồi bổ túc thêm, hoặc lấy văn từ các luận phẩm của thầy và bạn, hoặc soạn thuật từ các bi ký. Sở dĩ không chú thích rõ từng trích văn là vì theo phép "Tu Sử" thì phải như thế. Trong đó có nhiều chuyện liên quan cần phải dẫn nhiều chứng cứ chỉ là bất đắc dĩ mà thôi. Vả lại sách này dùng các tạng điển giáo văn thì không phải nho sinh cư sĩ nào cũng hiểu dễ dàng cả đâu. Có kẻ từng chữ, từng câu nghiên cứu ra các nghĩa lý nên đã nghi ngờ. Tin tưởng vào các Sa-môn thì tất thấu nghĩa nhập thần, sau đó mới biết đến Phật. Nếu coi thường đọc lướt qua không thấu rõ ý chỉ tất là không ích gì cho ai cả. Lại các Nho sĩ ở đời thường đưa luận của hai ông Hàn, Âu bài bác Phật giáo, nhưng không biết rằng vào lúc cuối đời cả hai ông này đều quay về với đạo Phật. Nay có người dần bớt sự bồng bột đọc kỷ sách này mới biết rõ lại các lập thuyết của Hàn, Âu đều có ý giúp dương trợ âm.

Dẫn văn kinh:

Văn trong sách này được trích dẫn từ các sách như:

Kinh điển Đại tạng như các kinh Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, Duy-

ma, Niết-bàn, Thụy Ứng, Phạm Võng, Lâu Thán, Dược Vương, Phổ Diệu, Thiện Quyền, Đại Quyền, Hiền Ngu, Đề-vị, Lăng-già, Đại Tập, Di Giáo, Nhân Quả, Vô Lượng Nghĩa, Đại Bát-nhã, Phó Pháp Tạng, Pháp Diệt Tận, Đại Phương Tiện, Thập Nhị Du, Phật Bản Hạnh, Vị Tằng Hữu, Tập Bảo Tạng, Trung Bản Khởi, Thủ-lăng-nghiêm, Pháp Cú Dụ, A-dục Vương, Bát Quan Trai, Trường A-hàm, Tạp A-hàm, Diệu Pháp Hoa, Phổ Hiền Hành Pháp, Bồ-tát Xử Thai, Bồ-tát Bản Hạnh, Ưu-bà-tắc Giới, Tăng Nhất A-hàm, Phân Biệt Công Đức, Tư Ích Phạm Thiên, Ương-quật-ma-la, Tịnh Phạn Nê-hoàn, Thăng Đao-lợi Thiên, Quán Phật Tam-muội, Thắng Man Sư Tử, Tượng Pháp Quyết Nghi, Phật Mẫu Nê-hoàn, Ma-da Phu Nhân, Nhân Vương Bát-nhã, Văn-thù Bát-nhã.

Các luật như Đàm-vô-đức, Thập Tụng, Bốn Phần, Tăng-kỳ, Di-sa-tắc, Thiện Kiến, Ngũ Phần.

Các luận như Đại Trí Độ, Tân-bà-sa, Đại Trang Nghiêm, Tát-bà-đa, Câu-xá, Khởi Tín, Phật Đạo Luận Hành, Dịch Kinh Đồ Ký, Lương Cao Tăng Truyện, Đường Cao Tăng Truyện, Tống Cao Tăng Truyện, Hoằng Minh Tập, Thích-ca Phổ, Tây Vức Ký.

Văn của Thiên thai giáo, gồm có các bộ sau:

Pháp Hoa Văn Cú, Diệu Lạc, Pháp Hoa Diệu Huyền, Thích Thiên Tầm Quán Luận, Phụ Hành, Niết-bàn Huyền Nghĩa, Quan Âm Biệt Hạnh, Pháp Giới Thứ Đệ, BốnGiáo Nghĩa, Nam Nhạc Nguyện Văn, Trí Giả Biệt Truyện, Nhị Sư Khẩu Nghĩa, Quốc Thanh Bách Sáu, Bảo Vân Chấn Tổ Tập, BốnMinh Giáo Hạnh Sáu, Thiên Trúc Biệt Tập, Thảo Am Di Sự, Phiên Dịch Danh Nghĩa, Cửu Tổ Lược Truyện.

Các sách về đạo Phật, gồm các bộ:

Chu Thư Dị Ký, Lô Sơn Tập, Quốc Thanh Bi, Ngọc Tuyền Bi, Thập Bát Hiền Truyện, Tăng Cảnh Sáu, Quang Vương Từ Đường Ký, Tịnh Độ Vãng Sinh Truyện, Pháp Hoa Hiển Ứng Sáu, Bát-nhã Cảm Nghiệm Sáu, Quan Âm Cảm Ứng Sáu, Thiên Nhân Cảm Thông Truyện, Tăng Sử Lược, Lâm Gian Sáu, Tăng Bảo Truyện, Hộ Pháp Luận, Cảnh Đức Truyền Đăng Sáu, Phổ Đăng Sáu, Đại Tuệ Võ Khố, Tương Sơn Dã Sáu, Âu Dương Ngoại Truyện, Thạch Môn Văn Tự Thiền, Dục Vương xá-lợi Truyện, Thiền Môn Bảo Huấn.

Các sách về đạo Nho, gồm các bộ:

Khổng Tử Gia Ngữ, Luận Ngữ, Lễ Ký, Mạnh Tử, Tuân Tử, Dương Tử, Sử Ký, Tây Hán Thư, Đông Hán Thư, Tam Quốc Chí, Tấn Thư, Nam Bắc Sử, Đường Thư, Ngũ Đại Sử, Kê Cổ Sáu, Tục Kê Cổ Sáu, Quốc Triều Hội Yếu, Hoàng Triều Loại Uyển, Hoàng Triều Long Phi Ký, Bản Triều Thông Giám, Hoàng Triều Cảnh Mệnh Sáu, Hàng Xương Lê Văn Liễu Tử Hậu Văn, Bạch Thị Trường Khánh Tập, Nhan Thị Già Huấn, Dậu Dương Tạp Trở, Tuyên Thất Chí, Dương Văn Công Đàm Uyển, Quảng Lăng Chí, Sát Thị Tòng Đàm, Tiền Thị Đổng Vi Chí, Đông Pha Văn Tập, Vương Thị Tiểu Súc Tập, Lỗ Trực Văn Tập, Thái Bình Quảng Ký, Đông Pha Chỉ Chưởng Đồ, Sáu Nhất Cư Sĩ Tập, Dị Kiên Chí, Hồng Dung Trai Tùy Bút, Tăng Thị Độc Tĩnh Chí, Đông Đô Sự Lược.

Các sách về đạo Lão, gồm các bộ:

Lão Tử, Liệt Tử, Trang Tử, Lão Tử Nội Truyện, Lão Quân Thật Sáu, Huyền Diệu Nội Thiên, Hán Võ Nội Truyện, Đổng Minh Ký, Thập Châu Ký, Vân Cấp Thập Xâm, Thiên Sư Gia Truyện, Lưu Hướng Liệt Tiên Truyện, Cát Hồng Thần Tiên Truyện, Tục Tiên Truyện, Tập Tiên Truyện, Tiên Uyển Di Sự, Hoàng Phủ Cao Sĩ Truyện, Chân Cáo, Ngộ Chân Thiên, Lâm Linh Tố Truyện.

Các bậc Hiền trong việc tu thư, gồm có:

Nguyên Dĩnh Pháp sư, là người Ngô hưng, khoảng niên hiệu Chánh Hòa, ở tại viện Trí giả có soạn ra bộ Tông Nguyên Sáu. Có chuyện kể.

Ngô Khắc Kỷ, người ở Phủ giang vụ nữ, hiệu Khải Am, khoảng niên hiệu Gia Định, có soạn bộ Thích Môn Chánh Thống. Có chuyện kể.

Chí Chiêu Pháp sư, là cháu của ngài Khải Am, người ở Tả khê vụ nữ, có soạn bộ Thích-ca Phả Lịch Đại Tông Thừa Đồ. Thấy trong Khải Am Truyện.

Cảnh Thiên Pháp sư, người ở Dư diêu, theo học với ngài Đông sơn Quảng Giáo, hiệu là Cảnh Am, khoảng niên hiệu Gia Định, ở tại Thiên Trúc Linh Sơn. Có soạn bộ Tông Nguyên Sáu và viết thêm trong Ngô Bản hơn sáu mươi truyện.

Tông Giám Pháp sư, là người ở Lương Chử Tiền Đường, đầu niên hiệu Gia Hy, ở tại chùa Nhân thọ trương, viết nối Bộ Thích Môn Chánh

Thống của ngài Khải Am. Ngài lại viết ra các thứ bản kỷ, thế gia, liệt truyện, các chí và tải ký.

Kể thêm các nhà tu thư:

Tổ Tú, đầu niên hiệu Long Hưng, ở tại Long môn. Có soạn ra bộ Phật Vận Thống Kỷ, phỏng theo cách ngụ ý khen chê của Tả Thị và thuật thêm các tai ương phản nghịch, thí chúa soán ngôi. Ngài viết Vĩnh Gia Tiết Hợp. Khi làm bài tựa Thích-ca Phả có nói: Thống Kỷ của Tú Sư phần lớn phụ thêm các kiến thức nhỏ hẹp. Bậc học tối thượng thừa như thế mà còn sai lầm nặng nề như thế thay!

Đức Tu, khoảng niên hiệu Thuần Hy, ở tại Kim hoa có soạn bộ Thích Thị Thông Kỷ. Ở phần kỷ về Đức Thích-ca có phụ thêm ba trời Giáo của ngài Từ Ân, Một Đời Giáo Hóa... nhưng nói rất sơ lược. Vả lại lấy các thứ Ngũ Vận Đồ, Thạch Trụ Minh, Tam Bảo Sáu mà nói ngày sinh của Phật không giống nhau. Có lẫn lộn nhiều thứ tạp nhạp trong Phật Kỷ chánh văn, khiến việc soạn thuật có nhiều lầm lỗi. Việc sắp xếp các chuyện đương thời so với bản của Tú Tổ có so le nhau và lời văn dài dòng vô ích.

PHẬT TỔ THỐNG KỶ MỤC SÁU

- Đời Tống, năm Hàm Thuần, đất Bốn minh, Đông hồ.
- Sa-môn Chí Bàn soạn.

Quyển 1: Thích-ca Mâu-ni Phật Bản Kỷ - Phần 1, -I.

Nói về: Nêu rõ bản tích, xếp Thánh nguyên, tên Thích-ca.

Quyển 2: Thích-ca Mâu-ni Phật Bản Kỷ - Phần 2, -I.

Nói về: Giáng Đâu-suất, gá thai mẹ, ở thai mẹ, giáng sinh, xuất gia, thành Phật đạo.

Quyển 3: Thích-ca Mâu-ni Phật Bản Kỷ - Phần 3, -I.

Nói về: Chuyển pháp luân (năm thời): Hoa nghiêm, Lộc uyển, Phương đẳng, Bát-nhã, Pháp hoa Niết-bàn.

Quyển 4: Thích-ca Mâu-ni Phật Bản Kỷ - Phần 4, -I.

Nói về: Phật nhập Niết-bàn, chia xá-lợi, kết tập ba tạng.

Quyển 5: Bản Kỷ về hai mươi bốn vị Tổ ở Tây độ - Phần II.

Nói về các Tôn giả như Đại Ca-diếp, A-nan-đà, Thương-na Hòa-tu, Mạt-điền-địa, Cúc-đa, Đề-ca-đa, Di-già-ca, Nan-đề, Mật-đa, Hiếp Tỳ-kheo, Dạ-xoa, Mã Minh, Ma-la, Long Thọ (mười ba vị Tổ kể trên được Đông đô nhận là Chánh tổ), Đề-bà, La-hầu, Tăng-khư, Da-xá, Cưu-ma-la, Xà-dạ-đa, Bàn-đà, Ma-noa-la, Hạc-lật-na, Sư Tử.

Quyển 6: Bản Kỷ về chín vị Tổ ở Đông độ - Phần 1, -III

Nói về: Long Thọ Tôn giả, Bắc Tề Thiền sư, Nam Nhạc Thiền sư, Trí Giả Thiền sư.

Quyển 7: Bản Kỷ về chín vị Tổ ở Đông độ - Phần 2, -III

Nói về: Chương An Thiền sư, Pháp Hoa Thiền sư, Thiên Cung Thiền sư, Tả Khê Thiền sư, Kinh Khê Thiền sư.

Quyển 8: Bản Kỷ về tám Tổ từ Hưng Đạo trở xuống - Phần IV

Nói về: Hưng Đạo Pháp sư, Chí Hạnh Pháp sư, Chánh Định Pháp sư, Diệu Thuyết Pháp sư, Cao Luận Pháp sư, Tịnh Quang Pháp sư, Bảo Vân Pháp sư, Pháp Trí Pháp sư.

Quyển 9: Chư Tổ chia ra các Thế gia. Phần 1, -V.

Nói về: Nam Nhạc Thế gia (có hai mươi mốt vị từ Tăng Chiếu Thiền sư trở xuống), Thiên thai Thế gia (có năm mươi sáu vị từ Chân

Quán Thiền sư trở xuống).

Quyển 10: Chư Tổ chia ra các Thế gia - Phần 2, -V.

Nói về: Chương An Thế gia (có sáu vị từ Hoằng Cảnh Thiền sư trở xuống, Thiên Cung Thế gia (có một người tức Chân Giác Thiền sư), Tả Khê Thế gia (có hai mươi tám vị từ Thần Ung Thiền sư trở xuống), Kinh Khê Thế gia (có mười bốn vị từ Phổ Môn Thiền sư trở xuống), Hưng Đạo Thế gia (có hai vị từ Thủ Tố Pháp sư trở xuống), Chí Hạnh Thế gia (có năm vị từ Lương Từ Pháp sư trở xuống), Chánh Định Thế gia (có bốn vị từ Kỉnh Hưu Pháp sư trở xuống), Diệu Thuyết Thế gia (có năm vị từ Thường Tháo Pháp sư trở xuống), Cao Luận Thế gia (có mười chín vị từ Chí Nhân Pháp sư trở xuống), Tịnh Quang Thế gia (có hai mươi vị từ Tông Dục trở xuống), Bảo Vân Thế gia (có tám vị từ Tuân Thí trở xuống).

Quyển 11: Chư Tổ Liệt Truyện - Phần 1, VI.

Nói về: Các nhóm Từ Vân (có hai mươi chín vị), nhóm Hưng quốc (có hai vị), nhóm Tiền Đường (có hai vị).

Quyển 12: Chư Sư Liệt Truyện - Phần 2, VI.

Nói về: Đời thứ hai của ngài Pháp Trí, ngài Quảng Trí (có hai mươi lăm vị).

Quyển 13: Chư Sư Liệt Truyện - Phần 3, VI.

Nói về đời thứ ba của ngài Pháp Trí và nói về nhóm sáu nhà là Quảng Trí, Thần Chiếu, Nam Bình, Tam Học, Phù Thạnh, Quảng Từ (có bốn mươi vị).

Quyển 14: Chư Sư Liệt Truyện - Phần 4, VI.

Nói về đời thứ tư của ngài Pháp Trí và nói về nhóm ba nhà là Quảng Trí, Thần Chiếu, Nam Bình (có ba mươi bảy vị).

Quyển 15: Chư Sư Liệt Truyện - Phần 5, VI.

Nói về đời thứ năm của ngài Pháp Trí, nhóm ba nhà là Quảng Trí, Thần Chiếu, Nam Bình (có năm mươi hai vị).

Quyển 16: Chư Sư Liệt Truyện - Phần 6, VI.

Nói về đời thứ sáu của ngài Pháp Trí, nhóm ba nhà là Quảng Trí, Thần Chiếu, Nam Bình (có ba mươi lăm vị).

Quyển 17: Chư Sư Liệt Truyện - Phần 7, VI.

Nói về đời thứ bảy của ngài Pháp Trí, nhóm ba nhà là Quảng Trí, Thần Chiếu, Nam Bình (có bốn mươi vị).

Quyển 18: Chư Sư Liệt Truyện - Phần 8, VI.

Nói về đời thứ tám của ngài Pháp Trí, nhóm ba nhà là Quảng Trí, Thần Chiếu, Nam Bình (có sáu mươi mốt vị).

Quyển 19: Chư Sư Liệt Truyện - Phần 9, VI.

Nói về đời thứ chín của ngài Pháp Trí, nhóm ba nhà là Quảng Trí, Thần Chiếu, Nam Bình.

Quyển 20: Chư Sư Liệt Truyện - Phần 10, VI.

Nói về đời thứ mười của ngài Pháp Trí, nhóm ba nhà là Quảng Trí, Thần Chiếu, Nam Bình.

Về nguyên văn của Chư Sư Liệt Truyện chỉ có mười quyển, nhưng mục sáu và thông lệ đều ghi là có mười một quyển và đem phân phối trên hai mươi mốt quyển, ở đây nói người thuật đã lầm. Cho nên các quyển sau đều bác bỏ. Theo mục sáu thì có năm mươi lăm quyển, nhưng bản kỷ chỉ có năm mươi bốn. Nay y theo bản kỷ thì văn liệt truyện không có quyển mười một, nên trong mục sáu liền bỏ đi. Lại đổi hai mươi hai quyển trong mục sáu thành hai mươi mốt quyển và đổi năm mươi lăm quyển thành năm mươi bốn quyển để hợp với số của bản kỷ.

Quyển 21: Chư Sư Tập Truyện - Phần VII.

Nói về các sư Tịnh Giác, Thần Trí - Thảo Am.

Quyển 22: Vị Tường Thừa Tự Truyện - Phần VIII

Nói về từ Đông dương Đại sĩ trở xuống (gồm có bốn mươi mốt người).

Quyển 23: Lịch Truyền Đại Giáo Biểu - Phần IX.

Quyển 24: Phật Tổ Thế Hệ Biểu - Phần X.

Quyển 25: Sơn Gia Giáo Điển Chí - Phần XI.

Quyển 26: Tịnh Độ Lập Giáo Chí, Phần 1, -XII.

Nói về bảy Tổ ở Liên xã, mười tám Hiền ở Liên xã, một trăm hai mươi ba người ở Liên xã, các bậc Hiền không vào Liên xã.

Quyển 27: Tịnh Độ Lập Giáo Chí, Phần 2, -XII.

Nói về các Cao Tăng được Vãng Sinh.

Quyển 28: Tịnh Độ Lập Giáo Chí, Phần 3, -XII.

Nói về: Các cao Ni vãng sinh, các chúng khác vãng sinh, các hàng Công khanh vãng sinh, các thường dân vãng sinh, các nữ lưu vãng sinh, các kẻ ác vãng sinh, chim cá vãng sinh, các loài khác được vãng sinh.

Quyển 29: Chư Tông Lập Giáo Chí - Phần XIII.

Nói về: Đạt-ma, Hiền Thủ, Từ Ân, Quán đảnh Nam Sơn.

Quyển 30: Tam Thế Xuất Hưng Chí - Phần XIV.

Nói về: Ngàn Phật kiếp Trang nghiêm thời quá khứ, ngàn Phật Hiền kiếp thời hiện tại, tiểu tam tai, ngàn Phật kiếp Tinh tú thời vị lai, đại tam tai.

Quyển 31: Thế Giới Danh Thể Chí, Phần 1, -XV.

Nói về: Hoa tạng thế giới đồ, Vạn ức Tu-di đồ, Cửu sơn bát hải đồ, đại thiên tam giới đồ, Đao-lợi Thiên cung đồ, luận chung về chư Thiên.

Quyển 32: Thế Giới Danh Thể Chí, Phần 2, XV.

Nói về: Đông Hoa địa lý đồ, Tây Vức chư quốc đồ, năm xứ Ấn Độ ở Tây Vức, bát nhiệt địa ngục đồ, thập sáu Du Tăng đồ, bát hàn địa ngục đồ.

Quyển 33: Pháp Môn Quang Hiển Chí, Phần XVI.

Quyển 34: Pháp Vận Thông Tắc Chí - Phần 1, XVII.

Nói về hai đời Chu, Tần.

Quyển 35: Pháp Vận Thông Tắc Chí - Phần 2, XVII.

Nói về các đời: Tây Hán, Đông Hán, Tam Quốc.

Quyển 36: Pháp Vận Thông Tắc Chí - Phần 3, XVII.

Nói về các đời: Tấn, Tống, Tề.

Quyển 37: Pháp Vận Thông Tắc Chí - Phần 4, XVII.

Nói về các đời: Lương, Trần.

Quyển 38: Pháp Vận Thông Tắc Chí - Phần 5, XVII.

Nói về các đời: Bắc Ngụy, Bắc Tề, Bắc Chu.

Quyển 39: Pháp Vận Thông Tắc Chí - Phần 6, XVII.

Nói về: Đời Tùy (Văn Đế, Dạng Đế, Cung Đế), đời Đường (Cao Tổ, Thái Tông, Cao Tông, Võ Hậu).

Quyển 40: Pháp Vận Thông Tắc Chí - Phần 7, XVII.

Nói về đời Đường (Trung Tông, Duệ Tông, Huyền Tông, Túc Tông).

Quyển 41: Pháp Vận Thông Tắc Chí - Phần 8, XVII.

Nói về đời Đường (Đại Tông, Đức Tông, Thuận Tông, Hiến Tông).

Quyển 42: Pháp Vận Thông Tắc Chí - Phần 9, XVII.

Nói về đời Đường (Mục Tông, Kỉnh Tông, Văn Tông, Võ Tông, Tuyên Tông, Ý Tông, Hy Tông, Chiêu Tông, Cảnh Tông).

Thời Ngũ Đại: Lương, Đường, Tấn, Hán, Chu.

Quyển 43: Pháp Vận Thông Tắc Chí - Phần 10, XVII.

Nói về đời Tống (Thái Tổ, Thái Tông).

Quyển 44: Pháp Vận Thông Tắc Chí - Phần 11, XVII.

Nói về đời Tống (Nhân Tông).

Quyển 45: Pháp Vận Thông Tắc Chí - Phần 12, XVII.

Nói về đời Tống (Nhân Tông, Anh Tông, Thần Tông)

Quyển 46: Pháp Vận Thông Tắc Chí - Phần 13, XVII.

Nói về đời Tống (Triết Tông, Huy Tông, Khâm Tông).

Quyển 47: Pháp Vận Thông Tắc Chí - Phần 14, XVII.

Nói về đời Tống (Cao Tông, Hiếu Tông, Quang Tông).

Quyển 48: Pháp Vận Thông Tắc Chí - Phần 15, XVII.

Nói về đời Tống (Ninh Tông, Lý Tông).

Quyển 49: Danh Văn Quang Giáo Chí - Phần 1, XVIII.

Nói về: Thiên Thai Thiền Lâm Tự Bi (của Lương Túc), Thiên Thai Chỉ Quán Thống Lệ (của Lương Túc), Trí Giả Đại Sư Truyện Luận (của Lương Túc), bài bia về Vô Tánh Hòa thượng ở chùa Thánh an (Liễu Tông Nguyên), Vô Tánh Hòa thượng bi âm ký (của Liễu Tông Nguyên), bài ký về Tịnh độ viện ở chùa Long hưng (của Liễu Tông Nguyên), bài bia về hạnh nghiệp của Trí Giả Đại sư (của Triệu Biện), bài ký về Chỉ Quán tọa thiền pháp yếu (của Trần Quyền), Tam Thiên Hữu Môn Tụng (của Trần Quyền), thư gởi Pháp sư Minh Trí (của Trần Quyền), bài ký về Tịnh độ viện ở Nam hồ (của Trần Quyền).

Từ bài bia của phái Thiên thai ở chùa Thiền lâm cho đến bài thư cho Dụ Cống Nguyên gồm có mười bảy thiên, Nam Tạng Mục Sáu đem ghép vào quyển năm mươi. Từ bài Thủy Chung Tâm Yếu cho đến bài Tây Môn Tông Tổ Nghị gồm bảy thiên thì đem để vào quyển năm mươi mốt. Nay sửa đúng theo bản kỷ nên đem mười một thiên trước để vào quyển bốn mươi chín và để mười ba thiên sau vào quyển năm mươi.

Quyển 50: Danh Văn Quang Giáo Chí - Phần 2, XVIII.

Nói về: Nhân Vương Bát-nhã Kinh Sớ Tự (của Triều Thuyết Chi), Minh Trí Pháp Sư Bi Luận (Triều Thuyết Chi), Bài Tán về Nam Hồ Trí Giả Đại Sư (của Chân Ẩn Cư Sĩ), Vĩnh Gia Tây Hồ Pháp Minh Tự Sớ (của Diệp Thích), Trùng San San Định - Chỉ Quán Tự (của Ngô Khắc Kỷ), Thư Cho Du Công Nguyên (của Ngô Khắc Kỷ), Thủy Chung Tâm Yếu (của Đường Kinh Khê Thiền Sư), BốnThập Nhị Chương Kinh Sớ Tự (của Cô Sơn), Thư Cho Lạc Ngự Sử (của Cô Sơn), Nam Nhạc Chỉ Quán Tự (của Từ Vân), Thư Thân (Luận Ngữ Tử Trượng viết thư cho các Thân Hào), Viên Đốn Chỉ Quán Thập Pháp Giới Đồ (của Tư Vân), Tông Môn Tôn Tổ Nghị (của Sa-môn Chí Bàn).

Quyển 51: Lịch Đại Hội Yếu Chí - Phần 1, -XIX.

Nói về: Vua kính thờ pháp, Thường Chầu Lễ Phật, Thiên Thơ Ngự Chế, Thánh Quân Hộ Pháp, Thí Kinh Độ Tăng, Đặc Ân Độ Tăng, Tấn Nạp Độ Tăng, Sĩ Phu Xuất Gia, Sa-môn Phong Tước, Tăng Chức Sư Hiệu, Không Lạy Vua Cha, Bất Xưng Thần Tăng, Sùng Lễ Cao Hạnh, Sa-môn Trứ Thư.

Quyển 52: Lịch Đại Hội Yếu Chí - Phần 2, XIX.

Nói về: Túc mệnh tiền thân, phóng sinh cấm sát, kỳ đảo tai dị, quốc triều điển cố, các nước triều cống.

Quyển 53: Lịch Đại Hội Yếu Chí - Phần 3, XIX.

Nói về: Răng Phật ở Bắc Thiên Trúc, Mậu sơn xá-lợi, phụng liệng quanh xương Phật, Trần Lưu Phật Chỉ, Thụy Tượng Ứng Thế, Thánh hiền xuất hóa, lập đàn thọ giới, thiết tượng trí kinh, xây dựng chùa tháp, sang Tây thiên cầu pháp, dịch kinh ở Đông độ, kinh mục tăng số, Thiên thai truyền giáo, Thiền Uyển Truyền Đăng, luật Tông Thùy Phạm, Thần ni dị hạnh, danh sơn thắng tích, Thánh giáo cảm thông, trì tụng công thâm, Tây du lạc quốc.

Quyển 54: Lịch Đại Hội Yếu Chí - Phần 4, XIX.

Nói về: Tam giáo xuất hưng, tam giáo ách vận, tam giáo yêu ngụy, đàm luận về tam giáo, tăng đạo giáo pháp, Tăng Tiên đạo hậu, nội luật phân tài, tăng chế trị phạt, tăng tịch miễn đinh, Bốn Ích Phong Pháp, Bao Tuất Chung Vong, điềm lành khi lâm chung, quân thần mạng pháp, Hàn Âu bài Phật, Hóa Hồ ngụy kinh, sư ma tà đảng, hủy pháp ác báo.

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

- Nhà Tống, Năm Canh Định, đất Bốn Minh, Đông hồ.

- Sa-môn Chí Bàn soạn.

QUYỂN 1

Phần 1: GIÁO CHỦ THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT BẢN KỶ (1) NÓI VỀ BẢN TÍCH

Lời tựa nói rằng: Thánh Nhân Như Lai xuất hiện đem lợi ích lớn cho đời. Thế nên có việc kỳ diệu Giáng Bản Thùy Tích, mở Tích bày Bản. Bản là chỉ cho Pháp thân, còn Tích là chỉ về tám tướng (theo nghĩa của Thích Thiêm). Do Pháp thân mà hiện ra tám tướng, từ tám tướng mà hiển bày Pháp thân. Bản và Tích dung hợp nhau khó thể nghĩ bàn. Nếu không phải ở hội Pháp hoa nói việc mở cái gần để bày các xa, mở tích bày bản thì không đủ sức để hiểu rõ ý chỉ này. Cho nên nêu lệ chung của tám tướng xếp riêng thứ tự năm thời, tan ra thì dẫn khắp các kinh, hội lại thì về một chỗ Thật, dùng để nói rõ ý nghĩa cả một đời thuyết giáo, hoặc Bản hay Tích đều bao trùm hết trong đó.

Kinh Diệu Huyền giải thích Bản và Tích có sáu nghĩa:

Gọi bản, thì lý của bản của đạo một thật tướng rốt ráo (trong Đại Luận, Phật nói: Chỉ có một đạo một rốt ráo, không có đạo nhiều rốt ráo).

Về tích, thì trừ các pháp thật tướng kia ra, còn lại đều là tích. Lại sự thì gọi là bản (khoa nói rằng lý là chân, sự là tục), còn việc nói lý nói sự thì gọi là giáo (thích thiêm nói rằng: Chân, tục là lý, còn việc nói về chân tục là giáo). Lại giáo của sự lý thì đều gọi là bản. Còn vâng theo giáo mà tu hành thì gọi là tích. Như người nương vào xứ thì có hành tích, tìm tích thì có thể được xứ. Lại, hành hay chứng được thể, thì thể là bản. Còn dựa vào thể mà khởi dụng thì dụng là tích. Lại, thật mà được thể dụng thì gọi là bản. Còn quyền mà làm ra thể dụng thì gọi là tích. Lại, cái đang hiển bày thì gọi là bản, còn các trước nay đã nói thì là tích. Đó là sáu nghĩa luận chung về bản tích của chư phật. Nếu luận riêng thì ở

ngay đức phật hiện tại cũng có sáu nghĩa.

1. Căn cứ vào sự lý để nói rõ bản tích: Từ vô trụ bản lập ra tất cả pháp. Lý vô trụ tức lúc bản là thật tướng, tức chân đế. Còn tất cả pháp là khi bản là sum la vạn vật tức tục đế (đây là giải thích cái tướng của bản và tích. Thích Thiêm có nói: Vô minh vì tất cả pháp làm ra bản, vậy vô minh tức là pháp tánh. Vô minh lại lấy pháp tánh làm bản, nên phải biết là các pháp cũng lấy pháp tánh làm bản, vậy pháp tánh tức là vô minh. Pháp tánh lại lấy vô minh làm bản nên pháp tánh là vô minh. Pháp tánh không có trụ xứ mà vô minh tức là pháp tánh nên vô minh cũng không có trụ xứ. Vô minh và pháp tánh dù đều là không có trụ xứ, nhưng lại làm bản cho tất cả pháp. Cho nên nói rằng: Từ vô trụ bản lập ra tất cả pháp. Bản vô trụ đã thông, thế nên chân đế là chỉ cho lý, còn tất cả pháp là sự vậy).

Do Chân Bản thật tướng mà hiện ra Tục Tích, tìm ở Tục Tích thì liền hiển bày Chân Bản, dầu chúng khác nhau nhưng đồng nhất khó thể nghĩ bàn. Văn Kinh nói: Quán tất cả pháp không đúng như thật tướng (để nói rõ về Bản Tích hễ tướng hiển bày thì Lý dung nạp. Thích Thiêm nói rằng: Lý Tánh của Bản Tích này do đây mà có ngoại dụng của Bản Tích).

2. Nói rõ Lý Giáo để làm sáng tỏ Bản Tích: Tức là lúc Bản soi chiếu hai Đế không thể nói, thì đều gọi là Bản. Thuở xưa Đức Phật đã phương tiện nói ra, thì đó là giáo của hai Đế, mà Giáo thì gọi là Tích (giải thích tướng của Bản Tích). Vì nếu không có Bản của hai Đế thì cũng không có giáo của hai thứ. Nếu không có Giáo Tích thì đâu có thể hiển bày được Bản Đế. Dù Bản và Tích khác nhau mà đồng nhất khó thể nghĩ bàn (Tướng đã bày thì Lý dung nạp). Văn Kinh nói: Pháp này không thể chỉ bày vì đã bặt cả Tướng ngôn thuyết. Vì phương tiện nên có việc nói Pháp chi năm vị Tỳ-kheo (trích văn để dẫn chứng).

3. Giáo Hạnh là Bản Tích: Đầu tiên là lấy Giáo của các Phật xa xưa làm Bản, cho nên vó việc Tu Nhân để đạt Hạnh quả (giải thích Tướng của Bản Tích. Cần có ba chữ để làm Tích). Do Giáo nói Lý mà khởi được Hạnh, do Hạnh hiểu được Giáo mà hiển bày được Lý, dầu Bản và Tích rất khác nhau nhưng vẫn đồng nhất khó thể nghĩ bàn (Tướng hiển bày Lý dung nạp). Văn Kinh nói: Các Pháp xưa nay Tướng thường tự vắng lặng, Phật tử hành đạo rồi, tương lai sẽ thành Phật (trích văn để dẫn chứng).

4. Căn cứ vào Thể Dụng mà nêu rõ Bản Tích: Trước hết, do tu hành từ xa xưa, đã khế lý mà chứng được Pháp thân là Bản, vì mới được

Pháp thân là Bản nên Thể liền Khởi các Dụng của Ứng Thân (giải thích tướng Bản Tích. Nên thêm ba chữ: Để làm Tích). Do từ Ứng thân mà hiển bày Pháp thân, dầu Bản Tích khác nhau mà đồng nhất khó nghĩ bàn (Tướng hiển thì Lý dung nạp). Văn Kinh nói: Ta từ thành Phật đến nay rất lâu xa, nay chỉ vì phương tiện giáo hóa chúng sinh nên nói như thế (Trích văn dẫn chứng).

5. Căn cứ vào Thật Quyền mà nêu rõ Bản Tích: Thuở đầu tiên rất lâu xa được hai thứ Pháp và Ứng thân thì gọi là Bản. Trong khoảng giữa nhiều lần nói sinh nói diệt, do mọi thứ quyền biến mà tạo nên hai Thân Ứng và Pháp, nên gọi là Tích (giải thích Tướng của Bản Tích). Nếu lúc xa xưa không có Bản của Pháp và Ứng thân, thì cũng không có Tích của Pháp và ứng ở khoảng giữa. Đó là do Tích mà hiển bày được Bản, dầu Bản Tích khác nhau mà đồng nhất khó nghĩ bàn (Tướng hiển thì Lý dung). Văn Kinh nói: Đó là Ta phương tiện, chư Phật cũng thế (trích văn dẫn chứng).

6. Căn cứ vào đã qua và hiện nay mà luận Bản Tích: Từ trước đến nay, các giáo đã nói về Sự Lý cho đến Quyền Thật, thì đều là Tích cả (đã là Tích thì liền là Tích Môn và các Giáo Tích thì nay liền là Bản. Nay đã là Bản thì liền là Bản Môn. Bản Môn đã có từ trước nên gọi là “Đã qua”, Từ phẩm Dũng Xuất trở đi mới gọi là “hiện nay”).

Nay kinh nói các Sự Lý sâu xa cho đến quyền Thực thì đều gọi là Bản (giải thích Bản Tích). Không phải cái Bản lâu xa nay đã nói thì cũng không do đâu mà hiện ra cái Tích đã nói. Nếu không có cái Tích đã nói thì đâu thể hiển được cái Bản hiện nay, dù Bản Tích khác nhau nhưng đồng nhất khó nghĩ bàn (Bản Tích có tướng hiện thì Lý dung). Văn Kinh nói: Phật pháp đã lâu sau, cần nên nói Chân thực (trích văn để dẫn chứng).

Cái Bản đầu tiên thì chỉ là Bản mà không phải là Tích (cái thật đầu tiên đã thành nhưng chưa hiện ra Tích cho nên thuộc về Bản). Cái đã nói sau cũng thì chỉ là Tích mà không phải Bản (cái Tích Môn đã nói là lúc Bản chưa hiển bày cho nên chỉ thuộc về Tích). Ở khoảng giữa thì cũng Tích cũng Bản (vì khoảng giữa đối nhau nên cùng làm Bản Tích cho nhau. Lại ở khoảng giữa mà hiện Tích thì gọi là “Cũng Tích”, khi Bản hiển bày thì gọi là “Cũng Bản”). Nếu không có cái Bản lúc là Bản thì không thể hiện ra cái Tích của khoảng giữa sau cùng. Nếu không có cái Tích đã nói thì (nêu cái Tích môn ngày nay) thì không thể hiển được cái Bản nay đang nói (Bản môn ngày nay) dầu là Bản Tích khác nhau nhưng đồng nhất khó nghĩ bàn (từ trước đến đây đều là văn nhắc

lại sáu thứ Bản Tích).

Nếu chấp tích là Bản thì người này không hiểu Tích cũng không biết Bản. Có nơi bảo rằng: Văn-thù, Quan Âm và Điều-đạt thì hoặc gọi là thầy hoặc gọi là đệ tử. Kẻ mê lầm chưa hiểu, hoặc chối bỏ khoảng giữa thì không thứ nào không phải là Tích, do đó mà có thể hiểu rõ được Bản Tích. Nếu chấp tích mà nghi Bản thì cả hai nghĩa đều lỗi (văn của Sa Huyền).

Bản đồ sáu lớp Bản Tích:

Lý Sự: Quán tất cả pháp không đúng như thật tướng (Lý), chỉ vì nhân duyên mới có từ điên đảo sinh ra cho nên nói thế (Sự), Tích của phẩm An Lạc Hạnh.

Lý Giáo: Pháp ấy không thể chỉ bày, tướng nói năng đều vắng lặng (Lý). Vì sức phương tiện nên có việc nói pháp cho năm vị Tỳ-kheo (Giáo), Phương Tiện Phẩm Tích.

Giáo Hạnh: Các pháp xưa nay vốn tướng vắng lặng (Giáo). Phật tử hành đạo rồi tương lai sẽ thành Phật (Hạnh), Phương Tiện Phẩm Tích.

Thể Dụng: Ta thành Phật đến nay rất lâu xa (Thể). Chỉ vì phương tiện giáo hóa chúng sinh (Dụng), Thọ Lượng Phẩm Bản.

Thật Quyền: Đó là Ta phương tiện, chư Phật đều cũng thế (Quyền). Nay nói với các ông Sự thật rất rốt ráo (Thực), Dược Thảo Dự Bản.

Đã qua hiện nay: Các Phật pháp lâu sau (đã qua). Cần phải nói chân thực (hiện nay), Phương Tiện Phẩm Bản.

****

Thích Thiêm nói rằng: Đã qua tức là Tích, là chỉ cho Tích Môn, là các Giáo Tích. Còn hiện nay là Bản, là chỉ cho Bản Môn, Bản môn đã có trước nên gọi là đã qua. Từ phẩm Dũng Xuất về sau mới gọi là Hiện nay. Cho nên nói rằng: Sự Lý đã nói, cho đến Quyền Thực thì gọi là Tích Sự Lý hiện nói cho đến quyền thực thì gọi là Bản, cho nên biết hoặc không có Tích trong Sự Lý, cho đến Quyền thực thì làm sao có thể hiển bày được cái Bản lâu xa. Lại nói “đã qua và hiện nay” tuy là khác năm thứ trước, nhưng cũng là một thứ đã qua chỉ về thọ lượng gọi là “Bản hiện nay.” Nếu so với “Bản xưa” thì phải giản lược bớt đi cái “đã qua và hiện nay” không giống nhau đáo.

Từ hội Pháp hoa trở về trước, các kinh đã qua hay hiện nay đều thuộc về Tích, còn Kinh hiện nay nói ra là nói thẳng về Bản lâu xa, tức là đã nói cái đã qua và hiện nay làm Tích. Nay nói cái đã qua và hiện nay làm Bản thì mới là nói thực. Sở dĩ phải trích văn dẫn chứng

sáu môn, ba thứ trước cho Tích, ba thứ sau cho Bản là sao? Song ba thứ trước lại chung cả Bản và Tích, đều có Sự Lý cho đến Giáo Hạnh, Thể Dụng... ba thứ. Nhưng trong chung lại có riêng. Đã nói rằng Bản Dụng Bản Quyền, không phải là văn của Tích có thể hiển bày được. Huống lại lấy Bản Môn làm hiện nay, rõ ràng không thể dẫn Tích. Vì cái nghĩa ấy nên ba lần dẫn văn cho Tích, ba lần dẫn văn cho Bản. Vả lại với ba đoạn văn trước chỉ nói về Nhân. Vì Nhân của Bản quá hẹp, nhưng vì lấy Tích làm lệ cho Bản cho nên chỉ dẫn Tích Môn.

Độc Giáo Ký nói rằng: Sáu lớp Bản Tích chỉ có một lớp Thể Dụng là dẫn văn Bản Tích, còn năm thứ kia đều là Tích. Thích Thiêm nói rằng: ba thứ trước là dẫn Tích, ba thứ sau là dẫn Bản. Đây là do Độc Giáo Ký điểm văn theo huyền ý. Thực Quyền đã qua và hiện nay là chỉ cho Văn Tích làm Bản môn vậy. Cho nên nói rằng: “Nay nói cái đã qua và hiện nay làm Bản thì mới là Thật nói.” Song ba đoạn văn trước không chỉ cho Bản là sao? Đáp rằng: ba đoạn trước là chung, chỉ lấy Tích mà nêu lên Bản. Còn ba đoạn sau là trong chung lại có riêng, cho nên cần phải chỉ Tích là Bản. Nên đọc kỷ hai chữ “Chung, riêng”, hai thứ này ở đây rất nhiều.

Như câu văn nói về Bản Tích thì đầu tiên dẫn phẩm Thọ Lượng nói rằng: “Ta thành Phật đến nay rất lâu xa.” Và phẩm Phương Tiện nói: “Ta vốn đã lập thệ nguyện khắp khiến tất cả chúng sinh đồng chứng được đạo này.” Lại trong phẩm Ngũ Bách Thọ Ký thì nói: “Bên trong giấu kín hạnh Bồ-tát, bên ngoài hiện làm Thanh văn.” Kinh Diệu Lạc giải thích rằng: Đầu tiên đúng là dẫn văn Bản, Kế đến là phương tiện, sau là dẫn văn Tích. Vì trong Tích đã ngầm chỉ cái ý của Bản. Nếu nói trắng ra thì là Bản Tích ở trong Tích. Đoạn văn dưới đã hiển bày rồi thì được dẫn dùng.

Lề Diệu Lạc lại giải thích về mười đôi Quyền Thật của phẩm Phương Tiện rằng: Trong tám đôi này thì bảy đôi trước thuộc về Tích môn, cò đôi thứ tám thuộc về Bản môn. Bản tuy chưa đến nhưng Lý Quyền thực biến khắp. Cho nên đoạn văn dưới nói rằng: “Ấy là Ta phương tiện, chư Phật cũng thế.” Cho nên tên Phương tiện thông chung cả Bản Tích. Văn ấy mầu nhiệm giải thích không giống nhau. Nay các nhà cùng thương lượng rằng: hoặc ba đoạn văn trước là từ Bản mà hiện ra Tích, còn ba đoạn văn sau là phát khởi Tích thì hiển bày Bản. Cho nên nói là ba lần dẫn văn Tích. Hoặc nói ba đoạn văn trước là nhân làm Tích, ba đoạn văn sau là quả làm Bản. Hoặc bảo là nói trọn ý lớn không phân biệt văn Bản hay Tích. Hoặc cho rằng riêng hàm chứa ý của Bản.

Cho nên nói là ba lần dẫn văn Bản.

Quan Âm Biệt Hạnh Huyền Ký nói rằng: Như về Lý Sự, Lý Giáo, Giáo Hạnh, Thể Dụng, bốn lớp Bản Tích ấy không chỉ riêng kinh hiện nay mà, các bộ đều có. Nếu các kiếp nhiều như bụi trần từ trước đã thành Phật mà lấy làm Thật Bản, thì trong khoảng giữa ngày nay thị hiện việc thành Phật đều gọi là Quyền Tích. Đây gọi là Bản Tích Quyền Thật. Bản môn đã mở xong thì thân này tức là Bản Tích môn đã nói và các Bộ nói đến đều gọi là Tích. Đó gọi là Bản Tích "đã qua và hiện nay." Hai lớp này thì các kinh đều dứt hết nghị luận. Cho nên nói là: "Các giáo không nói nên Pháp Hoa mới nói."

Trong Bồ-tát Địa Dũng Phẩm có nói: Phật bảo các Bồ-tát rằng: "Thế giới Ta-bà này có sáu vạn hằng hà sa Bồ-tát, mỗi Bồ-tát lại có sáu vạn hằng hà sa quyến thuộc, sau khi ta diệt độ rồi thì họ sẽ giữ gìn, đọc tụng rộng nói kinh này. Lúc đó thế giới Ta-bà này đất đai rung động mạnh và có vô lượng Bồ-tát đồng thời xuất hiện, nghe tiếng Phật nói liền từ dưới đất vọt lên, bay thẳng đến tháp màu bảy báu trên hư không rồi hướng về hai Đức Thế Tôn mà lạy dưới chân Phật." Bấy giờ, Đức Di-lặc và đại chúng muốn hết nghi liền đọc kệ hỏi Đức Phật rằng:

Đại chúng các Bồ-tát
Từ đâu mà đến đây?
Từ ai phát tâm đầu
Tu tập Phật đạo nào?
Con ở giữa chúng đây
Chưa từng biết một ai
Bỗng từ đất vọt lên
Xin nói nhân duyên ấy.

Đức Phật bảo Di-lặc rằng: "Các Bồ-tát ấy, khi ta chứng quả Bồ-đề xong đã giáo hóa khiến họ phát đạo tâm." (tóm mở gần để bày xa, động chấp nên sinh nghi). Khi đó ngài Di-lặc... tâm sinh nghi ngờ bạch Phật rằng: Đức Như Lai chứng quả A-nậu Bồ-đề mới hơn bốn mươi năm, vì sao trong thời gian ngắn lại làm được Phật sự lớn (ban đầu nghi mới thành Phật gần đây mà giáo hóa được nhiều, đây là chấp gần mà nghi xa). Chúng Bồ-tát này rất đông, giả sử có người đếm hoài suốt ngàn vạn ức kiếp cũng không hết được, vì họ đã từ lâu xa luôn tu phạm hạnh (Kế đếnđó nghi số chúng được giáo hóa đông và có hạnh vị thâm diệu. Đây là mà nghi gần).

Trong phẩm Thọ Lượng, Phật bảo đại chúng rằng: Các Thiên nhân A-tu-la trong tất cả thế gian đều cho rằng ta ra khỏi cung thành

họ Thích và cách Già-da không bao xa đã ngồi ở đạo tràng mà chứng được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề (rộng mở gần để hiển xa, dứt nghi sinh tin). Song ta thật đã thành Phật từ vô lượng, vô biên trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp (phá gần hiểu xa). Ta thường ở tại thế giới Ta-bà này nói pháp giáo hóa và cũng ở khắp vô số nước khác mà dắt dẫn lợi ích chúng sinh (Diệu Huyền nói rằng: Quả sơ chứng thì gọi là bản quả, Ta-bà của Diệu Bản tức là Diệu của Bản Độ. Văn Cú nói: Trên đã dẫn việc ở rất lâu tại nơi nào, cho nên nói là ở tại cõi này và các nước khác làm Phật sự). Đó là khoảng mà ta nói Đức Phật Nhiên Đăng... Lại nói việc nhập Niết-bàn đều dùng phương tiện để phân biệt (Kinh Văn Cú nói rằng: Quét Nghi trên chấp Tích - Giáo xưa đã nói: chỗ tu nhân, chỗ chỗ được thọ ký, tức là nghi về quả. Nay bỏ cái nghi này nếu chỉ cho Phật Nhiên Đăng thì liền bỏ được nghi về Nhân, còn nói nhập Niết-bàn liền bỏ được nghi về quả như Nhân quả này thì không phải là duy nhất, đều là do ta phương tiện chứ không phải thật nói vậy. Diệu Lạc nói rằng: Đó là Bồ-tát Thích-ca nhập diệt, không được nói là Phật Nhiên Đăng Niết-bàn, cũng không phải là Thích-ca, vì lúc đó ở đời Phật Nhiên Đăng đã từng thành Phật mà nhập Niết-bàn. Vì không thể có hai Đức Phật hiện ra đời cùng một lúc. Thế nên chỉ lấy việc được thọ ký, truyền giáo và mạng chung làm quả). Nếu có chúng sinh nào đến chỗ ta, thì ta sẽ dùng Phật nhãn nhìn xem các căn tín... của họ lợi hay độn rồi tùy cơ mà hóa độ. Chỗ chỗ đều tự nói danh tự không đồng nhau, tuổi tác có lớn nhỏ (không phải sinh mà hiện ra sinh) cũng lại hiện nói sẽ nhập Niết-bàn (không phải diệt mà hiện ra diệt, đây là lấy hình mà làm lợi ích chúng sinh), lại dùng mọi thứ phương tiện để nói pháp vi diệu (đây là dùng tiếng để lợi ích chúng sinh). Như Lai thấy các chúng sinh ham thích tiểu pháp, đức mỏng, tội nhiều, hãy nói cho người ấy biết rằng: Ta thuở nhỏ xuất gia, chứng được quả A-nậu Bồ-đề (hiện sinh) song thật ra ta thành Phật đến nay rất là lâu xa, nay chỉ vì phương tiện giáo hóa chúng sinh khiến họ đều vào Phật đạo nên nói như thế (không phải sinh kinh Diệu Lạc nói: Thọ lượng sâu xa nhiều gấp bội bụi vi trần, khoảng giữa bị dẹp bỏ, Già-da không phải thực. Đây là luận thân chân thực để nói về cái Bản xa).

Phẩm Học Vô Học nói: Đức Phật bảo rằng: Ta cùng A-nan đồng ở chỗ Phật Không Vương, cùng lúc phát tâm Bồ-đề. A-nan thường ham học nhiều, còn ta thì luôn siêng năng tinh tấn. Thế nên ta được thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề mà A-nan thì hộ trì pháp của ta (kinh Văn Cú nói: Xưa cùng ta đồng phát đại tâm, tức là đồng học. Do ta

tinh tấn nên được thành Phật trước, do ông ta học nhiều mà vẫn còn trì kinh).

Phẩm Thường Bất Khinh nói: Thời rất xưa có Đức Phật tên là Oai Âm Vương. Sau khi ngài diệt độ thì lại có Đức Phật khác ra đời cũng hiệu là Oai Âm Vương, cứ như thế mà có đến hai vạn ức Phật đều đồng một hiệu. Đức Như Lai Oai Âm Vương đầu tiên có một vị Tỳ-kheo tên là Thường Bất Khinh. Phàm khi gặp Bốnchúng thì ông đều lễ bái khen ngợi nói rằng: Tôi không dám khinh thường quý vị, quý vị đều sẽ thành Phật. Trong bốn chúng có người giận dữ lớn tiếng mắng chửi rằng: "Chúng ta không cần những lời thọ ký dối trá đó." Trải qua nhiều năm nhiều người đã dùng gậy cây ngói đá mà đánh đuổi đi. Ông chạy ra xa vẫn còn lớn tiếng nói rằng: "Tôi không dám khinh thường quý vị, quý vị đều sẽ thành Phật." Do ông thường nói câu đó nên bốn chúng Tăng Thượng Mạn gọi ông là Thường Bất Khinh.

Vị Tỳ-kheo này lúc sắp lâm chung, nghe trên hư không có tiếng Đức Phật Oai Âm Vương trước hết nói kinh Pháp Hoa liền được sáu căn thanh tịnh lại tăng thêm tuổi thọ, rộng vì người nói pháp. Bấy giờ nhóm bốnchúng Tăng Thượng Mạn đã đặt tên ngài là Thường Bất Khinh thấy ngài đã có đại thần thông thì đều tin phục theo về. Vị Bồ-tát này ngài lại hóa độ cho cả ngàn vạn ức chúng khiến họ trụ vào Bồ-đề. Sau khi mạng chung sẽ được gặp hai ngàn ức Phật đều cùng hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh. Ở trong pháp ấy mà nói kinh Pháp Hoa. Lại gặp được hai ngàn ức Phật, cùng hiệu là Vân Tự Tại Đăng Vương, vì chúng mà nói kinh này. Sau đó lại gặp được một ngàn ức Phật cũng nói kinh ấy. Khi công đức thành tựu sẽ thành Phật. Thường Bất Khinh lúc đó chính là ta đây (kinh Văn Cú nói: Thích-ca ra đời do dự không nói, còn Thường Bất Khinh một khi thấy mặt thì vội vàng nói ngay, là tại sao? Đáp: Vì Bản đã thiện thì Thích-ca lấy pháp Tiểu thừa mà hộ trì, còn Bản chưa thiện thì Thường Bất Khinh lấy Đại pháp mà cưỡng độc).

Trong phẩm Đạt-đa, Phật nói rằng: Ta ở trong vô lượng kiếp quá khứ, cầu kinh Pháp Hoa không hề lười mỏi. Trong nhiều kiếp ta thường làm quốc vương đã phát nguyện cầu đạo Vô thượng Bồ-đề, vì muốn đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, siêng tu hạnh bố thí, không tiếc thân mạng quên cả ngôi vua, ủy thác cho Đông cung Thái tử, tuyên bố mình đi cầu pháp. Lúc đó có vị Tiên nhân A-tư đến thưa với vua rằng: Ta có kinh Đại thừa tên là Diệu Pháp Hoa, nếu vua làm theo ý ta, ta sẽ nói cho vua nghe. Vua nghe xong vui mừng hớn hở liền theo Tiên nhân cung phụng đủ mọ thứ cần thiết như hái quả, xách nước, lượm củi nấu ăn cho đến

dùng thân làm giường ghế, mà thân tâm không hề mỏi mệt. Khắp vì tất cả chúng sinh cần cầu đại pháp và cuối cùng thì được thành Phật. Vị vua lúc đó chính là ta đây, còn vị Tiên nhân lúc đó chính là Đề-bà-đạt-đa vậy. Do Đề-bà-đạt-đa làm Thiện tri thức mà khiến ta được đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật.

Trong phẩm Hóa Thành Dụ, Đức Phật nói rằng: Ở thời quá khứ có Đức Phật tên là Đại Thông Trí Thắng. Từ khi ngài diệt độ đến nay trải vô lượng, vô biên trăm ngàn ức a-tăng-kỳ kiếp. Ta đã dùng sức tri kiến Như Lai mà quán sát thấy các việc đã lâu xa, rõ ràng như mới ngày hôm nay. Khi vị Phật ấy chưa xuất gia có mười sáu người con. Khi nghe cha mình chứng đạo Bồ-đề thì họ đến chỗ Phật xin chuyển pháp luân để được xuất gia mà làm Sa-di từ bé. Khi ấy Đức Phật nhận lời và qua hai vạn kiếp sau ngài nói pháp Đại thừa ấy tên là Diệu Pháp Liên Hoa suốt tám ngàn kiếp. Rồi nhập định trong suốt tám vạn bốn ngàn kiếp. Khi đó mười sáu vị Sa-di đều ngồi pháp tòa cũng trong tám vạn bốn ngàn kiếp. Vì bốn bộ chúng mà rộng nói kinh Pháp Hoa. Mỗi mỗi vị đều hóa độ được sáu trăm vạn ức na-do-tha hằng hà sa chúng sinh khiến họ đều phát tâm Bồ-đề (xưa cùng nói pháp để kết duyên). Mỗi vị Bồ-tát cùng các chúng sinh được giáo hóa ấy đời đời sinh ra đều gặp và nghe pháp với các Bồ-tát ấy mà được tín giải (trong khoảng giữa thường gặp nhau). Cả mười sáu vị Sa-di ấy nay đều chứng đạo Bồ-đề và hiện đang thuyết pháp khắp ở mười phương quốc độ, một vị tên là A-di-đà... Người con thứ mười sáu chính là ta, Phật Thích-ca Mâu-ni (kết thầy xưa và nay). Khi chúng ta làm Sa-di thì ai nấy đều giáo hóa vô lượng chúng sinh. Những người nghe ta nói pháp là bậc A-nậu Bồ-đề (gặp các đệ tử xưa nay, một là gặp các đệ tử hiện tại. Chương này trước nói về bậc Bất thoái trụ Bồ-đề). Các chúng sinh có người hiện nay đang ở bậc Thanh văn, ta luôn giáo hóa họ về A-nậu Bồ-đề, vì pháp ấy khiến lần lần nhập vào Phật đạo (Kế đến nói về bậc Thoái chuyển hiện đang ở hàng Thanh văn). Bởi vì sao, là vì trí tuệ của Như Lai rất khó tin khó hiểu (giải thích ý thoái chuyển). Số vô lượng chúng sinh được giáo hóa đó chính là các ông Tỳ-kheo hiện nay (chánh kết xưa nay) và sau khi ta diệt độ thì đó là các đệ tử Thanh văn ở vị lai. (Kế đến gặp các đệ tử ở vị lai. Diệu Huyền nói rằng mười sáu vị Vương tử hoằng kinh để kết duyên đều là ở trong khoảng giữa mà tạo nhân Phi Bản. Từ đây trở về trước những kẻ hành đạo thì gọi là Bản, tức là diệu nhân của Bản vậy).

Trước đây ta đã tám ngàn lần đến ở thế giới Ta-bà này mà ngồi tòa Kim cang Hoa quang vương (Phạm Võng Kinh).

(Từ trên là Đại cơ nói rõ về văn Bản Tích).

Thụy Ứng nói: Phật bảo rằng: Ta nhớ đời trước của ta cách nay vô số kiếp vốn là một kẻ phàm phu từ xa xưa vì cầu Phật đạo đến nay đã chịu khổ trong năm đường sinh tử vô lượng, nếu kể thân cũ của ta thì không thể nào đếm hết được.

Kinh Bồ-tát Bản Hạnh nói: Ta đã ở chỗ vô lượng, vô biên các Đức Phật mà gieo trồng các thiện căn, làm Chuyển luân Thánh vương, gặp vô lượng Đức Phật. Đầu tiên gặp được ba mươi ức Phật cùng tên là Thích-ca (trong a-tăng-kỳ đầu tiên vị Phật này là trước nhất nên gọi là "Đầu tiên". Trong Đại Luận kể rằng: Như Lai đời trước là một người thợ ngói tên là Đại Quang Minh. Khi đó có Đức Phật hiệu là Thích-ca Văn cùng đầy đủ các đệ tử đến nhà ông thợ ngói nghỉ tạm qua đêm. Ông thợ ngói kính dâng tòa cỏ, đèn sáng và nước mật, nhân đó phát nguyện rằng: Ở tương lai con sẽ được làm Phật và có tên như Phật đương thời).

Diệu Huyền nói rằng: Nhân của Tích có nhiều thứ. Hoặc nói: Xưa là ông thợ đồ gốm gặp Đức Phật Thích-ca thuở trước dâng ba thứ cúng dường phát nguyện được thọ ký tên chữ đều giống như Phật trước. Đó là phát tâm trong tăng-kỳ thứ nhất, không sáng suốt đoạn hoặc nên biết là che lấp cái tướng hạnh nhân của phật. Hoặc nói xưa là người gặp Đức Phật Nhiên Đăng, kính rải năm thứ hoa, trải tóc che bùn, phóng thân lên hư không mà được Vô sinh nhẫn được Phật thọ ký cho, có hiệu là Thích-ca Văn. Bảo rằng đã đoạn hoặc cho nên biết thấu Tướng hạnh nhân của Phật Hoặc nói xưa là Phạm chí Bảo Hải, ở chỗ Đức Phật Bảo Tạng trong nước San-đề-lam mà tu hạnh đại tinh tấn, đem hoa cúng dường khắp mười phương Phật, chính là cha của Phật Bảo Tạng, lại là thầy của Phật Di-đà. Kể về công đức của ngài thì không thể nghĩ bàn, nên biết đó là từng trường hợp làm tròn đầy tướng hạnh nhân của phật.

Kế đến gặp tám ức Đức Phật cùng tên Nhiên Đăng. Kế đến gặp ba ức Đức Phật cùng tên là Phất-sa. Kế đếnđến gặp chín vạn Đức Phật cùng tên là Ca-diếp. Kế đến gặp sáu vạn Đức Phật cùng tên là Đăng Minh. Kế đến gặp một vạn tám ngàn Đức Phật cùng tên Ta-la Vương. Kế đến gặp một vạn bảy ngàn Đức Phật cùng tên Độ Bỉ Ngạn. Kế đến gặp một vạn năm ngàn Đức Phật cùng tên Nhật Phật. Kế đến gặp hai ngàn Đức Phật cùng tên là Kiều-trần-như. Kế đến gặp sáu ngàn Đức Phật cùng tên Long Phật. Kế gặp một ngàn Đức Phật cùng tên Tử Tràng. Kế đến gặp năm trăm Đức Phật cùng tên Liên Hoa Thượng. Kế đến gặp sáu mươi bốn Đức Phật cùng tên Loa Kế đến (Luận Câu-xá gọi là Kế-

na Thi-khí, Hán dịch là Bảo Kế đến tức là kinh Loa Kế đến này vậy. Phiên Dịch Danh Nghĩa nói rằng: Phật ta gặp Phật này vào cuối tăng-kỳ đầu, cùng với đức phật thứ hai trong bảy Đức Phật là Thi-khí, cách hai tăng-kỳ). Kế đến gặp một Đức Phật tên là Chánh Hạnh (Phật này ở đầu Tăng-kỳ thứ hai). Kế đến gặp tám vạn tám ngàn Bích-chi-phật. Kế đến gặp một Đức Phật tên là Thiện Tư. Lúc đó ngài Di-lặc làm Chuyển luân Thánh vương tên là Tỳ-lô-giá-na, ở chỗ Đức Phật ấy mà phát tâm đầu tiên bốn mươi kiếp trước. Kế đến gặp một Đức Phật tên là Thị Hải Tràng. Lúc đó ta làm Chuyển luân Thánh vương tên là Lao Cung ở chỗ Đức Phật ấy mà phát tâm Bồ-đề nguyện ở vị lai sẽ thành quả Phật mà giáo hóa chúng sinh (ở chỗ Phật Không Vương, cùng với A-nan phát tâm đầu tiên. Ở chỗ Phật Thích-ca xưa lúc làm thợ ngói mà phát tâm. Nay gặp Phật Hải Tràng, lúc đó làm Thánh vương Lao Cung mà phát tâm... Đây đều là Như Lai phương tiện nói ra). Kế đến vô lượng kiếp gặp vô lượng Đức Phật như Phật Đế Thích Tràng... Kế đến gặp một Đức Phật tên là Nhiên Đăng (cuối tăng-kỳ ba thì gặp Phật này). Ta là Nho Đồng dùng hoa sen xanh đem cúng dường đức Phật ấy và ta được thọ ký rằng hơn a-tăng-kỳ kiếp sẽ được làm Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni (đây là theo nhân địa phát nguyện của người thợ ngói mà trao cho tên hiệu. Từ đây trở đi các Phật thọ ký nhau đều đồng một tên ấy. Kinh Kim Cang nói: Ta ở trước Phật Nhiên Đăng đã được gặp tám trăm bốn mươi vạn ức na-do-tha Phật, ta đều cúng dường hầu hạ không hề bỏ qua. Kinh Pháp Hoa nói: Trong khoảng ta nói Đức Phật Nhiên Đăng... ấy là đều vì phương tiện mà phân biệt).

Lúc đó Đức Phật Nhiên Đăng sống được tám trăm bốn mươi vạn ức tuổi. Khi Đức Phật ấy diệt độ thì ta lên làm Bốn Thiên vương và xuống làm Chuyển luân vương (đây là ba Luân ngân luân...) cho đến lên làm Phạm vương xuống làm Thánh vương (đây là Kim luân) mỗi thứ đều ba mươi sáu lần (Đây là luận dọc là thân Bồ-tát thọ báo) và tùy theo sự biến hóa mà tùy lúc hiện ra đời. Hoặc làm hàng Nho lâm như quốc vương, đạo sĩ... không thể ghi chép, kể tính hết được (đây là luận ngang thân Bồ-tát biến hóa không phải một). Sau đó gặp lại Đức Phật Thắng Nhất Thiết, sống lâu đến tám vạn ức tuổi. Phật ấy thọ ký cho ta hơn mười ức kiếp nữa sẽ được làm Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni (Phật này ở đầu tăng-kỳ thứ ba). Kế đến gặp Đức Phật Liên Hoa Thượng sống đến tám vạn tuổi. Phật ấy thọ ký cho ta hơn mười vạn kiếp nữa sẽ được làm Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni (từ đây trở đi những ai được làm Phật đều có tên là Thích-ca Mâu-ni).

Kế đến gặp Phật Tối Thượng Hạnh sống đến bảy vạn tuổi, Phật ấy thọ ký cho ta hơn một ngàn kiếp nữa sẽ được làm Phật. Kế đến gặp Đức Phật Thượng Danh Xưng, sống đến bảy vạn tuổi. Phật ấy thọ ký cho ta hơn năm trăm kiếp nữa sẽ được làm Phật. Kế đến về sau Đức gặp Phật Cổ Thích-ca, sống đến tám vạn tuổi. Phật ấy thọ ký cho ta hơn một trăm kiếp nữa sẽ được làm Phật (xét Cổ Phật Thích-ca là ở đầu tăng-kỳ thứ nhất, đều chỉ cho ba mươi ức Phật đầu tiên đồng tên. Đây là ở sau Đức Phật Nhiên Đăng nên không dùng chữ "Cổ", sợ e lấy Phật Thích-ca đời nay kể vào, nên phải gọi là "Cổ").

Kế đến gặp Đức Phật Đế-sa, sống lâu đến sáu vạn tuổi. Phật ấy thọ ký cho ta hơn chín mươi lăm kiếp sẽ được làm Phật. Kế đến gặp Đức Phật Phất-sa, sống đến sáu vạn tuổi. Lúc đó ta nhón một chân đọc bài kệ khen Phật rằng:

Trên trời, dưới đất không ai bằng Phật
Mười phương thế giới không ai bằng
Người trên thế gian con thấy hết
Tất cả không ai sánh bằng Phật.

Đức Phật ấy thọ ký cho ta qua chín mươi bốn kiếp sẽ được làm Phật. Đại Luận có nói: Dùng một bài kệ khen ngợi Phật Phất-sa suốt bảy ngày bảy đêm, vượt qua chín kiếp, ở kiếp chín mươi mốt sau đó được thành Bồ-đề. Các kinh phần lớn đều nói vượt chín kiếp chính là Phật Tỳ-bà-thi).

Kế đến gặp Phật Kiến Chân Nghĩa, sống bốn vạn tuổi, Phật ấy thọ ký cho ta qua chín mươi ba kiếp sẽ được làm Phật. Kế đến gặp Đức Phật Tỳ-bà-thi sống tám vạn tuổi, Phật ấy thọ ký cho ta qua chín mươi mốt kiếp sẽ được làm Phật. Kế đến gặp Đức Phật Thi-khí, sống bảy vạn tuổi. Phật ấy thọ ký cho ta qua ba mươi mốt kiếp sẽ được làm Phật. Kế đến gặp Đức Phật Tỳ-xá-phù, sống sáu vạn tuổi. Phật ấy thọ ký cho ta qua ba mươi kiếp sẽ được làm Phật.

Thuật rằng: Đời nói bảy Phật là căn cứ theo kinh Dược Vương có ngàn Phật ở kiếp Trang nghiêm thời quá khứ. Bắt đầu từ Phật Hoa Quang và cuối cùng là Phật Tỳ-xá-phù. Ở Hiền kiếp hiện tại thì bắt đầu là Phật Câu-lưu-tôn và cuối cùng là Phật Lâu-chí. Thế nên biết ba Phật từ Phật Tỳ-bà-thi đến Phật Tỳ-xá-phù đều ở trong kiếp Trang nghiêm thời quá khứ. Còn bốn Phật từ Câu-lưu-tôn đến Phật Thích-ca thì đều ở Hiền kiếp thời hiện tại. Bảy Phật đó trước sau nối tiếp nhau chỉ cách một kiếp. Các Kinh phần nhiều nói là Phật Tỳ-bà-thi ở kiếp chín mươi mốt còn hai vị Phật kia ở kiếp ba mươi mốt, cách nhau rất

xa. Hình như không ở trong kiếp Trang nghiêm. Song cuối tăng-kỳ thứ ba thì gặp ngay Đức Tỳ-bà-thi, từ một trăm kiếp này gieo trồng tướng tốt, thì chín mươi mốt kiếp nói trên là hợp, bởi trừ bớt chín kiếp vượt hơn do khen Phật trước đây vậy. Như hai nghĩa trên là do phương tiện phân biệt, nhưng e người dịch ở cõi này (Trung Quốc) các bộ khác nhau không đồng, này hãy đều còn, dùng để dẫn chứng cứ (Người duyệt nói rằng: Nếu bảo bảy Phật trước sau nối nhau chí cách một kiếp thì đúng là Phật Tỳ-bà-thi, được thọ ký là qua sáu kiếp sẽ được làm Phật. Cho đến Phật Ca-diếp được thọ ký là qua một kiếp sẽ được làm Phật. Sao lại bảo một trăm kiếp gieo trồng tướng tốt thì chín mươi mốt kiếp nói trên là hợp? Ở đoạn văn sau lại nói: Bốn Phật trên ở trong Hiền kiếp là kiếp giảm thứ chín nối nhau ra đời... đều trái với câu nói chỉ cách nhau một kiếp. Xem sẽ rõ.

Kế đến gặp Đức Phật Câu-lưu-tôn sống năm vạn tuổi, Phật ấy thọ ký cho ta ở đời vị lai sẽ được làm Phật. Kế đến gặp Đức Phật Câu-na-hàm Mâu-ni sống bốn vạn tuổi, Phật ấy thọ ký cho ta, ở đời vị lai sẽ được làm Phật. Kế đến gặp Đức Phật Ca-diếp sống hai vạn tuổi, Phật ấy thọ ký cho ta ở đời vị lai ông sẽ được làm Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni (bốn Phật trên ở trong Hiền kiếp, hai mươi kiếp Trụ vào kiếp giảm thứ chín nối nhau ra đời. Văn này chỉ chung cho đời vị lai). Như thế ta đã phụng sự chư Phật, tu học ý Phật. Khi đó ta sinh lên cung trời Đâu-suất, trụ vào bậc Nhất sinh bổ xứ (ở trên đều rút từ kinh Bản Hạnh. Kinh Niết-bàn nói cõi trời này hơn hết của Dục giới. Các bổ xứ Bồ-tát đều thị hiện sinh ở đấy để giáo hóa chúng sinh). Ta nay ra đời mạng người chỉ sống có một trăm tuổi, quá tuổi này thì ít, dưới tuổi này thì nhiều (theo kinh Trung A-hàm). Đáng lý Phật Thích-ca ra đời lúc mạng sống của người là một vạn tuổi nhưng vì quán sát chúng sinh không có căn cơ để hóa độ nên khi còn một trăm tuổi thấy khổ bức bách mà kiếp sắp hết nên mới ra đời (theo Đại Luận, từ trên đều là căn cơ Tiểu thừa nói văn Bản Tích).

Xét theo kinh Nhân Quả thấy rằng: Ở quá khứ cách vô số a-tăng-kỳ kiếp có vị Tiên nhân tên Thiện Tuệ (cả hai kinh Thụy Ứng và Bản Hạnh đều gọi là Nho Đồng). Lúc đó thái tử con vua Đăng Chiếu tên Phổ Quang (kinh Thụy Ứng gọi là Định Quang, các kinh Pháp Hoa Kim Cang, Bản Hạnh đều gọi là Nhiên Đăng) xin vua cha cho xuất gia và thành đạo Bồ-đề. Thiện Tuệ lúc đầu giảng luận Đạo Nghĩa cho năm trăm vị ngoại đạo, mọi người dâng lên tiền bạc. Sau đó ngài từ giã nhóm ngoại đạo rồi đến chỗ Phật Phổ Quang, định thiết lễ cúng dường

thì gặp một người hầu của Vương gia cầm bảy cành hoa sen xanh đi ngang qua. Ngài theo hỏi hoa này có bán chăng? Người hầu đáp: Sắp đem vào nội cung để dâng lên Đức Phật. Ngài Thiện Tuệ lấy năm trăm đồng tiền bạc nài lại năm cành hoa để cúng dường Phật. Người hầu đồng ý lại gởi hai cành hoa để cúng Phật cầu từ nay trở đi luôn được làm vợ ông. Lúc đó vua và các quan lễ Phật tung hoa nhưng tất cả hoa đều rơi xuống đất, chỉ có năm cành hoa của ngài Thiện Tuệ vẫn ở trên không trung và hóa thành đài hoa. Sau đó tung hai cành hoa thì trụ ở hai bên Đức Phật. Phật khen ngài Thiện Tuệ rằng: Qua a-tăng-kỳ kiếp ông sẽ được làm Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni (Kinh này và kinh Bản Hạnh đều nói là a-tăng-kỳ kiếp, còn kinh Thụy Ứng lại nói là chín mươi mốt kiếp, dài ngắn như thế không đồng tuy là phương tiện phân biệt. Song các kinh đều nói ngài Tỳ-bà-thi thọ ký chín mươi mốt kiếp là đúng. Vậy điều nói của kinh Thụy Ứng có thể tin). Ngài Thiện Tuệ thấy đất dơ ướt, lòng tự nghĩ rằng làm sao lại để bàn chân có giấu Thiên luân đạp lên đây mà qua được, liền cởi áo da nai trải trên đất nhưng không che hết mình, ngài liền xỏa tóc trải lên. Đức Như Lai đạp lên bước qua xong, nhân đó thọ ký rằng: Sau này ông làm Phật sẽ ở cõi ác thế ngũ trược mà độ hàng trời người. Lúc đó ngài Thiện Tuệ đọc kệ khen Đức Phật (Văn dài nên không có ghi), xin Phật được xuất gia. Đức Phật bảo: "Thiện lai, Tỳ-kheo!" thế là râu tóc tự rụng, mình mặc áo ca-sa liền thành Sa-môn. Ngài Thiện Tuệ sau khi mệnh chung liền sinh lên làm Bốn Thiên vương sinh xuống làm Chuyển luân vương. Cho đến sinh lên làm Phạm Thiên vương thứ bảy và sinh xuống làm Thánh vương mỗi thứ đều ba mươi sáu lần. Hoặc làm Tiên nhân, hoặc làm ngoại đạo, sáu sư, Bà-la-môn, Tiểu vương. Nơi nào cũng sống hết tuổi thọ, nhiều không thể kể xiết. Thiện Tuệ lúc đó chính là ta đây, còn người hầu kia là Gia-du-đà-la vậy. (Theo kinh Nhân Quả, kinh Thụy Ứng thì bảo là cô gái bán hoa tên Cù-di, gọi bằng tiếng đệ nhất phu nhân. Như Bản Kinh và kinh Pháp Hoa đều gọi là Gia-du là mẹ đẻ của La-hầu. Nay lấy nghĩa sau làm chính).

Bốn Giáo Nghi dẫn Đại Luận rằng: Khi Như Lai tu đạo Bồ-tát từ Đức Cổ Thích-ca cho đến Phật Thi-khí thì gặp được bảy vạn năm ngàn Đức Phật đó gọi là a-tăng-kỳ đầu. Ngài thường tu Sáu độ. Kế đến Phật Thi-khí đến Phật Nhiên Đăng thì gặp được bảy vạn sáu ngàn Phật gọi là a-tăng-kỳ thứ hai. Lúc đó ngài cúng dường bảy cành hoa sen, trải tóc che sình và được thọ ký hiệu Thích-ca Văn. Kế đến từ Phật Nhiên Đăng đến Phật Tỳ-bà-thi thì gặp được bảy vạn bảy ngàn Phật gọi là

cuối a-tăng-kỳ thứ ba. Trải qua thời gian như đã kể, ngài tu hạnh Sáu độ, lại trụ một trăm kiếp gieo trồng nhân tướng tốt, tu trăm phước thành một tướng (xét kinh Ưu-bà-tắc Giới thì ta ở chỗ Phật Thích-ca đầu tiên mà phát tâm, ở thời Phật Ca-diếp trọn ba a-tăng-kỳ. Thiết nghĩ khi cuối a-tăng-kỳ thứ ba thì chính là ở thời Phật Tỳ-bà-thi. Nay nói Ca-diếp thì gồm cả một trăm kiếp gieo trồng tướng tốt mà nói vậy).

Lời thuật rằng: Trộm xét nghĩa Bản - Tích của Như Lai là do lấy việc đã qua và hiện nay mà so sánh, có xen lẫn cái Bản xa hay gần mà không thể dùng cái thấy của Cơ Đại hay Tiểu thừa để phân biệt. Nay cùng các Bộ bàn nói phần thô, còn Pháp Hoa triển khai phần Diệu. So sánh mà luận bàn thì cái thấy của Cơ Đại Tiểu Thừa không chấp nhận không xét đoán được. Như chỉ có tám Tướng nhưng do cái thấy của cơ Đại Tiểu thừa mà có khác nhau.

Trình bày Thánh nguyên:

Lời tựa rằng: Nguồn gốc trước tiên của Như Lai bắt đầu từ bậc Đại nhân, ngài làm Chuyển luân ở cung vua, thứ lớp nối nhau. Xem xét các điển tích trình bày tóm tắt về nguồn gốc Thị tộc. Nhân đó nói rõ việc thực hiện ra đời của Đức Thế Tôn ta vốn sinh vào gia thế tôn quý nhiều đời làm Thánh vương.

Vào đầu Đại kiếp, khi thế giới mới thành thì các trời Quang âm hóa làm người... Họ họp nhau bàn thảo lập lên một người có oai đức để thưởng thiện phạt ác gọi là Bình Đẳng Vương mọi người đều phải cung phụng cấp dưỡng, do đó mà có tên là Dân chủ (theo kinh Trường A-hàm, cũng thấy trong Tam Thế Xuất Hưng Chí). Vua dân chủ đầu tiên hiệu là Đại Nhân. Vị vua thứ hai tên là Trân Bảo, vị vua thứ ba tên là Hảo Vị, vị vua thứ tư tên là Tĩnh tề Vua thứ năm tên là Đảnh Sinh, cho đến vua thứ ba mươi ba tên là Thiện Tư (theo Trường A-hàm, Bốn Phần Luật. Vị vua ba mươi ba này đều là con cháu nối nhau. Tên các vua thấy ghi đủ trong Bản Kinh).

Từ sau vua Thiện Tư thì có mười tộc Chuyển luân Thánh vương nối nhau ra đời.

Người thứ nhất là Chân Xà Vương tử Bà-diên-ca (Chân Xà tức là vua A-hàm Thiện Tư). Tộc này có năm Chuyển luân vương.

Tộc thứ hai là Đa-la Nghiệp có năm Chuyển luân vương.

Tộc thứ ba là A-ba-diệp, có bảy Chuyển luân vương.

Tộc thứ tư là Kiện-đà-lợi có tám Chuyển luân vương.

Tộc thứ năm là Ca-lăng-ca có chín Chuyển luân vương.

Tộc thứ sáu là Chiêm-ba có mười bốn Chuyển luân vương.

Tộc thứ bảy là Câu-la-bà có ba mươi mốt Chuyển luân vương.

Tộc thứ tám là Bát-xà-la, có ba mươi hai Chuyển luân vương.

Tộc thứ chín là Di-thi-lợi, có tám vạn bốn ngàn Chuyển luân vương (xét theo kinh Bản Hạnh vị vua sau cùng tức là Đại Mâu Thảo Vương Tiên vậy).

Tộc thứ mười là Ý-ma-di, có một trăm Chuyển luân vương (theo Lâu Thán Kinh, Di-sa-tắc gọi là Uất-ma; Trường A-hàm gọi là Ý-ma; BốnPhần Luật gọi là Ý-sư-ma, tức là Cam Giá vương là tổ tiên của Thiện Sinh vương. Lương Hựu Luật sư, Thích-ca Phã nói: Dòng họ Thích coi Ý-ma là tổ tiên).

Tên Thích-ca:

Lời tựa rằng: Người đời đều biết Đức Như Lai thuộc Thánh chủng Sát-đế-lợi, nhưng rốt cục vẫn không hiểu rõ ý nghĩa việc đặt tên hai chữ Cù-đàm và Thích-ca. Nên cần biết tiếng Cù-đàm có bốn nghĩa hoặc gọi Thuần Thục hay Tối Thắng. Đây là theo đức mà gọi tên, hoặc gọi Cam Giá hay Nhật Chủng. Đây là theo duyên mà gọi tên. Còn tiếng Thích-ca thì có ba ý. Nếu do đức mà đặt tên thì gọi là Năng Nhân. Nếu do chỗ mà đặt tên thì gọi là Xá-di hay Trực Lâm. Nhưng khởi đầu của Thích-ca thật ra là ở bốn đứa con của Cam Giá vương. Cam Giá là tiếng Phạm. Đã có chữ Cù-đàm thì tên Thích-ca cũng từ Cù-đàm mà ra. Trước là Cù-đàm sau là Thích-ca, tuy có hai tiếng nhưng thật ra là một họ. Người xưa lại dùng thêm ba tiếng Nhật Chủng, Cam Giá và Xá-di, tất cả là năm họ thì ngọn ngành lẫn lộn không biết đâu mà quyết đoán. Nay muốn luận đầy đủ để kẻ hậu học khỏi lầm.

Phàm "Tánh" (họ) là hệ thống để trăm đời khỏi cách biệt nhau. Về Thị là chỗ để phân biệt con cháu do đâu mà ra. Về tộc tánh, ở Ấn Độ có bốn dòng:

1. Sát-đế-lợi, tức dòng vua chúa.
2. Bà-la-môn, tức dòng tịnh hạnh.
3. Phệ-xa, tức là kẻ thương buôn (xưa đọc là Tỳ-xá).
4. Tuất-đà-la tức hàng thường dân (xưa đọc là Thủ-đà).

Bốn dòng này thì hai dòng trước sang, hai dòng sau hèn (Đây là rút từ Tây Vức ký) tùy lúc mà quý trọng. Đức Phật giáng sinh xuất thân từ dòng Thích-ca, vì thuộc đời cang cường nên phải sinh vào dòng vua để có uy quyền. Còn Ca-diếp gặp thời thuận trị nên chọn dòng Tịnh hạnh để nêu Đức hạnh (Đại Luận). Chuyện kể: Thuở xưa, cách a-tăng-kỳ kiếp

có vị Bồ-tát làm vua một nước, cha mẹ mất sớm, vua nhường ngôi cho em rồi theo Bà-la-môn Cù-đàm học đạo và nhận luôn họ Cù-đàm (Bản Kinh dịch là Thuần Thục, còn Ứng Pháp sư dịch chữ Cù-đàm tên là Tối Thắng. Đây đều là theo nghĩa của Đức Hạnh. Vì vua tu hạnh khất thực nên khi trở về nước thì không ai biết, họ gọi ngài là Tiểu Cù-đàm. Ngài lấy vườn Cam Giá ở ngoại thành làm tinh xá. Một hôm có kẻ trộm vặt của quan, chạy ngang qua vườn, quan quân đuổi theo giấu trộm bắt ngài. Nhà vua ra lệnh lấy gậy đâm xuyên mình ngài đến chết. Đại Cù-đàm thấy được khóc lóc thảm thiết đem tẩm liệm ngài vào quan tài, lại vắt lấy bùn máu vo thành cục, đem về để ở tinh xá, đặt hai cục bùn máu ở hai bên. Đại Cù-đàm nói: "Nếu Đạo sĩ này chí thành xin trời thần chứng giám khiến máu hóa thành người." Cách mười tháng sau quả nhiên cục bên trái hóa thành con trai, cục bên mặt hóa thành con gái. Nhân đó mà đặt họ của Cù-đàm là họ Thuần Thục (Theo kinh Thập Nhị Du).

Lại chuyện kể, ở quá khứ có vua Chuyển luân Thánh vương tên là Đại Tự Tại (tức là tộc Di Thi-lợi thứ chín) có con cháu nôi nhau được tám vạn bốn ngàn đời vua. Vị vua sau cùng tên là Đại Mâu Thảo, đã già mà không con. Bèn giao việc triều chính cho các quan đại thần rồi cạo tóc xuất gia, mọi người gọi là Vương Tiên. Các đệ tử lúc đó đều phải khất thực, Vương Tiên đã già nên không đi được, bèn lấy lồng cỏ treo khắp dưới cành cây để phòng cọp sói. Bỗng một thợ săn nhìn thấy cho là Bạch Điểu nên bắn chết. Máu chảy xuống đất, sau đó mọc lên hai cây Cam Giá. Mặt trời chiếu nóng khiến cây tách ra, một cây sinh ra người nam, còn cây kia sinh người nữ. Các đệ tử bảo hộ nuôi lớn hai trẻ, rồi đem chuyện báo lên các quan. Mọi người đều bảo là dòng vua, khiến thầy tướng bói quẻ, đặt tên là Thiện Sinh, xưng hiệu là Cam Giá vương. Người nữ tên là Thiện Hiền được lập làm Phi thứ nhất. Lại vì mặt trời chiếu nóng cây Cam Giá mà sinh ra nên cũng gọi là Nhật Chủng (Theo Bồ-tát Bản Hạnh).

Lời thuật rằng: Về Cù-đàm, một tên dịch là Cam Giá là căn cứ vào chuyện duyên hai gốc Cam Giá trong kinh Bản Hạnh; một tên dịch là Nê Thổ là lấy chuyện bùn máu của kinh Thập Nhị Du. Thế thì biết các kinh tiếng Phạm gọi Cù-đàm thì tiếng Hoa gọi là Cam Giá hay Nê Thổ. Hoa, Phạm gọi khác nhau thật ra chỉ có một nghĩa.

Bà phi thứ nhất của vua Cam Giá tên là Thiện Hiền sinh một người con tên là Trường Thọ, con bà phi thứ hai thì sinh được bốn người con trai, người thứ nhất tên là Cự Diên, người thứ hai tên là Kim Sắc, người thứ ba tên Tượng Chúng, người thứ tư tên là Biệt Thành (Theo

Bồ-tát Bản Hạnh).

Lời thuật rằng: Di-sa-tắc nói rằng: Người con thứ tư của vua Uất-ma là Ni-lâu, Bản Hạnh Kinh gọi là Ni-câu. Đây (Trung Quốc) dịch là Biệt Thành. Hựu Luật sư thì chỉ cho vua Ý-ma, là tổ tiên của họ Thích. Con thứ tư là Trang Nghiêm nối dõi vua Bạch Tịnh. Nam Sơn chỉ đó là Ý-ma, tức vị Luân vương thứ mười, cách Bồ-tát đến một trăm đời. Người con thứ tư là Trang Nghiêm tức người nối dõi là vua Bạch Tịnh. Tóm lại các thuyết ấy giống nhau. (Riêng việc nối dõi vua Trang Nghiêm thì có hai bản dịch không giống nhau, nhưng chỉ là một người là Ni-câu).

Lúc đó bà phi Thiện Hiền muốn lập Trường Thọ lên làm vua bèn tâu xin đuổi bốn người con kia ra khỏi nước, họ đến phía Bắc núi Tuyết sơn tự xây thành để ở. Không bao lâu nơi ấy đã sầm uất thành một cường quốc (theo kinh Bản Hạnh thì họ đến Tuyết sơn dựng nước, thành tên là Ca-tỳ-la, vua tên là Biệt Thành, xa gần đều khâm phục).

Về sau vua cha hối tiếc sai sứ đến triệu về, nhưng cả bốn con đều tạ lỗi không đi. Vua cha ba lần than rằng con ta là Thích-ca (đây dịch là Năng Nhân, theo kinh Bản Hạnh) tới núi Tuyết vào ở rừng Trực thọ nên có tên là Thích-ca (Hán gọi là Trực Lâm, theo kinh Trường A-hàm). Họ đến xây thành dựng nhà ở rừng Xá-di gần phía Bắc núi Tuyết, nhân đó gọi là nước Xá-di (theo Ngũ Phần Luật).

Lời thuật rằng: Xá-di là tên rừng, cũng lấy làm tên nước, lại lấy làm tên Thị Tộc. Trộm nghĩ Xá-di e dịch là Trực; tức Trực Lâm ở núi Tuyết đã nói trước. Diệu Huyền bảo Xá-di là một tộc tánh sang trọng ở Tây Vức. Đây chỉ căn cứ theo nghĩa, chưa thấy trích ra từ kinh nào.

Con của vua Biệt Thành là Câu-lô. Con của Câu-lô là Cù-câu-lô (theo Bồ-tát Bản Hạnh). Con thứ tư của vua ý-ma là Trang Nghiêm (tức Biệt Thành) Ý-ma có một trăm Luân vương, vị vua cuối cùng tên là Đại Thiện Sinh (xét theo BốnPhần Luật thì Ý-sư-ma lần lược có trăm vua. Sau đó có vua tên là Đại Thiện Sinh. Nam Sơn Thích-ca Phả nói rằng: Đại Thiện Sinh tức là Tổ bảy đời của Như Lai).

Từ sau một trăm Luân vương thì tổ sáu đời là vua Ô-bà-la, tổ năm đời là vua Lệ-bà-la, tổ bốn đời là vua Ni-cầu-la, tổ ba đời là vua Ni-phù-la, tổ hai đời (ông nội) là vua Sư Tử Giáp. Cha là vua Tịnh Phạn vương. Vua Sư Tử Giáp có bốn con:

1. Tịnh Phạn vương (các kinh hoặc gọi là Bạch Tịnh) có hai con, người anh là Thái tử Tất-đạt, em là Nan-đà.

2. Bạch Phạn vương, có hai con, anh là Điều-đạt (các kinh gọi là Đề-bà-đạt-đa, em là A-nan-đà).

3. Hộc Phạn vương có hai con, anh là Ma-ha-nam (hoặc là Thái tử Câu-lợi, là một trong năm Tỳ-kheo), em là A-na-luật (hoặc gọi là A-nâu-lâu-đà).

4. Cam Lộ Phạn vương, có hai con, anh là Bà-sa, em là Bạt-đề (là một trong năm Tỳ-kheo - Theo Trường A-hàm).

Từ sơ kiếp trở lại đây các con nối nhau làm Chuyển luân vương. Hai vua đời gần đây chỉ làm vua cõi Diêm-phù-đề (theo kinh Đại Phương Tiện. Nên biết hai vua Sư Tử Giáp và Tịnh Phạn riêng làm vua ở Nam Châu, chỉ là hàng Thiết luân vương).

Bát-xa-la-vương (tộc thứ tám này có ba mươi hai chuyển luân vương).

Bản đồ về thế hệ Chánh Thống của các Pháp vương:

Bình Đẳng Vương (Dân Chủ Bình Đẳng Vương, cũng gọi là Sát-đế-lợi, con cháu đích tôn nối nhau đến đời thứ ba mươi ba là vua Thiện Tư).

Thiện Tư Vương (Từ Bình Đẳng Vương đến đây là ba mươi ba đời. Sau đó có mười tộc).

Ba-diên-ca Vương (con vua Thiện Tư là Tộc thứ nhất có năm Chuyển luân vương).

Đa-la Nghiệp Vương (Tộc thứ hai này cũng có năm Chuyển luân vương).

A-ba-diệp Vương (Tộc thứ ba này có bảy Chuyển luân vương).

Kiện-đà-lợi Vương (Tộc thứ tư này có tám Chuyển luân vương).

Lăng-ca Vương (Tộc thứ năm này có chín Chuyển luân vương).

Chiêm-bà Vương (Tộc thứ sáu này có bốn Chuyển luân vương).

Câu-la-bà Vương (Tộc thứ bảy này có ba mươi mốt Chuyển luân vương).

Di-thi-lợi Vương (Tộc thứ chín này có tám vạn bốn ngàn Chuyển luân vương, một vua sau cùng tên là Đại Mâu Thả Vương cũng gọi là Vương Tiên, con là Ý-ma-di Vương).

Ý-ma-di Vương (Tộc thứ mười này có một trăm Chuyển luân vương. Ý-ma-di Vương cũng gọi là Cam Giá Vương. Dòng họ Thích nhận vua này là Thủy Tổ. Vua này có hai bà Phi. Bà Phi thứ nhất sinh ra con lớn tên là Trường Thọ Vương, bà Phi thứ hai sinh bốn con, người thứ nhất tên Cự Diện Vương, người thứ hai tên Kim Sắc Vương, người thứ ba tên Tương Chúng Vương, người thứ tư tên Biệt Thành Vương. Các vị trên đều là đời thứ hai).

Câu-lô Vương (đời thứ ba).

Cù-câu-lô Vương (đời thứ tư, dần dà truyền đến đời vua sau cùng thứ nhất trăm là Thiện Sinh Vương).

Thiện Sinh Vương (tổ bảy đời của Thái tử Tất-đạt).

Ô-bà-la Vương (tổ sáu đời của Thái tử Tất-đạt).

Lệ-bà-la Vương (tổ năm đời của Thái tử Tất-đạt).

Ni-cầu-la Vương (tổ bốn đời của Thái tử Tất-đạt).

Ni-phù-la Vương (tổ ba đời của Thái tử Tất-đạt).

Sư Tử Giáp Vương (tổ hai đời (ông nội), có bốn con).

Tịnh Phạn Vương (có hai con: Một là Thái tử Tất-đạt; hai là Nan-đà).

Bạch Phạn Vương (có hai con là Điều-đạt và A-nan).

Hộc Phạn Vương (có hai con là Ma-ha-nam và A-na-luật).

Cam Lộ Phạm Vương (có hai con là Bà-sa và Bạt-đề).

Trên đây là bốn vua sinh tám con.

Lời thuật rằng: Kinh Lâu Thán gọi Ý-ma có một trăm Luân vương. Kinh A-hàm và BốnPhần Luật đều nói vua sau cùng tên là Đại Thiện Sinh. Nói sau cùng tức là thứ một trăm vậy. Nam Sơn chỉ Đại Thiện Sinh là Tổ bảy đời của Phật đây là căn cứ theo Trường A-hàm. Từ Ô-bà-la Vương... sáu vua thì đến Thái tử là đời một trăm lẻ bảy. Nhưng lại nói: Cách Bồ-tát một trăm đời, vậy phải bỏ đi số bảy. Từ vua Dân Chủ đến vua Thiện Tư là ba mươi ba đời, con cháu nối nhau. Từ vua Ba-diên-ca mười Tộc trở xuống hoặc do các dòng thứ xen vào, hoặc do anh em thay nhau cai trị, phân làm mười dòng tất phải có nghĩa thân sơ sau trước. Song nhận mệnh trời làm vua thống lãnh bốn châu thì nguyên do được đạo vua đều giống. Kể chung về mười Tộc thì gồm có tám vạn bốn ngàn hai trăm mười một đời vua. Nếu kể cả ba mươi ba đời vua Dân Chủ trước, sáu đời Tổ Phụ và bản thân Thái tử nữa thì có tất cả là tám vạn bốn ngàn hai trăm năm mươi đời vua.

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 2

Phần 2: ĐÂU SUẤT GIÁNG THẦN

Lời tựa đầu: Ngài Bốn Minh Pháp sư nói rằng: Như Lai thuở xưa ở thời Phật Đại Thông đã giảng lại kinh Pháp Hoa, tạo nhân Nhất thừa cho vô biên chúng sinh.Nhưng do có nhiều người thoái chuyển Đại thừa ham thích năm trần, Như Lai rất thương xót sợ họ bị đọa vào khổ đạo nên dùng Tiểu thừa để cứu độ, hoặc nói ba thừa để dẫn dắt họ. Nếu các thứ Đại Tiểu thừa này đã thuần thục thì có thể ở ngay đời này mà ngộ nhập vào Phật Thừa. Thế nên Đức Như Lai vì một việc này mà ra đời. Nhưng vì cơ duyên có khác nhau, cho nên ở một đời giáo hóa mà phân ra năm thời, người có cơ duyên thì có thể vào thẳng thật tế (cũng có người vào thật tế lòng vòng nhưng cả hai loại đều chín cùng một lúc), Hoa Nghiêm và Pháp Hoa nói về Đốn Giáo nhưng lợi ích cả hai cơ Biệt - Viên. Vì cơ này từ xưa đã thấu được Thắng Tướng. Nếu trong khoảng đó tụ tập thâm sâu Tiểu thừa thì dù ở đời này nhập vào một Phật thừa nhưng vẫn thuần thục Tiểu thừa trước. Cho nên vì căn cơ này mà hóa hiện thân hèn kém, trước nói Tam tạng đủ các ý điều phục thuần thục. Lại đến thời Pháp Hoa mới triển khai Phật tuệ. Cơ này trước nay chỉ thấy thân kém cõi của Phật. Cho nên Sư Thiên thai nói: Với tiểu cơ thì hiện thân Phật Tam tạng để nói pháp. Với đại cơ thì hiện thân Phật Xá-na để nói pháp. Thế nên khi giáng thần vào thai mẹ là hiện cả hai tướng. Nhưng sau Hoa nghiêm Đốn giáo mới hóa độ Tiểu thừa. Ví như với kẻ cùng tử khi tìm gấp thì không đến mà nói từ từ thì mới chịu lại. Đốn trước tiệm sau nghĩa ấy đã thành. Nay kẻ nào chợt bảo: là Giáng thần vào thai mẹ liền hiện hai tướng. Thì Cần nên biết rằng các văn luận bàn thì Đốn trước Tiệm sau. Ấy bởi duyên hóa độ mà nói như thế. Nay lời nói này đều ứng hợp cả Đại Tiểu thừa, cùng hướng về Nhất thừa, mới thỏa đáng các cơ trước sau. Như phẩm Phương Tiện thật nghĩ rằng không có đại cơ nên có ý muốn dẹp việc hóa độ. Nhưng vì chư

Phật khuyến dụ nên mới mở ra pháp tiểu thừa Kế đếnđó mới nói rằng: Từ vô lượng kiếp đến nay ai khen ngợi pháp Niết-bàn sẽ dứt hẳn sinh tử, ta thường nói thế. Thế nên suy nghĩ về các cơ rồi sau mới nói Pháp Tiểu thừa. Những điều nói đây đều là nghi thức, không thể căn cứ vào đây để vấn nạn. Vì văn này xem khắp các cơ từ đầu đến cuối toàn là ý cứu độ muôn loài (và thọ ký cho). Nay xét điều luận bàn của hai Thánh thì tất biết Như Lai ra đời chỉ với tám tướng. Nếu từ cơ Đại thừa mà xét thì trước sau vẫn không thay đổi, không đâu không phải là Hoa Nghiêm. Còn từ cơ Tiểu thừa mà xét thì có đến Lộc uyển giáo hóa, các giáo pháp có thứ lớp trước sau, có chỗ gọi là Xá-na, có chỗ lại gọi là Thích-ca, một thể mà có hai tên ấy là do căn cơ không đồng. Vậy thì gặp cơ Đại Tiểu thừa mà nói ra có Đốn Tiệm. Cả năm thời thuyết giáo cùng hướng về Nhất thừa. Đây đều là Đức Như Lai tùy thuận theo cơ nghi khéo dùng phương tiện khiến nhập vào đạo Phật tuệ. Nay xin thuật lại.

Bồ-tát từ cung trời Đâu-suất khi sắp giáng thần thì có số bồ tát nhiều như vi trần của mười cõi phật cùng với Bồ-tát đồng nguyện đồng hành, cho đến các vị đều có đủ thần thông hạnh nguyện ngang hàng như ngài Phổ Hiền. Lại dùng thần thông hiện khắp cung trời Đâu-suất, trong mỗi mỗi cung điện đều hiện rõ hình ảnh thọ sinh ở cõi Diêm-phù-đề trong tất cả mười phương thế giới (theo kinh Hoa Nghiêm - Đây là tướng giáng Đâu-suất mà đại cơ thấy).

Gá thai mẹ

Lời tựa rằng: Đức Như Lai giáng thần vào thai mẹ, cả hai cách ứng hiện, nếu đại cơ thì thấy hiện trên Chiên-đàn lầu các, nếu tiểu cơ thì thấy là voi trắng sáu ngà. Nhưng đối với việc ứng Bản của Như Lai thì từ chưa hề có động, đây chỉ là tướng gá vào thai.

Bồ-tát từ cõi trời Đâu-suất ẩn rồi thì giáng sinh vào cung vua Tịnh Phạn ở nhân gian và hiện trên Chiên-đàn lầu các̉ vào thai của Ma-gia phu nhân (kinh Hoa Nghiêm). Từ cung trời Đâu-suất giáng sinh đều là Pháp thân quyến thuộc, như đám mây mờ vây quanh trăng sáng cùng giáng sinh vào thai mẹ. Trong thai rộng rãi như hư không, Bồ-tát vẫn luôn tuyên nói diệu pháp (theo Diệu Huyền, đây là tướng gá thai mà đại cơ thấy).

Ở trong thai mẹ

Lời tựa: Kinh Hoa Nghiêm nói rằng: Đức Như Lai ở trong thai mẹ hiện ra cung điện rộng lớn, lại hiện đủ các việc như ở cung trời

Đâu-suất cho đến nhập Niết-bàn. Hoặc thấy ngài đang ở trong cung trời Đâu-suất cho đến thấy ngày nhập Niết-bàn. Đây là một tướng trụ thai mà thấy đủ cả tám tướng. Đây là điều mà Kinh Khê nói: Trong mỗi mỗi tướng đều có tám tướng.

Bồ-tát ở trong thai mẹ hiện ra cung điện to lớn đầy đủ mọi thứ trang nghiêm nhưng vẫn khiến thai mẹ luôn được an ổn. Khi nhập vào Thai mẹ rồi thì Bồ-tát tâm luôn chánh niệm, thị hiện đang ở cung trời Đâu-suất hoặc mới sinh ra làm đồng tử ở trong cung vua, rồi xuất gia tu khổ hạnh, thành đạo, chuyển pháp luân và nhập Niết-bàn. Hoặc có trường hợp như thấy Đức Phật đang thuyết pháp, hoặc thấy Phật đang ở tại cung trời Đâu-suất hoặc thấy ngài lại vào thai mẹ, hoặc thấy ngài mới sinh, hoặc thấy ngài xuất gia, hoặc thấy ngài thành đạo, hoặc thấy ngài chuyển pháp luân, hoặc thấy ngài nhập Niết-bàn (theo kinh Hoa Nghiêm, ngài Kinh Khê nói: Đều nói "Hoặc" tức trong mỗi mỗi tướng đều có tám tướng. Đây là tướng trụ thai mà đại cơ thấy).

Thị hiện giáng sinh

Lời tựa rằng: Việc gá thai để giáng sinh là thị hiện có đời sống giống người thường. Cho đến việc ra vào từ hông phải, đi bảy bước ở mọi hướng... thì khiến cho Đại Tiểu cơ có sự thấy khác nhau, đây là thị hiện tướng giáng sinh.

Phu nhân đưa tay vịn cành cây ở vườn Lâm-tỳ-ni mà sinh Bồ-tát, các chúng Thiên vương đều đem nước thơm cùng đến tắm gối cho (kinh Hoa Nghiêm). Lúc ngài mới sinh ra ngài đi bảy bước khắp mọi hướng (theo kinh Niết-bàn, đây là tướng giáng sinh mà Đại cơ thấy).

Xuất gia

Lời tựa nói: Kinh Hoa Nghiêm bảo rằng: Thân sau cùng của Bồ-tát dạy cho chúng sinh mãi bận bịu gia đình pháp lìa bỏ gia đình để thể hiện đời sống tự tại không bị lệ thuộc vào nó, nên tuyên dương công đức xuất gia là hơn hết. Đây chính là cái ý thị hiện xuất gia đó vậy.

Lại thấy có xuất gia đến đạo tràng rồi thành Đẳng chánh giác và ngồi tòa Sư tử (kinh Hoa Nghiêm, đây là tướng xuất gia mà Đại cơ thấy).

Thành Phật đạo

Lời tựa rằng: Kinh Hoa Nghiêm nói: Đạo tràng mới thành, đây là căn cứ vào thủy giáo Đại cơ mà nói không phải thật do Bản môn mà

thành, nay chính là Tích trong Tích vậy.

Bồ-tát ở Bồ-đề đạo tràng khi mới thành Bậc Chánh Giác (Kinh Hoa Nghiêm) bảo rằng: Ta ba mươi tuổi thành đạo hiệu Thích-ca Mâu-ni nhưng luôn ở đạo tràng tịch diệt mà ngồi tòa Kim cang Hoa vương để nói pháp (kinh Phạm Võng, Bảo Tạng Kinh, Vô Tướng Tam-muội kinh đều nói là ba mươi tuổi thành đạo). Khi đã thành đạo rồi thì các Phạm thiên đến mời thỉnh cúi xin Như Lai vì chúng sinh mà rộng mở cam lộ, nói pháp Vô thượng (kinh Niết-bàn, đây là tướng thành đạo mà Đại cơ thấy).

Hoặc thấy Bồ-tát ở tại cung trời Đâu-suất, nhập thai, xuất thai, thành đạo, hàng ma, chuyển pháp luân và nhập Niết-bàn (theo kinh Hoa Nghiêm, bản tân dịch thì Đại thừa có phần hàng ma, nay xếp vào trong mục thành đạo).

Lời thuật rằng: Từ xưa y theo Khởi Tín Luận trình bày tám tướng của Đại thừa thì có trụ thai mà không có hàng ma, nếu căn cứ theo Bốn-Giáo Nghĩa để trình bày tám tướng của Tiểu thừa thì có hàng ma mà không có phần trụ thai. Căn cứ vào hai văn lấy làm nòng cốt. Từ "ở cung Đâu-suất giáng sinh" cho đến thành đạo, hàng ma thì đều trước lấy Đại thừa, sau theo Tiểu thừa mà trình bày các tướng ấy. Nhưng trong phần chuyển pháp luân thì có nghĩa Đốn Tiệm của năm thời thuyết giáo là bao gồm cả hai Cơ Đại Tiểu thừa ở trong ấy. Ngài Diệu Tông nói rằng: Đức Phật ứng sinh ở ba cõi mà nói là Đồng cư, giáo hóa có trước sau cần bày rõ tám tướng với Đại cơ thì thấy tám tướng là khó nghĩ bàn, còn với Tiểu cơ thì thấy tám tướng có phần yếu kém là nghĩa này vậy.

Từ cung Đâu-suất giáng sinh

Khi Bồ-tát công hạnh đã đầy đủ liền chứng bậc Nhất sinh bổ xứ, sinh lên cung trời Đâu-suất gọi là Bậc Thánh Thiện, nói về hạnh bổ xứ cho các vua trời. Khi thời đến thì liền giáng sinh làm Phật và quán về năm việc:

1. Quán các chúng sinh đều do ta hóa độ từ khi phát tâm đến nay đã thuần thục, đều có thể nhận được diệu pháp.

2. Quán khắp cả đại thiên giới này thì nước Ca-tỳ-la trong cõi Diêm-phù-đề là nơi đáng sinh xuống nhất (Hán dịch là Huỳnh Sắc (màu vàng) là nói bậc lập đức còn ở trong màu vàng

3. Quán Thích-ca là người nối sau Thánh vương Cam Giá thứ nhất.

4. Quán vợ chồng vua Bạch Tịnh chân chánh đáng làm cha mẹ

(Bạch Tịnh hoặc gọi là Tịnh Phạn, tiếng Phạm gọi là Thủ-đồ-đà-na. Bản Hạnh Kinh nói đó có nghĩa là Tài đức vẹn toàn. Song ở các kinh khác thì chưa thấy nói Bạch Tịnh hay Tịnh Phạn là có nghĩa gì).

5. Quán Ma-gia phu nhân cưu mang Thái tử đủ mười tháng thì sinh, sinh xong sau bảy ngày thì mạng chung.

Quán các điều ấy xong rồi liền bảo các Thiên tử rằng: "Ta phải giáng sinh vào cung vua Bạch Tịnh, rồi bỏ luôn ngôi Luân vương, xuất gia học đạo thành bậc Nhất thiết chủng trí, chuyển đại pháp luân, làm lợi ích rộng lớn cho hàng trời người. Các ông đến lúc đó cũng nên cùng hội lại Các Thiên tử nghe xong liền tự nghĩ rằng không bao lâu Bồ-tát sẽ thành Chánh giác (theo kinh Nhân Quả, đây tướng giáng Đâu-suất mà Tiểu cơ thấy).

Gá thai mẹ

Lúc đó Bồ-tát cỡi voi trắng sáu ngà từ cung Đâu-suất ra đi (theo kinh Phổ Diệu nói là sao Phí giáng hạ hóa làm voi trắng. Kinh Thụy Ứng nói là hóa cỡi voi trắng sáng như mặt trời, sao Phí tức là sao Quỷ phóng ánh sáng lớn chiếu khắp mười phương, đúng vào ngày mồng tám tháng tư lúc sao mai mới mọc thì giáng thần vào thai mẹ (vào lúc hừng sáng nên gọi là sao mai mọc tức là sao quỷ). Lúc đó Ma-gia phu nhân đang ngủ ngon thấy có voi trắng sáu ngà bay từ trên không hạ xuống và chui vào hông hữu (kinh Phổ Diệu nói: Ở bên phải là việc làm không trái quấy). Khi thức dậy phu nhân bèn đem chiêm bao thuật lại cùng vua. Vua cho mời các Bà-la-môn đến đoán mộng. Họ tâu: Người con mà phu nhân mang thai ắt là bậc Chánh giác, nếu không xuất gia sẽ làm vị Luân vương. Phu nhân ngày càng tu hạnh sáu Ba-la-mật, trời cung cấp thức ăn uống, bà không còn ham thích chuyện nhân gian. Bấy giờ các chúng trời ở cung Đâu-suất nghĩ rằng: "Bồ-tát đã sinh ở cung vua Tịnh Phạn, chúng ta cũng nên hạ sinh vào nhân gian sẽ được nghe pháp trước. Do đó chúng trời hạ sinh số đông đến chín mươi chín ức người. Lại từ cõi trời Tha hóa tự tại, xuống đến là trời BốnThiên vương lên đến trời Sắc giới cùng các quyến thuộc của họ đều cùng hạ sinh số đông không kể xiết (theo kinh Nhân Quả). Có một vị Thiên tử tên là Tốc Vãng đến các địa ngục lớn tiếng bảo rằng: "Bồ-tát đã từ cung trời Đâu-suất giáng thần vào thai mẹ, các ngươi hãy mau phát nguyện cầu sinh vào cõi người." Chúng sinh ở địa ngục nghe lời ấy rồi đều cùng nhìn nhau. Bỗng thấy ánh sáng chiếu xuống liền bỏ thân cõi địa ngục mà sinh vào cõi người. Lại khắp đại thiên thế giới những người từ xưa

đến nay đã gieo trồng thiện căn đều cùng đến thành Ca-tỳ-la mà thác sinh bốn phía thành Ca-tỳ-la (theo kinh Phật Bản Hạnh, đây là tướng gá thai mà Tiểu cơ thấy).

Ở thai mẹ

Bồ-tát ở trong thai mẹ đi đứng, nằm ngồi đều không chút trở ngại. Buổi sáng nói pháp cho chư thiên Sắc giới, buổi trưa cho chư Thiên cõi Dục, buổi xế cho các quỷ thần; ba buổi về đêm thì cũng giáo hóa chúng sinh như thế (kinh Nhân Quả, kinh này nói rằng: Trong sáu buổi của một ngày đi đứng, nằm ngồi đều nói pháp cho chư Thiên và các quỷ thần. Đây là văn nói về trụ thai của Tiểu thừa). Hộ Minh Bồ-tát bảo Thiên nhân Kim Đoàn rằng: Thuở xưa nhà nào mà Bồ-tát bổ xứ thác sinh thì phải có đủ sáu mươi công đức và ba đời đều thanh tịnh. Các ông nên vì ta mà hạ sinh xuống cõi Diêm-phù mà quán sát (Hộ Minh tức là Thánh Thiện).

Đời nhà Chu, vua Chiêu vương, năm đầu (năm Kỷ Sửu), Thủy Tổ của nhà tiền Chu là Hậu Tắc tên Khí, thích cày ruộng, vua Nghiêu đề cử làm Nông Sư, đến vua Thuấn phong cho đất Thai, hiệu là Hậu Tắc. Họ riêng là Cơ. Sau bốn đời nghe theo lời cha mà di cư về Châu Nguyên. Có con là Lý Lịch, làm Bá ở Ung Châu vào đời nhà Ân ở về phía Tây nên gọi là Tây Bá. Con của Lý Lịch là Xương nối nghiệp cha làm Tây Bá. Vua Trụ nhà Ân vô đạo, Tây Bá vâng mệnh trời xưng hiệu là Chu. Con của Xương là Phát đem binh diệt vua Trụ, lên ngôi Thiên tử hiệu là Võ Vương, truy tặng cho Tây Bá làm Văn Vương. Võ Vương có con là Tụng, tức Thành Vương. Con của Thành Vương là Chiêu tức Khang Vương, con của Khang Vương là Hà, tức Chiêu Vương, con của Chiêu Vương là Mẫn tức Mục Vương).

Thị hiện giáng sinh

Năm thứ hai mươi sáu (Giáp Dần). Theo Lưu Đạo Nguyên Thông Giám Ngoại Kỷ thì Chiêu Vương nguyên niên là năm Kỷ Sửu, đến năm hai mươi sáu là Giáp Dần. Nay các sách phần lớn đều nói là năm hai mươi bốn, nối nhau sai lầm.

Phu nhân mang thai gần mười tháng, cha là vua Thiện Giác sai sứ tâu cùng vua Bạch Tịnh rằng: "Con gái ta cưu mang Thánh thai oai đức rất lớn, e rằng sau khi sinh con thì con ta sẽ sống không bao lâu nữa, nay muốn rước về vườn Lâm-tỳ cho phỉ tình cha con." Vua liền ra lệnh cho hữu ty sắm sửa đầy đủ nghi lễ để đưa hoàng hậu về cung vua cha

(theo kinh Phật Bản Hạnh). Lúc đó phu nhân liền lên xe báu trước sau có hộ vệ theo hầu đến thẳng vườn Lâm-tỳ-ni. Khi đã tròn mười tháng vào ngày tám tháng tư lúc mặt trời mới mọc (trước nói là ngày tám tháng tư giáng thai, nay lại nói tám tháng tư xuất thai, đều là theo kinh Nhân Quả. Nam Sơn nói giáng thai, xuất thai đều là ngày tám tháng tư vậy phải ở trong thai mười hai tháng. Nay theo văn kinh nói mười tháng đã đủ là căn cứ theo cách thọ thai của nhân gian mà nói. Nếu theo Phật Sở Hạnh Tán Kinh thì phải nói là sinh ngày tám tháng ba. Đây đều do người dịch dùng lịch của hai nước không giống nhau. Song kinh điển trong ngoài phần lớn đều nói là ngày tám tháng tư cả).

Phu nhân thấy cây Vô ưu hoa lá xinh tươi liền đưa tay phải lên muốn hái, thì Bồ-tát từ hông phải từ từ chui ra. Lúc đó dưới cành cây nơi Bồ-tát hạ sinh có bảy hoa sen báu to bằng bánh xe, Bồ-tát bước đi bảy bước trên bảy hoa sen, đưa tay hữu lên và nói bằng giọng Sư tử rống: "Ta là đấng tôn quý hơn hết trong hàng trời người." (Kinh Thụy Ứng nói rằng: Đưa tay phải lên mà nói rằng: Trên trời dưới đất chỉ có riêng ta đáng tôn quý." (Kinh Thiện Quyền nói vì ứng với bảy Giác chi nên bước bảy bước, đưa tay phải lên là hiện tướng muốn dẹp bỏ tính tự tôn của ngoại đạo). Lúc đó trời Bốn Thiên vương liền dùng khăn thêu trời tiếp đón Bồ-tát đặt lên ghế báu. Đế Thích cầm bảo cái, Phạm vương cầm phất trần trắng cùng đứng hầu hai bên, hai anh em Long vương Nan-đà ở trên phu nước sạch một vòi ấm một vòi mát để tắm Thái tử (theo kinh Phổ Diệu thì Đế Thích Phạm Vương mưa hương hoa, có chín rồng phun nước thơm tắm Thái tử), thân Bồ-tát sắc vàng ròng, có ba mươi hai tướng đẹp, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp ba ngàn cõi, Thiên long bát bộ trổi nhạc trên không trung khen kể công đức của Phật và rải hoa khắp nơi. Tất cả hàng trời người đều khen ngợi bậc chủng trí Phật đạo mau thành độ thoát chúng sinh. Chỉ có Ma vương thấp thỏm không thể ngồi yên trên ghế. Lúc đó các thể nữ dùng một bức khăn bông thêu để ẳm Thái tử mang đến phu nhân. Các người hầu trở về cung báo tin vui lên vua. Vua ra lệnh cử một đoàn gồm bốn loại binh (tượng, mã, xa, bộ) cùng hộ giá vào vườn xem việc lạ lùng mừng sợ lẫn lộn, vua sai người ẳm Thái tử để trên kiệu voi, cùng đoàn tùy tùng trở về hoàng thành vào ngay thái miếu, các hình tượng Phạm Thích đều đứng dậy đảnh lễ và nói rằng: "Nay Thái tử đã là bậc tôn quý trong hàng trời người, vậy đâu nên đến đây lạy chúng ta!" Các quan mừng khen là lạ, bèn rước Thái tử vào cung vua. Lúc đó dòng họ Thích có năm trăm bé trai sinh cùng ngày, đám người hầu trong cung cũng có năm trăm bé

như thế. Còn voi ngựa trong cung cũng sinh voi trắng, ngựa trắng, trâu dê thì sinh con có năm sắc, mỗi thứ cũng có năm trăm con. Những kho tàng ẩn kín trong cung cũng tự nhiên hiện ra. Bao nhiêu thương nhân ra biển tìm châu đều trở về và dâng lên những châu báu quý lạ. Vua triệu vời hỏi các Bà-la-môn nên đặt tên gì cho Thái tử. Họ cùng tâu: Khi Thái tử sinh ra thì tất cả kho báu đều xuất hiện, tất cả mọi điềm ứng hiện đều tốt lành, vậy nên đặt tên là Tát-bà-tất-đạt (Hán dịch: Tất cả nghĩa đều thành hoặc là hoàn toàn tốt đẹp). Lúc đó cả tám vua có Thái tử sinh cùng ngày với Phật đều hết sức vui mừng, lựa đặt cho những tên rất đẹp (kinh Nhân Quả). Khi ấy người hầu trong cung cũng sinh con và đặt tên là Xa-nặc, ngựa trong chuồng sinh ra lúc ấy được đặt tên là Kiền trắc. Về sau vua bảo Xa-nặc theo hầu và cấp ngựa ấy cho ngài cỡi (kinh Thụy Ứng). Vua tìm hỏi năm trăm vị tướng số thông minh nhất bảo bói cho Thái tử. Các vị tướng số đều tâu: “Nếu xuất gia thì Thái tử sẽ thành bậc Nhất thiết chủng trí, nếu tại gia thì sẽ làm Chuyển luân vương.” Vị bốc sư lại thưa: “Có một vị Phạm tiên tên là A-tư-đà (Hán dịch là Vô Tỷ. Thụy Ứng Kinh gọi là A-di) có đủ cả năm thông hiện ở trong Hương sơn có thể giúp vua hết nghi.” Vua nghĩ đường xá hiểm trở, khó có người đến được. Tiên A-tư-đà ở xa nhưng biết được ý vua bèn bay đến cung thành. Xem tướng Thái tử xong ông buồn khóc bảo rằng: Tiếc rằng không bao lâu nữa ta sẽ mạng chung để sinh lên cõi trời Vô tưởng, không thấy được Phật hoằng hóa và nghe được kinh pháp. Như có đủ ba mươi hai tướng hoặc không đúng chỗ hoặc không rõ ràng thì người này còn được làm Chuyển luân Thánh vương thay. Nay xem thấy Thái tử các tướng đúng chỗ lại rất rõ ràng thì chắc chắn Thái tử sẽ thành bậc Nhất thiết đức trí. Vua nghe Tiên nói sợ Thái tử xuất gia nên vội xây cung điện ba mùa trang suất đầy bảy báu, cửa thành khi đóng mở thì tiếng khóa khua vang xa đến bốn mươi dặm, lại cho năm trăm thể nữ túc trực hầu hạ trong cung. Có đủ các thứ hoa trái, chim lạ, suối tuôn ao tắm trong mát, cốt để vui mắt vui lòng Thái tử... Sau khi sinh được bảy ngày thì thân mẫu qua đời, vì việc cưu mang Thái tử có công đức rất lớn nên bà được sinh lên cung trời Đao-lợi (Đại Quyền Kinh có nói: Bồ-tát khi ở cung trời Đâu-suất quán biết mạng sống của hoàng hậu chỉ còn được mười tháng bảy ngày, nên Bồ-tát giáng thần). Bấy giờ, Di mẫu là Ma-ha Ba-xà-ba-đề nuôi dưỡng Thái tử không khác mẹ ruột (kinh Nhân Quả). Đây là tướng giáng sinh được thấy theo hàng Tiểu cơ (Tiểu thừa).

Lời thuật rằng: Đức Như Lai giáng thần thị hiện tướng diệt độ. Việc ghi năm tháng các thuyết có lẫn lộn. Nay nói về nghĩa đúng, lấy

hai dị thuyết để phân biệt. Về nghĩa đúng có sáu điều:

1. Chu Thư Dị Ký có ghi: Ngày tám tháng tư năm Giáp Dần nhằm đời Chu Chiêu Vương thứ hai mươi bốn, có ánh sáng năm sắc chiếu khắp bầu trời trùm cả phương Tây. Quan thái sử Tô Điền nói rằng: Có Bậc Thánh Nhân sinh ra ở phương Tây (Tây Vức). Ngày rằm tháng hai năm Nhâm Thân nhằm đời Chu Mục Vương thứ năm mươi hai, vào sáng sớm thấy có mống trời dài mười hai đạo suốt từ Nam đến Bắc, quan thái sử Hổ Đa nói rằng: "Đó là tướng Bậc Đại Thánh nhân ở phương Tây qua đời."

2. Trong Pháp Bản nội truyện ghi: Ngài Ma-đằng Pháp sư đối trước Hán Minh Đế nói rằng: Ngày tám tháng tư năm Giáp Dần thì Phật sinh ra, đây là ứng với năm thứ hai mươi bốn đời Chu Chiêu Vương.

3. Trong Ngụy Thư chép: Sa-môn Đàm Mô Tối nói rằng: Phật sinh ngày tám tháng tư năm Chu Chiêu Vương thứ hai mươi bốn và diệt độ ngày rằm tháng hai năm Chu Mục Vương thứ năm mươi hai.

4. Nam Nhạc Nguyện Văn có nói: Đức Phật giáng sinh vào ngày tám tháng tư năm Giáp Dần.

5. Phụ Hạnh nói rằng: Đức Phật sinh vào cung vua Tịnh Phạn vào năm Giáp Dần đời Chu Chiêu Vương.

6. Vua Đường Thái Tông ra lệnh cho quan Thượng thư Lưu Đức Oai hỏi pháp với ngài Pháp Lâm Pháp sư rằng việc Đức Phật giáng sinh và nhập diệt vì sao thuật truyền trái nhau. Ngài Pháp Lâm luận chắc chắn rằng năm Giáp Dần đời Chu Chiêu Vương thì sinh và nhập diệt vào năm Nhâm Thân đời Chu Mục Vương.

Kế đếnđây nói về Dị Thuyết có tám thuyết là:

1. Thạch Trụ Minh nói Phật sinh vào năm Ất Sửu đời Chu Hoàn Vương.

2. Pháp Hiển Pháp Sư truyện nói Phật sinh vào năm Giáp Ngọ năm Võ Ất nhà Ân.

3. Tượng Chánh Ký nói Phật sinh vào năm Mậu Tý đời Bình Vương.

4. Nam Sơn Cảm Thông Truyện thì Thiên Nhân nói Phật sinh vào đời vua Kiệt nhà Hạ.

5. Độ Luật Sư Chúng Thánh Điểm Ký nói Phật sinh vào năm Giáp Tuất đời Trình Định Vương.

6. Khai Hoàng Tam Bảo Sáu.

7. Vương Giản Thê Đầu-đà Tự Ký đều lấy hai đời Trang Vương của nhà Chu và nhà Lỗ. Thậm chí Cô Sơn cũng theo thuyết này. Phần

chú thích kinh BốnThập Nhị Chương lại lấy Tịnh Danh Sớ mà nói rằng: Đời nhà Chu, Phật ra đời có sao sa như mưa. Bởi căn cứ theo Thụy Ứng Kinh đã nói việc Sao Phí giáng trần hầu Phật. Tông Thiên thai chỉ nói Phật ra đời mà chưa hề chỉ định là đời vua Trang Vương, tuy có nói là "như mưa", đấy là mượn văn của Tả Truyện. Cô Sơn thì lầm nhận lời nói này bèn lấy hai đời Trang Vương mà giải thích. Đến nỗi ngài Tịnh Giác viết ký lầm nói là tông Thiên thai lấy hai đời Trang Vương. Song ngài Kinh Khê thì nói rõ là năm Giáp Dần đời Chu Chiêu Vương. Lúc đầu không có luận về hai đời Trang Vương, thế mới biết Dị Thuyết từ đây đã dứt.

Nếu muốn hiểu thuyết đồng "như mưa" của Tả Truyện thì như kinh Văn-thù Bát-niết-bàn có nói: Sau khi Phật diệt độ được hai trăm năm mươi năm, ngài Văn-thù đến Vân Sơn hóa độ cho năm trăm Tiên nhân, xong rồi trở về Bản quốc phóng ánh sáng lớn chiếu khắp thế giới mà nhập Niết-bàn, từ Chiêu Vương đến Trang Vương đúng là hai trăm năm mươi năm, ứng nghiệm với điều sao Hằng chính là đây vậy (Tả Truyện nói năm thứ bảy đời Lỗ Trang Công thì không thấy sao Hằng đâu nữa, sao sa như mưa đúng vào năm Chu Trang Vương thứ mười). Lại Cô Sơn Thùy Dụ Ký thì y theo lịch nhà Chu lấy tháng mười một Kiến Tý là Tháng giêng, vậy nói tháng tư thì bây giờ là tháng hai. Nay căn cứ vào các kinh Nhân Quả, Thụy Ứng và Bản Hạnh thì đều nói là ngày tám tháng tư. Pháp Bản Nội Truyện và Ngụy Thư cũng nói là mồng tám tháng tư. Ba kinh ấy không phải dịch vào đời Chu, hai sách kia cũng không phải ở đời Chu nên biết không phải nói tháng giêng là Kiến Tý vậy. Bởi từ đời Hán Võ Đế mới đổi tháng Dần là tháng giêng, đến nay vẫn noi theo mà dùng. Việc các kinh Truyện nói là tháng tư thì không nhầm lẫn, vậy không nên căn cứ vào lịch nhà Chu xa xưa mà đổi là tháng hai. Đây là tóm tắt các danh nghĩa đã phiên dịch, nay lại nêu thêm nhiều đoạn văn để làm chứng, để làm sáng tỏ Dị Kiến của người xưa vậy.

Năm Chu Chiêu Vương thứ hai mươi bảy (Ất Mão) trước là nói lúc Thái tử sinh ra thì bước đi bảy bước và nói "Chỉ riêng ta là bậc tôn quý", nói xong rồi nín thinh trở lại như đứa bé mới sinh, không đi không nói, được các mẹ nuôi nấng lớn lên dần dần theo (Trí Độ Luận).

Năm Chu Chiêu Vương thứ hai mươi tám (Bính Thìn), năm thứ hai mươi chín (Đinh Tỵ), năm thứ ba mươi (Mậu Ngọ), năm thứ ba mươi mốt (Kỷ Mùi), vua làm cho Thái tử những xe voi, ngựa, trâu, dê và các đồ chơi trẻ em, nhân dân cả nước làm các việc nhân từ, ngũ cốc dồi dào,

thời tiết đúng mùa, ấy đều là do phước đức của Thái tử. Lại Xa-nặc và năm trăm đứa trẻ do bọn người hầu sinh ra được đem cho hầu hạ Thái tử (theo kinh Nhân Quả).

Năm Chu Chiêu Vương thứ ba mươi hai (Canh Dần), Thái tử đã được bảy tuổi. Vua cho Thái tử đi học. Vua hỏi tìm các bậc thông minh trong nước thì có một vị Bà-la-môn tên là Tuyển Hữu, vua xây dựng trường học, đóng bàn ghế, học cụ. Thái tử hỏi thầy có bao nhiêu loại. Thầy lặng im không đáp, lòng rất hổ thẹn bèn sụp lạy Thái tử xin ngài nói cho sách vở cõi Diêm-phù-đề có mấy loại? Thái tử đáp rằng: Hoặc loại Phạn Thư sách bà la môn hoặc sách Khư Lâu sách của tiên lữ thần có sáu mươi bốn loại sách như thế (theo kinh Phật Bản Hạnh thì khi Thái tử được tám tuổi đi học, thầy là Tỳ-xa-đa-la. Có sáu mươi bốn sách trong đó có sách Đề-bà là trời, sách Na-già là Rồng, sách nước Chi-na là đời Đại Đường. Những thứ đó có đủ cả trời, đất, tám bộ, bốn châu và các sách về tiếng các loài chim thú...). Thầy dạy bèn tâu cùng Bạch Vương rằng: “Thái tử là bậc Thầy của hàng trời người thì tôi đâu thể dạy ngài được.” Vua nghe tâu rất mừng. Các thứ như về Kỹ nghệ, Điển tịch, Thiên văn, Địa lý, Toán số, xạ ngự... Ngài đều tự nhiên biết rõ (kinh Nhân Quả).

Khi đó vua muốn dự bị việc nối ngôi của Thái tử nên dạy ngài về phép binh nhung chinh chiến. Lại tạo ra một ngự uyển đặt tên là Lặc-cù, để ngài cùng hơn năm trăm bạn dòng họ Thích vào đó vui chơi. Học về tất cả sách vở trong vòng bốn năm ngài cùng các bạn dòng họ Thích thảy đều thông hiểu (Phật Bản Hạnh Kinh).

Năm Chu Chiêu Vương thứ ba mươi ba tân dậu. Thái tử đang ở ngự uyển chơi bắn cung. Có một con nhạn bị Đề-bà-đạt-đa bắn rơi xuống khu vườn ấy, ngài liền nhỗ mũi tên lấy mật sữa bó vết thương cho chim. Đạt-đa sai kẻ hầu sang tìm, đòi trả ngay chim nhạn. Thái tử đáp rằng: “Ta phải bảo vệ chim nhạn này Từ khi phát tâm Bồ-đề đến nay ta đều hứa bảo vệ cho tất cả chúng sinh, huống là không giữ lại để bảo vệ chim nhạn này sao?” Thế là kết oán thù với Đạt-đa từ đấy (theo Phật Bản Hạnh Kinh).

Năm Chu Chiêu Vương thứ ba mươi bốn (Nhâm Tuất). Năm thứ ba mươi lăm (Quý Hợi) Thái tử được mười tuổi. Vua tìm người giỏi nghề bắn cung nhất nước đến dạy cho Thái tử. Thầy đưa một cung nhỏ bảo Thái tử bắn vào trống sắt, Thái tử phải dùng đến cung thứ bảy to chắc nhất để bắn một mũi tên xuyên cả bảy lớp trống sắt. Thầy dạy tâu vua rằng: Thái tử đã tự biết bắn cung đâu cần bảo thần phải dạy nữa. Vua

mừng rỡ đánh trống ban lệnh: "Trong bảy ngày nữa Thái tử sẽ thi tài võ nghệ ở ngự uyển." Đề-bà-đạt-đa tiên tới ra khỏi thành. Lúc đó có chú voi to đang đứng án cửa thành, Đề-bà-đạt-đa là người đầu tiên dùng tay đánh vào đầu voi, voi liền quỵ xuống. Dân chúng lũ lượt lách mình bước qua cửa thành. Nan-đà đến sau liền lấy chân hất một cái, voi văng qua bên lề đường Thái tử tiếp đó nâng voi lên ném qua ngoài thành, lại dùng tay đỡ voi, khiến voi không hề hấn và tỉnh lại. Bấy giờ dân chúng khen ngợi là việc chưa từng có. Khi đến ngự uyển, người trước nhất là Đạt-đa đã bắn lủng ba lớp trống vàng, Kế đếnđến Nan-đà cũng bắn xuyên qua ba trống. Đến phiên Thái tử cho là cung qua yếu, liền bảo mở kho lấy cung báu của nội tổ ra, Thái tử bắn một mũi tên thủng cả bảy lớp trống, khi tên hạ xuống đất lại xuyên qua một giả sơn bằng sắt ở trong vườn. Lúc đó Đề-bà-đạt-đa cùng Nan-đà thí võ, hai người sức ngang nhau chưa ai thắng ai, Thái tử bèn đưa tay lôi cả hai té xuống đất. Thái tử chỉ dùng sức nhẹ để không gây thương tích (theo kinh Nhân Quả).

Năm Chu Chiêu Vương ba mươi sáu (Giáp Tý), năm thứ ba mươi bảy (Ất Sửu), năm thứ ba mươi tám (Bính Dần), năm thứ ba mươi chín (Đinh Mão), năm thứ bốn mươi (Mậu Thìn) Thái tử được mười lăm tuổi, nhà vua tập họp quần thần và các Tiểu vương, Bà-la-môn... đều có mặt. Vua ra lệnh đến ngày tám tháng hai đem bình bảy báu đựng đầy nước bốn biển. Ai nấy đều đội trên đầu kính dâng lên vua để làm lễ quán đảnh cho Thái tử, lại trao cho ngài ấn bảy báu, lập ngài làm Thái tử. Lúc đó vua tám nước cũng cùng lập Thái tử cho nước mình (kinh Nhân Quả).

Năm Chu Chiêu Vương thứ bốn mươi mốt (Kỷ Tỵ), Thái tử xin vua cha đi dạo chơi. Trước đến thăm ruộng vua, nghỉ ngơi dưới gốc cây Diêm-phù để xem người dân cày ruộng. Khi đó trời Tịnh cư hóa làm côn trùng bị chim mổ bắt, thấy xong Thái tử rất buồn thương bèn suy tư và chứng được BốnThiền (kinh Nhân Quả). Vua đi tìm thì thấy Thái tử đang ngồi dưới gốc cây, các bóng cây đều nghiêng theo mặt trời, còn bóng cây này không lệch và che mát Thái tử, giống như giữa lớp mây mù mà chợt thấy trăng sáng (Bồ-tát Bản Hạnh Kinh).

Năm Chu Chiêu Vương thứ bốn mươi hai (Canh Ngọ), Thái tử được mười bảy tuổi (theo Bản Hạnh Kinh thì mười chín tuổi cưới vợ). Có vị Bà-la-môn dòng họ Thích tên Ma-ha Na-ma có người con gái tên là Gia-du-đà-la, nhan sắc đoan trang thông minh hơn người, vua cha bèn sai sứ đến đón về phong làm phi cho Thái tử. Thái tử thường

tu thiền quán chưa từng cùng phi chăn gối (kinh Nhân Quả). Thái tử có ba người vợ, người thứ nhất tên là Cụ-di, người thứ hai là Gia-duy-đàn (bốn là Gia-du), người thứ ba là Lộc Giả. Vì có ba vợ nên xây cung điện ba mùa, trong điện có hai vạn thể nữ theo hầu (theo kinh Thập Nhị Du, Văn Cú nói rằng: Kinh Vị Tằng Hữu và Thụy Ứng đều nói là La-hầu là con của Cụ-di. Kinh Pháp Hoa và Niết-bàn đều nói là con của Gia-du, hai thuyết thì thuyết nào đúng? Hoặc kinh kia nói về cha mẹ, kinh này thì nói về nơi sinh. Thích Luận rằng Cụ-tỳ-gia là gái báu, không mang thai là Cụ-di, nên biết chắc chắn là con của Gia-du. Thụy Ứng Kinh thì nói mười bảy tuổi cưới vợ).

Năm Chu Chiêu Vương thứ bốn mươi ba (Tân Mùi), Thái tử xin phép vua cha đi dạo chơi vườn rừng. Đoàn tùy tùng hộ vệ Thái tử ra cửa thành hướng Đông. Khi đó trời Tịnh cư hóa thành ông lão tóc bạc lưng còng. Thái tử thấy rồi liền trở về cung sầu lo không vui, tự nghĩ rằng tuổi già đến nhanh như điện chớp riêng ta đâu khỏi được, thế sao người đời lại không sợ? Một hôm khác Thái tử lại ra cửa thành phía Nam dạo chơi, trời Tịnh cư lại hóa làm người bệnh thân gầy bụng to không thể đi đứng được. Thái tử tự nghĩ bệnh khổ như thế kia làm sao chẳng sợ, liền quay xe trở về cung. Ít lâu sau Thái tử lại ra cửa thành phía Tây dạo chơi. Trời Tịnh cư lại hóa làm thây chết, bốn người khiêng xác người nhà theo sau khóc lóc. Thái tử bảo quan Ưu-đà-di rằng: Thế gian lại có sự khổ này, sau lại ở đó mà buông lung, liền ra lệnh quay xe trở về. Lần cuối cùng là ra cửa Bắc thành dạo chơi. Trời Tịnh cư hóa làm một Tỳ-kheo, mặc ca-sa ôm bát tay cầm tích trượng. Thái tử hỏi: Ông là người gì? "Ta là Tỳ-kheo tu học đạo Thánh dứt hẳn vô vi", nói xong liền bay lên hư không mà đi mất. Thái tử dắt ngựa trở về cung, tự nghĩ rằng: Ta trước đây đã thấy có các khổ già bệnh chết, luôn sợ bị các thứ ấy bức bách. Nay gặp được vị Tỳ-kheo đã khai ngộ lòng ta chỉ cho đường giải thoát, liền suy nghĩ tìm cách xuất gia (kinh Nhân Quả, kinh Thụy Ứng nói rằng: Mười bốn tuổi dạo chơi bốn cửa thành. Còn Bản Hạnh Kinh thì nói: Thái tử hỏi: Ông là người gì? Đáp rằng: Ta là Sa-môn đệ tử Phật. Hỏi: Sa-môn tên gì? Đáp rằng:

Ba cõi rối rấm
Sáu thú tối tăm
Biết tâm thấu gốc
gọi là Sa-môn).

Năm Chiêu Vương thứ bốn mươi bốn (Nhâm Thân), năm thứ bốn mươi lăm (Quý Dậu), năm thứ bốn mươi sáu (Giáp Tuất), năm thứ bốn

mươi bảy (Ất Hợi), năm thứ bốn mươi tám (Bính Tý), năm thứ bốn mươi chín (Đinh Sửu).

Xuất gia

Năm Chiêu Vương thứ năm mươi (Mậu Dần) Thái tử được hai mươi lăm tuổi. Diệu Lạc nói rằng: Nếu mười chín tuổi xuất gia thì hai mươi bốn thành đạo, nếu ba mươi tuổi thành đạo thì hai mươi lăm tuổi xuất gia. Căn cứ theo kinh Bảo Tạng thì hai mươi lăm tuổi xuất gia, ba mươi tuổi thành đạo. Lời ngài Kinh Khê nói nên hợp theo đây).

Thái tử đến chỗ Phụ vương lạy và thưa rằng: Có thương yêu tụ họp tất có lúc chia lìa vậy cuí mong Phụ vương cho con được xuất gia học đạo. Vua cầm tay con rơi lệ bảo rằng: "Nước chưa có người nối ngôi, thôi con hãy dẹp bỏ ý định ấy đi." Lúc đó có vị Bốc sư tâu vua rằng: "Nếu Thái tử không xuất gia thì bảy ngày sau nên làm Chuyển luân Thánh vương." Vua nghe tâu rất mừng, liền cắt đặt ở mỗi cửa thành có cả ngàn người canh gác cẩn mật. Vua bảo Thái tử: "Lúc xưa ta nghe tiên A-tư-đà nói con nhất định không chịu sống ở thế gian, vậy nếu con sinh cho ta một bé trai thì ta sẽ chấp nhận lời con." Thái tử liền lấy tay mặt chỉ vào bụng vợ, vợ liền biết mình có thai (Thụy Ứng Kinh nói rằng: Thái tử chỉ tay vào bụng vợ bảo rằng: Sáu năm nữa nàng sẽ sinh trai).

Ngày bảy tháng hai lòng nghĩ việc đi xuất gia, thân phóng ánh sáng chiếu khắp các cung trời, chư Thiên đều biết giờ xuất gia của Thái tử đã đến, liền cùng đến lạy ngài bạch rằng: Hạnh nguyên tu hành từ vô lượng kiếp đến nay đã chín mùi. Thái tử đáp rằng: Đúng như lời các ông nói, nhưng phụ vương ta đã cho trong ngoài canh phòng nghiêm mật, muốn đi rất khó. Chư Thiên liền dùng thần lực khiến các đội canh phòng đều ngủ. Say không hay biết Còn Gia-du thì nằm mộng thấy ba điềm:

1. Mặt trăng rơi xuống.
2. Các răng đều rụng.
3. Mất cánh tay phải.

Nàng thức dậy và thuật lại đầy đủ. Thái tử bảo: Trăng vẫn còn đó, răng vẫn như xưa, cánh tay nguyên vẹn, nên biết đấy chỉ là mộng mị không thật. Đến giữa khuya thì chư Thiên lại thưa: Trong ngoài mọi người đều ngủ say, nay đã đến lúc. Thái tử liền gọi Xa-nặc bảo dắt Kiền trắc lại. Xa-nặc khóc lóc thưa giờ này đâu phải lúc dạo chơi, giữa khuya sao lại bảo dắt ngựa đến, bèn cất tiếng khóc lớn cốt ý muốn mọi

người trong cung đều hay, nhưng do sức Thiên thần nên họ đều say ngủ. Xa-nặc dắt Kiền trắc đến thì chư Thiên cùng nâng bốn chân ngựa và Xa-nặc lên, trời Đế Thích che lộng cùng tiến ra cửa thành phía Bắc. Cửa thành tự mở toang không một tiếng động. Đi mãi đến lúc trời sáng thì đã được ba du-xà-na (tức ba do-tuần). Chư Thiên giúp việc xong liền biến mất. Khi đến rừng khổ hạnh của tiên Bạt-già đang tu thì thái tử xuống ngựa. bảo Xa-nặc rằng: Ta bỏ kinh thành đến chỗ yên vắng, nay ngươi và Kiền trắc hãy trở về. Xa-nặc khóc vùi, Kiền trắc liếm chân Thái tử mà nước mắt như mưa. Thái tử liền đến chỗ Xa-nặc rút kiếm bảy báu cắt ngang mái tóc phát lời nguyện rằng: "Nguyện cùng dứt hết tất cả phiền não và tập chướng." Đế Thích đón nhận tóc và khen lành thay! Khi ấy trời Tịnh cư hóa làm một thợ săn mình mặc áo ca-sa. Thái tử nhìn thấy liền bảo: Áo nhà ngươi mặc là áo Tịch tịnh, ngươi mặc áo ấy sao lại làm việc tội lỗi. Ta muốn đem áo bảy báu đang mặc đây đổi lấy được chăng? Thợ săn đáp: Được. Thái tử liền cởi áo đưa cho người thợ săn rồi mặc áo ca-sa vào. (Đại Luận nói: Áo đổi được chính là áo Tăng-già-lê vải thô xấu). Bấy giờ, trời Tịnh cư hiện lại thân Phạm thiên và bay lên hư không. Khi ấy Xa-nặc dắt Kiền trắc đang hí vang thảm thiết men theo đường cũ trở về. Tiên Bạt-già khi mới nhìn thấy Thái tử từ xa cho là Thiên thần liền cùng học trò ra mời ngồi. Thái tử hỏi Tiên nhân rằng: Ngài tu khổ hạnh để cầu điều chi? Đáp rằng: Cầu được lên trời. Thái tử nói: Ngài tu nhân khổ để cầu báo khổ rốt cục không lìa khổ. Bàn nói qua lại xong đến sáng thì từ giã ra đi. Xa-nặc dắt Kiền trắc trở về hoàng cung tâu rõ mọi việc cùng vua vua nặng lòng thương nhớ, liền sai quan Thái sư tìm đến chỗ tiên Bạt-già để biết. Tiên bảo họ đã đi đoàn người tiếp tục đi trên đường đi từ xa thấy Thái tử đang tĩnh tọa suy tư dưới một gốc cây. Vị đại thần đến bên kể hết nỗi lòng vua cha. Thái tử đáp: Đâu phải ta không nhớ ân sâu, nhưng chỉ vì muốn cứu khổ bốn nạn sinh lão bệnh tử mà thôi. Nay ta nhất quyết không trở về. Vị đại thần bèn để lại năm vị Kiều-trần-như... để ngầm giúp đỡ Thái tử. Lúc đó Thái tử sang phía Bắc sông Hằng (theo Tây Vức Ký thì nên nói sang phía Nam). Trên đường đi ngang qua thành Vương xá. Vua Tần-bà-ta-la (theo Thụy Ứng Kinh thì nói là Bình-sa vương) nghe Thái tử đến muốn bỏ ngôi xin theo hầu. Thái tử bảo vua: Nay đối với thân mạng tài sản nên tu ba pháp bền chắc, không nên đem pháp không bền chắc dạy người khác. Rồi từ biệt vua, vua liền bảo: Khi ngài thành đạo xin độ tôi trước. Thái tử tiếp tục đi về phía trước, đến chỗ Tiên nhân A-la-la, nghe vị này nói là đã được Sơ thiền cho đến nhập định Phi tưởng phi phi

tưởng xứ gọi là giải thoát. Nhưng Thái tử biết đó vẫn chưa rốt ráo, liền từ biệt Tiên nhân. Kế đếnđó đến chỗ của Ca-lan bàn luận vấn đáp cũng thấy như thế. Sau khi điêu phục được hai Tiên nhân trên, Thái tử đến rừng Khổ hạnh ở núi Già-xà cùng ở chung với bọn năm ông Kiều-trần-như. Bên bờ sông Ni liên thiền, ngài ngồi tĩnh tọa suy nghĩ rằng phải tu khổ hạnh sáu năm để độ chúng sinh (kinh Nhân Quả). Thiên thần dâng cơm ngài nhất định không nhận, chư Thiên bèn khiến mọc quanh ngài lúa mè, mỗi ngày ngài dùng một hạt lúa một hạt mè để nuôi dưỡng tinh khí. Ngài ngồi tĩnh tọa suốt sáu năm hình thể gầy đét một tâm vắng lặng suy tư về an ban (muốn dẫn tư tưởng an trụ vào Niết-bàn thì nên tu Sáu diệu môn thiền này. Nên Pháp Giới Thứ Đệ nói rằng: Ba thứ trước là định, ba thứ sau là tuệ. Ham thích tuệ quán sát thì có thể phát ra Chân Minh mà lìa hẳn sinh tử. Về Diệu môn thì Niết-bàn là Diệu, còn môn là thông suốt, vì sáu pháp này thông nhau thì có thể đạt đến Niết-bàn Chân diệu, nên gọi là Diệu môn). Sáu Diệu môn thiền là:

1. Sổ tức (là giữ tâm theo hơi thở từ một đến mươi, gọi là Sổ).
2. Tùy tức (là tế tâm nương theo hơi thở, biết thở ra hít vào).
3. Chỉ (dứt tâm suy nghĩ nên gọi là Chỉ).
4. Quán (là phân biệt chỗ chứng nên gọi là Quán).
5. Hoàn (là chuyển tâm phản chiếu, nên gọi là Hoàn).
6. Tịnh (tâm không chỗ nương sóng vọng động lặng mất. gọi là Tịnh).

Để tâm nơi Chỉ Quán, thở ra hít vào hai môn thần thông vi diệu, ý không phân tán (Thụy Ứng Kinh).

Thái tử ngày ăn một hạt mè, hạt gạo, hoặc bảy ngày mới ăn một lần, năm ông Kiều-trần-như kính hầu Thái tử, sai người báo tin cho Bạch Tịnh vương biết đủ mọi việc khổ hạnh. Vua cha, Di mẫu và Gia-du cùng sắ đủ năm trăm xe lương thực đồ dùng khiến Xa-nặc đem dâng, nhưng Thái tử đều từ chối không nhận (kinh Nhân Quả, từ đây trở về trước là tướng xuất gia mà Tiểu cơ nhìn thấy).

Lời thuật rằng: Theo các kinh Thụy Ứng, Nhân Quả, Trung Bản Khởi và Đại Luận thì đều nói mười chín tuổi xuất gia, mười hai tuổi dạo chơi. Còn bốn kinh A-hàm là Tăng Nhất, Trung Tạp, Trường, kinh Xuất Diệu và Tu Mật Luận thì đều bảo là hai mươi chín tuổi xuất gia. Vậy phải theo ai? Nay cứ kể tuổi thọ của Như Lai là tám mươi, trừ năm mươi năm hoằng pháp thì nhất định phải theo các kinh Phạm Võng, Vô Tướng Tam-muội và Bảo Tạng... nói ba mươi tuổi thành đạo. Nếu lấy ba mươi tuổi thành đạo trừ đi sáu năm tu khổ hạnh thì nhất định phải

theo ngài Kinh Khê nói hai mươi lăm tuổi xuất gia. Đem hợp với thuyết của kinh Bảo Tạng... nêu trên mà định trước sau thì có hai việc để làm chứng:

1. Sáu năm tu khổ hạnh sau khi xuất gia đến năm thành đạo thì số năm rất khớp.

2. Khi sắp xuất gia Thái tử chỉ bụng vợ nói sáu năm sau nàng sẽ sinh con trai.

Đến năm thành đạo thì quả nhiên sinh ra La-hầu. Kinh Hiền Ngu nói: Xuất gia tu đạo, sáu năm khổ hạnh mà được Nhất thiết trí. Còn kinh Vị Tằng Hữu thì nói: Thái tử trốn đến vùng núi đầm sáu năm cần khổ, chứng quả Phật rồi trở về nước. Kinh Phổ Diệu thì nói: Vua cha nghe tin Thái tử chứng quả Phật đến nay đã sáu năm, liền sai Ưu-đà-da đến thỉnh Phật rằng: "Cách biệt suốt mười hai năm nay." Lại nói: Đức Phật trở về nước vào cung ngồi trên tòa thì La-vân đến vấn an. Quần thần đều nghi: Thái tử đã bỏ nước ra đi đến nay mười hai năm vì sao lại có con. Văn của các kinh ấy đều nói là xuất gia và sáu năm khổ hạnh rồi thành đạo, lại trải qua sáu năm sau mới trở về nước. Xét ngược lại thì phải lấy hai mươi lăm tuổi làm năm xuất gia. Còn Tụng Cô Sơn thì nói năm tuổi đi dạo chơi thì lời nói này không bằng cớ. Thần Trí Bộ Chú, Bi Luận có dị đồng vậy xin hãy lấy lời ngài Kinh Khê làm chính.

Năm Chu Chiêu Vương thứ năm mươi mốt (năm Kỷ Mão). Năm đầu Chu Mục Vương (con của Mãn Chiêu Vương năm thứ nhất (năm Canh Thìn)). Năm Mục Vương thứ hai (Tân Tỵ) Hàng Thiên Ma, năm Mục Vương thứ ba (Nhâm Ngọ). Năm Mục Vương thứ tư (Quý Mùi). Thái tử tự nghĩ: "Ta tu khổ hạnh đã tròn sáu năm nếu lấy thân gầy ốm này để chứng đạo quả, thì các ngoại đạo sẽ cho rằng đói làm nhân cho Niết-bàn, vậy ta phải ăn sau đó mới thành đạo." Ngài liền đến sông Ni liên thiền để tắm rửa. Lúc đó bên ngoài khu rừng có một cô gái chăn bò tên là Nạn-đà-bà-la, do trời Tịnh cư đã hiện xuống báo trước: "Nàng nên cúng dường." Cô gái nghe xong rất đổi vui mừng, lại thấy từ đất mọc lên giống sen ngàn cánh, trên cánh sen có cháo sữa, liền lấy dâng lên. Thái tử chú nguyện rồi thọ thực, khí lực lại đầy đủ (theo Phật Bản Hạnh Kinh thì có hai cô con gái của chúa thôn Thiện sinh là Nan-đà và Bà-la chăn cả ngàn con bò cái để lấy sữa uống. Nàng vắt sữa lần lượt đến mười lăm con, nấu đặc rồi đem dâng cho Bồ-tát. Lại có Long nữ dâng tấm đệm trời quý đẹp để ngài ngồi. Ngài tùy ý ăn no thân thể đầy đặn dung nhan đẹp đẽ như xưa. Kinh Phổ Diệu nói: Long nữ dâng cho ngài tòa ngồi quý đẹp). Xong ngài liền đến rừng cây Tát-la phát nguyện

rằng: "Ta ngồi dưới cây này nếu không thành đạo quyết không đứng dậy." (Các kinh phần lớn đều nói là cây Bồ-đề, đây dịch là Đạo, ý nói ngồi dưới cây này mà thành đạo vậy, thật ra cây ấy tên là Tất-bát-la). Ngài lại suy nghĩ "Chư Phật quá khứ dùng cỏ làm tòa ngồi mà thành đạo Vô thượng." Thích Đề-hoàn Nhân liền biến thành người phàm đem cỏ mềm sạch đến trước Bồ-tát. Ngài hỏi: Ngươi tên gì? Đáp tên Cát Tường. Bồ-tát mừng bảo: "Ta phá điều xấu để thành Cát Tường", bèn trải cỏ làm tòa rồi ngồi kiết già, lại tự thề rằng: "Nếu không thành Chánh giác không rời khỏi tòa này (kinh Nhân Quả). Khi Phật còn là Thái tử xuất gia cầu đạo, vua cha Tịnh Phạn sai năm người họ Thích theo hầu hạ ngài:

1. Kiều-trần-như (Hán dịch là Hỏa Khí).

2. Thập Lực Ca-diếp (cũng gọi là Bà Phu) là bà con bên mẹ, hai người này chấp năm dục lạc. Khi thấy Thái tử bắt đầu ăn lại cháo sữa thì không chấp nhận nên bỏ đi.

3. Át Bệ (Hán dịch là Mã Thắng).

4. Bạt Đề (Hán gọi là Tiểu Hiền là con thứ của vua Cam Lộ).

5. Ma-ha-nam Câu-lợi (là con vua Hộc Phạn, năm người này tên gọi không đồng. Nay theo văn của năm quyển đã trích thì cùng luận này không khác).

Ba người này là bà con bên cha, họ chấp khổ hạnh là tịnh hạnh. Thái tử sau đã biết không phải đạo, bèn bỏ không theo mà ăn cháo sữa, ba người này bảo là ngài điên cuồng mất chí cả nên cũng bỏ đi (Tân-bà-sa Luận, kinh Nhân Quả ở phần BốnGiáo Nghi thì nói hàng ma trước, thành đạo sau. Kinh Hoa Nghiêm thì nói trước thành đạo, sau hàng ma. Diệu Lạc bảo hàng ma xong liền chuyển pháp luân. Đây là chỗ thấy của Đại tiểu cơ nên có khác. Nay theo văn nói là hàng ma xong thì nhập định. Khi sao Mai mọc thì hóa nhiên đại ngộ, vậy phải lấy việc hàng ma là trước).

Lúc bấy giờ cung điện của Ma vương tự nhiên rúng động. Ma vương tự nghĩ: Cù-đàm sẽ thành Chánh giác, vậy ngay lúc chưa thành đạo hãy đến phá hoại. Do đó tay cầm cung tên cùng các quyến thuộc tụ hội dưới gốc cây bảo Bồ-tát rằng: "Ngươi nên tu pháp Chuyển luân vương, hãy dẹp đi pháp xuất gia. Nay nếu không đứng dậy ta sẽ bắn ngươi." Bồ-tát vẫn điềm nhiên không kinh động. Ma vương bèn giương cung bắn tên, tên đều lơ lửng trên không trung, các mũi nhọn rơi xuống đất đều hóa thành hoa sen. Ma vương lại sai ba cô gái bạch cùng Bồ-tát rằng: Này Nhân giả chí đức! Chúng tôi nguyện theo hầu hai bên ngài."

Bồ-tát đáp: "Các ngươi gieo trồng ít thiện căn nên được làm Thiên nữ, không nghĩ nhớ việc vô thường mà lại làm việc yêu mị, hãy đi ngay ta không cần." Khi đó cả ba Thiên nữ liền biến thành ba bà lão tóc bạc, mặt nhăn. Ma vương liền lấy lời ngon ngọt khuyến dụ: "Nếu như không thích cõi nhân gian thì ta sẽ bỏ ngôi trời và năm dục lạc mà dành tất cả cho ông." Bồ-tát đáp: Nhà ngươi trước kia tu ít hạnh Bố thí, nay được làm Tự tại Thiên vương, phước này có kỳ hạn, hết rồi sẽ bị chìm đắm, đó không phải điều ta mong! Ma nói: Quả báo của ta thì ông đã biết, còn quả báo của ông thì ai biết? Bồ-tát đáp: "Chỉ đất này biết được!" Khi ấy cả đại địa đều chấn động mạnh. Địa thần từ dưới đất vọt lên bảo Ma rằng: Từ xa xưa Bồ-tát đã đem đầu mặt tủy não, quốc thành, vợ con, voi ngựa, châu báu... đem bố thí nhiều không thể kể xiết là vì muốn cầu đạo vô thượng chân chánh, thế nên nay nhà ngươi không nên phá rối. Ma vương nghe nói thì sợ hãi, liền nghĩ thầm: Ta nay phải dùng phương tiện tập hợp quân ma dùng sức bức hiếp. Lúc đó quân ma chợt đầy khắp không trung, cầm kích, múa kiếm, nhiều đầu nhiều mắt, hình thù quái dị vây quanh Bồ-tát, bốn phương khói mịt, bốn biển sóng trào, quân ma dùng hết oai lực, như trợn mắt, nghiến răng và bay đảo lung tung... nhưng Bồ-tát xem như trò đùa trẻ con. Thần ẩn mình trên không trung cất tiếng vang nói rằng: Bồ-tát đã trải nhiều kiếp tu tập thiện quả vì muốn cứu độ chúng sinh, ngày nay cớ sao các ngươi dám quấy nhiễu Đạo sư. Hôm nay nhất định dưới gốc cây này Bồ-tát sẽ thành đạo Vô thượng. Đất đai này chính là tòa Kim cang của chư Phật quá khứ, đã từng nhận lấy các diệu định, sức người không thể phá được. Các ngươi hãy nên bỏ hết tánh kiêu mạn mà phụng thờ ngài. Khi nghe tiếng nói trên không trung thì Ma vương liền kéo về bản cung (kinh Nhân Quả). Ác ma Ba-tuần đem tám mươi ức chúng muốn đến phá hoại Phật, bảo rằng: "Ông không gấp ra đi ta sẽ ném ông xuống biển." Phật bảo ma Ba-tuần rằng: Nhà ngươi xô được cái bình tắm này thì mới có thể ném ta xuống biển. Lúc đó ma Ba-tuần không lắc nổi chiếc bình nên quân ma bèn tan rã (kinh Tạp Bảo Tạng). Trưởng tử của ma Ba-tuần là Thương Chủ đến đảnh lễ Bồ-tát cầu xin sám hối bạch rằng: Cha con ngu muội dám xúc phạm đến Đại Thánh, mong ngài rộng lượng dung thứ (kinh Phật Bản Hạnh, từ trên là hàng Tiểu cơ thấy tướng hàng ma).

Lời thuật rằng: Các kinh đều nói: Ma Ba-tuần ở trên đỉnh trời Sáu dục, có cung điện riêng. Nay kinh Nhân Quả lại chỉ cho Tự tại Thiên vương. Như đây thì phải là cõi trời thứ sáu. Nay có hai sự khác biệt này là do người dịch dùng nghĩa không đồng vậy.

Phật thành đạo

Ngày bảy tháng hai, khi ác ma tan rã thì tâm Bồ-tát thanh tịnh sáng suốt bất động. Sau khi mặt trời lặn, ánh trăng trong suốt sáng trưng, muôn sao lấp lánh, trời mưa hoa báu và trổi các loại nhạc dùng để cúng dường. Bồ-tát hàng ma xong thì phóng luồng ánh sáng lớn rồi nhập định suy tư Chân Đế, biết rõ các việc thiện ác đã tạo ra từ quá khứ, tuổi thọ dài ngắn, tất cả chúng sinh phải luân hồi trong năm đường không có chân thật, sinh ra khổ vui. Khi sao Mai vừa mọc thì hoác nhiên đại ngộ (tức sáng ngày mồng tám tháng hai) được chứng Vô thượng Chánh giác cao quý nhất (kinh Nhân Quả, đây là Tiểu thừa thấy về tướng thành đạo).

Ngày Đức Phật thành đạo thì Hộc Phạn vương sai sứ đến thưa với vua Tịnh Phạn rằng: Quý đệ vừa sinh một trai. Vua rất vui mừng bảo sứ rằng: Hôm nay ngày đại cát là trai nên đặt tên là A-nan (Hán dịch là Hoan Hỷ), làm lễ ăn mừng cả nước, lại gọi là Khánh Hỷ (theo Đại Luận). Cũng là năm Gia-du phu nhân sinh con trai tên là La-hầu-la (Hán dịch là Phú Chướng do nghĩa ngăn che làm chướng ngại). Lúc sinh La-hầu-la thì A-tu-la ăn mặt trăng, nhân đó mà đặt tên. Thuở xưa ngày Thái tử xuất gia đã chỉ tay vào bụng vợ bảo rằng cách sáu năm sau nàng sẽ sinh một con trai, từ đó có thai sáu năm mới sinh con (Thụy Ứng Kinh).

Lời thuật rằng: Đại thừa bỏ phần trụ thai mà hợp phần hàng ma với thành đạo. Còn Tiểu thừa thì tách hàng ma mà hợp trụ thai với thác thai. Trụ Thai thì thấy trong Khởi Tín Luận, còn hàng ma thì thấy ở BốnGiáo Nghĩa mà trước đây đã luận thông suốt. Nay xem cả Đại Tiểu thừa thì đều có nói về trụ thai và hàng ma. Như Kinh Hoa Nghiêm nói: Bồ-tát trụ thai mẹ rồi thị hiện các tướng xuất gia, thành đạo... Đây là sự trụ thai của Đại thừa vậy. Kinh Nhân Quả thì nói: Bồ-tát ở trong thai mẹ mà đi đứng nằm ngồi, mỗi ngày có sáu thời nói pháp cho trời và quỷ thần nghe. Đây là sự trụ thai của Tiểu thừa vậy. Phẩm Ly Thế Gian trong kinh Hoa Nghiêm nói: Bồ-tát xuất gia, thành đạo, hàng ma, chuyển pháp luân... Còn Diệu Lạc thì nói: Bốn Phật đều có bốn tướng hàng ma. Đây là hàng ma của Đại thừa vậy. Kinh Nhân Quả nói: Hàng ma rồi liền nhập định, khi sao Mai mới mọc thì liền chứng bậc Chánh giác tối cao. Đây là việc hàng ma của Tiểu thừa.

Nay muốn thuận tám tướng mà nói nên phải thuận theo hai lời văn của Khởi Tín Luận và bốn Giáo Nghĩa tách ra hợp lại để làm chứng cớ.

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 3
(PHẦN THƯỢNG)

CHUYỂN PHÁP LUÂN (GỒM 5 THỜI)

Lời tựa: Nói Pháp độ người là yếu chỉ lớn của việc Như Lai ra đời. Người có Lợi - Độn, pháp có Đốn - Tiệm, cho nên ai nấy nghe pháp đều được ngộ nhập. Cũng như vua thầy thuốc theo bệnh cho thuốc, thuốc ứng hợp cơ nghi thì mọi bệnh đều hết. Lời Sớ chẳng nói thế sao? Nay trước sau Phật chuyển đủ năm vị pháp luân. Chuyển pháp này để độ tâm người khác khiến đều được ngộ. Đây là ý nghĩa của việc chuyển pháp luân vậy.

Như Lai chuyển pháp luân, một đời năm thời gồm có tám giáo.

Chuyển pháp luân: Luân, nghĩa là lăn nghiên nát. Như Lai nói pháp để chuyển hóa tâm người, đối với pháp rất tự tại như Luân vương vận chuyển xe báu vô ngại. Lại như tam luân khó nghĩ bàn của Như Lai là thân luân thì hiện khắp, Khẩu luân thì thuyết pháp, Ý luân thì xét Cơ, hay vì chúng sinh cán nát tất cả hoặc lụy. Pháp Uyển nói rằng: Luân vương có hai thứ về Tài luân vương thì có bốn bậc là:

1. Kim luân có ngàn căm hóa độ khắp bốn châu, khi con người sống tám vạn tuổi ở kiếp trụ thì ra đời.

2. Ngân luân có bảy trăm năm mươi căm, hóa độ ba cõi thiên hạ trừ Bắc châu.

3. Đồng luân có năm trăm căm, hóa độ hai châu Đông và Nam.

4. Thiết luân có hai trăm năm mươi căm, chỉ hóa độ ở Nam châu, như A-dục vương.

Về pháp luân vương: Nếu tuổi thọ của người giảm còn một trăm năm thì Như Lai ra đời.

Về một đời: Chung chỉ cho tám tướng riêng ở trong năm thời. năm thời lại có chung và riêng. Diệu Huyền nói rằng: Căn cứ vào Bán Mãn của năm vị mà luận về riêng thì có giới hạn riêng. Còn luận về Chung

thì chung cho trước sau. Như Hoa Nghiêm thì chỉ riêng cho thời đầu còn chung thì đến đời sau. Về Lộc uyển thì đã bỏ lệ này mà nói pháp. Nay luận về một đời giáo hóa thì chỉ ở nghĩa riêng.

Luận về năm thời, là nghĩa lấy từ ba kinh. Đó là phẩm Tam Chiếu của Hoa Nghiêm, phẩm Ngũ Vị của Niết-bàn và phẩm Tín Giải của Pháp Hoa. Bốn vị đại đệ tử đã hiểu rõ các văn này. Cho nên văn kinh nói rằng: Bốn đại đệ tử vào sâu ý Phật, hiểu rõ giáo pháp về năm thời của một đời, thứ lớp trước sau. Lời văn ấy nói việc này.

Về tám giáo, thì Diệu Lạc có nói: Hóa nghi bốn giáo là đại cương của phán giáo. Còn Hóa pháp bốn giáo là cương mục của thích nghĩa, vậy nên biết Đốn... là Phán Tạng... là Thích Nghĩa. như xét biết Hoa Nghiêm là Đốn thì lấy Biệt Viên mà giải thích. Cho đến xét Pháp Hoa không phải Đốn cũng không phải Tiệm thì dùng thuần Viên mà giải thích. Đây là phép tắc giải thích kinh của các nhà ngày nay vậy. Diệu lạc lại nói: Nếu làm hao mòn các kinh chỉ dùng Tạng... thì văn ấy út thông. Nếu giải thích Pháp Hoa mà không dùng tám thứ Đốn... nêu ra để ngăn sai lầm. thì các kinh khác chỉ luận về căn cứ thích hợp được ích lợi Cho nên chưa cần phải dùng Đốn... Nếu giải thích Pháp Hoa thì cần phải nói rõ một đời, cho nên phải cần dùng Đốn... để bao quát trước sau. Phụ Hành nói rằng: Tạng... bốn giáo thì gồm thâu tất cả kinh Điển Đại Tiểu thừa, đó là: Nhân quả rõ ràng, các giáo đều lập giáo chủ, khắp độ các cơ trước sau đầy đủ, thì đều không ngoài bốn thứ này. Đốn... bốn giáo chỉ là Lực Bất Tư nghì của Như Lai khắp bày ra hay giấu kín, thừa hay thiếu mà điều đình thuần thục cả mọi căn cơ, vì phá tà lập chánh, dẫn Tiểu thừa về Đại thừa, bỏ thiên bày Viên, hội Quyền về Thật... mà các bộ có năm vị cùng sinh nhau lợi vật vô cùng, đúng lúc xuất hiện hay diệt độ.

Nói năm thời:

1. Thời Hoa nghiêm. Nói đủ là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, tên kinh có đủ cả nhân, pháp, dụ. Biệt Hạnh Huyền Ký nói rằng Đại Phương Quảng là pháp, Phật là Xá-na quả nhân, Hoa Nghiêm là dụ, vì dùng các hoa địa nhân làm trang nghiêm quả đức (văn kinh). Kinh này gồm có bảy xứ, chín hội. Hội xứ không phải một, nên lấy đó nêu tên kinh.

2. Thời Lộc uyển: Phụ Hành dẫn Đại Luận nói rằng: Nhân địa của Như Lai xưa là một con Nai chúa. Vua Ba-la-nại vào núi săn bắn, bắt được một nai mẹ đang có mang, sắp đem ra nấu cổ. Nai mẹ bảo nai chúa rằng: “Con mình bị giết oan.” Nai chúa bèn đến chỗ vua xin thế

mạng. Vua nói kệ đáp rằng:

Ta là người đầu nai
Ngươi là nai đầu người
Lấy lý mà làm người
Không lấy hình làm người.
Ta bắt đầu từ nay
Không ăn tất cả thịt
Ta tu vô úy thí
Tất khiến ngươi an lòng.

Nơi đó bầy nai ở yên nên gọi là Lộc uyển, cũng gọi là Nại uyển tức đặt tên theo cây. Cũng gọi là Tiên uyển vì có hai vị Tiên ở đấy, đây là do chỗ mà nêu tên đất, mượn tích của nhân hạnh xưa vậy.

3. Thời Phương đẳng: Bốn giáo cùng nói thì gọi là phương, bốn cơ đều đủ thì gọi là đẳng. Đây là từ pháp mà được tên. Y vào bộ mà lập giáo nên Tục Di Ký nói rằng: Tên Phương đẳng có hai ý. Như kinh điển Đại thừa từ lạc mà có sinh tô, vì như Tu-đa-la sinh ra Phương đẳng. Đây là căn cứ vào thời thứ ba nhắm vào bộ giáo liền có ba thừa bốn giáo khắp các cơ. Nếu như ngài Phổ Hiền nhìn thấy kinh Phương đẳng này bằng mắt của chư Phật, bèn nói thẳng Viên Lý không phải là thời thứ ba (theo văn kinh). Phổ Hiền Phương đẳng chính là nghĩa Phương Quảng bình đẳng. Chỗ các bộ Đại thừa nói về viên lý thì đều gọi là Phương đẳng.

4. Thời Bát-nhã: Hán dịch là Trí Tuệ vì tôn quý nên không dịch, là một trong năm thứ không dịch. Nói đủ là Ma-ha Bát-nhã, đây là đặt tên theo kinh.

5. Thời Pháp hoa Niết-bàn: Cả hai kinh đều nói về khai hiển, đều thuộc vị đề hồ, nên họp thành một thời. Đây là đặt tên theo kinh. Pháp Hoa nói đủ là Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, do diệu pháp nên có ba nghĩa là thí, khai, phế, nên lấy liên hoa làm dụ.

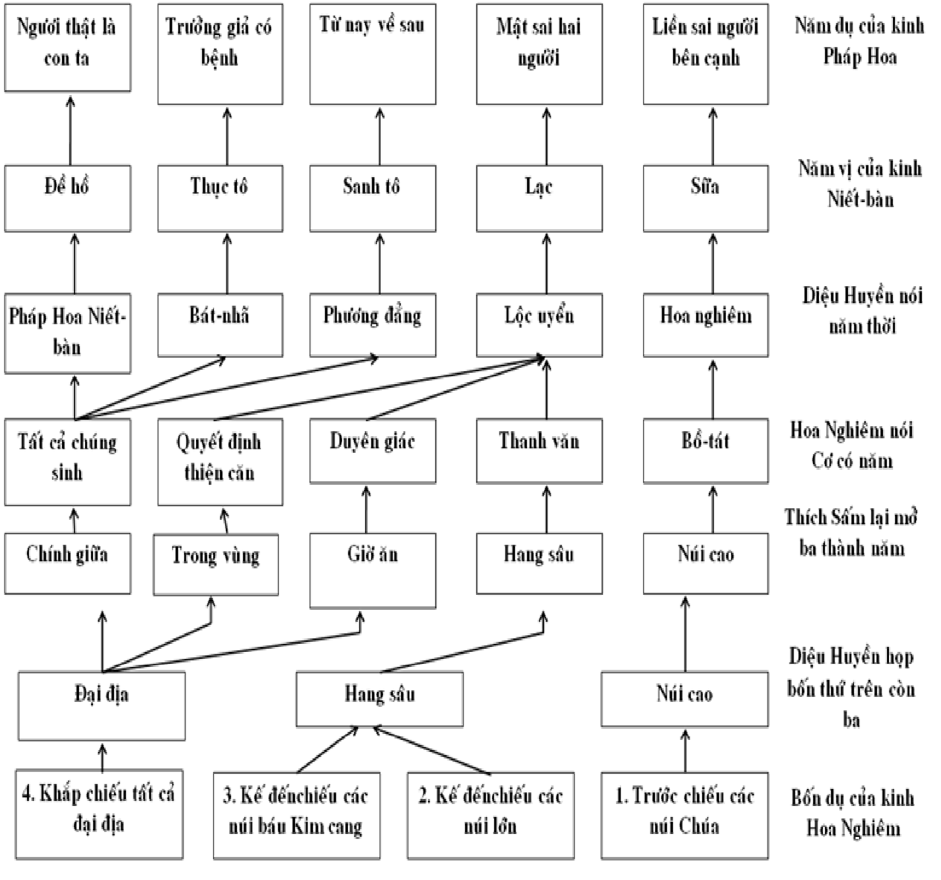
Về Niết-bàn thì nói đủ là Ma-ha Bát-niết-bàn Kinh. Hán dịch là Đại Diệt Độ. Đại tức là Pháp thân, Diệt là Giải thoát, Độ là Bát-nhã. Một kinh mà cả trước sau, chỉ nói về ba đức.

Ấy là năm thời. Đặt tên năm thời không ngoài ba nghĩa (dụ, xứ, pháp) như Hoa nghiêm thì từ dụ, còn Lộc uyển thì từ nơi chốn, Phương đẳng, Bát-nhã, Niết-bàn đều từ pháp. Riêng Pháp hoa thì từ pháp và dụ.

Cũng gọi năm vị. Đây có hai nghĩa tương sinh và đậm nhạt. Về tương sinh, Diệu Huyền nói rằng: là sau Đốn đầu tiên, Kế đến đó là

Khai Tiệm. Nên kinh Niết-bàn nói rằng: Từ Phật mà có mười hai bộ loại kinh văn, từ mười hai bộ loại kinh văn mà có Tu-đa-la. Ví như từ bò mà có sữa, từ sữa mà có lạc... thứ lớp tương sinh nên không lấy đậm nhạt. Lại bảo rằng: Khi nói tiếng sữa thì ý không nằm ở chữ nhạt vì ban đầu là gốc. Nói đậm nhạt thì nghĩa như nói năm vị trong kinh chỉ là dụ năm thời đậm nhạt của một đời thuyết giáo. Dù đậm nhạt khác nhau nhưng đều từ bò mà ra. Nguyên Thảo Đường nói rằng: Tương sinh là dụ cho giáo, còn đậm nhạt là dụ cho cơ. Dụ cho giáo thì có thứ lớp, từ đốn mở ra tiệm, tiệm lại chuyển nhập sâu vào va cuối cùng thì gặp nhau ở Viên. Dụ về Cơ thì có hơn và kém. Trước từ điếc câm bị quở trách đào thải và rốt cục thì đều được thọ ký (theo Văn Kinh). Chỉ có một thứ năm vị mà có hai thứ ví dụ là năng thí thì chung mà sở thí thì riêng. Nay luận về thứ lớp một đời giáo hóa thì chỉ lấy nghĩa tương sinh.

Bản đồ về ba chiếu, năm thời, năm vị.



Về phẩm Tánh Khởi của kinh Hoa Nghiêm (bản cựu dịch). Ví như mặt trời lúc mới mọc sẽ chiếu trước hết đến các núi chúa, Kế đến đó mới chiếu đến các núi lớn, rồi mới chiếu tới núi báu Kim cang. Sau mới chiếu khắp nơi, chiếu khắp tất cả đại địa mà ánh mặt trời không hề nghĩ rằng ta đang chiếu trước tiên đến các núi chúa rồi lần lượt sẽ chiếu khắp đại địa. Nhưng núi thì có cao thấp, chiếu thì có trước sau. Đức Như Lai cũng như thế. Ngài thành tựu ánh vô lượng sáng trí tuệ, vô biên pháp giới trước chiếu đến hàng Bồ-tát, Kế đến chiếu đến Duyên giác. Kế đến chiếu đến Thanh văn rồi đến hàng chúng sinh quyết định thiện căn tùy ứng hiện mà được giáo hóa (Tam tạng Bồ-tát), cuối cùng mới chiếu đến tất cả chúng sinh... Lại nói rằng ví như mặt trời mặt trăng xuất hiện thì ở thế gian cho đến núi cao hang thẳm không nơi nào không chiếu đến (Văn Diệu Huyền họp núi lớn và núi báu thành hang sâu, như văn đã trích).

Kinh Niết-bàn nói rằng: Khi Đức Phật nói hai mươi lăm thứ Tam-muội, Bồ-tát Vô Cấu Tạng bạch Phật rằng: Như Phật đã nói chư Phật và Bồ-tát thành tựu các công đức trí tuệ trăm ngàn vạn ức thật khó nói hết. Ý con cũng bảo việc đó không bằng kinh này đã sinh ra A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Đức Phật nói: Ví như từ bò mà có sữa, từ sữa mà có lạc, từ lạc mà có sinh tô, từ sinh tô mà có thục tô, từ thục tô mà có đề hồ, đề hồ là vị cao nhất. Phật cũng như thế. Từ Phật mà có mười hai bộ kinh, từ mười hai bộ loại kinh văn mà có chín bộ Tu-đa-la. Từ Tu-đa-la sinh ra Phương đẳng, từ Phương đẳng sinh ra Bát-nhã, từ Bát-nhã sinh ra Niết-bàn. Còn vị đề hồ ví như Phật tánh. Phật tánh tức là Như Lai.

Thích Thiêm nói rằng: Niết-bàn năm vị chuyển biến thật ra chỉ là một chất sữa. Hoa nghiêm ba chiếu không đồng nhau, kỳ thật chỉ là một mặt trời. Nay diễn nói ví dụ bình địa của Hoa nghiêm để đối với Tam-muội. Sau Niết-bàn, số lượng tuy không đồng nhưng nghĩa thì rõ ràng bằng nhau... Lại nói: Hoa nghiêm chỉ nói đất bằng. Nay lấy các ví dụ của Phương đẳng, Bát-nhã, Pháp hoa. Về Phương đẳng như trong giờ ăn, Bát-nhã như ở trong vùng, còn Pháp hoa như ở chính giữa.

Nói về tám giáo, tức đốn, tiệm, bí mật, bất định là hóa nghi còn tạng, thông, biệt, viên là hóa pháp. Đó là tám giáo. Hóa nghi thì như toa thuốc còn hóa pháp thì là vị thuốc.

Nói giáo, có nghĩa trình bày lý lẽ để độ người, tức là lời lẽ cũa Thánh nhân hóa độ muôn vật. Về hóa nghi bốn giáo là cách thức hóa độ của Như Lai, nên dụ như toa thuốc. Còn hóa pháp bốn giáo là pháp cứu độ để trừ bệnh cho chúng sinh, nên dụ như vị thuốc. Nghĩa lý căn

bản của hóa nghi bốn giáo chỉ là tạng, thông, biệt, viên. Tuy gọi chung là giáo kỳ thật không có thể riêng.

Dẫn văn làm chứng về tám giáo. Trước hết là hóa nghi bốn giáo.

Như kinh Hoa Nghiêm: Khi mới phát tâm bèn thành Chánh giác. Diệu Huyền nói: “Như mặt trời mới mọc trước chiếu núi cao.” Đây là như duyên Hoa Nghiêm mà được ích lợi lớn gọi là Đốn giáo tướng. Kinh Vô Lượng Nghĩa nói rằng: Từ một đạo thanh tịnh mà lập ra hai, ba, bốn thứ Diệu Tạng. Kế đến chiếu vào các hang sâu, đây như Tam tạng. Kế đến chiếu khắp đất bằng, đây như Phương đẳng, Bát-nhã đều là Tiệm giáo tướng. Kinh Đại thừa có lúc nói sâu, có lúc nói cạn. Còn kinh Tịnh Danh nói: “Phật chỉ dùng một thứ tiếng mà mọi chúng sinh đều hiểu. Đấy là Bất định giáo. Trong Đại Phẩm nói: “Ta thấy ở cõi Diêm-phù-đề chuyển luân lần thứ hai. Đại Luận nói rằng: “Chuyển luân bây giờ cũng giống như chuyển pháp luân lúc đầu.” Đấy là Bí mật giáo.

Kế đến là hóa pháp bốn giáo: Diệu Huyền dẫn Trường A-hàm nói rằng: “Phật nói bốn đại giáo.” Thiêm nói rằng: “Chỉ có bốn, ngoài ra thì là tạng... Kinh Nguyệt Đăng Tam-muội nói: Bốn thứ Tu-đa-la, trong đó có bốn thứ trí đoạn trừ vô minh.” Ngài Chương An riêng giải thích để đối với bốn giáo. Thiêm nói: Nghĩa rất tương ứng với bốn giáo. Song đây là căn cứ theo nghĩa để đối nhau, chưa thấy nói mục đích lập tên. Nay căn cứ vào bốn giáo nghĩa dẫn kinh Pháp Hoa nói rằng: Kẻ ham thích học ba tạng Tiểu thừa tạo ra luận, nay chính ta muốn luận về thật nghĩa của Tam tạng, thì đây đều là danh nghĩa của tạng giáo. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Vì nói Tu-đa-la đầy đủ. Đại Phẩm nói rằng: “Muốn dùng Nhất thiết chủng trí để biết tất cả pháp thì phải học Bát-nhã.” Kinh Pháp Hoa là lấy bình đẳng đại tuệ vì đại chúng mà nói, các điều nói ra đều là chân thật. Còn kinh Niết-bàn thì có một hạnh gọi là hạnh Như Lai, đó là Đại Bát-niết-bàn. Đại Luận nói: “Ba trí, kỳ thật chỉ có một tâm mà được... thì đều là danh nghĩa của viên giáo cả.”

Về văn, chỉ có hai tên thông biệt nhưng ở khắp các văn, là chỗ lập nghĩa của Đại sư. Như bốn giáo nghĩa dẫn Đại phẩm nói rằng: Cả ba thừa đều có được trí Tát-bà-nhã, cả ba thừa cũng đều được thật tướng của các pháp trong Trung luận. Đây đều là nghĩa của Thông giáo. Thông tức là đồng vậy. Cả ba thừa đều thọ học nên gọi là Thông.

Kinh Vô Lượng Nghĩa nói rằng: Ma-ha Bát-nhã và biển không của Hoa nghiêm đều tuyên nói Bồ-tát tu hành trải nhiều kiếp. Còn kinh Niết-bàn nói rõ về năm hạnh. Và Đại luận thì không cùng với Bát-nhã đoạn trừ các biệt hoặc... Đây đều là nghĩa của Biệt giáo. Biệt nghĩa là

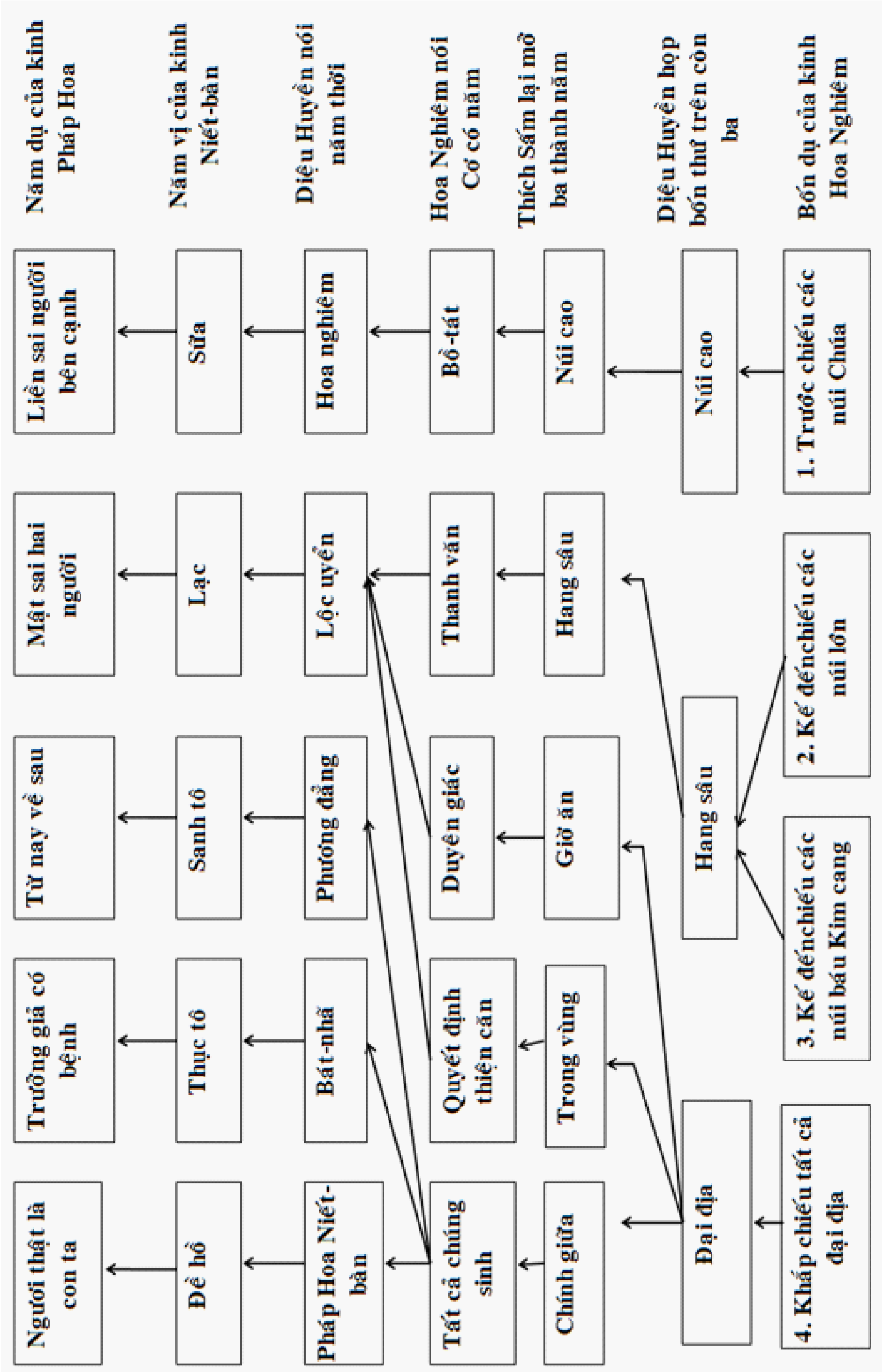
tên của Bất cộng.

Về danh nghĩa của tám giáo, nói thẳng là đối với Đại thừa thì các bộ ở thời đầu gọi là Đốn, những trung gian Tam-muội dẫn Tiểu thừa hướng đến Đại thừa nên gọi là Tiệm. Một tiếng mà hiểu khác, không hiểu được lẫn nhau nên gọi là Bí mật. Nghe Tiểu thừa mà chứng Đại thừa, nghe Đại thừa mà chứng Tiểu thừa nên gọi là Bất định. Cả ba thứ kinh, luật, luận đều chứa pháp nghĩa nên gọi là Tam tạng. Cả ba thừa cùng tu mà Bồ-tát lợi căn thông Biệt thông Viên nên gọi là thông. Pháp của riêng Bồ-tát thứ lớp đoạn trừ và chứng đạo, khác với Tạng Thông ở trước và Viên giáo ở sau nên gọi là Biệt. Khi giáo, lý, trí, đoạn, hạnh vị nhân quả tất cả đều viên dung nên gọi là Viên.

Xem bản đồ về bốn giáo đối gặp năm thời (ở dưới)

Diệu Huyền giải thích về "Như thị ngã văn" nói rằng: Nếu như Thị không phải vượt bỏ tám thứ thì làm sao lại được nghe kinh này (văn kinh), đây phải lấy bộ giáo mà phân định, căn cứ vào bộ thì không phải là Viên bao gồm hết, nên vượt bỏ tám giáo. Nếu chỉ căn cứ vào Giáo thì nghĩa của Viên xưa nay lại không có hai thứ. Cho nên Thiêm nói rằng: Viên giáo trong tám giáo. Còn mang theo cái thiên mà nói Viên thì cũng thuộc về Tiệm. Nay Viên của Pháp hoa thì mở Thiên làm sáng tỏ Viên, ngoài Viên không có pháp nào khác.

Đốn giáo đầu tiên, tức là thời Hoa nghiêm thứ nhất theo bộ, thời, vị mà có tên là Đốn. Đây gọi là Như Lai mới thành Chánh giác ở đạo tràng tịch diệt, bốn mươi mốt vị Pháp thân đại sĩ và hàng Thiên long bát bộ đã thành thục từ đời trước... cùng lúc đồng vây quanh như mây bao phủ trăng. Lúc đó Như Lai hiện thân Lô-xá-na nói Tu-đa-la viên mãn, nên gọi là Đốn giáo.


Năm dụ của kinh Pháp Hoa
Liền sai người bên cạnh
Mật sai hai người
Từ nay về sau
Trưởng giả có bệnh
Người thật là con ta
Năm vị của kinh Niết-bàn
Sữa
Lạc
Sanh tô
Thục tô
Đề hồ
Diệu Huyền nói năm thời
Hoa nghiêm
Lộc uyển
Phương đẳng
Bát-nhã
Pháp Hoa Niết-bàn
Hoa Nghiêm nói Cơ có năm
Bồ-tát
Thanh văn
Duyên giác
Quyết định thiện căn
Tất cả chúng sinh
Thích Sấm lại mở ba thành năm
Núi cao
Hang sâu
Giờ ăn
Trong vùng
Chính giữa
Diệu Huyền họp bốn thứ trên còn ba
Núi cao
Hang sâu
Đại địa
Bốn dụ của kinh Hoa Nghiêm
1. Trước chiếu các núi Chúa
2. Kế đếnchiếu các núi lớn
3. Kế đếnchiếu các núi báu Kim cang
4. Khắp chiếu tất cả đại địa

Đốn giáo thì có hai nghĩa ước theo bộ theo giáo: Nếu theo bộ thì riêng ở thời Hoa Nghiêm, còn theo giáo thì chung cả các thời khác. Nay chính là theo Bộ mà nói về Đốn giáo. Đốn là đối với ba thứ tiệm, hóa, nghi ở dưới mà nói. Đoạn văn dưới nói rằng: Từ bộ, thời, vị mà có tên là Đốn vậy. Hoa Nghiêm là bộ, chiếu trước là thời, sữa là vị, hợp ba nghĩa này là bộ, thời, vị, là phân biệt với các thời khác. Về thời Lộc uyển sau đó thì cũng có thể nói từ bộ, thời, vị mà có tên là Tiệm đầu tiên. Từ đây về sau theo lệ này.

Mới thành Chánh giác, đây là căn cứ vào Tích của Đại thừa đầu tiên mà nói, không phải là Bản của lúc mới thành.

Đạo tràng tịch diệt, tức Tịch năm trụ phiền não và diệt hai thứ sinh tử, kiến hoặc có một trụ, tư hoặc phân làm ba và trần sa họp với vô minh làm một trụ, là phần đoạn sinh tử ở cõi đồng cư. Mà biết dịch sang tử ở cõi Phương tiện thật báo. Đạo tràng chứng đắc cũng như chỗ sàng sải lúa thóc ở đời, trừ bỏ vỏ thóc năm trụ để được hạt gạo thật tướng. Những kinh mới dịch thì Bồ-đề đạo tràng có tên khác nhau mà nghĩa đồng.

Về bốn mươi mốt vị, thì Diệu Huyền nói rằng: Kinh Hoa Nghiêm nói ba mươi tâm và mười Địa cùng Phật địa nữa là bốn mươi mốt vị. Vì phá vô minh mà hiển bày Lý trung đạo pháp tánh, nên gọi là Pháp thân. Pháp thân có hai nghĩa:

1. Tỳ-lô-giá-na thì gọi là tánh đức Pháp thân.

2. Phá từng phần vô minh để đạt đến chỗ rốt ráo thì gọi là tu đức Pháp thân.

Nay theo văn này là nghĩa tu, gồm cả tánh và đức. Kinh Bốn Niệm Xứ nói: Hoa Nghiêm là trước đó không có thập tín và sau đó không có đẳng giác. Ngọc Tuệ Giác nói: Không thể đem vị ở trong bộ mà vấn nạn về chúng của kinh Hoa Nghiêm này. Bởi kinh Hoa Nghiêm các vị đều nói đến mười, cho nên ghép Đẳng giác vào Thập địa. Quang Minh Ký nói: Hoa Nghiêm không nêu Đẳng giác vì Thập địa là Đẳng giác vậy. Nay nói kinh này nêu bày các chúng nên mới có Đẳng giác. Nếu trước đó không có thập tín, tức Hoa Nghiêm đã nói về mười phạm hạnh thì đó là Thập tín rồi. Cho nên bốn giáo nghĩa nói rằng: Mười thứ phạm hạnh thì đồng với thập tín của Viên giáo. Nay văn kinh chỉ nói Pháp thân đại sĩ nên không cần phải nêu thập tín nữa.

Về Thiên long bát bộ đã thành thục từ đời trước, tức các kinh khi giới thiệu chúng thì có nói đến các rồng... nên dùng Niết-bàn bốn cú mà liệu giản thì có:

1. Thừa gấp mà giới chậm, là bốn thú nghe pháp mà ngộ đạo.

2. Giới gấp mà thừa chậm, là kẻ ham thích quả báo ở hàng trời người mà không nghe pháp.

3. Thừa giới đều gấp, là hàng thiên nhân nghe pháp mà được đạo.

4. Thừa giới đều chậm, là bốn thú không nghe pháp.

Chúng này đều là đã được nghe kinh Hoa Nghiêm ở đời trước. Còn kẻ đang gieo trồng hoặc đã thành thục là những chúng được giải thoát ở hiện tại và tương lai. Chỉ quán có nói: "Dùng thân ở tam đồ gặp Phật Di-lặc để nghe kinh Hoa Nghiêm" là nghĩa này vậy.

Về tám bộ thì như đã thường nói.

Về Như mây bao phủ trăng, thì như Diệu Huyền nói: Bà con của Pháp thân như mây bao phủ trăng cùng giáng thai mẹ. Đây là dụ cho tướng giáng thai mẹ. Nay bốn giáo nghi lấy dụ về tướng chuyển pháp luân và quyến thuộc, hai nghĩa đều hợp. Mây là dụ cho cơ, còn trăng là dụ cho Giáo chủ. Kinh Nhân Vương nói: Đêm trăng rằm thì tối tan trăng tỏ để dụ cho trí đức Tiệm Viên của Như Lai, các hoặc mờ tối đã dứt hẳn, việc đoạn kết đã thành tựu.

Về Lô-xá-na, Hán dịch là Tịnh Mãn, dứt hết các ác gọi là tịnh, muôn đức tròn đủ gọi là Mãn, tức là Tự Báo thân vậy. Cũng gọi là sáng suốt chiếu khắp. Như trong Đại Luận có nói: Ánh sáng vô biên, sắc tượng cũng vô biên, thân tôn quý đặc biệt tức là Tha Báo thân. Nay nói về giáo chủ tức là căn cứ vào bốn minh mà lập nghĩa, chính là Đức Thích-ca hiện thân tôn quý ngồi dưới cội cây. Như Giải Báng Dẫn Kinh nói rằng: Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn không rời các cội cây mà vẫn bay lên núi Tu-di đến cung điện trời Đế Thích nói pháp. Vậy hội Hoa nghiêm há không phải là một trong trăm ngàn ức Ứng thân của Phật đã nói đó ư?

Về Tu-đa-la, Hán dịch là Khế kinh, vì năng thuyết và Sở thuyết đều khế lý khế cơ. Cũng là tên chung của mười hai bộ kinh. Văn tuy Kiêm và Biệt nhưng ý của Bộ là Viên.

"Nếu theo cơ theo giáo chưa khỏi kiêm cả quyền nghĩa là khi mới phát tâm bèn thành Chánh giác"... Đó là vì Viên cơ mà nói Viên giáo. Các nơi đều nói thứ lớp hàng bố thì là vì Quyền cơ mà nói Biệt giáo. Thế nên theo bộ là Đốn, theo giáo gọi là Kiêm (thấy trong Diệu Huyền nói về Thập và bốn Giáo Nghi).

Phát tâm có ba thứ:

1. Giải hạnh phát tâm, có năm phẩm.

2. Tương tợ phát tâm, tức Thập tín.

3. Chân chứng phát tâm, tức sơ trụ.

Đây là Chân chứng phát tâm, tức là phát tâm lý tánh ba nhân, để chứng từng phần về lý ba đức. Bốn Giáo Nghĩa nói rằng: Hoa Nghiêm nói mới phát tâm bèn thành Chánh giác, tức là phát chân vô lậu, đoạn dứt vô minh mà nhập vào Sơ phẩm. Khởi Tín Luận nói: "Bồ-tát phát tâm ấy tùy theo nguyện lực có thể thấy được tám tướng." Diệu Lạc nói rằng: Hoa Nghiêm và Khởi Tín trình bày lời văn sáng tỏ, sơ trụ, tám tướng... Phổ Hiền, Phổ Nhãn ba thứ không sai khác... Đó đều là văn Viên giáo cả.

Hàng bố là bảy chỗ tám hội, nên nói là mọi nơi. Hàng lối xếp bày có sâu cạn, nên gọi là Hàng bố. Kinh này nói có hai môn Viên dung và Hàng bố. Thích Thiêm nói rằng: Hoa nghiêm hội xứ nói rõ hạnh vị không ngoài Biệt và Viên. Nhưng phần lớn ý kinh đều gồm chứa các nghĩa rất khó phán định. Bắt đầu từ trước Sơ trụ cho đến trước vị Đăng địa thì toàn là nghĩa của Viên. Từ Trụ thứ hai đến trụ thứ bảy thì lời văn thứ lớp lại giống với nghĩa của Biệt. Ở trong bảy trụ đó thì đưa ra từ một đến nhiều tướng tức là tự tại. Kế đến là hướng, hạnh, địa. Lại nghĩa là thứ lớp khác nhau. Lại mỗi mỗi ngôi vị đều có hai môn Phổ Hiền, Hàng bố, cho nên biết là Kiêm dùng Văn Viên mà tiếp dẫn.

Kinh Hoa Nghiêm nói: Như mặt trời mới mọc, trước chiếu đến các núi cao (Diệu Huyền).

Mặt trời là dụ cho Giáo chủ, còn núi cao là dụ cho các cơ Biệt Viên. Vì Đại cơ muốn thuần thục thì phải nhờ ánh sáng Tuệ của Như Lai chiếu đến.

Kinh Niết-bàn nói: Từ bò mà được sữa là ví từ Đức Phật mà có được mười hai bộ kinh (Diệu Huyền).

Huyền Văn nói: Đại cơ thọ lãnh giáo pháp liền phá vô minh. Còn Hạnh như đề hồ (Văn) thì đây là chỉ cho cơ núi chúa Hoa nghiêm vậy. Niết-bàn nói: Từ bò mà có sữa, đây là căn cứ vào một thời thuyết pháp mà chỉ cho hàng Thanh văn câm điếc. Cho nên Huyền Văn nói rằng: ba giáo phân biệt, tức gọi là Đốn giáo, cũng tức là đề hồ, năm vị phân biệt tức gọi là Nhũ giáo. Nay nói từ bò mà có sữa tức là vị đầu tiên vậy.

Phẩm Tín Giải nói rằng: Liền sai người bên cạnh (Như Lai là chính, Bồ-tát là bên cạnh, tức là Phật gia bị cho bốn vị Bồ-tát nói bốn mươi Địa: Bồ-tát Pháp Tuệ nói Thập trụ, Bồ-tát Công Đức Lâm nói Thập hạnh, Bồ-tát Kim Cang Tràng nói Thập hướng và Bồ-tát Kim Cang Tạng nói Thập địa. Gấp đuổi theo đưa về (đem Đại giáo mà giảng

tất cho Tiểu cơ nên nói là "gấp đuổi theo". Đại thừa đã có từ xưa nên gọi là "Đưa trở về". Lại tánh đức vốn tự có nên gọi là "Đưa trở về". Kẻ cùng tử kinh ngạc (chợt nghe đại giáo trái ý nên kinh sợ , không biết nên ngạc. Lớn tiếng kêu oan (sinh tử là khổ, phiền não là oan. Vì nghe sinh tử tức Niết-bàn và phiền não tức Bồ-đề liền đau khổ mà lớn tiếng kêu oan). Sứ giả bắt gấp (vì nói cho họ sợ sệt khiến họ bỏ ác, tức là gấp rút). Dùng sức mạnh đem về (bên trong không có cơ bên ngoài lại ép dạy Đại thừa). Kẻ cùng tử tự nghĩ rằng mình vô tội mà bị bắt nhốt ở đây tất là phải chết (chúng sinh vì tội lỗi nên phải đọa vào ngục sinh tử. Bồ-tát cũng đồng tội mà vào ngục. Hàng Tiểu thừa vì không có tâm đại bi nên khi bảo vào sinh tử thì cho là mình bị bắt nhốt cho nên mất hẳn tuệ mạng của cả ba thừa). Càng thêm sợ hãi (vì nghĩ các việc như thế...) chết ngất ngã lăn ra đất (kẻ tiểu trí không hiểu té nằm trên đất vô minh). Người cha từ xa nhìn thấy (kẻ tiểu trí khó biết được đại giáo nên gọi là xa, kết duyên với con nên gọi là nhìn thấy) mà bảo sứ giả rằng (Bồ-tát là sứ giả). Tôi không cần người này (không cần hiện thân tôn quý khiến hàng Nhị thừa thấy được) chớ cưỡng bắt đem về (đã không có đại cơ nên e thương tổn thiện căn). Sứ giả bảo rằng: Nay ta thả ngươi ra (nói không giáo hóa nữa). Người cùng tử vui mừng (vì không còn bị đại giáo câu thúc nữa) bèn đến xóm nghèo để kiếm ăn (chỉ muốn cầu đạo pháp ở Bốnđế. Lời chú văn từ trên đều trích từ Pháp Hoa Văn Cú). Đây nên hiểu nghĩa thế nào? Đây là Như Lai nói giáo môn Viên Đốn, dùng Đại thừa mà dắt dẫn kẻ Tiểu cơ, khiến họ phải chết ngất (kinh Diệu Huyền, quyển mười).

Lời thuật rằng: Hoa nghiêm có ba tên, từ xưa đã có là Tịch trường, Thời trường, Tận vị lai tế và Pháp giới được nêu làm tên thứ tư. Lại phân ba tên trước là thuộc Sự, còn một tên sau là thuộc Lý. Đây đều là nhầm lẫn nhiều đời. Nay dốc lòng luận về nghĩa này thì chỉ có ba tên:

1. Tịch trường. Diệu Huyền dẫn phẩm Phương Tiện nòi rằng đầu tiên ngồi ở đạo tràng hai mươi mốt ngày suy tư là để nói Đức Thích-ca đầu tiên nói về Đốn giáo (từ quyển đầu đến quyển thứ ba mươi sáu là phần trước).

2. Thời trường. Diệu Huyền đã dẫn Pháp Tánh Luận nói về ba chỗ Độn căn nhập pháp giới (từ quyển ba mươi bảy trở đi là phần sau).

3. Tận vị lai tế. Pháp Hoa Văn Cú nói rằng: Ở hội cuối Hoa nghiêm mới mở ra Tiệm giáo. Diệu Lạc nói rằng: Vả đây gởi nhờ một hội thuyết giáo ở cõi Ta-nà là dùng để thông hiểu ý này. Nên biết rằng Hoa nghiêm tận vị lai tế, tức là kinh này luôn ở hội Linh sơn đâu khác, khắp mười

phương mà thay nhau làm chủ và bạn (hai tên trước thấy ở Diệu Huyền, còn một tên sau thấy ở Diệu Lạc) Tuy có đến ba tên nhưng kinh được nói ra không thứ nào không phải là Hoa Nghiêm, về lý được trình bày thì không thứ nào chẳng phải là Pháp giới. Hoặc khi nói về thai mẹ, thì Diệu Huyền nói rằng Đức Phật từ cung trời Đâu-suất giáng sinh thì cùng với cả bà con Pháp thân đều giáng thần vào thai mẹ và ở trong đó ngài luôn nói Diệu Pháp (Văn kinh). Lúc đó chưa chuyển pháp luân, nên phải thuộc vào tướng cõi Thật báo tân vị lai tế.

Về chuyên giáo hóa khắp Đại cơ, có thuyết nói về "Hải Không", Diệu Huyền dẫn kinh Vô Lượng Nghĩa, Kế đến đó nói về Văn Hải Không của Bát-nhã Hoa Nghiêm. Đây chỉ là nhân của Bát-nhã nhập vào pháp giới được xếp vào thời Trường. Song thai mẹ và hải không không phải riêng có hai tên. Nên xét kỹ.

"Thời trường" chung cả các thời sau. Lời thuật rằng: Lời bình về Thời Trường thông đến ba xứ đó là Pháp môn. Hải Không của Bát-nhã, Phật Tuệ của Pháp Hoa và Tâm Địa của Niết-bàn.

Diệu Huyền dẫn kinh Vô Lượng Nghĩa nói rằng:

Kế đến nói Bát-nhã trải nhiều kiếp tu hành Hải Không của Hoa Nghiêm, Pháp Hoa hội nhập vào Phật tuệ, tức là thông đến hai kinh (Thích Thiêm nói rằng: Do Bát-nhã mà cũng được tên là Hoa Nghiêm, vì Phật tuệ của Pháp Hoa không khác thời đầu. Lại Diệu Lạc nói rằng: Phải biết rằng nói theo Pháp giới luận thì không đâu không phải là Hoa Nghiêm, nói theo Phật tuệ thì đâu cũng là Pháp Hoa cả). Đây chứng tỏ là thông cả Bát-nhã và Pháp Hoa vậy.

Lại dẫn kinh Tượng Pháp Quyết Nghi nói rằng: "Nay ở trong tòa này ai nấy đều thấy không giống nhau. Hoặc có người thấy Như Lai nhập Niết-bàn, hoặc thấy Báo thân của ngài sinh trong Liên Hoa Tạng Hải nói Pháp môn Tâm Địa cho trăm ngàn vạn ức Thích-ca.

Diệu Huyền lại nói: "Mặt trời nếu có lặn xuống thì cũng còn chiếu sáng trên các đỉnh núi cao." Cho nên Liên Hoa Tạng Hải thông suốt đến sau khi Niết-bàn. Đây là bằng chứng Hoa Nghiêm thông cả Niết-bàn. Lại dẫn Pháp Tánh Luận nói rằng: ba xứ Độn căn nhập vào Pháp giới. Đây là nói việc thông cả ba thời sau, nay lại bàn đến. Diệu Huyền nói rằng: Nhân Bát-nhã mà nhập vào Pháp giới thì tức là Hải Không của Hoa Nghiêm (do trải nhiều kiếp tu học Bát-nhã, nay phát ra Không Trí mà được nhập vào Pháp giới, Quán Hoa Nghiêm Hải Tạng đều là rốt ráo không). Lại nói: Hội Hoa Nghiêm kéo dài, nhưng ngày xưa vì Tiểu cơ chưa được nhập vào nên như câm như điếc. Nay nghe

được Bát-nhã liền có thể nhập vào (Đây nêu việc nhờ Bát-nhã được nhập vào Pháp giới làm đầu mối. Pháp Hoa và Niết-bàn cũng theo lệ này mà được nhập vào. Người đời sau muốn căn cứ vào văn này mà xếp chung cả Bát-nhã. Nhưng không biết rằng Văn thông đến hai kinh và ba xứ nhập Pháp giới, thì làm sao mà hiểu rõ tên Thời Trường? Thích Thiêm nói rằng:

1. Lấy Pháp giới làm Hoa Nghiêm (Đây tức là ở Tịch Trường hai mươi mốt ngày suy tư tận vị lai tế là riêng vì hàng Lợi căn Đại cơ thường nói về Giáo Viên Đốn của Hoa Nghiêm. Nêu cái lý Sở thuyên pháp giới để làm tên vậy).

2. Lấy Thời Trường Thông đến các thời sau (tức là ba xứ Độn căn nhập vào pháp giới. Người Độn nhất khi đến hội Pháp hoa khai hiển thì mới được vào.

Hai nghĩa trên đều thông thế nên hễ có Đại cơ thì Hoa nghiêm không dứt (là giải nghĩa pháp giới ở trên). Tiểu cơ thì dùng giáo pháp lần lượt. Thế nên Độn căn cũng còn thấy hẹp hòi (là giải thích Thời trường ở trên do căn Độn nên còn thấy hẹp hòi. Vậy phải học lần lượt qua nhiều giáo pháp mới nhập được vào Đại cơ.

Lại Diệu Lạc dẫn phẩm Nhập Phật Cảnh Giới (quyển 38) thì ngài Văn-thù bảo ngài Xá-lợi-phất và sáu ngàn Tỳ-kheo rằng: “Các ông nên khéo thành tựu mười thứ Đại tâm thì sẽ chứng được Phật địa.” Từ xưa cũng đều nói rằng: Hoa Nghiêm Thời Trường mới là kết tập các giáo pháp sau này. Đến thời Bát-nhã trở đi, mới có thể nói là khiến các Tỳ-kheo thành tựu được mười Đại tâm. Đây mới là Nghĩa đúng lúc phải chuyển giáo vậy. Kết các ý trong phần nhập Hoa Nghiêm nên gọi Thời trường (văn). Có người căn cứ vào lúc chuyển giáo mà cho rằng Hoa Nghiêm ngang hàng với Bát-nhã, thì khác nào chẳng biết việc ngài Kinh Khê dẫn phần sau của kinh này có hàng Thanh văn từ Thời trường mà chứng được Bát-nhã. Đó là bằng chứng Thời trường thông đến Bát-nhã vậy. Xưa chưa từng xét thời đầu có ngang hàng với Bát-nhã, nếu không thì vì sao ngài Kinh Khê giải thích Huyền Văn về ba xứ nhập Pháp giới, thì làm sao nói Thời Trường lại thông đến các giáo thứ lớp của Tiểu cơ sau này ư? Lại có kẻ bảo rằng (Xa Khê Vân Sư): Dù thông với Niết-bàn mà không phải thông với Pháp Hoa, là nói có ngăn ngại về Điều cơ vô công của Như Lai lấy đó mà vấn nạn. Nếu hay suy nghĩ kỹ về lời nói hội nhập vào Phật tuệ của Pháp Hoa thì ý này sẽ tự tiêu mất còn có ngại gì?

Về Hoa Nghiêm Giáo chủ, lời thuật rằng: Luận về Hoa Nghiêm

Giáo chủ thì căn cứ vào thuyết của bốn Minh Giải Báng mà chia ra hai nhóm cần hiện hay không hiện Thân Tôn quý. Nhóm cần hiện thì như các kinh Phạm Võng, Hoa Nghiêm và Quán Kinh... các tướng phần nhiều là thân to lớn. Còn nhóm không cần hiện thì phải dùng thêm sức gia trì khiến đối với thân thấp kém mà không coi thường. Thấy ba mươi hai tướng tức là thân to lớn không bờ mé vì biết thân một trượng sáu là pháp giới. Nay muốn rõ thuyết này khảo xét các kinh văn thì thấy có hai nghĩa:

1. Căn cứ vào bổ xứ Bồ-tát mà bảo là "Dưới cội Bồ-đề" mới thành Chánh giác. Nếu không phải là bổ xứ thì há lại nói là "mới thành". Lại có kệ rằng: "Ca-diếp từng đến ở điện này. Thế nên chỗ này rất tốt đẹp." Như thế mười bài kệ đều khen mười Phật quá khứ. Mỗi Phật đều đã có bổ xứ thì biết đó là Phật giấu tướng đẹp. Đó là thân phần đoạn sinh diệt cùng với Ứng thân ở cõi đồng cư không khác.

2. Căn cứ vào việc bay lên cung trời. Nghĩa là lúc đó Đức Thế Tôn không rời cội Bồ-đề mà vẫn bay lên núi Tu-di (Hoa Tạng Cốt Nguyệt nói rằng: Không động mà lên, ứng cơ được chỗ) tới điện Đế Thích mà thuyết pháp (tức mười Phật Ca-diếp trước từng ở điện này. Bay lên tức là nghĩa hiện khởi). Đâu không phải Hoa Nghiêm là ngàn trăm ức ứng thân đã nói, thân này đã khắp trùm cơ Biệt Viên, thấy đó là Tôn quý, đâu cần gì phải chỉ thân nhận chức ở Hoa đài ư? Đây tức là phá thuyết tịnh giác chỉ ở cõi Thật báo ẩn giấu thân tôn quý mà ứng hiện ở cõi Đồng cư. Bởi Đại sư có nói: Ba phẩm Tướng Hải đều ứng cơ mà hiện. Biệt giáo thì dùng Biệt tu duyên hết thành tựu tướng này, tức là Tướng tôn quý do tu mà thành, nên gọi là Báo thân. Về Viên giáo hay biết rõ Nhị tu là tánh, tu đức vô công chính là tướng tôn quý của tánh cụ, nên gọi là Pháp thân. Căn cứ theo đây thì biết rằng: ngay nơi tánh mà luận Bản nên gọi là Pháp thân, còn nhắm vào cõi đồng cư thì gọi là Ứng thân và độ cơ mà hiện khởi thì gọi là tướng tôn quý (Báo thân). Nó khác hẳn với thuyết của tịnh giác tu thành tướng tôn quý ứng ngang với thuyết đồng cư. Song nay Đức Phật theo cơ theo giáo để định ra thân, thì chính là sinh thân ở cội Bồ-đề hiện khởi Tôn quý là để ứng với cơ Biệt Viên chính là hợp với thuyết Đức Thích-ca đầu tiên nói Đốn giáo của Diệu Huyền (Thích-ca là Sinh thân, còn nói Đốn giáo là Xá-na) cũng hợp với bốn Giáo Nghi nói về Đức Như Lai hiện thân Lô-xá-na để nói pháp (Như Lai là sinh thân của Thích-ca hiện khởi thân tôn quý nên chuyển gọi là Xá-xa). Đời có người lấy thuyết Nguyệt Đường nói rằng: Cảnh vốn định thân thì chính là Thích-ca, do có cảm mà thấy tướng thì

là Xá-na.

Song Đốn giáo đầu tiên chưa chắc là thuần giáo. Pháp thân Bồ-tát mà cũng có người phàm phu Đại căn tánh. Đây có hai nghĩa: Nếu Đương thể là Viên đốn mà được ngộ, thì liền phá vô minh, nhập vào bậc Sơ trụ của Viên giáo. Đây là đề hồ. Nếu người Sơ tâm tuy có nghe Đại giáo nhưng chỉ mới được nhập vào Thập tín, chỉ là vị đầu tiên nên gọi là sữa. Nói là sữa, ý không phải ở vị nhạt vì là ban đầu mà cũng là gốc (hàng nội Phàm Viên giáo sáu căn thanh tịnh tức là thập tín. Sơ Tín là đoạn kiến hoặc từ nhị tín đến thất tín là đoạn tư hoặc từ bát tín đến thập tín là đoạn trần sa hoặc ở nội ngoại giới. Vì chưa phá hết vô minh nên chỉ gọi là sữa). Nếu người có căn tánh thì, dù đại giáo vẫn cho là tiểu như câm điếc. Bởi tiểu cơ chưa đổi nên còn toàn chất sữa vậy (Diệu Huyền 10).

Hoa Nghiêm hai vị bốn cơ. Lời thuật rằng: Từ xưa dạy kẻ mới học là Bản đồ về thời và vị. Trên nói Cao Sơn thì dưới đối là Nhũ Vị. Chưa từng thấy có ai luận đến. Nay xét về Huyền Văn thì thời Hoa Nghiêm có hai vị và bốn cơ khác nhau:

1. Thuần dạy Pháp thân, tức là phần chứng Trung đạo bốn mươi mốt vị, đây gọi là đề hồ.

2. Phàm phu đại căn, nhập vào bậc Sơ trụ của Viên giáo, chứng một phần Trung đạo trở đi, cũng gọi là đề hồ.

3. Mới vào thập tín, tuy ở bốn trụ nhưng vì chưa phá vô minh nên chỉ gọi là sữa.

4. Tiểu căn câm điếc toàn như vị sữa.

Song gọi là đề hồ thì có hai Cơ, còn gọi là sữa thì cũng có hai cơ. Diệu Huyền nói rằng: Ở Tiểu cơ thì như sữa, ở Đại cơ thì như đề hồ, chỉ là phần nhỏ ví dụ không thể coi như toàn thể. Như Thiêm có nói: Hoa Nghiêm phần dụ ở vị đầu tiên mà chưa được Đốn của Hoa Nghiêm và hai giáo Biệt viên, chỉ có tướng thứ lớp năm vị (Văn) nên biết thế. Gọi Hoa Nghiêm là sữa chính là theo ý từ Đốn khai Tiệm để triển khai sự hóa độ.

Hai mươi mốt ngày định cơ. Lời thuật rằng: Các văn gọi hai mươi mốt là Nghĩ cơ, thì không có luận bàn gì khác. Song Huyền Văn có nói: Ở phần đầu kia (Hoa nghiêm) dứt khoát không có hàng Thanh văn, phần sau mới có, tuy nghe pháp vẫn như câm như điếc. Cho nên với nghĩa Thần trí căn cứ vào việc này mà bác bỏ không có hàng Thanh văn ở phần đầu, vậy thì vì sao lại phải định cơ Nay xin nêu hai nghĩa cho thật hết ý:

1. Trong ba tuần đầu dứt khoát không có Thanh văn, đây là Như Lai nghĩ cách thích hợp để giáo hóa mà thôi.

2. Phần sau mới có, hình dạng giống như câm điếc. Đây là Như Lai đã thật sự giáo hóa.

Nói trước có ý độ hóa, thì như ở phẩm Phương Tiện có nói: "Trước ngồi ở đạo tràng hai mươi mốt ngày suy tư." Thích Thiêm thì nói: Bảy ngày đầu suy nghĩ muốn nói Viên giáo, bảy ngày Kế đến suy nghĩ muốn nói Biệt giáo, bảy ngày thứ ba muốn nói Thông giáo đều không có Cơ nên chỉ nói Tam tạng", Thích Thiêm lại nói: Theo Đại cơ là lúc đạo tràng vắng lặng (tịch tràng), còn theo Tiểu cơ thì sau khi thành đạo rồi chỉ suy nghĩ mà chưa nói'. Diệu Lạc nói rằng: Tiểu cơ thì thấy hai mươi mốt ngày là thời gian ngưng đọng không nói pháp. Còn Đại cơ thì thấy trước sau không thay đổi. Đây đều là Như Lai có ý định giáo hóa. Nói việc giáo hóa thì như Văn Cú nói rằng: Hội cuối Hoa Nghiêm mới khai về Tiệm giáo. Diệu Lạc giải thích rằng: Cựu Kinh nói rằng: Đức Phật ở rừng Thệ-đa nhập Tam-muội Sư tử tần thân, ngài Xá-lợi-phất từ Kỳ viên đến không thấy Đức Như Lai đang tự tại trang nghiêm, cũng không thấy các Đại Bồ-tát quyến thuộc, vì chỉ Vô trí nhãn mới có thể thấy được, cũng không thể khen ngợi." Đây tức là văn như câm như điếc. Ở cuối hội đó chính là thời kỳ đầu của Tiệm giáo. Nay khảo xét lời hai Tổ thì đều chỉ rằng câm điếc là ở phần sau ban đầu của tiện giáo biết rõ là trong mười hai năm ở Lộc uyển. Lệ như Diệu Huyền bảo là: "Phương Đẳng Đờn Ha ứng với mười hai năm trước." Lấy đó mà suy thì biết là hội cuối ở rừng Thệ-đa Đức Như Lai định việc truyền giáo, vì do Thanh văn trước tập học Tiểu thừa chưa thể nghe nổi Đại thừa nên có dạng như câm điếc. Do đó phải nhờ ngài Tịnh Danh để mời đến, đó là nghĩ cách quở mắng đều ở trong mười hai năm. Về không thể nghi, tức là bốn Giáo Nghi nói về điếc câm ở hội Hoa nghiêm, còn Đờn Ha là ở thời Phương đẳng. Đây chỉ là căn cứ theo bộ mà luận, kỳ thật chưa phải là đúng nghĩa. Kinh lại nói: Mong Bồ-tát Quang Minh... mỗi vị nói mười kệ để khuyên dạy hàng Thanh văn. Bài kệ đầu quở trách rằng: Tất cả các Duyên giác và các đại Thanh văn kia đều không thể biết được hạnh cảnh giới của Bồ-tát (đây là phần sau gồm cả phần trước, căn cứ theo văn), đây đều là việc nghĩ cách giáo hóa thích hợp. Người xưa vì không phân biệt các văn, không rõ về ý hóa khác với sự hóa của Như Lai, xem lẫn lộn nhau nên có nhiều cách nói khác nhau.

Về bảy xứ tám hội là theo Cựu Kinh sáu mươi quyển, do ngài Bạt-đà-la dịch ở đời Tấn. Tông Thiên thai đã dẫn dùng. Còn bản Tân Dịch

tám mươi quyển, là do ngài Thật-xoa-nan-đà dịch ở đời Đường có thêm một hội Phổ quang minh, đó là bảy xứ chín hội, ở phẩm thứ ba mươi chín, thì chỉ có a-tăng-kỳ Tùy hảo quang minh là do chính Phật nói, còn các hội khác đều gia bị cho các Bồ-tát nói.

Hội thứ nhất, ở Bồ-đề đạo tràng nói sáu phẩm là:

1. Thế Chủ Diệu Nghiêm (Đức Phật khi mới thành Chánh giác ở tại A-lan-nhã Bồ-đề đạo tràng tại nước Ma-kiệt-đề), ngài Kinh Khê nói: Thành đạo từ lâu thọ hương có khác không đồng với dưới cội Bồ-đề nói trong A-hàm, nhiệm vận ở nơi Tích là Biệt Viên giáo vậy.

2. Như Lai Hiện Tướng: (Phật Bạch Cao Tướng Hữu Bồ-tát nói kệ rằng: Thân Phật to lớn đầy khắp pháp giới...)

3. Phổ Hiền Tam-muội (Ngài Phổ Hiền nhập Như Lai tạng trần Tam-muội, hiện ra vi trần cõi Phật).

4. Thế Giới Thành Tựu (Ngài Phổ Hiền nói thế giới thành tựu phải có đủ mười việc và mười nhân duyên).

5. Hoa Tạng Thế Giới (Ngài Phổ Hiền nói biển thế giới như lưới trời giăng mắc khắp trên hư không).

6. Tỳ-lô-giá-na (Ngài Phổ Hiền nói tên Phật ở thế giới này. Cựu Kinh thì nói Phật Thích-ca cũng gọi là Lô-xá-na nhưng Tân Kinh thì gọi là Tỳ-lô-giá-na. Diệu Lạc nói: Pháp Báo không phân hai, ba, chớ biện giải, chính là chỗ nói này vậy).

Hội thứ hai, ở Bồ-đề tràng tại điện Phổ quang minh nói sáu phẩm là:

1. Như Lai Danh Hiệu (Ngài Văn-thù nói tên Phật ở mười phương thế giới).

2. Bốn Thánh Đế (Ngài Văn-thù nói tên và nghĩa bốn đế).

3. Quang Minh Giác (Ngài Văn-thù nói kệ khen, Phật phóng quang).

4. Bồ-tát Vấn Minh (Ngài Văn-thù hỏi ngài Giác Thủ... về nghĩa phá vô minh. Ngài Pháp Thủ Bồ-tát nói: Như kẻ đếm châu báu của người khác, chính mình không có nửa xu, đối với pháp không tu hành chỉ thích học nhiều thì cũng thế. Như người giỏi toa thuốc, bệnh mình không thể cứu, như người điếc tấu nhạc, không thể nghe tiếng hay. Ngài Hiền Thủ lại nói: người vô ngại tất cả, một đường ra khỏi sinh tử).

5. Tịnh Hạnh (Ngài Văn-thù đáp ngài Trí Thủ rằng: Tất cả hạnh nguyện thì như khi ăn cơm, phải cầu nguyện chúng sinh, thiền duyệt làm thức ăn, pháp hỷ đầy đủ. Các kệ đều rút từ phẩm này).

6. Hiền Thủ (Ngài Văn-thù hỏi ngài Hiền Thủ về công đức của

tâm Bồ-đề... thì tín là mẹ phát sinh mọi

Hội thứ ba, ở cung trời Đao-lợi, nói sáu phẩm là:

1. Thăng Tu-di Sơn (Đức Phật ngồi ở cội Bồ-đề, không rời tòa ngồi mà vẫn bay thẳng lên núi Tu-di. Trời Đế Thích khen rằng: Phật Ca-diếp từng ở tại điện này, thế nên chỗ này rất tốt. Như thế căn cứ vào lời khen mười Phật quá khứ đều nói chỗ này rất tốt. Ngài Kinh Khê nói rằng: Không động đậy mà bay lên, phó cơ được chỗ).

2. Sơn Đảnh Kệ Tán (Phật ngồi trong điện trời Đế Thích, mười vị Bồ-tát pháp tuệ... đều nói kệ khen thắng tuệ của Phật rằng:

Hiểu biết tất cả pháp
Tự tánh vốn không có
Hiểu pháp tánh như thế
Thì thấy Lô-xá-na).

3. Thập Trụ (Ngài Pháp Tuệ nói mười trụ, mỗi trụ đều khuyên tu mười pháp).

4. Phạm Hạnh (Ngài Pháp Tuệ nói tu tập phạm hạnh có mười pháp).

5. Phát Tâm Công Đức (Ngài Pháp Tuệ đáp lời Đế Thích hỏi là các công đức của phát tâm là Phật chủng không hề dứt, nhất niệm mà biết được thế giới rộng hẹp, kiếp dài ngắn có Phật hay không Phật, một Phật hay nhiều Phật, Nhất niệm mà biết kiếp thành hoại của thế giới ba đời, các thứ chúng sinh khác nhau. Ngài Kinh Khê nói: Chỗ duyên của Phát tâm chính là cảnh được quán, đủ ba đế không có tánh không, tất cả đều giả mượn, bình đẳng...).

6. Minh Pháp (Ngài Pháp Tuệ nói Bồ-tát sơ phát tâm lìa mười thứ phóng dật, tu mười thứ pháp, đầy đủ đại công đức, thành tựu được Phật trí. Ngài Kinh Khê nói rằng: Minh là sở chứng, pháp là phương pháp).

Hội thứ tư, ở cung trời Dạ-ma nói bốn phẩm là:

1. Thăng Dạ-ma Thiên (Phật lên đây, các trời thỉnh Phật nhập điện).

2. Dạ-ma Kệ Tán (Công Đức Lâm... đều nói kệ khen Phật, ngài Giác Lâm đọc kệ rằng:

Tâm như thợ vẽ khéo
Tạo các thứ ngũ ấm
Tất cả trong thế gian
Không gì ngoài danh sắc.

Lại nói rằng:

Tâm và Phật cũng thế

Phật, chúng sinh cũng vậy
Tâm Phật và chúng sinh
Là ba thứ không khác.

Nếu người muốn hiểu biết, ba đời tất cả Phật, nên Quán tánh pháp giới, tất cả duy tâm tạo).

3. Thập Hạnh (do ngài Công Đức Lâm nói).

4. Thập Vô Tận Táng (Ngài Công Đức Lâm nói).

Hội thứ năm, ở cung trời Đâu-suất nói ba phẩm là:

1. Thăng Đâu-suất Thiên (Phật lên đây các trời mời Phật nhập điện)

2. Đâu-suất Kệ Tán (Ngài Kim Cang Tràng... khen Phật)

3. Thập Hồi Hướng (Ngài Kim Cang Tràng nói kệ rằng:

Pháp tánh biến khắp tất cả chỗ
Tất cả chúng sinh và quốc độ
Ba đời đều ở chỗ vô dư
Cũng không hình tướng có thể đắc).

Hội thứ sáu, ở cung trời Tha hóa nói một phẩm là Thập địa (Ngài Kim Cang Tạng nói rằng: Dùng mười Địa đối với các Thiên vương, giống như đất phát sáng đối với các trời Đao-lợi).

Trùng hội thứ bảy, ở tại điện Phổ quang minh nói mười một phẩm là:

1. Thập Định (Ngài Phổ Hiền nói nhập mười thứ Tam-muội).

2. Thập Thông (Ngài Phổ Hiền nói mười thứ thông).

3. Thập Nhẫn (Ngài Phổ Hiền nói mười thứ nhẫn).

4. A-tăng-kỳ (Phật nói cho Tâm Vương Bồ-tát biết có a-tăng-kỳ nhiều không thể nói không thể nói số kiếp để khen ngợi công đức vô lượng của ngài Phổ Hiền).

5. Thọ Lượng (Ngài Tâm Vương Bồ-tát so sánh số kiếp dài ngắn của các thế giới).

6. Bồ-tát Trụ Xứ (Ngài Tâm Vương ở núi Thanh lương tại phương Đông bắc là nơi ở chung của ngài Văn-thù với vạn Bồ-tát. Lại nói nước Chấn Đán (Trung Quốc) có hang Na-la-diên).

7. Phật Bất Tư Nghì (Liên Hoa Tạng Bồ-tát nói diệu đức bất tư nghì của Như Lai).

8. Thập Thân Tướng Hải (Ngài Phổ Hiền nói mười thân của Như Lai, mỗi mỗi đều có mười Hoa tạng thế giới hải vi trần số tướng người to lớn).

9. Như Lai Tùy Hảo Quang Minh (Phật bảo ngài Bảo Thủ nói tùy

hảo quang minh chiếu khắp mười Phật sát trần giới, địa ngục gặp ánh sáng này liền dứt khổ và các hàm thức được sinh lên cung trời Đâu-suất).

10. Phổ Hiền Hạnh (Ngài Phổ Hiền nói tu hành mười pháp).

11. Như Lai Xuất Hiện (Đức Phật phóng ánh sáng tên là Như Lai Xuất hiện. Ngài Phổ Hiền nói bản nguyện của Giá-na).

Hội thứ tám có ba chỗ, ở điện Phổ quang minh nói một phẩm là Ly Thế Gian (Ngài Phổ Hiền nói Tạp hạnh của Quảng Lệ Bồ-tát).

Hội thứ chín, ở rừng Thệ-đa (tức vườn Cấp cô độc) nói một phẩm là:

Nhập Pháp Giới (Lúc đó Đức Thế Tôn nhập vào Sư tử tần thân Tam-muội, ngài Xá-lợi-phất và các đại Thanh văn ở tại rừng Thệ-đa đều không thấy thần lực của Như Lai cũng không thấy các Bồ-tát đang đại hội vì thiện căn không đồng. Bởi xưa không tu tập môn Kiến Phật thiện căn, xưa cũng không khen ngợi các thần biến của chư Phật, nên không thể thấy nghe nhớ... vì chỉ dựa vào Thanh văn thừa mà xuất ly. Ngài Văn-thù từ giả Phật đi về cõi nhân gian ở hướng Nam, lúc đó ngài Xá-lợi-phất và sáu ngàn Tỳ-kheo cùng đến chỗ ngài Văn-thù. Ngài Văn-thù khuyên dạy họ mười điều khiến họ hành đạo Bồ-tát thì liền được Vô ngại nhẫn Tam-muội thấy được cảnh giới của tất cả Phật nên đều thấy được chư Phật. Ngài Văn-thù khuyên xong liền đi về phương Nam đến phía Đông Phước thành, nói pháp cho Đồng tử Thiện Tài, khiến ngài cầu quả Bồ-đề và gần gũi các Thiện tri thức. Từ đây đi về phương Nam qua một trăm mười thành tham học với năm mươi ba Thiện tri thức, nhập đạo tràng Phổ Hiền, được tất cả Phật sát vi trần số môn Tam-muội, khắp thấy ngài Phổ Hiền ở mười phương cõi, đây đều là dựa vào Kinh Khê rút từ Mạnh Mục của kinh Hoa Nghiêm).

Thích Thiện nói rằng: Có ba bản được cất giữ ở Long cung: Bản Thượng có mười ba thế giới vi trần số phẩm, bản Trung có bốn mươi chín vạn tám ngàn tám trăm bài kệ, bản Hạ có mười vạn kệ, bốn mươi tám phẩm. Nay chỉ có ba mươi chín phẩm thì biết là kinh này đến đây chưa hết (Ngài Long Thọ vào Long cung xem kinh thấy hai bản Thượng và Trung thì người đời không xem nổi, nên chỉ có các tụng trong bản Hạ được lưu hành mà thôi).

Ngày chín tháng hai Như Lai trong bảy ngày đã một lòng suy tư ngồi dưới gốc thọ vương mà quán niệm. Ngài tự nghĩ rằng: Ta đã chứng được pháp thậm thâm khó hiểu, chỉ có Phật cùng Phật mới có thể biết được. Còn tất cả chúng sinh thì phước mỏng căn độn làm sao có thể

biết được pháp ta đã chứng. Vậy thà ta nên nhập Niết-bàn. Lúc bấy giờ có Đại phạm Thiên vương từ cung trời đến chỗ Đức Như Lai bạch rằng: Thưa Thế Tôn! Từ khi thành đạo Vô thượng đến nay, vì sao ngài vẫn im lặng mà không nói pháp. Có những chúng sinh ở thời quá khứ đã gieo trồng phước đức, họ đủ sức nghe pháp. Cúi mong Thế Tôn vì chúng đây mà dùng sức đại Bi để chuyển diệu pháp luân. Các Thích Đề-hoàn Nhân cho đến trời Tha hóa tự tại cũng lại như thế. Lúc đó trời Phạm thiên đến ba lần mời thỉnh. Say bảy ngày thì Đức Phật yên lặng nhận lời. Ngày thứ mười bốn, ngài dùng Phật nhãn quán sát chúng sinh về các căn thượng, trung, hạ và các phiền não. Suốt hai mươi mốt ngày, suy nghĩ rằng ta nay sẽ triển khai pháp môn Cam lồ, ai sẽ được nghe trước? A-la-la có phát nguyện: "Thành đạo rồi trước xin được độ, thì trên không trung có tiếng nói ông ấy vừa mệnh chung hôm qua." Lại nghĩ đến Ca-lan thông minh cũng đáng được nghe trước. lại có tiếng trên không trung: "Tối qua ông ấy vừa mệnh chung." Lại nghĩ đến năm người vương thần do vua sai đi, quá khứ đã phát nguyện, cũng đáng được nghe pháp trước. Ngài liền từ tòa ngồi đứng dậy và đi đến thành Ba-la-nại (kinh Nhân Quả, văn cú dẫn kinh Nhân Quả so với hai mươi mốt ngày của kinh Pháp Hoa không khác. Lại Thích Thiêm dẫn đủ các kinh nói hai mươi mốt ngày (3x7) đều không đồng chỉ có kinh Nhân Quả thì tóm tắt giống ý của Sư ngày nay, cho nên các văn ghi chép về Đức Phật phần nhiều căn cứ vào kinh này. Hai Tiên nhân A-la-la và Ca-lan cùng năm ông Kiều-trần-như đều thấy trong Bản Kỷ, quyển hai).

Ngày ba mươi tháng hai, Đức Thế Tôn đến bến nước không bờ đê của con Rồng mù vảy bông mà ngồi nhập định suốt bảy ngày, phóng luồng ánh sáng vào nước thì mắt Rồng được mở và tự nhớ ánh sáng của ba Phật đã thấy trước đây (ba Phật là Câu-lưu, Na-hàm, Ca-diếp trong Hiền kiếp) thì mắt liền thấy lại như xưa. Rồng liền ra khỏi nước gặp Phật. Trời mưa suốt bảy ngày, Rồng dùng thân quấn quanh Phật bảy vòng vương bảy đầu để che chắn cho ngài. Bảy ngày hết mưa Phật xuất định, Rồng hóa làm một Đạo sĩ trẻ, Phật liền dạy cho pháp Tam tự quy (giống như Đề-vị quy tăng ở vị lai). Đây là loài bàng sinh được gặp Phật trước nhất (kinh Nhân Quả).

Ngày bảy tháng ba, Thần cây biết Đức Phật ngồi nhập định bảy ngày (đây là ngồi nhập định bên bờ nước, Thần cây đây không phải là Thần cây Bồ-đề) chưa có ai dâng cúng thức ăn. Vừa lúc đó có năm trăm khách buôn từ dãy núi trước mặt đi ngang qua xe trân bị kẹt bánh không đi được. Có hai người lớn là Đề-vị và Ba-lợi cùng đến thần cây

để cầu phước.Thần cây liền bảo họ rằng: Đức Phật đang ở bên bờ nước, các ông là người may mắn cúng dường thức ăn cho ngài trước tiên. Hai người liền đem cháo mật dâng lên Phật, bốn Thiên vương liền lấy bát thơm tự nhiên trong đá cùng dâng lên ngài (theo kinh Nhân Quả, kinh Phổ Diệu thì nói bốn Thiên Vương mỗi vị dâng lên ngài một bát bằng đá xanh). Đức Phật nghĩ rằng lấy một bát thì không vui lòng các vị kia, bèn nhận cả bốn bát đặt vào tay trái lại lấy tay phải vỗ thành một bát khiến bốn phía đều nhìn thấy (kinh Thụy Ứng), rồi Phật chú nguyện, khi ăn xong ngài liền truyền cho các thương buôn Tam quy: Quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng ở tương lai (kinh Nhân Quả). Trước hết Phật nói về các thứ ngũ hành, sáu giáp, âm dương và lịch số. Khi tin phục rồi Phật mới khiến quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng ở tương lai. Lúc đó ông Trưởng giả Đề-vị được quả Tu-đà-hoàn (Hán dịch là Dự lưu, là người được Sơ quả). Lại nói cho năm giới, năm giới là mẹ của chư Phật, vì muốn cầu Phật đạo thì phải đọc kinh ấy, muốn cầu A-la-hán (Hán dịch là Vô sinh, là người đã chứng bốn quả Thánh) cũng đọc kinh ấy. Đề-vị bèn được Bất khởi pháp nhân (Vô sinh pháp nhẫn), ba trăm người đều được tín nhẫn, hai trăm người được quả Tu-đà-hoàn, năm trăm khách buôn và BốnThiên vương được Nhu thuận pháp nhẫn (kinh Đề-vị, phụ chú rằng: Căn cứ vào Tam bảo sáu, xưa có kinh Đề-vị một quyển. Sau đó ngài Đàm Tinh ở đời Ngụy soạn ra bộ Đề-vị, Ba-lợi hai quyển có thêm phần Ngũ Hành Ngũ Phương. Lại nói rằng: Núi Thái sơn ở phương Đông, nhà Hán gọi là Đại nhạc, không biết là tiếng Phạm hay Ngụy đến nỗi người đời sau cho là bản giả, nên lấy bản một quyển cho là chính thức). Đức Phật thọ ký cho Đề-vị ở vị lai sẽ thành Phật hiệu là Mật Thành Như Lai (theo kinh Phổ Diệu).

Những gì thuộc Đề-vị? Lời thuật rằng: Đức Phật nói năm giới là pháp dạy cho hàng trời người chính là hiển bộ. Đề-vị nghe pháp Tiểu thừa mà chứng Đại thừa, là Bất định. Đó là hiển bày giáo bất định vậy. Nếu ước định về thời gian thì đó là hai mươi mốt ngày sau hội Hoa nghiêm và sau bảy ngày nhập định bên bờ nước. Đây là bảy ngày thứ năm. Như kinh Nhân Quả đã nói: Nếu gom góp các kinh thì đó là pháp dạy hàng trời người, còn thuộc về ba tạng thì như bốn giáo nghĩa đã nói.

Kế đến là Tiệm giáo gồm có ba thời: Lộc uyển là thời Tiệm đầu, Phương đẳng là thời Tiệm giữa và Bát-nhã là thời Tiệm cuối. Gọi chung là Tiệm giáo.

Thuật rằng: Đây là nhóm Xá-lợi-phất... thuộc Tiểu cơ không được

lợi ích gì trong hội Hoa nghiêm, nên từ Đốn mở ra Tiệm để lần lượt hướng dẫn mọi người được vào đó là thời Lộc uyển Tiệm đầu. Do pháp bốn đế và Thập nhị nhân duyên mà cùng chứng quả Tiểu thừa, là thời Phương đẳng tiệm giữa. Riêng bác bỏ Tiểu thừa để cùng hâm mộ pháp Đại thừa, là thời Bát-nhã Tiệm cuối chuyển đổi thuyết giáo giao tài sản để lãnh biết nghiệp nhà, nên gọi chung là Tiệm giáo.

Thời thứ hai là Lộc uyển: Phật vốn dùng Đại thừa để hóa độ chúng sinh, nhưng vì họ không kham nổi nên suy nghĩ tìm phương tiện mà đến Ba-la-nại (Hán dịch là Giang nhiễu thành, ở Trung Ấn Độ, trong thành có vườn Lộc uyển). Ngài lấy đạo Nhất thừa mà phân biệt nói có ba thừa, tức là triển khai Tam tạng giáo. Không phải chỉ riêng có Đức Thích-ca giấu kín vô lượng thần đức để dạy Tiệm giáo này, mà chư Phật quá khứ cũng đều thế. Phải biết rằng sau thời Đốn giáo đầu thì tiếp theo mới mở Tiệm giáo. Tiệm cơ đối với Đốn giáo hoàn toàn mới như là vị sữa, Tam tạng Giáo điển chuyển đổi họ từ phàm thành Thánh cũng dụ như biến đổi sữa thành lạc, thứ lớp tương sinh không có vị đậm nhạt (Diệu Huyền 10). Vì căn tánh của hàng Tam thừa đối với Đốn giáo không có lợi ích. Nên từ Bất động tịch trường mà đi đến Lộc uyển, đổi trang phục Xá-na quý báu mặc vào lớp áo của thân trượng sáu dơ xấu, trước vì năm người mà nói về bốn đế, Thập nhị nhân duyên và Sáu độ... (theo bốn Giáo Nghi, pháp hoa văn cú nói rằng quá khứ gọi là căn, vị lai gọi là tánh, tức Đại mà Tiểu, nên gọi là Bất động. Thân Tôn Đặc Ứng nghĩa cao quý định tuệ trang nghiêm nên với trang phục quý báu, còn sinh thân ứng nghĩa yếu kém Nhẫn sinh pháp não dụ lớp áo dơ xấu. Đức Phật sinh trong hàng người có hình dáng cao đẹp gấp bội phần nên cao trượng sáu. Cũng như Đức Di-lặc cao ba mươi hai trượng thì người lúc đó cao mười sáu trượng vậy).

Nếu xác định về thời gian thì đó là thời Kế đến tiếp chiếu ánh nắng vào hang sâu, nếu ước định về vị thì đó là sữa sinh lạc. Từ mười hai bộ loại kinh văn mà sinh ra chín bộ Tu-đa-la (theo Diệu Huyền 10).

Phẩm Tín Giải nói rằng: Lúc bấy giờ, trưởng giả muốn khuyến dụ con mình (không dạy Đại thừa nên không muốn bỏ côi cút) nên mật sai hai người (ẩn Thật là Mật, dùng Quyền là Sai, Thanh văn, Duyên giác là hai người) thân hình tiều tụy (Nhị thừa không tu tướng hảo) không có oai đức (không có mười Lực, Vô úy) đến nói từ từ với kẻ cùng tử (Tiểu thừa giáo dài dòng dụ cho nói từ từ) mướn người hốt phân (khổ tập là phân). Lúc đó hai người liền tìm kẻ cùng tử (xét biết người có

cơ duyên) khi đã gặp liền nói mọi việc (nói việc thuê làm). Bấy giờ kẻ cùng tử nhận giá tiền rồi hốt phân (nhận lấy giá Diệt, Đạo). Người cha nhìn thấy con vừa thương vừa lạ (thương vì con chỉ cầu A-la-hán, lạ vì không cầu Phật đạo - Từ trên đều là tề giáo từ đây trở đi là thám lãnh. Lại nhân một ngày khác ở trong cửa sổ (thiên kiến nhỏ hẹp). Xa thấy thân con (bỏ Tiểu thừa xa Đại thừa nên là xa thấy) gầy mòn tiều tụy (Sức trí và phước yếu kém nên gọi là gầy bên trong sợ vô thường nên gọi là mòn, bên ngoài gặp tám khổ nên gọi là tiều tụy) phân đất bùn sình (bốntrụ là phân đất vô minh là bùn sình) nhầy nhụa dơ bẩn (đã từ lâu biết là phương tiện coi là đồ chơi) liền cởi bỏ y phục và chuỗi ngọc sang quý (giấu Báo thân có đeo chuỗi ngọc giới định huệ và y phục Tịch diệt nhẫn...) mặc áo thô xấu dơ bẩn (thân trượng sáu là thô, sinh, pháp hai nhẫn là xấu. Nhẫn có tình buồn thì gọi là Sinh nhẫn, không có tình buồn thì gọi là Pháp nhẫn, đó là các pháp thuộc nóng lạnh, gió mưa... Thô là thô tục) tay phải cầm đồ hốt phân (đối trị các thứ kiến, tư hữu lậu. Tay trái dụ cho Thật, tay phải dụ cho Quyền) nói với người làm (đích thân bảo con làm) ngươi hãy siêng làm và nên an tâm xem ta như cha ngươi (giống chứ chưa thật) từ nay trở đi ngươi hãy tự xem như con ruột của ta (gần được bậc Thánh tức là thế Đệ nhất). Lúc đó kẻ cùng tử vui mừng vì cuộc gặp gỡ ấy nhưng vẫn tự coi mình là khách làm người hèn hạ (tự biết không kham việc nối Đại thừa). Suốt hai mươi năm làm việc hốt phân (Kiến đế có một giải thoát, một vô ngại, Tư dung có chín giải thoát, chín vô ngại cộng thành hai mươi. Chú trên đều trích từ Pháp hoa văn cú).

Đây nên hiểu ý gì? Đây là sau hội Đốn giáo thứ hai thì giấu thân Xá-na mà hiện làm Tỳ-kheo thuyết giảng ba tạng giáo điển, suốt cả hai mươi năm luôn bắt hốt phân được tiền một ngày công là Kiến tư hoặc đã dứt được tâm vô lậu thanh tịnh (Diệu Huyền 10).

Trong hai mươi năm. Lời thuật rằng: “Hai mươi năm” nói trong phẩm Tín Giải được nêu ra ở ba nơi đều có ý riêng.

1. Hai mươi năm luôn khiến hốt phân (ví dụ đang dạy dỗ). Thấy Đế có một giải thoát, một vô ngại. Tư duy có chín giải thoát, chín vô ngại, nên gọi là hai mươi (theo Văn Cú đây có bảy giải thích).

2. Kinh nói hai mươi năm làm việc nhà (ủy thác nghiệp nhà) Trụ ở Vị Nhị thừa đổi thành giáo Đại thừa (Văn Cú).

3. Từ khi thấy con trở về đã hai mươi năm (định về thiên tánh của cha con) là người thuộc cơ Nhị thừa nhưng lại cảm Phật thừa (Văn Cú).

Một lần hai mươi trước tức là dùng tám nhẫn tám trí mà đoạn Kiến hoặc họp làm một giải thoát một vô ngại. Dùng chín vô ngại và chín giải thoát để đoạn từ hoặc thì chung lại gồm có hai mươi. Hai lần hai mươi sau chỉ là họp hai nghĩa. Diệu Lạc nói: Đoạn kiến hoặc là một, đoạn từ hoặc là một. Phụ Hành nói rằng: Kể về người thì có Nhị thừa, kể về Lý thì có hai đế chân tục, kể về hoặc thì kiến và tư hoặc đều phá hết. Hỏi rằng: hai nghĩa là thế, còn mười nghĩa là sao? Đáp: Nhị thừa thì mỗi thừa có mười trí (mười Trí tức: Thế trí, Tha tâm trí...). Đây là nghĩa ba văn trước sau đều thấy có hai mươi.

Ngày tám tháng ba, Đức Thế Tôn đi về phía trước vào vườn Lộc uyển ở nước Ba-la-nại (kinh Nhân Quả).

Đức Phật thành đạo từ ngày tám tháng hai, từ ngày chín đến ngày hai mươi chín tháng hai là tròn hai mươi mốt ngày ở tịch tịnh đạo tràng (nhập định nói kinh Hoa Nghiêm). Đến ngày sáu tháng ba là bảy ngày nhập định bên bờ nước, thì tròn bốn tuần. Đến ngày bảy tháng ba nhận thức ăn của Trưởng giả Đề-vị dâng cúng. Sau đó mới đến vườn Lộc uyển, đến ngày tám tháng ba là đúng ba mươi lăm ngày. Kinh Niết-bàn nói: Các ngày Đản sinh xuất gia, thành đạo, chuyển pháp luân đều đúng ngày mồng tám cả.

Đầu tiên nói pháp BốnThánh đế cho các ông Kiều-trần-như. Nay các ông cần nên biết Khổ, đoạn Tập, chứng Diệt, tu Đạo, Đức Phật ba lần nói về pháp bốn đế và Thập nhị hành pháp luân (theo kinh Nhân Quả, kinh Pháp Hoa nói Đức Phật đại thông nhận lời thỉnh mà ba lần chuyển pháp luân về mười hai hành).

Theo Thanh văn tạng giáo thì người nương vào bốn đế sinh diệt.

1. Khổ đế, gồm hai mươi lăm hữu và hai báo Y Chánh (bốn châu, bốn ác thú Sáu dục, Phạm thiên, bốn Thiền, bốn không xứ, Vô tưởng, bất hoàn A-na-hàm) riêng là hai mươi lăm hữu, chung là sáu đạo sinh tử.

2. Tập đế tức Kiến và Tư Hoặc (Kiến hoặc có tám mươi tám sử, Tư hoặc có tám mươi mốt phẩm).

3. Diệt đế, tức diệt hết các khổ tập trước mà hiện bày chân lý.

4. Đạo đế, tóm tắt thì có giới định tuệ, nói rộng ra thì có ba mươi bảy Đạo phẩm (hợp là bảy khoa, từ một là bốn Niệm xứ đến bảy là tám Chánh đạo), hai Đế trước là nhân quả thế gian (Khổ là quả, Tập là nhân). Hai Đế sau là nhân quả xuất thế gian (Diệt là quả, Đạo là nhân. Đây là dựa theo bốn Giáo Nghi).

Về ba chuyển có: Thị chuyển, Khuyến chuyển, Chứng chuyển.

Thị chuyển là chỉ rõ hình tướng. Như nói rằng đây là khổ cho đến đây là đạo...

Khuyến chuyển là khuyên nên tu. Như nói rằng: Đây là khổ các ông nên biết, cho đến đây là đạo các ông nên tu.

Chứng chuyển là dẫn việc mình đã chứng. Như nói rằng: Đây là khổ, ta đã biết không cần biết nữa.

Về luân, có nghĩa là nghiền nát. Nếu chỉ có giáo pháp mà không thực hành thì đâu thể phá tan các hoặc, nếu giáo và hạnh giúp nhau thì có thể phá hoặc (Diệu Lạc quyển tám).

Về Thập nhị hành pháp luân, có hai cách giải thích:

1. Căn cứ theo bốn đế giáo, nghĩa là ba lần chuyển bốn đế là giáo, Thập nhị tức là năng chuyển.

2. Căn cứ theo mười sáu Hạnh, nghĩa là ba chuyển đều sinh bốn hạnh: Nhãn, trí, minh, giác làm hạnh, mười hai tức là chuyển vậy (theo Văn cú, nói mười sáu hạnh, nghĩa là khổ pháp nhãn là nhãn, khổ pháp trí là trí, tỷ nhẫn là minh, tỷ trí là giác. Còn ba đế kia cũng thế cộng lại thành mười sáu).

Lúc đó ông Kiều-trần-như được Pháp Nhãn Tịnh (tức là Sơ quả, theo phẩm Dược Vương của Diệu Kinh, Diệu Lạc nói rằng: Há vua và phu nhân cùng tám vạn người đều trì kinh này tất phải nghe phẩm ấy thì đều chứng tiểu quả hay sao? Là vì tên đồng nhưng khác nghĩa, cần khéo châm chước. Căn cứ theo đây thì biết tên pháp Nhãn tịnh thì chung cho cả Đại thừa và Tiểu thừa). Thần đất vui mừng hô to: “Hôm nay, ở tại đây Đức Như Lai chuyển diệu pháp luân.” Chư Thiên ở trên không trung bèn lần lượt truyền nhau câu nói ấy lên đến cõi trời A-ca-nị-sất (Hán dịch là Sắc cứu cánh thiên). Đức Thế Tôn biết tâm niệm của bốn người kia nên lập lại nhiều lần về bốn đế và họ cũng đều được Pháp nhãn tịnh. Khi ấy cả năm người cùng bạch Phật xin được xuất gia. Đức Thế Tôn gọi năm người: “Thiện lai, Tỳ-kheo!” thế là râu tóc của cả năm người đều rụng, thân tự mặc áo ca-sa liền thành Sa-môn. Phật lại nói cho họ về năm ấm, vô thường, khổ không, vô ngã. Họ được lậu tận ý giải và thành A-la-hán. Ở thế gian mới bắt đầu có sáu vị A-la-hán, một vị A-la-hán là Phật bảo, bốn đế pháp luân là Pháp bảo, năm vị A-la-hán kia là Tăng bảo. Tam bảo đã đầy đủ, ấy là phước điền của thiên nhân (kinh Nhân Quả).

Năm thứ năm (năm Giáp Thân) có con vị Trưởng giả tên là Da-xá, thông minh lanh lợi. Vào nửa đêm thấy trên không trung có ánh sáng. Mở cửa tìm theo vùng có ánh sáng thì đến vườn Lộc uyển, được

Phật nói cho nghe pháp bốn đế liền thành A-la-hán, xin Phật được xuất gia. Phật gọi: "Thiện lai, Tỳ-kheo!" thì liền thành Sa-môn. Khi ấy cha của Da-xá đến chỗ Phật tìm con, được nghe Phật nói pháp liền được Pháp nhãn tịnh và thọ Tam tự quy là vị Ưu-bà-tắc đầu tiên. Số bè bạn của Da-xá gồm năm mươi vị Trưởng giả, nghe tin Da-xá xuất gia, cùng đến chỗ Phật và xin xuất gia. Phật gọi: "Thiện lai, Tỳ-kheo!" Liền thành Sa-môn. Bấy giờ mới có năm mươi sáu vị A-la-hán. Phật bảo các Tỳ-kheo rằng: Các thầy hãy nên đi du phương giáo hóa chúng sinh. Khi ấy các thầy Tỳ-kheo đảnh lễ từ giã Phật. Đức Thế Tôn liền từ Ba-la-nại đến nước Ma-kiệt-đề. Chiều tối nghỉ đêm tại chỗ của Ưu-lầu-tần-loa Ca-diếp. Phật hàng phục được Rồng lửa và truyền cho Tam quy y, bắt nhốt trong bát đưa cho Ca-diếp xem, ông khen việc chưa từng thấy. Phật biết Ca-diếp có căn duyên lần lần thuần thục, liền dắt ông đến bờ sông Ni-liên. Khi ấy có Ma vương đến thỉnh Phật nhập Niết-bàn. Thỉnh đến ba lần Đức Phật mới đáp rằng: "Số người cần được độ chưa độ hết." Ma vương nghe xong liền trở về bản cung. Bấy giờ ông Tần-loa Ca-diếp cùng năm trăm đệ tử của mình xin được xuất gia. Đức Phật gọi: "Thiện lai, Tỳ-kheo!" Liền thành Sa-môn. Phật nói pháp bốn đế lần lần ông mới chứng quả A-la-hán, bèn đem quăng hết đồ thờ lửa xuống dòng sông. Khi đó hai người em của ông là Nan-đề và Già-da ở phía hạ lưu thấy đồ thờ lửa của anh mình theo dòng nước trôi xuống, hết sức kinh ngạc, liền đến tìm anh thì thấy anh đã mặc áo ca-sa. Mỗi em đều cùng với hai trăm năm mươi đệ tử của mình xin Phật xuất gia. Phật gọi: "Thiện lai, Tỳ-kheo!" Liền thành Sa-môn và được quả A-la-hán. Đức Thế Tôn và Tần-loa Ca-diếp cùng một ngàn vị Tỳ-kheo đang ở thành Vương xá đều đến chỗ vua Tần-bà-ta-la (là cha của vua A-xà-thế). Vua cùng bách quan ra tận ngoài thành đón Phật. Đức Phật sau đó nói pháp cho vua và tám vạn na-do-tha Bà-la-môn, đại thần và nhân dân đều được Pháp nhãn tịnh (theo kinh Nhân Quả).

Trong nước có vị Trưởng giả tên là Ca-lăng đến dâng cúng cho Phật khu vườn Trúc (theo Tây Vức ký thì Linh sơn và vườn Trúc đều ở cách thành Vương xá khoảng năm dặm) có thể dùng làm tinh xá. Nhà vua ra lệnh cho các quan xây dựng giảng đường và nhà ở, rồi đón Phật vào thành rước về ở tại vườn Trúc. Trong số các vua gặp Phật thì Tần-bà-ta-la là người trước nhất. Các Tăng-già-lam ở vườn Trúc là đầu tiên (theo kinh Phổ Diệu, kinh Trung Bản Khởi nói có Trưởng giả Ca-lan-đà trước đây đã dâng cúng cho Tiên Ni-kiền, nay tiếc là không cúng cho Phật. Chúa quỷ biết rõ ý nghĩ liền triệu quỷ Dạ-xoa đến bảo hãy đuổi

Ni-kiền đi, Ni-kiền sợ hãi bỏ chạy. Trưởng giả vui mừng mời Phật về ở).

Năm thứ sáu (Ất Dậu). Phật ở tại núi Tượng đầu nói pháp cho Long vương và Quỷ thần (kinh Thập Nhị Du).

Năm thứ bảy (Bính Tuất), Bà-la-môn Xá-lợi-phất giữa đường gặp Tỳ-kheo Kỳ-bà nói kệ cho nghe liền được Pháp nhãn tịnh. Trở về, ông đọc kệ lại cho bạn thân là Mục-kiền-liên nghe, ông này cũng được Pháp nhãn tịnh. Sau đó mỗi người bèn dắt một trăm đệ tử của mình vào vườn Trúc xin Phật xuất gia. Đức Phật gọi: “Thiện lai, Tỳ-kheo!” thì tất cả râu tóc đều tự rụng và mình mặc áo ca-sa, liền thành Sa-môn. Đức Phật lại rộng nói pháp bốn đế cho hai trăm vị đệ tử này và họ cũng thành A-la-hán. Bấy giờ Đức Thế Tôn bèn cùng một ngàn hai trăm năm mươi vị đại A-la-hán này ở nước Ma-kiệt-đề làm lợi lạc khắp chúng sinh (theo kinh Nhân Quả). Lúc đó có vị Bà-la-môn tên là Ca-diếp là nhà giàu có bậc nhất đã bỏ nhà vào núi tự cạo bỏ râu tóc. Khi ấy giữa không trung có tiếng chư Thiên bảo: “Ngài nên đến gặp Phật.” Ngài Ca-diếp liền đến vườn Trúc, nghe Phật nói pháp liền chứng được quả A-la-hán. Vì ngài có oai đức trí tuệ lớn nên được gọi là Đại Ca-diếp (theo kinh Nhân Quả). Ngài Ca-diếp gặp Phật ở tháp Đa tử cầu xin xuất gia, ngài lấy chiếc áo xấu để cúng Phật làm tòa ngồi giá trị mười vạn lượng vàng, Phật liền trao cho ngài chiếc nạp y Thương-na (theo kinh A-hàm, Thương-na, Hán dịch là Thảo y (áo cỏ), nạp y tức là năm thứ nạp y của Đầu-đà. Nay nói Thương-na tức là lấy cỏ làm áo vậy).

Năm thứ tám (Đinh Hợi) vào mùa Đông năm ấy, Đức Phật ở tại nước Tỳ-xá-ly nhân con của Tu-đề-na đã chánh tín xuất gia, sau trở về quê lại cùng người vợ cũ sống chung. Vị Tỳ-kheo này không còn tịnh hạnh nữa. Các Tỳ-kheo bèn nêu tội bạch lên Phật, Phật liền họp chúng quở trách rằng: “Việc làm của ông không hợp oai nghi, trái tịnh hạnh, không phải việc đáng làm.” Đây là lần đầu tiên chế ra giới dâm, mới phạm lần đầu chưa kết tội (theo Tăng-kỳ Luật).

Năm thứ chín (Mậu Tý), ở nước Xá-vệ có vua Ba-tư-nặc (Hán dịch là Hòa Duyệt), có quan đại thần là Tu-đạt nhà rất giàu có, ưa cứu giúp những kẻ nghèo đói già cả côi cút, nhân đó có tên là Cấp Cô Độc. Có lần đến thành La-duyệt (tức thành Vương xá) gặp Thế Tôn được nghe ngài pháp Bốnđế mà chứng quả Tu-đà-hoàn. Nhân đó xin Như Lai đến giáo hóa nước Xá-vệ Thế Tôn bảo nơi ấy không có tinh xá. Ngài Tu-đạt thưa rằng khi về nước sẽ tạo lập. Phật bèn sai Xá-lợi-phất cùng đi xem đất đai, thì thấy chỉ có đất vườn của Thái tử Kỳ-đà (Kỳ-đà, Hán

dịch là Chiến Thắng vì khi Thái tử sinh ra thì vua cha chiến thắng nên đặt tên ấy) là được chỗ mà thôi. Ông Tu-đạt bảo Thái tử là muốn mua lại khu đất ấy. Thái tử nói: "Nếu ông đem vàng ròng lót kín hết thì ta sẽ giao cho." Ông Tu-đạt bèn sai người dùng voi chở vàng đến, không bao lâu cả tám mươi khoảng đất gần đầy. Kỳ-đà nghĩ rằng: "Chắc Đức Phật có oai đức lớn lắm nên khiến người này đã coi nhẹ vàng đến thế." Bèn bảo thôi đừng lót vàng nữa, đất vườn này của ông còn cây cối của ta. Rồi tự xây nhà cửa và cùng tạo lập tinh xá, làm hang đá cho Phật và một ngàn hai trăm năm mươi phòng riêng.

Khi đó vua Tịnh Phạn sai sứ đến thành Vương xá thỉnh Phật và Tăng. Đức Thế Tôn phóng ánh sáng làm rúng động đất đai truyền đến nước Xá-vệ, ai nấy đều thấy rõ giấu đạo thiêng. Vì hai người cùng lập tinh xá nên gọi là vườn Kỳ-đà Cấp cô độc (kinh Hiền Ngu).

Vào mùa Đông năm ấy phật ở thành La-duyệt, nhân Đàn-ni-ca ở nơi vắng vẻ ngồi thiền trong am cỏ, bị người dở mất bèn cất lên nhà ngói. Phật bảo phá bỏ sau đó ông ta dối trá rằng: Vua cho lấy gỗ tốt bị vua quan nhân dân quở trách không cho vào thôn nên không còn chỗ ở nữa. Các Tỳ-kheo bèn nêu lỗi trình Phật, mới bắt đầu chế ra giới trộm. Khi Phật ở tại thành Tỳ-xá-ly đã nói cho các Tỳ-kheo về quán bất tịnh. Khi đã quen với định này rồi thì chán sợ thân mạng, khen ngợi sự chết khuyến khích nên chết, Tỳ-kheo Nan-đề nhận giết mướn người Phật bèn chế ra giới sát.

Lúc bấy giờ, nhân lúc thóc mắc mỏ nên việc khất thực khó khăn. Có người đang sống bình thường bên bờ sông Bà-cầu bỗng khoe là có được phép của bậc Thượng nhân. Hàng Cư sĩ tín tâm bớt phần cúng thí. Sau đến chỗ Phật hỏi rõ nguyên do, Phật bèn quở trách và chế giới vọng ngữ. Từ đây trở đi tùy việc vi phạm mà chế ra giới cấm (Tăng-kỳ luật).

Khi đó vua cha nghe tin con đã thành đạo từ sáu năm nay, bèn sai Phạm chí Ưu-đà-da đến bạch Phật rằng từ ngày cách biệt đến nay đã mười hai năm (từ xuất gia đến thành đạo là sáu năm, từ thành đạo đến nay là sáu năm, cộng là mười hai năm) nay mong được gặp Phật một phen. Ưu-đà-da vâng lệnh vua đến chỗ Phật cầu xin xuất gia liền được chứng A-la-hán. Phật nghĩ rằng nay nên trở về nước để độ cha mẹ. Bèn sai Ưu-đà-da về nước trước và hóa mười tám phép thần biến, vua càng thương mừng. Liền ra lệnh cho quần thần và muôn dân ra tận ngoài thành bốn mươi dặm để chào đón Phật. Phật với thân trượng sáu tướng hào quang minh, thân ánh sáng vàng rực rỡ như vầng trăng

giữa muôn sao. Thấy các Phạm chí ở tu lâu trong núi thân thể đen đúa hôi hám đứng hầu bên Phật khác nào đám quạ đen đậu bên núi vàng. Vua cha bèn ra lệnh chọn năm trăm người hào tộc trong nước cho làm Sa-môn để đứng hầu hai bên Phật, khi ấy như Phụng hoàng ở bên núi Tu-di (theo kinh Phổ Diệu). Bấy giờ Đức Phật vào cung ngồi trên điện. Vua và thần dân ngày ngày dâng cúng trăm thức ngon. Đức Phật nói kinh pháp độ vô lượng người. Gia-du phu nhân dắt con là La-hầu-la đến thăm hỏi Phật (lúc đó sáu tuổi). Bấy giờ các quan đều nghi ngờ bởi Thái tử bỏ nước ra đi đã mười hai năm, do đâu sinh con. Phật bảo các quan rằng: Gia-du thủ tiết trong trắng nay hãy xem bằng chứng. Do đó Đức Thế Tôn biến hóa chúng Tăng đều giống y như Phật. Gia-du bèn cởi vòng đeo tay làm tin trao cho La-hầu bảo rằng: “Hãy đưa vòng này cho vị nào là cha của con.” Ngay lúc đó La-hầu liền đem vòng đến đúng Đức Thế Tôn. Vua và quần thần đều khen: “Quý thay, thật con Phật!” (kinh Phổ Diệu).

Lúc đó cả bọn tám người dòng họ Thích như A-na-luật, Điều-đạt, Nan-đà, Bạt-đề, Nan-đề... đến ngày xuất gia bèn cởi áo quý giao hết cho Ưu-ba-ly rồi bảo: Ngươi sống nhờ bọn ta vậy hãy lấy các áo quý này để sinh nhai. Ưu-ba-ly cũng nguyện xuất gia, bèn treo hết các áo dưới cành cây rồi cùng đến chỗ Phật. Lúc đó ngài A-na-luật xin Phật độ trước Ưu-ba-ly để diệt thói kiêu mạn (theo luật Đàm-vô-đức). Bấy giờ Nan-đà lần lượt lạy chư Tăng khi đến trước Ưu-ba-ly thì nghĩ là không đáng lạy. Phật bảo: Chỉ trọng việc thọ giới trước sau chứ không phải do sang hèn (theo Đại Trang Nghiêm Luận, Nan-đề là con vua nên sang, còn Ưu-ba-ly là tôi tớ nên hèn). Phật bảo Đề-bà-đạt-đa (tức Điều-đạt) rằng: “Ông nên ở tại gia lo việc bố thí không nên xuất gia.” Bảo thế ba lần. Đề-bà-đạt-đa liền sinh ác ý nghĩ rằng: Ông Sa-môn này có tâm đố kỵ, vậy ta phải tự cạo đầu khéo tu phạm hạnh.” Về sau ông ta phạm tội ngũ nghịch, bị luồng gió ánh sáng thổi vào thân, Đề-bà liền hối tiếc niệm: “Nam-mô Phật”, nhưng vừa nói “Nam-mô” thì liền rơi vào địa ngục. Đức Phật bảo A-nan rằng: Đề-bà ở trong địa ngục trải một đại kiếp sau đó chết rồi sinh làm BốnThiên vương, dần dà sinh lên Tha hóa tự tại, thân sau cùng sẽ thành Bích-chi-phật tên là Nam-mô (theo Tăng Nhất A-hàm, đây là nói Đề-bà-đạt-đa khi mới xuất gia. Từ khi phạm tội ngũ nghịch thì là chuyện sau. Các việc nói đây đều là ý kinh Tiểu thừa. Còn như trong kinh Pháp Hoa Phật nói: Nhờ Đề-bà-đạt-đa làm Thiện tri thức nên nay ta sớm thành đạo Bồ-đề và thọ ký cho ông ấy làm Phật Thiên Vương. Đây là Đại thừa mở tích hiển Bản vậy).

Chính năm này Phật nói kinh Ương-quật-ma-la (Diệu Huyền bảo rằng sau khi thành đạo sáu năm mới nói).

Năm thứ mười (Kỷ Sửu), Phật ở nước Câu-da-ni vì nhóm tám người Bồ-tát Bà-đà-hòa mà nói kinh Ban-chu, chỉ rõ việc khổ hạnh (kinh Thập Nhị Du).

Năm thứ mười một (Canh Dần), năm này A-nan lên tám tuổi được bạch ba Yết-ma thọ giới Cụ túc (ba Yết-ma chung với Yết-ma-đơn bạch trước nên gọi là bốn. Yết-ma dịch là Nghiệp, nghĩa là tạo ra thiện nghiệp). Ngài lại độ cho một trăm mười vị A-la-hán thọ ba ngữ giới. Đây là lần đầu tiên dùng dao báu đệ cạo râu tóc. Phật lại dặn dò nhóm Kiều-trần-như... truyền giới cho các Sa-di khắp ba châu thiên hạ (theo tăng-kỳ Luật). Năm này Phật ở tại núi Liễu nói pháp cho Vương đệ là Thuần Chân-đà-la (kinh Thập Nhị Du).

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 3
(Phần Hạ)

Năm thứ mười hai (Tân Mão), Phật sai ngài Mục-liên về thưa cùng vua cha và Gia-du rằng: Thái tử La-hầu nay đã được chín tuổi nên cho xuất gia. Gia-du đáp rằng: Như Lai lúc làm Thái tử cưới ta, chưa tròn ba năm thì trốn đến rừng vắng, sáu năm cần khổ chứng quả Phật trở về nước, nay lại muốn bắt con ta, sao tàn ác đến thế! (đây là trở về nước Ca-tỳ-la). Bấy giờ, Mục-liên dùng mọi phương tiện khuyên dỗ nhưng tuyệt nhiên Gia-du không nghe. Đức Thế Tôn bèn sai Hóa nhân ở trên không trung bảo rằng: Nàng có nhớ việc đem năm trăm đồng tiền bằng bạc để mua năm cành hoa sen dâng lên Đức Phật Định Quang chăng? Lúc đó nàng mong đời đời được làm vợ ta. Ta bảo: "Bồ-tát nhiều kiếp đều phát nguyện bố thí tất cả không trái ý người khác." Nàng bằng lòng nên chịu làm vợ ta. Nàng thề rằng: Tùy ý chàng bố thí thề không hối tiếc. Mà nay nàng lại thương tiếc La-hầu, không cho đi xuất gia. Gia-du Đà-la nghe nói liền nhớ lại việc đời trước rõ ràng như mới hôm qua. Nên lòng thương tự nhiên nguội lạnh, liền nắm tay La-hầu giao cho ngài Mục-liên.

Lúc ấy vua Tịnh Phạn liền tập hợp các hào tộc trong nước, mỗi nhà phải cho một đứa con theo với La-hầu. Cả thảy năm mươi cậu cùng đến chỗ Phật. Phật bảo A-nan cạo tóc cho La-hầu và năm mươi công tử. Lại bảo ngài Xá-lợi -phất làm Hòa thượng, ngài Mục-liên làm A-xà-lê. Khi đó La-hầu không thích nghe pháp, Phật bèn nói cho nghe kinh Vị Tằng Hữu, được thọ mười giới, La-hầu liền chứng bốn quả Thánh (theo kinh Vị Tằng Hữu Nhân Duyên). Khi đó vua Tịnh Phạn đến chỗ Phật thưa rằng: Thuở xưa Phật xuất gia còn có Nan-đà, nay Nan-đà cũng lại xuất gia, bao nhiêu tình thương đều đổ dồn vào đứa bé này. Nay lại xuất gia thì rõ là quốc Kế đến sẽ dứt hẳn. Đức Phật bèn nói pháp để an ủi vua. Rồi tập hợp các Tỳ-kheo lập quy chế rằng: "Nếu cha mẹ không bằng lòng thì không được xuất gia." (theo luật Di-sa-tắc). Đức Phật lại

đến đầm nhơ (uế) nói pháp cho Đà-quật-ma (kinh Thập Nhị Du). Phật lại nói bát quan trai giới cho các Tỳ-kheo (kinh Bát Quan Trai Giới). Lúc đó Phật ở thành La-duyệt, có đám mười bảy đứa thiếu nhi, đứa lớn nhất mười bảy tuổi, nhỏ nhất mười hai tuổi vì tín tâm mà xuất gia, được các Tỳ-kheo độ cho đại giới, nhưng đêm lại khóc lóc vì không kham nổi ngày chỉ ăn một bữa. Phật hỏi biết được liền ra quy chế là phải đủ hai mươi tuổi mới cho thọ đại giới (theo luật BốnPhần). Mỗi nửa tháng Phật đều nói giới. Vì chúng Tăng tập họp mệt nhọc nên cho mỗi Tăng-già-lam được kết đại giới riêng (Bốn Phần Luật).

Năm thứ mười ba (Nhâm Thìn), Phật trở về nước Ma-kiệt-đề nói Pháp cho vua Phất-ca-sa (kinh Thập Nhị Du). Ngài Bồ-tát Lâu-chí xin Phật lập giới đàn để Tỳ-kheo thọ giới. Phật bảo nên lập ở phía Đông nam ngoài viên Kỳ viên (luật Bốn Phần). Giới đàn được lập trên đất có ba lớp làm ranh để biểu tượng cho ba Không. Trời Đế Thích lại thêm một cái chảo úp để che Xá-lợi. Đại phạm Thiên vương đặt một viên vô giá bảo châu trên cái chảo úp, đó là năm lớp biểu hiện cho năm phần Pháp thân. Viên bảo châu của Phạm vương to bằng chiếc bình năm đấu. Người có phước đức lớn mới nhìn thấy được nó có ánh sáng chiếu xa đến tám trăm do-tuần. Còn kẻ phước mỏng thì thấy nó như đống mực đen (theo Nam Sơn Giới Đàn Đồ Kinh).

Năm thứ mười bốn (Quý Tỵ), Đức Phật đến cội cây Khủng cụ nói kinh Bản Khởi cho Bồ-tát Di-lặc (kinh Thập Nhị Du).

Năm thứ mười lăm (Giáp Ngọ), Phật lại trở về nước Ca-tỳ-la nói Pháp cho vua cha và độ dòng họ Thích đến tám vạn bốn ngàn người đều chứng quả Tu-đà-hoàn (kinh Thập Nhị Du). Phật lại trở về quê cũ đi trên không trung cao ngang đầu người khiến vua cha muốn rờ đụng chân Phật không cần phải cúi mình (kinh Phân Biệt Công Đức, đây là khiến cha mẹ phải kính lại, để chứng tỏ muốn sinh phước. Nhưng với Phật thì được chứ các Tỳ-kheo ở đời mạt pháp đức hạnh kém e rằng chưa xứng đáng để cha mẹ kính lại). Phật nói cho vua cha và đại chúng về Quán Phật Tam-muội, thân Phật sắc vàng ròng ánh sáng vô lượng. Khi đó năm trăm người dòng họ Thích vì còn tội chướng nên thấy thân Phật là vị Bà-la-môn gầy ốm da đen như than. Phật nói những người thuở xưa mắc tội tà kiến nay xưng niệm danh hiệu Phật và làm lễ sám hối thì sẽ thấy được thân Phật sắc vàng như núi Tu-di và cầu xin Phật xuất gia thì sẽ được quả A-la-hán (theo kinh Quán Phật Tam-muội).

Khi Phật mới về nước thì bà Đại Ái Đạo xin được xuất gia (tức là Di mẫu của Phật là Ma-ha Ba-xà-ba-đề) xin đến ba lần vẫn không cho.

Khi Phật trở về nước lại thì lại xin xuất gia nữa và cũng như trước Phật vẫn không cho. Ngài A-nan bạch Phật: Bà Đại Ái Đạo hết lòng muốn thọ trì pháp luật, mong Phật chấp thuận. Phật bảo: Muốn vậy thì phải trọn đời tuân giữ pháp Bát Kỉnh. Khi ấy bà Đại Ái Đạo được xuất gia, là vị Tỳ-kheo-ni đầu tiên (theo kinh Trung Bản Khởi). Tỳ-kheo-ni phải thọ trì pháp Bát Kỉnh là:

1. Tỳ-kheo-ni trăm tuổi vẫn phải lạy vị Tỳ-kheo mới đủ một hạ.
2. Tỳ-kheo-ni không được chê mắng thầy Tỳ-kheo.
3. Tỳ-kheo-ni không được nói lỗi của Tỳ-kheo nhưng Tỳ-kheo được nói lỗi của Tỳ-kheo-ni.
4. Thức-xoa-ma-na phải theo Tăng chúng mà cầu xin thọ đại giới.
5. Tỳ-kheo-ni phạm tội tăng tàng mỗi nửa tháng phải ở giữa hai bộ Tăng mà làm Ma-na-đỏa.
6. Tỳ-kheo-ni trong mỗi nửa tháng phải ở trong Tăng bộ mà cầu giáo thọ.
7. Tỳ-kheo-ni không được kiết hạ an cư ở chỗ không có Tỳ-kheo.
8. Tỳ-kheo-ni hạ chưa giải phải đến chỗ chư Tăng xin người đến tự bốn (Bốn Phần Luật).

Phật bảo A-nan rằng: Sau khi ta diệt độ thì chánh pháp còn một ngàn năm, nay do có người nữ xuất gia xuống còn năm trăm năm. Sau khi dạy cho pháp Bát Kỉnh thì trở lại là một ngàn năm (theo pháp Trụ Ký của Thiện Kiến Luận).

Lời thuật rằng: Như Lai ở tại mười sáu đại quốc trong mười hai năm mà thuyết giáo độ người, ngài đã nói bốn kinh A-hàm và tóm tắt các điều dạy răn của bảy Đức Phật. Đến năm ấy mới bắt đầu rộng nói về giới tức hai trăm năm mươi giới của Tỳ-kheo và năm trăm giới của Tỳ-kheo-ni. Tùy hai chúng phạm đâu thì chế cấm giới đó, nên sau đó Phật kết tập thành các điều chương để làm căn bản cho người xuất gia tuân giữ.

Thời thứ ba là Phương đẳng, là thị hiện một cõi Phật mà có sạch nhơ không đồng, hiện bày một thân mà có lớn nhỏ khác nhau, dùng một thứ tiếng nói pháp mà tùy loại đều hiểu, vì thần lực không chung nên có sạch nhơ, nghe thì có khen chê, ngửi thì có Chiêm-bặc và không Chiêm-bặc, như hoa thì có đeo vào thân hoặc không đeo. Như tuệ thì có như thế hoặc không như thế. Như thế thì gọi Tịnh Danh Phương Đẳng (Huyền Kinh quyển 11).

Kế nói Phương đẳng, tức là Kế đến Tiểu thừa nói Đại thừa. Đức

Phật vốn muốn trao cho chúng sinh pháp Đại thừa, nhưng vì họ không kham nổi, nên từ Đại mà nảy sinh ra Tiểu thừa để khiến họ đoạn đứt các kết mà thành tánh. Tuy là có việc giúp ích này nhưng không phải là điều mong muốn của Phật. Do đó mà tiếp theo nói các kinh như Phương đẳng, Duy-ma, Tư Ích và Ương-quật-ma-la (Ương-quật-ma-la, Hán dịch là Nhất Thiết Thế Gian Hiện, là con của Bà-la-môn, năm mười hai tuổi mà sức vóc bằng một người lớn hoàn toàn. Cậu ta đến trước Phật nói kệ, Phật khen lành thay, liền thành Sa-môn, cúi lạy dưới chân Phật và thành A-la-hán. Ngài quở trách mười chúng đệ tử của ngài Văn-thù như Đế Thích, Phạm thiên, BốnThiên Vương... Đức Phật bảo: Ở phương Nam có nước Nhất-thiết Bảo Trang Nghiêm, có Phật tên Đại Tinh Tấn tức là Ương-quật-ma-la đây vậy. Diệu Huyền quyển mười nói rằng: Kinh Ương-quật được nói trong sáu năm, kinh này được nói sau thành đạo sáu năm, nay Đại sư dẫn chứng coi là thời thuyết giáo thứ ba, do lấy xưa kể vào nay vậy). Quở trách hàng Tiểu thừa ôm chặt lấy quả vị (chỉ riêng hàng Thanh văn) chê trách lỗi Tam tạng đoạn diệt (gồm cả hàng Bồ-tát Độn căn). Cho nên Thân Tử và Thiện Cát chuyên về Tiểu thừa, ngài Thân Tử không nghe oai đức của Đại thừa, Thiện Cát mù mịt nên bị mất bát (kinh Tịnh Danh nói: Tu-bồ-đề thưa: Khi xưa con khất thực thì Duy-ma-cật lấy bát của con đựng đầy cơm rồi bảo rằng: Nếu có thể đối việc cơm nước bình đẳng thì các pháp cũng bình đẳng. Nếu đối các pháp bình đẳng thì ăn uống cũng bình đẳng. Khất thực như thế thì mới có thể lấy thức ăn. Nếu chê Phật hủy pháp thì không được nhập chúng, trọn không được diệt độ. Ông nếu được thế thì mới được lấy thức ăn. Lúc đó thưa Thế Tôn, con nghe nói thế thì mù mịt không biết trả lời sao, bèn để bát cơm đó định ra khỏi nhà. Ngài Thân Tử sợ việc dính hoa (trong nhà Duy-ma, có một Thiên nữ bảo ngài Xá-lợi -phất rằng: Kết tập chưa xong thì hoa dính đầy mình, kết tập xong rồi thì hoa không dính nữa). Vì không biết lời nói ấy thế nào nên không biết đáp ra sao (Thích Thiêm nói rằng: Lấy không trí làm chủ ở nhân đạo, nên mượn việc của hai người này). Song Phương đẳng quở trách giáo ở sau Tam tạng, lúc bị quở trách thì ở vào mười hai năm trước (tức thời Lộc uyển thì trước Phương đẳng mười hai năm. Cựu dịch nói là trong mười hai năm là lầm). Làm sao biết được? Ấy là do tìm thấy các lời kể thuật quở trách xưa mà nghiệm ra việc trước. Những ai đã nhờ giáo pháp mà đắc đạo, chứng bậc Vô học, mong báo đền ân sâu của Phật, tâm tướng thể tín, không còn giận dữ. Từ xưa đến nay đã mặc tình chê bai Ương-quật và Tịnh Danh, nay đã được cái lợi thẹn bỏ Tiểu thừa mến mộ Đại

thừa (Diệu Huyền 10). Chê Thiên bài Tiểu, thán Đại khen Viên (Diệu Huyền 10).

Về chư Thiên, như phẩm Bồ-tát của kinh Tịnh Danh quở trách ngài Di-lặc rằng: Thế Tôn thọ ký cho nhân quả là dùng thời nào mà thọ ký, thời quá khứ hay vị lai hay hiện tại? Tất cả chúng sinh đều tập theo tướng Bồ-đề. Nếu Di-lặc diệt độ thì tất cả chúng sinh cũng phải diệt độ. Lại bảo: Về Bồ-đề, thì không thể lấy thân mà được, không thể lấy tâm mà được. Lại kinh Ma-la nói: Ngài A-la-hán Ương-quật chê trách mười hàng đệ tử Thích, Phạm, BốnThiên vương... của ngài Văn-thù, là lấy Viên mà chê trách cái Thiên của Tam giáo.

Về bài Tiểu, như phẩm Đệ Tử, ngài Mục-liên nói pháp cho Cư sĩ, thì ngài Tịnh Danh quở rằng: Phàm nói pháp thì phải nói đúng như pháp, tức không có danh tự. Vì nói năng đều dứt nên pháp không có nói. Vì lìa giác quán là cái dụng biểu hiện Tam giáo, để phá ba thứ không nên của ngài Mục-liên:

1. Bên ngoài nói tướng như pháp, bên trong hiểu tướng như pháp, là dùng “Thông giáo tức không” mà bài bác cái “Chẳng tức không”. Vậy nói pháp không đúng lý.

2. Bên ngoài hiểu rõ căn duyên, bên trong khéo tri kiến được vô quái ngại, là dùng biệt mà phá.

3. Bên ngoài luôn từ niệm chúng sinh, bên trong nghĩ báo đền ân Phật là dùng viên mà phá. Lại Ương-quật chê trách mười hàng đệ tử là lấy cái đại của Thánh môn tam giáo mà bài bác cái Tiểu của Tạng.

Về thán Đại, như phẩm Chúng Sinh. Ví như người ảo thuật thấy kẻ bị nạn thế nào thì Bồ-tát quán thấy chúng sinh cũng thế. Như người trí thấy trăng trong nước, bóng trong gương, ánh lửa trời nóng thì Bồ-tát thấy chúng sinh cũng thế. Nay chung ví dụ chúng sinh tức là cái ý hai giáo Thông Viên vậy.

Về khen Viên, ngài Văn-thù bạch Phật rằng: “Bậc Thượng Nhân kia không ai đối đáp bằng, thấu suốt thật tướng, khéo nói pháp yếu.” Đây là khen ngài Tịnh Danh vậy. Khi ngài Văn-thù vào nhà ngài Tịnh Danh, Ngài Tịnh Danh nói rằng: Thiện lai, Văn-thù! Tướng không đến mà đến, tướng không thấy mà thấy! (Đây là khen ngợi ngài Văn-thù vậy).

Bốn giáo cùng nói, Tạng là chữ Bán, Thông Biệt Viên là chữ Mãn, đối Bán mà nói Mãn, nên nói là Đối giáo (kinh Niết-bàn nói: Ví như Trưởng giả chỉ có một đứa con trai, lòng luôn thương nhớ, ngày đêm ân cần chỉ dạy có chữ Bán mà không dạy chữ Mãn, bởi do sức người con

chưa kham nổi vậy. Bán là chín bộ Tiểu thừa, Mãn là mười hai bộ Đại thừa. Ước về người và về lý so sánh có thể biết).

Nếu ước về thời, tức là giờ ăn (giờ Thìn, ánh sáng từ Đất bằng chiếu ra).

Nếu ước về vị thì từ lạc sinh ra sinh tô, đây là từ Tu-đa-la sinh ra Phương đẳng (Diệu Huyền quyển 10).

Phẩm Tín Giải nói: Từ đây về sau tâm tướng thể tín nhập và xuất đều không nghi nan (Văn Cú nói rằng: Tướng, lẫn với tín. Nghĩa là đối với Tam tạng mà được Niết-bàn thì không hư dối. Nay nói cho Bồ-tát pháp Đại thừa này thì cũng không hư dối. Đây tức là con tin cha. Phật biết những ai đã diệt hết Kiến, Tư hoặc thì nghe pháp Đại thừa sẽ không chê bai, kẻ vô lậu lợi căn lắng nghe và sinh lòng tin. Đây là cha tin con vậy. Do đây mà thấy được thân tôn quý. Nghe giáo Đại thừa thì gọi là Nhập. Lại bị quở trách là còn thấy thân trượng sáu. Nói pháp Tiểu thừa thì gọi là xuất, tức Đại Tiểu xuất nhập mà không còn nghi nan. Song nơi ở thì vẫn là chỗ cũ (tuy nhập xuất mà không nghi nan thì được vào Đại thừa, mà gọi là việc của Bồ-tát, không phải do trí mình phân biệt, không nhất định phải quay Tiểu hướng về Đại, cũng vẫn ở bậc A-la-hán, mà không nói là ở vị lai sẽ được làm Phật).

Đây nên hiểu thế nào? Đây là nói sau Tam tạng, Kế đến nói Phương đẳng, đã được đạo quả rồi thì tâm tướng thể tín. Nghe Đại thừa thì gọi là nhập, trụ ở Tiểu thừa thì gọi là xuất. Quở mắng nói khó thì gọi là không nghi nan. Lại tiến vào bên trong nhà thì thấy được các quần thần hào tộc đầy sức đại công đức, nên gọi là nhập. Còn xuất là chỉ nghỉ qua đêm ở am cỏ Nhị thừa cảnh giới, nên gọi là xuất. Tâm tướng thể tín, nghĩa là chứng quả A-la-hán rồi thì nghe mắng không còn sân giận mà trong tâm lại hổ thẹn, không dám lấy pháp của Thanh văn, Bích-chi ra dạy người khác nữa (Diệu Huyền, quyển 10). Kinh Tịnh Danh nói: A-nan bảo rằng: "Lúc đó tôi thật hết sức hổ thẹn." Kinh Pháp Hoa nói rằng: Than ôi tự trách sâu sắc rằng vì sao lại tự khinh mình. Đây là tủi thẹn về Tiểu thừa. Không biết làm thế nào để được tuệ vô thượng của Phật (đây là mến mộ Đại thừa vậy).

Bộ giáo Phương đẳng lập tên - Cựu Kinh nói Phương đẳng lập tên chỉ là phân biệt sự lý chứ chưa đủ để đến tận cùng nghĩa của nó. Nay dựa vào văn các kinh Sớ Ký mà giải thích tường tận. Kinh Quang Minh nói rằng: "Có một vị Tỳ-kheo đọc tụng kinh điển Đại thừa Phương đẳng." Quang Minh Huyền nói rằng: "Giáo của Phương đẳng thông suốt cả ba thừa." Kinh Tân Bản nói: "Muốn sinh vào hàng trời người,

muốn chứng bốn quả Bích-chi-phật, muốn được quả Phật... đều phải Sám hối để diệt trừ tội chướng. Đâu chỉ ở Phương đẳng?". Tục Di Ký nói rằng: "Tên Phương đẳng có hai nghĩa:

1. Như Đại Kinh từ lạc mà sinh ra sinh tô, cũng như Tu-đa-la mà sinh ra Phương đẳng. Đây là ước vào thời thứ ba gọi là Phương đẳng, tức là ích lợi cả các cơ ba thừa bốn giáo.

2. Còn như Phổ Hiền quán gọi Phương đẳng, là nói thẳng về viên lý. Nay sở dĩ phải dẫn Phương đẳng vì e bảo là đồng với Phổ Hiền quán.

Từ Lý mà đặt tên nên phải dẫn văn Tam Thừa Sám Hối, để xác định tên này đích thị là từ bộ giáo Phương đẳng chứ không phải chuyên về Sự Lý. Các văn luận về Phương đẳng có ba thuyết:

1. Theo Sự, Đại Kinh từ Tu-đa-la sinh ra Phương đẳng, là kinh Vô Lượng Nghĩa. Kế nói về Phương đẳng. Thích Thiêm điều hợp sinh tô, bài xích Phương đẳng, kinh Quang Minh đọc tụng Đại thừa Phương Đẳng, Quang Minh Huyền, giáo của Phương đẳng thông cả ba thừa... đều chỉ vào thời giáo thứ ba.

2. Theo Lý, kinh Phổ Hiền Quán nói kinh Phương đẳng này là mắt của chư Phật.

3. Sự Lý đều thông, kinh Chỉ Quán nói rằng Bát-nhã có bốn phương pháp, tức là bốn môn vào ao Thanh lương, tức là Phương vậy. Cái Lý được khế hợp bình đẳng với đại tuệ tức là đẳng vậy.

Nay thời thứ ba căn cứ vào Tứ minh mà lập nghĩa, đích thực là từ Bộ Giáo để xác định tên này mà không phải chuyên về Sự Lý vậy.

Năm thứ mười sáu (Ất Mùi). Phật ở tại vườn cây Yêm-la trong thành Tỳ-da-ly nói kinh Duy-ma-cật (Tỳ-da-ly, Hán dịch là rộng lớn nghiêm tịnh. Yêm-la, Cựu dịch là Nại, hình nó giống trái lê, hoa nhiều hạt ít. Duy-ma-cật, Hán dịch là Tịnh Danh, ba thứ cấu hoặc đã hết có đại danh xưng đây là bộ chủ của kinh Phương đẳng).

Năm thứ mười bảy (Bính Thân). Phật nói Tư Ích Phạm Thiên Sở Vấn Kinh (kinh nói: Phương Đông có Phật hiệu là Nhật Nguyệt Quang, có Bồ-tát Phạm thiên tên là Tư Ích đến đây hỏi Phật).

Năm thứ mười tám (Đinh Mậu). Phật ở trên đỉnh núi Lăng-già bên bờ Nam hải, nói kinh Lăng-già A-bạt-đa-la Bảo, ngài Đại Tuệ Bồ-tát hỏi Đức Thế Tôn rằng: Ngoại đạo còn ngăn cấm không cho ăn thịt, huống là Đức Như Lai Đại Bi thương xót chúng sinh mà cho phép mình và người được ăn thịt ư? Đức Phật đáp lời Bồ-tát rằng: Có nhiều nguyên nhân không được ăn thịt. Nghĩa là tất cả chúng sinh từ xưa đến nay do

xoay vần thường làm bà con với nhau, vì là thân thuộc nên không được ăn thịt. Thân thể là do những thứ bất tịnh nuôi lớn. Do đó không nên ăn thịt. Chúng sinh chỉ nghe hơi đều rất sợ sệt như bọn Chiên-đà-la. Do đó không nên ăn thịt. Vì ăn thịt khiến các chú thuật không linh nghiệm, do đó không nên ăn (Hoa Nghiêm Sao nói rằng: Núi Lăng-già là nơi ở của loài Dạ-xoa-la-bà. Hán dịch là Không thể tới, chỉ kẻ có thần thông thì mới đến được. A-bạt-đà-la, Hán dịch là Du nhập, nghĩa là các đại chúng của Phật vượt đến bờ kia của biển, nhận lời mời của vua Dạ-xoa bay lên không trung mà đến. Thích Thiêm nói rằng: Như trong số kinh Đại thừa thì kinh Phạm Võng đứng đầu, nói thế này: Nên biết Lăng-già được nói sau bốn kinh A-hàm, là Tiệm giáo đầu tiên. Phật đáp lời Bồ-tát không nên ăn thịt, nên biết vẫn còn ở trong phần Tiểu giáo). Lại nói kinh Kim Quang Minh, kinh Lăng-nghiêm Tam-muội (Lăng-nghiêm, Hán dịch là Kiện Tướng, vì phân biệt các thứ Tam-muội nhiều ít, cạn sâu, cũng như vị đại tướng biết rõ sức của binh lính nhiều ít, thấy rõ cờ quạt thứ lớp, Kinh Thắng Man Phu nhân (nói đầy đủ là Thắng Man Sư Tử Hống Nhất Thừa Phương Tiện Đại Phương Quảng Kinh, Thích Thiêm nói: Thắng Man là con gái của Mạt-lợi Phu nhân. Mạt-lợi và vua đã tin Phật nên viết thư cho con gái. Cô này nói kệ với sứ giả rằng:

Ngưỡng mong Phật Thế Tôn
Ra đời vì chúng sinh
Cũng nên thương xót con
Hãy mau đến nơi này.

Vừa nghĩ như thế thì Phật hiện lên không trung và nói kệ rằng:

Như Lai diệu sắc thân
Thế gian không ai bằng
Không sánh khó nghĩ bàn
Thế nên hay tin lễ.

Mạt-lợi là cô gái do cây mít sinh ra, là phi của vua Ba-tư-nặc.

Năm thứ mười chín (Mậu Tuất), khi Phật mới thành đạo, vào năm thứ mười sáu, Phật biết các Bồ-tát gánh vác pháp tạng. Ở trong khoảng hai cõi trời Dục và Sắc giới, xuất hiện một thềm báu, triệu tập rộng rãi đại chúng chư Phật Bồ-tát mười phương đều cùng lên thềm báu. Đức Phật bay lên không trung mà nói kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập. Các Bồ-tát muốn đến nhập hội thì tùy theo đức độ của mình mà hiện tướng. Như ngài Không Tạng thì hiện ra khoảng không, ngài Hải Tạng thì hiện ra nước, nhưng đều không thấy các ngài mà đại chúng chỉ thấy khoảng không và nước (các Bồ-tát khác thì hiện tướng đều thuộc loại này).

Lúc bấy giờ các Thiên long cùng nói rằng: Từ nay trở đi bọn chúng con nguyện hộ trì chánh pháp, nếu các quốc vương có đánh đập những kẻ xuất gia trì giới hoặc hủy giới thì chúng con sẽ không hộ trì nước ấy nữa. Hàng đệ tử Thanh văn sẽ đều hướng về nước khác, khiến cõi nước ấy không còn phước điền, khiến cõi nước ấy khởi lên các dịch bệnh đói kém đao binh, gió bão hạn hán phá hoại mùa màng. Khi ấy Đức Thế Tôn phó chúc cho Tỳ-thủ Yết-ma Thiên tử, Ca-tỳ-la Dọa-xa Đại tướng, mười bảy Thiên nữ mắt hai tròng, mỗi người cùng với năm ngàn quyến thuộc... Các ông nên hộ trì cõi nước Chấn Đán, nếu ở đó có xảy ra các việc như cãi cọ, tranh đấu, chiến trận, đói kém, dịch bệnh, gió mưa lạnh nóng... thì nên khiến dứt hết và hãy khiến pháp nhãn của ta ở lâu trên đời. Phật bảo ngài Di-lặc và các Bồ-tát: Ta nay vì thương xót các chúng sinh nên phân các quả báo này làm ba phần: Một phần để tự thọ dụng, một phần dành cho các Thanh văn tương ưng với thiền giải thoát Tam-muội kiên cố, sau khi ta diệt độ, khiến họ không thiếu thốn và một phần dành cho người cạo đầu mặc áo ca-sa tụng kinh Thanh văn mà phá giới ở thời chánh pháp hay tượng pháp khiến họ không thiếu thốn. Chớ khiến các ác vương cùng não hại nhau và xin gởi các hàng thí chủ vào tay các ông (theo Đại Tập Kinh, Phật Tạng Kinh nói phải nên một lòng tu hành chớ nghĩ đến việc ăn mặc, trong tướng bạch hào của Như Lai đã dành một phần cúng dường cho các đệ tử xuất gia trong đời mạt pháp đều không hết được. Phật nói: Giả sử có người xuất gia mà không trì giới thì người ấy cũng đã được giấu ấn Niết-bàn rồi. Nếu như có kẻ đến đánh mắng hoặc giựt y bát và các vật cần dùng của họ, thì kẻ ấy phá hoại báo thân của chư Phật, móc bỏ tất cả tai mắt của hàng trời người và mọi sự xử đoán của các quốc vương quần thần. Như thấy kẻ xuất gia tạo các tội nghiệp lớn như đại sát, đại đạo, đại ô uế, phạm hạnh, đại vọng ngữ và các việc bất thiện khác, thì chỉ đuổi họ ra khỏi nước, không cho ở chùa để đồng sự với các Tăng chúng, chứ không được đánh đập chửi mắng hạ nhục và các thứ hình phạt khác. Nếu ai cố tình trái pháp mà hình phạt thì kẻ ấy xa lìa hàng trời người, tất phải đọa địa ngục, huống là đánh mắng người xuất gia giới hạnh đầy đủ ư? (Kinh Đại Tập).

Ngài Xá-lợi -phất... bạch Phật rằng: Chúng con tuy được gọi là con Phật, nhưng đều là lỗi của Như Lai chứ không phải lỗi chúng con. Vì sao? Vì nếu Như Lai quyết bảo là không có Tam thừa thì há chúng con không thành Chánh giác sao? Vì sao Như Lai không cho chúng con thấy nghe dự vào hàng Thánh? Lúc đó, ngài Thân Tử... đều cởi bỏ y và khóc lóc, cả đại thiên đều rúng động mạnh (kinh Anh Lạc).

Lời thuật rằng: Kinh Anh Lạc nói: Ngài Xá-lợi -phất sau khi bị quở trách thì tâm dần dần hướng về Đại thừa nhưng cũng còn oán lời Phật nói, cho rằng: "Nếu không có Tam thừa thì chúng con đã thành Chánh giác rồi. Đây đều là lỗi của Như Lai chứ không phải lỗi của chúng con." Kịp khi đến thời Pháp hoa nói pháp đầy đủ thì bảo rằng: "Chúng con đồng nhận pháp tánh. Vì sao Như Lai lấy pháp Tiểu thừa để mà hóa độ cho, ấy là lỗi của chúng con chứ không phải lỗi của Thế Tôn." Thế mới biết kinh Anh Lạc nói khi không hiểu phương tiện thì lỗi ở Phật, khi nhờ Pháp Hoa mà nhập vào pháp tánh thì lỗi ở mình.

Phật ở tại tinh xá Kỳ hoàn. Lúc đó vua Ba-tư-nặc cúng giỗ cha, tổ chức tiệc trai mời Phật vào cung thiết đãi. Lúc đó trong thành cũng có các Trưởng giả Cư sĩ cúng dường trai phạm, đợi Phật đến dự. Phật bèn sai ngài Văn-thù chia lãnh các Bồ-tát và A-la-hán đến thọ thực với các trai chủ. Chỉ có A-nan đi xa chưa về, ngài đang một mình trên đường về. Hôm đó vì Phật và chúng Tăng đều đi chứng trai không ai cúng, nên ngài ôm bát vào thành thứ lớp khất thực thì gặp nàng Ma-đăng-già dùng chú Phạm thiên bắt ngài vào dâm thất. Như Lai lúc đó biết việc, khi thọ trai xong trên đường về, ngài liền phóng từ đỉnh một luồng sáng trăm báu có hoa sen báu ngàn cánh trên đó đều có hóa Phật ngồi kiết già tuyên nói thần chú, Phật lại sai ngài Văn-thù đến đọc chú dắt A-nan và Ma-đăng-già đến chỗ Phật. Ngài A-nan gặp Phật bèn đảnh lễ khóc lóc tiếc cho mình từ vô thủy đến nay chỉ ham học nên đạo lực chưa đầy đủ. Liền ân cần thưa hỏi về phương tiện đầu tiên được quả Bồ-đề của mười phương Như Lai. Đức Phật bèn nói cho A-nan pháp tên là Đại Phật Đảnh Thủ-lăng-nghiêm Kinh (Lâm Gian Sáu nói: Các bậc Trí nghe ở Thiên Trúc có kinh Thủ-lăng-nghiêm thì luôn cầu nguyện kinh sớm đến cõi này).

Lời thuật rằng: Cả một đời thuyết giáo cốt yếu cuối cùng là ở chỗ khai hiển, mà công khai hiển mầu nhiệm nhất thì phải quy cho Pháp Hoa. Các kinh khác có nói về Viên thì đều là nghĩa của Phương Đẳng Tứ Giáo cùng nói, mà Cô Sơn thì muốn xem Lăng-nghiêm đồng với Pháp Hoa về vị đề hồ. Ấy là không nghĩ rằng Phương đẳng là kinh bao gồm mà mất đi ý chỉ, Pháp Hoa là thuần nhất không xen tạp vậy.

Thuật rằng: Phật nói kinh Phương đẳng đến đây đã được tám năm. Nay chỉ nêu các kinh đương thời để thấy nghĩa mà Tứ giáo đều nói.

Thời thứ tư là Bát-nhã, người lớn thì trông nhờ cái dụng của ánh sáng, còn trẻ em thì chết vì ánh sáng. Cho nên văn có nói: Chỉ nói với

Bồ-tát sự thực ấy mà không nói cho ta cái chân yếu này. Tuy là ba người cùng học nhưng chỉ có hai người được chứng, nói đầy đủ như ở Đại Phẩm (Huyền Kinh quyển một, Thích Thiêm nói: Bồ-tát nhờ ánh sáng Bát-nhã là dụng của các pháp, còn hàng Nhị thừa như đứa trẻ mới sinh được bảy ngày, nếu nhìn vào mặt trời thì sẽ mù mắt. Vì vô minh hoàn toàn có nghĩa như là chết).

Kế nói các kinh Ma-ha Bát-nhã, Hoa Nghiêm, Hải Không, Lịch Kiếp Tu Hành, đây là sau thời Phương đẳng mà nói về Đại Phẩm, Đại Phẩm hoặc nói về vô thường, vô ngã hoặc nói về không, hoặc nói về bất sinh bất diệt đều trải qua từ sắc tâm cho đến bậc Nhất thiết chủng trí. Mỗi câu hồi chuyển nói rõ pháp tu hành. Lại có trăm ngàn Tỳ-kheo, vạn ức trời người chứng quả Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán. Người ở bậc Bích-chi-phật, nghiệm ra là cộng Bát-nhã còn nói Hoa Nghiêm, Hải Không, (Thích Thiêm nói: "Còn nói" trở đi là nói về "bất cộng Bát-nhã", "Cộng" thì chung Thông cả Nhị thừa, còn "bất cộng" thì là Biệt Viên, không chung với Nhị thừa). là căn cứ vào pháp tánh luận thì Độn căn Bồ-tát có ba chỗ nhập pháp giới: Một là Bát-nhã; hai là Pháp Hoa; ba là Niết-bàn. Nhân nghe Bát-nhã mà nhập Pháp giới tức là Hoa Nghiêm Hải Không (Diệu Huyền quyển 10). Kế đến nói Bát-nhã chuyển giáo, phó tài, Dung thông, đào thải. Trong thời Bát-nhã này không nói tạng giáo, không kèm thêm hai thứ Thông Biệt mà chính nói về Viên giáo thôi (Tứ Giáo Nghi, tập Giải nói rằng: Chuyển giáo, là tu Bồ-đề thì chuyên hiểu về không, Xá-lợi thì chuyên về trí tuệ, Phật dùng Bát-nhã là pháp không tuệ để gia bị cho hai vị ấy chuyển làm Bồ-tát nói các pháp không, chẳng điều gì là chẳng thanh tịnh, từ đây trở đi chuyển độ người khác. Kinh nói rằng: Chúng ta tuy bị các thứ đào thải, nói pháp Bồ-tát nhưng không trông mong chứng đắc nên gọi là chuyển giáo. Phó tài, ở thế gian thì bảy báu của Trưởng giả là tài, còn xuất thế gian thì Pháp Vương Bát-nhã là tài. Nếu ước theo ý Phật, lấy Bát-nhã này gia bị cho hai người thì tức là Phó tài. Như ở Nhị thừa chỉ nói là Giai thuyết. Cho nên Đại Phẩm nói rằng: Há hàng Thanh văn dám nói ra điều chi, nếu có nói ra thì đều là do sức Phật. Nếu ước theo ý hóa độ thì chỉ là lãnh biết gia nghiệp, kín đáo hoàn thành lợi ích riêng, đến thời Pháp Hoa mới được gọi là Phó tài. Nên kinh nói rằng: "Những thứ ta có hiện nay đều là của con ta." Dung thông, Như Hội bát-nhã thì tất cả pháp đều là Ma-ha-diễn, chính là Pháp Tam Giáo Dung thông. Không phải là Dung của Viên dung. Như Thích Thiêm nói: Nếu lấy Viên mà bài xích Tam và lấy Viêm mà bài xích Tạng thì Viên dung là Viên. Hoặc lấy Tam Giáo mà chê

Tạng thì tức là Dung thông làm Dung. Đào thải, Đại luận nói Đào thải là giặt rửa lóng trong, lấy nước không tuệ mà lắng lọc chọn lựa vậy. Thích Thiêm nói: Phương đẳng quở trách hơi khác nghĩa "Cộng". Nay Kinh Bát-nhã này chính là Cộng Bộ. Phụ Hành nói: Dụng phụ là Thông giáo, dụng chánh là Biệt Viên, gia bị cho hàng Nhị thừa kín đáo hoàn thành lợi ích riêng. Thích Thiêm lại nói: Trước đối với Phương đẳng nghĩa đã thành Thông cho nên đến thời Bát-nhã thì chỉ cần hai thứ này. Nói bất cộng, là nói ý của bộ. Ý tuy không Cộng nhưng còn có Phương Đẳng mới nhận Tiểu thừa. Đến đây thì cần có Thông. Cũng có người ở bên Đại thừa mà được Tiểu thừa. Thế nên phải gồm dùng. Nay ước về Thiên và Viên đối nhau mà luận, nên nói là kèm theo hai thứ để nói Viên. Như Nhân Vương Bát-nhã nói bốn kệ Vô thường khuyên vua Phổ Minh từ ngôi bỏ nước, thì nghĩa giống ba tạng, nói về trợ đạo, không phải là ý chính của bộ.

Nếu ước theo thời thì ở trong vùng (Thích Thiêm quyển một, Ngu cũng viết là Ngung, nói thời gian đã qua lúc mặt trời sắp đứng bóng nhưng còn ở vòng ngoài, nên gọi là Ngu Trung. Lại âm dương gọi Dần Thân Tỵ Hợi là bốn Ngung).

Nếu ước theo vị thì nó là từ sinh tô sinh ra thục tô. Đây là từ Phương đẳng sinh ra Bát-nhã (Huyền Thiên quyển 1), phẩm Tín Giải nói: Lúc bấy giờ Trưởng giả có bệnh tự biết mình không bao lâu nữa sẽ chết (Văn cú - cơ đến là sinh, cơ hết là diệt, hóa cơ sắp hết nên không bao lâu sẽ chết) nên bảo kẻ cùng tử rằng ta nay có nhiều vàng bạc châu báu (Lý thì không nhiều nhưng ước theo các môn nên nói là nhiều. Vàng này là dụ cho Lý Biệt giáo, Biệt ở Bồ-tát tức là Bất cộng Bát-nhã. Lý được nói là hai giáo Biệt viên. Bạc là dụ cho Lý Thông giáo cùng Nhị thừa đồng chứng, tức là cộng Bát-nhã. Lý được nói là Thông giáo. Lý Bát-nhã không ngoài hai thứ này. Châu báu: là nói về tất cả pháp môn). Kho lẫm đầy tràn bao nhiêu trong đó đều lấy cho con, con nên biết rõ (là Định môn tức một trăm lẻ tám thứ Tam-muội, còn kho là tuệ môn tức là mười tám Cảnh không. Kho lẫm định tuệ hai thứ Thông Biệt đều bao gồm tất cả thiền định trí tuệ, trong đầy ngoài tràn, Bồ-tát hành trì Bát-nhã nên biết rõ hai môn rộng hẹp, nên gọi là bao nhiêu. Tự làm là lấy, dạy người là cho). Kẻ cùng tử lãnh lệnh lãnh biết mọi vật nhưng không có ý mong lấy một bữa ăn (Thiện Cát tuy nói Bát-nhã nhưng tự bảo là ta không có phần ấy). Song anh ta vẫn ở chỗ của mình (cũng ở bậc A-la-hán). Đây hiểu nghĩa như thế nào? Đây là từ sau Phương đẳng Kế đếnnói Bát-nhã, Bát-nhã Quán Tuệ tức là nghiệp nhà trải từ danh

sắc cho đến chủng trí, tức là các vật. Thiện Cát... chuyển giáo tức là nhận biết. Chỉ nói cho Bồ-tát mà mình không tự chứng, nên không trông mong nhận lấy (Huyền Kinh quyển 10).

Năm thứ hai mươi bốn (Quý Mão), Phật ở tại núi Linh thứu, vườn Cấp-cô-độc, cung trời Tha hóa tự tại và Trúc lâm cả bốn chỗ mười sáu Hội nói kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật (núi Linh thứu ở cách thành Vương xá năm dặm trong nước Ma-già-đà, Trúc lâm ở gần bên thành, còn vườn Cấp cô thì ở nước Xá-vệ, đều thuộc Trung Ấn Độ).

Bản đồ bốn chỗ - mười sáu hội

<table>
<tr><td>Đại Phẩm (đời Tấn, La-thập dịch). Phóng Quang (đời Tấn, La-xoa dịch).</td><td colspan="2">Hội thứ 1, ở núi Linh thứu nói bốn trăm quyển, bảy mươi bảy phẩm (đơn dịch).</td></tr>
<tr><td>Quang Tán</td><td colspan="2">Hội thứ 2, ở núi Linh thứu nói bảy mươi tám quyển, tám mươi lăm phẩm (trùng dịch).</td></tr>
<tr><td>Tiểu Phẩm</td><td rowspan="4">Do La-thập và Trúc Sóc Chi Sấm dịch</td><td>Hội thứ 3, ở núi Linh thứu nói năm mươi chín quyển, hai mươi hai phẩm (đơn dịch).</td></tr>
<tr><td>Đạo Hạnh</td><td>Hội thứ 4, ở núi Linh thứu nói mười tám quyển, hai mươi lăm phẩm (trùng dịch).</td></tr>
<tr><td>Tân Đạo Hạnh</td><td></td></tr>
<tr><td>Đại Minh Độ</td><td></td></tr>
<tr><td></td><td colspan="2">Hội thứ 5, ở núi Linh thứu nói mười quyển, hai mươi mốt phẩm (đơn dịch)</td></tr>
<tr><td>Thắng Thiên Vương</td><td colspan="2">Hội thứ 6, ở núi Linh thứu nói tám quyển, mười bảy phẩm (trùng dịch).</td></tr>
<tr><td>Văn-thù</td><td colspan="2">Hội thứ 7, ở vườn Cấp cô độc nói hai quyển, không phẩm (trùng dịch).</td></tr>
<tr><td></td><td colspan="2">Hội thứ 8, ở vườn Cấp cô độc nói một quyển (đơn dịch).</td></tr>
<tr><td>Kim Cang (La-thập dịch)</td><td colspan="2">Hội thứ 9, ở vườn Cấp cô độc nói một quyển (trùng dịch).</td></tr>
</table>

	Hội thứ 10, ở cung trời Tha hóa tự tại nói một quyển (đơn dịch).
	Hội thứ 11, ở vườn Cấp cô độc nói năm quyển (đơn dịch).
	Hội thứ 12, ở vườn Cấp cô độc nói giới, năm quyển (đơn dịch).
	Hội thứ 13, ở vườn Cấp cô độc nói nhẫn, một quyển (đơn dịch).
	Hội thứ 14, ở vườn Cấp cô độc nói cần, hai quyển (đơn dịch).
	Hội thứ 15, ở núi Linh thứu nói định, hai quyển (đơn dịch).
	Hội thứ 16, ở vườn Trúc lâm nói tuệ, tám quyển (đơn dịch).

Đại Phẩm Bát-nhã bốn mươi quyển, xét theo Tạng Kinh Mục Sáu nói rằng: Ma-ha Bát-nhã ba mươi quyển, Quang Tán Bát-nhã mười quyển. Ngài Long Thọ dùng bản này viết bộ Trí Độ Luận một trăm quyển. Ngài Trí Giả dựa vào bản Luận này mà viết lời Sớ hai mươi quyển (nay còn ở Cao Ly chưa đến Trung Quốc). Còn mười kinh Phóng Quang, Kim Cang... là dịch khoảng đời Tấn, Tống. Đến đời Đường ngài Pháp sư Huyền Trang mới dịch ra Đại Bát-nhã Kinh sáu trăm quyển. Nên biết mười kinh trước đều là văn trùng dịch. Văn các bộ mà ngài Trí Giả đã dẫn chính là nghĩa trong Đại Phẩm, do ngài La-thập dịch ở đời Tấn, bản này có trước bộ Đại Bát-nhã được dịch ở đời Đường.

Lời thuật rằng: Tứ Giáo Nghi nêu rõ: Các kinh tên Bát-nhã chung riêng và trùng dịch rất khó phân biệt. Nay chỉ nêu chung về kinh Đại Bát-nhã thì như Đại Phẩm, Tiểu Phẩm, Thiên Vương, Văn-thù, Kim Cang... mười kinh đều là trùng dịch từ Đại Bát-nhã, những quyển Biệt Hành nay không nêu ra. Bởi vì Ma-ha tức là Đại Phẩm. Lại Thích Thiêm có nói: Xưa phán định Bát-nhã có năm thời: Một là Ma-ha; hai là Kim Cang; ba là Thiên Vương; bốn là Quang Tán; năm là Nhân Vương. Đây chưa thể dùng được vì Quang Tán chỉ là một phần trên của Đại Phẩm. Xét đây thì lại biết Quang Tán không phải trùng dịch. Câu nói: “Đây chưa thể dùng được là của ngài Kinh Khê để phá chung về lỗi năm thời của các Sư xưa.”

Năm thứ hai mươi lăm (Giáp Thìn), năm thứ hai mươi sáu (Ất Tỵ), năm thứ hai mươi bảy (Bính Ngọ), năm thứ hai mươi tám (Đinh Mùi), năm thứ hai mươi chín (Mậu Thân), năm thứ ba mươi (Kỷ Dậu), năm thứ ba mươi mốt (Canh Tuất), năm thứ ba mươi hai (Tân Hợi), năm thứ ba mươi ba (Nhâm Tý). Phật ở núi Kỳ-xà-quật trong thành Vương xá nói cho vua Ba-tư-nặc nước Xá-vệ, về Bát-nhã Ba-la-mật mười bốn chánh hạnh. Lại dặn dò vua rằng: "Khi nước sắp loạn thì giặc ngoài đến xâm lấn, mặt trăng, mặt trời và các sao biến đổi, có các nạn lớn về lửa, nước, năm giống thóc không mọc, gió bão nắng hạn... thì phải thỉnh trăm vị Pháp sư, thiết lập trăm cao tòa, mỗi ngày hai thời giảng nói kinh này (nay hai bài giảng văn sớm tối thấy ở đây), bách bộ quỷ thần thích nghe kinh này sẽ hộ trì đất nước ông muôn dân an lạc, vua chúa vui vẻ. Như khi vua đi thì để kinh trên bàn bảy báu cách trước một trăm bước. Như khi vua đứng thì để kinh trên tòa có màn bảy báu, ngày ngày cúng dường như thờ cha mẹ." Lúc đó mười sáu vua nước lớn nghe pháp xong rất vui mừng liền giao quốc sự lại cho em mình mà xuất gia tu đạo và chứng được tất cả các hạnh của Bát-nhã Ba-la-mật (theo Nhân Vương Vấn Bát-nhã Kinh, Thiêm Nhân Vương nói rằng: "Như Lai thành đạo được hai mươi chín năm thì nói cho ta Ma-ha Bát-nhã. Cho nên biết Bát-nhã ở sau thời Phương đẳng, cũng biết Nhân Vương ở sau Đại Phẩm. Theo kinh Trường A-hàm thì mười sáu nước lớn là nước Xá-vệ, nước Ma-kiệt-đề, nước Ba-la-nại, nước Tỳ-xá-ly, nước Ca-tỳ-la-vệ, nước Câu-thi-na, nước Kiều-tát-la, nước Kế đếnTân, nước Cưu-lưu, nước Già-la-càn, nước Càn-đà-vệ, nước Sa-đà, nước Tăng-già-la, nước Kiện-noa, nước Quật-xà, nước Ba-đề).

Năm thứ ba mươi bốn (Quý Sửu) Phật thành đạo đã ba mươi năm, ở tại thành Vương xá bảo các Tỳ-kheo rằng: Ai có thể vì ta mà thọ trì mười hai bộ kinh và cúng dường giúp đỡ ta. Lúc đó ngài Kiều-trần-như bạch rằng: "Con xin hầu hạ." Phật bảo: "Ông đã quá già làm sao giúp ta được, cho đến năm trăm vị A-la-hán Phật đều không nhận. Ngài Mục-liên nhập định thấy Phật để ý A-nan như mặt trời mới mọc chiếu ánh nắng về vách phía Tây, liền bảo Kiều-trần-như. Trần-như nói với A-nan rằng: "Ngài nên hầu hạ Như Lai." A-nan thưa: Xin Như Lai chấp nhận cho tôi ba điều:

1. Không nhận y cũ của Như Lai.
2. Không theo Như Lai mà nhận thỉnh riêng.
3. Cho tôi ra vào tự do.

Phật bảo: Tốt lắm! Đầy đủ trí tuệ để phòng việc chê bai ganh tỵ.

Bởi vì sao? Nếu như có người bảo ông vì cơm ăn áo mặc mà hầu hạ Như Lai, thế nên không nhận y cũ, không theo nhận thỉnh riêng và ra vào đúng lúc thì không thể làm lợi ích rộng lớn cho bốn bộ chúng. Cho nên ta chấp nhận cho A-nan ba điều (kinh Niết-bàn).

Lời thuật rằng: Kinh Niết-bàn nói Phật bảo ngài Văn-thù rằng: "A-nan em ta hầu hạ ta đến nay đã hơn hai mươi năm." Lại phần sau kinh có nói: A-nan đọc kệ rằng: "Ta làm thị giả đã hai mươi năm." Cho nên biết năm này mới làm thị giả.

Năm thứ ba mươi lăm (Giáp Dần), năm thứ ba mươi sáu (Ất Mão), năm thứ ba mươi bảy (Bính Thìn), năm thứ ba mươi tám (Đinh Tỵ), năm thứ ba mươi chín (Mậu Ngọ), năm thứ bốn mươi (Kỷ Mùi), năm thứ bốn mươi mốt (Canh Thân), năm thứ bốn mươi hai (Tân Dậu). Đức Phật đến thành Vương xá, thọ trai xong liền bảo La-vân dọn rửa, ông lỡ tay để bát rơi vỡ thành năm mảnh. Phật bảo: Sau khi ta diệt độ một trăm năm thì các Tỳ-kheo chia Tỳ-ni tạng thành năm bộ. Một trăm năm sau Cúc-đa Tôn giả có năm đệ tử, mỗi người có chấp thấy riêng:

1. Bộ Đàm-vô-đức, tên pháp là Tứ Phần (Hán dịch là Pháp Mật).
2. Bộ Tát-bà-đa, tên pháp là Thập Tụng (Hán dịch là Nhất Thiết Hữu).
3. Bộ Ca-diếp-di, tên pháp là Ngũ Phần (Hán dịch là Trọng Không).
4. Bộ Di-sa-tắc, tên pháp là Ngũ Phần (Hán dịch là Bất trước Hữu Vô Quán).
5. Bộ Bà-sa-phú-la, bản Luật này không đến Trung Quốc (Hán dịch là Độc Tử). cả năm bộ này đều lấy Tăng-kỳ Luật làm căn bản.

Năm thứ bốn mươi ba (Nhâm Tuất), năm thứ bốn mươi bốn (Quý Hợi), năm thứ bốn mươi lăm (Giáp Tý).

Lời thuật rằng: Phật nói các kinh Bát-nhã đến đây đã được hai mươi hai năm.

3) Thứ ba là Bí mật giáo: Như Lai đối với pháp được tối tự tại hoặc trí hoặc cơ hoặc thời hoặc xứ, ba mật bốn môn đều vô ngại không cần hỏi (Trí là nói về quyền mưu của Đại Thánh, Cơ là nói thứ lớp không đồng. Không chọn về thời gian và nơi chốn, thân khẩu ý mật, tùy bốn môn nào đều vô ngại tự tại thích hợp thời mà lập Hội). Ở tòa này nói đốn mà ở mười phương nói tiệm và bất định; ở mười phương nói đốn mà ở tòa này lại nói tiệm và nói bất định, ở tòa này không nghe mười phương và ở mười phương không nghe tòa này (mười phương và tòa này đối nhau) hoặc đều nói đốn, nói tiệm, đều bất định (căn cứ vào Văn

nghĩa của Thiêm mà thêm ba chữ "đều". Cũng nên nói mười phương và tòa này đối nhau). Còn mỗi thứ không biết nhau, đối đây mà Hiển mà đối kia là Mật (đây là người không thấy nhau, Pháp không cùng nghe, lẫn lộn không biết nhau thì được ích lợi bất định). Đây là ước tòa này và mười phương đối nhau (Thiêm Khoa). Hoặc vì một người thì nói đốn hoặc vì nhiều người lại nói tiệm, nói bất định. Hoặc vì một người thì nói Tiệm, hoặc vì nhiều người thì nói đốn, hoặc đều tiệm, đều đốn, đều bất định (nghĩa như trước thêm ba chữ "đều"). Mỗi người không biết nhau làm Hiển Mật lẫn nhau (đây là người thấy nhau, pháp cùng nghe, không biết lẫn nhau, thì được lợi ích bất định). Đây là ước một người và nhiều người đối nhau (theo Thiêm Khoa Thiêm nói rằng: Một phương đã thế thì mười phương cũng thế). Hoặc ở một tòa thì im lặng mà mười phương nói hoặc mười phương im lặng một tòa nói, hoặc đều im lặng, đều nói, mỗi thứ không biết nhau, làm hiển mật cho nhau. Đây là ước tòa này và mười phương, nói và im lặng đối nhau (Thiêm Khoa, từ trên đều do Diệu Huyền Thích Thiêm) vã đã mượn ba pháp, huống là nói ra tướng của nó.

Bí mật được tên, thì Diệu Huyền nói rằng: Hiển bày bất định. Còn bí mật bất định thì Thiêm Thích nói rằng: Vì đối với bí mật đều cần hiển bày (v.v...) Do bốn vị trước có một loại Cơ mà không hiểu hiển bày nên phải cho vào Bí mật. Thế nên sức Như Lai khó nghĩ bàn đã nói cách ẩn kín, cốt là khiến chúng sinh không biết lẫn nhau, mà được ích lợi cả Đốn và Tiệm vậy.

Bí mật lập thể, thì Thiêm Thích Huyền Văn nói rằng: Thân, khẩu, ý Mật tùy bốn môn nào cũng đều vô ngại. Lại Thiêm nói: Vì Bí mật không ngoài bảy thứ này, nên Dật Đường lấy ba mật bốn môn làm thể cho đương thể, hai lý chân trung làm thể cho sở y, Thạch Pha lấy bảy giáo làm thể cho Sở dụng, tuy đều là có chỗ căn cứ nhưng cần yếu là lấy bảy giáo để làm đủ nghĩa.

Bí mật văn chứng, đây có hai nghĩa:

1. Nghĩa chứa nhóm kinh luận. Diệu Huyền dẫn kinh Niết-bàn, Bồ-tát Ca-diếp thì lập ba mươi sáu câu hỏi. Như Lai khen rằng: Khi ta mới thành Phật cũng có Bồ-tát đến hỏi nghĩa này, câu nghĩa đã hỏi công đức cũng đều như thế (đây là đích thân Phật tuyên nói). Lại Kinh Bát-nhã, các Thiên tử đều xướng lên rằng: Tôi thấy chuyển pháp luân lần hai ở cõi Diêm-phù-đề, nay chuyển giống như lần đầu (đây là chư thiên truyền rao).

2. Tên do ngài Long Thọ dịch ra. Đại Luận giải thích kinh Bát-nhã

nói rằng: Pháp luân của chư Phật có hai thứ: Một là hiển; hai là mật. Chuyển lần đầu thì Thanh văn thấy có tám vạn ức người (đây là Hiển bất định giáo), còn các Bồ-tát thì thấy có vô lượng a-tăng-kỳ người được Vô sinh nhẫn (Đây là Bí mật bất định giáo).

Bí Mật không truyền, Văn Cú nói rằng: Bí mật là giấu kín không truyền. Ký nói rằng: Phật giáng sinh bảy lần không thể thuật lại được. Ngay cả A-nan cũng không nhận được há là sư suy lường của người hoằng giáo, A-nan không phải không truyền bí mật, nhưng vì ứng cơ Bí mật nên không truyền đó thôi. Cho nên Bí mật không dùng mà chỉ toàn là Hiển lộ thế nên truyền bí mật cũng gọi là truyền Hiển. Các Sư đều nói rằng: Các Thánh ứng cơ bí mật vẫn không biết lẫn nhau, cho nên không thể truyền. Như trong Niết-bàn, Như Lai đích thân tuyên nói Bát-nhã. Cho nên các Thiên tử rao truyền đều kết tập thành văn, lại thành Hiển lộ nên có thể truyền vậy.

Bí mật hoành bị, Thiêm nói rằng: Bí mật hoành bị không thời nào không khắp (v.v...) há đối với Pháp Hoa mà có bí mật ư? Cần biết Hiển lộ là luận dọc thì tuy ở tại bốn thời nhưng có Hoa Nghiêm - Lộc uyển là Đại Tiểu thừa cách biệt nhau. Còn bí mật là luận ngang thì cả ẩn Hiển ở tại Cơ, không thời nào không khắp, nhưng khắp ở bốn thời trước chứ không khắp ở thời Pháp Hoa. Lại Thiêm nói rằng: Năm vị thì đường tiến dọc, đều có bán, mãn, bí mật, bất định. Đây là giải thích văn Diệu Huyền để phá các Sư phương Nam chỉ dùng năm vị (chỉ được Phương Tiện), các Sư phương Bắc riêng dùng bán mãn (chỉ được Kỳ thật). Nay các nhà dùng năm vị thành bán mãn, bán mãn thành năm vị. Cho nên nói rằng: Vị nào cũng đều có bán mãn bí mật và bất định. Đây là giải nghĩa để thành nhau một lượt như thế không phải là bảo trong Pháp Hoa thì có bốn vị bí mật bất định của các thời trước. Cho nên văn Diệu Huyền nói rằng: Huyền thật đều dạo chơi như Chim có hai cánh, tuy lại đều dạo chơi (năm vị Bán Mãn đều dùng) hàng tàng đúng chỗ (năm vị bán mãn chung thành gọi là hành, nghĩa là chữ Mãn chung thành vị đề hồ của Pháp hoa. Chỉ khi biến khắp bốn vị Bán Mãn thì gọi là Tàng, nghĩa là chữ Mãn không đến được vị đề hồ của Pháp Hoa).

Pháp Hoa không phải bí mật mà là bí mật (Huyền Văn). Pháp Hoa là Hiển không phải mật. Lại nói rằng: Pháp Hoa là bí mật còn Bát-nhã không phải bí mật. Thiêm nói: Cái trước là Hiển không phải bí mật, nghĩa là không phải mật của giấu kín. Như ở giáo trước có hàng Nhị thừa phát tâm không khiến cho kẻ chưa phát tâm biết được, thế nên là ẩn. Nay xem Bát-nhã là mật thì đây là cái mật của Diệu bí (kín nhiệm)

không có trong Bát-nhã nhưng rất cao quý trong Pháp Hoa. Lại Diệu Huyền nói rằng: Bát-nhã không nói Nhị thừa làm Phật, nên không phải bí mật. Lại Diệu Huyền dẫn Đại Luận nói là các kinh khác không phải bí mật, Pháp Hoa là bí mật. Thiêm nói: Không phải bí mật trong tám giáo, chỉ là cái trước chưa nói là Bí mà mở rồi thì không còn là Bí nữa (tức hơn bốn mươi năm không hề nói).

Ba nghĩa bí mật, Thiêm nói: Cần biết rằng Bí mật lợi đồng mà nghĩa khác (v.v...). Nay nêu các văn đủ nói lên ba nghĩa:

1. Chân Bí. Huyền nói Pháp Hoa là bí mật. Thiêm nói: là mật của Bí diệu.

2. Ẩn bí, Tự có hai nghĩa Phật và Đệ tử. Huyền dẫn kinh nói rằng hơn bốn mươi năm giấu kín không nói. Đây là điều ngày xưa chưa nói, đứng về phía Như Lai là Bí vậy. Diệu Lạc nói rằng: Trong ba lượt tư luận là Bí. Pháp nói mỗi lượt thì có Đại xa nghe được Mật giáo. Đây gọi là hàng lợi căn lượt đầu. Tham dự hiểu rõ các việc Thí Dụ Nhân Duyên đối với hàng Trung Hạ chưa ngộ nên gọi là Mật. Mật này có chỗ được nghe nên đứng về phía Đệ tử là Bí vậy.

3. Bí mật, tức Diệu Huyền đã lập giáo Bí mật. Như Lai kín đáo ứng cơ không biết lẫn nhau. Thiêm nói đó là mật của Ẩn mật vậy.

Thứ tư là Bất định giáo. Do bốn vị trước có cơ phát bất định, nghe Đại thừa chứng Tiểu thừa hoặc nghe Tiểu thừa chứng Đại thừa. Ở trong nói Tiệm lại được ích lợi về Đốn, ở trong nói Đốn lại được ích lợi về Tiệm. Đây là có phân biệt về hai nghĩa Bộ giáo:

1. Ước về bộ mà luận dọc, tuy ở Cao sơn nói về Đốn, Tịch trường Bất Động mà vẫn đi du hóa ở Lộc uyển (Đây là chỗ bất định. Thiêm nói: Đây bất động bất ly bay lên du hóa. Đây là chỉ cho Tiệm nói bắt đầu từ Đốn giáo, bất động ở Đốn mà vẫn dạy Tiệm). Tuy nói bốn Đế sinh diệt mà không ngại, không sinh không diệt (Đây là pháp bất định. Lộc uyển tuy có dạy Tiệm mà không bắt đầu ở Đốn, hai vị đã thế, các vị khác đều chuẩn theo đây). Tuy nói cho Bồ-tát về Phật cảnh giới nhưng vẫn có hàng Nhị thừa được đoạn trí. Tuy chỉ năm người chứng quả mà không ngăn được tám vạn chư thiên được Vô sinh nhẫn (Đây là nghĩa bất định). Nên biết tức Đốn mà Tiệm (ở Đốn mà được ích lợi của Tiệm), tức Tiệm mà Đốn (ở Tiệm mà được ích lợi của Đốn - Thiêm nói: Tuy chỉ cho Bồ-tát Phương đẳng và Bát-nhã nhưng ở hai thời đó đều có Tiểu quả, mới được và đã được như thường nói. Tuy năm người chưa chứng quả nhưng không ngăn được tám vạn chư Thiên được Vô sinh nhẫn (Đây chỉ là lại bắt đầu Tiệm giáo nói Bát-nhã cho nghe. Trước là

căn cứ về Pháp, đây là căn cứ về người. Đắc quả không giống nhau nên chứng pháp bất định).

2. Ước theo giáo mà luận ngang. Trong vị sữa được Biệt viên đối nhau để biện Bất định. Giáo môn trong vị lạc tuy không có hai thứ khác nhau, bèn cùng với tám vạn một người đối biện. Sinh tô và thục tô thứ ba và bốn đối biện (Bát-nhã kèm cả thông, biệt, viên là ba, Phương đẳng bốn giáo nói chung là bốn) nên biết là Bất định, ước bộ ước giáo khắp bốn thời trước (đều thấy ở Diệu Huyền, Thích Thiêm).

Bất định được tên, Huyền Văn. Cả đất Nam - Bắc đều dùng chung ba thứ giáo tướng: Một là Đốn; hai là Tiệm; ba là Bất định. Lại các Sư xưa riêng lập Phương Bất Định. Nghĩa là không phải thứ lớp riêng làm một duyên. Như Kim Quang Minh, Thắng Man..., là vậy. Biết tên bất định đưa ra bởi các Sư xưa. Thiên thai đã thêm Bí mật là bốn giáo thì mới đủ nghĩa.

Bất định bày thể, Chỉ quán, Diệu Huyền, Tứ Giáo nghi dẫn kinh Tịnh Danh nói Phật dùng một thứ tiếng diễn nói pháp, chúng sinh tùy loại mỗi người đều hiểu. Đây là dẫn chứng về Bất định. Nay các Sư dùng một thứ tiếng để làm thể của Đương thể, hai Lý chân trung là thể của Sở y (nghĩa là một tiếng chung cả Đại Tiểu thừa đều hiểu đầy đủ). Văn Bất định làm chứng. Diệu Huyền dẫn Đại Kinh hoặc có thời nói sâu, có thời nói cạn, ứng hỏi liền ngăn, ứng ngăn liền hỏi (Thiêm ứng hỏi, nghĩa là đặt câu hỏi (Thụy Ứng), ngăn, nghĩa là đáp câu hỏi. Hỏi và đáp ngang hàng nên thành Bất định).

Huyền Kinh dẫn Đại Kinh nói bỏ độc trong sữa thì có thể giết người. Cho đến đề hồ cũng có thể giết người (v.v...). Chỉ Quán dẫn kinh Tịnh Danh nói: Phật dùng một thứ âm thinh mà tất chúng sinh mỗi người đều hiểu hoặc có sợ sệt (thế giới) hoặc có vui mừng (làm người) hoặc sinh chán ghét (đối trị) hoặc hết nghi ngờ (đệ nhất nghĩa). Đây là Như Lai thần lực Bất cộng pháp (v.v...) Thiêm dẫn Đại Luận nói: Chuyển lần đầu thì tám vạn người được Vô sinh nhẫn; ông Kiều-trần-như được Sơ quả. Đây là bằng chứng về bất định giáo vậy.

Để chất độc bất định, Huyền dẫn kinh Niết-bàn nói năm vị trí với ngôi vị Tứ Giáo (ba giáo trước, giáo nào cũng đều thành năm vị, đầy đủ ở Huyền Văn). Cho nên biết ba giáo năm vị trước đều thô, Viên giáo một vị đều diệu (có người bảo nên nói năm vị đều diệu. Kinh nói: Ví như người bỏ chất độc vào sữa thì có thể giết người. Cho đến vị đề hồ cũng có thể giết người.

Đây là ví dụ về dụng của hai thứ: Một là căn cứ chung về Đốn

Tiệm nói giáo Bất Định mọi nơi đều thấy được Phật tánh; hai là căn cứ về hạnh bất định. Tâm hạnh của người tu ví như sữa, Thật tướng ví như chất độc. Chất độc này có công năng giết người. Đây là nói trí tuệ có sức phá tan Vô minh, từ nhiều kiếp lâu xa đến nay nói cái độc thật tướng đặt trong sữa tâm kẻ phàm phu và cái tuệ độc phát sinh không thể định được. Hoặc phát sinh ở vị đầu, hoặc phát ở vị sau, không thể xét định được thứ tự. Cho nên nói bỏ độc trong sữa cho đến vị đề hồ, trong cả năm vị đều có nghĩa giết chết... Nếu ở trong Viên giáo mà phát khởi, lần đầu tiên nghe kinh liền phát vô minh mà thấy Phật tánh là trong vị sữa giết người. Còn sáu căn thanh tịnh trở đi thì là lạc, sinh tô, thục tô... giết người. Nếu bậc Sơ trụ trở đi là vị đề hồ giết người (Huyền Văn, đầu tiên nêu ba giáo trước, tùy ở vị nào kín đáo thấy được Trung đạo tức là trong vị sữa giết người cho đến vị đề hồ giết người. Các Sư xưa nói rằng: Độc là dụ cho Phật tánh, để là dụ cho thể đầy đủ, năm vị là dụ cho năm đường. Lấy một chất độc mà để vào sữa tâm phàm phu thì tùy ở năm đường mà thọ thân khác nhau, nhưng độc tánh vẫn không mất. Khi độc tánh phát ra rõ ràng thì không luận là thuộc thân nào, như ở đại đạo mà phát, tức là ở vị đề hồ mà phát, nghĩa đã bất định nên nói giáo bất định). Một thứ tiếng bất định, Phụ Hành dẫn Khởi Tín Luận nói rằng: Một Viên Âm diễn nói thì các loại khác nhau đều hiểu. Lại trong tám mươi vẻ đẹp của Như Lai thì một âm có thể báo đến các thứ tiếng, các loại khác nhau ở các phương khác nhau đều được lợi ích. Như Lai vốn không dùng tất cả âm từ mà có thể ứng khắp tất cả âm từ, thì cùng đây đồng nghĩa bất định. Thiêm dẫn kinh Hoa Nghiêm nói rằng: “Phật dùng một diệu âm, khắp cõi nước mười phương các tiếng đều đầy đủ, mưa pháp thảy thấm nhuần.” Lại Đại Luận nói rằng: “Muốn được một âm biến khắp mười phương thì phải học Bát-nhã” (đây đều là một âm của Đại thừa). Luận Tỳ-đàm nói rằng: Phật vì bốn vua dùng Thánh ngữ nói bốn đế thì hai vua hiểu, hai vua không hiểu (tiếng Phạm thiên), lại dùng tiếng Tỳ-đà-la nói bốn đế thì một vua hiểu, một vua không hiểu. Lại dùng tiếng Lê-xa nói bốn đế thì bốn vua đều hiểu. Vì bốn vua mỗi người đều có ý niệm không giống nhau. Phật nói ba lần để ứng với các niệm ấy mà giải thích chung về Bí mật bất định. Thiêm dẫn Đại Luận nói, chư Phật có hai thứ pháp luân: Một là Hiển; hai là Mật. Chuyển lần đầu thì Thanh văn thấy tám vạn chư Thiên được Vô sinh nhẫn. Các ông Kiều-trần-như chứng được Sơ quả (nay các nhà Bất định lấy làm căn cứ), còn các Bồ-tát thì thấy có vô lượng a-tăng-kỳ người được Vô sinh nhẫn cho đến Thập địa, Nhất sinh bổ xứ thì gọi là Mật (nay các nhà Bí

mật lấy làm căn cứ). Thiêm nói: Diệu Huyền dẫn Đại Kinh nói hoặccó thời nói sâu, có thời nói cạn... thì gọi là Bất Định. Vì do kia đây cùng hiểu lẫn nhau. Nếu Bí mật thì không biết lẫn nhau. Vậy Bất định và Bí mật thì đều là không phát xuất từ đồng nghe khác nhận (Đồng nhận giáo một âm của Như Lai nên nói là đồng nghe. Biết lẫn nhau hoặc không biết lẫn nhau nên gọi là Khác nhận). Lại Thiêm nói: Bất định và Bí mật, chỉ có biết lẫn nhau (Bất định), còn không biết lẫn nhau (Bí mật) là để phân biệt hai thứ khác nhau.

Giải thích chung về Hiển và Mật, Định và Bất định bốn trường hợp:

1. Giáo Hiển lộ nhất định: Người cùng thấy nhau, Pháp cùng nghe, cùng biết lẫn nhau có lợi ích nhất định. Diệu Huyền nói: Như phân biệt trước, chỉ căn cứ vào Hiển lộ mà nói về tướng Tiệm Đốn năm vị. Thiêm nói: Luận chung về Hiển lộ đều thuộc về Tiệm đốn.

2. Giáo Hiển lộ bất định: Người cùng thấy, pháp cùng nghe, cùng biết lẫn nhau, được lợi ích bất định. Diệu Huyền nói: Trong một thời, một nói, một nhớ nghĩ có đủ bất định. Đây bèn là Hiển lộ bất định.

3. Giáo Bí Mật nhất định: Tự nó phân hai, tự có người không thấy nhau, có pháp không cùng nghe, không biết lẫn nhau mà được ích lợi nhất định (đây là tòa này mười phương đối luận). Tự có người thấy nhau, pháp cùng nghe không biết lẫn nhau, được lợi ích nhất định (luận về một người đối nhiều người).

4. Giáo Bí Mật bất định: Tự phân hai. Tự có người mà không thấy nhau, pháp không cùng nghe, không biết lẫn nhau mà được ích lợi bất định (Đây là ở tòa mười phương đối luận). Tự có người thấy nhau, pháp cùng nghe, không biết lẫn nhau mà được lợi ích không nhất định (một người và nhiều người đối luận) Nay hai giáo Bí mật và Bất Định chỉ là Bí Mật Bất Định (Giáo Bí Mật) Hiển lộ bất định (giáo bất định). Văn Diệu Huyền nói: Nay Pháp Hoa là Hiển lộ không phải Bí mật, là Tiệm Đốn không phải Tiệm Tiệm, là Họp không phải Bất Họp, là đề hồ không phải là bốn vị kia, là Định không phải Bất định.

Thứ năm là thời Pháp Hoa Niết-bàn

Thuật rằng: Diệu Huyền nói: Nay Phật ở núi Linh thứu tám năm nói pháp. Khi sắp nhập Niết-bàn thì đồng ở tám năm. Đây là thời đồng Diệu Huyền nói Pháp Hoa là yến tiệc của Đại vương. Còn Niết-bàn là vị đề hồ. Đây là vị đồng, lại Huyền Văn nói: Giáo ý của hai kinh thì mở đầu và kết thúc đều đồng. Đây là Khai Hiển đồng. Tứ Giáo Nghi dẫn kinh Niết-bàn nói rằng: Từ Ma-ha Bát-nhã sinh ra đại Niết-bàn, nên

hợp với Pháp Hoa làm thời thứ năm vậy.

Nói Pháp hoa là như ánh sáng chiếu khắp cao thấp đều bằng nhau hoặc cúi đầu hoặc nói nhỏ, hoặc còn tán loạn, hoặc thiện chút ít đều thành Phật đạo cả (Thiêm nói: Kết chung loại tán loạn và thiện chút ít là không đâu không mở các nhẫn thành Phật). Không để có người diệt độ một mình, đều phải lấy cái diệt độ của Như Lai mà diệt độ, đủ như kinh nay đã khéo dùng (Diệu Huyền quyển một). Diệu pháp khó hiểu nên phải nhờ dụ để dễ bày: Vì sen nên có hoa, đây là dụ vì Thật mà bày Quyền (Thiêm nói tuy bày Quyền nhưng vốn là Thật). Văn nói: Tuy chỉ bày nhiều thứ đạo nhưng kỳ thật chỉ là Phật thừa (hai giáo làm nhân cho người, Biệt giáo dạy đạo, năm thời tám giáo nên nói nhiều thứ đạo). Hoa nở thì Sen hiện, là dụ cho việc mở quyền hiển thật. Văn Kinh nói: Mở cửa Phương tiện để chỉ bày tướng chân thật (chỉ Thật là Quyền, Quyền áng che Thật. Gọi cửa phương tiện là nay mở ra chỉ cho Quyền làm Thật, ở Quyền mà thấy được Thật nên mới gọi là mở cửa phương tiện. Chỉ là chỉ bày, tức chỉ chỗ thấy đạo). Hoa rụng thì sen thành là dụ việc bỏ quyền lập thật. Văn kinh nói: Chánh trực bỏ phương tiện, chỉ nói đạo vô thượng (Bỏ là bỏ cái tên riêng, đã mở rồi thì đều Thật, không có Quyền nào có thể luận. Nghĩa đương ở bỏ mà Quyền đổi làm Thật, chỗ bỏ kia cái thể mất tiêu. Nếu còn dính ở duyên sau thì lại thuộc vào bày vẻ ra không phải là ý ở đây. Từ trên là văn về ba ví dụ của Tích môn. Lại sen là dụ cho Bản. Hoa là dụ cho Tích. Từ Bản mà hiện Tích, Tích phải nương ở Bản (Tích không đứng riêng, Bản định hiện ra Bản). Văn Kinh nói: Ta thật thành Phật đến nay đã từ lâu xa (đầu tiên nói Bản), chỉ vì giáo hóa chúng sinh nên phải nói như thế, ta thuở nhỏ xuất gia và chứng được Tam Bồ-đề (chính nói về hiện Tích). Lại hoa nở là dụ cho mở Tích, còn Sen hiện là dụ cho hiển Bản. Văn kinh nói: Tất cả người đời đều bảo rằng đến nay ta mới thành đạo (thuật việc xưa còn mê tích). Ta thật thành Phật đã từ na do tha kiếp (chính nói việc khai Tích). Lại hoa rụng là dụ cho bỏ Tích, còn sen thành là dụ cho lập Bản. Văn Kinh nói: Chư Phật Như lai phép đều như thế (dẫn việc đồng chư Phật) vì độ chúng sinh đều là thật không dối (chính nói việc bỏ Tích, bỏ rồi thì Tích không còn, nên nói là đều Thật. Thật chỉ là Bản, Quyền chỉ là Tích. Không phải Hoa sen không lấy dụ về Quyền Thật. Bản Tích Diệu Pháp không phải là Diệu Pháp này nên không lấy dụ ở hoa sen. Ý chỉ của một bộ không nêu ra Bản Tích. Từ trên là văn về Bản môn ba dụ).

Nhập vào sen nên có hoa, hoa thật đầy đủ, có thể dụ cho tức Thật

mà bày Quyền (vì sen mà có hoa, hoa áng che Thật, vì Thật mà bày Quyền). Thật ở trong Quyền, thể nó không khác). Hoa nở thì sen hiện, có thể dụ cho tức Quyền mà Thật (Cơ chín thì cần mở, mở cái hay che của nó. Ý mong quả gần gọi đó là che. Bỏ quả gần kia thì gọi là mở, mở cái mở vào, tức là cái hay che kia vậy). Hoa rụng thì sen thành, sen thành rồi cũng rụng, có thể dụ cho không phải Quyền, không phải Thật (Hoa rụng là dụ cho không phải Quyền, sen thành là dụ cho không phải Thật. Mở rồi liền bỏ, lúc đó không có đường nào khác. Mở lý giáo hạnh nhân. Vì đồng một lý nên thật đã lập rồi thì đồng ngầm có ba đức, cho nên biết ba đức không phải là Quyền Thật). Các nghĩa như thế... cho nên Hoa sen dụ cho Diệu Pháp (Diệu Huyền quyển một).

Nói khai Quyền hiển Thật, tức là mở hội Đốn Tiệm trước mà nhập vào chỗ không phải Đốn không phải Tiệm (Tập giải nói rằng: mở cái Đốn của Hoa Nghiêm, cái Tiệm của ba thời. Bốn thời ba giáo đều là chỗ mở không đồng với Hoa Nghiêm. Câm điếc nên không phải Đốn không đồng với ba thời. Thứ lớp nên không phải Tiệm. Nay Kinh khai hiển không thứ nào là không thành Phật. Cho nên nói từng nhập vào chỗ không phải Đốn, không phải Tiệm). Nói Quyền Thật thì tên chung cả xưa nay, nhưng ý nghĩ không đồng (ba giáo trước Quyền Thật bất tức, Đại Tiểu thừa cách nhau. Pháp Hoa thì Quyền Thật không hai, Quyền tức là Thật, ngoài Thật không Quyền. Nghĩa này không giống với Kinh xưa. Quyền Thật tùy thuận, cơ nghi tất đàn gặp nhau mà thôi. Kinh này vì Thật mà bày Quyền thì ý ở tại thật. Mở Quyền hiển thật thì ý ở tại Quyền. Ý này không đồng). Cho rằng Pháp Hoa trờ về trước thì Quyền Thật không đồng, Đại Tiểu thừa cách nhau (Hoa Nghiêm là Đại thừa ngăn cách với Tiểu thừa. Lộc uyển là Tiểu thừa ngăn cách với Đại thừa. Phương đẳng đồng tòa, Đại Tiểu thừa đều nghe. Bát-nhã Dung thông căn cứ vào người mà thành ngăn cách, nghĩa thấy ở Huyền Văn). Như thời Hoa Nghiêm thì một Quyền một Thật (Quyền là Biệt, Thật là Viên, mỗi thứ đều không tương tức nhau. Vả lại lấy Hoa Nghiêm mà luận ba Tiệm, khá biết). Vì sao? Vì bộ Đốn đầu thì một thô một diệu. Một diệu thì cùng Pháp hoa không hai không khác. Nếu là một thô thì cần phải đợi Pháp hoa mở hội bỏ xong, mới bắt đầu gọi là diệu (một diệu mà không khác, thì ước theo giáo hiển thật là đồng nhau. Còn một thô mới được diệu thì điểm lại các cách biệt ở trước tất thấy rõ dung và tức). Kế đến thời Lộc uyển thì chỉ thô mà không diệu (chỉ một tạng giáo). Còn Phương đẳng thì ba thô một diệu (tạng, thông, biệt là thô, còn viên giáo là diệu). Bát-nhã thì hai thô một diệu (thông, biệt là hai

thô, viên là diệu, đây trở về trước là ý nghĩa khắp các thời xưa). Kịp đến Pháp hoa hội thượng gồm mở, hội, bỏ bốn vị thô ở trước (mở bốn vị thô ở trước, hội bốn vị thô ở trước, bỏ bốn vị thô ở trước, cho nên chỉ dùng chung một chữ gồm, gọi là mở, hội, bỏ) khiến thành một Diệu thừa (ở bốn thời trước có hai giáo của Nhị thừa, ba giáo của Bồ-tát, Nhân lý giáo hạnh thô thiển sai khác. Đến nay thì Pháp Hoa hoàn toàn vi diệu. Biệt Hạnh Ký nói: Vì Thật mà bày Quyền, khai Quyền hiển Thật; hội Quyền quy thật, bỏ Quyền lập Thật. Thứ Quyền thật này các bộ khác dứt khoát không có, đây là ý nghĩa thời này vậy). Các vị Viên giáo lại không cần mở, vốn tự Viên dung không đợi phải mở vậy (ở Viên Đốn xưa không cần mở mà tự Diệu. Trong thời Hoa Nghiêm thì Phổ Hiền, Phổ Nhãn ba thứ không sai khác tập hợp cả Nhiễm Tịnh tất cả đều Viên dung. Tịnh danh khó nghĩ bàn mà lổ chân lông đều dung nạp lưới tư ích sáng suốt. Tư ích khắp bày không đâu không phải là pháp giới. Các pháp Bát-nhã trộn đồng không hai, các pháp viên diệu này cùng với Phật tri kiến của Pháp hoa ngày nay thật không hai không khác, há có thể lại mở ra khiến chúng thành Diệu ư?). Chỉ là kiêm, đản, đối, đới trong bộ, cho nên không bằng Pháp hoa thuần nhất không lẫn lộn, riêng được tên diệu, rất đáng tin vậy (Hoa Nghiêm kiêm ở hàng bố sai khác, Lộc uyển chỉ một thứ thô sinh diệt Phương đẳng Đại thừa đối với Tam tạng là Bán. Còn Bát-nhã có phương tiện đới, thông, biệt. Cả bốn vị này không bằng Pháp Hoa thuần nhất Phật thừa, chỉ nay gọi diệu thì nghĩa là thế).

Cho nên Văn kinh nói: Trong mười phương Phật độ chỉ có một thừa pháp, không hai cũng không ba (chỉ có một thừa Viên Diệu, không có Thông giáo Bán Mãn đối nhau hai thứ, không có ba thừa trong Tam tạng, không có hai Đới của Bát-nhã, không có ba thứ đối nhau của Phương đẳng. Nghĩa này rút ra từ Văn Cú. Kệ thấy ở chương tổng chư Phật. Đây là văn chứng tỏ giáo chỉ có một). Chính gặp lúc bỏ phương tiện chỉ nói đạo vô thượng (ba giáo phương tiện chỉ riêng nói Phật tuệ, là pháp trên hết ở thế gian, là con đường thẳng tất nhất. Đây là văn giáo chỉ có một trong chương Thích-ca. Nay lấy nghĩa của đạo để chứng cho hạnh chỉ có một. Chỉ nói pháp cho Bồ-tát không nói cho Tiểu thừa (Ngày xưa phương tiện gọi là hóa Tiểu thừa, ngày nay khai hiển thật là Bồ-tát như kẻ cùng tử kia tự cho là khách, Trưởng giả xem thấy thật là con ta, Khai hiển Tiểu thừa làm Phật, cho nên nói rằng không nói cho Tiểu thừa. Bồ-tát thì trên cầu Phật dưới hóa độ chúng sinh, nhân ắt dẫn đến quả. Cho nên nói rằng chỉ gọi Bồ-tát. Đây là theo nghĩa dẫn văn để chứng cho người chỉ có một. Nếu căn cứ vào Kệ ở chương chư Phật

thì nói rằng chỉ giáo hóa Bồ-tát. Là pháp trụ pháp vị, tướng thế gian thường trụ (Chúng sinh và chánh giác nhất như không hai, tất cả không ngoài Như, đều lấy Như làm vị. Chánh giác xuất thế cũng lấy Như làm vị, cũng lấy Như làm tướng. Thế gian và chúng sinh lại cũng thế. Tướng thế gian đã thường trụ, há không phải là Lý chỉ có một (thấy trong Văn Cú...).

Thiều nói rằng: Tướng có thể biểu thị bằng cờ xí, vị có thể ở lâu, tướng vị của chúng sinh và Phật không khác, hiển mê tức Lý, Lý tức thường trụ, Phật và chúng sinh luôn khế hợp với Lý đó. Nay lấy chương Phật vị lai để dẫn chứng về Lý chỉ có một. Lúc đó người chưa được diệu chỉ Pháp hoa mà chỉ thấy trong bộ có các ví dụ về ba xe, kẻ cùng tử, hóa thành... bèn cho là không bằng các kinh khác. Bởi không biết việc nên lại sự quyền biến của bốn thời trước để hiển bày ra xe lớn. Chỉ giao phó nghiệp nhà cốt để đến Bảo sở. Nên đến nỗi phải mang lỗi chê bai (từ trên là rút từ Tứ Giáo Nghi, diệu chỉ tức là cái diệu của Tích môn ba lần hiển khai đầy đủ. Lần đầu nói pháp nhắc lại cái quyền biến của bốn thời, hội ba thừa về Nhất thừa, ngài Thân Tử là bậc thượng căn được thọ ký. Lần Kế đến là nói ví dụ nêu rõ ba xe và một xe. Nói ví dụ về pháp trước, bốn vị đại đệ tử bày ví dụ kẻ cùng tử được gia nghiệp, là kẻ trung căn tín giải được thành Phật. Lần ba là nói giáo hóa mười sáu vị Vương tử và các hàng hạ chủng trung gian nay đã được thọ ký. Có dụ hóa thành bảo sở là hàng hạ căn một ngàn hai trăm Thanh văn... được lợi ích. Người không thấy điều đó nên đến nỗi phải chê bai. Như Sư Thanh Lương, Lý Trưởng giả... không biết ý chỉ này bèn cho là không bằng vậy).

Nếu ước về thời gian thì mặt trời đúng ngọ, đứng bóng không nghiêng lệch (Pháp Hoa khai hiển thì ba thừa chín cõi đều được ngộ nhập. Cũng như vầng mặt trời đúng ngọ thì khắp nơi đều sáng. Đó là giờ Dần thì chiếu lên núi cao, giờ Mẹo thì đến hang sâu, giờ Thìn thì chiếu khắp đất bằng, giờ Tỵ chiếu trong vùng vậy. Đời Tống hai vị Pháp sư Nghiễm và Quán cùng Thái tử Hà Thừa Thiên đã luận về nước ở giữa và một bên, y theo chu Lễ dùng một thước năm tấc để trên ngọc khuê, lập ra một cái biểu tám thước đến tiết Hạ chí vào giờ Ngọ mà đo bóng mặt trời, cũng có chút bóng thừa ra nên biết ở phương này không phải là nước ở giữa, cũng vào giờ này thì ở Thiên Trúc bóng không lệch nên biết đó là nước ở giữa, bóng một tấc trên mặt đất bằng cả vạn dặm trên trời. Nay nói bóng nghiêng tức là bóng thừa ra một bên.

Nếu ước theo vị thì từ thục tô sinh ra đề hồ, đây là từ Ma-ha Bát-

nhã sinh ra Pháp Hoa (Huyền một - kinh Niết-bàn chỉ nói từ Bát-nhã sinh ra Niết-bàn. Nay Văn Huyền nói sinh ra Pháp Hoa là vì hai kinh đồng một vị nghĩa lập ra đã nói ở đây.

Phẩm Tín Giải nói: Sau đó ít lâu (cách Pháp Hoa không xa) cha biết ý con đã dần thông thái (Cơ không còn cách xa nữa) thành tựu chí lớn (liền phát đại tâm) tự hổ thẹn với tâm trước (muốn cầu Đại Đạo). Nên khi sắp lâm chung (hóa duyên sắp hết) liền bảo người con (đám học trò đã theo học với hai vạn ức Phật) cùng hội họp thân tộc (cả mười phương Pháp thân Bồ-tát có ảnh hưởng, phần lớn đều là đồng nghiệp với Phật Thích-ca ngày xưa) liền tự tuyên nói rằng: Đây là con ta (theo học với ta tức là con ta) đã bỏ ta trốn đi (xưa người này là Đại thừa đã đi vào sinh tử) hơn năm mươi năm (trải khắp sáu thú). Xưa ta ở tại thành này lo lắng kiếm tìm (xưa ở vị Pháp thân thường dùng hai trí quán sát tìm kiếm cơ nào có thể hóa độ) bỗng trong lúc ấy thì được gặp lại (ngày nay mới được cảm ứng đạo giao). Đây thật là con ta, ta thật là cha nó (ta từng ở chỗ hai vạn ức Phật giáo hóa Pháp Đại thừa kết hội với họ làm cha con để định thiên tánh). Nay tất cả bao nhiêu tài vật mà ta có (muôn hạnh muôn đức Đại thừa, hạnh làm nhân, đức làm quả) đều là của của con ta (trước nói chỗ thu vào là chỗ con ta biết chỉ cho Đại Phẩm đã học từ xưa, đã được giao phó Bát-nhã rộng hẹp, cộng và bất cộng pháp. Đây là chính thức giao cho gia nghiệp). Khi kẻ cùng tử nghe cha nói thế, hết sức vui mà thưa rằng: Con vốn không có ý mong cầu điều chi (với Ba tạng thì bản tâm không cầu. Đến Phương đẳng thì tâm thẹn Tiểu thừa mong muốn dứt tuyệt nên không mong cầu. Đến thời Bát-nhã thì tuy lãnh thọ nhưng không cho là phần của mình nên không mong cầu). Nay kho báu này tự nhiên đến (như đây không cầu mà nay tự được).

Đây nên hiểu thế nào? Tức là sau thời Bát-nhã Kế đến nói Pháp Hoa. Trước đã hiểu biết kho tàng các vật, sau không cần nói mà chỉ giao phó gia nghiệp mà thôi. Ví như trước chuyển giao đều biết rõ pháp môn, không cần phải giảng lại Quán pháp, chỉ phá ngay am cỏ cho một xe lớn thọ ký làm Phật (Huyền mười, Thọ là trao cho, Ký là ghi việc. Mở cho Thọ ký đều có chung riêng. Chung là mở cho tất cả chúng sinh đều được làm Phật. Riêng là mở cho kẻ đang nói được ngộ nhập. Chung là ghi cho được A-nậu Bồ-đề. Riêng là ghi rõ tên, nước và kiếp).

Năm thứ bốn mươi sáu (Ất Sửu). Sau khi thành đạo được bốn mươi hai năm Phật nói kinh Pháp Hoa (Cú Ký dẫn luận Pháp Tánh, nói kinh Pháp Hoa có hai chỗ, hai hội. Hội trước là nói ở tại Linh sơn, Hội sau là nói ở trên hư không, sau đó lại trở về Linh sơn, Pháp Hoa lấy vô lượng

nghĩa làm tựa, pháp Phổ Hiền hạnh làm kết).

Pháp Hoa Giáo chủ căn cứ theo lập nghĩa của Tứ minh Pháp Hoa nói ba mươi hai tướng gọi là Tôn đặc, vì đó là Pháp thân, ấy là Sinh thân tức Pháp thân nên là Tôn đặc. Đây là ở chỗ khai quyền mà từ thân thấp kém hiện bày cao quý nên nói là Tôn đặc. Long Nữ muốn trình bày cái tướng Quyền Diệu, nên nói Pháp thân đủ ba mươi hai tướng. Mỗi mỗi tướng này đều là lý hiển hiện Pháp thân khắp nơi. Cho nên ba mươi hai tướng thì tướng nào cũng cùng khắp. Pháp đã đủ muôn Đức thì tướng cũng cần phải đủ. Diệu thân này không gọi là Tôn đặc thì còn thân nào nữa. Đây dứt khoát khác hẳn nghĩa Sinh thân của Tịnh giác đã định. Đến như tức một mà luận ra ba, thì chỉ ba mươi hai tướng diệu lực Như Lai, nếu là Tam tạng thì thị hiện có phần ngang nhau gọi là Sinh thân. Cũng với ba mươi hai tướng diệu lực của Như Lai mà từ chung nhập vào cơ riêng thì thị hiện có phần không bằng nhau gọi là thân Tôn đặc. Cũng với ba mươi hai tướng diệu lực của Như Lai ấy vì Viên giáo Cơ thì thị hiện mỗi mỗi tướng tức là Pháp môn Bản Tánh Sở Cụ gọi là Pháp thân. Do ba Cơ cảm với Như Lai thì tức là một thân mà hiện ra ba tướng.

Năm thứ bốn mươi bảy (Bính Dần), năm thứ bốn mươi tám (Đinh Mão), năm thứ bốn mươi chín (Mậu Thìn). Vua Tịnh Phạn bệnh nặng, nghĩ muốn gặp các con. Khi đó Phật ở tại thành Vương xá cách đó năm mươi do-tuần (Vua cha cai trị nước Ca-duy-la, còn thành Vương xá ở nước Ma-kiệt-đề đều thuộc Trung Ấn Độ, nay nói năm mươi do-tuần tức cách khoảng hai ngàn dặm) bảo Nan-đà, A-nan và La-vân cùng dùng thần túc đến cung vua. Khi bay lên không trung thì phóng luồng ánh sáng lớn chiếu đến thân vua đang bệnh liền được an ổn. Đức Phật lấy tay rờ trán vua nói rằng: “Vua cha giữ tịnh giới, tâm cấu đã lìa, nay nên vui vẻ lắng nghe kinh pháp.” Khi ấy vua cha đang nằm, chấp tay có ý đảnh lễ thì liền mạnh chung. Các người họ Thích tẩm liệm xong liền đặt quan tài trên tòa Sư tử. Đức Phật và Nan-đề để tang đứng ở đầu quan tài còn A-nan và La-vân dưới chân. Vì muốn dạy kẻ bất hiếu đời sau nên Phật muốn đích thân khiêng quan tài. Bấy giờ đại thiên thế giới tất cả đều rung động. Các trời dục giới và rồng quỷ thần đều đến dự tang lễ. Khi ấy trời Bốn Thiên vương quỳ xuống xin được khiêng quan tài, các vị ấy đều biến thành hình người, Đức Thế Tôn tay bưng lư hương đi trước, cùng đưa đến mộ. Còn một ngàn La-hán ra đến bờ biển thì chất củi Chiên-đàn thơm ngát và đốt quan tài. Các Vương tử thu nhặt hài cốt để trong bình vàng, rồi xây tháp cúng dường. Phật bảo

chúng hội rằng: Vua cha vì tịnh hạnh nên sinh lên cõi trời Tịnh cư (theo Tịnh Phạn Vương Nê-hoàn Kinh, người sinh ở Ngũ tịnh cư thì được quả A-na-hàm).

Xưa vua Ba-tư-nặc (Vua nước Xá-vệ) cầu hôn với Ma-ha-nam dòng họ Thích. Nhà này đem đứa tớ gái gả cho và sinh một con trai tên là Lưu Ly. Năm lên tám tuổi Lưu Ly về quê ngoại để học võ thuật. Lúc đó ở đấy mới xây một giảng đường định mời Phật và chư Tăng đến giảng thuyết, Lưu Ly không biết lên ngồi trên tòa Sư tử. Các người họ Thích giận mắng rằng: “Mày là con kẻ hầu sao dám vào đây mà ngồi?”, bèn đánh té xuống đất. Về sau khi lên ngôi vua, Lưu Ly bèn dẫn binh đánh dòng họ Thích. Ngài Mục-liên ba lần bạch Phật, Phật nói: “Đó là duyên kiếp trước nay phải chịu quả báo.” Vua Lưu Ly vào thành bắt các người họ Thích đem chôn chân xuống đất rồi cho voi đạp lên giết chết. Có đến chín ngàn chín trăm chín muôn người, máu chảy thành sông. Lại chọn năm trăm gái đẹp định đem về làm thiếp. Có một nàng mắng rằng: “Ta đâu thèm lấy con của tỳ nữ.” Cả năm trăm người đều mắng thế. Lưu Ly cho chặt tay chân của cả năm trăm người rồi quăng xuống hầm. Khi trở về nước Xá-vệ, anh là Thái tử Kỳ-đà ra chào. Vua Lưu Ly hỏi: “Ta đi đánh bọn họ Thích, vì sao không theo tiếp ta?”. Kỳ-đà đáp: “Tôi không thể giết hại chúng sinh được!” Vua liền rút kiếm giết chết Kỳ-đà. Ông này chết rồi được sinh lên cung trời Đao-lợi. Cả năm trăm cô gái kia than oán vang đến tai Phật. Phật đến bên nói pháp, cả bọn đều chứng Pháp nhãn tịnh, khi chết được sinh lên trời. Đức Phật trở về vườn Cấp cô độc bảo các Tỳ-kheo rằng: “Bảy ngày nữa Lưu Ly và cả binh lính sẽ chết hết”. Đến sáng ngày thứ bảy, vua cùng binh lính kéo đến bờ sông vui chơi. Bỗng nhiên trời sấm sét mưa to gió lớn, vua và binh lính đều bị nước cuốn trôi. Chết rồi liền đọa vào địa ngục A-tỳ (Hán dịch là Vô cứu). Phật nhân đó nói cho các Tỳ-kheo biết là do nghiệp đời trước các người họ Thích đã bắt cá giết chết, nay phải chịu quả báo như thế (kinh Trường A-hàm, theo kinh Hưng Khởi Hành nói thì: Ở quá khứ tại thành La-duyệt có một ao rất nhiều cá. Người trong thôn đến bắt. Cá nhảy lên bờ trốn đi. Có một con cá tên Du, một con tên Đa Thiệt, cùng bảo nhau: “Bọn ta không có lỗi gì mà họ đến bắt giết ngang, đời sau ta quyết phải báo thù.” Đám nam nữ trong thôn lúc ấy nay chính là các người họ Thích, còn con cá Du kia chính là vua Tỳ-lâu-lặc (Lưu Ly), Đa Thiệt thì nay là quan tướng quốc tên Ác Thiệt. Lúc đó ta là một cậu bé thấy cá nhảy đi thì vui mừng lấy gậy đánh vào đầu cá. Nên khi vua đánh dòng họ Thích thì ta nhứt đầu. Khi vua Lưu

Ly giết các người họ Thích thì A-nan rất sầu khổ liền đến chỗ Phật nói rằng: Con và Như Lai cùng dòng họ Thích, vì sao Như Lai sắc mặt vẫn rạng rỡ như thường? Phật bảo: Ta tu Không định, ba năm nữa thầy hãy trở lại hỏi ta (kinh Niết-bàn). Ngài Mục-liên đem bốn, năm ngàn người họ Thích mà ngài quen biết bỏ trong bình bát đem giấu trên hư không. Khi vua Lưu Ly kéo quân về, Phật bảo lấy bát ra xem thì tất cả người trong bát đều chết. Nhân đó Phật nói pháp vô thường. Vô số người đều chứng quả Tu-đà-hoàn (kinh Pháp Cú Dụ).

Năm thứ năm mươi (Kỷ Tỵ), năm thứ năm mươi mốt (Canh Ngọ), năm thứ năm mươi hai (Tân Mùi). Mùa Đông tháng mười một đã đến, Phật ở tại giảng đường nhiều lầu của tinh xá Đại lâm, ở nước Tỳ-xá-ly bảo các Tỳ-kheo rằng: Ba tháng nữa ta sẽ nhập Niết-bàn, liền nói cho họ nghe kinh Phổ Hiền Bồ-tát Hành Pháp.

Lời thuật rằng: Thần Chiếu Kinh Sớ nói rằng: Tháng Kiến Tý đã đến dạy chúng hành pháp là phần kết của kinh, thì biết chỉ nói Pháp Hoa trong bảy năm thôi. Nay theo phần kinh đã khai hiển, lại hai kinh Đồng vị nên gọi chung là tám năm.

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 4

PHẦN 4

NHẬP NIẾT BÀN

Lời tựa rằng: Đủ mọi pháp môn suốt một đời Như Lai đã nói chỉ có ý ở chỗ khai hiển một Đại sự nhân duyên mà thôi và đối với người đã được lợi ích lớn thì nói với họ rằng: "Người đáng độ đều đã độ xong." Khi đó mới bảo rằng nhập diệt độ, để chỉ rõ việc hóa độ có lúc khởi đầu và kết thúc, để khiến người lười biếng phải cố gắng hơn, cũng như để khuyên bảo loài người ở vị lai. Cho đến bảo rằng: Ta không bao giờ diệt độ luôn có mặt ở tại Linh sơn. Đây là ý chỉ Như Lai bất sinh bất diệt đại Niết-bàn vậy.

Nói Niết-bàn, có hai nghĩa: Một là với người chưa thuần thục Pháp Hoa thì nói lai Tứ Giáo. Luận đầy đủ về Phật tánh khiến biết rõ chân thường, nhập vào đại Niết-bàn gọi là thu nhặt cơ giáo còn sót lại (Tứ Giáo Nghi). Nghĩa là Như Lai điều hòa thuần thục các chúng sinh tiệm cơ vì Pháp hoa và Niết-bàn đều là giáo sau vị sau. Ví như nhà nông trồng trước thì chín trước và gặt trước, trồng sau, chín sau thì gặt sau. Cho nên tám ngàn Thanh văn và vô lượng tổn sinh Bồ-tát, Đại đức Xá-lợi -tử... ở trong Pháp Hoa mà được thọ ký, thấy tánh Như Lai thành quả hạt lớn. Như mùa Thu gặt xong thì mùa Đông cất giữ tất không còn làm việc nữa, đó là lần trước. Từ Ma-ha Bát-nhã sinh ra Pháp Hoa. Như người Độn căn thì không vào được Pháp Hoa bèn dùng Bát-nhã mà sàng lọc lại. Như năm ngàn hàng trời người tự khởi bị dời đi vì những người này chưa thuần thục. Lại luận Bát-nhã để vào Niết-bàn mà thấy được Phật tánh. Đây tức là lần sau. Từ Bát-nhã sinh ra đại Niết-bàn cho nên biết là Pháp Hoa ở lần trước, như mùa Thu gặt hái xong xuôi. Còn Niết-bàn ở lần sau như nhặt lượm lúa còn sót lại (Huyền 10).

Lời thuật rằng: Pháp Hoa khai hiển đã phế bỏ phương tiện. Đối

với kẻ chưa thuần thục vẫn còn nhọc công điều đình (giáo hóa), cho nên đến lúc gần diệt độ hãy còn lập bày cái quyền tam giáo để làm sáng tỏ cái thật Nhất thừa. Đây là ý nói lại vậy (nghĩa ở phẩm Thánh Hạnh). Song năm ngàn người trước đã kết duyên được nghe qua khai hiển nay trong hội này lại được nói lại. Đã đối với người đương hội biết là thường cho nên cần phải liền bày ra liền dẹp bỏ đi. Đây là cái ý của diệt lại vậy (nghĩa ở phẩm Đức Vương). Nói lại tức là bày lại, còn diệt lại tức là hội thứ hai. Pháp Hoa đã bày ra đã dẹp bỏ tức là lần trước Niết-bàn lại bày lại bỏ, đó tức là lần sau. Thiêm nói rằng: Niết-bàn bày lại phương tiện. Lại nói: Diệt mất tức là hội họp vậy, đây là nghĩa này.

Hai là vì Tỳ-kheo đời mạt pháp chứa vật bất tịnh (mất giới), thích đọc tụng ngoại điển mà không dạy kinh Phật (mất thừa), khởi kiến đoạn diệt đối với Phật pháp làm chết ngay Tuệ mạng, quên mất Pháp thân, khiến cho thừa và giới đều mất. Cho nên nêu rõ ba tạng để rộng mở Tông thường, bày ba thứ Quyền để phò một thứ Thật viên đốn. Do đó gọi là giáo phò luật đàm thường (thấy trong các Đại Kinh, Huyền, Thiêm và Tứ Giáo Nghi). Nếu nói không cho các Tỳ-kheo chứa tám thứ vật bất tịnh thì đó là giới môn Sự môn (đây là nghĩa giữ giới luật. Luật nói: Tám thứ bất tịnh là:

1. Ruộng vườn.
2. Gieo trồng.
3. Lúa thóc tơ lụa.
4. Nuôi người giúp việc.
5. Nuôi chim thú.
6. Tiền của châu báu.
7. Chăn nệm và nồi nêu.
8. Vàng bạc, giường chõng trang sức và các đồ quý giá.

Đây là tám vật nêu rõ lỗi không nên phạm). Nếu nói Như Lai thật không rốt ráo, nhập Niết-bàn và ngăn cấm ngoại điển, đây là thừa môn Lý môn (đây là nghĩa Đàm thường, căn cứ vào các kinh hợp nói rằng Như Lai thật không rốt ráo Niết-bàn, mới là Đàm thường. Nay Văn Thiêm lại nói: Như Lai rốt ráo nhập Niết-bàn, đây là bỏ hai chữ “thật không”, nay dùng kinh để bổ túc). Nếu ở đời mạt pháp các ác Tỳ-kheo phá giới, nói Như Lai là bị vô thường và đọc tụng các ngoại điển thì đều không có thừa và giới, mất mạng thường trụ. Nếu nhờ vào các kinh này mà phò luật đàm thường thì cả thừa và giới đều đầy đủ. Cho nên biết Kinh này là bảo vật quan trọng để chuộc lại mạng thường trụ (Thiêm dẫn kinh Đại thừa nói rằng: Người chứa bảy báu để có lúa thóc sang

hèn đời vị lai, nay gặp phải vua dữ vì để chuộc mạng mới đem ra dùng. Các Bí tạng của chư Phật cũng thế. Vì các ác Tỳ-kheo đời vị lai chứa nhóm vật bất tịnh nên nói với bốnchúng rằng: Như Lai rốt ráo nhập Niết-bàn, đọc tụng ngoại điển, không dạy kinh Phật... các lỗi ác đó hiện ra trên đời, để diệt các ác nên nói kinh này. Nếu kinh này bị diệt thì Phật pháp sẽ mất).

Lời thuật rằng: Sau hội Pháp hoa khai hiển là hội Niết-bàn rộng mở Thường Tông, mà biết tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Còn ở đời mạt pháp không biết, thì vì sao lại nói đại tuệ bình đẳng, nên bỗng tóm tắt giới luật không nói kinh nữa. Đây là lỗi giới chậm vậy. Cho đến việc không đọc kinh Phật chỉ thích ngoại điển, thì đây là lỗi Thừa chậm (thế mới biết đọc kinh cần phải hiểu nghĩa, tu hạnh thì mới gọi là thừa. Nếu đối với hạnh thường làm mà làm lấy có thì chỉ là phước nghiệp của trời người, nhân Bồ-đề còn xa, chưa đủ coi là quả gần để xuất thế). Nếu thừa và giới đều chậm thì không đọa tam đồ chứ còn đi đâu nữa? Đức Như Lai xem xét cơ vị lai đã lâu mới nói lên cái cách "Đi buôn gởi vàng", gìn kỹ ba tạng, trọn gặp Chân thường, lời nói phó chúc (trăn trối) là ở đây vậy. Song giáo thuyết phò luật đàm thường chính là để lợi ích cho ngày nay. Phàm là người học không tự cố gắng sao? Cho nên lấy phương tiện Chỉ quán đủ cả năm duyên, đầu tiên nói việc Trì giới để giúp đạo, cần khiến người tu hành lấy tròn ba quán để quan sát việc trì mười giới bản, các tướng thanh tịnh, Sự lý đều trì. Thừa và giới cùng gấp. Không phải đồng mười hai năm không biết Viên thường chỉ nói về Sự tướng của giới. Cho nên Nghĩa Lệ nói rằng: Tuy dựa vào diệu hạnh của Pháp Hoa Tam-muội nhưng kẻ độn căn ở đời mạt pháp nếu không được phù trợ giúp đỡ thì chánh hạnh sẽ bị che lấp lầm lạc. Cho nên cần phải phò luật đàm thường để hiển bày thật tướng. Như Đại Kinh có nói với kẻ giới chậm thì không nói là chậm, chỉ kẻ thừa chậm mới bảo là chậm. Đây là riêng khen Đại thừa phân biệt bằng lời văn hơn kém. Đâu phải cậy vào đây bỗng nói Sự giới. Chỉ quán gọi thừa gấp giới chậm là lấy thân ở tam đồ mà thấy Phật nghe kinh. Như hai thời Hoa Nghiêm và Niết-bàn thì cả quỷ, thần, rồng, thú đều được kể vào chúng tham dự. Nhân quả như thế cao thấp khác nhau đâu phải một. Vì sao lại gạn hỏi Lý giới là được đạo, đâu cần dùng Sự giới. Nay may mắn ở hàng trời người mà được đạo, ý gì phải khổ nhọc vào ở chốn tam đồ (Văn Cú). Không nói rõ Tông này thì chưa đủ để luận bàn về lời dạy cuối của Niết-bàn. Nếu chỉ hoằng hóa luật bốn Phần mà không đọc kinh Đại thừa thì chỉ biết suông về chuyên giữ những chương Trì

Phạm của Lộc uyển, chưa từng nghe được cái ý chỉ hiển khai ở núi Linh thứu. Đây vì đạo cả mà khéo dùng Bi tâm. Như khi bậc Đại trí sắp mất, đệ tử hỏi phải trông cậy vào ai. Thì liền đáp: Ba-la-đề-mộc-xoa (giới) và bốn thứ Tam-muội vậy (Thừa). Ngài Tả Khê sắp viên tịch quay lại bảo môn nhân rằng: "Ta Sáu Tức Đạo Viên mà muôn hạnh không chỗ được (Thừa). Giới là gốc tâm, là thầy của các ông." Thế nên biết các Tổ hoằng đạo chưa từng không giữ gốc là thừa giới đều gấp, là ý phò luật đàm thường vậy.

Nếu luận về thời và vị thì Niết-bàn đồng với Pháp Hoa, nếu nói về Bộ thì thuần tạp khác nhau chút ít (Tứ Giáo Nghi, Cú Ký lấy mười sáu ý để phân biệt hai kinh khác nhau, nói rằng: Xét về vị thì đồng thời, nhưng về bộ thì có khác... Lại Huyền nói: Niết-bàn còn đới ba thừa, riêng kinh này (Pháp Hoa) thì thuần nhất không tạp).

Song giáo của hai kinh thì ý khởi đầu và kết thúc đều đồng nhau. Như Pháp Hoa có ba lượt nói pháp dẹp bỏ định kiến của Thanh văn cùng quy về Nhất thật (khai tích vậy). Sau mở cái hiển gần mà trình bày xa việc Bồ-tát (hiển bản vậy). Niết-bàn trước hết cũng tu ba pháp thù thắng (Thiêm bác bỏ ba pháp tu, vì là chứng nhỏ của mười Tiên. Niết-bàn và Huyền nói: Ba pháp tu tà là người đời theo giáo của tà sư, tiếp nối cho là thường, vừa ý cho là vui, chuyển động cho là ta. Về Ba pháp tu kém cõi là Thanh văn nương vào Bán giáo cho tam giới là vô thường, các hữu không phải vui tất cả là không, không có ngã, không có ngã sở. Về Ba pháp tu thù thắng là nương vào Thắng giáo của Phật mà phá liệt tu, lấy Thường, Lạc, Ngã mà bác bỏ các thứ vô thường, khổ, không, vô ngã dối trá không thật của các Tỳ-kheo. Chỉ có Pháp thân hằng còn không hề biến đổi mừng vui thọ lạc vào tự tại. Tu như thế là nhập vào tạng bí mật. Kinh Niết-bàn nói: Xà-đề-thủ-na... là mười thứ ngoại đạo) dẹp bỏ hàng Thanh văn nhập vào tạng bí mật (Khai tích). Ba mươi sáu câu hỏi sau nói việc Bồ-tát (Hiển bản - Văn Thiêm rộng luận về năm hạnh mười công của Bồ-tát - phần trên là giải thích về đồng). Lại khi Phật sắp nhập Niết-bàn liền phò trì ba tạng khuyên nhủ tương lai khiến những kẻ độn căn thời mạt pháp không khỏi chấp đoạn diệt đối với Phật pháp rộng mở thường tông để phá thứ đảo điên này, khiến Phật pháp được trường tồn. Các việc như đây, ý có sai khác (Từ trước Huyền Văn giải thích về Dị - Thiêm nói rằng: Khởi đầu thì gọi là chánh nói phần đầu - Kết thúc thì gọi là chánh nói phần cuối. Pháp Hoa lấy hai môn Bản tích để làm hai phần trước sau (đầu cuối). Đầu thì khai Quyền hiển Thật, dẹp bỏ định kiến của Thanh văn. Cuối thì nói rõ Bản môn, thêm

đạo thì tổn sinh. Lại phân biệt cái khai Quyền ở trước làm chủ việc thành Phật lâu xa, cho nên chánh nói Niết-bàn mở làm bốn đoạn:

1. Phẩm Thuần-đà bảo rằng: Nói Niết-bàn để bày việc dẹp định kiến của nhị tu.

2. Phẩm Trường Thọ, luôn cả bốn phẩm nói về nghĩa Niết-bàn.

3. Phẩm Hiện Bệnh, luôn cả năm phẩm nói về hạnh Niết-bàn.

4. Phẩm Sư Tử Hống, luôn cả ba phẩm, nói về dụng Niết-bàn.

Cho nên biết Đầu là ba lần dẹp bỏ định kiến của Thanh văn. Sau là chỉ nói về nghĩa và dụng của Niết-bàn. Thế nên hai kinh khởi đầu và kết thúc là đồng. Kinh nói: Từ Ma-ha Bát-nhã sinh ra đại Niết-bàn nên gộp cả Pháp Hoa làm thời thứ năm (Tứ Giáo Nghi).

Năm thứ năm mươi ba (Nhâm Thân). Trước hết Phật đến cung trời Đao-lợi để an cư ba tháng. Phật sai Văn-thù đến chỗ mẹ bảo bà hãy kính lễ Tam bảo, Ma-gia phu nhân nghe nói thì sữa tự tuôn ra chảy thẳng đến miệng Phật. Phu nhân cùng Văn-thù đến chỗ Phật, nghe Phật nói pháp và chứng quả Tu-đà-hoàn. Khi sắp hết ba tháng Phật muốn nhập Niết-bàn. Trời Đế Thích làm ba đường thềm báu. Phật từ giả mẹ cùng đại chúng trở về Kỳ hoàn (kinh Phật Thăng Đao-lợi).

Thuật rằng: Theo Hành Pháp Kinh, "Phật nói ba tháng nữa ta sẽ nhập Niết-bàn" thì biết lúc Phật đang nói hành pháp vào tháng mười một năm Tân Mùi. Theo kinh Đao-lợi nói: "Ba tháng an cư" thì biết Phật nói hành pháp đã xong, ngay ngày đó đến cung trời Đao-lợi - Theo kinh này nói: "Ba tháng sắp hết Phật muốn nhập Niết-bàn", thì biết ngày mười bốn tháng hai năm này Phật trở về Diêm-phù-đề và ngày mười lăm thì nhập Niết-bàn.

Khi ấy vua Ưu-điền (nước Câu-diễm-di) thương mến Thế Tôn đã đúc vàng làm tượng. Nghe Phật sắp từ thềm báu trở về liền cho voi chở tượng vàng đến đón rước Thế Tôn. Tượng vàng chiều cao giống như Phật thật, cúng rải hoa phóng ánh sáng làm lễ Phật. Đức Thế Tôn chấp tay nói với tượng rằng: Sau khi ta diệt độ ta giao cho ngươi các đệ tử của ta (kinh Quán Phật Tam-muội, theo kinh Tăng Nhất A-hàm thì trời Đế Thích thỉnh Phật lên cung trời Đao-lợi nói pháp cho mẹ nghe. Vua Ưu-điền tưởng nhớ Như Lai liền dùng gỗ chiên-đàn làm tượng Như Lai cao đến năm thước. Vua Ba-tư-nặc nghe được bèn dùng vàng ròng đúc tượng cũng cao năm thước. Khi đó cõi Diêm-phù-đề mới có hai tượng. Lại theo Tây Vức Ký thì vua Ưu-điền mời ngài Mục-liên dùng thần lực đưa thợ lên trời ngắm nhìn diệu tướng của Phật rồi dùng gỗ chiên-đàn khắc ra tượng). Di mẫu của Phật là Ma-ha Ba-xà-ba-đề (Hán dịch là

Đại Ái Đạo) không dành nhìn thấy Như Lai diệt độ bèn cùng năm trăm vị Tỳ-kheo-ni đến lễ Phật rồi lui về tinh xá. Mỗi người ở trên không trung hóa mười tám thứ thần biến rồi cùng nhập Nê-hoàn. Phật bảo A-nan vào thành đến báo khắp Lý gia (Lý gia: là Ưu-bà-tắc thọ giới ở tại gia) làm năm trăm khúc gỗ cây thị để trà tỳ. Khi trà-tỳ xong thì lấy Xá-lợi xây tháp miếu để cúng dường (theo Phật Mẫu Nê-hoàn Kinh). Đích thân Phật nâng một chân giường, A-nan một chân cùng bay lên hư không tiến về khoảng đồi cao. Bốn bộ đại chúng mỗi bộ cử năm trăm Tỳ-kheo-ni (theo Tăng Nhất A-hàm, theo Trí Độ Luận thì Bốn Thiên vương nâng giường, Đức Phật ở trước bưng lư đốt hương cúng dường để báo ân).

Lương Hựu Luật Sư nói rằng: Đức của Di mẫu sánh ngang mẹ ruột thế nên cần phải giữ gìn đề cao cố gắng đền đáp công ân nuôi dưỡng để khuyên gắng những kẻ vô ân đời sau (theo Thích-ca Phổ).

Hai ngài Xá-lợi-phất và Mục-liên không đành nhìn thấy Phật nhập Niết-bàn nên nhập diệt trước đồng thời cũng có bảy vạn vị A-la-hán nhập diệt. Lúc bấy giờ cả bốn chúng đệ tử đều hoang mang rối loạn. Như Lai dùng sức thần thông hóa hai vị đệ tử đứng hầu hai bên ngài, nên chúng sinh vui mừng bớt sầu não (Tát-bà-đa Luận).

Thuật rằng: Ngài Thân Tử (Xá-lợi -phất) không đành thấy Phật nhập Niết-bàn cho nên nhập diệt trước. Nhưng kinh Niết-bàn Sớ Dẫn Đại Kinh nói rằng: Ngài Thân Tử thấy Phật nhập Niết-bàn mà không lo buồn, thường trụ không vui... là biết nghĩa của khai hiển vậy. Không giống như đoạn văn nhỏ ghi ở đây.

Hôm nay ở trong tòa vô số chúng có người thấy Như Lai nhập Niết-bàn (kinh Tượng Pháp Quyết Nghi).

Ngày rằm tháng hai, Phật ở tại rừng cây Ta-la song thọ trên khoảnh đất Lực sĩ sinh trong thành Câu-thi-na (Hán dịch là Tam giác). Khi sắp nhập Niết-bàn thì ngài lớn tiếng bảo khắp đại chúng rằng: Hôm nay Thế Tôn sắp nhập Niết-bàn, nếu tất cả chúng sinh có gì còn nghi đều có thể hỏi, đây là lần hỏi sau cùng. Lúc đó vào buổi sáng, từ mặt Thế Tôn phóng ra các thứ ánh sáng chiếu khắp mười phương. Chúng sinh ở sáu thú cùng bảo nhau rằng chúng ta phải nhanh chóng đến khuyên Như Lai chớ nhập Niết-bàn (kinh Niết-bàn).

Lời thuật rằng: Như Lai dùng tiếng và ánh sáng khắp bảo đại chúng mà người trong sáu thú có thể bảo nhau cùng khuyến thỉnh, là bởi do bậc chúa đứng đầu dùng quyền biến lớn mà thị hiện, cho nên có thể lần lượt rao truyền đến chúng đang chịu thật báo ở tam đồ. Vì thế chúng

được kể ở kinh này khi nói chư Thiên, bát bộ, sư tử, voi, chim, thú... thì đều gọi là vua, ý này nên biết.

Lúc bấy giờ bốn chúng đệ tử, các Đại Bồ-tát, các vua cõi Diêm-phù, các đại thần, trưởng giả, các trời BốnThiên vương, các vua bát bộ,các vua núi, biển, các vua sư tử, voi, các vua chim thú. Chỉ trừ hai chúng của Ca-diếp, A-nan và vua A-xà-thế (Phật dùng tiếng nói và ánh sáng triệu tập năm mươi hai chúng. Lúc đó Ca-diếp ở núi Kỳ-quật, A-nan đang ở ngoài rừng Ta-la đang bị các ma quấy nhiễu, còn vua A-xà-thế thì do hại cha mà mình mọc ghẻ độc, đã đến sám hối Phật rồi trở về cung nên đều không biết Như Lai sắp nhập Niết-bàn. Thấy ở phần sau kinh Niết-bàn). Ai nấy đều bưng đồ đến cúng dường Phật. Ngài im lặng thọ nhận.

Lúc đó trong hội có Ưu-bà-tắc Thuần-đà bạch rằng: "Chúng con muốn ngày mai cúng dường Phật, cúi mong ngài thương xót thọ nhận vật cúng thí bé nhỏ của con."

Phật bảo: "Ta nay nhận vật cúng dường sau cùng của ông khiến ông đầy đủ hạnh Đàn ba-la-mật."

Thuần-đà thưa: "Tuy biết Như Lai phương tiện thị hiện nhập Niết-bàn nhưng chúng con không khỏi buồn khổ."

Phật khen: "Tốt lắm, nên biết Như Lai thị hiện giống chúng sinh mà phương tiện nhập Niết-bàn."

Lúc đó, Thiên long bát bộ cùng thỉnh mời Như Lai: "Cúi mong Phật trụ thế lâu dài đừng nhập Niết-bàn."

Đức Phật nói cho họ chữ Y có ba chấm, thân Như Lai có ba pháp giải thoát Bát-nhã như chữ Y ở đời (Phạm viết chữ Y có ba chấm không dọc không ngang). Khi ấy các Tỳ-kheo thỉnh Phật nói vô thường, khổ, không, vô ngã. Ngài liền nói Thường, Lạc, Ngã, Tịnh xuất thế và bốn pháp điên đảo ở thế gian. Các Tỳ-kheo thưa rằng : "Như Lai dứt hẳn bốn thứ điên đảo biết rõ Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, vì sao không ở lại đời một kiếp hay nửa kiếp để dạy chúng con lìa bỏ bốn thứ điên đảo ấy?" Phật nói: "Nay ta có chánh pháp vô thượng đều phó chúc hết cho Ma-ha Ca-diếp, sẽ làm chỗ nương tựa lớn cho các ông, cũng như Như Lai (v.v...)". Phật bảo đại chúng rằng: "Ta nay đem chánh pháp giao phó cho các quốc vương, đại thần và bốn bộ chúng, hãy nên khuyên gắng các người học tập khiến càng tăng thượng giới, định, tuệ. Nếu ai không học ba phẩm pháp ấy thì là kẻ lười biếng, phá giới, hủy diệt chánh pháp. Đại thần và bốn bộ chúng hãy nên xử trị" (kinh Niết-bàn).

Lời thuật rằng: Phật bảo các Tỳ-kheo có bao nhiêu chánh pháp

đã giao phó hết cho ngài Ca-diếp, thì đây là Chánh phó pháp, vì ngài Ca-diếp có thể nối đời mà truyền giữ. Lại nói: Nay đem chánh pháp giao phó cho vua quan bốnchúng, thì đây là Bàng phó pháp. Vì các quan có thể trị người để hộ trì pháp vậy.

Phật bảo đại chúng: Bắt đầu từ hôm nay không cho hàng đệ tử Thanh văn ăn thịt (kinh Niết-bàn).

Lời thuật rằng: Kinh Phạm Võng cấm Bồ-tát không được ăn thịt. Từ thời Lộc uyển thì Tiểu thừa khi bệnh được cho ăn thịt cá. Lăng-già cũng không cho Bồ-tát ăn thịt. Thích Thiêm bảo: Sau bốn hội A-hàm thì bắt đầu cấm dần. Đã nói Bồ-tát không được ăn thịt, nên biết Tiểu thừa vẫn cho ăn. Nay bắt đầu hội Niết-bàn lại không cho hàng đệ tử Thanh văn ăn thịt. Bắt đầu từ nay thì biết Đại Tiểu thừa đều cấm. Đó chính là ý phò trì luật vậy. Hàng xuất gia đời mạt pháp đâu thể không biết tuân hành ư?

Vua A-xà-thế đã hại cha nên thân thể bị mọc ghẻ độc. Có sáu vị đại thần tà kiến tâu xàm rằng sáu sư trị được bệnh vua. Kỳ-bà thưa rằng: chỉ có Đức Phật mới trị được. Khi vua nghe tin Phật sắp nhập Niết-bàn thì té xỉu xuống đất. Thế Tôn thương xót nhập vào Nguyệt ái Tam-muội phóng ánh sáng mát mẻ chiếu đến thân vua thì ghẻ độc lành hẳn. Vua và phu nhân cùng quốc dân năm mươi tám vạn người đồng đến thành Câu-thi được nghe Phật nói pháp, thì bao nhiêu trọng tội đều được giảm nhẹ. Vua và phu nhân thể nữ đều đồng phát tâm Bồ-đề, đi quanh Phật ba vòng rồi từ giã Phật trở về cung.

Phật hỏi Kiều-trần-như: "A-nan hiện ở đâu?" Trần-như đáp: "Ở ngoài rừng Ta-la cách đại hội này mười hai do-tuần, đang bị sáu vạn bốn ngàn ức ma quấy nhiễu, vì các ma ấy tự hóa thành hình Như Lai tuyên nói tất cả pháp và thị hiện thần thông. A-nan nghĩ rằng: Thần biến như thế mà không phải Phật làm ra ư? A-nan bị ma bao vây khổ sở khôn cùng, do đó A-nan không đến đây được". Phật bảo ngài Văn-thù: "A-nan em ta đã hầu ta hơn hai mươi năm nay, ông ấy đã nghe pháp và ghi nhớ đầy đủ như nước rót vào bình, thế nên ta hỏi xem đang ở đâu, nay muốn ông ấy ghi nhớ kinh Niết-bàn này nhưng bây giờ đang bị các ma quấy nhiễu, ông hãy đem đại Đà-la-ni này đến cứu về". Ngài Văn-thù vâng lời đến chỗ A-nan, Ma vương nghe chú đều phát tâm Bồ-đề bỏ hết nghiệp ma, liền thả A-nan về đến chỗ Phật (kinh Niết-bàn).

Thuật rằng: A-nan lúc đầu bị Ma-đăng-già nữ bắt, Phật sai Văn-thù đem chú đến cứu. Do đó bắt đầu nói Thủ-lăng-nghiêm đại định. Về sau ở ngoài rừng Ta-la lại bị bọn ma quấy nhiễu. Phật lại sai Văn-thù

đem chú đến cứu, thế nên Ma vương phát tâm Bồ-đề do đó bỏ hết ma nghiệp. Chưa thể lấy Thanh văn tiểu quả để suy lường. Đến như nói hầu ở hai bên Phật chỉ chứng ba quả. Đến sau khi Phật diệt độ kết tập các kinh thì mới chứng được quả thứ tư. Đây đều do ngài A-nan dùng đại Phương tiện để đặc biệt lưu tàng cát mà thôi. Bên trong ẩn hạnh Bồ-tát bên ngoài hiện tướng Thanh văn. Phật đã thọ ký cho ngài làm Phật Sơn Hải Tuệ Tự Tại Thông Vương. Vậy nên theo ý này mà luận.

Phật bảo A-nan rằng: "Ở ngoài rừng Ta-la có một Phạm chí tên là Tu-bạt-đà-la đã một trăm hai mươi tuổi, tuy được năm thông nhưng chưa bỏ được tánh kiêu mạn. Thầy hãy đến đó nói với ông ta rằng: Như Lai ra đời như hoa Ưu-đàm, vào giữa đêm nay sẽ nhập Niết-bàn. Nếu có việc cần làm nên làm kịp thời." A-nan vâng lời đến nói y thế. Tiên Tu-bạt-đà-la nói: "Tốt lắm!". Rồi cùng A-nan đến chỗ Phật, nghe Phật thuyết pháp được quả A-la-hán (kinh Niết-bàn). Khi đã chứng quả rồi, Tu-bạt-đà-la bạch rằng: "Thưa Thế Tôn! Cúi mong ngài ở lại ít lâu để dạy bảo xin đừng nhập Niết-bàn."

Đức Thế Tôn yên lặng không nhận lời. Tu-bạt-đà-la không đành nhìn thấy Như Lai nhập Niết-bàn nên nhập diệt trước. Phật bảo đại chúng rằng: "Từ khi ta thành đạo đã độ Kiều-trần-như, cuối cùng độ Tu-bạt-đà-la, việc của ta đã kết thúc không còn làm nữa" (phần sau kinh Niết-bàn).

Bấy giờ A-nan dùng tiếng A-nê-lâu-đậu thưa hỏi bốn điều. Phật bảo A-nan: "Như điều thầy hỏi thì lục quần Tỳ-kheo, Xa-nặc tánh xấu làm hạnh "Ô tha gia" làm sao ở lại chung nhau được, sau khi ta diệt độ rồi thì Tỳ-kheo Xa-nặc sẽ dần dần điều phục bỏ đi tánh xấu.

Hỏi: Sau khi Phật diệt độ rồi thì lấy ai làm thầy?

Đáp: Thi ba-la giới là Đại sư của các ông.

Hỏi: Sau khi Phật Niết-bàn rồi thì nương vào đâu mà trụ?

Đáp: Nương vào bốn Niệm xứ nghiêm tâm mà trụ:

1. Quán thân tánh vốn đồng với Hư Không, gọi là Thân niệm xứ.

2. Quán thọ không ở trong hay ở ngoài hoặc ở chính giữa gọi là Thọ niệm xứ.

3. Quán tâm chỉ có danh tự, danh tự tánh vốn rời nhau, gọi là Tâm niệm xứ.

4. Quán pháp không được pháp lành không được pháp không lành, gọi là Pháp niệm xứ.

Tất cả người tu cần phải nương vào bốn Niệm xứ này mà trụ.

Hỏi: Sau khi Như Lai diệt độ, kết tập pháp tạng thì đầu tất cả các

kinh nên để những gì?

Đáp: Nên để: Như vầy tôi nghe: Một thuở nọ Phật ở tại chốn nào, phương nào, cùng bốn chúng mà nói kinh ấy (phần sau kinh Niết-bàn).

Khi ấy A-nan hỏi rằng: Sau khi Như Lai Niết-bàn thì tổ chức lễ tống táng như thế nào?

Phật bảo: Nên đúng theo pháp chôn cất Chuyển luân Thánh vương, dùng lụa trắng quấn thân rồi thoa hương bột, quan tài bằng vàng, quách bằng sắt để lịm thân vua, rẩy dầu tô, dùng gỗ thơm để thiêu thân. Khi lửa tắt thì nhặt lấy hài cốt, xây tháp kính thờ. Những ai thấy được sẽ buồn vui nhớ nghĩ ơn đức trị vì của vua. Ta nay là Thánh vương cũng thế. Ở cõi nước ta thì chúng sinh ở vị lai sẽ có nhiều cách như thủy táng, hỏa táng hoặc táng trong mộ tháp. Trong cõi Diêm-phù có nước Chấn Đán, ta sai ba Thánh ở đó giáo hóa, nhân dân hiền lành thương nhau, lễ nghĩa đầy đủ (kinh Trũng Mộ Nhân Duyên, Chỉ Quán nói: Ta sai ba Thánh giáo hóa nước Chấn Đán ấy, giúp làm nhân nghĩa, trước ép dẫn vào chân đạo sau mới mở lời. Theo Thanh Tịnh Pháp Hạnh Kinh thì Bồ-tát Quang Tịnh thì ở đấy (Chấn Đán) gọi là Khổng Tử, Bồ-tát Ca-diếp ở đấy gọi là Lão Tử, Bồ-tát Nguyệt Quang thì ở đấy gọi là Nhan Hồi).

Khi Phật nói kinh Niết-bàn, có một vạn năm ngàn ức người đối với kinh không có tín tâm, nhưng ở vị lai họ lại được tín tâm.

Lời thuật rằng: Nay thấy câu tuyệt diệu này không biết dựa vào văn nào. Đây là hạng người rất độn căn, tức là những kẻ xuất gia ở đời vị lai đầy đủ chánh tín học Phật pháp. Chúng ta đâu được may mắn dự vào hạng người này! Khi Như Lai sắp nhập Niết-bàn thì chư Thiên, đại chúng cùng đến cúng dường. Chỉ có Loa Kế đến Phạm Vương là không đến hầu thăm. Lúc đó đại chúng rất ghét sự ngã mạn của ông ta liền sử dụng cả trăm ngàn thần chú Tiên để đến bắt ông ta, nhưng chỉ thấy các thứ bất tịnh ở dưới hào thành của những người bị phạm chú mà chết. Nên lại gấp sai Vô Lượng Kim Cang mang thần chú đi bắt. Đến bảy ngày vẫn không ai bắt được. Đại chúng rất buồn lo nói kệ. Như Lai liền dùng thần lực Đại biến tri từ tim trái của ngài hóa ra thần Kim Cang Bất Hoại, ở giữa Đại chúng mà hiện thần thông thì khắp tam thiên thế giới sáu lần chấn động, thần phóng mình đến ngay chỗ Phạm vương chỉ tay vào các vật dơ bẩn kia thì biến thành đại địa rồi bảo Phạm Vương rằng: Ngươi thật quá ngu si, Như Lai sắp nhập Niết-bàn, sao ngươi không đến? Liền dùng sức Kim Cang Bất Hoại gợi ý cho. Phạm Vương bèn phát tâm đến chỗ Như Lai (Uế Tích Kim Cang Linh Yếu Môn, tên gọi Uế Tích là như kinh nói: Kim Cang chỉ uế vật của Phạm Vương biến

thành đại địa, vì dùng thần thông biến ra uế cảnh nên gọi là Uế Tích Kim Cang).

Khi Thế Tôn sắp nhập Niết-bàn. Lúc đó là nửa đêm yên lặng không một tiếng động. Phật tóm tắt nói pháp cần yếu cho các Đệ tử: Sau khi ta diệt độ, Tỳ-kheo các ông phải nên tôn trọng trân kính Ba-la-đề-mộc-xoa, phải biết đó là bậc Đại sư của các ông, nếu ta còn ở đời thì không khác gì giới luật này (kinh Di Giáo).

Phật bảo chúng rằng: Ta tuy ở cõi Diêm-phù-đề này thường luôn thị hiện nhập Niết-bàn, nhưng thật chẳng phải là Niết-bàn rốt ráo. Thế nên phải biết đó là pháp thường trụ, là pháp không biến đổi (kinh Niết-bàn). Lúc đó Thế Tôn ở trên giường bảy báu, nằm nghiêng về phía hông phải, đầu xoay về hướng Bắc, chân hướng về phương Nam, mặt ngó về phương Tây, lưng quay về hướng Đông. Đúng giữa khuya lặng yên không tiếng động phút chốc Như Lai nhập Niết-bàn. Rừng cây Ta-la có bốn đôi cây và tám gốc lẽ. Khi Phật nhập Niết-bàn rồi thì hai cặp Đông tây hợp lại thành một cây, hai cặp Đông bắc hợp thành một cây to rủ xuống để che kín Như Lai và giường bảy báu, lá cây buồn thảm có màu trắng toát như bạch hạc. Đại chúng than khóc tiếng vang khắp cả thế giới (phần sau kinh Niết-bàn). Bấy giờ tất cả nhân dân đều vào thành, làm Kim quan bảy báu, dầu trầm chiên-đàn, hương hoa phướn lọng... các thứ đưa đến cúng dường trước Như Lai. Đại chúng đều buồn thương nghẹn ngào cùng phò Như lai vào Kim quan. Lại sai bốn lực sĩ thỉnh Kim quan vào thành nhưng không nổi. Lại sai đến mười sáu lực sĩ cũng khiêng không nổi. Khi đó A-nê-lâu-đậu (A-na-luật) bảo các lực sĩ rằng: Giả sử tất cả người trong thành này đều cùng khiêng Kim quan Phật thì cũng không nổi, cần phải có đại chúng, chư Thiên trợ giúp thì quý ông mới khiêng nổi mà vào thành được. Nói chưa dứt lời thì trời Đế Thích đã mang bảo cái che trên không trung, cho đến các trời Sắc giới đều cũng như Đế Thích cùng đến cúng dường Kim quan Phật. Thế Tôn đại bi tự cất Kim quan lên không trung cao một cây Đa-la, từ cửa Tây vào thành rồi ra cửa Đông, lại vào cửa Nam và ra cửa Bắc, quanh trái qua phải vòng quanh khắp thành đến bảy vòng, rồi ở trên không từ từ hạ xuống giường bảy báu tại chỗ trà-tỳ. Khi ấy trời bốnThiên vương mỗi vị đều lấy trầm thủy chiên-đàn trên trời mỗi thứ năm trăm gốc, cho đến chư Thiên cõi Sáu dục và đại chúng ở nhân gian ai nấy đều mang trầm thủy chiên-đàn đến chỗ trà-tỳ (phần sau kinh Niết-bàn).

Ngày hai mươi hai tháng hai Như Lai đã Niết-bàn được bảy ngày sắp đưa ra khỏi Kim quan. Cả đại chúng đều buồn thương khóc lóc

cùng phò Như Lai đến giường bảy báu, nước thơm rảy khắp, mũ đẹp lụa bông quấn từ đầu đến chân, lụa trắng ngàn xấp, lần lượt quấn thân rồi cùng phò Như Lai đưa vào Bảo quan. Lại dùng gỗ thơm quý dựng thành dàn gỗ thơm lớn và đặt Kim quan lên dàn ấy. Cả đại chúng đều cầm đuốc thơm đến châm lửa dàn gỗ thơm để làm lễ trà-tỳ nhưng đều tắt hết (phần sau kinh Niết-bàn). Ngài A-na-luật bay lên cung trời Đao-lợi báo trình cùng Ma-gia phu nhân. Phu nhân từ cung trời giáng xuống thì Kim quan tự mở, Đức Thế Tôn đứng dậy chấp tay thưa rằng: "Mẹ từ xa đã đến". Lại bảo A-nan rằng: Thầy nên biết ta vì chúng sinh bất hiếu ở đời sau, nên từ Kim Quan phát ra lời thăm hỏi mẹ (kinh Ma-gia Phu nhân).

Khi đó ngài Đại Ca-diếp cùng năm trăm đệ tử đang ở tại núi Kỳ-xà-quật cách thành Câu-thi năm mươi do-tuần (kinh Phó Phật Niết-bàn nói: Ca-diếp ở tại núi Y-trà-lê cách nước Xá-vệ hai vạn sáu ngàn dặm đang dạy dỗ một ngàn đệ tử. Đây bởi khác bộ nên không giống. Phải lấy phần sau kinh Niết-bàn làm đúng). Ngài Ca-diếp trong buổi ăn trưa thì tâm hồi hộp thân run rẩy, từ định xuất ra thì thấy đất động mạnh nên biết Như Lai đã nhập Niết-bàn. Liền dắt các đệ tử cùng về thành Câu-thi đến trước Kim quan. Như Lai đại bi vì ngài Ca-diếp Kim quan tự mở hiện bày sắc thân vàng ròng bền chắc rực rỡ. Ngài Ca-diếp buồn thương nghẹn ngào liền rảy nước thơm vào thân có quấn ngàn khúc lụa, sau đó nắp Kim quan tự đóng lại. Ca-diếp nói kệ. Như Lai lại thò ra khỏi Kim quan đôi bàn chân có tướng xe ngàn căm. Ngài Ca-diếp lễ khen đôi chân Kim cang xong thì đôi chân lại rụt vào. Rồi lửa từ tim của thân Như Lai bùng lên bao phủ Kim quan tự thiêu đốt suốt bảy ngày đêm dàn gỗ thơm mới tàn (phần sau, kinh Xử Thai nói Ca-diếp cầm lửa châm vào củi thơm. Bộ này nói khác không giống. Nên lấy phần sau kinh Niết-bàn là đúng).

Sau khi Phật diệt độ bảy ngày thì ngài Đại Ca-diếp bảo năm trăm vị A-la-hán đi khắp mười phương thế giới triệu tập hết các vị A-la-hán sáu thông được tám ức, tám ngàn vị đến khoảng rừng Song thọ để nghe pháp ngôn (kinh Xử Thai).

****

CHIA XÁ LỢI

Lời tựa: Ngài Trí Giả có nói: Xá-lợi này là do sự huân tu của giới, định, tuệ. Xét nghĩa tột cùng thì có phân biệt về các thân sinh, pháp, toàn, toái. “Ta không hề diệt độ luôn ở tại Linh sơn”, đây há không phải là Pháp thân, toàn thân ư? Nay luận sau khi Niết-bàn có tám vạn bốn ngàn hạt Xá-lợi thì chỉ thị hiện có hai thân là sinh thân và toái thân mà thôi. Như Lai đã từ vô số kiếp lâu xa luôn xuất hiện, vì muốn mở ra cái tích của sinh thân để hiển bày cái bản của Pháp thân. Tức từ sự nhỏ hẹp của toái thân để thấy cái biến khắp của toàn thân. Sự quyền biến lớn lao để giúp ích muôn loài quả là ngoài sức nghĩ bàn vậy.

Ngày hai mươi chín tháng hai, sau lễ trà-tỳ Như Lai được bảy ngày, thì trời Đế Thích mở Kim quan lấy răng phải của Phật đem lên trời xây tháp cúng dường. Có hai kẻ tên Kiện-tật và La-lợi lấy cắp một cặp răng Phật. Khi đó đại chúng trong thành nhặt lấy Xá-lợi Phật để đầy trong tám bình vàng rồi đem vào thành Câu-thi cúng dường suốt bảy ngày (phần sau. Xá-lợi, Hán dịch là Cốt thân).

Ngày sáu tháng ba, vua nước Ca-tỳ-la bà con bản xứ của Như Lai (Vua cha Tịnh Phạn có hai con và một cháu đều xuất gia cả. Vua cha hỏi Phật rằng: “Dòng vua đã tuyệt tự”, thì biết khi vua băng hà rồi không ai nối nghiệp. Nay vua Ca-tỳ-la đây là do người trong nước lập con của anh em vua lên nối nghiệp, nên gọi Bà Con Bản Xứ). Các người họ Thích sau hai mươi mốt ngày biết Phật đã nhập Niết-bàn bèn vào thành Câu-thi để tìm xin Xá-lợi nhưng không được. Vua A-xà-thế đến chỗ Phật để sám hối rữa lành ghẻ độc tiêu hết trọng tội liền trở về bản cung. Ngay đêm Phật Niết-bàn thì mộng thấy mặt trăng rụng. Vời quần thần vào hỏi, tâu rằng đó là tướng Phật nhập Niết-bàn. Vua liền dẫn quần thần vào thành Câu-thi để tìm thỉnh Xá-lợi nhưng không được. Lúc đó Tỳ-ly ngoại đạo được gọi là vua và vua A-lặc-ca-la, vua Tỳ-nậu Bất Úy, vua Già-la-ca-la, vua Ba-kiên-la, mỗi vua đều dắt quần thần vào thành Câu-thi để xin một phần Xá-lợi đem về nước cúng dường nhưng không được (phần sau kinh Niết-bàn, từ trên là bảy nước, cùng nước Câu-thi là tám). Lúc đó vua tám nước cùng tranh Xá-lợi, có vị đại thần của Ưu-ba-kiết can gián vua tám nước. Khi ấy trời Đế Thích hóa làm người nói rằng: “Chư Thiên chúng ta cũng phải có phần, nếu không có tất sẽ dùng sức mạnh để đối địch.” Bấy giờ Ưu-ba-kiết nói: Quý ngài hãy thong thả, Xá-lợi này tất phải phân chia, đâu cần tranh cãi. Liền chia Xá-lợi làm ba phần: Một phần cho cõi trời, một phần cho Long cung và một phần cho tám vua (kinh Xử Thai). Tám vua cùng chia

Xá-lợi, vua A-xà-thế được tám vạn bốn ngàn hạt, lại riêng được hàm ria đem về nước. Giữa đường gặp Long vương Nan-đầu-hòa theo xin Xá-lợi . Vua không cho Long vương nói: "Sức ta phá tan nước ông". Vua sợ quá bèn đưa ngay hàm ria của Phật. Long vương ở dưới núi Tu-di xây tháp Thủy tịnh mà thờ. Vua A-xà-thế trở về nước lấy hộp vàng ròng đựng Xá-lợi , làm ngọn đèn ngàn năm, xây tháp ở giữa năm sông Hằng mà thờ (kinh A-dục Vương).

Tám nước đem binh giành Xá-lợi, có Bà-la-môn tên Tánh Yên lớn tiếng nói rằng: Nên chia làm tám phần. Khi ấy thành Câu-thi được phần thứ nhất, cho đến vua A-xà-thế được phần thứ tám. Ai nấy đều đem về nước xây tháp thờ cúng. Tánh Yên Bà-la-môn cũng được một bình lường Xá-lợi đem về xóm Na-la xây tháp kính thờ. Còn Bà-la-môn La-diên thì được tro cũng trở về nước xây tháp. Lúc đó ở cõi Diêm-phù-đề chỉ có mười tháp (Thập Tụng Luật).

****

KẾT TẬP BA TẠNG

Tựa rằng: Ngài Kinh Khê luận việc kết tập ba tạng thì có ba chỗ: Chỗ đầu tiên có một ngàn vị kết tập (vào ngày rằm tháng tư sau khi Phật diệt độ, Phật diệt độ ngày rằm tháng hai). Chỗ thứ hai, sau khi Phật diệt độ một trăm năm, có bảy trăm vị kết tập. Có mười tranh cãi về Thiện hạnh bạt-xà (nhằm vào năm Chu Lệ Vương thứ ba mươi bốn - thấy trong Thông Tắc Chí). Chỗ thứ ba, sau khi Phật diệt độ bốn trăm năm, có năm trăm vị kết tập. Do vua Già-ni-tra thỉnh Tăng Luận Đạo không đồng (chưa kiểm là trích ở đâu). Song theo Pháp Uyển Châu Lâm do Lý Trưởng giả họp bàn thì đều căn cứ vào kinh Xử Thai, nói là bảy ngày sau khi Phật diệt độ thì có năm trăm vị kết tập. Nay xét theo bản văn thì ngài Ca-diếp bảo năm trăm vị là sai khiến tập họp chúng tăng chứ chưa phải là chánh Kết tập. Do đó phải lấy lời luận của Kinh Khê là đúng.

Ngày rằm tháng tư, ngài Đại Ca-diếp suy nghĩ là phải kết tập ba tạng để chánh pháp được lâu dài. Ngài liền đứng trên đỉnh núi Tu-di mà gõ kiền chùy bằng đồng (âm là Kiền địa, Thinh Luận dịch là chuông. Ngũ Phần Luật nói tùy theo ngói, gỗ, đồng, sắt có tiếng kêu khác nhau đều gọi là kiền địa. Các luật khác phần nhiều đều gọi là Kiền chùy) và nói kệ rằng:

Các đệ tử Phật
Nếu nghĩ nhớ Phật
Phải báo ân Phật
Chớ nhập Niết-bàn.

Các đệ tử được thần lực đều đến hội họp, ngài Ca-diếp tuyển chọn được một ngàn người đều là A-la-hán, chỉ trừ có A-nan. Vua A-xà-thế cúng dường thức ăn cho ngàn người đó suốt trong ba tháng Hạ an cư, cứ mồng một và ngày rằm đều có thuyết giới. Ca-diếp nhập định dùng thiên nhãn quán sát thì thấy A-nan là một người phiền não chưa dứt, bèn nắm tay kéo ra khỏi đại hội.

A-nan tủi hổ khóc bảo rằng: Pháp Phật các A-la-hán khác không được nghe đủ và tôi thân cận hầu hạ Phật, vì thế nên chưa đoạn dứt phiền não lưu dư đấy thôi.

Ngài Đại Ca-diếp lại nói: Thầy lại có tội, vì thầy đã khuyên Phật độ cho người nữ xuất gia, khiến chánh pháp giảm còn năm trăm năm.

A-nan nói: Cả ba đời chư Phật đều có bốn bộ chúng.

Ca-diếp lại nói: Khi Phật sắp nhập Niết-bàn đau lưng nằm, ngài muốn uống nước thì thầy lại không dâng cho.

A-nan nói: Khi đó có đoàn xe năm trăm chiếc đi ngang qua dòng nước, nước đục nên không lấy được.

Ca-diếp lại nói: Phật hỏi thầy nếu có người chứng bốn Thần túc khéo tu thì có thể sống lâu một kiếp hoặc giảm đi một kiếp thì thầy đáng lẽ phải đáp: "Xin Phật trụ lại một kiếp hay nửa kiếp", Phật đã ba lần hỏi mà thầy không trả lời nên khiến Thế Tôn sớm nhập Niết-bàn.

A-nan nói: Vì ma che tâm tôi nên không đáp.

Ca-diếp lại nói: Thầy chầm vá y Tăng-già-lê cho Phật, thầy lấy chân đạp lên.

A-nan nói: Khi tôi cầm y thì gió thổi mạnh y rơi xuống chân không phải tôi không cung kính.

Ca-diếp lại nói: Phật có tướng âm tàng. Sau khi Phật diệt độ, thầy lại cho người nữ xem sao không biết thẹn?

A-nan nói: Tôi nghĩ người nữ khi thấy tướng âm tàng của Phật thì sẽ xấu hổ về hình nữ nhân của mình mà muốn được thân nam để tu hành các thứ đức căn của Phật, mà không phải là phá giới Ca-diếp bảo A-nan phạm sáu tội Đột-kiết-la phải sám hối trong Tăng (Đột-kiết-la, Hán dịch là ác tác, lại gọi là Ưng đương học).

Ca-diếp lại nói: Thầy hãy đoạn dứt các lậu rồi hãy vào đại hội.

A-nan suy nghĩ các pháp cầu dứt hết các lậu còn sót, nhưng vì định

lực còn ít nên chưa được đạo ngay. Đến nửa đêm quá mệt mỏi muốn nghỉ ngơi, vừa đặt đầu lên gối thì hoát nhiên đại ngộ, liền nhập Kim cang định, phá tất cả phiền não, chứng được Sáu thông. Đến cuối đêm thì A-nan tới gõ cửa Tăng đường.

Ca-diếp lên tiếng: Thầy hãy chui qua lỗ khóa mà vào.

A-nan liền dùng thần lực từ lỗ khóa mà vào, rồi lễ bái sám hối.

Ca-diếp bèn bảo: Thầy chớ giận hờn, xin trả lại thầy tòa cũ.

A-nan lễ tăng xong liền lên tòa Sư tử (Trí Độ Luận).

Ngài Ca-diếp bảo rằng: Pháp Phật nói dù một tiếng chữ cũng không nên bỏ sót.

Khi đó A-nan bắt đầu nói kinh. Thứ nhất là Thai hóa tạng, thứ hai là Trung ấm tạng, thứ ba là Ma-ha-diễn Phương đẳng tạng, thứ tư là Giới luật tạng, thứ năm là Thập trụ Bồ-tát tạng, thứ sáu là Tạp tạng, thứ bảy là Kim cang tạng, thứ tám là Phật tạng. Đó là khi kinh pháp còn đầy đủ. A-nan cất tiếng đọc rằng: "Như vầy tôi nghe, một thuở nọ Phật ở tại..." Ca-diếp và đại chúng đều rơi lệ than thở già chết như huyễn như hóa, mới hôm qua còn thấy Phật nay đã gọi là "tôi nghe" (kinh Xử Thai).

A-nan có hình dáng giống Phật chỉ thấp hơn Phật ba lóng tay. Khi mới lên cao tòa thì đại chúng khởi nghi ba điều: Hoặc nghi Đức Phật sống lại, hoặc nghi Phật ở phương khác đến, hoặc nghi A-nan thành Phật và khi đọc to "tôi nghe" thì ba nghi đều hết (hay thiệt!). A-nan Kết Tập Pháp Tạng tự nghĩ rằng: Khi Phật mới chuyển pháp luân, lúc ấy ta không thấy, như thế lần hồi mới nghe (câu dẫn ở Trí Độ Luận). Bản Cựu Dịch nói: A-nan đắc Tam-muội Phật giác, nên có sức tự hay nghe (Ký nói rằng: Phật gia bị giác lực, nên gọi là Phật giác, kinh Xá-lợi-phất nói: A-nan tu thiền không quên, đắc Tam-muội Phật giác nên sức tự hay nghe). Lại khi chưa nghe rõ kinh thì xin Phật nói lại, cho nên chính miệng Phật nói riêng cho nghe. A-nan chính thức nhận được ý chỉ Phật, như một bình đứng chứa đầy truyền cho người rót vào bình khác. Phật đã nhập Niết-bàn lại từ Kim quan đưa cánh tay vàng ra có ý hiện lại tướng nhập thai, các kinh đều có nghe. Tướng thai còn nghe được huống là các kinh sau (Cú Ký, đây là tiếp hiện tướng nhập thai, cho đến tướng chuyển pháp luân... khiến A-nan hầu hạ hơn hai mươi năm thì các kinh trước đây, ông đều được nghe vậy). A-nan ở trước Phật được nghe thọ ký, tức thời nhớ lại các pháp tạng của chư Phật thời quá khứ, thấu suốt vô ngại như mới nghe hôm nay, cũng rõ được bản nguyện (Phẩm Vô Học Ký của Pháp Hoa).

Khi Như Lai ở ngoài núi Thiết vi này, mười phương chư Phật đều vân tập đến nói pháp, cũng gọi là nói kinh. Sau đó ngài Văn-thù mời các Bồ-tát và các vị Đại A-la-hán Kết tập pháp tạng Đại thừa. Mỗi vị đều nói "Tôi nghe Phật nói kinh này...". Tu-bồ-đề thì nói kinh Bát-nhã và Kim cang tôi nghe Phật nói. Cho nên biết không hạn thuộc vào A-nan. Song A-nan thì nghe khắp các kinh, còn các đệ tử khác chỉ nghe riêng bộ kinh ấy (Tịnh Danh Sớ Dẫn Trí Luận).

Sau khi Như Lai diệt độ thì ở hang Tất-bát-la lập ra ba tòa bộ chủ, Kết tập ba tạng. A-nan thì tụng lại Kinh tạng, Ca-diếp tụng lại Luật tạng, Ưu-ba-lý thì tụng lại Luận tạng. Đây là Thượng tọa bộ. Lại có một ngàn Hiền Thánh theo lệnh của Bà-thi-ca ở ngoài hang kết tập, gọi là Đại chúng bộ. Hai bộ này gọi chung là Tăng-kỳ Luật, đó là căn bản (Tăng-kỳ Luật, văn này phân ba tạng làm ba bộ chủ, là rút từ Tiểu thừa vậy).

A-nan cầu xin Phật, những pháp đã nói trong hai mươi năm trước xin nói lại cho con (kinh Báo Ân).

Ma-đắc-lặc-già Luận nói: Trong mười hai bộ kinh chỉ có bộ Phương đẳng là Bồ-tát tạng, còn mười một bộ kia là Thanh văn tạng lại Phật vì Bồ-tát Thanh văn mà nói ra Khổ đạo thì đều là Bồ-tát tạng và Thanh văn tạng. Trí Luận nói: Đại Ca-diếp và A-nan ở cùng Hương Sơn tuyển tập ba tạng là Thanh văn tạng. Còn ngài Văn-thù và A-nan kết tập kinh Ma-ha-diễn là Bồ-tát tạng, kinh Niết-bàn nói: Mười một bộ kinh là do hàng Nhị thừa trì tụng, còn bộ Phương đẳng là do hàng Bồ-tát trì tụng. Đó là kinh luận tóm tắt chỉ có hai thứ (Diệu Huyền).

Các kinh luận nói giáo không phải một, như Ma-đắc-lặc-già nói có hai tạng là: Thanh văn tạng và Bồ-tát tạng. Lại các kinh nói có ba tạng: Mười một bộ là Thanh văn tạng, bộ Phương quảng là Bồ-tát tạng, họp mười hai bộ lại là Tạp Tạng. Lại có bốn tạng là khai thêm Phật tạng. Bồ-tát Xử Thai Kinh nói có tám tạng là Thai hóa tạng, Trung ấm tạng... nói lúc chưa có A-nan, tức là Bí mật giáo, nói sau khi có A-nan là Bất định giáo, Ma-ha-diễn Phương đẳng tạng tức Đốn giáo, Giới Luật Tạng tức Thai tạng giáo, Thập trụ tạng tức Phương đẳng giáo, Tạp Tạng tức Thông giáo, Kim cang tạng tức Biệt giáo, Phật tạng tức Viên giáo (Thai Hóa tức các kinh khi Như Lai gá thai nói ra. Trung ấm tức các pháp khi Như Lai ở trong thai nói ra.

Sau khi Thế Tôn diệt độ một trăm năm, ở thành Tỳ-xá-ly, Tỳ-kheo Bạt-xà Tử đưa ra mười việc thiện hạnh là: Cho phép mặt trời xế quá hai lóng tay được ăn, được ở tụ lạc, được ở trong chùa, tới sau vẫn

được chấp thuận, được pháp thường, được nhận tiền bạc, trong ngày bố tát, nếu có thí chủ cúng vàng bạc thì được chia phần, như thế phân biệt, mỗi việc đều kiểm xét lại... cho đến mười việc phi pháp, không phải là Tỳ-ni, không phải do Phật dạy. Có bảy trăm vị A-la-hán kết tập Pháp, Luận, Tỳ-ni, nên gọi là Thất Bách Kết Tập (Bốn Phần Luật).

Tóm rằng:

Năng Nhân Tịch Mặc
Thành Phật lâu xa
Ở vào Hiền kiếp
Thừa thời độ sinh
Mộ đời giáo hóa
Quy về hiển khai
Trời người quần sinh
Đều thỏa nguyện trước
Hóa độ đã xong
Thị hiện Niết-bàn
Bất sinh bất diệt
Luôn ở Linh sơn
Tu học đời sau
Đầy khắp thế gian
Cùng mong Phật tuệ
Riêng được Chơn đan.

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 5

Phần II: HAI MƯƠI BA TỔ Ở TÂY VỨC

Tổ thứ 1: Ma-ha Ca-diếp.
Tổ thứ 2: A-nan-đà.
Tổ thứ 3: Thương-na Hòa-tu và (Từ A-nan) Mạt-điền-địa.
Tổ thứ 4: Ưu-ba-cúc-đa.
Tổ thứ 5: Đề-ca-đa.
Tổ thứ 6: Di-giá-ca.
Tổ thứ 7: Phật-đà Nan-đề.
Tổ thứ 8: Phật-đà Mật-đa.
Tổ thứ 9: Hiếp Tỳ-kheo.
Tổ thứ 10: Phú-na Dạ-xa.
Tổ thứ 11: Mã Minh.
Tổ thứ 12: Ca-tỳ-ma-la.
Tổ thứ 13: Long Thọ.
Tổ thứ 14: Ca-na-đề-bà.
Tổ thứ 15: La-hầu-la-đa.
Tổ thứ 16: Tăng-khư Nan-đề.
Tổ thứ 17: Tăng-khư Gia-xá.
Tổ thứ 18: Cưu-ma-la-đà.
Tổ thứ 19: Xà-dạ-đa.
Tổ thứ 20: Bà-tu-bàn-đà.
Tổ thứ 21: Ma-noa-la.
Tổ thứ 22: Hạc-lặc-na.
Tổ thứ 23: Sư tử.

Chỉ Quán Luận nói rằng: Người tu hành khi nghe nói Phó pháp tạng thì biết là tông đầu tiên. Người được giao truyền pháp tạng đầu tiên là ngài Ca-diếp, cuối cùng là ngài Sư Tử, gồm hai mươi ba vị, nhưng ngài Mạt-điền và ngài Thương-na Hòa-tu lại đồng thời, nếu tính luôn thì có hai mươi bốn tổ. Các Tổ này đều từ kim khẩu thọ ký (việc trích ở bộ Phụ Hành) đều là Thánh nhân đã giáo hóa lợi ích rất nhiều. (Pháp Tạng Kinh nói: Sau khi ta diệt độ sẽ có hai mươi bốn Tôn giả ra đời truyền bá pháp của ta). Phụ Hành nói: Đời tượng và mạt pháp có Bốn Y hoằng truyền Phật pháp. Trong truyện đã nói: Đều là Thánh nhân cho nên phần lớn đều là Tứ Y, cũng có thể chung cả ba, hai Y. Vì bậc Sơ Y là phàm không được gọi Thánh (Diệu Huyền nói rằng năm phẩm sáu căn là Sơ y, Thập trụ là Nhị y, Thập hạnh, Thập hướng là Tam y, Thập địa, Đẳng giác là Tứ y. Đây là theo Đại thừa mà luận về Bốn y. Như kinh Niết-bàn có nói: Có bốn hạng người hay hộ trì chánh pháp làm chỗ nương tựa cho đời:

1. Sơ y, nội ngoại phàm Tiểu thừa.
2. Nhị y, tức Sơ quả.
3. Tam y tức quả thứ hai và ba.
4. Tứ y tức quả thứ tư.

Đây là theo Tiểu thừa mà luận về bốn y. Nay nói phó pháp tức là Đại thừa. Nên Phụ Hành đã nói là Đại thừa Tứ y. Nói trung truyện tức là truyện Phó Pháp Tạng, một bản gọi là Phó Pháp Tạng Nhân Duyên Kinh).

Nay luận về các Tổ thừa truyền đại pháp thì các tổ Cúc-đa... nói rằng: Chứng Tiểu quả là căn cứ theo ý của ngài Kinh Khê gọi bốn quả là chân phước điền hóa đạo dễ dàng. Tuyên nói giống đây tức bốn y là giống như bốn quả. Thế nên từ kim khẩu nói các Thánh đã phá hết vô minh, ngôi vị ở bốn y, trong thì hoằng truyền đại pháp, ngoài thì hiện dáng Tiểu thừa. Để làm sáng phó pháp, nên soạn ra tiểu sử hai mươi bốn vị Tổ sau đây.

Tổ thứ 1: Ma-ha Ca-diếp (Mahakasyapa)

(Ma-ha Ca-diếp: Hán dịch là Đại Ẩm Quang. Vì Tổ tiên xưa thân có ánh sáng che mất các ánh sáng khác, nên lấy đó làm họ. Tôn giả này là hậu duệ, thân cũng có ánh sáng che mất các ánh sáng khác. Trong hàng đệ tử Phật có Thập Lực Ca-diếp và ba Ca-diếp khác. Vị này là lớn nhất trong những người cùng họ Ca-diếp, nên thêm chữ Đại để phân biệt.

Ngài tên Tất-bát-la (Đây là tên cây Bồ-đề. Vì cha mẹ cầu tự thần cây này mà sinh ra ngài nên lấy tên cây đặt tên). Ngài là người nước La-duyệt-kỳ (Hán dịch là Vương xá thành, tức thành trong nước Ma-già-đà). Cha là Ca-tỳ-la (Hán dịch là Đầu mặt có sắc vàng ròng, bởi là hậu duệ của Tiên nhân Kim Quang). Đời gọi là Đại Phú Trưởng giả. Cả mười sáu nước không ai sánh bằng, vì giàu gấp ngàn lần vua Bình-sa (tức vua Tần-bà-ta-la, Hán dịch là Nhan Sắc Đoan Chánh). Vua có ngàn lưỡi cày bằng vàng. Vì sợ tội hơn vua nên giảm bớt một lưỡi, chỉ dùng chín trăm chín mươi chín lưỡi cày vàng hai trâu kéo, có sáu mươi kho chứa vàng hạt, sức chứa ba trăm bốn mươi hộc.

Thuở xưa sau khi Phật Tỳ-bà-thi diệt độ (Hán dịch là Thắng Quan). Tượng trong tháp màu vàng ròng bị hư vài chỗ. Khi đó có cô gái nghèo xin được viên kim châu đem tu bổ lại mặt pho tượng. Lúc ấy ngài Ca-diếp là thợ đúc vàng đã sửa xong. Nhân đó cùng lập thệ hai người chúng ta thường là vợ chồng thân có sắc vàng ròng luôn hưởng sung sướng. Do nguyên nhân đó mà chín mươi mốt kiếp đều sinh vào hàng trời người, cuối cùng được sinh làm Phạm thiên thứ bảy (Đại Phạm sơ thiền ở trên cõi Lục dục nên kể là thứ bảy).

Bấy giờ ở nước Ma-già-đà (Hán dịch là Bất Hại) có một Bà-la-môn là một cự phú nhưng không con cái nối dõi. Bên nhà có một Thần cây, ông thường đến cầu con nhưng đã nhiều năm không ứng nghiệm. Liền nổi giận bảo: Ta cầu tự trong bảy ngày nếu không linh nghiệm sẽ đốt bỏ cây.

Thần cây sợ quá bay lên cầu cứu Phạm thiên. Phạm Thiên vương nhìn thấy có một Phạm thiên sắp mạng chung, liền khuyên hãy sinh vào nhà ấy. Vừa tròn mười tháng thì sinh một bé trai, mình sắc vàng ròng ánh sáng rực rỡ chiếu xa bốn mươi dặm, có đủ ba mươi tướng đẹp (Văn Cú, vậy là thiếu hai tướng bạch hào và nhục kế).

Thầy bói bảo rằng: Cậu bé này do phước đời trước tất sẽ xuất gia.

Đến năm mười lăm tuổi định cưới vợ cho con, thì con bảo cha mẹ tìm được cô gái nào có sắc vàng như con, con mới cưới. Cha mẹ liền mời các Bà-la-môn đúc tượng một cô gái bằng vàng rồi đẩy xe đi khắp thôn xóm lớn tiếng rao rằng: Cô gái nào gặp Thần vàng mà chịu cưới sẽ gặp được chồng quý.

Các cô gái đều chạy ra xem. Riêng có một cô gái mình vàng vẫn ngồi yên. Chúng bạn ép kéo cô ra gặp tượng vàng. Các Bà-la-môn thấy được bèn làm lễ cưới. Cưới xong, cả hai vợ chồng đều không có dục

ý nên mỗi người ở riêng một phòng. Cha mẹ biết được bèn dẹp một phòng bắt hai người phải ở chung.

Ca-diếp bảo: Khi ta ngủ thì nàng đi kinh hành, khi nàng ngủ thì ta đi kinh hành.

Tâm ý của chồng vợ đều rất chán ghét thế gian, nên mong cầu xuất gia. Liền bỏ việc nhà vào sâu chốn rừng núi. Dạ nghĩ miệng nói rằng: "Chư Phật Như Lai đều xuất gia tu đạo, nay ta cũng theo Phật xuất gia." Liền mặc áo hoại sắc, cạo bỏ râu tóc. Trên không trung Thiên thần bảo rằng: Đức Thích-ca Như Lai hiện cùng một ngàn hai trăm năm mươi vị A-la-hán đang ở tại vườn Trúc trong thành Vương xá.

Ca-diếp nghe xong liền đi về phía vườn Trúc. Phật thì đi ngược lại. Đến thôn Bạt-kỳ gặp Phật, ngài dâng lên Phật y báu, Phật trao cho ngài đại y Phấn tảo. Khi mới nghe Tăng thượng giới, định, tuệ liền được vô lậu, lúc đó ngài đã được một trăm hai mươi tuổi. Vợ ngài lần hồi cũng được quả A-la-hán. Ngài Ca-diếp thọ pháp khất thực tu mười hai hạnh Đầu-đà đến già không bỏ.

Ngài thường bảo rằng: "Ta nhận được y Phật luôn tưởng thầy tưởng tháp, chưa từng ngã đầu vào gối huống là nằm ngủ, vì đại y ấy luôn sách tấn ta."

Phật bảo rằng: Nay thầy đã già các căn suy yếu, vậy hãy bỏ việc khất thực và nhận trường y.

Ca-diếp thưa: Con nguyện trọn đời tu hạnh Lan-nhã (Hán dịch là Tịch Tịnh Xứ là một trong mười hai hạnh Đầu-đà).

Phật bảo: Tốt lắm! Nếu Ca-diếp ở đời tu hạnh Đầu-đà thì pháp ta sẽ còn trụ lâu.

Ngài Ca-diếp tu Đầu-đà đã lâu, tóc dài y bẩn. Khi đến chỗ Phật thì các Tỳ-kheo đều khinh dễ. Phật bèn nhường nửa ghế bảo ngài ngồi. Ca-diếp không dám. Phật liền rộng khen công đức của Ca-diếp không khác chi Phật sao chẳng chịu ngồi. Các Tỳ-kheo nghe thế đều kinh hãi. Phật nhân đó nói tích xưa. Xưa có vua Văn-kiệt-đà (Phụ Hành nói là Đảnh Sinh Vương) tài giỏi tuyệt luân. Trời Đế Thích khâm phục đức của vua liền dẫn một ngàn ngựa xe ra cung khuyết đón vua lên trời, chia ghế cùng ngồi, cùng hưởng vui thú, xong lại đưa vua về cung. Xưa ngài Ca-diếp đem tòa sinh tử mời ta cùng ngồi. Nay ta đã thành Phật nên lấy tòa chánh pháp để đáp lễ xưa. Ngài Ca-diếp ngồi chung với Phật. Lúc đó hàng trời người đều gọi ngài là thầy Phật. Ngài Ca-diếp liền sụp dưới chân Phật lớn tiếng bảo rằng: Phật là thầy ta, ta là đệ tử của Phật (v.v...).

Ở thành Tỳ-da-ly có một Trưởng giả tên là Duy-ma-cật, phương tiện thị hiện có bệnh để làm lợi ích chúng sinh.

Phật bảo ngài Đại Ca-diếp: Ông hãy đến thăm bệnh ông Duy-ma-cật.

Ngài Ca-diếp thưa: Con không thể đến thăm bệnh được. Vì sao? Con nhớ thuở xưa khi con vào thôn nghèo khất thực, ngài Duy-ma-cật đến bảo con rằng: “Dùng một bữa ăn phải thí cho tất cả, cúng dường chư Phật và chúng Hiền Thánh, sau rồi mới ăn. Người ăn như thế không có phiền não, không lìa phiền não, không nhập định ý, không ra khỏi định ý, không trụ thế gian, không trụ Niết-bàn. Người thí vậy ấy, không có phước lớn, không có phước nhỏ, không giúp ích, không làm hại. Đó là vào ngay Phật đạo, không nương Thanh văn. Này Ca-diếp! Ăn như thế mới là người không ăn uổng của thí.” Khi con nghe lời ấy rồi thì con hết sức kính phục Bồ-tát, lại không khuyên người tu hạnh Thanh văn, Bích-chi-phật. Thế nên con không thể đến thăm bệnh được. (Kinh Duy-ma)

Ở hội Pháp hoa, Đức Thế Tôn bảo ngài Xá-lợi-phất rằng: Diệu pháp như thế chư Phật Như Lai lúc đó mới nói.

Khi đó ngài Xá-lợi-phất hiểu rõ các pháp đã nói ấy. Đức Thế Tôn bèn thọ ký ở vị lai thầy sẽ làm Phật hiệu là Hoa Quang.

Lại bảo ngài Xá-lợi-phất rằng: Nay phải dùng ví dụ để nói rõ nghĩa này.

Bèn nói: Một trưởng giả nọ có căn nhà lớn đang bùng cháy dữ dội. Trưởng giả phương tiện khuyên dỗ các con lấy ba thứ xe dê, xe nai, xe bò và các thứ đồ chơi đẹp để dẫn chúng ra khỏi nhà lửa. Sau đó mới ban cho một xe trâu trắng thật lớn. Như Lai cũng thế.

Đầu tiên nói ba thừa để dắt dẫn chúng sinh, sau chỉ dùng Đại thừa mà độ thoát. Lúc đó bốn đại Thanh văn Ca-diếp... đều hiểu ý chỉ này bèn nói ví dụ cùng tử. Bảo rằng chúng con như kẻ cùng tử bỏ cha đi mất hơn năm mươi năm, sau mới gặp lại nhưng ý chí thấp kém, nên trong suốt hai mươi năm sai dọn dẹp phân.

Từ đó trở đi mới tin tâm tương thể, kết tình cha con, chính thức nhận lãnh gia nghiệp. Tự nói bọn chúng con từ xưa đến nay chỉ ham pháp Tiểu thừa. Thế Tôn dùng sức phương tiện nói trí tuệ Như Lai, nay con mới biết. Thế Tôn đối với trí tuệ Phật không hề lẫn tiếc. Thế nên bọn chúng con nói vốn không có tâm mong cầu. Nay đại bảo của Pháp vương tự nhiên mà đến, như chỗ Phật tử mong được thì nay đã được. Thế nên Thế Tôn lại bảo Ca-diếp nói dụ Dược Thảo kể rõ sự hiểu biết

của mình.

Rồi bảo rằng ở vị lai thầy sẽ được làm Phật hiệu là Quang Minh (kinh Pháp Hoa, đây là Phó pháp chung). Phật bảo các Tỳ-kheo rằng: Bao nhiêu chánh pháp vô thượng nay ta đều phó chúc cho Ca-diếp, Ca-diên sẽ là chỗ y chỉ lớn cho các ông (kinh Niết-bàn, đây là phó pháp riêng, A-nan Vấn Kinh nói: Ta nhập Niết-bàn rồi, Đại Ca-diếp sẽ là chỗ y chỉ lớn cho các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni như ta không khác).

Lúc đó ngài Đại Ca-diếp cùng năm trăm đệ tử đang ở tại núi Kỳ-xà-quật, cách thành Câu-thi năm mươi do-tuần. Ngài Ca-diếp trong bữa ăn trưa thì bỗng tâm hồi hộp, thân run rẫy, từ định xuất ra thấy đất động mạnh, liền biết Như Lai đã nhập Niết-bàn. Liền dắt đệ tử về thành Câu-thi, đến chỗ Kim quan của Phật. Như Lai đại Bi thương xót Ca-diếp nên nắp Kim quan tự mở, hiện bày thân vàng ròng bền chắc.

Ngài Ca-diếp buồn thương nghẹn ngào, rẩy nước thơm vào thân quấn chặt ngàn xấp lụa trắng. Nắp Kim quan đóng lại. Ngài Ca-diếp nói kệ, thì đôi bàn chân của Như Lai có tướng ngàn căm hiện ra ngoài Kim quan. Ca-diếp đảnh lễ khen ngợi đôi chân Kim cang, xong rồi đôi chân thụt vào. Từ lồng ngực Phật lửa bùng lên bao phủ Kim quan và thiêu cháy dần, trải suốt bảy ngày đêm lầu thơm mới tắt (phần sau kinh Niết-bàn - Ngài Ca-diếp cùng các đệ tử đi về thành Câu-thi, giữa đường gặp một Phạm chí cầm hoa Mạn-đà-la bảo rằng: Thế Tôn đã nhập Niết-bàn được bảy ngày rồi, tất cả trời người đều đến cúng dường. Tôi từ nơi ấy mà được hoa này, rút từ kinh Phó Niết-bàn).

Lễ trà-tỳ Phật mới được bảy ngày thì Ca-diếp bảo năm trăm vị A-la-hán đi khắp mười phương mời tất cả A-la-hán, có đến tám ức tám ngàn vị cùng đến tập hội ở rừng Song thọ để nghe pháp ngôn (kinh Bồ-tát Xử Thai). Lúc đó gặp mùa Hạ an cư. Ngày rằm đầu tiên, Ca-diếp cùng một ngàn A-la-hán ở tại thành Vương xá kết tập ba tạng. Vua A-xà-thế mỗi ngày cúng dường một ngàn phần ăn suốt cả mùa Hạ (Trí Luận). Ngài Ca-diếp hoằng trì chánh pháp đến hai mươi năm (nhằm năm thứ tám, Nhâm Thìn, đời Chu Ý Vương), rồi mới phó chúc pháp tạng cho A-nan. Trước ngài lễ bốn tháp (bốn chỗ xuất gia, thành đạo, chuyển pháp luân, nhập Niết-bàn mỗi nơi đều có xây tháp bảy báu), kế lễ tám tháp (vua tám nước xây tháp thờ Xá-lợi). Sau đó vào Long cung lễ tháp ria Phật, tiếp đó là bay lên trời lễ tháp thờ răng Phật. Đến từ giả vua A-xà-thế thì gặp lúc vua đang nghỉ. Liền đến núi Kê túc (ba đỉnh núi này như chân gà ngữa ra, tức là núi Linh thứu), ngài lấy cỏ trải làm tòa ngồi và phát ba lời nguyện:

1. Nguyện thân này và y bát đang có đây đều không hư hoại đợi đến khi ngài Từ thị hạ sinh.

2. Nguyện khi nhập diệt tận định rồi thì ba ngọn núi họp lại thành một.

3. Nguyện nếu A-nan hoặc vua A-xà-thế có đến thì núi tạm mở ra.

Khi ấy vua A-xà-thế nằm mộng thấy rường nhà bị gãy. Thức dậy vua than thở thương tiếc liền đến ngay núi Kê túc thì thấy toàn thân ngài Ca-diếp đang nghiễm nhiên nhập định. Vua khóc òa rồi chất các gỗ thơm định làm lễ trà-tỳ.

Ngài A-nan bảo vua: Ngài Ca-diếp nhập định trụ thân để đợi Phật Di-lặc, chớ nên thiêu.

Vua cúng dường xong liền trở về bản quốc, ba ngọn núi họp lại như cũ. Đến sau ba hội của ngài Từ Thị, có vô lượng chúng sinh kiêu mạn cùng lên núi này. Ngài Từ Thị búng tay thì núi liền mở ra. Ngài Ca-diếp bèn trao y lại cho ngài Từ Thị và chí thành kính lễ, xong liền bay lên hư không hiện các thần biến và hóa lửa đốt thân rồi nhập tịch diệt (kinh Phó Pháp Tạng, Mai Khê tập, ngài Kinh Khê nói với Phật Tuệ Tuyền Thiền sư rằng: Việc Thế Tôn cầm hoa rút từ điển nào? Sư Tuyền đáp rằng: Tạng Kinh không ghi. Ngài bảo: Trong khoảnh khắc ở tại vườn Hàn lâm ngẫu nhiên gặp được Đại phạm vương hỏi Phật để quyết nghi ba quyển kinh. Có người bảo rằng Phạm vương ở tại hội Linh sơn lấy hoa Kim sắc ba-la dâng lên thỉnh Phật nói pháp. Thế Tôn bước lên tòa cầm hoa đưa ra trước chúng, cả trăm vạn trời người đều không hiểu ý, riêng có Ca-diếp mỉm cười. Đức Thế Tôn bảo: Ta có Chánh pháp nhãn tạng Niết-bàn Diệu tâm giao phó cho Ca-diếp).

Lời thuật rằng: Diệu Kinh nói rằng: Thế Tôn mở sáng Đại Pháp, Ca-diếp hiểu rõ, đây là nghĩa chung về Phó pháp. Kinh Niết-bàn nói: “Phật bảo các Tỳ-kheo: “Bao nhiêu chánh pháp vô thượng nay ta đều phó chúc cho Ca-diếp.” Hậu phần kinh Niết-bàn lại bảo: “Ca-diếp đến chỗ Kim Quan của Phật nói kệ. Phật hiện ra đôi bàn chân.” Kinh A-nan Vấn nói: Phật sắp nhập Niết-bàn bảo Ca-diếp rằng: “Hãy nên làm chỗ Đại y chỉ cho bốn chúng...” Các văn như thế đều ở Niết-bàn, tức là nghĩa riêng của phó pháp. Chung thì cả đại chúng đều hiểu rõ, còn riêng thì chỉ một mình Ca-diếp nắm giữ. Nay Niết-bàn phó chúc chính là ở nghĩa riêng, tức là các Tổ truyền nhau giữ gìn không dứt. Như có người lấy sự hiểu rõ Pháp Hoa làm phó pháp thì chỉ là được cái ý chung mà thôi.

Tổ thứ 2: A-nan-đà (Ananda)

Ngài sinh vào ngày tám tháng hai đúng ngày Phật thành đạo, ngài là em của Điều-đạt, con thứ hai của chú Phật là Bạch Phạn Vương (A Nan-đà Hán dịch là Khánh Hỷ, nói việc vua và cả nước đều vui mừng khi mới sinh ngài). Ngài mặt đẹp như trăng tròn, mắt như hoa sen xanh. Năm lên tám ngài theo Phật xuất gia, được Bạch Tứ Yết-ma thọ Cụ túc giới, là hàng đa văn bậc nhất. Năm ba mươi mốt tuổi ngài làm thị giả Phật, nghe nhớ pháp tạng.

Đến hội Pháp hoa Phật bảo A-nan rằng: Ở đời sau ông sẽ được làm Phật hiệu là Sơn Hải Tuệ Tự Tại Thông Vương.

Lại bảo các Bồ-tát rằng: Ta và A-nan ở chỗ Phật Không Vương đồng lúc phát tâm Bồ-đề, nhưng A-nan thường ham học rộng (đa văn), còn ta thường chuyên cần tinh tấn. Thế nên nay ta đã chứng Bồ-đề mà A-nan lại hộ trì pháp ta, cũng hộ trì pháp tạng của chư Phật đời vị lai. Sau khi Phật diệt độ thì ngài Đại Ca-diếp kết tập pháp tạng tuyển chọn một ngàn vị A-la-hán, bảo ngài A-nan lên tòa Sư tử tuyên nói các kinh. Khi ngài Ca-diếp sắp nhập diệt thì đem pháp tối thắng phó chúc lại cho ngài A-nan và nói rằng: Thuở xưa Phật Định Quang còn làm Sa-môn có nuôi một Sa-di thường bảo đọc kinh, nếu đọc thiếu sót liền quở trách. Lúc đó Sa-di khất thực nuôi thầy, nếu kinh không thuộc thì lại bị thầy quở trách rất dữ. Thầy Sa-di buồn khổ vừa đi vừa đọc. Lúc đó có vị Trưởng giả hỏi biết sự tình liền bảo thầy Sa-di chớ buồn lo nữa. Từ đây trở đi ta sẽ luôn cúng dường đầy đủ. Bấy giờ thầy Sa-di không đi khất thực nữa, chuyên tâm đọc tụng kinh rất đầy đủ. Thầy Sa-di thuở ấy tức là Thế Tôn đây, còn vị Trưởng giả nuôi ăn kia tức là A-nan. Vì phước duyên này nên trí tuệ thâm diệu nghe nhiều nhớ giỏi (thuật rằng Sa-di học kinh tất có lợi nhớ dai, còn Trưởng giả nuôi ăn cũng có công chuyên về học nhiều. Cho nên tin vào việc làm thiện làm ác ở đời, việc làm xong tất có quả báo, khí phần chiêu cảm đâu tránh được).

Ngài A-nan đi du hóa khoảng hai mươi năm, thường đến Trúc lâm (tức chùa Trúc lâm ngoài thành Vương xá). Một hôm ngài nghe Tỳ-kheo đọc kệ rằng:

Nếu người sống trăm năm
Không thấy lão hạc nước
Không bằng sống một ngày
Mà được thấy rõ ràng.

Ngài buồn thảm bảo: Đây không phải là kệ Phật, phải đọc như vầy:

Nếu người sống trăm năm
Không hiểu pháp sinh diệt
Không bằng sống một ngày
Mà hiểu biết rõ ràng.

Tỳ-kheo đem hỏi thầy. Thầy bảo: "A-nan già cả lẩm cẩm nói không đáng tin."

Sau đó ngài A-nan vẫn nghe Tỳ-kheo kia đọc kệ như trước. Bèn tự nghĩ: "Nay Tỳ-kheo này không nghe lời dạy của ta, thì ở đời vô ích. Phải nên nhập diệt thôi."

Liền đến vua A-xà-thế nhưng gặp lúc vua nghỉ. Vua nằm mộng thấy cây lọng bị gãy liền kinh sợ tỉnh giấc. Kẻ hầu thưa rằng: Ngài A-nan sắp nhập diệt có đến đây tìm gặp. Vua òa khóc hỏi hiện ngài đang ở đâu?

Đáp rằng: Ngài đi về hướng nước Tỳ-xá-ly. Vua liền điều động bốn loại binh mã (voi, ngựa, xe, bộ) đuổi theo đến sông Hằng, thì ngài A-nan đã ngồi thuyền ra đến giữa sông.

Vua đảnh lễ thưa rằng: "Bậc đèn sáng ba cõi, xin chớ nhập Niết-bàn."

Khi ấy có năm trăm tiên nhân ở núi Tuyết quán thấy A-nan sắp nhập Niết-bàn liền cùng bay lên hư không đến cầu xin xuất gia. Ngài A-nan liền biến sông Hằng thành đất vàng ròng và nói pháp, các tiên nhân nghe xong đều chứng A-la-hán, rồi cùng nhập diệt (tức Mạt-điền-địa năm trăm tiên nhân...). Ngài A-nan vọt thân lên hư không hiện mười tám thứ thần biến rồi nhập Phấn tấn Tam-muội và chia thân làm bốn phần: Một phần cho Thích Đề-hoàn Nhân, một phần cho Long vương Ta-già, một phần cho con của Tỳ-xá-ly, một phần cho vua A-xà-thế. Cả bốn nơi đều xây tháp cúng dường Xá-lợi (thấy trong các kinh: Pháp Hoa, Phó Pháp Tạng, Đại Luận, Văn Cú, Diệu Lạc...).

Tổ thứ 3: Thương-na Hòa-tu (Sanakavasa) và Mạt-điền-địa.

Ngài là Trưởng giả ở thành Vương xá. Đời quá khứ là một Thương chủ, giữa đường gặp một vị Bích-chi-phật bị bệnh nặng liền xin thuốc trị bệnh. Khi thấy áo ngài cũ xấu liền dâng cúng áo lông quý đẹp. Bích-chi-phật bảo: "Áo Thương-na này (hoặc dịch là Áo cỏ. Ở Tây Vức có cỏ Cửu chi tú, nếu có các La-hán sinh ra thì cỏ này mọc trên đất sạch) dùng để xuất gia thành đạo, nên phải mặc áo này mà nhập diệt."

Ngài liền bay lên không trung hiện mười tám thứ thần biến, rồi nhập Niết-bàn. Thương-na thương tiếc chất gỗ thơm để trà-tỳ và xây

tháp cúng dường Xá-lợi. Nguyện ở đời sau có công đức, oai nghi và y phục như ngài ấy không khác. Do nguyện lực này mà suốt năm trăm đời thân trung ấm luôn mặc áo thương na này. Đến thân sau cùng thì khi mới sinh ra trên mình đã có áo này, áo cùng lớn theo thân. Khi xuất gia thì áo biến thành pháp phục, khi thọ giới Cụ túc thì áo cũng có chín điều. Nhân đó gọi là Thương-na Hòa-tu (theo Tây Vức Ký thì từ nước Phạm Diễn-na đi sang núi Tuyết, ở phía Đông có một Già-lam chứa áo Thương-na chín điều có ráng màu đỏ. Khi ngài Thương-na nhập diệt đã để lại áo này và bảo đệ tử rằng: Khi pháp diệt mất thì áo này mới hư nay thấy áo đã hư hỏng nhiều).

Thuở xưa Như Lai đi sang nước Ma-đột-la thấy rừng cây xinh tươi liền bảo A-nan rằng: "Sau khi ta diệt độ sẽ có Tỳ-kheo Thương-na Hòa-tu ở trong núi này mà xây dựng Tăng-già-lam, thuyết pháp giáo hóa". Sau đó Thương-na đã vào biển nhặt được nhiều châu báu nên đến Trúc lâm mở hội Đại thí. Nghe Phật Thế Tôn, Ca-diếp, Mục-liên đều đã diệt độ, liền trịnh trọng bày lễ Bát- Giá-ư-sắc (Hán gọi là Hội thí năm năm một lần) và tạo dựng lầu cửa...

Ngài A-nan bảo: Ông đã tài thí, nay lại pháp thí. Vậy hãy xuất gia học đạo lợi ích chúng sinh.

Thương-na đáp rằng: Rất đúng nguyện của con.

Ngài A-nan liền độ cho xuất gia và thành A-la-hán.

Xong ngài bèn đến núi Mạn-đà dùng Từ Tam-muội mà hóa độ cho hai con Độc long và xây dựng thiền thất. Ngài lại đến núi Bạch tượng ở nước Kế Tân ngồi yên nhập định. Lúc đó, đệ tử ngài là Ưu-ba-cúc-đa có năm trăm đệ tử cũng còn bị sinh tử kiêu mạn cống cao. Cúc-đa liền nhập Tam-muội quán thấy mình không có duyên với họ. Chỉ có thầy mình mới hóa độ được. Bèn chí tâm nghĩ đến Thương-na Hòa-tu. Ngài liền dùng thần lực từ trên không bay xuống áo quần dơ xấu đến ngồi trên tòa Cúc-đa. Đám đệ tử nổi giận hỏi người nào bẩn thỉu mà dám ngồi ở tòa của thầy ta? Bèn đến bạch thầy. Cúc-đa lật đật đến phòng sụp lạy thưa: "Đệ tử nghĩ rằng thầy luôn có đức tướng trang nghiêm". Thương-na liền chỉ lên hư không thì hương và sữa rơi xuống như núi cao và suối chảy. Cúc-đa không hiểu là Tam-muội gì. Thương-na bảo đây là Long phấn tấn Tam-muội. Như thế lần lượt có đến năm trăm thứ Tam-muội đều không biết và Thương-na đều giải thích. Lại bảo Cúc-đa rằng: "Tam-muội của Như Lai thì ngài Mục-liên không biết, Tam-muội của ngài Mục-liên thì các Thanh văn khác không biết, Tam-muội của A-nan thầy ta thì ta không biết, nay Tam-muội của ta thì ông cũng

không biết. Sau khi ta Niết-bàn rồi thì có bảy vạn bảy ngàn kinh Bản Sinh, một vạn tạng A-tỳ-đàm, tám vạn Tỳ-ni Thanh Tịnh đều diệt mất theo ta". Lúc đó các đệ tử đều rất hối tiếc tự trách. Ngài Thương-na nói pháp họ đều chứng quả A-la-hán. Ngài liền bay lên hư không hiện mười tám thứ thần biến rồi nhập Niết-bàn. Ngài Cúc-đa chất gỗ thơm để hỏa tà-tuần (tà-tuần là tiếng Phạm tức ý nói hỏa thiêu) rồi nhặt Xá-lợi và xây tháp cúng dường (kinh Phó Pháp Tạng).

Mạt-điền-địa (Đệ tử Kế của A-nan)

Ngài là người đứng đầu nhóm năm trăm Tiên nhân ở núi Tuyết. Khi ngài A-nan sắp nhập Niết-bàn thì ngài đến sông Hằng. Đất ở đây rúng động mạnh. Các tiên biết được bèn bay đến và cầu xin xuất gia. Ngài A-nan liền hóa nước sông đặc lại thành đất vàng ròng. Cả năm trăm Tiên nhân đều xuất gia và thành A-la-hán (Mạt-điền-địa, Hán dịch là Trong, vì các Tiên ở trong sông này mà được giới). Khi ấy ngài Mạt-điền-địa muốn nhập Niết-bàn trước. Ngài A-nan phó chúc rằng: Phật thọ ký cho ông đến ở nước Kế Tân xây dựng Phật pháp. Sau khi ngài A-nan Niết-bàn rồi thì Mạt-điền-địa đến nước Kế Tân hàng phục rồng dữ và giữ gìn Phật pháp. Khi sắp nhập Niết-bàn thì ngài bay lên hư không hiện mười tám thứ thần biến sau đó bèn nhập diệt (kinh Phó Pháp Tạng).

Tổ thứ 4: Ưu-ba-cúc-đa (Upagupta)

Ngài là người nước Ma-đột-la, dung mạo đoan chánh thông minh tài giỏi. Lúc đầu ngài Thương-na Hòa-tu dạy cho ngài về pháp hệ niệm. Nếu nghĩ việc ác thì vạch xuống đá một vệt đen, nghĩ việc thiện thì vạch một điểm trắng. Cúc-đa theo lời dạy mà nhiếp niệm. Lúc đầu điểm đen nhiều hơn, sau đen trắng bằng nhau, đến cuối ngày thứ bảy thì toàn điểm trắng. Ngài Thương-na bèn nói cho Tứ Thánh đế, ngay khi đó liền chứng quả Tu-đà-hoàn. Lúc bấy giờ trong thành có một dâm nữ tên là Bà-tu-mật, nghe đồn Cúc-đa hình dung đẹp đẽ liền cho người đến mời nhưng Cúc-đa không chịu. Có con trai một vị Trưởng giả là người quen cũ của dâm nữ, làm lái buôn từ xa về mang nhiều châu ngọc đến muốn giao tình cùng cô nàng. Dâm nữ tham châu báu nên giết chết anh con trai ấy rồi đem chôn trong nhà. Người nhà ông Trưởng giả đến tìm kiếm, đào đất lên bắt gặp, liền thưa lên vua. Vua bắt dâm nữ chặt hết tay chân, xẻo tai cắt mũi, rồi đem bỏ trên gò hoang. Ngài Cúc-đa đi giáo hóa đến gặp dâm nữ.

Bà-tu-mật nói: Khi tôi hình dung còn đẹp mời ngài chẳng đến,

bây giờ nhan sắc tiêu tan đến đây làm gì?

Đáp rằng: Ta nhìn thấy thật tướng của nàng mà đến chứ nào phải vì dục tình. Nàng vốn dùng sắc đẹp để mê hoặc chúng sinh, khác nào chiếc bình sơn vẽ đẹp mà toàn đựng đồ dơ thúi, người trí biết rõ trọn không ham thích. Nay nàng hãy quán kỹ sắc này vô thường là nơi chứa nhóm các khổ chỉ như ghẻ lở. Vậy nên phương tiện mà cầu giải thoát.

Dâm nữ tâm được khai ngộ liền chứng Pháp nhãn tịnh, nên khi chết liền được sinh lên trời. Nhân đó Cúc-đa quán sát các pháp là khổ, không, vô thường, liền chứng được quả A-na-hàm.

Lúc mới đầu, khi Cúc-đa gặp ngài Thương na cầu xin xuất gia, ngài hỏi: Năm nay ông bao nhiêu tuổi?

Đáp rằng: Con mười bảy tuổi.

Thương-na lại hỏi: Thân ông mười bảy hay tánh ông mười bảy?

Cúc-đa đáp: Thầy tóc bạc, vậy tóc thầy bạc hay tâm thầy bạc?

Thương-na biết đó là hàng Pháp khí liền độ cho đi xuất gia, thọ giới Cụ túc xong liền chứng A-la-hán.

Thương-na bảo: Phật thọ ký cho ông một trăm năm sau là hàng tọa thiền bậc nhất, giáo hóa nhiều chúng sinh.

Cúc-đa nghe lời dạy liền tập họp chúng thuyết pháp. Ma vương Ba-tuần hóa làm voi trắng trang sức bảy báu, lại hiện ra gái đẹp mỹ miều khiến đại chúng nhìn thấy không chú tâm nghe pháp. Cúc-đa biết là ma hiện ra, liền lấy ba thây chết của rắn, chó, người hóa làm tràng hoa đem đeo vào cổ ma thì hiện lại thành thây chết sình rã đầy dòi tửa, ma dùng hết thần lực cởi ra không được. Liền bay lên không trung hỏi các trời.

Trời Phạm thiên bảo: Bị sức Thần thông của đệ tử Phật đâu thể cởi ra được. Ngươi nên quy y Tôn giả, ngài tha cho thì cởi ra được.

Ma Ba-tuần bèn đến chỗ Tôn giả, rạp mình cúi lạy cầu xin ngài cởi dùm ba thây chết.

Tôn giả bảo: Ngươi đừng phá hoại chánh pháp nữa thì ta cởi cho.

Ma thưa: Xin vâng. Tôn giả liền cởi ba thây chết ra.

Cúc-đa luôn hận mình không được gặp Phật liền hỏi ma: Ngươi thấy tướng Phật ra sao có hiện ra được chăng?

Ma đáp: Được. Ngay đó trước khu rừng lớn thấy một hình Phật hiện ra tướng hảo rực rỡ như một núi vàng ròng, ánh sáng chiếu khắp mười phương, Phạm vương, Đế Thích theo hầu Cúc-đa vui mừng bất giác sụp lạy.

Ma hiện lại nguyên hình bảo: "Tôi là kẻ phàm phu, đâu đáng để

bậc Thánh lạy!”

Đến ngày thứ tư thì ma hiện xuống, lớn tiếng thông báo đến tất cả rằng: “Ai muốn được giàu sang sung sướng, sinh làm trời người hoặc muốn cầu Niết-bàn là nơi an ổn bậc nhất, nay không còn gặp Đức Như Lai đại Bi nói pháp nữa, tất cả hãy đến chỗ Tôn giả Cúc-đa để nghe diệu pháp mà chí tâm tu hành.”

Khi ấy tất cả nam nữ trong thành đều tụ họp và tùy căn cơ mà ngài nói các pháp, có trăm ngàn chúng sinh đều được quả Tu-đà-hoàn, một vạn tám ngàn người thành A-la-hán. Khi đó vua A-thứ-ca (tức vua A-dục) nghe Tôn giả đang ở núi Ưu-đà nói pháp cho đại chúng, bèn sai sứ đến thưa là vua muốn đến thăm hỏi. Tôn giả lấy cớ là nơi quê mùa hiểm trở, nên đích thân đến thành Hoa thị rờ đầu vua mà nói kệ, nêu rõ ý chỉ: Nơi nào ngày xưa Như Lai có đến hoặc trú ngụ đều nên xây tháp. Cúc-đa hóa độ chúng sinh nếu ai cả vợ chồng đều chứng quả La-hán thì bỏ một cái thẻ bốn tấc. Số thẻ này chất đầy trong một nhà bằng đá cao một trượng sáu, dài rộng cũng thế, thần thông và giáo hóa của ngài không khác chi Phật. Chỉ ngài thiếu ba mươi hai tướng. Nên đời gọi ngài là Phật không tướng hảo.

Khi hóa duyên đã mãn, ngài hiện mười tám thứ thần biến rồi diệt độ, đồ chúng lấy thẻ trong nhà đá làm lễ trà-tỳ. Nhân dân gào khóc thu nhặt Xá-lợi và xây tháp cúng dường (kinh Phó Pháp Tạng).

Tổ thứ 5: Đề-ca-đa (Dhrtaka)

Ngài là người nước Ma-đột-la. Ban đầu khi Cúc-đa hóa duyên sắp xong có đến nhà một ông Trưởng giả, ông hỏi: Đại Thánh vì sao chỉ đi một mình?

Đáp: Ta là người xuất gia không có người hầu hạ, nếu có ai làm ơn xin chỉ dùm.

Trưởng giả nói: “Sau này sinh con, tôi sẽ cho theo hầu thầy.”

Sau sinh được trai tên là Đề-ca-đa, rất giỏi kinh luận. Ngài Cúc-đa đến hỏi và dắt về Tăng phòng độ cho xuất gia. Khi tròn hai mươi tuổi liền truyền giới Cụ túc. Ngày đầu tiên đoạn dứt các kết Kiến đế được quả Tu-đà-hoàn. Đến lần Yết-ma thứ nhất thì dâm, nộ, si mỏng hẳn chứng được quả Tư-đà-hàm, lần yết-ma thứ hai, các kết ở Dục giới đều dứt chứng được quả A-na-hàm, lần yết-ma thứ ba nhanh chóng dứt hẳn phiền não ba cõi, kiến lập phạm hạnh thành A-la-hán, ba minh chiếu xa, sáu thông đầy đủ, đi đứng ẩn hiện tự tại vô ngại.

Ngài Cúc-đa bảo rằng: Giờ nhập Niết-bàn của ta đã đến, nay phó

chúc cho ông pháp bảo này, ông nên truyền bá rộng rãi.

Về sau Đề-ca-đa hóa độ thế gian và nhập Niết-bàn ở vùng Trung Ấn Độ. Trời người buồn thương thu nhặt Xá-lợi xây tháp thờ ở núi Ban-trà (kinh Phó Pháp Tạng).

Tổ thứ 6: Di-giá-ca (Miccaka)

Ngài thuộc người Trung Ấn Độ, là vị đứng đầu của tám ngàn Tiên nhân, học rộng hiểu nhiều có đại biện tài. Ngài đến gặp Đề-ca-đa nói rằng: Ngày xưa cùng thầy sinh cõi Phạm thiên. Con bỗng gặp A-tư-đà dạy cho phép Tiên, còn thầy gặp được đại Thiện tri thức tu tập Phật đạo, từ đó khác đường đến nay đã được sáu kiếp. Vị Tiên ấy thọ ký rằng sáu kiếp nữa con sẽ gặp bạn đồng học của con mà chứng được Thánh quả, vậy nay gặp đây không phải là túc duyên ư? Đề-ca-đa liền nói pháp cho nghe và chứng được Vô lậu. Các Tiên chúng không tin phục. Đề-ca-đa bèn hiện phép thần biến, khi đó toàn chúng mới tin phục và đều được đạo quả. Ngài Đề-ca-đa khi sắp nhập Niết-bàn liền phó chúc chánh pháp bảo rằng: Đức Phật phó chúc chánh pháp cho ngài Đại Ca-diếp và lần lượt truyền đến ta, nay ta phó chúc cho ông hãy nên truyền bá rộng rãi. Di-giá-ca tuân lời hoằng truyền chánh pháp, khai đạo Niết-bàn cho chúng sinh. Khi hóa duyên đã mãn bèn nhập Niết-bàn. Đại chúng thu nhặt Xá-lợi xây tháp cúng dường (kinh Phó Pháp Tạng).

Tổ thứ 7: Phật-đà Nan-đề (Buddha Nandi)

Ngài là người Bắc Thiên Trúc, tuệ sáng nói giỏi được kính phục nhất đương thời.

Lúc đầu, khi ngài Di-giá-ca mới đến nước ấy thấy trên bờ tường thành có đám mây ánh sắc vàng, liền khen rằng: “Dưới đó tất có bậc Đại sĩ có thể truyền nối chánh pháp”, bèn đến tìm.

Quả nhiên thấy ở cửa chợ có Phật-đà Nan-đề, liền bảo rằng: Thầy ta là Đề-ca-đa nói: Đức Thế Tôn lúc xưa khi đi đến vùng Bắc Ấn này đã nói với A-nan rằng: Cách ba trăm năm sau khi ta diệt độ, sẽ có một Thánh nhân tên là Phật-đà Nan-đề ở đây hoằng pháp.”

Nan-đề thưa: Con nhớ thuở xưa đã từng hiến tặng Như Lai một bảo tòa, nhân đó ngài đã thọ ký cho con là ở Hiền kiếp trong pháp Đức Thích-ca sẽ hoằng truyền chánh pháp, nay rất phù hợp với lời thầy.

Bèn cầu xin xuất gia. Khi vừa nghe nói pháp liền được bốn quả. Khi ngài Di-giá-ca sắp nhập Niết-bàn liền đem chánh pháp phó chúc để ngài truyền bá rộng rãi. Sau khi thấy hóa duyên đã mãn ngài Nan-

đề bèn nhập Niết-bàn. Đồ chúng thu nhặt Xá-lợi xây tháp cúng dường (kinh Phó Pháp Tạng).

Tổ thứ 8: Phật-đà Mật-đa (Buddha Mitra)

Ngài người nước Đề-già, có đức lực sâu chắc khéo giáo hóa quần sinh. Lúc đầu, khi ngài Nan-đề đi hành hóa đến nước ấy thấy nhà nọ có ánh sáng trắng, liền bảo đồ chúng rằng: "Trong đây có vị Thánh nhân có miệng mà không nói, có chân mà không đi", rồi cùng đến nhà ấy.

Vị Trưởng giả nhà ấy hỏi: Vì sao đến đây?

Nan-đề đáp: Ta đến tìm đệ tử.

Trưởng giả nói: Tôi có đứa con nay đã năm mươi tuổi không nói không đi, đâu thể theo hầu?

Nan-đề bảo: Đúng thật là đệ tử của ta.

Mật-đa bỗng trỗi dậy đảnh lễ, đi bảy bước, xong miệng nói kệ rằng:

Cha mẹ ta không thân
Ai là kẻ thân nhất?
Chư Phật chẳng đạo ta.
Ai là người tột đạo?

Ngài Nan-đề nói kệ đáp:

Ngươi nói cùng tâm thân
Cha mẹ không thể sánh.
Hạnh ngươi cùng đạo hợp
Chư Phật chính là tâm
Ngoài nói có tướng Phật
Cùng ngươi không giống nhau.
Muốn biết bản tâm ngươi
Không hợp cũng không lìa.

Ngài lại bảo rằng: "Người này thuở xưa đã từng gặp Phật, lòng Từ bi rộng lớn nghĩ đến cha mẹ tình thương khó bỏ nên chẳng đi chẳng nói."

Trưởng giả liền cho xuất gia và chứng đạo quả. Rồi đi hoằng hóa chánh pháp. Lúc đó có vị quốc vương tôn thờ ngoại đạo khinh hủy Tam bảo. Ngài Mật-đa muốn đến điều phục bèn đích thân cầm cây phướn đỏ đi trước vua suốt mười hai năm.

Sau vua hỏi: Đây là người nào?

Đáp rằng: Ta là bậc trí giỏi nghị luận.

Vua liền triệu tập các Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ cùng lên điện

Chánh thắng để nghị luận cùng một Sa-môn. Ngài Mật-đa lên tòa nghị luận như nước chảy. Người trí cạn nói một tiếng liền bị bẻ, kẻ thông biện nói đến câu thứ hai thì hết lời. Nhà vua đích thân biện bác, nhưng vừa mở lời liền bị khuất phục. Vua liền hồi tâm trở lại làm Phật tử. Bấy giờ trong nước có ông Ni-càn hủy báng chánh pháp, giỏi về toán số (bói toán) (Ni-càn, Hán dịch là Tự Ngạ Ngoại Đạo). Ngài Mật-đa đến hóa độ, lấy các số thuật của Ni-càn thường đem ra để chửi bới làm nhục Phật mà bảo rằng: Ngươi nay tạo tội tất phải đọa địa ngục, không tin hãy bói thử xem.

Ni-càn liền bói thì biết phải đọa địa ngục, liền bạch Tôn giả rằng: “Làm thế nào con khỏi được tội này?”

Ngài Mật-đa nói: “Ngã từ đất thì từ đất đứng dậy. Ngươi phải quy y Phật thì tội này mới có thể hết.”

Bấy giờ Ni-càn nói năm trăm bài kệ để khen ngợi Như Lai hầu chuộc lại lỗi xưa. Ngài Mật-đa bảo: “Ngươi đã tạo thiện nghiệp tất được sinh lên trời, không tin hãy bói xem.”

Ni-càn gieo quẻ tự biết mình đã hết tội được sinh lên trời, rất vui mừng, bèn cùng năm trăm người đều xin xuất gia. Khi hóa duyên đã hết ngài Mật-đa liền nhập Niết-bàn. Chúng đệ tử đem toàn thân nhập tháp cúng dường (kinh Phó Pháp Tạng).

Tổ thứ 9: Hiếp Tỳ-kheo (Parsvika)

Ngài là người Trung Ấn Độ. Do nghiệp đời trước nên ngài ở trong thai mẹ sáu mươi năm, khi sinh ra thì râu tóc đều bạc, chán ghét ngũ dục không thích ở nhà.

Người cha dắt đến gặp ngài Mật-đa thưa rằng: “Thằng này ở trong thai mẹ sáu mươi năm nên gọi là Nan Sinh. Từng gặp thầy tướng số nói nó là Pháp Khí, xin cho nó xuất gia.”

Đến ngày thọ giới thì đuốc rực sáng trên tòa, cảm được hai mươi mốt hạt Xá-lợi, bèn ngay ở trên tòa mà được quả A-la-hán. Ngài luôn tinh tấn khổ hạnh lưng không hề dính chiếu. Người thời đó gọi ngài là Hiếp Tỳ-kheo. Có một ngoại đạo thấy tay ngài phóng ra ánh sáng bên trong có ngầm chứa Kinh, liền bỏ tà quy chánh mà chứng được đạo quả. Khi hóa duyên đã xong. Ngài liền hiện mười tám thứ thần biến rồi nhập Niết-bàn. Đồ chúng thu nhặt Xá-lợi và dựng tháp cúng dường (kinh Phó Pháp Tạng).

Tổ thứ 10: Phú-na-dạ-xa (Punyayasac)

Ngài người nước Hoa Thị, trí thức sâu sắc học nhiều nhớ rộng. Lúc đầu, ngài Hiếp Tỳ-kheo đến nước ấy, tạm nghỉ dưới một cội cây liền chỉ đất nói rằng: "Nếu đất này biến thành vàng thì sẽ có Thánh nhân đến."

Nói xong thì quả nhiên đất thành vàng rồi thì ngài Dạ-xa đến. Bèn thâu làm đệ tử và phó chúc cho pháp tạng để phương tiện hóa độ chúng sinh. Khi việc làm đã xong thì ngài Dạ-xa liền nhập Niết-bàn. Đồ chúng thu nhặt Xá-lợi, xây tháp cúng dường (kinh Phó Pháp Tạng).

Tổ thứ 11: Mã Minh (Asvaghosha)

Ngài là dòng Bà-la-môn ở nước Tang-kỳ-đa thuộc Đông Thiên Trúc. Ngài dùng dao khắc vào gậy lời minh rằng: "Trong thiên hạ này kẻ trí nào thắng ta ta xin cắt đầu tạ tội."

Người các nước không ai dám kình địch. Lúc đó ngài Phú-na-dạ-xa đang ngồi trong rừng vắng. Mã Minh cống cao phách lối tin thật là có ngã, nghe Dạ-xa nói các pháp không, vô ngã, vô nhân liền đến bảo rằng: Tất cả luận thuyết ở đời ta đều bẻ gãy, lời nói này nếu sai ta xin cắt đầu tạ lỗi.

Ngài Dạ-xa nói: Trong Phật pháp có hai đế. Nếu đế thế gian thì giả gọi là ngã, còn Đệ nhất nghĩa đế thì tất cả đều vắng không, như thế thì tìm thấy ngã ở đâu?

Mã Minh biết nghĩa mình không thắng được nên định cắt đầu.

Ngài Dạ-xa bảo: Pháp của ta nhân từ không cắt đầu ngươi. Đức Như Lai đã thọ ký cho ngươi sau sáu trăm năm, ngươi sẽ truyền bá pháp tạng.

Do đó liền độ cho xuất gia. Nhưng trong tâm ông vẫn còn hối hận hổ thẹn. Lúc đó ngài Dạ-xa có kinh cất trong nhà tối, bảo Mã Minh đến lấy. Mã Minh thưa nhà quá tối. Ngài Dạ-xa dùng năm ngón tay phóng ánh sáng. Nhưng Mã Minh vẫn nghi là ảo thuật, hễ pháp ảo thuật khi biết được thì mất, nhưng ánh sáng này lại càng sáng rực. Nên liền tin phục. Rồi cần khổ tu hành nên nhận được phó chúc ở nước Hoa Thị mà du hành giáo hóa. Ngài chế ra một thứ kỹ nhạc gọi là Lại-tra-hòa-la có tiếng rất thanh nhã, tuyên nói các pháp khổ, không, vô ngã. Lúc đó trong thành có đến năm trăm Vương tử đồng lúc khai ngộ xuất gia hành đạo. Bấy giờ vua nước Hoa Thị sợ nước không người liền cấm không cho sử dụng loại nhạc ấy. Khi ấy vua Nguyệt Thị đem quân đánh thành Hoa thị. Trong thành có chín ức người, liền đòi chín ức đồng tiền vàng.

Bấy giờ vua Hoa Thị liền đưa Mã Minh một bát Phật và con gà từ tâm. Mỗi thứ trị giá ba ức tiền vàng. Mã Minh thì trí tuệ thù thắng nghĩ là Bát Phật là công đức của Như Lai, gà từ tâm thì không uống nước có vi trùng, nên dẹp hết các oán thù. Vua Nguyệt Thị rất mừng bèn kéo quân về nước. Về sau nước An Tức đánh nước Nguyệt Thị, Nguyệt Thị đánh thắng, giết chết chín ức người nước An Tức. Bấy giờ có một vị A-la-hán muốn khiến vua hối hận bèn dùng thần lực biến cảnh địa ngục hiền tiền. Vua thấy sợ quá. Khi ấy Mã Minh bảo vua rằng: Vua nghe ta nói pháp thì sẽ khiến tội này không bị đọa địa ngục. Sau đó vua muốn đánh vùng Bắc hải, quần thần oán vua là kẻ tham tàn vô đạo. Nhân lúc vua bệnh bèn lấy mền trùm rồi cho người ngồi lên, phút chốc vua ngộp mà chết. Do nghe Mã Minh nói pháp nên vua sinh vào biển lớn làm cá có ngàn đầu. Kiếm Luân hồi quay tít chặt đầu, vừa chặt xong lại mọc, lại chặt, phút chốc đầu đầy biển cả. Lúc đó có vị A-la-hán là Tăng Duy-na, vua thưa rằng: Kiếm này khi nghe tiếng kiền chùy thì dừng lại nên đỡ khổ đôi chút, cúi mong Đại đức khiến nó kêu hoài. Nên La-hán thương xót hồi kiểng thật dài. Đến sau bảy ngày thì tội khổ liền dứt. Đến nay chùa này vẫn còn lưu truyền việc hồi kiểng dài.

Ngài Mã Minh hoằng hóa đã xong liền nhập Long phấn tấn Tam-muội, vọt thân đứng yên trên không trung như vầng mặt trời rồi mới trở về chỗ cũ mà nhập Niết-bàn. Đồ chúng thu nhặt Xá-lợi xây tháp cúng dường (kinh Phó Pháp Tạng, luận Ma-ha-diễn nói vua Luân-đà có ngàn con chim trắng, khi chim hót thì vua thêm đức, nhưng các con chim này khi thấy ngựa trắng thì chúng mới hót. Vua bèn khắp tìm ngựa trắng nhưng không được. Bèn nói rằng: Nếu đệ tử Phật mà khiến chim hót được thì ta sẽ dẹp phá hết ngoại đạo. Lúc đó Bồ-tát dùng thần lực hóa hiện ngàn con ngựa trắng hý vang và ngàn chim trắng cùng hót khiến tiếp nối hưng thịnh chánh pháp nên đời tôn xưng ngài là Mã Minh).

Tổ thứ 12: Ca-tỳ-ma-la (Kapimala)

Ngài là người nước Hoa Thị, thầy của ngoại đạo có ba ngàn chúng, muốn dùng thần lực để phá khuất Mã Minh.

Mã Minh hỏi: Thần lực của ông như thế nào?

Ma-la đáp: Ta hóa biển cả chỉ là chuyện nhỏ.

Mã Minh hỏi: Ông có thể hóa làm tánh biển chăng?

Ma-la hỏi: Tánh biển là gì?

Mã Minh nói: Núi sông đại địa đều y vào đó mà kiến lập, Tam-muội sáu thông cũng do đấy mà phát ra....

Ma-la nghe rồi thì đều tin nhận, cùng cả ba ngàn chúng đồng lúc ngộ đạo và được thầy phó chúc để truyền bá chánh pháp, làm hưng thịnh Phật pháp, lợi ích quần sinh khắp vùng Nam Thiên Trúc. Viết ra bộ luận Vô Ngã đủ một trăm kệ. Luận này đến đâu thì ngoại đạo đều rút lui. Lúc đó ở Tây Ấn Độ có thái tử tên là Vân Tự Tại, ngưỡng mộ đạo đức của thầy mình nên mời vào cung cúng dường.

Ngài Ma-la nói: Phật cấm Sa-môn không được gần gũi với vua quan quyền thế.

Thái tử thưa: Ở phía Bắc thành có một hang núi có thể đến ở đó được chăng?

Ngài Ma-la liền đi đến, giữa đường gặp một rắn mãng xà lớn bèn nói pháp và truyền giới cho rắn kia liền ẩn mất. Khi ngài Ma-la đến hang đá thì có một ông lão mặc áo tơ trắng ra nghênh tiếp thưa rằng: Xưa tôi là Tăng giữ giới rất thanh tịnh, kẻ mới học đến tham hỏi trong lúc ứng đáp thường hay giận dữ mà bị báo làm rắn, ở đây đến nay đã ngàn năm. Vừa nghe nói pháp liền được thoát khổ nên đến đây lạy tạ (Đức Phật diệt độ đến nay mới sáu trăm năm, con rắn này đã làm Tăng từ thời mạt pháp của Phật Ca-diếp nên gọi là ngàn năm).

Khi hóa duyên đã hết ngài Ma-la hiện các thần biến rồi nhập diệt. Đồ chúng thu nhặt Xá-lợi xây tháp cúng dường (kinh Phó Pháp Tạng).

Tổ thứ 13: Long Thọ (Nagarjuna)

Ngài là hậu duệ của các Phạm chí nước Nam Thiên Trúc. Khi mới sinh ra ở dưới một cội cây và do vào Long cung mới được thành đạo, nên gọi là Long Thọ (Theo Tây Vức Ký, Tiếng Phạm gọi là cây Na-ca-ứ, Hán dịch là Long Mãnh). Ngài xuất hiện lúc Phật diệt độ đã bảy trăm năm. Ngài thiên tư thông ngộ. Lúc ngài còn bé thường nghe các Phạm chí đọc bốn kinh Vệ-đà có bốn vạn bài kệ, mỗi bài ba mươi hai chữ mà ngài đều hiểu rõ cú nghĩa. Tuổi còn nhỏ mà nổi tiếng khắp các nước. Các môn thiên văn, địa lý, tinh vĩ, đồ sấm, đạo thuật đều tinh luyện. Thường cùng ba bạn ý chí họp nhau bàn rằng: Ở đời các nghĩa lý có thể làm mở mang thần trí, hiển bày các ý chỉ sâu kín, bọn mình nay đều thấu suốt hết thì còn biết phương nào để tự vui thú? Lại bảo: Đời người chỉ có chạy theo sắc dục là cái vui tột cùng mà thôi. Bèn cùng nhau đến nhà thuật gia học phép ẩn mình. Thầy nghĩ rằng: Bốn ông Phạm chí này tài trí cao xa, nay vì thuật này mà chịu nhục đến với ta, nếu trao hết phương thuật này thì chỉ bỏ nghề mà thôi. Bèn cho mỗi vị một viên thanh dược mài nước thoa vào mắt thì tự nhiên thân hình sẽ biến mất.

Ngài Long Thọ mới nghe mùi hương thì biết liền thuốc ấy có bảy mươi vị, tên và số lượng đúng như toa bào chế. Thầy nghe cả kinh, liền dạy đủ phương thức cho bốn người. Được thuốc rồi bốn người cùng ẩn mình đi trên không rồi lẻn vào hậu cung của vua ở vài tháng. Các người đẹp mang thai rất đông. Vua hỏi các quan tài trí. Quan tâu: Nếu không phải yêu quái thì do pháp thuật. Có thể tán nhỏ đất để trong các cửa, nếu là pháp thuật thì giấu vết liền hiện rõ, còn yêu quái thì không có giấu vết. Nếu người thì dùng binh lính mà trừ, nếu yêu quái thì dùng chú thuật mà diệt. Vua dùng Kế ấy, quả nhiên bốn người bị lộ. Bèn khiến dũng sĩ hươi kiếm trên không mà chém đầu ba người, nhưng cách vua bảy thước thì đao kiếm không dám xâm phạm. Long Thọ rạp mình nương vào vua nên không bị hại. Mới tỉnh ngộ rằng tình dục là gốc khổ, bèn tự thề rằng nếu thoát được nạn này thì sẽ đến các Sa-môn học pháp xuất gia. Khi thoát ra khỏi cung, Long Thọ bèn vào núi đến một tháp Phật.

Ngài Ma-la đến hỏi. Long Thọ nghênh tiếp thưa rằng: Chốn thâm sơn vắng vẻ, Đại Đức Chí Tôn sao lại uổng công đến đây?

Ma-la đáp: Ta không phải bậc Chí Tôn, chỉ đến hỏi thăm Hiền giả mà thôi.

Long Thọ nghĩ thầm: Ông thầy này có được tánh quyết định chăng? Có đạo nhãn sáng chăng? Có phải là Đại Thánh tiếp nối chân thừa chăng?

Ngài Ma-la bảo: Ông tuy nói trong tâm mà ta đã biết ý, chỉ tính việc xuất gia thì lo gì ta không phải Thánh?

Long Thọ hối lỗi tạ tội liền xin xuất gia. Trong chín mươi ngày đọc thông ba tạng. Ở cõi Diêm-phù này có những pháp gì thì đều thông suốt, biện tài vô ngại. Tự cho là người Nhất thiết trí, muốn từ cửa Cù-đàm mà vào.

Thần giữ cửa thưa rằng: Nay trí tuệ của ngươi có khác gì lửa đom đóm dám so ngang mặt trời mặt trăng, hột đình lịch mà sánh với núi Tu-di, ta thấy nhân giả không phải là Nhất thiết trí tại sao dám từ cửa này mà vào.

Long Thọ thấy chùn lòng và tự nghĩ rằng: Các kinh Phật trên thế giới này tuy câu rất hay nhưng nghĩa chưa rốt, vậy ta nên phô diễn để khai ngộ cho kẻ hậu học. Ngài lại muốn lập sư dạy giới, cải tạo y phục khiến có chút ít không giống nhau. Muốn dẹp các tình nên chọn lựa ngày lành tạo dựng tịnh thất ở riêng một mình trong phòng thủy tinh. Đại Long Bồ-tát thương ý định ấy nên liền dùng thần lực rước ngài vào cung điện ở biển lớn, mở hộp bảy báu, cho ngài xem các kinh điển

Phương đẳng.

Trong chín mươi ngày, ngài thông hiểu rất nhiều. Đại Long bảo: Nay ngài đã xem hết các kinh chưa?

Sư đáp: Kinh của ngài nhiều vô lượng tôi không thể đọc hết được, nay tôi chỉ đọc hơn mười lần số kinh ở cõi Diêm-phù.

Đại Long bảo: Các kinh trên cung trời Đao-lợi còn nhiều gấp trăm ngàn vạn lần ở đây.

Sư ở trong Long cung tu hành hoát nhiên thấu suốt, hiểu rõ về nhất tướng, thâm nhập Vô sinh pháp nhẫn. Đại Long biết Sư đã ngộ đạo liền tiễn Sư ra khỏi cung (Phụ Hành nói rằng: Đại Long tiếp Sư vào cung cả mùa Hạ chỉ tụng có bảy kinh Phật).

Có vua nước Nam Thiên Trúc rất thâm nhiễm tà kiến, Sư muốn hóa độ, nên đích thân cầm cây phướng đỏ đi trước vua suốt bảy năm.

Vua hỏi: Ông là ai?

Đáp rằng: Ta là người Nhất thiết trí.

Vua hỏi: Chư Thiên hiện đang làm gì?

Đáp rằng: Các trời đang giao chiến với A-tu-la.

Phút chốc từ trên không trung dao kiếm nối nhau rơi xuống, rồi đến tai mũi của các A-tu-la... Vua kinh sợ hiểu ra, liền cúi đầu đảnh lễ. Lúc đó trên điện có vạn Bà-la-môn đều khen là thần đức, nên cạo bỏ râu tóc xin xuất gia. Bấy giờ có các chúng ngoại đạo đến cùng ngài nghị luận. Nhưng khi mới nói một tiếng liền bị khuất phục, nên xin xuất gia. Có một vị Bà-la-môn rất giỏi chú thuật xin vua cho cùng ngài đấu sức. Vị Bà-la-môn hóa ra một vạn hoa sen lớn ở trong ao rồi mình ngồi trên ấy. Ngài Long Thọ liền hóa thành một voi trắng đi vào ao vươn vòi quấn lấy hoa sen đưa lên cao và quăng xuống đất khiến vị Bà-la-môn bị thương ở lưng liền tâu vua xin hối lỗi, nhân đó cầu xin xuất gia. Ngài Long Thọ viết ra các bộ Đại Bi Phương Tiện Luận có năm ngàn kệ, bộ Đại Trang Nghiêm Luận có năm ngàn kệ, bộ Đại Vô Úy Luận có mười vạn kệ (Phụ Hành nói: Đại Bi Luận nói về thiên văn địa lý, cách chế tạo thuốc quý; bộ Trang Nghiêm Luận nói về pháp môn tu tất cả công đức. Còn bộ Đại Vô Úy Luận nói về Đệ nhất nghĩa và Trung Quán Luận chỉ là một phẩm trong đó, đây tức là Đại Trí Độ Luận), bộ Ưu-bà-đề-xá Luận có mười vạn kệ. Các vị sư thuộc phái Tiểu thừa thấy ngài Long Thọ quá cao sáng rực rỡ nên luôn ganh ghét.

Khi hóa duyên đã hết, ngài hỏi các sư Tiểu thừa rằng: Nay quý vị có thích tôi sống lâu trên thế gian này chăng?

Đáp rằng: Nhân giả thật chẳng muốn mà thôi!

Bỗng một hôm ngài nhập Nguyệt luân Tam-muội, chỉ nghe pháp âm mà không thấy thân tướng ngài ở đâu. Chỉ có đệ tử ngài là Đề-bà biết được bảo rằng: Thầy thị hiện Phật tánh không phải là thanh sắc.

Ngài Long Thọ bèn phó chúc pháp cho Đề-bà. Rồi ngài vào tịnh thất suốt cả ngày không ra. Đệ tử phá cửa vào thấy ngài nhập vào Tam-muội thoát xác mà đi. Các nước ở Thiên Trúc đều lập miếu kính thờ ngài như thờ Phật (kinh Phó Pháp Tạng, kinh Ma-ha Ma-gia, ngài Trí Giả nói: Thọ sinh sinh thân, rồng sinh Pháp thân, nên gọi là Long Thọ. Hai ngài Cô Sơn và Từ Vân đều gọi Long Thọ là Tổ thứ mười ba, vì các Tổ chánh thống ở Tây Vức thì không kể Mạt-điền-địa là Tổ).

Tổ thứ 14: Ca-na-đề-bà (Canadeva)

Ngài là dòng Bà-la-môn nước Nam Thiên Trúc. Trong nước có một vị Thiên thần bằng vàng đứng cao sáu trượng, hiệu là Đại tự tại thiên. Có ai cầu xin đều được báo ứng. Ngài Đề-bà vào miếu cúi lạy, Thiên thần trợn mắt nhìn.

Đề-bà nói: Phàm làm Thần thì phải lấy sự sáng suốt linh ứng mà thu phục mọi người, nay ông lấy vàng làm đẹp hao phí của nhân dân, thật quê mùa dốt nát thay!

Liền leo lên thang cao đục bỏ mắt tượng thần. Sáng hôm sau ở miếu thờ thần hóa thành một người bằng xương thịt, thân cao mấy trượng có con mắt trái khô héo.

Thần bèn đến tòa ngài Đề-bà bảo rằng: Giỏi lắm Đại sĩ! Hãy bày tiệc đầy đủ và trả lại mắt cho ta!

Ngài Đề-bà bèn lấy tay trái móc mắt đưa cho. Đòi mãi, ngài móc mắt mãi đến cả vạn lần. Thiên thần khen giỏi lắm Đại sĩ! Thật là bố thí chân thượng.

Về sau ngài Đề-bà đến chỗ ngài Long Thọ. Ngài Long Thọ để một bát nước đầy trước tòa. Ngài Đề-bà bỏ một cây kim vào bát rồi vui vẻ vào gặp mặt. Liền cạo đầu xuất gia và được phó pháp. Lúc bấy giờ vua Nam Thiên Trúc tin dụng tà đạo. Phép nước xuất tiền mướn người hộ vệ. Ngài Đề-bà liền đầu quân, làm tướng vác kích đi trước mở đường, chỉnh đốn xong xuôi các nơi. Vua mừng công liền vời đến hỏi.

Ngài đáp: Tôi là người trí giỏi biện luận.

Vua liền lập tòa biện luận. Ngài lập luận ba nghĩa: Trong các bậc Thánh chỉ có Phật là thù thắng, trong các pháp chỉ có pháp Phật là vô tỷ; phước điền thế gian chỉ có Tăng là bậc nhất. Nếu khắp tám phương luận sĩ nào phá được thuyết này tôi xin cắt đầu tạ lỗi. Lúc đó các ngoại

đạo lời và lý đều cạn nên cùng xin xuất gia. Có một ngoại đạo thẹn vì thầy mình bị khuất phục nên oán hận, khi ngài Đề-bà ở nơi rừng vắng viết Bách Luận, thì kẻ ngoại đạo cầm dao đến liều mạng nói rằng: Ông đã dùng dao không để phá nghĩa thầy ta, nay ta dùng dao sắt để phá bụng ông.

Khi ngũ tạng bị lôi ra ngoài nhưng ngài chưa chết nên liền bảo kẻ ngoại đạo rằng: Ông hãy lấy y bát của ta rồi trốn gấp đi, đệ tử của ta vì chưa đắc đạo tất sẽ bắt ông.

Khi đệ tử đến thấy vậy cất tiếng than khóc và đuổi tìm các nẻo hiểm yếu, thì ngài Đề-bà bảo rằng: Các pháp vốn không, không có ngã và ngã sở. Không có người làm hại cũng không có kẻ bị hại. Có gì là thân, có gì là oán? Kẻ kia làm hại là hại cái báo đời trước của ta chứ không phải là hại ta đâu.

Khi đó ngài bỏ thân xác ra đi. Đồ chúng thu nhặt Xá-lợi dựng tháp cúng dường (kinh Phó Pháp Tạng).

Tổ thứ 15: La-hầu-đa-la (Rahulata)

Ngài người nước Ca-tỳ-la, thông minh khác thường. Khi ngài Ca-na-đề-bà đến nước Ca-tỳ-la, có ông Trưởng giả tên là Tịnh Đức, ở trong vườn ông có một cây sinh ra nấm. Chỉ có Trưởng giả và con là La-hầu-đa-la hái ăn, hái rồi nấm lại mọc còn các bà con khác đều không thấy nấm. Ngài Đề-bà biết được nhân đời trước nên đến nhà ông ấy bảo rằng: Ngày xưa gia đình ông đã từng cúng dường cho một vị Tỳ-kheo mà vị này đạo nhãn chưa sáng nhưng sống nhờ vào của cúng thí nên bị báo làm cây nấm. Ngày xưa chỉ có ông và con ông chí thành cúng dường nên nay được hưởng.

Lại hỏi Trưởng giả đã bao nhiêu tuổi.

Ông thưa: Đã bảy mươi chín.

Ngài bèn nói kệ:

Vào đạo không thông lý
Đem thân trả nợ thí
Tuổi ông tám mươi mốt
Cây không sinh nấm nữa.

Ông Trưởng giả tin phục liền cho con xuất gia.

Ngài Đề-bà nói: Thuở xưa Đức Như Lai thọ ký cho người con này sau hai trăm năm mươi năm sẽ làm vị đại giáo chủ. Liền cạo đầu và phó chúc cho y bát để rộng truyền chánh pháp. Lúc đó có một Bà-la-môn viết bộ sách Quỷ Danh có mười vạn bài kệ rất khó hiểu. Nhưng ngài

Long Thọ chỉ nghe qua một lần liền hiểu. Ngài Đề-bà nghe lại cũng hiểu, đến ngài La-hầu nghe ngài Đề-bà nói, lại cũng hiểu rõ.

Vị Bà-la-môn cả kinh bảo rằng: Các Sa-môn giống như đã học từ trước bèn tin phục.

Khi thấy hóa duyên sắp mãn, ngài La-hầu bèn nhập Niết-bàn. Đồ chúng thu nhặt Xá-lợi và dựng tháp cúng dường (kinh Phó Pháp Tạng).

Tổ thứ 16: Tăng-khư-nan-đề (Sanghanandi)

Ngài là thái tử con vua Bảo Trang Nghiêm ở thành Thất-la-phiệt. Mới sinh ra đã biết nói, thường khen ngợi Phật pháp. Đến bảy tuổi thì chán tục, vua cha ngăn cấm. Đến chín tuổi thì ngài La-hầu đến sông Kim thủy chỉ tay nói rằng: Cách đây năm trăm dặm có Thánh nhân tên là Nan-đề, Phật đã thọ ký cho một ngàn năm sau sẽ nối ngôi Thánh.

Ngài liền dẫn chúng đến gặp thì gặp lúc Nan-đề đang nhập định, hai mươi mốt ngày xuất định, Nan-đề liền xin xuất gia và đắc đạo, được phó chúc chánh pháp. Một hôm ngài La-hầu dùng tay nâng bát vàng lên cung trời Phạm thiên lấy cơm về đưa cho đại chúng. Đại chúng bỗng chán ghét cơm trời. Ngài La-hầu bảo không phải lỗi ta mà chính là nghiệp của các ông. Ngài liền gọi Nan-đề đến chia ghế ngồi cùng ăn, đại chúng vẫn còn ngờ.

Ngài La-hầu nói: Nan-đề đây quá khứ là Phật Ta-la Vương thương xót chúng sinh nên hiện ra đời. Các ông cũng ở trong kiếp Trang nghiêm chứng được ba quả chỉ chưa chứng được vô lậu mà thôi.

Chúng thưa: Thần lực của thầy thì con có thể tin, chứ Phật quá khứ kia thì còn nghi.

Ngài Nan-đề nói: Khi Như Lai còn tại thế thì đất bằng, nước ngọt.

Khi ngài diệt độ tám trăm năm rồi thì người không tin hết lòng, không tin Chân như mà chỉ ưa thần biến. Nói xong liền tay cầm bình lưu ly từ từ đưa vào đất đến lớp Kim cang luân lấy nước Cam lồ đem về đặt trước chúng.

Bấy giờ chúng mới hối lỗi tạ tội. Có vị A-la-hán đầy đủ công đức, ngài Nan-đề dùng một kệ thử rằng:

Sinh dòng Chuyển luân vương
Không phải Phật, La-hán
Không thọ Hữu đời sau
Không phải Bích-chi-phật.

Vị La-hán không hiểu bèn bay lên cung trời hỏi Đức Di-lặc.

Ngài Di-lặc bảo: Đời lấy hòn đất nhão để trên bàn xoay nắn thành cái bình, há đồng với các Thánh đời sau ư?

Vị La-hán quay về nói câu ấy.

Ngài Nan-đề nói: Đây tất là ngài Di-lặc nói với thầy câu ấy rồi.

Khi hóa duyên đã mãn, ngài níu tay mặt vào cây mà diệt độ, chúng đệ tử muốn dời xác ngài đi nhưng quá cứng chắc không lay được. Cho voi lớn đến kéo cũng không được. Bèn chất gỗ thơm làm dàn rồi làm lễ trà-tỳ luôn cả cây. Khi thiêu xong thân cháy tan nhưng cây vẫn xinh tươi. Đồ chúng thu nhặt Xá-lợi và xây tháp cúng dường (kinh Phó Pháp Tạng).

Tổ thứ 17: Tăng-khư-gia-xá

Ngài người nước Ma-đề. Bà mẹ ngài nằm mơ thấy có vị Thần lớn cầm cái gương, nhân đó có thai, mới bảy ngày đã sinh. Ngài Nan-đề đi hành hóa đến nước ấy thì thấy trên một ngọn núi có đám mây tía hình cái lọng. Liền dắt chúng đến đó. Bỗng có một cậu bé tay cầm cái gương tròn đến thẳng trước ngài.

Ngài hỏi: Cái cậu đang cầm biểu hiện cho cái gì?

Cậu đáp:

Đại viên cảnh chư Phật
Trong ngoài không vết nhơ
Hai người cùng nhìn thấy
Tâm mắt đều giống nhau.

Cha mẹ nghe con nói liền cho cậu bé xuất gia ngay.

Một lúc khác khi nghe gió thổi chuông kêu vang trên điện, thầy hỏi Gia-xá: Chuông kêu hay gió kêu?

Gia-xá đáp: Không phải gió, cũng không phải chuông mà là tâm con kêu.

Ngài có lần ra bờ biển thấy cung điện bảy báu, liền đến đó khất thực nói kệ rằng:

Đói là bệnh thứ nhất
Đi là khổ bậc nhất
Biết thật pháp như thế
Có thể được Niết-bàn.

Chủ nhà ra đón mời vào tòa ngồi lấy bát cúng dường. Ngài Gia-xá thấy trong nhà có hai ngạ quỷ trần truồng đói meo, đầu mình bị xiềng xích, thấy quái dị bèn hỏi.

Chủ nhà đáp: Một đứa con tôi, một đứa con dâu. Bởi lúc xưa khi tôi bố thí thì cả vợ chồng nó đều giận hờn. Tôi nhiều lần khuyên bảo nhưng vẫn không nghe. Nhân đó thề rằng: Nếu khi tội nghiệp này phải chịu quả báo dữ thì cho ta thấy các ngươi. Thế nên bị báo như thế!

Ngài lại đến một nơi có lầu đài cao đẹp, chúng Tăng đi kinh hành, có tiếng chuông tập họp ăn cơm. Khi ăn gần xong thì cơm biến thành máu mũ, họ lại dùng bát đánh nhau chảy máu rồi bảo nhau rằng: Tiếc chi thức ăn để phải chịu khổ này.

Ngài Nan-đề đến hỏi, chúng đáp: Chúng con ở thời Đức Phật Ca-diếp cùng ở một nơi. Khi có khách Tỳ-kheo đến thì giận giữ giấu cất thức ăn không chịu chia cho. Do đó hôm nay phải chịu báo khổ này.

Như thế ngài đi chu du khắp vùng đại hải, xem khắp năm trăm địa ngục liền sợ hãi cầu phương tiện được tránh khỏi. Sau đó ngài chứng quả La-hán. Thấy có năm trăm Tiên nhân đang tu đạo trong rừng liền đến đó nói ba kệ khen Phật, Pháp, Tăng, năm trăm Tiên nhân đều được chứng đạo. Khi hóa duyên đã mãn, ngài bèn nhập Niết-bàn. Đồ chúng thu nhặt Xá-lợi , xây tháp cúng dường (kinh Phó Pháp Tạng).

Tổ thứ 18: Cưu-ma-la-đà (Kumarata)

Ngài là con của Bà-la-môn ở nước Nguyệt Thị. Khi ngài Gia-xá đến nước ấy thì tới nhà ngài gõ cửa.

Ngài Cưu-ma nói: Nhà này không có người!

Ngài Gia-xá nói: Người nói không người đó là ai vậy?

Cưu-ma biết là dị nhân nên vội mở cửa đón tiếp. Ngài Gia-xá bảo rằng: Đức Phật thọ ký là sau khi ngài diệt độ một ngàn năm thì có Đại sĩ xuất hiện ở nước Nguyệt Thị nối truyền chánh pháp.

Bèn độ cho ngài xuất gia và phó pháp cho. Ngài từng đến một nước mà người ở đấy không chịu nghe pháp, ngài liền bảo họ: Các ông có thể tập họp một vạn con ngựa sắt đến trước chỗ tôi...

Khi đó ngài Cưu-ma chỉ nhìn qua một lần thì có thể phân biệt một cách chắc chắn không nhầm lẫn về tên người, sắc ngựa, y phục, tướng mạo. Do đó cả nước đều tin phục. Có con của một Trưởng giả tên là Xà-dạ-đa đến hỏi thầy rằng: Cha mẹ con là kẻ sùng kính tin đạo nhưng luôn bệnh tật, gặp việc không vừa ý, còn người bên cạnh làm nghề giết mổ thì khỏe mạnh, gia đình hòa hợp. Vậy tại sao người kia may mắn mà con bị khổ sở thế?

Sư đáp: Do sự tạo nghiệp có trước sau cho nên luận về quả báo không nhất định. Như người nhân từ mà yểu còn kẻ bạo ngược lại sống

lâu, đám nghịch ác thì tốt mà kẻ nghĩa nhân lại xấu. Là vì nghĩa và nhân là thân hiện đời làm thiện, còn yểu và xấu là cái ác của đời trước mà thân hiện đời phải chịu báo. Còn bạo ngược nghịch ác là thân hiện đời làm ác, sống lâu và tốt là cái thiện của đời trước mà thân hiện đời được hưởng báo. Nhân quả thiện ác tùy nghiệp mà thọ báo. Cho nên trước sau không nhất định.

Xà-dạ-đa nghe xong liền hết nghi. Ngài Cưu-ma nói: Ông tuy tin ba nghiệp nhưng chưa rõ nghiệp từ hoặc sinh ra. Nhân hoặc mà có thức, thức nương vào bất giác, bất giác do tâm. Nhưng tâm vốn thanh tịnh, không sinh diệt, không tạo ác, không báo ứng, không hơn thua mà luôn vắng lặng, linh thông sáng suốt. Nếu ông thâm nhập vào pháp môn này thì sẽ giống như Phật.

Dạ-đa hiểu rõ ý chỉ thì túc tuệ liền phát hiện. Ngài Cưu-ma liền lấy móng tay cào lên cánh cửa vẽ thành hoa sen đỏ mới nở phóng ra luồng sáng lớn, rồi diệt độ. Đồ chúng thu nhặt Xá-lợi và dựng tháp cúng dường (kinh Phó Pháp Tạng).

Tổ thứ 19: Xà-dạ-đa (Jayata)

Ngài là người Bắc Thiên Trúc. Khi ngài đi du hóa thế gian, nổi tiếng là người nói giỏi. Có thầy Tỳ-kheo phạm giới muốn tự sám hối.

Ngài Dạ-đa bảo rằng: Nếu thầy làm theo lời tôi thì tội sẽ tiêu hết.

Bèn hóa ra hầm lửa rồi bảo thầy nhảy vào đó. Thầy Tỳ-kheo muốn hết tội nên nhảy đại vào, thế là lửa thành dòng nước mát.

Ngài Dạ-đa bảo: Thầy đã chí thành hối lỗi nên tội nay đã tiêu hết.

Rồi nói pháp cho nghe và thầy thành A-la-hán. Một hôm ngài dắt đệ tử vào thành Thi-la, chợt buồn bã lại theo đường trở về. Giữa đường ngài nhìn thấy một con chim, lại vui vẻ mĩm cười. Học trò xin thầy nói rõ nguyên do.

Thầy bảo: Lúc nãy khi ta đến cửa thành thì thấy có một ngạ quỷ con, nó bảo: “Mẹ con vào thành xin ăn đã tròn năm trăm năm mà chưa thấy về, con rất đói khát chẳng biết làm sao.” Khi ta vào thành quả nhiên thấy quỷ mẹ đến trước ta nói rằng: “Con vào thành đến nay đã năm trăm năm, hôm nay mới nhặt được bãi đờm của một người định đem về cho con. Nhưng đám quỷ thần khỏe mạnh giữ cửa thành định cướp lấy. Vậy xin ngài giúp đưa con ra khỏi thành.” Ta liền đưa quỷ mẹ ra khỏi thành. Hỏi nó sinh đến nay đã được bao lâu. Nó đáp: “Con

sinh ra đến nay đã thấy thành này bảy lần đổ nát rồi xây dựng lại, chán chường phải sống trong sinh tử chịu khổ dài lâu...” Thế nên ta buồn bã không vui. Lại ở quá khứ cách nay chín mươi mốt kiếp, ở thời Phật Tỳ-bà-thi ra đời giáo hóa. Lúc đó ta làm con một trưởng giả nhưng luôn nghĩ chuyện xuất gia. Cha mẹ không cho lại ép cưới vợ cho ta. Và ta có một con trai. Khi nó lên sáu thì ta lại định xuất gia. Nhưng ông bà dạy cháu rằng nếu cha mầy muốn xuất gia làm Sa-môn thì phải ôm chân mà khóc. Ta vì lòng thương nên lại không xuất gia. Do đó đứa con ấy phải trôi nổi trong năm đường sinh tử, suốt chín mươi mốt kiếp, mà cũng chưa được gặp nhau. Nay ta dùng đạo nhãn quán sát thì thấy con chim bay trước ta đó chính là con ta thuở xưa. Vì thương đứa con ngu si phải ở lâu trong sinh tử nên ta mỉm cười.

Khi ngài thấy hóa duyên đã hết liền nhập Niết-bàn. Đồ chúng thu nhặt Xá-lợi và xây tháp cúng dường (kinh Phó Pháp Tạng).

Tổ thứ 20: Bà-tu-bàn-đà (Vasubandhu)

Ngài là người nước La-duyệt, họ Tỳ-xá-khư. Bà mẹ nằm mộng thấy nuốt hai viên ngọc, một viên sáng, một viên tối và khi tỉnh giấc thì biết mình có thai. Bảy ngày sau đó có một vị A-la-hán tên là Chúng Hiền đến nhà. Người cha tên là Quang Cái ra đảnh lễ thì ngài nhận, đến khi bà vợ ra đảnh lễ thì ngài lại đứng dậy tránh đi và bảo xin hồi lễ Pháp thân Đại sĩ.

Rồi gọi Quang Cái nói rằng: Vợ ông mang thai Thánh tử nên ta tránh đi, không phải là trọng người nữ đâu.

Lại nói: Vợ ông sẽ sinh hai người con, một tên là Bà-tu-bàn-đà, người kia tên là Sô-ni (Hán dịch là Dã Thước Tử (chim khách). Ngày xưa khi Đức Như Lai ở núi Tuyết tu đạo thì Sô-ni làm tổ trên đầu ngài. Khi Phật thành đạo thì Sô-ni làm vua nước Na-đề. Phật thọ ký cho hai trăm năm sau sẽ sinh vào nhà của Tỳ-xá-khư ở thành La-duyệt, cùng ở trong thai với Thánh mà không thấy chật hẹp.

Quả nhiên một tháng sau thì sinh ra hai con. Bàn-đà về sau theo ngài Xà-dạ-đa. Đến ngày xuất gia thì cảm đến Bồ-tát Tỳ-bà-ha đến làm yết-ma. Ngài học rộng hiểu nhiều giáo hóa rộng khắp chúng sinh. Khi sắp Niết-bàn ngài bay lên không trung hơn nửa do-tuần rồi trở về tòa ngồi mà diệt độ. Đồ chúng thu nhặt Xá-lợi, xây tháp cúng dường (kinh Phó Pháp Tạng).

Tổ thứ 21: Ma-noa-la (Manorhita)

Ngài là con kế của vua nước Na-đề. Ngài Bàn-đà đi du hóa khi đến nước ấy liền bảo vua Tự Tại rằng: Đức Phật đã thọ ký rằng một ngàn năm sau sẽ có Thần lực đại sĩ nối tiếp ngôi Thánh, đó chính là người con kế của vua.

Vua bèn cho ngài xuất gia và lãnh nhận phó chúc ở cõi Nam Thiên Trúc mà hóa độ lợi ích chúng sinh. Có ngài Tam tạng Dạ-xa công đức sánh ngang với ngài.

Dạ-xa bảo ngài rằng: Từ sông Hằng trở về phương Nam có hai nước Thiên Trúc, người ở đấy phần nhiều là tà kiến, trưởng lão giỏi hiểu luận âm thanh, nên ở đấy mà tự tại giáo hóa. Còn từ sông Hằng lên phía Bắc người của ba nước Thiên Trúc kia có thể dễ dạy hơn, tôi xin ở đấy mà lợi ích chúng sinh.

Ngài Ma-noa-la liền theo lời mà đến hai nước Thiên Trúc rộng hoằng hóa luận Tỳ-la Vô Ngã (Tổ thứ mười hai làm luận Vô Ngã) đã thu phục được tất cả kẻ dị đạo tà kiến. Sau đó ngài Ma-noa-la đến nước Tây Ấn Độ, vua tên là Đắc Độ. Nhân khi đi đường thấy có một tháp nhỏ nhưng nhiều người khiêng không nổi, vua liền mời ba nhà Phạm hạnh, Thiền quán và Chú thuật đến để hỏi nguyên nhân trên thì họ đều không biết.

Bèn hỏi ngài Ma-noa-la, ngài đáp: Cái tháp này do vua A-dục tạo ra, mà nay xuất hiện là do phước lực của Đại vương.

Vua nghĩ: Bậc Chí Thánh rất khó gặp, đời vui chẳng lâu.

Bèn truyền ngôi cho Thái tử rồi theo thầy xuất gia. Trong khoảng bảy ngày thì chứng được bốn quả.

Thầy bảo Đắc Độ rằng: Con hãy ở lại nước này mà độ người, còn ta sẽ đi du hóa ở nước khác.

Liền đốt hương phó chúc. Khói hương bay đến nước Nguyệt Thị. Vua nước ấy hỏi các đại thần: Đó là điềm lành gì?

Lúc ấy có Tỳ-kheo Hạc-lặc-na thưa rằng: Đây là điềm Tổ sư ở Tây Ấn Độ sắp đến nơi, nên gởi tin hương trước.

Vua hỏi: Thần lực của Tổ ấy ra sao?

Đáp: Xa vâng lời thọ ký của Phật đương hoằng truyền đại pháp.

Vua cùng Hạc-lặc-na hướng về phương xa đảnh lễ. Khi Tổ đến thì ngài Hạc-lặc-na hỏi rằng: Con ở trong rừng suốt chín năm có một đệ tử tên là Long Tử, lúc bé rất thông minh, con xét suốt ba đời vẫn không biết được gốc tích.

Tổ đáp: Đứa con này vào kiếp thứ năm đã sinh vào dòng Bà-la-

môn ở nước Diệu hỷ, đã dùng gỗ chiên-đàn cúng chay cho chùa Dõng chuông, nên được quả báo ấy. Khi thấy hóa duyên đã xong, Tổ liền ngồi kiết già nhập diệt. Vua cùng các đệ tử xây tháp và phụng thờ nhục thân của Tổ (kinh Phó Pháp Tạng).

Tổ thứ 22: Hạc-lặc-na (Haklena)

Ngài là người nước Nguyệt Thị. Năm lên bảy tuổi, thấy dân chúng vào miếu cúng Thần, liền đến chê Thần rằng: Ông dối làm họa phước để gạt gẫm người đời, phải giết vật tế cúng hao phí hằng năm!

Bỗng miếu và tượng cùng sụp đổ. Đến năm ba mươi tám tuổi ngài mới gặp Tổ Ma-noa-la bảo ngài rằng: Thầy thuở xưa có năm trăm đệ tử vì phước ít nên họ phải đọa làm loài chim, nay cảm ân nghĩa của ông nên thầy làm bầy hạc luôn bay theo.

Ngài Lặc-na hỏi: Phải dùng phương tiện nào để khiến họ được giải thoát.

Ngài Ma-noa-la nói kệ:

Tâm theo muôn cảnh đổi
Chỗ đổi thật kín sâu
Theo dòng nhận được tánh
Không vui cũng không buồn.

Bầy hạc nghe kệ xong thì kêu lên và bay đi. Ngài Lặc-na đi hành hóa đến vùng Trung Ấn, có vua Vô Úy Hải mời ngài nói pháp, chợt thấy hai người mặc áo lụa hồng cùng đến đảnh lễ, giây lâu biến mất. Vua hỏi đó là người gì?

Ngài nói: Đó là hai Thiên tử mặt trời, mặt trăng đấy.

Khi ấy ngài Tỳ-kheo Sư Tử đến nghe pháp. Tổ chỉ về hướng Đông bắc hỏi: Thầy thấy khí ấy như thế nào?

Ngài Sư Tử đáp: Con thấy khí ấy như cái cầu vồng trắng vượt lên trời, nhưng có một làn khí đen vắt ngang.

Tổ bảo: Sau khi ta mất năm mươi năm, ở Bắc Thiên Trúc sẽ có tai nạn liên lụy đến thân ông.

Rồi thầm nói việc ấy với ngài. Sau đó Tổ hiện mười tám phép thần biến rồi diệt độ. Đồ chúng thu nhặt Xá-lợi và xây tháp cúng dường (kinh Phó Pháp Tạng).

Tổ thứ 23: Sư Tử (Aryasimha)

Ngài là người Trung Ấn Độ. Khi đắc pháp rồi ngài du hóa đến nước Kế đếnTân. Khi ấy có ông Ba-lợi-ca vốn quen thiền quán, có năm

nhóm là thiền định, tri kiến, chấp tướng, xả tướng, bất ngữ. Ngài Hóa độ thu phục cả năm chúng. Xa gần đều nghe tiếng. Có hai ngoại đạo là Ma-mục-đa và Bộ-lạc-già theo học huyễn thuật, lén giả hình Sa-môn lẻn vào cung vua phạm dâm với hoàng hậu và cung phi, lại bảo nếu việc bại lộ sẽ quy tội cho hàng Thích tử.

Sau đó việc đổ bể, vua nổi lôi đình bảo: Ta vốn kính trọng Tam bảo, cớ gì Sa-môn lại làm nhục ta lắm thế?

Liền phá hủy chùa chiền, giết hại chúng Tăng. Vua tự mang kiếm đến chỗ Tổ hỏi: Ngài đã được không uẩn rồi chăng?

Tổ đáp: Đúng thế!

Vua nói: Uẩn đã không thì xin cho tôi đầu ngài.

Tổ đáp: Thân đã chẳng phải của ta sao lại luyến tiếc đầu?

Vua bèn cắt đầu ngài, một dòng sữa trắng từ cổ phun lên cao mấy trượng. Cánh tay vua bỗng đứt lìa rơi xuống đất, bảy ngày sau thì vua chết.

Thái tử Quang Thủ than rằng: Cha ta cớ sao lại gây nên họa này?

Bấy giờ có Tiên nhân ở núi Tượng bạch, hiểu rõ nhân quả bèn nói cho Thái tử túc nhân đời trước. Rồi đem nhục thân của Tổ xây tháp cúng dường (kinh Phó Pháp Tạng).

Lời thuật rằng: Đức Phật đã được Túc mạng thông nên thọ ký việc thành đạo ở vị lai dù trải qua rất nhiều kiếp nhưng đều biết trước há nay chỉ thọ ký đến tổ thứ hai mươi bốn rồi chấm dứt. Trộm xét ý Phật có hai nghĩa:

1. Lấy việc tổ Sư Tử bị nạn mất mạng coi như một ách nạn về truyền bá Phật pháp.

2. Các Tổ về sau tuy có nối nhau nhưng e là không sánh được với bậc Tứ y đại Thánh.

Cho nên đến đây thì kim khẩu không nói là không có Tổ kế thừa. Đời bảo tổ Sư Tử gặp nạn nên không có người nối pháp, chỉ là lời nói của kẻ ngu si mà thôi. Tông phái ta nói Tổ truyền thừa chấm dứt ở ngài Sư Tử, nhưng phái Thiền lâm lại thêm bốn Tổ. Do đó mà tranh nhau phải quấy nhiều đời không dứt. Thử lấy ý lớn để dứt khoát thì không có trở ngại chi, nghĩa là dù tổ Sư Tử gặp nạn mất mạng thì không phải là không có đệ tử để truyền thừa. Đặc biệt chỉ không phải là số người do kim khẩu thọ ký trước mà thôi. Nhưng việc kể thêm bốn Tổ đến tổ Đạt-ma là người đầu tiên đến Đông độ thì gồm cả thảy là hai mươi tám

Tổ. Việc này cũng không hại chi đến phái Thiền lâm. Muốn nói lên sự thực là chỉ nói bốn Tổ truyền nhau đến tổ Đạt-ma thì được. Nay lại nói dẫn kinh thiền làm chứng thì vừa đủ để thấy rõ việc mình làm là không thật. Ngài Tung Minh Giáo lập bản đồ quy định các Tổ thì bảo là thiền kinh kể đủ hai mươi tám Tổ. Nay kiểm tra kinh thì thấy chỉ kể có chín Tổ nhưng tên phần lớn lại không đồng. Ngài Phưởng Pháp sư làm bài "Chỉ Ngoa" để bài bác thật là đúng vậy.

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 6

CHÍN TỔ Ở ĐÔNG ĐỘ

PHẦN 1

Tổ thứ 1: Vô Uý Luận Chủ, Long Thọ Tôn Giả, Nhất Tướng Đại Thiền Sư.

Tổ thứ 2: Kiên Lập Trung Quán, Bắc Tề Tôn Giả, Viên Ngộ Đại Thiền Sư.

Tổ thứ 3: Viên Chứng Pháp Hoa, Nam Nhạc Tôn Giả, Chỉ Quán Đại Thiền Sư.

Tổ thứ 4: Thiên Thai Trí Giả Pháp Không Thật Giác, Linh Tuệ Đại Thiền Sư.

Tổ thứ 5: Kết Tập Tông Giáo Chương An Tôn Giả, Tổng Trì Đại Thiền Sư.

Tổ thứ 6: Truyền Trì Giáo Quán Pháp Hoa Tôn Giả, Viên Đạt Đại Thiền Sư.

Tổ thứ 7: Truyền Trì Giáo Quán Đại Cung Tôn Giả, Toàn Chân Đại Thiền Sư.

Tổ thứ 8: Truyền Trì Giáo Quán Tả Khê Tôn Giả, Minh Giác Đại Thiền Sư.

Tổ thứ 9: Thiên Thai Ký Chủ, Kinh Khê Tôn Giả, Viên Thông Đại Thiền Sư.

****

Đạo của Phật và Tổ là lấy tâm truyền tâm, đâu cần phải đợi đến nói năng. Đến như kẻ đương Cơ được ấn khả thì phải nhờ trao nhận để làm cái nghi thức truyền đạo. Thế nên hai mươi bốn Tổ do Phật ký định đều đích thân nghe khẩu quyết, dùng để hiểu cái nhiệm mầu của tâm truyền. Song từ xưa nay để phân biệt chánh tà, nói rõ cảnh trí để biện biệt cái dụng của Tông nên mới lưu lại ngôn ngữ. Phàm từ khi kinh luận sang Đông độ giáo hóa khắp nơi, vì các Sư ở cõi nước này còn thương nhiều người chưa hiểu nổi, bèn chuyên về giảng nói. Để thông suốt tông này mà được Tiểu thừa quên mất Đại thừa, chấp cái Thiên mà bỏ sót cái Viên. Vì vậy tâm truyền sự nhiệm mầu mà rốt cuộc chưa được truyền bá rộng rãi. Đạo được thực hành cốt để sinh Thánh triết. Như Tôn giả Bắc Tề thì bẩm tánh tự nhiên đời trước không cần đợi thân thừa, thầm ngộ ý chỉ tức không, tức giả, tức trung của Long Thọ rồi lập làm Tâm quán để truyền lại cho ngài Nam Nhạc. Ngài Nam Nhạc tu nó mà tịnh được lục căn rồi trao cho ngài Trí Giả. Ngài Trí Giả nhờ nó mà ngộ Pháp Hoa. Lại mở mang nghiệp lớn nổi tiếng một nhà. Từng nói rằng: Truyền đạo là ở hành động mà cũng ở lời nói. Do đó mà căn cứ tóm tắt vào năm thời mở bày tám giáo. Bao quát hết các sách mà quy về Pháp Hoa, xuyên suốt năm chương để hiểu rõ đầu đề, chia bốn Thích để hiểu rõ văn cú. Lời giảng nói Giáo lý đã nói rõ thì ý chỉ của quán hạnh cũng phải sáng. Bèn viết ra một luận Chỉ Quán để nói về việc tu tập của tâm mình. Trước là dùng sáu chương để hiểu rõ, kế là dựa vào hiểu rõ đó mà lập hạnh, lấy hai mươi lăm pháp làm phương tiện, dùng quán pháp của mười thừa làm chánh tu, là nói ba ngàn Sự Lý tức cụ, chống dẹp cả trăm nhà, siêu vượt kim cổ, bèn là gốc minh giáo của thiên hạ. Lúc bấy giờ có Chương An đại Thiền sư sớm chuyên học rộng, lại do diệu ngộ, nhân sự giảng truyền ấy cầm bút viết lời, gom thành luận sớ làm quà tặng tốt lành cho hàng hậu học. Nhưng đời chỉ ham thích dị luận. Như ba thời năm giáo chuyên môn mà còn Thiên. Tuy đến bậc phát cơ nhưng mỗi vị đều có cơ sở truyền riêng. Cuối cùng chưa đủ để biết trước sau một đời giáo hóa của Phật. Đến cái tông cuối cùng Pháp Hoa thì mới biết các giáo quyển còn mãi khắp cõi Diêm-phù-đề. Đám Thích tử phần đông đều theo sách vở. Giả sử tông Thiên thai không có, thời giáo không được lưu truyền, quán đạo không được hiểu rõ, thì ắt rằng Phật pháp đã diệt mất. Ngài Chương An liền nối tiếp Đại Thống. Thế là Pháp Hoa lại truyền. Thời giảng Pháp Hoa có bảy trăm đồ chúng mà ngài Thiên Cung đã thật sự nối nghiệp. Môn đồ của ngài Thiên Cung người cầu

đạo vô số, mà chỉ một mình Tả Khê nối được nghiệp thầy. Pháp hội của ngài Tả Khê học chúng rất đông, cõi xa gần cùng chen nhau tụ hội. Từ Pháp Hoa Tôn giả, ba đời đều nối thể giữ văn, chuyên việc giảng nói mà thôi. Cho đến đời ngài Kinh Khê gặp thời ly loạn, lừa đảo trộm cướp phát sinh thì tiền tài và nghĩa khí không thể không nói đến; các ý kiến khác nhau của các Học giả mà bộ đã ghi thuật không thể không có chỉ nam vậy. Nêu rõ chánh tông để lại cho hậu thế. Công của Hoằng Tán gan như sánh ngang với Chương An đó vậy. Vì tôn sư trọng đạo để kể đức ghi công nên soạn ra lời kỷ về chín Tổ ở Đông độ này.

Tổ thứ 1 (Cao Tổ): Long Thọ Tôn Giả

(Bản kỷ ngài là Tổ thứ mười ba của Tây Vức), kinh Nhập Lăng-già nói:

Sau khi Phật diệt độ
Đời vị lai sẽ có
Tỳ-kheo Nam Thiên Trúc
Đạo hiệu là Long Thọ
Hay phá tông Hữu vô
Hiển rõ pháp Đại thừa
Được địa sơ Hoan hỷ
Sinh về nước An dưỡng.

Lời khen rằng: Ngài Chương An nói ngài Trí Giả trong Quán Tâm Luận có nói: "Kính lạy Long Thọ sư" thì nghiệm biết Long Thọ là Cao tổ sư. Phụ Hành giải thích rằng: Ngài Trí Giả nên gọi Long Thọ là Tằng Tổ sư. Nếu gọi cao quý nhất là Cao, thì như các vua Hán Tề đều gọi Thỉ Tổ là Cao. Nghĩa là công đức vô thượng nên tôn thụy là Cao. Nay Tông này cũng xem Long Thọ là thỉ Tổ nên ngài Trí Giả gọi là Cao Tổ. Phàm việc truyền tâm tông để nối thịnh dòng đạo thì người đời sau tôn trọng gọi chung là Tổ. Cho nên hai mươi bốn Thánh Kim Khẩu Tổ thừa đều gọi là Tổ cả. Về sau ở Trung Quốc ta chín Tổ nối nhau cũng theo nghĩa này. Thế mới biết nay nói Cao là đúng cái nghĩa công đức vô thượng của ngài Kinh Khê nói, chứ không phải như tiếng gọi Cao Tằng của thế tục.

Tổ thứ 2: Bắc Tề Tôn giả Tuệ Văn

Ngài họ Cao, ở vào khoảng thời Ngụy Tề, đời Bắc Triều (nhà Đông Ngụy là Hiếu Tĩnh, nhà Bắc Tề là Văn Tuyên). Về người tu theo Phật đạo thì:

1. Minh sư, dùng nhiều về bảy phương tiện (Phụ Hành nói: E là bảy phương tiện của Tiểu thừa, từ ngài Trí Giả trở về trước chưa có ai lập bảy phương tiện của Viên giáo).

2. Tối sư, dùng tâm tánh tướng các pháp đều vô ngại.

3. Tung sư, dùng thuyết ba đời vốn không tới lui.

4. Tựu sư, dùng nhiều về tịch tâm.

5. Tạc sư, dùng nhiều về liễu tâm hay quán Nhất như.

6. Tuệ sư, dùng nhiều về đạo tâm, trong ngoài và khoảng giữa thì tâm đều không thể được.

7. Văn sư, dùng về giác tâm, Trùng quán Tam-muội, Diệt tận Tam-muội, Vô gián Tam-muội, đối với tất cả pháp tâm không hề phân biệt.

8. Tư sư, dùng nhiều về "Tùy tự ý, an lạc hạnh."

9. Khải sư dùng ba thứ Chỉ Quán, tuy gọi là nối nhau nhưng ở pháp môn có đổi khác.

Văn sư đã nương vào Đại Luận thì biết thứ này không phải được nối ở người trước (đây là dựa lời ghi của Phụ Hành, theo Cao Tăng Truyện thì ngài Nam Nhạc ngộ Pháp Hoa Tam-muội đến Tạc sư và Tối sư kể lại chỗ chứng của mình đều mong được tùy hỷ. Lại nói ngài Trí Giả thọ học với Tư sư, Tư sư theo học ở Tựu sư, Tựu sư thọ pháp của Tối sư. Nay biết rõ Tư sư vốn nối nghiệp Văn sư. Nay lại nói Tư sư theo học với Tựu sư. Thế mới biết các Sư tổ đồng thời phần nhiều đều truyền dạy lẫn nhau mà pháp môn có đổi khác, người sau hơn người trước, vẫn không thể luận là nối nhau. Đến đời Bắc Tề thì các Sư tổ y luận mà lập Quán, từ đây mới có việc trao và nhận, trước sau không khác, thì mới có thể luận là Sư thừa.

Sư sớm theo Viên thừa có thiên chân riêng ngộ, nhân xem luận Đại Trí Độ (quyển 30) có dẫn Đại Phẩm nói rằng: Muốn lấy đạo trí để làm đầy đủ cho đạo chủng trí phải học Bát-nhã, muốn lấy đạo chủng trí làm đầy đủ cho Nhất thiết trí phải học Bát-nhã, muốn lấy Nhất thiết trí làm đầy đủ cho Nhất thiết chủng trí phải học Bát-nhã. Muốn lấy Nhất thiết chủng trí để đoạn dứt các phiền não và tập khí cũng phải học Bát-nhã. Luận tự hỏi: Trong một tâm thì được Nhất thiết trí, đạo chủng trí, Nhất thiết đạo chủng trí và đoạn dứt tất cả phiền não cùng tập khí, nay vì sao lại nói lấy Nhất thiết trí làm đầy đủ cho Nhất thiết chủng trí, lấy Nhất thiết chủng trí đoạn dứt tất cả tất cả phiền não và tập khí? Đáp rằng: Thật ra tất cả đều được cùng một lúc, nhưng ở đây muốn người tin Bát-nhã Ba-la-mật nên nói thứ lớp khác nhau. Vì muốn khiến chúng

sinh được tâm thanh tịnh nên nói như thế. Lại nữa, tuy trong một tâm mà được nhưng cũng có thứ lớp trước giữa sau. Như một tâm có ba tướng là sinh nhân duyên với trụ, nhân trụ duyên diệt. Lại như tâm, tâm số pháp bất tương ưng các hành và thân nghiệp, khẩu nghiệp thì lấy đạo trí làm đầy đủ cho Nhất thiết trí, lấy Nhất thiết trí làm đầy đủ cho Nhất thiết chủng trí, lấy Nhất thiết chủng trí để đoạn dứt các phiền não và tập khí cũng như thế...” Tổ sư đã căn cứ vào lời văn trên mà tu Quán tâm. Trong luận nói ba trí thật ra ở một tâm mà được. Vả lại quả đã ở một tâm mà được thì nhân đâu lại có trước sau mà được. Cho nên khi Quán này thành thì một tâm chứng được ba trí, song vong song chiếu, liền nhập vào vị Sơ trụ Vô sinh nhẫn. Sư lại nhân đọc Trung Luận (một phẩm Trung Quán của Đại Trí Độ Luận) đến phẩm Tứ đế có kệ nói rằng: “Pháp do nhân duyên sinh, ta nói tức là không, cũng gọi là Giả danh, cũng gọi nghĩa Trung đạo” thì bỗng nhiên đại ngộ liền hiểu nhanh các pháp không thứ nào không do nhân duyên sinh ra. Mà các nhân duyên này thì có chẳng nhất định là có, không chẳng nhất định là không. Không và Có chẳng hai nên gọi là Trung đạo. Sư đã một mực dựa vào Thích Luận thế mới biết đã nối xa Tổ Long Thọ. Sư ở đời Cao Tề (Phụ Hành gọi là Tề Cao Tổ. Nay mới rõ là Cao Hoan làm Tướng quốc của Đông Ngụy được phong làm Tề Vương, đến con là Dương mới được Ngụy nhường ngôi, đó là Văn Tuyên, bèn truy thụy cho Hoan là Cao Tổ. Căn cứ vào lúc ấy còn gọi là Đông Ngụy. Tụ họp các đồ chúng hàng trăm ngàn người chuyên tu về Đại thừa. Chỉ có mình ngài hoằng pháp ở vùng sông Hoài mà thôi. Pháp môn mà ngài chứng nhập đời không thể biết được. Đám học giả ngưỡng mộ cho là đạo đức của ngài cao dày như trời che đất chở không thể biết được. Sư Tổ đã dùng Tâm Quán mà khẩu truyền lại cho ngài Nam Nhạc. Ngài Nam Nhạc hoằng hóa rất thạnh hành ở phương Nam, còn đám học trò của Sư ở phương Bắc thì không nghe có ai cả (thấy ở Chỉ Quán, Phụ Hành, Tống Nguyên Lục, Cửu Tổ Lược Truyện).

Lời khen rằng: Ngài Bắc Tề có cái tư thế của bậc Thượng triết, riêng ngộ Trung quán mà các Sư đương thời không sánh được, không phải các Sư Minh, Tối, Tung, Tạc biết được. Đã dùng khẩu quyết để truyền pháp cho Nam nhạc, nhưng môn đồ ở đất Bắc không có ai hoằng truyền, là bởi vì thời Cao thị là một chuỗi ngày buồn vì nước loạn, nên đạo này không sáng tỏ ở đấy. Các Truyền Tăng ở Nam Sơn vì bỏ sót nên không ghi chép, cũng há không có người khảo xét ư? Ngài Từ Vân

nói: Có được đoạn văn “một tâm ba trí”của Tổ Long Thọ rồi dựa vào Luận mà lập Quán, ở đấy mà tự ngộ, há bảo rằng không có Tổ sư ư?

Tổ thứ 3: Nam nhạc Tôn giả Tuệ Tư

Ngài họ Lý, là người ở huyện Võ tân, phía Nam đất Dự châu, đời Nguyên Ngụy (Nam Nhạc Nguyện Văn, ngài tự viết tựa rằng: Sinh ngày mười một tháng mười một năm Ất Mùi tại huyện Võ tân, phía Nam đất Dự Châu, nước Ngụy). Lúc còn bé nằm mộng thấy Phạm tăng khuyên nên vào đạo hoặc thấy bè bạn đọc kinh Pháp Hoa. Tánh tình rất ham thích đọc kinh pháp. Nhưng khi mượn được bản văn thì ở nơi vắng vẻ mà xem một mình, không người dạy dỗ, buồn khóc đêm ngày. Lại cho rằng nơi mộ hoang không phải là nơi người ở, nên dời về Cổ thành và khoét hang mà nương thân. Ngày thì đi khất thực, đêm không lo việc ngủ nghê, thường đối kinh mà rơi lệ lạy mãi không thôi. Nhân mưa nhiều mất hơi nóng nên cả người bị phù thủng, nhưng nhẫn lòng chú ý mãi vào kinh thì bệnh liền tiêu mất. Lại nằm mộng thấy Đức Phổ Hiền cỡi bạch tượng vương đến xoa đầu rồi bỏ đi, thì các văn xưa chưa hiểu nay tự nhiên hiểu rõ. Chỗ xoa đầu của ngài Phổ Hiền trong mơ nay hiện lên một nhục kế.

Năm mười lăm tuổi (Năm Vĩnh An thứ hai đời Ngụy Trang Đế) ngài xuất gia thọ giới Cụ túc, dứt hẳn việc đời, chuyên tụng Pháp Hoa. Mỗi ngày chỉ ăn một bữa không nhận lời thỉnh riêng. Am ngài ở có người quê đến đốt phá liền mắc bệnh nặng nhưng đến ngài cầu xin hối lỗi thì liền lành bệnh. Ngài cất lại thảo am và tụng kinh như xưa. Ngài lại nằm mộng thấy có vị Tăng bảo rằng: “Ngươi trước đây thọ giới tác pháp chưa đúng thì đâu thể mở mang chánh đạo được.” Liền thấy có bốn mươi hai vị Tăng làm lễ Yết-ma thêm nên giới pháp đầy đủ (bốn mươi hai Tăng tức bốn mươi hai ngôi vị từ Sơ trụ đến hết Diệu giác. Đây là tiêu biểu cho ngài Nam Nhạc sẽ giữ sáu căn thanh tịnh mà nhập vào Thập Tín của Viên giáo, vì đó là bốn mươi hai ngôi vị Đại sĩ và Chân tăng diệu giác làm gia pháp để chứng đắc). Khi tỉnh dậy ngài càng cố gắng chuyên tu. Lại có lần mộng thấy các Phật Di-đà và Di-lặc nói pháp cho nghe. Lại thấy cùng các bạn hiền theo ngài Di-lặc cùng hội Long hoa. Cảm kích cho là việc phi thường nên càng hết mực tinh tấn hơn. Năm ngài hai mươi tuổi (nhằm đầu năm Thiên Bình đời Đông Ngụy Hiếu Tĩnh) nhân đọc kinh Diệu Thắng Định thấy có bài khen thiền định, bèn khắp theo học với các bậc Thiền đức về Ma-ha-diễn. Ngài thường ở chốn đồng nội rừng núi mà kinh hành tu thiền.

Về sau ngài gặp sư Tuệ Văn để xin thọ khẩu quyết, Sư truyền cho ngài pháp Quán tâm. Từ đấy ngày thì theo đuổi việc Tăng, đêm thì tọa thiền suốt sáng. Chỉ hai mươi mốt ngày thì mới phát chút ít yên tĩnh, quán thấy các tướng nghiệp thiện ác trong một đời, ngài càng cố gắng mạnh mẽ hơn, bỗng các Thiền chướng nổi lên khiến tứ chi mỏi rời thân không theo ý nữa. Ngài liền tự quán sát bệnh của ta đây đều do nghiệp sinh ra, mà nghiệp do tâm khởi vốn không ngoại cảnh, thấy xét lại nguồn tâm thì nghiệp không thể được, bèn huy động cả tám xúc phát hiện ra căn bản thiền (nặng nhẹ, lạnh nóng, rít, trơn, nhuyến thô đó là tám xúc). Nhân thấy rõ dấu vết ba đời hành đạo. Nhập hạ xong nhận tuổi sắp muốn lên giảng đường bèn cảm thán rằng: Thuở xưa khi Phật còn tại thế, sau chín mươi ngày mãn hạ thì kẻ chứng đạo rất đông, nay ta dối nhận tuổi pháp mà trong lòng rất hổ thẹn. Định ngã mình tựa vách thì hoát nhiên đại ngộ chứng được Tam-muội Pháp hoa. Từ đó trở đi, các kinh dù chưa nghe nhưng không còn nghi lại tự hiểu rõ. Đến năm Võ Định thứ sáu đời Đông Ngụy (ngài ba mươi bốn tuổi), ngài ở tại duyên châu Hà nam cùng chúng nghị luận thì bị một ác Tỳ-kheo bỏ chất độc suýt chết rồi sống lại. Đến năm đầu Thiên Bảo đời Tề (ngài ba mươi sáu tuổi) thường ở tại Hà nam học tập Đại thừa luôn gần gủi các bậc Đại thiền sư và thường du hành đến các quận. Năm này quan Thứ sử muốn đưa Sư về đất Nghiệp (kinh đô của Tề Văn Tuyên). Sư có ý muốn đi về phía Nam, bèn rời chúng mà vượt qua sông Hoài. Khi ấy vua mời các Thiền sư trong nước vào nội đài để cúng dường (Nam Bắc Triều thường gọi triều đình là nội đài). Sư dùng phương tiện từ chối không đến. Năm Thiên Bảo thứ tư, ngài đến Dĩnh châu giảng nói nghĩa Ma-ha-diễn cho Thứ sử Lưu Hoài Bảo. Các ác Luận sư dùng thuốc sinh kim bỏ chất độc trong thức ăn, mạng sắp dứt, Sư nhất tâm niệm Bát-nhã Ba-la-mật thì chất độc liền tiêu mất. Năm Thiên Bảo thứ năm, Sư đến chùa Khai nhạc ở Quang châu, Ba Tử lập năm trăm nhà cùng quan Thứ sử thỉnh ngài giảng kinh Ma-ha-diễn Bát-nhã. Năm Thiên Bảo thứ sáu, Sư ở núi Đại tô thuộc Quang châu giảng Ma-ha-diễn (Đông Pha Tập, cách bốn mươi dặm ở phía Nam huyện Quang sơn, núi Đại tô ở phía Nam, núi Tiểu tô ở phía Bắc, có chùa tên Tịnh cư. Trong năm Thiên Bảo nhà Tề, Tư Thiền sư có qua đây. Thấy các bậc phụ lão thì hỏi họ gì, đáp là họ Tô. Lại hỏi tên hai núi thì than rằng: Thầy ta bảo gặp ba Tô thì dừng lại, bèn ở đấy cất am, nhưng các phụ lão lại cũng không thấy đâu, bởi lẽ đó là Thần núi. Sau đó Khải Thiền sư đến gặp ngài bèn được pháp).

Năm Thiên Bảo thứ bảy, ngài ở chùa Quan ấp tại thành Tây giảng về Ma-ha-diễn, có nhóm ác luận Sư tranh nhau muốn hại ngài. Ngài thệ nguyện làm ba chữ vàng Bát-nhã Kinh hiện ra vô lượng thân khắp các cõi nước mười phương giảng nói kinh ấy. Khiến các ác Luận sư đều được tín tâm trụ bậc Bất thoái chuyển. Năm Thiên Bảo thứ tám, ngài đến phía Nam Định châu, giảng Ma-ha-diễn cho Thứ sử. Có nhóm ác luận sư tranh nhau khởi ác tâm ngăn các thí chủ không cho cúng thức ăn nữa. Suốt năm mươi ngày ngài thường sai đệ tử khất thực để nuôi sống. Lúc đó lại phát nguyện quyết định thề tạo ra chữ vàng Bát-nhã rồi vì chúng giảng nói suốt chín năm ở núi Đại tô, khuyên bảo mọi nơi cần nên tạo kinh. Bỗng có một Tỳ-kheo tên là Tăng Họp tự nói: Tôi có thể tạo kinh, đã được kinh đầu thì có thể giáo hóa trong vùng được tiền thì mua vàng. Ở chùa Tề quang huyện Quang thành tạo ra hai bộ Đại Phẩm Kinh Bát-nhã và Pháp Hoa chất đầy một hòm báu. Lại tự thuật một thiên Nguyện Văn để ghi nhớ việc ấy. Nguyện vào thời Phật Di-lặc ra đời thì thân mình và kinh này xuất hiện cùng lúc để giáo hóa rộng khắp tất cả, lại bảo rằng: Thế gian đạo tục ân cần thỉnh giảng hoặc cưỡng ép khiến giảng đầu là ác tri thức. Lúc đầu giống như có lòng tốt về sau thì giận hờn. Bao nhiêu người học đều xem như oan gia giả làm thân thiết cũng không thể tin. Các vua Sát-lợi cũng như thế. Chọn - Chọn - Chọn - Chọn (hai ngài Pháp Trí và Từ Vân đều nói Chu Lăng bốn chọn là thế. Tức đạo tục khuyến giảng, cưỡng ép khiến giảng, kẻ học giả thân thiết, các vua Sát-lợi bốn loại như thế đều cần phải chọn lựa. Văn trên đều thấy ở Nguyện Văn của ngài Nam Nhạc). Danh ngài càng vang xa, người học ngày càng đông, nên số chúng lẫn lộn cả tinh thô, phải quấy càng nhiều. Bèn nhắc nhở đồ chúng rằng: Khi Phật còn tại thế ngài còn không khỏi việc lưu ngôn, huống chi ta là kẻ vô đức đâu thể bỏ lời trách này. Trách rằng việc làm ở kiếp trước đến thời này phải chịu báo đây là việc riêng. Nhà Tề sắp đổ, Phật Pháp tạm thời tối tăm (sau Tề bị nhà Chu diệt, Chu Võ Đế dẹp bỏ hai đạo Phật và Lão), phải tìm đến phương nào để tránh nạn này. Bỗng nghe trên không trung có tiếng bảo rằng: Nếu muốn tu Định thì đợi qua đời Chu Võ sẽ đến núi Nam nhạc. Ngài dùng dằng ở Quang châu. Lúc đó ngài sang quận gần bên để thuyết giảng cho chúng suốt mười bốn năm. (Năm Thiên Bảo thứ năm ngài đến Quang châu, năm Quang Đại thứ hai Nhà Trần, ngài vào Nam nhạc, trước sau mười bốn năm). Quang Châu thời Trần Tề coi là biên giới, nên phong hỏa đài thường đốt mãi là chỗ chúng không lo sợ. Đến năm Quang Đại thứ hai nhà Trần, ngài vào ở Nam nhạc, bảo

học trò rằng: Ta tạm ở núi này trong mười năm, sau đó tất đi chơi xa (Ngài vào Nam nhạc đến năm Đại Kiến thứ chín, quả đúng mười năm thì mất). Trước đấy có Cao Tăng Hải Thiền sư thuộc nhà Lương đã ở đó, chỉ mới gặp nhau một lần mà như bạn quen biết cũ, liền để núi ấy cho Sư hành đạo. Một hôm Sư lên ngọn Chúc Dung. Thần núi đang đánh cờ, Thần chào Sư và hỏi: Vì sao ngài đến đây? Sư đáp: Xin thí chủ một miếng đất để trải tọa cụ. Thần đáp: Được. Sư bèn quăng cây tích trượng bay đi định chỗ (nay là chỗ chùa Phước nghiêm). Thần bảo: Ngài đã chiếm hết đất phước, đệ tử còn biết ở đâu? Sư bèn lăn một hòn thạch cổ, hòn đá chạy xuống gặp đất bằng thì dừng lại (nay tượng của Nhạc Quân vẫn còn ngồi trên thạch cổ). Thần núi xin thọ giới, ngài bèn nói pháp yếu cho nghe. Một hôm Sư bảo Thần núi rằng: Ngày nọ ta có nạn thí chủ cũng sẽ có nạn. Sư chỉ dưới gộp đá nói: Đời thứ mười một ta từng ngồi thiền ở đây và bị giặc chặt đầu. Đào tìm thì gặp một đống xương khô (nay là Nhất Sinh Nham ở Phước Nghiêm Tự). Khi đến góc Tây Nam, Sư chỉ một hòn đá lớn bảo: Đời thứ hai ta cũng từng ở đây. Liền nhặt lấy đầu lâu xây tháp để báo ân tu đời trước (nay là Nhị Sinh Tháp). Lại đến một chỗ um tùm bảo rằng: Đây ngôi chùa xưa, đời thứ ba của tôi đã từng sống nhờ trên đất này. Nhân đó ngài chỉ người đào lên, quả nhiên có nhiều mảnh vỡ của đồ Tăng dụng và nền nhà cũ. Ngài liền xây dựng ở đấy một đền đài để giảng nói kinh Bát-nhã (nay là Tam Sinh Tàng). Chúng khổ vì thiếu nước dùng, Sư liền lấy gậy cắm vào sườn núi, hỗ nhân đó cào đất và suối từ đất phun nước lên (nay chính là suối Hổ Bào). Năm Đại Kiến thứ nhất, có một Đạo sĩ ở Cửu Tiên Quán là Âu Dương Chánh Tắc thấy núi có khí lành bèn mưu bàn với chúng rằng: Khí này chủ về Hạt Y Pháp Vương, nếu họ thạnh thì pháp ta phải suy, bèn đục mất tim núi rồi đóng đinh vào đá để trù ếm (lời chú này thấy ở quyển 3 của Tụng Tắc Chí) và chôn binh khí trên núi. Nhân đó dối tâu vua rằng: “Bắc Tăng bị nhà Tề mua chuộc nên làm thế!” Vua Tuyên Đế sai Sứ đến khảo nghiệm. Lúc mới qua khỏi cầu đá thì có hai con hổ gầm thét khiến sứ giả kinh hồn rút lui. Đến sáng hôm sau lại tiến đến. Sư bảo: Thí chủ hãy đi trước, bần đạo sẽ đến sau. Nhưng đã hơn bảy ngày mà Sứ giả chưa đến. Ngài bèn phi tích trượng đến Kim Lăng, cả bốn cửa Cung đều thấy Sư vào. Bấy giờ Sứ giả mới đến. Bèn cùng vào yết kiến. Vua đang ngồi trên điện thấy Sư từ trên không hạ xuống, Phạm tướng khác thường, kinh sợ biết là Thần, không dám hỏi câu nào. Vị Đạo sĩ đặt điều vu cáo, vua liền ra lệnh trị tội. Tôi đáng chém đem bỏ ngoài chợ. Sư xin rằng: Ý bần đạo không muốn giết

người xin thả cho về núi sai hầu hạ Tăng chúng cũng đủ trị tội chút ít rồi. Vua chấp thuận, bèn sai hữu ty đúc sắt làm mười bốn bằng khoán sắt ghi tên mười bốn Đạo sĩ trên đó đầy đủ. Rồi ban sắc ấn bảo theo Sư về núi. Khi Sư sắp đi vua tiễn biệt rất trọng thể, gọi là đại Thiền sư, tên Tư Đại là bởi có việc này. Lúc đầu vua sắc lệnh cho ngài ngụ tại chùa Thê huyền. Ngài thường đến tinh xá Ngõa Quan, gặp mưa không ướt, đi bùn không dơ. Có vị Tăng chánh là Tuệ Cảo gặp các việc đó bèn than rằng: Người này sao mà thần dị đến thế! Từ đó cả triều kẻ đạo người tục hết lòng quy ngưỡng. Có đại đô đốc Ngô Minh Triệt thường khi thân cận luận đạo muốn dâng cúng cho ngài một chiếc gối bằng sừng tê giác nhưng chưa dám nói ra. Sư bảo: Muốn cho ta gối thì được. Minh Triệt hết sức kinh dị. Khi Sư trở về núi nói pháp như xưa, chúng Đạo sĩ lấy cớ già bệnh xin cúng một số mảnh ruộng của hương hỏa để chuộc tội vì già yếu không hầu hạ được. Sư bảo: Muốn để ruộng lại là tùy theo ý nguyện của các ông.

Nhân đó gọi là Lưu Điền Trang (tục gọi là Đạo sĩ Thục Thân Trang). Số thiết khoán nhà vua ban cho đều thu lại cất đi và khắc bia ghi rõ sự việc này. Nói rằng: “Hoàng đế nhà Trần có ban cho Nam nhạc Tư Đại Thiền sư đã hàng phục Đạo sĩ một số thiết khoán ký.” Lúc đó các đạo sĩ cùng lén thề rằng: “Vì đời này do sức thần thông và thế lực của vua quan nên đành chịu thua, hẹn năm trăm năm sau ta sinh vào pháp ông mà phá tan pháp ông.” Sư cũng dự ghi rằng: Các đạo sĩ này phá hoại ta không được, một ngày kia sẽ mặc áo ca-sa vào ở Già-lam của ta mà phá hoại di thể ta vậy (thời vua Tống Thái Tông có vị đại thần ra trấn giữ Hồ nam đi ngang qua núi này đến xem các di tích, bảo vị Tăng chủ rằng: Ngày sau các Đạo sĩ đắc chí sẽ lại báo thù. Vậy nên chôn bia đá, đổi tên trang trại. Khiến không còn dấu vết để tìm kiếm. Nhân đó đổi tên là Thiên Trúc Trang và lấy bia khoán đem chôn ở viện Tam sinh tàng. Khoảng năm Đại Quan, Đạo sĩ Lâm Linh Tố sàm tấu, được vua nghe cho dời văn vật để làm rõ việc này. Vì không có dấu vết để khảo tìm bèn thôi. Đầu năm Càn Đạo, có Kiệt Chỉ Am đến làm chủ núi này. Bảo chúng rằng: Nhị sinh tháp đã bị dây leo phủ kín, khó bề chiêm lễ. Vậy nên dời tháp đến thờ chung với Tam sinh tháp. Bởi Kiệt định chỗ đất ấy sẽ xây tháp cho mình. Liền cùng mười bốn người chấp sự dự bị dao búa để đập phá khám đá, thì thấy linh cốt ánh sắc vàng ròng, có bản đá khắc tên Âu Dương Chánh Tắc, các tên, chuyển báo nay làm chủ Am, tri sự và các người giúp việc thì so với tên ngày nay không sai chút nào. Toàn chúng đều kinh sợ. Chiều đó miếu Thần núi

cũng bị phá tan. Các quan châu huyện nghe biết liền cho bắt gấp, nhưng bọn Kiệt đều trốn thoát. Đồ chúng trong chùa đem chôn cất hài cốt ngài. Về sau Kiệt ở núi khác. Mỗi khi thăng tòa đều đối với đại chúng tự hối lỗi cầu mong tránh được quả báo sau này.

Thuật rằng: Ngài Nam Nhạc cách đây đã bảy trăm năm mà việc sư Kiệt quả nhiên ước đúng lời thề riêng Sư cùng Thần núi quả có tai nạn phù hợp với lời ký trước. Lạ thay! Song việc sư Kiệt tuy nhân có lời thề ác, mà cuối cùng lại trở về với Thích chủng do bỏ duyên ác. Đây đủ để nói rõ công năng hóa đạo của ngài Nam Nhạc.

Khi Sư sắp viên tịch, Sư liền tập họp đông đảo các môn đồ thuyết pháp suốt ngày này đến ngày khác, khẩn thiết quở trách những người nghe pháp còn hờ hửng. Ngài nói: Nếu có mười người không tiếc thân mạng luôn tu Pháp Hoa, Niệm Phật Tam-muội, Phương Đẳng, Sám Hối thường ngồi khổ hạnh... thì tùy chỗ cần dùng, ta sẽ tự cúng dường hầu hạ, nếu không có những người ấy thì ta sẽ đi xa. Vẫn không có ai đáp lời, ngài bèn cho chúng lui ra và nhiếp niệm. Khi sắp viên tịch có đệ tử là Linh Biện bất giác gào khóc. Sư liền quở: Ác ma hãy đi ra ngay! Thánh chúng đến đón, đang bận chỗ thọ sinh, cớ sao lại làm kinh động ta? Liền ngồi thẳng bảo là Phật đến rước rồi chắp tay viên tịch. Dung nhan ngài vẫn như người sống, mùi hương lạ đầy nhà. Bấy giờ là ngày hai mươi hai tháng sáu năm Đại Kiến thứ chín, tuổi đời sáu mươi ba, tuổi hạ bốn mươi chín. Khi xưa lúc ở Đại Tô ngài phó pháp cho sư Khải. Sau này sư Khải thường thay ngài giảng Bát-nhã đến chỗ "Nhất tâm có đủ muôn hạnh" chợt có điều nghi. Tổ nói: Như điều nghi của ông chính là ý thứ lớp của Đại Phẩm, chưa phải là ý chỉ của Pháp Hoa Viên Đốn. Xưa ta ở trong Hạ nhất niệm chứng ngay các pháp hiện tiền. Ta đã thân chứng mà không có điều nghi chi. Sư Khải hỏi: Chỗ chứng ấy là Thập địa chăng? Đáp: Ta một đời chỉ trông mong ở Đồng Luân (Thập Trụ Viên giáo) vì sớm thống lãnh đồ chúng mà tổn mình để ích người, nên chỉ ở Thiết Luân (Sư được sáu căn thanh tịnh tức Thập Tín Viên giáo, ba mươi tâm của Biệt giáo Hoa Nghiêm Phạm Hạnh là ở Vị Anh Lạc Thiết Luân). Thân tướng của Sư rất đỉnh đặc nghiêm trang, vành tai đôi, trên đầu có nhục kế, dáng trâu đi trước voi bước không dựa không xiu. Từ xưa, để ngự hàn ngài chỉ dùng một áo vải thô (kinh Pháp Hoa nói: Mặc nạp y ở chỗ yên vắng. Luật văn, nói về năm nạp y tức là thọ nhận năm thứ cũ xấu để làm y vậy). Đồ thêu thùa bông tơ tất cả đều không dùng. Chỗ ngài ở các điềm linh hiện ra vô số, vật cúng cho ngài luôn trang nghiêm đầy đủ, nước tự đầy bình, vì có các thiên đồng luôn hầu hạ hoặc

hiện ra hình lớn bé hoặc yên lặng ẩn thân. Về các mùi hương lạ và các dấu vết kỳ bí không thể kể xiết.

Ngài thường dạy chúng rằng: Nguồn đạo vốn không xa, tánh Hải thật rất gần, chỉ nên tìm cầu ở mình không thể tìm cầu ở người khác. Tìm liền không được, dù được cũng không phải thật. Lại nói kệ rằng:

Đốn ngộ tâm nguyên mở kho báu
Ẩn hiển linh không thấy chân tướng
Riêng mình đi ngồi luôn ngay thẳng
Trăm ức hóa thân vô số kể
Dẫu cho đầy ắp cả hư không
Lúc xem không thấy tướng vi trần
Đáng cười vật kia không gì sánh
Miệng nhã minh châu sáng làu làu
Tìm thường thấy nói khó nghĩ bàn
Một tiếng nêu tên ngay lời nói.

Lại nói kệ rằng:

Trời không thể che, đất không thể chở
Không đi không đến không chướng ngại
Chẳng ngắn chẳng dài chẳng xanh vàng
Không hề ở giữa hay trong ngoài
Siêu quần xuất chúng rộng mênh mông
Chỉ vật truyền tâm người không hiểu.

Những trước thuật của ngài phần lớn đều khẩu truyền. Các môn đồ chép lại thành chương cú, nêu ra bốn mươi hai tự môn, như: Vô Tránh Hạnh Môn, Đại Thừa Chỉ Quán thì mỗi bộ gồm hai quyển. Các bộ Thích Luận Huyền, Tùy Tự Ý, An Lạc Hạnh, Thứ Đệ Thiền Yếu, Tam Trí Quán Môn... mỗi bộ một quyển (rút chung từ Nam Nhạc Nguyện Văn, Thiết Khoán Ký, Nam Sơn Tục Cao Tăng Truyện, Truyền Đăng Lục nói rằng: Chí Công khiến người bảo Sư Tư rằng: “Vì sao không xuống núi giáo hóa chúng sinh?” Sư đáp: “Cả ba đời chư Phật đủ cho ta nuốt ực một cái, còn có chúng sinh đâu mà giáo hóa?” Nay khảo sát lại Nam Nhạc Nguyện Văn, trong bài tựa ngài tự nói về năm sinh của mình thì đó là năm Thiên Giám thứ mười bốn, đời Lương Võ Đế, đến năm Quan Đại thứ hai đời Trần, ngài mới đến núi Nam nhạc, lúc đó ngài năm mươi bốn tuổi, Chí Công đã nhập diệt vào đời Lương Võ Đế rất lâu xa, tất không có việc hỏi này. Nay e là một vị Sư khác mà người sau lầm truyền là Chí Công).

Lời tán rằng: Ngài Nam Nhạc đã nối tiếp từ Bắc Tề về đạo Nhất

tâm tam quán rồi truyền lại cho Thiên thai. Đó là công nghiệp lớn không gì hơn được. Cho nên ngài Chương An có nói rằng: Tư Thiền sư được coi là ngọn núi Tung cao ngất, hạnh sâu y lạc (dụ cho hạnh cao sâu), mười năm thường tụng, bảy năm Phương đẳng, ngồi suốt chín tuần, một thời Viên Chứng (thấy ở Thiên Thai Biệt Truyện). Việc tu hành của Sư đã rất chuyên cần. Đến khi ngộ Pháp Hoa Tam-muội khai thác nghĩa môn thì thời Bắc Triều chưa biết được. Cho nên ngài Kinh Khê cũng nói rằng: Tuệ Văn Thiền sư chỉ nêu ra chỗ thấy nghe về nội quán mà thôi (thấy ở Chỉ Quán Đại Ý) có thể không tin sao?

Tổ thứ 4: Thiên thai Trí Giả

Ngài Trí Khải, tự Đức An, họ Trần, đã nhiều đời ở Dĩnh xuyên. Đến triều nhà Tấn lánh loạn ngụ tại Hoa dung ở Kinh châu (nay là huyện Công an, phủ Giang lăng). Cha là Khởi Tổ. Thời Lương Nguyên Đế làm chức Tán kỵ thường thị được phong tước Ích Dương hầu, mẹ là Từ Thị nằm mộng thấy khói thơm năm màu quyện bay vào lòng. Lại có lần mộng thấy nuốt con chuột trắng, nhân đó biết mình có thai. Thầy bói bảo: Chuột trắng chính là rồng hóa ra.

Vào đêm Tổ sinh thì ánh thần quang sáng rực (năm Đại Đồng thứ tư. Mậu Ngọ đời Lương Võ Đế) hàng xóm trông thấy tưởng lửa cháy, đến nơi mới biết là sinh con, mọi người đều kinh dị, trong ngoài khen ngợi. Định bày nhang đèn bánh trái để tổ chức tiệc mừng thì lửa tắt nước lạnh khiến việc không thành. Sáng đến có hai vị Tăng gõ cửa nói rằng: "Đứa bé này đạo đức hun đúc tất sẽ xuất gia", nói xong thì biến mất. Sư có lông mày tám màu (Đế Vương Thế Kỷ nói vua Nghiêu đến mười bốn tháng mới sinh lông mày có tám màu), mắt sáng con ngươi đôi (Hán Thư Hạng Vũ Tán nói vua Thuấn có con ngươi đôi) có tướng của bậc Đế vương xưa. Cha mẹ bồng ẩm thường dấu kín không cho người thấy. Khi nằm trong tả thường chấp tay, khi ngồi mặt luôn xây về hướng Tây. Đến bảy tuổi thường thích đến chùa, nhờ chư Tăng dạy đọc miệng phẩm Phổ Môn chỉ đọc một lần thì thuộc làu.

Năm mười bảy tuổi, đời Lương Nguyên Đế, Giang Lăng bị thất thủ (Lương Nguyên Đế, xưa được phong làm Sương Đông Vương là con thứ bảy của Lương Võ Đế, Giản Văn Đế bị Hầu Cảnh giết, Nguyên Đế lên ngôi đóng đô ở Giang lăng ba năm chín tháng, rồi bị Tây Ngụy phá. Căn cứ theo lịch mà suy ra thì ứng với năm mười bảy tuổi. Các truyện khác nói mười lăm tuổi là lầm) thân thuộc ly tán Sư ở Trường sa đến trước tượng Phật nguyện làm Sa-môn (thời Tấn Hiếu Võ Đế, ở phía Bắc

thành Giang lăng thấy có ánh sáng năm màu Sa-môn Đàm Dực nhặt ở đấy một tượng Phật bằng vàng đang phóng quang có đề hàng chữ Phạm là tượng do vua A-dục tạo, bèn rước về thờ ở chùa Trường sa. Tức nay nói là tượng Phật Trường sa. Chùa ở phía Bắc thành Giang lăng. Xưa cho là Trường sa ở Đàm châu là lầm. (Truyện Thiên Nhân cảm thông nói: Chùa Trường sa ở bờ Bắc Kinh Châu cũng giống đây).

Đêm nằm mộng thấy tượng ngọc thò tay vàng vào cửa sổ xoa đầu ba lần. Do đó Sư càng chán cảnh gia đình tù ngục, chỉ mong cầu xuất gia. Song thân quá thương không cho đi. Sư bèn khắc gỗ Chiên-đàn, vẽ tượng, mở kho tìm kinh. Ngay đương lúc lễ Phật thì bàng hoàng như mộng thấy núi cao ở sát biển, trên đỉnh núi có vị tăng đưa tay ngoắt. Phút chốc lại duỗi tay đến chân núi tiếp Sư đưa vào một Già-lam thì thấy tượng mình làm ra đã ở đấy, liền khóc lóc trình bày ý nguyện của mình. Bèn học được pháp của ba đời Phật, đối trước Luận sư ngàn bộ mà nói năng vô ngại, dùng đó để đáp đền bốn ân sâu. Vị Tăng lại chỉ tượng bảo Sư rằng: Ông phải ở đây và sẽ chết ở nơi này. Năm đó cha mẹ nối nhau qua đời (xét theo bia Kinh châu nói: Sư muốn đi du phương. Bà mẹ nói: Dành cho cha mẹ món ngon vật lạ, tại sao lại đem cúng cho tà sư để luyện từ tâm, chỉ cỏ tranh hóa thành lúa, chỉ nước hóa dầu? Nay thôn cỏ lúa sông dầu tên hãy còn. Căn cứ vào hai đoạn văn khác nhau này thì phải là lúc trước khi xin xuất gia và cha mẹ chưa cho. Nay phụ vào để thấy rõ).

Năm mười tám tuổi thì Sư từ giã anh để ra đi (năm Thiệu Thái thứ nhất, đời Lương Kỉnh Đế, anh là Trung Binh Tham Quân là Trần Tiêm). Lúc đó Vương Lâm giữ Tương châu (thuộc Hành châu) theo về. Lâm cho là kẻ cố cựu của Trần Hầu bèn tư cấp đủ pháp cụ. Sư ở chùa Quả nguyện tại quận nhà nương vào cậu ngài là Pháp Chữ mà xuất gia (Phụ Hành nói: Đến xuất gia với cậu ở chùa Quả nguyện). Năm hai mươi tuổi Sư thọ giới Cụ túc (nhằm năm Thái Bình thứ hai đời Lương. Tháng chín năm ấy, Võ Đế nhường ngôi).

Lúc đầu Sư theo ngài Tuệ Khoáng học về Luật và cả Phương Đẳng, lại đến núi Đại hiền (phía Nam Hành châu) tụng kinh Pháp Hoa, Vô Lượng Nghĩa, Phổ Hiền Quán trải suốt hai tuần tụng thông cả ba bộ tiến tu Phương đẳng thì thắng tướng hiện ra. Ngài thấy đạo tràng rộng rãi trang nghiêm mà các kinh tượng thì lộn xộn lung tung (đây là chỉ các bộ lộn xộn) thân ở tòa cao mà chân luôn đặt trên giường dây, miệng tụng Pháp Hoa, tay sửa kinh tượng (Đây là chỉ việc dùng ý chỉ Pháp Hoa để phân biệt thuần hay tạp khiến quy về một chánh). Khi đã tinh thông

Luật tạng, luôn vui thiền duyệt nhưng mãi lẩn quẩn ở Tương đông (ở Hành châu) vì không ai để học hỏi thêm. Đến năm Thiên Gia thứ nhất đời Trần Văn Đế (Phụ Hành nói năm Càn Minh là sai, năm đó Sư hai mươi ba tuổi). Khi đó Tư Thiền sư đang ở tại núi Đại tô, Sư liền đến lễ bái, sư Tư bảo: Ngày xưa ở hội Linh sơn chúng ta cùng nghe Pháp Hoa, do túc duyên ràng buộc nên nay lại đến đây. Liền bày ra Phổ Hiền đạo tràng và giảng về bốn hạnh An lạc cho nghe (ngài Nam Nhạc viết tập An Lạc Hạnh Nghĩa lâu quá nên quên mất bản. Ngài Tứ minh Hành Kiểu đi du phương đến Nam nhạc thì được kho báu cổ đó, trở về biện luận Viên giáo. Sau đó ở ngọn Bắc phong đã cùng Kiểu Thạch Chi tìm được khai bản đem truyền bá ở đời). Sớm tối đau đáu đúng pháp tìm tâm, xẻ gỗ bách thay hương, bách hết thì dùng gỗ lật. Cuốn rèm ngắm trăng, trăng lặn vội tìm ngọn tòng. Trải suốt mười bốn ngày tụng kinh hết sức tinh tấn. Đó gọi là chân pháp cúng dường Như lai. Bỗng nhiên thâm tâm rỗng vắng mà nhập định, nhân thì tĩnh phát (Diệu Lạc nói: Viên môn Tam-muội và Đà-la-ni thì thể đồng mà tên khác. Tam-muội do định, Đà-la-ni do tuệ. Còn tĩnh là định, tức là Pháp Hoa Tiền Phương Tiện. Trì là giữ về không, tức Sơ toàn Đà-la-ni). Pháp Hoa sáng rỡ như mặt trời lên cao chiếu vào hang tối (mặt trời chánh ngọ) thấu suốt các pháp tướng như gió lộng hư không. Ngài đem chỗ chứng lên trình thầy thì ngài Nam Nhạc lại khai diễn thêm. Do những sở ngộ của mình và sự nhận biết do hỏi thầy nên chỉ dốc hết sức trong bốn đêm mà hơn cả một trăm năm. Ngài Nam Nhạc khen rằng: Nếu không là ông thì không chứng, không phải ta thì không biết, cái định nhập vào đó chính là Pháp hoa Tam-muội Tiền phương tiện vậy, còn cái phát của trì đó chính là Sơ toàn Đà-la-ni vậy (Hễ lên thập trụ là chân tu, Thập tín là phương tiện. Nay nói "Tiền" chính là chỉ cho năm phẩm, về Sơ toàn Đà-la-ni, tức xoay giả mà nhập vào không. Còn bách thiên vạn ức Đà-la-ni, tức xoay không mà nhập vào giả.

Về pháp âm phương tiện Đà-la-ni, là dùng hai quán làm phương tiện để được nhập vào Trung đạo. Đà-la-ni, dịch là Tổng trì. Nay nói "Sơ Toàn" tức là Không Trì. Đại sư mới nhập định là tiền phương tiện tức ngôi vị năm phẩm Quán hạnh. Chỗ phát của trì là Toàn Đà-la-ni tức vị tương tợ Thập tín, y vào nhân định này mà được Phát không trì, là do công của năm phẩm chuyển nhập vào Thập tín. Xưa người ta nói là "dùng năm phẩm thì không thể được Sơ Toàn" ấy là chưa nghĩ rằng Nhân Trì thì tĩnh phát vậy. Huyền Tiêm nói rằng: "Cố được Đà-la-ni là do sức của Tam-muội" chính là nghĩa này. Đến lúc lâm chung tự nói chỉ

là năm phẩm. Bởi muốn khuyên bảo các môn đồ còn sống để nhớ mà tu hành. Đại sư trách đệ tử rằng: Các ông lười gieo trồng thiện căn mà hỏi các công đức khác nếu ta bảo thật thì có ích lợi gì, là ý này vậy. Phải biết với Đại sư hoặc bản hoặc tích đều là bất khả trị ngang tầm đẳng giác hay Diệu giác. Lương Thị khen như thế, nay còn luận gì?). Giả sử những bậc thầy về văn tự tài nghệ hơn muôn người mà tìm cầu bàn luận của ông cũng không thể bàn cho cùng được. Ông xứng đáng là hàng nói pháp bậc nhất của loài người. Có Tuệ Mạc Thiền sư đã bảo môn nhân rằng: Pháp hoằng truyền của ta đúng là Sư tử hống, còn các người khác nói chỉ là tiếng kêu của loài giả can. Sư dẫn kinh hạch vấn thì Tuệ Mạc liền bị khuất phục. Đêm đến nằm mộng thấy ba tầng lầu các, mình thì ngồi trên. Mạc đứng dưới, có một người trợn mắt giận dữ bảo: Có sợ gì Mạc, pháp có nghi gì hãy hỏi ta. Sư mới hỏi vài điều thì người ấy cứng lưỡi. Sư nhân đó khuyên rằng: Trừ thật tướng các pháp, ngoài ra đều là ma sự. Ngài Nam Nhạc tạo chữ vàng Bát-nhã bảo Sư giảng thay. Chỉ có ba thứ Tam-muội và ba Quán Trí dùng để xét hỏi, còn thì tất cả đều cắt bỏ. Ngài Nam Nhạc tay cầm cây như ý lên tòa khen rằng: Có thể bảo rằng pháp đã giao cho Pháp Thần thì Pháp Vương rảnh việc. Lại bảo Sư rằng: Ta ham thích Nam nhạc đã lâu hận vì pháp chưa có người giao phó nay ngươi mới nhận qua môn ấy hãy nên truyền đăng mà độ người chớ nên làm kẻ sau cùng tuyệt tự (sau cùng là chỉ đời mạt pháp). Sư nghe theo lời dạy không theo thầy đến Nam nhạc. Vào năm Quang Đại thứ nhất nhà Trần, Sư cùng nhóm Pháp Hỷ... hai mươi bảy người mới đến Kim lăng (Đây là thời Trần Phế Đế, Sư được ba mươi tuổi. Sở gọi là Kim lăng, Tấn gọi là Kiến khang. Nay là phủ Kiến khang). Có kẻ tên Pháp Tế tự kiêu căng về thiền học, nằm mà hỏi Sư rằng: Có người nhập định vừa nghe Nhiếp sơn thì đất rúng động, biết ngài Tăng Thuyên luyện về vô thường, vậy đây là thiền gì? (Nhiếp Sơn ở cách Kiến khang bảy dặm, Thuyên Công ở chùa Chỉ quán luyện Vô thường. Văn trích từ Thiền Bí Yếu Kinh, có ba mươi sáu quán môn, đối với địa, thủy, hỏa, phong nhập không mà quán sát, lần lượt sẽ chứng bốn quả). Sư đáp: Biên định không sâu thì sẽ mịt mờ nhập vào tà thừa, như lấy như nói thì định hư vô ngại."

Pháp Tế kinh hãi ngồi dậy tạ lỗi rằng: Lão Tăng từng được định này, trước đây rất linh diệu thì ông nói nhân đây mất hẳn. Do đó trong Triều ngoài nội đều nghe tiếng cùng đến thỉnh ích. Năm Đại Kiến thứ nhất (đời Trần Tuyên Đế) quan Nghi đồng là Thẩm Quân Lý mời Sư về Ngõa quan (Tấn Ai Đế đem đất Ngõa diêu ban cho Sa-môn Tuệ Lực

lập chùa, nhân đó mà đặt tên. Chùa ở phía Tây thành quay mặt ra sông gọi là chùa Thăng nguyên) để khai đề kinh Pháp Hoa. Vua ra lệnh bãi triều một ngày để các quan đến nghe pháp. Lúc đó các quan như Bộc xạ Từ Lăng, Quan lộc Vương Cố, Thị trung Khổng Hoán, Thượng thư Mao Hỷ, Bộc xạ Châu Hoằng Chánh... đều vâng lời giữ giới pháp, cùng nghe diệu chỉ. Chỉ ở một hạ để mở mang đại nghĩa Phật pháp. Bấy giờ Bạch mã Kỉnh Thiều, Định lâm Pháp Tế, Thiền chúng Trí Lệnh, Phụng thành Pháp An là những bậc tài giỏi ở Kim lăng đều quy phục Sư. Từ đấy Sư giảng cho chúng về Đại Trí Độ Luận và nói thứ lớp thiền môn (ngài Pháp Thận riêng ghi được ba mươi quyển, ngài Chương An sửa lại làm mười quyển, tức là Thiền Ba-la-mật Tiệm Thứ Chỉ Quán). Lại nói cho Mao Hỷ về Lục Diệu Môn (tức Bất Định Chỉ Quán). Sư ngụ tại Ngõa quan trước sau tám năm. Đến năm thứ bảy khiển trách môn nhân rằng: Năm đầu ta cùng ngồi đây thì bốn mươi người đắc pháp, năm kế hơn một trăm người thì không đầy mười người đắc pháp. Sau đó thì đồ chúng càng ngày càng đông mà số người đắc pháp càng ít lại. Ta nghe núi Thiên thai đẹp đẽ được người xưa khen ngợi. Ta định dứt hết các duyên ở trên đỉnh núi ấy cho thỏa chí bình sinh. Tháng tư, mùa Hạ vua Tuyên Đế ra lệnh cho ngài ở đấy để hoằng hóa. Từ Lăng khóc lóc khuyên Sư chớ đến. Sư miễn cưỡng ở lại hết mùa Hạ đến tháng chín mùa Thu thì Sư vào núi Thiên thai (Phụ Hành nói năm này Sư ba mươi tám tuổi).

Sư có lần ngủ đêm ở Thạch kiều mộng thấy một lão Tăng bảo rằng: "Thiền sư nếu muốn xây chùa thì ở dưới núi có nền cũ chùa Hoàng Thái tử, dùng đó nhờ người cung cấp cho thì ba nước thành một (ba nước đó là Trần Nam triều, Chu Bắc triều và Tề, Thành một tức là nhà Tùy vậy) phải người có thế lực lớn mới tạo nên chùa này (chỉ cho Thái tử Tấn Vương) chùa nếu xây xong thì nước thanh bình ngay. Bấy giờ ba phương vững vàng như đỉnh."

Dù nghe lời nói ấy nhưng do đâu mà chùa thành? Khi ra khỏi hang thì thấy ở ngọn phía Nam Phật lũng (bài tựa Bách Lục nói kẻ dạo núi nhiều người thấy tượng Phật nên có tên này) bèn luôn chú ý đến núi này. Trước đây ở đó là am của Thần tăng Định Quang ở đã ba mươi năm. Sư đến thì ngài Định Quang bảo rằng: Có nhớ việc vẩy tay dẫn nhau vào chùa... đấy chăng? Sư liền ngộ và đảnh lễ tượng ấy. Đêm lại nghe trên không trung có tiếng chuông khánh. Quang bảo: Đây là kiền chùy tập họp Tăng chúng được ở đây (Kiền chùy là tiếng kêu của tre gỗ đồng sắt). Chỗ này là Kim địa ta đã ở, Bắc sơn là Ngân địa ông nên ở đó. Sư liền ở ngọn Bắc sơn mà xây dựng Già-lam, trồng tùng dẫn nước,

rõ ràng như trong giấc mộng xưa. Ở phía Bắc chùa có ngọn núi khác tên là Hoa đảnh, Sư một mình đến đó tu hạnh Đầu-đà chợt vào cuối đêm thì gió mạnh nổi lên sấm sét inh ỏi, ngàn bầy quỷ quái hình thù đáng sợ, nhưng Sư an tâm tịch tịnh thì tự nhiên tan hết. Chúng ma lại hiện ra hình cha mẹ Sư Tăng, lúc nằm, lúc ôm nhau buồn thương khóc lóc nhưng Sư thâm niệm thật tướng thấu suốt thể vốn không thì tất cả liền mất. Dữ dằn dịu ngọt cả hai cách đều không lay động được Sư (đây đều là cách làm của ma Thiên tử các sư tu hành ở cõi này ít người hàng phục được ma Thiên tử).

Khi sao mai mọc thì thấy có một Thần Tăng bảo: Chế phục thắng được oán địch là kẻ mạnh (hai câu này rút từ kinh Tịnh Danh) rồi nói pháp cho nghe.

Sư hỏi: Đại Thánh đã nói pháp môn nào? Phải học thứ gì? Phải hoằng truyền những gì?

Tăng đáp: Đây gọi là một Thật đế, phải học về Bát-nhã, phải hoằng tuyên về đại Bi.

Từ nay trở đi, làm cho mình mà bao gồm cả người khác, ta đều có ảnh hưởng. Cả tám năm Sư an cư tại Phật Lũng. Năm ấy bỗng gặp mất mùa chúng đều tùy ý đi hoặc ở. Sư cùng ngài Tuệ Xước trồng cự và nhặt tượng (Cự lớn hơn hạt mè, tượng là hạt giẻ, hạt cây dịch, an phận nghèo không lo lắng. Tháng hai năm thứ chín, vua hạ chiếu rằng: Thiền sư là bậc tài giỏi nhất về Phật pháp, là bậc tôn kính của những kẻ tài giỏi đương thời, dạy cả đạo tục, đất nước trông nhờ. Phải cắt bỏ thuế của huyện Thủy phong (thời Lục triều gọi Thiên thai là Thủy phong) để sung vào các phí tổn khác, cũng bỏ lệ bắt hai hộ dân phải cung cấp củi nước. Do đó chúng Tăng lại tựu hội về. Tháng năm năm thứ mười, tả Bộc xạ là Từ Lăng, vì Thiền sư xây chùa nên khải tấu về Triều xin vua ban hiệu là Tu Thiền (Quan Thượng Thư Mao Hỷ đề chữ Triện nay gọi là Đại Từ).

Viên Tử Hùng ở Trần quận, Dữu Sùng ở Tân giả, hai người cùng lên núi gặp lúc Sư giảng kinh Tịnh Danh, liền chuyên tâm trai giới suốt cả mấy buổi sáng nghe pháp. Hùng thấy trước giảng đường có núi Lưu ly ngời sáng, núi râm mát có khe suối quanh co và hiện ra một cầu vồng, có khoảng mấy mươi phạm Tăng đều bưng lư hương bước lên cầu vồng đi vào giảng đường. Hùng nói việc ấy với Sùng, Sùng bảo không thấy gì cả. Nhân đó Hùng phát tâm sửa sang lại giảng đường. Thiên thai ở gần biển nên dân ở đó chuyên nghề đánh bắt cá. Sư đích thân lấy y phục mình chuộc sở đất để làm ao phóng sinh. Bấy giờ ở Lâm hải có

quan nội sử là Kế Hủ thỉnh Sư giảng kinh Quang Minh. Những ngư dân nghe pháp đều hiếu sinh bỏ việc giết hại, dẹp bỏ sáu mươi ba sở đánh cá ở Giang khê, hơn ba trăm dặm đều thành ao pháp. Về sau Hủ trở về kinh nhân việc bị tội, lúc sắp đem hành hình thì xa nghĩ đến Thiền sư, mong một phen cứu giúp. Đêm nằm mộng thấy bầy cá có đến vạn ức con phun bọt ước đẩm. Sáng hôm sau có chiếu đặc biệt tha tội cho Hủ. Sư giảng kinh xong liền ngồi thuyền ra cửa biển ngắm núi Phù dung các ngọn cao chót vót, có hòn đá trơ trọi nằm ngang.

Sư bảo: Giấc mộng xưa khi ra biển giống y như cảnh này.

Một hôm thấy có đám mây lành năm sắc sáng như ánh trăng từ trên cao phủ trên mái chùa. Có bầy chim sẻ ồn ào bay đậu dưới hiên chùa. Sư bảo: Đám cá dưới sông hóa thành bầy sẻ vàng bay đến tạ ân đó.

Đến năm Chí Đức thứ nhất (đời Trần Thiếu Chủ) vua sắc lệnh cho Quốc tử tế tửu là Từ Hiếu khắc bia gỗ làm bài minh để khen công đức ngài (văn chép trong Bách Lục). Năm Chí Đức thứ hai, Vĩnh Dương Vương (là em họ của Bách Trí Thiếu Chủ) ra trấn nhậm Đông dương (các truyện khác viết là Âu Việt, vì trên một đường nên gọi chung), đã ba lần viết thư mời Sư đến ở đó. Sư đích thân tu Phương đẳng, ngày giảng kinh, đêm tọa thiền. Vương và con là Kham cùng người nhà đều tuân giữ tịnh giới. Trần Thiếu chủ hỏi quần thần rằng: Trong cửa Phật hiện nay ai là bậc nổi tiếng nhất?

Từ Lăng tâu: Thiền sư Ngõa quan có thiền đức cao trọng nhất.

Vĩnh Dương Vương đích thân tâu vua: Xin Bệ hạ xuống chiếu mời ngài về kinh đô để hoằng truyền đại pháp.

Vào tháng giêng năm Chí Đức thứ ba, trước sau ba lần vua sắc lệnh sai sứ mời về, nhưng Sư lấy cớ bệnh mà từ chối (ba lần sắc lệnh ghi đủ trong Bách Lục). Tháng ba lại sắc lệnh cho Châu quận đến thỉnh mời (ở Bách Lục có văn về sắc lệnh Đông dương vì lúc đó Sư còn ở Đông dương). Vương khuyên Sư rằng: Chúa thượng đã hạ mình chí kính, vậy xin Sư hãy đến ngay, nếu một lời có ích thì cả muôn dân đều nhờ cậy. Bất đắc dĩ Sư đành phải đi, khi đến Kim lăng tạm ở tại Linh diệu.

Đến tháng tư vua lại vời Sư lên Thái cực điện để giảng về đề luận Đại Trí Độ và đề kinh Nhân Vương Bát-nhã. Khi về chùa vẫn còn giảng tiếp. Lúc đó có bách tòa ở bên trái (tức các Pháp sư cao quý), còn ngũ đẳng ở bên phải (tức năm tước công hầu bá tử nam vậy). Các ngài Tuệ Hoàn, Tuệ Khoáng, Tuệ Biện đều tuân lệnh vua mà vấn nạn. Thiên tử đến ngồi vào chiếu để nghe pháp, bá quan ai nấy đều hết lòng kính quý

Sư. Lúc bấy giờ các Tăng Ni phần lớn đều không chuyên tu. Triều đình bàn luận nếu khảo thí kinh luật mà không thông thì đều cho hoàn tục.

Sư can rằng: Ông Điều-đạt mỗi ngày tụng cả vạn lời nhưng không khỏi bị đọa lạc (Trí Độ Luận nói Điều-đạt tụng được sáu vạn pháp tụ cùng vua A-xà-thế tạo tội ngũ nghịch nên lúc còn sống mà đọa ngay vào địa ngục. Đây là việc Đại quyền biến để giáo hóa. Nhưng Đại sư nêu ra đây là ý phương tiện muốn hộ pháp). Ông Bàn-đặc chỉ nhớ có một bài kệ mà chứng được bốn quả (kinh Pháp Cú Dụ nói ông Bàn-đặc dốt đặc, Phật dạy cho một bài kệ: "Giữ miệng nhiếp ý thân chớ phạm, như thế người tu được thoát tục." Ông đọc mãi và khoát nhiên khai ngộ chứng được quả A-la-hán). Rốt ráo là đạo, đâu quan hệ ở tụng đọc nhiều, Thiếu Chủ nghe Đại sư nói liền thôi không sát hạch nữa. Sư ở tại Linh diệu cho là quá chật chội. Ngài muốn tìm chỗ yên tĩnh. Chợt mộng thấy một người đứng hầu nghiêm chỉnh tự xưng là Quan Đạt, thỉnh Sư đến ngụ ở Tam kiều.

Sư nói: "Quan Đạt là pháp danh của Lương Võ Đế, còn Tam kiều chính là chùa Quan trạch." Thiếu chủ nghe nói liền đón Sư đến ở. Lại xuống chiếu rằng: Trong nước ta trước đây có giảng về Nhân Vương mỗi năm hai tập, nay cúi mong Sư ở điện Thái cực giảng lại kinh này. Tháng ấy vua đến chùa Quan trạch xả thân làm lễ Đại thí, nghe giảng kinh Nhân Vương đích thân lạy ba lạy. Hoàng hậu là Thẩm Thị xin được đặt pháp danh. Sư đặt tên là Hải Tuệ. Tháng giêng năm Chí Đức thứ tư, Hoàng thái tử xin thọ giới Bồ-tát, từ hàng thái tử trở xuống đều phụng trì giới pháp.

Năm Trinh Minh thứ nhất, ở chùa Quan trạch Sư giảng kinh Pháp Hoa. Lúc đó ngài Chương An đến dự nghe lần hai (Văn Cú đề chú, Sư hai mươi bảy tuổi đến tu học ở Kim lăng, nhưng khi ngài sáu mươi chín tuổi thì gò Chu bị sông Trăn cuốn trôi). Tháng giêng năm Trinh Minh thứ hai, nhà Tùy đánh nhà Trần, cả Giang nam đều thuộc về nhà Tùy. Vì thời buổi tao loạn chết chóc, Sư chống trượng sách đến Kinh tương (trượng có nghĩa là phò giúp. Sách là gậy trúc. Hán Đặng Võ dùng trượng sách đuổi theo Quang Võ. Kinh châu là Hồ bắc, Tương châu là Hồ nam) giữa đường ghé ở Bồn thành (nay là đất Giang châu gọi là Bồn phố) nằm mộng thấy một lão Tăng bảo rằng: "Hãy kính cẩn giữ gìn tượng ngọc của Đào Khảng."

Kịp khi đến nghỉ ở Lô sơn thì thấy tượng của hai Sư mới ngộ được sự linh ứng. Bỗng chốc ở Tầm dương có cuộc phản loạn (tức Giang châu) chùa chiền đều bị đốt phá, chỉ có núi này không bị xâm phạm đến, càng

biết sự linh nghiệm của việc giữ gìn tượng (đời Tấn, Đà Khảng coi giữ Quảng châu, đi trên biển vớt được tượng Văn-thù, đem về chùa Hàn khê ở Võ xương. Khảng trở về Kinh châu muốn chở tượng đi, thuyền chìm lại đưa tượng trở về chùa cũ. Viễn Pháp sư tạo cảnh Đông lâm, bưng lư hương hướng về phương ấy cầu nguyện thì tượng theo gió bay lên không mà đến).

Tháng giêng năm Khai Hoàng thứ mười đời Tùy (là năm cả Nam Bắc đều gồm thâu vào một mối), Tùy Văn Đế xuống chiếu rằng: Hoàng đế kính hỏi Quang Trạch Thiền sư, đối với Phật pháp Trẫm hết lòng kính tín tôn quý. Năm xưa nhà Chu Võ phá dẹp Phật pháp, còn Trẫm thì phát tâm lập nguyện quyết hộ trì và từ khi lên ngôi đến nay liền phục hưng Tam bảo. Thiền sư đã vượt ngoài cõi tục sửa mình độ người, tất mong khen thưởng hàng Tăng sĩ tiến tu để hưởng dụng ánh sáng của đại đạo (nói Quang Trạch là gọi theo tên xưa). Lúc đó Tần Hiếu Vương ra trấn giữ Dương châu (Tần Vương là Dương Tuấn con của Văn Đế, em của Tấn Vương. Lý Tuần nói: Khí ở Giang nam bốc cao là dương." Là căn cứ vào nghĩa này) đã viết thư mời Sư đến. Sư bảo sứ giả rằng: "Rất mong gặp nhau chỉ sợ thiếu duyên." Quả nhiên suốt mấy tuần gió bão, giặc cướp nổi lên, đường thủy bộ đều nghẽn lối nên việc đi thăm không thành.

Năm Khai Hoàng thứ mười một, Tấn Vương thay làm Tổng quản (Tấn Vương là Dương Quảng thay Tần Vương làm Tổng quản Dương châu) sai sứ đến xin đón ngài về. Sư nói: "Ta với Tấn Vương rất có duyên sâu." Liền thay áo ngồi thuyền không bao lâu đến nơi. Vương làm bài văn xin ngài truyền giới Bồ-tát. Sư ba phen từ chối nhưng không được. Bèn giao ước bốn điều:

1. Tuy rất thích thiền học nhưng vì hạnh không xứng pháp nên xin chớ dùng thiền pháp tâng bốc nhau.

2. Thân chưa hề học tập, lời lẽ thăm hỏi vụng về xin chớ đem phép tắc mà chê trách.

3. Vì pháp mà truyền đăng xin chớ trách việc đi ở.

4. Nếu chợt nghĩ đến núi rừng xin cho trở về dưa muối chuỗi ngày tàn.

Nếu bốn tâm nguyện được thỏa mãn thì xin tuân chỉ. Khi ấy vì Vương mong được thọ giới nên chấp thuận. Vào ngày hai mươi ba tháng mười một năm ấy, tại đại sảnh đường Tổng quản, Vương thiết lễ trai đãi cả ngàn Tăng để thọ giới Bồ-tát. Sư bảo Vương rằng: "Đại vương đã tuân giữ giới Phật có thể gọi là Tổng trì." Vương khen Sư rằng: Đại sư

truyền bá pháp tăng của Phật đáng gọi là bậc Trí (sau khi thọ giới, các thư từ đi lại Vương đều xưng là đệ tử Tổng trì). Truyền giới xong Sư ra ở chùa Thiền chúng tại ngoại thành. Lại muốn đi về hướng Tây, Vương cố nài xin Sư ở lại. Sư bảo: Đã có lời giao ước trước đâu thể trái. Vương liền sai Liễu Cố viết thư thỉnh Sư ở lại, đợi đến tháng hai năm sau hẹn đến Thê Hà mà tống biệt.

Tháng hai năm Khai Hoàng thứ mười hai, Sư gởi thư đến Vương nhờ làm thí chủ cho hai chùa trên ngọn Đông lâm. Vương viết thư chấp nhận. Đến tháng ba Sư sắp lên đường thì Vương lại gởi thư mời Sư đến Nhiếp sơn để an cư độ hạ, nhưng Sư không chịu. Vương bèn sai quan Hữu Ty trang bị đầy đủ để đưa đi. Sư bèn đến ở tại Lô sơn. Tháng bảy Vương sai sứ đến Lô sơn thăm hỏi. Tháng tám Sư đến Hành sơn tu tạo công đức để đền đáp ân thầy. Đến tháng mười một Vương đưa thư báo sẽ đến Đàm châu đón rước Sư. Tháng mười hai Sư đến Tuyền hương đáp địa ở Kinh châu định xây dựng phước đình, bèn đến Đương dương ở núi Ngọc tuyền (đất này ở đời Tùy xếp chung vào Kinh châu, đến thời Châu Lương phân ra đặt tên là Kinh môn quận) mà xây dựng tinh xá và trùng tu chùa Thập trụ. Chúng đạo tục thọ giới nghe giảng pháp có hơn năm ngàn người. Lúc mới đến Đương dương, trông qua núi Thư chương thấy màu xanh biếc, muốn bói xem ở đấy có khe trong để tiện việc lập đạo tràng, chỉ sợ chật hẹp, bèn lên Kim long. Ở đấy cách ao lớn về phía Bắc khoảng hơn trăm bước có một cổ thụ Ta-la rủ tán như hình một cái am, Sư bèn đến đó ngồi kiết già nhập định. Một hôm trời đất mịt mù gió bão gào thét dữ dội, yêu quái hóa muôn vạn hình thù, có mãng xà dài hơn mấy trượng há miệng chực nuốt, bọn âm ma bắn tên đá như mưa. Trải suốt bảy ngày đêm Sư không chút sợ sệt. Ngài thương hại bảo rằng: Việc các ngươi làm chỉ là nghiệp sinh tử, tham đắm chút phước thừa chẳng chịu tự hối. Nói vừa dứt thì các hiện tượng ma quái đều biến mất. Chiều đó mây tan trăng sáng, thấy có hai người dáng vẻ như hàng vua chúa. Người lớn râu dài phong hậu, người nhỏ đội mão mặt đẹp, đến trước Sư kính cẩn thưa: Tôi là Quan Vũ đời Hán mạt tao loạn, chín châu chia cắt. Tào Tháo bất nhân, Tôn Quyền ích kỷ. Tôi là nghĩa thần của nhà Thục Hán, mong khôi phục dòng vua nhưng thời thế trái ngang, chí lớn không thành nhưng chết thừa oanh liệt, nên được làm chủ núi này. Nay Đại đức Thánh sư vì sao hạ cố đến đây? Sư đáp: Muốn ở đất này xây dựng đạo tràng để báo đáp ân nghĩa sinh thành. Quan Vũ nói: Xin ngài thương xót con ngu mê đặc ân thâu nhận làm đệ tử. Cách đây có một dãy núi như chiếc thuyền úp, đất đó rất sâu dày, đệ tử sẽ cùng

Tử Bình (Tiên Chủ nhà Thục phong Quan Vũ làm Tiền Tướng Quân, dẫn binh đánh Tào Nhân nhưng không thắng trong khi Tôn Quyền đã chiếm cứ Giang lăng. Quan Vũ chạy đến Ngô thì bị Mã Trung bắt với cả Tử Bình, đem chém ở Chương hương. Đường Thư, hồi còn sống Quan Vũ thờ Hán Trung Hưng) lập chùa để giảng đạo dạy dỗ, cúng dường, hộ trì Phật pháp mong Sư an tâm tọa thiền. Sau bảy ngày thì mọi việc đều xong. Sư xuất định thấy đầm ao ngàn trượng đã thành đất bằng, nhà cửa đẹp đẽ rực rỡ khác thường, do Quan Vũ đã sai quỷ làm nên mau như thế. Sư bèn lãnh chúng đến ở ngày đêm giảng pháp. Một hôm Quan Vũ thưa Sư rằng: Đệ tử ngày nay được nghe pháp xuất thế, nguyện rửa tâm đổi ý xin được thọ giới, trọn vì đạo Bồ-đề. Sư liền đốt hương truyền cho năm giới. Do đó oai đức của Quan Vũ chiếu sáng khắp ngàn dặm, xa gần đều kính cẩn cúng tế (Ngài Trí Giả đến đất Ngọc Tuyền tất phải tâu rõ việc nghe chuyện thần dị. Cho nên Tấn Vương trả lời thư có nói: "Ở Đương dương xây chùa là nói lên ý muốn của Thần, nói rõ lý lẽ lúc còn sống thì nên tâu đủ để vua ban danh hiệu tốt đẹp. Ngài Chương An soạn Biệt Truyện lược bỏ việc Quan Vũ là do chưa hiểu. Nếu bảo là không nghe biết thì khi ngài Chương An đích thân đến Ngọc Tuyền nghe giảng, bảo là không nói việc thần quái thì khi ngài ở Hoa đảnh tọa thiền có hai loại ma Cường Nhuyến tất đã nói ra. Huống chi sự tích của Quan Vũ đến nay vẫn còn linh ứng há đâu thời ấy lại bỏ sót sao? Nay căn cứ vào bia Ngọc Tuyền để bổ sung chuyện Quan Vũ, để nêu rõ Thánh đức của Tổ ta là như thế. Còn như các chuyện kể trong Biệt truyện lời lẽ nhiều mơ hồ, nay xin lượt bỏ bớt đề gần sự thật. Còn các chuyện sách ấy chưa chép nay xin ghi vào để mọi người biết thêm).

Tháng hai năm Khai Hoàng thứ mười ba, Tấn Vương vào triều rồi đến Hiệp châu, sai người đưa thư đến Kinh châu để đón Sư. Vào tháng tư mùa Hạ, Sư ở Ngọc tuyền nói Pháp Hoa Huyền Nghĩa (Chương An nói: Kế ở tại Giang lăng kính mong Huyền Nghĩa là vậy). Tháng năm Sư sai ngài Trí Thúy đem thơ đến Tấn Vương dâng lên bản sơ đồ chùa Ngọc tuyền và xin soạn lời bia của Hành Thiền sư, nhân đó tặng Vương bộ ca-sa bằng da cây Vạn xuân (do ngoại quốc đã hiến tặng thời Lương Võ Đế). Vương đáp rằng: Việc phụng chỉ xây chùa ở Đương dương là nêu rõ tâm sự của thần muốn nói rõ lý lẽ lúc còn sống (hai câu này chính là nói việc Quan Vũ cất chùa) phải tâu đầy đủ để vua ban danh hiệu tốt đẹp. Lúc bấy giờ từ mùa Xuân đến mùa Hạ trời hạn hán không mưa, bá tánh đều bảo là Long vương giận. Sư đến đầu nguồn nước miệng đọc thần chú tay vẩy thì gió mưa kéo đến. Dân chúng mừng vui,

ca hát đầy đường. Vương Tích là Tổng quản Kinh châu vào núi lạy Sư run rẩy toát mồ hôi đầm đìa. Lui ra bảo người rằng: Ta nhiều phen lâm trận gặp nguy càng hăng mà chưa từng sợ sệt như ngày hôm nay! (Tùy Thư ghi: Vương Thế Tích, sau làm Tổng quản Kinh châu, mưu phản bị tru di). Tháng bảy Vương đem việc xây chùa tâu vua, vua ban tên là Ngọc tuyền. Tháng tám đệ tử là Trần Tử Tú ở Kinh châu dâng sớ mời Sư giảng kinh Pháp Hoa. Mùa Hạ tháng tư năm Khai Hoàng thứ mười bốn, Sư ở tại Ngọc tuyền nói Ma-ha Chỉ Quán. Mùa Hạ, trong một ngày giảng nói hai thời Pháp Nhũ (đây là căn cứ vào hai thời sáng chiều giảng nói). Năm ấy ngài qua Nhạc châu, Thứ sử là Vương Tuyên có thỉnh ngài truyền giới pháp Đại thừa, Học sĩ Đàm Kiện thỉnh ngài giảng Kim Quang Minh. Dân ở đấy chuyên nghề săn bắt kịp khi nghe pháp thì được cảm hóa. Do đó một quận, năm huyện hơn ngàn nhà đều bỏ nghiệp sát. Mùa Xuân năm Khai Hoàng thứ mười lăm, Tấn Vương giữ ngài ở lâu tại kinh sư. Khi sắp về Trấn thì sai sứ đến đón rước Sư. Sư ngồi thuyền về miền Đông ngụ tại chùa Thiền chúng ở Dương châu. Tháng sáu năm đó, Vương gửi thư xin học thiền tuệ, trong thư nói: "Giới là nền tảng, năm xưa kính thọ nhưng định phẩm nhánh thiền bỏ tán loạn trở về tĩnh lặng, chưa biết có thể dạy dỗ được chăng? Sư đáp lời nói hoài bảo của mình sớm ở tại Thiên thai. Xưa chuyên một môn ở thiền định, luôn sợ sai lệch bèn thâu hồi thần lự để đợi bậc hiền tăng dạy thêm." Sau ba ngày Vương lại viết thư rằng: Thuở xưa ngài Trí Giả ở chùa Ngõa quan thời Trần triều mà nhóm họp đông đảo, ông Tuệ Vinh trước bị bẻ sừng, hai Quỳnh vừa mới được giao hoãn (Tuệ Vinh ở chùa Tiểu trang nghiêm nói đáp vấn nạn bị thua giống như bị bẻ hết sừng. Hán thư nói: Năm con nai ở các núi bị Chu Vân bẻ sừng, hai Quỳnh tức Bảo Quỳnh ở Bành thành và Bảo Quỳnh ở thời Kiến sơ đều là người thuộc Triều Lương, hoãn tức là cái dàm ở dưới cổ ngựa, khi chiến đấu thì hai ngựa giao kề nhau. Nay hai Quỳnh cùng nghị luận với ngài Trí Giả vừa giao hoãn liền khiến sợ bỏ chạy. Tả truyện nói giao hoãn mà rút lui). Trước đây Sư đến Kinh châu thì cả danh tăng cựu học không ai không quy phục, không phải thiền là bất trí nghiệm ra đúng thay lời Phật nói (Chỉ Quán Dẫn Kinh nói rằng: Không phải thiền là vô trí, không phải trí là không thiền). Đệ tử ngay trong ngày mà không thỉnh hỏi, như ngài Di-lặc kia nay sẽ hỏi ai (kinh Pháp Hoa nói: Ngài Di-lặc nghĩ rằng: Nay Đức Thế Tôn hiện tướng thần biến, vì sao có điềm lành này? Nay sẽ hỏi ai ai sẽ có thể trả lời...).

Tháng bảy, ngài đem dâng lên Vương quyển một của Bộ Tịnh

Danh Nghĩa Sớ vừa soạn xong. Cùng tháng ấy ngài đem việc tạo lập chùa Ngọc tuyền ở Kinh châu và việc sửa chữa chùa Thập trụ mời Vương làm thí chủ bảo trợ. Vương liền viết thư đến Tổng Quản Kinh châu bảo nên kiểm tra kỹ rồi lại viết thư mời ngài nên ở lại Thê hà để được thưa hỏi việc tu hành. Cốt được an tâm khỏi phải lên chốn Thiên thai xa xôi. Mong ngài Từ bi giúp con được thỏa nguyện. Sư viết thư đáp rằng Thê hà dù chỉ một thước tấc cũng chẳng quan hệ chi với bản nguyện, bởi Thiên thai là đất ở trọn đời. Cho nên thường dặn dò đệ tử rằng một mai vô thường thì xin đem hài cốt về chốn Thiên thai. Xưa nguyện sáng lập Già-lam cho nên muốn xin sửa sang lại, mới xin tên chùa mà quỵ lụy kẻ đàn-việt. Vương đáp lời hứa nhận cả. Đến tháng tám, Sa-môn Bảo Cung ở chùa Thê hà tại Tưởng sơn kính dâng ruộng vườn và cả Bản tự mời Sư đến ở nhưng Sư không đi. Tháng chín, Vương đón Sư vào Thành, khi vào yết kiến thì Sư khẩn thiết tạ từ xin trở về Đông, Vương không dám giữ lại. Sư bèn ra đi. Dân Ngô việt quét ngõ để đón mừng ngài. Các quan Lệnh mục sắp đặt cờ xí hoa hương dọc đường đón chờ. Nhưng chùa xưa đã hoang vu hơn mười hai năm, vắng dấu chân người, cỏ tre mọc lan thành rừng. Khi đến nửa đường thấy có một vị Tăng đầu bạc trắng như tuyết chống tích trượng ngồi nghỉ giữa đường giây lâu biến mất. Mọi người đều cho là Thánh hiền ra đón tiếp. Sư thích thú cảnh lâm tuyền nâng gậy ngâm vịnh. Ngài có lần đi dạo chơi đã khen rằng: Đêm thâm sơn yên vắng, lắng thần tự chiếu sáng, đâu chẳng vui lắm sao?

Tháng tư năm Khai Hoàng thứ mười bảy, ngài lập mười điều luật để dạy chúng, giao chức Tri đường cho Thượng tọa Tuệ Gián (thấy trong Bách Lục). Cũng tháng ấy, Vương sai sứ vào núi thăm hỏi, hẹn mùa Thu năm ấy thì đón ngài về thăm Giang đô. Tháng tám, Sa-môn Cát Tạng ở chùa Gia tường tại Cối kê cùng hơn trăm người dâng sớ thỉnh Sư giảng Pháp Hoa nhưng ngài không đi. Vào một đêm, ánh trăng sáng đầy giường, ngài ngồi một mình nói pháp như có người đang vấn nạn. Sáng ra thị giả Trí Hy thưa rằng: Đêm rồi không biết Hòa thượng thấy việc gì? Sư bảo: Lúc đầu ta mộng thấy có ngọn gió lớn chợt thổi sập bảo tháp, kế đó ta thấy có vị Phạm Tăng bảo ta rằng: Cơ duyên như củi, dụng chiếu sáng như lửa, việc trợ giúp như gió, ba thứ đầy đủ thì việc hóa đạo mới thành. Kể ra đêm mộng ở ngọn Hoa đảnh cũng rất có ảnh hưởng. Cơ - Dụng sắp hết, việc trợ giúp cũng dứt nên bảo cho biết vậy. Lại mộng thấy ngài Nam Nhạc cùng Hỷ Thiền sư bảo ta nói pháp, ta liền tự nghĩ: “Danh nghĩa của các pháp khác đã sớm cắt đứt, chỉ có

Tam Quán Tam Trí thì ngay từ lúc đầu tiên con đã trực diện mà nhận thọ, thuyết pháp xong, ngài bảo ta rằng: "Người ra sức ở Hoa chỉnh đã trông con từ lâu, có Duyên nên đến. Chúng ta đến tiễn con đây." Ta lạy tạ xin vâng. Đây là tướng chết đã hiện. Ta nhớ lại giấc mộng thuở thiếu thời là sẽ chết ở đất này. Do đó rất vui mừng khi trở về núi. Nay được ngầm bảo, thế tất không còn bao lâu. Khi ta mạng chung nên an táng ta nơi ngọn Tây nam, chất đá vây quanh khám và trồng tùng để che mát. Lại xây hai tháp trắng để người thấy mà phát tâm Bồ-đề. Lại lúc thiếu thời ngài thường bảo đệ tử rằng đi buôn phải gởi vàng, thầy thuốc ra đi phải để lại thuốc, ta tuy ngu dốt nhưng vì thương kẻ cuồng si nên đã khẩu truyền Quán Tâm Luận, theo lời giảng mà viết thành Sớ. Tháng mười, Vương sai người vào núi đón rước, ngay ngày ấy Sư đem các đồ vật thí cho những kẻ nghèo túng. Sư lại cắm nêu ở dưới núi để định chỗ xây cất điện đường... Lại vẽ các đồ hình làm kiểu mẫu, dặn dò đồ chúng rằng sau có xây cất chùa thì phải theo một cách này. Có người nghi hỏi núi khe dựng đứng hiểm trở làm sao xây chùa được? Sư đáp: "Việc này không nhỏ phải nhờ các Vương gia lo giúp." Đồ chúng không rõ ý Sư nói gì. Hôm sau Sư theo sứ xuống núi đến Thạch thành. Bèn nói mình có bệnh, bảo ngài Trí Việt rằng: Đại vương muốn mời ta về, ta không phụ lời, nhưng ta biết mạng ta ở tại đây nên không đi nữa. Thạch thành là cửa Tây của núi Thiên thai. Đại Phật là linh tượng ở tương lai, chỗ nơi đã tốt, cần phải dụng tâm cuối cùng. Tất cả y bát đạo cụ của Sư chia làm hai phần, một phần phụng cúng Di-lặc, một phần sung vào Yết-ma. Nói xong Sư nằm nghiêng bên phải xây mặt về hướng Tây chuyên niệm hồng danh của Phật Di-đà, Quan Âm và Bát-nhã. Tấn Vương nghe tin Sư bị bệnh bèn mời thầy đến trị và đưa thuốc mời Sư uống. Sư bảo: Muốn hết bệnh này để sống già ư? Bệnh không hợp với thân thì thuốc nào trị được, tuổi không hợp với Tâm thì thuốc nào giữ được. Ngài Trí Hy nhắc lại các điều đã nghe ngày xưa và trong Quán Tâm Luận nói những gì. Lại thỉnh Sư thọ trai. Sư bảo: Đâu phải ăn đúng ngọ mới là trai, mà phải không duyên không quán mới thật là trai (không chỗ duyên không hay quán, tức cảnh và quán đều mất). Ngày hai mươi mốt tháng mười một Sư nói bài văn Phát Nguyện. Sư bảo đem hai tượng Duy-vệ và Ca-diếp của huyện Ngô, chùa Tháp của vua A-dục ở huyện Mậu, tượng Di-lặc cao mười trượng ở huyện Viêm. Đặt ba tôn tượng ở ba nơi để tiêu biểu ba đời. Các chỗ hư nát nên sửa lại cho trang nghiêm đẹp đẽ. Lại dặn dò nên viết kinh tạo chùa. Ngay hôm đó khẩu truyền di thư và chính tay viết bốn mươi sáu chữ (chỉ bốn mươi sáu chữ này là

đích thân ngài viết). Thư tóm tắt rằng: “Lò hương hoa sen, sừng tê như ý, do Vương đem thí, nay để đón riêng, nguyện hương đức bay xa, luôn bảo toàn Như ý.” Lại lấy bản vẽ xây chùa, tượng đá và văn phát nguyện làm vật gởi gấm. Xong sai quét sạch nội thất, đòi ba y bát. Lại bảo thị giả đọc hai bộ kinh để làm chỗ văn tư sau cùng. Nghe kinh Pháp Hoa xong, Sư khen rằng: Pháp môn cha mẹ do đây mà sinh Tuệ Giải. Bản Tích rộng lớn vi diệu khó lường gồm chứa lời thuyết pháp hơn bốn mươi năm, có ai biết được chỉ riêng mình tự hiểu, người khác không thể thấy, đập đàn đứt dây ngày hôm nay vậy (người nước Dĩnh dẹp rìu Bá Nha đập đàn, đều thấy ở Trang Tử). Khi nghe kinh Vô Lượng Thọ xong, Sư khen: Bốn mươi tám nguyện, Tịnh độ trang nghiêm, hoa ao sen cây báu, rất dễ đến mà chẳng có ai. Khi tướng địa ngục hiện ra nếu biết hối cải còn được vãng sinh thay, huống là huân tu giới tuệ để làm sức hành đạo, thật không luống uổng. Khi đang đọc kinh thì có Thị quan Trương Đạt... năm người ở Ngô quận thấy tượng Phật bằng đá chiếu sáng rực cả dãy núi, rọi thẳng vào phòng. Khi đọc kinh xong, dùng nước thơm súc miệng rồi Sư nói về mười Như, bốn Bất sinh, mười Pháp giới, ba Quán, bốn Vô lượng tâm, bốn Tất-đàn, bốn Đế, mười hai Nhân duyên, sáu Ba-la-mật... Mỗi thứ pháp môn đều bao gồm tất cả pháp. Đều thông suốt tâm đến thẳng ao thanh lương. Nếu trong cảnh bệnh hoạn mà thấu suốt các pháp môn thì có hai mươi lăm người có thể gởi trăm nén vàng ròng (kinh Niết-bàn dụ về đi buôn gởi vàng). Nay ta sách quán đàm huyền lần cuối cùng (thường nói sách kinh, sách thí, sách pháp, nay nói sách quán, đều là nghĩa khuyên cố gắng). Vì thiện tịch sau rốt ta sắp bước vào (khéo nhập tịch diệt). Ngài Trí Lãng hỏi Sư: “Không rõ Sư sẽ nhập vào vị nào, tịch rồi sẽ sinh nơi đâu, chúng con sẽ kính ngưỡng vào ai?” Sư đáp: “Các ông biếng nhác gieo trồng thiện căn, hỏi các công đức khác, khác nào kẻ đui hỏi sữa, nếu ta nói thật nào có ích gì? Nay ta sẽ phá nghi cho các ông. Nếu ta không lãnh chúng thì tất sẽ tịnh được lục căn vì lợi người tổn mình nên ta chỉ ở hàng Ngũ Phẩm. Các thầy bạn ta đang theo hầu Đức Quan Âm đều đến đón ta. Ba-la-đề-mộc-xoa chính là thầy các ông. Mà bốn thứ Tam-muội ta thường nói là kẻ dẫn đường sáng suốt nhất của các ông. Ta cùng các ông nhân pháp mà gặp nhau, lấy pháp làm thâm thích, truyền thông Phật đăng làm quyến thuộc”. Lại bảo thầy Duy Na rằng: “Khi người sắp lâm chung được nghe tiếng chuông khánh thì chánh niệm tăng mạnh, tiếng chuông càng dài thì chánh niệm càng lâu, đến khi hơi thở dứt mới thôi. Vì sao phải đợi thân lạnh mới gõ chuông? Khóc lóc để tang theo thế gian đều không nên làm.” Sư nói

xong liền xướng đọc hồng danh Tam bảo rồi như người nhập Tam-muội. Bấy giờ đúng vào giờ mùi ngày hai mươi bốn tháng ấy, Sư tuổi đời sáu mươi, tuổi hạ bốn mươi. Ngồi yên bên ngoài suốt cả mười ngày, kẻ đạo người tục theo nhau khóc lóc, đi nhiễu lễ bái. Khi nhập khám thì nhục thân ngài ướt đẫm mồ hôi. Khi sắp khiêng khám về Phật lũng thì trời mưa tầm tả không ngớt. Các đệ tử chú nguyện cầu gia bị, khi vừa khiêng thiền khám lên thì trời bỗng tạnh hẳn. Bây giờ mới theo lời phó chúc của Sư mà xây phần mộ trên núi Tây nam của chùa để phụng thờ. Hàng đệ tử được truyền pháp có ba mươi hai vị, còn số người đắc pháp tự tu không thể kể xiết (theo bia ở chùa Thiền lâm của Lương Túc thì số người nhập môn lên đến số ngàn, còn số được tâm truyền có ba mươi hai vị). Sư đã tạo ba mươi sáu cảnh chùa. Có lần bảo đệ tử rằng: Số chùa ta tạo ra thì có Thê hà, Linh nham, Thiên thai, Ngọc tuyền là bốn cảnh đẹp nhất thiên hạ. Lại tạo đại tạng mười lăm chỗ, các hình tượng bằng gỗ chiên-đàn, vàng, đồng, vẽ có đến tám mươi vạn. Ngài đích thân độ Tăng đến một vạn bốn ngàn người. Trong suốt ba mươi năm, Sư chỉ dùng một nạp y, dù mùa Đông hay Hạ chưa từng cởi ra. Nếu có nhận của cúng thí thì một sợi chỉ, một trái cây cũng chia cho chúng. Phàm khi hoằng truyền đều không chứa bài vở mà biện luận vô ngại, văn nghĩa đều hợp lý. Khi có cơ cảm lớn thì ngài mới đích thân viết sách, như viết cho Tấn Vương bộ Tịnh Danh Nghĩa Sớ hai mươi tám quyển, viết cho Thượng thư Mao Hỷ bộ Lục Diệu Môn, cho anh là Trần Châm bộ Tiểu Chỉ Quán, cho các học trò bộ Giác Ý Tam-muội, bộ Pháp Hoa Tam-muội Hành Nghi... mỗi thứ một quyển, bộ Pháp Giới Thứ Đệ ba quyển (các bộ trên đích thân ngài viết ra). Ngài thường ở pháp tòa nói rằng: “Nếu giảng về Thứ Đệ Thiền Môn mỗi năm một lượt nếu viết thành chương sớ thì phải là năm mươi quyển” (Thận Thiền sư nghe giảng tự ghi là ba mươi quyển, ngài Chương An sửa lại còn mười lăm quyển). Nếu giảngvề Pháp Hoa Huyền Nghĩa, Viên Đốn Chỉ Quán, nửa năm mỗi bộ một lượt, nếu viết thành chương sớ thì mỗi thứ phải ba mươi quyển. Cả ba pháp môn này thường luôn truyền giảng. Ngài Chương An một lần nghe qua đã viết lại lời sớ trong suốt mười tám năm. Đệ tử của ngài Trí Giả là Thượng thủ Trí Việt, khiển tăng sứ là Quán Đảnh và Phổ Minh mang di thư và ba mươi mốt quyển Tịnh Danh Nghĩa Sớ đến Dương châu. Vương sai sứ trả lời di chỉ rằng: Rất hối hận vì chỉ hiểu chút ít về nghĩa sớ được thân thừa của Sư. Về việc dặn dò tạo chùa, nay sai quan Tư mã Vương Hoằng vẽ tay một bức họa về ba nơi Ngô quận, Mậu cảnh, Viêm ấp. Và các tháp tượng cũng như nơi ngọa bệnh của ngài Trí Giả đều phải sửa sang trang

hoàng lại. Lại sai sứ đến Phật lũng, tổ chức pháp hội có ngàn vị Tăng. Khi Vương mới xem qua di thư, ở trước bộ Tịnh Danh Sớ mà lập nguyện rằng: "Xưa khi gần gũi bên thầy chưa được cặn kẽ, nay vâng theo di chỉ do đâu mà ngộ. Nếu đọc văn mà hiểu xin Tôn sư thị hiện thần thông!" Đêm ấy mộng thấy chư Tăng tập hội tại gác, Vương tự nói nghĩa, lại thấy ngài Trí Giả từ trên hư không bay xuống đề trên gác chữ "Thất bảo san hô" rồi bay đi mất. Đến ngày mười sáu tháng tư chư Tăng ở Phật lũng đương tọa thiền, có Thượng tọa Đạo Tu thấy ngài Trí Giả mặc thường phục đi tuần xét trong giảng đường một chốc rồi đi ra. Thượng tọa kinh hãi đứng dậy đảnh lễ, toàn chúng đều thương khóc. Vào tháng mười một, Vương sai quan Điển thiêm là Ngô Cảnh Hiền vào núi nhằm ngày húy nhật thiết đãi trai Tăng năm trăm chúng. Năm Khai Hoàng thứ hai mươi, Tấn Vương được lập làm Hoàng Thái tử. Vào tháng giêng năm Nhân Thọ thứ nhất, ngài Tăng pháp Hiển Sinh ở Vĩnh gia nghe thắng đức của ngài Trí Giả, bèn đến khám thờ ngài đi nhiễu và lạy một ngàn lạy. Một chiều nọ cửa khám tự mở, ánh sáng chiếu khắp núi rừng, chúng trong chùa đều chạy đến lễ bái. Đến tháng mười năm ấy, đệ tử ngài Trí Giả là Thượng thủ Trí Việt sai Tăng sứ là Quán Đỉnh và Trí Tảo vào kinh chúc mừng Vương và tạ ơn việc tạo chùa mới. Vương lên ngôi sáng lập chùa chiền và xây Xuân cung. Đây là nền chùa Hoàng Thái tử vậy. Vương làm thí chủ bảo trợ cho chùa, Vương thật sự đảm nhiệm việc sửa sang, đây chính là việc "Vương gia tạo tự." Hai nhà Trần và Tề đều diệt, nhà Tùy lên thay nhà Chu, đó là "ba nước thành một." Chùa xây xong xin tên hiệu tức theo lời ký trước của Sư, đây gọi là Quốc Thanh. Lời nói của Thần tăng đều ứng nghiệm đầy đủ. Đến tháng mười hai năm ấy, Hoàng Thái tử sai Tán kỵ thị lang là Trương Càn Oai tiễn Sư Quán Đảnh về núi, thiết trai đãi cả ngàn Tăng và làm bài văn tôn kính khai quật phần mộ của Sư để xem xá-lợi thì thấy Linh thể bất động như đang nhập định. Đến tháng bảy năm Nhân Thọ thứ tư, Hoàng Thái tử lên ngôi. Tháng mười một, chùa sai Tăng sứ Trí Tảo vào triều chúc mừng.

Đời Tùy Dạng Đế, tháng chín năm Đại Nghiệp thứ nhất, vua xa giá đến Dương châu. Chùa cử sư Trí Tảo đến chúc mừng vua. Đến tháng mười vua tập hội chư Tăng tại điện Đại nha, vua ban cho được ngồi rồi phán rằng: Các Sư và những người hành đạo không nên dung chứa Bắc Tăng và lén độ kẻ xuất gia, giả chết thay nhau. Trí Tảo thưa: Một chùa Thiên thai được Thiên tử che chở, chùa lại có luật lệ không dám chứa khách lạ và lén độ người thay chết." Vua lại sắc lệnh rằng:

Sư trở về chùa có thể mở lại Linh khám ra tất sẽ có nhiều điều lạ. Đệ tử muốn dựng bia cho thầy tất phải kể các hành trạng. Tảo thưa: "Việc linh dị của Tiên sư không phải ít. Quán Đảnh đã soạn thành một quyển sẽ kính dâng lên bệ hạ." Vua lại sắc lệnh cho bí thư là Giám Liễu Cố rằng: Trẫm muốn dựng bia cho ngài Trí Giả, nhưng không phải lời văn bia của Khanh, văn của Khanh thì trẫm không vừa ý. Văn bia soạn xong vua bảo chùa khắc lên đá, đại ý nói rằng: Căn cứ vào kinh Nhân Vương An Lạc và các tổ Long Thọ, Mã Minh mà lập ra Tam Quán Tứ Giáo kể rõ bản tông... Vua sắc lệnh cho năm mươi Tăng ở Dương châu lập tên chùa Thiên thai, một là tiêu biểu cho thiền môn, một tiêu biểu cho Ngũ tịnh cư. Tăng sứ Trí Tảo thưa rằng: Thuở xưa thời nhà Trần có Định Quang Thiền sư sau khi ngài viên tịch, ngài Trí Giả mộng thấy Thiền sư bảo rằng: Nay muốn tạo chùa thì chưa đúng lúc, nếu khi ba nước họp thành một, có người quyền thế lớn tạo chùa cho, nếu chùa hoàn thành thì nước sẽ thanh bình, vậy nên gọi là Quốc Thanh Tự. Vua bảo: Đây là điềm linh của Tiên Sư, liền dùng tên đó. Bèn lấy bảng điện Đại nha dùng loại chữ đại triện của Thư Hoàng mà viết hiệu chùa. Rồi sai Thông Sự Xá Nhân là Lư Chánh Phương vào núi để treo tấm hoành phi ở ngạch chùa. Nhân ngày giỗ là hai mươi bốn tháng mười một độ cho bốn mươi chín Tăng, thiết trai diên đãi một ngàn Tăng. Quan hữu ty xét đủ số một ngàn vị, đến khi thọ trai thì thấy dư ra một người. Ai nấy đều bảo là ngài Trí Giả hóa thân đến thọ nhận Quốc cúng. Sau giờ Ngọ hôm ấy, sứ giả cùng đại chúng mở Linh khám ra xem thì thấy linh sàng trống không. Sứ giả trở về phục mạng. Vua bảo quần thần rằng: Trí Giả là giới sư của Trẫm, trước đây có nhiều việc linh dị, vào đầu năm Nhân Thọ, Trẫm sai Trương Càn Oai đến xem thì khám thất nguyên vẹn, nay Lư Chánh Phương đến thì linh thể không còn thấy nữa. Có lẽ ngài đã biến hóa rồi thực sự đắc đạo. Sa-môn Tuệ Diên ở chùa Thiên hương, ngày xưa có đến Quang Trạch đã từng thấm nhuần pháp vũ, bỗng nghe ngài viên tịch thì nghẹn ngào thương cảm không nguôi. Muốn biết Trí Giả sinh vào cõi nào nhân đó viết kinh Pháp Hoa để cầu ngài ngầm mách bảo. Lắng tâm nghĩ mãi mấy tuần bỗng nằm mộng thấy ngài Trí Giả theo hầu Đức Quán Âm từ Tây phương đến, quay lại bảo rằng: Hết nghi chưa? Người trong ấp là Mã Thiệu Tống, cắt lúa cúng cho chúng trong chùa trăm bó vì làm việc cực nhọc mà ngã bệnh, nên cầu ngài cứu hộ.

Đêm mộng thấy ngài Trí Giả ngồi kiết già trên giường khói hương mờ mờ như sương, an ủi Thiệu Tống rằng: Nhà nghèo mà bố thí sao

nghi là không có phước?

Lúc đó anh và mẹ vợ vào tối đó cũng mộng thấy y thế. Hương thơm mấy ngày mới tan.

Lại có ông Trương Tạo, tuổi già khập khiểng lên khám lạy và khấn rằng: Sớm nhờ hương hỏa, nguyện đời sau con được độ thoát.

Chợt nghe trong khám có tiếng khảy móng tay đáp lại. Trương Tạo lại khấn: "Xin cho thấy lại điềm linh ứng lần nữa", liền nghe như trước. Có bà lão họ Du tuổi đã chín mươi, đau một chân bị rút ngắn lại suốt mười tám năm. Bà luôn đến khám ân cần cung kính cúng dường, liền có cảm giác chân bệnh được giản ra và bước đi ngay ngắn. Lại có đệ tử là Pháp Uyển ở chùa Ngọc tuyền tại Kinh châu, đến Giang đô tạo tượng ngài Trí Giả. Khi về đến Giang tân thì tượng chảy mồ hôi, lau khô lại tươm ra nữa. Có kẻ biết cho rằng sắc thân của thầy ở đây không khác. Lúc đó Tiền Trung Ý Vương thỉnh tượng về triều và thụy phong là Pháp Không Bảo Giác Tôn giả (lúc đó là triều Tống nhà Chu). Triều đại ta là Ninh, năm Tông Khánh thứ ba, do kinh môn xin thụy phong thêm cho ngài là Linh Tuệ đại Thiền sư (đều trích từ các văn ở Bách Lục, Biệt Truyện, Cao Tăng Truyện, ba bộ Sớ Ký, Nam Bắc Sử, Ngọc Tuyền Bi, Quốc Thanh Bi và Quan Vương Từ Đường Ký).

Nghĩa Thần Trí nói rằng: Đức Phật ta ra đời tuy nói các kinh, nhưng Bản ý chỉ nói ở Pháp Hoa. Từ sau khi ngài A-nan kết tập, ngài Thiên Thân viết luận tuy nói là kinh chung nhưng chỉ là căn cứ theo văn diễn nghĩa, nêu phần đại lược mà thôi. Đến như ở kinh này thì Đại sự giáo hóa trước sau còn mịt mờ chưa sáng tỏ. Kịp đến các tác phẩm phiên dịch của ngài La-thập truyền sang cõi này thì kẻ chú sớ giải thích dị luận càng đông. Chỉ có ngài Trí Giả của ta là bậc nối tiếp ở Linh sơn, chứng ngộ ở Đại tô phát huy diệu chỉ ngầm khen thượng thừa, dùng năm nghĩa để giải thích đề Kinh, lấy bốn thích làm sáng tỏ Văn cú. Lại hay dùng mười chương diễn bày pháp môn Minh tịch. Do đó mà giải hạnh cùng bày, nghĩa Quán gồm nêu. Có thể gọi đó là tâm cảnh của hành nhân, đèn sáng của đêm đen. Dẫu là Đại Luận ở Thiên Trúc còn không phải thuộc loại ấy, há là Sư Tăng ở Chấn Đán này sánh kịp sao (v.v...). Lại giả sử hỏi rằng: Phụ Hành dẫn việc chín Tổ nối nhau, gọi đó là thời Bắc Tề trở về trước không phải là chỗ đời nay nối tiếp. Vả lại Bắc Tề đã dùng Giác tâm trùng quán Tam-muội. Nay vì sao lại bài bác việc tìm giác, đó chỉ là một dấu xe thôi, vậy há không phải là đem ngài Trí Giả ra mà bài xích Bắc Tề ư? Đáp rằng: Diệu Huyền khai diễn mười diệu của Pháp Hoa còn bảo là không dám lấy trung luận mà so sánh. Lại nói:

Đại Luận ở Thiên Trúc còn không phải thuộc loại ấy, là bởi ngài Trí Giả dùng ý của Như Lai mà nói cái diệu của Pháp Hoa, cho nên ngài Long Thọ Bắc Tề cũng không sánh kịp. Nếu Vô Sinh Tông Chỉ, Tam Quán Hạnh Môn kỳ thật là kế thừa Long Thọ, noi dấu Bắc Tề, bẩm thụ ở Nam nhạc thầy trò truyền nhau, rõ ràng như đã khế hợp từ kiếp trước... Lại nói rằng: Thiên thai nói về Tam Đế Tam Quán là lấy từ kinh Nhân Vương và Anh Lạc, nói về Tam Trí Tam Đức vốn là Niết-bàn Đại Phẩm. Nghĩa lý và ý chỉ đã dùng thì lấy Pháp Hoa làm xương sống, lấy Trí Độ Luận làm chỉ nam...

Lời bàn: Từ bỏ cái học của Thiên thai mà muốn biết ý chỉ Phật pháp thì chưa đủ để bàn luận. Cho nên từ khi Thánh giáo sang Đông độ, kinh luận khắp truyền nhưng chỉ chuyên việc hiểu tâm mình mà không biết chánh nghĩa. Thời Tề Lương cũng có các bậc hiền tài diễn bày rầm rộ Pháp Hoa, phán giáo lập ngôn, một tiếng nói về bốn tướng, bốn thời luận đủ sáu Tông, các luật chế lộn xộn, lật đổ tranh đoạt nhau, Nam có ba phe, Bắc có bảy nhóm tranh nhau truyền bá đương thời, cũng như hàng Túc Tán Tiểu Vương tự tôn tự đại (Phụ chú: Lúa để trong mâm thì mỗi hạt đều có vị trí, để dụ cho các Tiểu vương) nhưng không biết oai đức của Kim luân bay đi đã thống ngự cả bốn biển. Chỉ có Trí Giả đại Thiền sư của chúng ta là bậc Thánh tài đức siêu quần, đầy đủ cả công đức được coi là người nối nghiệp tổ phụ về đầu mối Tam quán, nhưng chưa phải là nguồn sáng lớn. Do đó đã theo ngộ môn của Pháp Hoa mà nói Đại Đạo Chỉ Quán, lập kinh bày kỷ để làm pháp muôn đời. Đến như việc phá mạnh ở Quang trạch thì bao nhiêu kẻ khác đều quy phục, khắp vấn nạn bốn tông khiến nhiều kẻ mất chỗ tựa, tuyên dương Phật pháp thì ngồi yên mà hưởng thái bình. Nếu không phải là Thánh nhân ở đời thì ai mới có thể làm nên nghiệp lớn này được? Vậy muốn biết rõ ý Phật pháp thì chỉ phải học với Thiên thai mà thôi.

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 7

PHẦN 2

(Bản kỷ mất mục này xin bổ túc)

Tổ thứ 5: Chương An Tôn giả Quán Đảnh

(Vị Tổ này vì là bậc phi phàm, cho nên lấy ngôi vị Địa trụ cao nhất là Quán Đảnh mà đặt tên, cốt để tôn sùng).

Ngài họ Ngô, người ở Chương an, Lâm hải. Mới sinh được ba tháng (ngài sinh vào năm Thiên Gia thứ hai đời Trần Văn Đế) thì có thể bắt chước mẹ gọi tên Tam bảo. Có vị Tăng đi ngang qua cửa gọi bà mẹ bảo rằng: Đứa bé này phi phàm, nhân lấy đó mà đặt tên. Năm lên bảy tuổi, ngài vào chùa Nhiếp tĩnh, nương theo sư Tuệ Chửng ngày học ngàn lời. Năm hai mươi tuổi ngài thọ giới Cụ túc. Có tuệ giải thiên phú, một lần nghe qua tất không quên. Đầu năm Chí Đức đời Trần (tức Trần Hậu Chủ) ngài đến gặp sư Trí Giả tại chùa Tu thiền học được quán pháp. Vì nghiên cứu Phật học đã lâu nên ngài sớm được ấn khả và được làm thị giả tổ Trí Giả, luôn theo hầu hạ. Các pháp môn nói ra, ngài đều hiểu rõ. Đầu năm Trinh Minh ngài theo tổ Trí Giả đến ở chùa Quang trạch tại Kim lăng nghe Tổ giảng Pháp Hoa (Văn cú chú rằng: Năm ngài hai mươi bảy tuổi lãnh thọ Pháp tại Kim lăng).

Đến năm Khai Hoàng thứ mười ba đời Tùy (tức Tùy Văn Đế), vào mùa Hạ, ngài ở chùa Ngọc tuyền tại Giang lăng lãnh thọ Pháp Hoa huyền nghĩa. Lúc đó ngài ba mươi ba tuổi. Kế ở Giang lăng được học huyền nghĩa là đó. Năm Khai Hoàng thứ mười bốn, mùa Hạ ngài học Chỉ Quán Viên Đốn ở chùa Ngọc tuyền (một mùa hạ diễn giảng hai thời được thấm nhập là đó). Đến như các thời giảng nói ở những chỗ khác ngài được nghe sau này đều đem kết tập thành các bộ pho lớn nhỏ có hơn trăm quyển và truyền lại cho những ai chưa được nghe, đều do công của ngài cả. Tháng giêng năm Khai Hoàng thứ mười tám, ngài cùng sư Phổ Minh mang di thư của tổ Trí Giả từ Thiên thai đến Dương châu vào

yết kiến Tấn Vương và dâng bộ Tịnh Danh Nghĩa Sớ. Tháng hai Vương Gia sai sứ là Vương Hoằng tiễn các ngài về núi, vì tổ Trí Giả mà thiết trai đãi một ngàn Tăng và bắt đầu khởi công xây chùa Quốc thanh. Đầu năm Nhân Thọ, Tấn Vương được làm Hoàng Thái tử, ngài cùng sư Trí Tảo đến Trường An dâng biểu chúc mừng và tạ ơn việc giúp tạo chùa. Con của Hữu Thứ là Trương Hành tuyên lệnh vương hỏi các việc linh dị của tổ Trí Giả sau khi viên tịch, ngài kể rõ năm việc (thấy đủ trong Bách Lục). Hoàng Thái tử vừa buồn vừa mừng sai quan Tán kỵ thường thị là Trương Càn Chấn vào núi thiết đãi trai diên cả ngàn Tăng. Đến tháng tư năm Nhân Thọ thứ hai, vương sai quan tham quân ở Dương châu là Trương Hài vào núi tuyên lệnh mời hai sư Đạo Trang và Pháp Luận ở đạo tràng Tuệ nhật (đời Tùy đổi tên chùa thành Đạo tràng, chùa này ở Đông đô. Hai sư này thấy nói trong Đường Tục Tăng Truyện) đến Đông cung giảng kinh Tịnh Danh, toàn dùng lời sớ của tổ Trí Giả mà giải thích khiến chúng trong chùa hiểu rõ ngọn ngành. Về việc đem Pháp Hoa Huyền Nghĩa vào kinh, chúng cử ngài theo sứ ứng lệnh. Đến tháng tám thì Vương sai sứ đưa ngài về núi.

Đến năm Đại Nghiệp thứ mười đời Tùy Dạng Đế (lúc đó ngài bốn mươi lăm tuổi), ngài viết bộ Niết-bàn Huyền Nghĩa hai quyển và viết lời sớ hai mươi quyển. Lúc đó là thời Tùy Mạt, giặc cướp ùn ùn nổi lên khắp nơi, ngài tự viết tựa rằng: Suốt năm năm nghiên cứu Thánh văn, năm nào lại không có binh lửa, tháng nào chẳng thấy can qua, rau cỏ nước khe, nằm sương áo rách lao khổ đến mức này là cùng. Sớ xong thì nhen lửa định đốt nhưng rồi không đốt.

Buổi vãng niên ngài ở tinh xá Xứng tâm tại Cối kê giảng nói Pháp Hoa. Người bấy giờ khen ngài lời nói hơn các sư Lãng, Tuệ Cơ, Pháp Vân và sư Ấn (sư Lãng ở Hưng hoàng, sư Tuệ Cơ ở Sơn âm đời Tề có soạn lời sớ kinh Pháp Hoa, sư Pháp Vân ở Quang trạch đời Lương có viết sớ giảng kinh... đều thấy trong Đường Tăng Tục Truyện. Còn sư Ấn thì chưa rõ là ai). Trong quận có Gia tường Cát Tạng, trước đây từng sớ giải kinh Pháp Hoa, khi nghe đạo ngài Chương An, liền bỏ giảng, giải tán chúng Tăng, cùng đến xin thọ học với ngài, hối tiếc trước đây đã giải thích sai dối.

Đến ngày mồng bảy tháng tám năm Trinh Quán thứ sáu đời Nhà Đường, ngài viên tịch ở chùa Quốc thanh, tuổi đời bảy mươi hai, hạ lạp năm mươi hai. Khi mới chớm bệnh trong thất có mùi hương lạ. Khi sắp lâm chung ngài bảo đệ tử rằng: “Kinh Di-lặc nói khi Thế Tôn nhập diệt thì đốt nhiều hương quý khói quyện như mây. Nay con hãy đốt nhiều

hương. Ta sắp đi rồi đây!"

Nhân đó dặn dò khuyên răn cặn kẽ, lời lẽ rất tha thiết. Bỗng ngài ngồi dậy chắp tay như kính chào ai và niệm Hồng danh của Phật và Bồ-tát cõi Tịnh độ. Rồi an nhiên thị tịch. Đó là năm Trinh Quán thứ nhất. Bạn đồng học của ngài là Trí Hy, lúc ngài sắp lâm chung nói rằng: Ta sinh lên cung trời Đâu-suất thấy Tiên sư Trí Giả, có các bảo tòa bày ra đều có người ngồi, chỉ có một tòa còn trống. Chư Thiên ở đấy bảo rằng: Sáu năm nữa Quán Đảnh Pháp sư sẽ lên ngồi tòa này. Số năm tính kỳ hạn thì xét lời ngài Trí Hy không sai. Đến ngày mồng chín tháng ấy an táng ngài ở núi phía Nam của chùa. Khi ngài còn sống ở chùa Quốc thanh, có một cụ già bị bệnh trị cả trăm thứ thuốc vẫn không khỏi, người con đến cầu cứu ngài, ngài liền thắp hương đọc kinh Pháp Hoa, người bệnh nghe mùi hương bay vào mũi, thì bệnh hết liền. Phía Nam An Lãnh ở Tiên cư là An Châu, ở đấy có khe suối chảy xiết hàng năm hay dìm chết người. Ngài nguyện rằng: Nếu khe này bình lặng thì sẽ ở đây giảng kinh. Khoảng mười hai ngày sau thì cát trắng trồi lên mặt nước phẳng như gương. Ngài bèn ở đấy giảng kinh Quang Minh và Pháp Hoa để đáp tạ điềm linh. Có lần ngài ở chùa Nhiếp Tịnh giảng kinh Niết-bàn, có đám giặc cướp kéo đến. Thấy ở cửa chùa cờ xí rực rỡ sáng ngời, binh thần cầm gậy dài hơn trượng, chúng kinh hồn bỏ chạy tứ tán. Tục nhân đó gọi là Sơn bình tự. Mỗi khi ngài ngồi yên tụng kinh thường có hoa trời bên cạnh.

Tác phẩm của ngài gồm có: Bát Giáo Đại Ý, Trí Giả Biệt Truyện mỗi thứ một quyển. Quán Tâm Luận Sớ hai quyển, Quốc Thanh Bách Lục năm quyển, Niết-bàn Huyền Nghĩa hai quyển, Niết-bàn Kinh Sớ hai mươi quyển, Chân Quán Pháp Sư Truyện, Nam Nhạc Ký mỗi thứ một quyển. Ngô Việt Vương xin thụy phong cho ngài là Tổng Trì Tôn Giả (trích từ ba bộ sớ Ký Bách Lục, Cửu Tổ Truyện, Cao Tăng Truyện).

Lời bàn: Ngày xưa ở với tổ Trí Giả được Phật sai khiến, vì Tổ đích thân ở Linh sơn nghe lãnh ý chỉ Pháp Hoa ban cho nước Chấn Đán ta. Nay bèn khai mở tám giáo, nói rõ Tam quán, giảng nói luận rộng để độ khắp các cơ. Đến như nhờ người hoằng truyền đời mạt pháp thì Chương An đứng bên phải vì có tài "nhất biến ký"(xưa ở Hà nam có nhất biến chiếu, ở Mãn châu có bất thính thấu) viết ra luận sớ cốt là để lại đời sau. Có thể bảo ngài sánh ngang công đức kết tập với ngài Khánh Hỷ. Nếu thiếu vắng Chương An ta e rằng đạo của tổ Trí Giả đời nay khó được nghe.

Tổ thứ 6: Pháp Hoa Tôn giả Trí Oai

Ngài họ Tưởng, là người Tấn vân ở Xứ châu. Mẹ ngài họ Chu, gia thế sống theo Nho giáo. Năm mười tám tuổi ngài làm Đường trưởng ở quận nhà (tức chức Quận học), cha mẹ kêu về cưới vợ. Khi đi nửa đường gặp một Phạm tăng gọi ngài bảo rằng: Cậu trai kia vì sao có ý làm trái lời trọng thệ xưa. Nhân đó nói năm lời thề ấy:

1. Nguyện khi lâm chung được chánh niệm.
2. Nguyện không đọa tam đồ.
3. Nguyện được sinh làm loài người.
4. Nguyện xuất gia hồi còn bé.
5. Nguyện không làm Tăng tầm thường.

Bởi tiền thân ngài là Từ Lăng, nghe tổ Trí Giả giảng kinh được chỗ ngộ nhập bèn ở trước tổ Trí Giả mà phát lời thệ ấy. Khi nghe nhắc lại lời thề xưa thì ngài không về nhà nữa; ngài liền đến chùa Quốc thanh kính tổ Chương An làm thầy. Sau khi thọ giới Cụ túc thì nhận được tâm yếu, định tuệ cùng phát liền chứng được Pháp hoa Tam-muội.

Năm đầu Thượng Ngươn đời Đường (Đường Cao Tông) ngài muốn bói tìm đất tốt để thuyết pháp độ người. Bèn cầm tích trượng thề rằng: cây tích trượng này ngừng ở đâu thì ta sẽ ở đấy. Cây tích trượng từ chùa Quốc thanh bay đến núi Phổ thông ở Thương lĩnh (ranh giới Đài vụ) cách hơn năm trăm dặm. Vì là ải hẹp không thể chứa đông người được. Ngài lên đồi trống quăng tích trượng lần nữa thì trượng bay đến núi Luyện đan ở Hiên viên, ngài bèn dừng chân ở đấy. Rồi dẹp cỏ cắt tranh, ban gai làm tòa ngồi xếp đá làm học trò, ngày giảng kinh đêm tọa thiền, tay viết kinh điển. Do đó gọi đất ấy là Pháp hoa. Rồi có người đến học, kẻ tới tập thiền khoảng ba trăm, nghe giảng độ bảy trăm. Thường chia ra chín nơi để an cư. Ngài thân cao bảy thước, xương to dáng đẹp. Mỗi khi đăng tòa thường có mây tía trên đỉnh đầu như lộng báu, chim sẻ đậu bên quen thuộc như thú nuôi trong nhà. Đại chúng khổ vì thiếu nước dùng, ngài đào một giếng đá sâu khoảng ba thước mà hằng ngày đủ cung cấp cho cả ngàn người, mùa Đông hay Hạ vẫn không cạn. Ngài Pháp Hoa đến Thượng phản ở Tiên cư (Đài châu thuộc Sắc phản ở Tiên cư) cách đó khoảng tám mươi dặm. Mỗi ngày hai lượt đi về. Ngài mang theo cháo để ăn đến giảng thiền chưa hề bỏ sót. Ai nấy đều bảo ngài có thần túc. Vào ngày hai mươi tám tháng mười một, năm Vĩnh Long thứ tư, ngài ngồi kiết già ở thiền đường mà viên tịch. Mùi hương lạ suốt bảy ngày không tan (từ năm Thượng Nguyên thứ nhất cất chùa, đến năm Vĩnh Nguyên thứ nhất thì mất, vừa tròn bảy năm). Ngày đó chúng thấy

ngài đang ngồi tịch trong chùa, nhưng người ở Thượng phản lại thấy ngài đến nhà thí chủ. Bậc Chí nhân việc ẩn hiện khó lường biết được. Ngài truyền pháp cho rất nhiều người nhưng chỉ có Thiên Cung Oai Sư là chánh truyền. Ngài ở triều đại Tông danh đức vang xa nên được mời bổ phong Triệu Tán Đại Phu Tứ Đại Sư (Các kỳ lão tương truyền rằng: Đời Đường có bốn Đại sư, đó là Dẫn Gía Đại sư, Hộ Quốc Đại sư, còn hai vị kia thì chưa nghe. Nay khảo xét ở Tùy Đường Tăng Truyện thì chỉ có tên Dẫn Gía Đại sư, chức quan ấy có bốn). Ngô Việt Vương xin thụy phong là Huyền Đạt Tôn Giả. Thời Tống Triều Hoàng Hựu thứ nhất, Tiên cư lệnh là Ngũ Trật, ở chỗ ngài truyền đạo trùng tu lại sân và điện thờ và đặt chân tượng ngài để thờ cúng. Đêm ấy có hổ đi quanh ba vòng rồi bỏ đi. Năm Nguyên Phong thứ năm, cháu mười ba đời của ngài là Pháp sư Trung đến lễ xá-lợi và sửa sang trang hoàng lại tháp. Lục Hành Thật ghi rằng: Ngài và ngài Thiên Cung đồng thời hoằng hóa, cùng được phong chức vị Kế thừa Tổ. Nếu luận ngang thì có tám đời. Nếu phân dọc thì có chín đời. Xưa khi Như Lai nhập Niết-bàn, A-nan kết tập, ngài có hai đệ tử là Thương-na và Mạt-điền-địa hai người, dù ở khác nước nhưng hành hóa đồng thời cho nên đều được phó chúc pháp tạng. Nếu kể ngang thì có hai mươi ba Tổ, còn phân dọc thì hai mươi bốn Tổ. Nay ngài Trí Giả thị tịch, ngài Chương An kết tập cũng có hai đệ tử đồng thời. Lúc ngài A-nan kết tập thì vua A-xà-thế cúng dường một hạ. Còn ngài Chương An kết tập thì Tùy Dạng Đế cúng thí mười năm. Theo dòng tìm nguồn thì ngài Trí Giả như một vị Phật ở Đông độ, còn Chương An cũng giống như ngài A-nan và hai ngài Trí Oai và Tuệ Oai cũng như Thương-na và Mạt-điền-địa. Tùy Dạng Đế ngoại hộ cũng đồng như A-xà-thế vương, há không tin sao? Chốn xưa nơi Sư tọa thiền hằng ngày đến nay cỏ xuân vẫn không mọc.

Lời bàn: Thế gian cho rằng Từ Lăng ở trước tổ Trí Giả phát năm lời nguyện mà chuyển thân được xuất gia học đạo, chứng Pháp hoa Tam-muội, kế thừa ngôi Tổ. Nay xét rõ lời nguyện thì vì sao hẹn tâm chưa sâu mà lại được kết quả quá tốt. Biết đâu trước đây chẳng phải là đồng hội ở Linh thứu đều được làm người. Cho nên có thể dùng lực dụng tự tại mà hoặc hiện thân Tể quan, hoặc hiện tướng Tỳ-kheo. Xưa là Từ Lăng nay là Pháp Hoa. Đó là dùng Đại quyền để hóa độ Phật, tuy nguyện mà ra đời. Vậy đâu có thể lấy chức tước ở thế gian nhân phước thọ báo mà để so sánh ư? Ý này có hai nghĩa Quyền Thực chỉ có ai hiểu rõ giáo pháp thì mới biết được thôi.

Tổ thứ 7: Thiên Cung Tôn giả Tuệ Oai

Ngài họ Lưu, người ở Đông dương thuộc Vụ châu. Đến tuổi trưởng thành, ngài rất chán đời sống cực khổ bèn vào cửa thiền xuống tóc và thọ giới Cụ túc. Khi nghe ngài Pháp Hoa đại hoằng đạo Thiên thai liền đến quyết chí theo học thiền pháp, suốt ngày đêm chỉ chuyên cần về pháp môn Tam quán nên được khai ngộ rất nhanh. Người thời ấy thấy ngài thâm nhập vào thất của Oai Sư, bèn gọi ngài là Tiểu Oai Sư. Sau ngài lại trở về ở Đông dương, vào ở sâu trong núi ít giao tiếp với người. Sau khi tổ Pháp Hoa diệt độ, thì người vào cửa cầu đạo đông không kể xiết. Đích của truyền pháp chỉ là sư Tả Khê mà thôi. Ngài ở triều Tống Cao Tông, cùng với ngài Pháp Hoa được phong là Triêu Tán Đại Phu Từ Đại Sư. Ngô Việt Vương xin thụy phong cho ngài là Toàn Chân Tôn Giả.

Lời bàn: Có kẻ thấy Lương Thị nêu bày hai vị Trí Oai và Tuệ Oai chỉ nín thinh truyền đạo không cần nói năng bèn cho là đạo đó lặng lẽ không lời, chỉ ngồi chứng mà thôi. Song lời nói này của Lương Thị là muốn đem việc Trương Hoàng Kinh Khê lập ngôn để hoằng đại đạo, cho nên quyền coi là khinh trọng vậy thôi. Tóm lại là việc giảng kinh tọa thiền chưa từng là không song hành. Nếu không phải thế thì ngài Pháp Hoa có cả ngàn chúng nghe giảng kinh và tập thiền, ngài Thiên Cung có vô số kẻ cầu đạo thì đó là việc gì? Thế mới biết nếu đạo ấy không hành thì cũng là thái quá vậy.

Tổ thứ 8: Tả Khê Tôn giả Huyền Lãng

(So với Thánh tổ của triều đại này có tên húy trên dưới đều giống nhau)

Ngài tự là Tuệ Minh, người ở Đông dương thuộc Vụ châu, họ Phó, là cháu sáu đời của Song Lâm Đại sĩ. Mẹ ngài họ Cát thấy mộng lạ mà mang thai (ngài sinh vào năm Trinh Quán mười tám đời Đường Thái Tông). Từ lúc mới sinh ra, ngài không hề khóc, lại cười vui vẻ khi thấy có người. Năm lên chín (năm Vĩnh Huy thứ hai đời Đường Cao Tông) theo học tại chùa Thanh thái, học kinh mỗi ngày hơn bảy tờ. Năm Như Ý thứ hai đời Đường Võ Hậu (Ngài năm mươi tuổi) ngài xuống tóc thọ giới. Nghe ở Thiên thai hoằng truyền Chỉ Quán ngài liền tìm đến xin học. Chưa bao lâu đã giải ngộ hoàn toàn về tông thú Thiên thai. Ngài thường dùng mười tám pháp để tu hạnh Đầu-đà. Dựa vào hang núi mà lập nên cảnh Thiền lâm, mặt xoay về núi biếc, bên trái quanh co một lạch nước trong. Nhân đó tự đặt hiệu là Tả Khê. Ngài thường nói: Suối

đá rửa sạch mọi u mê, mây tòng dẹp bỏ thân trần tục. Ngài thường ở yên trong thất coi đó là pháp giới bao la. Tâm luôn thiền định ít khi uống thuốc, dẫu tuổi đã già mà vẫn như trai tráng. Mặc áo da cây, vốc nước khe mà uống; bầy vượn tranh nhau rửa bát, tụng kinh thì chim thú vây quanh; ẩn náu chốn hang sâu, vắng yên càng thích. Một hôm có chú chó mù đến núi tru dài rồi nằm phục ra đất. Ngài làm lễ sám hối cho thì tuần sau mắt sáng. Mỗi khi lễ sám ngài luôn nguyện cầu được sinh về nội viện Đâu-suất. Trong khi chí kính quán niệm bỗng chiêu cảm được xá-lợi Phật từ trên không rơi xuống (Năm Thiên Bảo đã xây tháp để phụng thờ. Gặp nạn Hội Xương phá chùa, chư Tăng gói xá-lợi dấu kín. Đến năm Khai Bảo thứ sáu của triều ta bèn xây tháp lại kính thờ, tháp ở góc Đông Nam của núi. Năm Khai nguyên thứ mười sáu, Châu thứ sử là Vương Chánh Dung nhiều lần mời ngài về kinh thành để giảng pháp, nhưng ngài không muốn đến dạy bèn lấy bệnh cáo từ. Ngài cùng sư Vĩnh Gia Chân Giác là bạn đồng môn. Ngài có lần thư mời Giác về núi ở. Giác đáp thư có hơn ngàn lời, có câu: 'Ồn ào đâu phải chỉ có ở chợ búa, yên vắng nào riêng ở núi rừng" (Nay ở Vĩnh Gia Tập có thư đáp lời bạn: Đời gần đây có Tả Khê ở núi. Thanh Mục phán định hai thư trong núi có tựa rằng: Hai ngài Tả Khê và Vĩnh Gia là đồng đạo, không phải không biết lời nói của Tả Khê, nhưng Vĩnh Gia kích thích mà nói vậy. Lời ngài Vĩnh Gia không phải trách cứ, nhưng là có điều muốn trình bày. Việc này kẻ tầm thường không biết được trở lại đem luận bàn là sai). Ngài thích ở nơi vắng vẻ không ngồi ngay hướng mặt trời, bèn xoay dời điện thờ và tượng. Công việc thật khó, ngài ra sức chỉ huy, công nhân nghe theo, không bao lâu thì việc hoàn thành. Theo lệ cũ thì nước khe thường cạn chúng rất khổ sở, ngài liền lấy gậy chọc vào núi đá, thì suối nước phun trào, có lần phun cao gấp hai ngọn tháp. Khi tô vẽ tượng ngài chỉ dùng nước thơm không dùng a dao (đây là dùng phép họa tượng Quan Âm và các kinh chú Đà-la-ni). Năm Thiên Bảo thứ mười ba, ngày mười chín tháng chín ngài gọi môn nhân bảo rằng: "Ta Đạo Lục Tức đã đầy đủ, muôn hạnh vốn không hề được, giới là gốc của tâm, các ông hãy noi theo". Rồi ngài ngồi ngay mà viên tịch. Tuổi đời tám mươi hai, hạ lạp ba mươi mốt. Đêm đến Đệ tử mộng thấy ngài đang ở tầng thứ tư Bảo các. Tỉnh dậy kể chuyện với hàng xóm. Người hàng xóm cũng mộng thấy y vậy. Bấy giờ mới biết biểu thị là ngài ở tầng bốn tại nội viện Di-lặc. Khi trà-tỳ xong thì môn nhân chia xá-lợi làm hai phần: Một phần để thờ ở tháp phía Tây của Tả Khê là tuân theo di chế thời tượng pháp, một phần thờ ở tháp phía Đông của Đông dương

để an ủi xóm ấp lo hương lửa. Quan tư phong là Lý Hoa làm bài minh rằng: Thọ pháp có mười hai vị mà người kế thừa chính thức là Kinh Khê. Người truyền đạo của ngài ở nước Tân La có các sư Đức Dung, Lý Ứng, Thuần Anh... Ngài có soạn bộ Pháp Hoa Khoa Văn hai quyển và sửa lại bộ Pháp Hoa Văn Cú. Ngô Việt Vương xin thụy phong cho ngài là Minh Giác Tôn Giả.

Lời bàn: Thứ sử Trương Thành đã tô vẽ hành trạng của ngài rằng: Sư dạy người không biết mệt mỏi, giảng kinh không đợi chúng đông, một y Uất-đa-la đắp hơn bốn mươi năm, một mảnh Ni-sư-đàn dùng trọn đời không đổi, ăn không cần ngon, ở chỉ một mái che. Như không phải viết sách đọc kinh Luận dù một ngọn đèn nhỏ cũng không đốt, nếu không lễ sám kinh hành thì một bước cũng chẳng đi. Chưa từng một lần vì lợi mà nói câu pháp, cũng chưa từng nói pháp mà nhận lấy một xu. Những hàng Long tượng từ xa, các bậc kỳ lão ở gần tranh nhau đến đầy cửa chật nhà. Bởi ngài như ánh dương mùa Đông, bóng mát ngày hè đâu cần mời mà ai cũng tự đến.

Tổ thứ 9: Kinh Khê Tôn giả Trạm Nhiên.

Ngài họ Thích, nhiều đời ở Kinh khê, Tấn lăng. Người thời đó kính trọng đạo nên lấy chỗ ở đặt tên. Ngài vốn dòng Nho gia nên từ bé đã sớm thành đạt. Trong số trẻ em trang lứa thì ngài có chí khác thường. Năm ngài mười bảy tuổi (Ngài sinh năm Cảnh Vân thứ hai đời Duệ Tông, đến năm Khai Nguyên mười lăm đời Huyền Tông, ngài mười bảy tuổi). Ngài đến bờ Hữu sông Triết giang hỏi đạo thì được ngài Kim Hoa Phương Nham dạy cho pháp Chỉ Quán. Năm Khai Nguyên thứ mười tám, Sư bắt đầu theo học với tổ Tả Khê (lúc đó Sư hai mươi tuổi). Tổ Tả Khê hỏi chuyện biết là đạo khí. Có lần Tổ bảo ngài rằng: Ngươi đã từng nằm mộng thấy gì? Đáp rằng: Một đêm nọ con thấy mình khoác áo ca-sa, cặp nách hai bánh xe đi vào sông lớn. Tổ cười: "A, phải chăng là dùng hai pháp Chỉ Quán mà độ quần sinh ở vực sâu sinh tử?" Ngài bèn mặc áo ẩn sĩ học đạo giáo Quán. Năm Thiên Bảo thứ bảy, mới cởi áo Nho sĩ mặc áo Tăng-già-lê (Lúc đó ngài ba mươi tám tuổi, theo học với Nghi Hưng Quân, ở chùa Tịch lạc tại Hương sơn - Phùng dịch là Nho sĩ áo vải. Tăng-già-lê dịch là Đại Y có hai mươi lăm điều). Ngài tìm đến một Luật sư ở Cối kê, nghiên cứu rộng về Luật bộ. Về sau lại diễn nói về Chỉ Quán ở Ngô môn. Tổ Tả Khê đã mất vào năm Khai Nguyên, nên ngài đem Mật tạng riêng hoằng hóa ở Đông nam. Ngài bảo đệ tử rằng: Đạo rất khó hành, ta biết rõ điều đó. Từ xưa bậc Chí nhân hễ tĩnh

thì lấy quán mà lập lại, hễ động thì lấy ứng để thi thố. Không trụ vào hai thứ ấy mới đạt đến chỗ cao xa. Người thời nay thì hoặc mờ mịt ở không, hoặc chấp chặt ở có, mình đã bệnh còn khiến người khác bệnh theo. Muốn được chánh đạo mà bỏ đây thì đi về đâu? Do đó nay xin mở mang diệu pháp, vì nó bao trùm muôn hạnh, nhiếp giữ hết các tướng, thâm nhập vào chỗ vô gián, thì ngay ở văn tự mà đạt quán, hướng dẫn bằng cách lặng im hoặc nói ra để trở về nguồn. Bèn thuật lại sự hoằng truyền của các Tổ, viết sách làm văn có trên mười vạn lời. Khiến giáo Viên đối của một nhà trở về chính thống. Thường dùng ý ngài Trí Giả mà phá dẹp đám hậu học Nam Bắc. Trong khoảng hơn trăm năm kẻ học Phật không ai chẳng tự cho là hoằng truyền cả định và tuệ, Viên chiếu Nhất thừa. Xưa không có cái tệ xe một bánh, chim một cánh. Nhưng từ đời Đường trở về sau thì việc truyền y bát khởi lên ở hẻm núi, còn việc luận về pháp giới, bàn về danh tướng thì đầy cả Trường an. Cả ba người ấy đều là đạo hạnh xuất chúng, danh vượt cửu trùng, là thầy mô phạm của Đế Vương. Cho nên uổng phí lớn chỗ học. Tự gọi là một nhà nhưng căn cứ vào kinh mở mang luận mà phán thích vu vơ. Kẻ giảng Hoa Nghiêm thì chỉ tôn kính Phật mình, còn người đọc Duy Thức thì không chấp nhận các kinh khác. Đến như giáo ngoại biệt truyền thì cũng chỉ tin ở lòng dạ mình mà thôi. Ngài Kinh Khê đã vin theo cái thuyết đó mà biện luận. Gọi là Kim phê, gọi là Nghĩa lệ, đều là lời của Mạnh Tử khen kính đạo Khổng mà bài bác Dương Tử, Mặc Tử. Kẻ thức giả bảo rằng: "Nếu không có Kinh Khê thì viên nghĩa sẽ phải chìm mất vĩnh viễn vậy."

Trong khoảng hai năm Đại Lịch và Thiên Bảo (Đời Huyền Túc Tam Tông) triều đình gởi đến ba chiếu mời nhưng ngài đều từ bệnh không đi. Ngài mới đến ở Lan lăng đã từng cùng với bốn mươi danh Tăng ở Giang hoài đồng lễ ở Ngũ đài. Có môn nhân của ngài Bất không Tam tạng là Hàm Quang thưa với ngài rằng: Vừa rồi, con theo ngài Bất Không sang du lịch ở Thiên Trúc có gặp một Phạm tăng bảo rằng: Ta nghe ở Đại Đường có Thiên thai Giáo tích có thể biết rõ thiên viên phân biệt chánh tà mà nói rõ Chỉ Quán có thể dịch ra đem đến cõi này được chăng? Ngài nghe xong than rằng: Có thể bảo Trung Quốc ta mất pháp mà tìm được ở bốn phía (Tả Truyện, Khổng Tử nói: Thiên tử mất quan, cầu học ở bốn rợ. Bài tựa của Hậu Hán Đông Di Truyện có nói: Trung Quốc mất Lễ, cầu học ở bốn Rợ).

Lúc tuổi già ngài trở về ở Đài lãnh, mặc áo vải thô, ngủ chiếc giường nhỏ, đích thân làm gương dạy người đến già vẫn không biết

mệt mỏi. Gặp lúc loạn lạc đói kém, người học càng đông trông vào nhà cửa để nương thân. Năm Kiến Trung thứ ba (Đức Tông), vào ngày mồng năm tháng hai, ngài ngọa bệnh ở tại Phật Lũng, bảo môn nhân rằng: Đạo không phương tánh cũng không có chân thể, sinh đó mất đó, ý chỉ nhất quán. Ta sẽ gửi nắm xương tàn ở núi này và tịch diệt vào đêm nay. Nay cần nói rõ với các ông cốt yếu về đạo để hiểu dứt khoát rằng: "Phàm một niệm không tướng thì gọi đó là Không; Không pháp nào không đầy đủ nên gọi đó là Giả, không phải một cũng không phải khác nên gọi là Trung. Ở phàm thì chúng là ba nhân, ở Thánh thì chính là ba đức. Đốt nóng thì trước sau đồng nhau, trên bộ dưới biển thì cạn sâu khác dòng. Tự lợi lợi tha chính ở đây mà thôi, các ông nên lưu ý." Nói xong tựa vào ghế mà viên tịch. Ngài thọ bảy mươi hai tuổi, họ lạp bốn mươi ba. Môn nhân để toàn thân nhập tháp mà thờ. Tháp ở góc Tây nam của tháp tổ Trí Giả.

Tác phẩm của ngài gồm có các bộ: Pháp Hoa Thích Thiêm, Văn Cú Ký, Chỉ Quán Phụ Hành, Chỉ Quán Sưu Huyền Ký... mỗi thứ mười quyển. Bộ Chỉ Quán Văn Cú một quyển, giảng nói cho Tư Phong Lý Hoa. Bộ Chỉ Quán Đại Ý một quyển, Thích Thiêm Biệt Hành, Thập Bất Nhị Môn, Kim Cang Tu, Chỉ Quán Nghĩa Lệ, Tam Quán Nghĩa, Niết-bàn Hậu Phần Sớ, Quán Tâm Tụng Kinh Lý, Thọ Bồ-tát Giới Văn, Thủy Chung Tâm Yếu... mỗi thứ nhất quyển. Lược Tịnh Danh Sớ mười quyển, Ký ba quyển, Tịnh Danh Quảng Sớ Ký sáu quyển, Trị Định Niết-bàn Sớ mười lăm quyển, Văn Cú Khoa, Chỉ Quán Khoa mỗi thứ sáu quyển. Hoa Nghiêm Cốt Mục hai quyển, Pháp hoa Tam-muội Bổ Trợ Nghi hai quyển.

Môn nhân của ngài là Lương Túc soạn bài Minh ở mộ bia của thầy mình có luận rằng: Trong khoảng thời gian không có Thánh nhân ra đời hoằng hóa tất có bậc Danh thế xuất hiện. Từ khi tổ Trí Giả phó pháp cho tổ Chương An, thì tổ Chương An nối đời truyền đến ngài Tả Khê. Minh đạo nếu có lúc mờ tối đợi đến ngài thì phát triển. Ngài nối tiếp ngôi báu đốt lửa để trung hưng. Số người theo học mà thân thông có đến ba mươi chín vị. Các hàng con cháu quan, các tiên sinh ngôi vị lớn, nổi tiếng... mà khuất mình thọ giáo thì có đến mười người (Sử Ký - Khổng Tử Thế Gia nói: Đệ tử ngài có ba ngàn, kẻ thân thông lục nghệ có bảy mươi hai vị. Nay nói "theo học mà thân thông", nghĩa là thông suốt đạo giáo Quán. Có người nói thấy thân phát thông suốt là vô nghĩa). Ngô Việt Vương xin thụy phong cho ngài là Viên Thông Tôn Giả. Triều đại ta, năm Nguyên Hựu thứ nhất, ngài Vĩnh Gia Trung Pháp sư sai môn

nhân quét dọn tháp ngài thì cỏ cây um tùm hoang vu không tìm thấy được. Bèn căn cứ vào lời bia của Lương Túc mà biết tháp ngài ở cách mộ phần của tổ Trí Giả khoảng trăm bước. Nhưng tìm đến thì thấy khám đá trống không chỉ còn một khối Nhũ hương mà thôi. Đêm nằm mộng ở núi Huyền bậc, thấy ngài gọi bảo rằng: "Hôm qua các Thiên thần sai nhiều người đến dời toàn thân đi rồi." Nên lập tức dựng ngay một tháp đá trên nền cũ để ghi nhớ.

Lời bàn: Sớ là để mở bày kinh, ký là để giải thích lời sớ. Vì như thế nên ý nghĩa phải quy về chỗ phải đến để người đời sau giữ được chánh thuyết. Lớn lao thay lời văn của Thích Thiêm, Diệu Lạc và Phụ Hành đã phát huy cái đạo của Thiên thai, há không phải là công tốt đẹp lắm sao? Nếu không có Kinh Khê thì nhóm học trò của Từ Ân Nam Sơn những kẻ luận ngang sau này được thế mà mê hoặc mọi người vậy. Sư bảo đó là muốn được chánh đạo bỏ đây thì đi về đâu? Thành thật thay lời dạy quý báu! Trong quyển Ký có nói số con quan quyền theo học có đến mấy mươi người, thì biết lúc đó người theo Nho học, học như thế là rất đông đảo. Nay chỉ còn nghe được ba, bốn người như Lương, Lý... thôi, tiếc thay!

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 8

TÁM TỔ TỪ HƯNG ĐẠO TRỞ ĐI

Tổ thứ 10: Thiên thai Hưng Đạo Tôn giả đại Pháp sư.
Tổ thứ 11: Thiên thai Chí Hạnh Tôn giả đại Pháp sư.
Tổ thứ 12: Quốc Thanh Chánh Định Tôn giả đại Pháp sư.
Tổ thứ 13: Quốc Thanh Diệu Thuyết Tôn giả đại Pháp sư.
Tổ thứ 14: Quốc Thanh Cao Luận Tôn giả đại Pháp sư.
Tổ thứ 15: Loa Khê Tịnh Quang Tôn giả đại Pháp sư.
Tổ thứ 16: Tứ Minh Bảo Vân Tôn giả đại Pháp sư.
Tổ thứ 17: Tứ Minh Pháp Trí Tôn giả đại Pháp sư.

****

Lúc xưa Ngô Việt Vương xin thụy phong các Tổ nhưng ba tổ Long Thọ, Bắc Tề và Nam Nhạc chưa kịp phong. Nay cùng tính từ Thúy Pháp sư trở xuống những vị mà không có hiệu Sư, thì ngay từ văn của bản kỷ, thu nhặt các hành trạng thật sự của các ngài để tôn xưng. Vì chính đó là nghĩa lớn của việc tôn Tổ. Giả sử có ngày nào có người muốn khảo luận về đức tốt đẹp để dâng lên vua xin ban cho huy hiệu cao quý thì có thể may mắn căn cứ vào đây mà định tên, ngõ hầu không sai sự thật. Hoặc nếu có ai nghi rằng chỉ đời nay riêng thụy phong, thì như ở đời Hán, môn nhân của Chu Mục đã cho Thái Ấp mà thụy phong cho ông là Văn Trung Tiên Sinh. Đời Tấn môn nhân của Đào Tiềm thụy phong cho ông là Tĩnh Tiết Tiên Sinh (thấy trong Hán thư phần Tống Sử), Đời Đường môn nhân của Tiêu Dĩnh Sĩ đã thụy phong cho ông là Văn Nguyên Tiên Sinh (Triệu Lân Nhân Thoại Lục), Đời Nguyên, Diên Tổ được thụy phong là Thái Tiên Sinh (cha của Nguyễn Kiết). Đây đều là kẻ môn nhân riêng thụy phong mà không có lỗi.

Về việc Thánh nhân truyền đạo cho nhau là cốt để làm sáng tỏ

giáo quán mà thôi. Trước suy tôn tổ Long Thọ, sau là ngài Kinh Khê, chín đời làm Tổ. Đến như hai Sư Thúy và Tu nối nhau diễn giảng khiến Tổ nghiệp không mất. Nhưng khi gặp tai ách Hội Xương thì kinh sách đều mất nên ba sư Ngoại, Tú, Tủng chỉ truyền đạo Chỉ Quán. Đến đời ngài Loa Khê nhờ Ngô Việt Vương tìm ra Di thư ở biển Đông mà Đế Quán từ nước Cao Ly đem giáo quyển ấy đưa về cho Trung Quốc mình. Do đó mà Tổ đạo lại được chấn hưng mạnh mẽ. Đời Tứ Minh lại trung hưng nên thật có chỗ nhờ cậy. Các Sư ấy hoặc công khai hoặc âm thầm "thuật nhi bất tác" thì gọi đó là Tổ. Bởi đó mà việc truyền thụ có kế thừa, việc nối nhau có thứ tự. Đây là Kỷ ghi về tám Tổ từ ngài Hưng Đạo trở xuống.

Tổ thứ 10: Hưng Đạo Tôn Giả: Đạo Thúy

Không biết Sư sinh quán ở đâu. Vào khoảng năm Đại Lịch đời Đường (Đại Tông) Sư đến nương nhờ ngài Kinh Khê tại Phật Lũng. Sư thông suốt các chỗ u huyền không chút trệ ngại. Ngài Kinh Khê vui mừng bảo rằng: "Con ta có thể kế thừa đạo nghiệp của ta!" Bèn truyền cho Sư bộ Chỉ Quán Phụ Hành. Sư vì chúng diễn giảng, làm sáng tỏ những ý chỉ sâu kín khiến người nghe không ai chẳng lãnh ngộ. Bạn đồng môn với Sư là Nguyên Hao mới gặp lần đầu đã rất kính phục. Năm Trinh Nguyên thứ hai mươi mốt, có Sư Tối Trừng ở Nhật Bản từ xa tìm đến cầu pháp, nghe Sư diễn giảng, lãnh nhận thọ học ngày đêm cố gắng mãi, viết hết bộ Nhất Tông Luận Sớ để đem về. Khi sắp lên đường bèn đến Thái Thú ở Quận Đình để xin một lời làm chứng cứ. Thái Thú là Lục Thuần vui mừng khen lòng thành ấy bèn đề rằng: Sa-môn Tối Trừng, tuy người nước ngoài, tánh thật cùng nguồn, tư chất thông minh, đạo tục đều kính, sáng chói ở nước nhà, lại được bậc danh Hiền truyền giáo là Pháp sư Thúy. Ngài là bậc thu muôn pháp vào một tâm, thấu mọi nẻo bởi Tam quán. Nay Sư Tối Trừng lại được ngài mật truyền, nói năng không ngoài Kinh Luận. Lại còn e học giả nước mình chưa thể tin vào thuyết này nên xin được ấn ký, đâu chẳng đáp lời. Tối Trừng bèn ngồi thuyền trở về Đông hải, chỉ lên một ngọn núi nói là Thiên thai, rồi lập lên ở đấy một cảnh chùa để truyền giáo, phong hóa rất thịnh hành hàng đầu, người theo học ngày càng đông. Bèn xa tôn Thúy Sư làm Thủy Tổ. Nhật Bản thật sự được truyền giáo bắt đầu từ đấy (Ngài Triều nói rằng: Trong bài minh của tháp Minh Trí có nói: Ngài Kinh Khê truyền cho Hạnh Mãn, Mãn truyền cho Quảng Tu. Xét theo Đại Tống Tăng Truyện thì Thúy Pháp sư truyền cho Quảng Tu, Quảng Tu truyền

lại cho Vật Ngoại. Nay dựa vào Tống Truyện coi Thúy Sư kế thừa Kinh Khê là đúng. Triều Thị đích thân thấy Minh Trí, không biết lúc ấy do đâu mà có thuyết lạ này.

Lời thuật rằng: Chỉ Yếu Xích Nhật Bản do Càn Thục soạn ra ghi rằng: "Sư Thúy biết đưa lên dị nghĩa trong Chỉ Quán, lấy ba cõi làm ba thứ vô lậu, tóm thâu trong ba thứ đó. Thiết nghĩ Sư Thúy đã nhận được Chỉ Quán ở Tổ Kinh Khê, không duyên cớ gì mà đặt ra thuyết này. Đặc biệt bọn Càn Thục vì nghĩa riêng này mà giả lời Sư Thúy nói thế thôi. Nên biết rằng trong Bộ Nhật Bản Biệt Hành Thập Bất Nhị Môn Đề đã nói: Hòa Thượng Quốc Thanh Chỉ Quán là chỗ nương tựa của mọi người trong nước Trung Quốc. Chỉ Yếu lại nói: Ông ta đã từng bày ra cái ý chỉ khác, nên Tối Trừng đến nước ấy y theo đó chép về. Dựa vào đây lại biết người trong nước căn cứ vào bản trước đó rồi giả danh Hòa Thượng Chỉ Quán để viết ra câu nói ấy. Lời nói của ngài Tứ Minh đáng là để chê Càn Thục Phụng Tiên mà thôi. Nhưng người đời không biết nên gọi là chê ngài Đạo Thúy. Xin hiểu theo lời luận này.

Tổ thứ 11: Chí Hành Tôn Giả: Quảng Tu

Ngài họ Lưu, người ở Hạ côn, Đông dương. Sớm theo học với ngài Đạo Thúy, nghiên cứu tinh thông giáo quán, nhưng lại chuyên tâm về thực hành. Mỗi ngày Sư thường tụng các kinh Pháp Hoa, Tịnh Danh, Quang Minh, Phạm Võng, Tứ Phần Giới Bản làm khóa tụng hằng ngày. Lại sáu thời luôn dạy Sám hối. Đến lúc tuổi già Sư càng dốc sức cố gắng. Mỗi năm tu Tùy Tự Ý Tam-muội, suốt bốn mươi chín ngày chưa một lần vì công việc mà bỏ qua. Quan thứ sử Thiên thai là Vi Hành rất quý trọng giáo môn thỉnh ngài vào Quận đường để giảng Chỉ Quán, khiến Vi Hành phát ngộ ngay từ chiếu ngồi nghe pháp. Bấy giờ các người đến nghe không ai không vui mừng.

Năm Hội Xương thứ ba (đời Đường Võ Tông) ngày mười sáu tháng hai, Sư viên tịch tại Thiền lâm, an táng tại Kim địa đạo tràng. Môn đăng đệ tử rất đông, ở hàng Thượng thư thì có ngài Vật Ngoại. Sau hai mươi ba năm, đệ tử là Lương Tư Kính Văn khai mộ đem thiêu nhục thân Sư, thu được hơn ngàn hạt xá-lợi to bằng hạt đậu. Ngay ở trên nền cũ, xây tháp để phụng thờ.

Tổ thứ 12: Chánh Định Tôn Giả: Vật Ngoại

Ngài họ Dương, là người Hầu quan ở Mân chi. Từ lâu theo học với tổ Quảng Tu và được truyền Chỉ Quán. Ngài vừa nói vừa làm. Năm

cuối Đại Trung (đời Tuyên Tông) là năm mất mùa. Ngài ở trong thất ngồi kiết già nhập chánh định, trước đó bảo đệ tử rằng: Nếu ngươi còn sống thì khi năm giống lúa mọc lại, hãy đánh chuông khánh để dẫn ta xuất định. Hơn năm sau, đệ tử làm theo lời dặn thì ngài xuất định. Đến năm Trung Hòa thứ năm (đời Hy Tông), ngày Rằm tháng ba, ngài viên tịch tại chùa Quốc thanh và an táng bên tháp viện của tổ Trí Giả. Đệ tử thượng thủ của ngài là Nguyên Tú, Kỉnh Hưu, Tuệ Ngưng... đều truyền đạo ở đời nối vững nghiệp nhà.

Tổ thứ 13: Diệu Thuyết Tôn Giả: Nguyên Tú

Ngài là người ở Thiên thai, nương theo Pháp sư Ngoại ở chùa Quốc thanh học Chỉ Quán, thấu suốt được ý chỉ. Ngài giảng thuyết giỏi, không vì chúng học trò đông hay ít mà vui buồn. Một hôm ngài lên tòa thuyết giảng, chúng tụ hội ít người, có khoảng mười vị Tăng lạ từ ngoài đi vào dáng vẻ rất uy nghi, kính cẩn vào ngồi ở hàng cuối để nghe pháp. Buổi giảng tan thì cùng lên thăm hỏi rồi ra đi. Sư sai thị giả theo mời thì các Tăng ấy đều bay lên hư không vẫy tay cười chào mà đi. Khoảng năm Hy Chương thiên hạ loạn lạc khắp nơi, kẻ học đạo chợt hợp chợt tan. Ngài lấy cớ việc tu đắc định tuệ để làm khó người khác. Nhưng chỉ có Thanh Tủng và Thường Thao luôn theo hầu hạ, lâu ngày được thấu suốt tôn chỉ. Thường Thao truyền cho Nghĩa Tùng, Nghĩa Tùng truyền cho Đức Trù, Đức Trù truyền cho Tuệ Vũ, Tu Nhã... đều là hàng kế thừa nổi tiếng...

Tổ thứ 14: Cao Luận Tôn Giả: Thanh Tủng

Ngài là người ở Thiên thai, nương theo Tú Pháp sư chuyên tinh về Chỉ Quán, sớm chiều không biến trễ và được kế thừa làm chủ chùa Quốc thanh, nói và làm đều rốt ráo. Lúc đó họ Tiền lập nước, một cảnh Thiên thai ở Ngô việt cũng là thuộc địa. Sư lãnh chúng được ở yên nên khuyên họ gắng chí bảo rằng: Bên ngoài có vua quan hộ trì nên khỏi nạn binh lửa, trọn ngày được sống yên, há không cố gắng tiến tu để đền ơn nước sao? Mỗi khi vía lễ, Sư lên tòa luận nghĩa lý cao xa mãi không thôi, đồ chúng không dám lộ vẻ mệt mỏi. Học trò nối nghiệp ngài là Hy Tịch, Chí Nhân, Giác Di...

Tổ thứ 15: Tịnh Quang Tôn Giả: Hy Tịch

Ngài tự là Thường Chiếu, họ Hồ, ở Vĩnh gia. Lúc mới mang thai ngài bà mẹ không thích ăn đồ huyết nhục. Khi sinh ra thì trên đầu ngài

có dính một vật giống như cái mũ tía (Ngài sinh năm Kỷ Mão, niên hiệu Trinh Minh thứ năm đời Lương Mạt Đế). Từ nhỏ ngài thưa cùng song thân xin xuất gia. Bèn vào chùa Khai nguyên nương theo thầy tụng kinh Pháp Hoa, chỉ đầy tháng thì thấu triệt. Năm ngài mười chín tuổi (năm Thiên Phước thứ hai đời Tấn Cao Tổ) ngài xin xuống tóc thọ giới Cụ túc rồi đến Cối kê học Luật, hiểu sâu về Trì Phạm. Bèn đến Thiên thai học Chỉ Quán với Tủng Pháp sư. Những điều ngài lãnh ngộ như Nhất Biến Chiếu ở Hà nam (Cao Tăng truyện nói: Mãn châu có Bất Thính Thái, Hà nam có Nhất Biến Chiếu). Có lần ngài đến ngụ chùa Dục vương ở Tứ minh, mộng thấy lên chùa Quốc thanh, trên cao có tòa bảo tàng, đề chữ Văn-thù đài, có vòng rào ngăn cách muốn vào không được. Chốc lát thấy Đức Quan Âm từ trong nhà bước ra tay dắt ngựa chiến, gật đầu đón tiếp. Bỗng tự biết thân mình cùng Quan Âm là một thể. Từ đó trở đi luận thuyết vô ngại. Giáo tích Thiên thai xưa, xa kể từ An Sử nổi loạn (năm cuối Thiên Bảo, An Lộc Sơn và Sử Tư Minh nối nhau làm loạn), gần thì từ năm Hội Xương đốt phá (năm Hội Xương thứ năm đời Võ Tông đã dẹp bỏ Tăng Ni, đốt phá Tự viện). Sách vở mất hết, người truyền còn biết căn cứ vào đâu. Sư luôn cố sức kiếm tìm. Trước đây Sư ở Kim Hoa Cổ Tàng chỉ có được một quyển sớ về kinh Tịnh Danh. Ý Trung Vương ở Ngô Việt nhân xem Vĩnh Gia tập có lời giống nhau: "Nếu trừ bốn Trụ hoặc thì chỗ này là bằng, nếu phục vô minh thì Tam tạng là kém" liền đem hỏi Thiều Quốc sư (Truyền Đăng Thiên Thai Đức Thiều Quốc sư, họ Trần, nối tiếp Thanh Lương Ích Thiền sư, đến Thiên thai xem di tích của tổ Trí Giả có cảm tưởng như đã ở đó từ lâu, lại đồng họ với tổ Trí Giả, nên người thời ấy nghi là hậu thân của tổ). Đức Thiều nói rằng: Đây là giáo nghĩa nên hỏi Tịch Sư ở Thiên thai. Vương liền cho mời. Sư ra khỏi Kim Môn. Vương lập giảng đường để hỏi nghĩa trước. Sư đáp: Đây là rút từ Diệu Huyền của tổ Trí Giả. Từ cuối đời Đường thời thế loạn ly, kinh sách mất hết. Cho nên các văn đây phần lớn đều ở nước ngoài. Lúc đó Ngô Việt Vương sai sứ giả mười người đến Nhật Bản tìm lấy Kinh sách đem về. Vua liền xây chùa Loa khê đề biển Định tuệ, ban hiệu là Tịnh Quang Pháp sư và thụy phong các Tổ ở Thiên thai (chỉ thụy phong mười sáu Tổ Thiên thai). Một nhà giáo học đông đảo là do sức trung hưng của Sư (Nhị Sư Khẩu Nghĩa nói: Ngô Việt Vương sai sứ lấy về được năm mươi báu vật. Đến Cao Ly tìm giáo văn thì nước ấy sai Đế Quán đến dâng biểu các bộ, nhưng không có Trí Luận Sớ, Nhân Vương Sớ, Hoa Nghiêm Cốt Mục, Ngũ Bách Môn... Dựa vào đây thì biết ở hai nước hải ngoại là Nhật Bản - Cao Ly đều có

sai sứ đến. Nếu nói giáo văn là một báu vật lại trở về với Trung Quốc thì tất là Đế Quán của Cao Ly đã dâng quyển Giáo Văn là đúng).

Có Sư Hưng Giáo Minh, lúc tuổi hai mươi, khi nghe kinh xong thường tự nghi rằng: Ngài Ca-diếp cầm y trượng sáu của Đức Thích-ca khoát vào thân trăm trượng của ngài Di-lặc thì vừa y. Vậy y biết dài ra chăng hay thân biết ngắn lại chăng? Lúc đó Thiều Quốc sư ở tại Vân cư (thuộc Thiên thai), liền tụ họp năm trăm chúng. Minh đem việc đó ra hỏi. Quốc sư nói: Tòa chủ từ khước hội này của ông. Ông ta giận dữ phất tay áo bỏ đi. Quốc sư nói: Nếu ta đáp rằng ông sai thì sẽ có nhân quả. Minh trở về Loa khê, liền bị thổ huyết. Sư nghe nói kinh hãi bảo: Kẻ mới thọ giáo này đã dám ngỗ ngược xúc phạm Bồ-tát. Sư Minh nhắc lại lời nói trước. Sư bảo: Ông không hiểu ý của Quốc sư, hãy mau đến sám hối. Minh liền kính cẩn đến trước Quốc sư khóc lóc đảnh lễ sám hối. Quốc sư làm bài tụng nói trước rằng:

Đạo chư Phật bằng nhau
Cao thấp rõ như thế
Thích-ca và Di-lặc
Như ấn in vào bùn.

Minh từ đó hết bệnh, liền đến tạ ân Sư và thưa: Nếu không có lời dạy bảo của Sư thì con đã chết rồi! (Nhị Sư Khẩu Nghĩa nói: Huyền Bậc Sơn Quân nói rằng: Quốc sư chính là tổ Trí Giả, xây dựng pháp đường Đô Liệu Loa khê là người đứng đầu hội Phóng sinh, còn các Tăng chúng trong chùa là các loài cá tôm đã được phóng sinh trước đấy).

Năm Thái Bình Hưng Quốc thứ năm (triều ta là Tống Thái Tông), Sư từ Thiên thai ra ở tại lầu phía Đông của chùa Châu trị, mộng thấy cột chùa bị lún chìm trong đất, liền dời sang ở phía Tây. Đêm ấy chợt có mưa xuân khiến núi lở lầu đổ sụp. Mọi người đều cho là Sư có Thiên nhãn. Năm Ung Hy thứ nhất, quan huyện Vĩnh an mời Sư đến ở tại chùa Quang minh để truyền giới cho chúng Tăng, bỗng tượng Phật lớn trong chùa bị đổ, trong bụng rơi ra một bài Phát Nguyện Văn. Nguyên là ở đời nhà Đường, năm Hàm Thông thứ sáu, Sa-môn Hy Cảo đã truyền giới và khuyên bảo bảy người trong làng tạo ra tượng này. Họ cùng nguyện rằng sau khi chết rồi sẽ đầu thai làm đàn ông và xuất gia từ bé để truyền pháp độ sinh. Lúc đó những kẻ chứng kiến đều cho đó là tiền thân của Sư.

Vào ngày mồng bốn tháng mười một năm Ung Hy thứ tư, Sư lâm bệnh, dặn môn nhân không cho khóc lóc cúng kiến. Nói xong Sư liền nhắm mắt. Môn nhân xây một tháp nhỏ an táng ở Phương trượng. Sư

thọ sáu mươi chín tuổi, hạ lạp năm mươi, đệ tử được truyền pháp hơn trăm người, mười người ngoại quốc. Trong đó ngài Nghĩa Thông là bậc nhất, các vị kế sau là Trừng Úc, Bảo Tường. Những quan dân trước đây được Sư truyền giới cùng đón rước chân tướng của Sư về chùa Khai nguyên, mặc áo tang cúng tế, cảm động khắp cả thành, trời cũng u ám buồn thảm. Về sau môn nhân định dời tháp, khi mở quan tài ra thì thấy thân thể Sư còn tươi như người sống, tóc dài ra hơn mấy tấc. Bèn dời về an táng ở phía Đông nam chùa Quốc thanh. Ngài Trừng Úc làm bài minh nói về Sư để mọi người biết. Sư giảng về ba Đại Bộ mỗi thứ hai mươi lượt, giảng về Duy-ma, Quang Minh, Phạm Võng, Kinh Cang Ty, Pháp Giới Quán, Vĩnh Gia Tập... mỗi thứ vài lượt. Thuật về Nghĩa Lệ Bất Nhị Môn... các Khoa, Tiết chừng vài quyển (thấy trong các văn ở Cao Tăng Truyện...)

Tổ thứ 16: Bảo Vân Tôn Giả: Nghĩa Thông

Ngài tự là Duy Viễn, người nước Cao Ly, dòng dõi họ Y (Ngài sinh năm Đinh Hợi, niên hiệu Thiên Thành thứ hai, đời Minh Tông, Hậu Đường). Ngài Phạm tướng lạ lùng, đỉnh đầu có nhục kế, lông mày xoắn uốn lại, kéo ra dài năm, sáu tấc. Thuở bé, ở viện Quy sơn tôn ngài Thích Tông làm thầy. Sau khi thọ giới Cụ túc, ngài học về Hoa Nghiêm, Khởi Tín Luận được cả nước tôn quý. Vào năm Thiên Phước đời Tấn, ngài đến Trung Quốc (ngài ở cuối năm Thiên Phước mới mười sáu, mười bảy tuổi. Chính khi ngài thọ giới Cụ túc, học Hoa Nghiêm, đến Trung Quốc thì phải sau hai mươi tuổi. Lấy lịch suy ra thì đó là thời Hán Chu. Nay nói là năm Thiên Phước, e sai). Ngài đến Vân cư tại Thiên thai (nơi ở của Thiều Quốc sư) chợt có được khế ngộ bèn đến gặp tổ Loa Khê, nghe Tổ nói ý chỉ Nhất tâm tam quán bèn than rằng: Cái học Viên Đốn này tất các thứ khác đều phải noi theo. Ngài bèn ở đấy theo học. Lâu ngày lãnh hội hoàn toàn, tiếng đồn vang xa khắp nơi. Một hôm ngài từ biệt bạn đồng học rằng: Tôi muốn đem đạo này dẫn dắt người chưa nghe. Liền từ quê mẹ, ngồi thuyền sang Đông hạ, đem đạo Tứ minh sắp lên tàu biển. Thái sư quận thú là Tiền Duy Trị (con chú bác với Trung Ý Vương) nghe ngài đến bèn thiết lễ đón rước để thưa hỏi các điều tâm yếu. Lại thỉnh ngài làm giới Sư đích thân truyền cho Bồ-tát giới. Cả đạo tục đều đua nhau kính lễ xem ngài là thầy mô phạm. Tiền Công cố lưu giữ ngài thưa rằng: Hoặc làm sứ hoặc dạy học (Mạnh Tử có câu: Đi thì làm Sứ, dừng thì dạy học như Trọng Ni) đệ tử không dám cản . Như nói Lợi sinh hà tất phải ở Kê Lâm ư? (Kê Lâm là tên khác của nước Cao

Ly). Ngài bảo: “Duyên đã hợp với ông, ta không từ được”, nhân đó không đi. Năm Khai Bảo thứ nhất (triều đại ta là Thái Tổ), quan tào sử là Cố Thừa Huy nhiều lần đến nghe ngài dạy bảo nên đã đổi nhà thành viện truyền giáo, mời ngài đến ở. Năm Thái Bình Hưng Quốc thứ tư, sư Pháp Trí đến học với ngài (lúc đó ngài năm mươi ba tuổi, Pháp Trí hai mươi). Đến tháng mười hai năm Thái Bình Hưng Quốc thứ sáu, đệ tử là Diên Đức đến kinh sư tâu vua xin biển tên chúa. Đến tháng tư năm thứ bảy thì vua ban biển là Bảo Vân. Năm Ung Hy thứ nhất, sư Từ Vân mới đến theo học với ngài (ngài năm mươi tám tuổi, Từ Vân mới hai mươi hai). Ngài diễn bày giáo quán suốt hai mươi năm, kẻ đến học với ngài không kể hết. Ngài thường gọi mọi người là “Người đồng hương”. Có người hỏi duyên cớ, ngài đáp: Ta coi cõi Tịnh độ là cố hương, các người đều sẽ vãng sinh, thì tất đều là đồng hương với ta.

Đến ngày mười một tháng chạp năm Đoan Củng thứ nhất, ngài nằm nghiêng bên phải mà viên tịch. Ngày làm lễ trà-tỳ thì xá-lợi đầy trong xương, môn nhân an táng ngài ở phía Tây bắc chùa A-dục vương (khi chùa A-dục vương chưa tu thiền, học đồ có lần thỉnh sư Bảo Vân mấy lần đến giảng. Khi ngài Bảo Vân viên tịch rồi nhân đó an táng hài cốt ngài ở đất ấy). Ngài thọ sáu mươi hai tuổi. Năm Trị Bình thứ nhất (đời Anh Tông), chủ Nam hồ là Pháp Tôn Tông Chánh, xây tháp đá vuông bốn góc, làm bia đá ghi lại cho mọi người biết (tức sau năm ngài bảy mươi bảy tuổi. Đến năm Tuyên Hòa thứ bảy (đời Huy Tông), chủ chùa A-dục vương là Xương Nguyệt Đường lấy cớ đất hoang vu tháp đổ nát, bèn dời tháp ngài vào tháp của Oai Sư, đem hài cốt về Ô thạch sơn. Hài cốt ngài lấp lánh ánh sáng, gõ nghe tiếng leng keng, xá-lợi ngời năm sắc đóng lớn trên xương, cạo ra cả vốc tay. Người chủ sau là Trí Khiêm khắc lại lời ký trên tháp đá để trong am ở Ô thạch (thấy trong Trấn Tổ Tập Thạch Tháp Ký).

Hiểu Thạch Chi nói rằng: Lời ký ở tháp đá có người bảo những trước thuật của ngài tản mát không được truyền lại. Song khảo cứu các chương ký ở Tứ minh thì có lần ngài làm bỉnh bút sớ ký Quán kinh, giải thích về Quang Minh Huyền Tán. Bởi Tứ Minh thừa hưởng các nghĩa đó để làm văn các bài sao, ký. Vậy thì không phải là không truyền. Hãy còn một bộ tán thích nhưng không được truyền rộng rãi.

Loa Khê sưu tầm giáo điển như châu mất mà lại được. Ngài Bảo Vân có phú chúc cho hai người kế thừa để truyền bá gia nghiệp, thì đời chỉ tôn sư Pháp Trí là người trung hưng. Vì Sư có viết sách lập ngôn mở sáng Tổ Đạo bài bác phái sơn ngoại, có công nối thạnh đạo thống. Nên

ngài Từ Vân khen rằng: Chương An đã mất, Kinh Khê không còn, có bậc nhân Sư này để tiếp nối ánh sáng kia, một nhà Đại giáo trọn vẹn. Nhân đó làm lời từ rằng: Giáo bộ một nhà, thứ nào Tỳ Lăng Sư chưa ghi thì phải ghi hết. Bốn thứ Tam-muội người khó làm thì đều làm hết. Kính cẩn giải thích danh ngôn, thành thật mà làm Thực Lục.

Tổ thứ 17: Pháp Trí Tôn Giả: Tri Lễ

Ngài tự là Trí Ngôn, họ Kim ở đất Tứ minh (đời truyền tụng ngài ở ngõ Bạch tháp tại Quận Thành). Người cha đi cầu tự khắp nơi nhưng chưa sinh con. Nên cùng vợ là Lý thị đến cầu Phật. Nằm mộng thấy Thần tăng dắt một đứa bé đến bảo rằng: "Đây là La-hầu-la con Phật." Nhân đó có thai. Khi sinh ra bèn đặt tên ấy (đó là năm Canh Dần niên hiệu Kiến Long thứ nhất, Thái tổ được nhà Chu nhường ngôi), ngài có thần cách riêng biệt không giống mọi người. Lên bảy tuổi thì mẹ mất, thương khóc mãi không nguôi. Bèn xin cha đi xuất gia và đến chùa Thái bình hưng quốc theo thầy là sư Hồng Tuyển. Đến mười lăm tuổi thọ giới Cụ túc, chuyên sâu luật bộ.

Năm Thái Bình Hưng Quốc thứ tư (đời Thái Tông) theo học giáo quán với ngài Bảo Vân (lúc đó Sư hai mươi tuổi) mới ba ngày, thì thủ tọa gọi Sư bảo rằng: Pháp giới thứ lớp ông nên giữ gìn.

Sư hỏi: Sao gọi là pháp giới?

Thủ Tọa nói: Pháp môn Đại tổng tướng viên dung vô ngại là nó đấy.

Sư nói: Đã Viên dung vô ngại thì sao lại còn gọi là thứ lớp?

Thủ tọa không trả lời được. Sư ở một tháng thì tự giảng Tâm Kinh. Người nghe phục Sư về sự hiểu nhanh. Năm Thái Bình Hưng Quốc thứ năm, người cha mộng thấy Sư quỳ trước ngài Bảo Vân và được ngài cầm bình rót nước vào miệng. Từ đó các ý chỉ Viên Đốn một lần nghe qua thì Sư đều thông suốt. Năm Thái Bình Hưng Quốc thứ sáu, Sư thường thay ngài Bảo Vân giảng kinh.

Năm Ung Hy thứ nhất, sư Từ Vân từ Thiên thai đến bắt đầu theo học với ngài Bảo Vân. Do đó Sư có dịp giúp bạn Từ Vân, thân thiết như anh em. Đến năm Đoan Củng thứ nhất, ngài Bảo Vân viên tịch. Sư lại mộng thấy mình quảy đầu ngài Bảo Vân mang vào cánh tay trái mà đi, liền tự hiểu rằng: Việc quảy đầu là biểu hiện sự học tập đã thông suốt, việc mang đầu ở cánh tay là nắm giữ đầu Chủng Trí để hóa độ đời (Từ Vân đã soạn bài tựa trong bộ Chỉ Yếu Sao nói: Lấy cái lời tự hiểu của ngài Pháp Trí mà nói). Năm Thuần Hóa thứ hai mới nhận lời làm chủ

Càn Phủ, suốt cả bốn năm diễn giảng cho nhiều người. Đến năm Chí Đạo thứ nhất, vì Tiểu Viện của Sư ở phía Tây nhỏ hẹp, người đến ở học không thể chứa được mười người, bèn dời sang Bảo ân viện ở phía Đông nam thành. Năm Chí Đạo thứ hai, làm viện chủ Hiển thông xá giảng thường trực về Thập Phương Trụ Trì Địa của giáo pháp Thiên thai. Năm Chí Đạo thứ ba, vì Tu viện hư sập nên cùng bạn đồng học là Dị Văn tính việc sửa chữa. Rồi thì Đơn Khâu Giác Viên đến nhận việc. Năm Hàm Bình thứ ba (đời Chân Tông) trong quận gặp hạn hán lớn, Sư cùng Từ Vân tu Quang Minh Sám cầu mưa suốt ba ngày không ứng nghiệm. Sư định đốt một tay cúng Phật, khi lễ sám chưa xong thì mưa ào xuống (Từ Vân Hành Nghiệp Ký nói rằng: Định ba ngày nếu không mưa thì sẽ tự thiêu, nhưng đúng hẹn thì quả nhiên có mưa lớn. Thái thú Tô đã khắc đá ghi lại sự việc này). Năm Chí Đạo thứ sáu, nước Nhật Bản sai các ngài Tịch Chiếu, Pháp sư Trì Nguyên Tín sang hỏi nhờ Sư giải đáp về hai mươi bảy điều mục. Năm Cảnh Đức thứ nhất, Sư soạn bộ Thập Bất Nhị Môn Chỉ Yếu Sao, thành lập Nghĩa Biệt Lý Chân Như Có tùy duyên. Ngài Vĩnh Gia Kế Tề lập chỉ lãm để vấn nạn (là môn nhân của Phạm Thiên Chiêu Sư) cho rằng Bất Biến Tùy Duyên, đó là Lý của các nhà Viên giáo thời nay, chứ Biệt Lý thì đâu thể tùy duyên được. Sư bèn đặt ra hai mươi câu hỏi để phá bỏ cái nghi ngờ ấy. Thiên thai Nguyên Dĩnh lại lập lời trưng quyết thay Tề Sư mà đáp lại, rồi Gia Hòa Tử Huyền cũng lập Tùy Duyên Phát để trợ giúp cho Tề và Dĩnh. Lúc bấy giờ đệ tử của Sư là Nhân Nhạc thuật lại nghĩa của ngài Pháp Trí, lập ra mười môn Chiết Nạn để phá chung cả ba Sư trên. Người đời cho là ngài Tịnh Giác có nhiều công Ngự Vụ (ngự vụ: Chống kẻ lấn hiếp mình). Năm Cảnh Đức thứ tư, Sư sai môn nhân là Bản Như Cối kê Thập Sư đem Thập Nghĩa Thư và Quán Tâm Nhị Bách Vấn đến thất của Chiêu Sư ở Tiền Đường. Xưa chính là hai bản Quang Minh Huyền tóm lược và mở rộng đều lưu hành ở đời. Ở Tiền Đường trước năm Cảnh Đức, Ân Sư có viết ra Phát Huy Ký để chuyên giải thích về Bản Tóm Lược bảo rằng mười thứ ba pháp thuần nói về pháp tánh, không cần phải lập Quán Tâm. Còn bản mở rộng mà có là do người sau tự ý thêm vào. Môn nhân của Từ Quang vâng theo Thanh Linh Quang Mẫn trước đây đã cùng tạo ra hai mươi điều vấn nạn, để phụ lập nên nghĩa ấy. Lúc đó Bảo Sơn Thiện Tín gởi thư xin ngài Pháp Trí bình luận điều trên (Từ Vân có bài thi gởi Thạch Bích Thiện Tín Thượng Nhân, có câu: "Từng đồng kết xã." (Căn cứ vào đây thì biết đều cùng thờ ngài Bảo Vân). Sư vội từ chối rằng: Phàm bình là bàn luận mà không phải là tranh cãi, huống chi hai vị này

đã hiểu rõ Tông ta. Thiện Tín lại thưa rằng: "Trống Pháp gầm thét đâu cần tiếng nào trước tiếng nào sau." Do đó Sư bắt đầu viết Phù Tông Ký để làm sáng tỏ rộng rãi cái nghĩa nương pháp mà Quán Tâm cho là nếu bỏ phép Quán Tâm của Sư Ân ấy là có Giáo mà không có Quán. Có Phạm Thiên Chiêu và Cô Sơn Viên đều học theo các Tiên Môn đã viết Biện Ngoa để trợ giúp cho Bản Tóm Lược, cho rằng Quán thì có Sự và Lý, nay mười pháp này trước sau đều lấy một Pháp tánh mà xuyên suốt, đâu không phải là thuần nói về Lý quán? Sư liền nêu câu hỏi nghi ngờ để trưng bằng cớ bảo rằng: Nếu bảo mười pháp là Lý quán thì thứ huyền văn này phải là ba thứ Tam-muội trên. Bản Tóm Lược đã không có giản biệt về cảnh. Vả lại không phải theo Hạnh mà quán lý, thì biết Chiêu Sư lại trở thành có Quán mà không Giáo. Chiêu Sư lại viết thư đáp điều nghi, từ hình thức mà biến đổi cho là Huyền văn chỉ thẳng cho Tâm tánh, nghĩa đồng với Lý quán. Sư lại cật vấn trách rằng: Cái tên Tâm tánh thì Thích Thiêm đã phán định là ở nhân, mà thượng nhân lại lấy mười pháp là quả chứng của người thì hoàn toàn không phải là chỉ thẳng Tâm tánh. Lại mười pháp không nghe nói là có gián ấm, vậy lấy nghĩa nào cho là đồng với Lý quán? Chiêu Sư lại kể về năm nghĩa, bảo rằng: "Chỉ Quán theo Hạnh mà quán Tâm, bèn lập Ấm... làm cảnh, mà việc nương Pháp nhờ Sự đều không lập ấm, mà có ý bảo Lý quán lập ra là cái lệ sự pháp không cần lập ấm. Lại sau khi cật vấn đầy đủ thì biết Tâm tánh là ở Nhân. Ngầm sửa lại rằng: Đó là chỉ thẳng Pháp tánh (Điều lập ra của Chiêu Sư gọi là Ước hạnh thì không có lựa cảnh, gọi đó là Sự Pháp thì có chấp làm Lý, hai lỗi tiến thoái đều không bằng cứ, ấy là không quán mà cũng không giáo). Sư lại đặt câu hỏi nghi ngờ trách rằng: Vấn nạn là cốt trưng bày sự chỉ thẳng Tâm tánh, thuần nói rõ về Lý quán, vì sao lại lấy cái Quán Sự Pháp mà đáp lại, há không phải là nghĩa cùng lý tận rồi ư? Cái thư này đã hơn một năm mà không đáp. Sư lại viết thư đốc thúc. Sư Chiêu từ từ làm Thích Vấn: Lấy Diệu lý của mười thừa làm cảnh sở quán. Sư lại trách rằng: Xưa đã cho ba chướng bốn ma là cảnh giới, nay nếu lấy Diệu lý của mười thừa làm cảnh Sở thì tức là lấy ba chướng bốn ma làm Trí năng quán sao? Từ Phát huy đến Thích vấn thì bốn phen sửa đổi, năm lúc bị thua, thơ đi lại năm lần, trải suốt bảy năm. Bèn tổng kết trước sau viết thành hai quyển bài bác Chiêu Sư về:

1. Không hiểu Pháp Năng quán.
2. Không biết Cảnh Sở quán.
3. Không phân rõ hai cảnh nội ngoại.

4. Không biện rõ hai cách tạo thành Sự và Lý.

Sách gồm mười chương tên là Thập Nghĩa Thư. Lại giả lập hai trăm câu hỏi để chất vấn. Lúc đó Cô Sơn ở bên tòa của Chiêu Sư mà quán biết Thập Luận nhưng biện không được, bèn vội vàng đem đến Bạch Quận Thú. Đến mà không gặp ông để nhờ chống đỡ, nên trở về mà không đáp từ cho Sư. Đến năm Đại Trung Tường Phủ thứ hai, việc sửa lại Viện Bảo Ân đã xong, từ ngày hưng công đến nay đã mười năm, để dành đá đợi hỏi để khắc bài ký này. Năm Đại Trung Tường Phủ thứ ba thì xin Quận tâu lên vua, đến tháng mười, vua ban cho biển chùa là Diên Khánh. Đến năm thứ năm thì Sư cùng Dị Văn lập lời Giới thệ trao cho đệ tử để tuyên thệ, trong đó tóm tắt rằng: Ta mới dùng tâm mười phương để nhận nơi ở này, kịp khi xây cất sửa chữa nơi ở yên, cốt vì học chúng đâu dám riêng tư cho mình, chỉ vì Tông ta có năm đức không chọn xa gần, ta đem trao cho chúng muốn ở đây. Những tính toán sau này đều phải đúng y như thế. Năm Đức ấy là:

1. Kẻ cựu học Thiên thai không gồm giảng các Tông phái khác.
2. Nghiên cứu tinh thông sâu rộng, tránh xa việc “phù ngụy.”
3. Giới đức có danh tiếng là do việc hành xử của mình.
4. Quyết làm đạo ta vinh dự vang xa không bị khuất phục.
5. Lời lẽ luận đạo hay đẹp dẫn dắt người.

Bởi vì sao? Nếu gồm giảng thì tức phản bỏ lời ta phó chúc. Nếu “phù ngụy” thì tất có lầm lạc khi truyền thụ, có Giới đức sẽ làm sáng tỏ Đạo hoằng hóa, danh tiếng vang xa thì bền chắc ở Đạo nghiệp sau đó mới dùng lời biện luận nghĩa lý thuận hợp dẫn dắt được người. Với năm điều đó cần nên khiến tăng lên, không nên ít hơn.

Ngày Rằm tháng hai năm Đại Tung Tường Phủ thứ sáu, bắt đầu lập hội Niệm Phật Thi Giới, Sư đích thân làm Sớ văn để ngụ ý khuyên dạy. Từ năm này việc đó cho là thường nhật. Đến năm thứ bảy thì soạn bộ Dung Tâm Giải, nói rõ về Nhất Tâm Tam Quán, hiển bày về bốn ý chỉ: Tịnh Độ - Năm Thiên Hy thứ nhất, Sư gọi đồ đệ bảo rằng: “Vì nửa bài kệ quên mình, vì một câu kinh mà nhảy vào lửa, tâm vì pháp của Thánh nhân như thế. Nay ta sẽ quên mình để cảnh tỉnh những kẻ biếng lười.” Bèn cùng Dị Văn kết đồng chí với mười người nguyện tu Pháp Hoa Sám trong suốt ba năm, sau đó sẽ tự thiêu để cúng dường diệu kinh (Người tu khổ hạnh quên thân đã hỏi tên của mười vị Tăng kia nhưng rất tiếc không thấy ghi). Bí thư là Giám Dương Ức (tự là Đại Niên, làm quan đến chức Hàn Lâm, thụy là Văn Công) ở xa ngưỡng ngộ Đạo phong của Sư bèn thưa Thừa Tướng Khấu Chuẩn tâu vua ban thưởng

Tử y và lại viết thư chúc mừng. Khi nghe Sư Kết sám quên thân, bèn viết thư khuyên mời Sư nên trụ thế, bảo rằng vì là thời kỳ Thiên thai Giáo mới phục hưng, việc chính là phải có truyền trì để làm Đạo sư cho đời. Thư đi thư lại bốn lần Sư vẫn giữ lời thề trước. Dương Công bèn viết thư cho Quận Thú là Lý Di Canh cùng Nghi Thiên Trúc Từ Ân nhờ khuyên can giúp. Quan Thái Thú đích thân dẫn các quan đến khuyến thỉnh sư thuyết pháp lợi sinh. Vả lại mật giới, lân xã cần phải luôn bảo hộ. Lại đến gặp ngài Từ Vân ở Đông Hạ cùng hợp lực khuyên ngăn. Cả phò mã Lý Tuân Úc cũng gấp rút viết thư khuyên can (cưới con gái của Thái Tông là Ngụy Quốc Công Chúa, thụy là Văn Hòa Công). Sư xét ý công tư thì thấy đều ngăn trở nguyện trước của mình. Bèn lại kết hợp với mười vị Tăng hẹn tu Đại Bi Sám pháp ba năm để đáp lại lời thề xưa. Năm ấy Sư làm Tiêu Phục Tam Dụng Chương, đối lại với Xiển Nghĩa Sao của Cô Sơn nói rằng: "Không biết tánh ác là nghĩa lý độc." Có người tên Hàm Nhuận làm Thiêm Nghi cho rằng: Vì ba thứ Tiêu Phục đều căn cứ vào Viên Luận. Ngài Tịnh Giác dẫn nghĩa sớ trải bốn giáo mười pháp giới để trừ ba chướng. Làm sách Chỉ Nghi để giúp nghĩa của Sư. Năm Thiên Hy thứ tư, Phò Mã Lý Tuân Úc tâu lên vua về cao hạnh quên mình của Sư, vua mừng khen không ngớt, đặc biệt ban hiệu cho Sư là Pháp Trí Đại sư, tuyên chỉ: "Sư phải trụ thế để diễn giảng đạo giáo." (Quận thú là Trần Hy Bạch đề lời ở tháp của Viện rằng: Quan nội Hàn Dương Ức vì Xu Sứ Mã Tri Tiết soạn ra văn bia Phụ Thần Đạo không nhận nhuận bút, xin tâu vua tiến cử hiệu Tứ Minh cho Sư, nhân đó Tri Tiết tâu vua, vua vời lên hỏi. Ức nhân đó nói việc Sư vì pháp quên mình. Vua phán: Hãy truyền lời Trẫm nói: "Mời Sư trụ thế để truyền giáo." Do đó ban cho hiệu là Pháp Trí. Căn cứ vào bia Hành Nghiệp, vào lời Minh của tháp, vào Thật Lục, vào Pháp Trí Vãng Phục Thư đều nói là Lý Tuân Úc luận về việc tiến cử xin ban hiệu. Nay biết rõ lời đề của Hy Bạch tất lúc đó phải hỏi các Tăng trong chùa. Vì nói lầm nên cũng đề bia lầm). Năm ấy ở Viện Dịch Kinh tại Kinh Sư hàng chứng nghĩa đứng đầu tuyển chọn được hai mươi ba vị, mỗi vị đều mượn thi thơ để khen tốt đạo đức (Quan thị chế họ Triều nói việc này trong bài tựa khắc ở đá). Năm Thiên Hy thứ năm, vua nghe việc Sư hết lòng vì đạo nên sai nội thị là Du Nguyên Thanh đến chùa tuyên lệnh tu Pháp Hoa Sám trong ba ngày để cầu phước cho cả nước. Nguyên Thanh muốn biết về Chỉ Thú của Sám Pháp thì Sư trình bày đầy đủ về Tu Pháp Yếu Chỉ. Năm đó, Sư đã soạn xong các bộ Quan Âm Biệt Hạnh Huyền Ký, Quán Kinh Sớ, Diệu Tông Sao. Khi ấy môn nhân của Phạm Thiên là

Hàm Nhuận làm bộ Chỉ Hà để bác Diệu Tông. Vả ông ta chấp nhặt về Sắc Độc Đầu không đủ nghĩa ba ngàn, bởi đó là dư đồ của Chiêu Viên. Ngài Tịnh Giác làm Quyết Mô để trình bày ý Chỉ Sắc và Tâm Không hai. Lại bình rằng các Sư khác còn mê mờ về nghĩa của sáu tức của Cứu Cánh Phúc Vạn. Có một hôm ngài Tịnh Giác cùng Sư Quảng Trí bàn về Quán Tâm hay Quán Phật nhờ Sư quyết đoán. Sư bèn trình bày nói về Ước Tâm Quán Phật, bảo rằng căn cứ vào tâm tánh mà quán Y Chánh báo kia, thì ngài Tịnh Giác làm thinh bỏ đi. Từ đó quay lưng với Tông mà làm Bộ Tam Thân Thọ Lượng Giải và riêng lập lời vấn nạn, khuyên thầm tu theo lời sau trước mà không nghe bên ngoài. Sư nghĩ đó là dị thuyết gây hại cho đời sau, bèn thêm vào Liêu giản mười ba khoa nữa để bài bác việc trên. Khi ấy ngài Tịnh Giác ở Thiên Trúc căn cứ vào Thập Gián Thư bảo rằng cha có con tranh cải, thì thân không rơi vào chỗ bất nghĩa. Sư lại viết Giải Báng, gọi quyển Thập Gián thành quyển Tăng Giảm Nhị Báng. Ngài Tịnh Giác lại viết quyển Tuyết Báng bảo là lầm dùng quyền thật để phân biệt hơn kém. Lúc đó Sư đang bệnh, bảo môn nhân đọc cho nghe, bèn thở dài rồi viên tịch nên không luận nữa. Về sau có Hy Tối tức là con của Quảng Từ, cháu của Pháp Trí đã viết quyển Bình Báng để biện bạch. Ngài Tịnh Giác lúc đó vẫn còn khỏe mạnh gặp bảo rằng: Lời nói của Tứ Minh đã đi rồi (Từ khi Sư bệnh để lại một Tiết Chỉ dự bị xếp đặt việc hậu sự).

Năm Thiên Thánh thứ nhất (năm đầu vua Nhân Tông), Sư soạn xong bộ Quang Minh Huyền Thục Di Ký, bắt đầu viết Tứ Thập Nhị Chương Đáp, Thái Thiền sư Thập Vấn. Lúc bấy giờ Thiên Đồng Ngưng Thiền sư đưa tặng Sách, Luận, Chỉ Yếu, Sao, Gián trình bày về ba môn hạ của Đạt-ma được đạo cạn sâu, thư qua thư lại không thôi. Thái Thú Lâm thỉnh Sư nói về chỗ dung hội của thuyết đó, bất đắc dĩ Sư phải nói tóm tắt vài lời dễ hiểu (Các thư qua lại giữa hai người nói đủ trong Giáo Hạnh Lục, Trung Pháp sư viết bài tựa ở sau, thuật tóm lược việc này).

Năm Thiên Thánh thứ ba, trước là năm Thiên Hy thứ nhất, vua mới ban chiếu khiến mọi người lập ao phóng sinh. Sư muốn hoằng dương Phật pháp nên vào ngày Lễ đản sinh của Phật đều họp chúng giảng kinh, tác pháp và phóng sinh chim cá. Năm ấy vì các việc nghe thấy ở Quận nên vua sắc lệnh cho Xu Mật Lưu Quân soạn bài văn để chỉ dạy người sau. Thái thú Tằng Hội lập bia ở chùa (thấy trong Giáo Hạnh Lục), có một đêm Sư mộng thấy Thần Già-lam bảo rằng: "Ngày mai Tướng Công đến." Quả có Tằng Công dẫn con là Công Lượng vào chùa, thì Sư lấy điềm mộng báo với bà mẹ, phu nhân bèn tạ rằng: "Suốt

đời sau này không dám quên nhau" (hai câu sau là dự bị lo việc hậu sự. Nay theo Giáo Hạnh Lục thì có Tằng Phủ bỏ Thiếp Trang Điền). Kịp khi Công Lượng vào làm Thừa tướng bèn mua lại số đất đai nhà cửa ấy năm sau mới hóa độ chúng (Tằng Lỗ Công lúc mới sinh nằm mộng thấy có vị Lão Tăng vạch màn vào chúc mừng. Năm lên tám đã biết vấn nạn. Sau hưởng tử tuất về làng. Tăng Nguyên Đạt ngồi thuyền đến Tiền Đường nghe Thiên Trúc cảnh đẹp bèn đến chiêm lễ. Khi mới đến thấy có một cô gái mặc áo lụa trắng từ cửa chùa bước ra, gọi Đạt bảo rằng: Tằng Xá Nhân năm mươi bảy tuổi vào Trung Thư. Thượng tòa năm ấy cũng được hiệu Sư. Nói xong không thấy nữa (biến mất). Đến năm ấy quả nhiên được vua phong chức Thừa Tướng, thờ vua suốt ba triều đại, được tặng chức Thái sư Trung Thư Lệnh, thụy là Tuyên Tĩnh, được hưởng thêm anh miếu. Tế Tương giữ Tiền Đường đem việc linh dị của Đại sĩ tâu lên Triều đình nhân đó vua ban hiệu là Linh Cảm).

Năm Thiên Thánh thứ tư, Sư viết Quang Minh Văn Cú Ký vì việc viên tịch quá gấp không viết được trọn pho. Sau có môn nhân là Quảng Trí đã viết tiếp một phẩm Tán Phật để hoàn thành trọn bộ. Vào ngày mồng một tháng giêng năm Thiên Thánh thứ sáu, Sư lập Quang Minh Sám hẹn bảy ngày thì viên tịch. Đến ngày thứ năm, Sư ngồi kiết già mời đại chúng đến nghe pháp xong, chợt Sư niệm danh hiệu A-di-đà Phật hơn mấy trăm tiếng rồi an nhiên thị tịch. Sư thọ sáu mươi chín tuổi, hạ lạp năm mươi bốn. Khâm liệm Sư để lộ thiên suốt mười bốn ngày, dung nhan vẫn tươi như lúc còn sống, tóc vẫn mọc dài, cái lưỡi còn nguyên tươi như cánh sen hồng. Đến năm Minh Đạo thứ hai vào tháng bảy, thỉnh linh cốt của Sư về xây tháp thờ ở bên tả của Sùng Pháp Viện tại phía Nam Thành. Hàng đệ tử Pháp Lãnh của Sư có ba mươi vị như Thượng Hiền, Bản Như, Phạm Trăn, Tấc Toàn, Tuệ Tài, Sùng Cự, Giác Tông... Số người nhập thất có bốn trăm tám mươi người, số lên tòa thuyết pháp có cả ngàn người. Chính tay Sư dắt lên tuyên thệ có bảy mươi người. Từ năm Hàm Bình thứ hai trở đi Sư chuyên việc Sám giảng, thường ngồi không nằm, chân không hề bước ra ngoài, quyết tu đến cùng. Sư giảng Pháp Hoa Huyền Nghĩa bảy lượt, Văn Cú tám lượt, Chỉ Quán tám lượt, Niết-bàn Sớ một lượt, Tịnh Danh Sớ hai lượt, Quang Minh Huyền Nghĩa mười lượt, Biệt Hành Huyền bảy lượt, Quán Kinh Sớ bảy lượt, Kim Cang Ty, Chỉ Quán Nghĩa Lệ, Đại Ý, Thập Bất Nhị Môn, Thủy Chung Tâm Yếu... nhiều lượt không kể xiết. Sư tu Pháp Hoa Sám thời hạn hai mươi mốt ngày năm lượt, Quang Minh Sám thời hạn bảy ngày hai mươi lượt, Di-đà Sánm thời hạn bảy ngày năm mươi

lượt, Thỉnh Quan Âm Sám thời hạn bốn mươi chín ngày tám lượt, Đại Bi Sám thời hạn hai mươi mốt ngày mười lượt. Gia kết với mười Tăng tu Pháp Hoa Sám thời hạn dài ba năm, cùng mười Tăng tu Đại Bi Sám suốt ba năm. Sư đốt ba lóng tay để cúng Phật, tạo ra các hình tượng Di-đà, Quan Âm, Thế Chí, Phổ Hiền, Tổ sư Đại Bi Thiên thai hơn hai mươi tượng. Sư in viết Giáo thừa cả một vạn quyển, viết Tục Di Ký ba quyển, Quang Minh Văn Cú Ký sáu quyển, Diệu Tông Sao ba quyển, Biệt Hành Huyền Ký bốn quyển, Chỉ Yếu Sao hai quyển, Phò Tông Ký hai quyển, Thập Nghĩa Thư ba quyển, Quán Tâm Nhị Bách Vấn một quyển, Giải Báng Thư ba quyển, Kim Quang Minh Tam-muội Nghi, Đại Bi Sám Nghi, Tu Sám Yếu Chỉ, mỗi thứ một quyển.

Ngoài ra, còn có Như Dung Tâm Giải, Nghĩa Lệ Cảnh Quán, Khởi Tín Dung Hội Chương, Biệt Lý Tùy Duyên Nhị Thập Vấn, Tiêu Phục Tam Dụng Chương, Quang Minh Huyền Đương Thể Chương Vấn, Đáp Thích Nhật Bản Nguyên Tín Vấn, Thích Dương Văn Công Tam Vấn, Giáng Vĩ Vấn Đáp (đều chép trong Giáo Hạnh Lục). Sư đối với Khởi Tín Luận có chỗ ngộ nhập lớn cho nên bình thời khi viết sách luận thường dẫn ra để làm bằng. Về sau có người riêng đến giảng đường hỏi về Khởi Tín Luận thì Sư chỉ bày không hề quên. Thuở xưa lúc Sư được vua ban cho Pháp phục, ngài Thần Chiếu gởi thư chúc mừng. Sư đáp: Ba thuật ít tu danh thấu triều đình (trong Chỉ Quán An Nhẫn nói rằng: Danh dự, lợi dưỡng, quyến thuộc chứ nên thọ chớ nên mang. Suy như thế mà không từ bỏ thì phải giấu Đức bày vụng về. Nếu giấu mình mà không thoát được thì hãy nhảy một cái bỏ xa vạn dặm. Nếu danh lợi quyến thuộc từ ngoài đến phá ta thì hãy nhớ ba thuật này mà cắn răng chịu đựng chắc chắn khó lay chuyển. nếu nghiệp phiền não định kiến, kiêu mạn từ trong phá ta, thì cũng phải nhớ ba thuật tức không, tức giả, tức trung. Giả sử có banh da xé thịt thì tâm vẫn không loạn động, vì làm việc lớn cần nên yên nhẫn. Phụ Hành nói: Ngoại chướng là giặc yếu, gọi đó là danh dự... Còn nội chướng là giặc mạnh gọi là phiền não... Với hai loại giặc nội ngoại dùng thuật không giống nhau). Chỉ nhờ ơn Chúa Thượng ban cho pháp phục, chỉ thẹn nào vinh, sao lại nhọc công chúc mừng? Khi Chỉ Yếu vừa soạn xong, Tuyết Đậu Hiển Thiền sư xuống núi đến hỏi han thấy thư thì vô cùng khâm phục. Liền thiết trai chúc mừng đích thân niêm yết bảng trà để vui về việc ấy.

Lời bàn: Cuối đời Đường thiên hạ loạn ly, sách vở Thiên thai trôi dạt sang Đông hải. Ngay lúc đó đối với những người đến học phải giảng thêm Hoa Nghiêm để làm đẹp cho Tông Thuyết. Kịp khi tông ta trùng

hưng thì Đạo này hãy còn tăm tối. Đến thời Loa Khê Bảo Vân, các sách vở mất mát được trở về tuy có diễn giảng chút ít nhưng kẻ thấy sai, thói quen vẫn chưa đổi, nên Ấn Thanh vẫn diễn giảng gồm Hoa Nghiêm như trước. Sau khi nhóm Chiêu Viên luận bậy, bọn Tề Nhuận theo phái khác mà chê bai và Tịnh Gíac tuy học trò nhưng lại nội phản... đều đủ làm pháp môn hỗn độn, Tổ Đạo bị lấp vùi. Đến ngài Pháp Trí Tứ Minh có tài Thánh, nên trong thời trung hưng đã Đông chinh Tây phạt giúp cho Biển Pháp lại trong, công nghiệp thạnh hành đáng ghi nhớ. Ấy là vì Lập Âm Quán Vọng, Biệt Lý Tùy Duyên, loài bọ sên rốt ráo, Lý độc Tánh ác, ý chỉ về Duy Sắc Duy Tâm, luận bàn về quán Tâm hay quán Phật, Luận ba cặp thân Phật, tức luận đầy đủ về thể của kinh và Yếu Chỉ của Thập Bất Nhị Môn, mười thứ ba Pháp quán Tâm, phán định Thật và Quyền, nói về Tu hay Tánh. Phàm những điều mà các ngài Chương An, Kinh Khê chưa rãnh để kết tập. Các pháp môn thâm diệu đều được tiêu biểu nêu ra. Cho đó là sách lược quần hùng giá ngự, là kế truyền giáo cho các con. Từ Kinh Khê trở đi có chín Tổ trong suốt hai trăm năm, hoằng pháp truyền đạo đời nào cũng có. Đầy đủ các thể mà Tập Đại Thành, dứt mối lạ để làm thạnh chánh thống thì duy nhất chỉ có ngài Pháp Trí mà thôi. Thế nên được kể là vị Tổ có ngôi vị cao nhất xưng danh Trung Hưng với dụng ý là muốn thấy kẻ hậu học đều quy Tông. Nay các trường học ở hai bờ Đông Tây sông Triết, không đâu không noi theo đạo của Tứ Minh, quay nhìn lại thấy các Sư phái Sơn Ngoại chắc chắn không còn đất sống. Vậy thời làm cho pháp vận vô cùng chính là các Vị phái Sơn Nội này vậy.

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 9

CÁC TỔ THUỘC NGÀNH THỨ

PHẦN 1

A. Dòng thứ của ngài Nam Nhạc:
Đời thứ hai, gồm có:
Nam nhạc, Tăng Chiếu Thiền Sư.
Nam nhạc, Đại Thiện Thiền Sư.
Chi giang, Tuệ Thành Thiền Sư.
Lam cốc, Tuệ Siêu Thiền Sư.
Ba khâu, Tuệ Diệu Thiền Sư.
Tuyết phong, Tuệ Dõng Thiền Sư.
Giang lăng, Tuệ Oai Thiền Sư.
Chung sơn, Trí Quyền Thiền Sư.
Tiên thành, Tuệ Mạng Thiền Sư.
Tân la, Huyền Quang Thiền Sư.
Chi giang, Tuệ Thôi Thiền Sư.
(Hai người sau đây thấy ở Nam nhạc kỷ).
Nam nhạc, Linh Biện Thiền Sư.
Nam nhạc, Tịnh Nhân Phương Họp.
Dĩnh châu thứ sử Lưu Hoài Bảo.
(Ba vị sau này ở Nam nhạc Kỷ):
Quang châu, Ngũ Bách Gia Ba Tử Lập.
Phủ Nam nhạc, hai mươi tám vị ở Quận Ảnh Đường.
(Thấy trong Quang Sư truyện).
Nghiệp Cao Tứ Bách (vị sau đây thấy ở Thiện Sư Truyện).
Tín Trọng Tam Thiên.

Đời thứ ba: Nam Giản, Tuệ Mân Thiền sư (bốn vị sau đây nối Sư Huyền Quang).

Thăng Đường Thọ Biệt, một vị.
Hỏa Quang Tam-muội, một vị.
Thủy Quang Tam-muội, một vị.
Hành Dương Lệnh Trần Chánh Nghiệp (thấy ở Thiện Sư Truyện)

B. Dòng thứ của ngài Trí Giả:

Đời thứ hai gồm có:
Thiên trúc, Chân Quán Thiền Sư.
Ngõa quan, Pháp Hy Thiền Sư.
Quốc thanh, Trí Việt Thiền Sư.
Ngõa quan, Pháp Thận Thiền Sư.
Quốc thanh, Phổ Minh Thiền Sư.
Quốc thanh, Trí Tảo Thiền Sư.
Phật lũng, Trí Hy Thiền Sư.
Quốc thanh, Pháp Ngạn Thiền Sư.
Lư sơn, Trí Giai Thiền Sư.
Lư sơn, Đại Chí Thiền Sư.
Ngọc tuyền, Đạo Duyệt Thiền Sư.
Thiên lai, Đẳng Quán Thiền Sư.
Hoa đảnh, Bát-nhã Thiền Sư.
Cối kê, Lễ Tông Thiền Sư.
Thê hà, Pháp Hưởng Thiền Sư.
Ngọc tuyền, Hành Giản Thiền Sư.
Quốc thanh, Tuệ Oai Thiền Sư.
Bích giản, Pháp Tuấn Thiền Sư.
Hưng hoàng, Tuệ Tưởng Thiền Sư.
Nam nhạc, Tuệ Trù Thiền Sư.
Đương dương, Đức Bảo Thiền Sư.
Tưởng sơn, Đại Nhẫn Thiền Sư.
Phật lũng, Tuệ Biện Thiền Sư.
Ngọc tuyền, Đạo Thế Thiền Sư.
Thiên thai, Tuệ Thao Thiền Sư.
Thiên thai, Huệ Phổ Thiền Sư.
Ngọc tuyền, Pháp Thạnh Thiền Sư.
Ngọc tuyền, Pháp Luận Thiền Sư.
(Ba vị sau đây đồng dòng)
Cối kê, Trí Quả Thiền Sư.

Chung nam, Pháp Lâm Thiền Sư.
Quốc thanh, Trí Tịch Thiền Sư.
Bạch mã, Kỉnh Thiều Thiền Sư.
Định lâm, Pháp Tuế Thiền Sư.
(Mười một vị sau đây ở Thiên thai Kỷ)
Thiền chúng, Trí Lệnh Thiền Sư.
Phụng thành, Pháp An Thiền Sư.
Ngọc tuyền, Pháp Yển Thiền Sư.
Quốc thanh, Đạo Tu Thiền Sư.
Nhạc dương, Đàm Tiệp Thiền Sư.
Ngọc tuyền, Nghĩa Thúy Thiền Sư.
Quốc thanh, Sư Gián Thiền Sư.
Quốc thanh, Như Lãng Thiền Sư.
Phật lũng, Tuệ Xước Thiền Sư.
Thiên hương, Pháp Duyên Thiền Sư.
Tuệ nhật, Tăng Trân Thiền Sư.
Ngọc tuyền, Pháp Tài Thiền Sư.
(Bốn vị sau đây thấy ở Bách Lục)
Ngọc Tuyền, Pháp Xán Thiền Sư.
Ngọc tuyền, Đạo Tuệ Thiền Sư.
Thập trụ, Đạo Trăn Thiền Sư.
Trần Thiếu Đế (ở Thiên thai Kỷ).
Trần Hoàng Thái tử.
Trần Vĩnh Dương Vương.
Tùy Dạng Đế (ở Thiên thai Kỷ).
Ngọc tuyền Quan Vương (Thiên thai Kỷ).
Trung Binh Tham Quân Trần Châm.
Thái Trung Đại Phu Tưởng Thiên Mân.
Khai Phủ Nghi Đồng Trầm Quân Lý.
Thượng Thư Tả Bộc Xạ Từ Lăng.
Quang Lộc Đại Phu Vương Cố.
Khai Phủ Nghi Đồng Liễu Cố Ngôn.
Ngũ Binh Thượng Thư Mao Hỷ.
Nho Sĩ Lương Phương Mậu.
Khai Phủ Nghi Đồng Ngô Minh Triệt.
(Hai vị sau đây ở Thiên thai kỷ).
Nhạc Châu Thứ Sử Vương Tuyên Võ.
Thị Trung Khổng Hoán (hai vị sau đây ở Trần Truyện).

Bộc Xạ Chu Hoằng Chánh.

Được nhập môn cả ngàn người (ở bia chùa Thiền lâm của Lương Thị).

Các Tổ kể trước kia là nói về Chánh thống, đến như hàng nối pháp thuộc ngành thứ thì từ ngài Nam Nhạc Tăng Chiếu Thiền sư trở đi đều là những người đủ sức dùng ánh sáng pháp vận để phù trợ Tông môn, khuyên dạy những học đồ ngăn chống sự chê phá từ bên ngoài. Nay nhặt lấy các ngôn hạnh cốt yếu, khảo sát các duyên giữa thầy trò soạn nên phần lịch sử các Tổ sau:

****

A. DÒNG THỨ CỦA NGÀI NAM NHẠC:

Đời thứ hai:

1. Thiền sư Tăng Chiếu:

Sư nghe ngài Nam Nhạc giỏi về Tâm Quán nên đặc biệt đến tham yết và hiểu rốt cặn kẻ những điều truyền thụ. Sau đó ngài Nam Nhạc bảo Sư tu Pháp hoa Tam-muội để phá bỏ túc chướng. Khi Diệu Hạnh sắp trọn thành thì Sư thấy Đức Phổ Hiền Đại sĩ cỡi Bạch tượng vương đến phóng quang chứng sinh, lại chiêu cảm Đức Quan Âm nói pháp cho nghe. Do đó Sư đốn ngộ về huyền chỉ và được vô ngại biện tài. Ở trong chúng Sư luôn khổ hạnh thiền định đều ở hàng bậc nhất. Mỗi ngày Sư lấy dùng của chúng một dúm muối để ăn cơm, thấy lượng muối không bao nhiêu nên không lo lắng. Nhưng sau khi tu hạnh Phương đẳng chợt thấy tướng khởi lên. Tính ra trong ba năm số muối tăng lên đến mấy mươi hộc. Bèn vội bán y áo mua muối đền chúng thì tướng kia liền mất. Khi ngài Nam Nhạc nhập diệt, thì Sư tiếp lãnh chúng hành đạo không khác gì trước.

2. Thiền sư Đại Thiện:

Thuở bé Sư thường ở chốn đồng hoang rừng rậm và thường tụng Pháp Hoa. Sau đến tham học với ngài Nam Nhạc thì được khai ngộ về Quán Tuệ. Sư tu Pháp hoa Tam-muội được ngộ nhập rất cao sâu. Sư thường ở trong núi giảng Thích luận, chúng thời ấy rất kính phục. Đại đô đốc là Ngô Minh Triệt hỏi ngài Nam Nhạc rằng: Trong Pháp Hoa thiền môn thì bậc chân đức được mấy vị? Ngài Nam Nhạc bảo: hàng thâm tín có ba ngàn, hàng đạo nghiệp cao có bốn trăm, sư Tăng Chiếu là bậc được định cao sâu, sư Trí Khải thì nói pháp vô ngại, được cả hai việc trên là sư Đại Thiện. Về sao, Sư ngồi kiết già trong thiền đường

mà viên tịch. Trong suốt bảy ngày trời thường mưa hoa, có mùi hương lạ ngưng kết. Quan hành dương lệnh là Trần Chánh Nghiệp nghe đạo đức của Sư cao thạnh luôn đến kính lễ được Sư chỉ bày pháp yếu lòng rất vui mừng. Về sau thấy quan nội sử là Trịnh Tăng Cảo nhiều lần khen ngợi đức của Sư. Có lần Chánh Nghiệp cùng thợ săn bao vây một bầy nai, nội sử gọi Chánh Nghiệp bảo rằng: Ông thường khen ngợi Thiện Thiền sư có sức Từ bi Tam-muội, nay ông làm gì với nai này? Chánh Nghiệp liền đốc xuất tả hữu đồng thanh niệm: "Nam-mô Đại Thiện Thiền Sư!" Ngay khi ấy bầy nai liền bay lên hư không mà đi. Tăng Cảo vô cùng kinh hãi kính phục (kinh Niết-bàn nói: Có năm trăm lực sĩ khiêng một hòn đá không nổi, Đức Phật bèn ném nó lên hư không, khiến các lực sĩ dứt hết tâm cống cao. Lúc đó thật không có việc nâng đá, nhưng sức từ thiện căn khiến thấy rõ việc này).

3. Thiền sư Tuệ Thành:

Sư họ Đoạn, người ở Phong dương. Lúc đầu đến thọ học ở chùa Thập trụ, tụng các kinh Pháp Hoa, Tịnh Danh, Thắng Thiên Vương hơn hai mươi quyển, dùng làm khóa tụng hằng ngày. Khi thọ giới Cụ túc xong liền đến Kiến nghiệp để học Thành Thật Luận. Chỉ nghe qua một lần suốt mười năm đã tóm lược cả văn và lý. Khi sắp trở về ấp nhà thì nghe ngài Nam Nhạc hoằng hóa rộng rãi bèn đến xin y chỉ. Ngài Nam Nhạc lấy các văn sách mà Sư dựa vào đó hiểu biết mà thách rằng: Cả đời học vấn của ông đem đốt tay ta chưa đủ nóng, uổng mất công phu chẳng tiếc lắm sao? Sư nghe lời kích phẩn liền đem bao nhiêu chương sớ ra đốt sạch, rồi mở to mắt ngồi thiền từ đầu hôm đến sáng, như thế suốt năm năm. Ngài Nam Nhạc khiến Sư nhập các Tam-muội, Phương Đẳng, Quan Âm, Pháp Hoa, Ban-chu, lần lượt tu qua các hạnh để phá trừ Túc Chướng. Tu suốt ba năm thì được Giải Chúng Sinh Ngữ Ngôn Tam-muội. Khi Sư nhắm mắt ngồi thiền quán đạo thì sáng nhưng lúc mở mắt liền mất. Ngài Nam Nhạc than rằng: Sư Trí Khải trước phát Tam-muội rồi sau mới chứng Tổng trì, nay sư Tuệ Thành thì đuổi kịp. Hạnh giải của hai người cũng ngang nhau. Sư tiếp tục ở Chi giang (tên ấp) thuộc Kinh châu xây dựng chùa, trong điện còn thiếu một cây rường lớn. Bỗng tháng sáu nước sông dâng cao. Sư nằm mộng thấy trong sông có cây to có thể dùng làm rường nhà được. Bèn đến sông quả nhiên thấy cây. Ông Tín sĩ Đoàn Hoằng làm chủ tinh xá bỗng ngã chết, bèn mời Sư đến nhà. Khi đó Hoằng tỉnh lại thưa rằng: Lúc đầu con bị bắt đến vua Diêm vương, con thấy Sư ngồi trên điện bảo rằng: "Tôi và người này đang cùng làm công việc chưa xong xin Đại vương tha cho."

Vua đứng dậy đảnh lễ chấp nhận.

Trần Hậu Chủ nghe danh đức của Sư bèn mời đến. Sư quả quyết không đi. Hậu Chủ lại sai Giang Tổng đến rước và dọa rằng: “Nếu Sư không đến thì chớ trở về!” Sứ giả khóc lóc ép Sư lên thuyền. Sư bèn phóng mình xuống nước và đứng giữa sông. Sứ giả lại cầu xin: “Nếu ngài không chịu đi thì bọn tôi nát thân không có đất chôn!” Sư thương tình bèn theo đến cửa Khuyết. Vua đích thân thỉnh giới pháp và ban cho chỗ ở là Thiền tuệ tự. Có vị Thường Luật sư qua đó, cùng ngủ đêm với Sư. Vị này bắt rận ném xuống đất. Sáng đến lúc sắp giả biệt Sư bảo: “Đêm rồi có một vị thí chủ bị lạnh giá rất đáng thương!” Thường Luật sư rất hổ thẹn, quyết lấy đó răn mình.

Một hôm Sư bảo môn nhân: Hãy gấp xây cái thềm điện, ta sẽ giảng Niết-bàn. Khi xây xong thì lập tòa giảng kinh, cũng đúng lúc ngài Trí Giả ở Ngọc tuyền vừa đến và cùng Sư luận bàn huyền lý, một lúc lâu Sư nhập định và thị tịch.

4. Thiền sư Tuệ Siêu:

Sư họ Trầm, người Đơn dương. Lúc nhỏ vào đạo tụng Pháp Hoa. Nghe Tư Thiền sư ở Quang châu nói biết chỗ nhiệm mầu của Tam quán bèn cùng Mạng Thiền sư ở Tiên thành Thiên thai đến xin theo học. Sư Tư ở giữa đại chúng khen rằng Thần phủ của Siêu đã đạt đến bậc Nhẫn nhân. Sau Sư vào núi Tung ngậm thuốc bổ mà tọa thiền Tùy Thái tử là Dõng cho triệu tập các bậc Danh đức hội chung ở Kinh sư, vì đức hạnh của Sư cao vời nên riêng lưu Sư ở lại để cúng dường. Có Tịnh Nghiệp Pháp sư ẩn cư tại Lam cốc vì khâm phục đạo đức cao quý của Sư nên thân đến đón rước Sư về cùng ở suốt tám năm để bồi dưỡng Tam Tuệ. Năm Đại Nghiệp thứ nhất, vua nhiều lần ban chiếu mời Sư vào cung thuyết pháp. Nơi Sư ở thường có mấy con hổ đến hầu hạ. Những Kinh sư tụng hằng ngày trong hơn năm mươi năm có đến vạn bộ. Những bậc nổi tiếng ở Kinh ấp như Tuệ Nhân, Bảo Cung... đều đến nương tựa để xin thỉnh ích. Về sau Sư ngọa bệnh đã dạy môn nhân rằng: Sống không vui mà chết cũng không lo buồn đó là lẽ thường của ta. Đệ nhất nghĩa không, thanh tịnh chánh quán là ghế tựa của ta. Rồi ngồi xây mặt về hướng Tây mà nhập định. Sư di chúc cho môn đồ hãy để nhục thân của Sư dưới cội tùng làm thức ăn cho cầm thú. Đệ tử nghe theo. Nhưng suốt cả tháng nhan sắc Sư vẫn không biến đổi, đêm đến lại có ánh sáng trời từ thân phát ra. Bấy giờ Tần Vương là Thế Dân nghe thấy (Đường Thế Tông) sai người đến xem, khen ngợi là việc hy hữu. Đại chúng bèn xây tháp và để toàn thân mà phụng cúng.

5. Thiền sư Tuệ Diệu:

Sư họ Kỳ, người ở Tương dương. Lúc đầu theo ở với ngài Nam Nhạc được mấy năm, nhận được tất cả thâm diệu của Tâm Quán. Ngài Nam Nhạc ấn khả rằng: “Đối với thật tướng kỳ quán ông đạt được rất sâu xa, vậy hãy tìm nơi hành hóa để đáp lại bản chí.” Khi ngài Nam Nhạc đã viên tịch, Sư đến Ba Khâu và than rằng: Nơi đây ít được nghe thiền pháp, vậy cần nên khai thị.” Có Đạo Ý Thiền sư đón Sư đến ở tại chùa Đạo nhân, Sư chuyên về thiền tịch không giao tiếp việc đời. Suốt mười bốn năm chưa từng ra khỏi cửa. Một hôm mọi người bảo rằng: Vì không muốn làm phiền mọi người nên ta muốn đến chùa Nội hoa để ở yên, chúng lưu giữ Sư không được. Được ba năm, Sư lâm bệnh thấy hai ngài Nam Nhạc và Tiên Thành đến đón, gọi Sư bảo: Hãy cùng đến Tịnh độ. Sư liền ngồi kiết già mà thị tịch. Đồ chúng an táng Sư tại chùa Nội hoa.

6. Thiền sư Tuệ Dũng:

Sư thọ học Pháp hoa Tam-muội và hành pháp ở Nam nhạc. Từ lâu bèn được chứng nhập. Sư liền ẩn tích cùng núi mây không giao tiếp với đời, suốt hơn sáu mươi năm chuyên tâm tu thiền định. Trong khi xuất định mà tâm vẫn không dính dáng tới việc khác. Sư chỉ tụng kinh Pháp Hoa lại chứng được Hỏa quang Tam-muội. Không biết Sư mất ở đâu.

7. Thiền sư Tuệ Oai:

Sư người Giang lăng. Sư nương tựa ngài Nam Nhạc tu Pháp hoa Tam-muội và chứng được Giải Nhất Thiết Chúng Sinh Ngữ Ngôn Đà-la-ni, khi nghe tiếng người hoặc cầm thú thì đều biết được tình ý. Về sau Sư lại chứng được thần thông bay trên không hoặc đi trên nước như bước trên đất bằng.

8. Thiền sư Trí Quyền:

Sư sớm gần gũi ngài Nam Nhạc tu Pháp Hoa Tam-muội và chứng nhập rất sâu. Sư ẩn cư ở Chung Sơn chưa từng ra khỏi cổng. Vua Tùy Dạng Đế nhiều lần chiếu triệu. Sư gắng gượng chỉ đến một lần, vua thỉnh hỏi về Pháp Yếu và phong Sư làm Quốc sư.

9. Thiền sư Tuệ Mạng:

Sư người ở Tiên Thành Thiên thai. Sư đến tham học với ngài Nam Nhạc. Khi nghe nói về Tam quán thì Sư thâm ngộ về huyền chỉ và được vô ngại biện, thuyết pháp như rót nước. Khi sắp lâm chung Sư răn dạy môn nhân cần phải tinh tấn phạm hạnh. Chúng bỗng thấy Đức Phật A-di-đà và Đại sĩ cùng đến đón rước, liền theo Phật bay lên hư không đi về hướng Tây.

10. Thiền sư Huyền Quang:

Sư người Tân la, Hải đông. Sư xa vượt biển khơi mà đến cầu pháp ở Trung hạ. Trước tiên sư được ngài Nam Nhạc truyền cho Pháp Hoa An Lạc Hạnh Môn, tu học chuyên cần, không bao lâu Sư chứng được Pháp hoa Tam-muội. Ngài Nam Nhạc gọi bảo rằng: Ông trở về cố quốc hãy quyền biến khéo léo mà hóa độ, như nhờ con sâu tơ mà có được con tò vò vậy (kinh Thi - Con sâu tơ có con, con tò vò mang về tổ nuôi dạy như con ruột khi lột xác thì giống nhau - Dương Tử nói: Con của sâu tơ chết, tò vò gặp bảo: A, đồng loại, đồng loại!). Sư liền đảnh lễ từ giả ngài Nam Nhạc chống tích trượng trở về Giang nam. Được gặp thuyền lớn của nước mình cho quá giang. Khi đến giữa biển chợt thấy có ánh mây lóa mắt, tiếng nhã nhạc vang rền trên không, ánh sắc cầu vồng, cờ xí rợp trời ùn ùn kéo đến. Trên không trung có tiếng bảo rằng: "Thiên đế mời Hải Đông Huyền Quang Thiền Sư!" Sư vòng tay từ tạ. Liền thấy các Thanh Y cung kính đến trước giây lát đưa Sư vào cung khuyết rộng lớn thì thấy quan chức xếp hàng loài rồng lẫn lộn với quỷ thần, đều kính cẩn nghênh đón, thưa rằng: Thiên đế giáng xuống Long cung tôi, xin mời Pháp sư nói những pháp môn mà ngài đã chứng, chúng tôi được ích lợi không nhỏ. Bấy giờ Sư lên điện và bước lên cao tòa. Thiên đế chào hỏi Sư. Sư liền giảng kinh suốt bảy ngày thì xong. Thiên đế đích thân tiễn sư. Khi về đến nơi thì thuyền vẫn còn bồng bềnh chưa đi. Sư lên thuyền, người trên thuyền bảo là chỉ mới nửa ngày thôi (Thiên Thân khi sinh lên cung Đâu-suất chỉ một lần đi nhiễu quanh tòa của Đức Di-lặc báo về cho ngài Vô Trước biết là đã qua sáu tháng. Đây là nói trên Thiên Cảnh có thời gian thường dài. Nay Sư Huyền Quang nói pháp ở Long cung suốt bảy ngày khi trở về thuyền thì chỉ mất có nửa ngày thôi. Đây nghiệm ra ngày đêm ở Long cung thường ngắn. Hoặc muốn lấy đây để so sánh với phẩm Địa Dũng nói sáu mươi Tiểu kiếp bằng khoảng một bữa ăn. Căn cứ vào sớ ký thì sáu mươi tiểu kiếp đó không phải không do sức gia bị của Phật vì quên nên cho là lâu. Thế nên biết nay ở Long cung không phải là cõi Phật, lại không do Phật gia bị nên ứng với ở Long cung nói là bảy ngày thì người trên thuyền cho là nửa ngày. Các người cố chấp thì cho là thật. Như ngài Kinh Khê nói buổi ăn sáu mươi tiểu kiếp, chỉ có ý nói không phải thực ngắn vậy).

Khi sư đã trở về nước liền ở tại ông Sơn thuộc Hùng châu kết tranh làm nơi ở, tập chúng để nói pháp, lâu dần trở thành một Bảo Phường. Chúng đến học đạo đều được khai ngộ. Chúng thăng dường được thọ ký có một người, có một người nhập Hỏa quang Tam-muội, có hai người

nhập Thủy quang Tam-muội. Trong đồ hình hai mươi tám vị của Nam nhạc Ảnh Đường có Sư.

11. Tịnh Nhân Phương Xá:

Ông thường ở tại Nam nhạc Bát-nhã Đài để giúp việc cho chúng Tăng. Ông mật tu thiền quán và đã chứng ngộ, lại có thần thông. Mỗi khi ông duỗi cánh tay ra thì dài hơn một trượng.

Dòng pháp Tân La Huyền Quang Thiền sư

Đời thứ ba Thiền sư Tuệ Mân:

Sư người Hà đông, chín tuuổi xuất gia. Sư tụng kinh Pháp Hoa mỗi lần suốt một tháng. Đến năm mười lăm tuổi, Sư theo học với Huyền Quang Thiền sư, tài giỏi vượt trội, người ta khen là Tú sĩ. Ở đó suốt mười lăm năm, Sư trở về Hải viêm thuộc Gia hòa, làm chủ chùa Quang hưng. Khi Sư giảng diễn kinh Pháp Hoa thì chúng nghe trên không trung chư thiên khảy móng tay có mùi hương lạ đầy nhà. Về sau Sư đến chùa Thông huyền họp chúng hành đạo. Suốt mười bảy năm không hề ra khỏi cổng. Đời Tùy mạt thiên hạ loạn ly, vùng Ngô việt đói kém tứ chúng phải chạy đi lánh nạn chỉ có Sư liều chết ở lại tu thiền. Đầu đời nhà Đường Sư thiên cư về chùa Nam giản (ở Kiến khang) có hai chú thỏ và một báo con theo hầu bạn. Một hôm đại chúng nghe có mùi hương lạ và tiếng nhạc trời bèn tranh nhau đến hỏi Sư. Sư bảo ngày kia ta sẽ ra đi. Cuộc sống tạm trên đời chỉ như đám phù vân, hãy gấp tìm cách vượt thoát. Và đúng hẹn Sư quả nhiên viên tịch.

B. DÒNG THỨ CỦA TRÍ GIẢ ĐẠI SƯ

Đời thứ hai:

1. Thiền sư Chân Quán:

Sư tự là Thánh Đạt, họ Phạm, người Tiền Đường. Người mẹ tụng phẩm Dược Vương và Quan Âm để cầu tự bèn sinh ra Sư. Lưỡi Sư có vằn tía, tay có tướng lạ. Tuổi còn nhỏ đã thông minh hiểu suốt các kinh sử. Có thầy xem tướng giỏi bảo Sư rằng: Cậu trai kia sẽ trở thành Đại khí cớ sao để vướng lưới trần? Sư định xuất gia nhưng cha mẹ không cho. Đêm đến mộng thấy thiên thần bảo rằng: Con các ngươi là bậc anh tài của Phật pháp sao lại giam nhốt? Từ đó cha mẹ cho Sư được thỏa chí. Lúc đầu Sư đọc Thập Tụng Luật và Thành Thật Luận, vừa mở quyển một, đêm mộng thấy thần bảo rằng: Thầy là pháp khí Đại thừa chớ nên theo Tiểu thừa. Đời Trần, Vĩnh Dương Vương là Bá Trí sớm hầu Sư, sai sứ đến đưa Sư vào gặp tổ Trí Giả. Sư đưa thư làm lễ vật, Trí Giả cho

tuổi tác bằng nhau nên đối xử như anh em cùng cao luận về Tịch Chiếu, vàng đá xen nhau. Người bấy giờ bảo rằng: "Tiền Đường có Chân Quán gồm thâu nửa thiên hạ." Ngài Đại Nhẫn Thiền sư thấy khen rằng: "Đạo của Tổ Long Thọ hưng thịnh ở phương Đông." Lúc đó triều đình đánh nhà Chu bị thua (đời Trần Tuyên Đế, năm Đại Kiến thứ mười, sai Ngô Minh Triệt Bắc phạt nhà Chu, đánh thua, bị nhà Chu bắt). Hội họp định rằng những Tăng không tên tuổi thì cho hoàn tục. Sư bèn viết thư đến Quan Tả Bộc Xạ Từ Lăng nên việc ấy bèn dẹp bỏ. Thời Tùy Văn Đế, vua ba lần sắc lệnh mời hỏi, Tần Hiếu Vương Tổng Quản là Duy Dương hai lần mời thỉnh nhưng Sư đều lấy cớ bệnh không đi. Sư cùng ngài Đạo An Thiền sư tu hạnh đầu-đà ở Linh ẩn sơn. Năm Khai Hoàng thứ mười bốn, trong Quận có hạn hán lớn. Thứ sử Lưu Cảnh An thỉnh Sư giảng kinh Hải Long Vương. Khi đọc tựa Vương Nghĩa vừa xong thì chợt mưa ào xuống. Năm Khai Hoàng thứ mười lăm, Sư mới xây tinh xá hiệu là Nam Thiên Trúc. Sư lấy việc giảng kinh Pháp Hoa làm chính hoặc thọ trì đọc tụng, đích thân viết chép năm thứ Pháp Sư chép đầy đủ. Mỗi khi rửa tay Sư giữ từng giọt nước không phí phạm. Có một ông lão hàng ngày đến nghe kinh. Sư đón hỏi, bèn đáp: Đệ tử là Long vương ở núi này. Sư hỏi: "Sao hạn lâu quá mà không mưa?" Ông lão đáp: "Vì dân ở núi này không biết đã đục đứt mất mạch núi, các rồng không yên nên khiến như thế. Nếu ngài truyền giới cho Rồng khuyên họ hướng về đạo thì mưa sẽ có ngay." Sư nhận lời, liền làm lễ mời các Rồng và truyền cho giới Bồ-tát, ngay lúc đó liền có mưa. Đêm ấy có người áo đỏ mũ cao đến đảnh lễ Sư và tạ ân. Sư nhân đó hỏi rằng: "Những năm gần đây có nhiều hạn hán là sao?" Rồng đáp: "Vì nhiều người không có chánh tín, gây nhiều ác hạnh. Do đó trời giận nên các dòng nước làm tốt đất chìm xuống sâu. Ngũ cốc kết hạt nhưng không đủ nước, hạn hán cạn kiệt bất thường, cố nhiên là bởi nguyên do đó".

Tháng tư mùa Hạ năm Đại Nghiệp thứ bảy, Quận Tư Mã là Lý Tử cố thỉnh Sư ra khỏi chùa Chúng thiên để giảng kinh Niết-bàn. Ngày xuống núi thì Sư đích thân cắm nêu đánh dấu nơi an táng mình. Khi Sư giảng đến phẩm Hiện Bệnh thì mộng thấy có ba người đến đảnh lễ thưa rằng: "Trời Tịnh Cư sai chúng con đến đón Thiền Sư." Ngày sáu tháng sáu Sư ngọa bệnh, mộng thấy cùng ngài Thiên Thai ngồi xe báu của Phật mà về núi. Khi tỉnh giấc than rằng: Xưa sáu mươi hai tuổi đã đáng chết, vì giảng Pháp Hoa nên ráng sống thêm một kỷ. Nay đã bảy mươi bốn tuổi lại có điềm ứng này là mạng số đã hết. Sư bèn tập chúng dạy rằng: Muốn ra khỏi sinh tử, muốn đầy đủ Phật pháp thì phải giữ

gìn giới luật, tu định học tuệ, hoằng truyền chánh pháp chớ để luống qua. Đến ngày mùng một tháng bảy, chúng nghe có tiếng kỷ nhạc trên không trung Sư liền ngồi kiết già viên tịch. Kẻ đạo tục mỗi ngày hiến cúng có đến cả ngàn người. Đến ngày hai mươi sáu dung mạo của Sư vẫn tươi tắn, lông mày mọc dài ra. Khi ấy từ chùa Chúng thiền các môn đồ dời Kim quan đến an táng nơi đất mà Sư đã chọn từ trước. Bốn bộ đại chúng đi đưa dài cả một do-tuần, khói hương rợp trời do đạo đức của Sư mà cảm được như thế (Sư là thủy tổ ở Thiên Trúc Linh Sơn. Ngài Chương An có soạn Biệt Truyện về Sư, bản ấy nay không còn. Đến đời Sư Tường Vân có trùng tu lại tháp Sư và làm sáu bài thơ ghi lại để mọi người biết. Trong bài tựa có thể tóm tất rằng: Nay cửa tháp tự mở, không còn di vật. Không biết toàn thân đã theo Phật Đa Bảo hay hóa vãng giống như tượng Phật Lũng).

2. Thiền sư Pháp Hỷ:

Sư cố gắng học tập không biết mệt mỏi, đã từng tham vấn các bậc tri thức đến mười bảy vị và được đại ngộ. Năm Sư sáu mươi tuổi mới gặp được tổ Trí Giả tại núi Đại tô. Chỉ một lần nghe được Pháp Âm liền được thâm chứng. Từ đó giải tán hết học chúng chỉ chuyên tu thiền tuệ. Đời Trần, năm Quang Đại thứ nhất, Sư và hai mươi bảy bạn đồng học theo tổ Trí Giả cùng đến Kim lăng du hóa. Quan thượng thư Mao Hỷ đùa bảo: Thầy còn trẻ mà sao trò đã già! (lúc đó Trí Giả ba mươi tuổi).

Sư đáp: Thờ thầy ở đức chớ đâu luận gì tuổi tác.

Lại hỏi: Thế nào là đức?

Sư đáp: Khéo giảng nói pháp là hậu thân của Phú-lâu-na. Phá ma đắc đạo là Ưu-ba-cúc hiện tại.

Mao Hỷ thích câu đối đáp ấy, luôn khen ngợi Sư ở triều đình, kể rõ việc Sư tu Phương đẳng Tam-muội. Có một con trĩ đến đòi mạng Sư, Thần Vương trách rằng: Thiền sư sẽ vãng sinh Tịnh độ tức đang sống mà đắc đạo há đền mạng cho ngươi sao? Về sau ở chùa Ngõa quan sư ngồi kiết già nhập định và thị tịch luôn.

3. Thiền sư Trí Việt:

Sư họ Trịnh, người Nam dương. Cha hỏi vợ cho. Sư cực lực từ chối bằng cách đi xuất gia ngay. Sư du phương đến Kim lăng thì gặp tổ Trí Giả. Sư kính cẩn xin học đạo. Cả năm môn sáu diệu, Sư đều thông suốt. Sư tụng kinh Pháp Hoa trọn một vạn bộ. Khi tuổi già tổ Trí Giả trở về ở núi Thiên thai, giao bốn chúng nhờ Sư dẫn dắt. Suốt hai mươi năm khéo léo dạy dỗ. Sư đức độ khoan dung, học giả đều hướng về. Nơi Sư

ở bình luôn đầy nước. Từ khi Tấn Vương cất chùa và lên ngôi vua, nếu trong núi có cử Tăng sứ đến chúc mừng thì Sư luôn đứng đầu. Triều đình càng thêm hết lòng kính trọng xem như ngài Trí Giả hiện tiền không khác. Mỗi khi có người cúng thí để làm công đức thì Sư không hề chứa giữ. Ngày hai mươi ba tháng mười một năm Đại Nghiệp thứ mười hai, Sư cáo biệt chúng Tăng rồi nằm nghiêng bên phải mà thị tịch. Gió thảm mây sầu, đất động núi sụp, trời mưa hoa lạ, một cảnh u ám tối tăm.

4. Thiền sư Pháp Thận:

Lúc đầu Sư ở chùa Đại trang nghiêm tại Kim lăng. Sư theo tổ Trí Giả thọ học Tam quán hoát nhiên thâm chứng. Nhân Định mà phát trí, một lần nghe qua đều nhớ kỹ. Đời Trần, năm Đại Kiến thứ ba, tổ Trí Giả ở Ngõa quan nói về Thứ đệ thiền môn. Sư được nghe liên tục, ghi riêng được ba mươi quyển, chưa kịp sửa chữa. Chẳng may Sư viên tịch sớm. Sau này ngài Chương An sửa lại còn mười quyển tức bộ Thiền Ba-la-mật Tiệm Thứ Chỉ Quán.

5. Thiền sư Phổ Minh:

Sư họ Chu, ở Cối kê. Thuở nhỏ đã có chí lạ, thường nhóm cát làm tháp, cắt cỏ lao làm điện. Có vị Tăng khất thực thấy bảo rằng: Cậu trai kia có thiện căn hãy đến Thiên thai mà xuất gia, ở đấy có vị Sơ Y Bồ-tát hiện thân thuyết pháp. Đời Trần năm Đại Kiến thứ mười bốn, Sư đến Thiên thai gặp tổ Trí Giả giảng kinh, học chúng vừa tan, Sư đảnh lễ xin quy y. Tổ Trí Giả cười bảo: Nguyện lực đời trước nay lại gặp nhau. Do đó Sư lại hầu hạ Tổ và chuyên cần học tập Thiền Pháp tu các hạnh Phương Đẳng, Bát-nhã Tam-muội, tụng thông suốt Pháp Hoa. Sau theo tổ Trí Giả lên ở Lô Sơn, ngụ tại gác Đào Khản Đoan Tượng, tu hạnh thỉnh Quan âm Tam-muội. Mùa đông rét dữ nhưng sư không cần mặc áo bông. Trong lúc hành Đạo thấy có một dị Tăng gọi bảo: Ngươi tên là Pháp Kinh nhưng chưa hay lắm hãy đổi lại là Phổ Minh. Đây là nói sự sáng suốt nghĩa là có thể hiểu suốt cả ba đời. Tổ Trí Giả nghe biết liền bảo: Đã được thầm chỉ vậy phải theo tên mới. Tổ Trí Giả về ở tại Ngọc tuyền khiến đúc Đại Hồng Chung để ở Phật lũng bèn khuyên các hàng đạo tục ở Giang lăng đua nhau làm việc. Bỗng nhiên có một người mù đến xem. Sư biết là điềm không tốt, cây mô nở quả lép, bèn cố hết sức để đúc chuông lại. Nhưng vì dặn dò chưa kỹ nên chưa đúng mức, thế nên tiếng chuông chỉ vang xa có bảy mươi dặm. Kịp khi Sư đến ở chùa Quốc thanh, bấy giờ việc lấy nước dùng rất khó khăn. Sư chỉ tay vào đá bảo: Đá này phun nước ra chẳng sướng ư? Thế là suối liền phun mạnh mỗi ngày cấp nước dùng cho cả ngàn người. Có lần Sư đúc tượng

Lô-xá-na cao một trượng sáu, cảm đến bậc Dị Nhân cho vàng để giúp đỡ. Giảng đường chùa Quốc thanh nhỏ hẹp, Sư muốn mở rộng ra, ngài Chương An khuyên chớ nên sửa đổi. Bỗng có Đô đốc ở Quát châu là Châu Hiếu Tiết (Đời Trần Tùy gọi Ôn Châu là Quát Châu) cho cột sam chở thuyền biển đem đến. Khi đó ngài Chương An ở tại Xích thành, bỗng thấy thân Sư dài hơn mười trượng, cao hơn cây rừng, có mấy mươi người theo hầu, nói: “Chương An chớ nên cực khổ can ngăn, việc ta làm sẽ thành.” Ngài Chương An thấy việc thần dị, bèn hướng về phía rừng chắp tay kính cẩn thưa rằng: Xin tuân theo sự hoạch định của nhân giả. Đến ngày xây cất giảng đường, có Thần núi ẩn mình đến dự. Thế mạnh như sấm sét, cây đổ cành gẫy trong mỗi bước đi, từ Phật Lũng xuống đến chùa. Buổi chiều tối lại trở lại tiếng vang động như hồi mới đến. Ở phòng kế bên nghe Sư cùng Thần chuyện trò. Sư khuyên Thần làm lành. Khi xây giảng đường xong. Chợt thấy Sư mặc áo rách nói lời từ biệt cùng chúng rồi an nhiên ngồi thị tịch. Sư có ba ngón tay ở bàn tay trái co lại để làm tin. Sư không chứa của riêng, đem tất cả tiền được cúng thí để tạo ra mười tượng bằng vàng và đồng. Sư xem qua Đại Tạng hai lượt. Mỗi khi muốn làm các việc lợi ích thì chỉ cần một lần vận tâm vàng lụa đều có.

6. Thiền sư Trí Tảo:

Sư họ Trương, người ở Lâm hải. Cha là Hoài Sĩ. Đời Trần làm chức Trung binh tham quân. Năm Sư mười bảy tuổi thì song thân đều qua đời. Để tang xong Sư bị nhiễm bệnh dùng thuốc đã lâu mà không hết. Bèn cố sức chạy nhanh ra sân đến chỗ nào có ánh trăng thì nằm, chí tâm niệm Nguyệt quang Bồ-tát, hệ niệm suốt cả tuần nhật (mười ngày). Đêm đến mộng thấy có người dùng miệng hà hơi khắp thân mình. Như thế suốt ba đêm thì lành bệnh. Nhân đó đến xuất gia ở chùa An tịnh. Khi nghe tổ Trí Giả là bậc Đạo sư ở đời bèn đến xin thọ học tu Pháp hoa Tam-muội. Đến ngày thứ mười, đầu hôm sám hối xong định đến giường ngồi thì thấy Rồng chín đầu từ đất bay lên không trung. Tổ Trí Giả giải thích rằng: “Đây là biểu hiện cho chín đạo chúng sinh nghe kinh Pháp Hoa, sắp phá tan đất vô minh mà nhập vào khoảng không pháp tánh.” Sư có lần đến chùa Bảo lâm lễ sám. Đầu hôm có người đến lay cánh cửa. Sư hỏi: Ai đó? Đáp: “Tôi là người xem đèn.” Có Thành Thiền sư nghe biết liền bảo: “Nhà này có quỷ dữ, đó là tiếng quỷ nói”. Liền tâu lên Vĩnh Dương Vương, vương sai mười người cầm gậy gộc đến bảo hộ. Sư từ chối bảo rằng: “Mạng sống chỉ do nghiệp quyết định mà thôi”. Đêm ấy quỷ vào nhà cầm chùy đập vách phá cột khắp nơi.

Sư vẫn hành đạo thiền tụng thản nhiên không sợ sệt. Suốt hai mươi mốt ngày sự việc vẫn như thế. Khi Sư hành pháp gần xong thì có một cậu bé mặc áo xanh khen ngợi: “Lành thay!”, nói xong liền biến mất. Sư nhân đi sang Cối kê, giữa đường đi khất thực ở Viêm huyện, Chủ nhà lầm cúng dường nấm độc, Sư ăn xong lên đường ngay, Chủ nhà ăn vào đều ói mửa, liền nhanh chóng nhờ hàng xóm gấp đuổi theo Sư khoảng mười dặm nói cho biết. Sư cười bảo: Bần đạo may mắn không sao cả. Năm Đại Nghiệp thứ nhất, vua Tùy Dạng Đế đi tuần du đến Dương châu. Sư ở chùa Quốc thanh tuân lệnh quan ngự sử đến hành cung, được dẫn vào nội điện tiếp kiến, vua ban phép ngồi và ủy lạo. Xong vua sai thông sự xá nhân là Lư Chánh Phương đưa Sư về núi. Vì tổ Trí Giả thiết lễ trai đãi một ngàn Tăng và độ một trăm người. Trước sau tám lần Sư vào yết kiến vua. Mỗi lần chúa thượng đều dùng trọng lễ tiếp đãi. Đời Đường, năm Trinh Quán mười hai, Sư không bệnh tật ngồi ngay mà nhập diệt, thọ tám mươi ba tuổi.

7. Thiền sư Trí Hy:

Sư họ Trần, người Dĩnh xuyên. Tổ tiên làm quan ngụ ở đất Việt. Năm hai mươi tuổi Sư đến thế độ với tổ Trí Giả, nhận được thiền quyết, sớm chiều chuyên tâm không hề mỏi mệt. Khi tổ Trí Giả viên tịch, Sư vâng lệnh ở lại Phật lũng. Khi ấy người tu hạnh Tam-muội khá thạnh hành, điện đường càng mở mang, quy chế rất nghiêm túc, chỉ có Đài hương chưa có giá để. Trên ngọn Hương lư có nhiều cây Xanh bách, Sư muốn đốn về dùng, nhưng chúng nghi là Thần chiếm giữ riêng. Đêm Sư mộng thấy Thần tặng cho một ít gỗ làm nhà. Bèn sai người ra đốn. Chúng trong chùa có sư Pháp Vân muốn lên đỉnh núi để tọa thiền. Sư ngăn lại bảo rằng: Đạo lực của ông còn yếu kém, Sơn thần thì mạnh mẽ, vậy không nên đi. Vân không nghe ông ấy lên núi ở lại một đêm, Thần hiện nguyên hình đuổi về. Thuở xưa tổ Trí Giả khuyên cư dân ở ven sông nên cất nhà Ấp lương để làm ao phóng sinh. Chưa được mấy năm thì họ đi đánh bắt lại. Sư cùng sư Chương An đến lễ tháp tổ Trí Giả, đốt hương chú nguyện. Có người đánh cá thấy có vị Tăng đứng trên ấp cho là bị té xuống nước bèn chèo thuyền đến cứu, bỗng không thấy ai cả. Dân ở đó thấy linh nghiệm bèn không đi đánh bắt nữa. Bấy giờ thú thì kêu rống thảm thiết, còn chim thì tụ tập bay lượn suốt mấy ngày không thôi, tiếng chuông đồng ở Đông sơn vang rền chấn động cả hang núi. Sư bảo: Đây là mời ta đó. Bèn dùng nước thơm tắm gội rồi ngồi kiết già cầm cây như ý và nói pháp giây lâu yên lặng, chúng bèn gào khóc. Sư mở mắt dạy rằng: Có sinh tất có diệt can chi mà buồn

khóc. Có người hỏi Sư sinh cõi nào. Sư bảo: Theo giấc mộng của ta thì sinh vào cung Đâu-suất, vì cung điện màu xanh, cõi trời phía Tây bắc (kinh Niết-bàn nói: Vì trời Đâu-suất thích màu xanh nên dùng Thanh sắc Tam-muội để phá cái hữu của cõi trời này). Ta thấy thầy ta, những người hầu chung quanh ngài đều ngồi trên bảo tòa, có một tòa trống, ta hỏi duyên cớ, họ đáp: "Sáu năm nữa Đỉnh Pháp sư sẽ lên ngồi ở tòa này mà thuyết pháp." Sư thường đến bảo tháp A-dục vương, lạy tám vạn bốn ngàn lạy nên cảm được lằn tía in vào tay Sư vuông vắn sáng rõ. Khi sắp lâm chung Sư bảo đệ tử rằng: Thánh chúng đã ấn khả cho ta, ta nay vãng sinh vào nội viện Di-lặc. Chợt nghe tiếng đàn sáo, Sư liền ngồi kiết già mà hóa. Lúc đó là ngày mười tám tháng mười hai năm Trinh Quán thứ nhất.

8. Thiền sư Pháp Ngạn:

Sư họ Trương ở Thanh hà. Đời Trần, năm Đại Kiến thứ bảy, Sư hầu tổ Trí Giả ở Thiên thai, được Tổ truyền trao ý chỉ Thiền na. Sư thường ngồi yên trong rừng vắng, không ở trong phòng nhà. Thường nhập định đến bảy ngày mới xuất định. Tổ Trí Giả chứng rằng: "Như chỗ ông nói là quán tướng thứ hai trong Bội xã quán. Sơn thần nhiều lần quấy nhiễu để thử thách, Sư vẫn điềm nhiên không cho là động. Sư chuyên tu thiền pháp, hơn ba mươi năm thường ngồi yên không nằm. Đến tháng hai năm Đại Nghiệp thứ bảy đời Tùy, Sư ngồi kiết già ở chùa Quốc thanh mà viên tịch.

9. Thiền sư Trí Giai:

Sư họ Hạ Hầu, người ở Dự chương. Sư rộng thông ba luận nổi tiếng đương thời. Kịp khi gặp được tổ Trí Giả thọ học thiền pháp liền được khai ngộ sâu sắc. Buổi vãng niên Sư vào ở Lư sơn xây cất tinh xá Đại lâm, quyết chí tu thiền, sự chứng đắc của Sư khó lường biết được. Hơn hai mươi năm Sư không hề xuống núi. Vua Tùy Văn Đế triệu Sư vào kinh, Sư tạ bệnh không đi. Quận thú Dự chương thỉnh Sư giảng Pháp Hoa, Sư cố thoái thác bảo rằng: "Ta sẽ chết ở tại núi này thôi!" Thế nên cả đạo tục đều khẩn thiết thỉnh cầu. Sư miễn cưỡng ra làm, khi giảng kinh chưa xong, quả nhiên Sư viên tịch ở chùa tại Châu trị. Bấy giờ mọi người mới biết là Sư báo trước. Lúc đó trời oi nồng nóng bức, Sư ngồi ngay ngắn như lúc còn sống. Có mùi hương lạ khắp thành phố, suốt mấy ngày mới tan. Đồ chúng đón rước Thiền Khám về an táng trên gò Lư (Lư Sơn).

10. Thiền sư Đại Chí:

Sư họ Cố, người ở Cối kê. Sư xuất gia nương tổ Trí Giả, quyết

chí đến chỗ cao xa nên lấy đó đặt tên. Mỗi khi sư tụng kinh Pháp Hoa tiếng trong trẻo cao vút khiến người nghe quên mệt nhọc. Khi được nghe thiền yếu, Sư bèn đến ngọn Cam lộ ở Lư sơn tu hành nhiều hạnh. Sư ném mình vào cọp dữ, cọp liền chạy mất. Nếu trên núi hết gạo thóc thì trọn ngày Sư không ăn, hoặc khi được bánh trái hoa quả thì Sư chỉ ăn lấy no. Như thế suốt bảy năm thiền tụng mãi không dứt. Buổi vãng niên Sư về ở tại Phước lâm. Gặp năm Đại Nghiệp triều đình bài trừ Phật giáo. Sư mặc áo lụa trắng khóc trước tượng Phật suốt ba ngày thề bỏ thân mình để làm sáng tỏ chánh đạo. Sư bèn đến Đông đô dâng biểu lên vua tâu rằng: Mong bệ hạ cho hưng thịnh Tam bảo, Bần đạo xin đốt cánh tay để báo đền ân nước. Vua bằng lòng. Sư bèn tập họp bảy chúng thiết đãi trai diên. Sư nhịn ăn ba ngày, lên gác cao, bó vải vào cánh tay, chế sáp làm đuốc, châm lửa đốt lên. Ánh sáng rực chiếu khắp đồng quê rừng núi, ai thấy cũng đều đau lòng. Nhưng sắc mặt Sư không hề biến đổi. Sư vẫn tán Phật tụng kinh và nói pháp cho chúng nghe tiếng không hề dứt. Khi thiêu xong Sư xuống lầu, về nhập định suốt bảy ngày, ngồi kiết già mà viên tịch. Sư có soạn bài Nguyện Văn được bảy mươi tờ. Chúng các chùa ở Lô sơn, tập họp suốt đêm đều tụng bài nguyện văn này lấy làm đau xót.

11. Thiền sư Đạo Duyệt:

Sư họ Trương, người ở Chiêu khâu. Năm mười hai tuổi Sư đến Ngọc tuyền nương tổ Trí Giả mà xuất gia Sư lấy Đại Phẩm Bát-nhã và kinh Pháp Hoa làm khóa tụng hàng ngày. Lúc bấy giờ, chùa mới cất chưa có chuông khánh. Sư ra đầu suối nhặt được hòn đá lạ đem về treo lên, mỗi khi tụng kinh Sư gõ vào tiếng ngân trong trẻo người nghe đều thảng thốt. Đám người ở chốn u minh nhiều lần được điềm lành. Có kẻ bị bệnh thủy trướng bụng to như cái trống, Sư chỉ niệm Bát-nhã cầu linh ứng. Một chiều nọ nước trong bụng vỡ ra bệnh liền hết. Vào thời Tùy Mạt có bọn hung tặc là Châu sáng dẫn bộ hạ lên núi. Sư ngồi ngay bất động bảo rằng: Hình hài huyễn hoặc này xin sẵn sàng nhận thêm một dao sắc. Bọn giặc kinh dị không dám phạm đến. Sư thường mặc áo gai, ngày ăn một bữa, lại dành một nửa cho chim thú. Có khi chim tụ tập đầy phòng hoặc bay đậu trên tay sư, vì lòng từ bi của Sư thấm đầy nên chúng không còn sợ hãi. Y phục Sư tuy xấu rách nhưng tuyệt nhiên không có cháy rận. Sư thường xin chấy rận về nuôi để khuyên người đừng giết hại. Sư ở trong núi suốt năm mươi năm tiết hạnh không đổi. Lúc sắp lâm chung Sư biết trước, giả biệt mọi người, liền ngồi ngay chắp tay mà thị tịch. Về sau có người thấy vị Tăng quỳ gối gõ bát ở

bên dòng Thanh Khê tự xưng là Bát-nhã Sư, vì Sư thường tụng kinh ấy. Người ta do đó gọi tên Sư.

12. Thiền sư Đẳng Quán:

Sư họ Tôn, người ở Phú dương, thọ học Tâm quán với tổ Trí Giả ở Thiên thai, Sư thường tụng kinh Pháp Hoa. Mùa Đông năm Trinh Quán thứ chín, chùa Pháp nhẫn ở Dư hàng mời Sư đến diễn giảng. Năm sau vào buổi sáng có vị mặc y phục Vương giả đến tự xưng là Thần ở miếu Cao đình tới yết kiến Sư, bảo rằng: Hôm qua Sư đi ngang qua triều đình đúng lúc đệ tử đang đi tuần du không kịp nghinh đón. Cho nên nay từ xa đến chỉ cầu được giới pháp. Sư liền dọn lư hương truyền cho Đại Giới Bồ-tát Thần liền tạ từ mà đi. Ngày hôm sau, vào giữa đêm Sư tắm gội và đắp y, ngồi kiết già quay mặt về hướng Tây niệm tên hiệu của ba Thánh và tổ Trí Giả mỗi thứ hơn trăm tiếng. Sư lại nói về pháp môn Tam quán cho Tuệ Pháp sư, vào bảo rằng: "Đây là ta đích thân thay lời Đại sư mà nói." Nói xong liền viên tịch.

13. Thiền sư Bát-nhã:

Sư là người Cao Ly. Năm Khai Hoàng thứ mười sáu, Sư đến Phật lũng cầu học thiền pháp, chưa bao lâu Sư có chỗ chứng ngộ. Tổ Trí Giả gọi bảo: Ông có duyên với xứ này vậy nên ở chỗ yên vắng để tu diệu hạnh. Ngọn Hoa đảnh cách đây sáu, bảy dặm là chỗ ngày xưa ta tu hạnh Đầu-đà, vậy hãy ở đó mà tiến tu đạo nghiệp, tất có ích lớn. Sư liền tuân theo lời Tổ dạy, ngồi tĩnh tọa mười sáu năm chưa hề xuống núi. Bỗng một hôm Sư lên chùa Phật lũng thấy có ba người đứng hầu chốc lát biến mất. Kế đó Sư xuống chùa Quốc thanh nói lời từ biệt với các bạn đồng tu và ở đó được vài hôm, không bệnh mà tịch. Khi đưa khám ra khỏi cửa chùa, Sư mở mắt cáo biệt. Lúc đến núi thì Sư nhắm mắt lại như cũ.

14. Thiền sư Lễ Tông:

Sư họ Tông người ở Cối kê. Lúc đầu Sư tham học với sư Trường Thọ thấu suốt thiền quán. Thọ bảo: "Ngọc quý to cả tấc đất dày ngàn nhận cũng không che được ánh sáng của nó." Sau Sư đến gặp tổ Trí Giả học pháp môn Tâm quán được chỗ khế ngộ lớn. Có lần Sư viết chú Sớ kinh Niết-bàn được người đương thời rất quý trọng. Năm Cảnh Long thứ ba (Đường Trung Tông), quan ngự sử Bằng Trung bỗng chết giấc, thấy có hai cậu bé dắt Sư đến trước pháp đình, phán quan xét lại sổ tội của Trung. Thấy người cậu đã chết là Trương Tư Nghĩa bảo rằng: "Cháu không hợp với hậu cung, có giặc loạn Việt ngầm theo báo thù. Vậy nên phát nguyện làm Sớ giải Niết-bàn và đúc chuông thì sẽ tiêu hết tội trước. Sớ là do Lễ Tông Thiền sư viết nên. Đây là Sư đích thân được tổ

Trí Giả truyền thụ cho, thường được Thiên thần bảo hộ.” Bằng Trung nghe theo lời cậu dạy bèn được trả về. Tìm bộ Sớ chưa được, lại bị âm ty trách phạt. Trung xin hẹn ba ngày tìm viết đủ, nhờ đó lại được tha về. Do lòng thành tìm kiếm, quả nhiên gặp được bản Sớ ấy bèn thực hiện ngay. Sau về già mới chết.

15. Thiền sư Pháp Hưởng:

Sư là người Dương châu. Năm mười sáu tuổi từ biệt song thân vào Đạo theo học với tổ Trí Giả. Đọc thông Pháp Hoa bèn lên ở chùa Thê hà cạnh bên Pháp hoa đường. Sư tu Tam-muội và được chứng ngộ nhưng im lặng không nói. Trong núi có hổ dữ mỗi ngày giết hại mấy người. Chúng bèn thiết lễ trai lớn để cầu nguyện. Chợt thấy một con hổ lớn xông vào đám đông vồ lấy một người mang đi. Sư lớn tiếng bảo: Hôm nay vì ngươi mà thiết lễ trai vậy hãy thả người kia ra! Hổ liền để lại người ấy rồi chạy đi. Chốc lát có bầy hổ mấy mươi con tụ tập trước trai đàn, mọi người sợ bỏ chạy. Sư đến trước bầy hổ lấy gậy gõ vào cổ và nói pháp cho nghe. Từ đó trở đi bầy hổ tránh xa mất dạng.

16. Thiền sư Hành Giản:

Sư đích thân được tổ Trí Giả thế độ và thọ học thiền pháp, thường ngồi không nằm. Khi tổ Trí Giả ở chùa Ngọc tuyền bảo Sư đến Phong châu giáo hóa. Sư cỡi trâu về đến nửa đường gặp bọn cướp chém đầu Sư giựt trâu mà đi. Thây Sư đang nằm trên đất bỗng ngồi dậy ôm đầu gắn vào cổ rồi chạy như bay rượt theo bọn cướp. Bọn cướp đều kinh dị trả lại trâu và cùng thề trọn đời sẽ làm người giúp việc Sư để tạ lỗi, nay là bọn điền nô ở trang trại, những kẻ có họ Hướng là đám hậu duệ của họ.

17. Thiền sư Tuệ Oai:

Sư nương nhờ tổ Trí Giả học về Tâm Quán được nhanh chóng khai ngộ. Về sau nhận lời ủy thác của Tổ mà xây cất chùa Quốc thanh. Sư nổ lực xây cất khá nhiều. Sư tu mật hạnh khác thường, người đời khó đoán biết được.

18. Thiền sư Pháp Tuấn:

Lúc đầu Sư ở Kim lăng đến gặp tổ Trí Giả, tu Pháp hoa Tam-muội, liền được ngộ nhập. Về sau Sư hoằng pháp ở Bích giản được nhiều người theo học quý kính. Đến ngày Sư viên tịch có Thiên nhạc vang rền trên không, hương trời bay tỏa khắp nơi. Đại chúng trông theo thấy Sư ẩn ẩn hiện hiện đi về hướng Tây.

19. Thiền sư Tuệ Tưởng:

Lúc đầu Sư ở chùa Hưng hoàng, đến gặp tổ Trí Giả học sâu về thiền định. Mỗi khi Sư tụng Pháp Hoa, người ta nghe thấy hương trời

đầy thất, không phải là việc dễ có trên đời.

20. Thiền sư Tuệ Trù:

Sư đến tham học Tam quán với tổ Trí Giả. Sau Sư đến ở Nam nhạc, thường tụng Pháp Hoa và Hoa Nghiêm làm khóa tụng hàng ngày. Người ngoài có lần thấy Thiên thần đứng hầu ở hai bên Sư.

21. Thiền sư Đức Bảo:

Sư là người ở Đương dương, theo tổ Trí Giả học thiền pháp lâu ngày được khai ngộ. Sư tụng kinh Pháp Hoa có nhiều điềm linh ứng, cả mấy mươi dặm đều nghe có mùi hương lạ. Vua Tùy Dạng Đế rất kính trọng, ban cho hiệu là Đại Giác Thiền Sư. Thiền sư Đại Nhẫn là bậc Chuyên đức ở đời Lương vào dưỡng đạo ở Tưởng sơn. Lúc đó Sư cùng tổ Trí Giả nghĩa tập ở trong núi mà được đốn ngộ Thiền Tuệ, bèn khen rằng: Đây không phải do văn tự sinh ra mà chính là quán cơ, luận thông suốt về Bát-nhã. Không phải Độn cũng không phải Lợi. Lợi Độn là do Cơ, phong phú hợp thời đó là tướng của Lợi. Ao sâu thì hoa lớn Độn có thể được vừa ý (Trí Luận có câu: Thấy hai sức mạnh biết rồng to. Nhìn thấy ao sâu biết hoa lớn). May mắn có được ánh sáng dư đâu chẳng tự mừng ư?

22. Thiền sư Tuệ Biện:

Sư có tư chất thông minh, nghe tổ Trí Giả diễn khai Đạo Tam Quán thầm ghi không sai sót, như rót nước vào bình không để rơi ra một giọt. Về sau ở tại Phật Lũng Sư giã biệt đại chúng rồi chất gỗ thành dàn tự châm lửa mà thiêu thân để báo đáp ân đức của Phật. Khói tỏa quanh như một cụm rừng. Hài cốt Sư kết thành xá-lợi.

23. Thiền sư Đạo Thế:

Thuở nhỏ Sư cậy mình tài giỏi tham khảo khắp các bậc trí thức. Phàm vào nhà ai đều không phục họ, phàm ai đã chứng ngộ đều đến tham học. Kịp khi gặp tổ Trí Giả ở Ngọc tuyền mở nói về Chỉ Quán thì Sư được diệu ngộ nhanh chóng.

24. Thiền sư Tuệ Thao:

Sư nghe tổ Trí Giả nói pháp liền nhập Thâm Định. Mỗi lần nhập định suốt cả tuần nhật (mười ngày) coi đó là việc bình thường. Chỗ Sư ban đêm thường có ánh sáng lạ.

25. Thiền sư Tuệ Phổ:

Sư sớm gần gũi với tổ Trí Giả, nghe hiểu sâu xa Thiền Pháp, thường tu Pháp hoa Tam-muội, chiêu cảm được Đức Phổ Hiền cỡi Bạch Tượng phóng quang chiếu vào thân, Sư bỗng được ngộ nhập.

26. Thiền sư Pháp Thạnh:

Lúc đầu Sư đến Ngọc tuyền gặp tổ Trí Giả thọ học Pháp Yếu, sớm tối không lìa bỏ thiền định. Sau Sư đích thân thọ học quán Tâm Luận nên được thâm ngộ huyền chỉ. Khi tổ Trí Giả viên tịch rồi thì Sư ở tại Ngọc tuyền giáo hóa rất thạnh hành.

Thời đầu nhà Đường, Sư vào kinh sư, mỗi khi thuyết pháp thì miệng phóng ra ánh sáng, bốn chúng đều kính ngưỡng coi như Phật sống. Triều đình tôn quý đạo đức của Sư ban hiệu là Ngộ Chân Thiền Sư.

27. Thiền sư Pháp Luận:

Sư nương học ở Ngọc tuyền. Sư cùng các vị Cối kê Trí Giả, Chung Nam, Long Điền, Pháp Lâm đều là đệ tử đồng học với tổ Trí Giả và cùng tổ Trí Giả viết truyện, nay đều không còn. Biệt truyện của ngài Chương An soạn thì dùng bản của Quốc Thanh Trí Tịch Thiền sư rồi dần dần thêm nhiều hơn và được lưu hành ở đời. Cả bốn Sư này không có sự tích chi đáng tìm hiểu, nhưng các ngài cũng đều là bậc anh tài đắc đạo thời ấy cả (thấy trong tựa của Bách Lục và Biệt Truyện Chú).

28. Thiền sư Kỉnh Thiều:

Sư họ Nhan, người ở Thượng Ngu Cối kê. Lúc đầu Sư ở chùa Bạch mã hoằng hóa suốt mười năm. Khi tổ Trí Giả ở Ngõa quan thì Sư đích thân đến cầu học và được thâm nhập định tuệ. Đời Trần, tháng mười năm Chí Đức thứ nhất, Sư viên tịch ở chùa Khai thiện tại Chung sơn.

29. Thiền sư Tăng Trân:

Sư hầu tổ Trí Giả có hạnh giải sâu xa nổi tiếng. Lúc đầu Sư ở tại chùa Thắng quang ở Kinh Sư. Đời Đường năm Võ Đức thứ tư (Đường Cao Tổ) Sư chọn lấy cảnh danh thắng ở tại hai châu Đồng và Hoa. Triều đình cử Sư đến ở tại chùa Tuệ nhật, bấy giờ gọi đây là Đường Luận (Phật Đạo Luận Hành).

30. Đời Trần Hoàng Thái tử là Uyên:

Ngài là con của Trần Hậu Chủ. Vào ngày rằm tháng giêng năm Chí Đức thứ tư, ở điện Sùng chính có thiết trai cúng dường một ngàn Tăng, thỉnh Đại sư truyền giới Bồ-tát (Bách Lục nói văn thỉnh giới thì tên là Uyên, còn Nam sử nói tên Thâm. E là khi thỉnh giới nên đổi tên này chăng?). Trong bài Văn Thỉnh Giới có nói: “Trọng Đạo tôn sư xưa nay còn chuộng, xin đời đời kết duyên cho thỏa ý nguyện.” Ngày truyền giới truyền hương cầm tay thì dưới má có ngấn lệ. Sư đặt tên là Thiện Manh (mầm lành) và sau này Trần bị Tùy đánh bại thì mới biết được ý nghĩa của ngấn lệ đó là lời sấm nói về mình bị tổn thương. Còn tên Thiện Manh là ý nói không nên tài cán gì. Tháng giêng năm Trinh

Minh thứ ba thì Tùy đánh bại Trần, binh sĩ gõ cửa nách mà vào. Lúc đó Thái tử mới mười lăm tuổi ngồi yên mà ủy lạo bảo rằng: Binh lính ở giữa đường cũng không khổ nhọc đến nỗi này! Ba tháng sau theo Hậu Chủ vào nước Tùy không biết sống chết ra sao.

31. Đời Trần, Vĩnh Dương Vương là Bá Trí:

Ông tự là Sách Chi, là con thứ tám của Văn Đế. Năm Chí Đức thứ nhất ông ra làm thứ sử Đông dương thỉnh Đại sư ra thị trấn khai giảng. Phải viết thư đến ba lần Sư mới đến, Vương và con là Trạm cùng người nhà đều xin thọ giới Bồ-tát và xin được thâu nhận làm đệ tử. Ngày thì nghe giảng thuyết, đêm thì tọa thiền. Việc diễn giảng sắp xong, Sư bèn đặt pháp danh cho Vương là Tĩnh Trí, rồi Vương viết sớ văn, lập đại hội, độ người xuất gia và đúc tượng Bồ-tát. Trong sớ văn có câu: "Nguyện đời đời kiếp kiếp xin cùng Xà-lê Thiên thai và chúng đạo tục nghe giảng, luôn kết thành bạn lành đồng hướng về Nhất thừa (Phật Quả). Sư bảo môn nhân là Trí Việt rằng: Ta muốn khuyên Vương tu phước trừ họa. Việt thưa: Phủ Liêu không phải như triều cũ, có thể đối xử đậm nhạt không đồng, Sư bèn thôi. Sau đó Vương xuất du, bị té ngựa sắp chết. Sư dẫn chúng đến hành lễ Quan Âm Sám Pháp. Vương tỉnh đôi chút tựa ghế mà ngồi, chợt thấy có vị Phạm Tăng tay bưng lư hương đi nhiễu quanh Vương một vòng, mùi hương phảng phất, các đau đớn liền hết.

32. Trần Châm:

Ông là anh của tổ Trí Giả, làm Trung Binh Tham Quân của Tấn An Vương nhà Lương. Năm bốn mươi tuổi, có Tiên nhân là Trương Quả xem tướng ông bảo rằng: "Sẽ chết trong tháng này." Sư dạy nên tu Sám Phương Đẳng. Trần Châm thấy ở cửa Thiên đường có bảng đề: "Nhà của Trần Châm, mười lăm năm sau sẽ sinh về đây." Về sau Trương Quả gặp lại Châm, kinh hãi hỏi rằng: Ngài uống thuốc gì? Đáp: Chỉ tu Sám thôi. Trương Quả bảo: Nếu không nhờ đạo lực thì đâu thể thoát chết được! Bèn sống thêm mười lăm năm nữa mới chết. Sư Trí Giả có soạn cho ông bộ Tiểu Chỉ Quán, ông học hỏi tu tập sớm tối không trễ nải.

33. Tưởng Thiêm Mân:

Làm quan Thái Trung Đại Phu cùng Ngô Minh Triệt chức Nghi Đồng Công... đều là hàng quý trọng của Triều Trần. Đồng học pháp Quán hơi thở, tập lâu không lười nhác, trí sáng được ngưng lặng. Tuy xưa bị khổ vì bệnh phong thấp nhưng cũng được lành.

34. Trầm Quân Lý:

Tự là Trọng Luân, người ở Ngô hưng. Ông cưới con gái của Trần

Võ Đế là Cối kê trưởng công chúa chức Nghi Đồng. Ông thọ giới Bồ-tát với Đại sư, viết ra lời Sớ thỉnh Sư khai giảng Pháp Hoa Kinh Đề ở Ngõa quan. Vua Tuyên Đế ra lệnh bãi Triều một ngày để quần thần đến nghe giảng. Khi ấy quan Lộc Vương là Cố, Thị Trung Khổng Hoán, Thượng Thư Mao Hỷ, Bộc Xạ Chu Hoằng Chánh đều thọ nhận giới hương, cùng nghe giảng diệu pháp nhưng vẫn xin trọn một mùa hạ được nghe giải thích về huyền nghĩa. Cả đạo tục đều cùng hội họp, số người được khai ngộ rất đông (Diệu Huyền nói: "Chín tuần đàm diệu" tức là lúc này vậy).

35. Từ Lăng:

Tự là Hiếu Mục, người ở Đông viêm. Mẹ họ Tang mộng thấy mây ngũ sắc hóa thành chim phụng tập họp đậu trên vai trái rồi sinh ra ông. Vừa lên mấy tuổi Lăng được gia nhân dắt đến hầu Sa-môn Bảo Chí, ngài xoa đỉnh đầu ông nói rằng: "Đây là đá Kỳ lân ở trên trời!" Vân Pháp sư ở Quang trạch thấy Lăng khen rằng: "Cùng loại với Nhan Hồi đấy." Năm lên tám tuổi, Lăng thuộc loại giỏi văn thơ, là quan Thiếu Sĩ ở nước Lương. Trong khoảng năm Đại Kiến nhà Trần, ông làm quan đến chức Thượng thư tả bộc xạ. Có lần mộng thấy cha mình bảo rằng: "Thiền sư Trí Giả là bậc Tông phạm lâu đời của ta, con nên một lòng tôn thờ." Lăng tuân lời mách bảo của cha hết lòng kính ngưỡng. Học không kể thời gian, lạy không nệ ướt át. Mỗi khi làm văn viết sớ thì rửa tay đốt hương, đội mão, mang đai, lễ ba lạy, nín thở mở thư đọc văn trân trọng. Khi Nghi Đồng Trầm Quân Lý thỉnh Sư khai giảng Pháp Hoa thì Lăng đến dự nghe cho là tuổi già được nghe diệu lý, làm thư tự mừng. Về sau đến trước Đại sư Trí Giả làm bài Sớ phát năm nguyện nói rằng: Đệ tử nghĩ rằng muốn ra khỏi lưới trần nào phải do cánh mà thoát được. Vì thiện căn yếu kém nên cần phải có nguyện lực để trang nghiêm:

1. Nguyện khi lâm chung có được chánh niệm.
2. Nguyện không sanh tam đồ.
3. Nguyện được thác sinh làm người là nơi không cao không thấp.
4. Nguyện được xuất gia từ bé trì giới đúng pháp.
5. Nguyện không làm hạng Tăng tầm thường.

Căn cứ vào tâm nguyện này để cố gắng hướng về Tây Phương Cực Lạc (hai thư thấy trong Bách Lục). Về sau quả nhiên hậu thân của Lăng là tổ Pháp Hoa thứ sáu, nối ngôi ngài Chương An. Lúc Trần Hậu Chủ ở Đông cung có mời Lăng giảng Đại Phẩm. Các nghĩa học danh Tăng từ xa đều đến vân tập. Khi nhà Trần bị Tùy phá, ông thường theo

tổ Trí Giả nghiên cứu tinh thông pháp yếu. Khi Tấn Vương xin Tịnh Danh Nghĩa Sớ thì Đại sư Trí Giả tiếp tục soạn ra hai mươi tám quyển, Lăng và Liễu Cố Ngôn cũng đóng góp về văn và nghĩa trong đó.

36. Vương Cố:

Ông tự là Tử Kiên. Đời Trần, năm Quang Đại thứ nhất, ông làm quan Thị Trung được phong làm Kim Tử Quang Lộc Đại phu. Trọn đời ông không ăn mặn, đêm thì ngồi thiền ngày thì tụng đọc kinh Phật. Có lần ông đi dâng tặng lễ nước Ngụy được đãi yến tiệc, ông xin tha giết một dê. Con dê liền đến trước ông quỳ lạy như để tạ ân. Lại trong yến tiệc ở ao Côn minh, vua Ngụy cho là người phương Nam thích cá nên cho giăng lưới rộng khắp, ông quyết dùng phép Phật ngầm cấm, quả nhiên không bắt được một con cá nào. Khi Đại sư Trí Giả giảng kinh Pháp Hoa ở Ngõa quan ông đến dự pháp hội liền được khai ngộ ngay sáng tỏ như được học từ lâu.

37. Liễu Cố Ngôn:

Ông Pháp danh Chánh Thiện, người ở Hà đông. Khi Tấn Vương mới thọ giới Bồ-tát sai Cố Ngôn dâng lễ vật cho Sư Trí Giả. Và nhiều lần vâng lệnh Vương, ông bèn đến ở với ngài Trí Giả, nhiều phen nghe được pháp yếu nên được khai ngộ sâu sắc. Khi tổ Trí Giả từ Giang lăng trở về thì Tấn Vương lại xin theo học thiền pháp. Sư Trí Giả nhân đó soạn quyển đầu của Bộ Tịnh Danh Nghĩa Sớ. Cố Ngôn và Từ Lăng có góp thêm văn nghĩa. Về sau ngài Trí Giả tiếp soạn xong bộ Huyền Nghĩa mười quyển, Cố Ngôn đáp thư rằng: “Khi đem đến Cung Nhân Thọ Vương đọc đi đọc lại tám lần thì các nghi bình thường đều dứt nhưng các mù mờ vi tế vẫn còn”.Sư bèn sửa mới có sáu quyển, hợp với văn kia thành tám cuốn. Vì sửa mới chưa xong bởi quá ít thời gian tìm xét nghiền ngẫm. Nay sai sứ là Tiêu Thông Quốc đến tham hỏi ý của sách để tự chọn hiểu. Cố Ngôn nhiều phen được cố vấn. Mỗi lần đáp cho là Đại sư chắc đến, nên xin ở hết mùa hạ để tiện việc thuyền ghe. Nhờ đó mà buổi tàn niên ông hết lòng tu học, sám hối lỗi biếng lười ngày xưa. Mùa Đông năm Đại Nghiệp thứ nhất. Vua Tùy Dạng Đế sắc lệnh cho Cố Ngôn dựng bia cho tổ Trí Giả ở tại chùa Quốc thanh thiên thai, gọt lời chọn lý ai cũng thán phục công trình. Ông làm quan đến chức Nghi Đồng Tam Ty.

38. Mao Hỷ:

Ông tự Bá Phụ, người ở Dương võ. Thuở nhỏ rất hiếu học, giỏi về chữ Thảo và chữ Lệ. Thời Trần Tuyên Đế, ông làm đến chức Ngũ binh thượng thư. Khi ngài Trí Giả mở pháp hội ở Ngõa quan thì ông được làm chúng dự thính. Ông khẩn cầu thiền yếu và đích thân xin làm đệ tử của

sư Trí Giả, thọ học Lục Diệu Môn và Tứ Thập Nhị Pháp Môn, suốt ngày đêm nghiên cứu tu tập không vì công việc mà bỏ qua. Đại sư Trí Giả ở tại Thạch tượng muốn đến Thiên thai để xây cất đạo tràng. Ông viết thư khuyên Sư nên trở về, cho rằng ngọn Chung lãnh ở Nhiếp sơn cũng đủ chỗ gởi tâm. Nhưng Đại sư đã có chí nguyện nên khó thể ngăn được.

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 10

PHẦN 2

C. Dòng thứ của ngài Chương An:
Đời thứ hai, gồm có:
Long Hưng, Hoằng Cảnh Thiền Sư.
Nam Nhạc, Đại Tuệ Thiền Sư.
Gia Tường, Cát Tạng Thiền Sư.
Thiên thai, Minh Khoáng Thiền Sư.
Ngọc Tuyền, Đạo Tố Thiền Sư.
Đời thứ ba, Kỳ Xà, Trí Bạt Thiền sư (nối ngài Cát Tạng)

D. Dòng thứ của ngài Thiên Cung:
Đời thứ hai:
Vĩnh gia, Chân Giác Thiền Sư.

E. Dòng thứ của ngài Tả Khê:
Đời thứ hai gồm có:
Tiêu sơn, Thần Ấp Thiền Sư.
Chí hình, Đạo Tuân Thiền Sư.
Phật lũng, Đại Nghĩa Thiền Sư.
Tử kim, Nguyên Tông Thiền Sư.
Tứ minh, Đạo Nguyên Thiền Sư.
Vụ nữ, Thanh Biện Thiền Sư.
Vụ nữ, Hành Tuyên Thiền Sư.
Vụ nữ, Viên Tịnh Thiền Sư.
Vụ nữ, Pháp Khai Thiền Sư.
Tam cù, Đạo Tân Thiền Sư.
Tam cù, Tuệ Tùng Thiền Sư.
Tỳ lăng, Thủ Chân Thiền Sư.

Tiền Đường, Pháp Đăng Thiền Sư.
Tiền Đường, Pháp Chân Thiền Sư.
Cối kê, Pháp Nguyên Thiền Sư.
Tân la, Pháp Dung Thiền Sư.
(Ba vị sau thuộc Tả Khê Kỷ)
Tân la, Lý Ứng Thiền Sư.
Tân la, Thuần Anh Thiền Sư.
Cư sĩ Phó Lễ.
Cư sĩ Vương Nguyên Phước.
Đời thứ ba: Tiêu Sơn, Trí Ngang Thiền sư (bốn vị sau nối Sư Thần Ấp)
Tiêu sơn, Linh Triệt Thiền Sư.
Tiêu sơn, Tiến Minh Thiền Sư.
Tiêu sơn, Tuệ Chiếu Thiền Sư.
Chi Hình, Linh Thâu Thiền Sư.
(Bốn vị sau nối Sư Đạo Tuân)
Chi hình, Pháp Thành Thiền Sư.
Chi hình, Đạo Hân Thiền Sư.
Chi hình, Linh Nguyên Thiền Sư.

F. Dòng thứ của ngài Kinh Khê:
Đời thứ hai gồm có:
Nam nhạc, Phổ Môn Thiền Sư.
Long hưng, Nguyên Hạo Thiền Sư.
Hoa đảnh, Hạnh Mãn Thiền Sư.
Thiên thai, Trí Độ Thiền Sư.
Kiến an, Pháp Ngung Thiền Sư.
Vân phong, Pháp Chứng Thiền Sư.
Vô tánh, Pháp Kiến, Thiền Sư.
Hàn lâm học sĩ Lương Túc
Sử bộ lang trung Lý Hoa.
Tán kỵ thường thị Thôi Cung (bốn vị sau nối Sư Nguyên Hạo)
Gián cơ đại phu Điền Giáo (Đôn)
Thân thông, ba mươi chín người (Đại sư Truyền Luận)
Đời thứ ba: Đàm Hoàn Thiền sư (nối Sư Phổ Môn)
Trí Tịnh Thiền sư (năm vị sau đây nối Sư Nguyên Hạo):
Trọng Nghĩa Thiền Sư.
Tử Du Thiền Sư.

Đạo Như Thiền Sư.
Trọng Lương Thiền Sư.
Long Hưng Trọng Tốn Pháp sư.
Đời thứ tư:
Trung thừa, Liễu Công Xước.
Thứ sử, Liễu Tông Nguyên.
Trung thư, Trịnh Khổn.
Thứ sử, Mạnh Giản.

G. Dòng thứ của ngài Hưng Đạo:
Hưng thiện, Thủ Tố Thiền Sư.
Nhật Bản, Tối Trừng Thiền Sư.

H. Dòng thứ của ngài Chí Hành:
Thiên thai, Lương Tư Thiền Sư.
(Hai người sau thuộc Chí Hành Kỷ)
Thiên thai, Kỉnh Văn Pháp sư.
Thiên thai, Quang Thiều Pháp sư.
Thiên thai, Duy Quyên Pháp sư.
Thiên thai, Thứ Sử Vi Hành (ở Chí Hành Bản Kỷ).

I. Dòng thứ của ngài Chánh Định:
Đời thứ hai gồm có:
Thiên thai, Kỉnh Hưu Pháp sư.
Thiên thai, Tuệ Ngưng Pháp sư.
Đời thứ ba: Thiên thai, Xứ Nguyên Pháp sư (nối Sư Tuệ Ngưng)
Đời thứ tư: Thiên thai, Huyền Quảng Pháp sư.

J. Dòng thứ của ngài Diệu Thuyết:
Đời thứ hai: Quốc ninh, Thường Tháo Pháp sư.
Đời thứ ba: Quốc ninh, Nghĩa Tùng Pháp sư.
Đời thứ tư: Quốc ninh, Đức Trù Pháp sư (nối Sư Nghĩa Tùng).

Đời thứ năm: Định thủy, Tuệ Vũ Pháp sư (Hai vị Tứ Minh sau nối Sư Đức Trù).

Pháp tánh, Tu Nhã Pháp sư (ở Cối kê).

K. Dòng thứ của ngài Cao Luận:
Đời thứ hai gồm có:

Từ quang, Chí Nhân Pháp sư.

Diễn giáo, Giác Di Pháp sư (ở Long Hưng Tiền Đường).

Đời thứ ba:

Từ quang, Ngộ Ân Pháp sư (bốn vị sau nối Sư Chí Nhân)

Ung hy, Khả Vinh Pháp sư (ở Cô Tô).

Hải nam, Hoài Chí Pháp sư.

Tiền Đường, Nghĩa Thanh Pháp sư.

Đời thứ tư:

Phụng tiên, Nguyên Thanh Pháp sư.

Linh quang, Hồng Mẫn Pháp sư.

Từ quang, Khả Nghiêm Pháp sư.

Từ quang, Văn Bị Pháp sư.

Đời thứ năm:

Phạm thiên, Khánh Chiêu Pháp sư.

(Bốn vị sau đây nối Sư Thanh)

Cô sơn, Trí Viên Pháp sư.

Sùng phước, Khánh Loan Pháp sư (ở Tiền Đường).

Khai Nguyên, Đức Thông Pháp sư (ở Cối kê).

Quảng Tuệ, Uẩn Thường Pháp sư (ở Tiền Đường nối Sư Khả Nghiêm)

Đời thứ sáu:

Vĩnh phước, Hàm Nhuận Pháp sư.

(Ba vị sau đây nối Sư Khánh Chiêu).

Báo Ân Trí Nhân Pháp sư (Cối kê).

Vĩnh Gia Kế Tề Pháp sư.

Cô sơn, Duy Nhã Pháp sư (nối sư Trí Viên).

Đời thứ bảy:

Vĩnh Phước Thiện Bằng Pháp sư (ở Cối kê nối Sư Hàm Nhuận)

L. Dòng thứ của ngài Tinh Quang:

Đời thứ ba gồm có:

Tuệ Quang, Tông Dục Pháp sư (Quốc Thanh).

Quảng Giáo, Trừng Úc Pháp sư (ở Tiền Đường).

Quảng Giáo, Bảo Tường Pháp sư (ở Tiền Đường).

Thạch Bích, Hành Tĩnh Pháp sư (Tiền Đường).

Thạch Bích, Hành Thiệu Pháp sư.

Thắng Quang, Thụy Tiên Pháp sư (Thiên thai).

Thông Giám, Tri Liêm Pháp sư.

Sùng Pháp, Nguyện Tề Pháp sư.
Cao Ly, Đế Quán Pháp sư.
Ngô Việt, Tiền Trung Ý Vương.
Thường Ninh Khế Năng Pháp sư.
(Nhóm mười vị sau đây nối Sư Tông Dục).
Thông Chiếu, Giác Minh Pháp sư (Tiền Đường Thiên Khoảnh).
An Quốc, Chí Trăn Pháp sư (Các vị dưới đây đều ở Tiền Đường).
Bảo Sơn, Hoài Khánh Pháp sư.
Minh Giáo, Hiểu Thừa Pháp sư.
Bảo Tạng, Ngộ Chân Pháp sư.
Đảnh Sơn, Hoài Chí Pháp sư (ở Cô Tô).
Linh thứu, Chí Luân Pháp sư (đều ở Tiền Đường).
An Quốc, Tiêu Nhàn Pháp sư.
Từ Tuệ, Khánh Văn Pháp sư (Cối kê).

M. Dòng thứ của ngài Bảo Vân: Đời thứ hai gồm có:
Thiên Trúc, Tuân Thí Pháp sư.
Diên Khánh, Dị Văn Pháp sư.
Hưng Quốc, Hữu Cơ Pháp sư (Tứ Minh)
Quảng Tuệ, Thể Nguyên Pháp sư (Tứ Minh và Củ Sư Thư)
Thừa Thiên, Thanh Hiểu Pháp sư (Tiền Đường)
Tiền Đường, Thiện Tín Pháp sư (Tứ Minh Bản Kỷ)

****

DÒNG THỨ CỦA NGÀI CHƯƠNG AN

1. Thiền sư Hoằng Cảnh:

Sư họ Văn, người ở Phú dương. Năm Trinh Quán thứ hai mươi hai, Sư ở chùa Ngọc tuyền vâng lệnh vua mà được độ. Sư nương ngài Chương An thọ học Chỉ Quán, thường tụng Pháp Hoa được Đức Phổ Hiền hiện thân chứng minh, có các thiên đồng đứng hầu hai bên. Về sau Sư lên ở biệt lập trong một tinh xá có tên Long hưng cách phía Nam chùa Ngọc tuyền mười dặm. Triều Thiên Hậu năm Chứng Thánh thứ nhất, triều đình có chiếu lệnh cho Sư và Thật-xoa Nan-đà... cùng dịch kinh Hoa Nghiêm. Từ thời Thiên Hậu đến Trung Tông có ba chiếu lệnh của triều đình mời Sư vào cung cúng dường và làm Giới Sư. Sau Sư xin trở về núi, vua sắc lệnh cho Sư ở cung Lâm quang, là một trong số hai

mươi vị Thiên Hạ Danh Tăng, Sư thiết trai Tăng để tu phước. Vua làm thi phú lại bảo Trung Thư Lệnh là Lý Kiêu... hòa vận rồi đem tặng Sư. Sư kính cẩn bưng các bài thi vái dài rồi chống tích trượng đi khoe khắp thiên hạ.

2. Thiền sư Cát Tạng:

Sư là người ở Kim lăng. Năm lên bảy tuổi đã nương ngài Hưng Hoàng Lãng Pháp sư xuất gia, học hiểu nghĩa lớn. Về sau Sư đến Cối kê và ở tại chùa Gia tường, diễn giảng kinh Pháp Hoa và tự viết các chương sớ. Khi tổ Trí Giả trở về Thiên thai thì Sư và Thiền chúng hơn trăm người dâng sớ thỉnh Tổ giảng kinh Pháp Hoa nhưng Tổ không chấp nhận. Kịp khi ngài Chương An hoằng pháp rất hợp ý Sư, nhân đó Sư cầu giảng Pháp Hoa Huyền Nghĩa. Ngài đưa cho quyển kinh, Sư xem qua một lần bèn cảm ngộ. Bèn đốt bỏ bài Sớ cũ rất hối hận về việc làm trước rồi đến nương nhờ ngài Chương An học hỏi Quán pháp. Khi ấy vua Tùy Dạng Đế sắc lệnh cho Sư ở chùa Nhật nghiêm tại kinh sư diễn giảng diệu kinh, cả bốn bộ chúng đều vân tập ủng hộ. Vua Đường Cao Tổ chiếu lệnh cho Sư ở chùa Diên hưng. Một hôm vào buổi sáng Sư tắm gội, đốt hương, niệm danh hiệu Phật rồi ngồi mà viên tịch. Bình thời Sư viết chép diệu kinh được hai ngàn bộ, giảng kinh Pháp Hoa ba trăm lượt, giảng đại phẩm Hoa Nghiêm, Duy-ma, Đại Luận mỗi thứ mấy mươi lượt và viết các chương sớ lưu hành ở đời. Đến ngày lâm chung thì viết quyển Tử Bất Bố Luận rồi ném bút mà hóa.

3. Thiền sư Minh Khoáng:

Sư người ở Thiên thai, nương ngài Chương An mà học về Giáo Quán, Sư rộng hoằng hóa bốn chúng, chuyên tụng Pháp Hoa. Ngài Chương An soạn về Đại Ý Tám Giáo. Sư đứng đầu ở chùa Tam đồng chép lại và thọ trì. Bình thời Sư trước tác rất nhiều, nay chỉ còn bộ Tâm Kinh Sớ mà thôi.

4. Thiền sư Đại Tuệ:

Vua Đường Thái Tông có ban hiệu cho Sư nhưng quên mất tên. Lúc đầu Sư nghe ngài Chương An nói về Chỉ Quán liền được diệu ngộ. Sư ẩn cư ở Nam nhạc chuyên việc tu thiền, chim thú đều luôn quanh quẩn ở chỗ Sư ngồi, mọi người kính phục sự từ hóa của Sư.

5. Thiền sư Trí Bạt:

Sư họ Trương, người ở Tương dương. Lên sáu tuổi đã xuất gia nương chùa Thường tế. Mỗi ngày tụng năm tờ kinh Pháp Hoa, biết tóm tất nghĩa lý trong kinh một cách có chuẩn mực. Sư thường bảo: Kinh này là đại sự xuất thế của chư Phật, thế nên nếu một người một đạo không

hoằng truyền thì không thông suốt. Sư được nghe khắp đã xong bèn vào kinh Sư gặp Thiền sư Cát Tạng. Ngài bảo thuật lại. Sư nói: Nhất thừa là mây bèn phân ra làm ba, cũng có thể Nhất thừa là mưa mà phân ra làm ba chăng? Chúng không đáp được. Ngài Cát Tạng bảo: Câu hỏi này đã thâm nhập ý chỉ của kinh, bèn phú chúc đại pháp cho Sư. Về sau Sư đến ở chùa Kỳ-xà sơn, thường giảng Pháp Hoa một năm năm lượt. Tháng chín năm Trinh Quán thứ mười bốn, Sư ở nhà Tín sĩ Trương Anh khai giảng Pháp Hoa Đề xong thì cùng chúng nói lời từ biệt, rồi ngồi kiết già trên tòa mà hóa.

DÒNG THỨ CỦA NGÀI THIIÊN CUNG

Thiền sư Huyền Giác:

Sư họ Đái, người ở Vĩnh gia. Sư xuất gia rồi tham học khắp ba tạng, rành rẽ về Chỉ quán viên diệu pháp môn của Thiên thai, trong đi đứng nằm ngồi Sư luôn thiền quán. Nhân ngài Tả Khê Lãng Công khích lệ, Sư bèn cùng Đông dương Sách Thiền sư đến Tào Khê gặp Lục tổ. Sư chống tích trượng đi nhiễu quanh Tổ ba vòng.

Tổ bảo: Phàm là Sa-môn phải đủ ba ngàn oai nghi tám vạn tế hạnh, Đại Đức ở phương nào đến đây mà sinh đại ngã mạn?

Sư đáp: Sinh tử việc lớn vô thường nhanh chóng.

Tổ: Sao không thể nhập Vô sinh, vô sinh hiểu rõ không nhanh chóng sao?

Sư: Thể tức vô sinh, hiểu vốn không nhanh chóng.

Tổ: Đúng thế! Đúng thế!

Bấy giờ Đại chúng đều kinh ngạc. Sư bèn kính cẩn tham lễ Tổ, giây lát xin cáo biệt.

Tổ bảo: Về nhanh thế!

Sư: Vốn tự không động sao lại có nhanh.

Tổ: Ai biết không động?

Sư: Nhân giả tự sinh phân biệt đó thôi.

Tổ: Ông rất hiểu được ý vô sinh.

Sư: Vô sinh há có ý sao?

Tổ: Không ý thì ai sẽ phân biệt?

Sư: Phân biệt cũng không phải ý.

Tổ: Lành thay, lành thay!

Sư bèn nghỉ lại một đêm. Người thời ấy gọi là giác một đêm. Sáng hôm sau Sư trở về Ôn giang, người đến học đông đảo gọi là Chân Giác Đại sư. Thời Duệ Tông năm Tiên Thiên thứ nhất, Sư ngồi yên mà thị

tịch. Tháp ở Tây sơn. Vua thụy phong cho Sư là Vô Tướng Đại Sư. Tháp đề: Tịnh Quang, quan thứ sử Khánh châu là Ngụy Tĩnh, góp nhặt văn Sư đã viết thành mười quyển gọi là Vĩnh Gia Tập.

Nhân Thảo Am nói: Ngụy Tĩnh thâu nhặt các Di Văn của Sư gồm mười thiên lập thành một tập, các thư phúc đáp bạn bè và người khác cũng có phụ vào nhưng không phụ lục "Chứng Đạo Ca" là sao? Vì ép mà nói vậy. Bởi chứng đạo gọi là Ca, là Pháp mà Như Lai lập ra để tu chứng thì không ngoài Tạng, Thông, Biệt, Viên. Nay cái gọi là đạo thì tu chứng của Tạng Thông hay tu chứng của Biệt viên? Nếu bỏ đây mà riêng có tu chứng thì được cái không phải như Vĩnh Minh gọi là không nương vào địa vị của Thiên ma ngoại đạo đó ư? Nghĩa Thần Trí nói rằng: Thảo sớ tầm kinh, phân biệt danh tướng tự mình không thấu suốt mà thôi, chứ không phải lỗi ở kinh luận. Không biết ai thảo ra lời sớ đó ư? Nếu là sớ của Từ Ân... thì còn được, chứ sớ của Thiên thai thì đều phải có phương thức quy cũ nhiếp pháp nhập Tâm quán cùng với Kinh họp nhau chớ không phải là đếm các báu của người khác. Há có thể gọi đó là phân biệt danh tướng mà thôi ư?

Hồng Giác Phạm nói rằng: Phạm Tăng Giác Xứng cho Tây Trúc gọi bài ca này là kinh Đại thừa ở Đông độ. Nếu lấy nghĩa Thiên Bạt Biệt Truyện mà luận bàn thì bài ca này đặc biệt chưa gặp người thấu rõ, vậy hãy đốt nó đi.

Luận rằng: Theo Tả Khê Bản Kỷ thì Xứng và Chân Giác là bạn đồng môn. Trong Chân Giác Truyện thì Xứng do ngài Tả Khê khích lệ bèn đến gặp Tổ Tào Khê, nhưng lại nói hiểu rành Đạo Quán Chỉ của Thiên thai thì biết là kẻ đồng học với ngài Thiên Cung không còn nghi ngờ gì nữa. Huống trong Vĩnh Gia Tập lại dùng toàn là ý chỉ Chỉ Quán giá chiếu. Đến đây thì càng đáng tin người ấy phải có liên hệ với ngài Thiên Cung có ý dùng cái thấy của Thầy mình trao cho. Nhưng Chứng Đạo Ca truyền trên đời có lời và ý trái nhau nên người xưa gọi đó không phải là Bản Thật, há chẳng phải thế ư?

DÒNG THỨ CỦA NGÀI TẢ KHÊ

1. Thiền sư Thần Ấp:

Sư tự Đạo Cung, là hậu duệ của Tấn thái úy Thái Mô, tổ tiên là những kẻ cứng cõi của nước Việt. Lúc Sư còn nằm trong bao địu trẻ khi nghe tiếng đọc kinh thì liền chú ý lắng nghe. Năm mười ba tuổi thì xuất gia nương ngài Pháp Hoa Tuấn Sư. Đến năm khai nguyên thứ hai mươi sáu thì vâng lệnh vua mà được độ, theo học luật Tứ Phần với Nghiễm

Sư, Sư bảo: "Đứa bé này tất là học giả ở Ty nam." Do đó đến nương ngài Tả Khê mà học Chỉ Quán Pháp Hoa Huyền Nghĩa. Suốt năm hạ Sư diễn giảng người nghe đều vui thích kính phục. Năm Thiên Bảo, Sư đến Trường an ở tại chùa An quốc, các hàng công khanh đến hỏi đạo kiệu xe chen nhau. Vừa lúc gặp loạn An Sử, Sư chống tích trượng trở về Đông, đạo được truyền ra Tương hán. Có Trứ Tác Lang là Vi Tử Xuân học giỏi, tánh cang cường, cùng Sư thù tạc, Tử Xuân lạy dài kính phục. Trong thư Xá Nhân là Phạm Hàm khen rằng: "Sư đáng gọi là ngọc Mani chẳng vấy bụi, Sư tử rống của luận bàn." Khi Sư trở về quê cũ thì ở tại chùa Pháp hoa. Từ cuối năm Chí Đức đến Đại Lịch, Sư nhiều phen được chúng thỉnh đăng đàn truyền giới. Từ Đơn Dương trở về Nam, Kim Hoa ra phía Bắc đều gọi Sư là Giáo Thọ sư. Sư cất Già-lam ở Tiêu sơn được vua ban biển đề. Năm Đại Lịch thứ nhất, Trung Nhạc Đạo Sĩ là Ngô Quân viết luận hủy báng Phật, quan Sát sứ là Trần Thiếu Du thỉnh Sư quyết đoán. Sư hẹn Ngô Quân gặp mặt để luận tà chánh, cờ trống vừa đến thì Quân đã thua chạy về phương Bắc. Sư bèn viết Phiên Tà Luận ba quyển để công kích bọn dư đảng của Quân. Đệ tử của Sư gồm có Trí Ngang, Linh Triệt, Tiến Minh, Tuệ Chiếu... chỉ một năm theo học thì đều giảng nói về thiền tuệ nổi tiếng đương thời.

2. Thiền sư Đạo Tuân:

Sư tự Đông Đạt, họ Trương, người ở Ngô hưng. Năm hai mươi tuổi Sư thọ giới Cụ túc, học Tỳ-ni. Sư lại tham học với ngài Tả Khê, tu tập Chỉ Quán và Pháp hoa Tam-muội. Có lần Sư thong dong bảo môn nhân rằng: Dân của Nghiêu Thuấn tất không sống một mình là do dạy dỗ hoàn hảo. Nếu dạy mà không hoàn hảo thì dân nào có lỗi gì? Bèn rộng chép Pháp Hoa, lập kinh viện ở núi Chi hình tại Cô Tô. Sư đề cử mười bốn vị Sa-môn cao hạnh thường trì tụng Pháp Hoa, hết ngày thì đốt đuốc ban đêm mà trì, để phô bày từ thinh của Đấng Đại Hùng. Năm Đại Lịch thứ nhất, quận Thứ sử Vi Nguyên Phủ, Thượng thư Lục Yên... tôn kính ngưỡng mộ Đại thừa cùng tấu biểu lên vua, được vua ban tên Pháp Hoa đạo tràng. Do đó từ Giang lên phía Đông lập được mười bảy kinh viện đều theo cách của Sư cả. Sư ở trong núi đúc tượng chép kinh, diễn giảng diệu pháp, lên đàn độ người, suốt năm không hề rảnh. Năm Thiên Bảo thứ nhất, Sư ở Linh nham đạo tràng tu Pháp hoa Tam-muội, chợt thấy có ngọn đuốc sáng rực ở giữa trời cao toàn thân Sư đắm mình trong ánh sáng. Sư đem hỏi ngài Kinh Khê, ngài bảo: "Ánh sáng trí tuệ từ tâm phóng ra, ông sắp được hiển phát khung trời Đệ nhất nghĩa vậy." Sư lại có lần thấy thân mình ngồi trên không trung. Sư Tiên Đạt bảo

đó là tướng cấu hết, lý sáng rỗng suốt vô ngại. Buổi tối tháng bảy năm Hưng Nguyên thứ nhất, Sư không có tật bệnh mà viên tịch. Chúng trong chùa cùng mộng thấy đại điện chợt nghiêng đổ, thì biết là điềm bậc Pháp tượng sắp viên tịch. Hàng đệ tự truyền giáo của Sư như Linh Thâu Pháp Thạnh, Đạo Hân Linh Nguyên đều giỏi hoằng hóa thiền pháp.

3. Thiền sư Đại Nghĩa:

Sư họ Từ, người ở Tiêu sơn. Năm lên bảy tuổi được truyền trao kinh truyện, mỗi ngày đọc mấy ngàn lời. Năm mười hai tuổi, Sư nhập đạo ở chùa Linh ẩn tại Sơn âm. Khi vua Trung Tông lên ngôi liền phong tặng tổ tiên các quan và độ người, Sư thi tụng Pháp Hoa và trúng tuyển hạng nhất. Giữa năm Khai Nguyên, nhân có tang thân nhân Sư vào Phật lũng đọc Đại Tạng để cầu phước cho vong linh người chết. Bèn đến gặp ngài Tả Khê thọ học Chỉ Quán và được đại ngộ huyền chỉ. Sư thường tụng Pháp Hoa, Niết-bàn và Đại Tiểu Giới Bản, lấy đó làm chánh nghiệp. Đến ngày Sư viên tịch, chúng nghe có tiếng đàn sáo bèn bàn nhau là điềm Thiên đế đến đón thỉnh Sư tụng kinh.

4. Thiền sư Nguyên Tông:

Sư họ Ngô, người Vĩnh gia, đến Giang lăng du học gặp ngài Tả Khê thọ học thiền yếu. Về sau Sư ở tại Tử Kinh Sơn chuyên tu Thiền Quán. Xưa ở trong núi ấy có rất nhiều hổ dữ, từ khi Sư đến ở, tuyệt nhiên không còn dấu vết. Một hôm học chúng tụ tập đông đảo, bỗng thấy có một cụ già chạy đến lạy trước tòa, tự nói đệ tử chính là hổ, ở đây ăn người rất nhiều. Nhân Sư khai hóa được thoát thân hổ. Nay sắp sinh lên trời nên đặc biệt đến đây tạ ân, nói xong biến mất. Năm Đại Lịch thứ hai Sư ngồi ngay ngắn mà viên tịch.

5. Thiền sư Đạo Nguyên:

Sư là người ở Tứ minh thọ học tại chùa Đại bảo (nay là Vĩnh Minh Từ Khê). Lâu ngày Sư nương nhờ ngài Tả Khê học hỏi pháp Chỉ quán, thông suốt ý chỉ sâu kín, học chúng rất tâm phục (trong bài bia, Lý Hoa Tả Khê nói rằng: Đạo Nguyên ở Minh châu đã uống cạn đạo vị của ngài Tả Khê).

6. Thiền sư Pháp Nguyên:

Sư thọ học với ngài Việt Chi Pháp Hoa. Rồi theo học với ngài Tả Khê mà được đạo (Nhan Chân Khanh, trong Giới Đàn Ký ở chùa Bảo ứng tại Võ châu nói: Bèn mời Chỉ Quán Đại sư là Pháp Nguyên và Sư Pháp Tuyền cùng chung lo việc huân tu, lúc đó là năm Đại Lịch thứ sáu).

DÒNG THỨ CỦA NGÀI KINH KHÊ

1. Thiền sư Phổ Môn:

Sư họ Hà, người ở Nhạc dương. Cha là Giới làm Nghi hưng úy ở Thường châu và định cư ở đó. Sư thuở nhỏ rất chuyên cần học hỏi, đậu Tiến sĩ, làm quan ở triều đình. Một hôm tỉnh ngộ đời là giả dối bèn từ quan, cạo tóc vào ở chùa Nam nhạc. Chung quanh chỉ toàn sách vở Phật Nho, áo gai, hài cỏ mà thôi. Do đó Sư đến gặp ngài Kinh Khê học ý chỉ của Chỉ Quán Pháp Hoa mà được khai ngộ sâu sắc. Sư giỏi thuộc văn thí, chuộng ý xưa. Kinh Khê kính trọng Sư, đãi nhau như bạn Đạo. Sư viết hai bài tựa cho Phụ Hành và Thích Thiêm, tự xưng là Phổ Môn Tử, lời lẽ của bài tựa giản dị, mạnh mẽ, chỉ rõ cái xấu của người tập thiền. Lương Túc khen rằng: Cao Tăng ở Đông nam có Phổ Môn và Nguyên Hạo là bạn thâm giao sâu sắc (trong lời tựa Tống Hư Sư). Ngày mồng sáu tháng Quý Đông năm Trinh Nguyên thứ tám, Sư viên tịch ở nhà riêng tại Quân sơn, thọ tám mươi bốn tuổi. Đệ tử được truyền giáo là Đàm Hoàn góp nhặt các di văn của Sư có hơn hai trăm thiên lưu hành trên đời (Sư ở làng Quân sơn, huyện Nghi hưng, chùa Tịnh lạc theo học với ngài Kinh Khê. Cách mấy dặm có chùa Nam nhạc).

2. Thiền sư Nguyên Hạo:

Sư tự Quảng Thành, họ Tần người ở Ngô môn. Lúc đầu ở chùa Long hưng theo ngài Kinh Khê thọ học đạo Pháp Hoa, Chỉ Quán. Vui ở chốn núi rừng luôn để tâm vào Tam-muội. Về sau Sư đến ở chùa Khai nguyên. Hai bác Lương, Điền khuyên Sư trước thuật. Sư bèn chú giải kinh Niết-bàn. Trong bài tựa đầu Sư tự nói chỗ chứng của mình. Khi Sư làm lời Sớ thì có sự cảm ứng, sân thềm mọc ra hoa lạ, người đời không hề biết. Loài chim năm màu bay lượn tới lui. Vào tháng Trọng Đông năm Nguyên Hòa thứ hai mươi Sư viên tịch, tháp Sư ở tại Nam Nguyên của Hổ Khâu. Bạn đồng học của Sư nổi tiếng có hơn trăm vị. Nếu không kể các Tăng thì có ba vị là Hàn lâm Lương Túc, Gián Nghị Điềm Đôn và Thường Thị Thôi Cung. Hàng môn nhân thọ học có danh tiếng ở đời là: Trí Tịnh, Trọng Nghi, Tử Du, Đạo Như, Trọng Lương...

3. Thiền sư Hạnh Mãn:

Sư là người Nam phổ ở Vạn châu. Đầu tiên Sư tới ngài Thạch Sương học thiền pháp. Về sau ở Thiên thai nghe ngài Kinh Khê giảng nói Chỉ Quán mà ngộ nhanh về diệu chỉ. Nhân đó Sư làm chức Trà đầu ở viện Trí Giả trên ngọn Hoa đảnh. Đêm đến nằm trên giường đất Sư lấy rác đốt cho ấm đất, rồi cởi áo nằm lên, đám cháy rận bò lốp ngốp hoặc bám vào áo mà không còn nữa. Nơi ở là ngoài hiên, những nhánh

chùm gửi trên cành tùng to gặp khi Sư ngồi thì dịu dàng rũ xuống. Người thời ấy bảo cây này cúi chào Trà đầu. Trong suốt bốn mươi năm Sư chưa hề tiểu tiện. Có kẻ bảo đó là Bồ-tát hiện thân, ăn vào mà thật là không ăn nên mới như thế. Trong năm Khai Bảo, Sư nói trước với mọi người rằng: "Ta sắp đi đây!" Liền thỉnh chúng đọc danh hiệu Văn-thù rồi im lặng mà viên tịch, thọ tám mươi tám tuổi. Sư đã từng viết sớ kinh Niết-bàn, Thiền sư Pháp Ngung ở chùa Kiến an tại Tỳ lăng xây cất Chỉ quán đường, thỉnh ngài Kinh Khê ở trong đó giảng kinh. Lương túc làm bài ký về Chỉ quán đường.

4. Lương Túc:

Ông tự là Kỉnh Chi, người ở An định. Trong khoảng năm Đại Lịch và Trinh Nguyên, các văn sĩ phần nhiều đều chuộng cổ học, chỉ có Lương Túc được coi là uyên áo nhất. Liễu Tử Hậu Ký nói: Các bạn trước của ông cũng khen ngợi văn ông là hay nhất. Ông đã từng học đạo Thiên thai với ngài Kinh Khê được tâm yếu sâu sắc. Ông giữ lễ đệ tử rất cung kính đối với ngài. Ông thấy văn nghĩa của bộ Chỉ quán quá dài, khi xem phí nhiều thì giờ, nên sửa lại làm sáu quyển (Ngài Từ Vân nói rằng: Văn tuy có tóm gọn nhưng cách tu lại quá tóm, thiếu). Ông lại làm bộ Thống Lệ để đời sau biết pháp hệ. Ông cho bộ Chỉ Quán là sách Cứu Thế Minh Đạo, lại làm bộ Đại Sư Truyện Luận, trình bày đầy đủ về hệ thống truyền giáo. Đời bảo: Nếu luận về văn ông thì hùng, thâm, nhã, kiện, còn nói về lý thì sáng rõ thông suốt. Ngự sử Thôi Cung luận rằng: Biết Pháp Yếu, rành Quyền Thực mà làm bia Thiên Thai Thiền Lâm Tự. Thấu Giáo Nguyên, dùng cảnh trí viết bia Kinh Khê Đại Sư (thấy ở bài tựa Lương Thị tập của Thôi Cung). Ông lại nói: Triều đình chuộng Đức nên cho ông (Lương Túc) làm Thái tử Thị Độc. Nước quý Thực Lục, nên để ông làm Sử Quán Tu Soạn. Phát hiệu lệnh bày đạo vua nên phong ông làm Hàn lâm học sĩ. Cả ba chức đều nổi tiếng ngang nhau, nên việc ông làm quan ở triều đình thì không cho là không đạt. Tuổi ông hơn bốn mươi, Sĩ Lâm đều ngưỡng mộ, đem sánh với Nhan Hồi Hoàng Thúc Độ cũng không cho là không thọ. Đối với ông thì: Thân già lận đận nẻo quan, bạc đầu cõi thế lo toan ích gì?

5. Lý Hoa:

Ông tự Hà thúc, người ở Tán hoàng, Triệu châu. Đã nhiều lần ở Hoằng Từ Khoa đỗ Tiến sĩ. Năm Thiên Bảo thứ mười một, ông dời sang làm Hữu bổ khuyết. Khi có loạn An Lộc Sơn, ông lui về ở Giang nam. Lý Hiện dâng biểu vua bổ ông ra làm quan rồi được thăng chức Lại Bộ Viên Ngoại. Bị khổ về bệnh phong tê ông liền từ quan làm khách ở Sơn

dương, ép buộc con em chuyên về nghề nông sống yên nơi sơn dã. Buổi vãng niên, ông chỉ lo phụng sự Phật pháp, không sáng tác văn thơ bao nhiêu, ông chỉ chuyên làm gia truyện và mộ bản của các quan Đại phu hoặc các bia tụng ở châu huyện, người ta thường mang vàng lụa đến mời nên đành gượng làm. Ông từng theo học Chỉ Quán với ngài Kinh Khê và viết thành một thiên Đại Ý. Năm Đại Lịch thứ nhất, ông qua đời ở nhà riêng.

DÒNG THỨ CỦA NGÀI HƯNG ĐẠO

Pháp sư Thủ Tố:

Lúc đầu Sư theo Thúy sư học pháp Tâm quán và được ngộ huyền chỉ. Sư vào ở chùa Đại hưng thiện tại kinh sư. Chân không hề ra khỏi cổng, luôn trì tụng kinh Pháp Hoa hơn ba vạn bảy ngàn bộ. Đêm đến có hổ lang đến hầu quanh tòa để nghe kinh, ăn thì chim ô thước đậu trên tay mổ thóc. Sa-môn U Huyền làm thi tặng Sư có hai câu:

Ba vạn hoa kinh ba mươi xuân
Nửa đời trần lụy chẳng lấm chân.

Người thời ấy lấy câu này làm thực lục về Sư.

DÒNG THỨ CỦA NGÀI CAO LUẬN

1. Pháp sư Ngộ Ân:

Sư tự là Tu Kỷ, họ Lộ, người ở Thường Thục. Năm mười ba tuổi, sư nghe tụng kinh Di-đà có điều cảm ngộ, bèn đến chùa Hưng phước ở Phá sơn cầu xuất gia. Lúc đầu sư học Tỳ-ni. Nghe thuyết Tam Quán Lục Tức ở Thiên thai rất phù hợp ý mình. Đời Tấn năm Khai Vận thứ nhất, Sư đến thất của Từ Quang Nhân Sư ở Tiền Đường. Sư Nhân bèn giảng thứ lớp, thuật lại, mổ xẻ, phân tích những chỗ kín đáo nhỏ nhiệm. Lúc bấy giờ Sư được khen là Nghĩa Hổ. Sư nối gót hoằng pháp, Đạo danh là Đại Bá. Lúc đầu là một nhà giáo điển. Nhưng từ năm Hội Xương hủy phá Phật pháp nên Văn nghĩa phân tán mất mát. Sư liền giải bày Thập Diệu, nghiền xét Ngũ Trùng, diễn giải hơn hai mươi lỗi của Đại Bộ. Pháp Hoa Đại Ý sáng chói trên đời đều là do sức của Sư cả. Sư nói với mọi người rằng: Bất luận Hiền Ngu đều chỉ bày viên ý Nhất thừa. Có kẻ nghi hỏi người bất thiện đậu cơ thì thế nào? Sư bảo: Thì phải tạo duyên Độc cổ cho họ mà thôi! Bình thời Sư ăn ngày một buổi, không rời y bát, không chứa của cải, nằm thì nghiêng về hông phải, ngồi thì kiết già. Buổi cháo sáng thì nhìn minh tướng, mỗi khi Bố tát (Hán dịch là Tịnh Trụ) khi đại chúng vân tập thì Sư âm thầm nhỏ lệ, bởi nghĩ đến trong Đại

Tập có câu giới không giới đầy cả cõi Diêm-phù. Thường đem nghiệp Tịnh độ ra khuyên người. Người được vãng sinh nhiều điềm tốt. Ngày mồng một tháng tám năm Ung Hy thứ ba, nửa đêm có ánh sáng trắng từ giếng phóng lên. Sư gọi môn nhân bảo rằng: "Báo duyên của ta đã mãn." Bèn tuyệt thực cấm khẩu một lòng niệm Phật. Bỗng mộng thấy có Sa-môn đắp y, tay bưng lư vàng đốt hương đi nhiễu quanh thất Sư ba vòng, tự xưng là Quán Đảnh, "Ta đã vãng sinh Tịnh độ, mừng thầy đã tu tốt nên đến đây đón rước." Tỉnh mộng kể chuyện lại, đồ chúng vẫn còn nghe mùi hương lạ. Đến ngày hai mươi lăm nói giảng cho chúng về chỉ quy của Chỉ Quán và đại nghĩa của Quán Tâm rồi ngồi thẳng, quay mặt về hướng Tây mà thị tịch. Chúng trong chùa đang dọn dẹp các văn bài của Sư thì nghe tiếng đờn sáo chuông mõ trên không trung một lúc lâu xa dần. Khi trà-tỳ thì được vố số xá-lợi. Đến ba mươi mốt năm sau có pháp tôn của Sư là Trí Viên đến nhặt di cốt ở Học chúng rồi đục đá làm tháp an táng tại Mã Não Pha.

2. Pháp sư Văn Bị:

Tự Chiêu Bản, họ Trịnh, là người ở Hầu quan, Phước chi. Sư tụng kinh Pháp Hoa, Duy-ma, Viên Giác, Thập Lục Quán, Tiểu Bát-nhã v.v... tinh luyện mãi không quên. Khoảng năm Thiên Phước đời Tấn, Sư đến Cối kê truyền Bách Pháp Luận. Nghe ở Thiên thai có Tam Quán dùng làm kim chỉ nam cho người học, bèn đến gặp Sư Nhân, ngày đêm chú tâm nghiên cứu, gồm cả Sớ cú các kinh Pháp Hoa, Tịnh Danh hay các văn chỉ Quán Sư đều thông suốt ý chỉ. Mỗi khi cùng đồng môn hay Ân Sư thuật lại Quán Pháp thảy đều vừa ý. Ngài Ngộ Ân bảo mọi người rằng: Để dự bị cho đoàn hậu tấn nên ông ấy đã cùng ta gắn tìm cách diễn giải nghĩa lý. Khi Sư Ngộ Ân tịch rồi thì Sư càng tôn kính thầy, quyết tâm hoàn thành sự nghiệp. Sư có bản tính thâm trầm, trọn ngày như ngu khờ. Có khi khuyên dạy người thì Sư nói: Giảng dạy rất nhiều người Tổ phong chưa hề suy giảm, kháng tích mở đường hãy theo điều ta thích. Do đó Sư định thần diệu quán, ngồi nhập định trong thất hơn ba mươi năm. Vào tháng tám năm Ung Hy thứ hai, Sư có chút bệnh ngồi dựa ghế, ba lần hiện Viên tướng, gọi người hầu bảo rằng: Đây là ta thấy cõi Tịnh độ vậy. Nói xong Sư xếp chân mà thị tịch.

3. Pháp sư Khánh Chiêu:

Sư tự là Tử Văn, họ Hồ, người ở Tiền Đường. Lúc nhỏ nương theo Khai hóa viện mà xuất gia. Năm mười ba tuổi Sư thọ giới Cụ túc, học đạo Thiên thai. Lại nương Thanh Sư ở Phụng tiên mà cố gắng tu học suốt mười bảy năm. Khi ngài Phụng Tiên tạ thế thì chúng thỉnh Sư nối

thầy giảng dạy. Rõ ràng Sư có phong cách của Sư phụ. Chưa bao lâu Sư dời về ở Thạch bích, thuộc Phạm thiên ở phía Nam thành. Gặp chỗ ở của Minh Xá làm viện giảng kinh, Sư theo lời thỉnh đến ở. Việc diễn giảng gây chấn động lớn. Tháng tư năm Thiên Hy thứ nhất, Sư không bệnh mà tịch. Bình thời Sư giảng nói các bộ Pháp Hoa, Chỉ Quán tất cả hơn trăm lượt. Hàng đệ tử được truyền giáo từ Hàm Nhuận trở xuống có chín mươi bảy vị. Trước đây Bộ Quang Minh Huyền Nghĩa có hai bản Rộng và Tóm. Sư Ân viết Phát Huy Ký để giải thích Bản Tóm Lược. Đệ tử là hai Sư Thanh và Mẫn cùng kết hợp các lời vấn nạn để giúp hoàn thành chủ trương của thầy mình. Do đó Pháp Trí Đại sư soạn bộ Phù Tông Thích Nạn cố sức bào chữa mười thứ Quán Tâm của bản Rộng. Sư cùng Cô Sơn cũng soạn bộ Biện Ngoa để bào chữa thuyết Phát Huy Ký. Ngài Pháp Trí lại viện dẫn đầy đủ các văn trước sau rất rõ ràng để tranh luận gọi là Thập Nghĩa Thư. Do đó các học giả ở Tứ minh mới gọi cái Học của Ân, Thanh, Chiêu, Viên là phái Sơn Ngoại với lời lẽ chê bai.

4. Pháp sư Trí Viên:

Tự là Vô Ngoại, Sư tự lấy hiệu là Trung Dung Tử hoặc gọi là Tiềm Phu. Sư họ Từ, người ở Tiền Đường. Khi mới học nói, liền biết hiếu để. Lớn hơn chút thường bẻ cây chấm nước rồi viết chữ trên đá, lại sắp hàng các hoa cỏ làm học trò còn mình thì giả làm thầy giáo giảng dạy. Cha mẹ lấy làm lạ bèn cho vào chùa tu, tám tuổi Sư thọ giới Cụ túc. Năm hai mươi mốt tuổi nghe Phụng Tiên Thanh Sư truyền đạo Thiên thai Tam Quán, bèn đội tráp sách đến nơi, vén áo luận hỏi. Được hai năm thì Sư Thanh viên tịch, Sư bèn qua ở Cô sơn tại Tây hồ. Người học đông như chợ. Sư an bần lạc đạo, bầu bạn với Xử sĩ Lâm Thông. Vương Khâm Nhược ra phủ dụ Tiền Đường, ngài Từ Vân sai sứ mời Sư cùng đến đón. Sư cười bảo sứ rằng: Trên cảnh Tiền Đường, một vị Tăng có thể đặt chân lên sao? Sư sớm bị bệnh bướu lao, nên còn được gọi là ông Bệnh. Sư luôn giảng đạo ngâm nga chưa hề chút mệt mỏi. Sư dặn trước môn nhân rằng: Sau khi ta chết rồi các ông chớ nên an táng ta trọng hậu sẽ gây tội cho ta, đừng dựng tháp cho ta để phỉnh ta, đừng vào bảo ta có địa vị rồi làm Minh mà dối khen ta. Phải dùng hai mãnh sành úp lại mà chôn cất, rồi đặt đá ghi rõ tên, tự, năm tháng mà thôi. Đến khi mất, môn nhân theo đúng lời dặn dò, dùng lu khâm liệm rồi an táng Sư nơi ngọn núi cao, ở đấy không làm nhà chỉ đắp nền đất phẳng. Bấy giờ là tháng hai năm Càn Hưng thứ nhất, Sư thọ bốn mươi bảy tuổi. Khoảng mười lăm năm sau, nước mưa nhiều núi sụp. Môn nhân mở lu sành ra thì thấy nhục thân của Sư không hư nát, móng và tóc đều mọc

dài ra, đôi môi hé mở lộ hàm răng ngọc. Bèn mặc áo mới, rắc hương bột rồi an táng lại. Năm Sùng Ninh thứ ba, vua thụy phong cho Sư là Pháp Tuệ Đại sư.

Tác phẩm soạn thuật của Sư gồm có:

Văn-thù Bát-nhã Kinh Sớ, Di Giáo Kinh Sớ, mỗi thứ hai quyển (Ngài Tịnh Giác soạn, Trợ Tuyên Ký).

Bát-nhã Tâm Kinh Sớ, Thụy Ứng Kinh Sớ, Tứ Thập Nhị Chương Kinh Chú, Bất Tư Nghì Pháp Môn Kinh Sớ, Vô Lượng Nghĩa Kinh Sớ (Ngọc Tuệ Giác soạn Tạp Châu Ký), Phổ Hiền Hạnh Pháp Kinh Sớ, Di-đà Kinh Sớ, mổi thứ nhất quyển.

Thủ-lăng-nghiêm Kinh Sớ mười quyển, Thế Hiệu Thập Bản Sớ Chú, lại soạn Xiễn Nghĩa Sao ba quyển (tức giải thích Thỉnh Quan Âm Kinh sớ), Sách Ẩn Ký bốn quyển (giải thích Quang Minh Cú), San Chánh Ký hai quyển (giải thích Quán Kinh Sớ), Biểu Vi Ký một quyển (giải thích Quang Minh Huyền), Thùy Dụ Ký mười quyển (giải thích Tịnh Danh Lược Sớ), Phát Nguyên Cơ Yếu Ký hai quyển (giải thích Niết-bàn Huyền), Bách Phi Sao một quyển (giải thích nghĩa một trăm lỗi về phẩm Kim Cang Thân của Niết-bàn Sớ).

Tam Đức Chỉ Quy hai mươi quyển (giải thích Niết-bàn Sớ), Hiển Tánh Lục bốn quyển (giải thích Kim Ty), Chích Hoa Sao hai quyển (giải thích Khuê Phong Lan Bồn Sớ), Tây Tư Sao một quyển (giải thích Tạo Di-đà Sớ), Di Mưu Sao một quyển (giải thích Tự Tạo Tâm Kinh Sớ), Cốc Hưởng Sao năm quyển (giải thích Tự Tạo Lăng-nghiêm Sớ), Tích Trọng Sao một quyển (giải thích Tự Tạo Văn-thù Bát-nhã sớ, Đại Luận nói tích trọng khiến nhẹ bớt), Chánh Nghĩa một quyển (giải thích Thập Bất Nhị Môn), Nhàn Cư Biên năm mươi mốt quyển (đủ các sáng tác thơ văn)... Các tác phẩm trên đều mượn đạo hợp tình mà hoằng hóa.

Có người nói rằng: Sư thường bảo một kinh Lăng-nghiêm, luận nói về Chân Tâm thường trụ, mục đích là trình bày "Nhất Thừa Tu Chứng" làm sách mô phạm sau cùng. Có kẻ môn nhân của Sư chỉ vào những soạn sớ mà thưa rằng: Giải thích kinh này đã có hai, ba nhà. Nhưng các người học không an lòng với các thuyết trên. Vậy thầy sao không lấy Tam Quán, Tứ giáo theo văn mà giải nghĩa để mở mang cho người đời sau? Sư theo lời ấy mà xét hạch tra cứu Đại Nghĩa để làm thuyết Trí Giả Tam Chỉ hợp với các kinh. Ngài Tịnh Giác bảo rằng: Sư đã được chỗ thâm diệu của kinh, các thầy khác không sánh kịp (Lâm Gian Lục, ngài Thiên Thai nghe ở Tây Thiên Trúc có Thủ-lăng-nghiêm, vì vua nghiêm cấm không cho truyền rộng, ngài Thiên Thai thường xa trông lễ nguyện

cho kinh ấy sớm đến cõi này. Lại ngài Thanh Lương nói: Ta không nhìn thấy được kinh này, nhưng sẽ có Tể Quan Bồ-tát lấy văn chương mà dịch lời Phật nói. Lại mấy trăm năm nữa sẽ có Tỳ-kheo nhục thân lấy giáo ta mà giải thích kinh này). Sư làm lời Sớ Kinh Tứ Thập Nhị Chương có nói: Phật giáo truyền sang Đông độ cùng thuyết của Trọng Ni và Bá Dương là ba thuyết. Song lời dạy của Khổng, Lão nói về tánh mạng thì chưa rốt bằng duy tâm, nói về báo ứng cũng chưa suốt cả ba đời còn như việc trị thiên hạ giữ an quốc gia không thể một ngày không có được. Đến như Phật giáo chỉ cả cõi hư không đều do tâm mình, chứ không phải chỉ nói Thái cực sinh lưỡng nghi, Huyền Tẩn là gốc của trời đất mà thôi. Khảo cứu về thiện ác báo ứng thì Phật giáo bảo tất cả là do nghiệp của mình chứ không phải chỉ nói: Thượng đế vô thường, lưới trời lồng lộng... mà thôi đâu. Có người cho chỗ thấy của Trọng Ni và Bá Dương dù rộng lớn đầy đủ tất cả, nhưng đem so sánh với thần minh xét chỗ chí lý hãy còn kém xa, chỉ có Phật giáo mới nói lên cái chỗ kỳ diệu mà thôi. Sư lại nói: Tánh kia có sâu cạn, lời nói việc làm có xa gần nên có khác nhau. Đến như việc làm lành lánh dữ, dẹp bỏ giết hại tàn bạo thì ba đạo đều giống nhau.

*** Nối pháp ngài Phạm Thiên, Chiêu Pháp sư.**

Pháp sư Hàm Nhuận:

Sư tự là Cự Nguyên, họ Trịnh, người ở Thượng ngu đất Việt. Lên bảy tuổi Sư đã thờ Sư Tử Minh ở Đẳng Từ. Khi thọ giới Cụ túc xong thì Sư nghiên cứu ròng về Tỳ-ni. Nhân vào Thiên thai đọc văn Tam Quán của tổ Trí Giả có chỗ tỉnh ngộ, Sư bèn đến khai hóa ở Tiền Đường học với Chiêu Sư. Sư làu thông ý chỉ các kinh Pháp Hoa, Tịnh Danh, Niết-bàn, Lăng nghiêm... Chiêu sư kính trọng Sư sớm thành đạt, khiến Sư phân tòa giảng kinh. Kịp khi Chiêu sư đến Phạm Thiên thì khiến thay mình mà giảng. Năm Cảnh Đức thứ tư, quan Thượng ngu là Bùi Hoán cùng những Tăng Tục trong làng đến đón sư trở về Đẳng Từ để tuyên giảng Đại giáo. Năm Thiên Hỷ thứ nhất, Sư dời Giảng Quận đến Long Giáo. Sư lại soạn các Thiêm Nghi, đem ba thứ Tiêu Phục đều căn cứ vào Viên Luận. Bị ngài Tịnh Giác phá. Khi Chiêu Sư thị tịch thì trao cho lư hương và phất trần để Sư nối pháp ở Phạm Thiên. Sư luôn diễn giảng không để một ngày uổng phí. Năm Thiên Tánh thứ ba, Sư dời về ở Vĩnh Phước tại Cối kê, tập họp khoảng năm trăm chúng, mỗi ngày dẫn chúng hành hóa tụng niệm hai thời. Có lần Sư tạo tượng Phổ Hiền dắt chúng hành đạo được Bồ-tát Phóng Quang chứng minh Người thời ấy tôn kính khen rằng: Sám chủ đáng gọi là Á Từ Vân. Môn nhân kể

thuật đức hạnh của Sư nói rằng: "Sư ngồi xoạc chân trên giường sư tử mà quơ phất trần." Trong khoảng ba Kỷ, Sư ở năm nơi, giảng dạy trăm chỗ, nghiệp thành danh sáng không thẹn với cổ nhân. Bèn mời Lý Thục soạn Truyền Giáo Đệ Tử Đề Danh Ký. Thiện Bằng viết lời đầu.

*** Nối pháp ngài Cô Sơn, Viên Pháp sư.**

Pháp sư Duy Nhã:

Từ lâu Sư nương theo ngài Cô Sơn mà được tất cả ý chỉ. Ngài Cô Sơn viết quyển Tây Tư Sao để giải thích Bộ Di-đà Sớ, ngài bệnh phải gượng tựa ghế mà đọc văn để Sư Duy Nhã ghi lại. Xế ngày mồng một, ngài nhiễm bệnh tí chút, đến đầu đêm ngày hôm sau thì tuyệt bút.

Ngài Kính Am nói: Ngài Cô Sơn lấy tài cao hơn thế bút lớn ngang trời mà soạn mười Sớ để hiểu thấu các kinh, viết các Sao để giải thích Sớ, ngài đã giúp đỡ Giáo Môn, công lao ấy thật to lớn lắm. Nhưng ngài chỉ nói ra những pháp môn vốn đã được kế thừa. Ngài nói rằng Quán Cảnh thì lấy chân tâm làm cảnh, luận về Tổng Biệt thì lấy Lý Tánh làm chung. Phán quyết rằng hai Quán Sự và Pháp không thể tu chứng được. Bỏ Bản rộng của kinh Quang Minh, không dùng Tâm Quán, chỉ luận rằng Tâm Cụ Tâm Tạo chớ không phải Sắc Cụ Sắc Tạo. Các nghĩa như thế đều ghi rõ trong các kinh Sách. Do đó các bậc nghĩa học có người đã quen với thuyết ấy, thì đời cho là kiến thức của các Sư Sơn Ngoại, tiếc thay! Phàm xứng họp Tông Sư thì cần phải có đủ ba nhãn:

1. Giáo Nhãn, tức biết rõ pháp quyền thực Đại Tiểu thừa.
2. Đạo Nhãn, phải thực sự dẫm chân vào các hạnh tu chứng.
3. Tông Nhãn, phải thâm nhập tột cùng ý chỉ Viên Đốn Tức Cụ.

Thường thường các Sư phái Sơn Ngoại có Tông Nhãn chưa sáng, vì chỗ thấy chưa đạt đến mức Viên Cực mà thôi. Bồ-tát Biệt giáo trí tuệ thần thông đâu có thể nghĩ bàn. Bởi chưa chứng Viên Vị nên phải bài bác để quyền biến mà thôi. Lại bậc Sơ địa chưa biết được việc giở chân bước tới của hàng Nhị Địa, tất cả Thánh hiền đều dùng pháp Vô Vi nhưng có sai khác nhau. Song luận về Sơn Ngoại thì xin lấy ý này mà tha thứ.

DÒNG THỨ CỦA TỊNH QUANG PHÁP SƯ

1. Pháp sư Hành Tĩnh và Hành Thiệu:

Hai Sư đều là người Tiền Đường đồng theo Thọ Thiền sư mà xuất gia, cùng thông suốt luật bộ và cùng ở chùa Thạch bích (cách đất Hàng hai mươi dặm ở phía Tây Long Sơn). Lúc bấy giờ, ngài Thiều Pháp sư đạo pháp rất nổi tiếng. Lúc đầu hai Sư cùng theo học. Quốc sư thấy

biết là Pháp Khí, liền bảo hai Sư đến học Tam Quán với ngài Loa Khê. Cả hai Sư cùng đến nghe giảng, tìm hiểu Đại Nghĩa sớm tối miệt mài. Chẳng bao lâu việc học đã thành, cả hai sư cùng trở về Thạch bích và giảng nói pháp cho chúng nghe. Trước sau năm mươi năm, vững chí ở mãi chốn sơn lâm chưa từng dạo đến làng ấp. Bậc Túc học ở đất Ngô đều phục sự cao khiết của các Sư. Tung Minh Giáo Luận nói rằng: Xuất gia với sư Thọ, học pháp với Sư Tịch, thấy biết với Sư Thiều cả ba vị đều có tiết hạnh kỳ đặc là hạng người khó lường biết được, cả hai Sư đều gần gũi hầu hạ há không vĩ đại ư!

2. Pháp sư Tri Liêm:

Vua ban hiệu là Thông Giám. Từ lâu học với ngài Loa Khê. Sư vì thầy mình mà xây cất chùa chiền nguy nga, lại đem tất cả gỗ tùng bách tích chứa từ lâu mà thỉnh mời Bành Thành Công Tiền Nghiễm (là em của Ý Trung Vương) làm bia cho Truyền Giáo Viện ở Loa Khê. Lúc đó là thời vua Thái Tông, năm Ung Hy thứ ba.

3. Pháp sư Nguyện Tề:

Sư là người Tiền Đường, lúc đó là nước Ngô Việt, vua ban hiệu là Sùng Pháp. Lúc đầu Sư theo ngài Tịnh Quang truyền đạo, chuyên nghiên cứu về Chỉ Quán. Về sau Sư theo học với Thiều Quốc sư, được phát minh huyền áo. Đời Chu, năm Hiển Đức thứ nhất, có người dân sống ở Loa Khê là Trương Ngạn An đến ngài Tịnh Quang thưa rằng: Chỗ ở về phía Đông nam của xóm nhà dân, những chiều tối âm u, hay có tiếng kêu hú hoặc gõ đánh chuông trống của quỷ thần, lại có lần mộng thấy Rồng đến thăm đất, tất không phải là chỗ ở của ngu dân. Vậy xin dâng cho Sư. Ngài đến xem thì thấy non nước đẹp lạ, bèn bảo chúng rằng: “Đây chính là đất của Già-lam.” Còn việc mộng thấy Rồng phải chăng là Đạo của Tổ Long Thọ được hưng thạnh ở đất này? Bèn nhận đấy ấy. Sư Nguyện Tề, xưa là đệ tử của ngài Pháp Hoa Thiệu Nham, đem việc ấy lên thưa, ngài bèn gom góp ba vạn tiền để Sư xây cất pháp đường và nhà trù. Sư chỉ lợp cỏ tranh chất đá làm vách, bài trí đơn giản theo lời dạy của tôn sư. Khi xây xong thì ngài Tịnh Quang cùng hai mươi học đồ đến ở đó. Do đó Vân Cư Thiều Thiền sư (chùa ở Thiên thai) dâng sớ Hán Nam Vương (là con của Ý Trung Vương, Ngô Việt cũng từng đổi nguyên hiệu xưng Đế, có hiệu là Bảo Chánh, Bảo Thái. Các con phần nhiều được phong vương, trong đó có các Vương như Hán Nam, Đặng Hứa, Tần Trần... thấy ở Lâm An Chí), Vương liền cho tiền và gỗ xây cất Sám Đường, các nhà cửa... để mở rộng thêm (thấy ở Tiền Nghiễm Tuyển, Truyền Giáo Viện Bi và Truyền Đăng...)

4. Pháp sư Đế Quán:

Người nước Cao Ly. Xưa Ngô Việt Vương nhân xem Vĩnh Gia Tập có câu: “Đồng Từ bốn trụ” bèn đem hỏi Thiều Quốc sư. Sư đáp: Đây là Giáo Nghĩa cần đem hỏi Sư Thiên thai Hy Tịch. Vương liền mời hỏi, Hy Tịch thưa: Đây là lời văn đặc biệt trong bộ Diệu Huyền của ngài Trí Giả (Bộ Diệu Huyền đã lạc mất, chưa do đâu mà biết, tất là Sư Hy Tịch trước đây đã từng thấy phần sót lại của sách ấy). Cuối đời Đường sách vở bị thất lạc ra hải ngoại, lúc đó không còn gì. Do đó Ngô Việt Vương viết thư sai sứ đem năm mươi vật báu đến Cao Ly mà tìm về. Nước ấy bèn sai ngài Đế Quán đến dâng các kinh sách nhưng các thứ Trí Luận Sớ, Nhân Vương Sớ, Hoa Nghiêm Cốt Mục, Ngũ Bách Môn... đều cấm không được dâng lên. Lại dặn Sư Đế Quán đến Trung Quốc xin vấn nạn, nếu không trả lời được thì cướp lấy kinh sách ấy đem về. Sư Đế Quán đến nơi nghe ngài Loa Khê giảng dạy giỏi, liền đến xin tham yết. Chỉ gặp qua một lần thì Sư rất tâm phục, liền kính ngài Loa Khê làm thầy. Sư từng viết bộ Tứ Giáo Nghi giấu trong tráp không ai biết. Sư ở tại Loa Khê được mười năm. Một hôm ngồi mà viên tịch. Sau người ta thấy tráp cũ phóng ánh sáng, mở ra chỉ thấy có bộ sách này. Do đó đem truyền bá khắp nơi, phần lớn là giúp người mới học được mở mang nhờ cậy.

Lời thuật: Ngô Việt Vương vượt biển tìm sách là do câu Đồng Từ tứ trụ, nó cũng giúp Sư Đế Quán viết ra Tứ Giáo Nghi, cho đến nói về Viên giáo, đặc biệt nêu tên Vĩnh Gia là mượn ý người lúc ấy để khiến người sau chớ quên người phát khởi. Sách này là Đại ý tám giáo của ngài Kinh Khê, Sư Đế Quán tóm lược hoặc thêm vào sửa lại và đổi tên như hiện nay, xóa đi công trình của người xưa, thật việc không nên làm.

5. Ngô Việt, Trung Ý Vương Tiền Hoằng Thục:

Tự là Văn Minh. Tổ tiên là người ở Lâm an, Hàng chi. Ông nội là Võ Túc Vương, tên Lưu, thời vua Hy Tông nhà Đường, ông mộ dân làng đánh đuổi giặc Hoàng Sào, nổi tiếng ở Giang hoài. Lại dẫn binh Bát Đô thảo trừ Lưu Hán Hoằng Tinh ở Việt châu, rồi đem đất dâng cho Đổng Xương, từ đó ở tại đất Hàng. Đến thời vua Chiêu Tông, Xương theo Việt làm phản, ông viết thư thiết tha trách cứ, nhưng không nghe, bèn đem binh giết chết. Từ đó gồm thâu hết đất ở hai bờ Đông Tây sông Triết. Năm Càn Minh thứ tư mới được phong làm Ngô Việt Vương. Năm Khai Bình một đời nhà Lương lại gia phong là Thượng phụ hoài hải tiết độ sứ, truyền cho con Văn Mục Vương là Nguyên Quyền. Con

của Quyền là Trung Hiến Vương tên Nhân Tá. Trung Hiến Vương đánh binh Lý Cảnh chiếm lấy Phước Châu rồi giết em là Tông để nối ngôi, rất sáng suốt nghiêm nghị, lại bị Đại tướng Hồ Tấn Tư ganh tị đuổi đi (con cháu riêng thụy phong là Tốn Vương), bèn lập Thục lên ngôi, tức là con thứ chín của Văn Mục. Bắt đầu năm Khai Vận đời nhà Tấn Thục, làm Thứ sử Thai Châu.

Đời vua Thái Tổ triều ta năm Kiến Long thứ nhất, Thục được trao chức Thiên hạ binh mã đại nguyên soái. Mùa Đông năm Càn Đức thứ nhất, để giao tế nên sai con là Duy Duệ vào triều lễ cống. Năm Khai Bảo thứ tám theo binh vua đánh lấy Kim lăng (là Lý Hậu Chủ của Nam Đường). Tháng hai năm Khai Bảo thứ chín, vào triều, vua ban chiếu được mang kiếm lên điện, ra chiếu thư không ghi tên, phong cho vợ thục là Tôn Thị làm Ngô việt vương phi. Tháng tư trở về nước. Đời vua Thái Tông tháng ba năm Thái Bình Hưng Quốc thứ ba, ông vào triều tâu vua xin đem hết sổ bộ của mười ba châu do mình cai quản đều thuộc về Thiên Phủ. Vua ban chiếu chấp thuận lại cải phong cho ông là Hoài Hải quốc vương, ban cho sách ngọc,ấn vàng, được ở Lễ Hiền Trạch tại Kinh sư, con là Duy Duệ, Duy Trị đều được phong Tiết độ lãnh quận sự. Trung Ý Vương ở Kinh Sư được mười hai năm thì mất, giàu sang vinh hiển không ai sánh bằng.

Trung Ý Vương thiên tính thuần hậu, sớm biết kính Phật. Ngưỡng mộ việc vua A-dục, ông tạo tám vạn bốn ngàn tháp dùng toàn là gan, đồng, vàng đúc luyện tuyệt khéo, bên trong tháp chứa một hộp báu có bản in Kinh Tâm Chú cũng đủ số tám vạn bốn ngàn phân bố khắp bên trong để làm bảo trấn mà trấn áp các ấp ở Tiền Đường. Tất cả các chùa đối nhau ở các núi Nam Bắc tại Tây hồ đều do Trung Ý Vương sáng lập. Vương quý trọng thờ kính Sa-môn như Thiên thai Thiều Quốc sư, Vĩnh Minh Thọ Thiền sư, đều đối đãi theo lễ thầy trò. Vương có lần mời ngài Loa Khê Tịch Pháp sư đến Kim môn để giảng pháp, Vương hỏi về Giáo nghĩa của Trí Giả. Nhưng vì sách vở không đầy đủ nên Vương đã bùi ngùi sai sứ người mang báu vật đến tìm các sách bị lạc mất ở Cao Ly và Nhật Bản. Do đó các sách vở của Tông Thiên thai lại được đầy đủ. Ngài Loa Khê nhận được bèn trao lại cho Bảo Vân, Bảo Vân được trao lại cho Tứ Minh, mà ngài Pháp Trí được tiếng trung hưng. Suy nguồn gốc thì Trung Ý Vương thật sự có công rất nhiều trong việc hộ pháp. Vương có lần tạo chữ vàng cho hai mươi Bộ kinh Pháp Hoa đem cúng các chùa ở các Danh Sơn (nay chùa Quốc thanh còn giữ một bộ).

Thuật rằng: Thanh Hiến Triệu Công có nói: Họ Tiền ba đời, năm

vua trải suốt trăm năm. Đương lúc thiên hạ đại loạn, số đất ở mấy Châu đã bị mạo chiếm rất nhiều. Riêng Ngô Việt đã nhiều lần vào chầu, luôn luôn triều cống, không mất nghĩa quân thần. Kịp khi vua Tống trị vì lại phong làm quan ở các Quận Huyện và mời làm quan ở bậc cao. Có đủ nhân để bảo hộ dân, có đủ trí để bảo toàn gia tộc thì chỉ là một nhà họ Tiền mà thôi. Âu Dương Công năm đời làm Quan viết sử thì lại bảo: Họ Tiền là do quật khởi chứ không có công đức gì. Trong khoảng trăm năm trị vì thì dùng bạo ngược đối với dân. Ôi, sao hai vị lại lập luận trái nhau đến thế? Lúc năm cuối thời Ngũ Đại quật khởi để tiếm hiệu thì làm sao gọi là có công đức được? Bởi càng trọng bề trên mình thì càng khiến dân khốn đốn, mà hại binh giết dân, thiên hạ đều thế cả. Há có thể như họ Tiền giữ yên dân đất của mình mà quy phục Thánh Triều ư? Rốt ráo thay lời của Thanh Hiến: Đủ nhân để giữ dân, đủ trí để bảo toàn gia tộc. Lời Âu Dương là luận thái quá vậy.

*** Nối pháp ngài Quốc Thanh Dục Pháp sư.**

Pháp sư Khế Năng:

Sư người Vĩnh Gia, là thầy của Thần Ngộ Khiêm Công, được giáo chỉ ở Dục Pháp sư. Sư là chủ chùa Thường ninh ở Thiên thai, giảng đạo không hề biết mỏi mệt. Từ tổ Trí Giả đến nay thường lấy lư hương và phất trần để truyền nhau làm tin. Đến Sư là người đích truyền thứ mười bốn. Buổi vãng niên Sư truyền lại cho Phù Tông Trung Sư. Phù Tông thưa: Con đã đắc pháp với ngài Quảng Trí rồi, dám xin từ chối. Sư bèn giấu kín ở Thiên thai đạo tràng, không truyền cho ai nữa.

Thuật rằng: Đệ tử ở Cửa Loa Khê có số trăm, nhưng bản truyền chỉ có Bảo Vân là hàng cao đệ, không thấy ghi tên Dục Sư. Nghi rằng Dục Sư gặp ngài Loa Khê trước nhất nên sớm được truyền lư hương và phất trần. Bảo Vân đến sau nhưng vì đạo của Sư này rất nổi tiếng nên được truyền kế mà đưa lên hàng thượng thủ. Theo đây mà nói thì chú trọng ở đạo chứ không ở lư hương phất trần. Phàm lư hương và phất trần là vật làm tin của Tổ Sư truyền nhau đã lâu đời không thể không có tệ hại. Hoặc vì tình mà được truyền, hoặc dùng sức mà lấy, đối với đạo làm sao dự bị trước được. Sư Khế Năng muốn truyền cho Phù tông nhưng Tông từ mà không nhận là cố chấp, nên dấu ở Trừng Hành Đạo của Tổ Sư mà bỏ đi là phải. Nếu cứ bảo Phù Tông nhận thì là dối nhận mà cũng là dối truyền. Đủ để gây nên sự phân chia tranh giành ở người sau thì đạo làm sao tồn tại được?

DÒNG THỨ CỦA NGÀI BẢO VÂN

1. Pháp sư Tuân Thức:

Sư tự là Tri Bạch, họ Diệp, người Ninh Hải Thiên thai, mẹ họ Vương, cầu xin con trai ở Đức Quan Âm, mộng thấy cô gái đẹp cho hạt minh châu, bà nuốt đi mà sinh ra Sư. Được bảy tháng thì Sư bắt chước mẹ đọc danh hiệu Quan Âm (năm Quý Hợi, niên hiệu Càn Đức thứ nhất đời vua Tống Thái Tổ, sinh Sư). Khi lớn lên không thích theo anh buôn bán, lén trốn đến Đông Sơn nương Sư Nghĩa Toàn mà xuất gia. Trước đó NghĩaToàn mộng thấy một đứa bé cỡi cổ tượng Phật, rồi thì Sư đến. Năm hai mươi tuổi (năm Quý Mùi, năm Thái Bình thứ bảy đời vua Thái Tông) Sư đến chùa Thiền lâm thọ giới Cụ túc. Năm sau học Luật với sư Thủ Sơ. Sau đó vào chùa Quốc thanh. Trước tượng Đức Phổ Hiền Sư đốt một ngón tay thệ nguyện truyền đạo Thiên thai. Năm Ung Hy thứ nhất, Sư đến học với ngài Tứ Minh (Sư hai mươi hai tuổi). Giữa đường mộng thấy một lão Tăng gọi bảo: "Ta là Hòa thượng Văn-thù đây." Khi gặp ngài Bảo Vân thì đúng là vị lão Tăng đã thấy trong mộng bèn kính cẩn theo học. Chưa bao lâu trí giải hiện bày. Nhân ngày huý nhật của tổ Trí Giả, Sư đốt liều ở đỉnh đầu suốt buổi sáng nguyện gắng tu bốn thứ Tam-muội. Năm Đoan Củng thứ nhất, ngài Bảo Vân viên tịch, Sư bèn trở về Thiên thai, vì quá khổ học đến nổi bị bệnh thổ huyết. Bèn cương quyết nhập Đại Từ Phật thất trì tiêu phục chú pháp. Tự nguyện rằng: Quả số ta hoằng truyền tứ giáo hưng thịnh thì cho bệnh này lành hẳn, nếu không thì ta xin chết tại đây." Đến hai mươi mốt ngày thì nghe trong thất có tiếng gọi bảo: "Tuân Thức không bao lâu sẽ chết!" Sư càng cố gắng. Đến ngày thứ ba mươi lăm thây chết đầy nhà, Sư đạp lên mà đi thì thây biến mất. Đến cuối ngày thứ bốn mươi chín trong thất có tiếng bảo: "Mười phương chư Phật đã tăng thêm cho ông phước thọ." Đêm ấy Sư mộng thấy một người to lớn, cầm chày Kim cang ngáng chặt vào miệng Sư. Lại có lần thấy Đức Quan Âm thò tay vào miệng Sư kéo ra mấy con sâu, rồi đưa ngón tay rót nước cam lồ vào miệng Sư, nên thân tâm mát mẽ bệnh cũ lành hẳn. Rồi thì Đỉnh Sư cao hơn một tấc, tay dài quá gối, tiếng nói vang như chuông, da trắng như bạch ngọc. Năm Thuần Hóa thứ nhất (Sư hai mươi tám tuổi), chúng mời Sư đến Bảo Vân giảng các kinh Pháp Hoa, Duy-ma, Niết-bàn, Quang Minh chưa hề gián đoạn. Có người đem cho con lừa mang thai, hàng ngày lừa đến nằm mọp dưới tòa im tuồng lắng nghe nói pháp, như thế suốt bốn tuần, khi đẻ con rồi thì không đến nữa. Có lần Sư đến chỗ ngài Pháp Trí. Pháp Trí nghe ngoài cửa có tiếng cười nói bảo thị giả rằng: "Hễ nghe bên ngoài có tiếng nói tức có Thánh nhân đến." Thị giả lật đật chạy ra xem rồi báo rằng: "Có

ngài Từ Vân đến!” Ngài Pháp Trí cả kinh bảo: “Sư huynh ta chuyển kiếp rồi vậy!” Năm Chí Đạo thứ hai, Sư kết hợp chúng đạo tục chuyên tu nghiệp Tịnh độ, viết Thệ Sinh Tây Phương Ký. Lại được Đức Quan Âm ngầm khen, nên Sư sai thợ điêu khắc tượng ngài bằng gỗ chiên-đàn do Sư vẽ kiểu. Sư soạn mười bốn lời nguyện để trong bụng tượng. Người thợ vô ý làm gãy cánh tay cầm nhành dương liễu, Sư cả kinh đưa tay đỡ (tượng này hiện còn ở điện Thiên trúc sám) rồi gắn dính lại mà không cần keo. Năm Hàm Chánh thứ ba (đời Chân Tông), ở Tứ Minh có hạn hán lớn, người trong quận mời sư cầu mưa, Sư và hai sư Pháp Trí, Dị Văn dẫn chúng tu thỉnh Quán âm Tam-muội, ngầm ước nếu sau ba ngày không mưa thì sẽ tự thiêu, đúng hẹn thì mưa lớn ào xuống. quan thái thú Tô Vi đã dựng bia thuật lại sự linh dị ấy. Năm Hàm Chánh thứ tư, Sư đến ngụ ở núi Đại lôi ở Từ khê, Sư mới sửa lại thỉnh Quan Âm Tiêu Phục Độc Hại Sám Nghi. Năm Hàm Chánh thứ năm (Sư bốn mươi tuổi, từ năm Canh Dần Thuần Hóa đến năm Tân Sửu Hàm Bình thứ tư, suốt mười hai năm đó Sư ở Tứ Minh), Sư trở về làm chủ chùa Đông dịch ở Thiên thai, vì học trò quá đông nên Sư cất nhiều tinh xá ở góc Tây của chùa, dẫn chúng tu Niệm Phật Tam-muội. Có miếu Bạch hạc, dân cư thờ thần ở đấy rất linh. Sư bèn truyền giới cho Thần rồi đổi việc tế lễ mặn thành cúng chay, Thần và dân cùng nghe theo. Sư bèn soạn Dã Miếu Chí để răn đời. Năm Tường Phủ thứ tư, Chương Tuân Công (được Tượng Quan Âm) nhận lãnh nhiều việc, vào đầu mùa Hạ đón sư đến Cảnh Đức để giảng Chỉ Quán. Vừa xong thì có ba vị Sa-môn đắp y đến nơi, bèn mời lên ngồi nghe giảng Vu-lan-bồn, bỗng biến mất. Khi Sư đi ngang Hoàng nham, giữa đường gặp một con heo chạy ở trước, tìm hiểu thì là heo chạy lạc của cửa hàng mổ thịt, bèn đưa tiền chuộc về nuôi ở chùa Diệu hỷ rồi đặt tên là chú heo Ngộ Thiện. Chùa Xích sơn ở sát biển mà rất cao. Sư đến gọi người bảo: Nên xây tháp ở đây. Trước đấy, ở đỉnh núi có ánh sáng lạ, trong có hình tháp bảy tầng chiếu sáng ra biển rộng bốn mươi dặm đều là ấp lương của ngư dân. Có người đem việc ấy thuật cho Sư, Sư mừng là đã có điềm trước bèn xây tháp ở đấy. Đám ngư dân được cảm hóa nên bỏ nghề đánh bắt cá. Lúc đó ở Đông sơn có tổ chức Sám hội. Bấy giờ có đại hạn, Sư lấy cây tích trượng thọc vào rãnh đá thì suối liền phun lên (nay là suối Thạch Nhãn). Năm Tường Phù thứ bảy, Chiêu Khánh Tề Nhất ở đất Hàng dẫn chúng cùng đến thỉnh Sư, trước đây người đất Hàng mấy lượt thỉnh Sư sang phía Tây hoằng hóa nhưng chưa nhận lời, nay họ đến Sư mới nhận lời. Sư từng mộng thấy ở trong thai mẹ mười hai năm, khi sinh ra thì vào đất Hàng,

quả ứng đúng với số năm. Sư đến Chiêu Khánh, hoằng dương giảng thuyết thạnh hành. Người đất Hàng có tục ưa dùng rượu thịt khi chôn người. Sư nói Phật sự thì hay hơn, họ liền đổi cúng chay. Nhân đó Sư soạn ra Giới Tửu Nhục Từ Tuệ Pháp Môn. Có đêm nọ đi cho cá ăn, ngư dân nghe quỷ bảo nhau: “Đêm nay tuyết nhiều Sư không đến đâu!” Một quỷ bảo: “Sư là người Từ bi tất không bỏ ta”. Chốc lát Sư xách lồng đèn đạp tuyết mà đến. Năm Tường Phù thứ tám, người đất Tô, đem Quận phù đón Sư đến ở tại Khai Nguyên lập đàn giảng kinh, kẻ đạo tục đều đến dự, cấm ăn mặn uống rượu, khiến chợ búa ế ẩm, kẻ bán rượu thịt dẹp tiệm. Quan Gián không thu thuế được. Sư giả biệt bảo đồ chúng rằng: Tổ Trí Giả có để lại thư cho Tấn Vương nói về sáu điều hận, một điều trong số ấy là vì pháp mà tập họp làm động chúng, làm trở ngại việc quan bị người ghét. Nay ta phước mỏng sao có thể ở lâu đây được? Sư bèn trở về đất Hàng (trong di thư của Trí Giả nói: Kinh Khê giảng pháp họp chúng có một ngàn người, học thiền có ba trăm người. Quan châu lo lắng sợ hãi cho là trái phép nước. Đâu có thể họp chúng đông để gây buồn lo cho quan nhân. Bèn buổi sớm thì như mây tụ họp, buổi chiều thì như mưa tan đi. Nếu có mầm thiện mà không lớn lên thì đây là điều ân hận thứ năm). Quan thứ sử Tiết Nhan mời Sư ở Linh sơn là nơi Sư Chân Quán cất chùa Thiên trúc thời nhà Tùy. Ở phía Tây chùa thời nhà Trần có trồng nhiều cây cối là nơi hang ổ giặc cướp bị đốt phá chỉ còn lại cành khô. Mùa đông năm ấy thì cành lá lại xinh tươi, nhân đó đặt tên là Trùng Vinh Cối, làm thi phú khắc vào đá, cho là điềm lành báo đại tràng sẽ được xây cất lại. Sư mới định sắc lại Vãng sinh Tịnh Độ Sám Nghi. Đến năm Tường Phù thứ chín, ngài Tăng Chánh Tuệ Tư ở Thiên thai đến Kinh sư, nhân đó đã khen ngợi nhiều về đạo đức của Sư nên được vua ban cho Tử Y. Tháng ba người ở quận thiên thai đem quận phù thỉnh Sư đến chùa Thọ xương ở thạch lương để giảng kinh Pháp Hoa. Tháng chín sư đến Đông dịch, tháng mười Sư trở về chùa Thiên trúc. Năm Thiên Hy thứ nhất, quan thị lang Mã Lượng giữ Tiền Đường rất quý chuộng nghiệp Tịnh độ nên đến Sư hỏi đạo, Sư bèn soạn cho quyển Tịnh Độ Hạnh Nguyện Pháp Môn và Tịnh Độ Lược Truyện. Chức phương lang trung là Thôi Dục Tài hỏi Sư về đạo thí thực, Sư bèn soạn cho một Thiên Quán Tưởng (thấy trong Kim Viên tập). Năm Thiên Hy thứ ba, Thừa tướng Vương Văn Mục Công phủ dụ đất Hàng (tên là Khâm Nhược làm Thừa tướng cho vua Chân Tông) dẫn các quan thuộc hạ đến thăm hỏi Sư trong núi và thỉnh Sư giảng Pháp Hoa và Nghĩa Như của ba pháp giữa tâm, Phật, chúng sinh. Sư biện luận rất

thông suốt, trước mặt các hàng quan liêu thuộc hạ và đại chúng, Thừa tướng hết lời khen ngợi Sư rằng: Đạo này từ trước nay chưa được nghe, người này từ trước chưa từng thấy (trong Biệt Tập có đề giảng). Sư lấy tông giáo của Thiên thai trình bày gốc ngọn đầy đủ với ông. Năm Thiên Hy thứ tư, ông tâu lên vua việc tên cũ của Tích Thiên Trúc, lại phục hưng chùa để dạy dỗ mà đích thân viết biển đề. Ông lại cùng Tần Quốc Phu Nhân cúng tiền sáu trăm vạn để xây cất Đại điện. Ông viết thư hỏi Sư về việc lập giáo của Thiên thai và xin giải thích nghĩa chỉ của kinh, xưa nay ai hơn ai kém. Sư trước hết đáp khái quát về sự lập giáo, kế nêu văn các con đòi xe, nhắc lại một, hai nghĩa xưa và nghĩa Từ Ân phá Thiên thai lại đem so sánh với sự giải thích chính thức của Trí Giả rồi quyết đoán phải quấy. Cho rằng các Tổ xưa nay không có ai hơn kém. Ông xem văn hiểu rõ nghĩa càng vui mừng tin tưởng (Văn thấy trong Biệt Tập). Sư lấy việc ngày xưa tổ Trí Giả ở trên sông Thiên thai đã bảo hộ sinh mạng mà trình lên Thừa tướng. Nhân đó ông tâu lên vua xin Tây Hồ làm ao phóng sinh để cầu thọ cho vua. Về sau ông làm Văn Mục Doãn ở Phủ Ứng Thiên, nhân có bệnh nhẹ mộng thấy gặp Sư bệnh liền dứt. Bèn dâng thơ nói rõ với Sư việc đó. Sau đó ông dời về Trấn Giang Ninh (được thăng chức) bèn đón Sư về phủ để sớm chiều học hỏi pháp, mỗi lần Sư ở ba tháng, nhân đó Sư viết: Thập Pháp Giới Quán Tâm Văn Trụ, Nam Nhạc Tâm Yếu Kệ. Gặp Hội Càn Nguyên, ông tâu vua việc nghe đạo ở trên với vua, vua bèn ban cho Sư hiệu Từ Vân. Năm Càn Hưng thứ nhất, Chương Ý Thái Hậu (là mẹ của Nhân Tông, họ Hoa, người Tiền Đường, Cha là Nhân Đức. Vì Sư là bậc huân tu tinh tấn nên sai sứ mang hai trăm lượng bạch kim nhờ Sư ở trong núi tu sám lễ cho cả nước. Sư bèn soạn Kim Quang Minh Hộ Quốc Đạo Vi Tịnh đem dâng lên vua. Nhân đó ông tâu vua về giáo văn của Thiên thai, xin cho nhập vào Đại Tạng. Việc chưa làm thì ông (Thừa tướng) qua đời. Năm Thiên Thánh thứ nhất (đời Nhân Tông), Nội thần là Dương Hoài Cổ vào núi dâng hương, kính trọng đạo đức của Sư nên lại tâu lên vua. Năm sau mới được chỉ vua cho nhập Tạng và ban cho trăm lượng bạch kim, thiết trai đãi một trăm Tăng để ăn mừng. Sư bèn soạn Giáo Tạng Tùy Hàm Mục Lục, lược thuật văn nghĩa các bộ. Nói về Huyền Nghĩa là hệ thống rõ năm thời, luận rộng tám giáo, đại ý việc ra đời của Phật đều chứa trong đấy. Về Văn Cú, nghĩa là dùng câu văn để phân văn kinh thành nhiều chương tiết. Ngài Kinh Khê mỗi thứ đều có Ký thích và vẫn giữ y nghĩa chánh của năm kinh (Khổng Dĩnh Đạt đời Đường đã viết về chánh nghĩa của năm Kinh). Về Chỉ Quán, tức sự khác nhau của định

tuệ dùng làm hạnh môn của Pháp Hoa. Văn Cú Huyền Nghĩa trước đây đều nói rõ việc Phật tùy căn cơ mà giáo hóa. Về văn kinh thì có mượn sự việc phụ theo pháp mà Quán Tâm, không phải là toàn chánh ý của bộ kinh. Nay Chỉ Quán chính là ngài Trí Giả nói về pháp môn tu tâm mình. Nói về Tự hành, Nhân quả, Dạy người, Năng sở v.v... đều đầy đủ. Lại ở phẩm Phổ Môn nói thêm phần Biệt Dịch Trùng Tụng, kẻ đạo tục đều tuân đọc. Năm Thiên Thánh thứ tư, quan Quán Nghị là Hồ Tắc về quận, đã nhiều lần vào núi hỏi đạo với Sư, rất mừng được hiểu rõ pháp yếu bèn cúng vàng để xây cất cổng núi và nhà cửa. Năm Thiên Thánh thứ năm, vào đêm Trung thu trái quế rơi rụng khắp thềm nhà, Sư đem hạt quế gieo trồng dưới rừng, rồi làm thơ về trái quế. Tháng giêng năm Thiên Thánh thứ sáu, Sư sai học trò đến Tứ Minh cúng tế ngài Pháp Trí, có văn tế và thơ truy điệu. Bèn xây am Nhật quán ở phía Đông chùa để hướng về phương Tây quán tưởng tu nghiệp vãng sinh. Năm Thiên Thánh thứ chín, Sư giảng kinh Tịnh Danh bỗng bảo học chúng rằng: Xưa ta giảng kinh này ở Đông dịch, mộng thấy tổ Kinh Khê trao cho ta quyển Kinh, ta ra khỏi thất thì thấy mặt trời đã lặn. Nay ta trước sau vẫn giảng kinh này. Nhân đó Sư nói lời giả biệt với chúng rằng: Ta ở hai chùa tại đất Thai và Hàng suốt bốn mươi năm luôn dùng mười phương làm ý, nay trao cho các ông giảng tòa này vậy nên noi theo chí ta. Lại bảo đệ tử là Tổ Vận rằng: “Ông tiếp nối ta ở đạo tràng giữ gìn lư hương và phất trần này chớ làm người sau cùng đoạn đứt Phật chủng.” Rồi làm tạ Tam Duyên Thi, nghĩa là giã từ đồ chúng, dứt hết bạn bè tân khách và đốt hết bút nghiên. Tháng tám năm ấy Sư dời về ở Thảo Đường trên ngọn Đông Lãnh. Đến ngày mồng tám tháng mười năm Minh Đạo thứ nhất, Sư có bệnh nhưng không dùng thuốc men chữa trị, chỉ nói pháp để khuyên gắng đồ chúng. Ngày mồng mười Sư bảo đồ chúng thỉnh tượng Phật Di-đà để chứng minh Sư lâm chung. Môn nhân muốn cầu nguyện cho Sư, bèn bày tượng Quan Âm ra, Sư đốt hương chiêm ngưỡng tượng và nguyện rằng: “Con quán Đức Quan Âm, trước không tới, sau không đi, mười phương chư Phật đồng ở Thật Tế, xin trụ ở Thật Tế này, nhận ở con một nén hương.” Có người hỏi Sư sinh về đâu? Sư bảo: “Ở Tịch quang tịnh độ.” Đêm đến Sư ngồi yên mà viên tịch. Sư có làm cái Khám Minh gọi là Hà Tháp. Khâm liệm Sư đã hơn bảy ngày mà hình dung vẫn còn như lúc sống. Sư thọ sáu mươi chín tuổi, hạ lạp năm mươi. Vào đêm Sư viên tịch người ta thấy có sao lớn sa xuống ngọn Linh thứu, ánh sáng đỏ rực rỡ. Những người được truyền pháp như Văn Xương v.v... hai mươi lăm vị, số người học đạo có cả ngàn người. Số đệ tử như Nhược Hư v.v...

khoảng trăm người. Vào ngày mồng bốn tháng Trọng Xuân năm sau, thỉnh Hà Tháp đem táng ở dưới ngọn Nguyệt Quế phía Đông của chùa, ở gần chỗ Pháp sư Tùy Quán. Thuở nhỏ Sư giỏi về văn chương, có phong cách thi nhân. Về thi tập thì có Thái Di, Linh Uyển. Về các sáng tác khác thì có Kim Viên, Thiên Trúc, Biệt Tập... đều lưu hành trên đời. Có quý quan viết lời chú Kinh Lăng-nghiêm xin Sư ấn khả, Sư đốt ngọn lửa lớn bảo rằng: Các hạ đã để ý đến Phật pháp thật là hiếm có. Nay trước hết xin nêu ba câu hỏi nếu lời đáp hợp lý thì cho lưu hành, nếu không thì xin giao cho ngọn lửa này. Quan đồng ý. Sư bảo: "Chân Tinh Diệu Nguyên Tánh Tịnh Minh Tâm" không biết đã chú thích như thế nào? Ba- bốn, bốn- ba xoay vần, mười hai thứ lưu chuyển biến thành ba lớp. một thành mười thành trăm thành ngàn là nghĩa thế nào? (Xưa Sư chú giải rằng: Lần trước biến một thành mười, lấy ba đời bốn phương nhân thành mười hai lần. Kế biến mười thành một trăm, lấy ba đời bốn phương nhân thành một trăm hai mươi. Lần sau biến trăm thành ngàn, lấy ba đời bốn phương nhân thành một ngàn hai. Đó là số công đức của một căn. Hợp chung cả sáu căn là bảy ngàn hai trăm, trừ ba căn nhãn, tỷ, thân thì mỗi thứ thiếu bốn trăm, nên thật có là sáu ngàn đó là số công đức của sáu căn. Một biến thành mười thành một trăm thành một ngàn là ba lớp, gồm cả ba phen lập nên số ấy). Chỗ chứng Viên Thông của hai mươi lăm Thánh đã gọi là thật không hơn kém. Vì sao Văn-thù chỉ chọn lấy Quán Âm? Người ấy không đáp được, Sư bèn ném vào lửa. Do đó "Ba cửa ải Lăng-nghiêm" có từ đấy. Vua Nhân Tông xem bộ Quang Minh Hộ Quốc Nghi của Sư dâng lên đến đoạn văn "Thánh Đế Nhân Vương từ lâm vô tế" thì vỗ ghế than rằng: "Trẫm có người này đủ để trị vì." Bèn gấp ra chiếu mời nhưng Sư đã tịch rồi. Lúc Sư mới xuất gia, các học trò ở trường Quận rất ngưỡng mộ tài Sư đến khuyên Sư trở về đạo Nho. Sư làm thơ đáp Lư Tích trong đó có câu: "Chân không là Trường Thi, Đại Giác là chức quan" được mọi người nhắc nhở nhiều. Sư thường nhập định suốt ba tháng làm kỳ hạn. Ở bốn góc nơi hành đạo đều có để các chảo tro nóng gặp khi biếng nhác thì thọc tay vào chão nóng. Sư mười ngón chỉ còn ba ngón. Khi xây cất điện Quang Minh Sám, mỗi lần gác một cây kèo hay chạm xây một bờ tường thì liền tụng bảy biến chú Đại Bi, có ý nhờ Phật pháp gia bị cho công việc không trở ngại. Cho nên bọn giặc cướp Kiến Viêm chất củi đốt thì nhà cửa vẫn còn nguyên vẹn. Kịp đến loạn Phương Lạp Trần Thông, trải ba cuộc giặc cướp đốt phá thì đều không hề hấn gì. Đến nay các nước khác truyền nhau gọi là "chùa đốt không cháy". Đây há chỉ riêng bày cái

thần tích của Giáo môn mà thật ra đã nêu sáng một việc quốc gia có đạo vậy. Năm Sùng Ninh thứ ba, vua ban cho Sư hiệu là Pháp Bảo Đại sư. Đến năm Thiệu Hưng ba mươi thì vua đặc biệt thụy phong là Sám Chủ Thiền Tuệ Pháp sư. Tháp đề là Thụy Quang (theo các quyển: Hành Nghiệp Khúc Ký, Tu Tam-muội Ký, Thiên Sinh Chư Tập, Tông Nguyên Ký).

Ngài Kính Am nói: Đạo, nhờ người hoằng hóa, người ắt có chỗ nương, cả ba thứ này đều phải đầy đủ. Đạo ta bắt đầu từ thời Trần Tùy và thạnh hành ở đời Đường, suy vi ở đời Ngũ Đại đến nay. Vào thời vua ta (Tống) thì đạo này lại phục hưng. Ngài Loa Khê Bảo Vân chấn hưng ở thời trước, ngài Tứ Minh Từ Vân làm rộng lớn sau này. Thế nên từ ngài Pháp Trí sáng lập Nam Hồ đến ngài Từ Vân tạo dựng Linh sơn đều vì pháp quên mình bền vững nguyện lực mà tiếp nối. Lấy thần chiếu để mở mang Bạch Liên, dùng biện tài để báo điềm Thượng Trúc. Do đó cả hai bờ Đông Tây Triết giang đều mở pháp tòa. Cuối cùng có thể nương nhờ chùa yên chúng đông mà hoằng truyền đại đạo. Ai bảo là việc hoằng truyền không cần nơi chốn ư? Song chùa Linh sơn bao phen bị giặc đốt mà không hư hao, đây há không phải là sự linh nghiệm của nguyện lực bậc Chí nhân đọc thần chú cầu gia bị được bền vững đấy sao?

Thái thú Quang châu là Hứa Đoan trong tựa Tập Thi có nói rằng: Thơ của ngài Từ Vân văn suốt với Đạo, lời sát với Lý rất giống với Đào Bành Trạch. Bởi hành động hợp với tình, lễ nghĩa phát thành lời. Xưa Quán Hưu làm Thiền Nguyệt Tập vì lúc đầu chưa nghe đạo nên dù tài tình tuấn dật mà vẫn mất cái nghĩa trợ giáo, còn Trung Dung Tử làm Nhàn Cư Biên lời tuy nói đạo nhưng câu văn thấp kém, mất đi cái thể thi nhân. Còn Từ Vân thì không như thế, văn đẹp lý sáng, tao nhã mà đúng đắn, chọn lọc mà giản dị có phong vị của Tấn Tống. Bởi đạo nghiệp của Sư quá lớn nên tiếng về văn thơ không được lưu truyền.

2. Pháp sư Dị Văn:

Sư người ở Dư Hàng, tâm ngầm học Thiên thai thường bảo rằng: “Chỉ hiểu không chưa đủ thỏa chí”, cho nên Sư miệt mài tu các Tam-muội làm nghiệp chính, lại đến tham học với ngài Bảo Vân mà được thông suốt hết các ý chỉ. Năm Chí Đạo thứ ba, ngài Pháp Trí hoằng đạo ở Diên khánh thì Sư có công phụ giúp rất nhiều. Vì chùa chiền đổ nát Sư bèn cùng ngài Đơn Khâu Viên Giác ra sức tu sửa lại không đầy ba năm công việc hoàn thành. Ngài Pháp Trí lập“Bia thành thệ”, chỉ bày khuôn phép mười phương đều có liên hệ đến tên Sư, nên gọi hai Sư. Về

sau Sư cùng ngài Pháp Trí kết hợp với mười vị Tăng, nguyện tu sám lễ suốt ba năm, thề tự thiêu để báo đáp ân Phật. Lúc đó Dương Văn Công nhiều lần viết thư khuyên can nên cuối cùng các Sư không tự thiêu. Sư ở Diên Khánh suốt bốn mươi năm, những việc Tu Tam-muội của ngài Pháp Trí đều có Sư tham dự đầy đủ.

3. Pháp sư Hữu Cơ:

Sư tự là Cập Hiền, họ Vương, người Tiền Đường. Mẹ mộng thấy vị Phạm Tăng trao cho xá-lợi bèn nuốt vào rồi thọ thai. Lên năm tuổi Sư đến Thọ Xương ở Thiên thai, tôn ngài Pháp Siêu làm thầy. Lên mười tuổi thọ giới Cụ túc, nghe ở Tứ minh ngài Bảo Vân truyền giáo của tổ Trí Giả, bèn đến hầu hạ, được truyền dạy Pháp Hoa, Chỉ Quán. Theo lời hiểu nghĩa thấu suốt diệu chỉ. Năm Đoan Củng thứ nhất, người trong Quận thỉnh Sư giảng giáo tại chùa Thái bình hưng quốc. Người học có đến mấy trăm người, mỗi ngày rằm và ba mươi đều họp chúng, Sư lên tòa cao tụng đọc giới pháp Bồ-tát. Khuyên dạy bản đạo niệm Phật suốt bốn mươi năm có đến vạn người. Gặp năm đói kém Sư ôm bát khất thực để cúng dường chúng nghe pháp. Năm Tường Phù thứ tám, tháng sáu Sư có bệnh, đệ tử là Linh Tường thưa rằng: "Hòa Thượng về Tây Phương mà không để lại lời dạy bảo." Sư bèn rộng bàn ý chỉ Viên Đốn mãi không thôi. Chúng bỗng thấy ở phương Tây phóng ánh sáng, trên không trung có tiếng tấu nhạc. Sư bảo: "Ba Thánh ở Tây Phương đã đến", liền nằm nghiêng bên phải xây mặt về hướng Tây mà hóa. Trà-tỳ thì được vô số xá-lợi. Môn nhân là Ngộ Trì xây tháp trên ngọn Linh quy ở Từ khê. Có người mộng thấy Sư ngồi trên hoa sen xanh nghe Phật nói pháp. Có người mộng thấy ba thân Như Lai đồng vào tháp. Có người mộng thấy Sư rất oai nghi được rước về phương Tây. Có người mộng thấy Sư được Đức Di-đà thọ ký là Siêu Tráng Như Lai. Ngài Pháp Trí nghe Sư viên tịch liền khen rằng: "Ngọa bệnh giảng pháp, lâm chung thấy Phật thật là đáng kính." Quan nội hàn là Dương Ức đến trước tượng Sư làm bài tán ngợi khen (đây toàn theo lời bia Tam Học Soạn Hạnh Nghiệp. Ở Phước nguyên thì có một trăm mười tám người, còn bản kỷ chỉ ghi có ba mươi ba người. Các chi tiết khác đều thất lạc).

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 11

LIỆT TRUYỆN CÁC SƯ

PHẦN 1

* Nối pháp ngài Thiên Trúc Thức Pháp sư
Đời thứ hai có:
Diệu Quả, Văn Xương Pháp sư.
Minh Trí Tổ Thiều Pháp sư.
Pháp Hỷ, Thanh Giám Pháp sư.
Chân Tịnh, Tư Vĩnh Sám Chủ.
Bảo Khánh, Pháp Nhuận Pháp sư.
Thiên Trúc, Bản Dung Pháp sư.
Thiên Trúc, Tư Ngộ Thị Giả.
Thừa Tướng Vương Khâm Nhược.
Gián Nghị Đại Phu Hồ Tắc.
Chức Phương Lang Trung Thôi Dục Tài.
Thị Lang Mã Lượng.
Đời thứ ba có:
Diệu Quả Thiên Thọ Pháp sư (nối Sư Xương).
Hải Nguyệt, Tuệ Biện Pháp sư (năm người này nối Minh Trí).
Tinh Tuệ, Tư Nghĩa Pháp sư.
Biện Tài Nguyên Tịnh Pháp sư.
Thần Trí Đời Thắng Pháp sư.
Quảng Huệ, Cư Bạch Pháp sư
Đời thứ tư có:
Pháp Bảo Tùng Nhã Pháp sư.
Từ Hạnh Trí Thâm Pháp sư
Hai vị này nối Sư Hải Nguyệt
Năm vị sau đây nối Sư Tịnh Tuệ:

Viên Ứng, Đức Hiền Pháp sư.
Thần Trí, Trọng Nguyên Pháp sư.
Từ Giác, Vĩnh Kham Pháp sư.
Tịnh Chiếu, Tuệ Nhật Pháp sư.
Viên Ngộ, Tư Thượng Pháp sư
Hai vị này nối Biện Tài:
Pháp Giám, Nhược Ngu Pháp sư.
Linh sơn, Tắc Chương Pháp sư
Đời thứ năm có:
Chỉ Nguyên, Như Cảo Pháp sư (nối Pháp Bảo)
Từ Minh Tuệ Quán Pháp sư (nối Thần Trí).
Từ Thọ, Tử Lâm Pháp sư (nối Từ Giác).

* Nối pháp ngài Hưng Quốc Cơ Pháp sư.
Đời thứ hai có:
Hưng Quốc, Lệnh Tường Pháp sư.
Phước Nguyên, Ngộ Trì Pháp sư.

* Nối pháp ngài Tiền Đường Hiểu Pháp sư.
Đời thứ hai có: Pháp Hiển, Ngộ Thành Pháp sư.
Đời thứ ba có: Đâu-suất, Thủ Nhân Pháp sư.

Việc làm đạo ta hưng thịnh là ngài Tứ Minh Pháp Trí, nên các học sĩ khắp nơi đều hướng về. Nối nghiệp người trước mà lại nổi tiếng hơn thì có Quảng Trí, Thần Chiếu, Nam Bình là ba Sư bày pháp nhà truyền nối ý Phật, dùng cái mưu trung hưng giáo quán để mở rộng vô cùng, để đời này có nơi nương tựa. Do đó mà viết nên liệt truyện các Sư này. Như về một dòng Từ Vân từ các Sư Xương, Thiều trở đi, năm đời không nghe tiếng thì nay cũng xin nêu đủ liệt truyện. Còn phái Từ Vân trở về trước thì xếp thứ tự tiếp nhau không làm xáo trộn với con cháu của ba nhà ở Tứ Minh.

NỐI PHÁP NGÀI THIÊN TRÚC THỨC PHÁP SƯ

1. Pháp sư Văn Xương:

Sư người Vĩnh gia, theo nương học từ lâu với ngài Từ Vân thông suốt được ý đạo, bấy giờ được chúng tôn là hàng trên trước. Sư lại sang Hồ nam gặp ngài Pháp Trí nên chỗ đạt càng xa. Sư quay về chốn cũ, vì Diệu quả Đệ nhất thế mà lập mới diệu tông, bèn sao chép lại những điều các thầy đã giảng truyền phó chúc. Nhưng Sư dặn rằng: Nếu có những chỗ lạ thì có thể trích thêm đem vào. Trong nhóm hơn hai mươi môn đệ truyền giảng của ngài Từ Vân thì Sư đứng đầu (thấy trong Từ Vân Hạnh Nghiệp Ký - Tứ Minh và Cự Sư Thư).

2. Pháp sư Tổ Thiều:

Sư họ Lưu ở Thiên thai. Được vua ban hiệu là Minh Trí. Năm mười chín tuổi Sư thông suốt Pháp Hoa. Được độ vào chùa Đông dịch tham học với ngài Từ Vân đạt được áo chỉ, bèn hầu hạ ngài làm thầy. Khi dời đến Linh sơn thì Sư ở vào hàng Nhất tòa. Ngài Từ Vân khi sắp về ở Thảo Đường, gọi Sư đến nói rằng: “Ông hãy đến đó thay ta mà truyền giáo.” Bèn sai Sư sang núi ấy. Sư liền mang hài cỏ vui vẻ ra đi, lúc đến bờ sông, ngài cho gọi Sư lại bảo rằng: “Ta chỉ thử ông thôi, ông nên ở lại núi này.” Sư vâng lời. Mọi thứ đều thành khuôn phép. Ngoài việc giảng dạy Sư luôn tu tứ Tam-muội, lấy đó làm khóa tụng hằng ngày. Cột kèo nhà cửa chưa đầy đủ, Sư ra sức sửa chữa. Một hôm Sư bảo chúng rằng: “Ta nhận lời gởi gấm của ngài Từ Ân, nay đã già rồi, lại cũng sắp có việc ở Đông lãnh, vậy Tuệ Biện nên vì ta mà làm thượng thủ để kế thừa tốt cho ta.” Sư vào am cỏ yên thân. Không bao lâu sư có bệnh, rồi ngồi kiết già mà tịch, Sư thọ bảy mươi hai tuổi, hạ lạp năm mươi hai. Xưa Sư ở Đông dịch tu Quang minh Tam-muội suốt một trăm ngày đêm, mới năm mươi ngày chợt thấy cờ xí rợp trời phía trước, kẻ dẫn đường hô lớn: “Đây là Đại Biện Tôn Thiên. Sư liền vái chào. Thiên bảo: “Sư nên ở đây truyền bá Đại thừa lợi ích quần sinh”, nói xong liền biến mất. Sư thường đến Kinh sư, đạo truyền vượt ngoài sông Hoài, sông Tứ. Sư mộng thấy có vị Phạm Tăng xoa đầu Sư bảo rằng: Ta là Hòa thượng Văn-thù dạy ông năm nghĩa Vô sinh.” Khi tỉnh dậy thì đọc năm Tạng thông suốt như nuốt băng tuyết. Sư lại mộng thấy mình vào một ngôi chùa cổ, có vị Tăng ngồi xổm bảo Sư rằng: “Ta nói cho ngươi nghe Đệ nhất nghĩa đế”, nghe xong như nước Cam lồ rót trên đảnh đầu liền thấy y và chánh báo như bóng mây. Có người hỏi: “Người mà thấy Hòa thượng nhân đâu mà vui mừng?” Sư đáp: “Thấy người thì luôn tưởng nhớ đến Phật.”

3. Pháp sư Thanh Giám:

Sư người Vân giang, được vua ban hiệu là Thiền Tuệ, Sư vì ngài Từ Vân mà soạn bài tựa Xí Thạch Quang Niệm Tụng Nghi, trong ấy tóm tắt rằng: Tôn giả Từ Vân đã tu Quang Giáo Môn, đệ tử là Thanh Giám được học bốn thứ Tam-muội và tu theo pháp ngài truyền lại, riêng mình làm sáng tỏ các pháp chưa truyền bà rộng khắp. Nhân đó mà với năm chương cũ đã sửa sang đầu đuôi, lại thêm hai chương Thị Pháp và Thích Nghi làm thành bảy khoa.

4. Sám chủ Tư Vĩnh:

Sư hiệu Chân Tịnh, vào tu ở Thăng Quả Tú Chi gần gũi lâu ngày với ngài Từ vân, siêng tu nghiệp Tịnh độ. Chúng thời ấy tôn kính Sư gọi là Túc Thượng cũng gọi là Sám Chủ. (Từ đây bản kỷ thiếu hai người)

5. Thị giả Tư Ngộ:

Sư là người Tiền Đường. Hầu ngài Từ Vân giảng kinh lâu nhất, nên thấu suốt quán đạo, giỏi trì chú pháp, dùng nước chữa dứt các bệnh, người đến xin đông như chợ. Đương khi tụng kinh thân Sư và Tượng thờ thường sinh ra xá-lợi. Nănm Thiên Thánh thứ ba, ngài Từ Vân muốn đem giáo quyển của tổ Trí Giả xin vua cho nhập Đại Tạng. Thừa tướng Văn Mục Vương Công đem việc tâu lên vua. Tư Ngộ bảo: “Đây không phải việc tầm thường xin cho phép tiểu tử tôi giúp sức.” Bèn vẽ tượng Thiên Thủ Đại Bi, bày khóa lễ đọc chú nguyện rằng: “Nếu việc thành tựu xin tự thiêu để báo đáp.” Lại gặp Thừa tướng qua đời, Sư càng chuyên tâm tụng chú. Năm sau thì được chỉ vua chấp thuận. Sư rất mừng bèn chất củi làm lầu. Lại thưa ngài Từ Vân xin lửa. Ngài Từ Vân lấy than hồng trong lư đưa cho. Sư cầm lấy không chút do dự. Liền vào lầu củi tự thiêu. Sau khi lửa tắt áo ca-sa đắp thân vẫn y nguyên như lúc còn sống. Ngài Từ Vân bèn thêm gỗ thơm, đọc chú cầu nguyện rồi châm lửa đốt. Sư theo ngọn lửa rực sáng mà hóa. Xá-lợi năm sắc rất nhiều, ba năm sau vẫn còn tìm thấy. Ngài Từ Vân làm bài tán khắc vào đá có câu: “Ngộ là học trò ta vì pháp mà thiêu thân, ngọn lửa phừng phừng, niềm vui rạng rỡ, đợi lửa sắp tàn, kiết già sừng sửng, khi xương cháy vụn xá-lợi như ngọc, xưa tin ứng nghiệm, đời nay khó được, tuổi đời ba mươi thật bậc trượng phu! (Từ đây bản kỷ thiếu mất bốn vị Tể quan).

NỐI PHÁP NGÀI MINH TRIỀU PHÁP SƯ

1. Pháp sư Tuệ Biện:

Sư tự là Nột Ông, họ Phó, người Hoa đình, hiệu là Hải Nguyệt, theo học với ngài Phổ Chiếu. Lúc đầu du học ở Thiên Trúc. Khi đến

Hiệp Giản, có cụ già áo mão cân đai đi qua cầu, đón rước vào cửa rồi biến mất. Ngài Minh Trí mới gặp Sư lần đầu rất lấy làm lạ. Sư liền chú tâm học Giáo Quán. Khi lớn tuổi, ngài Minh Trí bảo Sư thay mình ở tòa thứ nhất mà diễn giảng. Một hôm Sư mộng thấy ngài Chương An cầm cây lược vàng gõ vào miệng Sư bảo: Ông khuyên dạy người phải được Biện Tuệ. Sư luôn khổ vì bệnh tỳ vị, mộng thấy Thiên thần bưng mâm vàng đựng đầy nước bảo Sư nhắm mắt rồi đổ nước để rửa ruột. Đến tám năm sau, ngài Minh Trí bảo Sư nối ghế chủ giảng. Quan hàn lâm là Thẩm Cấu cai trị đất Hàng rất oai phong, ai thấy đều kinh sợ mất vía, nhưng Sư vẫn thung dung như thường. Cấu lấy làm lạ, mời Sư làm Đồ Tăng Chánh. Lúc đó Tô Tử Chiêm làm Thông Thú, có làm bài tựa Tăng Sư nói rằng: Tiền Đường Phật Tăng thạnh hành, mà khắp thiên hạ thì người học giả đạo đức tài trí cùng kẻ dối lừa hèn hạ lẫn lộn ở một nơi, khó đánh giá cho đúng. Cho nên ngoài Tăng chánh phó ra cần bổ thêm một viên Đô tăng chánh, ở bậc dưới của chánh phó chuyên trách về sổ sách án điệp, tới lui đón đưa, Đô Sư đã điều hành trọn vẹn. Thật ra Sư dùng hạnh giải để làm gương cho chúng mà thôi. Khi Sư nhậm chức rồi thì nếu việc quản lý trong tự viện mình được rảnh rang Sư liền tập họp chư Tăng các chùa cùng các bậc hạ tòa tài giỏi, mở cuộc sát hạch hỏi nghĩa lý, đặt tên là “Cực vi hồ”. Cuộc sát hạch gồm mười câu hỏi. Ai trả lời được năm câu thì trúng tuyển, ai trả lời dưới ba câu thì bị loại. Sau đó mới bổ nhiệm vào những tự viện theo cấp bậc khác nhau. Do đó các chùa đều tôn kính tuân theo quy tắc đó. Sự hoằng truyền suốt hai mươi lăm năm, người theo học có số ngàn. Có một đêm kẻ trộm vào thất, Sư cởi áo đưa cho bảo kẻ trộm theo đường tắt mà đi. Buổi vãng niên, Sư bớt việc giao tiếp, trở về nương chốn thảo am, sáu thứ luôn theo mình (sáu thứ là y, bát, ngọa cụ, giấy viết, phất trần, lư hương). Bấy giờ đất Ngô việt có đại hạn, cầu mưa ở tượng Quan Âm chùa Thiên trúc đã lâu mà không ứng nghiệm. Sư hay có bệnh ngủ trưa mộng thấy một cụ già áo trắng đội mũ đen bảo rằng: “Đúng ngọ ngày mai tất có mưa.” Tới hẹn quả có mưa. Xa gần đều cảm mộ sự chí thành của Sư. Đến ngày mồng bảy tháng mười năm Hy Minh thứ sáu, buổi sáng Sư rửa mặt súc miệng xong nói lời giã biệt với chúng, rồi ngồi kiết già chấp tay mà hóa. Lúc xưa Sư có dặn phải đến dốc núi phía Đông rồi mới đậy nắp Kim quan (Khám). Sau bốn ngày đến dốc núi thì thấy Sư ngồi kiết già như lúc còn sống, trên đỉnh đầu vẫn còn ấm. Khiêng hết dốc, đồ chúng an táng xong mới lui về.

Đông Pha Tập nói rằng: Sau khi Sư tịch hai mươi mốt năm, ta bị

trích đến Tuệ Châu em của Sư là Tư Nghĩa có dặn Tham Liêu xin làm bài Tán nhân viết tựa rằng: Ta ở đất Hàng mộng thấy đến Tây hồ thấy một đại điện trên có bảng đề: "Di-lặc hạ sinh, cố nhân Hải Nguyệt, dòng giỏi biện tài đều tới lui ở đó. Bèn làm ba bài Tứ Tuyệt mà điếu, bài thứ nhất:

Muốn tìm di tích nhìn áo cũ
Vốn đã vô sinh sao mất được
Đêm nay trăng sáng giảng đường xưa
Thềm cũ tiếng sương rơi Thánh thoát.

Sau đó Tham Liêu đến Dĩnh thủy vào gặp Tử Do bảo rằng: Biện tài đến như Tử Chiêm mà có được lời minh. Chỉ riêng Hải Nguyệt không có minh sao? Tử Do cũng làm bài minh đề ở tháp.

2. Pháp sư Tư Nghĩa:

Sư tự là Hòa Phủ, họ Lăng, người ở Võ Khoang Hồ Chi. Sư thi Pháp Hoa được trúng tuyển hạng nhất nên được độ xuất gia. Sư theo học với ngài Minh Trí do nghe giảng mà được ngộ, thường mở túi thơm đưa ra mười câu hỏi. Sư đáp đều khế hợp ý chỉ. Khi ngài Minh Trí lui về ở Thảo đường, đại chúng cùng đưa ngài vào thất, khi chúng tan Sư vẫn còn đứng hầu một bên, ngài Minh Trí hỏi: Ông vừa thấy gì? Đáp: Thấy đại chúng lạy rồi lui ra. Ngài bảo: "Ta bảo ông sau này phải ở tại núi đây mà nối thạnh đại giáo và về sau cũng nhập vào thất này...." Sư trải tu bốn hạnh Tam-muội. Bỗng trên cổ Sư nổi lên một bướu thịt. Đêm Sư mộng thấy Công đức thiên đến cho Sư ăn một quả đào, thì bệnh liền tiêu. Năm Hy Ninh thứ tư, được vua ban cho Tử Y và hiệu là Tịnh Tuệ. Thừa tướng Tô Tụng cai trị đất Hàng, thỉnh Sư về ở chùa Thiên trúc. Ở đấy Sư chấn hưng đạo pháp ở núi ấy suốt hai mươi ba năm rồi lui về ở Thảo đường đúng như lời ngài Minh Trí đã nói trước. Năm Nguyên Hựu thứ ba, ngày mười tám tháng hai, giữa đêm Sư giã biệt chúng ngồi kiết già mà hóa. Đại chúng tụng niệm rất lâu. Bỗng Sư cất tiếng bảo: Ta đến hầu Đức Quan Âm Đại sĩ, mới đi thì thấy một vị Sa-môn mình ánh sắc vàng vẫy tay bảo ta rằng: "Báo duyên của ông chưa dứt, bảy ngày nữa ta sẽ đến rước." Đến ngày hai mươi lăm Sư lại ngồi kiết già mà hóa. Đến ngày nhập khám, có vầng mây đỏ phủ bên trên in tuồng như dẫn đường hướng về phía Tây rồi ẩn mất.

3. Pháp sư Nguyên Tịnh:

Sư tự là Vô Tượng, họ Từ, người ở Ư tiềm, Hàng châu. Có người khách đi ngang qua nhà bảo rằng: "Khí đẹp cuộn bay lên, ắt sinh trai kỳ đặc!" Khi Sư sinh ra thì ở vai trái có nổi lên miếng thịt như điều của

ca sa, tám mươi mốt ngày sau mới lặn. Ông bác thấy làm lạ bảo rằng: Đây là Sa-môn kiếp trước tất phải hầu Phật. Còn số tám mươi mốt thì đúng là Sư thọ được tám mươi mốt tuổi. Đến mười tuổi Sư xuất gia. Mỗi khi thấy giảng tòa Sư thường bảo: Ta nguyện lên tòa này nói pháp độ người. Năm mươi tám tuổi Sư đến học với ngài Từ Vân, không bao lâu được sắp lên hàng cao đệ. Sau nghe ngài Minh Trí giảng về Chỉ Quán, có năm duyên Phương Tiện, có nói rằng: Dùng một bữa cơm thí cho tất cả, cúng dường chư Phật và các Thánh hiền rồi sau mới ăn. Bữa ăn này là một phương tiện vậy." Sư ngộ, bảo rằng: Nay mới biết sắc hương vị xúc vốn đủ đệ nhất nghĩa đế, nhân đó Sư khóc như mưa. Từ đó gặp vật nào cũng đều là Pháp giới. Sư thay ngài Minh Trí giảng kinh suốt mười lăm năm. Quan thú ở đất Hàng là Lữ Trăn thỉnh Sư đến ở Đại bi các, Sư nghiêm thiết giới luật, đồ chúng rất sợ nhưng cũng rất mến Sư. Lữ Trăn tâu vua ban cho Sư Tử Y và hiệu là Biện Tài. Được bảy năm, Quan Hàn Lâm Thẩm Cấu cai trị đất Hàng (năm Gia Hựu đời Nhân Tông) cho rằng Thượng Trúc vốn là Quan Âm đạo tràng phải dùng âm thanh để làm Phật sự không phải chỗ của Thiền-na, bèn thỉnh Sư đến ở. Sư đục núi để tăng thêm phòng ốc, rộng tụ tập đồ chúng, hoằng truyền Phật pháp thạnh hành trùm cả hai vùng sông Triết. Năm Tông Hy thứ ba đời vua Thần Tông, quan Thú đất Hàng là Tổ Vô Trạch bị ngồi ngục ở Tuy lý (Tú châu). Sư bèn đúc chuông kể bày mọi việc nên may mắn được thả ra. Khi Sư ngụ ở Chân Như Lan Nhã định soạn Kim Ty, đặt ra vấn đáp để thuật Thuyết Sự Lý Viên Dung, làm sáng rõ diệu lý của Tổ Sư. Năm Nguyên Phong thứ nhất, có người thấy vật cúng thí của Sơn môn quá nhiều đã ỷ quyền thế cướp đoạt, chúng nhân đó giải tán. Năm sau người ấy bị triều đình chê trách mời Sư về ở lại, chúng bèn tập hợp đông vầy. Thanh Hiến Triệu Công là bạn tục của Sư làm lời tán rằng: Sư đi núi Thiên Trúc vắng, quỷ sầu; Sư về Thiên Trúc đạo tràng lại rạng rỡ (Đông Pha Ký Thi nói rằng: Đạo nhân đi khỏi núi, sắc núi úa tro tàn, mây trắng buồn ngẩn ngơ, rừng thông gào thảm thiết. Chợt nghe Đạo nhân về, chim hót núi mừng rở...). Được ba năm Sư lại ra đi, đến ở tại Long tỉnh thuộc Nam sơn, hàng sĩ thứ đua nhau dựng nhà, bèn thành một ngôi chùa ở đấy. Được sáu năm, quan thái thú Đặng Bá Ôn thỉnh Sư đến ở Nam bình, qua năm sau Sư lại trở về Long tỉnh. Lúc bấy giờ Linh sơn không người giảng kinh, Sư vì đạo tràng của Sư tổ Từ Vân, nhận lời chúng thỉnh trở về. Được hơn một tháng, trong lúc thiền định Sư thấy thần Kim giáp quỳ trước Sư thưa rằng: "Pháp sư trước đã ở đây, không duyên không nên ở lâu." Sư theo lời Thần mách bảo bèn trở về Long

tỉnh. Năm nguyên Hựu thứ tư, Tô Thức cai trị đất Hàng, có lần đến hỏi Sư rằng: Ở Bắc sơn người lãnh đạo như Sư có được mấy người? Sư đáp: Sa-môn phần nhiều tu mật hạnh không thể biết hết. Con của Pha Tử là Đãi sinh đã bốn năm mà chưa biết đi bèn thỉnh Sư đến cạo tóc và xoa đảnh, được vài hôm thì bước rất nhanh (Pha nói rằng: Sư đến xoa đầu thì liền chạy nhanh như hươu). Lúc sắp viên tịch, Sư vào ở am Phương viên, ngồi yên từ biệt khách, không nói năng ăn uống, lại cho mời Tham Liêu đến bảo rằng (Tham Liêu Đạo Tiềm): Tịnh nghiệp ta sắp thành, nếu trong bảy ngày không có điều chi trở ngại thì ta thỏa nguyện." Đến bảy ngày Sư nói kệ dạy chúng rồi nằm thế kiết tường nghiêng hông bên phải mà an nhiên thị tịch. Lúc đó là ngày tối trời tháng chín năm Nguyên Hựu thứ sáu. Khi xây tháp xong, đệ tử là Hoài Sở đến Nhữ Ân xin Đông Pha viết bài chí, Đông Pha bảo Tử Do làm bài Minh. Sư nói pháp không kể ngày đêm. Sư thường nói: Vì quỷ thần oai đức không đầy đủ, ban ngày không đến nghe được, ban đêm vắng người họ mới có thể nghe được. Sư đốt tay cúng Phật, tay trái đốt ba ngón, tay phải đốt hai ngón. Có người muốn bắt chước, Sư ngăn lại bảo "Như ta tu Tây phương tịnh nghiệp, chưa hề phút giây bỏ sót, nếu cầu Bồ-tát phóng quang thì ánh sáng liền hiện đến." Sa-môn Hy Trọng ngồi ăn cơm với Sư thấy giữa chân mày của Sư có ánh sáng. Khi vạch chỗ đó ra thì có mấy hạt xá-lợi. Người đời sau cũng thường nhặt được xá-lợi ở chỗ nằm của Sư. Gia Hưng lệnh là Đạo Trỉ có con bị ma ám, Sư đến chú nguyện liền hết bệnh. Chư Kỵ Trần Thị bị bệnh tim lâu ngày dần dần không nhận biết được người. Sư dùng lời dịu dàng khuyên răn thì liền tỉnh biết. Bố Y Lý Sinh học thiền đã lâu nhưng chỉ biện giải mà không thực hành muốn theo Sư xuất gia nhờ ngài Đông Pha nói giúp nhưng chưa nói đến tên thì Sư cực lực từ chối, hình như Sư đã biết trước. Ở Tú châu có cuồng Tăng hiệu là Hồi Đầu, dùng tả đạo mê hoặc người, bảo mình sẽ xây tháp lớn để người đất Ngô gieo trồng phước đức. Sẽ xây cất ở Vân ủy, vì sợ không thể dối Sư khi vào đất Hàng nên sai người đem thư trước xin lấy mười vạn quan tiền để cúng Tăng. Sư đáp rằng: "Nhận lấy tiền xây tháp nay muốn cúng Tăng thì bảo phải có văn từ rõ ràng, không được xài lộn." Cuồng Tăng mắc cở đành thôi (Đông Pha có lời văn tế, tóm tắt rằng: Xưa ta bị đày ra đất Hàng thấy có năm ông: Giảng thuyết có Biện Trăn, tu thiền có Liên Trung. Sau hai mươi năm chỉ còn ông này, nay cũng bỏ đi. Người sau biết nương tựa ai?).

Cảnh Am nói: Đạo cao đức trọng trí sáng luận giỏi làm Đại Pháp Chủ là chỗ đời nương tựa cho đời, mà việc xuất xử ăn uống còn không

được tự tại. Sư ở Thượng Trúc gần hai mươi năm, ở Linh sơn chỉ hơn một tháng. Song luận về kết duyên thì bậc Đại hiền vẫn có điều chưa khỏi được.

4. Pháp sư Đái Thăng:

Sư người ở Cối kê, hiệu Thần Trí, từ lâu theo học với ngài Minh Trí, người thời ấy tôn Sư là người luận thuyết giỏi. Ngay trước, khi Tiền Võ Túc Vương còn làm Soái ở đất Hàng, có lần bị bệnh mắt có màng. Đêm Vương mộng thấy vị tiên mặc áo lụa trắng nói rằng: Từ Vĩnh Gia đến đây. Sáng sớm Tăng Vĩnh Gia dâng điệp xin hiến tượng Quan Âm nói là đã vớt được trên biển. Các Sư trên núi rước về nhưng khiêng không nổi. Liền báo mộng là muốn về ở Việt thành. Võ Túc Vương liền kính cẩn đến nghênh đón, khi nhìn thấy tượng thì mắt Vương sáng lại. Vương bèn lập am tên là Phước hưng để thờ tượng. Tượng cao sáu thước phạm tướng uy nghiêm, đèn đốt suốt đêm như thờ người sống. Khoảng năm Nguyên Hựu, Sư đến ở Hưng phước, bấy giờ Thanh Hiến Công làm Soái. Hạn hán lâu lại thêm dịch bệnh, cầu cúng lâu ngày không ứng nghiệm, Vương bèn dẹp hết các việc cúng kiến thường nhật, thỉnh Sư rước tượng vào phủ, khẩn thiết nguyện cầu, chỉ một đêm thì mưa ào xuống như trút nước, dịch bệnh cũng tiêu mất. Vương tâu về triều được vua ban cho Sư hiệu Thần Trí, tên am là Viên thông. (Sau đây bản kỷ bỏ sót một vị)

NỐI PHÁP NGÀI HẢI NGUYỆT BIỆN PHÁP SƯ

1. Pháp sư Tòng Nhã:

Sư người Tiền Đường, được vua ban hiệu Pháp Bảo. Lúc đầu Sư theo ngài Hải Nguyệt học thông Chỉ Quán bèn tự bảo rằng: Nói trong mà làm đục sẽ bị Thánh hiền quở trách. Bèn vào viện Thiên Vương ở Nam Sơn mà tụng Pháp Hoa lên đến năm tạng (một tạng là năm ngàn tám mươi bốn cuốn), Kim Cang Bát-nhã bốn tạng, Di-đà Kinh mười tạng, Lễ Tháp Xá-lợi mười biến (một biến là tám vạn bốn ngàn lạy), Lễ Thích-ca ba mươi vạn biến, Lễ Di-đà một trăm vạn biến, lạy danh hiệu Phật năm ngàn vạn tiếng, lạy kinh Pháp Hoa, một chữ ba lạy, ba lần. Tâm quyết vãng sinh Tịnh độ, một đời không xây lưng về hướng Tây. Hiến sứ là Vô Vi Dương Kiệt làm bài tán An Lạc Quốc gồm ba mươi chương để làm đẹp. Trong đó có câu: “Tịnh độ khắp các cõi, đâu riêng gì Tây phương, chỉ được vào một cửa, mọi nơi đều Bồ-đề.” Sư muốn rộng hoằng hóa thế tục, bèn ở chùa Thọ nghiệp tịnh trụ mà vẽ ba bậc chín phẩm, đem khắc bài tán vào đá. Người đến xem đều được cảm

hóa. Một hôm Sư không bệnh ngồi kiết già mà thị tịch. Có điềm lành thiên nhạc tấu trên không trung và mùi hương lạ đầy thất.

2. Pháp sư Trí Thâm:

Sư được vua ban hiệu Từ Hạnh, họ Thẩm, người ở Gia hòa. Lúc đầu Sư nương ngài Hải Nguyệt học về giáo quán. Khi đã thành, Sư trở về học với Sùng Phước Tây Tự, rồi mở Trường đường, cúng Vân Thủy, lập Sám hội Quang minh kỳ, suốt hai mươi năm mà chỉ như một ngày. Sư chuyên tu Tịnh độ, khuyên người niệm danh hiệu Phật, được Sư giáo hóa số người đông không kể xiết. Đến tháng sáu năm Ất Mùi niên hiệu Chánh Hòa, Sư ngồi mà tịch. Để khám suốt bảy ngày mà sắc mặt Sư vẫn không đổi. Đến ngày trà-tỳ thì có mùi hương lạ lan tỏa khắp nơi. Mọi người đến nhặt hết xá-lợi và xương tàn.

NỐI PHÁP NGÀI TỊNH TUỆ NGHĨA PHÁP SƯ

1. Pháp sư Đức Hiền:

Sư người Lâm An, vua ban hiệu là Viên Ứng. Lúc Sư còn nhỏ, xem bói thầy tướng bảo: “Ngày nọ sẽ bị nạn quan, chỉ có xuất gia mới khỏi được”. Cha tin lời, bèn cho Sư đến nương chú là Hải Nguyệt. Hải Nguyệt nói: “Ông cháu ta nối nhau gia nghiệp mới thành, ngươi muốn đến đây làm chủ nhân chăng?” Sư bèn bỏ đi. Sau đó xuống tóc lại đến chùa Thiên trúc tham học với ngài Tịnh Tuệ. Sư rất thông suốt đạo Giáo quán, lâu ngày được sắp vào hàng Đệ nhất tòa. Có một tục sĩ vào gặp ngài Tịnh Tuệ thưa rằng: Con gái tôi bị ma quấy nhiễu chợt gào chợt khóc, xin Sư Từ bi cứu giúp!” Ngài bảo: “Thủ tọa của ta trị nó được.” Kẻ sĩ bèn đến vái chào. Sư bảo: “Đặt một cái giường ở trên gác rồi cô gái đến đó ngủ”. Giây lát Sư bỏ đi. Cô gái thưa cha rằng: “Con vừa được Sư khai ngộ cho, nên nay xin đi luôn.” Từ đó thần thức cô được an định. Khi ngài Tịnh Tuệ ở yên tại Thảo đường thì Sư lên nối tiếp ở tòa giảng kinh. Quả là phù hợp với lời ký trước “về đây làm chủ” của ngài Hải Nguyệt. Sư ở đó được năm năm, không bệnh mà qua đời. Sư bảo môn nhân rằng: Thuở sinh tiền ta nhờ đạo lực mà thoát nạn, nay chết rồi e không khỏi được. Môn nhân bèn tạo tượng Sư đưa vào Tổ đường, dùng sắt mà bảo vệ cổ pho tượng. Trong năm Kiến Viêm, giặc Kim Chân Châu Vương Tử kéo quân đánh Chiết giang, chạy vào Thiên Trúc, lên Bảo điện thì các tượng đều đứng dậy vái chào, riêng tượng Sư không nhúc nhích. Vương nổi giận bảo đem chém nhưng cổ tượng có sắt nên không hề hấn gì. Vương lại bảo chất củi đầy cửa mà đốt. Nhưng khi củi tàn mà nhà vẫn y nguyên như cũ. Giặc cả kinh khen ngợi đảnh lễ lui

ra.

2. Pháp sư Trọng Nguyên:

Sư hiệu Thần Trí. Đúng tuổi thọ giới, liền theo học giáo pháp với ngài Tịnh Tuệ ở Thiên trúc. Rồi kế thừa làm chủ Tổ phụ đạo tràng, Đạo Phong rực rỡ. Được sáu năm thì Sư lui về chốn Thảo đường. Sư mời thủ tọa là Vĩnh Kham lên nối mình, Sư bảo: Các vật ở trong liêu đều để lại cho người sau, Phương trượng có chỗ dùng thì cũng đầy đủ. Sư chỉ lấy theo ba y, một bát, lò hương, phất trần, ni sư đàn, giấy mực và đồ giặt rửa, đời gọi là bảy vật tùy thân. Sư bước qua Thảo đường kịp nhìn qua liêu Thủ Tọa, chỉ còn một cái chăn, ngoài ra không gì khác. Người đời không ai không kính trọng đạo đức của hai Sư.

3. Pháp sư Vĩnh Kham:

Sư được vua ban hiệu Từ Giác, sống đời cao cả. Bình sinh Sư không bước chân đến chùa Ni. Sư theo học với ngài Tịnh Tuệ, lâu dần được đạo. Về sau Sư nối tiếp Sư Thần Trí ở Thiên Trúc được hai mươi mốt năm. Học giả khắp nơi đều tôn Sư là Tông Chủ. Sư thường khuyên dạy chúng rằng: Biết đạo mà không ép mình làm theo cũng như thấy cơm mà không chịu ăn, rốt cuộc là người đói. Hôm khác lại gọi chúng bảo rằng: Các ông cứ một mực nhịn ăn mãi là sao? Chúng hổ thẹn trước lời nói ấy, các học sĩ cùng lúc đốc thúc nhau tu tiến để trở nên bậc anh tài trên đời.

4. Pháp sư Tuệ Nhật:

Được vua ban hiệu Tịnh Chiếu, theo học với ngài Tịnh Tuệ mà được yếu chỉ. Sư thấu suốt Tam tạng, ưa tu thiền định, lấy việc phù vân mà đãi người, không phân biệt ngu hay trí. Có bị làm nhục Sư không hề đổi sắc, mọi người đều khen Sư đã được đại nhẫn của Phật. Sư nối ngài Từ Giác ở Thiên Trúc hơn mười năm, giảng đạo rất tinh tấn nối sáng nghiệp cha anh.

5. Pháp sư Tư Thượng:

Sư sớm theo học hiểu diệu đạo của ngài Tịnh Tuệ. Năm Chánh Hòa thứ nhất có chiếu vua mời Sư đến ở Thượng trúc và ban hiệu là Viên Ngộ. Sư giảng nói giản dị sáng sủa, các học giả đều ngưỡng mộ. Sư thường bảo: Nghĩa học của tông ta không chung với sách Nho, nhưng ta e người giảng dạy chưa thấu đáo hết nghĩa lý ấy. Dẫu nghĩa chưa tường tận còn ý ấy ở đâu? Vậy hãy được ý mà quên lời, từ đó người học sẽ thành công. Nhưng nếu người sơ tâm mới học thì trước hết phải tìm hiểu văn nghĩa mới được.

NỐI PHÁP NGÀI BIỆN TÀI TĨNH PHÁP SƯ

Pháp sư Nhược Ngu:

Sư người Hải diêm, họ Mã, được vua ban hiệu là Pháp Giám. Sư theo học giáo với ngài Biện Tài được khen ngợi là kẻ sớm thành đạt. Quan Quận thú đón Sư đến hoằng pháp ở Nam bình nhưng Sư không đi, bèn mời ngài Biện Tài đến ở. Đó là lúc Sư ở Long tỉnh sáu năm. Sau Sư đến Tiên Đàm ở Hồ chi xây cất Trường đường để tiếp đãi. Dựng gác lớn, tạo tượng Tây phương, kết họ với đạo niệm Phật thường có đến mấy trăm người. Trong suốt ba mươi năm người dự hội phần đông đều có điềm lành được Phật đón rước. Tháng chín năm Tỉnh Khang Mậu Ngọ, Sư bảo đồ chúng rằng: Ta mộng thấy Thần nhân bảo rằng: Bạn đồng học với các ông là Tắc Chương được Phổ Hiền Hạnh Nguyện Tam-muội, đã vãng sinh Tịnh độ, đang ở cõi ấy đợi các ông, các ông sao có thể để lâu mãi thế? Sư liền khiến chúng phúng tụng Quán Kinh, vừa xong bèn nói: Phật đã hiện tiền, chúng ta cùng đến đó. Liền để lại bài kệ rằng:

Ngàn hoa giăng lưới giữa khoảng không
Trong mộng ao sen bảy báu hiện
Bước đến đất Tây đường yên ổn
Một chút hồ nghi ắt cũng không.

Khi trà-tỳ Sư thì được cả trăm hạt xá-lợi. Tháp Sư ở Đông vũ. Khi Sư mới xuất gia mộng thấy cô gái áo trắng trao cho hai mươi bảy thẻ lớn. Sau đúng y số năm Sư hưởng dương (sau đây bản kỷ để thiếu mất một người. Như Cảo ở sau ngài Tử Lâm).

NỐI PHÁP NGÀI TỪ GIÁC KHAM PHÁP SƯ

Pháp sư Tử Lâm:

Sư được vua ban hiệu Từ Thọ. Thuở nhỏ Sư theo học với ngài Từ Giác và thâm ngộ được Viên Chỉ. Sư lại đến gặp ngài Phật Trí Dụ Thiền sư nghiên cứu kỷ Tâm Yếu. Lúc đó ngài Thiên Trúc được chỉ vua ở trong núi để làm công đức cho Thái hậu Từ Phước. Suốt hai mươi tám năm trong việc diễn giảng Sư luôn đề cao đại nghĩa. Các thiền lữ nghe đạo phong của Sư mà đến thì đều cảm phục sự biện luận của Sư. Ngài Đại Tuệ Cảo Thiền sư đến luận bàn cùng Sư, suốt đêm không hay trời sáng liền bảo Sư rằng: Người bây giờ chỉ biết Sư có giáo, Kính Sơn lại nhận là lão Sư có thiền và làm lời đề nói về sự thật ấy rằng: Khi ngộ được Toàn Đà-la-ni Tam-muội thì đối với tất cả pháp đều được đại tự tại. Trên đầu lưỡi, lời lẽ tuôn trào Đệ nhất nghĩa đế không hề sai trái.

Mùa Xuân năm Càn Đạo, vua Hiến Tông đã vời Sư vào hỏi đạo.

Vua nói: Trẫm muốn đọc kinh, vậy kinh nào cốt yếu?

Sư đáp: Kim Cang Viên Giác là đạo cốt yếu nhất.

Vua hỏi: Tham thiền như thế nào?

Sư đáp: Tu thiền cần do tự ngộ.

Vua hỏi: Lấy gì làm công?

Sư đáp: Ngưng lắng thân tâm lâu ngày tự khế hợp.

Vua đồng ý. Sau này khi triều đình có việc cần mời hỏi các bậc Đạo giáo ở đời thì Sư thường cho Tuệ Quang ở Thượng trúc góp ý. Vua rất vui mừng tiếp nhận. Một hôm Sư gọi môn nhân bảo rằng: Ta làm Thủ tọa mười tám năm, hằng ngày đều tụng một bộ kinh Pháp Hoa này. Mỗi khi thiền định thường mộng thấy Đức Phổ Hiền. Từ khi làm trụ trì đến nay không còn mộng thấy nữa, mới tin là "lãnh chúng thì tổn mình" lời nói ấy thật đúng. Sư bèn lui về ở Thảo đường. Được khoảng nửa năm, chợt Sư viết kệ để lại rồi ngồi kiết già thị tịch. Để khám Sư lại hơn một tuần nhật, lúc đó trời đang giá rét nhưng nhục thân Sư vẫn luôn ấm áp (Sau đây mới biết thiếu một vị Linh Tường).

NỐI PHÁP NGÀI PHÁP BẢO, NHÃ PHÁP SƯ

Pháp sư Như Cảo:

Sư người ở Tiền Đường, đến tham học với ngài Pháp Bảo. Đời Đường, có Phục Lễ Pháp sư đến học đạo làm kệ hỏi rằng:

Chân Pháp tánh vốn Tịnh
Vọng niệm do đâu khởi
Từ chân có vọng sinh
Vọng này do đâu dứt?
Không đầu thì không cuối
Có chung nên có thủy
Không thủy mà không chung
Mù mịt mãi lý này
Xin bày ý huyền diệu
Bẻ gãy thoát sinh tử.

Sư bảo: Câu hỏi này có hai ý. Vế bốn câu hỏi đầu là: Chân pháp vốn tịnh vọng do đâu sinh, vọng đã sinh rồi, vọng do đâu diệt. Đây là nghĩa tức chân, tức từ chân mà khởi vọng, lại từ vọng mà trở về chân. Vế bốn câu hỏi kế là: Thủy chung có không, đã nói không thủy, vì sao có chung. Nếu không có chung, vì sao có thủy. Hai câu kệ sau là đáp. Từ Cổ Thiệp Pháp sư đến Thanh Lương Khuê Phong mỗi vị đều có kệ

đáp. Nhưng trong Hồng Giác Phạm đã chép (Lâm Gian Lục) bảo đều chưa đáp ứng đúng ý hỏi. Hỏi rằng: "Chân pháp vốn tịnh, vọng do đâu khởi?", mà nay chỉ đáp là "mê chân bất giác". Với câu đáp đó ai trả lời không được? Sư bèn phân ra mà đáp rằng:

Chân không giữ tự tánh
Phân biệt, năng sở khởi
Tùy duyên huân nhiễm tịnh
Chỉ ở tánh mới dứt
Chân vọng một thể "Tức"
Nên nói không chung thủy
Mê ngộ tự phân biệt
Lý thủy chung rõ ràng
Hiểu gốc chân vọng này
Ai lại chịu sinh tử.

Kẻ thức giả bảo câu đáp này mới hết ý câu hỏi. Sư soạn về giáo nghĩa có tên là Chỉ Nguyên Tập (ở bài tựa ghi là soạn năm Thiệu Hưng thứ mười hai).

NỐI PHÁP NGÀI HƯNG QUỐC, CƠ PHÁP SƯ

Pháp sư Ngộ Trì:

Sư người Từ Khuê, theo học với ngài Hưng Quốc. Sư thi tụng Pháp Hoa trúng tuyển được độ. Sư thông suốt tất cả ý chỉ, sâu sắc đạo truyền thọ của Cơ Pháp sư. Sư rất có đạo phong khi thay thầy giảng pháp. Tại Vĩnh an ở ấp Tây, suối rừng rất đẹp, chúng thỉnh Sư đến khai phá, trải suốt mười tám năm nơi ấy nhà cửa tượng hình đều đầy đủ. Đầu năm Bảo Nguyên, vua Nhân Tông nghe tâu bèn ban cho Sư hiệu Phước Nguyên. Sư an chúng giảng đạo. Sư chi ly nghiêm khắc khi giảng đạo nhưng rất khoan hòa với mọi người, rất lễ nghi khi tiếp khách nhưng nói năng tao nhã suốt ngày không mỏi mệt. Nơi Sư ở có trồng nhiều cây trái đẹp, luôn đắp đường khai nước làm ruộng, nên gặp năm đói kém hạn hán không lo. Cơm và pháp đều đầy đủ, mọi người đều vui vẻ nương nhờ (Tứ Minh Giáo Hạnh có ba sách, cùng Trì Điệt làm chủ Vĩnh an sơn là đó. Việc này thấy ở Phước Nguyên Khai Sơn Ký. Trong đây bản kỷ thiếu mất hai người. Quyển này gồm có ba mươi ba vị, nhưng bản kỷ ghi chỉ có hai mươi ba vị, thiếu mất mười vị).

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 12

PHẦN 2

****Nối pháp ngài Tứ Minh, Pháp Trí Pháp sư (đời thứ nhất) gồm có:***

Quảng Trí, Thượng Hiền Pháp sư.
Thần Chiếu, Bản Như Pháp sư.
Nam Bình, Phạm Trăn Pháp sư.
Tam Học, Tắc Toàn Pháp sư.
Phù Thạch, Sùng Cự Pháp sư.
Quảng Từ, Tuệ Tài Pháp sư.
Quảng Nghiêm, Hàm Oánh Pháp sư.
Tuệ Nhân, Trạch Giao Pháp sư.
Viên Trí, Giác Tông Pháp sư.
Sùng Pháp, Từ Đoan Pháp sư.
Tứ Minh, Văn Xán Pháp sư.
Đơn Khâu, Từ Khiêm Pháp sư.
Tứ Minh, Nguyện Bân Pháp sư.
Quảng Ấn, Trí Hoàn Pháp sư.
Tường Phù, Văn Trí Pháp sư.
Tam Cù, Văn Bỉnh Pháp sư.
Tứ Minh, Dụng Khanh Pháp sư.
Tứ Minh, Cư Vĩnh Pháp sư.
Tứ Minh, Tự Nhân Pháp sư.
Sùng Khánh, Bản Viên Pháp sư.
Thiên thai, Tuệ Châu Pháp sư.
Tam Cù, Hoài Tập Pháp sư.
Viên Trí, Chí Hào Pháp sư.
Nhật Bản, Nguyên Tín Pháp sư.
Nội Thị Du Nguyên Thanh.
Nối pháp có hai mươi bảy vị (theo bài minh ở tháp). Người nhập

thất có bốn trăm bảy mươi tám vị (theo Thật Lục). Thăng đường có một ngàn người (theo bài minh ở tháp).

****

NỐI PHÁP NGÀI PHÁP TRÍ PHÁP SƯ

1. Pháp sư Thượng Hiền:

Sư người Tứ minh, được vua ban hiệu Quảng Trí, nương học Giáo Quán với ngài Pháp Trí, được nghe giảng về Tịnh danh đốn ngộ, ý chỉ tánh tướng, hầu Thầy đã lâu bèn được tôn là bậc cao đệ. Năm Thiên Thánh thứ sáu (đời vua Nhân Tông) nối ngài Pháp Trí làm chủ Diên Khánh, hoằng đạo rất thạnh hành. Ngài Tuyết Đậu Hiển Thiền sư nghe danh, bèn xuống núi đến hỏi, rồi yết bảng nấu trà để bày lễ mừng. Người truyền nhau cho là việc tốt đẹp. Có buổi sáng Sư vào Sám đường thấy có một con hổ nằm phục trước ghế. Sư thẳng đến trải ni sư đàn trên lưng hổ, tuyệt nhiên chẳng thấy gì. Quốc sư nước Nhật Bản sai Thiệu Lương... mang kinh Pháp Hoa chữ vàng làm tiến lễ xin theo học Pháp luân. Sau ba năm học xong liền giả từ trở về Nhật Bản hoằng hóa rộng rãi đạo này. Trong năm Minh Đạo đời vua Nhân Tông, ngài Tịnh Giác ở Linh chi viết thư đến Sư luận chỉ yếu, giải nghĩa tam thiên, chỉ là tâm tánh đầy đủ pháp tục đế, chưa phải là gốc của Trung đạo. Thỉnh Sư cùng đi ngược lại Sư thừa, Sư bèn viện dẫn văn ngài Kinh Khê nói về ba ngàn tức không, giả, trung, bảo là hà tất phải chuyên ở giả mà giúp nghĩa tam thiên câu thể câu dụng của ngài Tứ Minh. Học giả đều nương theo đó (hai thư qua lại đều thấy ở Quảng Trì Di Biên). Sư có soạn sách như Thích Kim Ty (mất bản), Thích Lập Thoại (tức Phù Tông Trung Sư, có ghi về Quảng Trí Truyện và Pháp Trí Nhị Sư Khẩu Nghĩa). Sư là người có công lớn về phò trợ đại giáo, khéo mở sáng kinh chương, nối tiếp ý chỉ diệu tông truyền lại. Sư đã từng soạn Xiển U Chí, dùng bảy thứ Nhị đế mà làm tiêu nghĩa Vương của kinh Quang Minh (chính là bốn giáo, phụ là ba tiếp) là thuyết của ngài Pháp Trí. Kịp sau khi soạn Quang Minh Ký thì thâu lấy mà dùng (thấy ở Khẩu Nghĩa Kinh Chương).

Thảo Am Lục nói rằng: Tằng Lỗ Công có soạn bài minh ở tháp ngài Quảng Trí, nhưng đời sau không truyền lại, vì đã bị giặc Kiến Viêm đốt phá cả các chùa. Tiếc thay!

2. Pháp sư Bản Như:

Sư là người ở Câu chương, Tứ minh, theo học với ngài Quốc Ninh ở Bản quận. Trước Sư nương với ngài Pháp Trí ở giữa ngàn chúng nổi

tiếng là trẻ tuổi tài cao, sách vở thơ bút của Sư đều có phép tắc được đời ưa chuộng, Sư thường thỉnh ích chánh nghĩa của kinh, ngài Pháp Trí bảo rằng: Hãy dẹp hết đạo của ông đi, đến làm tri sự cho ta ba năm. Khi việc xong Sư lại thỉnh ích. Ngài Pháp Trí liền quát lên một tiếng lại gọi Bản Như! Sư bỗng hoát nhiên tỉnh ngộ, bèn làm bài tụng rằng:

Mọi chỗ gặt đường về
Quay đầu thấy cố hương
Xưa nay việc hiện tại
Hà tất phải suy lường?

Ngài Pháp Trí khẳng định rằng: Nếu trước bảo ông thì sao có được hôm nay. Năm Tường Phù thứ tư, ngài Từ Vân dời về ở Linh sơn thân đến giảng hội của ngài Pháp Trí tìm người thừa kế mình. Ngài Pháp Trí bảo: Cứ chọn người trong chúng. Ngài Từ Vân ngước nhìn đến Sư liền bảo: Người này được đấy. Sư đến Thừa thiên (là tên cũ của Năng Nhân Đông Sơn) mà chấn hưng đạo pháp. Trải suốt ba mươi năm, chúng thường có năm, sáu trăm. Pháp Hoa, Niết-bàn, Quang Minh, Vô Lượng Thọ, Quan Âm Biệt Hành, Huyền Chỉ Quán, Kim Ty, Quán Tâm Luận... đều giảng nói sáu, bảy lượt. Sư thường tập họp khoảng trăm Tăng tu Pháp Hoa Trường Sám một năm thấy có nhiều điềm lành ứng nghiệm. Tháng bảy năm Bảo Lịch thứ hai, Phò mã Lý Tuân Úc tâu vua ban cho Sư hiệu Thần Trí và Tử Y, lại ban cho bốn ngàn năm trăm quyển giáo văn của ngài Trí Giả để làm tư liệu giảng thuyết. Có lần Sư ở góc Tây nam của chùa thấy một con hổ nằm ngủ, Sư lấy gậy gõ bảo: “Đây không phải là chỗ mầy ngủ”, hổ cúi đầu mà đi (nay là Đình Hổ Khê ở chùa Bạch liên). Sau ở chỗ hổ nằm xây cất am thất vây quanh. Trước đó có năm thần chung ở đấy. Mỗi khi Sư tọa thiền thì luôn khiêng giường Sư đang ngồi đi trên hư không, Sư không thèm hỏi. Một hôm năm Thần đến thưa rằng: Sư đã chiếm chỗ của chúng tôi, vậy xin đến sườn núi kia mà cất nhà đắp tượng, đã có đủ đất ở núi ấy. Sư đến xem thì thấy trên sườn núi có một đống đất mới lấy đắp tượng thì vừa đủ. Sư mến mộ đạo phong ở Lư sơn, bèn cùng Thừa tướng Chương Tuân Công và chư hiền giả kết thành Bạch liên xã, sáu bảy năm đến nay đã thành một chùa lớn. Bèn lấy một phần ba núi rừng ở Năng nhân, chỉ núi làm ranh để lấy củi nấu cúng. Vua Nhân Tông khâm phục đạo phong của Sư bèn ban cho tên Bạch Liên. Đến năm Hoàng Hựu thứ ba, ngày mười tám tháng năm Sư có chút bệnh, bèn lên tòa thuyết pháp cùng chúng nói lời giã biệt. Đêm ấy tất cả cột kèo ở Pháp đường, kho gác, Phương trượng... đều gãy, chuông trống đánh không kêu, các ngư dân trên sông thấy có

vị Tăng ngồi trên đám mây bay về hướng Tây. Sáng sớm hôm sau Sư nằm nghiêng bên phải mà tịch. Lúc đó khí trời nóng bức mùi hương lạ nực nồng. Đến tháng ba năm sau xây tháp ở phía Bắc chùa để nguyên nhục thân Sư. Môn nhân giở kim quan thì thấy dung nhan Sư vẫn như lúc còn sống, tóc và móng đều mọc dài ra, có một hoa sen lớn mọc ở trước tháp. Sư thọ bảy mươi tuổi, hạ lạp năm mươi ba, học trò nối pháp của Sư rất đông. Có lần Sư ở trong ấp Thiên thai truyền giới cho chúng, vừa làm phép Yết-ma thì chợt có ánh sáng từ tháp ngài Trí Giả ở chùa Quốc thanh núi Xích thành chiếu thẳng đến pháp tòa của Sư. Lúc đó có hội cúng ngàn Phật và đãi cơm ngàn người nghèo. Hoa đặt trên chiếu nơi Phật tòa đáng lẽ không héo mà héo, còn hoa ở chỗ người nghèo đáng lẽ héo mà lại tươi. Toàn chúng khen ngợi là điềm lạ. Sư từng làm Nhân Vương Sám Nghi, soạn Hành Pháp Kinh Sớ đến mười thứ cảnh giới thì ngưng sau đó Hàm Pháp sư viết tiếp trọn bộ.

Vấn Tuyên Tử Ký nói: Mùa Xuân năm Gia Định thứ tư, Trụ Sơn Giám Đường bảo: Tháp của Sư phải ở sau Phương trượng, dãi dầu với gió mưa không cần nói. Lúc sắp dời đi mới đào đất được vài tấc thì mùi hương sực nức, trên mộ phần mọc lên một cành hoa sen chiếu sáng rực rỡ. Kịp khi mở nắp Kim Quan thì dáng từ vẫn ung dung, râu tóc dài ra, y áo không mục, xá-lợi đầy khám. Toàn chúng kinh sợ than thở. Rồi đem an táng lại. Ngài Kính An luận rằng: Thân máu thịt của Pháp sư được bao bọc bởi y phục đẹp, ở trong đất hai trăm năm mà không rã nát, nếu không phải do sức trì giữ đặc biệt của giới định tuệ Tam-muội thì ai có thể làm được như thế? Coi thường tháp Tổ là lỗi của Giám Đường chẳng phải do lời thưa nói mà hôm nay mới nhìn thấy, sao đủ để biết cái điềm lành về nhục thân và y phục của Pháp sư bền chắc không hư rã. Bày hiện việc này phải chăng là chính do ý Tổ ngầm khiến ư? (Quán Kinh Sớ - Lấy hoa ở tòa, quán làm áo mình mặc. Nay lấy áo bọc mà ví).

3. Pháp sư Phạm Trăn: (Trước đây là Hữu Trăn, vua Chân Tông đổi lại)

Sư người Tiền Đường, sau khi thọ giới Cụ túc, Sư liền đến hỏi đạo ở Tứ Minh, gặp ngài Pháp Trí quá muộn, nghe giảng về Diệu Huyền Văn Cú được đại ngộ rồi trở về quê cũ. Hận vì không được truyền trao Chỉ Quán, Sư bèn thắp hương lễ tượng đọc suốt hai mươi lần để tiêu biểu cho việc được Sư truyền thừa. Năm Hoàng Hựu thứ ba, lúc đầu Sư ở Thượng trúc, qua năm sau có chỉ vua dời Sư về Kim sơn. Năm Hy Ninh thứ năm, quan Thú đất Hàng là Ngô Thị Độc nghe danh Sư nên đón Sư về Nam Bình để hoằng hóa. Mỗi khi giảng kinh thì tóm tắt bao

quát cả danh lý, xuyên suốt trước sau, nêu một nghĩa thì các nghĩa khác đều hợp, cùng tột một văn thì các văn khác đều đủ. Lúc đó người có trí nhớ tốt, bèn tập hợp xếp loại. Lúc đầu chỉ tập họp xếp loại các điều giảng dạy tản mát trong các kinh văn dẫn chứng của ngài Pháp Trí. Thủ Tọa là Hữu Nhân chép thành năm loại. Rồi ngài Tịnh Giác thêm hai, Quát Thương Thông Sư lại thêm ba, Phật Tuệ Tài Sư kiểm lại các văn xếp làm mười loại. Ngài Tứ Minh Cát Sư tùy theo các bộ pho mỗi thứ lại giảng nói thêm. Ngài Quảng Trí xem thấy bảo rằng: Việc xếp loại tập nửa được nửa mất. Được là ở đó mà biết rõ cương yếu, còn mất là cũng ở đó mà mịt mờ trước và sau. Kịp khi Sư lên tòa diễn giảng, Quần Phong Thái Sơ nói về các đầu mối ở Cao tòa, Siêu Quả Hội Hiền lập riêng Huyền Tự Tiêu Văn, mỗi mỗi văn đều mở bày ý Tổ đến Đông độ, chính thức giải thích Quán Tâm... gọi là một nhà Nam Bình (Thiên Trúc Thiền sư nói: Bỏ đi việc nghiền cắt Pháp thân dối lừa kẻ hậu học. Tra Âm viết thư cho Vô Tướng Hân, gắng sức chớ truyền. Câu nói đề hồ hóa thành tấm cám, Pháp Tạng biến ra lửa ma). Ngô Công đương buổi về hưu tất đến nghe pháp, rũ tay áo sửa hốt đứng chờ ngoài cổng thành. Sư chưa lên tòa thì quyết không vào. Một đêm Sư được mời đến thấy một người phụ nữ ở trước, hỏi thì người ấy thưa rằng: Con có việc buồn, khẩn thiết thỉnh Sư đến nhà con. Sư bèn theo đến cửa thì thấy có mấy người lôi người phụ nữ ấy để trên giường rồi lấy đại đao chém như chặt bùn. Giây lát sống lại khóc mà thưa rằng: “Thuở sinh tiền thiếp giỏi nghề băm chặt nem chả nên nay phải chịu báo này. Thiếp cúi lạy mong ngài cứu thoát!” Sư bèn truyền giới cho, rồi người ấy biến mất. Sư thường cùng ngài Tịnh Giác biện luận giáo môn bèn giải bày với quan hữu ty xin cất Cao đài dựng cây phướng đỏ. Sư phóng hào quang Phật chiến thắng ngoại đạo, kẻ luận thua bị chặt đầu cắt lưỡi treo trên phướng. Quận hầu thấy Sư tinh nhuệ về pháp chiến theo lời mà giải thích bèn nói rằng: Hành văn sáng tác thì Trăn không bằng Nhạc, còn nhớ giỏi nghe nhiều thì Nhạc không bằng Trăn. Dầu khi Sư không còn tranh luận nữa, người nghe không ai không run sợ. Tô Đông Pha khi xưa mới đến đất Hàng rất thân với Sư. Về sau làm Quận thì Sư đã tịch rồi. Pha thấy hành trang của Sư bảo rằng: “Văn này tuy khéo nhưng chưa nói được chỗ hơn người của Lão Sư ấy! Ta có lần nói chuyện với ông, Kinh Sử quần thư nếu có chỗ nào quên sót thì ông liền đọc lên ngay.” Trong năm Sùng Ninh, Sư được thụy phong là Thật Tướng Pháp Sư.

4. Pháp sư Tắc Toàn:

Sư tự là Thục Bình, họ Thi, người Tứ minh. Nương Báo Quốc mà

xuất gia, rồi đến học giáo quán với ngài Pháp Trí. Lúc đó Nam Hồ tranh nhau suy tôn mười vị Đại đệ tử thì Sư là người đứng đầu. Sư thông cả thư sử lại giỏi trước thuật, tánh khí thẳng thắn dám nói lỗi người, do đó người rất sợ. Sư ở với Tam Học suốt ba mươi năm. Quận Thú là Lang Giản càng kính phục, từng bảo người rằng: Thục Bình tài khí lẫm liệt, nếu là Nho sĩ tất làm chức Gián Tranh, đâu có kém gì Cấp Ảm đời Hán, Ngụy Trưng đời Đường và Vương Nguyên Chi ở triều ta ư? Mùa hạ năm Khánh Lịch thứ năm, Sư từ biệt chúng, ngồi mà tịch. Đệ tử là Nhược Thủy lập Kiệt (bia tròn) cho Sư ở Diên khánh. Tác phẩm Tứ Minh Thật Lục của Sư được người khen là "Tề Ấp làm bia Quách Hữu Đạo" (Quách Lâm Tông ở đời Hậu Hán, tiến cử Hữu Đạo, không chịu mà chết. Tế Ấp làm văn bia bảo Lư Thực rằng: Ta làm rất nhiều bia đều có người thẹn vì sự ca tụng đức mình, chỉ có Quách Hữu Đạo là không có vẻ thẹn mà thôi).

Lời thuật rằng: Triệu Thanh Hiến làm văn bia cho ngài Quảng Trí, ngài Tam Học mất rồi, đệ tử là Thủy Sư Lập Kiệt. Hai bài văn này tất có nhiều việc lớn đáng ghi nhớ. Nay hai bảng đá không còn, do đó hạnh nghiệp của hai Sư khó biết. Người đời sau viết truyện chỉ là mơ hồ mà thôi. Chao ôi! Đáng tiếc!

5. Pháp sư Sùng Cự:

Sư người ở Tam cù, đến học với ngài Pháp Trí, rất thông suốt đạo Giáo Quán, ở vào hàng đệ nhất tòa. Sư ngồi nghe ngài Pháp Trí giảng đạo, ngài bảo: "Đạo ta đã có chỗ gởi rồi." Lúc đầu Sư đến giảng thiền ở Hoàng nham đông, ngài Pháp Trí viết thư khuyên gắng rằng: Việc lập thân hành đạo là nghiệp lớn trên đời, khiêm nhường là cốt lõi đạo đức, ông phải nắm chắc, ngoài việc này ra càng phải nghiên cứu rộng năm kinh, nhã ngôn, sửa lại các văn để khỏi tầm thường và hiệu đính lại tác phẩm của Viên Xà-lê." Chưa bao lâu Sư trở lại Tam Cù theo thọ nghiệp với Cảnh Đức Giảng Phù Thạch. Người chủ là Nguyên Huân hỏi về nghĩa từ "Chân" mà "Vọng" khởi, Sư đáp một lời liền khế lý. Sư xin về Thiền cư làm nơi truyền giáo vĩnh viễn. Quan quận tâu việc lên vua nên được chỉ vua chấp thuận. Sư bèn mở rộng trai đường để giữ yên học chúng. Ngày luận Chỉ Quán, đêm giảng Quang Minh, đồng thời dẫn chúng niệm Phật. Từng lấy pháp dung tâm của ngài Pháp Trí giải nghĩa chưa rốt, vấn nạn rộng rãi. Ngài Pháp Trí bèn thâu lại ba bậc để tránh trái nhau. Thời Chân Miếu, Sư du phương đến Kinh sư, vua nghe danh Sư bèn triệu vào nội điện, Sư giảng kinh Tứ Thập Nhị Chương và luận rõ về danh lý, vua rất vui lòng bèn ban cho Tử y, tiền bạc, hương đèn,

thuốc men. Sư trở về Thiên Trúc, chúng giữ Sư làm phó giảng. Sau đó khá lâu Sư mới trở về quê cũ. Ngài Từ Vân truyền thừa cho Sư lư hương, phất trần Như ý và thư tay có lời khuyên khen Sư rằng: Ông sắp diễn giảng nơi quê nhà, hãy gắng lên! Nhẫn nhục làm áo, Từ bi làm nhà, chỗ không là ghế ngồi, thân xa lánh các não hại, miệng ít nói bàn, ý phòng khinh mạn. Với từ tâm mà độ người. Đó là ba khuôn mẫu, là bốn hạnh, gọi là thuyết an ổn.

Lời thuật rằng: Phù Thạch trước học với ngài Pháp Trí và đến Đông Thiền bèn để lại thư, lúc đó đã định phần thầy trò rồi vậy. Sau Sư từ Kinh Sư trở về Thiên Trúc, ngài Từ Vân đãi Sư như con, cho nên khi Sư trở về quê ngài cũng đã trao lời. Đây thấy hai vị Tôn giả tình đạo pháp không gián đoạn, nhưng xưa nay Đồ phả đã xếp ngài Từ Vân ở hàng thấp, vì không chịu xét vậy. Nếu thế thì nay căn cứ vào Giám Sư Lục để hệ thống dòng Tứ Minh, xem Đồ thì không còn lầm nữa.

6. Pháp sư Tuệ Tài:

Sư họ Từ, người ở Lạc thanh, Vĩnh gia. Sư sống an nhàn ở Bạch hạc sơn. Năm Tường Phù do lễ Đàm ân mà được độ (Chân Tông phong cho Thái Sơn và ra chiếu Tự Quán mỗi nơi độ một người). Năm mười ba tuổi Sư được thọ giới Cụ túc rồi đến học ở Tứ minh. Sư tánh thức chậm lụt u tối, thường trì tụng chú Đại Bi, để nguyện học thông đạo Tổ. Bỗng mộng thấy có vị Phạm tăng thân cao mấy trượng cởi áo ca-sa khoác vào mình Sư hô lớn rằng: “Tuệ Tài suốt đời nhớ ta!” Sáng hôm sau Sư đến giảng đường thì hoát nhiên khai ngộ. Những điều đã nghe trước đây đồng thời thấu suốt. Chưa bao lâu các thủ chúng bốn tòa đều tôn phục. Sư lại đến gặp ngài Từ Vân kính cẩn quy phục chuyên cần sớm tối không bỏ. Năm Trị Bình thứ nhất, Quan Thú đất Hàng là Thẩm Cấu mời Sư giảng Pháp Tuệ Bảo Các, hai mươi năm trước sau vẫn giữ một tiết. Quan thái úy Lư Công tâu lên được vua ban cho Sư hiệu Quảng Từ. Phù Thạch đến thỉnh, Sư liền thuận theo ý chúng. Chưa bao lâu lại lui về ở dưới tháp Lôi Phong. Sư thường nhón chân tụng một trăm lẻ tám biến chú Đại bi làm khóa tụng, lại nhón chân trọn một ngày đêm niệm danh hiệu Đức Di-đà. Một đêm nọ Sư nằm mộng thấy mình đến lầu báu ở Cung khuyết, có một người đến bảo rằng: “Ông sẽ sinh về Tịnh Độ Trung Phẩm.” Mùa Xuân năm Nguyên Phong thứ nhất có hàng vạn kẻ xuất gia đến nhờ Sư truyền Đại giới. Khi làm phép Yết-ma thì trên đảnh tượng Đức Quan Âm chiếu hào quang sáng rực cả giảng đường. Ngài Tịnh Từ Thủ Nhất Thiền sư làm bài Ký Giới Quang. Đến ngày hai mươi mốt tháng năm năm Nguyên Phong thứ năm, Sư mặc áo đến tòa viết kệ

khen Phật rằng: “Nhất quyết con sinh Tịnh độ” rồi yên lặng mà hóa. Tháp Sư ở bên phải am. Sư thọ tám mươi sáu tuổi, hạ lạp bảy mươi ba. Người kế thừa là Pháp Tông Giới Châu... mười người. Sư dáng vẻ cổ xưa nhưng tánh điềm đạm, ít nói quả dục. Lúc đó các giáo môn dị luận ồn ào chốn Triết giang, Sư vẫn một mình tuần tự giảng dạy không hề dấu diếm. Thanh Hiến Triệu Công giao tiếp với Sư đạo vị rất thân thiết. Kịp khi trấn thủ đất Việt, ông làm thi gởi Sư:

Về được Lạc bang thật thích vui,
Lôi Phong am vắng dạ bùi ngùi,
Triết giang chớ bảo tin thơ vắng,
Một sớm tin thơ mấy lượt vui.

7. Pháp sư Hàm Oánh:

Sư theo học với ngài Quảng Nghiêm ở Tứ minh. Lại được bẩm truyền Giáo Quán của ngài Pháp Trí và đạt đến chỗ tinh áo. Người thời ấy suy tôn Sư là Giáo chủ. Sư thường lấy bạc viết kinh Pháp Hoa, khi gặp danh hiệu Phật Bồ-tát thì viết bằng chữ vàng. Đời khen Sư là “Pháp Môn Chí Bảo.” Niên hiệu Kiến Viêm gặp nạn giặc Kim, đình chùa bị đốt phá tan hoang, người ta tìm thấy bộ kinh này trong đống gạch vụn nhưng không hư một chữ. Khoảng năm Thuần Hy, Sư ở Am Liên Chỉ, đêm nghe ồn ào vạn tiếng người, cả kinh, Sư bò dậy nhìn xem thấy biệt thất đang bốc cháy mà Kinh này đặt trên gác. Sư bèn xông vào lửa cứu được Kinh còn nguyên vẹn. Người ta bảo Kinh này hai phen bị lửa thiêu rụi mà không mất thì xa là do sức Công đức Đại thừa, còn gần là nhờ hạnh nguyện trì kinh của Giáo chủ.

8. Pháp sư Trạch Giao:

Sư là người ở Thai Chi Hoàng Nham, theo học với ngài Pháp Trí mà được đạo. Năm Thiên Thánh thứ hai, Chương An Tuệ Nhân mới đổi làm giảng viện, thỉnh Sư làm tòa chủ. Ngài Pháp Trí viết lời truyền thừa, tóm tắt rằng: Nay truyền cho ông lò hương và phất trần Như ý dùng làm vật truyền pháp. Mong ông dùng Tam Học để trang sức cho mình, Tứ Tất đàn để làm lợi ích muôn vật, ông hãy yêu thích mọi người, chớ vọng nghĩ việc cầm quyền chỉ huy.

9. Pháp sư Giác Tông:

Sư học với ngài Viên Trí ở Cối kê, lại nương ở Nam hồ học xong rồi trở về. Ngài Pháp Trí gởi thiếp khuyên gắng Sư rằng: “Đã học Sơn môn ta thì phải khác với các dòng phái tầm thường, Lý Sự gồm tu, mình người đều độ, như thế mới đáng là con cháu của Trí Giả.”

10. Pháp sư Từ Đoan:

Sư người Tứ minh, theo học với ngài Sùng Pháp, lại gần gũi lâu ngày với ngài Pháp Trí. Sư được đời tôn là Giáo chủ. Vương Kinh Công Tể Ngân là bạn phương xa với Sư (Kinh Công có viết lời đề về ngài Sùng Pháp rằng: Đình nhỏ bên sông xanh bóng trúc, muôn hoa trải đất ngát hương thơm, chỉ mong những ai nhìn cảnh ấy, diệt trừ phiền não hóa thanh lương.

11. Pháp sư Văn Xán:

Sư họ Tiết, người Tứ minh. Lúc đầu Sư nương ngài Hưng Quốc Lệnh Tường Sư. Sau đó được sai đến nhập thất ngài Pháp Trí, Sư chăm chăm Giáo Quán trải suốt nhiều năm. Đến năm Thiên Thánh thứ tư, Tường Sư vì việc xây cất sửa chữa chùa tháp không giảng dạy được, nên giao việc giảng dạy cho Sư. Ngài Pháp Trí viết lời truyền thừa khuyên gắng rằng: Ta thấy ông là Pháp khí đáng truyền thụ, nên trao ông lư hương, phất trần và Uất-đa-la Tăng, mong ông một cầm, một mặc khiến đức hương ngào ngạt, Tịch nhẫn thành tựu.

12. Pháp sư Từ Khiêm:

Sư sớm nương học ngài Pháp Trí. Nhân có người bảo tam thiên là giả pháp, lấy đó mà vấn nạn. Khi ấy ngài Quảng Trí bảo rằng: "Tam thiên không lìa thật tướng thật tướng tức là Tam đế, Tam đế đều là tam thiên vậy." Sư phục thuyết ấy, sau đó Sư viết quyển Tu Tánh Biên Ngoa, trước hết nêu rõ tam thiên không chuyên về Tục đế." Khi ngài Quảng Trí viết thư đáp lời ngài Tịnh Giác, thì lấy lời này của Sư làm chứng cứ.

13. Pháp sư Nguyện Bân:

Sư người Tứ minh, nương học ngài Pháp Trí mà được ý chỉ, Sư giảng đạo nổi tiếng. Ngài Pháp Trí sắp viên tịch có để thơ phó chúc cho Sư nối thạnh đạo lớn.

14. Pháp sư Trí Hoàn:

Sư học với ngài Pháp Trí. Dương Văn Công khuyên ngài Pháp Trí đừng tự thiêu bèn viết thư cho ngài Từ Vân và nhờ Sư đến khuyên các ngài nên trụ thế. Khi ngài Pháp Trí lập hội Phóng sinh có thỉnh Khu Mật Lưu Quân soạn bia thuật ký. Sư viết nhiều thư thôi thúc bèn được thành văn (Từ đây bản kỷ thiếu bốn vị).

15. Pháp sư Tự Nhân:

Sư nghe ngài Pháp Trí giảng kinh, sao chép văn dẫn ở các Bộ, các danh ngôn làm thành năm loại. Việc sưu tập phân loại là bắt đầu từ Sư. Mùa hạ, năm Tường Phù thứ bảy, ngài Pháp Trí viết tập Giáo Môn Tạp Vấn gồm bảy chương và Tứ giáo Tứ đế nghĩa. Bài đáp của Sư là hay

nhất, được các học giả lưu truyền nhiều. Sau Sư được cử làm Thủ chúng diễn giảng không biết mỏi mệt. Tánh Sư nhún nhường lặng lẽ không ham danh đời, do đó mà được kính mến (Sau đây bản ký thiếu một vị).

16. Pháp sư Tuệ Chu:

Sư là người Đan khâu. Khi song thân đã qua đời Sư liền bỏ nhà vào đạo. Theo học với ngài Tứ Minh mới mấy năm mà được đạo bèn bảo rằng: Ngài Pháp Trí có dạy: Phật đạo rất dễ mà thật hành rất khó. Đó là bốn thứ Tam-muội." Năm đầu Thiên Thánh, Sư giao kết với mười bạn đồng học tu Đại Bi Hành Pháp kỳ hạn ba năm, lại giao kết với mười bốn người tu Phổ Hiền Hành Pháp cũng kỳ hạn ba năm. Lúc mới giao kết Sư thề trước tượng rằng: "Nếu Tam-muội này hoàn thành thì nguyện tự thiêu để cúng dường." Hành pháp xong Sư trở về quê cũ đến cầu chứng với ngài Thần Chiếu. Ngài muốn giúp Sư tròn nguyện bèn khuyên kẻ đạo tục chở gỗ thơm chất thành đống lớn. Vào đêm tối trời tháng Trọng Hạ, ngài Thần Chiếu chúc rằng: Pháp Hoa chuộng bố thí con đã tu, Phạm Võng phá tối con đã noi, chỉ cột tâm với Pháp giới, Thân như, Lửa như, thì một đống lửa chứa đủ Tam-muội. Mừng thấy con tinh tấn, dâng Tịnh Minh để chân cúng dường. Con hãy lên đường!" Sư tuân lời dạy, bèn từ biệt Tứ chúng, ngồi ngay thẳng trong tháp củi, ánh lửa cháy sáng ngút trời, tuyệt nhiên không nghiêng ngã. Xá-lợi chiếu lấp lánh, ai xin cũng có. Đồ chúng an táng xương tàn của Sư ở Sơn tây. Ngài Cù Chi Tường Phủ Hoài Tập, cùng là bạn đồng học của Sư, lại cùng tu Tam-muội (Sau đây bản kỷ thiếu hai vị).

17. Pháp sư Nguyên Tín:

Là một trong mười vị đại Thiền sư của nước Nhật Bản. Năm Hàm Bình thứ sáu, Sư sai học trò là Tịch Chiếu đem giáo nghĩa với hai mươi bảy câu hỏi đến Nam Hồ xin quyết nghi. Ngài Pháp Trí đáp lời giải thích rành rẽ các câu hỏi. Tịch Chiếu lãnh hội vui mừng trở về nước. Ngài Nguyên Tín rất phục thuyết này, hướng về phía Tây lạy tạ (ở đây bản kỷ thiếu mất một vị là Nguyên Thanh).

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 13

PHẦN 3

**** Nối pháp ngài Quảng Trí Pháp sư (đời thứ hai gồm có:)***
Thần Trí, Giám Văn Pháp sư.
Phù Tông, Kế Trung Pháp sư.
Siêu Quả Duy Trạm Pháp sư.
Tứ Minh, Như Cát Pháp sư.
Tịnh Xã, Toàn Giáo Pháp sư.
Quát Thương, Nghĩa Tuân Pháp sư.
Tứ Minh, Uẩn Cung Pháp sư.
Kim Văn, Xung Tiêu Pháp sư.
Pháp Xương, Bản Thành Pháp sư.
Nhật Bản, Thiệu Lương Pháp sư.
**** Nối pháp ngài Thần Chiếu Pháp sư (đời thứ hai gồm có:)***
Pháp Chân, Xử Hàm Pháp sư.
Thần Ngộ, Xử Khiêm Pháp sư.
Lư Am, Hữu Nghiêm Pháp sư.
Năng Nhân, Pháp Bảo Pháp sư.
Thiên thai, Bảo Tiêm Pháp sư.
Thừa Thiên. Hoài Nhã Pháp sư.
Thừa Thiên, Nguyên Thao Pháp sư.
Tiền Đường, Nghĩa Toàn Pháp sư.
Thiên thai, Tả Thân Cư Sĩ.
**** Nối pháp ngài Nam Bình Pháp sư (Đời thứ hai gồm có:)***
Từ Biện, Tùng Gián Pháp sư.
Quần Phong, Thái Cơ Pháp sư.
Pháp Chiếu, Dụng Văn Pháp sư.
Siêu Quả, Hội Hiền Pháp sư.
Pháp Tuệ, Tông Chánh Pháp sư.

Đông An, Cảnh Sơ Pháp sư.
Đông Bình, Linh Ngoạn Pháp sư.
Đông Ngô, Văn Hủ Pháp sư.
Tiền Đường, Như Tuân Pháp sư.
**** Nối pháp với ngài Tam Học Pháp sư.***
Tam học, Nhược Thủy Pháp Sư.
**** Nối pháp với ngài Phù Thạch Pháp sư.***
Cảnh Vân, Ôn Kỳ Pháp sư.
Thiên Trụ, Thủ Tư Pháp sư.
Phù Thạch, Hoài Nguyệt Pháp sư.
Vụ Nữ, Nhật Đông Pháp sư
**** Nối pháp ngài Quảng Từ Pháp sư.***
Diệu Ngộ, Hy Tối Pháp sư.
Sám Chủ, Pháp Tông Pháp sư.
Diệu Quả, Tử Lương Pháp sư.
Dư Khánh, Ân Biện Pháp sư.
Phù Thạch, Duy Thanh Pháp sư.
Long Tuyền, Đàm Dị Pháp sư.
Lôi Phong, Giới Châu Pháp sư.

****

NỐI PHÁP NGÀI QUẢNG TRÍ PHÁ P SƯ

Đời thứ hai gồm có:

1. Pháp sư Giám Văn:

Sư người Tứ minh, được vua ban hiệu là Thần Trí, nương ngài Quảng Trí mà đắc pháp vào hàng Thượng thủ. Nối nghiệp ở Nam hồ, rộng truyền giáo pháp của Tổ phụ. Sư từng bảo rằng: Ta do Đức Phật Thích-ca mà được xuất gia nghe đạo; do Trí Giả Đại sư mà được nương thầy học giáo. Trong khóa tụng hằng ngày, Sư đọc tụng cả ngàn danh hiệu Phật Tổ, đêm lễ ngàn lạy cốt để báo ân, chưa hề vì bận việc mà bỏ qua.

2. Pháp sư Kế Trung:

Sư tự Pháp Thần, họ Khâu ở Vĩnh gia. Cha mẹ Sư cầu tự ở chùa Phật, cả song thân cùng mộng thấy một vị Tăng trao cho một đứa con trai kháu khỉnh bảo rằng: “Loa Khê Tôn giả gởi cho quý vị nuôi giúp.” Từ khi thọ thai, bà mẹ chán ăn cá thịt, khi còn nhỏ Sư thấy tượng Phật thì rất tôn kính. Đến tám tuổi Sư vào Khai Nguyên nhờ ân được độ, liền đến Nam hồ theo học với ngài Quảng Trí, vì lao khổ nhiều nên Sư bị bệnh. Sư bèn tu thỉnh Quan Âm Tam-muội được Đại sĩ phóng quang, dùng nước rửa đảnh nên bệnh liền dứt, do đó lại thấy suốt giáo quán không còn ngưng trệ. Ngài Quảng Trí cho là Pháp khí nên bảo thay ngài diễn giảng. Tuyết Đậu Hiển Thiền sư thấy thế khen rằng: “Đạo Tứ Minh đã có người kế thừa.” Hàng sĩ thứ ở Vĩnh gia cùng thỉnh Sư đến ở Đông các tại Khai nguyên. Sau dời về ở Tuệ An Diệu Quả, rồi lui về ẩn dật tại Triết giang, chú tâm nghiên cứu ròng về thiền quán. Sư ra làm chủ ở Pháp minh, Tây hồ người học kéo đến đông đảo. Có người muốn mở rộng chỗ ở cho chư Tăng. Sư bảo: Thí chủ sẽ nhận được phước đó, ta nào dám cản ngăn! Mỗi năm vào ngày mồng tám tháng giêng, ở trong quận đều truyền giới Bồ-tát và phóng sinh, hàng sĩ thứ có đến mấy vạn người. Sư thường ở giữa chúng nguyện rằng: Ai vào đạo tràng ta quy y Tam bảo, dẫu chưa được đạo thì nguyện đời đời kiếp kiếp không mất thân người, luôn có Chánh kiến xuất gia cầu đạo vô thượng. Luôn tu các Tam-muội Pháp Hoa, Quang Minh, Di-đà, Quan Âm không để ngày luống uổng. Sư lại tụng chú cứu bệnh linh nghiệm khó lường. Mỗi khi vào chợ thì Sư ngồi tránh chiếu, đi tránh đường, mọi người đều kính cẩn gọi là Giới Sư. Năm Nguyên Phong thứ năm, ngày tám tháng mười, Sư tắm gội thay áo, tập chúng nói pháp, kiết ấn ngồi kiết già mà tịch. Mọi người thấy có ánh sáng đỏ chiếu suốt lên không trung. Sư Tịnh Xã Toàn Giáo đêm nằm mộng thấy thần Kim giáp báo rằng: Đêm nay bậc đắc

đạo nhập diệt. Khánh Ân Hy thấy mộng lành. Thần nhân bảo: Pháp sư Trung đã sinh về cõi Đâu-suất." Sư từ lâu đã làm việc thí thực, tuy sau này có người thừa kế, nhưng bầy chim sẻ vẫn kêu hót bi thương suốt ba ngày chưa ngưng. An táng Sư ở núi Thụy Lộc. Người được truyền pháp có cả trăm vị. Sư đã soạn: Phù Tông Tập năm mươi quyển, Tập Thập Gián, Chỉ Mê, Quyết Mô, Thập Môn Tích Nạn và Thập Nghĩa Thư... dùng để làm sáng tỏ ý ngài Tứ Minh họp với tông chánh của Tổ đạo, đến như sách chép về Nhị Sư Khẩu Nghĩa thì người đời sau lại lạ lùng về sự lẫn lộn của nó.

3. Pháp sư Duy Trạm:

Sư họ Tống, người ở Nghĩa ô. Cha mẹ Sư gặp một vị Tăng lạ bảo rằng: Các vị sẽ sinh sáu người con, người thứ năm nên cho xuất gia. Sau Sư vào Đạo ở Song lâm, do Lễ Đàm Ân mà được độ. Trước hết Sư đến học với ngài Thần Chiếu, chưa bao lâu Sư lại theo học với ngài Quảng Trí. Sư từng thưa với ngài rằng: Việc Đại sư truyền trao con không nghi ngại, như ý chỉ Viên Đốn tuyệt dứt đối đãi phải do mình tự được. Về sau khi nghe ngài Quảng Trí giảng, Sư hoát nhiên tỉnh ngộ, cùng nghị luận với hàng thượng lưu ai cũng quy phục. Lúc đầu Sư diễn giảng ở Siêu Quả Vân Gian hoằng truyền đại đạo, một tông Thiên thai thạnh hành suốt ba triều ở đất Ngô là bắt đầu từ Sư vậy. Năm Hy Ninh thứ sáu, ngày tám tháng ba, Sư lập hội Quang minh, bảo chúng rằng: "Báo duyên ta đến đây đã mãn." Liền nêu lời Di Giáo Niết-bàn, ân cần phó chúc, rồi Sư ngồi kiết già mà hóa. Ngọn lửa tắm mát thân Sư để lại nhiều xá-lợi lấp lánh. Tháp Sư ở núi Tây Dư. Các sư Hải Tuệ, Nhược Viên là những môn đệ thượng thủ.

4. Pháp sư Như Cát:

Sư người Tứ minh (ở bài tựa Nhị Sư Khẩu Nghĩa) theo học với ngài Quảng Trí mà được ý chỉ. Sư thấy các Biên Loại Tập của các tiền bối có thứ xưa chưa diễn nói, bèn tham khảo lấy văn ở ba bộ rồi phân chương tiết hoặc lược bỏ xếp thành loại để lưu hành ở đời. Sư từng chú giải Kim Ty, lời giản dị, nhưng nghĩa lý đúng đắn. Học trò nối Tông sư ở chùa Nhân quả tại Tiền Đường.

5. Pháp sư Xung Tiêu:

Sư theo học lâu ngày với ngài Quảng Trí. Sư xưng hiệu là Cụ Thể. Sư ở vào năm Khai Bảo (đời vua Thái Tổ).

6. Pháp sư Toàn Hiểu:

Nhà ở núi Đại mai. Trung Ý Vương nước Ngô Việt rất ngưỡng mộ đạo đức của Sư, ban cho vàng để xây cất viện. Lại ban cho một tạng

kinh, khi hoàn thành xong gọi là Kim Văn. Khi Sư Hiểu đã tịch, học trò là Chánh Hòa nối pháp. Hòa cũng nối ngài Xung Tiêu. Vì nơi ở chật hẹp nên Sư cùng học trò dời về cất nhà ở dưới ngọn Bá nham phong, rồi hoằng truyền rộng rãi đạo giáo ngài Quảng Trí. Năm Thủy Bình thứ tư tâu lên triều đình được vua ban cho biển đề Tuệ Chiếu (Quách Kỵ làm Ký, Quảng Trí tạo bia).

7. Pháp sư Bản Thành:

Sư là người Phụng Hóa ở Tứ minh. Sư theo học với ngài Quảng Trí ở Nam hồ. Sư thích nơi vắng vẻ u tịch bèn lui về ở Pháp xương chuyên thiền tụng rất tinh tấn, người đời khâm phục ẩn đức của Sư. Viện chủ xây cất nhà cửa đã lâu mà chưa xong. Sư bồi hồi thệ rằng: Xưa tổ Trí Giả đã tạo ba mươi sáu ngôi chùa, đúc vẽ tám mươi vạn tượng, nay chỉ có một chùa mà thầy trò ta lo không xong ư? Sư liền đốc thúc các bạn đồng chí vào xóm ấp hóa duyên được hai trăm vạn tiền cùng ra sức xây cất, không bao lâu viện, tượng đều hoàn thành. Có trước tác Lang Du Sung làm lời ký rằng: Sư đã được rốt ráo không mà lập ra nghĩa sáng rỡ.

NỐI PHÁP NGÀI THẦN CHIẾU PHÁP SƯ

Đời thứ hai dưới Thần Chiếu

1. Pháp sư Xử Hàm

Sư họ Vương, người ở Thiên thai. Mẹ mộng thấy có đám mây trắng từ trời Tây bay vào nhà rồi hóa thành ngựa trắng, nhân đó mà thọ thai. Sư bảy tuổi đã vào chùa Quốc thanh nương thầy. Năm mười bốn tuổi thọ giới Cụ túc, Sư tự than rằng: “Phật pháp rộng lớn nếu không ra sức học tập thì làm sao thấy được đạo.” Bèn vào Thiên Phong xem Tạng Kinh suốt ba năm mới xong. Sư đến tham yết ngài Thần Trí và được thâm ngộ giáo chỉ. Sư cung kính yên lặng từ tốn, người khó đoán được. Ngài Thần Chiếu thường giả bệnh gọi Sư giảng thay. Chúng mới nghe lần đầu đã thân tâm đều phục. Lúc đầu Sư ở Sùng Thiện tại Xích Thành. Cô Tô Lý Đình Chương sắp trấn nhậm Thiên thai mộng thấy Thần bảo “Công Điển Thiên thai, dưới đài năm Tổ, có đầu Rồng chín mươi chín”, Hòa thượng hãy đến xem. Khi đến Quận đem chuyện hỏi thăm thì không ai biết. Có Mân sĩ Trần Bạch Ngộ bảo rằng: Năm Tổ Thiên thai xưa ở Xích Thành. Nay Hàm Sư đang ở đó. Sư sinh ngày chín tháng chín năm Bính Thìn, đó là đầu Rồng chín mươi chín đấy! Đình Chi rất kinh ngạc bèn đến ra mắt. Sư bèn giảng đạo xuất thế có khế hội sâu xa. Vì chùa chiền chật hẹp ở nơi quê mùa, Sư bàn việc dời đi. Đình

Chi đứng đầu quyên góp vàng lụa, Sư bèn dời đến ở đất Đông nam. Ngày khởi công lại đào được khánh đồng trong đất. Thiểu Sư Lý Công rất tôn kính thỉnh Sư làm chủ Bạch Liên, tâu lên vua được ban hiệu là Pháp Chân. Sư ở trong núi ấy năm mươi năm. Người vào cửa học đạo có đến mấy vạn. Vào tháng giêng năm Nguyên Hựu thứ nhất, Pháp cổ đánh không kêu suốt bảy ngày. Đến tháng bảy, Sư bảo chúng rằng: "Ngày hai mươi ba ta sẽ ra đi." Rồi kính cẩn dưng y và đãi cơm cho chúng để từ biệt. Dặn thị giả rằng: "Khi tiếng chuông sáng ngân lên thì đến gọi ta." Đến giờ Sư dậy ngồi kiết già yên lặng mà hóa. Sư có soạn: Tam Tuệ Luận, Quang Minh Thập Nguyện Vương, nối tiếp ngài Thần Chiếu viết Hành Pháp Kinh Sớ để lưu hành ở đời.

2. Pháp sư Xử Khiêm

Sư họ Phan, người Vĩnh gia. Bà mẹ nằm mộng thấy đám mây lành chui vào bụng mà thọ thai, đến ba năm mới sinh ra Sư. Đến chín tuổi, Sư nương ngài Thường Ninh Khế Năng xuất gia. Lễ Đàm Ân mừng vua đang trị vì Sư được độ (năm đầu Tường Phủ đời Chân Tông, vua phong Thái Sơn chiếu Thiên Hạ Tự Quan, mỗi nơi độ một người). Sư liền đến học ở Thiên Trúc. Ngài Từ Vân làm lạ bảo rằng: Đây có thể là rường cột của Đạo ta. Lại đến học ngài Thần Chiếu mà thấu suốt ý Viên Đốn. Sư đốt ba ngón tay cúng Phật Tổ để cầu được diệu ngộ, chưa bao lâu thì được cất nhắc lên Đệ nhất tòa. Ngài Thiền Chiếu trao cho Sư một pho Chỉ Quán bảo rằng: "Ông sẽ dựng cờ Đại pháp, tiếc rằng ta không thấy được." Do đó, Sư trở về quê để có thể nối nghiệp thầy. Sư dời đến ở Từ Vân Diệu Quả tại Xích Thành, giảng đạo càng thạnh hành. Thiếu Sư Lý Đoan Ý thỉnh Sư làm chủ Bạch Liên. Bắc Hải Quận Vương tâu vua xin cho Sư hiệu Thần Ngộ. Thừa tướng Vương An Thạch đã một thời cùng các hiền sĩ trong triều làm thi ca khen đức của Sư. Trong Quận có đại hạn mời Sư đến cầu mưa. Sư đến ao Rồng bảo: Ngươi đã nhận lời phó chúc của tổ Trí Giả gặp hạn phải làm mưa, sao lại chẳng nhớ? Chợt có gió to, mây đen từ ao bốc lên, rồi mưa ào xuống như trút nước. Trải suốt mười bảy năm, khi sắp về Vĩnh gia, cả quan quân sĩ thứ đều cố lưu Sư ở lại để diễn giảng kinh giáo. Sư bèn ở tinh xá Tuệ lâm núi Cân tử mà giảng Tiểu Bát-nhã. Sau đó Hàng Sư Tổ Vô Trạch mời Sư về Bảo các, Triệu Hiến mời Sư về Tịnh Trụ, Nội Hàn Dương Cối mời Sư về Nam Bình, Tử Vi Trần Xá Nhân mời Sư về Thiên Trúc. Sư ngồi khắp mười đạo tràng, trải bốn mươi năm diễn giảng không biết mỏi mệt. Số người vào cửa đến ba ngàn, số người được lãnh pháp ba mươi vị. Ngày Bính Dần tháng tư năm Hy Ninh Ất Mão, buổi sáng Sư tắm gội thay áo, họp

chúng tụng Phổ Hiền Hành Pháp, A-di-đà Kinh, xong Sư bảo: "Ta được vô sinh dùng đã lâu ngày, nay lấy vô sinh mà sinh về Tịnh Độ." Liền nhập định mà tịch. Tháp để toàn thân Sư ở phía phải chùa Nam Bình. Đệ tử là Lương Bậc thỉnh bài minh của Vô VI Dương Kiệt để ở tháp, nói rằng: Sư từng giải thích về Thập Bất Nhị Môn, đề rằng Hiển Diệu, thì đối với Sắc và Tâm không hai. Nếu phân chia Sắc Tâm thì không hai mà hai đó là cảnh vọng. Cái thể nó là một, hai tức không hai đó là môn diệu. Cho nên lấy chung riêng mà diệt bỏ mười môn của tướng hai mà không hai. Khiến cho Thô, Diệu rõ ràng, môn chỉ thông suốt. Đó là biết rõ cái môn Cảnh Diệu không hai. Ở ngay một niệm Sắc Tâm mà được môn này, liền ngồi xe báu mà đến đạo tràng.

3. Pháp sư Hữu Nghiêm

Sư họ Hồ, người ở Lâm hải, Thai Chi. Mẹ sắp sinh kêu đau nhào lăn. Người anh là Sa-môn Tông Bản nói rằng: Đây tất có điều lạ, nếu sinh con trai thì nên cho xuất gia, bà mẹ chấp tay ưng thuận, do đó hết đau. Quả nhiên sinh con trai. Được sáu tuổi thì Sư nương chùa Linh thứu theo thầy. Năm mươi bốn tuổi Sư thọ giới Cụ túc. Sư xem Tâm Phú của Thọ Thiền sư như có ngộ liền đến Đông Sơn học đạo nhất tâm Tam Quán, hành Pháp Hoa Tam-muội với ngài Thần Chiếu đều được thần giải và đích thân thực hành. Lúc đó ngài Pháp Chân cùng ở trong hội bảo Sư rằng: Ông tuy xuất gia trễ nhưng sẽ thành Đại Pháp khí. Sư từng đọc Chỉ Quán đến đoạn "Bất Tư Nghì Cảnh" thì bảo rằng: "Muôn pháp chỉ do một tâm, ngoài tâm không một pháp, tâm pháp không thể nắm bắt được, nên gọi Diệu Tam Thiên!" Ngài Pháp Chân càng vui mừng khen ngợi. Người chủ đầu là Vô Tướng Tuệ Nhân Pháp Chân từ Xích thành dời về Đông dịch, liền cử Sư lên thay. Sư thường bảo: Cách Phật đã xa, người mê tự tánh, phàm khi diễn giảng cần chỉ nhất tâm, tất dễ lãnh hội. Người nghe đều có thể ngộ nhập. Trong năm Thiệu Thánh, quan quận thỉnh Sư làm chủ Đông dịch, Sư bảo: Tổ Trí Giả lúc chưa đầy năm mươi tuổi đã rời đồ chúng, ta nay đã già mà còn gánh việc này ư? Rốt lại không đi và Sư ẩn cư tại Đông phong ở Cố sơn. Sư cất lều cỏ ở bên cây Lô tra, nhân đó tự đặt hiệu là Tra Am (trong Văn Tập - Có bài Tra Am Ký với lời và lý cực hay). Sư chỉ dùng một bát không chứa các vật gì, tự nhặt củi, xách nước, chỉ ăn những thứ hợp pháp, giữ tịnh giới kỹ lưỡng suốt hai mươi năm, chuyên tu tịnh nghiệp lấy An Dưỡng là cố hương, soạn Hoài Tịnh Độ Thi tám chương, lời và tình ý rất tha thiết ai cũng thích tụng. Bình thường Sư tu Tam-muội có nhiều điềm lành. Sư cúng thí quỷ thần trừ bệnh tà mị. Sư xua rắn đuổi kiến, nước hạn thì cầu

mưa. Một khi xướng tụng thì như có tiếng vang trong hang đáp lại. Mẹ Sư bệnh mắt, Sư đối trước Tượng Đức Quan Âm quán tưởng tay cầm ngọc ma-ni Nhật tinh. Mẹ nằm mộng thấy Sư bưng mặt trời đến trước mặt. Khi tỉnh dậy thì mắt sáng. Năm Kiến Trung Tĩnh Quốc thứ nhất, tháng Mạnh Hạ, Sư nhập Định thấy Thiên thần mách bảo: "Sư Tịnh Nghiệp đã thành." Sư lại mộng thấy có hoa sen lớn mọc trong ao, thiên nhạc bốn bề. Sư bèn làm Thi Tiễn Quy Tịnh Độ. Hơn bảy ngày sau Sư ngồi kiết già mà hóa. Đồ chúng dùng lu sành xây tháp ở phía Bắc Am. Có ánh sáng như mặt trăng ở tại Tháp Sư suốt ba hôm mới lặn. Sư ngầm thấu suốt Tạng Kinh, hiểu thông sử sách. Sư chú thích An Lạc Hạnh Phẩm Không và Pháp Ấn Kinh Sớ, Huyền Tiêm Bị Kiểm, Văn Cú Tiên Nạn, Chỉ Quán Trợ Lãm, A-di-đà Lễ Văn. Sư lại soạn Hoặc Đối Nhất Biên, Biện Luận Cổ Kim, bộ sau này rất quan trọng.

4. Tả Thân

Ông là người ở Lâm hải, được ngài Đông dịch Thần Chiếu truyền giới Bồ-tát và giảng nói cho nghe Đại thừa Pháp Yếu, hoát nhiên khai ngộ như đã được học từ xưa. Ngài Thần Chiếu ở giữa chúng xoa đảnh và thọ ký cho ông. Từ đó ông giữ nghiêm giới luật, gặp việc không hề đổi khí tiết, điêu khắc ba tượng Thánh Tây phương, sớm tối chí thành. Ông tụng ba ngàn bốn trăm bộ Pháp Hoa, Kim Cang Bát-nhã hai vạn lượt. Năm Thiệu Thánh thứ hai, mùa Thu ông ngọa bệnh, nhờ Tăng Tịnh Viên đọc đầu đề Pháp Hoa, thọ thêm Bồ-tát Giới. Ông liền mộng thấy ba người cao lớn đứng ở bờ sông mời ông lên thuyền rồi thoăn thoắt đi về hướng Tây. Thân biết là việc vãng sinh đã hẹn, bèn thỉnh chư Tăng đến tụng kinh A-di-đà, chưa xong liền nói: "Tôi đã thấy hào quang Phật." Bèn tắm rửa thay áo, dặn tả hữu không được khóc lóc, không làm ồn." Rồi ông niệm danh hiệu Phật kiết ấn mà hóa.

NỐI PHÁP NGÀI NAM BÌNH

Đời thứ hai dưới Nam Bình

1. Pháp sư Tùng Gián

Sư họ Mao, người ở Tòng Dương Xứ Chi. Hồi còn nhỏ Sư thấy kinh Phật liền có thể tự đọc tụng. Cha bảo: Đó là người tái lai. Năm mười chín tuổi Sư thi kinh Pháp Hoa mà được độ, liền đến tham yết ngài Thượng Trúc Biện Tài, sớm tối nghe kinh tập Thiền. Sau đó lại đến nương ngài Nam Bình ở Kim sơn, Sư luận hỏi như nước chảy. Ngài Nam Bình khen rằng: "Đạo ta do ông mà lưu hành." Trong năm Hy Ninh, Sư giảng ở Minh khánh, đồ chúng ngày càng đông, bèn dời về ở

Tịnh Trụ. Năm đầu Nguyên Phong, người Xứ Chi lập Thọ Thánh rước Sư đến ở. Hơn ba năm, ngài Biện Tài bảo Sư làm chủ Nam Bình, vì lớn tuổi Sư làm thủ chúng của thầy. Đến tuổi nối pháp, thầy cử Sư lên thay. Năm Nguyên Hựu thứ năm, Thượng Trúc thiếu người giảng kinh, ngài Biện Tài dặn dò quan Quận Thú là Bồ Tông Mạnh rằng: Thắng tích này rất linh cảm, nếu không phải Tùng Gián thì không đủ sức đảm đang." Quan Quận làm theo lời dặn lại tâu vua xin ban hiệu cho Sư là Từ Biện. Nghĩa Thiên Tăng Thống từ nước Cao Ly đến cầu pháp. Quận nhờ Sư ứng thỉnh. Nghĩa Thiên vì mộ Pháp nên ở lại Trung Quốc. Triều đình cho là Quốc mẫu nghĩ nhớ nên bắt phải trở về. Sư bảo rằng: Cao Tăng Đạo Kỷ đội Kinh đi du học vì mẹ không thể bỏ, bèn gánh vác cả hai, cho là kinh và mẹ đều không thể bỏ nên cõng trên hai vai. Nay Tăng Thống hiền hơn Kỷ rất xa, há vì kinh mà bỏ mẹ khiến mẹ sầu nhớ ư? Do đó Nghĩa Thiên có ý muốn về nước, bèn xin lư hương, phất trần và truyền y rồi đem đến trước Tháp tổ Trí Giả mà thề rằng: "Đã được Pháp sư Từ Biện truyền giáo quán, nay xin trở về nước mà truyền bá, mong Tổ ban ân ngầm hộ trì." Rồi trở về nước cất chùa tạo tượng tôn làm Thủy Tổ. Năm Đại Quán thứ hai, học trò của Từ Quy Thọ Thánh là Xa Hề Phổ Minh... mười người đến thăm viếng Sư, Sư bảo: Các vị từ xa đến, sau này gặp nhau không hẹn trước, nay lão Tăng không chi bằng thừa hứng mà ra đi, bèn tắm gội thay áo, lên tòa thuyết giảng, viết kệ rồi ngồi yên mà tịch. Đồ chúng an táng toàn thân Sư ở Thọ Nghiệp.

2. Pháp sư Hội Hiền

Sư sớm làm cao đệ của ngài Nam Bình. Lúc đầu Sư truyền giáo ở Hoa Đình Siêu Quả, người học đông như chợ. Khi Sư sắp đi hành hóa ở ngoài Ấp, muốn được người lão thành làm phó giảng. Bèn đánh trống tập chúng, có người ở giữa chúng đáp lời rằng: Con muốn thay giảng cho Lão Sư. Tất cả những điều Sư nói ra con đều phá được. Sư mừng rỡ bảo rằng: May mắn nhờ ông phá và lập mà Đạo Tổ được sáng.

Lời thuật rằng: Ngài Nam Bình gặp được Tổ Pháp Trí muộn nên nghĩa lập ra có lúc trái nhau. Nay các điều nói ra của Hội Hiền không vì cố chấp lấy kiến giải thì nghi vị này quyết lãnh hội lời của ngài Nam Bình nên bác phá những điều phó giảng có được phép bác phá. Song đời không nghe danh, có thể gọi là liệt sĩ. Sư bèn vui vẻ chấp nhận sự phá bác ấy mà không đố kỵ, thật là Hiền lắm vậy.

NỐI PHÁP NGÀI TAM HỌC PHÁP SƯ

Pháp sư Nhã Thủy

Sư người ở Tam Cù, nương học lâu ngày với ngài Tam Học, hiệu là Hữu Thành, muốn hầu ngài Quảng Tuân bèn đổi tên là Nhã Thủy. Sư bề ngoài hiện vẻ chưa học mà du lịch khắp nơi. Lúc đầu Sư ở Thiên Trụ Sùng Phước diễn giảng không biết mệt mỏi. Sư tu mật ngữ có thần công. Ngày giỗ Tổ đã đến gần Sư dặn người nấu bếp phải dự bị nhiều măng tre. Nhà bếp cho là không phải mùa. Chiều ấy có tiếng nước phun ở sau vườn rau, đêm lại nghe có tiếng nổ lách tách. Sáng ra thì thấy rất nhiều măng tre mọc đầy đất. Người dân có bệnh đến thưa, Sư đọc chú đưa nước cho uống, kẻ khỏi bệnh đông không đếm được.

NỐI PHÁP NGÀI PHÙ THẠCH PHÁP SƯ

Pháp sư Ôn Kỳ

Sư là người Kim Hoa, nương ngài Phù Thạch học pháp được thành tài. Năm đầu Trị Bình, ở khu nhà cổ Tập Cảnh Vân tại Bắc Thành, Sư mở tòa giảng kinh. Mùa hạ trời đại hạn, hàng ngày Sư giảng Quang Minh Kinh và chí thành cầu đảo chư thiên, do đó mưa lớn khắp nơi. Quận thú là Lư Cách tâu vua cho mảnh đất này vĩnh viễn làm nơi giảng giáo Thiên thai, vua lại ban hiệu Pháp Vân cho Sư. Sư đã từng tạo tượng chín Tổ cực kỳ khéo léo. Ở Đông dương giáo học thạnh hành là do sức của Sư. Đệ tử của Sư có hai mươi bảy vị, Phổ Nguyệt Đại sư Thiện Tung chủ chùa Từ giác hóa làm một cảnh, Sư Cư Thức làm chủ Cảnh Đức được khen là Hổ Tử.

NỐI PHÁP NGÀI QUẢNG TỪ PHÁP SƯ

1. Pháp sư Hy Tối

Sư họ Thi, người ở Hoắc Xuyên, vua ban hiệu là Diệu Ngộ. Năm Sư lên bốn tuổi xuất gia, Đến năm Thiên Hy Đàm Ân mà được độ. Năm mười lăm tuổi, Sư được ngài Quảng Từ Truyền Giáo Quán, bạn đồng môn vừa sợ vừa mến gọi Sư là Nghĩa Hổ. Trong năm Trị Bình, Sư bắt đầu diễn giảng ở Gia Hòa, năm kế Long Bình dời về Thắng Quả. Có một nhà vắng bị quỷ phá, Sư đọc chú vào đất rồi ném đi thì nhặt được tờ giấy có viết chữ rằng: “Nay bị pháp đuổi đi nếu pháp lực hết thì sẽ trở lại.” Mấy ngày sau có tiếng gõ đập hoặc phun lửa biến ra trăm thứ quái dị. Sư quở rằng: Không biết rằng quấy phá Pháp sư thì đầu bị vỡ thành bảy mảnh ư? Sư lại nói về Luân chuyển nhân duyên, tiếng đọc chú của chúng Tăng có thể phá chướng. Bỗng trên không trung ném xuống một bức thư đỏ đề rằng: Hán Triều Liệt Sĩ Thẩm Quang rất hối lỗi. Lại thưa: Nhờ sức nói pháp của Sư mà được sinh lên trời Tha Hóa. Từ đó biệt tích

luôn. Sư nhân vì Tịnh Giác phản Tông, bèn dâng lên Thập Gián Thư. Ngài Pháp Trí làm Giải Báng, Tịnh Giác đang làm Tuyết Báng. Lúc đó ngài Pháp Trí bệnh nên không đáp lại. Sư Tịnh Giác ở Linh Chi, giữa chúng khoe rằng: Chỉ có vấn nạn mà giết được Sư Tứ Minh, vậy ai dám hướng về Linh Chi mà mở miệng chăng? Sư lúc đó không cam lòng bèn soạn Bình Báng để biện luận, đại ý nói: "Gần đây thấy Tuyết Báng rất thạnh hành cho rằng Cứu Sinh Pháp hai thân, để rửa sạch hai thứ Báng tăng giảm đó vậy. Sách này xem rồi nói ra liền lỗi. Trong khi Giải Báng đã cháy rực rở nhưng Tuyết Báng vẫn cứ ôm chặt lấy băng. Nay căn cứ vào lời cách ngôn của Tổ ta mà bình chỗ hiểu sai nhầm của Xà-lê." Sư Tịnh Giác đọc thấy bảo rằng: "Thuyết của Tứ Minh do người này lưu hành." Mùa thu năm Nguyên Hựu Canh Ngọ, Sư tập chúng, viết kệ ngồi yên mà hóa. Khi trà-tỳ được vố số xá-lợi.

Lời thuật rằng: Sư Tịnh Giác đã nhiều lần bàn luận phá thầy mình. Kịp khi Tuyết Báng xuất hiện thì ngài Pháp Trí vì bệnh mà không đáp lại. Do đó Sư Tịnh Giác tự bảo là đã thắng không còn kiêng sợ ai nữa. Nếu không Sư Diệu Ngộ thì còn ai có thể bình. Người đưa Tông của Tứ Minh lên để làm tin cho hậu thế thì Sư Diệu Ngộ có công cao nhất.

2. Pháp sư Pháp Tông

Sư họ Nhan, người Tiền Đường. Sư mười tuổi đã nương ngài Quảng Từ, mười hai tuổi thọ giới Cụ túc, chuyên nghiên cứu về giáo quán, mười chín tuổi theo ngài Quảng Tuệ. Lúc đầu Sư chuyên cần phục dịch suốt mười năm. Khi ngài Quảng Từ ẩn cư thì Sư trở về hầu hạ hằng ngày nghe khuyên dạy, rồi nương Chỉ Quán tu Đại Bi Tam-muội, miệt mài suốt chín năm, được người tôn làm Sám Chủ. Phàm các việc cầu đảo cầu bệnh đều có linh ứng. Sư lập Tịnh độ đạo tràng, khắc ba tượng Tây phương, đốt năm ngón tay cúng Phật. Mỗi tháng Sư tập họp bốn mươi tám người đồng tu tịnh nghiệp, các danh khanh hiền sĩ đều đến dự hội đó. Mùa Xuân năm Chí Hòa Đinh Dậu, Sư có chút bệnh mộng thấy Đức Di-đà và Thánh chúng đưa tay tiếp dẫn. Sau đó ba ngày Sư tắm gội thay áo súc miệng, ngồi kiết già im lặng mà hóa. Sư thường nghe ở Thiên Trúc có Quang Minh Sám để kết thắng nhân, Sư bèn cùng tu. Được năm ngày thì trong lúc Thiền Quán Sư thấy Từ Vân Pháp sư có mấy mươi vị Tăng theo hầu, Sư đảnh lễ và thưa rằng: Xưa các người đồng tụ đều vãng sinh cả chăng? Ngài Từ Vân bảo: "Từ sau năm Nguyên Chiếu đã được vãng sinh, Trạch Anh còn muốn vào Tam đồ để hoằng Kinh (về sau Sư Trạch Anh quả nhiên có nguyện này). Ông phải nên siêng tu để

hoàn thành bản nguyện.” Nói xong liền biến mất.

3. Pháp sư Đàm Dị

Sư họ Đỗ, người ở Dư Diêu. Sư ở Long Tuyền Thanh Tự gặp năm Hoàng Hựu vì ân phổ độ mà được xuất gia. Sư tu tập Giáo Quán ở Thiên Trúc với ngài Minh Trí. Sau đó vào thất của ngài Lôi Phong Quảng Từ chăm chăm gõ nhịp suốt hai mươi năm không hề nản chí. Học xong Sư trở về quê diễn giảng ở Cố Sơn, chuyên cần tu nghiệp Tịnh độ, tụng Pháp Hoa đến năm ngàn bộ và kinh Phổ Hiền Di-đà mỗi thứ cả vạn quyển. Năm Sùng Ninh thứ nhất, mùa Thu Sư có bệnh bèn tập chúng bảo rằng: “Đã tới lúc ta sinh về Tịnh độ, ngồi Kim đài theo Phật về Tây phương.” Sư tắm gội ngồi ngay kiết ấn mà hóa. trà-tỳ xong còn lại cái lưỡi và xá-lợi như kết nhau lại (Quyển này bốn mươi vị nhưng Bản Kỷ chỉ ghi có mười vị. Hai mươi bảy vị kia không ghi).

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 14

PHẦN 4

A. Nối pháp ngài Thần Trí, Văn Pháp sư: (đời thứ ba sau ngài Quảng Trí)

Minh Trí, Trung Lập Pháp sư.

Văn Tuệ, Tông Chánh Pháp sư.

Không Tướng Tư Cung Pháp sư.

B. Nối pháp ngài Phù Tông, Trung Pháp sư:

Thảo đường, Xử Nguyên Pháp sư.

Vĩnh gia, Pháp Thuyên Pháp sư.

C. Nối pháp ngài Siêu Quả, Trạm Pháp sư: là Hải Tuệ Nhược Viên Pháp sư.

D. Nối pháp ngài Pháp Chân, Hàm Pháp sư: (đời thứ ba sau Thần Chiếu):

Bạch Liên Đạo Khanh Pháp sư.

An Quốc Nguyên Tuệ Pháp sư.

Tứ Minh, Tịnh Cảo Pháp sư.

E. Nối pháp ngài Thần Ngộ, Khiêm Pháp sư:

Bắc Thiền, Tịnh Phạm Pháp sư.

Bạch Liên, Thiện Khuê Pháp sư.

Đức Tạng, Trạch Anh Pháp sư.

Kim Hoa, Tử Phương Pháp sư.

Thọ An, Lương Bật Pháp sư.

Tịnh Trụ, Tư Chiếu Pháp sư.

Nhất Tướng Tông Lợi Hành nhân.

F. Nối pháp ngài Tra Am, Nghiêm Pháp sư:

Thiên thai, Pháp Lân Pháp sư.

Thiên thai, Ứng Thông Pháp sư.

G. Nối pháp ngài Từ Biện, Gián Pháp sư: (đời thứ ba sau Nam

Bình)

Xa Khê, Trạch Khanh Pháp sư.

Tuệ Giác, Tề Ngọc Pháp sư.

Viên Giác, Uẩn Từ Pháp sư.

Phổ Minh, Như Tĩnh Pháp sư.

Thiên Trúc, Ứng Như Pháp sư.

Pháp Vân, Tông Mẫn Pháp sư.

Phật Trí, Từ Vân Pháp sư.

Phật Chiếu, Trí Kiên Pháp sư.

Tuệ Giác, Thanh Nguyệt Pháp sư.

Viên Minh, Phổ Hiền Pháp sư.

Thượng Trúc, Minh Nghĩa Pháp sư.

Cao Ly, Nghĩa Thiên Tăng Thống.

H. Nối pháp ngài Quần Phong, Sơ Pháp sư: Phạm Từ, Trí Phổ Pháp sư

I. Nối pháp ngài Nam Bình, Văn Pháp sư: Hiến Chương, Trọng Mẫn Pháp sư

J. Nối pháp ngài Siêu Quả, Hiền Pháp sư:

Tinh Vi, Ngạn Luân Pháp sư.

Thanh Biện, Uẩn Tề Pháp sư.

Bảo Tích, Ngạn Đoan Pháp sư.

K. Nối pháp ngài Cảnh Vân Kỳ Pháp sư.

Giác Từ, Thiện Tung Pháp sư.

Cảnh Đức, Cư Thức Pháp sư.

NỐI PHÁP NGÀI THẦN TRÍ, VĂN PHÁP SƯ

(đời thứ ba sau ngài Quảng Trí)

1. Pháp sư Trung Lập

Sư họ Trần, người ở Ngân châu, vua ban hiệu là Minh Trí. Mẹ mộng thấy mặt trời chui vào bụng bèn thọ thai Sư. Đêm không tắm ba lần thì khóc mãi không nín. Năm lên chín tuổi Sư xuất gia ở Thê Tâm tại Dũng Đông, học kinh chỉ đọc qua một lần thì nhớ mãi không quên. Trong năm Trị Bình thi kinh ở phủ Khai phong trúng tuyển nên được độ. Lúc đầu Sư nương ngài Quảng Trí học giáo quán. Kịp khi ngài Thần Trí làm chủ ở Nam hồ thì đến nương học. Trong năm Hy Ninh, ngài Thần Trí mở túi thơm bày các câu hỏi đáp cho hai trăm người dự, không ai hơn được Sư, bèn cử Sư làm thủ tòa. Lâu sau Sư đến yết kiến ngài Phù Tông ở Vĩnh gia. Khi sắp trở về ngài bảo: Hạnh của ông tất nối giảng tòa của

ngài Pháp Trí. Kịp khi ngài Thần Trí thôi việc bèn cử Sư nối thay. Năm Nguyên Hựu thứ nhất, Tăng Thống nước Cao Ly là Nghĩa Thiên từ xa đến hỏi đạo. Phủ Tế Ngạn gặp Sư thăng đường khen rằng: Quả đã có người. Bèn đến lễ ra mắt Sư thì phút chốc bị Sư quy phục, cuối cùng không biện bác gì được cả. Sư sai môn đồ là Giới Nhiên bắt đầu làm mười sáu Quán Thất để đón rước người tu nghiệp Tịnh độ. Xong rồi bèn nói lời từ biệt rằng: "Năm ta sáu mươi tuổi sẽ lại gặp nhau." Sư bèn lui về ẩn học tại Đông hồ. Được vài năm thì Quận Thái Thú là Vương Công mời Sư làm chủ Bảo Vân, khi sửa sang nhà mới thì tìm thấy trong bụng Thần Già-lam có nguyên văn nói rằng: Trăm năm sau sẽ có nhục thân Bồ-tát trùng hưng chỗ này. Người nghe đều lấy làm lạ. Về sau Sư về ở ẩn tại Bạch Vân am, hàng ngày Sư tuyên đọc Chỉ Quán đến Bất Tư Nghì Cảnh, thì than rằng: "Đạo ta đến đây đã cùng tột rồi. Có bất tư nghì cảnh thì có bất tư nghì tâm". Sư bèn viết Bất Tư Nghì Biên Chánh, lại chỉ năm chương mà xé toạt mắt lưới, nhờ quả mà rõ nhân để hoàn thành hạnh giải. Nêu Phật để nhiếp độ chúng sinh, toàn chúng sinh đều là Phật. Sư viết Chỉ Quán Liệt Võng, Chỉ Quy Thích Nghi. Khi Văn Tuệ Chánh Sư tịch rồi thì Quận Thú thỉnh Sư đến làm chủ lại Diên Khánh. Thật quả phù hợp với lời Sư nói: "Sáu mươi năm sẽ gặp lại." Sư từng lên tòa nói pháp, mưa Từ vô tận. Khi xuống tòa Sư hỏi thị giả rằng: Ta vừa nói đạo với những câu gì? Thị giả thuật lại các điều đã nghe. Sư bảo: Ta biết thân tâm đồng với Thái Hư, nên không để ý đến lời đã nói ra. Việc hành Sám hàng năm ở Diên Khánh tại Triết giang rất thạnh hành, Sư chọn ra những môn đồ tu Pháp Hoa Sám. Năm Hy Ninh thứ bảy, khi hành Pháp gần xong, trong lúc thiền quán Sư thấy có một chiếc thuyền lớn, chúng muốn ngồi đều không được, chỉ có Sư ngồi trong đó mà đi. Từ đó tuệ biện của Sư như suối phun hơn xưa rất nhiều. Ngày Tân Hợi tháng tư năm Chánh Hòa thứ năm, Sư gọi môn nhân là Pháp Duy bảo rằng: "Ta nghe mùi hương lạ tâm rất vui vẻ. Lại bảo người tu ở Quán Đường rằng: "Ta từ biệt các ông vĩnh viễn", rồi Sư ngồi quay mặt về hướng Tây mà hóa. Tháp Sư ở phía Đông Tháp Tổ Sùng Pháp. Sư giảng ba thứ Đại Bộ Tịnh Danh và Quang Minh mấy mươi lần, tụng Pháp Hoa hơn vạn bộ, Sư cứu bệnh cho người, đuổi quỷ, cứu tai ương hạn hán không thể ghi hết sự linh nghiệm. Sách của Khổng Lão không thứ nào Sư chẳng đọc qua. Sư đã giảng thuyết cho các Nho sĩ rồi gặn hỏi rằng: Đạo này đối với Đức Khổng Tử như thế nào, đối với Thi thơ như thế nào? Rồi Sư viện dẫn biện luận tường tận bảo rằng: Không phải như thế ư? Người nghe đều tâm phục mà lui ra. Khi Sư ở Vĩnh gia, ngài Phù

Tông bảo rằng: Ta thường thấy Ma-lợi-chi, Vi-đà ở trong mộng thường xin được hộ pháp. Hôm khác Sư đến Sám thất ở Nam Hồ để định chức vị, kịp khi Sư làm chủ giảng, bèn lập tượng Sư trước hết. Trần Oánh Trung từng khen Sư rằng: Giữ nghiêm Giới luật, kiên trì Tịnh lự, dùng thân làm lưỡi, nói trăm ức việc (ý nói giới định tuệ đều đầy đủ).

2. Pháp sư Tông Chánh

Vua ban hiệu là Văn Tuệ. Sư nương học với ngài Thần Trí về Giáo Quán, nổi tiếng sâu sắc vang đến cõi ngoài. Năm Trị Bình thứ nhất, Sư nối tiếp làm chủ Nam Hồ, rộng truyền giáo tông. Từ trước Tổ Bảo Vân được an táng ở góc Tây bắc núi A-dục. Sau bảy mươi bảy năm Sư từ Nam hồ đến kính lễ, thấy tường bao quanh có chỗ bị hư sụp, sắp hoang phế, bèn ra công chất đá xây phần mộ vuông để nơi đó được quang đãng sạch sẽ, lại làm bia đá ở tháp để mọi người biết rõ các việc. Lúc đó bản văn này làm tôn vinh Sư, vì nơi chôn cất ngài Bảo Vân cơ hồ không tìm thấy được.

3. Pháp sư Tư Cung

Sư người Ô Trình Hồ Chi, vua ban hiệu là Thể Chân. Năm mười chín tuổi cạo tóc xuất gia, đến học giáo quán với ngài Thần Trí. Kịp khi về quê kinh sách bị hư hao thất lạc, nên Sư quyết chí phục hưng, làm nhà có hơn ba trăm cột mà vẫn thong dong không xin ai giúp, nhưng thí chủ vẫn đổ xô đến. Khi công việc hoàn thành thì Sư tu Trường sám ba năm để đáp lại chí nguyện. Khi về già Sư trở lại Ngô Sơn Giải Không. Năm Kiến Viêm thứ nhất, tháng chín, Sư từ biệt chúng ngồi yên mà hóa. Khi trà-tỳ khói bay đến đâu đều ngưng thành xá-lợi. Tháp Sư ở góc Đông nam của viện. Đệ tử của Sư như Giới Trừng... bốn mươi ba người đều là người truyền đạo thành công, phân nhau đi hoằng hóa vùng Triết giang.

NỐI PHÁP NGÀI PHÙ TÔNG, TRUNG PHÁP SƯ

Pháp sư Xử Nguyên

Sư người Vĩnh gia, từ lâu theo học với ngài Phù Tông bèn nối tiếp chiếu giảng ngài Pháp Minh. Quận Hầu ngưỡng mộ đạo đức của Sư giao cho Sư làm Tăng Chánh, Sư lẫng trong hàng giới phẩm không ai không quy phục. Sư có làm bộ Phụ Tán Ký ba quyển, luận về kinh thể thì suy ra gốc thuyết Nguyên Lưu của hai ngài Pháp Trí và Quảng Trí, luận về Gốc Vô Trụ của ba thứ quán pháp. Đáp lời ngài Phù Tông nói về Thông tướng ba quán. Việc nói đó rõ ràng đúng đắn, các học giả đều noi theo. Năm Sùng Ninh thứ hai, Sư ẩn cư tại Thảo đường ở Đông khê

mà soạn Bộ Nghĩa Lệ Tùy Thích sáu quyển. Lúc xưa ngài Kinh Khê vì văn Chỉ Quán rộng nên nêu làm bảy khoa gọi là nghĩa lệ, giúp người học biết được ý lớn của Giải hạnh. Tuy ngài Pháp Trí có soạn nhiều sách nhưng không rảnh để ghi chép, Sư nhân nghĩa của ngài Thần Trí viết Toản yếu, lấy cảnh Tánh đức của Sơ thừa quán pháp làm Chân Như lý quán, lấy cảnh Tu đức làm Duy Thức sự quán. Sư cho đó là đám cuồng vọng làm nghi kẻ hậu học, bèn quyết chí chú thích để dẹp bỏ cái sai của Toản yếu.

NỐI PHÁP NGÀI CHÂN HÀM PHÁP SƯ (đời thứ ba sau ngài Thần Chiếu)

Pháp sư Tịnh Cảo

Sư người ở Tứ minh, theo học với ngài Pháp Chân và được ở hàng cao đệ. Sư soạn quyển Kim Cang Kinh Sớ, muốn giảng liền giảng không đợi chúng tập họp. Có Thần Luật Sư vào âm phủ. Người xét tên bảo: Bắt lầm người rồi! Thần lén nhìn qua cuốn sổ thấy có ghi là: Xà-lê Tịnh Cảo ở Châu minh giảng kinh Kim Cang Bát-nhã một trăm biến, bèn đến hỏi Sư, Sư bảo: Chỉ khoảng mười biến thôi. E là nghĩa vượt trội nên đề là một trăm biến.

NỐI PHÁP NGÀI THẦN NGỘ, KHIÊM PHÁP SƯ

1. Pháp Chủ Tịnh Phạm

Sư họ Đản, người ở Gia hòa. Mẹ họ Cung mộng thấy hào quang Phật đầy nhà nhân đó thọ thai, nên khi sinh Sư thì đặt tên là Phật Hộ. Năm mười tuổi Sư xuất gia với Thăng Quả Sư Vĩnh Sám Chủ. Sư thường niệm danh hiệu A-di-đà Phật. Có người hỏi tuổi còn nhỏ mà niệm Phật làm chi? Sư đáp: Tôi muốn đến Phương trượng khác để xin trú ngụ. Năm mười tám tuổi, Sư thọ Cụ giới rồi nương học với Siêu Quả Trạm Sư. Chưa bao lâu Sư đến tham yết ngài Thần Hộ, lâu ngày thân cận nghe giảng khế hợp bản tâm. Năm Nguyên Hựu thứ nhất, Sư làm chủ chùa Đại Từ ở Cô Tô, giảng ba Đại Bộ hơn mười lần, giảng các văn khác cũng chừng ấy. Các môn sinh theo học đầy khắp đất Ngô, kẻ tin tưởng thọ giới cơ hồ khắp cả thành ấp. Sư từng dẫn hai mươi bảy người tu Pháp hoa Tam-muội lấy hai mươi tám ngày làm kỳ hạn. Ba Hội như thế nên chiêu cảm được Đức Phổ Hiền Đại sĩ đến làm Yết-ma trao giới. Đến khi gọi Tịnh Phạm Tỳ-kheo thì tiếng vang động như động chuông lớn. Khi tu Tam-muội sắp thành, có hai vị Tăng đến đảnh lễ thưa rằng: “Mùa xuân này đến Thạch Kiều để lễ Thánh Tích.” Chợt thấy trên

không trung rải hoa và có mùi hương lạ phi thường. Một vị Sư vội bảo: "Cô Tô Phạm Pháp Chủ, kỳ hạn Sám lễ rải hoa đến đây", nói xong biến mất. Sư nhân đó đến chiêm lễ. Trường Châu Lệnh là Hoàng Công Nhan khắc lời ký ở đá nói rằng: Lạ thay đạo lực của Sư! Sư đã cùng Tiến Pháp sư ở Bắc Kinh mộng thấy Đức Thích-ca truyền giới cho, với Nam Nhạc mộng thấy bốn mươi hai người được ban pháp yết-ma, khác đời mà có cùng hiệu nghiệm. Sư đặt ra Kỳ Sám Quy Thức, hai vùng sông Triết đến nay vẫn còn lưu hành. Sư từng căn cứ vào Tiên Dịch Quang Minh mà chế riêng ra Sám Nghi rồi cùng chúng đồng tu, thấy có nhiều lần ứng nghiệm. Ở nơi Sư ngồi Thiền quán, chúng thấy có Kim Giáp Thần Vương quỳ trước tòa. Sau tại một chỗ Kỳ Sám thấy Vi-đà thiên án ngữ trước nhà hành sám, có người thấy theo rình liền bị khởi chướng mà thoái tâm. Một đêm ở Tây Viện, lúc đó trời rất nóng nực chúng ngủ không yên. Sư bèn đắp ba y ngồi trên Thủy Các, chợt gió tuyết thổi đến khiến khí mát đến lạnh người. Sáng ra Sư bảo chúng rằng: Hạ làm như Đông chúng đều vui thích. Chúng biết là Thần Long đã ngầm giúp, biến nóng thành mát. Trong năm Nguyên Phù, Sư mộng thấy Huỳnh Y mời Sư đến âm phủ. Vua rước Sư ngồi lên tòa rồi sai quan kiểm tra sổ bộ, quan tâu: "Tỳ-kheo Tịnh Phạm trải nhiều kiếp luôn giảng kinh Pháp Hoa", vua bèn đứng dậy đảnh lễ, sai sứ tiễn Sư về. Trong năm Chánh Hòa, người hầu gái của Thái Thú Ưng Công bị ma quấy nhiễu cười hát mãi không thôi, thỉnh Sư đến truyền giới cho thì liền tức khắc định thần. Bà họ Cát thỉnh Sư Truyền giới cho người chồng vừa mất, liền thấy chồng mình đang cung kính đi nhiễu quanh tòa Sư ba vòng và bảo là mình đã được giải thoát. Đầu năm Tuyên Hòa. Quận thú Cổ Công quý Kính Sư cao hạnh nên bổ nhiệm Sư làm Quản Nội Pháp Chủ. Năm đầu Kiến Viêm, tháng mười Sư ngồi yên mà hóa. Khi trà-tỳ được rất nhiều xá-lợi. Tháp Sư ở chùa Bát-nhã tại Hoành đường.

2. Pháp sư Trạch Anh

Sư họ Du, người ở Đồng Giang Nghiêm Chi. Bà mẹ mộng thấy hai mặt trời xuyên qua bụng, hai năm sau thì bà sinh hai bé trai đều cho đi xuất gia và đều thi Kinh mà được độ, người anh là Tử Khâm theo học với ngài Tiền Đường Tịnh Trụ, người em chính là Sư. Sư vào Đạo ở Thọ Ninh tại Hàng Chi. Trong năm Hy Ninh, Sư tham học với ngài Thần Ngộ ở Thi Thủy Bảo Các mà được thâm ngộ Đại Chỉ Quán. Sư xem Bất Nhị Môn, Kim Ty thì không ngủ cả mấy tháng, Sư đem Sở đắc của mình lên bạch thầy, ngài Thần Ngộ bảo: Pháp Hoa Diệu Chỉ đã vào tự tâm phải khéo giữ gìn chớ nên xem thường. Họ Lỗ ở Đương hồ đã xây cất

một viện ở Đức Tạng để thỉnh Sư đến mở rộng pháp thí. Lâu sau đó Sư đi ngao du khắp nơi Hàng - Tú - Tô - Hồ. Mùa Xuân năm Nguyên Phù thứ hai, ở chùa Tường phù đất Hàng, Sư có bệnh, phút chốc thân già của Sư tựa ghế xây mặt về hướng Tây tụng kinh Di-đà. Khi hết quyển kinh thì liền viên tịch. Sư từng soạn Tịnh Độ Tu Chứng Nghi, trong đó có kệ khen: "A Di-đà Phật Chân Kim Sắc", đến nay mọi người đều tụng. Sư lại biện biệt tướng của hai thứ Quán môn về Tây phương và cõi này để khuyên người chuyên tu nghiệp Tịnh độ (Văn thấy trong Tịnh Độ Bản Truyện).

3. Hành Nhân Tông Lợi

Sư họ Cao, người ở Cối kê. Năm lên bảy tuổi theo học ở Thiên Hoa. Khi đã thọ giới Cụ túc, Sư đến Cô Tô nương ngài Thần Ngộ liền vào Phổ Hiền Sám Thất với kỳ hạn là ba năm. Bỗng mộng thấy bà mẹ đã mất đến tạ: Nhờ công đức Lễ sám của con mà ta đã được nơi sinh. Sư lại thấy ngài Phổ Hiền từ không trung bay qua trước mặt. Khi kỳ hạn Sám lễ đã xong, Sư đến Linh Chi tham yết Luật Sư Đại Trí để thọ thêm Giới Pháp. Sư mộng thấy ngài Đại Trí ngồi trên tòa gọi lớn tên Tông Lợi, miệng nhả ra viên ngọc châu màu trắng bảo Sư nuốt vào. Lại trong khi nhập Định Sư thấy thần thức mình dạo chơi cõi Tịnh độ thấy hoa sen trong ao báu, rừng cây báu... các cảnh. Sư liền đến Bích Chiểu ở Tân Thành chuyên tu Niệm Phật Tam-muội, trải mười năm. Sư lại đi đến Thiên Phong, Nhạn Đảng ở Thiên thai đến đâu cũng đều xây dựng Tịnh độ đạo tràng. Khi tuổi già Sư đến học với ngài Thiên Hoa và lập Vô Lượng Thọ Phật Các, tiếp đãi mây nước. Năm Chánh Hòa thứ nhất trời đại hạn, Sư đến miếu Đế Thuấn ở núi Nhật chú cầu mưa, cảm được Long vương hiện thân sắc vàng mưa lớn ngập chân. Cuối năm Kiến Viêm, Sư vào núi Đạo vị đề nơi ở là Nhất Tướng Am. Cả đạo tục Cối kê đều thỉnh Sư làm chủ Hệ Niệm, đến đêm thứ ba thì viên châu trên đỉnh tượng vẽ bỗng phóng quang, ánh sáng lớn như cái nia, những người dự hội tâm càng kiên cố. Năm Thiệu Hưng thứ mười bốn, ngày ba mươi tháng giêng Sư bảo đệ tử rằng: "Phật đã đến, ta sẽ về nước An dưỡng." Và viết bài tụng để từ biệt rằng: Ta tuổi chín mươi đầu đã bạc, cõi thế ít ai được trăm tuổi, Nhất Tướng Đạo Nhân về chốn xưa, bỏ càn khôn hẹp ngồi Kim đài. Rồi Sư ngồi thẳng mà tịch. Hôm ấy người ở gần núi thấy có vị Tăng lạ ở khắp các hang động không biết từ đâu đến. Đồ chúng an táng toàn thân Sư ở sau am.

4. Pháp sư Tư Chiếu

Sư họ Dương, người Tiền Đường. Năm mười bốn tuổi Sư theo học

ở Tùng Nhã Tịnh Trụ, nghe giảng Pháp Hoa Phương Đẳng với ngài Nam Bình. Lại đến Đông dịch tham học với ngài Thần Ngộ được khế nhập lớn, bèn chích máu viết kinh Pháp Hoa được bảy cuốn. Sư chuyên tu Niệm Phật Tam-muội. Sư dựng một am nhỏ đề là Đức Vân, phía sau nối liền với một cửa nhỏ làm chỗ quán mặt trời lặn. Sư khắc tượng thờ ba Thánh, mỗi đêm qua giờ Tý liền thức dậy niệm Phật. Ngày mười ba tháng hai, Sư dẫn chúng đạo tục nguyện hệ niệm suốt đời. Sau ba mươi năm, vào một buổi sáng Sư bảo đồ đệ rằng: "Đêm rồi ta thấy Phật thân vàng trượng sáu, đây là điềm được vãng sinh." Rồi thỉnh chư Tăng bảy ngày niệm Phật trợ lực, Sư ở trong am tay bắt ấn ngồi mà hóa, lúc đó là mùa Xuân năm Tuyên Hòa thứ nhất. Khi trà-tỳ xong thì xương đảnh và răng đều lấp lánh như ngọc. Đối với bảy kinh Tịnh Độ, cứ một chữ lạy một lạy và với các kinh Hoa Nghiêm, Thủ-lăng-nghiêm, Kinh Quang Minh, Vô Lượng Thọ, Phổ Hiền Hành Pháp, Di Giáo, Phạm Võng, Vô Lượng Nghĩa, Lược Giáo Giới, Tứ Phần Giới Bản đều cũng thế. Chỉ kinh Pháp Hoa thì tụng được mười lượt, cộng là hai trăm bảy mươi quyển, tụng Pháp Hoa được ngàn bộ, kinh Vô Lượng Thọ Phật được năm tạng, kinh A-di-đà được mười tạng...

NỐI PHÁP NGÀI TỪ BIỆN, GIÁN PHÁP SƯ

1. Pháp sư Trạch Khanh

Sư là người Thiên thai, tư chất thông minh, học rộng nhớ dai, theo học với ngài Thượng Trúc Từ Biện, Sư từng nói: Ý chỉ của Tứ Minh thì ta đã được, chỉ có khởi lòng tin Giáo Quán thì ta chưa kịp nhưng không dám không tin. Lúc đầu Sư làm chủ Thọ Thánh ở Xa Khê (Xa Khê thuộc ba châu bốn huyện, phía Đông là huyện Sùng Đức Tú Châu. Đời Đường gọi là Thanh Trấn Cổ Tháp. Năm Nguyên Hựu thứ hai, lúc mới lập viện Thọ Thánh, thỉnh Sư đến khai sơn. Triều vua Cao Tông đổi tên là Quảng Phước). Sư chưa từng quỵ lụy người giàu sang. Đồ chúng tụ họp cả ba trăm và thí chủ tự đến cúng dường. Hơn ba mươi tuổi Sư bèn bỏ kinh mà ngồi thiền. Lúc tuổi già Sư ở Xa Khê, mỗi khi gặp diễn giảng, Sư sai thị giả mỗi ngày đem một pho để diễn giảng. Sư luận thuyết như nước chảy, người nghe đều tin phục. Sư Tuệ Biện Đàm Ứng dẫn ba mươi môn đồ đến Xa Khê, gặp lúc Sư đang giảng kinh Vô Lượng Nghĩa, giảng xong Sư gặn hỏi rằng: Diệu Lạc có nói: Năng sinh là tên khác của Nhất Thật Pháp Hoa, Sở Sinh Vô Lượng là tựa của Pháp Hoa, không biết năng sinh nhất thật là Viên của Cách Thiên hay Viên của Tức Thiên. Còn Sở Sinh Vô Lượng là quyền của Đồng Thể hay quyền

của Dị Thể ?. Đàm Ứng bảo các kẻ đồng hành rằng: “Vị Sư này nói có phép tắc đủ để ta hỏi đạo”, bèn xin y chỉ. Có kẻ không theo phép tắc, vị Duyệt chúng nghe được hỏi tên thì chỉ nói hai Sư Bằng, Quán. Sư bảo: Hai vị này là đại tài trong giáo môn ta, chớ hỏi. Một đêm Sư ngồi ở Phương trượng nghe trên dãy nhà ngang có tiếng nhạc trời, Sư sai người tìm xem thì tiếng phát ra từ phòng Sư Bằng, Sư ghé mắt vào kẻ hở nhìn xem thì thấy hai Sư Bằng, Quán và mấy người ngồi trước đèn đang đùa nhau, đưa tay làm bộ khảy đàn, Sư càng kinh dị. Bình thời Sư thích uống trà. Khi sắp lâm chung Sư gọi môn nhân bảo rằng: “Khi chuông sáng ngân vang thì đến báo cho ta biết. Đến giờ Sư uống trà rồi viết kệ mà hóa. Lúc đó là tháng trọng đông năm Đại Quang thứ hai. Tháp Sư ở Phù Dung Bồ phía Nam viện.

2. Pháp sư Tề Ngọc (Vì lúc lánh nạn tạm đổi húy là Tề Bích).

Sư người Hạp Xuyên, là con của Thượng Thư Mạc Công Chi, Pháp Hiệu là Tuệ Giác, sớm theo học Phật, mỗi ngày nhớ được mấy ngàn tiếng. Lúc đầu Sư theo học với ngài Tường Phù Thần Trí, sau nương ngài Tuệ Biện. Một hôm có Phó Hội Tăng, Sư nhẹ nhàng từ chối. Có người hỏi duyên cớ. Sư đáp: Thật không muốn cái lợi năm ngàn mà mất đi công phu một ngày. Sư được ý chỉ Thông Tướng Tam Quán của ngài Từ Biện nhưng giấu kín không nói, chỉ nhiều lần khấn lạy không thôi, bèn ở trong thất vắng quỳ trước lư hương xem như được truyền thụ. Lúc đầu Sư ở Bảo Tạng tại Thiều Khê mỗi kỳ cuối năm đều mở lớn nghiệp Tịnh Độ. Sau Sư dời về ở Hoành Sơn tạo tượng Phật trượng sáu dẫn chúng đạo tục cùng tu. Giữa đêm bảo chúng rằng: “Chúng ta khi chưa niệm Phật, tâm theo trần cảnh làm những việc bất thiện, phạm một tội kiết la còn chịu tội khổ địa ngục đến chín mươi ngàn năm, huống lại phạm cả Thiên Trụ trọng tội ư? (năm thiên, bảy trụ). Nay nếu niệm Phật thì có thể chỉ một Niệm diệt hết tám mươi ức kiếp tội Sinh tử. Huống còn cha mẹ sinh ta và cho ta xuất gia, đáng lý phải độ thoát để báo đền ân sâu, nay nếu ta phá giới đọa lạc, thì cha mẹ đâu không thất vọng?” Đại chúng nghe nói đều chí thành sám hối, lễ lạy cho đến lúc sức trán, khản tiếng (Đây tuy là khuyên tu Tịnh Hạnh chính là dùng để Phù Luật Đàm Thường để cứu độ đời mạt pháp). Năm Tuyên Hòa thứ sáu, Sư dời đến ở Thượng Trúc. Trước đó ngài Từ Biện đã bỏ đi, người kế thừa thì không đủ sức đảm đang. Học đồ bàn nhau rằng: Nếu có Ngọc Công tất sẽ hưng thịnh. Quận Thú là ông Nhan Quốc nghe biết, bèn sắm trọng lễ đến rước Sư về. Sư giảng đạo hoằng hóa không khác gì ngài Từ Biện. Có một khuya Sư đội tượng hành đạo, một tăng vô phép trách cứ. Sư

bảo: Ông chẳng biết gì cả, chỉ là loài súc sinh thôi! Nói xong Sư hối rằng: "Kẻ ấy tuy bất tiếu nhưng mắng là súc sinh thì có súc phạm Tam bảo." Bèn suốt ba năm đối Phật mà sám hối. Gặp năm đại hạn, ruộng vườn cạn kiệt, Sư vận tâm thầm cầu mưa. Đêm mộng thấy có nước phun lên ở sườn Tây. Sáng ra đào xuống thì có dòng nước trong xanh phun lên, nhân đó đặt tên là "Suối mộng." Mùa thu năm Kiến Viêm thứ nhất, Sư gọi Thủ Tọa là Tu Tuệ bảo rằng: "Trước giường ta có hiện nhiều bảo tháp." Tu Tuệ thưa: "Hòa thượng đã lưu thông điềm chứng của Pháp Hoa." Sư bảo: "Sở nguyện ta chỉ muốn thấy Đức A-di-đà mà thôi." Liền tập chúng niệm Phật. Giây lát Sư ngước đầu dáng kính cẩn bảo: "Phật đã đến rước ta", rồi Sư chắp tay ngồi thẳng mà hóa. Mộ Sư ở một bên thảo đường tại Sơn Tây. Thụy phong cho Sư hiệu Diệu Biện. Tháp đề Tuệ Tịnh. Hàng môn đệ được truyền giáo là Mật Ấn Đại sư, Tu Tuệ... hai mươi vị. Sư trước tác gồm: Phổ Hiền Hạnh Pháp Kinh Sớ, Tự Thích Sớ, Tổ Nguyên Ký, Vô Lượng Nghĩa Kinh Sớ, Tạp Châu Ký (giải thích việc ngài Cơ Sơn Viết Sớ), An Ban Thủ Ý Pháp Môn, Tôn Thắng Sám Pháp.

3. Pháp sư Uẩn Từ

Sư người Từ Khê Tứ Minh, vua ban hiệu là Viên Giác. Lúc đầu Sư nương theo Thọ An Bật Sư, sau đó lại đến học với ngài Từ Biện, việc học đã hoàn thành. Lúc đó học trò ngài Từ Biện có đến mười người ở hàng cao đệ, Sư là người thuyết pháp bậc nhất. Lúc đầu Sư ở Bồ-đề tại Tây hồ, lại dời về Viên Thông ở Cối kê. Năm Sùng Ninh thứ nhất, ở Năng Nhân thiếu người giảng bèn thỉnh Sư đến. Có Văn Thủ Tọa và Năng Hành Nhân, mỗi vị đốt hai ngón tay để cầu Phật gia bị, thì Sư đến, một lần giảng thuyết chúng đều tùy phục. Mùa nắng nóng dữ, tan buổi giảng, Trí Nhân đang nằm nghỉ trên giường, vừa lúc Thủ Tọa đến bạch rằng: Sư giảng ở núi này, khoảng tan buổi giảng, nếu không vào Sám thất thì ở thiền đường chưa có ai mặc tình ngủ nghỉ như vậy. Sư thẹn cảm tạ rằng: Đâu dám không theo lời chỉ bảo, từ đó dù lạnh nhiều hay nóng dữ cũng không dám có chút lười biếng. Sư mỗi khi đi tiêu xong thì tắm rửa thay áo, lúc đi đường gặp tuyết thì lượm lấy cho là sạch. Sư có soạn: Thập Loại Thuyết Quyền Thật Chỉ Mê, tác phẩm này lưu hành trên đời.

4. Pháp sư Như Tĩnh

Sư được vua ban hiệu là Phổ Minh, sớm vào thất ngài Từ Biện. Có người đất Hàng vì tư thù đã giết chết người anh. Sau biết ra rất ăn năn, bèn đến hỏi vị Luật Sư. Vị này đáp: Giết người thì đền mạng còn

gì mà hỏi? Người ấy liền nhào xuống Hồ Tây mà chết vì muốn đền mạng người anh để khỏi oan trái sau này. Nhưng tìm mãi không thấy anh bèn hối hận việc nhào xuống nước chết. Nhân chúng vào Lôi Phong thọ giới bèn theo vào, nghe Giới Sư nói người tạo tội được cho Sám hối. Con quỷ ấy bèn giận vị Luật Sư, phải sớm biết được sám hối thì đâu có nhảy xuống nước tự tử, nên ngày đêm quỷ ấy theo Luật Sư đòi mạng, bảo phải cúng đồ ăn nhưng trăm cách vị Luật Sư đều từ chối. Lâu sau quỷ nói: “Hãy vì con mà thỉnh Tĩnh Phật tử truyền cho giới Đại thừa thì có thể thoát được.” Sư bèn truyền cho Giới Pháp, quỷ liền hiện hình đến tạ ân rồi đi. Sau Sư làm chủ ở Giác Ngộ, học đồ hội họp đông như mây đùn. Có một thất trống vắng bảo có quỷ dữ ở. Nửa đêm Sư vào thất tọa thiền bỗng nghe có tiếng kêu khóc, Sư thấy một đầu người bay trên mặt đất phút chốc lại hóa làm người. Sư bảo: Sao ngươi dám quấy phá người? Quỷ đáp: Tôi hiện ra gặp người vốn là mong người cứu độ, người thấy tôi tự sợ tôi nào có phá ai? Sư bèn nói pháp và truyền giới cho rồi bảo: Ngươi hãy chui vào tay áo ta. Quỷ nghe lời, Sư có cảm giác nặng, bèn đem vào rừng mà thả, quỷ biến thành người trời ân cần tạ ân Sư rồi bay trên không đi mất. Năm Kiến Viêm thứ hai, Sư dời về Thượng Trúc. Trước đó có người lên đồng nói tiếng trẻ con. Có người đem việc trụ trì ở thượng Trúc ra hỏi, trẻ bảo: Đợi hỏi Thổ địa. Giây lâu mới nói: “Sáng nay, Thiên Phù đã xuống thỉnh Tĩnh Pháp sư vậy.” Được một tháng thì Sư đến. Tháng mười một năm Kiến Viêm thứ ba, giặc Kim phá đất Hàng. Sư cảm mộng dự biết trước là núi này không khỏi được ách vận, bèn bảo đồ chúng hãy lánh đi. Khi giặc đến, có người bảo nên lấy lễ mà tiếp, liền đánh chuông tập chúng, giặc nghi là địch chống cự, bèn xua binh cướp phá đốt tan nhà cửa rồi kéo đi.

Lời thuật rằng: Đức của Tĩnh Sư có thể giải thoát việc quỷ đòi mạng, có thể độ quỷ trong thất hoang, có thể cảm được bùa ở Thượng Trúc nhưng không thể tránh được giặc cướp Ngột Truật, ngăn việc đốt phá Thượng Trúc. Bởi phải chịu nghiệp đồng phận với quần sinh mà bị nạn binh đao lửa cháy, không thể may mắn thoát được vậy!

5. Pháp sư Ứng Như

Sư họ Hồ, người ở Phổ Giang Vụ Chi. Sư nhớ dai học rộng, rất giỏi Luận Bộ, đến học với ngài Thượng Trúc Từ Biện được ngài quý mến. Sư có lần đến Linh sơn hỏi bạn đồng chí, người này đưa nghĩa của Lục Tổ Tuệ Năng thì Sư biện luận phản bác và nghĩa người ấy bị thua. Sư liền treo gậy buộc bông, bảo rằng: Ở Tây Trúc khi phá được địch thì dựng cây phướng chiến thắng, đạo tràng hàng phục được ma thì cũng

biểu tượng cái tướng thắng, nay pháp chiến đã thắng thì cũng treo một cây gậy. Người nể sợ bèn gọi là Hổ Tử. Khi xưa ngài Từ Biện được ý chỉ Thông Tướng Tam Quán của ngài Nam Bình, bèn giữ kín không truyền cho ai, Ngọc Tuệ biết nên hết sức cầu thỉnh mà được. Nửa đêm lén nói cho Sư biết, Sư trèo thang dỡ ngói nép mình lén nghe, tuyết bay phủ đầy lưng như mặc áo giáp. Đến sáng trắng ngài Từ Biện nói rằng: Ta được Thông Tướng Tam Quán như được ngầm truyền. Sư liền chép lời nói ấy để trình chúng. Ngài Từ Biện giận bảo: Xem như trộm pháp! Năm Thiệu Thánh thứ nhất, Sư làm chủ Viên Thông ở Việt Chi, có lần nhân buổi giảng đã tan, bảo thị giả rằng: Hôm nay gió Đông thổi giáo pháp qua sông Triết đi về Tây, khiến trong mắt có tai nhờ đó mà nghe được. Sư ba mươi tuổi bèn quên Kinh, mỗi khi lên tòa thì thị giả dâng một quyển giảng để đợi. Năm Thiệu Hưng thứ ba, Sư dời về ở Thượng Trúc, sau một cơn đốt phá của giặc Ngột Truật chỉ còn sót lại Tàng thất. Có người khuyên: Muốn hóa độ người thì phải xây cất nhà. Sư bảo: "Ta chỉ truyền bá Đại Pháp mà thôi, hôm khác tự có người đến sửa chữa xây cất." Kịp khi Sư tịch thì Phổ Giác Duy Nhật quả nhiên nối tiếp việc xây cất. Tháng chín năm Thiệu Hưng thứ năm, vua ngự giá đến đại điện, Sư đối đáp như nước chảy, vua rất vui, liền ban Lễ Vạn Tuế Hương Sơn để cúng Bồ-tát. Sư không chuộng viết sách, có lần dùng kệ dạy người rằng: Ta truyền Tông Nhất Tánh của tổ Trí Giả, Thật tướng của tam thiên là diệu, không, giả, trung, một niệm pháp giới, chúng sinh và Phật đồng thể, Phàm và Thánh nhất như, thiện và ác lý dung nhau. Thân cõi Tỳ-lô rộng lớn như hư không, người đạt ý chỉ này thì các Pháp đều Viên thông, tả đó hữu đó thọ dụng vô cùng." Các Sơn Gia được gọi Như Hổ có ba người là Thần Chiếu Bản Như, Tứ Minh Đạo Như và Sư (Ứng Như). Một tối, Sư giả biệt Đại chúng về nằm yên mà tịch. Tháp Sư ở góc Tây bắc của chùa. Nối Pháp sư có Sùng Tiên Hoài Chí, Bạch Liên Tuệ Tiên đều có nghiệp lớn trên đời. Sư có soạn quyển Giáo Nghi tên là Chỉ Nạn Tập.

6. Pháp sư Tông Mẫn

Sư họ Lỗ, một tộc họ danh tiếng ở Đương Hồ Tứ Châu, được vua ban hiệu là Pháp Vân. Năm mười lăm tuổi Sư thọ giới Cụ túc, khắp tham học ở các Giảng tòa như Siêu Quả Chiếu Quảng Hóa Minh Nam Bình không nơi nào Sư không hầu hạ. Sau Sư vào thất ngài Từ Biện, liền có chỗ phát minh. Ngài Từ Biện cho rằng: Thủ Tọa không có tài, bèn bảo Sư cùng Kháng luận và Thủ Tọa bị thua. Năm đầu Thiệu Thánh, Sư làm chủ chùa Bồ-đề ở đất Hàng. Trong năm Nguyên Phù, Sư dời về ở

Cô Sơn. Khu mật là Trưởng Chi Kỳ lúc đó đến hỏi Đại Chỉ Kinh Lăng-nghiêm, Sư nói nghe chỗ nhiệm mầu của Tâm yếu, nghe xong Chi Kỳ có khế hợp, bèn kính Sư làm thầy. Lâu sau Sư lui về ơ tại suối Báo Ân Lục Nhất (Báo Ân Cần Sư là bạn thơ với Âu Dương Công, Tô Đông Pha gọi suối đó là Lục Nhất). Sư ngồi tọa thiền trong ba mươi năm, đời rất quý kính đạo phong của Sư. Khi giặc Ngột Truật bao vây đất Hàng, chùa chiền bị đốt phá, Sư trở về nghỉ ở Am Dương Hồ. Mùa Đông năm Thiệu Thánh thứ bảy, Sư viên tịch, bảo đệ tử để y bát ở Tháp Tu Báo Ân và táng ở Sơn Tiêu. Mười tám năm sau, quan Hữu Ty lấy đất ấy làm Diên Tường Quán và dời Tháp Sư đến bên hang chim ở Sơn Bắc. Đệ tử là Tuệ Tịnh đem nhục thân trà-tỳ thì thấy dung nhan Sư như còn sống. Khi củi hết lửa tắt nhặt được cả trăm hạt xá-lợi to bằng hạt đậu.

7. Tăng Thống Nghĩa Thiên

Sư họ Vương, nước Cao Ly, là con thứ tư của Văn Tông Nhân Hiếu Vương. Sư bỏ cuộc đời vinh hoa mà xuất gia được phong làm Hựu Thế Tăng Thống. Năm Nguyên Hựu thứ nhất, Sư vào Trung Quốc hỏi đạo. Sư đến Quận Tứ Minh được Minh Trí Tuệ Chiếu đón tiếp ở Quán. Nghĩa Thiên dâng biểu lên vua xin được truyền giáo Hiền Thủ. Vua sắc lệnh cho Lưỡng Nhai cử người có thể truyền pháp, mời ngài Giác Nghiêm Thành Thiền sư ở Đông Kinh ứng đối. Thành Thiền sư lại cử Tuệ Nhân Tịnh Nguyên ở Tiền Đường thay mình. Vua bèn ra lệnh Dương Kiệt đưa khách đến Tuệ Nhân thọ giáo. Các chùa nghênh đón theo lễ người tu. Lúc đầu Sư đến Kinh Sư, thiết triều xong vua ra lệnh cho Lễ Bộ Tô Thức làm bầu bạn ở Quán dịch. Sư gặp ngài Viên Chiếu Tông Bản Thiền sư chỉ bày Tông Chỉ. Sư đến Kim sơn. Sư Phật Ấn ngồi nhận Sư đảnh lễ. Dương Kiệt cả kinh hỏi, Phật Ấn đáp: Nghĩa Thiên chỉ là Tăng ở xứ lạ, nếu khuất mình theo thói tục thì chư Tăng trước hết mất đi một con mắt thì còn gì để chứng tỏ Sư và Pháp ở Hoa Hạ? Triều đình nghe được cho là biết giữ thể diện. Khi đến ngài Tuệ Nhân, Sư đem Hoa Nghiêm Sớ Sao ra học hỏi để quyết nghi, được một năm thì xong. Do đó một Tông Hoa Nghiêm, văn nghĩa đã mai một mà lại được truyền. Kịp khi Sư gặp ngài Từ Biện ở Thiên Trúc xin hỏi đạo giáo quán Thiên thai. Sau Sư đến Phật lũng lễ Tháp tổ Trí Giả và nguyện rằng: “Đã được ngài Từ Biện truyền cho Giáo Quán, khi trở về nước sẽ truyền bá rộng rãi, xin Tổ ngầm phù hộ.” Sư lại gặp ngài Đại Trí ở Linh Chi nghe nói giới pháp và xin được truyền cho các văn sách đã viết soạn. Khi trở về nước bèn lập chùa hiệu là Thiên thai, phụng thờ các giáo văn được truyền thụ của ngài Từ Biện và tạo tượng ngài tôn là Sơ Tổ. Cũng năm ấy vua Cao Ly

sai sứ biết hai thứ tiếng đến hỏi và cúng sách vàng Hoa Nghiêm ba bản dịch của ngài Tuệ Nhân, xây dựng gác để cất giữ (nay tục gọi là chùa Cao Ly). Sư đọc cuốn Phi sơn Biệt Truyện Nghị, đã làm lời bạt rằng: Lớn lao thay Danh và Thật, Thiền xưa với Thiền nay cách xa! Thiền theo xưa là phải nhờ Giáo mà vào Thiền, còn Thiền nay là lìa giáo mà nói Thiền. Nếu lìa giáo thì phải chấp chặt cái danh mà sót mất cái thực. Còn mượn nhờ giáo thì nhân lời nói mà được ý chỉ, cứu được cái tệ hại kiêu mạn xảo trá của người thời nay. Lại Đạo tinh thuần của Thánh xưa thì Châu Công đã biện luận việc này rất rốt ráo. Gần đây Liêu Quốc đã ra chiếu cho Hữu Ty mời Nghĩa Học Sa-môn Thuyên Hiểu định lại Kinh và Lục. Đời bảo rằng Đàn Kinh của Lục Tổ, Bảo Lâm Truyện... đều bị đốt bỏ, và so sánh với các chương cú Thiền Tông trong nước phần nhiều đều dính dáng tới dị đoan. Do đó nhân Sư ở Cao Ly đều nghi là Hoa Hạ không có người. Nay thấy Phi sơn nghi luận cao siêu mới biết là có Bồ tát Hộ pháp, việc trụ trì ở đời mạt pháp cho trăm đời sau đâu không nhờ sức của Châu Công ư? (Giới Châu làm Biệt Truyện Nghị đã có những phát minh sâu sắc về Thiền Giáo, Sư thọ được chín mươi ba tuổi, an táng ở Phi Sơn).

Lời thuật rằng: Phưởng Sư luận về Tổ bảo rằng: Trí Cự soạn ra Bảo Lâm Truyện ngụy đặt trăm điều, như việc Đạt-ma một chiếc giày trở về Tây Trúc, việc đứng ngoài tuyết chặt cánh tay... nhiều việc so với Nam Sơn Tục Cao Tăng Truyện phần lớn không giống nhau. Đời lại cho rằng Đàn Kinh nói về Tánh, không khác Tông Thiên thai ta, nhưng lại chê ta về việc niệm Phật cầu vãng sinh Tây phương. Sư Nghĩa Thiên nói Liêu Quốc đốt bỏ hai sách đều căn cứ vào đây cả.

NỐI PHÁP NGÀI NAM BÌNH, VĂN PHÁP SƯ:

Pháp sư Trọng Mân

Sư người Tam Cù, theo học với ngài Tường Phù. Sau lại nương Nam Bình Văn Sư, Sư vì có tài hùng biện nên được người gọi là Nghĩa Hổ. Năm Chánh Hòa thứ nhất, Sư trở về quê làm chủ Phù Thạch. Người học kéo đến. Có lần Sư nói: Ở tòa ta chỉ giảng Quang Minh, Quan Âm. Ngày Sư viên tịch, Sư tập chúng, thăng đường rồi lên ngồi kiết già trên tòa Sư Tử. Chợt thấy Ngân Đài từ Phương Tây đến. Sư nói: Ta bình sinh hiểu rõ Đệ nhất nghĩa thề quyết nhận Kim Đài, nay mới được thế này. Rồi Sư nhắm mắt mà hóa. Tác phẩm của Sư là Hiến Chương Tập năm quyển, trong bài tựa có nói: Các Phật tử có những trước thuật gì đều nhờ các Công Khanh đề tựa ở trước, làm lời bạt ở sau để tăng giá trị cho tác

phẩm mà lưu hành ở đời. Vả lại các hàng Công Khanh đâu biết ta là phải hay quấy, nếu phải mà không có lời tựa thì trời giết ta ư! Nếu quấy mà làm tựa thì được người khen ư?

NỐI PHÁP NGÀI SIÊU QUẢ, HIỀN PHÁP SƯ

1. Pháp sư Ngạn Luân

Sư theo học với Siêu Quả Hiền Sư mà được thành đạt. Năm Đại Quan thứ nhất, Sư làm chủ Tiên Đàm, soạn giáo nghĩa tên là Tinh Vi Tập bốn quyển, vua ban hiệu là Diệu Tuệ. Sư lại soạn Kim Cang Kinh Sớ hai quyển.

2. Pháp sư Uẩn Tề

Sư họ Chu, người Tiền Đường, hiệu là Thanh Biện. Thuở nhỏ Sư thi Kinh mà được độ, được truyền giáo quán bởi ngài Pháp Minh Hội Thiền sư. Có lần bị bệnh dịch thuốc thang mãi không hết, bèn gắng sức niệm danh hiệu Quan Âm. Một đêm mộng thấy có người đàn bà mổ ngực đổi trái tim, lấy tay xoa nắn, thì bệnh liền hết. Các sách đọc qua ngày xưa, nay đều hiểu rõ nhớ kỹ, múa bút thành văn nói ra chương tiết, ai cũng cho là chứng được biện tài. Sư làm chủ Đạo Lâm ở Tiền Đường nhưng rất quen thuộc ngài Thượng Phương và các nơi như Đông Linh ở Cô Tô, Nam Bình ở Tiền Đường, Quảng Hóa ở Cô Tô, Phù Thạch ở Tam Cù. Trong năm Chánh Hòa Sư lại trở về Thượng Phương, ở yên trong Phương trượng mà soạn: Đảnh Sơn Ký, Thích Thiên thai Giới Lưu gồm ba quyển. Năm Kiến Viêm thứ tư, vào tháng giêng, Sư tập chúng tụng kinh A-di-đà, niệm danh hiệu Phật, vừa xong thì Sư viên tịch. Tháp xá-lợi của Sư ở Thượng Phương. Môn nhân là Pháp Thanh, Cảnh Đức, Pháp Vân đều được chính truyền. Pháp Vân biên tập Phiên Dịch Danh Nghĩa bảy quyển, giúp ích rất nhiều cho người học chữ Phạm tra xét, lại cũng phụ giúp hiểu rõ các giáo nghĩa.

NỐI PHÁP NGÀI CẢNH VÂN, KỲ PHÁP SƯ: (đời thứ ba sau Phù Thạch)

Pháp sư Cư Thức

Sư người ở Kim hoa, nối pháp ngài Cảnh Vân và trụ ở Cảnh đức, có soạn bộ Viên Giác Sớ bốn quyển (quyển này gồm ba mươi bảy vị, nhưng bản kỷ thiếu mất mười bảy vị).

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 15

PHẦN 5

A. Nối pháp ngài Minh Trí, Lập Pháp sư: (đời thứ tư sau Quảng Trí)

Trừng Chiếu, Giác Tiên Pháp sư.
Tuệ Chiếu, Pháp Lân Pháp sư.
Viên Trừng, Trí Khiêm Pháp sư.
Tứ Minh, Pháp Duy Pháp sư.
Định Tuệ, Giới Nhiên Pháp sư.
Đãi Chế Triều Thuyết Chi.
Gián Nghị Trung Túc Công Trần Quyền.

B. Nối pháp ngài Thảo Đường, Nguyên Pháp sư:

Tức Am Đạo Uyên Pháp sư

C. Nối pháp ngài An Quốc, Huệ Pháp sư: (đời thứ tư sau Thần Chiếu)

Trí Dõng, Liễu Nhiên Pháp sư.
Chân Giáo, Trí Tiên Pháp sư.
Bạch Liên, Phạm Chương Thủ Tọa.

D. Nối pháp ngài Bạch Liên, Khanh Pháp sư:

Thiên thai, Tịnh Tiên Pháp sư

E. Nối pháp ngài Bắc Thiền, Phạm Pháp chủ:

Bắc Thiền Huệ Thâm Pháp sư.
Phi Anh, Trí Thầm Pháp sư.
Đảnh Sơn, Tử Văn Pháp sư.
Thông Chiếu, Tuệ Minh Pháp sư.
Siêu Quả, Huệ Đạo Pháp sư.

F. Nối pháp ngài Đức Tạng, Anh Pháp sư.

Bắc Quan, Tư Tịnh Pháp sư

G. Nối pháp ngài Thọ An, Bậc Pháp sư.

Giáo Tạng, Hữu Toàn Pháp sư

H. Nối pháp ngài Xa Khê, Khanh Pháp sư (đời thứ tư sau Nam Bình)

Trúc Am, Khả Quan Pháp sư.

Mục Am, Hữu Bằng Pháp sư.

Tường Phù, Đạo Hân Pháp sư.

I. Nối pháp ngài Tuệ Giác, Ngọc Pháp sư:

Thanh Tu, Pháp Cữu Pháp sư.

Trừng Giác, Thần Hoán Pháp sư.

Giả Danh, Như Trạm Pháp sư.

Mật Ấn, Tu Tuệ Pháp sư (Tuệ Giác Truyện)

Tuệ Giải, Đàm Ứng Pháp sư (Xa Khê Truyện)

Tuệ Chiếu, Đạo Luân Pháp sư.

Bắc Thiền, Pháp Vinh Pháp sư.

Bắc Thiền, Văn Tuấn Pháp sư.

Viên Giác, Tịnh Khuê Pháp sư

J. Nối pháp ngài Viên Giác Từ Pháp sư :

Pháp Chiếu, Trung Kiểu Pháp sư.

Thần Tuệ, Mẫn Tề Pháp sư.

Năng Nhân, Văn Thủ Tọa.

Năng Nhân, Năng Hành Nhân.

K. Nối pháp ngài Phổ Minh, Tĩnh Pháp sư :

Viên Tông, Tư Phạm Pháp sư.

Phổ Viên, Thiện Kỳ Pháp sư

L. Nối pháp ngài Thiên Trúc, Như Pháp sư.

Sùng Tiên, Hoài Chí Pháp sư.

Tuyên Bí, Tuệ Tiên Pháp sư.

Âm Viên, Phổ Chứng Pháp sư.

Pháp Đăng, Đạo Tuân Pháp sư.

Dư Diêu, Hành Trừng Pháp sư.

M. Nối pháp ngài Pháp Vân, Mẫn Pháp sư:

Khu Mật Tưởng Chi Kỳ

N. Nối pháp ngài Phật Trí, Vân Pháp sư:

Pháp Chiếu, Tịnh Thông Pháp sư

O. Nối pháp ngài Phật Chiếu, Kiên Pháp sư:

Thần Biện, Giác Ninh Pháp sư.

Đẳng Từ, Tuệ Tự Pháp sư

P. Nối pháp ngài Phạm Từ, Phổ Pháp sư:

Viên Chiếu, Phạm Quang Pháp sư.
Đông Linh, Trí Khâm Pháp chủ.
Q. Nối pháp ngài Hiến Chương, Mân Pháp sư:
Dư Khánh, Đạo Tồn Pháp sư
R. Nối pháp ngài Thanh Biện, Tề Pháp sư:
Cảnh Đức, Pháp Vân Pháp sư.
Thượng Phương, Pháp Thanh Pháp sư (Thanh Biện Truyện)

****

A. NỐI PHÁP NGÀI MINH TRÍ, LẬP PHÁP SƯ

1. Pháp sư Giác Tiên

Sư họ Trần, người ở Từ Khê Tứ Minh, hiệu là Trường Chiếu. Năm bảy tuổi học kinh đọc qua một lần liền thuộc. Lúc đầu học giáo với ngài Minh Trí và được truyền thụ. Sau lại đến thỉnh ích với ngài Từ Biện Thanh Biện chỗ đạt càng sâu. Năm Tỉnh Khang thứ nhất, Sư làm chủ chùa Bảo Lâm ở Phụng Hóa. Gặp năm Phụng Hóa bị hạn hán, người trong ấp thỉnh Sư giảng Kim Quang Minh, khi vừa xong quyển thì mưa suốt ba ngày. Nhân đó khuyên người trong ấp lập Quang Minh Tràng, tụng kinh cả vạn bộ để bảo hộ cho toàn ấp. Sau Sư dời về làm chủ Diên Khánh hoằng hóa rộng lớn Giáo Tông. Lâu sau lại trở về Bảo Lâm, cất một thất đặt tên là Diệu Liên, lại tụng đủ một vạn bộ, niệm danh hiệu Phật Tịnh Độ được bốn mươi tám tạng. Sư trích các danh ngôn trong các kinh Sớ để làm tư liệu cho Quán hạnh, cho đó là tâm yếu. Năm Thiệu Hưng thứ mười sáu, ngày mười bốn tháng giêng Sư nói pháp rồi ngồi yên mà tịch. Tháp của Sư ở bên tẩm thất của Sư. Một đêm có người nghe tiếng tụng kinh, tìm dấu thì thấy từ trong tháp phát ra. Về sau ngài Nguyệt Đường ở Nam Hồ bảo Sư ở Diên Khánh có công truyền trì lớn mà Tháp thì bị cây cỏ phủ lấp, bèn khiến dời đến Tổ Lũng. Khi đào đất lên thì thấy dây cột vẫn chưa mục, bộ xương như đồng xanh.

2. Pháp sư Pháp Lân

Sư được vua ban Pháp hiệu là Tuệ Chiếu, sớm làm cao đệ của ngài Minh Trí. Sư lâu ngày hầu bên tòa nên đạo nghiệp và từ chương chúng đều tôn phục. Khi Nghĩa Thiên từ Cao Ly đến, trước hết vào Nam Hồ thì có thầy là Minh Trí, bạn là Tuệ Chiếu, xin đến nhận giáo văn để mang về nước, Sư bèn nâng bút thành lời có phong thái cổ sử, Sư Nghĩa Thiên mừng rỡ khen mãi không thôi (văn thấy trong Danh Văn Quang Giáo Chi), Quan Quận mời Sư làm chủ Tam Học, Sư diễn giảng

rất đông người nghe đứng vào hàng thứ hai ở Nam Hồ. Sư từng bảo môn nhân rằng: Ta từng khuyên người hai điều răn: Nếu trước ba mươi tuổi mà chưa niệm A-di-đà thì sau bảy mươi tuổi không được trì chú tiêu tai, nghĩa là nhỏ không biết tiến lên thì già không biết dừng lại. Người thời ấy cho là phải.

3. Pháp sư Trí Khiêm

Vua ban hiệu là Viên Trừng, theo học với ngài Minh Trí. Năm Thiệu Hưng Canh Thìn, Sư làm chủ Bảo Vân, thường nghĩ rằng Bảo Vân là của ngài Tứ Minh Truyền Đạo Sư. Từ khi ngài dời về ở Cốt Ô Thạch thì dấu tích bị ẩn mất.Bèn ra sức hỏi tìm gặp được chánh pháp, Sư soạn ra Thạch Tháp Ký khắc lại để ở Ô Thạch Am, lại tạo tượng các Tổ Sư ở Tịch Đường cho đời sau được biết.

4. Pháp sư Giới Nhiên

Sư người đất Ngân Tứ Minh, theo học với ngài Diên Thọ ở Phước tuyền sơn. Khi ngài Minh Trí ở Nam Hồ thì Sư đến học bèn ngộ được ý chỉ Cảnh Quán. Năm Nguyên Phong thứ nhất, Sư chuyên tu nghiệp Tịnh độ ba năm, khi mãn hạn kỳ Sư gọi các bạn đồng tu là Tuệ Quan, Trọng Chương, Tông Duyệt... bảo rằng: Niệm Phật Tam-muội là yếu pháp vãng sinh vậy.” Sư bèn đốt ba ngón tay nguyện xây dựng Thập Lục Quán Đường, ở giữa bày điện Tây phương Tam Thánh, bao quanh có ao sen. Khi công việc hoàn thành Sư lại đốt thêm ba ngón tay nữa để báo ân Phật. Do đó các người Tu Quán có chỗ nương nhờ. Năm Kiến Viêm thứ tư, ngày bảy tháng giêng giặc Kim đánh vào Minh Châu, chúng ở trong chùa đều giải tán chạy lánh nạn, riêng mình Sư ở lại. Giặc đến am hét rằng: Không sợ chết hả? Sư đáp: Một đời bần đạo nguyện xây dựng quán đường này, nay đã già rồi không đành lòng bỏ đi để tìm sự sống. Giặc bảo rằng: Thôi hãy vì ta mà đến đất Bắc làm quán đường đúng theo quy tắc này, bèn ép Sư đi. Người đời sau nhớ thương Sư, lấy ngày đi làm ngày giỗ (Tương truyền là mồng năm tháng giêng, nếu căn cứ vào Bản Triều Thông Giám thì là mồng bảy) và suy tôn Sư là Định Tuệ Tôn Giả, lập tượng Sư lớn hơn và thờ ở một góc của Quán Đường (Chí Ban theo học với Phước tuyền, ngài Định Tuệ là một phái với Thảo đường, rất cao hạnh, bỏ Chí Bàn đi thì có năm đời).

5. Triều Thuyết Chi

Ông tự là Dĩ Đạo, tự hiệu là Cảnh Vu, làm quan đến chức Đãi Chế, cháu bốn đời của Văn Nguyên Công Hướng Quan coi thuyền bè ở Châu Minh. Ông thường đến hỏi đạo với ngài Minh Trí, nghe thuyết Tam Thiên Cảnh Quán liền vui mừng nguyện học thông ý chỉ. Buổi

vãng niên hằng ngày thường tụng Pháp Hoa, tự đặt hiệu là Thiên Thai Giáo Tăng, hoặc gọi là Vị Thượng Lão Pháp Hoa. Sau khi ngài Minh Trí mất thì ông có soạn bài bia mà luận. Người thời ấy khen là Cao Tác (Bia thấy trong Văn Quang Giáo Chí).

6. Trần Quyền

Ông tự là Oánh Trung, người ở Nam Kiếm, tự hiệu là Liễu ông. Thuở nhỏ thi đậu Giáp Khoa (Tiến sĩ) làm quan đến chức Chánh Ngôn. Khi song thân mất ông cất lều ở bên mộ suốt ba năm, trời mưa cam lộ, có cỏ chi mọc trên mộ. Ông thường để ý đến Thiền Tông, lại có phát ngộ, khi xem Hoa Nghiêm thì hiểu rõ ý chỉ Pháp giới. Nhân ông dâng sớ luận về Tể Tướng Chương Đôn nên bị đày đến Tứ Minh. Một hôm gặp ngài Minh Trí nhân hỏi Tông Chỉ Thiên thai, ngài Minh Trí nêu Chỉ Quán Bất Tư Nghì Cảnh để chỉ bày cái nghĩa dùng Tánh đoạt tu để thành hạnh Vô tác. Công nói: "Mới biết Tông này tánh vốn hiện thành". Ông lại hỏi: Sắc thân hiện tiền phải quán sát như thế nào? Ngài Minh Trí đáp: "Pháp vốn không sinh thì nay cũng không diệt". Công nói: Người đời nói: "Chết như trở về", vì không biết "cái như trở về" nên thành kẻ mất nhà". Từ đó ông thấu hiểu sâu sắc cái Diệu của Cảnh trí, làm "Tam Thiên Hữu Môn Tụng" đem trình ngài Minh Trí và được hứa khả (Văn thấy trong Danh Văn Quang Giáo Chí). Tuổi về già ông quyết chí cầu về Tây phương, vì ngài Minh Trí mà làm bài Ký Quán Đường Tịnh Độ Viện để phát huy ý chỉ Tịch quang tịnh độ. Tông môn cho ông nói đúng (khắc đá để ở Quán Đường tại Nam Hồ). Khi ông đã bị biếm, các con ông đều mặc áo trắng nhưng chưa từng có ý bất mãn. Mùa Đông năm Tuyên Hòa thứ sáu, ông không bệnh tật, giả biệt người nhà mà qua đời. Trong năm Thiệu Hưng, truy tặng ông chức Gián Nghị Đại Phu, thụy phong là Trung Túc.

Lời thuật rằng: Việc làm Đạo của tổ Trí Giả rất rộng lớn đầy đủ, kẻ làm học trò ngài tự tin mình cao quý, chưa đủ tin ở người khác, chỉ có các Danh Nho Sĩ Phu tin mà đến học, thì Đạo của Tổ là đáng tin vậy. Thời ngài Trí Giả thì có Từ Lăng và Liễu Cố Ngôn, thời ngài Kinh Khê thì có Lương Túc và Lý Hoa; Thời ngài Từ Vân thì có Vương Văn Mục và Mã Lượng, thời ngài Minh Trí thì có Diêu Dĩ Đạo và Trần Oánh Trung. Số quân tử đó đặc biệt hiểu Đạo lại lập ngôn để khen ngợi. Đạo ngài Trí Giả do đó lại càng sáng hơn

B. NỐI PHÁP NGÀI THẢO ĐƯỜNG NGUYÊN PHÁP SƯ

1. Pháp sư Đạo Uyên

Sư người Vĩnh gia, tự hiệu là Tức Am. Từ lâu nương học ngài Phù Tông đạt sâu chánh đạo. Sư đến ở Vĩnh Minh tại Tây hồ diễn giảng có phương pháp. Thường Sư bảo ý chỉ của tu tánh ly hợp, chỉ yếu tuy có bày cái diệu của nó, nhưng người sau lại bảo là dị thuyết, nên Sư thu lại các văn và lập thành hai nghĩa:

1. Ước định tu ba, tánh ba, rồi tu tánh đối nhau luận ba thứ để làm sáng tỏ sự ly hợp.

2. Ước định tu chín tánh chín, rồi tu tánh đối nhau luận ba thứ để làm sáng tỏ sự ly hợp.

Đầu tiên là tu ba tánh ba, thì như Bất nhị môn, tánh chỉ cho ba chướng, thế nên đủ ba thứ. Tu từ tánh mà thành nên thành ba pháp ấy. Lại nói: Một niệm tâm làm nhân đã đủ cả ba phép tắc, nhân này lại tạo thành quả gọi là ba thứ Niết-bàn. Lại Kim Ty có nói: Vốn có ba thứ ba lý đầu tiên biến khắp, đạt tánh thành tu thì tu ba thứ cũng biến khắp. Đây đều là tánh ba tu ba, sáu pháp nói rõ ly hợp. Nói tu tánh đối nhau luận ba thứ, là lấy tu làm năng đối, tánh làm sở đối. Như Bất Nhị Môn có nói: Vì đối tánh nói tu nên hợp làm hai thì tu hai tánh một, ba pháp nói về hợp vậy. Nghĩa kế nói về tu chín, thì như Bất Nhị Môn nói: Thế thì tu dù đủ chín thì Pháp thân Bát-nhã giải thoát mỗi mỗi đều đủ ba. Đây mới là ở trong tu mà luận về chín pháp để nói về ly vậy. Song ba thứ trong Pháp thân tuy vốn thuộc tánh mà chỉ yếu phán định rằng: Tuy gồm tánh ba thứ đều là Sở phát nên đều thuộc về tu. Nói Tánh chín thứ, như Quang Minh Cú giải thích Trống Vàng, có đủ ba pháp là Viên - Không - Minh, tức là một Cảnh ba Đế, lại ở trong Viên - Không - Minh mỗi thứ tự đủ ba thứ xu đại.... Bèn có chín pháp đã được thể của trống. Luận về tánh đức chưa dính dáng đến khởi tu. Đây chính là trong tánh mà tự luận chín pháp để nói về ly vậy. Tu tánh đối nhau luận về chín thứ, thì như Niết-bàn Sớ nói: Thể, tông, dụng mỗi thứ có ba nghĩa. Thể thì có lễ để đạt, Tông thì có bản yếu trợ, Dụng có bản đương tự tại. Đây là ước về tu sáu tánh ba để nói về ly vậy....” Sư viên tịch lúc mùa nắng gắt. Quàn kim quan một tuần nhật mà nhục thân của Sư không đổi. Có sữa trắng phun lên mùi thơm như hương sen, người có thể lấy sữa thoa mặt. Khi sắp an táng, trên đường đi ngang qua một am thì dây đòn đứt không tiến lên được, mùi hương lạ xông vào am, khi đổi dây đòn thì kim quan nặng không khiêng lên được. Am chủ trước đây có một hận nhỏ với Sư, bèn hối lỗi tạ tội rằng: Trước có phạm giới nhỏ nhờ Sư răn dạy.

Bèn theo chúng cùng khiêng thì đi được. Khi an táng được ba năm bỗng có trận gió lớn làm gẫy cây, phá hư tháp, đến xem thì khám đầy xá-lợi, hình như trời muốn trình bày đức của Sư.

C. NỐI PHÁP NGÀI AN QUỐC TUỆ PHÁP SƯ: (đời thứ tư sau Thần Chiếu)

1. Pháp sư Liễu Nhiên

Sư họ Tiết, người Lâm Hải. Bà mẹ cầu đảo ở tượng đá trước chùa Sơn Binh (tức nơi ngài Chương An giảng kinh Niết-bàn) rồi mộng thấy đến điện Phật có một vị Tăng cầm cành hoa sen bảo ăn, rồi nói: Nếu ngươi sinh con thì phải cho xuất gia. Sau mười ba tháng mới sinh. Khi Sư được bốn tuổi, bà mẹ nghĩ nếu Sư xuất gia thì còn ai nối dõi Tông đường. Bà mẹ lại mộng thấy thần nhân quở trách là sao sớm quên lời dạy trước, bà liền vâng lời. Năm mười sáu tuổi Sư thọ giới Cụ túc và theo ngài An Quốc học giáo quán, bỗng tuệ giải phát sáng. Sư có lần mộng thấy mình ngồi trên tảng đá lớn nổi trên biển khơi nhìn lên thấy Bồ-tát đang ngồi trên núi trong rừng tre. Sư thưa: "Bình sinh con thường trì niệm Tôn hiệu nay mới được gặp". Bèn đứng thẳng nói trăm bài kệ khen ngợi. Tỉnh dậy còn nhớ được phân nửa. Từ đó Sư nhanh chóng phát biện tài, bèn hầu ngài An Quốc dời về Bạch Liên. Chưa bao lâu Sư đến gặp ngài Minh Trí. Ngài hỏi Hoa Nghiêm Mười pháp giới, Đại Luận Ba thế gian, Pháp Hoa Mười như thị, ba chỗ văn nghĩa họp thành tam thiên. Tại sao Diệu cảnh của ngài Kinh Khê chỉ ra xuất phát từ Pháp Hoa? Sư thưa: "Hoa Nghiêm Đại Luận là pháp môn chết, còn Pháp Hoa Mười, như thị là Pháp môn sống." Ngài Minh Trí gật đầu chấp nhận. Lúc đó Triều Thuyết Chi thường đến gặp ngài Minh Trí đã cùng Sư luận về Đạo này, đãi nhau như bạn đồng học. Đạo Như ở Tứ minh diễn giảng lời lẽ khí chất rất mạnh mẽ, lúc đó đời gọi là Như Hổ, đã vấn nạn và bị Sư khuất phục. Ngài Minh Trí bèn cử Sư làm chủ Quảng Nghiêm. Sư thưa: "Con không thể gánh vác nổi." Cuối cùng Sư nối nghiệp ngài An Quốc. Sáu năm sau Sư dời về Bạch Liên, ở trong núi hai mươi bốn năm, người học có đến năm, sáu trăm người. Năm Thiệu Hưng Mậu Ngọ, ở Ninh hải lập đại hội thỉnh Sư nói pháp. Lúc đó có sứ giả cầm điệp đến thưa Sư rằng: "Trời Đâu-suất thỉnh Sư nói pháp." Sư bảo: "Pháp hội ở cõi này chưa xong." Sứ bảo: "Lệnh không thể chần chờ, xin đến đó trước", rồi xóa tên Sư mà đi. Năm Thiệu Hưng Tân Dậu, tháng năm Sư mộng thấy hai con Rồng đùa nhau trên không trung, một con hóa thành Thần, rút thơ trong tay áo thưa rằng: "Bảy ngày nữa Sư nên đi." Sư vâng vâng

thì chợt tỉnh. Bèn tập chúng nói pháp. Sư viết chữ lớn rằng: "Nhân sức niệm Phật, được về Cực Lạc, học trò của ta, nên gắng sức học." Rồi tắm gội thay áo cùng chúng tụng kinh A-di-đà, vừa đến "Tây phương thế giới" thì Sư tịch. Năng Nhân Hành Nhân nghe có tiếng nhạc trời và ánh sáng đẹp trên không trung. Chúng bảo: Là điềm báo Sư ở Tịnh Độ, nhưng theo lời thỉnh Sư phải đến Đâu-suất trước. Đến tháng tám táng Sư ở sườn núi phía Đông, vua ban hiệu là Trí Dõng. Trong Quận cầu mưa ở Ngọc Khê, nhưng chúng khổ vì đường xá hiểm trở. Sư đọc chú bảo Rồng nên dời đi. Đêm đó gió lớn mưa to. Sáng ra chỗ đầm rồng lấy nước chỉ là đất bằng. Sư có soạn bộ Tông Viên Ký năm quyển, Thích Nam Nhạc Chỉ Quán Khu Yếu hai quyển, Thích Thập Nhị Bất Môn, Hổ Khê Tập tám quyển.

2. Pháp sư Trí Tiên

Sư họ Lý, người Tiên Cư, hiệu Chân Giáo. Thuở nhỏ Sư đã chán thế tục, thường bảo: Giàu sang ở cõi thế đâu thể dìm một đời chí thanh cao của ta ư? Bèn mặc áo ca-sa đến học ở Thiên thai được đạo giáo quán với Thủ Tọa Minh Nghĩa. Sư trở về quê, nương ngài Bạch Liên Tuệ Sư, nghe giảng Chỉ Quán và có phát minh lớn. Lâu dần nối giảng kinh Pháp, bình thời Sư luôn hệ niệm cầu sinh Tịnh độ. Có người hỏi: Pháp hoa Tam-muội thì một cõi là tất cả cõi, một thân là tất cả thân, một Phật là tất cả Phật, sao không nương Chỉ Quán mà tu Pháp hoa Tam-muội, lại tạo nhân vãng sinh? Sư bảo: Ngài Kinh Khê có nói trong phẩm Phân Biệt Công Đức thì Quán thẳng cõi này bốn độ đều đầy đủ, nên thân Phật này tức là thân ba Phật, đại chúng này tức là tất cả chúng, vì chưa đoạn hết các hoặc. Còn An Lạc Hạnh là khí phần của Đồng cư tịnh độ hạnh, cho nên không lìa cái uế Đồng cư mà thấy cái sạch Đồng cư. Người hỏi nói: Đồng cư có nhiều loại hà tất phải Cực Lạc? Sư bảo: Giáo nói có nhiều là phải có túc duyên thật sâu dày. Nay phải chuyên chú là để nhiếp sinh vậy. Sư được kiết chế, thì cảm thấy có chút bệnh, bèn đến giả từ Quận Huyện, trở về chùa đóng cửa không tiếp khách. Chúng thỉnh Sư uống thuốc, Sư chuẩn bị sẵn sàng đi xa. Sư liền quay giường xây mặt về hướng Tây, thiết tượng Di-đà mời ngài Hành Nhân đến tụng kinh, vừa xong quyển thì Sư viên tịch. Lúc đó Năng Nhân nghe tiếng niệm Phật vang rền, nhạc trời inh tai. Tháp Sư ở phía Đông bắc của viện.

3. Thủ Tọa Phạm Chương

Sư học với Huệ Pháp sư được thông suốt ý chỉ của ngài. Nhiều lần sư hầu ở bên tòa bạch liên. Sư diễn giảng nổi tiếng, học giả tôn là Tổ.

Sư khiêm tốn từ chối không nhận là mình có đạo phong hàng cao nhân xuất thế. Sư có soạn bộ Viên Giác Kinh Sớ một quyển. Người thời ấy khen là giản dị mà đúng đắn.

D. NỐI PHÁP NGÀI BẮC THIỀN, PHẠM PHÁP CHỦ:

Pháp sư Huệ Thâm

Thuở nhỏ Sư đi khắp các tòa giảng. Kịp khi gặp ngài Bắc Thiền thì rỗng ngộ đạo Quán Chỉ. Sau khi Pháp Vương qua đời Sư nối gót hành hóa. Những nơi còn sót lại sau cơn binh biến năm Kiến Viêm, Sư cố gắng lo gỗ gạch xây cất lại như cũ. Sư lãnh chúng giảng kinh chưa có một ngày vì công việc mà bỏ qua. Khi sắp xây cất đại điện, chúng khuyên Sư đến các nhà giàu sang. Sư bảo nếu mở cửa đến nhà thí chủ sao bằng đóng cửa cầu chư Thiên. Sư chí thành nên cảm được thí chủ tự đến cúng dường. Sư chính thức giảng kinh suốt hai mươi chín năm, có Tăng tên Thiện cư làm tri sự cũng như Sư đều cần, kiệm, trong sạch, cố gắng giúp đỡ khen ngợi hữu lý. Nếu có người cho tiền thì cột vào lưng hoặc đeo vào tay rồi tự mình mang về và lo mọi phí tổn, sợ hao vàng tổn phước người thí.

E. NỐI PHÁP NGÀI ĐỨC TẠNG, ANH PHÁP SƯ:

Pháp sư Tư Tịnh

Sư họ Dụ, người Tiền Đường, thọ học Pháp Hoa với Anh Sư mà ngộ được quyết chỉ. Sư lại thâm cứu về Tịnh độ quán, chuyên tâm niệm Phật, dùng Quán Kinh làm khóa tụng hằng ngày. Đầu năm Đại Quan, ở Quận Thành Bắc Quan có lập một tinh xá, biển đề Diệu Hạnh. Sư dẫn đồ chúng đi khất thực, hẹn đãi cơm cho trăm vạn Tăng. Không đầy hai mươi năm đã vượt hơn tám lần. Sư kiến lập mười Liên hoa tạng, quy chế rất xảo diệu, vì thiên hạ mà đội mão Luân Tạng. Sư vẽ tượng Phật rất khéo. Mỗi khi vận bút thì Sư vào Tịnh thất niệm Phật quán tưởng. Một hôm, vẽ hình trượng sáu thì có hào quang Phật rất lâu, chúng đều chiêm ngưỡng đảnh lễ. Bấy giờ Sư mới đốn ngộ về cái nhiệm mầu của bút pháp, thế nên người đời đều gọi là Dụ Di-đà. Có lần Sư ở Bắc Sơn Tây hồ đục đá tạc tượng Đức Di-lặc bán thân để trang hoàng. Có kẻ thức giả cho rằng một ngày nào đó Sư lấy hang sâu làm mộ phần cho mình, tất sẽ có người nối Sư tạc tiếp thành toàn thân như các tượng đá ba đời. Năm Tuyên Hòa thứ nhất, giặc cướp nổi lên từ Thanh Khê đánh vào Tiền Đường, Sư bảo kẻ cầm đầu xin lấy thân mình để chuộc mạng cho dân trong thành. Bọn cướp ra vẻ nghĩa khí bèn tập họp ở Yêu

Phong. Năm Thiệu Hưng Canh Thân, mùa đông Sư ngồi nghiêm tưởng Phật suốt bảy ngày không bỏ, chợt đứng dậy thắp hương cúng Phật rồi trở về tòa ngồi kiết già mà hóa. Suốt cả tuần nhật sau trên đỉnh đầu vẫn còn ấm, mặt mày vẫn tươi hồng. Người thấy bảo vẫn y như người còn sống. An táng Sư ở phía phải Pháp đường.

F. NỐI PHÁP NGÀI XA KHÊ PHÁP SƯ: (đời thứ tư sau Nam Bình)

1. Pháp sư Khả Quan

Sư tự là Nghi Ông, họ Thích, người ở Hoa Đình. Năm mười sáu tuổi thọ Cụ giới và nương ngài Nam Bình Tinh Vi. Sư nghe ngài Xa Khê nổi tiếng khắp vùng Giang Triết bèn mang tráp đến học. Một hôm Sư nghe đọc câu Bát-nhã tịch liêu thì bỗng ngộ nhập như được uống một chén thuốc giáng khí. Ngọc Tuệ Giác Hữu ở Hoành Sơn bảo Sư đọc Chỉ Yếu đến chỗ: Nếu không cho rằng thật giường sắt không phải khổ biến dịch thì không dời đổi, bèn than rằng: Lời lẽ văn tự đều là tấm cám cả. Năm Kiến Viêm thứ nhất, Sư làm chủ Thánh Thọ ở Gia hòa, lại dời về Đương Hồ Đức Tạng. Sư ở tại Duyệt Thế Đường mà bổ chú Kinh Lăng-nghiêm. Sư ở Tường Phù Diêm Thiểm hai năm và vì bệnh nên phải trở về Nam Lâm ở Đương Hồ, một nhà vắng vẻ khó ai chịu nổi. Sư bảo: Thông, gió, núi, trăng, tất cả đều là y bát của ta. Năm Càn Đạo thứ bảy, Thừa Tướng Ngụy Kỷ ra trấn nhậm Cô Tô, thỉnh Sư làm chủ Bắc Thiền, Sư vào ở đúng ngày mồng chín, đến chỉ tòa ngồi bảo rằng: Một tấc trong lòng như tro lạnh, ngước đầu muôn cành tuyết chưa đầy, tuổi già nên bước trên nẻo phẳng, do đâu lại đến chỗ cao này! Ngụy Công gõ nhịp không thôi. Kịp khi có được Pháp ngữ để lại, Sư tạ rằng: Cả ngày muôn quyển Đạo này, chẳng dám phụ phàng Trúc Am. Năm Thuần Hy bảy, Hoàng Tử Ngụy Vương ra cai trị Tứ Minh (húy là Khải, thụy phong Tuệ Hiến Vương là con kế của Hiếu Tông) nhờ Nguyệt Đường viết thư tiến cử thỉnh Sư làm chủ Diên Khánh, bấy giờ Sư đã tám mươi chín tuổi. Khi đang đến nơi thì nghe tin Vương qua đời. Sư ở tại Thiên Trúc nhận lời mời bảo rằng: Chỉ vua như người sống đâu dám chối từ, bèn đến ở Nam Hồ, chúng thấy hành lý sơ sài, thảy đều thán phục. Không đầy hai năm thì Sư trở về Trúc Am ở Đương Hồ. Đến ngày mười chín tháng hai năm Thuần Hy thứ chín, Sư không bệnh mà viên tịch, thọ chín mươi mốt tuổi. Khi trà-tỳ thì lưỡi còn nguyên, xá-lợi rất nhiều. Tháp của Sư ở Quán đường tại Đức Tạng. Suốt năm năm Sư ở Đương Hồ đều ở ẩn tại Trúc Am. Nhân đó đặt tên. Cảo Đại Tuệ đang hành hóa tại Kính Sơn

đến Đương Hồ thăm hỏi, cùng chuyện vãng với Sư cả ngày, bèn kính khen Sư là Rồng già ở Biển giáo. Sư thấy trong trai phòng để tượng Phật liền quở chúng rằng: Ở đây các ông đi đứng vô lễ, nói năng lung tung, chỉ đôi khi mới thắp nhang kính lễ, thì bù sao được cái tội trọn ngày khinh nhờn! Sư có soạn: Lăng-nghiêm Thuyết Đề Tập Giảng Bổ Chú gồm bốn quyển, Lan Bồn Bổ Chú hai quyển, Kim Cang Thông Luận Sự Thuyết mỗi thứ một quyển, Viên Giác Thủ Giám, Trúc Am Lục mỗi thứ một quyển, Sơn Gia nghĩa Uyển hai quyển.

2. Pháp sư Hữu Bằng

Sư người Kim Hoa, tự hiệu là Mục Am, một nhà giáo văn, đọc thuộc lòng hơn phân nửa. Lúc đầu Sư theo học với ngài Từ Viên Giác, lại đến gặp ngài Xa Khê, ngày đêm kính thỉnh nên thấu suốt được đạo ngài. Sư làm chủ Tiên Đàm giảng Chỉ Quán. Có Thiên Y Trì Sư nhân đi khất thực ngang qua (Tiếng Phạm là Phân-vệ, Hán dịch là khất thực) vào chùa ngồi nghe đến chỗ: “Phá khắp các Pháp, phá ngang chín thứ Thiền-na đều không phải là cửa Viên Đốn của hành nhân và Đạo” thì Sư Trì bỗng nhiên kính cẩn thưa rằng: “Thật là điều tôi chưa từng nghe”, rồi đảnh lễ mà đi. Có người họ Tiết ở đất Hồ, vợ mất sớm không siêu thoát, trong nhà cúng dường ngàn vị Tăng tụng Kim Cang Bát-nhã, thỉnh Sư diễn nói ý chỉ của kinh, thì vợ lên đồng nói rằng: “Kính tạ ân ông Sư một quyển kinh nay đã được thoát.” Ông hỏi: Ngàn Tăng cùng tụng vì sao nói là một quyển? Đáp rằng: Kinh của Bằng Pháp sư tụng thì lúc tụng không nhận được lời chỉ hiểu ý nghĩa là hơn các quyển kia.” Sau Sư dời về Năng Nhân giảng đạo ngày càng thịnh. Về già Sư làm chủ Diên Khánh. Lúc mới lên tòa thưa rằng: “Hữu Bằng tôi từ phương xa đến...” Người nghe đều vui thích. Sư ở một am nhỏ bên phương trượng gọi là Lục Kinh đường, bên trong chỉ đặt một cái ghế chung quanh không có chữ nghĩa gì cả. Các Sĩ Phu quái lạ về sự lừa dối ấy bèn dẫn nhau đến chùa muốn bắt bẻ Sư. Sư sai thị giả ra nói trước: Các Hiền giả muốn thấy vật gì, nếu lấy tư cách khách khứa thì sẽ ngồi thảo luận với nhau, nếu với tư cách thỉnh vấn thì hãy đứng lên đặt câu hỏi, nếu muốn vấn nạn thì xin cho hỏi trước ba câu. Chúng đều bảo xin làm khách. Sư bèn đối thoại, lần lượt dẫn các kinh sách mãi không thôi. Bấy giờ mới biết Lục Kinh nằm trong bụng Sư vậy. Mỗi khi lên tòa giảng thì Sư không cần xem văn. Sư bảo: Ta đã bảy phen giảng Chỉ Quán, ở trong đó mà chánh tu, chưa hề viết một chữ về Đạo. Lại nói: Nay trong Đại Bộ muốn nêu ra một vấn nạn như cả tờ giấy lớn cũng không hết được, vì phải lìa tánh văn tự mới được giải thoát cho nên các giáo uyển này tóm

tất không có nghĩa mục, chỉ riêng Thập Bất Nhị Môn Khẩu Nghĩa là một môn học mà thôi. Có kẻ hỏi: Mười cảnh mười thừa mới thành Quán Pháp, sao ngài Kinh Khê lại nói: Không đợi có Quán Cảnh mới gọi là Tu Quán? Sư đáp: Hướng về Đạo ấy nhiếp Sự thành Lý mà hiểu được. Lại hỏi: Trong Giáo Viên Đốn có lập Ấm chăng? Sư hét một tiếng lớn bảo rằng: Ấm nhập là gánh nặng, thường ở hiện tiền, sao lại hỏi lập hay chẳng lập? Một hôm Sư giảng về Điều Ngự Trượng Phu, có mấy Nho Sĩ đến dự, Sư bảo: Như ở Nho giáo luận về Trượng Phu thì như tôi trung thờ vua không tiếc mạng, kẻ dõng sĩ gặp nạn không sợ chết, lập nghiệp lớn trong thiên hạ, lưu danh sáng ở trăm đời, vừa không bị mê hoặc đắm chìm bởi thanh sắc danh lợi... thì đều gọi là trượng phu. Còn trong Đạo ta thì một Tâm ba Quán làm thuyền bè, sáu thời năm buổi làm chèo chống, hàng phục các ma, chế ngự ngoại đạo, không bị phần đoạn biến dịch hai thứ sinh tử giam cầm thì mới gọi là trượng phu. Các Nho sĩ nghe đều kính sợ mến phục. Sư điều chúng rất nghiêm nhưng giản dị. Người chung quanh muốn Sư lên giảng đường chỉnh chúng, Sư bảo: Ta sở dĩ không thường dạy chúng là có ý đấy, không thấy người ta bảo: "Sấm sét lắm thì trời mất oai" đấy ư? Năm Càn Đạo thứ tư ngày ba tháng mười hai, Sư ngồi dưới hiên Thanh Ngọc mời Hành nhân đến tụng Quán Kinh đến chỗ "Chân Pháp thân Quán" thì Sư tập họp đại chúng niệm Phật rồi để kệ lại mà hóa. An táng Sư ở tổ tháp tại Sùng Pháp. Người được truyền pháp như Hiển Am, Pháp Xương, Nguyệt Khê, Pháp Huy v.v... rất đông. Sư nhờ vào sức nhớ dai của mình mà không chứa sách vở. Từng bảo bạn đồng học là Trúc Am rằng: Cả thiên hạ làm chủ, nửa ghế ở giảng tòa, lão huynh trong nửa ghế đó. Hỏi: Còn nửa ghế kia là ai? Sư bảo: Là kẻ không cần văn tự giấy bút đó! Một hôm ở Thiên Đàm, Trúc Am đến thăm, Sư vì Thượng Giảng Sư mà đọc Đại Khoa, đọc xong Sư liền cất sách bảo rằng: Tông sư ở trên tòa nên không dám nói văn... Sư kính lễ đối với hàng Tôn túc còn khiêm nhường như thế.

F. NỐI PHÁP NGÀI TUỆ GIÁC, NGỌC PHÁP SƯ:

1. Pháp sư Pháp Cửu

Sư họ Thiệu, người ở Dư Diêu, theo học với ngài Long Tuyền. Năm mười lăm tuổi thi kinh Pháp Hoa trúng tuyển mà được độ. Lúc đầu nương ngài Trí Dõng ở Quảng nghiêm. Sau theo ngài Tuệ Giác mà đến Thiên Trúc, ngày đêm học tập cuối cùng hoàn thành. Ngài Đại Tuệ ở Kính Sơn đến hỏi về tâm yếu. Có lần bảo Sư nêu ý chỉ Cảnh Quán, Sư liền gõ nhịp khen thưởng. Có người con gái của Vương Thị Ngự chết

sớm, thường lên đồng bảo thỉnh Cao Tăng tụng Pháp Hoa. Ngài Đại Tuệ bảo Sư đến nơi ấy lên tòa giảng kinh. Thị Ngự chợt có điều cảm ngộ, trong đêm con gái về báo mộng với cha rằng nhờ sức giảng kinh của Pháp sư con đã được chỗ sinh. Thị Ngự nhân đó làm bài ký về Nhất thừa Cảm Ứng. Một hôm ngài Đại Tuệ bảo Sư rằng: "Giáo Uyển ít người, ông nên gắng sức hoằng truyền để làm sáng Tổ Đạo." Sư bèn trở về, nhân đó có người họ La ở Từ Khê đón Sư về ở Viên Trạm Am, người học khắp bốn phương tụ về cùng ngưỡng mộ Pháp của Sư. Năm Thiệu Hưng mười ba, Quan Quận mời Sư về ở Thanh Tu, suối trong đá phẳng, người và cảnh đều đẹp. Sư thường lo kẻ hậu sinh đơn lẻ mà nhiều lầm lỗi, liền mở mang Chúng Đường viết Liên Sàng Bộ Nhục giống như Quy tắc Thiền Lâm vậy, Sư đích thân làm trước khiến chúng không dám giải đãi. Sư nói pháp giảng đạo có phong cách của ngài Đại Tuệ. Có người không hiểu bảo là Sư nói Thiền ở Giáo Uyển. Bên trái chùa có ngọn núi tên Sư Tử, lập một nhà gọi là Vô Úy. Sư ở đấy hàng ngày tụng Pháp Hoa, Lăng-nghiêm. bảy Kinh suốt mười chín năm không nghỉ. Một hôm bỗng Sư cáo biệt chúng, không bệnh tật mà hóa. Tháp Sư ở phía Tây chùa. Ngài Tuyết Khê Hy Nhan có soạn bài minh cho Sư. Môn nhân là Diệu Vân nối Sư làm chủ tòa.

2. Pháp sư Thần Hoán

Sư người An Cát Hồ Chi, sớm theo học với ngài Tuệ Giác, người thời ấy khen là hạng xuất chúng. Trong năm Thiệu Hưng, Sư làm chủ Giác Ngộ ở Tư Khê. Từ xưa, Giáo mô mà các Sư Tổ chưa lập nghĩa xong thì Sư luận giải được trăm thiên, nên đời gọi là "Hoán Trăm Chương." Sư từng luận về ngôi vị của chư Thiên chưa đúng, bèn khảo tìm khắp giáo điển rồi soạn ra bộ Thiên Truyện, có lời tựa nói rằng: Xét trăm sách thì nên đặt tòa Công Đức Thiên ở bên trái Đức Phật. Nếu đạo tràng rộng thì nên đặt thêm Đại Biện và Tứ Thiên Vương ở bên phải Phật. Thế thì người đời sẽ biết là mười hai, mười sáu hoặc mười tám bậc đều là căn cứ theo phẩm quỷ thần mà thêm bớt càng. Nay muốn định tôn ty thì cũng rất khó. Như mẹ con quỷ La Sát đâu thể ngang hàng với hàng Đại Phạm. Người nữ tên Công Đức, người nam tên Tán Chi, nay lại đặt Công Đức ở trên, Phạm Thích ở kế đó rồi Tán Chi và mẹ con quỷ ở sau, đâu không mất thứ tự. Nhân xem và bàn Đại Tạng mà làm ra bộ Chư Thiên Truyện. Tùy ngôi vị mà giải thích. Bởi trời có chủ khách, có nam nữ, có Bản Tích, có sáng tối. Đại Phạm là chủ ba cõi. Đế Thích là chủ Đao-lợi, Tứ Vương là chủ tám Bộ. Như Công Đức Đại Biện thì chỉ là khách ở nhờ mà thôi, Công Đức ở nhờ Bắc Thiên, Đại Biện ở nhờ

Sơn Trạch. Trước không có chủ thống lãnh nên nay gọi là chủ khách. Còn Công Đức Đại Biện, Thần Cây, Thần Đất, mẹ quỷ đều là nữ chất, còn các thần khác đều là nam thân. Đó gọi là nam nữ. Kim Cang mật tích và năm trăm đồ đảng đều là Bản của Đại Bồ-tát hóa hiện ra tích Thần tượng, đó gọi là Bản Tích. Đại biện thì tuyên dương chánh pháp cho Phật, tuy là ngôi vị ngầm gởi thân làm phụ nữ nhưng ngôn hạnh thì rất sáng tỏ, hoặc chỉ làm ảnh hưởng mà không có việc hiển bày. Lại có Thống Vương quyền hiện tướng Trượng Phu nhưng ngôn hạnh thì ẩn kín. Đó gọi là hiện ẩn. Biết rõ bốn đầu mối này thì có thể nói về trời. Ngài Trúc Am đọc thấy bảo rằng: "Tóm tắt chỉ mấy trăm chữ mà bao quát cả đầu đuôi" (Thiên Truyện chưa thấy được bản gốc. Chí Bàn từng soạn Chư Thiên Lễ Tán Văn, chính là dùng lập thuyết của Hoán Sư. Thấy rõ trong Pháp Môn Quang Hiển Chí). Sư có soạn Bộ Viên Giác Sớ hai quyển, An Lạc Ký một quyển.

3. Pháp sư Như Trạm

Sư họ Tiêu ở Vĩnh gia. Bà mẹ mộng thấy bảo tháp mà sinh ra Sư. Lúc tuổi nhỏ Sư thi kinh mà được độ. Trước hết Sư đến gặp Đông Linh Khâm Sư và Phổ Từ Huy Sư. Chỗ học chưa thành tựu, Sư bèn cùng với Dương Tiêm Uyên, Không Tướng Dung đi Xa Khê đến nương Khanh Sư. Nhưng lúc ấy người học quá đông không chỗ ở, chỉ có một nhà nhỏ như cái đấu không cho là chật. Trời nóng dữ, cùng bốn bạn để cái vò lớn cho lấp dòng chảy rồi ngồi dựa lưng quanh vò cho dễ chịu như thế suốt mấy năm, chúng gọi đùa là "Ngũ Ôn Đường." Sau Sư tham học với ngài Tuệ Giác ở Hoành Sơn, ngày đêm chú tâm mà thấu đạt hết cái diệu của Giáo Quán. Lúc đầu Sư làm chủ Thánh thọ ở Xa khê, ngoài khóa giảng còn tụng Pháp Hoa một bộ, niệm danh hiệu Phật hai vạn tiếng. Có người xin làm tri sự, vì không phải pháp khí nên Sư không cho làm, người này thù hận, đêm đến mang dao nhọn vào thất Sư thì thấy quan khách đầy nhà. Đêm sau lại vào thì tối tăm quên đường. Lại một tối khác lẻn được vào thất thì thấy có mười mấy người đều giống hệt Sư, người ấy vừa xấu hổ thẹn thùng lẻn mất. Bình thời Sư ít ngủ, tháng hạ nằm trong bụi cỏ, miệng tụng Pháp Hoa, mình cởi trần để thí cho muỗi cắn. Môn nhân thưa: Sư tuổi đã cao nên bỏ khổ hạnh. Sư bảo: Loài huyên phi sao được Diệu Thừa, nhờ việc hút máu mà nghe kinh ta đọc để lấy đó làm duyên. Người đời sau xây đài nuôi muỗi để làm dấu chỗ này. Khi tuổi già Sư dẹp bỏ mọi việc chỉ ở yên trong một am nhỏ ngày ngày huân tu tịnh nghiệp. Tháng bảy năm Thiệu Hưng Canh Dần, Sư ngồi nghiêm niệm Phật, kiết ấn mà hóa. Khi trà-tỳ được xá-lợi năm

màu. Sư có soạn: Tịnh Nghiệp Ký, Thích Quán Kinh Sớ, Hộ Quốc Ký, Thích Quang Minh Sớ. Lại thuật: Kim Cang Hội Giải Giả Danh Tập. Năm Kiến Sơ thứ nhất, Sư thuật Thanh văn Hội Dị, ở phần cuối có đề rằng: Giặc Hung Nô bỏ đất Hàng vào Tú Châu, gây binh lửa dọc sông Tiền Đường, giặc cướp nổi lên như ong vỡ tổ, mạng sống luôn bị đe dọa, nhờ sách này ghi việc lúc ấy, người ta cho giống việc ngài Chương An trong lúc giặc cướp tung hoành đã soạn ra Niết-bàn Huyền Nghĩa. Việc này giống nhau.

Lời thuật rằng: Ký của gài Pháp Trí là Quán Kinh và Quang Minh. Đương thời các đồ chúng thân thích, các nhóm đồng Tông như Sư Cô Sơn Tịnh Giác đã trau lời luận chống, rốt lại đều không thắng nổi. Đó gọi là bỏ dương giúp âm. Còn như đến Sư Giả Danh là bậc Thiên tài cao, hạnh nghiệp tốt là cháu bốn đời của Tứ Minh, ngay sau khi Giáo Quán được hưng thạnh không lo khen ngợi Đạo sáng và công lao các Tổ mà lại theo phe kẻ múa bút, viết sai sự sửa văn nhẫn đến làm ký Tịnh Nghiệp Hộ Quốc, múa gậy ban ngày, phản Tông phá Tổ tự rơi vào nhóm sơn ngoại. Thật đáng buồn thay!

G. NỐI PHÁP NGÀI VIÊN GIÁC TỪ PHÁP SƯ:

1. Pháp sư Trung Kiểu

Sư họ Trương, người ở Từ Khê thuộc Tứ Minh, vua ban hiệu là Pháp Chiếu. Bà mẹ thấy mặt trăng rơi vào bụng mà sinh ra Sư. Sư theo học với ngài Vĩnh Minh. Lúc đầu nương ngài Minh Trí ở Nam Hồ. Chưa bao lâu lại đến gặp ngài Viên Giác ở Thiên Trúc, lâu ngày Sư nhận được pháp yếu. Năm Tĩnh Khang thứ nhất, ở Năng Nhân không người giảng kinh, quận thái thú là Lưu Quang nhờ ngài Trí Dõng cử người mình biết nên Sư được mời ở. Sư lên tiếng diễn giảng thì học đồ bốn phương tập họp, vì cơm cháo không có người cung cấp nên khai khẩn hai mươi khoảnh ruộng muối nên cơm gạo dư dả. Năm Thiệu Hưng Ất Mão, mùa hạ bị hạn hán, vì rồng ao đã thọ giới ngài Trí Giả nên Quận Thú sai các quan thuộc hạ thuyết phục Sư đến ao truyền giới pháp thì ngay trong ngày mưa lớn ào xuống. Khi tuổi già Sư lui về ở ẩn trong am kín. Năm Thiệu Hưng Ất Sửu, Sư tắm gội thay áo mới viết kệ, giả biệt chúng rồi ngồi nghiêm quay mặt về hướng Tây mà hóa

2. Hành Nhân Năng Sư

Sư người Gia hòa, thuở nhỏ theo học với ngài Năng Nhân, vào Sám thất suốt bốn mươi năm, sáu thời hành đạo dầu bệnh vẫn không bỏ, chỉ nhịn ăn mấy hôm thì bị bệnh tự lành. Do đó tên Hành Nhân được

nổi tiếng ở vùng Triết giang. Khi tuổi đã già Sư vẫn đọc văn như hồi mới học. Sư Thảo Am đùa bảo: Chưa quên nôm ư? Sư hỏi: Nôm là gì mà quên? Sư Thảo Am cả thẹn. Có lần Sư phơi áo ngoài nắng bất giác than rằng: Kẻ khảng khái trượng phu mà giống như bọn tôi tớ ư? Do đó mà cho hết các thứ dư thừa, chỉ giữ một áo bông xấu. Mùa Hạ thì ăn ít lại, ngày hè thường vào rừng thí máu cho đám muỗi mòng. Một hôm Sư gặp hai con hổ, bèn tiến thẳng đến nộp mạng nhưng hổ cúi đầu bỏ đi. Thần núi linh hiển cúng Sư một nơi ở, thường giao tiếp với Sư. Việc ăn uống có thiếu hụt, tri sự đến thưa thì Sư cố sức ngăn lại. Sáng hôm sau thí chủ tự đến đều bảo rằng: “Tối qua có Hành Nhân đến tận cửa báo tin”, mới biết Sơn thần đã thay Sư đến Viên Giác theo lệnh ngài Năng Nhân, Sư cùng Văn thủ tọa đốt ngón tay để thỉnh. Kịp khi ngài đến thì ngày đêm thỉnh ích và được đại ngộ.

H. NỐI PHÁP NGÀI PHỔ MINH, TĨNH PHÁP SƯ:

Pháp sư Tư Phạm

Sư họ Trạm, người ở Lâm Bình, Hàng Chi được vua ban hiệu Viên Thông. Sư nương ngài Tịnh Xá Phổ Minh học giáo quán và thông suốt hết ý chỉ, lâu dần Sư được lên làm thủ tòa. Ngài Phổ Minh dời sang Giác Ngộ thì Sư cùng theo hầu. Khi dời về Thượng Trúc, ngài bảo Sư rằng: Tòa giảng ở Giác Ngộ không thể thay ông được. Sư bèn ở đấy hành đạo suốt mười năm hoằng pháp nổi tiếng. Sau Sư lui về ở Vân Am tại Tây Sơn đóng cửa viết sách. Sư từng thấy Kinh Sớ Ngữ Lục mà thảo luận xác định ý chỉ của Thiền và Giáo, gọi là Hội Tông. Quan thị Lang Triều Công Võ đọc qua một lần rất hợp ý bèn viết tựa rằng: Ta nghe Thế Phụ Cảnh Vu Tiên Sinh có nói (Triều Thuyết Chi hiệu là Cảnh Vu): Hai bờ Đông Tây sông Triết có cái học Thiên thai, nếu thông về thuyết ấy thì không có bệnh giáo Thiền, có thể làm tai mắt cho hàng Nhân Thiên, con nên biết thế.” Từ khi ta nghe lời này đã ba năm rồi. Nay thấy điều nói trong hội tông thì rất hợp với lời nói của Thế Phụ Cảnh Vu. Bình sinh Sư giữ giới Pháp rất nghiêm, thường mộng thấy được giao tiếp với các bậc Thánh hiền. Phàm các việc cầu phước, cầu tai ương, đuổi ma quỷ Sư chỉ cần một lần nói giới liền có linh cảm. Tháng năm năm Càn Đạo thứ tư, có một người coi sao bảo Sư rằng: Ta thấy Sư chết vào tháng sáu. Sư cười bảo: Tạo vật làm sao chế ngự được ta, ông bảo tháng sáu, ta nói tháng tám đấy! Đến kỳ hạn Sư tắm gội thay áo ngồi kiết già trong khám, mời chúng đến tụng kinh niệm Phật, rồi nhắm mắt mà hóa. Tháp Sư ở tại thất bên Phương trượng.

I. NỐI PHÁP NGÀI PHẠM TỪ, PHỔ PHÁP SƯ

1. Pháp sư Phạm Quang

Sư họ Dương, người ở Ngân Chi Tứ Minh, vua ban hiệu là Viên Chiếu. Bà mẹ mộng thấy một vị Tăng lạ vào nhà, mười hai tháng sau bèn sinh ra Sư, mùi hương lạ đầy nhà. Năm mười sáu tuổi Sư thọ giới Cụ túc, trước hết đến học Luật với ngài Thông Chiêu ở Hồ Tâm. Lại theo tập giáo với ngài Thần Trí ở Nam Hồ, rồi một mạch đi du phương, quanh quẩn ở vùng Tây Triết, bèn đi Bạch Ngưu để gặp ngài Hải Tuệ Phổ Sư, nghe ngài giảng Pháp Hoa đến phẩm Thọ Lượng, rộng nói về ba Thân, vừa dứt lời thì Sư đại ngộ. Khi sắp trở về quê, ngài Hải Tuệ vỗ lưng Sư bảo: "Ông ắt sẽ chấn hưng giảng tòa của ngài Pháp Trí." Khi trở về thì Quận Thú Vương Tư Thâm mời Sư làm chủ Quảng Thọ. Năm Chánh Hòa thứ tư, mùa Xuân, thái thú Lữ Tông mời Sư đến Nam Hồ. Lúc đó chúng ở Quảng Thọ xin theo có đến một trăm hai mươi người, từ đó chúng Nam Hồ lên đến năm trăm vị, đời ngài Pháp Trí chưa khi nào được thịnh như thế. Năm Tuyên Hòa thứ tư có hạn hán lớn, Quận Thú thỉnh Sư giảng kinh Vân Vũ. Sư y pháp lập đàn Tăng tục đều tụ hội, vừa mở quyển kinh ra thì mây đen kéo đến, giảng xong thì mưa ào xuống. Đầu năm Tỉnh Khang, nước Cao Ly cống sứ, Cảnh Lai đến yết kiến Sư thưa rằng: "Quốc Vương tôi hỏi thăm Pháp sư, rất kính ngưỡng đạo đức của ngài nhưng không có dịp chiêm lễ nay kính cẩn sai sứ hiến dâng pháp y và hai trăm quyển Hoa Nghiêm Sớ Luận do Hiểu Pháp sư ở bản quốc soạn ra." Năm Kiến Viên thứ ba vì tuổi già Sư cáo từ ra đi, về ngự ở Phước Thánh tại Phụng Hóa. Ở Nam Hồ từ lúc loạn ly binh biến nhiều năm chưa phục hồi. Quận Thú là Cửu Dũ bảo rằng: Ngoài Sư ra không ai chấn hưng nổi, bèn đến đón Sư trở về, các quan liêu đều tụ tập đến nghe Sư diễn giảng. Cừu Công đến giảng tòa khen rằng: Lời tinh vi làm phát sáng mọi ẩn lấp, đời ta sao may mắn thế này! Năm Thiệu Hưng thứ mười hai, Sư cử môn nhân là Đạo Sâm lên thay mình, rồi lui về ở Trạch Dương, cùng Tào Sứ Lục Trí Lâm qua lại kết bạn tục mùa Xuân năm sau Sư giả từ Lục Quân rằng: "Già bệnh đã lâu nay sắp đem hậu sự gởi nhờ Diên Khánh." Sư bèn đi thuyền đến Hồ nam, tắm gội thay áo rồi tập chúng tụng Quán Kinh, viết di huấn phó chúc cho Ngộ Chân Nghĩa Thành, tụng An Lạc Hạnh đến chỗ thâm nhập thiền định thấy mười phương Phật thì Sư yên lặng mà hóa. Lúc đó là ngày tám tháng hai năm Thiệu Hưng thứ mười ba, thọ tám mươi tuổi, an táng Sư ở Tổ Tháp Sùng Pháp. Sư thiên tư chất phác trong sạch đãi người sang hèn đều một lễ như nhau. Có người hỏi, Sư đáp: Đạo pháp ta lấy Bình Đẳng làm tâm,

thường bất khinh làm hạnh” Có người họ Đải bị ma quấy nhiễu thỉnh Sư đến tụng chú, vừa đến cửa thì ma biến mất. Khi Sư còn ở Phước Thánh, kẻ đạo tục đến xin thọ thêm giới pháp, có con của người họ Ổ lên đồng nói rằng: “Ta là tổ tiên của các ông, đã ở lâu trong chốn u minh, nghe ở nhân gian có Quang Pháp sư thí giới cho chúng, ngày hôm nay trong cõi u minh có nhiều loại được giải thoát, nên ta được tạm về”

2. Pháp Chủ Trí Khâm

Sư người Thường Thục tại Cô Tô, biệt tài siêu tuyệt, người đương thời đều kính trọng. Sư làm chủ ở Đông Linh, tụ họp đồ chúng đến năm trăm người, hành theo Đạo ngài Phạm Từ không chút sai khác. Kính cẩn siêng năng giảng kinh Sám lễ chưa từng một ngày lười nhác. Người thời ấy tôn xưng là Pháp Chủ để ví với ngài Bắc Thiền Phạm.

J. NỐI PHÁP NGÀI THANH BIỆN TỀ PHÁP SƯ:

Pháp sư Pháp Vân

Sư theo theo học với ngài Cảnh Đức ở Cô Tô, vua ban hiệu là Phổ Nhuận, học giáo quán với ngài Thanh Biện mà được ý chỉ. Năm Thiệu Hưng thứ mười ba, Sư soạn Phiên Dịch Danh Nghĩa bảy quyển để giải thích tiếng Phạm trong Tạng Điển, lần lược viện dẫn các sớ ký có luận giảng kỹ rất giúp ích cho người học, Hàm Trạch Sơn khen công trình của Sư có làm bài tán hóa khắc vào gỗ.

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 16

PHẦN 6

A. Nối pháp ngài Tức Am Uyên Pháp sư (đời thứ năm sau Quảng Trí).

Tịnh Xã, Xứ Liêm Pháp sư.

Viên Biên, Đạo Sâm Pháp sư.

B. Nối pháp ngài Trí Dõng, Nhiên Pháp sư (đời thứ năm sau Thần Chiếu).

Giác Vân, Trí Liên Pháp sư.

Trạch Sơn, Dữ Hàm Pháp sư.

Xích thành, Trung Ích Pháp sư.

Bạch Liên, Trí Viên Pháp sư.

Sơn Đường, Nguyên Tánh Pháp sư.

Bạch Liên, Diệu Lân Pháp sư.

Bạch Liên, Thanh Ngộ Pháp sư.

Bạch Liên, Tử Mâu Pháp sư.

Hư Đường, Bản Không Pháp sư.

C. Nối pháp ngài Chân Giáo, Tiên Pháp sư:

Chứng Ngộ, Viên Trí Pháp sư.

D. Nối pháp ngài Siêu Quả, Đạo Pháp sư.

Đức Tạng, Tòng Tiến Pháp sư.

E. Nối pháp ngài Thông Chiếu, Minh Pháp sư.

Báo Từ, Uẩn Nghiêu Pháp sư.

F. Nối pháp ngài Trúc Am, Quán Pháp sư (đời thứ năm sau Nam Bình).

Bắc Phong, Tông Ấn Pháp sư.

Trí Hành, Thủ Mân Pháp sư.

Thần Biện, Thanh Nhất Pháp sư.

G. Nối pháp ngài Mục Am, Bằng Pháp sư.

Hiển Am, Pháp Xương Pháp sư.

Nguyệt Khê, Pháp Huy Pháp sư.
Ẩn Học, Thái Nhiên Pháp sư.
Phù Thạch, Tử Tuệ Pháp sư.
Vĩnh Phước, Trí Hưởng Pháp sư.
Thiên Vương, Đạo Dụng Pháp sư.
Năng Nhân, Hoài Bảo Pháp sư.
H. Nối pháp ngài Tường Phù, Hân Pháp sư.
Ngộ Không, Thiện Vinh Pháp sư.
I. Nối pháp ngài Thanh Tu, Cửu Pháp sư.
Từ Thất, Diệu Vân Pháp sư.
Tuyết Khê, Hy Nhan Pháp sư.
J. Nối pháp ngài Trừng Giác, Hoán Pháp sư.
Giác Am, Giản Ngôn Pháp sư.
K. Nối pháp ngài Giả Danh, Trạm Pháp sư.
Xà Khê, Trí Khâm Pháp sư.
L. Nối pháp ngài Pháp Chiếu, Kiểu Pháp sư.
Tắc Am, Minh Triết Pháp sư.
Năng Nhân, Đạo Sơn Pháp sư.
Lễ Tuyền, Hành Hoàn Pháp sư.
Bố Kim, Giác Tiên Pháp sư.
M. Nối pháp ngài Viên Chiếu, Quang Pháp sư.
Siêu Quả, Tông Triệu Pháp sư.
N. Nối pháp ngài Đông Linh, Khâm Pháp Chủ
Dương Tiêm, Lợi Uyên Pháp sư.

****

A. NỐI PHÁP NGÀI TỨC AM, UYÊN PHÁP SƯ: (đời thứ năm sau Quảng Trí).

Pháp sư Đạo Sâm

Sư họ Bành, người ở Lạc Thanh Ôn Chi, vua ban hiệu là Viên Biện. Bà mẹ thấy luồng khí tím quấn cuộn vào thân mà sinh ra Sư. Năm mười tám tuổi Sư thọ Cụ giới, lúc đầu học Luật Nghi. Chưa bao lâu sư theo ngài Tức Am ở Pháp minh, lời lẽ tinh vi ý chỉ diệu mầu một lần nghe qua liền được lãnh hội. Sau Sư đến Nam Hồ nương ngài Viên Chiếu. Khi trở về quê, Sư ra làm chủ Quảng Tế. Được mười hai năm Sư dời về Quảng Từ. Năm Kiến Viêm thứ ba, vua xa giá đến Vĩnh gia ra chiếu đem chỗ ở cũ Lâm Linh Tố làm Tư Phước Viện. Thừa Tướng Lữ

Cơ Hạo mời Sư đến ở. Sư từng lấy Tăng-già-lê đem đổi gạo ở chợ, đêm đến thấy y sáng rực rỡ, sáng ra người ta đem y lên chùa trả lại. Bị khổ vì thiếu nước, Sư chỉ thợ đục đá đào giếng thì nhặt được miếng gạch cổ có đề chữ Thiên Khang (là niên hiệu của vua Trần Văn Đế thời Nam Triều), từ dưới suối bỗng phun lên. Dân hai bên bờ sông Lạc Thanh mỗi khi bị nạn đất lở sụp cho là quỷ thần làm ra. Các quan chức thỉnh Sư truyền giới cho là thần quỷ lên đồng nói lời cảm tạ. Môn nhân là Thanh Thuận mộng thấy đến gặp các Tổ ở Diên Khánh. Thị Giả cầm tấm bản đồ ghi vị trí đứng bên, thì thấy ở ghế thứ tám thiếu người. Thuận chỉ vào hỏi, đáp rằng: Thầy của ông sẽ ngồi vào chỗ ấy. Sau đó Sư đến ở Nam Hồ, quả nhiên Sư ở đời thứ tám Sư thường chuyên tu niệm Phật Tam-muội. Bỗng Sư có cảm ngộ bảo rằng: Duy tâm Tịnh Độ chỉ một mà thôi vậy. Thật ra là do Di-đà ngộ Bảo Sát của tâm ta, tâm ta đầy đủ Lạc Bang của Di-đà. Tuy xa mà gần không vượt qua một niệm, tuy gần mà xa hơn mười vạn ức. Ví như trời xanh trăng sáng, bóng chiếu vào muôn mặt nước. Nước không cần lên mà trăng cũng không phải xuống. Nước và trăng cùng một cõi tự nhiên chiếu sáng lẫn nhau. Một hôm trong khi nhập Định, Sư thấy có một vị lão Tăng đang ngồi thiền trên giường, quay lại bảo Sư rằng: Ta là Tứ Minh đây. Sư kinh ngạc mừng rỡ đảnh lễ hỏi rằng: Cùng Đạo Sâm ở một nhà, mà tập khí pháp tướng con chưa thông suốt xin ngài thùy từ chỉ giáo. Tôn giả gật đầu chấp thuận và Sư cảm thấy Tâm địa rỗng suốt. Từ đó Giáo Quán của Sơn Gia nói ra đều coi Sư là chính. Năm Thiệu Hưng mười hai, ngài Viên Chiếu cáo già cử Sư lên thay thế. Chùa chiền còn sót lại sau cơn binh lửa giặc cướp đốt phá tan hoang, sư thành tâm nên cảm được các Thí chủ tự đến. Năm tháng dần qua nhà cửa đều đầy đủ. Nhân Sư tu Pháp Hoa Tam-muội cảm được Đức Phổ Hiền phóng quang nên tuệ biện của Sư càng tăng nhiều. Quận gặp hạn hán lớn thỉnh Sư cầu mưa, nhân quận cai trị hà khắc nên Sư nói mạnh lời Quận Thú tỉnh ngộ, do đó thả tù mấy trăm người. Đúng chiều ấy thì mưa to. Những kẻ bệnh lâu ngày được Sư nói pháp thí thực phần đông đều lành bệnh. Dục Vương Kham Thiền sư có bệnh, Sư đến hỏi thăm, trở về bảo chúng rằng: "Lời nói quá sự thực rốt cuộc không được chi!" Bèn vào ngày mười ba tháng hai Sư kiến lập Hội Tịnh Độ niệm Phật, người trong hội có cả vạn người. Sư kết bạn đạo cùng Tuyết Đâu Đại Viên Thiền sư, có lần thỉnh Sư nói nghĩa Lục Tức, nghe rồi than rằng: Sư nói như thế mà đã được ngộ chăng? Sư đáp: Nếu chưa ngộ sao dám nói với lão Sư! Một hôm Sư nói sáu nghĩa La-hán, người học thỉnh Sư nói, Sư bác rằng: Pháp Tướng Tiểu thừa nói có ích

gì, sao bằng nói nghĩa Kinh Vương. Rồi Sư nói suốt cả ba ngày không lời trùng lắp. Ngày mười sáu tháng mười hai năm Thiệu Hưng hai mươi ba, Sư tập chúng tụng Quán Kinh ngày đêm không dứt. Chúng nghe có mùi hương lạ đầy nhà. Sư bảo: “Phật đến đón ta.” Rồi tắm gội thay áo, viết kệ rằng: “Duy Tâm Tịnh Độ vốn không mê ngộ, một niệm không sinh, liền nhập Sơ trụ.” Sư lại bảo tụng An Lạc Hạnh, chưa xong thì Sư ngồi yên lặng mà tịch. Lưu Khám lại cả tháng mà nhan sắc Sư vẫn như còn sống. Táng toàn thân Sư ở bên Tổ Tháp Sùng Pháp.

B. NỐI PHÁP NGÀI TRÍ DŨNG, NHIÊN PHÁP SƯ: (đời thứ năm sau Thần Chiếu).

1. Pháp sư Trí Liên

Sư tự là Văn Tú, vua ban hiệu là Giác Vân. Sư họ Đỗ, người ở Ngân Ấp Tứ Minh, theo học với ngài Sùng Thọ ở Thê Tâm, năm mười tám tuổi Sư thọ giới Cụ túc. Sư dung mạo cổ xưa, có dáng cao gầy như hạc nội tòng cao. Ngài Minh Trí trông thấy bảo rằng đây là Phụng Sồ trong Tăng. Lúc đầu Sư theo học với ngài Viên Chiếu ở Nam Hồ, tuổi về già Sư nương ngài Trí Dõng ở Bạch Liên mà được đốn ngộ Viên Chỉ. Kịp khi trở về quê thì Sư thay giảng ở Diên Khánh. Sau năm Kiến Viêm Sư đã qua ở năm cảnh chùa đều còn sót lại sau cơn binh lửa. Sư có tài hóa ngói đá thành vàng ngọc theo tay hiện ra. Lúc đó Viên Biên đã trùng hưng Diên khánh nhưng chưa xong thì đã qua đời. Sư vừa đến thăm hỏi ngài Hoằng Trí và cùng lên Thiên Phật Các. Hoằng Trí bảo: Nghe Tổ Tứ Minh nói không trung có hình tướng phải chăng? Sư đáp: Đúng vậy. Trí đưa tay chỉ nói rằng: Thái Hư vốn không một vật. Sư chỉ núi sông lầu các nói: Hình ảnh các thứ này là những vật gì? Trí rất phục lời nói ấy khen rằng: Trấn nhậm Nam Hồ không phải người này thì ai đây? Liền tiến cử lên Quận để lãnh việc. Suốt mười năm Sư diễn giảng không để phí một ngày nhưng các nhà cửa đều hoàn thành. Thái Sư Sử Chân Ẩn sống ẩn dật tuổi già ở quê nhà, thường đến hỏi pháp yếu, Chân Ẩn bảo: Sư cũng thông suốt cả Thiền Luật ư? Sư đáp: Băng tan tuyết chảy cũng đều là nước mà thôi. Lại hỏi: Hoa Nghiêm, Bát-nhã giống nhau ở chỗ rất chi ly? Sư đáp: Chi ly là nguyên nhân của giản dị.” Chân Ẩn rất phục. Quận Soái Thừa Tướng là Thẩm Công thuyết phục Sư nhận Tăng chức, Sư lấy cớ bệnh cáo từ, Thừa Tướng viết trát khuyên rằng: Sư có hạnh nghiệp thanh tịnh, có sức gánh vác Giáo Tông, vật cần nên ở một phương chính thức tạo lập kỷ cương cho các chùa, rất mong chớ chối từ.” Từ đó Sư giữ chí khiết bạch lãnh lệnh, người các phương

đều tuân phục sự thanh chỉnh của Sư. Một hôm Sư cảm thấy có bệnh liền bảo thị giả rằng: “Tất cả không ngại người, một Đạo thoát Sinh Tử (Kệ của kinh Hoa Nghiêm). Lại vỗ tay cười lớn rằng: Ta may mắn đến thế này ư? Chuông kêu thì ta giả biệt!” Lúc đó là ngày mười tám tháng chạp năm Long Hưng thứ nhất. Trà-tỳ được nhiều xá-lợi, táng tro xương của Sư một bên Sùng Pháp Tổ Tháp. Đệ tử đắc pháp thượng thủ của Sư là Nguyệt Ba Tắc Ước.

Thái Sư Chân Ẩn Cư Sĩ khen rằng: Luôn nhìn sắc Sư, tinh thuần ôn hòa, lễ nghĩa rèn tập, đôn hậu thi ca, tuy chuyên Chỉ Quán thật là Nho gia, Hạc bay khoảng vắng, Ve lột xác trần, bèn khiến thính giả, cởi trói mở phanh, năm cảnh chùa lớn, diễn giảng nổi danh. Già ở Diên Khánh, Đạo càng tinh anh, chỉ đem Thai Giáo, nuôi dạy hậu sinh, trước có Pháp Trí sau là Giác Vân, ý mong Huyễn Ảnh cùng pháp trường sinh (trích bia đá ở Nguyệt Ba Sơn).

Luận rằng: Việc ứng tích của Thánh hiền trên đời không phải việc người thường tình biết được. Như Sư Giác Vân một đời làm sáng Giáo Tông Môn. Đến ngày mất như biết trước nơi về, ra sinh vào tử chỉ có bậc phi thường mới luận định được. Song mượn hình tướng nho gia ở hai mươi bảy tướng vị khảo trong ngoài an tĩnh mà huân nghiệp thạnh lớn, nhưng lại hay hộ trì Phật pháp tôn kính chư Tăng. Ấy bởi vì đại quyền hóa độ hiện bày việc làm của Tể Quan Thân. Như Thích-ca thời xưa hoặc làm hàng Nho Sĩ, hoặc ở vị Luân vương, Sa-di chùa Thánh làm Tề Văn Tuyên, Tăng chùa Hồi Hướng làm Đường Minh Hoàng. Gần đây thì Ngũ Tổ Giới Sư làm Tô Văn Trung, Lang Tà Sơn Tàng Tăng làm Trương Văn Định Dung. Há biết được việc thay đổi cơ vị mà không làm Phật, không làm Tổ ư? Lương Chữ gọi là vỗ tay tự cười lớn. Đã có chỗ về mà còn trở lại cõi này thì địa vị tất là hàng tột đỉnh của nhân thần. Nếu còn nghi ngờ việc này thì là chưa khéo luận như đây vậy.

2. Pháp sư Dữ Hàm

Sư tự Hư Trung, họ Chương, người ở Hoàng Nham, vua ban hiệu là Minh Tổ. Bà mẹ mộng thấy Bạch Liên Tuệ Sư đã tịch rồi, cho trái cam vàng bảo ăn thi liền tỉnh dậy mà miệng lưỡi vẫn còn thơm. Được bảy tuổi thì Sư nương Hương Tích xuất gia. Lúc đầu Sư đến gặp Trí Dõng, ngài làm lạ bảo: Tổ vị tái sinh đây! Học xong tuổi nhỏ mà được cử làm nhất tòa. Ngài Trí Dõng tịch rồi Sư chứng ngộ kế thừa, khi Sư ngộ về Thượng Trúc bèn cử Sư lên thay. Đồ chúng họp đông gặp năm đại hạn nên phân nhau khất thực ở đất Ngô. Người thí chỉ lo phận mình. Bồi Úy Vương Mãnh Công hỏi nghĩa mười sáu Quán, Sư đáp: Nước Phật ở

ngoài mười vạn ức cõi mà đề phong thì không vượt quá một tấc vuông. Nếu cố noi theo Quán Đạo thì vãng sinh ở cõi ấy không xa. Tư Chánh Trịnh Công hỏi về Lăng-nghiêm Bát Hoàn. Sư đáp: “Mê tâm làm cảnh tám pháp mờ loạn. Người đạt được Đại Quán thì một niệm tự phản hồi.” Cả hai vị cùng ngộ, hằng năm thường gởi quà cúng dường. Quận Thái Thú vào núi thấy trong ao có hoa sen đỏ, bèn hỏi: Đã là Bạch Liên tại sao lại nở sen đỏ. Sư nói: Trong núi mọi người đều vui, quân hầu đến đây trấn nhậm thì dầu giống vô tình cũng phải đổi màu. Lại khi, Sư chỉ ông nên xem kinh La-hán thì ông hỏi: Đã là vô học thì sao lại xem kinh? Sư liền vỗ lưng tượng La-hán hỏi: Sao không trả lời? Sư mỏi mệt việc ứng tiếp nên trở về nơi Thọ Nghiệp. Gặp lúc Ích Sư ở Xích thành viên tịch, Quận bèn mời Sư đến ở. Vạn Niên Nhất Thiền sư đến hỏi thì thấy trên giường Sư có một cuốn sổ nhỏ, thấy ghi chép việc mua về các vật thường trụ, một tiền cũng không sai sót, bèn than rằng: Ta đối trong Đạo không xấu hổ mà việc làm không bằng Sư. Sư có lần ở chùa Pháp Luân truyền giới, đúng khi thỉnh Thánh Sư thì chúng thấy có ánh sáng lạ, khi đuốc tắt thấy có vị Phạm Tăng đang đứng trên hư không. Ngoài việc thiền tọa, Sư còn tụng Không Phẩm. Đến chỗ “Bản Tánh vắng lặng” thì Sư nhập định vài ngày; đến chỗ “Sinh tử không ngằn mé” thì Sư run rẩy mãi không thôi. Sư thể hội Đạo Pháp tha thiết như thế. Tháng năm năm Long Hưng thứ nhất, Sư cáo biệt chúng ngồi nghiêm niệm Phật mà hóa, táng Sư ở sườn núi phía đông của Chùa. Năm Càn Đạo thứ ba đem trà-tỳ hài cốt Sư thì được vô số xá-lợi lấp lánh năm màu. Sư có soạn: Bồ-tát Giới Sớ Chú ba quyển, Kim Cang Biện Hoặc một quyển, Phục Tông hai quyển, Pháp Hoa Toát Yếu một quyển, rạch ròi dễ hiểu, chiết trong các thuyết. Lấy tên mình làm gốc nên mọi người đều gọi Sư là Trạch Sơn Tẩu.

3. Pháp sư Trung Ích

Sớm thân cận với ngài Trí Dõng, Sư cảnh quán sâu, biện thuyết giỏi, mọi người nhân đó kính phục Sư. Sư làm chủ Thượng Ngu Đẳng Từ rồi dời về Xích thành. Ngoài các buổi giảng liên tục thì Sư nhập Thiền Sám, ngày đêm kế tiếp không hề gián đoạn giây lát. Sư chép Giáo Nghĩa của ngài Trí Dõng gọi là Hổ Khê Tập.

4. Pháp sư Nguyên Tánh

Tự hiệu là Sơn Đường, theo học với ngài Trí Dõng mà thông suốt ý chỉ Giáo Quán. Có hôm Sư ở Bạch Liên, giảng lần lượt đến Thiên Chủ Nghĩa, có kẻ mới đến học làm luận bài bác. Có người đem bài luận lên bạch với Sư thưa rằng: “Kẻ mới học này thấy ngược ngạo, xin Thầy

đuổi đi.” Sư cười bảo rằng: Các ông chỉ có được bài luận của kẻ ấy, còn ta thì được hết, đủ để viết ra các bộ Sơn Đường Tập năm quyển và Pháp Hoa Văn Cú Khoa mười quyển!”

5. Pháp sư Tử Mâu

Sư họ Lô, ở Ninh hải, hiệu Viên Tịnh. Từ lâu theo học với ngài Trí Dõng nổi tiếng đương thời. Lúc về già, Sư làm chủ chùa Bạch liên, học trò đông như chợ. Để cung cấp cho nhiều lần thiếu thốn, định đắp đê biến biển thành ruộng đem việc về thưa mẹ, mẹ cho một sọt vàng trắng bảo rằng: “Vì chúng làm việc tất Phật sẽ chứng giám”, vì mẹ lo việc không thành. Rốt cuộc thì mọi việc đều xong có được ngàn mẫu ruộng, chúng nhân đó mà nuôi sống.

6. Pháp sư Bản Không

Sư người Phụng Hóa Tứ Minh, tự hiệu là Hư Đường, cha họ Từ làm ruộng, mỗi khi có cao Tăng qua cửa thì ân cần tiếp đãi trọng hậu. Mẹ đêm mộng thấy ánh sáng lạ chiếu quanh nhà nhân đó mà thọ thai. Cho con là bậc phi thường nên cha mẹ thường ăn rau tụng Kinh. Sư luôn nghĩ việc xuất gia. Năm mười bốn tuổi Sư nương ngài Tôn Thắng Pháp Tồn cạo tóc. Lúc đầu Sư theo ngài Trí Dõng học giáo quán, đến Bạch Liên làm thủ chúng, rồi ra làm chủ Vĩnh Minh ở Minh Chi, sau dời về Trị Bình. Năm Thuần Hy thứ nhất, Hoàng Tử Ngụy Vương cai trị Tứ Minh, tôn trọng Đạo viết sớ mời Sư làm chủ Tứ giáo. Có thủ tọa Hạ Trung sắp giảng kinh Diệu Huyền thì sư ngăn lại bảo rằng: Từ khi có giảng tòa đến nay, các bậc lão thành lập pháp gọi là chức thủ tọa, ai chưa ra đời thì chỉ giảng Tiểu Bộ, nếu đã ra đời, đã giảng tiểu Bộ rồi thì mới có thể khai giảng Đại Bộ, việc khiêm tốn đó là phép cũ vậy. Nếu là Duy Na thì chỉ điểm đọc các loại Tập Tứ Giáo Nghi mà thôi. Phải theo thứ tự mà tiến không được nhảy vọt.” Sau Sư dời về ở Bạch Liên mở lớn Giáo Tông. Lâu sau Sư trở về nơi thọ nghiệp, hàng ngày lấy Vãng sinh làm chánh niệm. Năm Thiệu Hưng thứ ba, ngày ba tháng ba Sư cáo biệt chúng, đến tòa viết kệ rồi hóa. Học đồ ở Đông dịch đến rước toàn nhục thân Sư. Nhóm Tăng tục ở Phụng Hóa dâng điệp ngăn cản, bèn cắt chia râu tóc xây tháp ở Đông Sơn và an táng toàn thân sư ở Tôn Thắng. Sư khi đi không ngoảnh lại khi ngồi không tựa vật, trời nóng dữ vẫn không cầm quạt, trời lạnh gắt vẫn không gần lửa, ở cao tòa thì đọc giảng biện luận rất tinh vi, dù lợi độn đều được thấm nhập, người nhân đó mà rất tôn quý Sư.

C. NỐI NPHA1P NGÀI CHÂN GIÁO, TIÊN PHÁP SƯ:
Pháp sư Viên Trí

Sư họ Lâm, ở Huỳnh Nham. Bà mẹ mộng thấy một vị lão nho mà sinh ra Sư. Còn nhỏ Sư đã rất thông minh, không ham chơi đùa, Thư Sử Kinh Mục đều rất rành rẽ, thuốc men bói toán Sư đều tinh thông. Có lần Sư đến Chùa gần nhà nghe giảng Quán Kinh, Sư khen rằng: "Nơi mặt trời lặn là cố hương ta đó, hôm nay nghe nói như được tin nhà." Rồi xin xuất gia thọ giới. Sư liền nương ngài Chân Giáo ở Bạch Liên mà học thông Giáo Quán. Có lần Sư hỏi về nghĩa Cụ Biến, ngài Chân Giáo chỉ đèn lồng nói rằng: Như cái đèn kia là ly tánh tuyệt phi vốn tự rỗng lặng theo lý thì là cụ; Lục phàm Tứ Thánh chỗ thấy không đều nhau là biến vậy. (Ngài Khải Am nói: Cụ như đầy đủ báu trân châu, tức lý đủ cả tam thiên. Biến như mưa báu trân châu tức sự tạo ra tam thiên. Ý chỉ này so với ý của ngài Chân Giáo hơi khác). Sư không hiểu. Sau Sư nhân quét đất tụng Pháp Hoa đến chỗ: "Biết Pháp tánh vô thường, Phật chủng từ duyên khởi" thì hoát nhiên tỉnh ngộ, bèn đem bạch ngài Chân Giáo. Ngài nói: "Pháp Hoa, Chỉ Quán đây là thứ quan yếu, nay ông đã ngộ thì việc lớn đã xong." Từ đó Sư dạo tâm nơi Diệu Đạo, năm ngày chỉ ngủ một giấc. Có kẻ mời đón bước chân dong ruỗi thì Sư bảo: Ta đi dạo chơi đây khác nào bên cửa sáng ghế sạch mà đọc sách cả rương. Sư tham học với Ngũ Phật suốt ba năm. Nếu xem Chỉ Quán đến thập cảnh thập thừa thì thấy Tổ Sư biểu hiện ở trần kiếp. Sư ở Đông Sơn được mười bốn năm tại hai cảnh chùa, có khoảng ngàn chúng, tôn Sư là hàng trên trước. Mỗi khi lo kẻ hậu học bị khốn đốn về danh tướng, Sư luôn khuyên gắng mọi người rằng: "Cần phải thật tinh tấn thì mới lên được bậc cao." Mỗi nửa tháng Sư đều bố tát. Có kẻ hỏi: Tông Viên Đốn đâu cần phải như thế? Sư bảo: Viên gia sự lý một niệm đều đầy đủ, cái gọi là Viên Đốn đâu phải bác sự mà cầu lý ư? Ta bình thời chưa từng không coi giới luật là thầy. Phù Luật đàm thường chính là ngày nay vậy. Quận thỉnh Sư làm chủ chùa Tường phù, Điện soạn Lưu Công hỏi: Một câu trong Giáo thì phải diễn giải như thế nào? Sư nói: "Tức sự mà chân." Công hiểu ý chỉ ấy liền viết Sớ thỉnh Sư làm chủ Hồng Hựu. Hàng sĩ phu muốn Sư ở cận thành, bèn thỉnh Sư ở Nhật Sơn rồi dời về các nơi Bạch Liên, Xích thành, Khánh Thiện, hoằng đạo ngày càng hưng thịnh. Năm Thiệu Hưng hai mươi ba, Sư vâng chiếu vua về làm chủ Thượng Trúc. Sau nạn binh lửa, chùa chỉ còn sót lại điện thờ Bồ-tát. Có người tên Suy Kim tạo cửa và hành lang. Thầy xem lịch bảo: "Chủ tinh không lợi." Sư nói: "Phật cùng Thiên Tinh đồng một tạo hóa, nếu chùa chiền

rực rỡ mà ta chết đi thì có hận gì?” Chưa bao lâu quả nhiên Sư có bệnh nhẹ, mộng thấy có Tiên nhân cho uống Thiên dịch, bệnh liền hết, thần thái càng sáng hơn trước. Mùa Hạ năm Thiệu Hưng hai mươi bảy có hạn hán, có chiếu vua mời Sư giảng kinh ở Minh Khánh. Khi giảng xong thì mưa ập xuống. Có lần vì mạo phạm với chùa, dân trong ấp nghe lời xúi cúng vật sống, Sư quở rằng: Đâu thể trái lời Phật cấm? Rồi Sư nói giới cho Thần và đổi sang cúng chay. Năm Thiệu Hưng hai mươi tám, Sư đốc thúc mua sắm gỗ đá nhanh, đến mùa Đông thì nhà cửa chùa chiền đều sửa cất xong cả. Đến ngày mười hai tháng chạp Sư có bệnh, Sư đã dự bị viết thư cáo biệt hàng đạo tục, viết kệ rồi ngồi mà hóa. Tháp Sư ở phía đông chùa. Lúc đầu, ngài Phổ Giác, vào năm cuối ở tại Sơn Chi đã mộng thấy vị La-hán từ Thiên thai đến ngồi soạc ở ghế chủ vị, thì Sư đến. Khi ngài Vô Tướng còn sống mộng thấy ngài Tân Đầu Lô đến gặp trao cho một chén trà núi. Người ta biết Sư là một trong số năm trăm người đó. Đồng Giang Anh tự ỷ mình hiểu biết rộng đọc Lưu Ý Biện Minh Xứ của ngài Kinh Khê liền bài bác xuyên tạc, đến nổi bảo nên hủy bỏ Diệu Lạc, lập ra mười vấn nạn để hỏi. Người học không dám chống lại, Sư làm quyển Công Anh Tập để phá. Người đọc đều ưa thích và hận sao hai Sư không sinh cùng thời.

D. NỐI PHÁP NGÀI SIÊU QUẢ, ĐẠO PHÁP SƯ:

Pháp sư Tòng Tiến

Sư rất thông minh từ nhỏ sớm học thành tài, từ lâu nương học ngài Siêu Quả mà được đạo ngài. Sư ra làm chủ Đức Tạng, diễn giảng có khuôn phép nên học trò đến rất đông. Sư hay tự soạn thuật Giáo Nghĩa nói rõ chỗ sở đắc. Sư soạn Bộ Lăng-nghiêm Giải rất là cao diệu. Ngày Sư viên tịch lưu khám lại hơn tháng nhưng dung mạo Sư vẫn không biến đổi. Khi trà-tỳ xong thì lưỡi còn nguyên như cánh sen đỏ.

E. NỐI PHÁP NGÀI TRÚC AM, QUÁN PHÁP SƯ: (đời thứ năm sau Nam Bình).

Pháp sư Tông Ấn

Sư tự là Nguyên Thật, họ Trần, ở Diêm Quan, hiệu Bắc Phong. Sư thờ ngài Tuệ Lực Đức Lân làm thầy. Năm mười lăm tuổi thọ giới Cụ túc. Lúc đầu Sư đến tham yết ngài Trúc Am ở Đương Hồ và được ý chỉ Giáo Quán. Phàm các câu cách ngôn của Chư Tổ Sư đều đọc tụng hơn ngàn lần. Sư vào Nam Hồ tu Trường sám, có người họ Chu đón Sư về ở Am Cư. Vì thuế ruộng không đúng nên Sư khuyên sửa lại, mỗi năm

giảm bớt năm trăm hộc. Sư đến gặp quan Tượng Điền Viên Ngộ Diễn, ông gặn hỏi về ý Tổ Tây Lai. Sư đáp: Có bị thua cũng không kêu ca. Diễn chấp nhận. Giỗ ngài Trí Giả buổi sáng, đêm đến Sư thắp hương trong lò trên điện thương khóc đến khàn tiếng, Diễn thương cảm ý Sư liền dùng hậu lễ đưa Sư về ở Nam Hồ. Sư có lần nghĩ về nghĩa Tịch Quang có hình tướng thì trên không trung có tiếng bảo rằng: Tịch Quang thể nó như mặt trăng trong nước. Tư Giáo Không Hư Đường đón Sư về làm thủ tòa, Hư Đường soạn Tông Cực Luận giúp ngài Trí Dõng về ý chỉ lập ra Sự và Lý mỗi thứ có một tánh riêng. Sư lập ra chín lời vấn nạn thì nghĩa của Tông Cực Luận bị thua. Thông Thú Tô Tỉ xem Bất Nhị Môn thì vì văn giản lược nên mịt mù về Tông thuyết, Sư bèn tóm tắt chỉ rõ chỗ cơ yếu, Tô Tỉ liền lãnh hội. Bạch Sư Tòa thỉnh Sư về ở Chánh Giác. Gió bão thổi trôi dạt tất cả chỉ còn lại điện thờ, Sư liều chết không lánh chạy nên gió bão không thổi nữa. Có người thỉnh Sư truyền giới cho Thần miếu để bỏ việc cúng tế đồ huyết nhục. Sư trước đó đã nằm mộng nên đến chú nguyện trước cửa miếu, thần thưa xin đổi cúng chay mấy mươi đền thờ. Sư về làm chủ Ẩn Học, chưa bao lâu Tô Tỷ cũng được vua triệu về, yêu cầu sư cùng đi bảo rằng: Sao chẳng về Tây để cùng hoằng truyền? Sư ở Phương Đông hai mươi bảy năm, đến khi ấy lại trở về phía phải sông Triết, làm phó giảng ở Thượng Trúc diễn nói về Chỉ Quán, châm biếm cái bệnh chi li danh tướng của người học. Ôm sách vây quanh tòa, làm chủ tòa để được học trò cúng giỗ. Sư ở ẩn nơi am Mao thị tại Lôi Phong. Nhiều người hỏi đạo kéo đến, người họ Đỗ lập ra khu Phổ Quang, kính cẩn đón tiếp Sư Thiền, giảng cùng đi đôi, pháp đạo ngày càng thạnh. Vừa khi Đức Tạng đến thỉnh Sư rằng: Lập một nơi học tập để báo ân lâu dài. Sư từng dời đến các nơi như Siêu Quả, Viên Thông, Bắc Thiền. Đạo đức của Sư vang khắp nhờ đó gỗ đá được đầy đủ. Ngài Hải Không Anh giả từ Linh sơn nên cử Sư thay thế, vua ra chiếu chấp thuận. Người học khoảng năm trăm đều quy phục Đạo của Sư, nhân đó mà tệ xưa, lối học cũ đều đổi mới. Vua Ninh Tông vốn nghe tiếng Sư đã lâu bèn triệu về cung để vua hỏi đại ý Phật Pháp. Sư nói năng giản dị mà lý lẽ sáng tỏ, vua rất quý kính nên ban thưởng trọng hậu, ban hiệu là Tuệ Hạnh Pháp sư. Năm Gia Định thứ sáu, Sư lập Quán thất, đi hành hóa trong đất Ngô. Đến Tòng Giang thì đệ tử dựng lên một am nhỏ, Sư bảo học trò rằng: "Hóa duyên của ta đến đây đã xong" liền nằm nghiêng bên hông phải yên lặng mà hóa, lúc đó là ngày tám tháng chạp. An táng khám Sư ở bên Tháp ngài Từ Vân. Sư giữ ba y đúng luật, không ăn năm thứ nồng cay, Đạo lực tinh thuần, U minh đều

cảm, sửa tà chỉnh trệ, trừ hủi dẹp lao, một khi ai có cầu khấn đều nhanh chóng lành bệnh. Sư thường bảo người diễn giảng cần đủ ba pháp: Một là oai nghi phải nghiêm túc rồi mới đến với đại chúng. Hai là nêu rõ đại cương tận cùng văn nghĩa. Ba là phải đủ Tông nhãn để bày Cảnh Quán. Rồi tùy chỗ mong cầu mà trình bày. Sư có soạn: Kim Cang Tân Giải, Thích Di-lặc Kệ, Giản Thị Thiên Thân, La-thập Đồng Dị Chi Ý (trình bày tóm tất ý dị đồng của Thiên Thân và La-thập). Khảo chính các bản kinh này các văn đều có chứng cớ. Sư kể thuật Giáo Nghĩa có hơn một trăm chương rất được người học truyền chép. Người nối pháp của Sư nổi tiếng như Cổ Vân Nguyên Túy... mười người, truyền giáo cho người Nhật Bản một người là Tuấn Nãi, các quan quyền Nho sĩ học đạo có ba mươi mấy người. Riêng Phật Quang Pháp Chiếu nối đời rất hưng thạnh, có công làm sáng đạo của Tổ phụ.

F. NỐI PHÁP NGÀI MỤC AM, BẰNG PHÁP SƯ:

Pháp sư Pháp Huy

Sư tự Minh Tẩu, hiệu Nguyệt Khê, họ Từ, người ở Lâm Hải Thai Chi. Sư nương ngài Chân Ngộ Kham Sư ở Đa Phước Tây Trà Viện mà cạo tóc, rồi theo ngài Mục Am ở Năng Nhân mà học thông Giáo Quán. Kịp khi dời về Nam Hồ thì Sư làm nội tri khách. Sư bình tâm giúp việc trong ngoài đều an. Sư cùng kết bạn xa với các bạn đồng chí hướng như Ấn Nguyên, Bảo Đăng, Thánh Đạo, Nguyệt Quang hằng ngày luôn luận hỏi đạo này. Khi trở về Năng Nhân thì Sư làm Tòa Thủ. Năm Thuần Hy thứ nhất, Sư ra làm chủ Hưng Tích ở Phù Giang, liền dời về Xích thành. Năm Thiệu Hưng thứ hai, Sư dời về Thánh Thủy. Trong năm Gia Định, ở Xích thành có Khứ Tư, Sư khuyên gắng theo về. Sau đó Thánh Thủy lại đến đón, Sư cũng không cản. Năm Gia Định Ất Mão, mùa Thu Sư không bệnh mà tịch. Tháp Sư ở Tây Áo. Sư diễn nói Pháp Hoa rất phù hợp ý Tổ, nêu sáng chánh nghĩa rất giống ngài Mục Am. Tạ Khắc Gia và Tiền Trượng Tổ hai vị hương tướng vốn tôn kính Sư. Sư gìn lòng khiêm tĩnh chưa từng chịu nhận của người cho. Người nhân đó đều tôn kính Sư.

G. NỐI PHÁP NGÀI TƯỜNG PHÙ, HÂN PHÁP SƯ:

1. Pháp sư Thiện Vinh

Sư họ Phan, người ở Ô Trình, vua ban hiệu là Ngộ Không. Mẹ mới thọ thai liền không ăn đồ huyết nhục. Vào đêm lâm bồn có hai luồng sáng từ trên trời chiếu xuống lều, sau đó sinh được hai trai. Vừa hơn một tuổi cả hai đều bệnh và chết một bé. Có thầy tướng đến bảo bà mẹ rằng

nếu không xuất gia e khó sống. Bèn cho Sư xuất gia ở chùa Pháp Nhẫn. Đến bảy tuổi thọ giới, học giáo với ngài Thanh Biện Hân Sư. Cuối năm Thiệu Hưng từ chức Tòa Thủ ở Tường Phù, Sư ra làm chủ Bảo Lâm ở Thái Hồ. Sư từng đến các nơi Tuệ Thông, Xa Khê mà giảng đạo thạnh hành. Năm Thuần Hy Quý Mão, Soái đất Việt là Lý Tham Chánh thỉnh Sư làm chủ Viên Thông, đích thân làm sớ bảo rằng: “Phật Bồ-tát vốn tự vô tâm hễ có duyên liền ứng. Hàng Sĩ phu đâu hiềm dị giáo hễ Đạo là theo.” Người đều vui thích truyền tụng câu nói ấy. Một hôm Sư có chút bệnh, bèn dẹp việc, ngồi yên trên giường, khi hỏi bệnh dâng thuốc đều không đáp. Hơn bảy ngày thì Sư tắm gội thay áo ngồi kiết già ở Phương trượng, yên lặng mà hóa. Khi trà-tỳ thì ai xin xá-lợi đều được. Sư có soạn: Đại Bộ Quyết Nghi Tập bốn quyển, lưu hành ở đời. Lúc Sư còn ở Xa khê, một hôm gắp đũa rau Sư thấy trong rau đầy sâu, bèn than rằng: Than ôi, một miếng ăn mà sao chết quá nhiều mạng sống! Do đó suốt mùa hạ Sư chỉ uống nước trắng sau khi ăn. Nối Pháp của Sư có Tử Kim Pháp Thông.

H. NỐI PHÁP NGÀI THANH TU, CỮU PHÁP SƯ:

1. Pháp sư Diệu Vân

Sư họ Dương, người Tứ minh, tự hiệu Từ Thất. Sư khắp học hỏi các tòa giảng mà phát sáng diệu giải. Từ lâu theo ngài Vô Úy, lại đến Ngọc Kỷ tham học với ngài Đại tuệ nên càng tỉnh ngộ. Ngài Vô Úy làm chủ Thanh Tu, Sư cùng các vị như Dật Đường vv... sớm tối thỉnh ích và cùng lãnh hội được ý chỉ Thông Tướng Tam Quán. Năm Thiệu Hưng mười chín, ngài Vô Úy tịch, chúng thỉnh Sư lên kế thừa. Năm đầu Thuần Hy, Sư dời về Vĩnh Minh ở Từ Khê đem ngộ ý đã được mà soạn bộ Viên Giác Trực Giải, trong bài tựa có nói: Hàng Cự Nho lão Tăng đọc sách này tất bảo rằng: Đã gọi là trực chỉ sao lại dùng Khoa điển làm chi, người nghe tất cười lớn! Có lần Sư ẩn cư ở Nhị Linh Đông hồ, làm thơ tặng người ăn xin ở chợ quê rằng: “Non vây hồ nước nước vây non, một thoáng bạch âu trước cửa con, thấp thoáng ngoài nương vài thí chủ, mười Tăng tham cứu tháng năm tròn.” Người thời ấy đọc cho là Bảo Lục. Quận thỉnh Sư ở Nam Hồ, suốt ngày diễn giảng, người học đông như chợ. Ở được hai năm Sư cáo bệnh lui về ở am họ Ngô tại Khê Khẩu. Một hôm đến từ biệt Ngô Quân, trở về hơn ba ngày, Sư tắm gội thay áo ngồi kiết già trong thất, bảo thị giả rằng: Ta có nén nhang cất đã ba mươi năm, đợi ngày lâm chung sẽ cúng Phật kính báo đại ân. Nay đã đến lúc, ta sắp ra đi. Khi khói hương nghi ngút thì Sư đứng dậy

khấn Phật cầu về An Dưỡng, rồi đến giường chắp tay mà hóa. Sư học được ý chỉ rất khéo giảng nói và thi ca bút mực nổi tiếng một thời. Sư được thờ tại Tổ Đường ở Nam Hồ. Vì mới ở nên không làm tượng. Các bậc kỳ lão bàn rằng: Xưa các ngài Trúc Am và Mục Am đều ở đây hai năm. Nghĩ rằng Đạo lớn thì danh to không thể không lập. Nay Từ Thất so với hai lão Tăng kia đâu thua kém gì, thế nên cũng đáng lập Tổ Vị. Người nối pháp của Sư là Quảng Thọ Chánh Kiểu (Ngày giỗ của Sư là mồng tám tháng chín).

2. Thủ Tọa Hy Nhan

Tự Thánh Đồ, tự hiệu là Tuyết Khê, người ở Phụng Hóa Tứ Minh, thuở nhỏ thi Kinh mà được độ. Khắp các trường giáo phủ thiền đều học hỏi, Tam giáo bách gia thảy đọc qua. Từ lâu Sư từng theo học Quán Pháp với ngài Vô Úy tự cho là đã đạt hết thâm áo của thầy. Khi ngài Vô Úy viên tịch Sư soạn bài minh ý nói nhờ ngài mà Sư đắc pháp. Sư tính khí thẳng thắn can cường mọi người đều kính sợ. Văn Sư đẹp đẽ cao mầu, hàng hậu tấn đều ái mộ, do đó tên Thánh Đồ trùm khắp thiên hạ, không mê ngờ việc trước ắt phải ở nơi ký thất, biết số sau này phải lên ngồi bên tòa giảng, chư Tăng nhiều lần cử Sư ra làm việc nhưng Sư cố từ chối không nhận. Sư có lần dạo bước ở vườn rau thấy từng đống phân và giòi vì phải giết nhiều vật nên Sư không dùng rau nữa, chỉ mua ba trăm sáu mươi cân rong biển, mỗi ngày dùng tí chút với cháo cơm. Tuổi về già Sư tỉnh ngộ bảo rằng: “Văn tự và các thói quen khác không bổ ích gì cho Đạo.” Sư bèn đến ở am của họ Lệ ở Đào Nguyên, chuyên tâm niệm Phật, một khi ngồi suốt mười năm, tinh tấn không biếng lười. Gọi Phản Nhân Trương Hán Khanh bảo rằng: Đạo của Tịnh Độ đâu có một pháp có thể được. Đài vàng lưới báu ca-lăng-tần-già, đây chỉ là Phật ta phương tiện dùng cách khuyến dụ mà thôi. Chỉ ở trong tu mà không thấy một pháp nào thì Tịch quang thượng phẩm không chứng mà chứng. Hán Khanh nói: Tôi vốn tin hiểu, thẹn là chưa được mạnh mẽ thôi!” Có tấm biển đề ở hiên nhỏ rằng: “Nhớ Phật làm thơ để thấy chí!” Có người bảo: Theo sóng đuổi sóng trôi phăng phăng, trong khoảng tíc tắc bảy mươi năm, sao không quay về nhớ biết Phật, muốn theo nếp cũ đáng ra roi! Khi sắp lâm chung Sư biết trước mà giả biệt các bạn thân, tắm gội thay áo, quay mặt về hướng Tây quán tưởng chợt bảo: “Phật đến”, rồi Sư chắp tay mà hóa. Khi Sư còn ẩn cư, quan Hữu Ty vì trừ thuế Đinh đã lên Từ Thất trách vui rằng: Thiên hạ há có người đọc cả vạn quyển sách để làm bậc cao hạnh mà còn muốn dùng thuế đinh để trách cứ đấy ư? Chủ Ty vui vì lời nói ấy nên không hỏi đến.

I. NỐI PHÁP NGÀI TRỪNG GIÁC, HOÁN PHÁP SƯ:

Pháp sư Giản Ngôn

Sư tự hiệu là Giác Am, nương ngài Trừng Giác học thông ý chỉ của ngài. Sư học rộng nhớ nhiều độc chiếm một thời. Có lần giảng Diệu Huyền lên tòa chấp tay kính cẩn ngầm nhớ bản văn không sai khoa tiết, trình bày đầy đủ diệu pháp, lại trình bày thêm các giáo tướng liên hệ, sự lý quyền thực đều rõ ràng. Sư từng bảo một kẻ mới học rằng: Người khổ vì ít học, nếu trải nhiều năm tháng đọc kỷ các điểm cáo, tự nhiên hiểu rõ nguồn tâm, thấu suốt Tổ ý, không bị một lời một nghĩa nào ngăn trở mê hoặc, mới có thể tùy việc mà giảng nói, người nghe đều được tâm hóa.

J. NỐI PHÁP NGÀI PHÁP CHIẾU, KIỂU PHÁP SƯ:

Pháp sư Minh Triết

Sư họ Chu, người ở Ngân Ấp Tứ Minh, tự hiệu là Tấc Am. Bà mẹ mộng thấy nuốt ngọc quý mà sinh ra Sư. Năm mười tám tuổi Sư thọ giới Cụ túc liền đi du học các phương, nương ngài Năng Nhân Pháp Chiếu mà nhận được Giáo Quán. Lúc ấy trong đại hội có đến mười người cùng mang tên Triết, nhưng chỉ có Sư là sáng chói nổi tiếng nhất. Sư lại khắp tham học các Thiền lâm, các ngài Thiên Đồng Hoằng Trí, Dục Vương Đại Tuệ, Quốc Thanh Ngu Cốc đều kỳ vọng cho Sư là Đại Khí. Sư từng nói: Cái mà Tòng Lâm bảo là "Trực chỉ nhân tâm kiến tánh thành Phật" thì tức là Tông ta nói "Giới nhĩ có Tâm, Tam thiên đầy đủ" vậy. Ngài Hoằng Trí nghe nói thế bảo rằng: Quán tử này rất có diệu giải cần nên trở về mà hoằng hóa. Lúc đầu Sư làm chủ ở Xương Quốc Siêu Quả, rồi dời về Giác Hải ẩn học với ngài Vĩnh Minh, dốc chí giảng dạy không bỏ phí thời gian, người học không dám nại cớ nghỉ ngơi. Quận soái là Phạm Thành Đại mời Sư làm chủ Nam Hồ. Cả lúc ấy người nghe giảng đều là những bậc anh tài bốn phương đua nhau đến chỉ lo mình là kẻ đến sau, cùng bảo nhau rằng "Ngày nay chính là được lên long môn." Sư hàng ngày tụng Kinh Tiểu Bát-nhã có xen tiếng người bèn tụng lại. Sư bảo rằng: "Không nên để tiếng phàm xen vào Thánh điển" (Ngày giỗ Sư là mười sáu tháng sáu).

K. NỐI PHÁP NGÀI VIÊN CHIẾU, QUANG PHÁP SƯ:

Pháp sư Tông Triệu

Sư người Tứ minh. Lúc đầu Sư đến Nam Hồ tham yết ngài Minh Trí, tuổi về già bèn vào thất ngài Viên Chiếu. Ngài sai làm phó giảng.

Sau Sư ra làm chủ Hưng Giáo rồi dời về Thọ Thánh. Từ nạn binh lửa năm Kiến Viêm, chỉ còn sót lại đại điện lợp tranh cỏ hơn mấy trăm gian, tăng già bệnh hơn mười vị nuôi sống qua ngày, Sư thường bảo: Chư Phật Bồ-tát ở khắp pháp giới làm Phật sự, còn mảnh đất vài thước nhỏ nhoi của ngài Vân Khê không làm chi được, ấy là do duyên lực không đủ. Dẫu ta có làm được thì sao đủ sức làm Đạo. Hàng Kỳ Đà Cấp Cô bố thí không tính toán có đến mấy ức nhưng mảnh đất nhỏ nhoi Vân Khê vẫn không hoàn thành ấy là duyên lực không đủ. Dẫn ta có kiến thiết gì thì cũng không thể nhiều được. Nên chỉ biết lo siêng năng giảng đạo dốc chí tu tiến để báo đáp ân Phật mà thôi. Rồi thì người học ngày càng đông, thí chủ tự kéo đến. Nhà cửa nhân đó được xây mới.

L. NỐI PHÁP NGÀI ĐÔNG LINH, KHÂM PHÁP SƯ:

Pháp sư Lợi Uyên

Sư làu thông Tam tạng, thấu suốt Ngũ Kinh, học rộng Đạo cao nên đời gọi là Uyên Giáo Tạng. Sư sớm được ngài Đông Linh truyền pháp, Sư ra hoằng hóa Pháp ở Dương Tiêm, học chúng khoảng ba trăm, ngày ngày luôn diễn giảng, ra vào kinh Luận không lường bờ bến. Do đó mà hàng hậu học phần đông đều chuộng phần phiếm luận của Sư (Quyển này có ba mươi lăm vị nhưng Bản kỷ thiếu sót mười bảy vị).

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 17

PHẦN 7

(Bốn mươi bốn vị sau Quảng Trí, Thần Chiếu).

A. Nối pháp ngài Tinh Xã, Liêm Pháp sư (đời thứ sáu sau Quảng Trí).

Hưu Am, Pháp Chu Pháp sư.
Pháp Minh, Văn Tiết Pháp sư.
Bảo Tịch, Pháp Vân Pháp sư.
Diệu Quả, Pháp Giai Pháp sư.
Thủy Lục, Văn Bỉnh Pháp sư.
Thường Minh, Đạo Thâm Pháp sư.
Phước Xương, Văn Dật Pháp sư.

B. Nối pháp ngài Viên Biện, Sâm Pháp sư.

Nguyệt Đường, Tuệ Tuân Pháp sư.
Nhất Am, Xử Cung Pháp sư.
Tuyết Đường, Giới Ứng Pháp sư.
Chỉ Am, Pháp Liên Pháp sư.
Chỉ Nam, Trọng Thiều Pháp sư.
Từ Vân, Văn Thống Pháp sư.
Dư Diêu, Thanh Trạm Pháp sư.

C. Nối pháp ngài Giác Vân, Liên Pháp sư (đời thứ sáu sau Thần Chiếu).

Nguyệt Ba, Tắc Ước Pháp sư.
Lâm An, Thanh Triết Thủ Tọa

D. Nối pháp ngài Chứng Ngộ, Trí Pháp sư.

Tuệ Quang, Nhã Nạp Pháp sư.

E. Nối pháp ngài Bắc Phong, Ấn Pháp sư.

Cổ Vân, Nguyên Túy Pháp sư.
Phật Quang, Pháp Chiếu Pháp sư.

Mai Phong, Phạm Khuê Pháp sư.
Thạch Cảnh, Tư Thọ Pháp sư.
Thạch Kính, Thanh Cảo Pháp sư.
Từ Cảm, Văn Khuê Pháp sư.
Mông Tuyền, Liễu Nguyên Pháp sư.
Độc Hải, Đạo Nguyên Pháp sư.
Diệm Nguyên, Giác Tiên Pháp sư.
Đồng Châu, Hoài Thản Pháp sư.
Nam Phong, Tư Thành Pháp sư.
Nhật Bản, Tuấn Nhưng Pháp sư.
Vân Sào, Như Bảo Pháp sư.
Nam Giản, Hành Quả Pháp sư.
Nghiêm Lăng, Triệu Ngạn Túc.
Khải Am, Ngô Khắc Kỷ.

F. Nối pháp ngài Năng Nhân, Bảo Pháp sư

Thảo đường, Như Bảo Pháp sư.

G. Nối pháp ngài Xa Khê, Vinh Pháp sư

Tử Kim, Pháp Thông Pháp sư.

H. Nối pháp ngài Từ Thất Vân Pháp sư

Ngộ Chân, Chánh Kiểu Pháp sư.
Nam Hồ, Liễu Tuyên Hành Nhân.

I. Nối pháp ngài Giác An, Ngôn Pháp sư

Giám Đường, Từ Nghĩa Pháp sư.
Tổng Am, Diệu Tâm Pháp sư.
Thường Trai, Pháp Tinh Pháp sư.

J. Nối pháp ngài Năng Nhân Sơn Pháp sư.

Tất Am, Pháp Hy Pháp sư.
Nam Nhan, Pháp Hùng Pháp sư.

K. Nối pháp ngài Dương Tiêm, Uyên Pháp sư

Sùng Tiên, Liểu Sinh Pháp sư.
Dương Tiêm, Pháp Khâm Pháp sư.

****

A. NỐI PHÁP NGÀI VIÊN BIỆN, SÂM PHÁP SƯ: (bảy người nối pháp trước của Liêm Pháp sư, nguyên bản không ghi).

1. Pháp sư Tuệ Tuân.

Sư tự Mưu Đạo, hiệu Nguyệt Đường, họ Trần, người ở Vĩnh gia Kỳ tiên. Ngụ ở Câu Sơn Xương Quốc Tứ Minh. Bà mẹ mộng thấy một vị Tăng lạ đến cửa xin hóa độ mà thọ thai Sư. Năm lên tám tuổi Sư xuất gia ở Tổ Ấn Viện. Lúc đầu dạy cho Sư kinh Pháp Hoa vài lượt thì Sư liền đọc thuộc lòng. Có lần trở về thăm nội, nội khuyên: “Con đã bỏ nhà đi thì phải học với Trung Phật Tử trong châu ta.” Lúc đầu Sư đến tham yết ngài Trừng Chiếu ở Nam Hồ chỉ đứng mà thưa. Sư lại đến Đông dịch gặp Kiểu Pháp Chiếu, ngài lấy làm lạ. Có người ganh ghét ngài reo hò làm ồn. Sư bảo rằng: Đại nghĩa của Phật pháp nếu có nghi liền hỏi cần gì phải làm ầm ỉ thế? Sư bèn đi về phía Tây bên trái sông Triết khắp tham vấn các bậc danh tiếng rồi trở về phía Đông Nam Hồ nương ngài Viên Biện học chánh thức. Nghe ý chỉ về tánh ác tức cụ, cái diệu về danh thể không chuyển đổi, một nhà Viên Đốn... liền được ngộ nhập. Năm cuối Thiệu Hưng, Sư ra làm chủ Phước Xương rồi dời về Tịnh Danh Phổ Hòa. Sư thường đi khất thực gặp trộm cướp ở bờ biển, Sư nghiêm sắc mặt bảo rằng: Các anh chỉ thích tiền mà thôi, bèn lấy cho hết, nhân đó nói về nghiệp báo thiện ác, bọn trộm cảm động bèn trả lại tiền của và hối lỗi bỏ đi. Tịnh Danh không có học trò, Sư thường đối với núi và biển mà giảng kinh Duy-ma cho quỷ thần. Nhiều lần thần cảm ứng. Năm Càn Đạo thứ năm, Sư dời về làm chủ Nam Hồ. Các học trò đội tráp từ xa kéo đến không bao lâu không chỗ dung chứa. Thừa Tướng Ngụy Kỷ cùng Sư hành đạo rất khế hợp, có lần hỏi ý chỉ về Tướng thường trụ ở thế gian. Sư hỏi: Có phải nghi về bốn thời Đại tạ hay không? Đáp: Đúng thế. Sư nói: Cùng quá khứ tột vị lai tuy có Đại tạ mà lý này thường trụ. Ngụy Công nói: “Nhiều phen đem việc này hỏi người nhưng chưa hiểu được như hôm nay.” Năm Thuần Hy thứ sáu, mùa Đông vào ngày hai mươi bảy tháng mười, bỗng Sư có bệnh mà cáo biệt chúng. Người an ủy thăm hỏi đông đảo kéo đến, với hàng môn sinh thì Sư khuyên bảo nên gắng tu tiến đạo đức, với hàng quan chức thì Sư dặn dò việc hộ pháp. Người nghe lời khuyên bảo sợ sệt cảm kích. Rồi Sư từ biệt chúng, viết kệ, niệm Phật, kiết ấn, ngồi kiết già mà hóa. Lưu khám lại trọn tháng, môi má vẫn tươi hồng, mặt như mĩm cười. Sư di chúc nên phân hài cốt làm hai phần. Một phần đem chôn gần mộ tổ tiên thân thích, một phần chôn ở nơi Tháp Tổ. Đồ chúng vì chôn toàn thân trải nhiều đời nên chỉ cạo tóc để làm thỏa mãn ý Sư. Hơn tháng sau thì

lại thấy tóc dài ra và xá-lợi có thể vốc thành nắm. Sư lúc còn sống hễ ngồi thì thẳng thắn, đi không nhìn ngó hai bên, ở trong nhà kín hoặc chỗ yên vắng Sư đều đắp ca-sa, Sư chỉ diễn giảng mà không có trước thuật. Người học phần đông đều nghe kỹ và ghi chép đầy đủ. Sư thường tụng kinh và ngồi thiền coi là thời khóa hàng ngày, Sư chưa hề vì sự việc mà bỏ qua. Sư đặt lệ nếu người học chưa đủ hai mươi hạ thì không cho ra hoằng hóa. Nếu ai nóng nảy đi trước thì bị gạt bỏ.

2. Pháp sư Xử Cung

Sư người Vĩnh gia, hiệu Nhất Am. Từ lâu theo học với ngài Viên Biện và được ý chỉ. Khi đã già Sư làm chủ ở Nam Hồ, Sư có biện tài được tiếng là nói giỏi, mở rộng, tóm tắt, đào sâu phân tích đều không bị tiết mục ngăn trệ. Có người cầu Sư chỉ bày thì Sư cầm bút viết liền, giải rõ ý Tổ, riêng nói các thuyết. Học giả xa gần đều tôn là Tông Sư. Sáng mồng một tết Sư kết kỳ hạn Quang Minh, Luật Cư ở Hồ Tâm cũng tu Sám lễ này. Người chủ đó chính là Trúc Khê vốn trọng Đạo đức Sư, nên mỗi đầu hôm thường dẫn chúng đến Nam Hồ nghe Sư diễn giảng Pháp yếu. Trúc Khê vào ngồi nghe khen rằng: Bọn ta may mắn mới được nghe Đại thừa, Luật Tứ phần nói về kiểm thúc thân là chính yếu. Như được minh tâm kiến tánh chánh là đây vậy. Cả chúng đều mừng khen.

3. Pháp sư Giới Ứng

Sư người Tứ minh, tự hiệu Tuyết Đường, thông minh tài giỏi, tình ý rỗng suốt. Từ lâu theo học với ngài Nam Hồ được người trọng vọng. Quận nhờ Nam Hồ thỉnh ngài Viên Biện thì Sư là người vâng lời đến Đông dịch dâng lễ rước về. Khi ngài Viên Biện đến nơi lên tòa thuyết giảng luận nói Diệu chỉ thì chỉ có Sư lãnh hội được. Một hôm Sư sụp lạy hỏi về các nghĩa của ý chỉ chưa hiểu, ngài Viên Biện bảo: Ông hãy học thuộc ta sẽ nói cho nghe. Mấy ngày sau Sư học thuộc đến thưa, ngài Viên Biện nói: Trong đó đã nói cho ông hiểu rồi. Sư bỗng nhiên tỉnh ngộ. Từ đó Sư biện luận phấn phát không ai địch nổi. Sư ra làm chủ Bạch Liên, học trò đến như mây đùn. Năm Ninh Hải có Đại hội thỉnh Sư giảng kinh một tháng, đạo tục cả vạn người lắng nghe nghiêm túc, hồng âm một khi chấn động phát lên không ai không tỉnh ngộ. Một hôm không bệnh tật, Sư cáo biệt chúng quay về thất nằm nghiêng bên phải mà hóa. Tháp táng toàn thân Sư ở tại núi Linh Nguyên bên chùa.

4. Pháp sư Pháp Liên

Sư tự Thật Trung, tự hiệu Chỉ Am, người ở Tượng Sơn Tứ Minh. Thuở nhỏ Sư rất siêng học, trải khắp các giảng Tòa luôn tham học với các bậc nổi tiếng. Tuổi về già Sư đến Nam Hồ hầu ngài Viên Biện, sớm

tối học hỏi, ngày nào cũng thế suốt sáu năm, những chỗ nghi ngờ mờ mịt ngày xưa nay đều thấu suốt. Lúc đầu Sư làm chủ Biện Lợi, sau dời về Quảng Nghiêm Vĩnh Minh, Ngộ Chân. Sư lấy khoan từ mà tiếp đãi với mọi người. Có người hỏi thì Sư giải đáp cả ngày quên mệt, nhưng hỏi về Phật pháp thì Sư làm thinh không đáp. Có người dò biết ý Sư đốt hương khoanh tay đứng nghiêm, khiêm tốn thưa hỏi thì Sư tùy cơ mà giải đáp tường tận thấu lý. Ấy là vì Sư trọng pháp, không làm mất thể diện của Pháp sư, nên làm thế.

Ngài Kính Am nói: Tiên Hiền có nói: ngài Tứ Minh trung hưng Đạo Thiên thai, còn ngài Viên Biện trung hưng Tông Tứ Minh. Bởi có người cho rằng sau ngài Tứ Minh có phái chỉ học tri giải gần giống với nhóm Sơn Ngoại. Nhưng nhóm của ngài Viên Biện đưa ra thì chỉ phát huy Tổ ý giúp phái Tứ Minh thịnh vượng. Có người bảo: Nguyệt Đường thì được Quán Hạnh, Chỉ Am thì được Tông Chỉ, còn Nhất Am Tuyết Đường thì có tài biện thuyết đều là một thể của Sư gia cả.

5. Pháp sư Trọng Vân

Sư người Tứ minh. Từ lâu theo học với ngài Viên Biện chỗ học hiểu trác việt. Trong năm Thiệu Hưng Sư làm chủ Bố Kim, vì Thần Trí ở Trát Xuyên giả danh chư sứ phá mạnh Tứ Minh, Sư bèn viết Tam Thiên Chánh Thuyết để công kích đặt tên là Chỉ Nam tập gồm ba quyển (trong đây thiếu mất bản kỷ của hai vị là Văn Thống và Thanh Trạm).

B. NỐI PHÁP NGÀI GIÁC VÂN, LIÊN PHÁP SƯ: (đời thứ sáu sau Thần Chiếu).

Pháp sư Tắc Ước

Sư hiệu Nguyên Am, họ Diêu người ở Ngân Chi. Sư gần gũi hầu ngài Giác Vân ngày đêm học tập mà thông suốt Giáo Chỉ. Khi ngài Giác Vân đến Nam Hồ thì Sư cũng theo hầu một bên, Sư làm việc nói năng ôn hòa cẩn thận với cả mọi người. Khi ngài Giác Vân tịch rồi thì Sư đến nương ngài Tuệ Quang ở Thượng Trúc, được phân tòa giảng kinh, chúng đều thán phục sự biện luận của Sư. Mùa Xuân năm Càn Đạo thứ chín, Thái Sư Việt Vương đích thân viết sớ thỉnh Sư làm lãnh đạo ở Nguyệt Ba, chùa là một thắng tích ở Đông hồ, lại nhờ Sư diễn giảng mà nổi tiếng trên đời. Cho nên vì danh đức một thời của Sư mà ai cũng thích đến nương tựa. Việt Vương nhiều lần nghe giảng, chính tay viết thư khen rằng: “Sư là Rồng nghĩa của giáo môn nay làm gia sư cho ta. Lại làm chủ núi này nên xin dâng đất này làm nơi giảng lâu dài về

giáo tông Thiên thai, tu lâu dài về Thủy Lục Phổ Độ, trên báo ân vua muôn đời không thay đổi." Rồi tâu về triều vua ban cho Sư hiệu Trí Hải. Từ đó Sư làm Tổ núi này. Người kế thừa Sư là Tân Am Ẩn Đường, từ Bách Đình thẳng sang Nam hồ. Từ đó đất này càng lợi ích (ở đây không ghi Thanh Triết Thủ Tọa).

C. NỐI PHÁP NGÀI CHỨNG NGỘ, TRÍ PHÁP SƯ:

1. Pháp sư Nhã Nạp

Sư tự là Hy Ngôn, họ Tôn, ở Gia Hưng. Lúc đầu Sư nương ngài Trúc Am ở Đức Tạng quyết chí khổ học lâu ngày nên bị bệnh bướu tâm luôn khấn nguyện Bồ-tát, miệng tụng bí chú. Đêm đến mộng thấy Bồ-tát rảy nước linh, khi tỉnh dậy thì hết bệnh, bèn đến Xích thành tham kiến ngài Chứng Ngộ. Sư dời về Thượng Trúc vâng lời thầy lên làm Thủ Chúng. Khi Thầy mất thì vua ban chiếu mời Sư lên nối pháp ở đấy. Tháng hai mùa Xuân, năm Càn Đạo thứ ba, vua đến Thượng Trúc, kính Sư như Bồ-tát và hỏi về ý chỉ Quang Minh Sám Pháp. Sư đáp: "Phạm Thích Thiên đế Tứ Đại Thiên Vương hiện xuống các cõi nước để hộ nước hộ người, nên Phật nói cho nghe đạo Kim Quang Minh Tam-muội. Đời sau này các Tổ Sư lập làm Sám Pháp để mong cầu oai đức của Chư Thiên, cho nên hàng vua quan hay thường dân đều có thể tu trì." Vua ban cho Sư chức Hữu Vệ Tăng Lục rồi ban chiếu cho ở torng núi lập ra Thập Lục Quán Đường và phỏng theo cách thức đó mà lập Quán Đường ở Đại nội. Mùa hạ năm Càn Đạo thứ tư, vua mời Sư vào nghỉ đêm ở Quán Đường để luận đạo. Ngày tám tháng tư vua mời Sư dẫn năm mươi đồ chúng vào Quán Đường ở Đại nội tu Kim Quang Minh Hộ Quốc Pháp. Vua hỏi: Phật pháp có chắc chắn được diệu an như kinh nói chăng? Sư đáp: Đúng như thế.

Vua bằng lòng bèn phong chức cho Sư là Tả Nhai Tăng Lục Tuệ Quang Pháp sư. Năm Càn Đạo thứ chín, vua mời vào Tuyển Đức điện hỏi về linh tích của Lịch đại Bồ-tát và ý chỉ kinh Pháp Hoa. Vua nói: Trước nhất được Sư khai sáng việc này bèn dùng viện Giác ngộ mà được Pháp môn. Ví như việc đánh cờ thắng thua đã rõ, không chỉ dẹp bỏ con cờ mà cả bàn cờ cũng dẹp luôn. Sư nói: Cả việc dẹp bỏ ấy cũng không thể được. Vua bảo: "Cái mà Sư nói thì chung cả Tông và Thuyết." Có chiếu vua mời Sư giảng Viên Giác đến chỗ: "Tâm hư vọng này nếu không, thì sáu trần cũng không thể có", Sư nói: "Tâm vốn không hình, nhân trần mà có tướng, hễ trần diệt thì tâm diệt, chân tâm sáng suốt." Vua chính tay viết câu nói ấy ban cho Sư. Lại có lần vua hỏi về ý chỉ

Kim cang. Sư đáp: Đây là một phần trong sáu trăm quyển Bát-nhã, nêu câu hỏi để đoạn dứt nghi ngờ đặc biệt dụ về Kim Cang. Nên ngài Vô Trước luận rằng: Kim cang Ba-la-mật này lấy tên như thế để chỉ rõ sức mạnh. Lạ lùng là Bát-nhã đều có sức mạnh ấy. Đây đã giải thích các nghi về Bát-nhã. Thế nên hai chữ Kim Cang, văn tuy nói rút ra từ đây nhưng thật ra đã ví dụ chung cho Bát-nhã. Cho nên nói trì tụng thì công sâu phước lớn (Văn cú - Quái Pháp Hoa tòa tịch là Ký Quái Dự vậy. Đời Tống, Bùi Nhân trong bài tựa Sử Ký nói rằng: Thu nhặt các điều Tiên Nho nói, nếu thấy có ích thì đều chép vào. Nên biết các lời dạy của ngài Kinh Khê cũng hợp với Bùi Nhân). Vua nói: Trẫm hàng ngày đọc tụng kinh này, nay lại khiến chúng cùng Trẫm tụng ba vạn quyển, bèn giáng tráp rằng: Bình thời từ xưa đến nay việc ăn thịt cá đã giết hại khá nhiều, nay nhờ Bát-nhã dẹp bỏ lỗi này, hầu giúp quần sinh đều được giải thoát. Lúc đó Nghi Vương còn bé, vua mời Sư vào cung cấm nói pháp và xoa đầu Vương, vì có lần Vương bị bệnh ở thóp đầu. Vua nói: Vả đã ban cho đất để xây nhà để vài năm nữa đó đây hưởng nhàn, ngồi trên đá bên sông cùng luận nói vô sinh. Đến năm Càn Đạo mười một, Sư lui về ở Hưng Phước, vua đặc cách trao cho Sư chức Lưỡng Nhai Đô Tăng Lục. Lúc đó Quang Tông là Đông cung viết biển đề hai chữ "Quy Ẩn" ban cho Sư và đặt bài tán để khen tụng đức Sư. Vua Hiếu Tông lui về an dưỡng tại Trùng Hoa Cung mời Sư chú thích kinh Kim Cang. Sư ngồi kiệu lên điện vua và nghỉ tạm ở bên điện chú thích xong dâng lên, vua xem thấy có chỗ phát minh. Buổi sáng tháng mười năm Thiệu Hy thứ hai, Sư bảo thị giả rằng: "Ta hoằng đạo Pháp Hoa của Tông ta đến đây đã xong", bèn tập chúng tu Pháp Hoa Sám, dâng Đạo cụ lên hai cung (Quang Tông và Hiếu Tông) rồi ngồi yên mà tịch, thọ tám mươi hai tuổi. Tháp xây tại thất Sư ở. Năm Thiệu Hy thứ hai thụy phong cho sư là Tông Giáo Quảng Từ Pháp sư, tháp đặt là Phổ Chiếu.

2. Pháp sư Tuấn Nhưng

Sư là người Nhật Bản, trước đã học về Du Già Mật Giáo (khoảng năm Nguyên Hòa đời Đường, Sư Không Hải vào Trung Quốc học Mật Giáo với Tuệ Quả là đệ tử của Bất Không), sau này sư vượt biển đến Trung Quốc, lên Linh sơn tham yết ngài Bắc Phong mà học một Tông Thiên thai, rèn tập Kinh Giáo mà thông suốt hết ý chỉ ngài. Đầu năm Khai Hy, giặc phương Bắc xâm phạm biên giới, Tuấn Nhưng xin ngài Bắc Phong cho phép lập Đàn tụng chú như ngài Bất Không Giải An ở Tây Vi. Lúc đó người ta bàn cho là ủy mị nên không được làm. Ngài Bắc Phong bèn sai học trò trở về nước lấy năm bộ Pháp đã được truyền

ở Trung Hoa trước đây nhưng học trò bị chết đuối ngoài biển (đây là nối pháp ngài Bắc Phong Ấn Pháp sư có mười sáu vị, trước thiếu mất mười một vị, sau thiếu ba vị chỉ còn hai vị là Pháp sư Tuấn Nhưng này và Triệu Ngạn Túc mà thôi).

3. Triệu Ngạn Túc

Tự là Tử Kỉnh, người ở Nghiêm Lăng. Ông thi đậu Tiến sĩ niên hiệu Khánh Nguyên. Ông đến tham yết ngài Bắc Phong luận về Đại Ý Phật Pháp. Có lần ông hỏi thầy rằng: Như Lai ra đời trước hết nói pháp gì? Thầy đáp: "Thị hiện cõi Đồng cư trước nói Khổ đế." Lại hỏi: Các kinh Đại thừa phần lớn đều lạ lùng, lừa phỉnh làm sợ người, đến kinh Pháp Hoa thì sao bình dị thế? Thầy đáp: Khi các cơ chưa thuần thục thì trước phải khiến rung động, khi các cơ đã thuần thục rồi thì cần gì phải hù nhác làm chi? Từ đó ông hiểu sâu về đại chỉ của Thời Giáo. Ông thường dùng tiếng "Bồ-tát nhục thân ở Nam Sơn" để gọi thầy mình. Từ khi nhận san định Chỉ Quán ông khen rằng: "Quay cái thấy ngoài thiên hạ để nhìn vào thực tế là Kinh này vậy." Lúc đầu Ngạn Túc ưa chê Đạo Phật. Có lần cùng vị Tăng tranh luận thì bị thua. Khi vị Tăng qua đời thì ông mặc đồ tang. Muôn nhân lấy làm lạ hỏi, ông đáp: Ân của pháp cũng như cha mẹ, bé con đâu hiểu gì?

4. Ngô Khắc Kỷ

Tự là Phục Chi, tự hiệu Khải Am, là hậu duệ của Kiến An Tiết Sứ. Cha từng du học bốn phương. Nhân đó về ở tại Phố Giang Vụ Chi. Thuở nhỏ ông rất thông minh dĩnh ngộ đã học thì không gì không thông. Có lần ông đọc Chu Quan, khẳng khái đem ruộng đất được phong cho mà trả lại. Trong năm Thuần Hy, ông đổ đầu bốn khoa chờ bổ nhiệm than rằng: Ánh mắt giữa mày, việc và thời trái nhau. Bèn bỏ đi ở ẩn tại Tả Khê. Bỗng ông bị bệnh mắt, có người khuyên gắng cầu đảo Viễn Thông, ông liền bảo: Gặp nguy mà không biến đổi mới thực là Đại trượng phu. Có người bảo nên đến Chu Thái Y trị bệnh, ông đáp: Đỗ Kỳ Công chưa đọc sách Phật sao biết không bằng Khổng Mạnh, bèn thử trì danh hiệu Bồ-tát thì bệnh mắt liền khỏi, do đó ông càng tin tưởng. Khi đọc kinh Lăng-nghiêm đến chỗ: "Khoảng không ở trong tâm như vẩn mây ở trên trời xanh" thì ông thông suốt như được mở tấm màng che. Có hai bộ Quán Sơn Cốc Thi và Tán Mỹ Tông Cảnh, có người theo cách Vĩnh Minh viết thành một trăm quyển. Từ đó ông bớt ăn chỉ lo Sám lễ. Nhân xem hai bộ sách trên ngài Bảo Tích bảo thật rằng: Sách này không có phép tắc không bằng xem Chỉ Quán, khiến ngộ được hai chữ Cảnh Quán thì có chỗ cậy nhờ. Ông nghe lời đọc kỹ quả

nhiên được ngộ nhập. Nhân đó bảo rằng: Đạt thay tiếng phép tắc! Bảo rằng cái rất vuông để làm vuông thì không phải là cái vuông của thiên hạ, cái rất tròn để làm tròn thì không phải là cái tròn của thiên hạ. Kẻ hiểu biết lấy hai sách đó để nghiên cứu thì phép tắc có hay không liền thấy. Ông từng chú thích Diệu Kinh, tự nói thẹn cùng ngang hàng với loài Táo Bách cho rằng người ta truyền sách gồm thô, còn mình thì chú thích Kinh riêng diệu. Năm Gia Định thứ bảy, mùa Đông ông qua đời tại Bảo Sơn, di chúc bảo nên dùng lễ Tăng mà trà-tỳ, thọ bảy mươi lăm tuổi. Ông có soạn: Pháp Hoa Xu Kiện, Lăng-nghiêm tập Giải Khoa, Tứ Giáo Nghi Chỉ Quán Đại Khoa. Khi về già ông soạn Thích Môn Chánh Thống nhưng chưa xong thì qua đời. Lương Chữ và Tông Giám viết tiếp để hoàn thành. Lúc đầu người nhà mộng thấy ông mượn Giả Danh xin ở trọ. Kịp khi học giáo pháp nghị luận nhiều chỗ ngầm hợp, lại mừng cho là người xưa gọi đó là hậu thân (trong đây thiếu sót phần kỷ của hai vị Pháp sư Như Bảo và Pháp Thông).

D. NỐI PHÁP NGÀI TỪ THẤT, VÂN PHÁP SƯ:

1. Pháp sư Chánh Kiểu

Sư tự là Nguyên Trú, họ Chu, người ở Ngân Tung Giang, thọ nghiệp với ngài Đa Bảo. Lúc đầu theo học với ngài Biện Lợi Chỉ Am. Nhân có người đồng học thảo luận tóm tắt định đề Quang Minh, bèn có thể làm tốt đẹp việc đắc thất của các Sư chăng? Khi ngài Từ Thất ở Thanh Tu thì Sư theo về. Lâu ngày nên Sư thông suốt đạo của ngài Từ Thất. Khi ngài Từ Thất dời sang Nam Hồ thì ngài bảo Sư luôn ở bên tòa giảng. Sư có biện tài diễn giảng khoáng đạt chúng đều kính mộ. Sư ra làm chủ Quan Âm ở Từ Khê, sáu lần đổi tòa giảng, cuối cùng Sư ở Ngộ Chân tại Dịch Dương. Công Quý Lâu Công Thược, thường theo thầy hỏi về đại ý Phật pháp. Sư hiệu là Nguyệt Song. Nhớ ngày còn ở Quảng Thọ, Sư ở bên cửa sổ làm bài Bán nguyệt. Công Quý viết ký làm thơ rằng: Không cần làm trăng tròn, vừa tròn là khuyết ngay, chi bằng là nửa vành còn có lúc tròn lại. Bài thơ ấy luôn ở trên môi người, nên danh đức của Sư càng lớn.

2. Hành Nhân Liễu Tuyên

Sư họ Phan, người ở Phụng Hóa Tứ Minh. Lúc đầu học kinh với ngài Bảo Lâm. Khi ngài Từ Thất ở Thanh Tu thì Sư đến nương học. Thường bảo rằng: “Hễ hiểu được thì tất làm được, bèn vào thất ngài Quang Nghiêm ở Nam Hồ xem Tạng Kinh, tu Pháp Hoa Tam-muội trước sau hai mươi bảy kỳ. Sư quá ngọ không ăn, chưa từng phạm giờ giấc. Cùng bạn đồng tu là Thiện Vinh kết tâm giao. Mỗi khi xem kinh

có điều nghi thì liền đến thất Vinh để biện biệt. Một hôm ngồi yên lặng rất lâu, Vinh hỏi: Hôm nay huynh sao vậy? Sư đáp: Ngày về đã gần kề, Đạo nghĩa khó quên nên mới như thế, xin anh chuyên tâm tiến tụ đạo nghiệp, hẹn lại gặp nhau ở Tịnh Độ. Thiện Vinh cười bảo: Chính muốn thấy anh sớm được. Từ đó Sư có bệnh. Khi sắp lâm chung Sư thỉnh chúng tụng kinh Di-đà, xưng niệm danh hiệu Phật. Rồi dậy ngồi thẳng, lấy bút viết kệ rằng: "Tánh tướng tình quên, một ba không gởi, dứt gió không làm, Ma-ha đều lợi", rồi chấp tay nhắm mắt viên tịch. Lúc đó mùa nắng lưu khám suốt bảy ngày mà dung nhan Sư vẫn tươi thắm, khóe miệng có chút nước dãi, có kẻ lấy bông lau đi thì mùi hương lạ xông ra. Khi trà-tỳ thì xá-lợi nhặt được cả vốc tay, quả tim và hạt chuỗi không hư, lúc đó nhằm ngày mười tháng năm năm Gia Thái thứ năm. Sau đó ba năm, Thiện Vinh có bệnh, trước lâm chung một ngày Sư từ giã chúng, tắm gội thay áo, thỉnh chúng niệm Phật, Sư ngồi kiết già mà hóa. Người bảo là đến chỗ ước hẹn với Tuyên Sư. (Trong đây sót mất ba vị nối pháp ngài Giác Am Ngôn Pháp sư).

E. NỐI PHÁP NGÀI NĂNG NHÂN, SƠN PHÁP SƯ:

Pháp sư Pháp Hy

Sư hiệu là Tất Am, Sư Pháp Hùng hiệu là Nam Nham đều là người ở Thiên thai, cùng vào thất của Sơn Pháp sư, chuyên cần học đạo cùng nổi danh ở đời, lại nối nhau ở Bạch Liên đạo phong đều như một. Đủ chánh nhãn để định Tông, phát biện tài giảng thuyết, rộng rãi khoan dung đối với chúng, văn hay nghĩa đẹp để ứng cơ. Tông phong Bạch Liên được hưng thạnh là do hai Sư này khởi lên vậy (Trong đây thiếu một vị là Pháp Hùng Pháp sư).

F. NỐI PHÁP NGÀI DƯƠNG TIÊM, UYÊN PHÁP SƯ:

Pháp sư Liễu Sinh

Sư là người ở Chư Kị Việt Chi, mười hai tuổi xuất gia mà có tuệ giải như người lớn. Lúc đầu Sư đến tham yết ngài Đông Linh Khâm Pháp sư. Lúc đó đến học Thiền Lâm có đông đảo chư Tăng ở Tăng đường, nhân tối nguyên tiêu đều đi xem đèn. Khâm Sư đi tuần hương thấy Sư ngồi sừng sững trên giường, liền hỏi: Sao ngươi không theo chúng đi? Sư thưa: Con được thầy dạy bảo chuyên tâm học tập đâu dám chơi đùa! Khâm Sư rất mừng vỗ lưng Sư bảo rằng: "Ba mươi năm sau, người chấn hưng Tông ta nếu không là ông thì còn ai?" Do đó Sư càng nghiên cứu kỹ về Giáo Quán. Lúc đó ai nấy đều kính phục. Sau Sư ra

làm chủ Đảnh Sơn thì diễn giảng không bỏ phế một ngày. Sư nằm trên giường kỷ, để bộ Pháp Hoa trước tượng Vi-đà, thân đắp y năm điều nằm thế cát tường mà ngủ, Sư luôn giữ mình kỉnh pháp. Sư không vì nhà kín vắng mà đổi khí tiết (Trong đây thiếu một người nối pháp Khâm Pháp sư- Quyển này gồm bốn mươi bốn vị, nguyên bản thiếu mất ba mươi mốt vị, chỉ ghi chép có mười ba vị).

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 18

PHẦN 8

(Sau các Sư Quảng Trí, Thần Chiếu, Nam Bình gồm sáu mươi hai người).

A. Nối pháp ngài Hưu Am, Chu Pháp sư (đời thứ bảy, dòng Quảng Trí).

Khoát Am, Tịnh Ngộ Pháp sư.

B. Nối pháp ngài Pháp Minh, Tiết Pháp sư.

Nhàn Lâm, Tử Chân Pháp sư.

C. Nối pháp ngài Nguyệt Đường, Tuân Pháp sư.

Dật Đường, Pháp Đăng Pháp sư.

Bách Đình, Thiện Nguyệt Pháp sư.

Duyệt Am, Tịnh Huệ Pháp sư.

Ẩn Đường, Chánh Vinh Pháp sư.

Thạch Chi, Tông Hiểu Pháp sư.

Nam Hồ, Thiện Vinh Hành Nhân.

D. Nối pháp ngài Nhất Am, Cung Pháp sư.

Chánh Am, Đoan Tín Pháp sư.

Thục Bảo, Lương Diễm Pháp sư.

Si Am, Thùy Củng Pháp sư.

E. Nối pháp ngài Chỉ Am, Liên Pháp sư.

Cảnh Am, Cảnh Thiên Pháp sư.

Khế Am, Như Hối Pháp sư.

Hoàn Am, Giới Xu Pháp sư.

F. Nối pháp ngài Tuệ Quang, Nạp Pháp sư (đời thứ bảy sau Thần Chiếu).

Đẳng Am, Sĩ Hành Pháp sư.

Hư Am, Hữu Hoằng Pháp sư.

Phục Am, Diệu Khuê Pháp sư.

Trung Am, Sư An Pháp sư.

Thượng Trúc, Sư Giác Pháp sư.
Thạch Giản, Tòng Giới Pháp sư.
Hối Am, Tuệ Minh Pháp sư.
Quế Đường, Như Thản Pháp sư.

G. Nối pháp ngài Phật Quang, Chiếu Pháp sư (đời thứ bảy dòng Nam Bình).

Tử Đình, Sư Huấn Pháp sư.
Đông Lăng, Trí Huýnh Pháp sư.
Bích Khê, Đức Văn Pháp sư.
Cúc Đình, Tín Khanh Pháp sư.
Hải ông, Thời Học Pháp sư.
Mai Giản, Thái Độ Pháp sư.
Thiểu Ngu, Dục Tài Pháp sư.
Hành Cổ, Vong Tân Pháp sư.
Đỉnh Sơn, Thời Cử Pháp sư.
Nhược Châu, Cảnh Thuyên Pháp sư.
Cổ Nham, Chánh Nhân Pháp sư.
Độc Cổ, Diệu Thinh Pháp sư.
Ứng Am, Pháp Ngôn Pháp sư.
Tân Sơn, Tư Cung Pháp sư.
Tây Sơn, Văn Củng Pháp sư.
Tuyết Sầm, Hành Hải Pháp sư.
Vô Cực, Khả Độ Pháp sư.
Đông Bình, Chánh Ngô Pháp sư.
Thạch Lâm, Văn Nhân Pháp sư.
Đông Sơn, Tuệ Nhật Pháp sư.
Tự Văn, Như Nguyện Pháp sư.
Bắc Sơn, Chí Tại Thư Ký
Phương Khê, Văn Trân Tri Khách

H. Nối pháp ngài Đồng Châu, Thản Pháp sư.

Cổ Nguyên, Vĩnh Thanh Pháp sư.
Tiềm Sơn, Văn Khôi Pháp sư.

I. Nối pháp ngài Viêm Nguyên, Tiên Pháp sư (đời thứ bảy sau Nam Bình).

Vân Mộng, Duẫn Trạch Pháp sư.

J. Nối pháp ngài Mông Tuyền, Nguyên Pháp sư.

Linh Nguyên, Duẫn Hiến Pháp sư.
Đồng Khê, Nhược Tế Pháp sư.

Loa Khê, Nguyên Ngộ Pháp sư.

K. Nối pháp ngài Mai Phong, Khuê Pháp sư.

Cụ Thành, Diệu Tiêm Pháp sư.

Cô Nham, Như Nguyệt Pháp sư.

L. Nối pháp ngài Giám Đường Nghĩa Pháp sư.

Bách Xuyên, Như Hải Pháp sư.

Thạch Đình, Đạo Sinh Pháp sư.

Thạch Phàm, Tông Hoa Pháp sư.

Tánh Am, Tịnh Nhạc Pháp sư.

Bách Nham, Văn Cảo Pháp sư.

Thánh Thủy, Tòng Giác Pháp sư.

M. Nối pháp ngài Tổng Am, Tâm Pháp sư.

Cổ Cảnh, Văn Cảo Pháp sư.

N. Nối pháp ngài Tất Am, Hy Pháp sư

Hải Không, Pháp Anh Pháp sư.

O. Nối pháp ngài Nam Nham, Hùng Pháp sư.

Hư Tĩnh, Tổ Ý Pháp sư.

****

A. NỐI PHÁP NGÀI HƯU AM, CHÂU PHÁP SƯ: (đời thứ bảy dòng Quảng Trí).

Pháp sư Tịnh Ngộ

Tự là Cơ Tiên, họ Lý, người ở Lạc Thanh Ôn Chi. Thuở nhỏ đã biết chán tục nên đến nương ngài Phi Tuyền Viên Giác ở Nhạn Sơn. Năm mười chín tuổi thọ Cụ giới. Lúc đầu tham yết ngài Định Am học thông Giáo Quán. Lúc đó ngài Hưu Am ở Thọ Xương chuyên việc giảng nói, Sư đến thọ nghiệp, ngài Hưu Am hỏi: Định Am lấy gì để dạy người? Sư đáp: Nói nghĩa đòi xe. Ngài Hưu Am hỏi: Cõi Tịnh Quang có đòi xe chăng? Sư không hiểu, nuôi nỗi nghi trong lòng gần như bỏ cả ăn ngủ. Hưu Am cảm được sự dụng tâm của Sư bèn vỗ vào lưng bảo rằng: “Mối nghi được phát lộ thật không đâu xa!” Một hôm tự dưng Sư khế hội. Từ đó các nghi vấn của Tông môn đều hiểu rõ. Các Giảng tòa ở đất Ngô Việt, Sư đều đến dự, chí khí cao siêu ít có ai sánh kịp. Thường khi tự bảo rằng: Đập chỏ nấu cơm ở yên trong rừng, lấy cái trống không để đối với vạn tượng mà nói, ta nào thẹn? Đến như sở học chưa đủ, nhân người mà thành việc lại đi chấp vào mấy hàng chữ trên giấy, tụ họp mấy trăm Tăng trẻ về ở đông vầy ăn trước phương trượng... Ta thì

không làm thế.” Sư lúc đầu ở Phi Tuyền xây cất nhà mới. Rồi gắng gượng theo lời chúng thỉnh, ra làm chủ Tịnh Độ ở Thiên thai, hằng ngày siêng năng diễn giảng trăm thứ bỏ đi Sư đều nêu đủ. Tuổi về già Sư trở về chốn cũ Phi Tuyền, hằng ngày niệm Phật là nghiệp chánh. Kịp khi có bệnh bèn viết chữ lớn treo lên cho chúng thấy: “Cầu thầy hỏi thuốc chỉ quấy rầy việc thị tịch của ta. Ta đang yên nhìn sự biến chuyển ấy.” Sáng hôm sau Sư ngồi yên trên giường mà thoát xác. Bấy giờ là ngày hai mươi sáu tháng chín năm Khai Hy Đinh Mão. Khi trà-tỳ thì tai và răng còn nguyên. Môn nhân là Văn Hổ xây tháp Sư ở chân núi phía Tây chùa. Ngài Bắc Nhàn Cư Giản viết bài minh rằng: Đó là am trống nghe nói Tổng trì, chứa hai thứ không hư, Đạo đức là trọng, tuy ẩn mà bày. Ta biết người khác đời mà cùng một ý đều khóc cho mặt trời đã lặn ở Nhạn Sơn.

B. NỐI PHÁP NGÀI PHÁP MINH, TIẾT PHÁP SƯ:

Pháp sư Tử Chân

Sư người Vĩnh gia, hiệu Nhàn Lâm. Từ nhỏ đã theo học với Tiết Công tu học chuyên cần nên thông suốt Đạo ngài. Khi gặp giáo nghĩa nào chưa ổn thì cùng các bạn đạo nghị luận suốt ngày đến khi nào đạt ý mới thôi. Rồi Sư ngồi trong màng thao thao diễn nói, hoặc tự hỏi tự đáp, để tự xét tìm. Về sau Sư nối ngài Pháp Minh làm chủ hoằng truyền đạo nghiệp của Tổ phụ, biện tài khác thường các bậc lão học đều kính phục.

C. NỐI PHÁP NGÀI NGUYỆT ĐƯỜNG, TUÂN PHÁP SƯ:

1. Pháp sư Pháp Đăng

Sư tự Thánh Đạo, hiệu Dật Đường, họ Lâm người ở Giải Phổ Tứ Minh, thọ nghiệp với ngài Ninh Ba. Lúc đầu Sư là Ưu-bà-tắc theo học với ngài Tân Am. Sư thiên tánh tuệ ngộ, phàm yếu văn các bộ không thứ nào không ghi, yếu nghĩa các văn không thứ nào không hiểu. Khi đã thọ giới Cụ túc thì Sư vào Nam Hồ nương ngài Nguyệt Đường, ngài vì chỗ học giỏi sớm thành nên đãi nhau trọng hậu. Được hơn một năm thì ngài bảo làm Sám thủ. Có lần cùng luận về ý chỉ Tu Tánh Thiện Ác thì thầy trò hợp Đạo nên càng thân thiết kính trọng. Sư quyết chí trai kỳ hai mươi hai năm không thay đổi. Sư nghĩ nghĩa Chỉ Giáo môn đều có soạn thuật, đời tranh nhau truyền chép gọi là Dật Đường Khoa. Sư ra làm chủ tại thành Thiên Phong, rồi dời về Tư giáo. Khi tuổi già Sư ở Thanh Tu. Những người học đương thời có kẻ không nghe Sư diễn giảng

đều hổ thẹn.

2. Pháp sư Thiện Nguyệt

Sư tự Quang Viễn, họ Phương, người ở Định Hải Tứ Minh. Cha là Vĩ, là bậc danh nho trong ấp. Bà mẹ mộng thấy có vầng trăng rơi vào bụng mà thọ thai. Buổi tối sinh Sư có ánh sáng trắng đầy nhà. Lúc mới học nói, Sư thường chấp tay nói chữ "Pháp giới." Vừa lớn, cha chép Lục Kinh dạy cho thì học thuộc rất nhanh như ôn bài cũ. Năm mười hai tuổi đã thông thạo Đại Nghĩa Kinh Xuân Thu. Bà mẹ dắt Sư đến chùa Chánh giác cúng Lễ, thì Sư rảo quanh các cột điện Phật mấy vòng. Trụ trì là Đạo Tinh gọi bà mẹ bảo rằng: Đêm rồi ta mộng thấy rồng trắng quấn quanh các cột đây, phải chăng điềm báo đứa bé này? Do đó cha mẹ bèn cho Sư xuất gia và lấy tên là Thiện Nguyệt, phù hợp với giấc mộng trước (Thiện Nguyệt và Quang Viễn đều là tên các Phật xưa). Năm mười lăm tuổi Sư thọ giới Cụ túc, hơn ba tháng sau thì Sư Đạo Tinh qua đời. Sư bèn đến Nam Hồ nương ngài Thảo Am. Sư thường bảo khoa mục trói buộc phiền phức. Ngài Thảo Am dạy rằng: "Ban ngày xem sách nhà có gì khó hiểu?" Sư liền tỉnh ngộ lại càng tới lui với Sư Thảo Am, chuyên cần học tập. Ngài Thảo Am bảo: Trống khác thời vang tiếng Tông ta ắt ở trong tay người này. Tân Am giảng đạo, Nguyệt Ba đến tham yết. Nghe nói ý chỉ Thế tướng thường trụ lại càng tỉnh ngộ. Sư bèn trở về Nam Hồ yết kiến ngài Nguyệt Đường, hỏi về thuyết Như Lai không đoạn tánh ác, như mở cửa khóa thì thấy kho lẩm, nhân đó mà ngộ, đem chỗ ngộ trình lên ngài Nguyệt Đường càng giảng rõ nghĩa ấy, Sư liền bái lĩnh lui ra. Khi ngài Nguyệt Đường viên tịch, Sư cùng sứ đến Đương Hồ thỉnh ngài Trúc Am. Qua năm sau, ngài Trúc Am khiến Sư phân tòa cùng giảng kinh. Sư có phong cách thanh ôn, luận bàn tao nhã chính xác. Ngài Trúc Am khen rằng: "Người này đáng là Thủ tòa của ta nhưng tiếc là không kế thừa ta!" Chỗ Sư ở chỉ có một cây Bách cổ rất đẹp nhân đó tự đặt hiệu là Bách Đình. Năm Thuần Hy Canh Tý, mới đầu Sư làm chủ Biện Lợi ở Đông hồ, sau dời về Bảo Nghiêm ở Từ Khê. Tự dưng Thái Sư Sử Chân Ẩn thỉnh Sư về ở Nguyệt Ba, người học đến đông, kho lẩm không nuôi đủ. Chân Ẩn nghe nói rất mừng, sai sứ bạch Sư rằng: "Sư vi Đạo đón chúng, cần ăn cứ đến lấy dùng tôi không dám tiếc." Năm Thiệu Hưng thứ hai, Quận sai Hà Công Đạm, vì Nam Hồ vắng người giảng nên đích thân gởi Sớ thỉnh Sư. Sư giảng đạo có phương pháp, lãnh chúng có quy củ, suốt mười ba năm không đổi tiết. đạo tục do đó càng tin tưởng. Năm Gia Thái thứ tư, Sư lui về ở yên tại Tinh Xá Diễn Khánh một mạch suốt mười năm. Sư mộng thấy có một

Cụ già đến bảo nhỏ rằng: "Sáu mươi lăm, bảy mươi mốt." Năm Gia Định thứ sáu, Quận Tướng là Trần Khanh, vì Nam Hồ có Khứ Tư cần khuất phục, Sư chối từ không chịu, thì các học đồ mới cũ đến rải hoa ủng hộ Sư. Chưa hơn tháng, thì có sắc chỉ và thư vua mời Sư về Thượng Trúc. Sư cho rằng: Đến gấp thì khác nào hy sinh danh tiếng, bèn kiên quyết không đi. Chúng thưa lệnh vua không thể nào không tuân hành. Sư mới đổi ý mà đến, năm ấy Sư sáu mươi lăm tuổi nghiệm đúng số sáu mươi lăm trong mộng. Đến năm Gia Định thứ tám có hạn hán, chiếu vua bảo rước Bồ-tát đến Minh Khánh, vua xa giá đến nơi kính lễ, lại mời Sư cầu đảo. Sư chú nguyện buổi sáng thì chiều mưa ào xuống. Vua cả mừng: "Đặc cách phong cho Sư chức Tả Nhai Tăng Lục." Năm Gia Định mười hai, mùa Thu, Sư phất áo trở về phía đông, ẩn cư tại Tổ Quan Thành Nam. Đó là năm Sư bảy mươi mốt tuổi. Lại biết là ứng nghiệm với giấc mộng trước. Mùa thu năm sau, Quận mời Sư về dưỡng già ở Tư Giáo tại Tây Sơn. Mùa xuân, năm Thiệu Định thứ năm có chỉ vua mời Sư về lãnh chúng ở Thượng Trúc, mọi người dùng câu: "Tiên dốc núi ra đi, bỗng về chim đua hót, núi non rạng rỡ vui" để mừng Sư. Năm Đoan Bình thứ ba, Sư bị bệnh mắt, bèn thỉnh Sư về dưỡng già ở Đông Am. Một sớm Sư có bệnh, ngồi trên giường hình như đang chuyện trò với ai. Pháp tôn là Tú Lâm hỏi duyên cớ, Sư bảo: Ta cùng Tôn giả Kinh Khê bàn luận về Đạo Tổ. Khi sắp tịch Sư quay nhìn tả hữu bảo rằng: Người chỉ lo không có thật đức để được người đời sau khen ngợi, nếu chỉ dối trá khen ta thì ta không yên lòng. Ngàn năm sau chỉ gọi ta là lão Bách Đình thì xương khô của ta không thẹn. Xin chớ thỉnh thụy phong chỉ làm ô uế cuộc đời trong sạch của ta thôi!". Nói xong Sư xếp chân mà hóa, lúc đó ngày mười chín tháng giêng năm Thuần Hựu thứ nhất. Lưu khám bảy ngày, dung mạo Sư vẫn tươi tắn, tim và đảnh đầu vẫn còn ấm. Sau thờ toàn thân Sư ở tháp phía Đông chùa. Sư thọ chín mươi ba tuổi, hạ lạp bảy mươi tám. Trước đó Thủ Tọa Trí Giác luận bàn xin với triều đình rằng: "Sư đạo sáng tiên triết, bốn chúng đều kính nương, một năm lên chín bậc, nay đang sắp quy chân. Xin xây tháp trong núi, để an táng cúng thờ." Vua ra chỉ chấp thuận. Nên nay dùng sắc chỉ đó làm lệnh. Y, tóc và bốn Kinh Giải của Sư để lại thì táng chung bên Tổ Tháp ở Nam Hồ.

Trước thuật của Sư gồm có: Lăng-nghiêm Huyền Lãm, Kim Cang Hội Giải, Viên Giác Lược Thuyết, Lăng Già Thông Nghĩa, Nhân Cách Luận, Giản Cảnh Thập Sách, Tam Bộ Cách Ngôn, Kim Phê Nghĩa Giải, Tông Giáo Huyền Thuật, Nhân Vương Sớ Ký, Phụ Sao Tiên Yếu... đều

lưu hành trên đời. Còn các tạp chế khác gọi là Chữ Dư. Ngoài giảng ra Sư đối với khách chưa từng nói chuyện thế gian, chỉ luận về việc làm đã qua của tiền nhân và các lời trong các điển cáo. Có người hỏi lấy gì để an tâm? Sư đáp: Tâm vốn không động. Hỏi chỗ ẩn kín của Pháp Hoa, Sư bảo: Ngay đó hiện bày, những lời khuyên răn giống như thế. Người nối Đạo của Sư là Thượng Thủ Hương Lâm Thanh Tứ.

3. Pháp sư Tịnh Huệ

Sư tự Mẫn Trung, hiệu Duyệt Am, họ Ngân Lục. Cha mẹ cầu Phật mà sinh ra Sư. Thuở nhỏ Sư mộng thấy lên Bảo Các có một người lạ xoa đảnh và biết có mùi hương lạ đầy nhà. Sư đem việc kể lại với Ẩn học Tuấn Sư, Tuấn Sư khuyên nên học Phật. Sư bèn đến nương ngài Định Hải Chánh Giác xuất gia. Khi đã thọ giới Cụ túc, Sư đến yết kiến ngài Nguyệt Đường. Nhân Sám kỳ mùa Xuân, nghe lời khai đạo liền đốn ngộ Viên Chỉ. Ngài Nguyệt Đường cho đó là Pháp khí. Có Luật Sư Độ dùng Đại Trí Tân Sớ giảng về Quán Kinh ở Hồ Tâm, ngài Nguyệt Đường sai Sư đến nghị luận, khi nói về ý chỉ quán Tâm quán Phật thì Sư nêu ra bốn vấn nạn, cuối cùng Độ bị khuất phục. Triết Tắc là am chủ ở Nam Hồ, mới mở tòa giảng, Sư ôm quyển đến quỳ nghe. Khi giảng xong, Sư chỉ rõ các lầm lỗi, Triết càng kính sợ. Vinh Ẩn Đường ở Ẩn Học khiến Sư phân tòa giảng kinh, giảng tòa càng mở rộng. Lúc đầu Sư làm chủ Pháp Hoa ở Quận Thành. Có người bảo chùa nhỏ. Sư bảo: Đây là nơi Tổ Pháp Trí Giảng Kinh, làm sao quê mùa được? Sư dời về Trị Bình mỗi khi lên giảng thấy Sớ Ký có viện dẫn sách Nho thì dừng lại không đọc, rồi bảo học trò rằng: Đây là ngoại thư, chỉ để tự xem. Mùa Hạ sắp hết, Sư đối chúng khoe rằng: Nay tòa giảng mùa Hạ các nơi không có, dẫu có đi nữa cũng chỉ dùng tạp nhạp các thứ ngoại thư. Ngoài việc khuyên dạy Sư còn gồm việc đi nhiễu quanh đá, đổi mới những tệ lậu lâu năm. Mỗi khi tham dự việc công cử, nếu gặp người không xứng thì Sư đối mặt chư Tăng chỉ trích rằng: Gọi giảng viện là ý muốn truyền giảng mà thôi. Nay những người này có đảm nhận được việc ấy chăng? Cuối cùng không chấp thuận. Nhàn Cư truyền khẩu cho Sư Tú Am, người học tự lo lương thực đem đến. Kịp khi Sư dời về Bảo Nghiêm, Sư luôn hóa đạo càng thịnh, trải suốt tám năm. Bỗng trời lộng gió hương quế ngào ngạt đầy viện, người biết việc cho là điềm lành. Quả nhiên không bao lâu ngài Nam Hồ mời Sư phân tòa giảng đạo. Lúc đó là năm Gia Định thứ sáu. Từ đó Bách Đình vui nuôi nhân tài đông đúc. Người đời sau chuộng văn từ ham luận lạ, người học còn thích ồn náo, Quận định đuổi đi. Kịp khi Sư đến thâm trầm nghiêm nghị lãnh chúng, lập lại quy củ nghiêm

minh khiến người thấy phong cách không dám vi phạm, khiến người thích ồn náo phải đổi thói tục. Thất Sư ở không cần có biển, ai đến thỉnh ích dù ban đêm Sư vẫn không chối từ. Sư đi giữa hai dãy nhà ngang nghe có tiếng tụng đọc liền đến nghe rồi tùy theo căn cơ mỗi người mà Sư chỉ dạy. Pháp Hoa Sám kỳ mỗi ngày giảng nói trước sau đều xuyên suốt, mọi người đều cảm kích thích nghe. Ngày hai mươi chín tháng chín năm Gia Định thứ chín, Sư tập họp đại chúng tụng Quán Kinh, rồi ngồi kiết già trên giường bỗng chốc thoát xác. Tháp thờ toàn thân Sư ở Tổ Quan. Môn nhân xin bài minh Ty Lệnh, Lâu Phu Tịnh Vô Trụ đọc thấy khen rằng: ngài Duyệt Am không ưa ngoại thư mà Mai Lộc làm Minh dùng toàn câu văn ở Diệu Kinh, há không phải là do Sư ngầm khiến ư? Người được truyền pháp của Sư là Thiền Duyệt, Liễu Bân, Đại Phùng, Liễu Nhân... sáu, bảy người.

4. Hành Nhân Thiện Vinh

Tự là Hành Phủ, họ Châu, người ở Tiểu Khê Tứ Minh. Lúc đầu Sư theo ngài Nguyệt Đường học giáo quán. Khi đã thông suốt ý chỉ thì Sư đến Quán Đường tu Trường sám và xem Tạng Kinh gồm năm kinh: Kim Thư Pháp Hoa, Lăng-nghiêm, Tịnh Danh, Viên Giác, Quang Minh để giảng dạy các nơi. Sư khắc tượng Phật Di-đà đem thí cho chúng Hội, lại dùng nước mực sạch vẽ hình Bồ-tát đem cho mọi người. Nay các Hội Kinh Chú trong thành đều theo cách thức tụng niệm của Sư. Khi Sư lâm chung có tướng vãng sinh (thấy ở Tuyên Hành Nhân Truyện). Đệ tử Sư là Mặc Dung Hải Ấn, lấy cao hạnh làm chỗ hướng về.

5. Pháp sư Tông Hiểu

Sư tự Đạt Tiên, tự hiệu là Thạch Chi, họ Vương, người ở Tứ minh. Năm mười tám tuổi thọ Cụ giới. Trước hết Sư theo Cụ Am Cường Công, kế đến tham yết Vân Am Hồng Công Sư ngầm khế Lý quán bèn được phân nửa tòa thuyết giảng. Chưa bao lâu Sư ra làm chủ ở Thúy La Xương Quốc, người học nhanh chóng kéo đến. Hơn hai năm Sư lui về ẩn tại Tây Sơn, hằng ngày tụng kinh Pháp Hoa. Vừa gặp lúc Thượng Thư tặng Biển nơi ở với hai chữ Nhàn Tịnh. Sư thăm viếng Công Quý Lâu rồi làm thơ khen đẹp, Sư lại dạo đến các chùa ở Triết Tây, nói kệ bày các hạnh, trải suốt ba năm thì Sư trở về. Đại Phủ Thừa Uông Công xét chọn Sư làm chủ Tham Tú. Lâu sau Sư từ biệt rồi đến Diên Khánh làm Đệ nhất tòa. Ngoài việc diễn giảng Sư còn biên soạn: Pháp Hoa Hiển Ứng Lục, Lạc Bang Văn Loại, Giáo Hạnh Lục, Tam Giáo Xuất Hưng Tụng, Chư Tổ Tán, Chấn Tổ Tập, Quang Minh Chiếu Giải, Thí Thực Thông Lãm. Sư lại tập họp các cách Hiếu Kỵ của Nho và Phật, Minh

Lương Sùng Thính, Chí Minh Giáo Biên, Tiên Chú Yếu Chỉ, viết kinh Pháp Hoa bằng máu, dùng mực viết các kinh như: Hoa Nghiêm, Bảo Tích, Bát-nhã, Niết-bàn. Sư lại vì cư sĩ Trung Lâm Trương Tông Nghĩa mà viết Chân Tông Hoàng Đế Ngự Chú Tứ Thập Nhị Chương Kinh. Sư lại đào giếng nước thí ở Thành Nam Lịch Xã, đề bảng là "Suối Pháp Hoa" để người đi đường dùng. Lại cất nhà phía trên thí thuốc thang không luận đạo tục. Sư lại cất mấy dãy nhà lớn để tiếp đãi, được bảng ngạch Thường Lạc cũ của Ngụy Văn Tiết Công tặng, cũ chữ Trung Lâm Trương Công vẽ tượng Phật, xây cất kho chứa Kinh, đúc chuông, dựng lầu, khai khẩn ruộng đất... thành một nơi mới mẽ đẹp đẽ. Sư lại làm "Lời Thệ Nguyện" để răn dạy đồ chúng, khiến họ không quên chí tiến thủ. Sư hoằng truyền giáo quán hơn bốn mươi năm. Tuổi về già Sư càng giấu kín tài năng mình. Ngày hai mươi tháng tám năm Gia Định Giáp Tuất, Sư có bệnh, bèn lấy giấy viết kệ rằng: Thanh tịnh xưa nay không động, sáu căn bốn đại phân ly, quét hết mây mù sương mốc, một vầng trăng sáng mùa Thu. Lễ trà-tỳ Sư ở phía Nam chùa, răng Sư vẫn còn nguyên, xá-lợi rất nhiều. Tốn Tề Hộ Tao thấy việc bèn làm văn khen ngợi. Tháp Sư ở nơi thắng địa tại Thượng Phương Lục Thù. Sư thọ sáu mươi bốn tuổi, hạ lạp bốn mươi bảy.

(Quyển này có sáu mươi hai vị, Bản Kỷ chỉ chép có sáu vị, thiếu mất năm mươi sáu vị).

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 19

PHẦN 9

A. Nối pháp ngài Khoát Am Ngộ Pháp sư.
Khiếu Nham, Văn Hổ Pháp sư (đời thứ tám dòng Quảng Trí).
B. Nối pháp ngài Nhàn Lâm, Chân Pháp sư.
Pháp Minh, Sư Vịnh Pháp sư.
C. Nối pháp ngài Dật Đường, Quý Pháp sư.
Đồng Am, Duẫn Hiến Pháp sư.
Thạch Pha, Nguyên Khải Pháp sư.
Trúc Pha, Như Ước Pháp sư.
Thạch Ốc, Chánh Kỷ Pháp sư.
Khả Đường, Nhược Tham Pháp sư.
Hóa ông, Sư Tán Pháp sư.
Cự Tông, Sư Nhạc Pháp sư.
Bất Cô, Hữu Lân Pháp sư.
D. Nối pháp ngài Bách Đình, Nguyệt Pháp sư.
Hương Lâm, Thanh Tứ Pháp sư.
Y Đường, Liễu Viên Pháp sư.
Thạch Điền, Diệu Tuệ Pháp Sư.
Bán Vân. Hành Nhu Pháp Sư.
Thử Thất, Đại Phương Pháp sư.
Hư Trung, Nguyên Chân Pháp sư.
Tuần Sơn, Sĩ Nghiêu Pháp sư.
Cô Nham, Như Khải Pháp sư.
Tịch Am, Văn Tuệ Pháp sư.
Thao Am, Văn Tiết Pháp sư.
Tốn Trung, Đạo Khiêm Pháp sư.
Vô Mưu, Thiện Đình Pháp sư.
Bắc Lâm, Dữ Câu Pháp sư.

Thạch Môn, Sĩ Vân Pháp sư.

D. Nối pháp ngài Duyệt Am, Huệ Pháp sư.

Thiền Duyệt, Liễu Bân Pháp sư.

Bảo Hóa, Đạo Anh Pháp sư.

Vân Ốc, Khả Chỉ Pháp sư.

Hóa ông, Chánh Kỷ Pháp sư.

Đại Phùng, Liễu Nhân Pháp sư.

Mâu Ốc, Liễu Kỷ Pháp sư.

Trúc Khê, Chí Xương Pháp sư.

E. Nối pháp ngài Thạch Nhàn, Giới Pháp sư.

Cổ Tuyền Chánh Tông Pháp sư.

(Quyển này 32 vị, nguyên văn Bản kỷ bỏ sót)

****

NỐI PHÁP NGÀI BÁCH ĐÌNH, NGUYỆT PHÁP SƯ

Pháp sư Văn Tiết

Sư tự Thông Tẩu, tự hiệu Thao Am, họ Hạ, người ở Từ Khê Tứ Minh. Tổ tiên là một họ lớn có hơn trăm nhà, người đi đường thường nghe trong nhà tiếng đọc sách. Cha húy là Lịch Niên người hiền hậu (mất ba chữ), lúc đó có Sư Tổ Miễn đang sống ở Định Giảng Thổ sơn thấy ngài dung mạo lạ lùng bèn khuyên cho xuất gia ở chùa Vĩnh Minh tại Ấp Chi. Năm sau thì xuống tóc. Năm mười bảy tuổi Sư đến... (mất năm chữ) rồi dời về Duyệt Am đều là người tài giỏi của Sơn gia dạy bảo cho Sư (mất một chữ). Sư dù thông minh (mất năm chữ) chưa đạt được sở đắc, nên Sư đến gặp ngài Bách Đình Nguyệt Sư ở Tây Sơn Thứ Giáo, ngài đã dùng lò rèn lớn để đúc luyện những người học. Sư ở đó suốt mười ba năm quyết chí tu tiến. Sau đó Sư theo ngài về Thượng Trúc. Lúc bấy giờ có ba Sư Khiêm, Tuệ, Ứng đã lừng danh thêm Sư nữa là thành Tứ kiệt. Ngài Bách Đình bảo Sư rằng: Bọn các ông đã học được toàn bộ hiểu biết của ta, rốt cuộc chỉ trong một câu đã phát sinh được cái gì?. Sư khích lệ rằng: “Con mắt mù trên trán và ở trong lỗ tai riêng có xuân. Đến đây thì trên trời dưới đất không có một hình thể nào để thấy, không có một sắc nào để nhìn.” Sau chín tuần ngài Bách Đình dẹp việc, giải tán chúng, riêng Sư ở lại đó ba năm, đến khi ngài Bách Đình viên tịch Sư mới lui về. Lúc đó Sư đã năm mươi mốt tuổi, Sư bắt đầu ra làm chủ chùa Quan Âm ở Định Hải, rồi mười bốn năm ở Ngọc tuyền tại Tượng Sơn, sáu năm Sư lên ở chùa Tập Khánh Thiên Trúc và sửa sang

lại chùa miếu ở cách miếu Tòng Độ chín dặm. Sư lại nối chí nghĩ đến lời tuyên huấn của Tôn Sư để nắm giữ Đạo pháp này. Sư xin bỏ lệnh vua độc đoán để được về ở tại Thao Am, muôn chúng đều kính phục. Suốt mười năm Sư diễn giảng khua gióng chuông trống pháp chấn động cả Hồ Sơn, người học kéo đến như nước đổ về. Sư bèn lập quy phạm có điển tích phép tắc, quy thuộc về Tứ Minh Nam Hồ. Có chùa Thế Trung ai cũng cho đó là nơi đẹp nhất trong muôn núi của Đông Ngô, nên chúng ép Sư đến làm chủ chùa ấy. Đúng ngày hai mươi sáu tháng hai năm Nhâm Ngọ, Sư khua trống bảo chúng quét dọn khám, viết kệ xong ném bút mà hóa, thọ tám mươi sáu tuổi, hạ lạp bảy mươi ba. Trước thuật của Sư có: Chỉ Yếu Hội Tông Tập Anh, Thư Vu Độ Đệ Tử, Giác Sơ Nghệ Quy, Gia Sơn Thiện Khánh... Để nguyên nhục thân của Sư mà táng. Người được truyền pháp như Ngô Chi Tợ Lan, Tử Hoa Tư Trị, Duy Giản, Minh Chi Đại Đông, Tuệ Hải Pháp Đông... Sư nói Kim Ty nửa tháng rồi về ở ẩn viết sách giải mộng. Lại trong Quán Tâm Quán Phật, Sư viết kệ có câu: “Xuân đến rừng cây như dệt gấm, đâu cần tìm hỏi bác hàng hoa.” Kính Sơn Ngu Thiền sư khen mãi câu ấy.

(Nguyên văn Bản Kỷ thiếu mất hai vị).

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 20

PHẦN 10

1. Nối pháp ngài Khiếu Nham, Hổ Pháp sư (đời thứ bảy dòng Quảng Trí).

Nạp Đường, Tuệ Biện Pháp sư.
Ngoan Không, Trí Giác Pháp sư.
Tòng Giản, Thiện Trợ Pháp sư.
Hàn Cốc, Diệu Huy Pháp sư.
Đông Sơn, Quỳ Công Thủ Tọa
Đông Sơn, Kiểu Công Pháp sư.
Đông Sơn, Nghĩa Vấn Thư Ký.

2. Nối pháp ngài Pháp Minh, Vịnh Pháp sư.

Pháp Minh, Hành Y Pháp sư.
Bảo Đàn, Trí Thượng Pháp sư.

3. Nối pháp ngài Đồng Am, Hiến Pháp sư.

Viên Am, Hành Quả Pháp sư.
Đông lâm, Giác Tiên Pháp sư.
Hương Sơn, Duy Nhất Pháp sư.
Hạo Ông, Huệ Xuyên Pháp sư.
Thạch Ông, Pháp giới Pháp sư.
Kha Sơn, Bản Ngộ Pháp sư.
Hổ Nham, Hành Khuê Pháp sư.
Thạch Lâm, Văn Tảo Pháp sư.
An Đạo, Thanh Ninh Pháp sư.
Vô Văn, Nhược Nạp Pháp sư.
Thánh Thủy, Thiện Tế Pháp sư.
Mặc Am, Phổ Văn Hành Nhân.
Thoái Nhược, Khả Thăng Pháp sư.

4. Nối pháp ngài Thạch Pha, Khải Pháp sư

Vô Trụ, Tông Tịnh Pháp sư.

(Quyển này có hai mươi ba vị, nguyên văn Bản Kỷ đều thiếu sót).

■